TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 3 K1
CTQG-2004

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Uỷ viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.PTS. Trần Ngọc Hiên	Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Phó Viện trưởng Viện khoa học xã hội Việt Nam, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP

TẬP 7

(THÁNG TÁM 1849 - THÁNG SÁU 1851)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2004

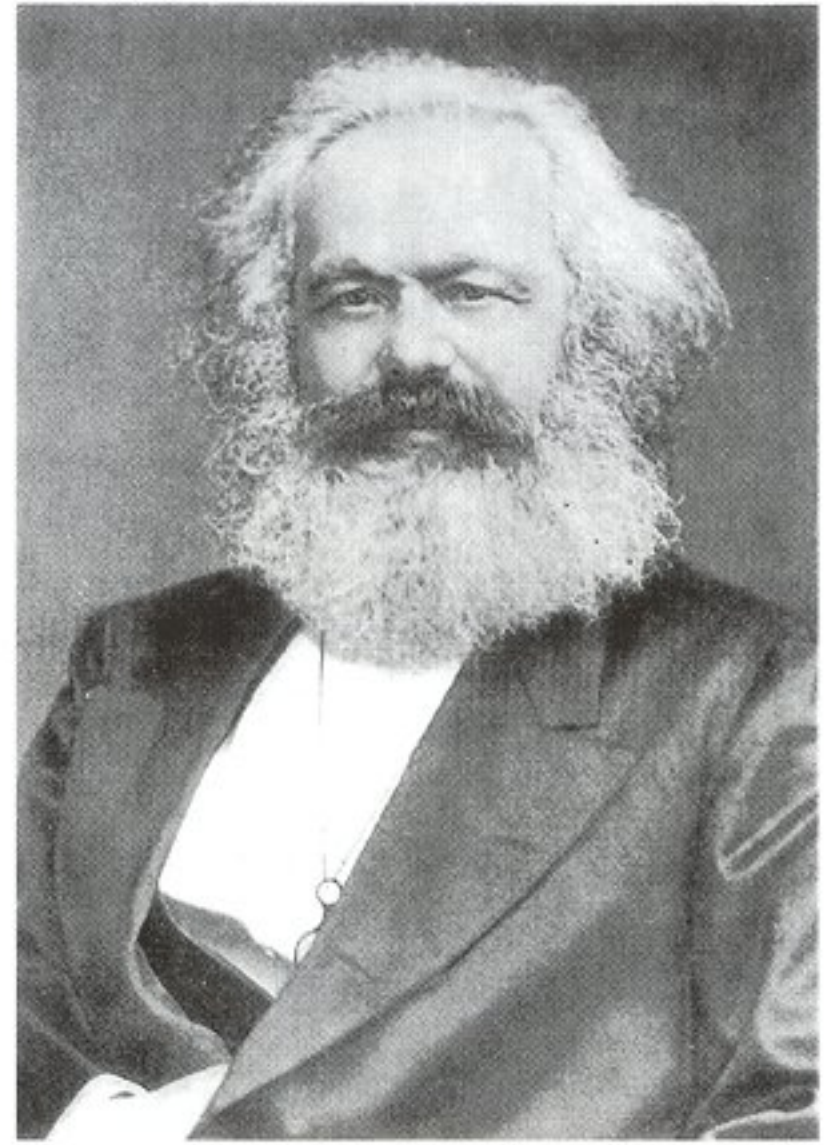

Karl Marx

F. Engels

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 7 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong khoảng thời gian từ tháng Tám 1849 đến tháng Sáu 1851. Đây là thời kỳ các cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1848 - 1849 ở nhiều nước châu Âu kết thúc có lợi cho giai cấp tư sản. Nhưng trước khí thế của quần chúng, giai cấp tư sản sợ hãi cách mạng hơn là thù ghét chế độ phong kiến, khiến cho cách mạng ở nhiều nước chỉ mang tính chất nửa vời.

Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, hai nhà kinh điển chủ yếu tập trung vào việc khái quát về mặt lý luận kinh nghiệm đấu tranh giai cấp ở Pháp và ở Đức, tiếp tục hoàn thiện sách lược của giai cấp vô sản nhằm giữ vững định hướng và phát triển phong trào, đấu tranh để thành lập chính đảng độc lập của giai cấp vô sản. Phát triển hơn nữa những quan điểm duy vật về lịch sử, hai ông nêu lên những luận điểm hết sức quan trọng về quan hệ qua lại giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, vai trò của cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, giữa các đảng phái và các tư tưởng trong quá trình phát triển của xã hội, vai trò của nhà nước và những hình thức khác nhau của nó, ý nghĩa vĩ đại của những cuộc cải tạo cách mạng trong lịch sử của nhân loại. Cũng chính trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, lần đầu tiên C.Mác đã dùng thuật ngữ "chuyên chính vô sản" và đã vạch ra những nhiệm vụ chính trị, kinh tế và tư tưởng của nền chuyên chính đó.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga, bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăngghen, tập 7 do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1956. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn, do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 5 - 1993
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

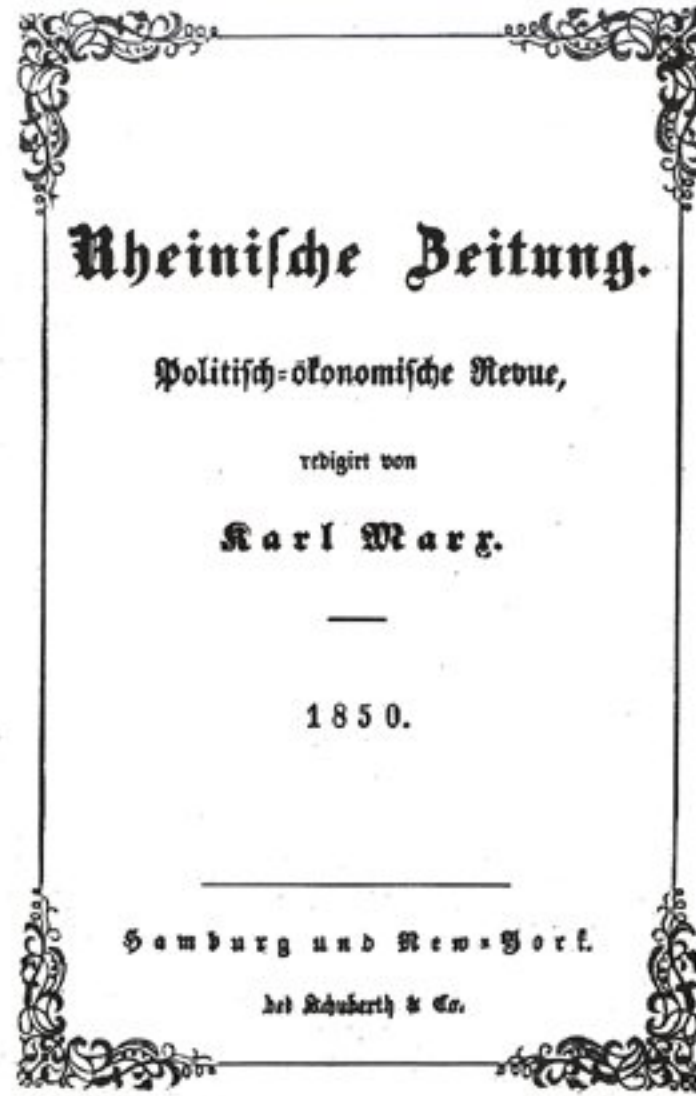
Rheinische Zeitung.

Politisch-ökonomische Revue,

redigirt von

Karl Marx.

1850.

Hamburg und New-York.

bei Schuberth & Co.

Bìa phụ của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch- Ökonomische Revue"

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

THÔNG BÁO VỀ VIỆC XUẤT BẢN TỜ "NEUE RHEINISCHE ZEITUNG. POLITISCH - ÖKONOMISCHE REVUE"[1]

Tháng Giêng năm 1850 sẽ bắt đầu xuất bản tạp chí

"NEUE RHEINISCHE ZEITUNG.

Politisch - ökonomische Revue"

do *Các Mác* chủ biên.

Tạp chí này mang tên tờ báo mà nó được coi là *kế tục*. Một trong những nhiệm vụ của tạp chí sẽ là đăng một số bài điểm tình hình để phác lại thời kỳ đã qua kể từ khi tờ "Neue Rheinische Zeitung" bị buộc phải đình bản.

Điều đáng chú ý nhất của một tờ báo là ở chỗ nó can dự hàng ngày vào phong trào và có khả năng là người phát ngôn trực tiếp của phong trào, nó phản ánh đầy đủ toàn bộ những sự kiện đang diễn ra hàng ngày, là mối tác động qua lại sinh động không những giữa nhân dân với báo chí hàng ngày của nhân dân - tất cả những điều đó tất nhiên sẽ mất đi khi ta xét đến tạp chí. Thế nhưng,

tạp chí lại có ưu điểm là nó cho phép xem xét các sự kiện trên một bình diện bao quát hơn và chỉ đi sâu vào sự kiện quan trọng nhất. Tạp chí cho phép nghiên cứu một cách tỉ mỉ và khoa học những quan hệ *kinh tế* tạo nên cơ sở của toàn bộ phong trào chính trị.

Thời gian có vẻ tạm lắng như lúc này đây chính là phải được tranh thủ để làm sáng tỏ thời kỳ cách mạng đã qua, làm sáng tỏ tính chất của các đảng phái đang đấu tranh với nhau, những quan hệ xã hội quyết định sự tồn tại và cuộc đấu tranh của những đảng phái đó.

Tạp chí sẽ ra mỗi tháng một kỳ, thành những số riêng với khối lượng ít nhất là *năm* tờ in. Giá đặt mua một quý là 24 din-béc-grô-sen, trả tiền khi nhận số đầu. Giá mỗi số lẻ là 10 din-béc-grô-sen. Việc phát hành sẽ do hãng phát hành sách Su-béc-tơ và công ty Hăm-buốc đảm nhận.

Mong các bạn bè của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung" hãy tổ chức việc đặt mua tại địa phương mình ở, và cố gắng nhanh chóng gửi những phiếu đặt mua cho người ký tên dưới đây. Bản thảo bài gửi đăng và sách mới gửi tới để giới thiệu trên tạp chí, thì xin người gửi tự trả bưu phí.

Luân Đôn, ngày 15 tháng Chạp 1849

C. Sram

Người chịu trách nhiệm xuất bản tạp chí "N. Rh. Ztg".

Do C. Mác và Ph. Ăng-ghen viết
Đã đăng trên báo "Westdeutsche Zeitung" số 6, ngày 8 tháng Giêng 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỨC VÀ TỜ "TIMES"

KÍNH GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "NORTHERN STAR"[2]

Thưa quý Ngài!

Thứ sáu tuần trước, tờ "Times"[3], có đăng một bức thư ký tên "*Người chống chủ nghĩa xã hội*", trong đó vạch trần trước công chúng Anh và bộ trưởng Bộ nội vụ Anh một số "học thuyết ma quỷ" mà một ông Các Hai-nơ-xten nào đó đã trình bày trên báo "Deutsche Londoner Zeitung"[4]. Ông Các Hai-nơ-xten này được xem như một "*ngọn đuốc rực sáng của đảng dân chủ - xã hội Đức*". Về cơ bản, những "học thuyết ma quỷ" này chung quy lại là lời kêu gọi đẩy thiện chí, kêu gọi sẽ tiêu diệt trên lục địa này "hai triệu tên phản động" trong thời gian cách mạng tới đây.

Chúng tôi hoàn toàn dành cho Ngài quyền tự mình đánh giá tư cách của những biên tập viên báo "Times" đang biến những cột báo của mình thành luồng thông tin cảnh sát trắng trợn và những điều tố giác mang tính chất chính trị. Tuy nhiên, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên thấy trên tờ "*báo chí đạo ở châu Âu*", ông Hai-nơ-xten lại được người ta coi như một "ngọn đuốc sáng rực của đảng dân chủ - xã hội Đức". "Báo chí đạo ở châu Âu" hẳn

phải biết rằng ông Hai-nơ-xten chẳng những không phải là ngọn đuốc rực sáng của đảng này, mà ngược lại, kể từ năm 1842 trở đi ông ta vẫn còn hăng hái - mặc dù là vô hiệu quả - đấu tranh chống lại tất cả những gì liên quan tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Bởi vậy "đảng dân chủ - *xã hội Đức*" chưa từng bao giờ chịu trách nhiệm và vị tất có khi nào sẽ chịu trách nhiệm về những gì mà ông Các Hai-nơ-xten nói hay viết ra.

Còn về mối hiểm họa thể hiện qua những "học thuyết ma quỷ" nói trên, thì báo "Times" nên biết rằng trong vòng mười tám tháng chấn động cách mạng vừa qua ở Đức, ông Hai-nơ-xten chẳng những không hề có ý định vận dụng những học thuyết này vào thực tiễn, mà thậm chí còn không hề đặt chân lên đất Đức trong suốt thời gian ấy và cũng chẳng hề đóng vai trò nào trong bất cứ một cuộc cách mạng nào đã diễn ra ở đó.

Cái ý nghĩa cho rằng một người chưa bao giờ xúc phạm ngay cả đến một công tước Đức nhỏ yếu nhất, lại có thể gây tổn thất cho Đế quốc Anh vĩ đại, thì theo cách nhìn nhận của chúng tôi, thưa Ngài tôn kính, là một sự lăng nhục đối với dân tộc Anh. Bởi vậy, chúng tôi để nghị rằng, để được trọn vẹn, tờ "Times" hãy cảm ơn ông Các Hai-nơ-xten về cái courage malheureus[1*] mà ông ta đem ra chiến đấu chống lại chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thưa Ngài chủ bút, xin gửi Ngài lời chào trân trọng nhất.

Một người dân chủ - xã hội Đức

Luân Đôn, ngày 28 tháng Mười một 1849

Do Ph. Ăng-ghen viết
Đã đăng trên báo "The Northern Star" số 632, ngày 1 tháng Chạp 1849

In theo bản đăng trên báo
Nguyên bản là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1*- lòng can đảm vô ích

C.MÁC

ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở PHÁP 1848 - 1850[5]

Do C.Mác viết vào tháng Giêng - ngày 1 tháng Mười một 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" các số 1, 2, 3 và 5-6 năm 1850
Ký tên: Các Mác

In theo bản đăng trên tạp chí, có đối chiếu với bản in xuất bản năm 1895
Nguyên văn là tiếng Đức

Trừ vài chương ra không kể, còn thì mỗi phần ít nhiều quan trọng trong biên niên sử của cuộc cách mạng từ 1848 đến 1849 đều mang cái tiêu đề là: *sự thất bại của cách mạng!*

Nhưng trong các cuộc thất bại đó, không phải là cách mạng bị tiêu diệt. Bị tiêu diệt chính là những tàn dư cổ truyền của thời kỳ cách mạng, tức là những sản phẩm của các quan hệ xã hội còn chưa phát triển đến mức có thể trở thành những mâu thuẫn giai cấp sâu sắc; bị tiêu diệt chính là những con người, những ảo tưởng, những khái niệm, những dự án mà đảng cách mạng chưa trút bỏ được trước khi xảy ra cuộc cách mạng tháng Hai, và chỉ có thể trút bỏ được, không phải nhờ vào *thắng lợi tháng Hai,* mà chỉ nhờ vào một loạt *những thất bại.*

Tóm lại, cách mạng, trong quá trình tiến triển, đã vạch ra cho mình một con đường không phải bằng những thắng lợi trực tiếp vừa bi thảm vừa nực cười của mình, mà trái lại, chính là chỉ bằng việc làm nảy sinh ra được một lực lượng phản cách mạng cố kết, mạnh mẽ, làm nảy sinh ra được một kẻ thù với mình, và chỉ bằng một cuộc chiến đấu với kẻ thù đó mà đảng chủ trương lật đổ mới có thể trở thành một đảng thực sự cách mạng được.

Những bài viết sau đây là nhằm chứng minh cho điểm nói trên.

I

THẤT BẠI THÁNG SÁU NĂM 1848

Sau cách mạng tháng Bảy, khi Láp-phít-tơ, chủ ngân hàng thuộc phái tự do, tiến compère[1*] của mình là công tước Óóc-lê-ăng trong bước đường đắc thắng của Óóc-lê-ăng bước vào tòa thị chính thì hắn đã thốt ra mấy tiếng: *"Từ nay, các chủ ngân hàng sẽ thống trị"*. Láp-phít-tơ đã để lộ ra điều bí mật của cách mạng.

Dưới thời Lu-i Phi-líp, không phải giai cấp tư sản Pháp thống trị, mà thống trị là *một bộ phận* của giai cấp ấy: bọn chủ ngân hàng, bọn vua sở giao dịch, bọn vua đường sắt, bọn chủ các mỏ than và mỏ sắt, bọn chủ rừng và một bộ phận của giai cấp địa chủ câu kết với những bọn nói trên, tức là với những bọn mà người ta thường gọi là *giới quý tộc tài chính*. Ngự trên ngai vàng, bọn này bắt ép nghị viện phải thông qua những đạo luật, chúng phân phối các chức vị nhà nước, từ các ghế trong các bộ đến các cửa hiệu của nhà nước bán thuốc hút.

Giai cấp tư sản công nghiệp chính cống là một bộ phận của phái đối lập chính thức, nghĩa là đại biểu của nó chỉ là thiểu số ở trong nghị viện. Nhưng thái độ đối lập của nó ngày càng trở nên kiên quyết hơn khi nền chuyên chế của giới quý tộc tài chính ngày càng mang một hình thức rõ rệt hơn trong sự phát triển của mình và khi mà bản thân nó tin tưởng rằng sau những cuộc khởi nghĩa năm 1832, năm 1834 và năm 1839[6] bị đàn áp đẫm máu, thì sự thống trị của nó đối với giai cấp công nhân đã được củng cố hơn. Giăng-danh, một chủ xưởng ở Ru-ăng, kẻ cuồng tín hung hăng nhất thuộc phái phản động tư sản, cả ở trong Quốc hội lập hiến lẫn ở trong Quốc hội lập pháp, đã là đối thủ quyết liệt nhất của Ghi-dô ở hạ nghị viện. *Lê-ông Phô-sê*, một kẻ sau

1* Chơi chữ: "compère" có nghĩa là "cha đỡ đầu"; đồng thời cũng có nghĩa là: "kẻ đồng mưu hay đồng lõa".

này nổi tiếng vì đã hoài công muốn vươn lên đóng vai trò làm Ghi-dô của phái phản cách mạng Pháp, thì trong những thời kỳ thống trị cuối cùng của Lu-i Phi-líp, đã tiến hành những cuộc bút chiến ủng hộ nền công nghiệp, chống lại nạn đầu cơ và kẻ làm tôi tớ cho nạn đầu cơ, tức là chính phủ. Còn *Ba-xti-a* thì nhân danh Boóc-đô và toàn thể các chủ xưởng rượu vang ở Pháp, đã tuyên truyền cho việc chống lại chế độ thống trị hiện hành.

Tất cả các tầng lớp trong *giai cấp tiểu tư sản* cũng như *giai cấp nông dân* đều hoàn toàn bị loại khỏi chính quyền. Cuối cùng, ở trong phái đối lập chính thức hoặc là hoàn toàn ở ngoài cái pays légal[1*] thì có những đại biểu *tư tưởng* và những người bênh vực các giai cấp kể trên, tức là những nhà bác học, những luật sư, những thầy thuốc, v.v. của họ, tóm lại là những kẻ mà người ta gọi là những *"tài năng"*.

Sự thiếu hụt về tài chính, ngay từ đầu, đã làm cho nền Quân chủ tháng Bảy lệ thuộc vào tầng lớp trên của giai cấp tư sản, và sự lệ thuộc của nền quân chủ đó vào tầng lớp trên của giai cấp tư sản, đến lượt nó, lại là nguyên nhân thường xuyên gây ra tình trạng khó khăn về tài chính ngày càng tăng. Chừng nào không cân bằng được ngân sách, nghĩa là không cân bằng được thu và chi của nhà nước, thì không thể làm cho việc quản lý của nhà nước phục tùng lợi ích của nền sản xuất quốc dân được. Mà nếu không giảm bớt những khoản chi của nhà nước, nghĩa là nếu không làm thương tổn đến những lợi ích của những trụ cột chống đỡ cho chế độ thống trị đương thời, và nếu không cải tổ lại chế độ thuế khóa, nghĩa là nếu không bắt chính ngay tầng lớp tư sản bên trên phải gánh lấy một phần to lớn thuế khóa, thì làm sao có thể cân bằng được ngân sách?

Hơn nữa, *việc nhà nước mắc nợ* là điều *có lợi trực tiếp* cho cái bộ phận của giai cấp tư sản vẫn thông qua nghị viện mà thống trị và đặt ra luật pháp. *Sự thiếu hụt của ngân sách quốc gia* lại chính là đối tượng của những hoạt động đầu cơ của bộ phận nói trên và là nguồn làm giàu chủ yếu của bộ phận đó. Cứ cuối mỗi năm lại có một sự thiếu hụt mới. Cứ sau bốn hay năm

1*- Những người được hưởng quyền bầu cử

năm lại phát hành công trái mới. Và cứ mỗi kỳ công trái mới lại là một cơ hội cho bọn quý tộc tài chính bắt bí nhà nước, còn nhà nước, ở trong tình trạng bị duy trì một cách giả tạo bên miệng hố phá sản, bắt buộc phải đi vay bọn chủ ngân hàng với những điều kiện hết sức bất lợi. Ngoài ra, mỗi lần công trái mới là thêm một cơ hội để dùng những hoạt động kinh doanh của sở giao dịch - những hoạt động mà chính phủ và phe đa số trong quốc hội đều thông thạo - mà cướp giật tiền của mà công chúng đầu tư vào công trái để lấy lời. Nói chung, tình trạng không ổn định của tín dụng nhà nước và việc nắm được bí mật quốc gia đã tạo điều kiện cho bọn chủ ngân hàng, cùng với bọn đồng mưu của chúng trong các nghị viện và trong triều đình, gây ra những biến động đột ngột và khác thường trong thị giá của công trái, những biến động mà kết quả là luôn luôn làm cho đông đảo những nhà tư bản nhỏ bị phá sản và làm cho bọn đầu cơ lớn giàu lên một cách nhanh chóng ghê gớm. Tình trạng ngân sách thiết hụt là có lợi trực tiếp cho bộ phận của giai cấp tư sản đang cầm quyền, cho nên rất dễ hiểu rằng kinh phí *bất thường* trong những năm trị vì cuối cùng của Lu-i Phi-líp đã vượt quá gấp đôi kinh phí bất thường dưới thời Na-pô-lê-ông, thậm chí đã lên tới ngót 400 triệu phrăng mỗi năm, trong lúc tổng kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm ở Pháp rất ít khi lên tới 750 triệu phrăng. Ngoài ra, những khoản tiền lớn chuyển vào tay nhà nước như vậy đã tạo cơ hội rất tốt cho những hợp đồng thầu khoán gian lận, cho những vụ hối lộ, lạm dụng công quỹ và cho đủ mọi ngón lừa đảo. Việc cướp bóc nhà nước theo quy mô lớn mà người ta đã tiến hành bằng những công trái, lại được tái diễn theo quy mô nhỏ, trong các hợp đồng thầu khoán do nhà nước ký. Điều diễn ra trong những quan hệ giữa nghị viện và chính phủ thì lại được tái diễn nhiều lần trong những quan hệ giữa các công sở và các chủ xí nghiệp riêng lẻ.

Cũng như đã bóc lột trong các khoản chi tiêu nói chung của nhà nước và trong việc phát hành công trái, giai cấp thống trị cũng bóc lột cả trong *những công trình xây dựng đường sắt*. Nghị viện đã trút gánh nặng chi phí chủ yếu lên vai nhà nước và đảm bảo cho bọn quý tộc tài chính đầu cơ được hưởng những món béo

bở. Mọi người đều còn nhớ những vụ tai tiếng xảy ra tại hạ nghị viện khi người ta tình cờ phát hiện ra rằng tất cả những nghị sĩ thuộc phe đa số, kể cả một số bộ trưởng nữa, đều là cổ đông trong các xí nghiệp đường sắt, mà sau đó họ lại lấy tư cách là những nhà lập pháp để bắt xuất tiền nhà nước ra xây dựng những con đường sắt ấy.

Ngược lại, bất cứ một cải cách tài chính nhỏ nào cũng đều bị thất bại trước thế lực của bọn chủ ngân hàng. Chẳng hạn như *cuộc cải cách bưu chính*. Rốt-sin đã phản đối. Liệu nhà nước có dám giảm bớt nguồn thu nhập cần được dùng để trả lãi cho những món nợ đang không ngừng tăng lên của nó không?

Nền Quân chủ tháng Bảy chẳng qua chỉ là một công ty cổ phần lập ra để bóc lột của cải quốc dân của Pháp, một công ty mà lãi cổ phần thì đem chia cho các bộ trưởng, cho nghị viện, cho 240.000 cử tri cùng với bọn tùy tùng của họ. Giám đốc công ty là Lu-i Phi-líp: một Rô-bớc Ma-cơ[7] ngự trên ngai vàng. Chế độ ấy chỉ luôn luôn gây nguy cơ và thường xuyên làm tổn hại cho thương nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp, hàng hải và lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp mà thôi. Bởi vậy, giai cấp tư sản công nghiệp, trong những ngày tháng Bảy, đã ghi trên lá cờ của mình: gouvernement à bon marché, có nghĩa là chính phủ rẻ tiền.

Bởi vì bọn quý tộc tài chính ban hành luật pháp, điều hành nhà nước, nắm tất cả những quyền lực xã hội đã được tổ chức ra, chi phối dư luận xã hội bằng địa vị thống trị của chúng và bằng báo chí, nên ở khắp mọi nơi, từ chốn triều đình đến tiệm café borgne[1*], đâu đâu cũng diễn ra cũng một cảnh mãi dâm, cũng một hiện tượng lừa đảo một cách vô liêm sỉ, cũng một tham vọng làm giàu, không phải bằng sản xuất, mà bằng cách lừa đảo để lấy của cải sẵn có của người khác. Nhất là ở các tầng lớp bên trên của xã hội tư sản thì sự thỏa mãn những dục vọng xấu xa nhất và bệnh hoạn nhất được thực hiện một cách dữ dội, và luôn luôn xung đột với chính ngay những luật lệ tư sản, vì ở đâu mà sự hưởng thụ tiến hành trụy lạc, tiền bạc lẫn lộn với bùn và máu thì ở đó, tất nhiên là thứ của cải có được do đầu cơ sẽ được thỏa

1*- quán cà phê thuộc loại mạt hạng

mãn theo bản chất của nó. Căn cứ vào cách làm giàu và tính chất hưởng thụ của chúng mà xét, thì bọn quý tộc tài chính chẳng qua chỉ là một *giai cấp vô sản lưu manh được tái sinh thành các tầng lớp bên trên của xã hội tư bản* mà thôi.

Năm 1847, khi tại các rạp hát nổi tiếng nhất của xã hội tư sản, người ta công khai diễn ngay chính những màn kịch thường dẫn giai cấp vô sản lưu manh đến các ổ trụy lạc, đến các trại cứu tế và đến các nhà giam người điên, đến trước các tòa án, đến các trại khổ sai và lên máy chém, thì những bộ phận giai cấp tư sản Pháp không cầm quyền lại hô lớn: *"Đồ tham nhũng!"* Và nhân dân thì thét lên: *"À bas les grands voleurs! À bas les assassins!"*[1*]. Giai cấp tư sản công nghiệp cảm thấy lợi ích của mình bị đe dọa, giai cấp tiểu tư sản thì đầy phẫn nộ về mặt đạo đức, lương tri của dân chúng thì phẫn nộ. Thành phố Pa-ri tràn ngập những tác phẩm công kích: "La dynastie Rothschild" "Les juifs rois de L'époque"[2*], v.v., trong đó tố cáo và đả phá một cách ít nhiều sắc sảo chế độ thống trị của bọn quý tộc tài chính.

Rien pour la gloire[3*] Vinh quang không mang lại một lợi nhuận nào cả! Lapaix partout et toujours![4*]. Chiến tranh làm giảm thị giá của các giấy có giá có mức lãi 3 và 4%! Đó là những dòng chữ mà nước Pháp của bọn đầu cơ chứng khoán đã ghi trên lá cờ của mình. Cho nên chính sách đối ngoại của chúng đã làm tổn thương rất nhiều đến tinh thần dân tộc của người Pháp. Tinh thần này lại càng bị xúc phạm mạnh hơn khi nước Áo thôn tính Cra-cốp để hoàn thành việc cướp bóc Ba Lan và khi mà trong cuộc chiến tranh của Đồng minh đặc biệt[1] ở Thụy Sĩ, Ghi-dô đã tích cực đứng về phía Liên minh thần thánh. Thắng lợi của phái

1*- "Đả đảo bọn kẻ cắp to đầu! Đả đảo bọn sát nhân!"
2*- "Triều đại Rốt-sin. "Bọn cho vay nặng lãi là những ông vua của thời đại"
3*- Không chi một xu nào cho vinh quang!
4*- Hòa bình với bất kỳ giá nào!

tự do ở Thụy Sĩ trong cuộc chiến tranh nhỏ bé ấy đã đem trở lại cho phái đối lập tư sản ở Pháp lòng tự tôn, và cuộc khởi nghĩa đẫm máu của nhân dân Pa-léc-mơ đã tác động như một luồng điện vào quần chúng nhân dân đang bị tê liệt và đã làm thức tỉnh những hồi ức và nhiệt tình cách mạng lớn lao của họ[1].

Sau hết là *hai sự biến kinh tế có ý nghĩa thế giới* đã đẩy tình thế bất mãn chung nổ ra nhanh chóng và khiến cho làn sóng bất bình càng phát triển thành khởi nghĩa.

Bệnh khoai tây và nạn mất mùa năm 1845 và năm 1846 đã làm tăng thêm sự sôi sục chung trong nhân dân. Năm 1847, giá sinh hoạt ngày càng dắt đỏ gây ra ở Pháp cũng như trên toàn lục địa những cuộc xung đột đổ máu. Trong lúc bọn quý tộc tài chính say sưa chè chén một cách xấu xa thì nhân dân phải đấu tranh cho những điều kiện sinh hoạt tối thiểu nhất! Ở Buy-dan-xe người ta xử tử những người tham gia cuộc bạo động vì nạn đói[2], còn ở Pa-ri thì những kẻ lừa đảo no nê bị tòa án truy tố đều được hoàng gia cứu thoát!

Sự biến kinh tế lớn thứ hai đã thúc đẩy nhanh cách mạng nổ ra là *cuộc tổng khủng hoảng thương nghiệp và công nghiệp* ở Anh. Mùa thu năm 1845, sự phá sản hàng loạt của bọn đầu cơ cổ phiếu đường sắt đã báo hiệu trước cuộc tổng khủng hoảng đó; năm 1846, một loạt những sự việc ngẫu nhiên, như việc sắp sửa xóa bỏ thuế lúa mì, đã ngăn chặn được nó; nhưng cuối cùng, mùa thu năm 1847, sự phá sản của bọn nhà buôn lớn ở Luân Đôn kinh doanh các hàng hóa thuộc địa, và tiếp theo đó là sự phá sản của ngân hàng địa ốc và sự đóng cửa của các xí nghiệp trong các khu công nghiệp Anh, đã làm cho cuộc tổng khủng hoảng đó bùng nổ. Toàn bộ những hậu quả của cuộc khủng hoảng ấy chưa tan hết ở lục địa thì cuộc cách mạng tháng Hai đã nổ ra.

1) Sau khi thỏa thuận với Nga và Phổ, Áo đã thôn tính Cra-cốp ngày 11 tháng Mười một 1846. Cuộc chiến tranh của Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ diễn ra từ ngày 4 đến ngày 28 tháng Mười một 1847. Cuộc khởi nghĩa Pa-léc-mô nổ ra vào ngày 12 tháng Giêng 1848; cuối tháng Giêng, quân đội của Na-plơ đã nã trọng pháo vào thành phố 9 ngày liền. (*Chú thích của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1895*).

Những tổn thất do cuộc khủng hoảng kinh tế gây ra trong thương nghiệp và trong công nghiệp khiến cho người ta càng không thể chịu đựng được sự thống trị chuyên chế của bọn quý tộc tài chính. Phái đối lập tư sản phát động trong toàn nước Pháp *cuộc vận động mở tiệc vận động* cho *công cuộc cải cách chế độ bầu cử*, cuộc cải cách sẽ giúp họ giành được đa số trong các nghị viện và lật đổ được nội các của sở giao dịch. Ở Pa-ri, cuộc khủng hoảng công nghiệp còn gây ra một hậu quả đặc biệt nữa là: một số đông những chủ xưởng và nhà buôn lớn phải đổ xô về thị trường trong nước, vì trong những điều kiện lúc bấy giờ họ không còn có thể kinh doanh ở thị trường ngoài nước được nữa. Họ lập ra những công ty lớn và sự cạnh tranh của những công ty này đã làm cho đông đảo các chủ hiệu tạp hóa và chủ hiệu buôn bán nhỏ phá sản. Do đó, vô số những cuộc phá sản đã xảy ra trong bộ phận ấy của giai cấp tư sản ở Pa-ri; do đó mà họ đã làm cuộc cách mạng tháng Hai. Mọi người đều biết rằng Ghi-dô và các nghị viện đã đáp lại những đề nghị cải cách ấy bằng thái độ hết sức trắng trợn; rằng Lu-i Phi-líp đã quyết định quá muộn việc thành lập một nội các Ba-rô; rằng nhân dân và quân đội đã đi đến chỗ xung đột với nhau; rằng thái độ tiêu cực của đội cận vệ quốc gia đã làm cho quân đội bị tước vũ khí; còn nền Quân chủ tháng Bảy đã phải nhường chỗ cho một chính phủ lâm thời.

Chính phủ lâm thời nảy sinh ra từ những chiến lũy tháng Hai tất nhiên phải mang trong thành phần của nó những đảng phái khác nhau cùng chia nhau hưởng thắng lợi. Chính phủ đó chỉ có thể là một *sự thỏa hiệp giữa các giai cấp khác nhau* đã từng cùng nhau lật đổ nền Quân chủ tháng Bảy, nhưng lợi ích thì vẫn đối lập với nhau một cách thù địch. Chính phủ lâm thời gồm đại đa số là các đại biểu của giai cấp tư sản. Đại biểu của giai cấp tiểu tư sản cộng hòa là Lơ-đruy-Rô-lanh và Phlô-công; đại biểu của giai cấp tư sản cộng hòa là những người trong nhóm báo "National"[10], phái bảo hoàng đối lập thì do Crê-mi-ơ, Duy-pông đ'Ơ l'Ơ-rơ, v.v., đại biểu. Giai cấp công nhân chỉ có hai đại biểu là Lu-i Blăng và An-be. Cuối cùng, La-mác-tin, trong chính phủ lâm thời lúc đầu không đại diện cho một lợi ích hiện thực nào, cho một giai cấp nhất định nào cả; y là hiện thân cuộc cách mạng tháng Hai, nghĩa là thể hiện cuộc tổng khởi nghĩa với những ảo tưởng, những ý thơ, nội dung tưởng tượng và những câu nói suông của nó. Nhưng, nếu xét theo địa vị và quan điểm của y thì người đại biểu ấy của cuộc cách mạng tháng Hai là thuộc *giai cấp tư sản*.

Nếu Pa-ri do chế độ trung ương tập quyền về mặt chính trị mà thống trị được nước Pháp thì công nhân lại thống trị Pa-ri trong những thời kỳ chấn động cách mạng. Bước đi đầu tiên của chính phủ lâm thời là mưu toan thoát khỏi cái ảnh hưởng chiếm ưu thế ấy bằng cách, từ Pa-ri đang say sưa vì thắng lợi, kêu gọi sự bình tĩnh của nước Pháp. La-mác-tin không chịu thừa nhận cho các chiến sĩ trên chiến lũy được quyền tuyên bố thành lập chế độ cộng hòa. Y nói rằng chỉ có đa số nhân dân nước Pháp mới có tư cách để tuyên bố như vậy; rằng cần phải đợi cuộc đầu phiếu của họ, rằng giai cấp vô sản Pa-ri đừng nên làm nhơ bẩn thắng lợi của mình bằng một sự tiếm đoạt. Giai cấp tư sản chỉ cho phép giai cấp vô sản tiến hành *một sự* tiếm đoạt *duy nhất*, tức là: tiếm đoạt quyền đấu tranh.

Trưa ngày 25 tháng Hai, chế độ cộng hòa còn chưa được tuyên bố thì tất cả các ghế bộ trưởng đã được phân chia giữa các phần tử tư sản trong chính phủ lâm thời và giữa bọn tướng tá, chủ ngân hàng và luật sư tập hợp xung quanh tờ "National". Nhưng lần này, công nhân kiên quyết không dung thứ một sự lừa bịp giống như vụ lừa bịp hồi tháng Bảy 1830 nữa. Họ sẵn sàng chiến đấu một lần nữa và dùng vũ lực để giành lấy chế độ cộng hòa. *Ra-xpai* đến tòa thị chính là để nói rõ việc đó. Nhân danh giai cấp vô sản Pa-ri, Ra-xpai *ra lệnh* cho chính phủ lâm thời phải tuyên bố thành lập chế độ cộng hòa, và trong hai tiếng đồng hồ nữa, nếu lệnh đó của nhân dân không được thi hành, thì Ra-xpai

sẽ dẫn đầu 200.000 người quay trở lại để chất vấn. Thi hài của các chiến sĩ hãy còn chưa nguội lạnh, chiến lũy vẫn còn y nguyên, công nhân chưa bị tước vũ khí và lực lượng duy nhất mà người ta có thể dùng để đối phó với công nhân là đội cận vệ quốc gia. Trong tình thế đó, những diệu kế để trị nước an dân và những sự thận trọng về pháp lý của chính phủ lâm thời bỗng biến đi đâu mất cả. Thời hạn hai tiếng đồng hồ chưa hết, thế mà trên tất cả các bức tường ở Pa-ri, những dòng chữ lịch sử nét lớn đã trải rộng ra:

République francaise! Liberté, Egalité, Fraternité![1*]

Cùng với việc tuyên bố thành lập chế độ cộng hòa trên cơ sở chế độ phổ thông đầu phiếu thì đồng thời cũng tiêu tan cho đến cả hồi ức về những mục đích và động cơ hẹp hòi đã đẩy giai cấp tư sản tham gia cuộc cách mạng tháng Hai. Không phải chỉ có một vài bộ phận cá biệt của giai cấp tư sản mà tất cả những giai cấp trong xã hội Pháp đều bỗng nhiên bị cuốn hút vào tham gia chính quyền, đều bắt buộc phải rời khán đài riêng, khán đài ở lan can, khán đài tầng dưới của mình để bước ra làm những diễn viên trên sân khấu cách mạng. Cùng với sự sụp đổ của nền quân chủ lập hiến thì đồng thời cũng biến mất luôn cả cái vẻ bề ngoài của một sự độc lập của nhà nước đối lập với xã hội tư sản, cũng biến mất luôn tất cả những xung đột loại thứ yếu do cái vẻ bề ngoài ấy sản sinh ra!

Bắt buộc chính phủ lâm thời, và thông qua chính phủ này mà bắt buộc toàn nước Pháp phải thiết lập chế độ cộng hòa, giai cấp vô sản đã tức khắc đứng lên hàng đầu với tư cách là một đảng đối lập, nhưng đồng thời nó cũng thách thức toàn thể nước Pháp tư sản. Cái mà nó đã giành được chính là cái cơ sở để đấu tranh cho cuộc giải phóng cách mạng của nó, chứ tuyệt nhiên không phải là bản thân cuộc giải phóng đó.

Trái lại, nền cộng hòa tháng Hai *trước hết cần phải hoàn thiện ách thống trị của giai cấp tư sản*, bằng cách đưa *tất cả các giai cấp hữu sản* vào trong chính quyền, bên cạnh bọn quý tộc tài chính. Đa số bọn đại địa chủ, tức là phái chính thống, đều được chế độ cộng hòa lôi ra khỏi cái tình trạng không có địa vị chính trị mà nền Quân chủ tháng Bảy đã bắt chúng phải chịu. Không phải vô cớ mà tờ "Gazette de France"[11] đã tiến hành cổ động cùng với những tờ báo của phái đối lập; và cũng không phải vô cớ mà La-rô-sơ-giắc-cơ-lanh, tại phiên họp ngày 24 tháng Hai của hạ nghị viện, đã tự xưng là người ủng hộ cách mạng. Nhờ quyền phổ thông đầu phiếu mà những kẻ sở hữu trên danh nghĩa, chiếm lại đa số trong nhân dân Pháp, tức là *nông dân*, đều được trao quyền định đoạt vận mệnh nước Pháp. Cuối cùng, nền cộng hòa tháng Hai đã đem lại cho giai cấp tư sản quyền thống trị công khai vì nó đã dập tan cái ngại vàng mà đằng sau đó tư bản đã ẩn nấp.

Nếu trong những ngày tháng Bảy, công nhân đã đấu tranh giành *nền quân chủ tư sản* thì trong những ngày tháng Hai, công nhân đã đấu tranh giành *nền cộng hòa tư sản*. Nếu như nền Quân chủ tháng Bảy buộc phải tự tuyên bố là một *nền quân chủ được trang trí bằng những thiết chế cộng hòa*, thì nền cộng hoà tháng Hai cũng buộc phải tự tuyên bố là một *nền cộng hòa được trang trí bằng những thiết chế xã hội*. Giai cấp vô sản Pa-ri cũng đã *giành* được sự nhượng bộ đó.

Một công nhân, Mác-sơ, đã buộc chính phủ lâm thời vừa được thành lập phải ban bố sắc lệnh trong đó chính phủ cam kết đảm bảo cho những người lao động có công ăn việc làm để sinh sống, bảo đảm tìm việc làm cho mọi công dân, v.v.. Nhưng vài ngày sau, vì chính phủ lâm thời đã quên mất những lời hứa của mình và hình như đã hoàn toàn không chú ý gì tới giai cấp vô sản, nên một khối đông đảo gồm 20.000 công nhân đã tiến đến tòa thị chính và hô tô: *"Phải tổ chức công ăn việc làm! Phải thành lập một bộ lao động riêng!"* Vạn bất đắc dĩ và sau nhiều cuộc thảo luận dài, chính phủ lâm thời đành phải lập ra một ủy ban chuyên môn thường trực có nhiệm vụ *tìm* cách cải thiện hoàn cảnh của các giai cấp cần lao. Ủy ban đó gồm có các đại biểu của những phường hội thủ công nghiệp ở Pa-ri và do Lu-i Blăng và An-be làm chủ tịch. Cung điện Lúc-xăm-buốc được chọn làm nơi hội họp của ủy ban. Như vậy là các đại biểu của giai cấp công nhân đều

1*. Nước Cộng hòa Pháp! Tự do, Bình đẳng, Bác ái!

bị truất khỏi trụ sở của chính phủ lâm thời, còn bộ phận tư sản trong chính phủ này hoàn toàn nắm quyền lực nhà nước thực sự và chi phối công việc hành chính. Thế là *bên cạnh* các bộ tài chính, thương nghiệp, công trình công cộng, *bên cạnh* ngân hàng và sở giao dịch, được dựng lên một *giáo đường xã hội chủ nghĩa*, trong đó hai vị đại mục sư là Lu-i Blăng và An-be đảm nhiệm việc phát hiện ra đất thánh, tuyên bố kinh Phúc âm mới và kiếm công ăn việc làm cho giai cấp vô sản Pa-ri. Khác với mọi cơ quan quyền lực nhà nước trần thế, họ không có một ngân sách nào cả, không hề có một quyền hành pháp nào cả. Họ tất phải dùng cái đầu của mình để lật đổ các cột trụ của xã hội tư sản. Trong khi tại Cung điện Lúc-xăm-buốc người ta đi tìm hòn đá thần kỳ để biến kim loại thành vàng thì ở tòa thị chính, người ta lại đúc tiền thông dụng.

Và, tuy vậy, cần phải nói rằng những yêu sách của giai cấp vô sản Pa-ri, vì vượt quá phạm vi của nền cộng hòa tư sản, nên thật sự không thể có một hình thức tồn tại nào khác ngoài cái hình thức tồn tại lờ mờ của Ủy ban Lúc-xăm-buốc.

Chính là cùng với giai cấp tư sản mà giai cấp công nhân đã làm cách mạng tháng Hai; giờ đây *song song* với giai cấp tư sản, giai cấp công nhân đang tìm cách bảo vệ lợi ích của mình, cũng như chính là song song với cái đa số tư sản mà giai cấp công nhân đưa một công nhân vào ngay cả trong chính phủ lâm thời. *Tổ chức lao động!* Thì chính lao động làm thuê là tổ chức lao động hiện tại theo phương thức tư sản. Không có lao động làm thuê thì không có tư bản, không có giai cấp tư sản, không có xã hội tư sản. *Một bộ lao động riêng!* Các bộ tài chính, thương nghiệp, bộ các công trình công cộng chả lẽ không phải là những bộ lao động *của giai cấp tư sản* đó sao? *Song song* với những bộ ấy thì bộ lao động *của giai cấp vô sản* chỉ là một bộ của sự bất lực, một bộ của những ước vọng hão huyền, một Ủy ban Lúc-xăm-buốc mà thôi. Công nhân đã tin rằng sát cánh với giai cấp tư sản, họ có thể tự giải phóng mình, thì cũng vậy, họ tưởng rằng sát cánh với giai cấp tư sản ở các nước khác, họ có thể thực hiện được một cuộc cách mạng vô sản trong phạm vi dân tộc của nước Pháp. Song, những quan hệ sản xuất của nước Pháp

là do nền ngoại thương của Pháp, địa vị của Pháp trên thị trường thế giới và những luật lệ của thị trường đó quyết định. Vậy thử hỏi nước Pháp làm thế nào mà phá vỡ được những quan hệ sản xuất đó nếu không tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng ở châu Âu, một cuộc chiến tranh sẽ tác động đến nước Anh, một nước đang thống trị thị trường thế giới?

Khi một giai cấp là đại biểu tập trung cho những lợi ích cách mạng của xã hội mà nổi dậy thì nó tìm thấy ngay lập tức rằng hoàn cảnh của chính nó là nội dung và lý do của hoạt động cách mạng của nó: tiêu diệt kẻ thù, thực hiện những biện pháp thích hợp với nhu cầu của cuộc đấu tranh, và chính những hậu quả của hành động của bản thân nó sẽ đẩy nó tiến xa hơn nữa. Nó không tiến hành một cuộc nghiên cứu lý luận nào về nhiệm vụ của chính nó cả. Giai cấp công nhân Pháp chưa đạt được đến chỗ đó, nó chưa có khả năng thực hiện cuộc cách mạng của chính nó.

Nói chung, sự phát triển của giai cấp vô sản công nghiệp được quy định bởi sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp. Chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp này thì sự tồn tại của giai cấp vô sản công nghiệp mới có được một quy mô toàn quốc, khiến nó có thể nâng cuộc cách mạng của nó lên thành một cuộc cách mạng toàn quốc; chỉ có như thế thì bản thân giai cấp vô sản công nghiệp mới có thể tạo ra những tư liệu sản xuất hiện đại, tức là những thứ đều trở thành những phương tiện để thực hiện sự nghiệp giải phóng cách mạng của nó. Chỉ có sự thống trị của giai cấp tư sản công nghiệp là có thể nhổ hết được gốc rễ vật chất của xã hội phong kiến và san bằng miếng đất duy nhất trên đó một cuộc cách mạng vô sản có thể thực hiện được. Trên toàn lục địa châu Âu, công nghiệp Pháp là nền công nghiệp phát triển hơn hết, và giai cấp tư sản Pháp cũng là giai cấp tư sản phát triển hơn hết về phương diện cách mạng. Nhưng phải chăng cuộc cách mạng tháng Hai đã chẳng trực tiếp chống lại bọn quý tộc tài chính đó sao? Sự thật đó chứng minh rằng giai cấp tư sản công nghiệp đã thống trị ở Pháp. Giai cấp tư sản công nghiệp chỉ có thể thống trị được ở nơi nào mà công nghiệp hiện đại đã nhào nặn theo cách thức của nó tất cả những quan hệ chiếm hữu; và

công nghiệp chỉ có thể có được cái quyền lực ấy ở chỗ nào mà nó đã giành được thị trường thế giới, vì giới hạn quốc gia không đủ cho nó phát triển. Thế mà công nghiệp Pháp thì phần lớn chỉ nhờ vào một chế độ thuế quan bảo hộ đã ít nhiều có những sự thay đổi, mới có thể làm chủ được thị trường trong nước. Cho nên, nếu như trong thời kỳ cách mạng ở Pa-ri, giai cấp vô sản Pháp có được một quyền lực thực sự và một ảnh hưởng thực sự khuyến khích nó đẩy cuộc tấn công của nó vượt ra ngoài những khả năng của nó thì ở các địa phương khác của nước Pháp, nó lại tập trung ở một vài nơi rải rác, ở đó, công nghiệp được tập trung và nó dường như hoàn toàn mất hút trong số nông dân và tiểu tư sản đông hơn. Ở Pháp, cuộc đấu tranh chống tư bản, dưới hình thức hiện đại phát triển của nó, đã tới điểm tột cùng của nó, tức là cuộc đấu tranh giữa công nhân làm thuê trong công nghiệp với nhà tư sản công nghiệp, đang còn là một hiện tượng cục bộ. Cuộc đấu tranh đó, sau những ngày cách mạng tháng Hai, lại càng không thể mang lại cho cách mạng một tính chất toàn quốc, bởi vì lúc bấy giờ, cuộc đấu tranh chống những phương thức bóc lột thấp của tư bản, tức là cuộc đấu tranh của nông dân chống chế độ cho vay nặng lãi và chế độ cầm cố, cuộc đấu tranh của người tiểu tư sản chống thương nhân lớn, chủ ngân hàng và chủ xưởng, tóm lại là chống nạn phá sản, đang còn bị che lấp trong cuộc tổng khởi nghĩa chống bọn quý tộc tài chính nói chung. Cho nên rất dễ hiểu rằng giai cấp vô sản của Pa-ri đã tìm cách bảo vệ lợi ích của mình *song song* với lợi ích của giai cấp tư sản, chứ không nêu lợi ích của mình như là lợi ích cách mạng của bản thân xã hội, và giai cấp vô sản Pa-ri đã hạ lá *cờ đỏ* xuống trước lá cờ *tam tài*[12]. Công nhân Pháp không thể tiến lên được một bước nào và cũng không thể đụng đến một sợi tóc nào của chế độ tư sản, trước khi đông đảo nhân dân đứng giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, chống sự thống trị của tư bản chưa bị tiến trình của cách mạng buộc phải đi theo những người vô sản, coi là đội tiền phong của mình. Công nhân chỉ có thể mua được thắng lợi đó bằng sự thất bại ghê gớm hồi tháng Sáu mà thôi.

Rút cục lại, công lao của cái Ủy ban Lúc-xăm-buốc do công nhân Pa-ri sáng tạo ra ấy là đã từ trên một diễn đàn châu Âu vạch ra cái bí mật của cách mạng của thế kỷ XIX: *sự giải phóng giai cấp vô sản*. Tờ "Moniteur"[13] đã bị bẽ mặt khi nó phải chính thức truyền bá những "lời ngông cuồng vô lý" từ trước đến nay vẫn nằm chết trong những ngụy kinh của những người xã hội chủ nghĩa và chỉ thỉnh thoảng mới lọt đến tai giai cấp tư sản như những câu chuyện hoang đường xa xôi nửa đáng sợ, nửa đáng buồn cười nào đó mà thôi. Châu Âu bị đánh thức dậy một cách đột ngột, lấy làm kinh ngạc về giấc ngủ tư sản của mình. Như vậy là trong quan niệm của những người vô sản thường hay lẫn lộn bọn quý tộc tài chính với giai cấp tư sản; trong trí tưởng tượng của những người cộng hòa trung thực, phủ nhận ngay cả đến sự tồn tại của các giai cấp hoặc nhiều lắm cũng chỉ thừa nhận giai cấp là một sản phẩm của nền quân chủ lập hiến mà thôi; trong những câu nói giả nhân giả nghĩa của các phe phái tư sản từ trước đến nay vẫn bị gạt ra khỏi chính quyền, thì *sự thống trị của giai cấp tư sản* đã bị xóa bỏ cùng với việc thiết lập nền cộng hòa. Lúc bấy giờ, tất cả bọn bảo hoàng đều biến thành những người cộng hòa, còn tất cả những tên triệu phú ở Pa-ri thì biến thành công nhân. Cái danh từ thích ứng với sự xóa bỏ một cách tưởng tượng như vậy những quan hệ giai cấp là fraternité, tức là sự thân thiện phổ biến và tình thần bác ái phổ biến. Tóm lại, cái thái độ nhu nhược không muốn thừa nhận những đối kháng giai cấp, cái lối điều hòa một cách tình cảm những lợi ích giai cấp mâu thuẫn nhau, cái ảo tưởng muốn vượt lên trên đấu tranh giai cấp, đó là fraternité, là khẩu hiệu thật sự của cuộc cách mạng tháng Hai. Đó chẳng qua chỉ là do một *sự hiểu lầm* nên mới có sự phân chia thành giai cấp, và ngày 24 tháng Hai, La-mác-tin đã gọi chính phủ lâm thời là: "un gouvernement qui suspende ce *malentendu terrible qui existe entre les différentes classes*"[1*]. Giai cấp vô sản Pa-ri đã tự để cho mình rơi vào bầu không khí say sưa bác ái một cách độ lượng ấy.

1*- "một chính phủ đang chấm dứt *sự hiểu lầm đáng sợ ấy giữa các giai cấp khác nhau*"

Về phía mình thì chính phủ lâm thời, một khi đã phải tuyên bố thành lập nền cộng hòa, liền tìm đủ mọi cách để làm cho nền cộng hòa đó là có thể thừa nhận được đối với giai cấp tư sản và các tỉnh. Những thủ đoạn khủng bố đẫm máu của nền cộng hòa Pháp thứ nhất được phủ nhận bằng việc xóa bỏ án tử hình đối với những tội chính trị; báo chí được mở rộng ra cho mọi người được tự do phát biểu ý kiến; quân đội, tòa án và các cơ quan hành chính, trừ một vài ngoại lệ, vẫn nằm trong tay những vị quyền cao chức trọng trước kia; không có một kẻ tội phạm lớn nào trong thời kỳ Quân chủ tháng Bảy bị đem ra xử cả. Bọn cộng hòa tư sản của tờ "National" chơi cái trò thay những danh hiệu và trang phục của nền Quân chủ bằng những danh hiệu và trang phục của nền cộng hòa cũ. Đối với họ, nền cộng hòa chẳng qua chỉ là một bộ trang phục khiêu vũ mới của xã hội tư sản cũ mà thôi. Nền cộng hòa trẻ tuổi cho rằng thành tích chủ yếu của nó là ở chỗ nó đã tìm cách không làm cho ai khiếp sợ cả, hay nói đúng hơn làm chính bản thân mình luôn luôn phải sợ hãi, và dùng sự độ lượng và sự bất đề kháng để đoạt lấy quyền tồn tại và để tước vũ khí kẻ địch. Đối với những giai cấp có đặc quyền ở trong nước và đối với những cường quốc chuyên chế ở ngoài nước thì người ta công bố rõ ràng bản chất của nền cộng hòa là yêu hòa bình, rằng khẩu hiệu của nó là sống và để người khác cùng sống. Đúng vào thời gian này, ít lâu sau cuộc cách mạng tháng Hai, nhân dân Đức, Ba Lan, Áo, Hung-ga-ri, I-ta-li-a đều đã nổi dậy, tùy theo hoàn cảnh của mỗi nước. Nước Nga và nước Anh thì chưa chuẩn bị xong vì bản thân nước Anh bị phong trào bao trùm và nước Nga thì hoảng sợ trước phong trào này. Thế là nền cộng hòa không gặp một *dân tộc* thù địch nào ở trước mặt mình cả. Như vậy là không có những việc rắc rối đối ngoại quan trọng nào có thể nhen nhóm lại những năng lực hoạt động, có thể đẩy nhanh quá trình cách mạng, có thể thúc đẩy chính phủ lâm thời tiến lên phía trước hoặc quăng nó đi. Giai cấp vô sản Pa-ri coi nền cộng hòa là con đẻ của mình, cho nên tất nhiên

nó hoan nghênh bất cứ một hành động nào của chính phủ lâm thời cho phép chính phủ ấy dễ dàng củng cố địa vị của mình trong xã hội tư sản. Nó ngoan ngoãn để cho Cô-si-đi-e sử dụng mình trong các hoạt động cảnh sát để bảo vệ tư sản tư hữu ở Pa-ri, cũng như đã để cho Lu-i Blăng hòa giải những cuộc xung đột về tiền công giữa thợ và chủ. Trước con mắt của châu Âu, nó coi việc bảo toàn danh dự tư sản không bị hoen ố của nền cộng hòa là một point d'honneur[1*] của nó.

Nền cộng hòa không gặp một sự phản kháng nào cả ở trong nước lẫn ở ngoài nước. Đó là điều đã khiến cho nó bị mất hết vũ khí. Nhiệm vụ của nó giờ đây không còn là dùng biện pháp cách mạng để cải tạo thế giới nữa; nhiệm vụ của nó chỉ còn là làm sao thích ứng được với những điều kiện của xã hội tư sản mà thôi. Còn như chính phủ lâm thời đã ra tay giải quyết nhiệm vụ ấy một cách cuồng nhiệt như thế nào, thì không có gì chứng minh điều đó một cách hùng hồn hơn là những *biện pháp tài chính* mà nó đã áp dụng.

Dĩ nhiên là *tín dụng quốc gia* và *tín dụng tư nhân* đều bị lung lay. *Tín dụng quốc gia* là dựa trên lòng tin rằng nhà nước chịu để cho bọn tài chính - cho vay nặng lãi bóc lột. Nhưng nhà nước cũ đã không còn nữa, mà cách mạng thì trước hết lại là nhằm chống lại bọn quý tộc tài chính. Những chấn động của cuộc khủng hoảng thương nghiệp vừa rồi ở châu Âu vẫn chưa chấm dứt. Những cuộc phá sản vẫn còn nối tiếp nhau xảy ra.

Như vậy là trước khi nổ ra cách mạng tháng Hai, *tín dụng tư nhân* đã bị tê liệt, lưu thông hàng hóa đã chậm lại, sản xuất đã bị đình trệ. Khủng hoảng cách mạng càng tăng cường khủng hoảng thương nghiệp. Nếu tín dụng tư nhân dựa vào sự tin tưởng rằng toàn bộ quan hệ sản xuất tư sản và toàn bộ chế độ tư sản đều được giữ nguyên vẹn và không thể bị xâm phạm thì một cuộc cách mạng đe dọa chính cơ sở của nền sản xuất tư sản, sự nô dịch giai cấp tư sản về kinh tế, của cuộc cách mạng đem con quái vật Lúc-xăm-bua đối lập với sở giao dịch, - một cuộc cách

1*. vấn đề danh dự

mạng như thế sẽ tác động như thế nào đến tín dụng tư nhân? Giai cấp vô sản nổi dậy tức là tín dụng tư sản bị xóa bỏ, vì đó là sự xóa bỏ nền sản xuất và chế độ tư sản. Tín dụng quốc gia và tín dụng tư nhân là hàn thử biểu kinh tế để đo cường độ của một cuộc cách mạng. *Tín dụng càng hạ xuống bao nhiêu thì nhiệt tình và sức sáng tạo của cách mạng càng lên cao bấy nhiêu.*

Chính phủ lâm thời muốn tước bỏ cái bề ngoài phản tư sản của nền cộng hòa đi. Bởi vậy, trước hết nó cần phải đảm bảo *giá trị trao đổi* của hình thức nhà nước mới này, phải đảm bảo *thị giá* của nó tại sở giao dịch. Thị giá của nền cộng hòa ở sở giao dịch mà lên cao thì tự nhiên là tín dụng tư nhân cũng lại lên cao.

Để loại bỏ cho đến cả *sự nghi ngờ* rằng đường như nền cộng hòa không muốn hoặc không thể thanh toán được những khoản nợ do nền quân chủ trước kia để lại; để gây lại sự tín nhiệm vào đạo đức tư sản và khả năng thanh toán của nền cộng hòa, chính phủ lâm thời đã dùng một lối khoa trương thanh thế vừa ấu trĩ vừa hèn hạ. *Trước khi* đến hạn trả nợ theo như pháp luật quy định, chính phủ lâm thời đã trả cho bọn chủ nợ của nhà nước những loại lợi tức của những công trái lãi 5%, 4,5% và 4%. Tính gan góc và lòng tin của các nhà tư bản lại đột nhiên trỗi dậy khi họ thấy chính phủ lâm thời đang vội vã lo lắng tìm cách để mua được sự tin cậy của họ.

Dĩ nhiên là tình trạng khốn quẫn về tài chính của chính phủ lâm thời không giảm bớt được chút nào khi nó dùng cái trò diễn kịch nói trên đã ngốn sạch cả khoản dự trữ tiền mặt của nó. Không thể che giấu tình trạng khốn quẫn về tài chính ấy lâu hơn nữa, và chính là *những người tiểu tư sản, những người phục dịch và công nhân* phải nai lưng ra trả tiền cho sự bất ngờ thú vị mà người ta đã dành cho bọn chủ nợ của nhà nước.

Chính phủ tuyên bố rằng những *sổ tiết kiệm* chỉ được nhận *tiền mặt* không quá 100 phrăng. Những khoản tiền gửi ở quỹ tiết kiệm đều bị tịch thu và được chuyển, theo lệnh của chính phủ, thành quốc trái không hoàn lại. *Người tiểu tư sản*, vốn đã lâm vào tình cảnh khá cùng khốn, đâm ra căm phẫn đối với nền cộng

hòa về việc làm đó. Thay cho những quyển sổ tiết kiệm, anh ta phải nhận những phiếu quốc trái mà anh ta buộc lòng phải đem bán ở sở giao dịch và do đó bị rơi luôn vào tay bọn cho vay cắt cổ ở sở giao dịch, tức là những kẻ mà anh ta đã chống lại bằng cuộc cách mạng tháng Hai.

Bọn quý tộc tài chính nắm quyền thống trị dưới thời Quân chủ tháng Bảy, coi *ngân hàng* là thánh đường của mình. Sở giao dịch chi phối tín dụng quốc gia, còn ngân hàng thì chi phối *tín dụng thương nghiệp*.

Cách mạng tháng Hai không những trực tiếp đe dọa nền thống trị của ngân hàng mà còn trực tiếp đe dọa sự tồn tại của ngân hàng nữa, cho nên ngay từ đầu, ngân hàng đã ra sức làm cho nền cộng hòa mất tín nhiệm, bằng cách áp dụng một cách phổ biến việc đình chỉ tín dụng. Đột nhiên, nó đình chỉ mọi tín dụng cho các chủ ngân hàng, các chủ xưởng, các nhà buôn. Vì cái mưu kế đó không gây ra được ngay một cuộc phản cách mạng nào, nên tất nhiên là nó lại đập trở lại chính bản thân ngân hàng. Các nhà tư bản liền rút hết tiền gửi trong các kho của ngân hàng. Những người có giấy bạc ngân hàng đều đổ xô đến ngân hàng để đổi lấy vàng và bạc.

Không cần phải dùng đến bạo lực, chính phủ lâm thời đã có thể đẩy một cách hoàn toàn hợp pháp ngân hàng đến chỗ bị *phá sản*; chính phủ chỉ cần giữ thái độ tiêu cực và bỏ mặc ngân hàng xoay xở lấy. *Sự phá sản của ngân hàng* là một trận hồng thủy quét sạch khỏi đất Pháp trong nháy mắt bọn quý tộc tài chính, kẻ thù có thế lực nhất và nguy hiểm nhất của nền cộng hòa, cái bệ vàng của nền Quân chủ tháng Bảy. Một khi ngân hàng đã bị phá sản thì chính bản thân giai cấp tư sản buộc phải coi việc chính phủ lập ra một ngân hàng quốc gia và đặt tín dụng quốc gia dưới quyền kiểm soát của nhà nước là một hành động tuyệt vọng cuối cùng để cứu vãn tình thế.

Nhưng trái lại, chính phủ lâm thời lại quy định một *thị giá cưỡng bách* cho giấy bạc ngân hàng. Không phải chỉ như vậy mà thôi. Nó còn biến tất cả những ngân hàng ở các tỉnh thành những chi nhánh của Ngân hàng Pháp, do vậy, khiến cho ngân hàng này

có thể bủa mạng lưới của nó khắp cả nước. Về sau, để bảo đảm cho những món nợ nó vay của ngân hàng ấy, chính phủ lâm thời đã đem cầm cho nó những *khu rừng thuộc nhà nước*. Như vậy là cuộc cách mạng tháng Hai đã trực tiếp củng cố và mở rộng sự thống trị của ngân hàng, sự thống trị mà nó cần phải lật đổ.

Trong khi đó, chính phủ lâm thời lại quần quại dưới gánh nặng của một nền tài chính ngày càng thiếu hụt. Chính phủ ấy đã đi van xin mọi người nên vì lòng yêu nước mà hy sinh, nhưng không đạt được kết quả gì. Chỉ có công nhân là bố thí cho nó. Nó phải dùng đến một thủ đoạn dũng cảm, tức là ban hành một thứ *thuế mới*. Nhưng đánh thuế vào ai? Vào những con chó sói ở sở giao dịch, bọn trùm ngân hàng, bọn chủ nợ của nhà nước, bọn thực lợi, bọn chủ xí nghiệp công nghiệp chăng? Nhưng bằng cách đó không thể tranh thủ được sự đồng tình của giai cấp tư sản đối với nền cộng hòa. Làm như vậy thì, một mặt, làm nguy hại đến tín dụng của nhà nước và tín dụng của thương nghiệp, những tín dụng mà mặt khác, người ta lại phải dùng mọi thủ đoạn nhục nhã và những hy sinh to lớn biết bao để giành cho kỳ được. Nhưng phải có một kẻ nào bỏ tiền túi ra chứ. Ai sẽ là người bị hy sinh cho tín dụng tư sản? Người đó là Jacques le bonhomme[14], tức là anh *nông dân*.

Chính phủ lâm thời đặt ra thứ thuế phụ thu 45 xăng-tim cho mỗi phrăng của bốn khoản thuế trực thu. Báo chí của chính phủ tìm cách làm cho giai cấp vô sản Pa-ri lầm tưởng rằng thuế phụ thu đó chủ yếu sẽ đánh vào bọn đại địa chủ, những kẻ đã được nền phục tích cho hưởng số tiền bồi thường một tỷ phrăng[15]. Nhưng thực ra, thuế đó trước hết là đánh vào *giai cấp nông dân*, tức là đánh vào đại đa số nhân dân Pháp. *Chính nông dân là những người phải gánh chịu những chi phí của cuộc cách mạng tháng Hai*, chính họ tạo thành đội quân chủ lực của thế lực phản cách mạng. Thuế 45 xăng-tim là một vấn đề sống còn đối với nông dân Pháp, họ đã biến thứ thuế đó thành vấn đề sinh tử đối với nền cộng hòa. Từ đấy trở đi, đối với người nông dân Pháp thì *nền cộng hòa* là khoản thuế 45 xăng-tim, và nông dân coi giai cấp vô sản Pa-ri là kẻ tiêu xài phung phí đã hưởng lạc bằng tiền của nông dân.

Trước kia, cuộc cách mạng 1789 đã bắt đầu bằng việc giải phóng nông dân khỏi gánh nặng những đẳm phụ phong kiến, còn bây giờ, cuộc cách mạng 1848 lại mở đầu bằng việc ban hành một thứ thuế mới đánh vào nông dân để khỏi làm nguy hại đến tư bản và để đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước của tư bản.

Cái phương pháp độc nhất mà chính phủ lâm thời có thể dùng để gạt bỏ được tất cả những trở ngại đó và kéo nhà nước ra khỏi con đường cũ của nó, đó là *tuyên bố nhà nước bị phá sản*. Người ta còn nhớ rằng ngay sau đó, trước Quốc hội, Lơ-đruy-Rô-lanh đã tỏ vẻ bất bình một cách đức độ như thế nào khi ông ta tuyên bố bác bỏ kiến nghị đó của Phun-đơ, một tên cho vay cắt cổ ở thị trường chứng khoán giờ đây là bộ trưởng Bộ tài chính Pháp. Phun-đơ đã trao cho ông ta quả táo của cây nhận thức[1*].

Công nhận những kỳ phiếu mà xã hội tư sản cũ buộc nhà nước phải trả, tức là chính phủ lâm thời đã chịu sự chi phối của xã hội ấy. Chính phủ lâm thời đã trở thành con nợ túng thiếu của xã hội tư sản, chứ không phải là một chủ nợ đáng sợ đang có quyền thu hồi của giai cấp tư sản những khoản nợ cách mạng từ bao nhiêu năm về trước. Chính phủ lâm thời cần phải củng cố những quan hệ tư sản đang bị lung lay để làm tròn những nghĩa vụ mà chỉ trong phạm vi những quan hệ đó nó mới có thể hoàn thành được. Tín dụng trở thành một điều kiện sống còn của chính phủ đó, còn bao nhiêu những sự nhượng bộ, những lời hứa hẹn với giai cấp vô sản đều trở thành bấy nhiêu *xiềng xích cần phải* đập tan bằng bất kỳ giá nào. Việc giải phóng công nhân, dù chỉ là một *lời nói suông* thôi, cũng trở thành một mối nguy hiểm không thể dung thứ đối với nền cộng hòa mới, vì yêu sách đó luôn luôn là việc chống lại sự khôi phục chế độ tín dụng, một chế độ dựa vào sự thừa nhận một cách vững chắc và không gì lay chuyển được những quan hệ kinh tế có tính chất giai cấp hiện tồn. Cho nên cần phải *dứt khoát với công nhân* thôi.

Cách mạng tháng Hai đã đẩy quân đội ra khỏi Pa-ri. Đội cận

1* Đây là một phần của một câu trong kinh thánh: cái cây nhận thức về điều thiện và điều ác, hoặc là về điều phải, điều trái.

vệ quốc gia, tức là giai cấp tư sản trong các sắc thái khác nhau của nó, là lực lượng quân sự duy nhất. Song đội cận vệ ấy cảm thấy rằng một mình nó không thể đối phó nổi với giai cấp vô sản. Vả lại, nó buộc phải mở rộng dần dần hàng ngũ của nó, phần nào tiếp nhận những phần tử vô sản vũ trang vào trong hàng ngũ của nó, tuy rằng nó đã chống đối hết sức kịch liệt việc đó, đã gây ra mọi thứ trở ngại cho việc đó. Như vậy là chỉ có một lối thoát duy nhất: *đem bộ phận này của những người vô sản đối lập với bộ phận kia.*

Nhằm mục đích ấy, chính phủ lâm thời đã thành lập 24 tiểu đoàn *cận vệ lưu động*, mỗi tiểu đoàn 1000 người, gồm những thanh niên từ 15 đến 20 tuổi. Phần đông họ thuộc *tầng lớp vô sản lưu manh*; ở tất cả các thành phố lớn, họ là dám người khác hẳn với giai cấp vô sản công nghiệp, là miếng đất ươm những kẻ trộm cắp và những kẻ phạm tội đủ loại, những kẻ sống bằng cơm thừa canh cặn của xã hội, những kẻ không nghề nghiệp rõ ràng, những kẻ du đãng - những gens sans feu et sans aveu, khác nhau tùy theo trình độ văn hóa cao hay thấp của dân tộc mình, nhưng bất cứ lúc nào và ở đâu cũng giữ cái tính chất lat-xa-rô-ni[16]. Vì chính phủ lâm thời tuyển mộ họ trong lứa tuổi rất trẻ, cho nên họ có tính chất rất không ổn định, có khả năng lập những thành tích hết sức anh dũng và hy sinh đầy nhiệt tình, nhưng đồng thời cũng có thể có những hành vi cướp bóc hết sức sấu xa và tính vụ lợi hết sức đê tiện. Chính phủ lâm thời trả cho họ mỗi ngày 1 phrăng 50 xăng-tim, nghĩa là mua họ. Nó cấp cho họ một bộ đồng phục riêng biệt, khiến cho bề ngoài, họ khác với những công nhân mặc áo blu-dơ. Những chỉ huy của họ thì hoặc là những sĩ quan trong quân đội thường trực mà người ta điều đến cho họ, hoặc là do họ tự bầu ra trong số những thanh niên con em các nhà tư sản, là những kẻ quyến rũ họ bằng những lời cổ vũ hy sinh cho tổ quốc và trung thành với nền cộng hòa.

Như vậy là đối mặt với giai cấp vô sản Pa-ri, có một đạo quân tuyển mộ ngay trong hàng ngũ của chính họ, gồm 24000 người, trẻ, khỏe, dấy gan dạ. Giai cấp vô sản "*hoan hô*" đội cận vệ lưu động trong các cuộc diễu hành của đội quân này trên các đường

phố Pa-ri. Giai cấp vô sản coi họ là những chiến sĩ tiền phong của mình trên các chiến lũy, coi họ là đội cận vệ *vô sản* đối lập với đội cận vệ quốc gia của giai cấp tư sản. Sai lầm ấy có thể dung thứ được.

Song song với đội cận vệ lưu động, chính phủ còn quyết định tập hợp chung quanh mình một đạo quân công nhân công nghiệp nữa. Hàng chục vạn công nhân bị khủng hoảng và cách mạng ném ra ngoài đường, đã được viên bộ trưởng Ma-ri tuyển mộ vào những cái gọi là công xưởng quốc gia. Cái tên gọi hoa mỹ đó chẳng qua chỉ là để che đậy việc sử dụng công nhân vào *những công việc đào đất*, tẻ ngắt, vô vị, không có tính chất sản xuất, với một số tiền công là 23 xu. Những *công xưởng quốc gia* ấy chỉ là những *trại lao động*[17] lộ thiên như kiểu của *Anh* chứ chẳng có gì khác. Bằng những công xưởng đó, chính phủ lâm thời tưởng là đã thành lập được *một đạo quân vô sản thứ hai để chống lại chính ngay công nhân*. Lần này, giai cấp tư sản đã lầm về những công xưởng quốc gia, cũng như công nhân đã lầm về đội cận vệ lưu động. Giai cấp tư sản đã tạo ra một *đạo quân bạo động*.

Nhưng có *một* mục đích đã đạt được.

Công xưởng quốc gia, - đó là tên gọi của những công xưởng nhân dân mà Lu-i Blăng đã tán dương ở Cung điện Lúc-xăm-buốc. Những công xưởng của Ma-ri, được nghĩ ra *trái ngược* trực tiếp với kế hoạch được vạch ra tại Cung điện Lúc-xăm-buốc, nhưng vì trùng tên, nên thường dẫn đến những tình tiết gây ra những sự hiểu lầm xứng danh với những bọn gia thần trong hài kịch Tây Ban Nha. Chính bản thân chính phủ lâm thời đã ngấm ngầm tung ra cái tin đồn rằng những công xưởng quốc gia đó là một phát minh của Lu-i Blăng, điều đó càng có vẻ đáng tin hơn nữa vì Lu-i Blăng, người chủ trương xây dựng những công xưởng quốc gia lại là một ủy viên trong chính phủ lâm thời. Trong sự lẫn lộn mà giai cấp tư sản Pa-ri đã nửa ngây thơ, nửa cố ý gây ra như thế, trong dư luận mà người ta đã nuôi dưỡng một cách giả tạo ở Pháp và ở châu Âu, thì những trại lao động ấy là bước đầu thực hiện chủ nghĩa xã hội mà người ta đem bêu diếu cùng với những trại lao động đó.

Nếu không phải bằng nội dung của chúng, thì cũng bằng tên gọi của chúng, những *công xưởng quốc gia* đã thể hiện cụ thể sự phản kháng của giai cấp vô sản chống lại nền công nghiệp tư sản, chống lại chế độ tín dụng tư sản và chống lại nền cộng hòa tư sản. Cho nên tất cả sự căm thù của giai cấp tư sản đều trút lên những xưởng ấy. Giai cấp tư sản cùng đồng thời nhận thấy đối tượng tấn công của nó là những xưởng ấy, một khi nó đã khá vững mạnh để có thể công khai cắt đứt với những ảo tưởng về cuộc cách mạng tháng Hai. Đồng thời, tất cả sự bực bội và căm ghét của *những người tiểu tư sản* đều chĩa cả vào những công xưởng quốc gia đó, vào cái mục tiêu chung đó. Họ thật sự tức giận khi tính toán những số tiền mà những gã vô sản ăn hại này đã nuốt chửng mất, trong khi chính tình thế của họ đang ngày càng trở nên không thể nào chịu được nữa. Họ gẩm gừ trong họng: một khoản tiền của nhà nước cấp cho cái có vẻ như là lao động ấy, chủ nghĩa xã hội thế đấy! Họ cho rằng nguyên nhân gây ra cảnh khốn cùng của họ là các công xưởng quốc gia, là những câu tuyên bố văn hoa của Ủy ban Lúc-xăm-buốc, là các cuộc tuần hành thị uy của công nhân ở Pa-ri, và không có kẻ nào lại phản đối một cách cuồng nhiệt những cái gọi là âm mưu của những người cộng sản hơn là anh tiểu tư sản đang bị đẩy một cách tuyệt vọng đến miệng hố phá sản.

Như vậy là trong cuộc vật lộn sắp tới đây giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, thì giai cấp tư sản đã nắm trong tay tất cả những thuận lợi, tất cả những vị trí quyết định, tất cả những tầng lớp trung gian trong xã hội. Trong khi đó những làn sóng của cách mạng tháng Hai đang lan tràn khắp lục địa, mà mỗi kỳ thư mới đều mang tới một tin mới về cách mạng, khi thì ở nước I-ta-li-a, khi thì ở nước Đức, khi thì ở những miền đông nam xa xăm của châu Âu và nuôi dưỡng tình trạng say sưa chung của nhân dân bằng cách không ngừng mang lại cho nhân dân những bằng chứng về một thắng lợi mà kết quả đã tuột khỏi tay họ rồi.

Ngày 17 tháng ba và *ngày 16 tháng Tư* đã diễn ra những trận giao chiến đầu tiên giữa những đồn tiền tiêu của cuộc đấu tranh giai cấp to lớn vẫn ấp ủ trong nội bộ nền cộng hòa tư sản.

Ngày 17 tháng Ba đã bộc lộ rõ hoàn cảnh không rõ ràng của

giai cấp vô sản khiến cho họ không thể có một hành động nào kiên quyết được. Cuộc biểu tình thị uy của giai cấp vô sản lúc đầu là nhằm mục đích đưa chính phủ lâm thời trở lại con đường cách mạng, rồi tùy theo tình hình mà gạt bỏ những thành viên tư sản của chính phủ ấy, và buộc chính phủ phải hoãn ngày bầu cử vào Quốc hội và vào đội cận vệ quốc gia[18]. Nhưng ngày 16 tháng Ba, giai cấp tư sản, do đội cận vệ quốc gia đại biểu, đã tiến hành một cuộc biểu tình thị uy phản đối chính phủ lâm thời. Nó tiến về phía tòa thị chính vừa đi vừa hô: "À bas Ledru-Rollin!"[1*], Và ngày 17 tháng Ba, nhân dân đã buộc phải hô: "Lơ-đruy-Rô-lanh muôn năm! Chính phủ lâm thời muôn năm!" Để *chống lại* giai cấp tư sản, nhân dân đã buộc phải đứng về phía nền cộng hòa tư sản mà họ thấy hình như đang ở trong tình trạng nguy hiểm. Họ đã củng cố lại chính phủ lâm thời chứ không chỉ phối chính phủ. Ngày 17 tháng Ba chuyển thành một tấn bi kịch, và vì ngày hôm đó giai cấp vô sản Pa-ri đã một lần nữa biểu thị lực lượng khổng lồ của mình, nên giai cấp tư sản, ở trong và ở ngoài chính phủ lâm thời, lại chỉ càng thêm quyết tâm dẹp bẹp giai cấp vô sản.

Ngày 16 tháng Tư là một *sự hiểu lầm* mà chính phủ lâm thời đã đồng mưu với giai cấp tư sản để tổ chức ra. Công nhân đã tụ họp đông đảo ở Quảng trường Mác-xơ và ở trường đua ngựa để chuẩn bị bầu ban tham mưu của đội cận vệ quốc gia. Bỗng nhiên, một tin đồn lan nhanh như chớp ra khắp Pa-ri rằng công nhân đã võ trang tập hợp ở Quảng trường Mác-xơ, dưới sự chỉ huy của Lu-i Blăng, Blăng-ki, Ca-bê và Ra-xpai để từ đó kéo về tòa thị chính, lật đổ chính phủ lâm thời và tuyên bố thành lập một chính phủ cộng sản. Người ta nổi kèn báo động. Sau này, Lơ-đruy-Rô-lanh, Ma-ra-xtơ và La-mác-tin tranh nhau cái vinh dự đưa ra sáng kiến đó trước tiên; một giờ sau, 100000 người súng ống sẵn sàng đã có mặt, đội cận vệ quốc gia đã chiếm đóng khắp mọi chỗ trong tòa thị chính; khắp Pa-ri đâu đâu cũng vang tiếng thét: Đả đảo bọn cộng sản! Đả đảo Lu-i Blăng, Blăng-ki, Ra-xpai và Ca-bê! Các đoàn đại biểu lũ lượt kéo đến tỏ lòng trung

1*. "Đả đảo Lơ-đruy-Rô-lanh!"

thành với chính phủ lâm thời và tất cả đều sẵn sàng cứu tổ quốc và cứu xã hội. Cuối cùng, khi công nhân đến trước tòa thị chính để trao cho chính phủ lâm thời số tiền lạc quyên vì mục đích yêu nước đã thu được ở Quảng trường Mác-xơ, thì họ hết sức kinh ngạc được biết rằng giai cấp tư sản Pa-ri, trong một cuộc chiến đấu giả được bố trí cực kỳ thận trọng, đã chiến thắng được cái bóng của họ. Cuộc mưu hại khủng khiếp ngày 16 tháng Tư đã là một cái cớ để *gọi quân đội về Pa-ri*, đó chính là mục đích thật sự của tấn hài kịch đã được dựng lên một cách vụng về, cũng như của những cuộc biểu tình mang tính chất liên bang chủ nghĩa phản động ở các tỉnh.

Ngày 4 tháng Năm *Quốc hội*[1*] do cuộc *tổng tuyển cử bằng đầu phiếu trực tiếp* bầu ra, đã nhóm họp. Quyền phổ thông đầu phiếu đã không có được cái phép thần thông như những người cộng hòa phái cũ đã gán cho nó. Những người này đã coi toàn thể nước Pháp, hay ít ra là đại đa số người Pháp, đều là những citoyens[2*] có cùng những lợi ích như nhau, cùng một quan điểm như nhau, v.v.. Họ *sùng bái nhân dân* như thế đó. Nhưng cuộc tuyển cử đã chỉ cho thấy nhân dân *thực sự*, gồm những đại biểu của các giai cấp khác nhau, chứ không phải nhân dân *tưởng tượng* của họ. Chúng ta đã thấy rằng tại sao nhân dân và những người tiểu tư sản đã phải bỏ phiếu dưới sự điều khiển của giai cấp tư sản đang hăm hở đấu tranh và của bọn đại địa chủ đang điên cuồng muốn phục tích. Nhưng nếu chế độ phổ thông đầu phiếu không phải là chiếc gậy thần kỳ mà những người cộng hòa chất phác đã từng nhầm tưởng, thì nó cũng có cái ý nghĩa khác vô cùng to lớn hơn là đã phát động được cuộc đấu tranh giai cấp, làm cho các tầng lớp trung đẳng của xã hội tư sản đã mau chóng mất hết những ảo tưởng và thất vọng của họ; nó đưa ngay một lúc tất cả các phe phái trong giai cấp bóc lột lên cái đỉnh cao của nhà nước và do đó lột được cái mặt nạ lừa bịp của chúng; trong khi nền quân chủ, với chế độ tuyển cử dựa trên thuế suất, chỉ làm mất tín

1* Từ đây cho đến tr.82, từ Quốc hội có nghĩa là Quốc hội lập hiến hoạt động từ ngày 4 tháng Năm 1848 đến tháng Năm 1849.
2*- công dân

nhiệm của một số những phe phái nhất định trong giai cấp tư sản, giấu những phe phái khác ở hậu trường và nhất luật khoác cho những phe phái này cái vòng hào quang là phe đối lập.

Trong Quốc hội lập hiến họp ngày 4 tháng Năm, *phái cộng hòa tư sản*, phái cộng hòa của tờ báo "National" đã chiếm ưu thế. Lúc đầu, bản thân phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng cũng chỉ dám xuất đầu lộ diện dưới cái mặt nạ chủ nghĩa cộng hòa tư sản mà thôi. Lúc đó, chỉ với danh nghĩa của nền cộng hòa thì mới có thể phát động được cuộc đấu tranh chống giai cấp vô sản.

Từ ngày 4 tháng Năm, chứ không phải từ ngày 25 tháng Hai, là ngày khởi đầu của nền cộng hòa, nghĩa là cái nền cộng hòa mà nhân dân Pháp thừa nhận; chứ không phải là nền cộng hòa mà giai cấp vô sản Pa-ri buộc chính phủ lâm thời phải nhận, không phải là nền cộng hòa có các thiết chế xã hội, không phải là cái ảo ảnh đã từng lởn vởn trước mắt những người đã chiến đấu trên các chiến lũy. Nền cộng hòa mà Quốc hội đã tuyên bố, nền cộng hòa duy nhất hợp pháp, không phải là một vũ khí cách mạng chống chế độ tư sản, mà đúng ra là sự thiết lập lại chế độ tư sản về mặt chính trị, là sự củng cố xã hội tư sản về mặt chính trị; nói tóm lại, tức là *nền cộng hòa tư sản*. Người ta đã lớn tiếng khẳng định nền cộng hòa đó trên diễn đàn của Quốc hội, tất cả các báo chí tư sản, cả của phái cộng hòa lẫn của phái chống cộng hòa, đều nhất tề hưởng ứng.

Chúng ta đã thấy rằng nền cộng hòa tháng Hai, trên thực tế, chỉ là một và chỉ có thể là một nền cộng hòa *tư sản* mà thôi; rằng mặt khác, dưới áp lực của giai cấp vô sản, chính phủ lâm thời đã buộc phải tuyên bố *một nền cộng hòa có các thiết chế xã hội*; rằng giai cấp vô sản Pa-ri vẫn chưa thể vượt ra ngoài khuôn khổ của nền cộng hòa tư sản bằng cách nào khác hơn là *trong tư tưởng, trong trí tưởng tượng*; rằng bất cứ ở đâu mà họ thật sự chuyển sang hành động thì họ đều phục vụ cho nền cộng hòa tư sản cả; rằng tất cả những lời hứa hẹn với giai cấp vô sản đều trở thành một sự nguy hại không thể chịu nổi đối với nền cộng hòa mới; rằng toàn bộ quá trình tồn tại của chính phủ lâm thời rút cục lại chỉ là một cuộc đấu tranh không ngừng chống những yêu sách của giai cấp vô sản.

Toàn thể nước Pháp mà Quốc hội là đại biểu, đã đứng ra xét xử giai cấp vô sản Pa-ri. Quốc hội đoạn tuyệt ngay với tất cả những ảo tưởng xã hội của cuộc cách mạng tháng Hai; nó dứt khoát tuyên bố *nền cộng hòa tư sản* và chỉ có nền cộng hòa tư sản mà thôi. Nó liền gạt ngay các đại biểu của giai cấp vô sản là Lu-i Blăng và An-be ra khỏi Ủy ban chấp hành mà nó đã cử ra; nó đã bác bỏ để nghị thành lập một bộ lao động riêng; nó vỗ tay như vũ bão để hoan nghênh lời tuyên bố của bộ trưởng Tơ-rê-la: "Vấn đề hiện nay chỉ là *đưa lao động trở về những điều kiện cũ của nó*".

Nhưng không phải chỉ đến đó là xong dâu. Với sự giúp đỡ tiêu cực của giai cấp tư sản, công nhân đã giành được nền cộng hòa tháng Hai. Những người vô sản có quyền chính đáng tự coi mình là những người đã chiến thắng hồi tháng Hai và họ có những yêu cầu ngạo mạn của kẻ chiến thắng. Phải đánh bại họ ở ngoài đường phố; cần phải vạch cho họ thấy rằng họ sẽ ngã quỵ nếu họ đấu tranh *chống* giai cấp tư sản, chứ không phải *liên minh* với giai cấp tư sản. Trước kia, nền cộng hòa tháng Hai với những sự nhượng bộ của nó trước những người xã hội chủ nghĩa, đã cần đến một cuộc chiến đấu của giai cấp vô sản liên minh với giai cấp tư sản để chống lại nền quân chủ, thì bây giờ cũng thế, cũng cần phải thoát khỏi những sự nhượng bộ trước những người xã hội chủ nghĩa, để chính thức xác lập sự thống trị của *nền cộng hòa tư sản*. Giai cấp tư sản cần phải cầm vũ khí trong tay để gạt bỏ những yêu sách của giai cấp vô sản. Và chính *thất bại hồi tháng Sáu* chứ không phải là *thắng lợi hồi tháng Hai* đã khai sinh ra nền cộng hòa tư sản.

Giai cấp vô sản đã đẩy nhanh giờ phút quyết định, khi họ đột nhập vào Quốc hội ngày 15 tháng Năm, để tìm cách khôi phục lại ảnh hưởng cách mạng của mình nhưng phí công vô ích và kết quả chỉ là đem nộp những lãnh tụ quả cảm của họ cho bọn cai ngục của giai cấp tư sản[19]. *Il faut en finir!* Phải chấm dứt tình hình này đi thôi! Bằng tiếng hô đó, Quốc hội đã tỏ rõ quyết tâm buộc giai cấp vô sản phải quyết chiến. Ủy ban chấp hành công bố một loạt sắc lệnh có tính chất khiêu khích, như cấm tập họp, v.v..

Từ trên diễn đàn của Quốc hội lập hiến, người ta công khai đưa ra những lời khiêu khích, lăng mạ, chế giễu công nhân. Nhưng, như chúng ta đã biết, đối tượng công kích chủ yếu là những *công xưởng quốc gia*. Quốc hội lập hiến đã oai vệ vạch mặt chỉ tên những xưởng đó ra cho Ủy ban chấp hành, và Ủy ban này chỉ chờ đợi lúc nghe thấy cái kế hoạch của chính nó trở thành một mệnh lệnh của Quốc hội mà thôi.

Ủy ban chấp hành đã bắt đầu bằng cách gây nhiều khó khăn hơn cho việc nhận vào làm việc trong các công xưởng quốc gia, thay tiền công hàng ngày bằng tiền công theo sản phẩm, đẩy tất cả những công nhân không phải sinh quán ở Pa-ri, đi Xô-lô-nhơ, mượn cớ là điều họ đến đó để đào đắp đất. Những công việc đào đắp này, trên thực tế, chỉ là một cách nói hoa mỹ để che đậy việc đuổi họ đi, đúng như lời các công nhân bị thất vọng trở về đã nói cho bạn bè họ biết. Sau hết, ngày 21 tháng Sáu, một sắc lệnh đã được đăng trên tờ "Moniteur", ra lệnh đuổi một cách tàn nhẫn tất cả các công nhân chưa vợ ra khỏi các công xưởng quốc gia hoặc là đưa họ vào quân đội.

Công nhân không còn có đường nào để mà lựa chọn nữa: hoặc chịu chết đói, hoặc phải tiến hành đấu tranh. Ngày 22 tháng Sáu, họ đã đáp lại bằng một cuộc khởi nghĩa rất lớn, trong đó trận giao chiến lớn đầu tiên đã diễn ra giữa hai giai cấp đối lập trong xã hội hiện đại. Đó là cuộc đấu tranh để duy trì, hoặc để tiêu diệt chế độ *tư sản*. Tấm màn ngụy trang cho nền cộng hòa bị xé toang.

Người ta biết rằng công nhân không có lãnh tụ, không có kế hoạch hành động chung, không có phương tiện và hầu hết là không có vũ khí, thế mà với lòng dũng cảm và tài trí vô song, họ đã chống cự được trong suốt năm ngày với quân đội, với đội quân lưu động, với đội cận vệ quốc gia ở Pa-ri cũng như với đội cận vệ quốc gia ở các tỉnh đổ về. Người ta biết rằng giai cấp tư sản đã trả đến bù cho nó về những cơn khiếp sợ chí chết của nó, bằng một sự tàn bạo chưa từng thấy và đã giết hại hơn 3000 tù binh.

Những đại biểu chính thức của phái dân chủ Pháp đã bị nhiễm

sâu cái hệ tư tưởng cộng hòa chủ nghĩa đến nỗi phải mấy tuần lễ sau họ mới bắt đầu nghi ngờ về ý nghĩa của trận chiến đấu hồi tháng Sáu. Họ như bị hôn mê vì khói thuốc súng trong đó cái nền cộng hòa tưởng tượng của họ đã tiêu tan mất.

Còn về cái ấn tượng trực tiếp mà sự thất bại mới hồi tháng Sáu đã gây ra cho chúng tôi thì chúng tôi xin phép độc giả được mô tả lại bằng một đoạn văn trên tờ "Neue Rheinische Zeitung":

"Tàn tích chính thức cuối cùng của cuộc cách mạng tháng Hai, - tức là Ủy ban chấp hành - đã tiêu tan như một ảo ảnh trước các sự biến khắc nghiệt; pháo hoa của La-mác-tin đã biến thành hỏa pháo của Ca-ve-nhắc. Fraternité, tình hữu ái giữa các giai cấp đối kháng nhau, trong đó giai cấp này bóc lột giai cấp kia, cái chữ fraternité đã được tuyên bố trong tháng Hai, được viết bằng chữ lớn trên mặt trước của các nhà ở Pa-ri, trên mỗi nhà tù, mỗi trại lính là như thế đấy. Biểu hiện thật sự, xác thực, phàm tục của nó là *nội chiến*, một cuộc nội chiến dưới hình thức khủng khiếp nhất của nó - tức là cuộc chiến tranh giữa lao động và tư bản. Tình hữu ái ấy đã rực cháy ở tất cả các cửa sổ của Pa-ri vào tối 25 tháng Sáu, khi Pa-ri của giai cấp tư sản sáng trưng ánh đèn, còn Pa-ri của giai cấp vô sản thì đang rực cháy, đổ máu và rên xiết. Tình hữu ái chỉ tiếp tục chừng nào mà lợi ích của giai cấp tư sản gắn với lợi ích của giai cấp vô sản.

Những nhà học giả khăng khăng bám lấy truyền thống cách mạng của năm 1793, những nhà khống luận xã hội chủ nghĩa đã vì nhân dân mà ngửa tay van xin giai cấp tư sản và được người ta cho phép thuyết giáo dài dòng và tự làm cho mình mất uy tín, chừng nào mà người ta còn cần phải ru ngủ con sư tử vô sản; bọn cộng hòa cần lập lại toàn bộ trật tự tư sản cũ, miễn là không có ngôi vua; phái quân chủ đối lập mong muốn thay đổi nội các thì ngẫu nhiên lại đứng trước sự sụp đổ của một đòng vua; phái chính thống không muốn thay đổi bộ áo chỉ muốn thay đổi kiểu áo, - đó là những bạn đồng minh của nhân dân trong cuộc cách mạng tháng Hai...

Cuộc *Cách mạng tháng Hai* là một cuộc cách mạng *đẹp*, một cuộc cách mạng mà mọi người đều biểu đồng tình vì những mâu thuẫn đã bùng nổ lúc bấy giờ chống lại chính quyền nhà vua thì hãy còn ngủ yên bên cạnh nhau, *trong trạng thái phôi thai*, vì

cuộc đấu tranh xã hội cấu thành bối cảnh của những mâu thuẫn ấy chỉ mới đạt tới một sự tồn tại mơ hồ, sự tồn tại của những câu chữ, những ngôn từ mà thôi. Ngược lại cuộc *cách mạng tháng Sáu* là một cuộc cách mạng đáng *ghê tởm*, một cuộc cách mạng đáng ghét, bởi vì hành động đã thay thế cho lời nói, vì nền cộng hòa đã để lộ trần cái đầu của bản thân con quái vật ra, bằng cách vứt bỏ cái vương miện đã che chở và ngụy trang cho nó. *Trật tự!* Đó là khẩu hiệu chiến đấu của Ghi-dô! *Trật tự!* Đó là tiếng hô của Xê-ba-xti-a-ni, một phần tử theo Ghi-dô khi Vác-sa-va bị quân Nga chiếm. *Trật tự!* Đó là tiếng hô của Ca-ve-nhắc, tiếng vang tàn bạo của Quốc hội Pháp và của giai cấp tư sản cộng hòa. *Trật tự!* Đó là tiếng gầm của những phát súng đại bác của hắn đang xé mất thân thể của giai cấp vô sản. Từ năm 1789, không có một cuộc cách mạng nào trong vô số những cuộc cách mạng của giai cấp tư sản Pháp, đã làm phương hại đến *trật tự* cả; bởi vì tất cả những cuộc cách mạng ấy đều duy trì sự thống trị giai cấp, tình trạng nô lệ của công nhân, duy trì trật tự *tư sản*, dù cho hình thức chính trị của sự thống trị ấy và của tình trạng nô lệ ấy có luôn luôn thay đổi đi nữa. Tháng Sáu đã đụng tới *trật tự* ấy. Khốn khổ cho tháng Sáu!" ("Neue Rheinische Zeitung") ngày 29 tháng sáu 1848)[20].

Cách mạng tháng Sáu thật đáng tội chết! Châu Âu cũng nhắc lại như vậy.

Chính giai cấp tư sản đã *buộc* giai cấp vô sản Pa-ri phải làm cuộc khởi nghĩa tháng Sáu. Nguyên điều đó đã quyết định sự thất bại của giai cấp vô sản. Không phải những nhu cầu trước mắt có ý thức của họ đã đẩy họ đến chỗ muốn dùng vũ lực để đánh đổ giai cấp tư sản; họ chưa đủ sức để làm nhiệm vụ đó. Tờ "Moniteur" đã buộc phải chính thức nói cho họ biết rằng bây giờ không còn là lúc mà nền cộng hòa thấy cần phải tôn trọng những ảo tưởng của họ nữa, và chỉ có sự thất bại mới làm cho họ tin vào cái sự thực là, một sự cải thiện hết sức nhỏ trong đời sống của họ cũng vẫn là một *điều không tưởng trong phạm vi* nền cộng hòa tư sản, mà điều không tưởng này sẽ trở thành một trọng tội khi nó muốn được thực hiện. Những yêu sách của họ, cực đoan về hình thức,

ngây thơ về nội dung và vẫn còn có tính chất tư sản, mà họ đã muốn cưỡng bức nền cộng hòa tháng Hai phải nhượng bộ, bây giờ được thay thế bằng một khẩu hiệu táo bạo, khẩu hiệu đấu tranh cách mạng: *Lật đổ giai cấp tư sản! Chuyên chính của giai cấp công nhân!*

Bằng cách biến cái phần mộ của mình thành cái nôi của *nền cộng hòa tư sản*, giai cấp vô sản đã buộc nền cộng hòa này phải xuất hiện nguyên hình là một nhà nước mà mục đích rõ rệt là duy trì mãi mãi sự thống trị của tư bản, duy trì mãi mãi sự nô lệ của lao động. Luôn luôn chăm chú nhìn vào kẻ thù đầy vết sẹo, không khoan nhượng và không thể đánh bại được, - không thể đánh bại được vì sự tồn tại của nó là điều kiện sống còn của chính bản thân giai cấp tư sản, - sự thống trị của giai cấp tư sản một khi thoát khỏi mọi trở ngại, buộc phải lập tức biến thành *sự khủng bố của giai cấp tư sản*. Một khi giai cấp vô sản đã tạm thời bị gạt ra khỏi vũ đài và một khi nền chuyên chính tư sản đã được chính thức thừa nhận, thì các tầng lớp trung đẳng trong xã hội tư sản, tức là tầng lớp tiểu tư sản và nông dân, chừng nào mà tình cảnh của họ càng trở nên nặng nề và sự đối lập của họ với giai cấp tư sản càng trở nên gay gắt, sẽ càng phải liên minh chặt chẽ với giai cấp vô sản. Cũng như trước kia các tầng lớp này coi sự phát triển của giai cấp vô sản là nguyên nhân của sự nghèo khổ của họ thì ngày nay cũng vậy, họ tất phải thừa nhận rằng nguyên nhân của sự nghèo khổ của họ là sự thất bại của giai cấp vô sản.

Khi cuộc khởi nghĩa tháng Sáu trên toàn lục địa làm tăng thêm nhận thức của giai cấp tư sản về vị trí của nó và khiến cho nó liên minh công khai với nền quân chủ phong kiến chống lại nhân dân, thì nạn nhân đầu tiên của sự liên minh đó là ai? Là bản thân giai cấp tư sản trên lục địa. Thất bại tháng Sáu đã không để cho giai cấp ấy củng cố được nền thống trị của nó và không để cho nó buộc nhân dân phải dừng lại, nửa vừa lòng, nửa bất mãn, ở giai đoạn thấp nhất của cuộc cách mạng tư sản.

Sau cùng, thất bại tháng Sáu đã vạch ra cho các cường quốc chuyên chế ở châu Âu thấy điều bí mật là dù thế nào chăng nữa, nước Pháp cũng phải duy trì hòa bình với các nước láng giềng

để có thể tiến hành nội chiến ở trong nước. Cho nên nhân dân các nước đã bắt đầu chiến đấu cho nền độc lập dân tộc của mình, đều bị rơi vào ách thống trị của các nước Nga, Áo và Phổ; nhưng đồng thời, những cuộc cách mạng dân tộc ấy, những cuộc cách mạng mà sự thành bại tùy thuộc vào sự thành bại của cuộc cách mạng vô sản, đều đã mất cái tính chất tự chủ bề ngoài, mất tính chất độc lập của chúng đối với cuộc đại cách mạng xã hội. Người Hung-ga-ri, người Ba Lan, cũng như người I-ta-li-a đều không thể có tự do, nếu công nhân vẫn còn là nô lệ!

Sau hết, những thắng lợi của Liên minh thần thánh đã làm thay đổi tình thế ở châu Âu đến nỗi mọi cuộc khởi nghĩa mới của giai cấp vô sản ở Pháp đều lập tức sẽ kéo theo một *cuộc chiến tranh thế giới*. Cuộc cách mạng mới ở Pháp sẽ buộc phải lập tức vượt ra ngoài phạm vi quốc gia và *chiếm lấy vũ đài châu Âu*, vũ đài duy nhất trên đó cuộc cách mạng xã hội của thế kỷ XIX có thể thắng lợi được.

Như vậy, chỉ có thất bại tháng Sáu mới tạo nên những điều kiện cho phép nước Pháp đóng vai kẻ *thủ xướng* ra cuộc cách mạng châu Âu. Chỉ có đẫm máu của *những người khởi nghĩa tháng Sáu* thì ngọn cờ tam tài mới trở thành ngọn cờ của cách mạng châu Âu, *ngọn cờ đỏ!*

Và chúng ta hô to: *Cách mạng đã chết, cách mạng muôn năm!*

II

NGÀY 13 THÁNG SÁU 1849

Ngày 25 tháng Hai 1848 mang *chế độ cộng hòa* lại cho nước Pháp, ngày 25 tháng Sáu cưỡng bức nước Pháp phải nhận *cuộc cách mạng*. Và sau tháng Sáu thì cách mạng có nghĩa là: *lật đổ xã hội tư sản*, còn trước tháng Hai thì cách mạng có nghĩa là: *lật đổ hình thức nhà nước*.

Cuộc chiến đấu hồi tháng Sáu là do phái *cộng hòa* của giai cấp tư sản lãnh đạo và cùng thắng lợi, tất nhiên là chính quyền nhà nước là thuộc về phái đó. Việc thiết quân luật đã khiến Pa-ri phải quỳ gối trước phái đó mà không kháng cự lại được chút nào, còn tại các tỉnh thì chiếm ưu thế là một trạng thái thiết quân luật về mặt tinh thần, sự ngạo nghễ của bọn tư sản về cái thắng lợi đầy tính thô bạo đáng ghê sợ và sự ưa thích điên cuồng của nông dân đối với chế độ tư hữu. Như vậy là không có sự nguy hiểm nào *từ bên dưới* cả!

Lực lượng cách mạng của công nhân sụp đổ thì đồng thời cũng sụp đổ luôn cả ảnh hưởng chính trị của *những người cộng hòa dân chủ*, tức là những người cộng hòa *tiểu tư sản* mà đại biểu trong Ủy ban chấp hành là Lơ-druy-Rô-lanh, còn trong Quốc hội lập hiến là phái Núi, và trong báo chí là tờ "Réforme"[21]. Ngày 16 tháng Tư, phái cộng hòa dân chủ ấy đã cùng với phái tư sản âm mưu chống lại giai cấp vô sản, và trong những ngày tháng Sáu, bọn chúng đã chiến đấu sát cánh với nhau. Như vậy là chính bản thân họ đã phá tan cái cơ sở trên đó đảng của họ đã trở thành một lực lượng, vì giai cấp tiểu tư sản chỉ có thể giữ được một lập trường cách mạng chống lại giai cấp tư sản chừng nào có giai cấp vô sản đứng sau nó. Phái cộng hòa dân chủ đã bị gạt bỏ. Sự liên minh giả tạo, được miễn cưỡng ký kết với họ một cách có ẩn ý trong thời kỳ của chính phủ lâm thời và Ủy ban chấp hành, thì nay đã bị phái cộng hòa tư sản xóa bỏ một cách công khai. Là những người đồng minh bị khinh rẻ và ruồng bỏ, phái cộng hòa dân chủ đã tụt xuống hàng tôi tớ của bọn cộng hòa tam tài, họ đã không thể giành được một sự nhượng bộ nào từ tay bọn chúng mà còn buộc phải ủng hộ sự thống trị của bọn chúng mỗi khi sự thống trị đó và cùng với nó là nền cộng hòa, bị đe dọa bởi những phe phái chống lại nền cộng hòa trong giai cấp tư sản. Rút cục là ngay từ đầu, những phe phái này, tức phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, là thiểu số trong Quốc hội lập hiến. Trước những ngày tháng Sáu, bản thân các phe phái đó chỉ dám xuất đầu lộ diện dưới các chiêu bài chủ nghĩa cộng hòa tư sản thôi; thắng lợi hồi tháng Sáu, có một lúc, đã khiến cả nước Pháp tư sản tập hợp xung quanh Ca-ve-nhắc và chào mừng Ca-ve-nhắc như vị cứu tinh của mình, và khi ít lâu sau những ngày tháng Sáu, phái chống cộng hòa đã xuất hiện trở lại một cách độc lập, thì chế độ độc tài quân sự và tình trạng thiết quân luật ở Pa-ri chỉ cho phép phái này giơ bộ vòi của nó ra một cách rất dè dặt và hết sức thận trọng.

Từ năm 1830, phái *cộng hòa tư sản*, mà đại biểu là những nhà văn, những diễn giả, "những nhân vật có tài năng", và những kẻ có tham vọng mưu cầu danh lợi, những nghị sĩ, tướng tá, chủ ngân hàng và luật sư, đã tụ tập lại chung quanh một tờ báo xuất bản ở Pa-ri, tờ "National". Tờ báo này có đặt chi nhánh ở các tỉnh. Cái nhóm "National", đó chính là *triều đại của nền cộng hòa tam tài*. Nhóm đó lập tức chiếm ngay lấy tất cả các chức vị nhà nước, các bộ, cục cảnh sát, tổng cục bưu điện, các quận trưởng, các chức vị cao trong quân đội đang thiếu người đảm nhiệm. Đứng đầu quyền hành chính là viên tướng của nhóm đó, Ca-ve-nhắc; Ma-ra-xtơ, tổng biên tập của tờ báo, trở thành chủ tịch thường trực của Quốc hội lập hiến. Đồng thời, trong những phòng khách của hắn, hắn đã nhân danh nền cộng hòa "chân chính" để tiếp khách, hệt như người phụ trách lễ tân vậy.

Ngay cả những nhà văn cách mạng Pháp do cái gọi là tinh thần sùng bái truyền thống cộng hòa, đã lưu truyền ý kiến sai

lầm cho rằng phái bảo hoàng đã thống trị trong Quốc hội lập hiến. Trái lại, sau những ngày tháng Sáu, Quốc hội lập hiến vẫn *hoàn toàn chỉ đại biểu cho chủ nghĩa cộng hòa tư sản*, và ảnh hưởng của phái cộng hòa tam tài ở ngoài Quốc hội mà càng suy sụp thì khía cạnh đó của Quốc hội lập hiến biểu lộ ra càng kiên quyết. Khi có vấn đề là bảo vệ cái *hình thức* của chế độ cộng hòa tư sản thì Quốc hội đó được những lá phiếu của phái cộng hòa dân chủ, khi nêu ra vấn đề là bảo vệ *nội dung* của chế độ cộng hòa đó thì ngay cả luận điệu của Quốc hội cũng không khác gì luận điệu của những phái tư sản bảo hoàng, vì chính những lợi ích của giai cấp tư sản, những điều kiện vật chất của sự thống trị của giai cấp đó và của sự bóc lột giai cấp của giai cấp đó, là nội dung của chế độ cộng hòa tư sản.

Như vậy không phải là chủ nghĩa bảo hoàng, mà chính chủ nghĩa cộng hòa tư sản đã được thể hiện trong đời sống và trong những hành vi của Quốc hội lập hiến ấy, cái Quốc hội, rút cục lại, không phải sẽ chết đi hay sẽ bị giết, mà sẽ thối rữa ra.

Trong suốt thời gian Quốc hội lập hiến thống trị, khi nó trình diễn vở kịch ở tiền sân khấu cho đám đông công chúng tại to mặt lớn xem thì ở hậu trường lại diễn ra một cuộc lễ tế thần không ngừng - đó là những bản kết án liên tiếp, theo quân luật, những người tham gia khởi nghĩa hồi tháng Sáu đã bị cầm tù, hoặc những cuộc phát vãng không xét xử đối với họ. Quốc hội lập hiến đã thật thà thú nhận rằng những người tham gia khởi nghĩa hồi tháng Sáu không phải là những người phạm tội mà Quốc hội xét xử, mà là những kẻ thù mà Quốc hội tiêu diệt.

Hành động đầu tiên của Quốc hội lập hiến là thành lập một *ủy ban điều tra* những sự biến xảy ra hồi tháng Sáu và ngày 15 tháng Năm, và sự tham gia của những lãnh tụ các đảng xã hội chủ nghĩa và dân chủ trong những ngày đó. Cuộc điều tra nhằm trực tiếp vào Lu-i Blăng, Lơ-druy-Rô-lanh và Cô-si-đi-e. Phái cộng hòa tư sản nóng lòng muốn loại bỏ những địch thủ này. Chúng không thể giao phó việc thực hiện phục thù của chúng cho một người nào khác có đủ tư cách hơn là ngài Ô-đi-lông Ba-rô, cựu lãnh tụ của phe đối lập của vương triều, hiện thân của chủ nghĩa

tự do, một nullité grave[1*], một kẻ nói suông thâm căn cố đế, hắn không phải chỉ trả thù cho một triều vua mà thậm chí còn muốn thanh toán cả với những người cách mạng đã làm hắn hụt mất chức thủ tướng nội các. Đó là điều bảo đảm chắc chắn rằng hắn hàng động thẳng tay! Vì vậy, chính tên Ba-rô này đã được chỉ định làm chủ tịch ủy ban điều tra, và để chống lại cuộc cách mạng tháng Hai, hắn đã dựng đứng lên cả một hồ sơ đầy đủ về vụ án, có thể tóm tắt lại như sau: 17 tháng Ba - *biểu tình;* 16 tháng Tư - *âm mưu làm loạn;* 15 tháng Năm - *mưu sát;* 23 tháng Sáu - *nội chiến!* Tại sao hắn không mở rộng cuộc điều tra uyên bác về hình pháp học của hắn ngược lên tận ngày 24 tháng Hai! Tờ "Journal des Débats" trả lời[22]: ngày 24 tháng Hai giống như *ngày thành lập La Mã*. Nguồn gốc các nhà nước biến mất tăm trong các chuyện thần thoại mà người ta phải tin chứ không được bàn cãi gì cả. Lu-i Blăng và Cô-si-đi-e bị đem nộp cho tòa án. Quốc hội hoàn thành công việc thanh trừng nội bộ của mình, công việc mà nó đã bắt đầu tiến hành từ ngày 15 tháng Năm.

Dự án đánh thuế vào tư bản do chính phủ lâm thời đề ra, và được Gút-sô nêu lại - dưới hình thức một thứ thuế về cầm cố - đã bị Quốc hội lập hiến bác bỏ; đạo luật hạn chế ngày làm việc xuống còn 10 giờ bị thủ tiêu; chế độ bỏ tù vì nợ được ban hành trở lại; đa số nhân dân Pháp, bộ phận không biết đọc, biết viết, bị tước bỏ tư cách tham gia tòa án bồi thẩm. Tại sao không tước luôn cả quyền bầu cử của họ đi cho rồi? Chế độ ký quỹ đối với báo chí được phục hồi, quyền lập hội bị thu hẹp lại.

Nhưng trong khi nôn nóng muốn phục hồi những đảm bảo cũ cho những quan hệ tư sản cũ và muốn xóa bỏ tất cả các dấu vết do những làn sóng cách mạng để lại, phái cộng hòa tư sản đã vấp phải một sự phản kháng có thể dẫn tới một nguy cơ bất ngờ.

Trong những ngày tháng Sáu, không ai đấu tranh cuồng nhiệt hơn để cứu vãn quyền sở hữu tài sản và phục hồi tín dụng bằng những người tiểu tư sản Pa-ri, những chủ tiệm cà phê, chủ tiệm

1*- con số không tuyệt đối

ăn, marchands de vin[1*], tiểu thương, chủ tiệm buôn nhỏ, thợ thủ công, v.v.. Tập trung tất cả lực lượng của mình lại, tiệm buôn nhỏ liền tấn công vào lũy chướng ngại để khôi phục lại giao thông từ đường phố đến tiệm buôn. Nhưng đằng sau lũy chướng ngại là những khách hàng và những con nợ, trước mặt các lũy chướng ngại là chủ nợ của cửa hiệu. Và khi các lũy chướng ngại đã bị phá hủy và công nhân bị dẹ bẹp, khi những chủ tiệm buôn nhỏ, say sưa vì thắng lợi, chạy ùa trở về các cửa hiệu của mình, thì họ liền thấy lối vào bị chặn lại bởi một vị cứu tinh của quyền sở hữu tài sản, một nhân viên chính thức của sở tín dụng đưa cho họ những giấy tờ đáng sợ: kỳ phiếu đã quá hạn! Tiền thuê nhà đã quá hạn trả! Giấy nợ đã quá hạn trả! Cửa hiệu tiêu ma! Chủ hiệu cũng hết đời!

Cứu vãn quyền sở hữu tài sản! Nhưng ngôi nhà họ ở, đâu có phải là tài sản của họ; cửa hàng mà họ trông nom đâu có phải là tài sản của họ; hàng hóa mà họ bán ra đâu phải là tài sản của họ. Cả cửa hiệu của họ, cả cái đĩa họ dùng để ăn, cả cái giường họ nằm đều không thuộc về họ nữa. Chính là để chống lại họ thì mới cần *cứu vãn quyền sở hữu tài sản đó*, - vì lợi ích của người chủ đã cho thuê nhà, của tên chủ ngân hàng đã chiết khấu kỳ phiếu, của tên tư bản đã ứng trước tiền mặt, của người chủ xưởng đã giao hàng hóa cho những người chủ hiệu để bán, của người buôn sỉ đã bán chịu nguyên liệu cho những người thợ thủ công ấy. *Phục hồi lại tín dụng!* Nhưng khi đã được củng cố, tín dụng biểu hiện ra thành một ông thần tích cực và đầy nhiệt tình, chính là bằng cách ném người vay nợ không trả được nợ, cùng với vợ con họ ra khỏi nhà họ, giao cái được mệnh danh là tài sản của họ cho tư bản, và tống luôn bản thân họ vào cái nhà tù giam con nợ, nó đã đứng sừng sững, dọa dẫm, trên xác chết của những người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu.

Những người tiểu tư sản kinh hãi nhận ra rằng họ đánh giai cấp công nhân, như thế là họ đã tự nộp mình cho bọn chủ nợ mà không hề chống cự lại. Sự phá sản của họ kéo dài, như một bệnh mãn tính, từ tháng Hai và có vẻ như không được ai biết tới, thì giờ đây đã được chính thức công bố sau tháng Sáu.

1*- những người buôn bán rượu vang

Người ta chỉ để cho cái *tài sản trên danh nghĩa* của họ được yên ổn trong thời gian mà, *vì tài sản*, người ta cần ném họ ra bãi chiến trường. Bây giờ, người ta đã giải quyết xong câu chuyện lớn với giai cấp vô sản rồi thì người ta cũng lại có thể thanh toán món nợ nhỏ đối với anh chủ hiệu tạp hóa. Ở Pa-ri, tổng giá trị những kỳ phiếu quá hạn lên tới trên 21 triệu phrăng, tại các tỉnh thì lên tới trên 11 triệu phrăng. Từ tháng Hai đến nay, hơn 7000 chủ hiệu buôn ở Pa-ri đã không trả tiền thuê nhà.

Nếu Quốc hội đi mở cuộc điều tra về *vụ phạm tội chính trị*, kể từ tháng Hai trở đi, thì về phía mình, những người tiểu tư sản, bây giờ đây, cũng đòi mở cuộc điều tra về những *món nợ dân sự*, kể từ ngày 24 tháng Hai trở về trước. Họ tụ tập đông đảo trong phòng lớn của sở giao dịch và họ yêu cầu, với một thái độ hăm dọa, rằng nhà buôn nào có thể chứng minh là mình vỡ nợ chỉ vì cuộc cách mạng đã làm cho công việc kinh doanh bị ngừng lại, và việc buôn bán của mình đã tiến hành tốt trước ngày 24 tháng Hai, thì được kéo dài thời hạn thanh toán ra bằng một quyết định của tòa án thương mại, còn các chủ nợ thì buộc phải xóa bỏ những khoản cho vay của họ với điều kiện được trả một lãi suất vừa phải. Vấn đề này được đưa ra thảo luận ở Quốc hội như một dự luật và dưới hình thức dự luật về những *"concordats à l'amiable"*[1*]. Quốc hội đang còn do dự thì bỗng nhiên được tin rằng ngay lúc đó, ở cửa ô Xanh-Đơ-ni, hàng nghìn vợ con của những người tham gia khởi nghĩa đang chuẩn bị một kiến nghị xin ân xá.

Đứng trước cái bóng ma hồi sinh của tháng Sáu, phái tiểu tư sản dâm run sợ, và Quốc hội lại trở lại quyết liệt như trước kia. Những concordats à l'amiable - những hợp đồng thỏa thuận giữa đôi bên- giữa người chủ nợ và con nợ đều bị bác bỏ trên những điều khoản chủ yếu.

Trong khi đó ở trong Quốc hội, những đại biểu dân chủ của giai cấp tiểu tư sản đã từ lâu bị các đại biểu cộng hòa của giai cấp tư sản đẩy lùi, cho nên sự phân biệt đó trong nghị viện

1*- "hiệp hợp đồng thỏa thuận giữa đôi bên"

đã có một ý nghĩa kinh tế thực sự tư sản ở chỗ là những người tiểu tư sản mắc nợ đều bị dem nộp cho bọn tư sản chủ nợ. Phần lớn những người tiểu tư sản mắc nợ đều hoàn toàn phá sản, số còn lại chỉ được phép tiếp tục buôn bán với những điều kiện khiến họ biến thành những nô lệ hoàn toàn thuộc quyền chi phối của tư bản. Ngày 22 tháng Tám 1848, Quốc hội bác bỏ những concordats à l'amiable; ngày 19 tháng Chín 1848, ngay giữa lúc thiết quân luật, hoàng thân Lu-i Bô-na-pác-tơ và người đảng viên cộng sản Ra-xpai bị giam tại Vanh-xen-nơ, lại được bầu làm đại biểu thành phố Pa-ri. Còn giai cấp tư sản thì bầu Phun-đơ, tên chủ ngân hàng người Do Thái, thuộc phái Oóc-lê-ăng. Như vậy là cùng một lúc từ mọi phía, người ta đều tuyên chiến công khai với Quốc hội lập hiến, với chủ nghĩa cộng hòa tư sản, với Ca-ve-nhắc.

Không cần phải giải thích dài dòng cũng thấy rõ rằng sự phá sản hàng loạt của những người tiểu tư sản Pa-ri đã có ảnh hưởng lan rộng cả ra ngoài phạm vi những người bị thiệt hại trực tiếp, và tất nhiên là sự phá sản đó làm rung chuyển một lần nữa việc lưu thông hàng hóa tư sản, đồng thời ngân sách quốc gia đã bị thiếu hụt, lại càng thiếu hụt thêm một lần nữa vì những tổn phí do cuộc khởi nghĩa hồi tháng Sáu gây ra, và vì thu nhập của nhà nước giảm sút không ngừng do sản xuất bị đình trệ, do tiêu dùng bị giảm bớt và việc nhập cảng bị thu hẹp lại. Ca-ve-nhắc và Quốc hội không biết xoay cách nào hơn là lại đi vay, thành thử họ lại càng bị đè nặng hơn dưới cái ách của bọn quý tộc tài chính.

Nếu đối với những người tiểu tư sản, kết quả của thắng lợi hồi tháng Sáu là sự phá sản và sự bán đấu giá thì ngược lại, đối với những tên lính bộ hạ của Ca-ve-nhắc, *đội cận vệ lưu động*, phần thưởng của chúng là những cánh tay êm dịu của các cô gái điếm, còn những "vị cứu tinh trẻ tuổi của xã hội" thì được tiếp đãi với đủ mọi loại lễ nghi long trọng trong những phòng khách của Ma-ra-xtơ, tên hiệp sĩ của ngọn cờ tam tài, hắn vừa đóng vai chủ tiệc, lại vừa đóng vai kẻ hát rong của chính thể cộng hòa "chân thực". Tuy nhiên, những sự ưu đãi ấy của xã hội đối với đội quân lưu động và tiền lương hết sức cao của bọn này đã làm cho *quân đội* phẫn nộ; đồng thời cũng tiêu tan tất cả các ảo tưởng dân tộc mà dưới thời Lu-i Phi-líp, phái cộng hòa tư sản,

thông qua tờ "National" của mình, đã tranh thủ được một bộ phận quân đội và một bộ phận nông dân. Vai trò trọng tài mà Ca-ve-nhắc và Quốc hội đã giữ ở *miền Bắc nước I-ta-li-a* để đem nộp miền này cho nước Áo, với sự đồng ý của Anh, - chỉ một ngày chấp chính ấy đã xóa sạch mười tám năm đối lập của tờ "National". Không có chính phủ nào lại kém tinh thần dân tộc như chính phủ của nhóm báo "National", không có chính phủ nào lại phụ thuộc nhiều vào nước Anh đến như vậy, thế mà dưới thời Lu-i Phi-líp, báo "National" đã sinh sống bằng cách lấp đi lấp lại hằng ngày câu châm ngôn của Ca-tôn: Carthaginem esse delendam[1]; không có chính phủ nào lại tỏ ra phục tùng Liên minh thần thánh đến như vậy, trong khi báo "National" đã yêu cầu một Ghi-đô nào đó hủy bỏ những điều ước Viên. Lịch sử trớ trêu đã đưa Ba-xti-đơ, cựu biên tập viên trong ban đối ngoại của báo "National", lên làm bộ trưởng bộ ngoại giao của nước Pháp để hắn bác bỏ từng bài báo của hắn bằng từng bức thông điệp của hắn.

Có một lúc, quân đội và nông dân tưởng rằng nền độc tài quân sự sẽ đồng thời đưa vào chương trình nghị sự của nước Pháp một cuộc chiến tranh với nước ngoài và "niềm vinh quang". Nhưng Ca-ve-nhắc không phải là nền độc tài của lưỡi kiếm đối với xã hội tư sản, mà nền chuyên chính tư sản được thực hiện bằng lưỡi kiếm. Trong lúc này thì đối với hắn, quân đội chỉ dùng làm hiến binh thôi. Dưới cái vẻ nghiêm trang của một thái độ chịu dựng của phái cộng hòa cũ, Ca-ve-nhắc đã giấu kín sự phục tùng một cách hèn hạ những điều kiện nhục nhã của cái chức tước tư sản của hắn. L'argent n'a pas de maitre! Tiền không có chủ. Nói chung giống như Quốc hội lập hiến, hắn lý tưởng hóa câu cách ngôn cũ đó của đẳng cấp thứ ba bằng cách chuyển nó thành ngôn ngữ chính trị: giai cấp tư sản không có vua, hình thức thống trị thực sự của giai cấp đó là chế độ cộng hòa.

Dựng lên *hình thức* ấy, đẻ ra một bản *hiến pháp* cộng hòa, đó là cái "sự nghiệp lớn lao về mặt tổ chức" của Quốc hội lập hiến. Đổi cái tên lịch Cơ Đốc giáo thành cái tên lịch cộng hòa, thay thánh Bác-thê-lê-mi bằng thánh Rô-be-xpi-e, thì cũng chẳng

1*- Phải tiêu diệt Các-ta-gơ

làm cho thời tiết thay đổi gì cả, cũng giống như bản hiến pháp ấy chẳng làm thay đổi và cũng không thể làm thay đổi được xã hội tư sản. Khi hiến pháp ấy vượt ra ngoài phạm vi *sự thay đổi trang phục* thì như thế là để xác nhận những sự việc *hiện có*. Chính vì thế mà nó đã ghi sổ một cách long trọng việc thành lập nước cộng hòa, việc ban hành chế độ phổ thông đầu phiếu, việc thiết lập một quốc hội tối cao duy nhất thay cho hai viện lập hiến với quyền hành có hạn. Chính vì thế mà nó đã ghi sổ và hợp pháp hóa nền độc tài của Ca-ve-nhắc bằng cách thay thế cái vương quyền thế tập, vĩnh viễn, vô trách nhiệm, bằng một vương quyền do dân bầu ra, có tính chất tạm thời, có trách nhiệm, nghĩa là bằng chế độ tổng thống với nhiệm kỳ bốn năm. Chính vì thế mà nó đi đến chỗ để lên thành đạo luật cơ bản, những đặc quyền mà sau những sự kiện khủng khiếp xảy ra ngày 15 tháng Năm và 25 tháng Sáu, Quốc hội, do phòng xa, đã trao cho vị chủ tịch của nó, vì sự an toàn của bản thân Quốc hội. Phần còn lại của hiến pháp chỉ là những thuật ngữ mà thôi. Người ta bóc những nhãn hiệu bảo hoàng trên các bộ máy của nền quân chủ cũ, rồi dán vào đó những nhãn hiệu cộng hòa. Ma-ra-xtơ trước đây là tổng biên tập của tờ "National", từ nay đã trở thành tổng biên tập của hiến pháp, và đã hoàn thành nhiệm vụ mang tính chất kinh viện đó một cách không phải là không tài tình.

Quốc hội lập hiến giống như một công chức nọ ở Chi-nê, anh này muốn củng cố những quan hệ sở hữu ruộng đất bằng cách phân định ranh giới đất đai ngay giữa lúc mà tiếng rung chuyển trong lòng đất đã báo hiệu rằng núi lửa sắp nổ ra và sẽ làm bắn tung mảnh đất dưới chân anh ta. Trong khi về mặt lý luận, Quốc hội lập hiến vạch ra một cách chặt chẽ những hình thức thống trị theo kiểu cộng hòa cho giai cấp tư sản, thì trong thực tế, Quốc hội đó chỉ đứng vững được bằng cách xóa bỏ tất cả các công thức, bằng bạo lực sans phrase[1*], bằng *tình trạng thiết quân luật*. Hai ngày trước khi bắt đầu thảo ra hiến pháp, Quốc hội tuyên bố kéo dài tình trạng thiết quân luật. Trước đây, thường thường người ta thảo ra và phê chuẩn những bản hiến

1*- không quanh co, úp mở gì

pháp khi quá trình cải biến xã hội đã tiến tới chỗ ổn định, khi những quan hệ mới giữa các giai cấp đã được củng cố, khi những phái đối lập với nhau trong giai cấp cầm quyền đã đi đến một sự thỏa hiệp cho phép những phái đó tiếp tục đấu tranh với nhau nhưng đồng thời lại gạt được quần chúng nhân dân đã bị kiệt sức ra khỏi cuộc đấu tranh ấy. Trái lại, hiến pháp này không thừa nhận một cuộc cách mạng xã hội nào. Nó thừa nhận thắng lợi tạm thời của xã hội cũ đối với cách mạng.

Trong bản dự án thứ nhất của hiến pháp, được thảo ra trước những ngày tháng Sáu, người ta còn thấy đề cập đến *"droit au travail"*, quyền được lao động, cái công thức vụng về đầu tiên trong đó khái quát những yêu sách cách mạng của giai cấp vô sản. Người ta đem đổi nó thành droit à l'assistance[1*], quyền được cứu tế xã hội, nhưng thử hỏi có nhà nước hiện đại nào mà lại không nuôi những kẻ bần cùng của nó bằng cách này hay cách khác? Quyền được lao động, theo ý nghĩa tư sản, là một điều vô nghĩa, một ước mong hão huyền, đáng thương hại, nhưng thực ra thì cái hận đằng sau quyền được lao động là quyền khống chế đối với tư bản, cái đằng sau quyền khống chế đối với tư bản là việc chiếm hữu những tư liệu sản xuất, việc đặt những tư liệu sản xuất đó dưới sự chi phối của giai cấp công nhân đã liên hiệp lại, nghĩa là việc xóa bỏ lao động làm thuê, xóa bỏ tư bản và những quan hệ qua lại giữa lao động làm thuê và tư bản. Đứng đằng sau *"quyền được lao động"* là cuộc khởi nghĩa tháng Sáu. Thực ra, cái Quốc hội lập hiến đã đặt giai cấp vô sản cách mạng hors la loi, ra ngoài vòng pháp luật, thì về nguyên tắc, buộc phải loại một công thức của giai cấp vô sản ra khỏi hiến pháp, tức là ra khỏi đạo luật của các luật, phải nguyền rủa cái "quyền được lao động". Nhưng nó không dừng lại ở đây. Chẳng khác gì Pla-tôn trục xuất các thi sĩ ra khỏi nước cộng hòa của ông ta, Quốc hội lập hiến cũng đã vĩnh viễn gạt bỏ *thuế lũy tiến* ra khỏi nước cộng hòa của mình. Thế nhưng, thuế lũy tiến không chỉ là một biện pháp tư sản ít hay nhiều có thể thực hiện được trong phạm vi những quan hệ sản xuất hiện tại, mà hơn nữa, nó còn là thủ

1*- quyền được cứu trợ

đoạn duy nhất để buộc chặt những tầng lớp trung đẳng của xã hội tư sản vào nền cộng hòa "chân chính", để giảm bớt những món nợ quốc gia và để giáng trả cái đa số chống lại nền cộng hòa trong giai cấp tư sản.

Vào dịp những concordats à l'amiable, những người cộng hòa tam tài đã thực sự hy sinh giai cấp tiểu tư sản cho bọn đại tư sản. Chúng đã nâng sự kiện cá biệt này lên thành một nguyên tắc bằng cách dùng luật pháp để cấm đánh thuế lũy tiến. Chúng coi cải cách tư sản và cách mạng vô sản là như nhau. Vậy thì còn lại giai cấp nào để làm chỗ dựa cho nền cộng hòa ấy? Còn lại giai cấp đại tư sản. Nhưng số đông trong giai cấp này lại chống nền cộng hòa. Nếu giai cấp đó lợi dụng những người cộng hòa của nhóm báo "National" để củng cố những quan hệ cũ trong đời sống kinh tế, thì mặt khác, nó lại định lợi dụng những quan hệ xã hội cũ đã được củng cố để khôi phục lại những hình thức chính trị thích ứng với những quan hệ đó. Đến đầu tháng Mười, bất chấp cả sự căm ghét và phản đối om sòm của bọn thanh giáo ngu xuẩn trong đảng mình, Ca-ve-nhắc vẫn buộc phải mời Đuy-phô-rơ và Vi-vi-en, những cựu bộ trưởng của Lu-i Phi-líp, ra làm những bộ trưởng của nước cộng hòa.

Trong khi hiến pháp tam tài bác bỏ mọi sự thỏa hiệp với giai cấp tiểu tư sản và chưa biết thu hút được một thành phần xã hội mới nào vào hình thức mới của nhà nước, thì ngược lại, hiến pháp đó lại vội vàng trả lại quyền bất khả xâm phạm cổ truyền cho một tập đoàn đã từng bảo vệ nhà nước cũ một cách hết sức hăng hái và cuồng nhiệt. Hiến pháp ấy đã nâng *quyền không thay đổi các thẩm phán*, một quyền đã bị chính phủ lâm thời vi phạm, lên thành một đạo luật cơ bản. *Một* ông vua bị nó truất ngôi đã được phục sinh lại thành hàng trăm ông vua trong những quan tòa không thể bãi miễn được do pháp chế quy định.

Báo chí Pháp thường vẫn tranh luận về những mâu thuẫn trong bản hiến pháp của ngài Ma-ra-xtơ, chẳng hạn như về sự song song tồn tại của hai quyền lực tối cao là Quốc hội và tổng thống, v.v., v.v..

Những mâu thuẫn chủ yếu của bản hiến pháp đó là ở chỗ này:

những giai cấp mà hiến pháp đó cần phải kéo dài kiếp nô lệ về mặt xã hội, tức là giai cấp vô sản, nông dân, tiểu tư sản, lại được hiến pháp ban cho quyền lực chính trị, bằng chế độ phổ thông đầu phiếu. Còn đối với cái giai cấp mà quyền lực xã hội cũ đã được nó xác nhận, tức là giai cấp tư sản, thì nó lại tước đoạt những bảo đảm chính trị cho quyền lực đó. Nó khuôn quyền thống trị chính trị của giai cấp tư sản vào những điều kiện dân chủ, là những điều kiện luôn luôn giúp cho các giai cấp thù địch của giai cấp tư sản giành được thắng lợi, và đe dọa ngay cả những cơ sở của xã hội tư sản. Đối với những giai cấp này, nó đòi hỏi không được tiến từ sự giải phóng về mặt chính trị đến sự giải phóng về mặt xã hội; đối với những giai cấp kia, nó đòi hỏi không được từ sự phục tích về mặt xã hội mà quay trở lại sự phục tích về mặt chính trị.

Những mâu thuẫn đó, phái cộng hòa tư sản không quan tâm đến mấy. Chúng dần dần không còn là những nhân vật *cần thiết* nữa, - và chúng chỉ là những nhân vật cần thiết khi chúng còn là đội tiên phong của xã hội cũ trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp vô sản cách mạng, - nên mỗi vài tuần sau thắng lợi, chúng đã tụt từ chỗ là một *đảng* xuống thành một *nhóm*. Còn hiến pháp thì chúng coi là một *âm mưu lớn*. Cái mà trước hết phải quy định trong hiến pháp, là sự thống trị của nhóm đó. Người ta muốn kéo dài quyền hành của Ca-ve-nhắc bằng chức tổng thống, và kéo dài quyền hành của Quốc hội lập hiến bằng Quốc hội lập pháp. Chúng hy vọng biến quyền lực chính trị của quần chúng nhân dân thành một thứ quyền lực hữu danh vô thực và chúng tưởng rằng chỉ cần lợi dụng cái quyền lực hữu danh vô thực ấy là đủ để không ngừng đe dọa cái đa số của giai cấp tư sản bằng hai khả năng do những ngày tháng Sáu đẻ ra: hoặc là *sự thống trị của nhóm "National"*, hoặc là *sự thống trị của tình trạng vô chính phủ*.

Bản hiến pháp bắt đầu được soạn thảo từ ngày 4 tháng Chín, đã hoàn thành vào ngày 23 tháng Mười. Ngày 2 tháng Chín, Quốc hội lập hiến đã quyết định không tự giải tán trước khi công bố những đạo luật về tổ chức cơ cấu để bổ sung cho hiến pháp. Tuy nhiên, vào ngày 10 tháng Chạp, nghĩa là rất lâu trước khi nó hết

nhiệm kỳ, nó đã quyết định cho ra đời cái mà chính nó sáng tạo ra, tức là chức tổng thống. Vì nó rất tin là sẽ được chào mừng cái thực thể siêu nhiên của hiến pháp là đứa con đẻ xứng đáng của mẹ. Để phòng xa, người ta đã quy định rằng nếu không có ứng cử viên nào được đủ hai triệu phiếu thì quyền bầu cử tổng thống sẽ được chuyển từ tay nhân dân sang tay Quốc hội lập hiến.

Phòng xa vô ích! Ngày đầu tiên áp dụng hiến pháp cũng là ngày thống trị cuối cùng của Quốc hội lập hiến. Trong cái đáy sâu thăm thẳm của thùng phiếu bầu cử, đã có sẵn bản án tử hình của Quốc hội lập hiến. Quốc hội lập hiến muốn kiếm "đứa con đẻ của mẹ" thì gặp phải "đứa cháu của bác". Xa-un - Ca-ve-nhắc được *một* triệu phiếu, nhưng Đa-vít Na-pô-lê-ông lại được những *sáu* triệu. Xa-un - Ca-ve-nhắc đã bị thua những sáu lần[23].

Ngày 10 tháng Chạp 1848 là ngày *khởi nghĩa của nông dân*. Chỉ từ ngày đó, mới bắt đầu cuộc cách mạng tháng Hai của nông dân Pháp. Cái biểu tượng nói lên sự tham gia của nông dân vào phong trào cách mạng, cái biểu tượng vừa vụng về vừa ranh mãnh, vừa gian xảo vừa ngây thơ, vừa trì độn vừa cao thượng, đồng thời là sự mê tín có tính toán, sự khôi hài bi ai, sự lỗi thời vừa tài tình vừa ngu ngốc, trò tinh nghịch của lịch sử thế giới, thứ văn tự tượng hình khó hiểu đối với lý trí của những người văn minh, - cái biểu tượng đó mang dấu vết không thể lầm lẫn được của giai cấp đại biểu cho sự dã man ngay trong lòng nền văn minh. Thông qua hình bóng *nhân viên thu thuế*, chế độ cộng hòa tuyên bố với giai cấp đó về sự tồn tại của mình; còn giai cấp đó thì tuyên bố sự tồn tại của nó với nền cộng hòa bằng *vị hoàng đế*. Na-pô-lê-ông là người độc nhất của đại biểu triệt để cho những lợi ích và ước mơ của giai cấp nông dân mới mà năm 1789 đã tạo ra. Viết cái tên của mình lên mặt chính diện của nền cộng hòa, như vậy là giai cấp nông dân tuyên chiến với nước ngoài và đòi thực hiện những lợi ích giai cấp của mình ở trong nước. Đối với nông dân, Na-pô-lê-ông không phải là một nhân vật, mà là một cương lĩnh. Họ đã vác cờ đi đến thùng phiếu trong tiếng nhạc và hô to: "Plus d'impôts, à bas les riches, à bas la république, vive l'Empereur!" - "Xóa bỏ thuế má, đả đảo bọn nhà giàu, đả đảo chế độ cộng hòa, hoàng đế muôn năm!". Đằng sau hoàng đế là cuộc chiến tranh của nông dân. Chế độ cộng hòa mà họ đã lật đổ bằng một cuộc bỏ phiếu là *chế độ cộng hòa của những người giàu*.

Ngày 10 tháng Chạp là ngày nổ ra coup-d'état[1*] của nông dân nhằm lật đổ chính phủ hiện hành, và bắt đầu từ cái ngày mà họ đã lật đổ và lập ra một chính phủ cho nước Pháp, họ luôn luôn chăm chú nhìn về Pa-ri. Đã một lúc là những nhân vật tích cực của tấn kịch cách mạng, họ không thể bị gạt xuống đóng vai trò thụ động và ngoan ngoãn của đội hợp xướng nữa.

Những giai cấp khác cũng góp phần hoàn thành thắng lợi của cuộc tuyển cử của nông dân. Đối với *giai cấp vô sản* thì bầu Na-pô-lê-ông có nghĩa là truất chức Ca-ve-nhắc, là lật đổ Quốc hội lập hiến, là tống cổ phái cộng hòa tư sản, là hủy bỏ thắng lợi tháng Sáu. Đối với *giai cấp tiểu tư sản* việc bầu Na-pô-lê-ông là sự thắng thế của con nợ đối với chủ nợ. Đối với số đông trong *giai cấp đại tư sản*, việc bầu Na-pô-lê-ông có nghĩa là đoạn tuyệt công khai với cái nhóm mà họ đã phải tạm dùng để chống lại cách mạng, nhưng họ lại không chịu nổi khi mà nhóm đó tìm cách chuyển cái vị trí tạm thời của mình thành một vị trí hợp hiến. Đối với họ thì Na-pô-lê-ông thay thế Ca-ve-nhắc, có nghĩa là chế độ quân chủ thay thế chế độ cộng hòa, tức là bước đầu của việc khôi phục triều vua, cái triều của công tước Oóc-lê-ăng mà người ta nói đến một cách úp mở là hoa huệ ẩn sau hoa vi-ô-lét[24]. Cuối cùng, *quân đội* đã bỏ phiếu cho Na-pô-lê-ông để chống lại đội cận vệ lưu động, chống lại bản tình ca về hòa bình, tán thành chiến tranh.

Vì vậy đã xảy ra tình trạng, mà báo "Neue Rheinische Zeitung" đã nói, là một người thiển cận của nước Pháp lại có được một tầm quan trọng[2*] nhiều mặt nhất". Chính vì hắn chẳng có gì cả, nên hắn có thể là tất cả, trừ bản thân hắn ra. Tuy nhiên, dù cái tên Na-pô-lê-ông, trong cửa miệng những giai cấp khác nhau, có những ý nghĩa khác nhau thế nào chăng nữa,

1* - cuộc chính biến, cuộc đảo chính
2* Trong bản tiếng Đức ở đây có sự chơi chữ: "einfältig" có nghĩa là "thiển cận", "vielfältig" có nghĩa là "nhiều mặt".

nhưng mỗi giai cấp đó, khi ghi cái tên ấy trên lá phiếu, thì đồng thời cũng có nghĩa là đã viết: "Đả đảo nhóm "National", đả đảo Ca-ve-nhắc, đả đảo Quốc hội lập hiến, đả đảo nền cộng hòa tư sản!". Bộ trưởng Duy-phô-rơ đã công khai tuyên bố điều đó trước Quốc hội lập hiến: "Ngày 10 tháng chạp là một ngày 21 tháng Hai thứ hai".

Giai cấp tiểu tư sản và giai cấp vô sản đã bỏ phiếu en bloc[1*] *cho* Na-pô-lê-ông, nhằm *chống lại* Ca-ve-nhắc, và tước quyền quyết định tối hậu của Quốc hội lập hiến bằng cách tập trung toàn bộ số phiếu của họ bỏ cho một ứng cử viên. Tuy nhiên, bộ phận tiên tiến nhất của hai giai cấp này đã đưa ra những ứng cử viên riêng của mình. Na-pô-lê-ông là một *cái tên chung* của tất cả các đảng phái liên minh với nhau để chống lại chế độ cộng hòa tư sản, *Lơ-đruy-Rô-lanh* và *Ra-xpai* là những *tên riêng*, tên riêng thứ nhất là của giai cấp tiểu tư sản dân chủ, còn tên riêng thứ hai là của giai cấp vô sản cách mạng. Những phiếu bỏ cho Ra-xpai, - theo như những người vô sản và những lãnh tụ xã hội chủ nghĩa của họ, đã lớn tiếng tuyên bố, - chỉ có tính chất thị uy thôi; có bao nhiêu phiếu là bấy nhiêu lời phản đối mọi chế độ tổng thống, tức là phản đối chính bản hiến pháp; là bấy nhiêu phiếu chống lại Lơ-đruy-Rô-lanh; đó là hành động đầu tiên, thông qua đó giai cấp vô sản, với tư cách là một chính đảng độc lập, đã tách khỏi đảng dân chủ. Trái lại, đảng này, tức là giai cấp tiểu tư sản dân chủ và đại biểu của nó ở Quốc hội là phái Núi - đối với việc đưa Lơ-đruy-Rô-lanh ra ứng cử - đã tỏ một thái độ hoàn toàn nghiêm túc, hoàn toàn trịnh trọng mà đảng ấy vẫn quen dùng để tự lừa dối mình. Chẳng qua đó cũng là lần cuối cùng mà đảng đó mưu toan đứng đối lập với giai cấp công nhân, với tư cách là một đảng độc lập. Không những đảng tư sản cộng hòa mà cả giai cấp tiểu tư sản dân chủ và phái Núi của nó cũng đều thất bại ngày 10 tháng Chạp.

Bây giờ, bên cạnh *phái Núi*, nước Pháp lại có Na-pô-lê-ông, điều đó chứng tỏ cả hai đều chỉ là những biếm họa chết cứng về những hiện tượng lịch sử vĩ đại mà cả hai đều mang

1*- về cơ bản, đa số

tên. Lu-i Na-pô-lê-ông, với chiếc mũ hoàng đế và con phượng hoàng, chẳng qua chỉ bắt chước theo cựu hoàng đế Na-pô-lê-ông một cách thảm hại không kém gì phái Núi, với những câu nói vay mượn của năm 1793 và những bộ dạng mị dân của nó, đã bắt chước phái Núi cũ. Như vậy là sự mê tín cổ truyền đối với năm 1793 cũng bị đập tan tín ngưỡng cùng với sự mê tín cổ truyền đối với Na-pô-lê-ông. Cách mạng chỉ có thể thật sự là cách mạng khi nó có được cái *tên riêng và độc đáo* của nó và nó chỉ có thể có được như thế khi giai cấp cách mạng mới, tức là giai cấp vô sản công nghiệp, đã xuất hiện một cách uy nghiêm ở ngay hàng đầu của cách mạng. Người ta có thể nói rằng sự kiện ngày 10 tháng Chạp đã làm cho phái Núi chưng hửng và lẩm lẫn, vì bằng một trò đùa nông dân thô kệch, sự kiện đó đã vừa cười vừa phá vỡ cái lối so sánh cổ điển với cuộc cách mạng cũ.

Ngày 20 tháng Chạp, Ca-ve-nhắc từ chức và Quốc hội lập hiến tuyên bố Lu-i Na-pô-lê-ông là tổng thống của nước cộng hòa. Ngày 19 tháng Chạp, ngày cuối cùng của sự thống trị chuyên chế của nó, Quốc hội lập hiến bác bỏ đề nghị xin ân xá cho những người tham gia khởi nghĩa tháng Sáu. Không thừa nhận sắc lệnh của Quốc hội ngày 27 tháng Sáu về việc phát vãng 15000 người khởi nghĩa, không qua xét xử, thì như vậy há chẳng phải là phủ nhận chính ngay cuộc chiến đấu hồi tháng Sáu hay sao?

Ô-đi-lông Ba-rô, bộ trưởng cuối cùng của Lu-i Phi-líp, trở thành thủ tướng của Lu-i Na-pô-lê-ông. Cũng giống như Lu-i Na-pô-lê-ông cho rằng mình lên nắm quyền không phải bắt đầu từ ngày 10 tháng Chạp, mà là bắt đầu từ một quyết nghị của thượng nghị viện năm 1804, Na-pô-lê-ông đã tìm được một vị thủ tướng cũng cho rằng mình lập nội các không phải bắt đầu từ ngày 20 tháng Chạp, mà là bắt đầu từ một sắc chỉ của nhà vua ngày 24 tháng Hai. Là người nối ngôi hợp pháp của Lu-i Phi-líp, Lu-i Na-pô-lê-ông đã làm giảm bớt sự thay đổi của chính phủ bằng cách giữ lại nội các cũ, một nội các, vả lại, cũng chưa có thời gian để bị mòn hỏng, vì nó chưa kịp ra đời.

Các lãnh tụ của những phái tư sản bảo hoàng đã khuyên Lu-i Na-pô-lê-ông nên dùng biện pháp ấy. Người cầm đầu phe đối lập của vương triều cũ, kẻ đã tiến hành một cách vô ý thức cái bước

quá độ về phía bọn cộng hòa của tờ "National", lại còn có đủ tư cách hơn để tiến hành một cách hoàn toàn có ý thức cái bước quá độ từ chế độ cộng hòa tư sản sang chế độ quân chủ.

Ô-đi-lông Ba-rô trước kia là lãnh tụ của đảng đối lập cũ duy nhất, một đảng chưa bị suy nhược trong cuộc đấu tranh luôn luôn vô hiệu để dành lấy một ghế bộ trưởng. Cách mạng đã đẩy hết đảng đối lập cũ này đến đảng đối lập cũ kia nhanh chóng kế tiếp nhau lên những đỉnh cao của nhà nước, để cho bọn họ buộc phải phủ nhận và từ bỏ không những bằng việc làm, mà cả bằng lời nói, những lời tuyên bố cũ của họ, và để cho họ, sau khi họp nhau lại thành một thứ hổ lốn ghê tởm thì cuối cùng, bị nhân dân ném vào đống rác của lịch sử. Còn cái ông Ba-rô, hiện thân của chủ nghĩa tự do tư sản, trong suốt mười tám năm liền, đã che giấu sự dè tiện và sự trống rỗng bên trong bằng thái độ đạo mạo vờ vịt, thì không từ một sự phản bội nào cả. Nếu có những lúc nào đó, sự trái ngược quá rõ rệt giữa những gai góc của hiện tại với những vinh quang của quá khứ đã làm cho bản thân ông ta khiếp sợ thì ông ta chỉ soi gương một cái là lại được cái thái độ tự chủ kiểu bộ trưởng và sự kính phục rất con người đối với chính bản thân ông ta. Cái phản ánh trong tấm gương chính là Ghi-dô, - ông ta hằng mong muốn được như Ghi-dô và vẫn luôn luôn bị ông này coi là một đứa học trò nhỏ, - chính bản thân Ghi-dô, nhưng lại là một Ghi-dô có cái trán đạo mạo của Ô-đi-lông. Cái mà ông ta không nhìn thấy là đôi tai của Mi-đa-xơ[26].

Cái ông Ba-rô của ngày 24 tháng Hai chỉ biểu lộ ra ở cái ông Ba-rô của ngày 20 tháng Chạp. Ông ta, một người thuộc phái Óc-lê-ăng theo chủ nghĩa Vôn-te, đã chọn Phan-lu, bộ trưởng bộ lễ nghi, một người thuộc phái chính thống và là thầy tu dòng Tên, làm người phụ giúp cho mình.

Mấy ngày sau, bộ nội vụ được trao cho Phô-sê Lê-ông, một người theo chủ nghĩa Man-tút. Pháp luật, tôn giáo, kinh tế chính trị học! Nội các Ba-rô chứa đựng tất cả những cái đó và hơn nữa, nó còn là một sự hợp nhất giữa phái chính thống và phái Óc-lê-ăng. Chỉ còn thiếu người theo chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ nữa thôi. Lúc này, Bô-na-pác-tơ đang còn giấu tham vọng của mình là muốn làm Na-pô-lê-ông vì *Xu-lu-cơ* chưa diễn cái vai trò của Tút-xanh Lu-vét-tuya[27].

Lập tức, người ta gạt nhóm báo "National" ra khỏi tất cả các chức vụ cao mà nó đang bám chặt lấy: cục cảnh sát, tổng cục bưu điện, viện trưởng lý, tòa thị chính Pa-ri, tất cả các ghế đó nay đều do những tay chân cũ của chế độ quân chủ nắm giữ. Săng-gác-ni-ê, một người thuộc phái chính thống, được nhận chức tổng chỉ huy của đội cận vệ quốc gia ở tỉnh Xen, kiêm chỉ huy đội cận vệ lưu động và những đội quân chính quy của sư đoàn thứ nhất. Buy-giô, một người thuộc phái Óc-lê-ăng được chỉ định làm tư lệnh trưởng quân đội miền An-pơ. Những chuyện thuyên chuyển các công chức như vậy đã liên tiếp diễn ra dưới chính phủ Ba-rô. Hành động đầu tiên của nội các của hắn là phục hồi cơ quan hành chính bảo hoàng cũ. Toàn bộ cái sân khấu quan phương đã thay đổi trong nháy mắt - hậu trường, trang phục, cách nói, diễn viên, vai phụ, vai câm, người nhắc vở, vị trí của các diễn viên, đề tài của vở kịch, nội dung của xung đột, toàn bộ cục diện. Duy chỉ có Quốc hội lập hiến cổ lỗ là còn nguyên tại chỗ. Nhưng bắt đầu từ cái giờ phút này mà Quốc hội bổ nhiệm Bô-na-pác-tơ, mà Bô-na-pác-tơ bổ nhiệm Ba-rô, mà Ba-rô bổ nhiệm Săng-gác-ni-ê, thì nước Pháp bước ra khỏi thời kỳ thành lập chế độ cộng hòa để bước vào thời kỳ chế độ cộng hòa đã được thành lập xong. Và trong cái chế độ cộng hòa đã được thành lập xong ấy thì Quốc hội lập hiến còn dùng để làm gì? Một khi quả đất đã được sáng tạo rồi thì người sáng tạo ra nó chỉ còn có cái việc là lên ở trên trời thôi. Quốc hội lập hiến nhất quyết không theo gương đó, Quốc hội là nơi ẩn náu cuối cùng của đảng cộng hòa tư sản. Nếu tất cả những đòn bẩy của quyền hành pháp của nó đã bị tước đoạt, thì liệu nó còn giữ được cái quyền lập hiến vạn năng nữa không? Ý nghĩ đầu tiên của nó là bằng mọi giá phải bám chặt lấy cái cương vị tối cao mà nó vẫn nắm giữ, rồi từ đó mà dành lại những vị trí đã mất. Một khi nội các Ba-rô bị thay thế bằng một nội các của nhóm "National" thì bọn quan lại thuộc phái bảo hoàng sẽ buộc phải rời bỏ lập tức các cơ quan hành chính và những nhân viên tam tài sẽ trở lại đẩy một cách đắc thắng. Thế là Quốc hội quyết định lật đổ nội các, và bản thân nội các lại tạo ra một cơ hội cho Quốc hội tấn công vào chính

mình, đến nỗi Quốc hội lập hiến cũng không thể tưởng tượng được một cơ hội nào thích hợp hơn thế nữa.

Chúng ta còn nhớ rằng đối với nông dân, Lu-i Bô-na-pác-tơ có nghĩa là: xóa bỏ thuế má! Ông ta đã ngồi trên ghế tổng thống được sáu ngày rồi, thì đến ngày thứ bảy, ngày 27 tháng Chạp, nội các của hắn đề nghị *duy trì thuế muối*, là thứ thuế mà chính phủ lâm thời đã ra sắc lệnh xóa bỏ. Thuế muối cùng với thuế rượu được hưởng cái đặc quyền làm kẻ giơ đầu chịu tội cho chế độ tài chính cũ của Pháp, nhất là dưới con mắt của dân nông thôn. Nội các Ba-rô không thể gà cho người mà nông dân đã bầu lên, một câu đả kích nào cay chua hơn đối với các cử tri của người đó như những tiếng: *khôi phục thuế muối!* Do thuế muối, Bô-na-pác-tơ bị mất cái vẻ mặn mà cách mạng của mình, Na-pô-lê-ông của cuộc khởi nghĩa nông dân đã tan đi như một đám mây mù, và chỉ còn lại ấn số lớn của cái âm mưu của bọn tư sản bảo hoàng. Và không phải là không có dụng ý mà nội các Ba-rô đã lấy hành động làm vỡ mộng một cách thô bạo và tàn nhẫn ấy làm hành động đầu tiên của chính phủ lâm thời của tổng thống.

Về phần mình, Quốc hội lập hiến hăm hở nắm ngay lấy cái cơ hội lường tiện ấy để lật đổ nội các và để với tư cách là kẻ bảo vệ lợi ích của nông dân và đứng đối lập với người đã được nông dân bầu lên. Quốc hội lập hiến đã bác bỏ đề nghị của bộ trưởng bộ tài chính và đã giảm số thuế xuống một phần ba so với trước, khiến cho ngân sách đã bị hụt 560 triệu thì nay lại hụt thêm 60 triệu nữa, và sau *cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm này*, Quốc hội lập hiến bình tĩnh ngồi đợi cho nội các rút lui. Thật là nó hiểu quá ít về cái thế giới mới chung quanh nó, và về sự biến đổi xảy ra trong địa vị của chính bản thân nó! Đằng sau nội các có tổng thống, và đằng sau tổng thống có 6 triệu công dân đã bỏ vào thùng phiếu bấy nhiêu triệu số phiếu không tín nhiệm Quốc hội lập hiến. Quốc hội lập hiến đã trả lại cho quốc dân những phiếu không tín nhiệm của quốc dân. Một sự trao đổi thật là nực cười! Quốc hội lập hiến quên rằng những phiếu của mình đã mất cái thị giá cưỡng bức của chúng rồi. Việc bác bỏ thuế muối chỉ làm cho Bô-na-pác-tơ và nội các của hắn

tăng thêm quyết tâm *"chấm dứt"* cái Quốc hội lập hiến đó đi. Thế là bắt đầu cuộc đấu tranh dài đó, nó chiếm hẳn một nửa thời gian tồn tại của Quốc hội lập hiến. Ngày 29 *tháng Giêng*, ngày 21 tháng Ba, ngày 8 tháng Năm đều là những journées, những ngày đáng ghi nhớ của sự khủng hoảng ấy và cũng là những điểm báo hiệu ngày 13 *tháng Sáu*.

Những người Pháp, chẳng hạn như Lu-i Blăng, đều coi ngày 29 tháng Giêng là biểu hiện của một mâu thuẫn trong chế độ lập hiến, của một mâu thuẫn giữa Quốc hội có quyền hành tối cao, không thể giải tán được, do phổ thông đầu phiếu bầu ra, với một tổng thống, về danh nghĩa thì chịu trách nhiệm trước Quốc hội, nhưng về thực tế thì không những cũng đã được cuộc phổ thông đầu phiếu công nhận, và hơn nữa đã tập hợp được cho bản thân tất cả những lá phiếu phân tán và tản mát hàng trăm lần giữa các thành viên khác nhau của Quốc hội, mà còn nắm được toàn bộ quyền hành pháp, trên đó Quốc hội chỉ đứng lơ lửng với tư cách là một quyền lực tinh thần. Việc giải thích sự kiện ngày 29 tháng Giêng theo cách đó đã làm cho việc đấu khẩu trong nghị viện, trên báo chí, trong các câu lạc bộ, lẫn lộn với nội dung hiện thực của nó. Lu-i Bô-na-pác-tơ đứng đối lập với Quốc hội lập hiến, - đây không phải là một phương diện này của quyền lập hiến đứng đối lập với phương diện kia của quyền lập hiến, không phải là quyền hành pháp đứng đối lập với quyền lập pháp. Bô-na-pác-tơ - đó là bản thân chế độ cộng hòa tư sản đã được thành lập đứng đối lập với những công cụ dùng để thành lập chế độ cộng hòa đó, đứng đối lập với những âm mưu đầy tham vọng và những yêu cầu tư tưởng của nhóm tư sản cách mạng đã sáng lập ra chế độ cộng hòa đó và bây giờ đây, đang lấy làm kinh ngạc thấy rằng chế độ cộng hòa đã thành lập xong của mình lại giống hệt như một chế độ quân chủ đã được phục tích, và đang muốn duy trì bằng bạo lực cái thời kỳ lập hiến, với những điều kiện, những ảo tưởng, cách nói và những nhân vật của thời kỳ đó, đồng thời muốn ngăn cản chế độ cộng hòa tư sản đã đạt tới trình độ thành thục xuất hiện dưới hình thức hoàn thiện và đặc thù của nó. Cũng như Quốc hội lập hiến đại biểu cho một Ca-ve-nhắc đã trở về trong lòng nó, Bô-na-pác-tơ cũng đại biểu cho một Quốc hội

lập pháp chưa tách rời khỏi hẳn, nghĩa là cho một quốc hội của chế độ cộng hòa tư sản đã được thành lập xong.

Chỉ có thể hiểu được việc bầu Bô-na-pác-tơ khi thấy rằng chỉ *độc một* tên gọi thôi mà lại bao hàm nhiều ý nghĩa, khi thấy rằng cuộc bầu cử quốc hội mới là sự tái diễn của việc bầu đó. Ngày 10 tháng Chạp đã hủy bỏ quyền đại biểu của quốc hội cũ. Như vậy thì, ngày 29 tháng Giêng, những cái đối lập với nhau, không phải là tổng thống và quốc hội của *cùng một* chế độ cộng hòa, mà một mặt, là quốc hội của chế độ cộng hòa đang được thành lập, và mặt khác, là tổng thống của chế độ cộng hòa đã được lập ra, hai thế lực thể hiện hai thời kỳ hoàn toàn khác nhau của quá trình tồn tại của chế độ cộng hòa. Một thế lực là nhóm cộng hòa nhỏ bé của giai cấp tư sản, nhóm này duy nhất có thể tuyên bố chế độ cộng hòa, giành lấy chế độ đó trong tay giai cấp vô sản cách mạng bằng những cuộc chiến đấu ngoài đường phố và bằng khủng bố, và phác ra trong hiến pháp những nét lý tưởng của chế độ đó; còn thế lực kia là toàn bộ khối bảo hoàng trong giai cấp tư sản, khối này duy nhất có thể thống trị trong cái chế độ cộng hòa tư sản đã được thành lập trong đó, có thể tước bỏ những trang trí tư tưởng của hiến pháp và thực hiện, thông qua cơ quan lập pháp và cơ quan hành chính của mình, những điều kiện không thể thiếu được để nô dịch giai cấp vô sản.

Cơn bão táp, nổ ra ngày 29 tháng Giêng, đã được tích lại trong suốt tháng Giêng. Bằng việc bỏ phiếu không tín nhiệm, Quốc hội lập hiến muốn đẩy nội các Ba-rô đến chỗ phải từ chức. Nhưng để trả lời cho việc làm đó, nội các Ba-rô lại đề nghị với Quốc hội lập hiến hãy tự mình bỏ phiếu không tín nhiệm vĩnh viễn bản thân mình, hãy quyết định tự sát, hãy ra lệnh *giải thể chính bản thân mình*. Ngày 6 tháng Giêng, Ra-tô, một trong những nghị sĩ không có tiếng tăm gì, theo lệnh của nội các, đã đệ trình một bản đề nghị về điều đó với Quốc hội lập hiến, với chính cái Quốc hội lập hiến đã từng quyết định từ hồi tháng Tám là sẽ không tự giải tán trước khi ban hành một loạt những đạo luật về tổ chức cơ cấu để bổ sung cho hiến pháp. Phun-đơ, một người tán thành nội các, đã tuyên bố thẳng với Quốc hội rằng sự giải thể của nó là cần thiết *"để khôi phục lại uy tín đã bị lung lay"*.

Chẳng phải là nó đã làm lung lay uy tín bằng cách kéo dài tình trạng tạm thời, bằng cách chỉ trích Ba-rô để đặt Bô-na-pác-tơ thành vấn đề, và chỉ trích Bô-na-pác-tơ để đặt chế độ cộng hòa đã được thành lập, thành vấn đề đó sao? Ba-rô, con người uy nghiêm, trở thành Rô-lăng giận dữ trước cái triển vọng có thể bị tước mất, sau khi chỉ được hưởng, chưa đầy mười lăm hôm, cái chức thủ tướng nội các trầy trật mãi mới giật được, cái chức mà có lần phái cộng hòa đã bắt hắn chờ đợi mất đồng một "dê-xen-na", nghĩa là đúng mười tháng. Vậy là Ba-rô đã đối xử với cái Quốc hội đáng thương ấy bằng một thái độ còn tàn bạo hơn là một tên bạo chúa nữa. Câu nói ôn tồn nhất của hắn là: "Cái Quốc hội này không thể có tương lai được". Và quả thực là Quốc hội đó giờ đây chỉ còn đại biểu cho quá khứ thôi. "Nó không có khả năng - hắn nói thêm một cách mỉa mai, - thiết lập ra chung quanh chế độ cộng hòa những cơ quan cần thiết cho việc củng cố chế độ đó". Và đúng là như vậy! Tinh thần tư sản của Quốc hội đã tan vỡ khi nó kịch liệt chống lại giai cấp vô sản, đồng thời nhiệt tình của nó đối với chế độ cộng hòa lại được phục hồi khi nó chống lại bọn bảo hoàng. Cho nên nó bất lực gấp đôi trong việc dùng những cơ quan thích hợp để củng cố cái chế độ cộng hòa tư sản mà nó không còn hiểu nổi nữa.

Cùng lúc đó, do đề nghị của Ra-tô, nội các đã gây ra một *cơn bão táp những kiến nghị* trong khắp cả nước, và mỗi ngày, Quốc hội lập hiến đã nhận được hàng kiện billets-doux[1*] từ khắp nơi trong nước Pháp gửi về, trong đó người ta đề nghị với Quốc hội bằng một giọng ít nhiều kiên quyết, là nên *tự giải thể* và làm di chúc đi. Về phía mình, Quốc hội lập hiến cũng xúi giục người ta đưa ra những phản kiến nghị, yêu cầu nó cứ tiếp tục tồn tại. Cuộc tranh cử giữa Bô-na-pác-tơ và Ca-ve-nhắc lại diễn ra dưới hình thức một cuộc đấu tranh bằng những kiến nghị tán thành hay chống lại việc giải tán Quốc hội. Những kiến nghị đó là những lời giải thích mà người ta đưa ra cho sự kiện ngày 10 tháng Chạp. Cuộc cổ động ấy dai dẳng mãi trong suốt cả tháng Giêng.

1*- những thư đầy tình yêu thương

Trong cuộc xung đột giữa Quốc hội lập hiến và tổng thống. Quốc hội không thể viện lý do nó là con đẻ của chế độ phổ thông đầu phiếu, vì đối thủ của nó, cũng lại viện đến phổ thông đầu phiếu để chống lại nó. Nó không thể dựa vào bất cứ một quyền lực hợp pháp nào, vì đây là một cuộc đấu tranh chống lại quyền lực được pháp luật quy định. Nó không thể lật đổ nội các bằng những cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm, như nó đã thử lại áp dụng biện pháp đó vào những ngày 6 và 26 tháng Giêng, vì nội các không yêu cầu nó tín nhiệm mình. Nó chỉ còn có *một* con đường duy nhất là *khởi nghĩa*. Lực lượng vũ trang của cuộc khởi nghĩa là *bộ phận của đảng cộng hòa trong đội cận vệ quốc gia, đội cận vệ lưu động* và những trung tâm của giai cấp vô sản cách mạng, tức là những *câu lạc bộ*. Các đội quân lưu động, những vị anh hùng ấy của những ngày tháng Sáu, đã trở thành, vào tháng Chạp, những lực lượng vũ trang có tổ chức của nhóm cộng hòa trong giai cấp tư sản, cũng giống như hồi trước cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, những *công xưởng quốc gia* đã trở thành những lực lượng vũ trang có tổ chức của giai cấp vô sản cách mạng. Cũng như Ủy ban chấp hành của Quốc hội lập hiến đã tấn công tàn bạo vào những công xưởng quốc gia khi nó thấy cần phải chấm dứt những yêu sách trở nên không thể chịu được của giai cấp vô sản đối với nó, nội các của Bô-na-pác-tơ cũng tấn công vào đội cận vệ lưu động, khi nó thấy cần phải chấm dứt những yêu sách trở nên không thể chịu được của những nhóm cộng hòa trong giai cấp tư sản. Nội các đó ra lệnh *giải tán đội cận vệ lưu động*. Một nửa đội quân đó bị thải hồi và bị ném ra vỉa hè; còn nửa kia thì bị tổ chức theo kiểu quân chủ thay cho tổ chức dân chủ của nó, và lương của nó bị giảm xuống bằng mức lương thường của quân đội chính quy. Đội cận vệ lưu động đã bị rơi vào tình trạng của những người khởi nghĩa tháng Sáu, và mỗi ngày báo chí lại đăng những *lời thú tội công khai* của nó trong đó nó thừa nhận sai lầm của nó trong những ngày tháng Sáu và van xin giai cấp vô sản tha thứ cho nó.

Còn các *câu lạc bộ* thì sao? Từ khi Quốc hội lập hiến chỉ trích Ba-rô để đặt tổng thống thành vấn đề, chỉ trích tổng thống để đặt nền cộng hòa tư sản đã được thành lập thành vấn đề và chỉ

trích nền cộng hòa đã được thành lập này để đặt chế độ cộng hòa tư sản nói chung thành vấn đề, thì tất phải đoàn kết xung quanh Quốc hội tất cả những phần tử lập hiến của nền cộng hòa tháng Hai, tất cả những đảng phái muốn lật đổ chế độ cộng hòa hiện hành và muốn cải biến nó, bằng cách dùng bạo lực để đẩy nó lùi trở về trạng thái cũ, nghĩa là cải biến nó thành một chế độ cộng hòa biểu hiện lợi ích giai cấp và nguyên tắc của các phần tử và đảng phái nói trên. Cái đã diễn ra rồi thì dường như chưa diễn ra, còn tất cả những cái đã kết tinh trong phong trào cách mạng thì lại tan ra; chế độ cộng hòa mà người ta đã vì nó mà chiến đấu thì lại trở thành chế độ cộng hòa không có hình thù của những ngày tháng Hai mà mỗi đảng phái hiểu theo cách riêng của mình. Những đảng phái lại trở lại, trong chốc lát, với những lập trường cũ của mình hồi tháng Hai, nhưng không còn nuôi những ảo tưởng của tháng Hai nữa. Phái cộng hòa tam tài của nhóm "National" lại dựa vào những người cộng hòa dân chủ của báo "Réforme" và đưa họ ra tiền sân khấu, đi tiên phong trong cuộc đấu tranh nghị trường. Phái cộng hòa dân chủ lại dựa vào phái cộng hòa xã hội chủ nghĩa, - ngày 27 tháng Giêng, đã có một bản tuyên ngôn công khai về sự hòa giải và liên hợp của họ, - và họ chuẩn bị, trong các câu lạc bộ, cơ sở cho cuộc khởi nghĩa của họ. Báo chí của nội các đã coi một cách có lý phái cộng hòa tam tài của nhóm báo "National" là những người khởi nghĩa hồi tháng Sáu đã sống lại. Để duy trì địa vị của mình là cầm đầu chế độ cộng hòa tư sản, chúng đã đặt ngay cả bản thân chế độ cộng hòa đó thành vấn đề. Ngày 26 tháng Giêng, viện bộ trưởng Phô-sê đề nghị một đạo luật về quyền lập hội, mà điều khoản thứ nhất là: "*Các câu lạc bộ đều bị cấm*". Hắn đề nghị rằng bản dự luật này cần được đem thảo luận ngay, theo thủ tục khẩn cấp. Quốc hội lập hiến bác đề nghị khẩn cấp đó, và ngày 27 tháng Giêng, Lơ-đruy-Rô-lanh lại đưa ra một đề nghị lên án nội các về tội vi phạm hiến pháp, với 230 chữ ký. Vào lúc mà một hành động như việc lên án nội các là một điều thú nhận vụng về sự bất lực của người xử án, nghĩa là của đa số trong nghị viện, hay là một sự phản kháng bất lực của người buộc tội chống lại chính cái đa số ấy thì việc lên án ấy là con chủ bài cách mạng lớn mà

từ đó trở đi, cái phái Núi sinh sau đẻ muộn đã dùng mỗi khi cuộc khủng hoảng lên đến cực độ. Đáng thương thay phái Núi, nó đã bị đè bẹp dưới sức nặng của chính cái tên của nó!

Ngày 15 tháng Năm, Blăng-ki, Bác-be, Ra-xpai, v.v., đã toan dùng vũ lực giải tán Quốc hội lập hiến, bằng cách cầm đầu giai cấp vô sản Pa-ri đột nhập vào hội trường. Ba-rô cũng chuẩn bị cho cái Quốc hội này một ngày 15 tháng Năm về tinh thần, khi hắn định ra lệnh cho nó phải tự giải tán và đóng cửa hội trường của nó lại. Chính cái Quốc hội này đã ủy nhiệm cho Ba-rô mở cuộc điều tra về những can phạm trong vụ tháng Năm; và giờ đây, đúng vào lúc mà hắn xuất hiện đối lập với Quốc hội như một Blăng-ki bảo hoàng và vào lúc mà Quốc hội, để chống lại Ba-rô, đã tìm những đồng minh trong các câu lạc bộ, trong những người vô sản cách mạng, trong đảng của Blăng-ki, đúng vào lúc đó thì tên Ba-rô lòng lim dạ sắt lại dày vò Quốc hội bằng cái đề nghị rút những người can phạm trong vụ tháng Năm ra khỏi tòa án bồi thẩm để đưa ra xét xử tại tòa án tối cao do nhóm báo "National" đặt ra, nghĩa là tại haute cour. Thật rất đáng chú ý là nỗi lo mất ghế bộ trưởng đã làm cho đầu óc một tên Ba-rô đã nảy ra những diều sắc sảo xứng đáng với một Bô-mác-se! Sau khi đã do dự khá lâu, Quốc hội chấp thuận đề nghị của hắn. Trong vấn đề những can phạm trong vụ khởi nghĩa tháng Năm, Quốc hội đã trở lại tính chất bình thường của nó.

Nếu Quốc hội lập hiến, trong cuộc đấu tranh với tổng thống và nội các, đã buộc phải đi vào *con đường khởi nghĩa*, thì tổng thống và nội các trong cuộc đấu tranh với Quốc hội lập hiến, buộc phải đi vào con đường làm *chính biến*, vì họ không có cách nào hợp pháp để giải tán Quốc hội cả. Nhưng Quốc hội lập hiến là mẹ đẻ ra hiến pháp, và hiến pháp là mẹ đẻ ra tổng thống. Làm chính biến tức là tổng thống xé bản hiến pháp và đồng thời xóa bỏ cơ sở pháp lý cộng hòa của mình đi. Như thế thì tổng thống sẽ buộc phải trưng những quyền hoàng đế của mình ra; nhưng những quyền hoàng đế của hắn lại gợi lên những quyền của giòng Oóc-lê-ăng, và cả hai loại quyền đó đều bị lu mờ trước những quyền của giòng chính thống. Việc lật đổ chế độ cộng hòa hợp pháp chỉ có thể làm nảy sinh ra cái cực đối lập với nó, tức là

chế độ quân chủ thuộc phái chính thống, vì vào lúc này phái Oóc-lê-ăng chỉ còn là kẻ bị thua hồi tháng Hai và Bô-na-pác-tơ chỉ còn là kẻ đã thắng vào ngày 10 tháng Chạp, mà cả hai đều chỉ còn có thể đem những quyền quân chủ cũng do tiếm đoạt mới có được mà đối lập với sự tiếm đoạt của phái cộng hòa. Phái chính thống hiểu rằng đó là thời cơ thuận lợi cho chúng, nên chúng âm mưu công khai. Chúng hy vọng rằng Săng-gác-ni-ê là một Môn-cơ[28] của chúng. Sự thiết lập một *chế độ quân chủ trắng* đã được tuyên bố một cách cũng công khai trong những câu lạc bộ của chúng, như sự thiết lập một *chế độ cộng hòa đỏ* trong những câu lạc bộ vô sản.

Một cuộc khởi nghĩa bị trấn áp một cách dễ dàng có lẽ sẽ khiến cho nội các thoát được mọi khó khăn. Ô-đi-lông Ba-rô la lớn lên rằng: "Tính hợp pháp giết chúng ta!". Nếu một cuộc khởi nghĩa nổ ra thì người ta sẽ có thể vin vào cớ vì salut public[1*] mà giải tán Quốc hội lập hiến và vi phạm hiến pháp vì chính ngay lợi ích của hiến pháp. Sự can thiệp thô bạo của Ô-đi-lông Ba-rô tại Quốc hội, việc đề nghị giải tán các câu lạc bộ, việc cách chức một cách ấm ĩ năm mươi thị trưởng tam tài và thay thế họ bằng những phần tử bảo hoàng, việc giải tán đội cận vệ lưu động, thái độ thô bạo của Săng-gác-ni-ê đối với những người chỉ huy một đội quân này, việc phục chức cho Lác-mi-ni-ê, một giáo sư mà ngay dưới thời Ghi-dô người ta đã không thể nào dung thứ được, việc dung túng những sự huênh hoang của phái chính thống, - tất cả những việc đó đều là những việc khích động cuộc khởi nghĩa. Nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn lặng thinh. Nó đợi hiệu lệnh của Quốc hội lập hiến chứ không phải của nội các.

Cuối cùng, đã đến ngày 29 tháng Giêng, cái ngày mà người ta cần phải có ý kiến về đề nghị của Ma-ti-ơ đờ la Đrôm nhằm bác bỏ không điều kiện đề nghị của Ra-tô. Phái chính thống, phái Oóc-lê-ăng, phái Bô-na-pác-tơ, đội cận vệ lưu động, phái Núi, các câu lạc bộ, tất cả mọi người đều âm mưu trong ngày hôm ấy chống lại cả những người được mệnh danh là kẻ thù lẫn những

1*- cứu nguy xã hội

người được mệnh danh là đồng minh. Bô-na-pác-tơ ngồi trên mình ngựa, duyệt một bộ phận quân đội tại quảng trường Hòa hợp, còn Săng-gác-ni-ê thì diễu võ dương oai bằng cách tiến hành những cuộc diễn tập có tính chiến lược, hội trường của Quốc hội lập hiến bị quân đội chiếm đóng. Cái quốc hội ấy, nơi tập trung tất cả những nguyện vọng trái ngược nhau, những lo âu, những mong đợi, những xao xuyến, những sự căng thẳng, những mưu mô, - cái quốc hội quả cảm như sư tử, không còn do dự một chút nào nữa khi nó gần đến ngày có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới và quan trọng hơn bao giờ hết. Nó giống như người chiến sĩ nọ, không những sợ phải sử dụng đến vũ khí của chính mình, mà còn tự cho là mình có bổn phận phải bảo toàn vũ khí của kẻ địch nữa. Khinh thường cái chết, nó ký bản án tử hình của chính nó, và nó bác bỏ việc khước từ không điều kiện bản kiến nghị của Ra-tô. Bản thân ở vào tình trạng giới nghiêm nên nó quy định cho hoạt động lập hiến của nó, một phạm vi tất yếu là tình trạng thiết quân luật ở Pa-ri. Nó đã trả thù một cách thật là xứng danh với nó, bằng cách quyết định tiến hành vào ngày hôm sau một cuộc điều tra về sự sợ hãi mà nội các đã gây ra cho nó vào ngày 29 tháng Giêng. Phái Núi đã tỏ ra thiếu nghị lực cách mạng và thiếu kiến thức chính trị khi để cho nhóm "National" biến thành kẻ truyền lệnh trong tấn tuồng âm mưu lớn này. Nhóm "National" đã tiến hành một mưu toan cuối cùng nhằm khẳng định lại một lần nữa, trong nền cộng hòa tư sản đã được thành lập, cái độc quyền thống trị mà nó đã nắm được trong thời kỳ thành lập chế độ cộng hòa. Nhưng mưu toan đó đã thất bại.

Nếu trong cuộc khủng hoảng hồi tháng Giêng, vấn đề được đặt ra là sự sống còn của Quốc hội lập hiến thì trong cuộc khủng hoảng ngày 21 tháng Ba, vấn đề được đặt ra là sự sống còn của hiến pháp. Nếu trong trường hợp thứ nhất, vấn đề là về thành phần trong "National" thì trường hợp thứ hai, vấn đề là về lý tưởng của nhóm đó. Dĩ nhiên, phái cộng hòa "chân chính" đã bán cái hệ tư tưởng cao siêu của họ, rẻ hơn sự hưởng thụ thế tục về chính quyền.

Ngày 21 tháng Ba, trong chương trình nghị sự của Quốc hội, có bản dự luật của Phô-sê nhằm chống lại quyền lập hội: *cấm*

các câu lạc bộ. Điều của hiến pháp bảo đảm cho tất cả mọi người Pháp quyền được lập hội. Vậy thì việc cấm các câu lạc bộ là một sự vi phạm rõ rệt đối với hiến pháp, và chính bản thân Quốc hội lập hiến lại phải phê chuẩn việc xúc phạm các ông thánh của mình. Nhưng các câu lạc bộ lại là những nơi tập hợp, những chốn hoạt động bí mật của giai cấp vô sản cách mạng. Chính bản thân Quốc hội đã cấm sự liên minh của công nhân chống lại bọn tư sản của họ. Và những câu lạc bộ là cái gì nếu không là sự liên minh của toàn giai cấp công nhân chống lại toàn bộ giai cấp tư sản, là sự hình thành của một nhà nước công nhân đặc biệt chống lại nhà nước tư sản? Phải chăng bao nhiêu câu lạc bộ đó lại không phải là bấy nhiêu Quốc hội lập hiến của giai cấp vô sản, là bấy nhiêu đơn vị sẵn sàng chiến đấu của đội quân khởi nghĩa? Cái mà hiến pháp cần phải thiết lập trước hết, là sự thống trị của giai cấp tư sản. Vậy thì hiển nhiên là hiến pháp chỉ có thể chấp nhận quyền lập hội đối với những hội nào tán thành sự thống trị của giai cấp tư sản, nghĩa là tán thành chế độ tư sản mà thôi. Nếu như vì những đòi hỏi về mặt lý luận mà hiến pháp đã nói chung chung, thì phải chăng lại không có chính phủ và Quốc hội để giải thích và áp dụng những câu nói chung chung đó vào những trường hợp cụ thể hay sao? Vả lại, nếu như ở thời kỳ sơ khai của nền cộng hòa, mà các câu lạc bộ, trên thực tế, đã bị cấm do tình trạng thiết quân luật, thì lẽ nào lại không nên dùng pháp luật mà cấm những câu lạc bộ đó trong nền cộng hòa chính thức, đã được thành lập rồi hay sao? Phái cộng hòa tam tài chẳng có cái gì để chống lại việc giải thích hiến pháp một cách tầm thường như vậy, ngoài cái lời văn rườm rà của hiến pháp. Một bộ phận trong bọn họ, như Pa-nhe-rơ, Đuy-cléc, v.v., đã bỏ phiếu ủng hộ nội các, nhờ đó nội các được đa số. Bộ phận khác, đứng đầu là thượng đẳng thiên sứ Ca-ve-nhắc và vị linh mục Ma-ra-xtơ, sau khi việc cấm các câu lạc bộ đã được thông qua, thì lui vào trong một gian phòng riêng của tiểu ban để "hội ý" với Lơ-đruy-Rô-lanh và phái Núi. Quốc hội bị tê liệt, nó đã không có đủ số người đã quy định để thông qua quyết nghị. Giữa lúc đang ở trong phòng của tiểu ban thì Crê-mi-ơ bỗng kịp thời nhớ ra rằng từ nơi đây, con đường dẫn thẳng ra phố, và lúc này

không còn là tháng Hai 1848 nữa, mà là tháng Ba 1849. Đột nhiên tỉnh ngộ, nhóm báo "National" quay trở lại phòng họp của Quốc hội. Theo sau nhóm này là phái Núi, phái này một lần nữa bị mắc lừa, nó luôn luôn bị dằn vặt bởi những dục vọng cách mạng, nên cũng luôn luôn tìm kiếm những khả năng hợp hiến, và cảm thấy rằng đứng sau bọn cộng hòa tư sản thì bao giờ cũng hợp với cương vị của mình hơn là đứng trước giai cấp vô sản cách mạng. Thế là tấn hài kịch đã diễn xong. Và chính Quốc hội lập hiến lại tự mình thông qua cái quyết nghị cho rằng việc vi phạm lời văn của bản hiến pháp là cách giải thích duy nhất đúng tinh thần của bản hiến pháp đó.

Chỉ còn có *một* điểm cần phải giải quyết là: thái độ của nền cộng hòa đã được thành lập đối với cách mạng châu Âu, tức là *chính sách đối ngoại của nó*. Ngày 8 tháng Năm 1849, một nỗi lo lắng khắc thường đã tràn ngập Quốc hội lập hiến mà nhiệm kỳ chỉ còn có mấy hôm nữa là hết. Cuộc tấn công của quân đội Pháp vào La Mã, sự thoái lui của nó trước nhân dân La Mã, sự nhục nhã về chính trị và sự nhơ nhuốc về quân sự của nó, việc nền Cộng hòa Pháp sát hại nền Cộng hòa La Mã, chiến dịch thứ nhất của Bô-na-pác-tơ thứ hai đánh nước I-ta-li-a được đề ra trong chương trình nghị sự. Một lần nữa, phái Núi lại giở con chủ bài lớn của nó ra: Lơ-đruy-Rô-lanh đã đặt lên bàn chủ tịch bản cáo trạng mà tất nhiên hắn phải đưa ra để buộc tội nội các, và lần này buộc tội cả Bô-na-pác-tơ nữa, về tội vi phạm hiến pháp.

Lý do của ngày 8 tháng Năm được lấp lại sau này thành lý do của ngày 13 tháng Sáu. Chúng ta hãy tìm hiểu cuộc tiến quân vào La Mã.

Từ giữa tháng Mười một 1848, Ca-ve-nhắc đã cử một hạm đội tàu chiến đến Si-vi-ta - Vê-ki-a để bảo vệ giáo hoàng, đón giáo hoàng lên tầu và đưa về Pháp. Giáo hoàng phải ban phước lành cho chế độ cộng hòa "chân chính" và bảo đảm cho Ca-ve-nhắc được bầu làm tổng thống. Nắm giáo hoàng là Ca-ve-nhắc muốn nắm các linh mục, nắm các linh mục là để nắm nông dân, và nắm nông dân là để nắm lấy ghế tổng thống. Cuộc viễn chinh của Ca-ve-nhắc là một sự quảng cáo trong cuộc bầu cử nhằm đạt những mục đích trực tiếp của hắn, đồng thời lại là một sự phản

đối và một sự đe dọa đối với cách mạng của La Mã. Cuộc viễn chinh ấy chứa đựng sẵn cái mầm mống của sự can thiệp của nước Pháp nhằm ủng hộ giáo hoàng.

Sự can thiệp ấy, hiệp đồng với Áo và Na-plơ để ủng hộ giáo hoàng chống lại chế độ Cộng hòa La Mã, đã được quyết định trong phiên họp thứ nhất của hội đồng bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ vào ngày 23 tháng Chạp. Phan-lu ngồi ở trong nội các, điều đó có nghĩa là giáo hoàng ngồi ở La Mã, và ở trong La Mã của giáo hoàng. Để trở thành tổng thống của nông dân, Bô-na-pác-tơ đã không còn cần đến giáo hoàng nữa, nhưng hắn lại cần phải duy trì quyền lực của giáo hoàng để giữ lấy nông dân cho tổng thống. Chính sự nhẹ dạ của nông dân đã đưa hắn lên làm tổng thống. Khi họ đã mất tín ngưỡng thì họ cũng mất luôn cả sự nhẹ dạ, khi họ không còn có giáo hoàng nữa thì họ cũng mất luôn cả tín ngưỡng. Còn về phái Óc-lê-ăng và phái chính thống liên minh với nhau để thống trị dưới danh nghĩa của Bô-na-pác-tơ, thì trước khi phục hồi ngôi vua, cần phải phục hồi cái quyền lực thần thánh hóa ngôi vua đã. Vấn đề không phải là tại cái tư tưởng bảo hoàng của họ: không có La Mã cổ đại ở dưới quyền thế lực của giáo hoàng thì không có giáo hoàng, không có giáo hoàng thì không có Thiên chúa, không có Thiên chúa giáo thì không có tôn giáo Pháp, và không còn tôn giáo thì cái xã hội cũ của nước Pháp sẽ ra sao? Quyền cấm cố của nông dân đối với hạnh phúc của họ ở trên thiên đường bảo đảm cho quyền cấm cố của nhà tư sản đối với những ruộng đất của nông dân ở dưới trần gian. Vì vậy, cuộc cách mạng của La Mã là một sự xâm phạm vào quyền sở hữu, vào chế độ tư sản, cũng kinh khủng như cuộc cách mạng tháng Sáu vậy. Sự thống trị tư sản được phục hồi ở Pháp đòi hỏi phải phục hồi quyền lực của giáo hoàng ở La Mã. Sau hết, đánh bại những chiến sĩ cách mạng La Mã tức là đánh bại những bạn đồng minh của các chiến sĩ cách mạng Pháp. Sự liên minh của các giai cấp phản cách mạng trong chế độ Cộng hòa đã được thành lập ở Pháp đã có cái bổ sung tất yếu cho nó là sự liên minh giữa chế độ Cộng hòa Pháp với Liên minh thần thánh, với Na-plơ và Áo. Quyết định của hội đồng bộ trưởng ngày 23 tháng Chạp không phải là một điều bí mật đối với Quốc hội lập hiến. Ngay từ ngày

8 tháng Giêng, Lơ-druy-Rô-lanh đã chất vấn nội các về điều này, nội các đã phủ nhận điều đó, Quốc hội liền chuyển sang chương trình nghị sự. Quốc hội có tin vào lời nói của nội các không? Chúng ta biết rằng trong suốt cả tháng Giêng, Quốc hội chỉ làm có mỗi một việc là bỏ phiếu không tín nhiệm nội các. Nhưng nếu vai trò của nội các là nói dối, thì vai trò của Quốc hội là giả vờ tin vào điều nói dối của nội các và do đó mà cứu vớt cái vỏ bề ngoài của chế độ cộng hòa.

Nhưng Pi-ê-mông đã bị đánh bại, Sác-lơ-An-be đã thoái vị, quân đội Áo đã tiến đến tận cửa ngõ nước Pháp, Lơ-druy-Rô-lanh lại chất vấn gay gắt. Nội các chứng minh rằng nó chỉ tiếp tục ở miền Bắc I-ta-li-a cái chính sách của Ca-ve-nhắc, và Ca-ve-nhắc chỉ tiếp tục chính sách của chính phủ lâm thời, nghĩa là của Lơ-druy-Rô-lanh mà thôi. Hơn nữa, lần này, nội các lại được Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm, và nó được phép tạm thời chiếm đóng một cứ điểm thích đáng ở miền Bắc I-ta-li-a để làm hậu thuẫn cho những cuộc thương lượng hòa bình với Áo về vấn đề giữ toàn vẹn lãnh thổ của Xác-đi-ni và về vấn đề La Mã. Như người ta đã biết, số phận của I-ta-li-a được quyết định trên các chiến trường ở miền Bắc I-ta-li-a. Cho nên hoặc phải để cho La Mã thất thủ cùng với Lôm-bác-đi và xứ Pi-ê-mông, hoặc là nước Pháp phải tuyên chiến với Áo, và như vậy tức là tuyên chiến với lực lượng phản cách mạng ở châu Âu. Liệu Quốc hội lập hiến có đột nhiên coi nội các Ba-rô như là Ủy ban cứu nguy xã hội trước kia hay không? Hay nó tự coi bản thân nó là Hội nghị Quốc ước? Tại sao lại cho quân đội Pháp chiếm đóng một cứ điểm ở miền Bắc I-ta-li-a? Người ta che giấu cuộc chinh phạt La Mã bằng bức màn thưa đó.

Ngày 14 tháng Tư, 14000 người, dưới quyền chỉ huy của U-đi-nô, đã xuống tầu tiến về Si-vi-ta-Vê-ki-a. Ngày 16 tháng Tư, Quốc hội chuẩn y cho nội các một ngân sách là 1200000 phrăng để chi phí trong suốt ba tháng cho một hạm đội Pháp dùng để tiến hành việc can thiệp ở Địa Trung Hải. Như vậy Quốc hội đã cung cấp cho nội các tất cả mọi phương tiện để can thiệp vào La Mã trong khi nó vẫn làm ra vẻ buộc nội các phải can thiệp vào nước Áo. Nó không nhìn thấy những việc mà nội các đã làm, mà chỉ nghe

những điều mà nội các đã nói thôi. Ngay cả ở I-xra-en, cũng không thể thấy có một niềm tin nào như vậy cả. Quốc hội lập hiến đã lâm vào tình trạng không biết những việc mà nền cộng hòa đã được thành lập buộc phải làm.

Cuối cùng, ngày 8 tháng Năm, màn chót của tấn hài kịch đã được trình diễn. Quốc hội lập hiến yêu cầu nội các phải có những biện pháp khẩn cấp để đưa cuộc viễn chinh ở I-ta-li-a đến mục tiêu đã định. Ngay chiều hôm đó, Bô-na-pác-tơ cho đăng một bức thư trên tờ "Moniteur", trong đó hắn gửi U-đi-nô những lời khen ngợi nồng nhiệt nhất. Ngày 11 tháng Năm, Quốc hội bác bỏ bản cáo trạng buộc tội chính ngay Bô-na-pác-tơ ấy và nội các của hắn. Còn phái Núi, đáng lẽ phải xé toang bức màn dối trá này, lại coi hài kịch nghị viện đó là một bi kịch, để bản thân nó đóng cái vai Phu-ki-ê - Tanh-vin trong tấn kịch đó, thì chẳng qua là dưới cái da sư tử mượn của Hội nghị Quốc ước, nó đã để lòi ra cái da bê tiểu tư sản của chính nó!

Nửa cuối của nhiệm kỳ của Quốc hội lập hiến tóm tắt lại là như sau: ngày 29 tháng Giêng, Quốc hội lập hiến thú nhận rằng những nhóm tư sản bảo hoàng là những lãnh tụ tự nhiên của nền cộng hòa do nó lập ra; ngày 21 tháng Ba, nó thú nhận rằng vi phạm hiến pháp là thực hiện hiến pháp, và ngày 11 tháng Năm, nó lại thú nhận rằng sự liên minh tiêu cực mà nước Cộng hòa Pháp đã tuyên bố một cách trịnh trọng với những dân tộc ở châu Âu đang đấu tranh giành tự do cho bản thân họ là sự liên minh tích cực của nước Cộng hòa Pháp với thế lực phản cách mạng ở châu Âu.

Cái Quốc hội khốn khổ này đã rời khỏi vũ đài sau khi đã tự tạo ra cho mình một điều thích thú nữa là bác bỏ để nghị ân xá cho những người tham gia khởi nghĩa tháng Sáu, vào ngày 4 tháng Năm, tức là hai ngày trước hôm kỷ niệm ngày sinh của nó. Đã làm tan vỡ quyền lực của mình, bị nhân dân vô cùng căm ghét, bị giai cấp tư sản, giai cấp đã dùng nó làm công cụ, ruồng rẫy, bạc đãi, gạt bỏ một cách khinh bỉ, trong nửa cuối nhiệm kỳ của mình đã buộc phải phủ nhận nửa đầu nhiệm của mình, đã mất hết ảo tưởng về nền cộng hòa, không có thành tựu gì lớn lao trong quá khứ, cũng chẳng có hy vọng gì trong tương lai,

Quốc hội lập hiến là một thi thể còn sống nhưng bị rữa ra từng mảng, nó chỉ biết làm sống lại xác chết của chính nó bằng cách luôn luôn hồi tưởng lại thắng lợi hồi tháng Sáu, và sống trở lại cái thắng lợi đó, nó tự khẳng định nó bằng cách luôn luôn lên án lại những người đã bị lên án. Một con quỷ hút máu sống bằng máu của những người khởi nghĩa hồi tháng Sáu!

Nó để lại một ngân sách quốc gia đã hao hụt trước đây, lại càng hao hụt, vì những khoản chi phí cho cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, vì xóa bỏ thuế muối, vì những khoản bồi thường cho những chủ đồn điền sau khi bãi bỏ chế độ nô lệ da đen, vì những khoản chi phí cho cuộc viễn chinh ở La Mã, sau hết, vì xóa bỏ thuế rượu; thứ thuế mà trong lúc lâm chung, nó còn cố xóa bỏ đi, giống như một mụ già ranh mãnh lấy làm vui thích trút lên vai kẻ thừa kế sung sướng của mình một món nợ danh dự nguy hại.

Cuộc vận động bầu cử *Quốc hội lập pháp* bắt đầu được tiến hành từ đầu tháng Ba. Hai tập đoàn chủ yếu chạm trán nhau: *đảng trật tự* và *đảng dân chủ - xã hội chủ nghĩa* hay *đảng đỏ*. Ở giữa hai đảng là những người *"bạn của hiến pháp"*, dưới cái tên đó bọn cộng hòa tam tài của nhóm "National" muốn đại biểu cho một đảng viên riêng. *Đảng trật tự* được thành lập ngay lập tức sau những ngày tháng Sáu; nhưng chỉ sau khi ngày 10 tháng Chạp đã cho phép nó gạt bỏ được nhóm "National", tức là những người cộng hòa tư sản, thì điều bí mật về sự tồn tại của nó mới lộ ra, đó là *sự liên minh của phái Oóc-lê-ăng với phái chính thống thành một đảng*. Giai cấp tư sản chia thành hai phái lớn, *bọn đại địa chủ* dưới thời phục tích, và *bọn quý tộc tài chính cùng với bọn tư sản công nghiệp* dưới nền *Quân chủ tháng Bảy*, hai phái này lần lượt thay nhau độc chiếm chính quyền. *Buốc-bông* là tên một dòng vua đại biểu cho ưu thế của lợi ích của một phái, còn *Oóc-lê-ăng* là tên một dòng vua khác đại biểu cho ưu thế lợi ích của phái kia; - *cái vương quốc vô danh của chế độ cộng hòa* là cái vương quốc duy nhất dưới đó cả hai phái đều có thể duy trì được lợi ích giai cấp chung của chúng một cách ngang nhau mà đồng thời vẫn kình địch với nhau. Nếu chế độ cộng hòa tư sản không thể là cái gì khác hơn là một hình thức thống trị cao nhất, không úp mở của toàn bộ giai cấp tư sản, thì

liệu nó có thể là cái gì khác hơn là sự thống trị của phái Oóc-lê-ăng được bổ sung bằng phái chính thống, và của phái chính thống được bổ sung bằng phái Oóc-lê-ăng, *một sự tổng hợp của thời phục tích và nền Quân chủ tháng Bảy* chăng? Bọn cộng hòa tư sản của nhóm "National" hoàn toàn không đại diện cho một phái lớn nào trong giai cấp của họ có những cơ sở kinh tế cả. Chúng chỉ có một sứ mệnh và một ý nghĩa lịch sử là: dưới chính thể quân chủ, trái với hai phái của giai cấp tư sản chỉ biết có chế độ *riêng biệt* của mình, chúng đã đề cao chế độ chung của giai cấp tư sản, tức là cái *chế độ vô danh của nền cộng hòa* mà chúng đã lý tưởng hóa và tô điểm bằng những hoa văn thời cổ, nhưng dĩ nhiên trong đó, cái mà chúng hoan nghênh trước hết là sự thống trị của bọn chúng. Nếu đảng của nhóm "National" đã nhầm lẫn khi thấy bọn bảo hoàng liên minh ngồi chễm chệ trên cái chóp bu của chính thể cộng hòa do nó lập ra, thì bản thân bọn bảo hoàng liên minh này cũng nhầm lẫn không kém về sự thống trị chung của chúng. Chúng không hiểu rằng nếu xét riêng ra thì mỗi một phái của chúng là bảo hoàng, nhưng kết quả của sự kết hợp hóa học của chúng tất nhiên phải là *cộng hòa*; rằng nền quân chủ trắng và nền quân chủ xanh tất nhiên phải trung hòa lẫn nhau trong nền cộng hòa tam tài. Sự đối lập đối với giai cấp vô sản cách mạng và với những giai cấp trung gian ngày càng hướng về giai cấp vô sản coi như một trung tâm, buộc cả hai phái trong đảng trật tự phải sử dụng những lực lượng phối hợp của chúng và phải duy trì tổ chức của những lực lượng phối hợp này; mỗi một phái trong đảng trật tự, để chống lại những ý đồ của phái kia muốn phục tích và giành bá quyền, đều buộc phải đưa ra một sự thống trị chung, tức là *cái hình thức cộng hòa* của sự thống trị tư sản. Chính vì vậy mà chúng ta thấy rằng bọn bảo hoàng ấy, lúc đầu tin tưởng vào một sự phục tích ngay lập tức, nhưng về sau chúng phải duy trì hình thức cộng hòa trong khi vẫn điên cuồng nguyền rủa thậm tệ cái hình thức đó, rồi cuối cùng chúng lại phải thú nhận là chúng chỉ có thể thỏa thuận được với nhau trong chế độ cộng hòa thôi và chúng trì hoãn sự phục tích đến một thời gian vô hạn định. Chính ngay việc cùng nắm chính quyền đã khiến cho mỗi phái mạnh lên và khiến cho mỗi phái càng

không có khả năng và càng ít muốn phụ thuộc vào phái kia, nghĩa là càng không có khả năng và càng ít muốn phục tích nền quân chủ.

Trong chương trình tuyển cử của mình, *đảng trật tự* công khai tuyên bố sự thống trị của giai cấp tư sản, nghĩa là tuyên bố duy trì những điều kiện tồn tại của sự thống trị đó, *duy trì tài sản, gia đình, tôn giáo và trật tự*! Tất nhiên là đảng đó mô tả sự thống trị giai cấp của giai cấp tư sản và những điều kiện của sự thống trị đó là sự thống trị của nền văn minh và là những điều kiện tất yếu của nền sản xuất vật chất cũng như của những quan hệ xã hội nảy sinh từ nền sản xuất đó. Đảng trật tự tuyệt đối nắm trong tay những kinh phí lớn. Nó tổ chức những chi bộ địa phương của nó trong khắp nước Pháp, nó trả công cho tất cả các nhà tư tưởng của xã hội cũ, nó có uy thế của quyền lực chính phủ hiện hành, nó có một đạo quân gồm những gia thần không ăn lương nằm trong cái khối đông đảo những người tiểu tư sản và nông dân, là những người do còn dửng xa phong trào cách mạng nên coi những tên trùm sở hữu tài sản là những đại biểu tự nhiên cho cái tài sản nhỏ bé và những thành kiến nhỏ bé của họ; vì có vô vàn những tên vua nhỏ đại diện cho mình trong cả nước, nên đảng trật tự có thể trừng trị việc không chịu bỏ phiếu cho ứng cử viên của nó như trừng trị những kẻ nổi loạn; sa thải những công nhân bướng bỉnh, những cố nông, đầy tớ, những người giúp việc, những nhân viên đường sắt, những thư ký ương ngạnh, tất cả những công chức lệ thuộc vào nó trong hoạt động dân sự. Cuối cùng, ở một đôi nơi, đảng trật tự còn có thể duy trì được cái ảo tưởng là Quốc hội lập hiến của chế độ cộng hòa đã ngăn cản được Bô-na-pác-tơ, kẻ được lựa chọn của cái ngày 10 tháng Chạp, không cho hắn phát huy được những lực lượng thần kỳ của hắn. Trong đảng trật tự, chúng ta không nói đến phái theo Bô-na-pác-tơ. Bọn này không phải là một phái quan trọng của giai cấp tư sản, mà chỉ là một tập hợp những tên tàn phế già nua và mê tín và những tay mạo hiểm trẻ tuổi, không tín ngưỡng. Đảng trật tự đã thắng trong cuộc bầu cử và đã đưa lại đa số các đại biểu của nó vào Quốc hội lập pháp.

Đứng trước giai cấp tư sản phản cách mạng đã liên minh lại

thì dĩ nhiên là những phần tử đã được cách mạng hóa của giai cấp tiểu tư sản và của nông dân, phải liên minh với người đại biểu chủ yếu cho những lợi ích cách mạng, tức là giai cấp vô sản cách mạng. Chúng ta đã thấy rằng những đại biểu dân chủ của giai cấp tiểu tư sản ở nghị viện, tức là phái Núi, đã bị những thất bại ở nghị trường đẩy sang liên minh với những đại biểu xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, và những người tiểu tư sản chân chính ở ngoài nghị viện cũng đã bị những concordats à l'amiable, sự bênh vực một cách thô bỉ những lợi ích của giai cấp tư sản và sự phá sản, đẩy sang phía những người vô sản chân chính. Ngày 27 tháng Giêng, phái Núi và những người xã hội chủ nghĩa đã ăn mừng sự hòa giải giữa họ với nhau và trong bữa tiệc lớn hồi tháng Hai 1849, họ xác nhận một lần nữa sự liên minh của họ. Đảng xã hội và đảng dân chủ, đảng của giai cấp công nhân và đảng của giai cấp tiểu tư sản, đã thống nhất lại thành *đảng dân chủ - xã hội*, tức là *đảng đỏ*.

Tạm thời bị cơn hấp hối tiếp ngay sau những ngày tháng Sáu làm cho tê liệt, chế độ Cộng hòa Pháp, từ khi lệnh thiết quân luật được bãi bỏ, nghĩa là từ ngày 19 tháng Mười, đã trải qua một loạt liên tiếp những cuộc chấn động kịch liệt. Trước hết là cuộc đấu tranh giành ghế tổng thống; tiếp đến là cuộc đấu tranh của tổng thống chống Quốc hội lập hiến; rồi đến cuộc đấu tranh vì các câu lạc bộ; rồi vụ án ở Buốc-giơ[29], một vụ án trong đó, nếu đem so sánh với những nhân vật nhỏ bé của tổng thống, của phái bảo hoàng liên minh, của phái cộng hòa "chân chính", của phái Núi dân chủ, của những nhà khống luận xã hội chủ nghĩa trong giai cấp vô sản, thì những người cách mạng chân chính của giai cấp vô sản đã xuất hiện như những nhân vật khổng lồ thời nguyên thủy mà một trận đại hồng thủy đã để lại trên bề mặt xã hội, hoặc giống những nhân vật khổng lồ chỉ có thể tồn tại trước trận đại hồng thủy xã hội; cuộc vận động tuyển cử; cuộc xử tử những người mưu sát Brê-a[30]; những vụ liên tiếp xử án báo chí; những sự can thiệp bằng bạo lực của cảnh sát của chính phủ vào những bữa tiệc; những vụ khiêu khích vô liêm sỉ của bọn bảo hoàng; sự bêu giếu chân dung của Lu-i Blăng và Cô-si-đi-e trước công chúng; cuộc đấu tranh liên tục giữa chế độ cộng hòa

đã được thành lập và Quốc hội lập hiến, tức là cuộc đấu tranh từng giờ từng phút đã đẩy lùi cách mạng về điểm xuất phát của nó, từng giờ từng phút đã khiến cho kẻ thắng thành bại, kẻ bại thành thắng, và trong nháy mắt đã làm đảo lộn vị trí của các đảng và của các giai cấp, đảo lộn sự đoạn tuyệt và sự liên minh của chúng; bước tiến nhanh chóng của lực lượng phản cách mạng ở châu Âu; cuộc đấu tranh quang vinh của nhân dân Hung-ga-ri; những cuộc khởi nghĩa ở Đức; cuộc viễn chinh đến La Mã; sự thất bại nhục nhã của quân đội Pháp ở cửa ngõ La Mã - trong cái cuộc vận động quay cuồng ấy, trong cái mớ bòng bong của những biến động lịch sử nặng nề ấy, trong cái cảnh thăng trầm làm xao xuyến lòng người ấy của những nhiệt tình cách mạng, của những niềm hy vọng cách mạng và những nỗi tuyệt vọng cách mạng, tất nhiên là các giai cấp trong xã hội Pháp phải tính những thời kỳ phát triển của chúng bằng tuần lễ, cũng như xưa kia, họ đã tính những thời kỳ đó bằng từng nửa thế kỷ một. Một bộ phận lớn của nông dân và của các tỉnh đã được cách mạng hóa. Không những vì Na-pô-lê-ông đã làm cho họ thất vọng, mà còn vì đảng đỏ đã đem lại cho họ cái nội dung chứ không phải cái tên, trả lại cho họ khoản bồi thường là một tỷ phrăng mà trước đây họ phải trả cho bọn chính thống, đã mang lại cho họ sự điều chỉnh việc cầm cố, việc xóa bỏ chế độ cho vay nặng lãi, chứ không phải là sự miễn thuế hão huyền.

Cả đến quân đội cũng bị nhiễm phải cơn sốt cách mạng. Bỏ phiếu cho Bô-na-pác-tơ, họ đã bỏ phiếu cho thắng lợi, nhưng hắn đã đem lại cho họ sự thất bại. Bỏ phiếu cho hắn, tức là họ đã bỏ phiếu cho một viên sĩ quan nhỏ đang ẩn giấu một vị thống soái cách mạng vĩ đại, song hắn đã mang lại cho họ những viên đại tướng thực ra chỉ là những viên cai quèn mà thôi. Không nghi ngờ gì nữa, rằng đảng đỏ, tức là đảng dân chủ liên minh, nếu không thu được thắng lợi thì ít nhất cũng được ăn mừng những thành công lớn; rằng Pa-ri, quân đội và đại đa số các tỉnh đều bỏ phiếu cho nó. *Lơ-đruy-Rô-lanh*, lãnh tụ của phái Núi, được năm tỉnh bầu ra. Không có lãnh tụ nào của đảng trật tự đạt được thắng lợi như vậy cả, không một ai trong đảng của giai cấp vô sản chân chính thu được thắng lợi như thế cả. Cuộc bầu

cử đó cho chúng ta thấy rõ điều bí mật của đảng dân chủ - xã hội. Nếu một mặt, phái Núi, bộ phận tiến phong của giai cấp tiểu tư sản dân chủ trong nghị viện, buộc phải đoàn kết với những người khống luận xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản, còn giai cấp vô sản, do những thất bại vật chất nặng nề hồi tháng Sáu buộc phải vươn mình lên bằng những thắng lợi tinh thần; và do sự phát triển của các giai cấp khác, vẫn còn chưa có khả năng đoạt lấy chuyên chính cách mạng, nên buộc phải rơi vào tay những kẻ khống luận về sự giải phóng giai cấp vô sản, người sáng lập ra những phái xã hội chủ nghĩa, - thì mặt khác, nông dân cách mạng, quân đội, các tỉnh cũng tập hợp lại đằng sau phái Núi, do đó phái này trở thành bộ chỉ huy các lực lượng cách mạng liên hiệp, và gạt bỏ được mọi sự chia rẽ trong phe cách mạng, bằng cách thỏa hiệp với những người xã hội chủ nghĩa. Trong nửa cuối nhiệm kỳ của Quốc hội lập hiến, phái Núi đại biểu cho cái nhiệt tình cộng hòa trong quốc hội, và nó đã làm cho người ta quên những tội lỗi của nó trong thời kỳ chính phủ lâm thời, trong thời kỳ Ủy ban chấp hành, và trong những ngày tháng Sáu. Nhóm "National", theo đúng bản chất do dự của nó, càng để cho nội các bảo hoàng đè bẹp mình bao nhiêu, thì phái Núi, bị gạt ra khỏi vũ đài trong thời kỳ nhóm "National" nắm quyền lực vạn năng, càng trỗi dậy và nổi bật lên bấy nhiêu với tư cách là đại biểu của cách mạng trong nghị viện. Thật vậy, nhóm "National" chẳng có gì để chống lại những cánh bảo hoàng khác, ngoài những nhân vật có nhiều tham vọng và những lời nhảm nhí duy tâm. Ngược lại, phái Núi đại diện cho một khối quần chúng ngả nghiêng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, những giai cấp mà lợi ích vật chất của họ đòi hỏi phải có những thiết chế dân chủ. Trong cuộc đấu tranh chống Ca-ve-nhắc và Ma-ra-xtơ, Lơ-druy-Rô-lanh và phái Núi đứng ở trên lập trường cách mạng chân chính, và ý thức về vai trò quan trọng đó đã đem lại cho họ một lòng can đảm càng lớn hơn là khi mà sự biểu lộ nghị lực cách mạng chỉ hạn chế ở những cuộc đả kích trong nghị trường, ở việc đưa ra những lời buộc tội, ở những lời đe dọa, ở những lần to tiếng, ở những bài diễn văn nhức óc và những điều cực đoan đầu lưỡi. Nông dân cũng ở vào một tình trạng giống như tình trạng của những người

tiểu tư sản, họ cũng có những yêu sách xã hội gần giống như của những người tiểu tư sản. Bởi vậy, tất cả các tầng lớp trung dẳng của xã hội, trong chừng mực họ bị lôi cuốn vào phong trào cách mạng, tất phải thấy Lơ-đruy-Rô-lanh là vị anh hùng của họ. Lơ-đruy-Rô-lanh là nhân vật quan trọng của giai cấp tiểu tư sản dân chủ. Trong cuộc đấu tranh với đảng trật tự, thì những người được đẩy lên hàng đầu trước hết tất phải là những người cải lương nửa bảo thủ, nửa cách mạng và hoàn toàn không tưởng theo kiểu ấy.

Nhóm "National" là "những người bạn của hiến pháp quand même"[1*], "républicains purs et simples"[2*] bị thất bại hoàn toàn trong cuộc bầu cử. Một số rất nhỏ trong bọn họ, được đưa vào Quốc hội lập pháp. Những lãnh tụ có tên tuổi nhất của họ đã biến khỏi vũ đài, kể cả Ma-ra-xtơ, tổng biên tập và là Oóc-phây của nền cộng hòa "chân chính".

Ngày 28 tháng Năm[31], Quốc hội lập pháp họp; ngày 11 tháng Sáu, lại diễn lại vụ xung đột ngày 8 tháng Năm. Lơ-đruy-Rô-lanh, nhân danh phái Núi, đã đưa ra một bản cáo trạng đòi truy tố tổng thống và nội các về tội vi phạm hiến pháp, vì đã bắn phá La Mã. Ngày 12 tháng Sáu, Quốc hội lập pháp bác bỏ bản cáo trạng ấy cũng như Quốc hội lập hiến đã bác bản cáo trạng ngày 11 tháng Năm, nhưng lần này, giai cấp vô sản đẩy phái Núi xuống đường, thực ra không phải là để chiến đấu trên đường phố, mà chỉ là để đi diễu hành ngoài đường phố. Chỉ cần nói rằng phái Núi đứng đầu phong trào này là cũng đủ thấy rằng phong trào đó đã thất bại và sự kiện tháng Sáu 1849 là một sự tái diễn của tháng Sáu 1848 một cách vừa lố bịch vừa xấu xa. Cuộc rút lui vĩ đại ngày 13 tháng Sáu chỉ có thể bị làm lu mờ bởi câu chuyện còn vĩ đại hơn về trận chiến đấu của Săng-gác-ni-ê, con người vĩ đại mà đảng trật tự đã nặn ra. Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu nó không tìm ra những người như thế, thì như Hen-vê-ti-uýt đã nói, nó sẽ nặn ra họ.

Ngày 20 tháng Chạp, chỉ tồn tại có một nửa của chế độ cộng

1*- với bất kỳ giá nào, bất chấp tất cả
2*- những người cộng hòa chính cống

hòa tư sản đã được thành lập thôi, đó là *tổng thống*; ngày 28 tháng Năm, nó được bổ sung bằng nửa kia, đó là *Quốc hội lập pháp*. Tháng Sáu năm 1848, chế độ cộng hòa tư sản đang được thành lập đã được đánh dấu trong sổ khai sinh của lịch sử bằng một cuộc chiến đấu có một không hai chống lại giai cấp vô sản; tháng Sáu 1849, chế độ cộng hòa tư sản được thành lập xong đã làm việc đó bằng một tấn hài kịch khôn bề tả nổi, cùng diễn với giai cấp tiểu tư sản. Tháng Sáu năm 1849 là thần Nê-mê-đít đối với tháng Sáu 1848. Hồi tháng Sáu 1849, không phải công nhân là những người bị thất bại, mà những người tiểu tư sản đứng giữa công nhân và cách mạng đã bị thất bại. Tháng Sáu 1849 không phải là một bi kịch đẫm máu giữa lao động làm thuê và tư bản, mà là quang cảnh đầy rẫy những cảnh ngục tù, một quang cảnh bi thảm giữa người chủ nợ và con nợ. Đảng trật tự đã chiến thắng, nó đã có quyền lực vạn năng; bây giờ nó cần phải tỏ rõ nó là cái gì.

III

HẬU QUẢ CỦA SỰ KIỆN NGÀY 13 THÁNG SÁU 1849

Ngày 20 tháng Chạp, cái đầu Gia-nu-xơ của *chế độ cộng hòa lập hiến* chỉ mới cho người ta thấy có *một* bộ mặt của nó, tức là cái bộ mặt hành pháp dưới những nét vừa mờ ảo, vừa tầm thường của Lu-i Bô-na-pác-tơ; ngày 28 tháng Năm 1849, nó cho người ta thấy nốt cái bộ mặt thứ hai của nó, *bộ mặt lập pháp* nhằng nhịt những vết sẹo mà những cuộc lễ tử thần của thời kỳ phục tích và của thời kỳ Quân chủ tháng Bảy đã để lại. Với Quốc hội lập pháp, *chế độ cộng hòa lập hiến* coi như đã được hoàn thành, nghĩa là đã xuất hiện dưới hình thức nhà nước cộng hòa của nó, trong đó, sự thống trị của giai cấp tư sản đã được xác lập, tức là sự thống trị chung của hai phái bảo hoàng lớn họp thành giai cấp tư sản Pháp, phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng liên minh với nhau, tức là sự thống trị của *đảng trật tự*. Như vậy, trong khi chế độ cộng hòa Pháp trở thành vật sở hữu của liên minh các phái bảo hoàng, thì đồng thời liên minh châu Âu của các cường quốc phản cách mạng cũng tiến hành cuộc công kích thập tự toàn diện vào những nơi trú ẩn cuối cùng của các cuộc cách mạng tháng Ba. Nước Nga nhảy xổ vào Hung-ga-ri; quân đội Phổ tiến đánh đội quân bảo vệ hiến pháp dễ chế, và U-đi-nô bắn phá La Mã. Cuộc khủng hoảng ở châu Âu rõ ràng là đã tiến gần đến một bước ngoặt quyết định. Toàn thể châu Âu chăm chú nhìn vào Pa-ri; còn toàn thể Pa-ri thì chăm chú nhìn vào *Quốc hội lập pháp*.

Ngày 11 tháng Sáu, Lơ-đruy-Rô-lanh lên diễn đàn, ông ta không

đọc diễn văn mà chỉ đưa ra một bản cáo trạng lên án các bộ trưởng một cách không úp mở, không văn hoa, căn cứ trên những sự kiện, một bản cáo trạng súc tích, quyết liệt.

Cuộc tấn công vào La Mã là một cuộc tấn công vào hiến pháp; cuộc tấn công vào nước Cộng hòa La Mã là một cuộc tấn công vào nền Cộng hòa Pháp. Điều V trong hiến pháp[32] đã quy định như sau: "Nước Cộng hòa Pháp không bao giờ dùng lực lượng vũ trang của mình để chống lại nền tự do của bất cứ dân tộc nào". Ấy thế mà tổng thống lại đưa quân đội Pháp đi chống lại nền tự do của La Mã. Điều 54 của hiến pháp cấm quyền lực hành pháp tuyên bố bất cứ một cuộc chiến tranh nào nếu không được sự đồng ý của Quốc hội[1*]. Nghị quyết của Quốc hội lập hiến ngày 8 tháng Năm đã dứt khoát ra lệnh cho các bộ trưởng phải mau chóng đưa cuộc viễn chinh đánh La Mã trở về mục đích ban đầu của nó, như vậy là Quốc hội lập hiến cũng đã dứt khoát ngăn cấm cuộc chiến tranh chống La Mã, ấy thế mà U-đi-nô lại bắn phá La Mã. Như thế là Lơ-đruy-Rô-lanh đã viện đến chính ngay hiến pháp để luận chứng kết tội Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ. Ông ta, người đại biểu cho hiến pháp, đã thét vào mặt cái đa số bảo hoàng trong Quốc hội lời tuyên bố có tính chất đe dọa sau đây: "Những người cộng hòa sẽ biết dùng mọi biện pháp, thậm chí dùng vũ lực, để làm cho hiến pháp phải được tôn trọng!". *"Dùng vũ lực!"*, hàng trăm tiếng hưởng ứng của phái Núi lặp lại lời tuyên bố đó. Phe đa số đáp lại bằng những tiếng la ó ghê gớm. Chủ tịch Quốc hội đề nghị Lơ-đruy-Rô-lanh giữ trật tự. Lơ-đruy-Rô-lanh liền nhắc lại lời tuyên bố khiêu khích của mình, và cuối cùng đặt lên bàn của chủ tịch bản kiến nghị đòi truy tố Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của y trước tòa án. Với 361 phiếu thuận và 203 phiếu chống, Quốc hội đã quyết định thông qua một cách đơn giản vấn đề bắn phá La Mã trong chương trình nghị sự.

Phải chăng Lơ-đruy-Rô-lanh cho rằng có thể dùng hiến pháp để đánh bại Quốc hội, và dùng Quốc hội để đánh bại tổng thống?

1* Từ đây cho đến hết tác phẩm này, khi nói Quốc hội, có nghĩa là nói Quốc hội lập pháp đã hoạt động từ 28 tháng Năm 1849 đến tháng Chạp 1851.

Dành rằng hiến pháp đã nghiêm cấm mọi sự xâm phạm vào nền tự do của các dân tộc khác, nhưng cái mà quân đội Pháp tấn công ở La Mã thì, theo ý kiến của nội các, đó không phải nền "tự do", mà là "chế độ độc tài của bọn vô chính phủ". Mặc dầu đã trải qua tất cả những kinh nghiệm của Quốc hội lập hiến, phái Núi lẽ nào lại vẫn chưa hiểu rằng việc giải thích hiến pháp không phải là thuộc quyền những người đã lập ra hiến pháp, mà là chỉ thuộc quyền những người đã chấp nhận hiến pháp đó hay sao? Rằng lời văn của hiến pháp phải được giải thích theo ý nghĩa phù hợp với thực tế; ý nghĩa tư sản là ý nghĩa duy nhất phù hợp với thực tế đó sao? Rằng Bô-na-pác-tơ và cái đa số bảo hoàng trong Quốc hội mới đích thực là những người giải thích hiến pháp, cũng như linh mục mới đích thực là người giải thích kinh thánh, và quan tòa mới đích thực là người giải thích pháp luật đó sao? Quốc hội vừa mới được tổng tuyển cử bầu ra, liệu có cảm thấy bị những lời di chúc của cái Quốc hội lập hiến đã quá cố, cái Quốc hội lập hiến mà một người như Ô-đi-lông Ba-rô đã đập tan ý chí ngay lúc nó đang còn sống, - ràng buộc mình hay không? Trong khi viện đến bản nghị quyết ngày 8 tháng Năm của Quốc hội lập hiến, lẽ nào Lơ-đruy-Rô-lanh đã quên mất rằng ngày 11 tháng Năm, cũng chính cái Quốc hội lập hiến này đã gạt bỏ lời đề nghị lần thứ nhất của ông ta đòi truy tố Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của y, rằng Quốc hội đó đã tuyên bố là tổng thống và các bộ trưởng đều vô tội, rằng như vậy là Quốc hội đã thừa nhận cuộc bắn phá La Mã là "hợp hiến"; rằng thực ra ông ta chỉ làm cái việc kháng cáo về một bản án đã được xử rồi, và sau hết, như thế là ông ta đã đưa Quốc hội lập hiến của chế độ cộng hòa ra trước Quốc hội lập pháp của phái bảo hoàng hay sao? Bản hiến pháp tự nó đã viện đến cuộc khởi nghĩa, khi kêu gọi, trong một điều khoản đặc biệt, mọi người công dân hãy bảo vệ hiến pháp. Lơ-đruy-Rô-lanh đã dựa vào điều khoản ấy. Nhưng mặt khác, các cơ quan quyền lực nhà nước chẳng phải đã được tổ chức ra cũng là để bảo vệ hiến pháp đó sao, và việc vi phạm hiến pháp chẳng phải là chỉ bắt đầu từ lúc mà một cơ quan quyền lực hợp hiến này nổi lên chống lại một cơ quan quyền lực hợp hiến khác đó sao? Trong khi đó thì tổng thống của chế độ cộng hòa, các viên bộ trưởng của chế độ cộng hòa, quốc hội của chế độ cộng hòa đều đã hoàn toàn hòa hợp với nhau.

Cái mà phái Núi mong muốn ngày 11 tháng Sáu là một "*cuộc khởi nghĩa trong phạm vi của lý tính thuần túy*", nghĩa là một *cuộc khởi nghĩa* thuần túy trong phạm vi *nghị trường*. Nó cho rằng, vì hoảng sợ trước triển vọng xảy ra một cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng nhân dân, nên phe đa số trong Quốc hội đã phải đánh bại Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của hắn, tức là dập tan quyền lực của chính mình. Trước kia Quốc hội lập hiến chẳng phải đã tìm cách dùng thủ đoạn tương tự như thế để phá vỡ cuộc bầu cử Bô-na-pác-tơ, khi Quốc hội cứ nhất quyết đòi bãi miễn nội các Ba-rô-Phan-lu đó sao?

Trong thời kỳ Hội nghị Quốc ước, có thiếu gì những trường hợp mà sự nổi dậy trong nghị trường đã đảo lộn ngay lập tức tương quan lực lượng giữa phe đa số và phe thiểu số, - ấy thế mà tại sao phái Núi trẻ lại không làm được điều mà phái Núi cũ trước kia đã làm được? Mà những điều kiện lúc đó hình như cũng không phải là không thuận lợi cho một công cuộc như thế. Ở Pa-ri, sự phẫn khích của dân chúng đã lên tới một mức độ đáng lo sợ; căn cứ vào số phiếu mà quân đội đã bỏ, thì quân đội hình như cũng không ủng hộ chính phủ lắm; bản thân phe đa số trong Quốc hội lập pháp lúc đó cũng còn quá non trẻ nên chưa phải đã được củng cố, vả lại nó lại gồm những người đã lớn tuổi. Nếu phái Núi thành công trong cuộc nổi dậy ở nghị trường thì quyền lãnh đạo nhà nước sẽ lập tức rơi vào tay họ. Còn về phần giai cấp tiểu tư sản dân chủ, thì bao giờ cũng vậy, họ thiết tha không mong muốn gì hơn là cuộc đấu tranh diễn ra ở trên đầu họ, trên tít tầng mây, giữa những bóng ma trong nghị viện. Sau hết, cả hai giai cấp tiểu tư sản dân chủ và các đại biểu của nó, tức là phái Núi, đều do một cuộc nổi dậy ở nghị trường mà thực hiện được mục tiêu lớn của mình là: đập tan quyền lực của giai cấp tư sản mà không phải giải thoát giai cấp vô sản khỏi xiềng xích của giai cấp tư sản hoặc không làm cho sự giải thoát xuất hiện một cách nào khác hơn là trong viễn ảnh; như vậy là đã lợi dụng được giai cấp vô sản mà vẫn không để cho nó trở thành một cái gì nguy hiểm cả.

Sau cuộc bỏ phiếu ngày 11 tháng Sáu của Quốc hội đã có một cuộc hội đàm giữa một vài người trong phái Núi với những đại biểu của các hội bí mật của công nhân. Các hội này khăng khăng đòi phải phát động khởi nghĩa ngay chiều hôm đó. Phái Núi kiên quyết bác bỏ kế hoạch này. Nó kiên quyết không để bị tước mất quyền lãnh đạo phong trào, nó nghi ngờ cả bạn đồng minh của nó cũng như kẻ đối địch với nó, và như vậy là đúng. Hồi ức về tháng Sáu 1848 đã kích động hàng ngũ giai cấp vô sản Pa-ri một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Song giai cấp này lại bị sự liên minh của mình với phái Núi trói buộc. Trong Quốc hội, phái này đại diện cho đa số các tỉnh; nó khuyếch đại ảnh hưởng của nó ở trong quân đội; nó nắm được bộ phận dân chủ trong đội cận vệ quốc gia; sau hết, nó có cái thế lực tinh thần của bọn chủ tiệm nhỏ làm hậu thuẫn. Trong lúc này mà phát động khởi nghĩa ngược lại ý chí của phái Núi, thì như thế là giai cấp vô sản - vả chăng đã bị bệnh dịch tả giết hại mất nhiều, và đang bị nạn thất nghiệp xua đuổi hàng loạt ra khỏi Pa-ri, diễn lại một cách vô ích những ngày tháng Sáu 1848 mà tình thế lại không buộc phải tiến hành cuộc chiến đấu tuyệt vọng đó. Các đại biểu công nhân đã tiến hành cái điều duy nhất hợp lý: họ đã buộc phái Núi phải *tự mình phá hoại danh dự* của mình, nghĩa là sẽ phải vượt ra ngoài phạm vi cuộc đấu tranh nghị trường trong trường hợp bản cáo trạng của phái ấy bị Quốc hội bác bỏ. Suốt trong ngày 13 tháng Sáu, giai cấp vô sản đã giữ cái thái độ quan sát hoài nghi đó, và nó chờ đợi cuộc vật lộn nhất định sẽ nổ ra một cách nghiêm trọng và quyết liệt giữa đội cận vệ quốc gia dân chủ và quân đội, để lúc đó nó nhảy vào vòng chiến và mau chóng thúc đẩy cuộc cách mạng tiến vượt quá cái đích tiểu tư sản mà người ta ấn định cho nó. Nếu thắng lợi thì như thế là đã thành lập xong công xã vô sản, song song với chính phủ chính thức. Công nhân Pa-ri đã học được bài học đẫm máu của tháng Sáu 1848.

Ngày 12 tháng Sáu, bộ trưởng La-crốt-xơ đã tự mình đề nghị với Quốc hội lập pháp lập tức thảo luận ngay bản cáo trạng. Đêm hôm ấy, chính phủ đã chuẩn bị tất cả mọi biện pháp phòng ngự và tấn công; phe đa số trong Quốc hội quyết định đẩy phe thiểu số phản nghịch ra ngoài đường phố; bản thân phe thiểu số cũng

không thể lùi bước được nữa, đành phải ứng chiến, kết quả là 377 phiếu chống 8 phiếu, đã gạt bỏ bản cáo trạng; phái Núi không bỏ phiếu, vừa la lối vừa tức tốc chạy vào phòng tuyên truyền của "phái dân chủ yêu hòa bình", phòng biên tập của báo "Democratie pacifique"[33].

Một khi đã bị tách khỏi hội trường của quốc hội thì sức mạnh của phái Núi cũng bị tiêu ma, chẳng khác nào Ăng-tê, đứa con trai khổng lồ của trái đất, khi bị tách khỏi trái đất thì không còn sức mạnh nữa. Là những Xăm-xông trong trụ sở của Quốc hội lập pháp, những người môn-ta-nhơ[1*] chỉ còn là những người phi-li-xtanh ở trong trụ sở của "phái dân chủ yêu hòa bình". Một cuộc tranh luận kéo dài, ầm ĩ và rỗng tuếch đã diễn ra. Phái Núi đã quyết dùng tất cả mọi biện pháp, *"trừ biện pháp vũ lực"*, để buộc phải tôn trọng hiến pháp. Quyết định của phái Núi được những người "bạn của hiến pháp" ủng hộ bằng một bản tuyên ngôn[34] và một đoàn đại biểu. Những người "bạn của hiến pháp", đó là tên gọi của những phần tử còn sót lại của nhóm "National", tức là của đảng tư sản cộng hòa. Trong khi 6 người trong số những đại biểu của nhóm "National" còn lại trong Quốc hội đã bỏ phiếu *chống lại* việc bác bỏ bản cáo trạng, còn tất cả những người khác đều đã bỏ phiếu *tán thành*, trong khi Ca-ve-nhắc đem lưỡi kiếm của mình cho đảng trật tự sử dụng thì đại bộ phận của nhóm "National", cái bộ phận ngoài thị trường, đã hăm hở nắm ngay lấy cơ hội để thoát khỏi cái địa vị của mình là tầng lớp hạ đẳng về mặt chính trị và lũ lượt gia nhập đảng dân chủ. Thật vậy, lẽ nào họ chẳng phải là những kẻ truyền lệnh tự nhiên của đảng ấy, một đảng nấp sau chiếc lá chắn của họ, nấp sau *nguyên tắc* của họ, sau *bản hiến pháp* đó ư?

"Phái Núi" trở dạ mãi cho đến khi mờ sáng. Nó đẻ ra được *"Một bản tuyên bố gửi nhân dân"* đăng trên hai tờ báo xã hội chủ nghĩa[35] vào sáng ngày 13 tháng Sáu, ở một góc không lấy gì làm vinh hạnh cho lắm. Nó tuyên bố rằng tổng thống, các bộ trưởng, phe đa số của Quốc hội lập pháp là *"không hợp hiến"*

1*- những người theo phái Núi (từ chữ "montagne", có nghĩa là "núi").

(hors la Constitution) và kêu gọi đội cận vệ quốc gia, quân đội và sau cùng là cả nhân dân nữa hãy "nổi dậy". *"Hiến pháp muôn năm!"*, đó là khẩu hiệu mà người ta đã tung ra, một khẩu hiệu không có ý nghĩa nào khác hơn là *"đả đảo cách mạng!"*.

Tương ứng với lời tuyên ngôn hợp hiến đó của phái Núi thì ngày 13 tháng Sáu, có cái gọi là một *cuộc thị uy hòa bình* của những người tiểu tư sản. Đó là một cuộc diễu hành xuất phát từ Sa-tô-đô qua các đường phố lớn, gồm 30000 người, phần nhiều là những người trong đội cận vệ quốc gia, không mang vũ khí, đi lẫn với các thành viên của các đoàn thể bí mật của công nhân, vừa đi vừa hô *"Hiến pháp muôn năm!"*, những tiếng hô mà chính ngay những người tham gia cuộc diễu hành đã hô lên một cách máy móc, một cách nhạt nhẽo, không tự giác, những tiếng hô mà quần chúng nhân dân đang tràn ngập trên vỉa hè đã nhại lại một cách diễu cợt chứ không hưởng ứng hô vang to lên như sấm động. Trong tiếng hát nhiều giọng của họ lại thiếu mất cái giọng từ trái tim phát ra. Và khi đoàn diễu hành đi qua trước trụ sở của những người "bạn của hiến pháp" và khi một tên truyền lệnh, làm thuê cho hiến pháp, xuất hiện trên nóc trụ sở, vung mạnh chiếc mũ cao của hắn, căng lồng ngực đại lực sĩ của hắn lên mà trút xa xả lên đầu những người hành hương ấy cái khẩu hiệu: *"Hiến pháp muôn năm!"*, thì chính những người tham gia diễu hành hình như trong một lúc cũng cảm thấy tình hình thật là lố bịch. Người ta biết rằng đoàn diễu hành đó đi đến những đại lộ, bước vào phố đờ la Pe thì được đội kỵ binh và đội quân truy kích của Săng-gác-ni-ê tiếp đón một cách rất ít có tính cách nghị trường; rằng trong nháy mắt, đoàn diễu hành ấy đã chạy tán loạn khắp các ngả, chỉ để lại sau nó vài tiếng hô lẻ tẻ: "hãy sử dụng vũ khí!", để chấp hành lời hiệu triệu khởi nghĩa đã được tung ra ngày 11 tháng Sáu trong Quốc hội.

Đại bộ phận của phái Núi, lúc đó tụ tập ở phố Ha-dác, liền biến mất khi sự giải tán bằng bạo lực như vậy đối với đoàn diễu hành hòa bình, những tin đồn ầm ĩ về vụ tàn sát những công dân tay không trên các đại lộ và sự huyên náo ngày càng tăng ở ngoài phố dường như báo trước một cuộc khởi nghĩa sắp bùng nổ. Đứng đầu một nhóm gồm một số ít nghị sĩ, *Lơ-đruy-Rô-lanh*

đã cứu vãn danh dự của phái Núi. Dưới sự yểm hộ của đội pháo binh Pa-ri đã tập hợp lại ở Pa-le-Na-xi-ô-nam, họ kéo sang Học viện công nghệ là nơi binh đoàn thứ 5 và binh đoàn thứ 6 của đội cận vệ quốc gia sẽ kéo tới. Nhưng phái Núi đã hoài công chờ đợi binh đoàn thứ 5 và thứ 6; những người lính cận vệ quốc gia thận trọng này đã bỏ rơi các đại biểu của họ, ngay đội pháo binh Pa-ri cũng ngăn cản không cho dân chúng dựng lũy chướng ngại; một tình trạng cực kỳ hỗn loạn khiến cho không thể quyết định được một điều gì; quân đội chính quy tiến lên, lưỡi lê tuốt trần; một số các đại biểu đã bị bắt giam, một số khác chạy thoát được. Ngày 13 tháng Sáu đã kết thúc như vậy đó.

Nếu ngày 23 tháng Sáu 1848 là ngày khởi nghĩa của giai cấp vô sản cách mạng thì ngày 13 tháng Sáu 1849 là ngày khởi nghĩa của những người tiểu tư sản dân chủ; cả hai cuộc khởi nghĩa đó đều là biểu hiện *thuần túy, cổ điển* của cái giai cấp đã phát động cuộc khởi nghĩa.

Chỉ có ở Ly-ông là sự biến đã đi đến chỗ trở thành một cuộc xung đột ngoan cường, đổ máu. Tại thành phố này giai cấp tư sản công nghiệp và giai cấp vô sản công nghiệp trực tiếp đương đầu với nhau, trong đó phong trào công nhân không nằm trong khuôn khổ phong trào chung và không do phong trào chung quyết định như ở Pa-ri; cho nên ngày 13 tháng Sáu, - với sự thất bại của bản thân nó - đã mất đi tính chất ban đầu của nó. Còn ở những địa phương khác trong tỉnh, nơi mà sự biến đó được hưởng ứng thì nó không làm bốc cháy lên được, *đó chỉ là một tia chớp lạnh lẽo mà thôi*.

Ngày 13 tháng Sáu đã kết thúc *thời kỳ thứ nhất của sự tồn tại của chế độ cộng hòa lập hiến*; cái chế độ cộng hòa lập hiến đã do cuộc khai mạc của Quốc hội lập pháp vào ngày 28 tháng Năm 1849 mà bắt đầu tồn tại một cách bình thường. Trong suốt cả cái màn dạo đầu ấy, luôn luôn xảy ra những cuộc đấu tranh ầm ĩ giữa đảng trật tự và phái Núi, giữa giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản là giai cấp đã uổng công lồng lộn lên chống lại việc thành lập nền cộng hòa tư sản, nền cộng hòa mà vì nó, trước đây chính bản thân giai cấp tiểu tư sản đã luôn luôn tiến hành những âm mưu trong chính phủ lâm thời và trong Ủy ban chấp

hành, và vì nó, giai cấp tư sản đã cuồng nhiệt chống lại giai cấp vô sản trong những ngày tháng Sáu. Ngày 13 tháng Sáu đã dập tan sức phản kháng của giai cấp tiểu tư sản và làm cho *nền độc tài lập pháp* của phái bảo hoàng thống nhất trở thành một sự việc đã rồi. Từ đó trở đi, Quốc hội chỉ là *Ủy ban cứu nguy xã hội của đảng trật tự* mà thôi.

Nhân dân Pa-ri đã đặt tổng thống, các bộ trưởng và phe đa số của Quốc hội vào *"địa vị bị cáo"*; còn họ thì lại đặt Pa-ri vào *"tình trạng thiết quân luật"*. Phái Núi đã tuyên bố phe đa số của Quốc hội lập pháp là *"không hợp hiến"*; phe đa số thì đưa phái Núi ra trước Tòa án tối cao về tội vi phạm hiến pháp và đã phế bỏ tất cả những gì còn có sinh lực nhất trong phái đó. Người ta đã sát hại nó đến mức nó chỉ còn là một cái thân không đầu, không tim. Phe thiểu số đi đến chỗ mưu toan một *cuộc nổi dậy ở nghị trường*; phe đa số thì nâng *quyền chuyên chế nghị trường* của mình thành pháp luật. Phe đa số đã ban bố một *quy chế* mới của Quốc hội nhằm thủ tiêu quyền tự do lên diễn đàn phát biểu ý kiến và trao cho chủ tịch Quốc hội quyền sử dụng các biện pháp tước quyền phát biểu, phạt tiền, đình chỉ phụ cấp nghị sĩ, trục xuất tạm thời, giam giữ để trừng phạt các nghị sĩ về tội làm rối trật tự. Bên trên cái thân không đầu của phái Núi, phe đa số đã treo không phải một thanh gươm, mà là cái roi. Số còn lại trong đám các nghị sĩ phái Núi, muốn bảo toàn được danh dự của họ, đáng lẽ nên rút lui hàng loạt. Một hành động như thế có lẽ sẽ làm cho đảng trật tự nhanh chóng đi đến chỗ tan rã. Khi cái vẻ bề ngoài của một phe đối lập không còn giữ cho đảng trật tự phải đoàn kết hơn thì đảng này chỉ có thể phân liệt thành những bộ phận cấu thành ban đầu của nó mà thôi.

Cùng với việc tước bỏ lực lượng *nghị trường* của phái tiểu tư sản dân chủ, người ta cũng đồng thời tước luôn cả lực lượng *vũ trang* của họ bằng cách giải tán đội pháo binh Pa-ri, cũng như những binh đoàn thứ 8,9 và 12 của đội cận vệ quốc gia. Trái lại, cái binh đoàn của bọn quý tộc tài chính, ngày 13 tháng Sáu, đã tấn công các nhà in ở Bu-lơ và Ru, đập các máy in, phá tan hoang các tòa soạn của những tờ báo cộng hòa, tùy tiện bắt giam các biên tập viên, các công nhân xếp chữ, các công nhân in, các

nhân viên thu phát báo lẫn những người chạy giấy, thì lại được hoan nghênh khuyến khích ở trên diễn đàn của Quốc hội. Trong toàn cõi nước Pháp, các đội cận vệ quốc gia cũng đều bị giải tán vì bị nghi là theo chủ nghĩa cộng hòa.

Một *đạo luật* mới *về báo chí*, một *đạo luật* mới *về việc lập hội*, một *đạo luật* mới *về việc thiết quân luật*, các nhà lao ở Pa-ri đầy ắp, việc trục xuất những người lưu vong chính trị, tất cả những tờ báo vượt ra ngoài khuôn khổ của tờ "National" đều bị đình bản, Ly-ông và năm tỉnh xung quanh bị đặt dưới ách tàn bạo của nền chuyên chế quân sự, cơ quan kiểm soát có mặt ở khắp nơi, đạo quân công chức vốn đã luôn luôn bị thanh trừng nay lại bị thanh trừng một lần nữa, - đó là *những biện pháp quen dùng* và tất yếu mà thế lực phản động đắc thắng đã không ngừng dừng lại, những biện pháp đáng được nêu lên sau những cuộc tàn sát và tù đày xảy ra hồi tháng Sáu, vì lần này chúng được thi hành không những để chống lại Pa-ri, mà còn để chống lại các tỉnh, không những để chống lại giai cấp vô sản, mà trước hết là để chống các tầng lớp trung đẳng nữa.

Những đạo luật trấn áp trao cho chính phủ quyền quyết định tuyên bố lệnh thiết quân luật, đã trói chặt các báo chí hơn nữa và thủ tiêu quyền lập hội, đã choán hết toàn bộ hoạt động lập pháp của Quốc hội trong tháng Sáu, tháng Bảy và tháng Tám.

Song, đặc điểm của thời kỳ này không phải là ở chỗ lợi dụng sự thắng lợi *trên thực tế*, mà là *trên nguyên tắc*, không phải là ở những nghị quyết của Quốc hội, mà là ở sự trình bày những lý do đưa đến những nghị quyết đó, không phải là ở việc làm mà là ở lời nói, không phải ở lời nói mà là ở giọng nói và ở điệu bộ minh họa cho lời nói. Sự biểu lộ *những quan điểm bảo hoàng* một cách trơ trẽn và trắng trợn, sự lăng mạ nền cộng hòa một cách khinh miệt kiểu quý tộc, việc phổ biến những dự án phục tích một cách văn hoa phù phiếm, nói tóm lại là việc huênh hoang vi phạm *những thủ tục cộng hòa* khiến cho thời kỳ này có một âm điệu và một màu sắc đặc biệt. "Hiến pháp muôn năm!", đó là khẩu hiệu chiến đấu của *những kẻ bại trận* ngày 13 tháng Sáu. Cho nên *những kẻ thắng trận* cũng bắt tất phải giả nhân giả nghĩa dùng đến những luận điệu hợp hiến, nghĩa là có tính chất

cộng hòa. Thế lực phản cách mạng đã chiến thắng Hung-ga-ri, I-ta-li-a và Đức, nên người ta tưởng rằng thời kỳ phục tích đã tới trước cửa ngõ của nước Pháp rồi. Giữa thủ lĩnh các phe phái trong đảng trật tự, đã diễn ra một cuộc cạnh tranh thật sự để hành động trước bằng cách công nhiên biểu lộ chủ nghĩa bảo hoàng của họ trên tờ "Moniteur", thú nhận và ăn năn về những tội lỗi mà chủ nghĩa tự do của họ đã làm cho họ có thể phạm phải dưới thời kỳ quân chủ, và cầu xin chúa và loài người tha thứ cho họ. Không có ngày nào mà trên diễn dàn của Quốc hội cuộc cách mạng tháng Hai lại không bị tuyên bố là một tai họa xã hội, không có ngày nào mà lại không có một gã địa chủ quê mùa nào đó, thuộc phái chính thống, đứng ra trịnh trọng tuyên bố rằng hắn chưa bao giờ thừa nhận chế độ cộng hòa, mà lại không có một trong những kẻ nhát gan nào đó đã đào ngũ và phản bội nền Quân chủ tháng Bảy nhưng, ngay sau đó, lại kể lể về những hành động anh hùng mà chỉ có lòng nhân ái của Lu-i Phi-líp hoặc những sự hiểu lầm khác mới cản trở không cho hắn thực hiện thôi. Hình như điều khiến cho người ta phải thán phục trong những sự kiện tháng Hai không phải là lòng khoan hồng của dân chúng đã chiến thắng, mà lại là sự hy sinh và thái độ ôn hòa của phái bảo hoàng nhờ đó dân chúng đã chiến thắng. Một đại biểu của nhân dân đề nghị lấy một phần số tiền trợ cấp cho những người bị thương trong những ngày tháng Hai đem cấp cho *những binh lính trong đội cận vệ quốc gia* là những người duy nhất xứng đáng với tổ quốc trong những ngày đó. Một đại biểu khác muốn người ta quyết nghị dựng tại quảng trường Ca-ru-xen, một bức tượng của công tước Oóc-lê-ăng đang cưỡi ngựa. Chi-e gọi hiến pháp là một mảnh giấy bẩn thỉu. Hết người này đến người khác trong phái Oóc-lê-ăng lên diễn đàn tỏ ý lấy làm tiếc là đã âm mưu chống lại nền quân chủ chính thống; đồng thời hết người nọ đến người kia trong phái chính thống lên phát biểu ý kiến tự trách mình đã làm cho nền quân chủ nói chung mau sụp đổ vì để chống lại nền quân chủ không chính thống. Chi-e hối tiếc đã âm mưu chống Mô-lê, Mô-lê hối tiếc đã âm mưu chống Ghi-dô, còn Ba-rô hối tiếc đã âm mưu chống lại cả ba người. Khẩu hiệu "Chế độ cộng hòa dân chủ - xã hội muôn năm!" bị

tuyên bố là phản hiến pháp. Khẩu hiệu "Chế độ cộng hòa muôn năm!" thì bị coi là một khẩu hiệu dân chủ - xã hội. Ngày kỷ niệm trận Oa-téc-lô, một đại biểu tuyên bố: "Tôi không sợ quân Phổ xâm lược bằng sợ những người cách mạng lưu vong lại được trở về nước Pháp". Đáp lại những lời phàn nàn về chính sách khủng bố được thi hành ở Ly-ông và ở các tỉnh lân cận, Ba-ra-ghê d'In-li-ê nói: "Tôi thích khủng bố trắng hơn khủng bố đỏ" ("J'aime mieux la terreur blanche que la terreur rouge"). Và cứ mỗi lần mà các diễn giả trong Quốc hội thốt ra một lời dã kích chua cay chống chế độ cộng hòa, chống cách mạng, chống hiến pháp và ủng hộ nền quân chủ, ủng hộ Liên minh thần thánh thì Quốc hội lại nhiệt liệt vỗ tay hoan nghênh. Mỗi sự vi phạm những nghi thức cộng hòa vụn vặt nhất, chẳng hạn như gọi các nghị sĩ là "Citoyens"[1*], đều làm cho các chàng hiệp sĩ của đảng trật tự hân hoan phấn khởi.

Việc tuyển cử bổ sung ngày 8 tháng Bảy ở Pa-ri, tiến hành dưới ảnh hưởng của tình trạng thiết quân luật và trong tình hình đại bộ phận giai cấp vô sản không đi bỏ phiếu; việc quân đội Pháp chiếm đóng La Mã; việc các hồng y giáo chủ[36] tiến hô hậu ủng tiến vào La Mã và theo sau đó là những thắng lợi mới đóng góp vào thắng lợi của tháng Sáu và làm cho đảng trật tự càng thêm say sưa.

Cuối cùng, vào giữa tháng Tám, một phần do có ý định tham dự vào các hội đồng hàng tỉnh vừa nhóm họp, một phần do mệt mỏi vì những cuộc chè chén đã kéo dài quá nhiều tháng, nên phái bảo hoàng tuyên bố Quốc hội nghỉ họp hai tháng. Với một thái độ mỉa mai rõ rệt, họ để lại một tiểu ban gồm hai mươi nhăm nghị sĩ gồm những tinh hoa của phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng, như Mô-lê, Săng-gác-ni-ê, để thay mặt Quốc hội và *bảo vệ chế độ cộng hòa*. Nhưng sự mỉa mai lại chua cay hơn chứ không phải như họ đã tưởng. Đã bị lịch sử buộc phải lật đổ cái chế độ quân chủ mà họ yêu quý, họ đồng thời lại bị lịch sử giao cho sứ mệnh phải duy trì chế độ cộng hòa mà họ căm ghét.

1*. "Công dân"

Cùng với *việc nghỉ họp* của Quốc hội lập pháp, *cũng kết thúc cái thời kỳ thứ hai của sự tồn tại của chế độ cộng hòa lập hiến*, tức là *thời kỳ cuồng nhiệt có tính chất bảo hoàng của nó*.

Một khi lệnh thiết quân luật được bãi bỏ, báo chí lại tiếp tục hoạt động. Trong thời gian các báo dân chủ - xã hội bị đình bản; trong thời gian thi hành các pháp chế đàn áp và các biện pháp bảo hoàng phi lý thì báo "Siècle"[37], đại biểu văn học cũ của *phái tiểu tư sản quân chủ - lập hiến*, liền chuyển theo chủ nghĩa cộng hòa. Báo "Presse"[38], cơ quan ngôn luận cũ của *phái cải lương tư sản* liền chuyển theo hướng *chủ nghĩa dân chủ;* báo "National", cơ quan ngôn luận cổ điển của *phái tư sản cộng hòa* chuyển theo *chủ nghĩa xã hội*.

Các *câu lạc bộ công cộng* càng không có khả năng tồn tại thì các *hội bí mật* lại càng phát triển rộng hơn và mạnh hơn. Tất cả các *hiệp hội công nhân công nghiệp*, được phép tồn tại, vì được coi là những hội thuần túy thương nghiệp, không có một ý nghĩa kinh tế nào nên về phương diện chính trị, đều trở thành những phương tiện để đoàn kết giai cấp vô sản. Ngày 13 tháng Sáu đã khiến cho các đảng phái nửa cách mạng bị mất hết những người cầm đầu chính thức, nên khối quần chúng còn lại được tự do hành động theo ý mình. Những chàng hiệp sĩ của đảng trật tự đã dọa nạt bằng những lời tiên đoán về sự khủng bố của nền cộng hòa đỏ; song những hành vi tàn bạo đê tiện, những điều khủng khiếp cùng cực của thế lực phản cách mạng thắng lợi ở Hung-ga-ri, ở Ba-đen, ở La Mã, đã giải oan cho *"chế độ cộng hòa đỏ"*. Còn những tầng lớp trung gian bất mãn trong xã hội Pháp thì lại bắt đầu thích những lời tiên đoán về nền cộng hòa đỏ cùng với những điều khủng khiếp tưởng tượng của nó hơn là những điều khủng khiếp do nền quân chủ đỏ mang lại kèm theo tính chất tuyệt vọng thực sự. Ở Pháp, không có một người xã hội chủ nghĩa nào lại tuyên truyền cho cách mạng nhiều hơn là *Hay - nau*. À chaque capacité selon ses oeuvres![1*].

1*- Căn cứ vào việc làm của mỗi người mà định được khả năng của họ. (Ở đây Mác lợi dụng công thức nổi tiếng của Xanh-Xi-mông)

Trong khi đó, Lu-i Bô-na-pác-tơ dùng kỳ nghỉ của Quốc hội để tiến hành những cuộc tuần du vương hầu của hắn ở các tỉnh; những tên theo phái chính thống nhiệt tình nhất đã hành hương đến Em-xơ để bái yết người cháu của thánh Lu-i[39], còn đông đảo các đại biểu nhân dân, bạn của đảng trật tự thì âm mưu trong các hội đồng hàng tỉnh vừa mới được nhóm họp. Vấn đề lúc đó là cần phải làm cho các hội đồng hàng tỉnh này nói lên cái điều mà phe đa số trong Quốc hội chưa dám nói: *tuyên bố yêu cầu xét lại hiến pháp ngay lập tức*. Theo hiếp pháp thì chỉ đến năm 1852, bản hiến pháp đó mới có thể được xem xét lại trong một phiên họp quốc hội được đặc biệt triệu tập nhằm mục đích ấy. Nhưng nếu đa số các hội đồng hàng tỉnh đều phát biểu theo hướng đó thì phải chăng Quốc hội lại chẳng vì tiếng gọi của nước Pháp mà hy sinh tính chất trong trắng của hiến pháp đi hay sao? Quốc hội nuôi cũng những hy vọng như vậy về các hội nghị hàng tỉnh cũng như các nữ tu sĩ trong tập "Hen-ri-a-đơ" của Vôn-te nuôi hy vọng về bọn Pan-đua[1*]. Nhưng trừ một vài trường hợp ngoại lệ, bọn Pu-ti-pha[2*] trong Quốc hội gặp phải không ít những I-ô-dép ở các tỉnh. Tuyệt đại đa số đều đã không muốn hiểu sự gợi ý cấp thiết đó. Việc xét lại hiến pháp đã bị phá hoại bởi chính ngay những công cụ được dùng để lập ra hiến pháp, tức là bởi sự biểu quyết của các hội đồng hàng tỉnh. Ý kiến của nước Pháp, và nói cho đúng ra, ý kiến của nước Pháp tư sản đã được nói lên và đã phản đối việc xét lại hiến pháp.

Đầu tháng Mười, Quốc hội lập pháp họp lại tantum mutatus ab illo[3*]! Bộ mặt của nó đã thay đổi hoàn toàn. Việc bị các hội đồng hàng tỉnh đột nhiên bác bỏ việc xét lại hiến pháp đã đưa Quốc hội quay về trong giới hạn của hiến pháp và đã vạch cho Quốc hội thấy rõ giới hạn tồn tại của nó. Phái Oóc-lê-ăng đã đâm ra nghi ngờ về cuộc hành hương của phái chính thống đến Em-xơ, còn phái chính thống thì bắt đầu làm cho người ta hoài nghi về những cuộc đàm phán của Oóc-lê-ăng với Luân Đôn[40]; báo chí

1*- Lính Hung-ga-ri thời đó, những kẻ tàn ác hay cướp bóc.
2*- Pu-ti-pha là sĩ quan trong hoàng cung Ai Cập. I-ô-dép là học trò của Phu-ti-pha.
3*- đã khác trước biết bao! (Véc-gi-li-ô, "Ê-nê-ít")

của cả hai phe phái đã nhen cho ngọn lửa bốc cháy và đã cân nhắc những yêu cầu đối với nhau của những người muốn lên ngôi vua; phái Óc-lê-ăng và chính thống liên minh đều hằn thù phái Bô-na-pác-tơ về những âm mưu của bọn này đã từng biểu hiện ra ở những cuộc tuần du vương hầu của tổng thống, ở những mưu toan ít nhiều rõ rệt của hắn ta muốn thoát khỏi sự trói buộc của hiến pháp, và biểu hiện rõ ở cái giọng lưỡi dẩy tự phụ của những tờ báo thuộc phái Bô-na-pác-tơ; Lu-i Bô-na-pác-tơ, thù cái Quốc hội đã thừa nhận những âm mưu của phái chính thống và phái Óc-lê-ăng là chính đáng và thù cái nội các đã luôn luôn phản bội hắn để làm lợi cho Quốc hội. Sau hết, bản thân nội các cũng không nhất trí về chính sách đối với La Mã và về *thuế thu nhập*, do bộ trưởng *Pát-xi* đề nghị và bị phái bảo thủ cho là có tính chất xã hội chủ nghĩa.

Một trong những đề nghị đầu tiên của nội các Ba-rô với Quốc hội lập pháp khi Quốc hội họp lại, là yêu cầu cấp một khoản kinh phí 300000 phrăng làm tiền phụ cấp quả phụ hằng năm cho *nữ công tước Óc-lê-ăng*. Quốc hội chuẩn y, và như vậy là đã làm cho sổ nợ của nước Pháp tăng thêm bảy triệu phrăng. Như vậy là trong khi Lu-i Phi-líp tiếp tục đóng một cách thành công cái vai một gã "pauvre honteux" - một kẻ nghèo khổ ngượng ngùng - thì nội các đã không dám đề nghị tăng thêm lương bổng cho Bô-na-pác-tơ, mà Quốc hội hình như cũng không sẵn sàng chuẩn y điều đó. Và vẫn như mọi khi, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã do dự trước cái tình thế lưỡng nan này: *Aut Caesar, aut Clichy*![1*]

Đề nghị thứ hai của nội các yêu cầu cấp chín triệu phrăng để trả các khoản *chi phí của cuộc viễn chinh đến La Mã* càng làm tăng thêm sự căng thẳng giữa một bên là Bô-na-pác-tơ với bên kia là các bộ trưởng và Quốc hội. Lu-i Bô-na-pác-tơ đã cho công bố trên tờ "Moniteur" một bức thư cho viên sĩ quan tùy tùng của hắn là Ét-ga Nây trong đó hắn buộc chính phủ của giáo hoàng phải có được nhiều điều bảo đảm có tính chất hiến pháp. Về phần mình giáo hoàng cũng tung ra một bản tuyên bố "motu proprio"[41],

1*- Hoặc là Xê-đa, hoặc là nhà tù giam con nợ! (Phỏng theo câu nói của Giu-li-út Xê-da: "Aut Caesar, aut nihil" - "Hoặc là Xê-đa, hoặc không là gì cả").

trong đó ông ta cự tuyệt mọi sự hạn chế đối với quyền lực mà ông ta đã khôi phục được. Bằng bức thư của mình, Bô-na-pác-tơ làm như là đã vô tình vén bức màn của nội các của mình lên, để cho bản thân mình xuất hiện trước quần chúng khán giả như một thiên tài đầy thiện chí, nhưng không được ai biết đến và bị trói buộc ở chính ngay trong nhà của mình. Đó không phải là lần đầu tiên hắn chơi một cách rất đỏm dáng cái trò "vỗ trộm đôi cánh của một tâm hồn tự do"[42]. *Chi-e*, báo cáo viên của ủy ban, chẳng thèm đếm xỉa gì đến cái vỏ cánh của Bô-na-pác-tơ, chỉ biết dịch lại bằng tiếng Pháp, bản tuyên bố của giáo hoàng. Không phải nội các, mà chính *Vích-to Huy-gô* là người đã tìm cách cứu vãn thể diện của tổng thống bằng một bản nhật lệnh, trong đó Quốc hội cần tỏ ý tán thành bức thư của Na-pô-lê-ông. Allons donc! Allons donc!1*- chính bằng những tiếng đã thốt ra một cách khinh suất và vô lễ đó mà phe đa số đã chôn lấp lời đề nghị của Huy-gô. Chính sách của tổng thống à? Bức thư của tổng thống à? Chính bản thân tổng thống à? "Allons donc! Allons donc!". Ai lại coi lời nói của ông Bô-na-pác-tơ là nghiêm chỉnh được. Ông Vích-to Huy-gô ơi, dễ thường ông tưởng rằng chúng tôi tin ông khi ông nói rằng ông tin vào tổng thống ư? "Allons donc! Allons donc!".

Sau hết, quan hệ giữa Bô-na-pác-tơ và Quốc hội lại càng đi đến chỗ chóng tan vỡ do cuộc tranh luận *về việc triệu hồi dòng Óc-lê-ăng và dòng Buốc-bông*. Nhân lúc nội các không có mặt tại cuộc họp, người anh em họ của tổng thống2* là con trai của vua cũ ở Ve-xtơ-pha-len đã đưa ra nghị viện dể án ấy, nhằm mục đích duy nhất là hạ những người thuộc dòng chính thống và dòng Óc-lê-ăng đang nhòm ngó ngôi vua xuống ngang hàng, hay nói cho đúng ra là *xuống thấp* hơn người thuộc dòng Bô-na-pác-tơ, vì ít ra là trên thực tế người này cũng đang đứng đầu nhà nước.

Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ cũng đã khá vô lễ nên mới gộp cả *việc triệu hồi họ hàng các dòng vua đang lưu vong ở nước ngoài với việc ân xá những người khởi nghĩa hồi tháng Sáu* thành

1*- Thôi đủ rồi! Thôi đủ rồi!
2*- hoàng thân Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ

những điều khoản của cùng một dề án. Sự phẫn nộ của phe đa số đã buộc hắn phải xin lỗi ngay lập tức về việc đã gộp chung lại một cách tội lỗi như thế cái thiêng liêng với cái xấu xa, những huyết thống nhà vua với dòng giống vô sản, những ngôi sao của xã hội với những đốm lửa ma trơi trong đám bùn lầy và buộc hắn phải đặt mỗi dề án vào đúng vị trí của nó. Phe đa số cương quyết bác bỏ việc triệu hồi dòng họ nhà vua, và *Be-ri-ê*, một chàng Đê-mô-xten của phái chính thống đã đánh tan mọi mối hoài nghi về ý nghĩa của cuộc đầu phiếu này. Hạ những người nhóm ngó ngôi vua xuống ngang hàng với người công dân bình thường, đó là mục đích mà người ta theo đuổi! Người ta muốn tước đoạt sạch cả vòng hào quang thiêng liêng của họ, muốn tước đoạt nốt cái oai phong cuối cùng của họ, tức là *oai phong của cuộc sống lưu vong*! Be-ri-ê la lên rằng người ta sẽ nghĩ như thế nào về việc một vị nào đó trong số những người nhóm ngó ngôi vua lại quên được cái dòng dõi tôn quý của mình để trở về Pháp, chịu sống ở đây như một dân thường! Người ta không thể nói được rõ ràng hơn với Lu-i Bô-na-pác-tơ rằng sự có mặt của hắn ở đây cũng chẳng có lợi gì cho hắn cả, và nếu các phái bảo hoàng liên minh còn cần đến hắn ở nước Pháp này để làm một *nhân vật trung lập* trên ghế tổng thống, thì những người thật sự có quyền được nối ngôi vua ở Pháp đành phải sống ẩn náu trong đám mây mù của cuộc lưu vong, để tránh con mắt của những kẻ phàm tục.

Ngày 1 tháng Mười một, Lu-i Bô-na-pác-tơ trả lời Quốc hội lập pháp bằng một thông điệp, với những lời lẽ khá thô bạo, báo tin việc giải tán nội các Ba-rô và thành lập một nội các mới. Nội các Ba-rô - Phan-lu là nội các của khối liên minh bảo hoàng; nội các Ô-pu-lơ là nội các của Bô-na-pác-tơ, là công cụ mà tổng thống dùng để đối địch với Quốc hội lập pháp, là *nội các của bọn tay sai*.

Giờ đây, Bô-na-pác-tơ không phải chỉ giản đơn là *nhân vật trung lập* của ngày 10 tháng Chạp 1848 như trước kia nữa. Việc nắm được quyền hành pháp đã làm cho hắn trở thành trung tâm của những lợi ích nhất định, cuộc đấu tranh chống tình trạng vô chính phủ đã buộc chính bản thân đảng trật tự phải làm tăng thêm ảnh hưởng cho hắn, và nếu nói rằng Bô-na-pác-tơ không

còn thu được nhân tâm nữa, thì chính bản thân đảng trật tự cũng đã bị thất nhân tâm rồi. Hắn lẽ nào lại chẳng có thể hy vọng rằng sự tranh chấp giữa phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống và sự tất yếu, một mặt, phải đi đến một cuộc phục tích quân chủ nào đó, mặt khác, sẽ buộc hai phái đó phải thừa nhận *một người trung lập để đưa lên ngôi vua* hay sao?

Kể từ ngày 1 tháng Mười một 1849 là bắt đầu bước vào thời kỳ tồn tại thứ ba của chế độ cộng hòa lập hiến, thời kỳ này kết thúc vào ngày 10 tháng Ba 1850. Không phải chỉ có việc vận dụng thường lệ các thiết chế hợp hiến, sự vận dụng mà Ghi-dô đã từng khen ngợi mãi, mới mở đầu cho cuộc tranh giành giữa quyền hành pháp và quyền lập pháp. Chống lại những tham vọng phục tích của phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống liên minh với nhau, là Na-pô-lê-ông bảo vệ cơ sở pháp lý của quyền lực thực sự của hắn, tức là chế độ cộng hòa; còn chống lại những tham vọng phục tích của Bô-na-pác-tơ, là đảng trật tự bảo vệ cơ sở pháp lý của sự thống trị chung của đảng ấy, tức là chế độ cộng hòa; chống lại phái Oóc-lê-ăng, là phái chính thống, chống lại phái chính thống là phái Oóc-lê-ăng bảo vệ cái status quo[1*], tức là chế độ cộng hòa. Tất cả những phái đó trong đảng trật tự - mà mỗi phái đều ôm ấp in petto[2*] một ông vua của mình và đều muốn phục tích dòng vua của mình, - đồng thời, để chống lại những tham vọng tiếm đoạt và nổi loạn của phe đối địch đều phải kiên trì sự thống trị chung của giai cấp tư sản, cái hình thức trong đó các tham vọng riêng của mỗi bên đều được trung hòa và được bảo tồn, đó là *chế độ cộng hòa*.

Cũng như Can-tơ đã coi chế độ cộng hòa, một hình thức nhà nước duy nhất hợp lý, là một tiêu chuẩn cơ bản của lý tính thực tế, một tiêu chuẩn mà người ta không bao giờ đạt được nhưng cứ luôn luôn phải lấy đó làm mục đích và luôn luôn phải để tâm đến những người bảo hoàng này cũng coi *chế độ quân chủ* là như vậy.

1*- tình trạng hiện nay, chế độ hiện tồn
2*- trong thâm tâm

Như vậy là chế độ cộng hòa lập hiến sản sinh ra từ tay những người cộng hòa tư sản với tư cách là một công thức tư tưởng trống rỗng, thì vào tay những người bảo hoàng liên minh, đã trở thành một hình thức sinh động và có nội dung phong phú. Và khi Chi-e tuyên bố rằng: "Chính những người bảo hoàng chúng ta mới thật sự là những trụ cột của chế độ cộng hòa lập hiến" thì hắn có ngờ đâu rằng lời hắn nói lại bao hàm biết bao chân lý.

Việc lật đổ nội các liên minh, việc thành lập nội các của bọn tay sai còn có một ý nghĩa khác nữa. Bộ trưởng bộ tài chính của nội các này tên là *Phun-đơ*. Phun-đơ làm bộ trưởng bộ tài chính như thế có nghĩa là của cải quốc dân của Pháp được chính thức trao vào tay sở giao dịch, là tài sản quốc gia được trao cho sở giao dịch quản lý vì lợi ích của sở giao dịch. Bằng việc bổ nhiệm Phun-đơ, tầng lớp quý tộc tài chính đã tuyên bố sự phục tích của họ trên tờ "Moniteur". Sự phục tích này là sự bổ sung tất nhiên vào với các cuộc phục tích khác và bao nhiêu những cuộc phục tích như vậy là bấy nhiêu mắt của cái sợi xích của chế độ cộng hòa lập hiến.

Trước kia, Lu-i Phi-líp không bao giờ dám cử một tên loup-cervier[1*] chính cống làm bộ trưởng bộ tài chính cả. Cũng như trước kia, triều vua của hắn là cái danh hiệu lý tưởng cho sự thống trị của bọn chóp bu trong giai cấp tư sản, thì trong những nội các của nó, những lợi ích đặc quyền cũng phải mang những danh hiệu của một lý tưởng không vụ lợi. Bây giờ thì bất cứ ở đâu chế độ cộng hòa tư sản cũng giơ ra trước tiền sân khấu những cái mà trước kia các nền quân chủ của phái chính thống cũng như của phái Oóc-lê-ăng vẫn giấu đi sau hậu trường. Nền cộng hòa đã trần tục hóa những cái mà các nền quân chủ kia đã thần thánh hóa. Nó đã bỏ những danh hiệu thần thánh của những lợi ích của giai cấp thống trị, mà thay chúng bằng những danh hiệu riêng, tư sản.

Tất cả những điều chúng tôi đã trình bày chứng tỏ rằng chế độ cộng hòa, ngay từ khi mới ra đời, đã không lật đổ sự thống

1*- con sói ở sở giao dịch

trị của tầng lớp quý tộc tài chính, mà trái lại, đã củng cố tầng lớp đó. Nhưng việc đó phải nhượng bộ tầng lớp quý tộc tài chính là một định mệnh mà nó phải phục tùng, mặc dù nó không muốn thế. Cử Phun-đơ lên, tức là quyền chủ động của chính phủ lại rơi vào tay tầng lớp quý tộc tài chính.

Người ta sẽ tự hỏi rằng làm sao mà những thế lực liên minh của giai cấp tư sản lại có thể chịu đựng được và dung thứ được sự thống trị của bọn quý tộc tài chính, là bọn trước kia, dưới thời Lu-i Phi-líp, đã dựng vững được, do đã gạt bỏ được hoặc đã chi phối được các phái tư sản khác?

Câu trả lời thật là giản đơn.

Trước hết, bản thân giới quý tộc tài chính là một bộ phận lãnh đạo trọng yếu trong khối liên minh bảo hoàng, mà quyền lực chính phủ chung của họ được gọi là chế độ cộng hòa. Những diễn giả và "những nhân vật tài năng" của phái Oóc-lê-ăng lẽ nào lại chẳng đã là những đồng minh và những kẻ đồng lõa cố cựu của tầng lớp quý tộc tài chính đó sao? Bản thân tầng lớp quý tộc tài chính này lẽ nào lại chẳng phải đội quân vàng trong hàng ngũ của phái Oóc-lê-ăng đó sao? Còn về phái bảo hoàng chính thống, thì ngay từ dưới thời Lu-i Phi-líp, họ quả đã thực tế tham gia vào tất cả các cuộc hoan hỉ của những hoạt động đầu cơ chứng khoán, hầm mỏ và đường sắt. Sau hết, sự liên minh của giai cấp đại địa chủ với tầng lớp quý tộc tài chính là một *hiện tượng thông thường. Nước Anh* là một bằng chứng, và ngay cả *nước Áo* cũng là một bằng chứng.

Trong một nước như nước Pháp trong đó sản lượng quốc dân là quá thấp so với quốc trái, trong đó lợi tức công trái là đối tượng đầu cơ quan trọng nhất, trong đó sở giao dịch là thị trường chính để đầu tư tư bản một cách phi sản xuất, - trong một nước như thế thì cần phải có một số người vô cùng đông đảo thuộc tất cả các giai cấp tư sản và nửa tư sản tham gia vào quốc trái, vào những hoạt động đầu cơ ở sở giao dịch, vào công việc tài chính. Tất cả những kẻ thuộc lớp dưới đó mà tham gia vào những việc ấy thì lẽ nào lại chẳng thấy rằng những rường cột tự nhiên và những thủ lĩnh tự nhiên của họ là cái tập đoàn đại biểu cho

những lợi ích đó trên những quy mô hết sức to lớn, đại biểu cho toàn bộ những lợi ích đó hay sao?

Vì sao tư sản quốc gia lại rơi vào tay tầng lớp quý tộc tài chính? Vì công nợ của nhà nước cứ ngày một chồng chất thêm mãi. Còn tại sao nhà nước lại mắc nợ? Vì số chi của nhà nước cứ luôn luôn vượt quá số thu, một sự mất cân đối vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của chế độ công trái quốc gia.

Muốn thoát khỏi tình trạng nợ nần ấy, thì nhà nước phải hoặc là giảm bớt các khoản chi tiêu của mình lại, nghĩa là tinh giản bộ máy chính quyền lại, phải hết sức thu hẹp phạm vi quản lý của mình lại, phải sử dụng hết sức ít nhân viên, phải can dự càng ít vào xã hội công dân càng hay. Đảng trật tự thì không thể nào thực hiện được biện pháp đó, vì đảng đó nhất định càng phải tăng cường những phương tiện đàn áp của nó, tăng cường việc lấy danh nghĩa nhà nước mà chính thức can thiệp vào mọi việc, tăng cường sự có mặt của nó ở khắp mọi nơi bằng những cơ quan nhà nước, - chừng nào mà sự thống trị của nó và những điều kiện sống còn của giai cấp của nó, càng bị đe dọa về nhiều mặt. Người ta không thể giảm bớt đội hiến binh khi những vụ xâm phạm vào thân thể con người và vào tài sản cứ ngày càng nhiều thêm.

Hoặc là, nhà nước phải tìm cách tránh không vay nợ nữa, và tạo ra được một sự thăng bằng tạm thời trong ngân sách - dù là nhất thời - bằng cách bắt các giai cấp giàu có nhất phải gánh những *khoản thuế đặc biệt*. Muốn cho tài sản quốc dân thoát khỏi sự bóc lột của sở giao dịch, lẽ nào đảng trật tự lại phải hy sinh của cải của chính mình trên bàn thờ tổ quốc hay sao? Pas si bête![1*]

Như vậy là nếu không cải biến hoàn toàn nhà nước Pháp đi thì không thể cải biến ngân sách quốc gia Pháp được. Với cái ngân sách quốc gia như thế thì nhất định nhà nước phải mang công mắc nợ; và nhà nước mang công mắc nợ thì nhất định phải dẫn đến sự thống trị của bọn đầu cơ quốc trái, của bọn chủ nợ của nhà nước, của bọn chủ ngân hàng, bọn buôn tiền, của

1*- Nó cũng không ngu ngốc lắm đâu!

những con chó sói ở sở giao dịch. Trong đảng trật tự chỉ có một bộ phận là đã trực tiếp tham gia vào việc lật đổ bọn quý tộc tài chính: đó là các *chủ xưởng*. Chúng ta không nói các nhà công nghiệp hạng trung, cũng không nói các nhà công nghiệp hạng nhỏ mà nói tầng lớp đầu sỏ trong công nghiệp, tức là những kẻ dưới thời Lu-i Phi-líp đã hình thành cái cơ sở rộng rãi của phe đối lập của vương triều. Lợi ích của họ hiển nhiên là ở chỗ bớt các chi phí sản xuất, tức là giảm các thuế má làm tăng chi phí sản xuất, tức là giảm bớt các khoản nợ của nhà nước, vì tiền lãi của các khoản nợ đó đổ vào đầu thuế má, - nói một cách khác, lợi ích của họ là ở chỗ lật đổ bọn quý tộc tài chính.

Ở nước Anh - các chủ xưởng lớn nhất ở Pháp, so với các đối thủ người Anh của họ thì chỉ là những anh tư sản nhỏ, - chúng tôi quả thật đã thấy những chủ xưởng, chẳng hạn như một Cốp-đen, một Brai-tơ nào đó, đứng đầu một đội quân thập tự chống lại ngân hàng và tầng lớp quý tộc ở sở giao dịch. Tại sao ở Pháp lại không có như vậy? Ở Anh thì công nghiệp chiếm địa vị thống trị. Ở Anh, công nghiệp cần có free trade[1*]; ở Pháp, công nghiệp cần có thuế quan bảo hộ, cần có chế độ độc quyền quốc gia bên cạnh các độc quyền khác. Công nghiệp Pháp không chi phối nền sản xuất của nước Pháp, do đó các chủ xưởng Pháp không chi phối giai cấp tư sản Pháp. Muốn làm cho lợi ích của mình thắng lợi ích của các tập đoàn khác trong giai cấp tư sản, các chủ xưởng Pháp không thể làm như những người Anh là đứng đầu phong trào và đưa lợi ích giai cấp của họ lên hàng đầu được, mà họ cần phải đi theo cách mạng và phục vụ những lợi ích trái ngược với lợi ích chung của giai cấp họ. Hồi tháng Hai, họ đã không hiểu rõ vị trí của họ, nhưng tháng Hai đã mở mắt cho họ. Và ai là người bị công nhân trực tiếp đe dọa hơn là kẻ thuê mướn công nhân, tức là nhà tư bản công nghiệp? Bởi vậy, ở Pháp, chủ xưởng tất nhiên phải trở thành một đảng viên cuồng nhiệt nhất của đảng trật tự. *So với việc lợi nhuận của hắn bị giai cấp vô sản xóa bỏ hoàn toàn* thì việc *lợi nhuận* của hắn bị bọn quý tộc tài chính làm giảm sút đi có nghĩa lý gì đâu?

Ở Pháp, anh tiểu tư sản đã làm cái việc mà thông thường nhà

1*- mậu dịch tự do

tư sản công nghiệp phải làm; công nhân đã làm cái nhiệm vụ mà thông thường anh tiểu tư sản phải làm; thế còn nhiệm vụ của công nhân thì ai làm đây? Không ai làm cả. Ở Pháp, người ta không giải quyết nhiệm vụ đó; ở Pháp, người ta chỉ tuyên bố nhiệm vụ đó ra mà thôi. Bất cứ ở đâu, nhiệm vụ đó cũng đều không được giải quyết trong phạm vi quốc gia[43]; cuộc chiến tranh giai cấp trong nội bộ xã hội Pháp sẽ mở rộng ra thành một cuộc chiến tranh thế giới giữa các nước với nhau. Nhiệm vụ của công nhân chỉ bắt đầu được giải quyết khi cuộc chiến tranh thế giới đẩy giai cấp vô sản lên địa vị lãnh đạo cái dân tộc đang chi phối thị trường thế giới, tức là địa vị lãnh đạo ở nước Anh. Song, cách mạng không kết thúc ở đó, mà bắt đầu được tổ chức, nên nó sẽ không phải là một cuộc cách mạng trong chốc lát. Thế hệ hiện nay giống như những người Do Thái mà Mô-i-dơ dẫn qua sa mạc. Nó không phải chỉ có nhiệm vụ giành lấy một thế giới mới, nó còn cần phải chết đi để nhường chỗ cho những người ngang với tầm vóc của thế giới mới.

Bây giờ ta hãy trở lại nói về Phun-đơ.

Ngày 14 tháng Mười một 1849, Phun-đơ bước lên diễn đàn của Quốc hội và trình bày chế độ tài chính của y: tán dương chế độ thuế khóa cũ! duy trì thuế rượu! xóa bỏ thuế thu nhập của Pát-xi!

Song Pát-xi lại không phải là một người cách mạng, đó là một bộ trưởng cũ của Lu-i Phi-líp. Y thuộc số những tín đồ thanh giáo và hạng Duy-phô-rơ, và thuộc số những kẻ thân tín nhất của Te-xtơ, người phải giơ đầu chịu báng hộ chế độ Quân chủ tháng Bảy[1]. Chính Pát-xi trước đây cũng đã từng ca ngợi chế độ thuế khóa cũ, đã từng đề nghị duy trì thuế rượu, nhưng đồng thời, cũng đã vạch rõ cái tình trạng thiếu hụt của ngân sách quốc gia. Y đã tuyên bố rằng cần thiết phải có một thứ thuế mới, thuế thu nhập, nếu không muốn cho nhà nước đi đến chỗ phá sản. Phun-đơ,

1) Ngày 8 tháng Bảy 1847, Viện nguyên lão ở Pa-ri bắt đầu xử án Pác-măng-chi-ê và tướng Quy-bi-e-rơ về tội hối lộ các quan chức nhằm mục đích xin được tô nhượng những mỏ muối, và xử án bộ trưởng Bộ các công trình công cộng hồi đó là Te-xtơ về tội ăn hối lộ. Trong khi xét xử, Te-xtơ đã toan tự tử. Tất cả đều bị phạt tiền nặng. Ngoài ra, Te-xtơ còn bị ba năm tù. (*Chú thích của Ph.Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1895*).

người đã có lúc nói cho Lơ-druy-Rô-lanh biết tình trạng phá sản của nhà nước, bây giờ lại nói cho Quốc hội lập pháp biết tình trạng thiếu hụt của ngân sách quốc gia. Y hứa hẹn thi hành những khoản tiết kiệm mà sau này người ta mới thấy rõ bí mật là như thế nào: chẳng hạn như các khoản chi thì giảm đi 60 triệu, nhưng khoản nợ thì tăng lên 200 triệu - đó chỉ là những mánh khoé trong việc phân loại các con số, trong việc quyết toán các tài khoản, nhưng cuối cùng thì kết quả cũng là lại phải đi vay nữa.

Dưới thời của Phun-đơ, dĩ nhiên là tầng lớp quý tộc tài chính, đứng bên cạnh các tập đoàn tư sản khác đang ganh ghét với họ, nên không làm nhiều chuyện đổi bại vô liêm sỉ như dưới thời Lu-i Phi-líp. Nhưng trước hết, chế độ vẫn y nguyên như cũ, nợ nần tăng lên không ngừng, tình trạng thiếu hụt bị che giấu. Thế rồi, dẫn đà những hành vi lừa đảo cũ ở sở giao dịch lại càng biểu lộ ra một cách còn vô liêm sỉ hơn. Bằng chứng là: đạo luật về đường sắt A-vi-nôn, những sự lên xuống bí hiểm của giá cả của các chứng khoán quốc gia, mà một dạo khắp Pa-ri người ta đều nói đến, sau hết là những vụ đầu cơ không thành công của Phun-đơ và của Bô-na-pác-tơ trong cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Ba.

Với sự phục tích chính thức của bọn quý tộc tài chính, nhân dân Pháp không tránh khỏi ở vào ngày hôm trước của một ngày 24 tháng Hai mới.

Trong cơn căm giận kẻ thừa kế mình, Quốc hội lập hiến đã bãi bỏ thuế rượu cho năm 1850. Nhưng không phải là xóa bỏ các khoản thuế cũ là có thể trả được các món nợ mới. Ngay trước khi Quốc hội lập pháp nghỉ họp thì *Crê-tông*, một kẻ ngu xuẩn thuộc đảng trật tự, đã đề nghị cứ duy trì thuế rượu. Nhân danh nội các của Bô-na-pác-tơ, Phun-đơ lại đưa ra đề nghị đó, và ngày 20 tháng Chạp 1849, tức là ngày kỷ niệm một năm nhậm chức tổng thống của Bô-na-pác-tơ, Quốc hội lại quyết định *phục hồi thuế rượu*.

Kẻ đầu tiên lên tiếng bênh vực việc phục hồi thuế đó không phải là một nhà tài chính, mà lại là lãnh tụ dòng Tên, *Mông-ta-lăm-be*. Y lập luận một cách thật là đơn giản không ngờ:

thuế, đó là cái vú sữa cho chính phủ bú. Chính phủ, đó là những công cụ đàn áp, là những cơ quan của quyền uy, là quân đội, là cảnh sát, là những quan chức, là những vị quan tòa, là những bộ trưởng, là những *giáo sĩ*. Sự đả kích vào thuế khóa, tức là sự đả kích của bọn vô chính phủ vào những vệ sĩ của trật tự đang bảo vệ nền sản xuất vật chất và tinh thần của xã hội tư sản chống sự tấn công của những vô sản nổi loạn. Thuế khóa, chính là một ông thần thứ năm, bên cạnh chế độ tư hữu, gia đình, trật tự và tôn giáo. Mà thuế rượu thì đương nhiên là một thứ thuế rồi, và ngoài ra, đó không phải là một thứ thuế thông thường, mà là một thứ thuế cổ truyền, mang tinh thần quân chủ, và đáng kính. Vive l'impôt des boissons! Three cheers and one more!*.

Người nông dân Pháp, mỗi khi nghĩ đến một con quỷ, thì hình dung nó giống như một nhân viên thu thuế. Kể từ lúc Mông-ta-lăm-be tuyên bố thuế là một vị thần, thì nông dân liền trở thành một kẻ không tin thần, một kẻ vô thần và lao mình vào tay quỷ, vào tay *chủ nghĩa xã hội*. Tôn giáo của trật tự đã khinh thường nông dân, giống Tên đã khinh thường nông dân, Bô-na-pác-tơ đã khinh thường nông dân. Ngày 20 tháng Chạp 1849 đã làm hại đến thanh danh của ngày 20 tháng Chạp 1848 một cách không sao cứu vãn được. Đứa "cháu của bác" không phải là người đầu tiên trong gia đình hắn bị thuế rượu đánh bại, thứ thuế, như lời Mông-ta-lăm-be đã nói, báo trước một cơn phong ba cách mạng. Na-pô-lê-ông thật sự, Na-pô-lê-ông vĩ đại đã từng tuyên bố ở Xanh-Hê-len rằng việc lập lại thuế rượu đã góp phần nhiều hơn cả vào việc làm cho hắn sụp đổ vì đã tước mất của hắn những nông dân ở miền Nam nước Pháp. Ngay từ thời Lu-i XIV, thuế rượu đã là cái mà nhân dân căm ghét nhất (xem các trước tác của Boa-ghin-be và Vô-băng), sau đó bị cuộc cách mạng lần thứ nhất bãi bỏ, rồi lại được Na-pô-lê-ông khôi phục lại năm 1808 dưới một hình thức mới. Khi dòng vua được phục tích trở về Pháp, thì đi trước, không phải chỉ có bọn kỵ binh Cô-dắc, mà còn

1*- Thuế rượu muôn năm! Vạn tuế, vạn vạn tuế!

có cả những câu hứa hẹn long trọng về việc bãi bỏ thuế rượu nữa. Dĩ nhiên là gentilhommerie[1*] chẳng cần phải giữ lời hứa với gent taillable à merci et miséricorde[2*] làm gì cả. Năm 1830 đã hứa hẹn xóa bỏ thuế rượu. Nhưng năm đó không thuộc cái loại làm cái điều nó nói và nói cái điều nó làm. Năm 1848 hứa hẹn xóa bỏ thuế rượu cũng như nó đã hứa hẹn tất cả mọi thứ. Sau hết, Quốc hội lập hiến không hứa hẹn gì hết, nhưng như đã nói ở trên, nó đã ra một mệnh lệnh di chúc lại rằng từ ngày 1 tháng Giêng 1850 thì thuế rượu phải được bãi bỏ hẳn. Ấy thế mà đúng mười ngày trước hôm 1 tháng Giêng 1850, Quốc hội lập pháp đã lập lại thuế đó. Như vậy là nhân dân Pháp đã luôn luôn xua đuổi thứ thuế đó, nhưng đuổi nó ra bằng cửa ra vào thì nó lại quay trở lại bằng cửa sổ.

Nhân dân sở dĩ đều căm ghét thuế rượu là vì thứ thuế này mang trong lòng nó tất cả những mặt xấu xa đáng ghét của chế độ thuế ở Pháp. Cách thu thuế thì đáng ghét; cách phân bổ thì có tính chất quý tộc, vì tỷ lệ thuế đánh vào rượu vang thông thường nhất và vào rượu vang quý nhất, cũng đều như nhau, nên tiền của những người tiêu dùng càng giảm xuống thì thuế lại càng tăng lên theo cấp số nhân; đó là một thứ thuế lũy tiến lộn ngược. Nó trực tiếp gây ra việc đầu độc các giai cấp lao động vì nó là một thứ tiền thưởng cho các loại rượu vang giả và bắt chước. Thứ thuế đó đã làm cho sự tiêu dùng giảm đi vì nó lập ra chế độ thuế nhập thị ở tất cả thị trấn có trên 4000 dân và biến tất cả các thị trấn này thành những nước ngoài có chế độ thuế quan bảo hộ để chống rượu vang Pháp. Thế mà các nhà buôn rượu lớn, và hơn nữa, các nhà buôn rượu nhỏ, những kẻ được gọi là marchands de vin, tức là những chủ tiệm bán rượu, nghĩa là tất cả những kẻ mà thu nhập phụ thuộc vào việc tiêu dùng rượu, lại đều là những tử thù của thuế rượu. Và sau hết, trong khi làm cho sự tiêu dùng giảm đi, thuế rượu đã làm cho sản xuất mất luôn cả thị trường tiêu thụ. Làm cho công nhân thành thị không thể mua được rượu, đồng thời nó cũng làm cho những nông dân

1*- tầng lớp quý tộc
2*- cái đám dân chúng mạt hạng vô quyền

trồng nho không thể bán được rượu. Thế mà nước Pháp lại có một số dân trồng nho là 12 triệu người. Như vậy cũng dễ hiểu được rằng tại sao nhân dân nói chung đều căm ghét thuế rượu, nhất là tại sao nông dân lại cuồng nhiệt căm thù thuế rượu. Ngoài ra, nông dân không coi việc khôi phục lại thuế rượu là một sự kiện đơn độc, ít nhiều ngẫu nhiên đâu. Nông dân có một loại truyền thống lịch sử truyền từ đời cha đến đời con, và tại trường học đó của lịch sử, người ta rỉ tai nhau rằng mỗi chính phủ, chừng nào muốn lừa gạt nông dân, thì đều hứa hẹn bãi bỏ thuế rượu, và khi đã lừa gạt được rồi thì liền duy trì hay khôi phục lại thứ thuế đó. Nông dân căn cứ vào thuế rượu để nhận ra hương vị của chính phủ, nhận ra xu hướng của chính phủ. Việc lập lại thuế rượu ngày 20 tháng Chạp có nghĩa là: *Lu-i Bô-na-pác-tơ đang giống như tất cả những kẻ khác*; nhưng hắn đã không giống như những kẻ khác, hắn đã là một *nhân vật do nông dân nặn ra* cho nên trong các bản kiến nghị có hàng mấy triệu chữ ký phản đối thuế rượu, nông dân đã thu hồi lại những lá phiếu mà một năm trước đây họ đã bỏ cho tên "cháu của bác".

Dân cư nông thôn, chiếm trên hai phần ba dân số nước Pháp, thì phần lớn là những *chủ ruộng* mang tiếng là tự do. Thế hệ thứ nhất, nhờ cuộc cách mạng 1789 đã không mất gì mà được giải phóng khỏi những đảm phụ phong kiến, đã không phải trả gì về ruộng đất cả. Nhưng các thế hệ sau thì đã phải trả dưới hình thức *giá cả của ruộng đất*, cái mà xưa kia ông cha họ là những nửa nông nô đã phải trả dưới hình thức địa tô, thuế thập phân, lao dịch, v.v.. Một mặt, dân cư ngày càng tăng thêm; mặt khác, ruộng đất ngày càng bị chia manh mún thì giá cái mảnh đất nhỏ càng lên cao, vì những mảnh đất nhỏ ấy càng bị chia ra manh mún thì lượng cầu càng tăng lên. Nhưng cái giá mà người nông dân phải trả cho mảnh đất cỏn con, cái mảnh đất mà hoặc là anh ta trực tiếp mua, hoặc là do những người cùng hưởng thừa kế với anh ta cấp cho anh ta để làm vốn, tăng lên chừng nào thì *nợ nần của người nông dân*, tức là *việc cầm cố*, cũng tăng lên chừng ấy. Đúng thế, tờ văn tự cầm ruộng đất để vay nợ thì gọi là *văn tự cầm cố*, văn tự cầm cố ruộng đất. Những *đặc quyền đặc lợi* đã chồng chất lên như thế nào trên những ruộng đất thời trung cổ thì những *văn tự cầm cố* cũng đang chồng chất lên như

thế ấy trên cái mảnh đất cỏn con của thời nay. Mặt khác, dưới chế độ ruộng đất manh mún thì đối với người chủ, ruộng đất chỉ thuần túy là một *công cụ sản xuất* thôi. Người ta càng chia nhỏ ruộng đất ra bao nhiêu thì ruộng đất lại càng kém phì nhiêu đi bấy nhiêu. Việc sử dụng máy móc để canh tác, sự phân công lao động, các biện pháp đại quy mô nhằm cải tạo ruộng đất như đào những con kênh tưới tiêu nước, v.v., càng ngày càng trở nên khó thực hiện, đồng thời các *khoản hư phí* về canh tác cũng ngày càng tăng lên tỷ lệ với sự phân chia manh mún những công cụ sản xuất. Và dù người chủ mảnh đất đó có hay không có vốn liếng thì tình hình cũng vẫn như thế. Nhưng sự phân chia ruộng đất càng tăng, thì toàn bộ vốn liếng của nhiều nông dân phân tán lại càng chỉ là cái mảnh đất cỏn con cùng với số nông cụ vô cùng thảm hại của nó; và số vốn liếng bỏ vào ruộng đất càng ít thì người tiểu nông [Kotsass] càng thiếu ruộng đất, thiếu tiền bạc và thiếu những kiến thức để sử dụng những tiến bộ của ngành nông học và việc canh tác ruộng đất lại càng tụt lùi. Sau hết, *thu nhập ròng* càng giảm đi, khi *tổng số tiêu dùng* càng tăng, khi toàn thể gia đình người nông dân càng bị tài sản tư hữu của anh ta gạt ra khỏi mọi công việc làm ăn khác, nhưng cũng không có khả năng nuôi sống được gia đình anh ta.

Như vậy là dân số càng tăng lên bao nhiêu và ruộng đất càng bị chia nhỏ ra bao nhiêu, thì *công cụ sản xuất*, tức là ruộng đất, *cũng đắt lên* bấy nhiêu, và *độ phì* của ruộng đất cũng giảm đi bấy nhiêu, *nông nghiệp cũng suy sụp đi bấy nhiêu và nông dân cũng lại càng mắc nợ thêm bấy nhiêu*. Và cái trước kia là kết quả thì bây giờ lại trở thành nguyên nhân. Thế hệ trước để cho thế hệ sau càng mắc nợ nhiều hơn; mỗi một thế hệ mới lại bắt đầu trong những điều kiện kém thuận lợi hơn và gay go hơn; cầm cố đẻ ra cầm cố, và khi người nông dân không thể đem cái mảnh đất của mình để bảo đảm cho những *món nợ mới* được nữa, nghĩa là để lại cầm cố lần nữa thì anh ta trực tiếp trở thành miếng mồi cho *bọn cho vay nặng lãi*, và *những khoản lãi nặng* ngày càng trở nên to lớn hơn.

Như vậy, ta thấy có tình trạng là dưới hình thức *tiền lãi* trả

về *việc cầm cố* ruộng đất, dưới hình thức tiền lãi trả về *những món tiền của bọn cho vay nặng lãi ứng cho nhưng không phải cầm cố ruộng đất*, người nông dân Pháp đã nộp cho tên tư bản không những một món địa tô, không những lợi nhuận công nghiệp, nói tóm lại, không những *toàn bộ số lãi ròng* mà thôi, mà còn nộp cả một *phần tiền công nữa*; thành thử người nông dân Pháp bị rơi xuống tình cảnh của *người tá điền Ai-rơ-len*; và người nông dân phải chịu tất cả những điều đó, vì anh ta là *người có tài sản riêng*.

Ở Pháp, quá trình đó diễn ra ngày càng nhanh vì *thuế má* ngày càng tăng và vì những *tiền án phí*, hậu quả trực tiếp của chính ngay những thủ tục mà pháp chế của nước Pháp quy định cho chế độ tư hữu ruộng đất, hoặc của vô số những cuộc xung đột do các mảnh đất con con ở đâu đâu cũng nằm kề bên nhau và chằng chịt với nhau gây ra, hoặc của tính hay kiện cáo cuồng nhiệt của nông dân mà sự hưởng thụ về tài sản chỉ là ở chỗ cuồng nhiệt bảo vệ cái tài sản tưởng tượng, tức là bảo vệ *quyền sở hữu* mà thôi.

Theo một bản thống kê của năm 1840 thì tổng sản lượng nông nghiệp ở Pháp là 5237178000 phrăng. Trong số đó, phải trừ đi 3552000000 phrăng phí tổn canh tác, kể cả tiêu dùng của những người canh tác ruộng đất. Còn lại một số sản lượng ròng là 1685178000 phrăng, trong đó phải trừ đi 550 triệu về tiền lãi cầm cố, 100 triệu nộp cho bọn quan lại tư pháp, 350 triệu để nộp và 107 triệu về tiền trước bạ, tiền tem và tiền tem thuế cầm cố, v.v.. Còn lại cái phần thứ ba của sản lượng ròng là 538 triệu, đem chia ra thì mỗi đầu người có được một số thu nhập ròng chưa đầy 25 phrăng[41]. Dĩ nhiên là chưa kể đến tiền trả cho các khoản vay nặng lãi không phải cầm cố ruộng đất, cũng như những khoản tiền trả cho trạng sư, v.v..

Giờ đây có thể hiểu được tình cảnh của nông dân Pháp khi ngoài những đảm phụ đã có, chế độ cộng hòa lại còn đặt thêm ra những đảm phụ mới nữa. Rõ ràng là việc bóc lột nông dân chỉ khác việc bóc lột giai cấp vô sản công nghiệp về *hình thức* mà thôi. Kẻ bóc lột vẫn là một: đó là *tư bản*. Từng tên tư bản đã bóc lột từng người nông dân bằng *việc cầm cố* và *cho vay nặng lãi*. Giai cấp các nhà tư bản bóc lột giai cấp nông dân bằng *thuế của nhà nước*. Tờ chứng nhận quyền sở hữu của nông

dân là một lá bùa mà từ trước đến nay tư bản đã dùng để mê hoặc nông dân, là một cái cớ mà tư bản đã dựa vào để kích động nông dân chống giai cấp vô sản công nghiệp. Chỉ có sự sụp đổ của tư bản mới có thể nâng được nông dân lên; chỉ có một chính phủ chống chủ nghĩa tư bản, một chính phủ vô sản mới có thể giải thoát nông dân khỏi tình trạng khốn cùng về mặt kinh tế và thoái hóa về mặt xã hội. *Chế độ cộng hòa lập hiến*, đó chính là nền chuyên chính của cái khối liên minh những kẻ bóc lột nông dân; chế độ cộng hòa *dân chủ - xã hội*, tức là chế độ cộng hòa *đỏ*, đó là nền chuyên chính của những bạn đồng minh của nông dân. Và cán cân lên hay xuống ra sao, đó là tùy theo số phiếu mà nông dân bỏ vào trong hòm phiếu quyết định. Chính bản thân nông dân phải quyết định lấy số phận của mình. Đó là điều mà những người xã hội chủ nghĩa đã nói trong những bài văn công kích, những cuốn lịch tay, những cuốn lịch hàng ngày, những truyền đơn thuộc đủ các loại. Những tư tưởng đó đã trở thành dễ hiểu hơn đối với nông dân nhờ có những tác phẩm luận chiến của đảng trật tự. Nó nói với nông dân những điều phóng đại thô thiển, nó xuyên tạc một cách vô sỉ những ý đồ và tư tưởng của những người xã hội chủ nghĩa, nên đã ăn khớp với cái giọng điệu chính cống của người nông dân và kích thích họ muốn nếm thử quả cấm. Nhưng dễ hiểu nhất lại là chính những kinh nghiệm mà giai cấp nông dân đã trải qua khi thực hiện quyền bầu cử, họ đã nói lên những nỗi thất vọng mà nông dân đã phải liên tiếp chịu đựng trong tiến trình phát triển dồn dập của cách mạng. *Các cuộc cách mạng đều là những đầu tàu của lịch sử.*

Sự chuyển biến dần dần đã biểu lộ ra trong nông dân qua nhiều triệu chứng khác nhau. Nó đã biểu lộ ra ngay trong cuộc bầu Quốc hội lập pháp; nó đã biểu lộ ra trong tình trạng thiết quân luật được ban hành trong năm tỉnh tiếp giáp với Ly-ông; mấy tháng sau, vào ngày 13 tháng Sáu, nó lại biểu lộ ra trong việc tỉnh Gi-rông-đơ bầu một người thuộc phái Núi thay cho vị chủ tịch cũ của cái "nghị viện có một không hai" [chambre introuvable][1], ngày 20 tháng Chạp 1849, nó lại biểu lộ ra trong

1) Trong lịch sử, đó là tên gọi của cái hạ nghị viện được bầu ra ngay sau khi Na-pô-lê-ông bị lật đổ lần thứ hai vào năm 1815, một nghị viện cuồng tín bảo hoàng đến cực đoan, phản động. (*Chú thích của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1895.*)

việc bầu cử ở tỉnh Gác-đơ[45], - đất thánh của phái chính thống, nơi đã diễn ra những tội ác ghê gớm nhất chống lại những người cộng hòa hồi 1794 và 1795, trung tâm của terreur blanche[1*] hồi 1815, hồi mà những người theo chủ nghĩa tự do và theo đạo Tin lành bị sát hại một cách công khai, - một nghị sĩ đỏ thay cho một nghị sĩ thuộc phái chính thống đã từ trần. Chính sau khi thuế rượu đã được lập lại thì sự cách mạng hóa đó của cái giai cấp trì trệ nhất đã biểu lộ ra một cách rõ rệt hơn cả. Các biện pháp của chính phủ và các đạo luật hồi tháng Giêng và tháng Hai 1850 đều hầu như chỉ hoàn toàn nhằm chống lại *các tỉnh* và *nông dân*. Đó là bằng chứng rõ rệt nhất chứng tỏ sự thức tỉnh của nông dân.

Bản thông tri của Ô-pu-lơ biến tên hiến binh thành một tên soi mói của tỉnh trưởng, của huyện trưởng và trước hết là của xã trưởng, một tên tổ chức việc do thám đến tận hang cùng ngõ hẻm của những thôn xã hẻo lánh nhất; *đạo luật chống các giáo viên* đã đặt các giáo viên, những tài năng, những lãnh tụ, những nhà giáo dục, những người phát ngôn của giai cấp nông dân, dưới sự độc đoán của viên tỉnh trưởng thường truy nã họ, những người vô sản của tầng lớp có học thức, như đuổi bắt những con thú, hết từ xã này sang xã khác; *dự luật chống các xã trưởng* đem việc cách chức ra làm thanh gươm của Đa-mô-clét treo lủng lẳng trên đầu họ và luôn luôn dặt họ, những viên xã trưởng ở các xã ở nông thôn, đối lập với tổng thống của nước cộng hòa và với đảng trật tự; *bản quân lệnh* biến 17 quân khu ở nước Pháp thành bốn pa-sa-lích[46] và biến các doanh trại và trại đã ngoại thành phòng trà dân tộc của người Pháp; *đạo luật về giáo dục* mà thông qua nó, đảng trật tự tuyên bố rằng tình trạng không giác ngộ của nước Pháp và chính sách dùng bạo lực để làm cho nước Pháp ngu muội là điều kiện sống còn của nó dưới chế độ phổ thông đầu phiếu - tất cả những đạo luật và biện pháp ấy là gì? Đều là những biện pháp tuyệt vọng để mưu toan giành lại các tỉnh và nông dân ở các tỉnh cho đảng trật tự.

Với tính cách là *những biện pháp trấn áp*, những biện pháp này thật là thảm hại và đi ngược lại chính ngay mục đích của

1*- khủng bố trắng

chúng. Những biện pháp lớn như việc duy trì thuế rượu, thuế 45 xăng-tim, việc bác bỏ một cách khinh miệt kiến nghị của nông dân yêu cầu hoàn lại mấy tỉ phrăng, v.v. - từ trung ương, tất cả những đòn sấm sét đó của pháp luật đã giáng xuống đầu giai cấp nông dân, trên quy mô lớn trong chỉ độc một lần. Còn các đạo luật và biện pháp nói trên đã coi sự tấn công và phản kháng mang một tính chất *phổ biến*, làm cho chúng trở thành đề tài cho những câu chuyện hàng ngày trong từng ngôi nhà tranh, khiến cho cách mạng thâm nhập vào mỗi làng xóm, *đưa cách mạng về các địa phương và làm cho nó trở thành cuộc cách mạng nông dân.*

Mặt khác, những đề nghị ấy của Bô-na-pác-tơ, việc Quốc hội phê chuẩn các đề nghị đó, chẳng phải đã chứng minh cho sự liên kết giữa hai thế lực của chế độ cộng hòa lập hiến trong việc trấn áp thế lực vô chính phủ, nghĩa là trấn áp tất cả các giai cấp nổi dậy chống lại nền chuyên chính của giai cấp tư sản, đó sao? Xu-lu-cơ, ngay sau khi đã gửi bức thông điệp thô bạo của mình[47], lẽ nào đã chẳng cam đoan với Quốc hội lập pháp sự trung thành của mình với đảng trật tự, bằng một bản thông điệp tiếp ngay sau đó của *Các-li-ê*[48], một kẻ bắt chước Pi-u-sê một cách thô bỉ và vụng về, cũng như bản thân Lu-i Na-pô-lê-ông đã bắt chước Na-pô-lê-ông một cách tầm thường đó sao?

Đạo luật về giáo dục cho ta thấy rõ sự liên minh của phái công giáo trẻ với phái Vôn-te già. Sự thống trị của bọn tư sản liên minh còn có thể là cái gì nữa, nếu không phải là chế độ độc tài liên minh giữa phái phục tích thân phái đòng Tên với phái Quân chủ tháng Bảy lợi dụng trào lưu tư tưởng tự do. Những vũ khí mà trước đây một trong các phái tư sản đã phân phát cho nhân dân để chống lại phái kia trong cuộc đấu tranh giữa chúng với nhau để giành quyền thống trị, thì từ khi mà nhân dân đã đứng lên chống lại nền chuyên chế liên hiệp của chúng, lẽ nào chúng lại chẳng cần phải đoạt lại những vũ khí đó từ tay nhân dân hay sao? Không có cái gì, ngay cả việc bác bỏ đạo luật về concordats à l'amiable lại làm cho anh chủ tiệm buôn ở Pa-ri tức tối bằng cái lối phô trương cái *chủ nghĩa đòng Tên* một cách duyên dáng như thế.

Tuy nhiên, các cuộc xung đột vẫn cứ tiếp tục diễn ra cả giữa các phe phái trong đảng trật tự, lẫn giữa Quốc hội và Bô-na-pác-tơ. Quốc hội chẳng vừa lòng chút nào về việc Bô-na-pác-tơ, ngay lập tức sau coup d'état của hắn, sau sự thành lập cái nội các kiểu Bô-na-pác-tơ của hắn, đã triệu tập những gã tàn phế của thời quân chủ hiện vừa được bổ nhiệm làm tỉnh trưởng, và coi việc họ cổ động chống lại hiến pháp để ủng hộ cho hắn được tái cử làm tổng thống, là một điều kiện để duy trì chức vụ của họ; về việc Các-li-ê ăn mừng việc nhận chức của hắn bằng cách đóng cửa một câu lạc bộ của phái chính thống; về việc Bô-na-pác-tơ sáng lập tờ báo riêng của hắn, tờ "Napoléon"[19], tức là tờ báo để lộ cho công chúng thấy những khát vọng thầm kín của tổng thống, trong khi các bộ trưởng của hắn lại cứ phải chối cãi tại diễn đàn của Quốc hội lập pháp là không có những tham vọng ấy; về cái việc Bô-na-pác-tơ vẫn khăng khăng không chịu bãi chức các bộ trưởng của hắn, mặc dầu đã có nhiều cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm; cũng chẳng vừa lòng chút nào về cái mưu toan mua chuộc các hạ sĩ quan bằng cách tăng lương cho họ thêm bốn xu một ngày và mua chuộc giai cấp vô sản bằng cách đánh cắp văn trong "Những bí mật của thành Pa-ri" của Ơ-gien Xuy, tức là bằng việc thành lập một "ngân hàng cho vay trên danh dự"; sau hết, chẳng vừa lòng chút nào về sự vô liêm sỉ trong việc người ta đã khiến các bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ để nghị đày sang An-giê-ri những người khởi nghĩa tháng Sáu hãy còn sót lại, để trút sự thất nhân tâm en gros[1*] lên đầu Quốc hội lập pháp, trong khi tổng thống cố thu được cho bản thân hắn nhân tâm en détail[2*] bằng một vài hành động ban ơn. Chi-e buông ra những lời đe dọa nào là "coup d'état", nào là "coups de tête"[3*], còn Quốc hội lập pháp thì trả thù Bô-na-pác-tơ bằng cách bác bỏ mọi dự luật mà hắn đưa ra vì lợi ích của bản thân hắn, bằng cách tiến hành điều tra một cách ầm ĩ và đầy nghi kỵ mỗi dự luật mà hắn đưa ra vì lợi ích chung, để xét xem, trong khi tăng cường quyền hành pháp, hắn có tăng cường quyền lực cá nhân của hắn ta không. Nói tóm lại, Quốc hội đã *trả thù bằng âm mưu tỏ thái độ khinh bỉ.*

1*- toàn bộ
2*- từng chút một
3*- Chơi chữ: "coup d'état" có nghĩa là "cuộc chính biến", còn "coups de tête" có nghĩa là "những hành động nông nổi".

Về phần mình, phái chính thống lấy làm không vừa lòng khi thấy phái Oóc-lê-ăng, khôn khéo hơn, đã lại giành được hầu hết các chức vụ nhà nước và thấy *chế độ trung ương tập quyền* lớn mạnh lên, trong khi nó phải dựa vào *chế độ địa phương phân quyền* mới thành công được. Và quả thật, thế lực phản cách mạng đã *thực hiện chế độ trung ương tập quyền bằng bạo lực*, nghĩa là nó chuẩn bị cơ cấu của cách mạng. Bằng cách quy định cho giấy bạc ngân hàng một thị giá cưỡng bức, thế lực phản cách mạng *đã tập trung* ngay cả vàng và bạc của nước Pháp vào ngân hàng Pa-ri, do đó mà lập nên cái *ngân khố chiến tranh sẵn sàng* của cách mạng.

Sau hết, phái Oóc-lê-ăng lấy làm tức giận rằng người ta đem nguyên tắc ngành chính thống đối lập với cái nguyên tắc ngành thứ của mình, rằng lúc nào mình cũng bị coi thường và bị đối xử tàn tệ như một người vợ tư sản không xứng với anh chồng quý tộc.

Chúng ta đã thấy rằng nông dân, những người tiểu tư sản, các tầng lớp trung đẳng, nói chung, đều dần dần đứng về phía giai cấp vô sản, dần dần bị đẩy về phía đối lập công khai với chế độ cộng hòa chính thức và bị nền cộng hòa này coi là kẻ thù. *Nỗi dậy chống ách chuyên chính của giai cấp tư sản, yêu cầu về một sự thay đổi của xã hội, việc duy trì các thiết chế cộng hòa dân chủ làm những công cụ để thực hiện sự thay đổi đó, việc tập hợp xung quanh giai cấp vô sản để làm thành lực lượng quyết định của cách mạng,* - đó là những đặc điểm chung của *cái mà người ta gọi là đảng của phái dân chủ xã hội, đảng của chế độ cộng hòa đỏ. "Cái đảng của tình trạng vô chính phủ"* đó, - những kẻ thù của nó vẫn gọi nó như thế, - cũng là một liên minh những lợi ích khác nhau, không kém gì *đảng trật tự* cả. Từ việc cải cách nhỏ bé nhất đối với tình trạng hỗn loạn của xã hội cũ cho đến việc đánh đổ trật tự xã hội cũ, từ chủ nghĩa tự do tư sản cho đến chế độ khủng bố cách mạng, đó là hai cực cách xa nhau, cấu thành điểm xuất phát và điểm kết thúc của "đảng của tình trạng vô chính phủ".

Xóa bỏ những thuế quan bảo hộ, đó là chủ nghĩa xã hội! vì nó xâm phạm vào độc quyền của bộ phận *công nghiệp* trong đảng trật tự. Chỉnh đốn ngân sách nhà nước, đó là chủ nghĩa xã hội! vì nó đụng chạm đến độc quyền của bộ phận *tài chính* trong đảng trật tự. Tự do nhập khẩu thịt và ngũ cốc từ nước ngoài vào, đó là chủ nghĩa xã hội! vì nó phá vỡ sự độc quyền của bộ phận thứ ba trong đảng trật tự, của *chế độ chiếm hữu ruộng đất lớn*. Các yêu sách của phái mậu dịch tự do, tức là của đảng tư sản tiến bộ nhất ở Anh, thì ở Pháp đều được coi là những yêu sách xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa Vôn-te, đó là chủ nghĩa xã hội! vì nó tấn công vào bộ phận thứ tư trong đảng trật tự, tức là bộ phận *Thiên chúa giáo*. Tự do báo chí, quyền lập hội, giáo dục phổ thông toàn dân, đó là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội! vì tất cả những cái đó đều xâm phạm vào toàn bộ chế độ độc quyền của đảng trật tự!

Tiến trình của cách mạng đã làm cho tình hình chín muồi nhanh đến nỗi những người ủng hộ cải cách thuộc đủ các màu sắc, các giai cấp trung đẳng với những yêu sách ôn hòa nhất cũng đều buộc phải tập hợp xung quanh lá cờ của đảng chủ trương lật đổ và có tính chất cực đoan nhất, tức là xung quanh *lá cờ đỏ*.

Vả chăng, mặc dầu *chủ nghĩa xã hội* của các bộ phận chủ yếu cấu thành "đảng vô chính phủ" có do những điều kiện kinh tế của giai cấp họ hay của bộ phận giai cấp của họ và tùy theo tất cả những nhu cầu cách mạng chung nảy sinh từ những điều kiện kinh tế đó mà khác nhau đến đâu chăng nữa thì nó cũng có *một* điểm chung là: tuyên bố rằng nó là *phương tiện giải phóng của giai cấp vô sản* và việc giải phóng giai cấp vô sản là *mục đích* của nó. Nó là một sự lừa gạt cố ý của một số người, nó là một ảo tưởng của một số người khác, họ tuyên bố rằng thế giới được cải tạo theo nhu cầu của họ là một thế giới tốt đẹp nhất cho tất cả mọi người, là sự thực hiện tất cả những yêu cầu cách mạng và sự xóa bỏ tất cả những cuộc xung đột cách mạng.

Nấp sau những câu nói xã hội chủ nghĩa *chung chung* khá giống như những câu của *"đảng vô chính phủ"*, thứ nhất, có *chủ nghĩa xã hội* của tờ "National", của tờ "Presse" và tờ "Siècle", một thứ chủ nghĩa muốn ít nhiều cũng triệt để, - lật đổ sự thống trị

của bọn quý tộc tài chính và làm cho công nghiệp và thương nghiệp thoát khỏi những xiềng xích trước kia của chúng. Đó là chủ nghĩa xã hội của giới công nghiệp, thương nghiệp và nông nghiệp, cái chủ nghĩa xã hội mà những lợi ích của nó thường bị bọn cầm đầu của những giới đó có chân trong đảng trật tự đem hy sinh khi những lợi ích ấy không còn phù hợp với các độc quyền tư nhân của họ nữa. Khác với thứ *chủ nghĩa xã hội tư sản* đó, - một thứ chủ nghĩa xã hội cũng như mọi loại chủ nghĩa xã hội khác, dĩ nhiên là đều thu hút được một bộ phận nhất định công nhân và những người tiểu tư sản, - là *chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản* chính cống, tức là thứ chủ nghĩa xã hội par excellence[1*]. Tư bản bóc lột giai cấp này chủ yếu với tư cách là *chủ nợ*, nên giai cấp này đòi hỏi phải có những *cơ quan tín dụng;* tư bản đè bẹp giai cấp này bằng *cạnh tranh*, nên giai cấp này đòi hỏi phải có những *hội liên hiệp* do nhà nước trợ cấp; tư bản đánh bại giai cấp này bằng *sự tích tụ*, nên giai cấp này đòi hỏi phải có những *thuế lũy tiến*, đòi hạn chế quyền thừa kế, đòi nhà nước bỏ tiền ra để tiến hành các công trình lớn và các biện pháp *dùng sức mạnh để ngăn cản sự phát triển của tư bản*. Vì giai cấp này mơ ước thực hiện chủ nghĩa xã hội của mình bằng con đường hòa bình, - nhiều lắm thì cũng chỉ làm một cuộc cách mạng tháng Hai một lần nữa, trong độ một vài ngày thôi, - cho nên dĩ nhiên là nó thấy quá trình lịch sử sắp tới là *sự thực hiện những hệ thống* mà các nhà tư tưởng xã hội đang hoặc đã, cùng nhau hay độc lực, nghĩ ra. Như vậy là những người xã hội chủ nghĩa này đã trở thành những người chiết trung chủ nghĩa hay những người ủng hộ những *hệ thống* xã hội chủ nghĩa hiện có, *chủ nghĩa xã hội không luận*, một chủ nghĩa xã hội chỉ là biểu hiện lý luận của giai cấp vô sản chừng nào mà giai cấp này chưa phát triển đầy đủ đến chỗ trở thành một phong trào lịch sử tự do độc lập.

Như vậy là trong khi mà *điều không tưởng ấy*, tức là *chủ nghĩa xã hội không luận*, bắt toàn bộ phong trào phải phụ thuộc vào một trong những giai đoạn của phong trào, đem hoạt động trí óc của một học giả cá biệt thay thế cho hoạt động sản xuất

1*- thượng hạng.

chung của xã hội, mà chủ yếu là có cái ảo tưởng muốn xóa bỏ cuộc đấu tranh cách mạng của các giai cấp cùng với những biểu hiện tất yếu của cuộc đấu tranh ấy bằng những mánh khoé nhỏ nhặt hay những niềm thương cảm lớn; trong khi mà chủ nghĩa xã hội không luận ấy thật ra chỉ lý tưởng hóa xã hội hiện thời, vẽ lên hình ảnh của xã hội đó không có chút bóng đen nào và muốn làm cho lý tưởng của mình thắng thực tế xã hội đó; trong khi mà giai cấp vô sản nhường thứ chủ nghĩa xã hội ấy cho giai cấp tiểu tư sản; trong khi mà cuộc đấu tranh giữa những người đứng đầu phái xã hội chủ nghĩa khác nhau làm cho thấy rõ rằng mỗi một cái mệnh danh là hệ thống ấy đều là một sự xác nhận một cách tự phụ một trong những điểm quá độ của chuyển biến xã hội, đối lập với điểm quá độ khác, thì *giai cấp vô sản* càng ngày càng tập hợp xung quanh *chủ nghĩa xã hội cách mạng*, xung quanh *chủ nghĩa cộng sản* mà chính giai cấp tư sản đã gán cho cái tên là *Blăng-ki*. Chủ nghĩa xã hội này là *lời tuyên bố cách mạng không ngừng, là chuyên chính giai cấp* của giai cấp vô sản, coi đó là giai đoạn quá độ tất yếu để đi đến *xóa bỏ những sự khác biệt giai cấp nói chung*, xóa bỏ tất cả những quan hệ sản xuất làm cơ sở cho những sự khác biệt ấy, xóa bỏ tất cả những mối quan hệ xã hội thích ứng với những quan hệ sản xuất đó, để đi đến cải biến tất cả những tư tưởng nảy sinh ra từ những quan hệ xã hội đó.

Giới hạn của phần trình bày này không cho phép chúng ta phát triển vấn đề trên đây chi tiết hơn nữa.

Chúng ta đã thấy rằng nếu trong *đảng trật tự*, giai cấp nhất định phải cầm đầu là *giai cấp quý tộc tài chính*, thì trong "đảng *vô chính phủ*", đó là *giai cấp vô sản*. Trong khi các giai cấp khác nhau đoàn kết trong một liên minh cách mạng, đã tập hợp chung quanh giai cấp vô sản, trong khi các tỉnh ngày càng tỏ ra không đáng tin cậy và trong khi chính ngay Quốc hội lập pháp cũng càng ngày càng phẫn nộ hơn trước những tham vọng của gã Xu-lu-cơ người Pháp thì đã gần đến ngày phải tiến hành tuyển cử bổ sung - cuộc tuyển cử mà người ta đã hoãn lại một thời gian dài - để thấy những đảng viên phái Núi bị truất quyền vào ngày 13 tháng Sáu.

Bị kẻ thù khinh miệt, bị những kẻ mệnh danh là bạn đối xử thậm tệ và hằng ngày làm nhục, chính phủ thấy chỉ còn có *một* biện pháp để thoát khỏi tình cảnh ghê tởm và không thể chịu nổi của mình: đó là *bạo động*. Một cuộc bạo động nổ ra ở Pa-ri sẽ là một cái cớ để tuyên bố thiết quân luật ở thủ đô và ở các tỉnh, và do đó sẽ làm chủ được những cuộc tuyển cử. Mặt khác, đứng trước một chính phủ đã chiến thắng đảng vô chính phủ thì những người bạn của trật tự buộc phải có những nhượng bộ, nếu họ không muốn chính mình lại là những người vô chính phủ.

Chính phủ bắt đầu hành động. Vào đầu tháng Hai 1850, chính phủ cho triệt hạ những cây tự do[50] để khiêu khích dân chúng. Nhưng không có hiệu quả. Một khi những cây đó đã mất nơi an thân thì bản thân chính phủ cũng đâm kinh hoảng và phải lùi bước, run sợ vì sự khiêu khích của chính mình. Nhưng trước cái mưu toan vụng về đó của Bô-na-pác-tơ hòng thoát khỏi sự ràng buộc, Quốc hội đã có một thái độ nghi kỵ lạnh lùng. Việc vứt bỏ những vòng hoa cúc trường sinh đặt ở đài kỷ niệm tháng Bảy[51] cũng không có hiệu quả gì hơn. Đó là một dịp để cho một bộ phận trong quân đội tổ chức những cuộc biểu tình cách mạng và để cho Quốc hội tiến hành một cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm, ít nhiều được ngụy trang, đối với nội các. Báo chí của chính phủ đưa việc bãi bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu, sự xâm chiếm của quân Cô-dắc ra để dọa nạt, nhưng cũng vô ích. Giữa phiên họp của Quốc hội lập pháp, Ô-pu-lơ khích những hội viên cánh tả xuống đường đấu tranh bằng cách tuyên bố rằng chính phủ sẵn sàng nghênh chiến, nhưng cũng không có hiệu quả gì. Ô-pu-lơ chẳng thu được kết quả gì khác ngoài việc bị chủ tọa phiên họp nhắc phải tôn trọng trật tự, còn đảng trật tự thì với một sự thích thú ngấm ngầm và có ác ý, đã để mặc cho một nghị sĩ cánh tả thóa mạ những mưu toan tiếm vị của Bô-na-pác-tơ. Sau hết, chính phủ lại tiên đoán là đến *ngày 24 tháng Hai*, sẽ có một cuộc cách mạng, nhưng cũng vô ích. Chính phủ đã làm cho nhân dân không biểu hiện gì vào ngày 24 tháng Hai.

Giai cấp vô sản không để cho người ta khiêu khích mình làm một *cuộc bạo động*, vì nó sắp làm một *cuộc cách mạng*.

Không lùi bước trước những sự khiêu khích của chính phủ

khiến cho lòng phẫn nộ của toàn dân trước tình hình hiện tại chỉ có tăng thêm, ủy ban tuyển cử, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của công nhân, đã đưa ra ba ứng cử viên ở Pa-ri: *Đơ Phlốt, Vi-đan* và *Các-nô*. *Đơ Phlốt* là một người bị phát vãng sau sự biến tháng Sáu, được ân xá nhân một trong những lần mà Bô-na-pác-tơ ra sức lấy lòng dân, là bạn của Blăng-ki và là người tham gia vào sự kiện 15 tháng Năm. *Vi-đan*, nổi tiếng là một nhà văn cộng sản do tác phẩm của ông ta "Bàn về sự phân phối của cải"[32], là cựu bí thư của Lu-i Blăng trong Ủy ban Lúc-xăm-buốc. *Các-nô*, con của một người có chân trong Hội nghị Quốc ước và đã tổ chức cuộc chiến thắng; Các-nô là người ít bị mất uy tín nhất trong số thành viên của nhóm "National", là bộ trưởng bộ giáo dục trong chính phủ lâm thời và trong Ủy ban chấp hành, là tác giả của dự luật có tính chất dân chủ về nền giáo dục toàn dân, một sự phản đối sinh động chống lại đạo luật của phái dòng Tên về giáo dục. Ba ứng cử viên đó đại biểu cho ba giai cấp đã liên minh với nhau: đứng đầu là người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, đại biểu cho giai cấp vô sản cách mạng; tiếp đó là người xã hội chủ nghĩa khống luận, đại biểu cho giai cấp tiểu tư sản xã hội chủ nghĩa; sau cùng, người thứ ba là đại biểu cho phái cộng hòa tư sản, là phái mà những công thức dân chủ của nó trong cuộc xung đột với đảng trật tự, đã có được một ý nghĩa xã hội chủ nghĩa và mất hết ý nghĩa riêng của nó từ lâu rồi. *Cũng như hồi tháng Hai*, đây là một *khối liên minh chung chống lại giai cấp tư sản và chính phủ*. Nhưng lần này thì *giai cấp vô sản đứng đầu khối liên minh cách mạng*.

Bất chấp mọi cố gắng của kẻ địch, những ứng cử viên xã hội chủ nghĩa đã thắng. Thậm chí, quân đội cũng đã bỏ phiếu cho người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, chứ không phải cho chính người của mình là bộ trưởng bộ quốc phòng *La Ít-tơ*. Đảng trật tự như bị sét đánh ngang tai. Những cuộc bầu cử ở các tỉnh không an ủi nổi đảng ấy, đa số người trúng cử lại thuộc phái Núi.

Cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba 1850! Đó là một sự bác bỏ lại sự kiện tháng Sáu 1848: bọn đã giết và đã lên án tù đày những người khởi nghĩa tháng Sáu nay lại trở lại Quốc hội, nhưng chúng

đã khúm núm đi sau những người bị tù đày, luôn mồm nói những nguyên tắc của họ. *Đó là sự bác bỏ lại ngày 13 tháng Sáu 1849*: phái Núi bị Quốc hội truất quyền lại trở lại Quốc hội, nhưng giờ đây, như là người lính kèn đi hàng đầu của cách mạng chứ không phải là người lãnh đạo cách mạng nữa. *Đó là sự bác bỏ lại ngày 10 tháng Chạp*: Na-pô-lê-ông và bộ trưởng của hắn là La Ít-tơ đã nếm mùi thất bại. Lịch sử quốc hội của Pháp chỉ có mỗi một trường hợp tương tự thôi: đó là sự thất bại vào năm 1830 của Ô-xê, bộ trưởng của Sác-lơ X. Sau cùng, cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba 1850 đã bác bỏ cuộc bầu cử ngày 13 tháng Năm tức là cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba đã phản đối phe đa số của ngày 13 tháng Năm. Ngày 10 tháng Ba là một cuộc cách mạng. Đằng sau những lá phiếu, là những viên đá lát đường.

Xê-guya đ'A-ghét-xô, một trong những đảng viên tiến bộ nhất của đảng trật tự kêu lên: "Cuộc đấu phiếu ngày 10 tháng Ba, đó là chiến tranh".

Cùng với ngày 10 tháng Ba 1850, chế độ cộng hòa lập hiến bước vào một giai đoạn mới, *giai đoạn tan rã*. Các nhóm của phe đa số một lần nữa lại liên kết với nhau và với Bô-na-pác-tơ. Những nhóm đó lại trở thành những chiến sĩ bảo vệ trật tự và Bô-na-pác-tơ lại là *người trung lập* của họ. Mỗi khi các nhóm đó nhớ ra rằng chúng là những người bảo hoàng thì đó chỉ là vì chúng tuyệt vọng, không tin vào khả năng tồn tại của chế độ cộng hòa tư sản; mỗi khi Bô-na-pác-tơ nhớ ra rằng hắn là tổng thống thì đó chỉ là hắn tuyệt vọng không tin vào khả năng tiếp tục ở ngôi tổng thống nữa.

Đối phó với việc trúng cử của *Đơ Phlốt*, người khởi nghĩa tháng Sáu thì Bô-na-pác-tơ, do phe trật tự xúi giục, đã trả đũa bằng cách cử *Ba-rô-sơ* -kẻ đã buộc tội Blăng-ki và Bác-be, Lơ-đruy-Rô-lanh và Ghi-na, - làm bộ trưởng bộ nội vụ. Đối phó với việc trúng cử của *Các-nô*, Quốc hội lập pháp đã trả đũa bằng việc thông qua đạo luật về giáo dục; còn đối phó với việc trúng cử của *Vi-đan* thì bằng cách cấm các báo chí xã hội chủ nghĩa. Đảng trật tự tìm cách xua tan nỗi lo sợ của bản thân nó bằng những tiếng la lối trên báo chí của nó. Một trong những cơ quan ngôn luận của nó loa lên rằng: "Gươm là một vật thiêng liêng". Tờ khác kêu:

"Những người bảo vệ trật tự phải tấn công lại đảng dỗ". Còn con gà trống thứ ba của trật tự thì gáy: "Giữa chủ nghĩa xã hội và xã hội đang diễn ra một cuộc chiến đấu sống mái, một cuộc đấu tranh khốc liệt, liên tục; trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng ấy, phải có một mất một còn; nếu xã hội không bóp chết chủ nghĩa xã hội thì chủ nghĩa xã hội sẽ bóp chết xã hội". Hãy dựng lên những lũy chướng ngại của trật tự, những lũy chướng ngại của tôn giáo, những lũy chướng ngại của gia đình! Phải thanh toán bằng hết cái đám 127000 cử tri ở Pa-ri! Hãy cho bọn xã hội chủ nghĩa nếm mùi một tối của Bác-tô-lô-mê! và đảng trật tự đã có lúc tưởng là nắm chắc được thắng lợi.

Chính là chống lại những *"chủ tiệm ở Pa-ri"* mà những cơ quan báo chí của đảng đó đã hành động điên cuồng nhất! Những người khởi nghĩa tháng Sáu là do các chủ tiệm ở Pa-ri bầu ra! Như thế có nghĩa là một vụ tháng Sáu 1848 thứ hai không thể xảy ra được; như thế có nghĩa là không thể có được một ngày 13 tháng Sáu 1849 thứ hai nữa; như thế có nghĩa là ảnh hưởng tinh thần của tư bản đã bị đập tan; như thế có nghĩa là Quốc hội tư sản chỉ còn đại diện cho giai cấp tư sản thôi; như thế có nghĩa là chế độ sở hữu lớn không còn đất sống nữa, vì chư hầu của nó là giai cấp tiểu tư sản đã chạy sang hàng ngũ những người không có của để tìm lối thoát.

Dĩ nhiên là đảng trật tự lại đem áp dụng cái *biện pháp quen thuộc*, không sao tránh khỏi của nó. Nó hò hét: *"Phải đàn áp hơn nữa, phải đàn áp gấp mười lần kia!"*; nhưng lực lượng đàn áp của nó lại yếu đi mười lần, trong khi đó thì phe đối lập lại mạnh lên gấp trăm lần. Đối với ngay cả công cụ chủ yếu của bộ máy đàn áp, - tức là quân đội, - thì có cần phải đàn áp không? Và đảng trật tự tuyên bố lời nói cuối cùng của nó: "Phải bẻ gãy vòng đai sắt hợp pháp đang bóp nghẹt chúng ta. *Không thể thành lập chế độ cộng hòa lập hiến được nữa*. Chúng ta cần phải chiến đấu bằng vũ khí thực sự của chúng ta; từ tháng Hai 1848, chúng ta đã chống lại cách mạng bằng vũ khí *của nó* và trên trận địa *của nó*, chúng ta đã chịu nhận những thiết chế *của nó*; hiến pháp là một pháp đài chỉ bảo vệ người bao vây chứ không bảo vệ người bị vây! Lúc chúng ta núp trong bụng con ngựa thành Tơ-roa.

trong thành phố I-li-ôn thần thánh, hòng bắt chước tổ tiên chúng ta là những người Grecs thì chúng ta đã không chiếm được thành của kẻ địch, mà ngược lại, chúng ta đã tự mình giam mình lại".

Nhưng cơ sở của hiến pháp là *chế độ phổ thông đầu phiếu*. Nên *việc bãi bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu* là lời nói cuối cùng của đảng trật tự, là lời nói cuối cùng của chuyên chính tư sản.

Chế độ phổ thông đầu phiếu đã thừa nhận nền chuyên chính đó của giai cấp tư sản trong ngày 4 tháng Năm 1848, ngày 20 tháng Chạp 1848, ngày 13 tháng Năm 1849, ngày 8 tháng Bảy 1849. Chế độ phổ thông đầu phiếu đã tự làm hại mình vào ngày 10 tháng Ba 1850. Sự thống trị của giai cấp tư sản, với tư cách là kết luận và kết quả của chế độ phổ thông đầu phiếu, là biểu hiện kiên quyết của ý chí chủ quyền của nhân dân, đó chính là ý nghĩa của hiến pháp tư sản. Nhưng từ lúc mà nội dung của quyền đầu phiếu ấy, của ý chí chủ quyền của nhân dân ấy không còn là sự thống trị của giai cấp tư sản nữa thì thử hỏi hiến pháp ấy còn có ý nghĩa gì nữa không? Nhiệm vụ trực tiếp của giai cấp tư sản chẳng phải là quy định quyền bầu cử thế nào cho quyền ấy đem lại một chế độ hợp lý, tức là đem lại sự thống trị của giai cấp tư sản đó sao? Chế độ phổ thông đầu phiếu luôn luôn thủ tiêu quyền lực nhà nước hiện tồn, và mỗi lần như thế lại đẻ ra một quyền lực mới thì như thế chẳng đã xóa bỏ mọi sự ổn định, chẳng đã luôn luôn đặt những quyền lực đã được thiết lập thành vấn đề, chẳng đã phá bỏ quyền uy, chẳng đã đe dọa làm cho cả đến trạng thái vô chính phủ cũng trở thành quyền uy đó sao? Sau ngày 10 tháng Ba 1850, liệu có ai còn không tin điều đó nữa?

Xóa bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu, cái mà từ trước đến nay nó vẫn dùng để che thân, cái đã đem lại cho nó quyền vạn năng thì như vậy là giai cấp tư sản đã thú nhận công khai rằng: *"Cho đến nay, nền chuyên chính của chúng ta sở dĩ được giữ vững là*

1) Chơi chữ: "Grecs" có nghĩa là "người Hy Lạp", nhưng cũng có nghĩa là "kẻ chuyên lừa đảo". (*Chú thích của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1895.*)

nhờ ý chí của nhân dân, bây giờ, chúng ta phải củng cố nền chuyên chính ấy chống lại ý chí của nhân dân". Và trước sau như một, nó đã đi tìm chỗ dựa không phải ở *Pháp* nữa, mà là ở ngoài, ở nước ngoài, ở một *cuộc xâm lược*.

Với việc hô hào xâm lược, một Cô-blen-txơ[53] thứ hai có trụ sở ngay trên đất Pháp, đã khuấy động tất cả những tình cảm dân tộc nổi lên chống lại nó. Tấn công vào chế độ phổ thông đầu phiếu, ông ta đã đem lại cho cuộc cách mạng mới một *lý do chung* và cách mạng cần có một lý do kiểu ấy. Mọi lý do *riêng* sẽ chia rẽ các phái trong liên minh cách mạng và sẽ làm nổi bật tính chất khác nhau của các phái ấy. Nhưng lý do *chung* làm cho những giai cấp nửa cách mạng bối rối, làm cho chính những giai cấp ấy có những ảo tưởng về *tính chất xác định* của cuộc cách mạng sau này, về hậu quả những hành động của bản thân họ. Bất cứ một cuộc cách mạng nào cũng cần đến vấn đề tiệc tùng. Chế độ phổ thông đầu phiếu chính là vấn đề tiệc tùng của cuộc cách mạng mới.

Nhưng các bộ phận tư sản liên minh đã tự lên án mình, khi từ bỏ cái hình thức duy nhất có thể có của quyền lực *liên hiệp* của chúng, cái hình thức mạnh nhất và hoàn bị nhất của *sự thống trị giai cấp* của chúng, tức là *chế độ cộng hòa lập hiến*, để chạy đến, nấp dưới cái hình thức thấp không hoàn bị và yếu kém hơn, tức là *chế độ quân chủ*. Các bộ phận ấy giống như cái ông già tưởng rằng cứ việc khoác lại những tấm áo đẹp của thời thơ ấu và cố tìm cách che được đôi tay khẳng khiu của mình bằng những tấm áo ấy, là đủ để lấy lại được sức lực của thời trai tráng của mình. Chế độ cộng hòa của chúng chỉ có mỗi một công lao là làm *chiếc nhà kính ấm để ươm cách mạng*.

Ngày 10 tháng Ba 1850 đã mang câu đố từ này:

Après moi le déluge[1*].

1*- Cho dù sau ta có xảy ra nạn hồng thủy. (Câu này được người ta cho là của Lút-vích XV)

IV

VIỆC HỦY BỎ CHẾ ĐỘ PHỔ THÔNG ĐẦU PHIẾU VÀO NĂM 1850

(Phần tiếp theo của ba chương trên được rút từ mục "Điểm tình hình" đăng trong số báo đôi vừa mới ra (5 và 6) của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue". Trong phần này, trước hết đã mô tả cuộc khủng hoảng thương nghiệp lớn nổ ra ở Anh năm 1847 và đã giải thích rằng do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng đó đối với lục địa châu Âu, nên những sự phức tạp về chính trị trên lục địa đã ngày càng trở nên gay gắt dẫn đến những cuộc cách mạng tháng Hai và tháng Ba 1848, tiếp đó trình bày rằng sự phồn vinh của thương nghiệp và công nghiệp, được phục hồi năm 1848 và tăng mạnh trong năm 1849, đã làm tê liệt cao trào cách mạng như thế nào và đồng thời đã làm cho thế lực phản động có thể đạt được thắng lợi như thế nào. Sau đó, có nói riêng về nước Pháp, như sau:)[1*]

Những triệu chứng như thế cũng xuất hiện ở *Pháp* từ năm 1849 và đặc biệt là từ đầu năm 1850. Các ngành công nghiệp ở Pa-ri hoạt động mạnh mẽ và các xưởng bông vải sợi ở Ru-ăng và ở Muyn-hau-den cũng hoạt động khá tốt, mặc dầu tại đó cũng bị giá nguyên liệu cao kìm hãm, giống như ở Anh. Ngoài ra, sự phồn thịnh ở Pháp còn được phát triển một cách thuận lợi đặc biệt nhờ sự cải cách rộng rãi các loại thuế ở Tây Ban Nha và việc hạ thuế quan ở Mê-hi-cô đối với các mặt hàng xa xỉ. Việc xuất khẩu hàng hóa Pháp sang hai thị trường đó tăng thêm

1* Đoạn mở đầu này do Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1895.

rất nhiều. Số tư bản tăng thêm nhiều đã gây ra ở Pháp một loạt những hoạt động đầu cơ mà lý do là việc khai thác mỏ vàng trên một quy mô lớn tại Ca-li-phoóc-li-a. Rất nhiều công ty xuất hiện, những cổ phần giá thấp và những quảng cáo mang màu sắc xã hội chủ nghĩa của các công ty này đã trực tiếp thu hút được tiền của những người tiểu tư sản và công nhân, nhưng xét cho cùng, tất cả các công ty ấy chẳng qua đều chỉ làm cái việc lừa đảo thuần túy, một đặc tính của người Pháp và người Trung Quốc. Một trong những công ty đó thậm chí lại được chính phủ trực tiếp bảo hộ. Trong chín tháng đầu của năm 1848, ở Pháp, số thuế nhập khẩu đã lên tới 63 triệu phrăng, của năm 1849 lên tới 95 triệu và của năm 1850 lên tới 93 triệu. Đến tháng Chín 1850, số thuế đó vẫn tiếp tục tăng lên hơn một triệu so với cùng tháng đó năm 1849. Lượng hàng xuất khẩu năm 1849 cũng tăng thêm và năm 1850 còn tăng nhiều hơn nữa.

Chứng cớ nổi bật của sự thịnh vượng lại được phục hồi là việc Ngân hàng Pháp khôi phục lại chế độ trả bằng tiền mặt, căn cứ theo đạo luật ngày 6 tháng Tám 1850. Trước kia, ngày 15 tháng Ba 1848, ngân hàng đã được phép đình chỉ việc trả bằng tiền mặt. Số lượng giấy bạc nằm trong lưu thông, kể cả của các ngân hàng địa phương, lúc bấy giờ lên tới 373 triệu phrăng (tức là 14 920 000 pao xtéc-linh). Ngày 2 tháng Mười một 1849, số đó lên tới 482 triệu phrăng hay 19 280 000 pao xtéc-linh, tức là tăng thêm 4360000 pao xtéc-linh; và ngày 2 tháng Chín 1850, lên tới 496 triệu phrăng hay 19840000 pao xtéc-linh, tức là tăng lên khoảng chừng 5 triệu pao xtéc-linh. Điều đó đã không làm cho giấy bạc ngân hàng bị mất giá đi chút nào; trái lại, lưu thông ngày càng tăng của giấy bạc ngân hàng được kèm theo bằng một sự tích lũy ngày càng nhiều vàng bạc trong các hầm của ngân hàng, đến nỗi mà vào mùa hạ năm 1850 số dự trữ vàng bạc đã lên tới khoảng 14 triệu pao xtéc-linh, một con số chưa từng thấy đối với nước Pháp. Việc ngân hàng do đó có thể tăng lưu thông tiền của nó và do đó tăng tư bản hoạt động của nó, lên thêm 123 triệu phrăng, tức 5 triệu pao xtéc-linh, chứng minh một

cách rõ rệt rằng chúng tôi đã có lý khi khẳng định trong một trong những số ra trước đây của tạp chí[1*] rằng bọn quý tộc tài chính chẳng những đã không bị cách mạng đánh đổ, mà trái lại, còn được tăng cường thêm. Đoạn trình bày khái quát sau đây về pháp chế ngân hàng của nước Pháp trong những năm gần đây giúp ta thấy được rõ hơn nữa kết quả đó. Ngày 10 tháng Sáu 1847 ngân hàng được phép phát hành loại giấy bạc 200 phrăng. Từ trước tới nay loại giấy bạc ngân hàng nhỏ nhất là loại 500 phrăng. Một sắc lệnh ngày 15 tháng Ba 1848 tuyên bố rằng giấy bạc của Ngân hàng Pháp là phương tiện thanh toán hợp pháp, đồng thời cho phép ngân hàng này không phải đổi các giấy bạc ngân hàng đó lấy tiền kim loại. Số lượng giấy bạc nó phát hành được hạn định là 350 triệu phrăng, đồng thời nó được phép phát hành loại giấy bạc 100 phrăng. Sắc lệnh ngày 27 tháng Tư ra lệnh hợp nhất các ngân hàng tỉnh với Ngân hàng Pháp; một sắc lệnh khác ngày 2 tháng Năm 1848 nâng khối lượng phát hành của nó lên 442 triệu phrăng. Sắc lệnh ngày 22 tháng Chạp 1849 nâng khối lượng phát hành giấy bạc tối đa lên 525 triệu phrăng. Cuối cùng, đạo luật ngày 6 tháng Tám 1850 khôi phục lại việc đổi giấy bạc ngân hàng lấy vàng bạc. Những sự việc đó, việc không ngừng tăng thêm khối lượng giấy bạc lưu thông, việc tập trung toàn bộ tín dụng của nước Pháp vào tay ngân hàng, và việc tích lũy tất cả số vàng và bạc toàn nước Pháp vào các hầm của ngân hàng, đã dẫn ông Pru-đông đi đến kết luận rằng ngân hàng giờ đây phải lột bỏ cái xác rắn cũ kỹ của mình đi và biến thành một ngân hàng nhân dân kiểu Pru-đông[54]. Thực ra ông ta thậm chí chẳng cần phải biết lịch sử của những biện pháp hạn chế ngân hàng ở nước Anh từ năm 1797 đến năm 1819[55], ông ta chỉ cần nhìn qua con kênh là có thể thấy được rằng hiện tượng ấy, mà ông ta cho là chưa từng có trong lịch sử của xã hội tư sản, chẳng qua chỉ là một hiện tượng tư sản hoàn toàn bình thường, chỉ có điều là bây giờ nó mới xảy ra lần đầu tiên ở Pháp.

1* Xem tập này, tr. 107 - 113

Chúng ta thấy rằng những nhà lý luận cách mạng giả hiệu đã từng nối gót chính phủ lâm thời lên giọng mô phạm ở Pa-ri, cũng đều không hiểu biết gì về bản chất và kết quả của những biện pháp đã được thi hành, hệt như các ngài trong bản thân chính phủ lâm thời vậy.

Mặc dù giờ đây có sự thịnh vượng công nghiệp và thương nghiệp ở nước Pháp, nhưng cái khối đông đảo trong dân cư, cái khối 25 triệu nông dân, vẫn chịu cảnh sa sút ghê gớm. Những vụ được mùa trong mấy năm gần đây đã làm cho giá cả ngũ cốc ở Pháp bị hạ thấp hơn ở Anh, và địa vị của người nông dân mắc nợ, bị nạn cho vay nặng lãi hút hết xương tủy, bị thuế má đè nặng, không thể coi là sáng sủa được. Nhưng, như lịch sử ba năm gần đây đã chứng minh khá rõ rằng giai cấp đó trong dân cư hoàn toàn không có khả năng nắm quyền chủ động cách mạng được.

Nếu thời kỳ khủng hoảng đã xảy ra ở lục địa chậm hơn ở Anh, thì thời kỳ thịnh vượng cũng như vậy. Quá trình đầu tiên bao giờ cũng đều xảy ra ở Anh; nước Anh là kẻ sáng tạo ra thế giới tư sản. Ở lục địa, các giai đoạn chu kỳ, mà xã hội tư sản luôn luôn trải qua trải lại mãi, đang đi vào hình thức thứ hai và thứ ba của chúng. Một là, lục địa đã xuất khẩu sang Anh nhiều hơn là sang bất cứ một nước nào khác. Nhưng việc xuất khẩu như vậy sang Anh, bản thân nó, lại phụ thuộc vào tình hình nước Anh, đặc biệt là ở những thị trường bên kia đại dương. Rồi nước Anh xuất khẩu sang các nước bên kia đại dương nhiều hơn là toàn thể lục địa, thành thử số lượng hàng hóa xuất khẩu của lục địa sang các nước đó luôn luôn tùy thuộc vào sự xuất khẩu của nước Anh sang bên kia đại dương. Nếu do đó mà các cuộc khủng hoảng gây ra những cuộc cách mạng trước hết ở trên lục địa, thì nguyên nhân sinh ra những cuộc cách mạng này lại luôn luôn chính là ở Anh. Dĩ nhiên là trước lúc lan tới tim thì các cuộc bùng nổ dữ dội phải xảy ra ở tứ chi của cơ thể tư sản đã, vì ở tim, khả năng giữ được thăng bằng có nhiều hơn là ở tứ chi. Mặt khác, mức độ của ảnh hưởng của các cuộc cách mạng ở lục địa đối với nước Anh cũng đồng thời là cái phong vũ biểu chỉ rõ rằng

các cuộc cách mạng ấy đã thực sự dụng chạm đến các điều kiện tồn tại của chế độ tư sản đến mức nào, hoặc chỉ dụng chạm đến các thiết chế chính trị của chế độ tư sản đến mức độ nào.

Trong tình hình thịnh vượng chung đó, trong đó các lực lượng sản xuất của xã hội tư sản phát triển hết sức dồi dào trong chừng mực các mối quan hệ tư sản cho phép, thì không thể nói đến một cuộc cách mạng thực sự được. Một cuộc cách mạng như thế chỉ có thể nổ ra trong những thời kỳ mà *hai yếu tố đó, lực lượng sản xuất hiện đại và hình thức sản xuất tư sản xung đột* lẫn nhau. Các cuộc xung đột liên miên mà giờ đây những đại biểu của các bộ phận cá biệt trong đảng trật tự ở lục địa đang tiến hành và trong đó, những bộ phận ấy làm mất uy tín lẫn nhau thì quyết không thể dẫn đến những cuộc cách mạng mới; trái lại, những cuộc xung đột đó chỉ có thể xảy ra được chính là vì cơ sở của những mối quan hệ xã hội là tạm thời rất vững chắc, và - đây là điểm mà phe phản động không biết - là mang tính chất *tư sản*. Tất cả những mưu toan phản động nhằm cản trở sự phát triển của xã hội tư sản tất nhiên đều bị cơ sở đó làm cho tan vỡ như tất cả sự phẫn nộ có tính chất đạo đức và tất cả những lời tuyên bố nhiệt tình của phái dân chủ. ***Một cuộc cách mạng mới chỉ có thể nổ ra sau một cuộc khủng hoảng mới. Mà cả cuộc cách mạng mới lẫn cuộc khủng hoảng mới đều nhất định phải nổ ra.***

Bây giờ chúng ta nói về *nước Pháp*.

Sau khi ép buộc phải tiến hành cuộc tuyển cử mới ngày 28 tháng Tư, nhân dân đã tự mình xóa bỏ thắng lợi mà trước đây họ đã giành được khi liên minh với giai cấp tiểu tư sản trong cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Ba, Vi-đan không những đã trúng cử ở Pa-ri mà cả ở miền Hạ Ranh nữa. Ủy ban Pa-ri vì có nhiều đại biểu của phái Núi và của giai cấp tiểu tư sản nên đã thúc ông ta thông qua quyền ủy trị của miền Hạ Ranh. Vì vậy, thắng lợi ngày 10 tháng Ba không còn có ý nghĩa quyết định nữa; một lần nữa người ta lại hoãn giờ phút quyết định lại, làm giảm tinh thần khẩn trương của nhân dân, Ủy ban làm cho nhân dân quen với những thắng lợi hợp pháp chứ không phải là những thắng lợi cách mạng. Cuối cùng, ý nghĩa cách mạng của ngày 10 tháng Ba, tức là việc phục hồi lại cuộc chủ nghĩa tháng Sáu, đã hoàn toàn

bị xóa bỏ việc đưa Ô-gien Xuy - một nhà xã hội - ảo tưởng, một người tiểu tư sản đa cảm mà giai cấp vô sản quá lắm cũng chỉ có thể chấp nhận việc này như một trò vui để làm vừa lòng các cô gái đỏm dáng mà thôi, - ra ứng cử. Để đối phó với việc ứng cử có chủ ý này, đảng trật tự, được chính sách do dự của những địch thủ của họ khuyến khích, đã đưa ra một ứng cử viên tiêu biểu cho *thắng lợi* hồi tháng Sáu. Ứng cử viên lố bịch đó là một ông chủ gia đình khắc khổ, tên là Lơ-cléc[56], nhưng báo chí đã lột bỏ dần dần từng mảnh chiếc áo giáp anh dũng của hắn ra và trong cuộc tuyển cử, hắn đã bị thất bại liểng xiểng. Thắng lợi mới trong cuộc tuyển cử ngày 28 tháng Tư đã cổ vũ phái Núi và giai cấp tiểu tư sản. Phái Núi reo mừng tưởng rằng có thể đạt được ý muốn của mình bằng con đường hoàn toàn hợp pháp, mà không cần phải một lần nữa đẩy giai cấp vô sản lên hàng đầu bằng một cuộc cách mạng mới; nó tin chắc rằng, bằng chế độ phổ thông đầu phiếu trong cuộc tuyển cử mới năm 1852, họ sẽ đưa được ông Lơ-đruy-Rô-lanh lên ghế tổng thống và làm cho phái Núi chiếm được đa số trong Quốc hội. Qua những cuộc tuyển cử mới, qua việc đưa Xuy ra ứng cử và qua tâm trạng của phái Núi và giai cấp tiểu tư sản, đảng trật tự hoàn toàn tin chắc rằng trong tất cả mọi trường hợp, phái Núi và giai cấp tiểu tư sản đều quyết tâm giữ thái độ bình tĩnh, nên đảng này đã đáp lại hai thắng lợi trong tuyển cử bằng *đạo luật tuyển cử* hủy bỏ chế độ *phổ thông đầu phiếu*.

Chính phủ cố giữ cho mình khỏi phải chịu trách nhiệm về dự luật đó. Bề ngoài nó làm ra vẻ nhượng bộ phái đa số bằng cách giao việc dự thảo đó cho những người cầm đầu của phe đa số này, tức là cho mười bảy vị tướng giữ thành[57]. Như vậy là không phải chính phủ đã đề nghị với Quốc hội, mà chính phe đa số của Quốc hội đã tự đề nghị với mình là hủy bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu.

Ngày 8 tháng Năm, dự luật được đưa ra nghị viện. Tất cả báo chí dân chủ - xã hội đều nhất trí khuyên dân chúng nên giữ thái độ xứng đáng, giữ đúng calme majestueux[1*], nên ngồi yên chờ đợi và tin tưởng vào những đại biểu của mình. Mỗi một bài trên các báo chí này đều là một lời thú nhận rằng một cuộc cách

1* - thái độ bình tĩnh trang nghiêm

mạng trước hết phải thủ tiêu cái gọi là báo chí cách mạng, cho nên vấn đề bây giờ là các báo chí ấy phải tự bảo toàn. Báo chí giả danh cách mạng đã để lộ toàn bộ cái bí mật của nó. Nó đã tự ký bản án tử hình của nó.

Ngày 21 tháng Năm, phái Núi đưa vấn đề ra thảo luận sơ bộ và đề nghị bác bỏ toàn bộ dự thảo, vì nó vi phạm hiến pháp. Đảng trật tự trả lời rằng người ta sẽ vi phạm hiến pháp nếu cần, nhưng bây giờ người ta không cần phải làm như thế, vì có thể giải thích bản hiến pháp như thế nào cũng được và chỉ có đa số mới có thẩm quyền quyết định cách giải thích nào là đúng mà thôi. Trước những sự công kích dữ dội, man rợ của Chi-e và Mông-ta-lăm-be, phái Núi giữ một thái độ nhân đạo đầy lễ độ và tỏ ra có giáo dục. Phái Núi đã viện đến cơ sở pháp lý; đảng trật tự liền vạch cho phái Núi thấy cái cơ sở đã sản sinh ra pháp luật, tức là quyền sở hữu tư sản. Phái Núi buồn bã hỏi rằng có thực là người ta muốn gây ra một cuộc cách mạng với bất kỳ giá nào chăng? Đảng trật tự trả lời rằng người ta đang chờ đợi các cuộc cách mạng đó.

Ngày 22 tháng Năm, vấn đề được giải quyết sơ bộ bằng 462 phiếu thuận và 227 phiếu chống. Những nhân vật đã từng chứng minh một cách cặn kẽ và trịnh trọng rằng Quốc hội và mỗi một nghị sĩ đã tự truất bỏ quyền đại biểu của mình khi họ phản bội nhân dân là người đã ủy quyền cho mình, thì vẫn cứ ngồi yên trên ghế của mình; và đột nhiên phó mặc cho cả nước hành động thay mình bằng cách đưa ra những bản thỉnh cầu. Họ vẫn thản nhiên, ung dung ngay cả vào ngày 31 tháng Năm khi đạo luật được thông qua rất dễ dàng. Họ tìm cách trả thù bằng một bản phản kháng viết theo thể biên bản trình bày rằng họ không có dính dáng gì đến việc vi phạm hiến pháp, nhưng họ đã không dám công khai đưa ra bản phản kháng này, mà lại lén lút luồn vào túi áo ngài chủ tịch Quốc hội.

Một đạo quân 150000 người đóng ở Pa-ri, việc trì hoãn mãi giờ phút quyết định, việc khóa mồm khóa miệng báo chí, thái độ hèn nhát của phái Núi và của các đại biểu mới được bầu, và nhất là sự phồn vinh thương nghiệp và công nghiệp, - tất cả những cái đó đã cản trở mọi mưu đồ cách mạng của giai cấp vô sản.

Chế độ phổ thông đầu phiếu đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Đa số nhân dân đã trải qua một trường đào tạo mà chỉ có chế độ phổ thông đầu phiếu mới có thể mang ý nghĩa quan trọng đối với trường đó vào thời đại cách mạng. Nó ắt sẽ bị một cuộc cách mạng hay bị thế lực phản động bãi bỏ.

Phái Núi còn biểu hiện nghị lực của mình nhiều hơn nữa nhân một sự cố xảy ra ít lâu sau đó. Trên diễn đàn nghị viện, bộ trưởng bộ chiến tranh là Ô-pu-lơ đã gọi cuộc cách mạng tháng Hai là một tai họa bất hạnh. Các diễn giả của phái Núi vốn hay lớn tiếng hò hét ầm ĩ để biểu thị lòng công phẫn đạo đức của họ, thì lúc đó lại không được chủ tọa Đuy-panh cho phép phát biểu. Gi-rác-đanh liền đề nghị với phái Núi bỏ ngay phòng họp ra về tất cả. Kết quả là: phái Núi vẫn ngồi yên tại chỗ, còn Gi-rác-đanh thì bị khai trừ khỏi phái Núi, vì bị coi là không xứng đáng.

Đạo luật tuyển cử còn cần có một đạo luật bổ sung nữa, một *đạo luật mới về báo chí*. Người ta chẳng phải chờ lâu. Một dự luật của chính phủ, do đảng trật tự đưa vào nhiều sửa đổi, đã tăng tiền ký quỹ lên, bắt các tiểu thuyết đang đăng trên báo phải chịu thêm thuế tem đặc biệt nữa (trả lời lại việc bầu Ơ-gien Xuy), đánh thuế tất cả những tác phẩm phát hành hàng tuần hay hàng tháng và dày tới một số trang in nhất định vào đó, và cuối cùng quy định rằng mọi bài báo đều phải có chữ ký của tác giả. Những quy định về tiền ký quỹ đã giết chết cái gọi là báo chí cách mạng. Dân chúng coi sự diệt vong của các báo chí đó là sự báo ứng của việc huỷ bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu. Song cả ý đồ lẫn tác dụng của đạo luật mới đều không phải chỉ nhằm vào bộ phận báo chí đó mà thôi. Khi báo chí còn là vô danh thì nó được coi là cơ quan của dư luận xã hội đông đảo, vô danh; nó là quyền lực thứ ba trong nhà nước. Việc ký tên vào một bài báo làm cho tờ báo chỉ giải đơn trở thành một tập sưu tầm những tác phẩm văn học của những cá nhân ít nhiều có tên tuổi. Mỗi bài báo bị hạ thấp xuống ngang hàng một bản quảng cáo. Từ trước đến nay, báo chí được lưu hành như giấy bạc của dư luận công chúng, bây giờ nó chỉ còn là những hối phiếu ít nhiều đáng nghi ngờ mà giá trị và việc lưu hành còn tùy ở uy tín không những của người xuất phiếu mà cả của người ký ở mặt sau hối phiếu nữa. Báo chí

của đảng trật tự không những dã cổ động cho việc huỷ bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông, mà còn cổ động cho việc thi hành những biện pháp hết sức cực đoan đối với loại báo chí "xấu". Tuy nhiên, chính ngay báo chí "tốt", với cái tính chất vô danh đáng lo ngại của nó, cũng không hợp khẩu vị của đảng trật tự và đặc biệt càng không hợp khẩu vị của những đại biểu của đảng đó ở địa phương. Thay cho báo chí đó, đảng trật tự muốn chỉ toàn là có những người viết thuê mà nó đều biết rõ tên tuổi, chỗ ở và diện mạo. Báo chí "tốt" đã than thở vô ích về sự vong ơn mà người ta đã dùng để đáp lại công lao của nó. Đạo luật vẫn được thông qua và chính cái yêu cầu về chữ ký bắt buộc đã đánh trước hết vào báo chí "tốt". Người ta biết khá nhiều tên tuổi của các nhà chính luận cộng hòa, nhưng các công ty đáng kính như "Journal des Débats", "Assembée Nationale"[38], "Constitutionel"[39], v.v., với tài năng chính trị được quảng cáo rùm beng của chúng, liền lâm vào một tình trạng chẳng ra gì cả, khi cái đám người thần bí bỗng nhiên hiện ra thành những kẻ bị mua chuộc, penny-a-liners[1*], những kẻ, trong thời gian hành nghề lâu dài của họ, đã quen ngửa tay nhận tiền để bênh vực bất cứ thứ lợi ích nào, như Gra-ni-ê đờ Cát-xa-nhắc chẳng hạn, hay thành những hạng giẻ rách tự phong cho mình là những chính khách, như Ca-pơ-phi-gơ, hay thành những tác giả bất tài làm dáng, như ông Lơ-moan-nơ ở báo "Débats".

Trong các cuộc tranh luận về đạo luật báo chí phái Núi đã rơi xuống một sự đối bại đến nỗi chỉ biết vỗ tay hoan nghênh những áng văn tuyệt tác của một người có tiếng tăm cũ thời Lu-i Phi-líp, tức là ông Vích-to Huy-gô.

Đạo luật tuyển cử và luật báo chí được thông qua, tức là đảng cách mạng và dân chủ không còn ở trên vũ đài quan phương nữa. Trước khi mau lẹ rút về vườn, thì ít lâu sau khi khóa họp bế mạc, hai phe cánh trong phái Núi, cánh dân chủ xã hội chủ nghĩa và cánh xã hội chủ nghĩa dân chủ, đã tung ra hai bản tuyên ngôn, hai bản testimonia paupertatis[2*], trong đó họ chứng minh rằng nếu quyền lực và thắng lợi không bao giờ ở về phía họ thì ít ra họ cũng đã luôn luôn đứng về phía chính nghĩa vĩnh viễn

1*- tính tiền theo số dòng
2*- giấy chứng nhận sự bần cùng

và về phía tất cả những chân lý vĩnh viễn khác[60].

Bây giờ, chúng ta nói đến đảng trật tự. Tạp chí "Neue Rheinische Zeitung" viết trong số 3, tr.16 như sau: "Chống lại những tham vọng phục tích của phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống liên minh với nhau là Bô-na-pác-tơ bảo vệ cơ sở pháp lý của quyền lực thực sự của hắn, tức là chế độ cộng hòa; chống lại những tham vọng phục tích Bô-na-pác-tơ, là đảng trật tự bảo vệ cơ sở pháp lý của sự thống trị chung của đảng ấy, tức là chế độ cộng hòa; chống lại phái Oóc-lê-ăng là phái chính thống, chống lại phái chính thống là phái Oóc-lê-ăng bảo vệ cái status quo, tức là chế độ cộng hòa. Tất cả những phái đó trong đảng trật tự - mà mỗi phái đều ôm ấp in petto một ông vua của mình và đều muốn phục tích dòng vua của mình, - đồng thời để chống lại nhưng tham vọng tiếm đoạt và nổi loạn của phe đối địch đều phải kiên trì sự thống trị chung của giai cấp tư sản, cái hình thức trong đó các tham vọng riêng của mỗi bên đều được trung hòa và được duy trì, đó là *chế độ cộng hòa*... Và khi Chi-e tuyên bố rằng: "Chính những người bảo hoàng chúng ta mới thật sự là những trụ cột của chế độ cộng hòa lập hiến"[1*] thì hắn có ngờ đâu rằng lời hắn nói lại bao hàm biết bao chân lý.

Tấn hài kịch đó của những républicains malgré eux[2*], hài kịch về sự phản kháng cái status quo[3*] và sự củng cố thường xuyên chế độ đó; những cuộc dụng độ không ngừng giữa Bô-na-pác-tơ và Quốc hội; việc đảng trật tự luôn luôn đứng trước nguy cơ bị phân liệt ra thành từng bộ phận và việc luôn luôn có sự tập hợp nhau trở lại các bộ phận của nó; mưu đồ của mỗi bộ phận muốn biến mỗi thắng lợi đối với kẻ thù chung thành một sự thất bại của những người bạn đồng minh tạm thời của mình; lòng ghen ghét, sự hiểm thù, những mưu hại lẫn nhau, tình trạng cứ luôn luôn giơ gươm ra với nhau để rồi lại tận cùng bằng baiser Lamourette[61], - tất cả tấn hài kịch vô duyên, đầy sự lầm lẫn ấy chưa bao giờ được biểu diễn một cách điển hình như trong sáu tháng gần đây.

1* Xem tập này, tr.108
2*- những người cộng hòa bất đắc dĩ (ám chỉ vở hài kịch của Mô-li-e "Thầy thuốc bất đắc dĩ")
3*- chế độ hiện hành

Đồng thời đảng trật tự cũng coi đạo luật tuyển cử là một thắng lợi chống Bô-na-pác-tơ. Chính phủ của Bô-na-pác-tơ phải chăng đã từ bỏ quyền lực của mình khi nó để cho tiểu ban mười bảy vị đảm đương việc thảo ra dự luật và chịu trách nhiệm về dự luật? Và chỗ dựa chủ yếu của Bô-na-pác-tơ đối với Quốc hội chẳng qua là ở chỗ hắn đã được sáu triệu cử tri bầu lên đó sao? - Về phần mình thì Bô-na-pác-tơ coi đạo luật tuyển cử là một sự nhượng bộ trước Quốc hội, một sự nhượng bộ mà nhờ đó hắn đã mua được sự hài hòa giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp. Để đổi tiền thù lao cho sự nhượng bộ đó, gã phiêu lưu tỉ tiện ấy yêu cầu tăng số lượng của hắn lên thêm 3 triệu nữa. Liệu Quốc hội có quyền xung đột với cơ quan hành pháp khi mà Quốc hội đã tuyên bố rằng đa số nhân dân Pháp nằm ngoài vòng pháp luật, không? Quốc hội liền phát khùng lên; xem chừng nó quyết định dùng tới những biện pháp cực đoan nhất; tiểu ban của nó bác bỏ dự án; báo chí thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đến lượt nó, đe dọa và nhắc đến nhân dân đã bị tước hết quyền, đã bị mất quyền bầu cử. Hàng loạt những mưu toan thương lượng ồn ào diễn ra; cuối cùng, về thực chất, Quốc hội đã nhượng bộ, nhưng đồng thời lại trả miếng về mặt nguyên tắc. Đáng lẽ về nguyên tắc phải tăng thêm số lương hàng năm lên 3 triệu thì Quốc hội chỉ chuẩn y cho hắn một khoản trợ cấp một lần thôi là 2160000 phrăng. Nhưng vẫn chưa được vừa lòng, bản thân Quốc hội chỉ nhượng bộ như thế sau khi Săng-gác-ni-ê, viên tướng của đảng trật tự và là người bảo hộ mà người ta đã áp đặt cho Bô-na-pác-tơ, đã từng ra ủng hộ sự nhượng bộ đó. Như vậy là nói cho đúng ra, Quốc hội đã chuẩn y hai triệu đó không phải cho Bô-na-pác-tơ, mà là cho Săng-gác-ni-ê.

Món quà mà người ta quẳng ra de mauvaise grâce[1*] như thế được Bô-na-pác-tơ tiếp nhận một cách hoàn toàn đúng theo tinh thần của người tặng. Báo chí thuộc phái Bô-na-pác-tơ lại nổi lên công kích Quốc hội. Trong quá trình thảo luận đạo luật báo chí, khi người ta đưa ra để án sửa đổi vấn đề buộc phải ký tên vào các bài báo nhằm trước hết chống các tờ báo thứ hạng đại diện

1*- một cách miễn cưỡng

cho lợi ích riêng của Bô-na-pác-tơ, thì cơ quan ngôn luận chủ yếu thuộc phái Bô-na-pác-tơ, tờ "Pouvoir"[62], liền công khai và kịch liệt công kích Quốc hội. Trước Quốc hội, các bộ trưởng đã phải không thừa nhận tờ báo đó; chủ nhiệm tờ "Pouvoir" bị gọi ra xét hỏi trước Quốc hội, và phải nộp một khoản tiền phạt nặng nhất là năm nghìn phrăng. Ngày hôm sau, tờ "Pauvoir" đã cho đăng một bài công kích Quốc hội còn hỗn xược hơn nữa và để trả thù, chính phủ liền truy tố một số tờ báo thuộc phái chính thống về tội vi phạm hiến pháp.

Cuối cùng, người ta đưa ra vấn đề hoãn ngày họp của nghị viện. Bô-na-pác-tơ muốn hoãn như vậy để có thể hành động mà không bị Quốc hội cản trở. Đảng trật tự muốn thế một phần để cho các bộ phận của mình có thể tiến hành các cuộc âm mưu của họ, một phần để cho các nghị sĩ có thể theo đuổi những lợi ích riêng của họ. Cả hai bên đều cần đến việc hoãn ngày họp của nghị viện để củng cố và khuếch trương những thắng lợi của thế lực phản động ở các tỉnh. Cho nên, Quốc hội đã hoãn họp từ 11 tháng Tám đến 11 tháng Mười một. Nhưng vì Bô-na-pác-tơ không hề giấu giếm rằng đối với y, cốt sao chỉ để thoát khỏi sự kiểm soát đáng ghét của Quốc hội, nên ngay trong cuộc bỏ phiếu tín nhiệm, Quốc hội đã tỏ thái độ không tín nhiệm tổng thống. Trong ban thường trực gồm hai mươi tám uỷ viên ở lại để làm người bảo vệ đức độ của chế độ cộng hòa khi Quốc hội nghỉ họp[63], người ta không thấy có người nào thuộc phái Bô-na-pác-tơ cả. Thay vào đó, người ta còn bầu đến cả một vài người cộng hòa của tờ "Siecle" và tờ "National" để tỏ cho tổng thống biết rằng phe đa số vẫn thiết tha với chế độ cộng hòa lập hiến.

Ít ngày trước khi và nhất là ngay lúc này đây sau khi đã hoãn ngày họp nghị viện, hai bộ phận lớn của đảng trật tự, phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, có vẻ như muốn hòa giải với nhau, bằng cách hợp nhất hai dòng vua mà dưới lá cờ của hai dòng đó, họ đã chiến đấu. Báo chí lúc này đăng đầy rẫy những đề nghị hòa giải đã từng được bàn cãi bên giường bệnh của Lu-i Phi-líp ở Xanh-Lê-ô-nác-xơ thì bỗng nhiên cái chết của Lu-i Phi-líp làm cho tình hình đơn giản hẳn đi. Lu-i Phi-líp là kẻ tiếm vị, Hăng-ri V là người bị cướp ngôi, còn bá tước Pa-ri, vì Hăng-ri V

không có con, lại trở thành người kế vị hợp pháp. Bây giờ, mọi trở ngại cho sự hợp nhất của những lợi ích hai triều đại đều đã tiêu tan. Nhưng chính chỉ đến lúc này, cả hai bộ phận trong giai cấp tư sản mới thấy rằng, rút cục, không phải sự nhiệt tình đối với một dòng vua nào đó đã làm cho họ chia rẽ nhau, mà trái lại, chính những lợi ích giai cấp khác nhau của họ đã làm cho hai triều vua xa cách nhau. Phái chính thống đã hành hương đến Vi-xba-đen để yết kiến Hăng-ri V, cũng như phe đối địch của họ đã đến Xanh-Lê-ô-nác-xơ, đã được tin ở đó rằng Lu-i Phi-líp chết. Họ liền thành lập một nội các, in partibus infidelium[64], chủ yếu là những uỷ viên trong tiểu ban nói trên gồm những người bảo vệ đức độ của chế độ cộng hòa và nhân một vụ xung đột xảy ra trong đảng, nội các đó đã tuyên bố dứt khoát rằng quyền lực của nó là thiêng liêng. Phái Oóc-lê-ăng rất lấy làm thích thú về vụ tai tiếng ô danh mà bản tuyên ngôn đó[65] đã gây ra trên báo chí và họ đã không hề che giấu sự thù địch công khai của họ đối với phái chính thống.

Trong thời gian Quốc hội nghỉ họp thì các hội đồng hàng tỉnh đều họp. Đa số các hội đồng đó đều tán thành việc sửa đổi hiến pháp - giới hạn trong ít nhiều những điều kiện quy định trước, - nghĩa là tán thành khôi phục lại nền quân chủ, nhưng lại không quy định rõ hẳn ra, tán thành cách *"giải quyết vấn đề"*, nhưng đồng thời lại thú nhận rằng họ không có đủ thẩm quyền và dũng khí để tìm ra cách giải quyết ấy. Bộ phận ủng hộ Bô-na-pác-tơ vội vã giải thích ngay rằng nguyện vọng muốn sửa đổi lại hiến pháp như thế có nghĩa là kéo dài nhiệm kỳ tổng thống của Bô-na-pác-tơ.

Cách giải quyết chính đáng theo hiến pháp, tức là: Bô-na-pác-tơ phải thoái vị vào tháng Năm 1852, đồng thời toàn thể cử tri trong nước bầu ra một tổng thống mới; mấy tháng đầu sau khi tổng thống mới lên nhận chức, một nghị viện đặc biệt sửa đổi hiến pháp sẽ được cử ra để đảm nhiệm việc sửa đổi đó, - cách giải quyết như thế là không thể chấp nhận được đối với giai cấp thống trị. Ngày bầu cử tổng thống mới sẽ là ngày gặp gỡ của tất cả các đảng phái thù địch nhau: chính thống, Oóc-lê-ăng, cộng hòa tư sản, cách mạng. Do đó sẽ không tránh khỏi xảy ra cuộc

xung đột bạo lực giữa các đảng phái. Dù cho đảng trật tự có đi đến chỗ thống nhất với nhau trong việc để cử ra một nhân vật trung lập lấy ở ngoài các hoàng tộc đi nữa thì Bô-na-pác-tơ cũng chống lại nhân vật ấy. Trong cuộc đấu tranh của nó chống nhân dân, đảng trật tự buộc phải không ngừng tăng thêm quyền hành pháp. Mà mỗi lần làm tăng thêm quyền hành pháp thì lại làm cho quyền lực của kẻ nắm quyền hành pháp là Bô-na-pác-tơ tăng thêm lên. Do đó, cùng với mỗi biện pháp nhằm tăng cường thêm quyền hành chung của mình lên, đảng trật tự càng làm tăng thêm những thủ đoạn đấu tranh của Bô-na-pác-tơ để thỏa mãn những tham vọng làm vua của mình, càng tạo thêm cơ hội cho hắn để, đến ngày giờ quyết định, hắn sẽ dùng bạo lực phá hoại cách giải quyết theo hiến pháp. Lúc đó, khi đấu tranh chống đảng trật tự, Bô-na-pác-tơ sẽ không ngần ngại gì mà không phá hoại một trong những cơ sở chủ yếu của hiến pháp, cũng như đảng trật tự, khi đấu tranh chống nhân dân, nó cũng không ngần ngại gì mà không phá hoại cái cơ sở kia của hiến pháp, tức là xóa bỏ quyền phổ thông đầu phiếu. Có thể hắn sẽ viện cả đến chế độ phổ thông đầu phiếu để phản đối Quốc hội. Tóm lại, cách giải quyết theo hiến pháp sẽ đặt toàn bộ status quo chính trị thành vấn đề và đằng sau sự biến động của status quo đó, người tư sản cảm thấy cảnh hỗn độn, tình trạng vô chính phủ và nội chiến. Y có cảm giác rằng đến ngày chủ nhật đầu tiên của tháng Năm 1852, các việc mua bán của y, các kỳ phiếu, các văn bản ký kết về hôn nhân, các giấy giao kèo, các văn tự cầm cố, các khoản địa tô, tiền thuế nhà, lợi nhuận, tất cả những khế ước và tất cả những nguồn thu nhập của y đều sẽ bị thành vấn đề, cho nên y không thể để cho mình mắc vào nguy cơ đó được. Đằng sau sự biến động của status quo chính trị đã có sẵn cái nguy cơ sụp đổ của toàn bộ xã hội tư sản. Cách giải quyết duy nhất mà giai cấp tư sản có thể tiếp nhận được, là trì hoãn việc giải quyết. Giai cấp tư sản chỉ có thể cứu vãn chế độ cộng hòa lập hiến bằng cách vi phạm hiến pháp, bằng cách kéo dài nhiệm kỳ của tổng thống. Đó cũng là tiếng nói cuối cùng mà sau khóa họp của các hội đồng hàng tỉnh, các báo chí thuộc đảng trật tự đã rút ra được qua những cuộc tranh luận kéo dài và sâu sắc về "biện pháp giải

quyết". Như vậy cái đảng trật tự rất hùng mạnh đó dành lấy làm xấu hổ mà phải coi trọng cái nhân vật lố bịch, tầm thường và đáng ghét, mạo danh là Bô-na-pác-tơ ấy.

Nhân vật nhớp nhúa đó, đến lượt mình, cũng bị nhầm lẫn về những nguyên nhân thật sự đã khiến cho hắn ngày càng có tính cách một nhân vật tất yếu. Trong khi đảng của hắn còn đủ thông minh để nhận thấy rằng sở dĩ Bô-na-pác-tơ ngày càng trở nên quan trọng, đó là do hoàn cảnh tạo nên, thì hắn lại cho rằng đó chỉ là do tên tuổi hắn có một sức mạnh thần bí và do hắn đã luôn luôn bắt chước Na-pô-lê-ông. Càng ngày hắn càng táo gan hơn. Đối phó với những cuộc hành hương tới Xanh-Lê-ô-nác-xơ và ở Vi-xba-đen, hắn đã trả lời bằng các cuộc tuần du của hắn ở Pháp. Phải ủng hộ Bô-na-pác-tơ rất ít tin vào hiệu lực mầu nhiệm của con người hắn, nên bất cứ hắn đi đâu là họ cũng phải đi theo hắn như kẻ thuộc Hội ngày 10 tháng Chạp, một số tổ chức của giai cấp vô sản lưu manh Pa-ri, ngồi đầy cả tàu và xe trạm để hò hét hoan nghênh hắn. Họ mớm cho những con rối của họ những lời lẽ để tùy theo sự đón tiếp dành cho tổng thống ở các thành phố mà tuyên bố rằng châm ngôn tranh cử trong chính sách của tổng thống là hoặc nhẫn nhục theo lối cộng hòa, hoặc kiên trì bền bỉ. Mặc dù họ đã dùng tất cả các mánh khoé, nhưng các cuộc tuần du ấy cũng hoàn toàn chẳng phải là những cuộc diễu hành thắng lợi.

Sau khi tưởng rằng như vậy là đã làm nức lòng nhân dân, Bô-na-pác-tơ bắt đầu hoạt động tuyên truyền để tranh thủ quân đội. Hắn cho cử hành những cuộc duyệt binh lớn trong cánh đồng Xa-tô-ri, gần Véc-xay; trong những cuộc duyệt binh đó, hắn tìm cách mua chuộc binh sĩ bằng các món xúc xích ướp tỏi, rượu sâm banh và xì gà. Nếu trước kia, Na-pô-lê-ông chính cống, trong những lúc mệt nhọc gian lao của những cuộc chinh phạt, đã biết cách khích lệ binh sĩ kiệt sức của mình bằng một thái độ thân mật nhất thời của người gia trưởng, thì ngày nay, Na-pô-lê-ông giả hiệu lại tưởng rằng quân đội đã cảm ơn hắn ta khi họ hô

lớn: "Vive Napoléon, vive le saucisson!"[1*], tức là: "Xúc xích muôn năm, thằng hề muôn năm!"[2*].

Các cuộc duyệt binh đó đã làm bùng nổ mối bất hòa được che dấu từ lâu giữa một bên là Bô-na-pác-tơ và viên bộ trưởng bộ chiến tranh Ô-pu-lơ, với một bên là Săng-gác-ni-ê. Đảng trật tự coi Săng-gác-ni-ê là con người thật sự trung lập của họ; một con người đó không thể có những tham vọng riêng tư gì đối với ngôi vua cả. Chính đảng trật tự đã chỉ định Săng-gác-ni-ê làm người thừa kế Bô-na-pác-tơ. Hơn nữa Săng-gác-ni-ê do những hành vi can thiệp của hắn trong ngày 29 tháng Giêng và ngày 13 tháng Sáu 1849, nên đã trở thành nhân vật thống soái vĩ đại của đảng trật tự, trở thành một A-lếc-xan-drơ hiện đại, kẻ mà người tư sản sợ sệt đã cho rằng sự can thiệp thô bạo của hắn đã xử trí nhanh chóng cuộc cách mạng. Về thực chất, cũng thảm hại như Bô-na-pác-tơ, Săng-gác-ni-ê đã nhờ những thủ đoạn rất rẻ tiền mà đã trở thành kẻ có thế lực, và Quốc hội đã dùng hắn để giám sát tổng thống. Chính Săng-gác-ni-ê cũng đã làm ra vẻ ta đây, - chẳng hạn như trong việc bàn về tiền lương cho tổng thống - giữ vai trò là người bảo hộ cho Bô-na-pác-tơ, và ngày càng đối xử một cách kiêu ngạo với Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ. Khi nhân dịp công bố dạo luật về tuyển cử mới có nguy cơ nổ ra một cuộc khởi nghĩa thì hắn đã cấm các sĩ quan của mình tiếp nhận bất cứ mệnh lệnh nào của bộ trưởng bộ chiến tranh hay của tổng thống. Về phía mình, báo chí cũng góp phần đề cao cá nhân Săng-gác-ni-ê. Vì hoàn toàn thiếu những nhân vật kiệt xuất nên đi nhiên là đảng trật tự buộc phải quy cho độc một cá nhân cái sức mạnh mà toàn bộ giai cấp của họ đang thiếu, và bằng cách ấy thổi phồng cá nhân đó lên thành một người khổng lồ. Do đó đẻ ra câu chuyện hoang đường về Săng-gác-ni-ê, - *"thành trì của xã hội"*. Thái độ khoe khoang khoác lác, bộ điệu quan trọng bí hiểm của Săng-gác-ni-ê làm ra vẻ sẵn sàng gánh cả thế giới trên vai mình, là một sự tương phản hết sức lố bịch với

1*- "Na-pô-lê-ông muôn năm, xúc xích muôn năm!"
2* Chơi chữ trong bản tiếng Đức: "Wurst" có nghĩa là "xúc xích", chữ Hanswurst" có nghĩa là "thằng hề".

những sự biến đã xảy ra trong và sau cuộc duyệt binh ở Xa-tô-ri. Nhưng sự kiện đó đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng chỉ cần một nét bút của gã Bô-na-pác-tơ vô cùng nhỏ bé kia, là có thể hạ được cái sản phẩm ảo tưởng của cái tâm lý sợ hãi của giai cấp tư sản, tức là cái gã khổng lồ Săng-gác-ni-ê, xuống một tầm vóc tầm thường, và biến hắn từ chỗ là một người anh hùng cứu vớt xã hội thành một viên tướng về hưu.

Đã có lần, Bô-na-pác-tơ đã trả thù Săng-gác-ni-ê bằng cách khích bộ trưởng bộ chiến tranh kiếm chuyện trên phương diện kỷ luật với cái gã bảo hộ thật là khó chịu đối với hắn. Cuối cùng, cuộc duyệt binh mới đây ở Xa-tô-ri đã làm bùng nổ mối hằn thù cũ. Sự phẫn nộ của Săng-gác-ni-ê đối với việc chống đối hiến pháp đã không còn có giới hạn nữa khi thấy các trung đoàn kỵ binh diễu qua trước mắt Bô-na-pác-tơ với cái khẩu hiệu phản hiến pháp: "Vive l' empereur!"[1*]. Để phòng trước mọi sự tranh cãi không hay tại khóa họp sắp tới của nghị viện về khẩu hiệu đó, Bô-na-pác-tơ liền đẩy bộ trưởng bộ chiến tranh Ô-pu-lơ đi xa bằng cách cử y sang làm thống đốc của An-giê-ri. Thay Ô-pu-lơ, Bô-na-pác-tơ đưa lên một ông tướng già hết sức được tin cậy của thời đế chế, một viên tướng không kém gì Săng-gác-ni-ê về tính thô bỉ. Nhưng để cho việc đẩy Ô-pu-lơ đi không phải là một sự nhượng bộ Săng-gác-ni-ê, Bô-na-pác-tơ đã đồng thời đổi tướng Nơ-may-ơ, cánh tay phải của vị cứu tinh vĩ đại của xã hội, từ Pa-ri đi Nan-tơ. Chính Nơ-may-ơ là người trong cuộc duyệt binh vừa qua đã thuyết phục toàn bộ lục quân giữ một thái độ im lặng lạnh lùng khi diễu qua trước mặt người kế nghiệp của Na-pô-lê-ông. Thấy mình bị đả trong chính vụ Nơ-may-ơ, Săng-gác-ni-ê đã phản kháng và đe dọa. Nhưng vô hiệu! Sau hai ngày thương lượng, sắc lệnh đổi Nơ-may-ơ được đăng trên tờ "Moniteur", và vị anh hùng của đảng trật tự chỉ còn có việc hoặc là phục tùng kỷ luật, hoặc từ chức mà thôi.

Cuộc đấu tranh của Bô-na-pác-tơ chống Săng-gác-ni-ê là sự kế tục của cuộc đấu tranh của hắn chống đảng trật tự. Cho nên khóa họp mới của Quốc hội vào ngày 11 tháng Mười một có những

1*- "Hoàng đế muôn năm!"

triệu chứng báo trước những điều chẳng lành. Nhưng đó sẽ là cơn bão trong một cốc nước mà thôi. Nói chung, vẫn chỉ tiếp tục diễn lại cái trò cũ. Nhưng bất chấp những kẻ bảo vệ trật tự thuộc các phái của đảng trật tự ra sức kêu gào, đa số trong đảng trật tự vẫn sẽ buộc phải kéo dài nhiệm kỳ của tổng thống. Còn Bô-na-pác-tơ thì mặc dù cũng đã phản kháng trước mãi rồi, nhưng vì thiếu tiền quá nên phải ngậm miệng mà nhận lấy từ tay Quốc hội việc kéo dài nhiệm kỳ đó dưới hình thức giản đơn là ủy quyền. Như vậy là biện pháp giải quyết đã được trì hoãn, status quo vẫn được duy trì; một bộ phận của đảng trật tự bị một bộ phận kia làm cho mất tín nhiệm, suy yếu đi và không thể làm gì được; việc đàn áp chống kẻ thù chung, tức là chống cả dân tộc, được mở rộng và đẩy lên cùng cực, cuối cùng đến mức mà rốt cuộc chính ngay các quan hệ kinh tế lại một lần nữa đạt tới trình độ phát triển, trong đó một cuộc bùng nổ mới sẽ làm tiêu tan tất cả các đảng phái kình địch nhau đó cùng với chế độ cộng hòa lập hiến của chúng.

Vả lại, để cho người tư sản yên tâm thì cũng cần phải nói thêm rằng cuộc xô xát giữa Bô-na-pác-tơ và đảng trật tự đã đem lại kết quả là làm phá sản rất nhiều nhà tư bản nhỏ tại sở giao dịch và làm cho tư bản của họ chạy vào túi bọn chó sói lớn ở sở giao dịch.

PH. ĂNG-GHEN

PHONG TRÀO ĐÒI HIẾN PHÁP ĐẾ CHẾ Ở ĐỨC[66]

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Tám 1849 - tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neu Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 1,2 và 3, năm 1850
Ký tên: Phri - đrích Ăng - ghen

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

"Hếch - cơ, Stơ-ru-vơ, Blen-cơ, Bli-um và Txit-xơ
sẽ lật nhào tất cả bọn vua chúa Đức[1*]!"[67]

Điệp khúc này được *các dân vệ* miền Nam nước Đức hát vang trên khắp các nẻo đường và trong khắp các quán rượu từ Pphan-xơ đến biên giới Thụy Sĩ theo một làn điệu quen thuộc "Xung quanh là biển cả"[68], một điệu hát không hẳn giống bài thánh ca, không hẳn giống những âm thanh của chiếc đàn phong cầm quay tay, - điệp khúc này đã thâu tóm toàn bộ tính chất của "cuộc khởi nghĩa rộng lớn đòi hiến pháp đế chế"[69]. Ở đây, trong hai dòng, đã vẽ lên được những con người vĩ đại của cuộc khởi nghĩa, với những mục đích cuối cùng của họ, với lòng tin sắt đá đáng khâm phục của họ, với lòng căm thù cao đẹp của họ đối với "những tên bạo chúa", và đồng thời cũng nêu lên toàn bộ sự hiểu biết của họ về các quan hệ xã hội và chính trị.

Trong tất cả những phong trào và những chấn động, do cuộc cách mạng tháng Hai và sự phát triển tiếp theo của nó gây ra ở Đức, thì phong trào đòi hiến pháp đế chế nổi bật lên do tính chất Đức - cổ điển của nó. Nguyên nhân của nó, sự phát sinh của nó, hướng của nó, toàn bộ tiến trình của nó đều mang tính chất Đức - thật sự. Nếu những ngày tháng Sáu 1848 đã cho thấy trình độ phát triển xã hội và chính trị ở Pháp, thì phong trào đòi hiến pháp đế chế cho thấy trình độ phát triển xã hội và chính trị ở Đức và đặc biệt là ở miền Nam nước Đức.

Linh hồn của toàn bộ phong trào là giai cấp tiểu tư sản, đặc biệt cái gọi là ***tầng lớp thị dân***, mà giai cấp đó chính lại chiếm

1* Các từ "vua chúa Đức" đã bị bỏ trong khi in tạp chí "Neu Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" ở Hăm-buốc, vì lý do kiểm duyệt.

ưu thế ở Đức, đặc biệt là ở miền Nam. Trong khi tham gia vào "các liên minh tháng Ba"[70], vào các liên minh dân chủ - lập hiến, vào các liên minh yêu nước, vào vô số những cái gọi là liên minh dân chủ và hầu hết vào tất cả các báo chí dân chủ, chính giai cấp tiểu tư sản đã thề nguyền với hiến pháp đế chế "những lời thề ở Gruyt-li"[71] vô tận và cũng vô hại, và tiến hành cuộc đấu tranh chống các vua chúa "cứng đầu cứng cổ", mà kết quả duy nhất và trực tiếp của nó, thực ra, chỉ là ý thức giác ngộ của bản thân đang nâng cao tâm hồn của nghĩa vụ công dân đã được làm tròn. Chính là giai cấp tư sản, mà đại diện là phía kiên quyết trong Quốc hội Phran-phuốc và được người ta gọi là phái cực tả và, do đó, đặc biệt là Nghị viện Stút-gát và "hội đồng nhiếp chính đế chế"[72], đã chính thức lãnh đạo toàn bộ phong trào; sau hết, giai cấp tiểu tư sản đã thống trị trong các ủy ban địa phương về những ruộng đất riêng, trong các ủy ban an ninh, trong các chính phủ lâm thời và trong các hội nghị lập hiến, mà ở Dắc-den, ở Ranh và ở miền Nam nước Đức đã giành cho mình ít hay nhiều vinh quang trong sự nghiệp bảo vệ hiến pháp đế chế.

Giai cấp tiểu tư sản, - nếu như điều này phụ thuộc vào nó, - vị tất đã rời bỏ cơ sở pháp lý của cuộc đấu tranh hợp pháp, hòa bình và đầy thiện ý, và vị tất đã chịu đổi cái gọi là vũ khí tinh thần lấy những khẩu súng kíp và những hòn đá. Như lịch sử tất cả các phong trào chính trị, bắt đầu từ năm 1830, ở Đức, cũng như ở Pháp và ở Anh cho ta thấy giai cấp đó bao giờ cũng khoác lác, ưa chuộng những câu trống rỗng và đôi khi, thậm chí, trên lời nói, còn giữ những lập trường hết sức cực đoan, chừng nào còn chưa thấy những sự nguy khốn; nó lo sợ, thận trọng và tránh né ngay khi có một mối nguy khốn bé nhỏ tới gần; nó sững sờ, lo âu, đầy dao động ngay khi phong trào do nó khởi xướng được các giai cấp khác nắm lấy và tiếp thu một cách nghiêm chỉnh; để duy trì cuộc sống tiểu tư sản của mình, nó sẵn sàng phản bội lại tất cả phong trào ngay sau khi tình hình đưa tới cuộc đấu tranh có vũ khí trong tay, - và, sau hết, vì cái tính do dự của nó, cho nên nó đặc biệt là luôn luôn bị lừa phỉnh và bị xem

thường ngay sau khi phe phản động giành được thắng lợi.

Nhưng ở khắp nơi, đứng đằng sau giai cấp tiểu tư sản là những giai cấp khác nắm lấy phong trào do nó khởi xướng và vì lợi ích của nó, làm cho phong trào có được một tính chất dứt khoát hơn và mạnh mẽ hơn và cố gắng nắm lấy phong trào ở những nơi nào có thể được: đó là *giai cấp vô sản* và một bộ phận lớn của *giai cấp nông dân*; ngoài ra, ở một thời gian nhất định thường có một bộ phận tiên tiến của giai cấp tiểu tư sản gia nhập vào giai cấp vô sản và bộ phận lớn ấy của nông dân.

Những giai cấp này, đứng đầu là giai cấp vô sản ở các thành phố lớn hơn, đối với những lời cam đoan khoa trương nguyện trung thành với hiến pháp đế chế còn nghiêm chỉnh hơn mức các nhà tuyên truyền tiểu tư sản mong muốn. Nếu những người tiểu tư sản, như họ thường luôn mồm thề bồi, sẵn sàng "chịu mọi hy sinh" vì hiến pháp đế chế, thì những người công nhân, mà cả những người nông dân ở nhiều địa phương nữa, cũng đã sẵn sàng làm chính điều đó; tuy nhiên, trong vấn đề này có một điều, mà tất cả mọi đảng phải đều biết rất rõ, lại không được nói đến là sau khi thắng lợi, giai cấp tiểu tư sản sẽ phải bảo vệ chính cái bản hiến pháp đế chế ấy chống lại những người công nhân và nông dân đó. Những giai cấp này đã đẩy giai cấp tiểu tư sản tới chỗ công khai đoạt tuyệt với chính quyền nhà nước hiện hành. Nếu họ không thể ngăn cản được những người đồng minh buôn bán nhỏ của họ phản bội lại họ ngay từ lúc cuộc đấu tranh sôi động, thì họ ít ra cũng hài lòng thấy rằng sau khi thắng lợi, chính bọn phản cách mạng đã trừng phạt sự phản bội đó.

Mặt khác, trong buổi đầu của phong trào, bộ phận có tinh thần kiên quyết hơn trong giai cấp tư sản lớn và trung cũng đi theo giai cấp tiểu tư sản, hoàn toàn giống như điều này đã xảy ra đối với tất cả các phong trào tiểu tư sản trước đây ở Anh và ở Pháp. Giai cấp tư sản không bao giờ thống trị được với tính cách toàn bộ giai cấp: không kể những đẳng cấp phong kiến còn nắm trong tay mình phần nào quyền hành chính trị, chính bản thân giai cấp

tư sản lớn ấy, sau khi chiến thắng chế độ phong kiến, thì lập tức phân chia thành các đảng cầm quyền và đối lập, mà thường thì đại diện của một bên là các ngân hàng, còn bên kia là những chủ xí nghiệp. Hơn nữa, bộ phận đối lập, cấp tiến trong giai cấp tư sản lớn và trung, đối lập với bộ phận cầm quyền, đều có những lợi ích chung với giai cấp tiểu tư sản và liên minh với nó để tiến hành đấu tranh chung. Ở nước Đức, nơi mà bọn phản cách mạng có vũ trang đã khôi phục lại được sự thống trị hầu như tuyệt đối của quân đội, của bọn quan lại và của bọn quý tộc phong kiến, nơi mà giai cấp tư sản, mặc dù còn những hình thức lập hiến hiện hành, chỉ đóng một vai trò rất lệ thuộc và nhỏ bé, thì lại càng có nhiều cơ sở cho một liên minh như vậy. Trái lại giai cấp tư sản Đức vô cùng hèn nhát hơn giai cấp tư sản Anh và Pháp, và khi thấy có đôi chút khả năng khôi phục lại trạng thái vô chính phủ, tức là có thể có cuộc đấu tranh quyết liệt thực sự, thì nó run sợ rút khỏi vũ đài. Và lần này cũng vậy.

Trong khi đó thì thời cơ cho cuộc đấu tranh hoàn toàn không phải không thuận lợi. Ở Pháp sắp có tuyển cử; dù cho ai, bọn quân chủ hay những người đỏ, giành được đa số phiếu, thì, bất luận thế nào, những cuộc bầu cử đó cũng sẽ làm suy yếu phái giữa trong Quốc hội lập hiến, sẽ củng cố các đảng cực đoan và sẽ dẫn tới việc giải quyết cuộc đấu tranh nghị trường căng thẳng bằng một phong trào nhân dân: tóm lại, bầu cử sẽ phải dẫn đến "journée"[1*]. Ở I-ta-li-a người ta đã chiến đấu dưới chân tường La Mã, và nước Cộng hòa La Mã chống trả có hiệu quả chống lại quân đội can thiệp Pháp. Ở Hung-ga-ri người Ma-gi-a tiếp tục tiến lên phía trước không gì ngăn được; quân đội hoàng gia bị đẩy sang bên kia Vác Lây-ta; ở Viên, người ta ngày nào cũng chờ đợi nghe thấy tiếng đại bác gầm thét, từng phút từng giây người ta chờ đón quân đội cách mạng Hung-ga-ri tiến vào;

1*. "ngày quyết định"

ở Ga-li-xi người ta chờ Đem-bin-xki đến cùng với quân đội Ba Lan - Ma-gi-a, và sự can thiệp của Nga, dường như, không những không gây ra hiểm họa cho người Ma-gi-a mà trái lại, thế nào cũng biến cuộc đấu tranh Hung-ga-ri thành cuộc đấu tranh châu Âu. Sau hết, nước Đức ở trong tình trạng kích động hết sức mạnh; sự tấn công của bọn phản cách mạng, sự lộng hành ngày một tăng của quân đội, trong quan lại và quý tộc, những sự phản bội thường xuyên lặp đi lặp lại của những phần tử tự do chủ nghĩa cũ ở các bộ, những sự bội tín của bọn vua chúa[1*] liên tiếp diễn ra, - tất cả những cái đó đã ném vào vòng tay đảng của phong trào hàng loạt các nhóm người trước đây đã ủng hộ chế độ.

Trong những điều kiện đó đã bùng lên cuộc đấu tranh mà chúng tôi sẽ mô tả ở những bài tiểu luận dưới đây.

Do chỗ các tài liệu không đầy đủ và lộn xộn, những tin tức thu nhập được ở những người đã tham gia phong trào thì hoàn toàn không chính xác, những mục đích hoàn toàn vì cá nhân mà các tác giả theo đuổi trong tất cả các tập sách đã công bố từ trước tới nay về cuộc đấu tranh này, cho nên việc trình bày một cách có phê phán toàn bộ tiến trình các sự kiện không thể thực hiện được. Bởi vậy, chúng tôi không còn cách nào khác hơn là chỉ có thể trình bày những gì mà tự chúng tôi được mắt thấy tai nghe. Cũng may mà cách ấy cũng hoàn toàn đủ để làm sáng tỏ tính chất của toàn bộ phong trào; thực ra, chúng tôi không thể dựa vào những cảm tưởng của riêng bản thân mình để làm sáng tỏ phong trào ở Dắc-đen và cuộc hành quân của Mi-e-rốt-xláp-xki và Nếch-ca, tuy vậy sắp tới đây tạp chí "Neue Rheinische Zeitung" có thể sẽ có dịp cung cấp những lý giải cần thiết ít ra là về cuộc hành quân của Mi-e-rốt-xláp-xki[73].

Trong số những người tham gia phong trào đòi hiến pháp đế chế, nhiều người đang còn ngồi trong nhà tù, một số khác đã có

1* Từ "bọn vua chúa" đã bị gạch bỏ trong khi in vì lý do kiểm duyệt.

cơ hội được trở về tổ quốc, một số khác nữa còn ở nước ngoài đang từng ngày đợi chờ cơ hội đó, và trong số họ cũng có những người không tồi. Mọi người sẽ hiểu được tính thận trọng mà chúng tôi buộc phải có đối với những người đã tham gia cuộc đấu tranh này và cho rằng việc chúng tôi sẽ không đả động tới việc này việc nọ là tự nhiên thôi; còn nhiều người giờ đây lại được sống không bị truy nã ở tổ quốc, thì sẽ không trách cứ chúng tôi, nếu như chúng tôi không xúc phạm họ trong câu chuyện kể những sự kiện trong đó họ đã thể hiện tinh thần dũng cảm thật sự phi thường.

1. PHẦN NƯỚC PHỔ VÙNG RANH

Bạn đọc còn nhớ là cuộc khởi nghĩa vũ trang đòi hiến pháp để chế đã nổ ra vào đầu tháng Năm, trước hết là ở *Đre-xđen*[74]. Như mọi người đều biết, các chiến sĩ trên chiến lũy Đre-xđen được nông dân ủng hộ, nhưng bị những người tiểu thị dân Lai-pxích phản bội, sau sáu ngày chiến đấu đã bị thất bại vì lực lượng kẻ địch trội hơn. Họ bao gồm không quá 2500 chiến sĩ với trang bị vũ khí rất khác nhau, và về pháo binh họ chỉ có hai hay ba khẩu moóc-chi-ê nhỏ, loại nhẹ. Quân đội hoàng gia, - ngoài các tiểu đoàn Dắc-đen, - gồm có hai trung đoàn quân Phổ. Họ có trong tay kỵ binh, pháo binh, bộ binh và một tiểu đoàn trang bị súng kíp. Ở Đre-xđen quân đội hoàng gia tỏ ra có lẽ còn hèn nhát[1*] hơn bất kỳ ở đâu; nhưng, đồng thời, không còn nghi ngờ gì nữa, các chiến sĩ Đre-xđen đã chiến đấu chống những lực lượng trội hơn đó của kẻ địch một cách dũng cảm hơn bất kỳ ai trong những trận đánh trên đường phố là một cái gì khác hẳn với trận đánh trên bãi chiến trường.

Béc-lin vẫn tiếp tục yên tĩnh trong tình trạng thiết quân luật và bị tước vũ khí. Ngay cả đường sắt cũng không bị bóc đi để chặn viện binh Phổ ở gần Béc-lin. Ở Brê-xláp[2*] đã mưu toan tổ chức những cuộc chiến đấu trên chiến lũy, nhưng chính phủ đã sẵn sàng đối phó việc đó từ lâu, và kết quả là thành phố càng chắc chắn bị rơi vào ách chuyên chính của lưỡi gươm. Phần còn

1* Vì lý do kiểm duyệt chỗ này được viết mềm mỏng hơn bằng cách thay từ "feig" có nghĩa là "hèn nhát" bằng từ "klaglich" có nghĩa là "một cách thảm hại".
2* Tiếng Ba Lan gọi là Vrôt-xláp.

lại của miền Bắc nước Đức không có những trung tâm cách mạng đã bị tê liệt. Chỉ còn hy vọng vào phần nước Phổ vùng Ranh và miền Nam nước Đức nữa thôi; nhưng ở miền Nam nước Đức thì lúc đó Pphan-xơ đã bắt đầu hoạt động.

Từ năm 1815 phần nước Phổ vùng Ranh được coi là - và hoàn toàn chính đáng - một trong những tỉnh tiên tiến nhất của Đức. Nó có được hai lợi thế mà sự kết hợp hai lợi thế ấy đều không thể tìm ra được ở bất kỳ nơi nào khác của nước Đức.

Phần nước Phổ vùng Ranh cùng với Lúc-xăm-buốc, Hét-xen miền Ranh và Pphan-xơ có lợi thế là từ năm 1795 nó chịu ảnh hưởng trực tiếp của cách mạng Pháp và những thành tựu xã hội, hành chính và lập pháp của cuộc cách mạng ấy được củng cố dưới thời Na-pô-lê-ông. Sau thất bại của phe cách mạng ở Pa-ri, quân đội đã đưa cách mạng ra ngoài biên giới nước Pháp. Dưới sức tấn công mãnh liệt của những người con nông dân vừa mới được giải phóng đó chẳng những quân đội của đế quốc La Mã thần thánh đã bị đánh tan tác mà quyền thống trị phong kiến của bọn quý tộc và tăng lữ cũng bị sụp đổ. Thế là từ hai thế hệ nay, miền tả ngạn sông Ranh không còn chế độ phong kiến nữa: giới quý tộc bị tước mất những đặc quyền đặc lợi của mình, quyền sở hữu ruộng đất được phân chia thành những khoảnh nhỏ, và người nông dân cũng là người sở hữu ruộng đất tự do như ở Pháp. Ở thành phố, các phường hội và sự thống trị gia trưởng của bọn quý tộc biến mất trong vòng mười năm sớm hơn so với bất kỳ miền nào khác của Đức, nhường chỗ cho cạnh tranh tự do, và, kết quả cuối cùng, Code Napoléon[75], là sự tổng hợp tất cả các thiết chế của cách mạng, đã thừa nhận toàn bộ cái trật tự đã thay đổi hoàn toàn đó.

Ngoài ra, phần nước Phổ vùng Ranh có - và đây là lợi thế chủ yếu của nó so với các miền khác ở tả ngạn sông Ranh - một nền công nghiệp phát triển và đa dạng nhất trong toàn nước Đức. Trong ba khu vực hành chính - A - khen, Khuên và Đuýt-xen-đoóc-phơ - có hầu hết các ngành công nghiệp: công nghiệp bông vải sợi, len dạ và tơ lụa đủ các loại và phụ thuộc vào chúng có các ngành tẩy giặt, in hoa và nhuộm, ngành luyện kim và chế tạo máy; tiếp nữa là ngành mỏ, chế tạo vũ khí và các ngành sản xuất kim loại khác được tập trung ở đây trên một khoảng rộng vài dặm vuông và đem lại công ăn việc làm cho dân cư có một mật độ đông chưa từng thấy đối với nước Đức. Vùng than và quặng sắt Mác-cơ tiếp giáp trực tiếp với tỉnh Ranh, thỏa mãn một phần nhu cầu về nguyên liệu của nó và gắn bó với nó về phương diện công nghiệp. Con đường thủy tốt nhất của nước Đức, biển ở gần, sự giàu có về khoáng sản của địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của công nghiệp, mà công nghiệp này, ngoài ra, đã xây dựng được vô số đường sắt và vẫn đang từng ngày mở rộng mạng lưới đường sắt của nó. Đối với Đức, trong một tác động tương hỗ chặt chẽ với công nghiệp có nền thương nghiệp xuất nhập khẩu rất lớn trao đổi với tất cả mọi miền trên trái đất, có những mối quan hệ trực tiếp quan trọng với tất cả các điểm trung tâm lớn của thị trường thế giới và có sự đầu cơ tương ứng về nguyên liệu và cổ phiếu đường sắt. Tóm lại, mức độ phát triển công thương nghiệp của tỉnh Ranh, mặc dù chưa đáng kể so với quy mô của thị trường thế giới, nhưng vẫn là đặc biệt đối với Đức.

Do sự phát triển của công nghiệp đã phồn thịnh dưới thời thống trị của nước Pháp cách mạng, và của thương nghiệp gắn liền với công nghiệp này, mà ở phần nước Phổ vùng Ranh đã hình thành *giai cấp đại tư sản* công thương nghiệp lớn và đối lập với nó là *giai cấp vô sản* công nghiệp đông đảo - là hai giai cấp mà ở những miền còn lại của nước Đức mới chỉ tồn tại ở từng vùng và dưới hình thái manh nha, nhưng hầu như chỉ có hai giai cấp ấy là đã quyết định quá trình phát triển chính trị đặc thù của tỉnh Ranh.

Khác với những miền còn lại của nước Đức được người Pháp cách mạng hóa, phần nước Phổ vùng Ranh có lợi thế về *công*

nghiệp của nó, và khác với các vùng công nghiệp khác của nước Đức (Dắc-den và Xi-lê-di) nó được hưởng di sản của *cách mạng Pháp*. Đó là một miền độc nhất của Đức mà sự phát triển về mặt xã hội hầu như hoàn toàn đạt tới trình độ của xã hội tư sản hiện đại: công nghiệp phát triển, thương nghiệp mở rộng, có tích lũy tư bản, có tự do sở hữu ruộng đất; ở các thành thị thì giai cấp tư sản mạnh và giai cấp vô sản đông đảo chiếm ưu thế, ở nông thôn - là những người tiểu nông đông đảo và mắc nợ nặng nề; giai cấp tư sản thống trị giai cấp vô sản nhờ vào chế độ lao động làm thuê, thống trị nông dân nhờ vào chế độ cầm cố và thống trị giai cấp tiểu tư sản nhờ vào cạnh tranh; và, sau hết, quyền thống trị của giai cấp tư sản được tòa án thương nghiệp, công nghiệp, tòa án bồi thẩm tư sản và toàn bộ văn kiện lập pháp thừa nhận.

Bây giờ liệu người ta có hiểu được lòng căm thù của người dân tỉnh Ranh đối với tất cả cái gì gọi là Phổ hay không? Cùng với tỉnh Ranh, nước Phổ dường như đã sáp nhập luôn cả cách mạng Pháp vào lãnh địa của mình; nó đối xử với dân tỉnh Ranh chẳng những như dân ngoại bang bị chinh phục, mà còn như những kẻ nổi loạn bị đánh bại. Nước Phổ chẳng những không hoàn thiện pháp chế Ranh theo tinh thần của xã hội tư sản hiện đại đang ngày càng phát triển, mà thậm chí còn muốn trói buộc dân tỉnh Ranh vào cái móm hầu lốn phong kiến - tiểu thị dân thông thái rởm của luật pháp Phổ, là thứ vị tất còn phù hợp được ngay cả với miền Pô-mê-ra-ni phương Đông.

Những sự kiện cách mạng sau tháng Hai 1848 cho ta thấy vị trí đặc biệt của tỉnh Ranh. Nó đem lại chẳng những cho giai cấp tư sản Phổ mà cho cả giai cấp tư sản Đức nói chung các đại biểu cổ điển của nó - *Căm-pơ-hau-den* và *Han-dơ-man*; nó đem lại cho giai cấp vô sản Đức một cơ quan ngôn luận duy nhất đại diện cho nó chẳng những trên lời nói hoặc chỉ bằng thiện chí, mà còn bảo vệ những quyền lợi thực sự của nó, đó là tờ *"Neue Rheinische Zeitung"*.

Nhưng, mặc dù có tất cả những cái đó, tại sao phần nước Phổ vùng Ranh lại tham gia vào các phong trào cách mạng ở Đức ít đến như vậy?

Chớ nên quên rằng, phong trào trong những năm 30 ủng hộ chủ nghĩa lập hiến trên đầu lưỡi và kiểu thày cãi đã không thể có một chút gì để đáng quan tâm đối với giai cấp tư sản vùng Ranh nước Đức đang bận vào công việc thiết thực hơn nhiều, vào việc kinh doanh công nghiệp; rằng trong khi ở các quốc gia nhỏ của Đức còn đang mơ ước một đế chế Đức, thì ở phần nước Phổ vùng Ranh giai cấp vô sản đã bắt đầu công khai lên tiếng chống lại giai cấp tư sản; rằng vào những năm 1840 - 1847, trong thời kỳ phong trào tư sản, thực sự lập hiến, giai cấp tư sản Ranh đã đứng đầu phong trào đó và trong thời kỳ của những sự kiện tháng Ba 1848 ở Béc-lin, nó đã có ảnh hưởng quyết định đến kết cục của cuộc đấu tranh. Vậy tại sao phần nước Phổ vùng Ranh chưa có một lần nào giành được một cái gì bằng cuộc khởi nghĩa công khai, tại sao nói chung ở đây nó không thể thực hiện được cuộc khởi nghĩa chung trong toàn tỉnh, - về điều này thì sự mô tả giản đơn về phong trào ở Ranh đòi hiến pháp đế chế sẽ giải thích cho chúng ta rõ hơn hết.

Ở Đre-xđen cuộc đấu tranh vừa mới bùng nổ; Ở Pphan-xơ nó có thể nổ ra từng giờ từng phút. Ở Ba-đen, ở Vuyếc-ten-béc và Phran-cô-ni nó tổ chức những cuộc họp đông đảo quần chúng, và hầu như không một ai che giấu lòng quyết tâm của mình là cầm vũ khí tiến hành sự nghiệp đến cùng. Ở khắp miền Nam nước Đức quân đội mang tâm trạng dao động, Phổ cũng ở trong tình trạng bị kích động như vậy. Giai cấp vô sản chỉ chờ đợi cơ hội để trả thù việc đã bị người ta lừa đối để tước mất của nó những quyền lợi mà nó coi là đã giành được vào tháng Ba 1848. Khắp nơi giai cấp tiểu tư sản cố gắng tập hợp tất cả những phần tử bất mãn vào một đảng hiến pháp đế chế lớn với hy vọng nắm được quyền lãnh đạo đảng này. Những lời thề chiến thắng hay là chết cùng với Quốc hội Phran-phuốc, chiến đấu đến giọt máu cuối

cùng cho hiến pháp đế chế được dâng đẩy trên tất cả các báo, vang lên ở tất cả các câu lạc bộ và quán rượu.

Chính vào lúc đó Chính phủ Phổ tiến hành những hành động thù địch bằng cách động viên một bộ phận lớn quân hậu bị[76], cụ thể là một số lượng quân nhất định ở Ve-xtơ-pha-li và ở Ranh. Lệnh động viên trong thời bình là trái luật pháp và gây công phẫn chẳng những trong giai cấp tư sản nhỏ mà cả trong giai cấp tư sản giàu có hơn.

Ở Khuên, hội đồng triệu tập đại hội ở các đại biểu các hội đồng quận thuộc vùng Ranh. Chính phủ ra lệnh cấm; tức thì người ta quyết định bỏ qua những nghi thức, và đại hội vẫn tiến hành bất chấp lệnh cấm. Các hội viên hội đồng quận, các đại biểu của giai cấp tư sản lớn và hạng trung, tuyên bố ủng hộ hiến pháp đế chế, yêu cầu Chính phủ Phổ chấp nhận nó và đòi nội các phải từ chức và đồng thời bãi bỏ lệnh động viên quân hậu bị, và đe dọa khá công khai sẽ tách tỉnh Ranh khỏi Phổ nếu những yêu cầu này bị bác bỏ.

"Bởi Chính phủ Phổ đã giải tán viện thứ hai sau khi viện này tuyên bố chấp nhận vô điều kiện bản hiến pháp Đức được công bố ngày 28 tháng Ba năm nay, và do đó, trong giờ phút quyết định hiện nay đã tước đi của nhân dân quyền đại diện và quyền biểu quyết, nên các đại biểu ký tên dưới đây của các thành phố và của các xã thuộc tỉnh Ranh đã họp để thảo luận những vấn đề cần thiết của Tổ quốc.

Hội nghị, dưới sự chủ tọa của các ủy viên hội đồng thành phố là Xe-lơ ở Tơ-ria và Véc-nơ ở Cô-blen-xtơ và với các thư ký của các ủy viên hội đồng thành phố là Bếch-cơ ở Khuên và Blô-em II ở Đuýt-xen-đoóc-phơ, *quyết nghị như sau*:

1) Hội nghị tuyên bố chấp nhận bản hiến pháp đế chế Đức như đã được Quốc hội đế chế tuyên cáo ngày 28 tháng Ba năm nay là luật pháp chính thức và trong cuộc xung đột do Chính phủ Phổ gây ra, hội nghị đứng về phía Quốc hội đế chế Đức.

2) Hội nghị kêu gọi toàn thể nhân dân tỉnh Ranh và đặc biệt, tất cả nam giới có khả năng cầm vũ khí hãy bầy tỏ, - bằng những bản tuyên bố tập thể thay mặt cho từng nhóm nhỏ cũng như lớn, - tinh thần sẵn sàng hoàn thành nghĩa vụ của mình và ý chí cương quyết bảo vệ hiến pháp đế chế Đức và thi hành những điều quy định của nó.

3) Hội nghị yêu cầu Quốc hội đế chế Đức phải thật nhanh chóng có những biện pháp thật cương quyết để làm cho làn sóng phản kháng của nhân dân trong các quốc gia Đức riêng lẻ và, đặc biệt ngay cả trong tỉnh Ranh có được sự thống nhất và sức mạnh tới mức có thể làm thất bại những mưu toan của bọn phản cách mạng được tổ chức tốt.

4) Hội nghị yêu cầu chính phủ đế chế phải thật nhanh chóng tổ chức cho các đội quân đế chế tuyên thệ với hiến pháp và đảm bảo tập trung được các đội quân đó.

5) Những người ký tên dưới đây có nghĩa vụ sử dụng mọi phương tiện có sẵn trong tay để làm cho hiến pháp đế chế được chấp nhận trong phạm vi các quận của mình.

6) Hội nghị cho rằng nhất thiết phải giải tán ngay nội các Bran-đen-buốc - Man-toi-phen và triệu tập cả hai viện mà không có sự thay đổi thể thức bầu cử hiện hành.

7) Hội nghị đặc biệt coi lệnh động viên cục bộ quân hậu bị vừa công bố mới đây như một biện pháp không cần thiết và rất nguy hiểm cho hòa bình ở trong nước, và đang chờ bãi bỏ lệnh đó ngay.

8) Cuối cùng những người ký tên dưới đây tỏ thái độ tin tưởng rằng việc từ chối không lưu ý tới nội dung của bản quyết nghị này sẽ gây ra những hiểm họa cực kỳ lớn cho tổ quốc và thậm chí có thể đe dọa việc duy trì nước Phổ trong thành phần hiện nay của nó.

Thông qua ngày 8 tháng Năm 1849 tại Khuên"

(Tiếp theo là những chữ ký).

Chúng tôi chỉ bổ sung thêm là chính ngài Xe-lơ đã chủ toạ hội nghị này, mấy tuần sau đó - với tư cách là ủy viên đế chế của nội các đế chế Phran-phuốc[77] - đã đi Ba-đen, tại đây ông ta chẳng những kêu gọi ổn định trật tự mà còn thỏa hiệp với bọn phản động ở đó về những hoạt động phản cách mạng tiếp diễn sau này ở Man-hem và ở Các-lơ-xru-ê. Nhưng một việc cũng không kém phần hiển nhiên là ông ta đồng thời còn giúp việc cho viên tướng đế chế Pây-cơ với cương vị là một điệp viên quân sự.

Chúng tôi cho việc xác nhận lại sự kiện này là quan trọng. Giai cấp tư sản lớn - tinh hoa của phái tự do vùng Ranh trước tháng Ba - đã mưu toan ngay từ đầu nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào đòi hiến pháp đế chế ở phần nước Phổ vùng Ranh. Những bài diễn văn của nó, những quyết nghị của nó, toàn bộ hành vi của nó làm cho nó phải chịu trách nhiệm đối với những sự kiện gần đây nhất. Có không ít người nghiêm chỉnh tiếp thu những lời nói của các ngài ủy viên hội đồng thành phố và, đặc biệt là, sự dọa dẫm của họ về việc tách tỉnh Ranh. Một khi giai

cấp tư sản lớn đã tham gia vào công việc thì có thể thấy trước được việc đó sẽ thắng lợi, có thể liều làm một việc gì đó. Người tiểu tư sản đã tính toán như vậy và vội vàng lấy lại tư thế anh hùng. Hiển nhiên là điều đó chẳng mảy may ngăn trở người bạn đồng minh tưởng tượng của nó, tức người tư sản lớn, phản bội lại nó ngay khi có cơ hội đầu tiên, và sau này, khi mà toàn bộ sự việc đã kết thúc một cách bi thảm thì giễu cợt cái ngu xuẩn của nó.

Trong khi đó sự kích động không ngừng tăng lên; những tin tức từ khắp các ngả nước Đức vang lên cực kỳ hiếu chiến. Sau hết, tình hình đưa đến chỗ phải trang bị cho quân hậu bị. Các tiểu đoàn tập hợp lại và tuyên bố cương quyết là sẽ không mặc binh phục. Các viên thiếu tá, vì không có được sự ủng hộ đầy đủ về mặt quân sự nên không thể làm được trò trống gì, và đã vui mừng khi công việc trót lọt không bị ai đe dọa và lăng nhục bằng hành động. Họ giải tán quân và ấn định thời hạn mới để trang bị.

Chính phủ lúc đó có thể dễ dàng dành cho các sĩ quan quân hậu bị sự ủng hộ cần thiết, nhưng đã cố tình để cho sự việc đi xa như vậy. Giờ đây nó liền dùng đến sức mạnh.

Những đơn vị quân hậu bị cứng đầu cứng cổ thì phần lớn thuộc vùng công nghiệp Béc-gơ-Mác-cơ. Các trung tâm phản kháng là En-bơ-phen-đơ và I-đơ-lôn, Dô-lin-ghen và lưu vực sông En-nơ-pe. Quân đội lập tức được điều động đến hai thành phố đầu tiên.

Một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 16, một đại đội thương kỵ binh và hai khẩu pháo được điều đến En-bơ-phen-đơ. Trong thành phố, hoàn toàn hỗn loạn. Những binh lính hậu bị sau khi đã suy nghĩ chín chắn vẫn lao vào trò chơi liều mạng. Nhiều nông dân và công nhân thờ ơ với chính trị; điều mong muốn duy nhất của họ là đừng bị tống cổ ra khỏi nhà một thời gian vô hạn định vì một lý do bất thường nào đó của chính phủ. Cứ nghĩ đến những hậu quả của việc phản kháng mà lòng họ nặng nề: species facti[1*], những luật thời chiến,

1*- xác định nội dung tội trạng

lao động khổ sai và, thậm chí có thể, cả xử bắn nữa, tóm lại, số quân hậu bị - họ có vũ khí của họ - ngày một tiêu tan, và, sau hết, họ chỉ còn lại ngót bốn chục người. Họ đặt ban tham mưu của mình trong một khách sạn nhỏ ở ngoại ô và ở đó đợi quân Phổ đến. Dân vệ và hai đơn vị dân phòng đứng xung quanh tòa thị chính; họ dao động, tiến hành thương lượng với quân hậu bị, nhưng, bất luận thế nào, họ cũng sẵn sàng bảo vệ tài sản của mình. Trên các đường phố dân chúng tụ tập từng đám đông: những người tiểu tư sản đã thề trung thành với hiến pháp đế chế ở câu lạc bộ chính trị, những người vô sản đủ loại, từ người công dân cách mạng triệt để đến anh xe ngựa say rượu. Không một ai biết là phải làm gì và cái gì có thể xảy ra.

Hội đồng thành phố muốn tiến hành đàm phán với quân đội. Viên sĩ quan chỉ huy khước từ đàm phán và tiến vào thành phố. Quân đội diễu hành qua các đường phố và đến đóng trước tòa thị chính, đối diện với lực lượng dân vệ. Các cuộc đàm phán bắt đầu. Trong đám đông có ai đó ném đá vào binh lính. Sau hồi lâu thảo luận, quân hậu bị, như đã nói ở trên, đếm được gần bốn chục người cũng từ phía khác của thành phố kéo đến và cũng đóng đối diện với quân đội.

Bất thình lình từ trong đám đông vang lên lời kêu gọi giải phóng tù nhân. Thực vậy, 69 công nhân ở Dô-lin-ghen bị buộc tội phá hoại nhà máy luyện thép ở gần pháo đài bị giam trong nhà tù, ngay cạnh tòa thị chính, đã một năm nay. Trong vài ngày nữa người ta sẽ lập phiên tòa xử án họ. Nông dân xông tới nhà tù để giải phóng họ. Các cửa bị bật tung, nhân dân ùa vào nhà tù, những người bị giam giữ được giải phóng. Nhưng ngay từ lúc đó quân đội kéo đến, một loạt súng vang lên, và người tù cuối cùng đang chạy ra khỏi cửa nhà tù bị ngã xuống, vỡ sọ.

Đám đông tháo lui, nhưng với tiếng thét: lên chiến lũy! Trong nháy mắt chiến lũy đã được dựng lên trên các đường vào trung tâm thành phố. Công nhân không vũ trang có khá đông, còn số có vũ trang trên chiến lũy - không quá năm chục.

Pháo binh tiến lên phía trước. Cũng như bộ binh trước đây, bây giờ những lính pháo thủ bắn khá cao, hẳn là chủ ý. Cả hai phân đội bao gồm những người có quê ở tỉnh Ranh hay Ve-xtơ-pha-li đều tỏ ra có thiện ý. Sau hết, đại úy phôn Út-ten-hô-phen chỉ huy đại đội 8 thuộc trung đoàn 16 bước lên phía trước.

Đằng sau chiến lũy thứ nhất có ba người có vũ khí. "Đừng bắn vào chúng tôi, - họ kêu gọi, - chúng tôi chỉ bắn bọn sĩ quan thôi!" - Đại úy ra lệnh: "Chú ý!" "Nếu nhà ngươi ra lệnh - "Chuẩn bị", chúng tao sẽ quật cổ nhà ngươi tại chỗ", - một tay súng từ sau chiến lũy thét bảo viên sĩ quan - "Chuẩn bị, bắn" - Loạt súng nổ vang, nhưng cũng trong giây phút đó viên đại úy ngã xuống. Viên đạn xuyên trúng tim hắn.

Binh lính vội vã rút lui; họ cũng chẳng mang theo xác viên đại úy. Mấy phát súng nữa nổ vang, mấy người lính bị thương, và viên sĩ quan chỉ huy không muốn ngủ đêm lại trong thành phố khởi nghĩa, liền rút quân đội của mình ra ngoài và đóng trại ở ngoài trời, tại một địa điểm cách thành phố một giờ đi bộ. Quân đội rút đến đâu chiến lũy liền dựng lên đến đó.

Tin quân Phổ rút lui được truyền đến Duýt-xen-đoóc-phơ ngay chiều tối hôm đó. Trên các đường phố tụ tập từng đám người rất đông; những người tiểu tư sản và công nhân bị kích động cao độ. Ngay lúc đó lại có tin đồn rằng sẽ có một lực lượng quân đội mới được điều tới En-pơ-phen-đơ, và cái đó là tín hiệu cho một cuộc chiến đấu. Mặc dù bị thiếu vũ khí - lực lượng dân vệ đã bị tước vũ khí từ tháng Mười một 1848, - mặc dù quân đồn trú khá mạnh, và do những đường phố thẳng tắp, rộng rãi của một thủ phủ quốc vương nhỏ trước đây rất bất lợi cho nghĩa quân, nhưng một số công nhân vẫn ra lời kêu gọi: hãy lên chiến lũy. Vài chiến lũy phòng thủ đã được dựng lên trên đường phố Noi-xtơ-ra-xơ và phố Bôn-cơ-xtơ-ra-xơ; ở những khu phố khác, một phần do quân đội đã kéo đến đây từ trước, một phần do sự hèn nhát của tầng lớp tiểu thị dân và thị dân khá giả, nên không có chiến lũy nào được dựng lên.

Chiều đến thì những trận đánh bắt đầu. Ở đây, cũng như ở mọi nơi, có rất ít chiến sĩ đứng sau các chiến lũy. Mà họ lấy ở đâu ra súng ống và đạn dược? Chỉ cần biết là họ đã chống trả quyết liệt và kéo dài với lực lượng kẻ thù trội hơn hẳn, và một số chiến lũy có thể bảo vệ được, chỉ sau khi pháo binh được sử dụng rộng rãi, thì mãi đến sáng mới rơi vào tay quân Phổ. Như mọi người đều biết, những vị anh hùng thận trọng đó, ngày hôm sau, đã tiến hành một cuộc trả thù đẫm máu, đã nhảy bổ vào những cô hầu gái, những ông già và những người dân lương thiện khác.

Cũng vào cái ngày quân Phổ bị đánh bật ra khỏi En-bơ-phen-đơ, một tiểu đoàn, nếu tôi không nhầm thì là tiểu đoàn của trung đoàn 13, được điều tới I-đơ-lôn để dẹp yên quân hậu bị ở đó. Nhưng ở đấy kế hoạch cũng bị thất bại: ngay khi được tin có quân đội kéo tới, đội quân hậu bị và nhân dân đã dựng chiến lũy trên những ngả đường vào thành phố và với vũ khí nạp sẵn đạn trong tay họ chờ đợi kẻ địch. Tiểu đoàn không dám tấn công và phải rút về phía sau.

Cuộc chiến đấu ở En-bơ-phen-đơ và Duýt-xen-đoóc-phơ và những chiến lũy ở I-đơ-lôn đã là tín hiệu khởi nghĩa của một phần lớn vùng công nghiệp Béc-gơ-Mác-cơ. Nhân dân Đô-lin-ghen đã đánh chiếm kho vũ khí ở Grê-phrát và vũ trang bằng súng đạn lấy được ở đó; từng đám đông nông dân Ha-ghen gia nhập vào phong trào, tự vũ trang lấy, chiếm những ngả đường vào Rua và phái những đội tuần tra đi trinh sát; Đô-lin-ghen, Rô-xđoóc-phơ, Rem-sai-đơ, Bác-men và những thành phố khác đã gửi những đội quân của mình đến En-bơ-phen-đơ. Ở những địa điểm khác trong vùng này quân hậu bị quốc gia nhập vào phong trào và đặt mình dưới quyền chỉ huy của Quốc hội Phran-phuốc. En-bơ-phen-đơ, Đô-lin-ghen, Ha-ghen và I-đơ-lôn đặt những ủy ban an ninh thay vào chỗ của bọn cầm quyền địa phương và khu vực đã bị tống cổ.

Tin tức về những sự kiện đó, lẽ dĩ nhiên, còn được thổi phồng

lên kinh khủng: toàn bộ vùng Vúp-pơ-tan và tất cả miền Rua được miêu tả như một khu khởi nghĩa có tổ chức rộng lớn; người ta nói tới 15000 người được vũ trang ở En-bơ-phen-đơ, nói tới cũng với số lượng như ở I-đơ-lôn và Ha-ghen. Sự hoảng sợ bất ngờ của chính phủ đã làm tê liệt ngay toàn bộ hoạt động của nó trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa ở các vùng được coi là thuần phục nhất, càng thúc đẩy việc loan truyền những tin đồn phóng đại như vậy.

Ngay nếu như có giảm bớt đi bao nhiêu những lời đồn phóng đại có thể có ấy, thì vẫn còn một sự thật không thể nghi ngờ được là một cuộc khởi nghĩa công khai và lúc ấy đã thắng lợi đang bao trùm lên những địa điểm chủ yếu của vùng công nghiệp Béc-gơ-Mác-cơ. Sự thật đó không thể chối cãi được. Thêm vào đó lại có tin rằng Đre-xđen vẫn đứng vững, rằng ở Xi-lê-di đang sục sôi, rằng phong trào ở Pphan-xơ được củng cố, rằng ở Ba-đen đã nổ ra một cuộc binh biến thắng lợi và một vị đại công tước đã chạy trốn, rằng người Ma-gi-a đã trấn giữ I-a-blum-ca và Lây-ta. Tóm lại, đó là một khả năng thuận lợi nhất trong tất cả các khả năng cách mạng dành cho đảng dân chủ và công nhân sau tháng Ba 1848, và, tất nhiên, phải lợi dụng khả năng ấy. Tả ngạn sông Ranh phải hỗ trợ cho hữu ngạn.

Vậy cần phải làm gì?

Tất cả những thành phố lớn hơn của tỉnh Ranh đều là những thành phố - pháo đài với những thành quách và đồn lũy mạnh, khống chế được thành phố như Khuên và Cô-blen-txơ, hoặc có vô số quân đồn trú như A-khen, Đuýt-xen-đoóc-phơ và Tơ-ria. Ngoài ra tỉnh còn bị khống chế bởi các pháo đài Vê-đen, Giuy-lích, Lúc-xăm-buốc, Xa-rơ-lu-i và thậm chí cả Ma-in-xơ và Min-đen nữa. Tổng cộng ở tất cả những pháo đài và đồn quân đó ít ra cũng có tới 30 nghìn người. Sau hết, Khuên, Đuýt-xen-đoóc-phơ, A-khen, Tơ-ria đã bị tước khí giới từ lâu. Như vậy, những trung tâm cách mạng của tỉnh đã bị tê liệt. Như gương Đuýt-xen-đoóc-phơ đã cho thấy, ở đây, bất kỳ mưu đồ khởi nghĩa nào cũng không thể không

kết thúc bằng thắng lợi của phía quân đội; thêm một thuận lợi như vậy nữa, thí dụ như ở Khuên, thì tinh thần chiến đấu của nghĩa quân vùng Béc-gơ-Mác-cơ, dù cho có tất cả những tin tức thuận lợi này khác, nhưng sẽ bị bẻ gẫy. Ở tả ngạn sông Ranh phong trào có thể nổ ra ở Mô-đen, Ai-phen và ở khu công nghiệp Crê-phen, nhưng địa phương này bị bao vây bởi sáu pháo đài và ba thành phố có các đồn quân thường trú. Ngược lại, hữu ngạn sông Ranh ở những vùng có khởi nghĩa, là một địa phận rộng lớn đông dân cư, dường như đặc biệt thích hợp cho chiến tranh khởi nghĩa nhờ có rừng và núi.

Vậy, chỉ còn có một con đường để giúp đỡ các vùng đã khởi nghĩa:

trước hết, phải tránh mọi cuộc bạo động bất lợi trong các pháo đài và các thành phố có quân đồn trú;

bên tả ngạn sông Ranh cần phải tiến hành lối đánh nghi binh ở những thành phố nhỏ, những xóm chợ và các vùng nông thôn để làm cho quân đồn trú ở Ranh luôn luôn bị căng ra;

Sau hết, cần ném tất cả những lực lượng chưa dùng tới vào vùng có khởi nghĩa ở hữu ngạn sông Ranh, mở rộng cuộc khởi nghĩa trên một địa bàn rộng lớn hơn và tìm cách dựa vào quân hậu bị mà xây dựng ở đây hạt nhân của quân đội cách mạng.

Xin các bậc thày về công tác phát giác mới được ra lò của Phổ chớ vội reo vui quá sớm rằng tôi đã khám phá ra ở đây một âm mưu phản bội quốc gia. Tiếc thay, không hề có một âm mưu nào cả. Ba biện pháp dẫn ra ở trên - đó là không phải là kế hoạch của một âm mưu, mà là một đề nghị đơn thuần do tác giả những dòng này đề ra chính vào lúc ông ta đi En-bơ-phen-đơ để thúc đẩy việc thực hiện điểm thứ ba. Do đó có sự tan rã về tổ chức của các đảng công nhân và dân chủ, do tính do dự và sự thận trọng rất ư thông minh của đa số người lãnh đạo địa phương - xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản, - sau hết, do không đủ thời gian, nên không thể trù tính được kế hoạch. Tuy nhiên, nếu ở tả

ngạn sông Ranh đã mở đầu lối đánh nghi binh, nếu ở Kem-pen, Noi-xơ và các vùng phụ cận bắt đầu nổ ra những vụ náo động, còn ở Pruym kho vũ khí bị đánh chiếm[78], thì những sự kiện đó quyết không phải là kết quả của một kế hoạch chung, mà chỉ là kết quả của bản năng cách mạng của nhân dân.

Trong khi đó, ở những vùng khởi nghĩa tình hình diễn ra hoàn toàn không phải như là người ta tưởng tượng ở những miền còn lại của tỉnh. En-bơ-phen-đơ, thực ra, hoàn toàn không đến nỗi tồi tệ với những chiến lũy của nó, - mặc dù cực kỳ hỗn độn và được dựng lên vội vàng, - với vô số những trạm gác, những đội tuần tiễu và những nhóm người có vũ trang khác của nó, với những người dân của nó, không trừ một ai, đã xuống đường phố (chỉ có giai cấp tư sản lớn là vắng mặt) với những lá cờ đỏ và cờ tam tài của nó[79]. Nhưng ngoài ra thì trong thành phố là cả một sự hoang mang cực độ. Giai cấp tiểu tư sản dựa vào Ủy ban an ninh đã được thành lập ngay từ phút đầu, đã nắm lấy vai trò lãnh đạo phong trào. Nhưng vừa nhảy lên được vai trò đó, nó đã hoảng sợ trước chính quyền của chính mình, dù chính quyền đó nhỏ bé đến thế nào đi nữa. Bước đầu tiên của nó là cố gắng làm cho hội đồng thành phố, - tức là giai cấp tư sản lớn, - công nhận tính hợp pháp của chính quyền của nó, và - để cảm ơn sự nhã ý của hội đồng thành phố - đưa năm trong số các uỷ viên hội đồng ấy làm ủy viên Ủy ban an ninh. Ủy ban an ninh được củng cố bằng cách ấy, lập tức trút bỏ mọi công việc nguy hiểm bằng cách chuyển giao công việc về an ninh đối ngoại cho ủy ban quân sự và chỉ giữ lại cho mình quyền kiểm soát ủy ban này để kiềm chế và kìm hãm hoạt động của nó. Để tránh cho mình khỏi mọi sự đụng chạm với cuộc khởi nghĩa bằng cách ấy, những người tiểu tư sản run sợ, - được chính những người cha của thành phố đặt cho cơ sở hợp pháp, - thuộc Ủy ban an ninh có thể chỉ việc xoa dịu nhân tâm, làm những công việc hàng ngày, dàn xếp "những sự hiểu lầm", làm cho người ta lãng quên, cất công việc vào hòm lưu trữ và kìm hãm mọi hành động cương quyết với lý do là trước tiên cần phải đợi trên trả lời cho các đoàn đại biểu

được cử đi Béc-lin và Phran-phuốc. Số còn lại của giai cấp tiểu tư sản, tất nhiên, hoàn toàn theo sau Ủy ban an ninh, kêu gọi ở mọi nơi hãy yên ắng, ra sức ngăn trở việc tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng thủ và vũ trang, và vẫn tiếp tục do dự trước việc liệu nó có phải kéo dài sự tham gia của nó vào cuộc khởi nghĩa hay không. Chỉ có một phần không đáng kể của giai cấp đó là đầy quyết tâm cầm súng tự vệ trong trường hợp thành phố bị tấn công, còn tuyệt đại đa số thì cố tin rằng chỉ cần đe dọa cũng đủ rồi, rằng do hoảng sợ, chính phủ sẽ không dám bắn đại bác vào En-bơ-phen-đơ và sẽ nhượng bộ; còn ngoài ra thì đa số đó vẫn dành cho mình con đường rút lui trong mọi trường hợp.

Ngay phút đầu tiên, khi cuộc chiến đấu bắt đầu, giai cấp tư sản lớn kinh hoàng như bị sét đánh, trí tưởng tượng hoảng loạn của nó vẽ lên những vụ đốt nhà, giết người, cướp bóc và những nỗi khủng khiếp có trời mà biết. Việc thành lập Ủy ban an ninh mà đa số gồm những ủy viên hội đồng thành phố, luật sư, trưởng biện lý, những nhân vật tai to mặt lớn đã bất ngờ đem lại cho nó sự bảo đảm về sinh mạng và tài sản và do đó làm cho nó chìm đắm trong niềm vui sướng đến điên cuồng. Cũng vẫn những nhà buôn lớn, những chủ xưởng nhuộm, những chủ nhà máy trước đây đã từng gào lên rằng các ngài Các Hếch-cơ, Ri-ốt-tê, Huếc-xtơ, v.v. là những tên khủng bố khát máu, bây giờ từng nhóm lũ lượt kéo đến tòa thị chính hết sức nồng nhiệt ôm lấy những tên uống máu tưởng tượng đó và đặt không phải chỉ có một nghìn ta-le lên bàn của Ủy ban an ninh. Lẽ dĩ nhiên là khi phong trào đã bị đàn áp thì cũng chính những kẻ ngưỡng mộ và những kẻ ủng hộ Ủy ban an ninh một cách nồng nhiệt đó đã truyền bá những lời dối trá hết phi lý và thô bỉ chẳng những về bản thân phong trào, mà còn cả về Ủy ban an ninh, về các ủy viên của nó và cũng với sự nồng nhiệt không kém, họ đã cảm ơn người Phổ đã cứu họ thoát khỏi chế độ khủng bố chưa hề có bao giờ. Những tiểu thị dân - lập hiến vô tội, như các ngài Hếch-cơ, Huếc-xtơ và trưởng biện lý Hai-nơ-xơ-man, lại được mô tả như những kẻ khủng bố và ăn thịt người mà trông mặt giống như

Rô-be-xpi-e và Đăng-tông. Về phía chúng tôi, chúng tôi thấy mình có nghĩa vụ phải bác bỏ hoàn toàn lời buộc tội đó đối với những người có thiện ý kể trên. Nói chung một bộ phận lớn của giai cấp đại tư sản, cùng bầu đoàn thê tử, cố gắng càng nhanh càng tốt chuyển sang ở Đuýt-xen-đoóc-phơ, dưới sự bảo vệ tài sản của mình trong mọi tình huống. Thị trưởng thành phố trong thời gian khởi nghĩa trốn ở dưới chiếc xe ngựa lật ngược phủ phân lên trên. Giai cấp vô sản, thống nhất trong lúc chiến đấu, bị chia rẽ ngay khi những dao động trong Ủy ban an ninh và trong giai cấp tiểu tư sản bị bộc lộ ra. Những người thợ thủ công, những công nhân công xưởng hiện thời, một bộ phận thợ dệt tơ lụa đã kiên quyết ủng hộ phong trào, nhưng chính họ, cấu thành hạt nhân của giai cấp vô sản, lại hầu như không có một vũ khí nào. Những thợ nhuộm, khoẻ mạnh, được trả lương hậu hĩnh, kém phát triển và vì vậy mang tinh thần phản động, - như tất cả các loại công nhân mà công việc họ làm đòi hỏi thể lực nhiều hơn là kỹ xảo, - ngay từ những ngày đầu tiên đã tỏ ra hoàn toàn thờ ơ. Họ là những người duy nhất trong tất cả công nhân công nghiệp vẫn tiếp tục làm việc bình thản trong khi trên chiến lũy diễn ra các trận chiến đấu. Sau hết, tầng lớp vô sản lưu manh, cũng như ở mọi nơi, ngay ngày thứ hai của phong trào đã bộc lộ sự phản bội của mình; buổi sáng thì để nghị Ủy ban an ninh cấp vũ khí và tiền lương, sau bữa ăn trưa thì lại tự bán mình cho giai cấp đại tư sản để bảo vệ nhà cửa cho giai cấp này, còn đến chiều tối thì phá bỏ các chiến lũy. Nói chung, tầng lớp vô sản - lưu manh đứng về phía giai cấp tư sản là kẻ trả cho nó nhiều tiền nhất, và dùng tiền đó để chè chén suốt cho đến khi phong trào kết thúc.

Thái độ lơ là và tính hèn nhát của Ủy ban an ninh, những bất đồng ý kiến trong ủy ban quân sự mà trong đó phái không hành động lúc đầu chiếm đa số, ngay từ đầu đã ngăn cản mọi hành động kiên quyết. Sang đến ngày thứ hai thì thế lực phản động bắt đầu hoạt động. Người ta thấy rằng ở En-bơ-phen-đơ

chỉ có thể hy vọng thắng lợi khi đứng dưới lá cờ của hiến pháp đế chế và thỏa hiệp với giai cấp tiểu tư sản. Nhưng, một mặt, chính ở đây giai cấp vô sản chỉ vừa mới thoát ra khỏi bãi lầy của rượu chè và của phái kiển thành, và vì vậy ngay cả những khái niệm đơn sơ nhất về điều kiện giải phóng mình còn chưa kịp thâm nhập vào quần chúng công nhân; mặt khác, nó mang mối căm thù bản năng quá lớn đối với giai cấp tư sản và nó quá thờ ơ đối với việc giai cấp tư sản đòi hiến pháp đế chế, nên không thể nhiệt tình mà bảo vệ những khẩu hiệu tam tài loại đó. Vì vậy, phái hành động kiên quyết, một phái duy nhất có thái độ nghiêm chỉnh đối với việc phòng thủ, đã bị rơi vào tình trạng sai lầm. Nó tuyên bố tán thành hiến pháp đế chế. Nhưng giai cấp tiểu tư sản không tin nó, bằng mọi cách lăng mạ nó trước nhân dân, ngăn trở nó tiến hành tất cả những biện pháp vũ trang và củng cố thành phố. Mọi mệnh lệnh có thể thực sự giúp vào việc củng cố khả năng phòng thủ thành phố thì đều bị một uỷ viên Ủy ban an ninh đến đầu tiên bác bỏ ngay. Một tên phi-li-xtanh bất kỳ nào mà bị người ta dựng lên một chiến lũy ở trước cửa nhà hắn, thì lập tức chạy ngay đến tòa thị chính và kiếm cho được một phần mệnh lệnh. Tiền để trả cho những công nhân trên chiến lũy, - mà những người này chỉ yêu cầu mức cần thiết nhất để khỏi chết đói, - mọi được của Ủy ban an ninh thì rất khó khăn, và rất ít ỏi. Tiền lương và thực phẩm xuất cho chiến sĩ không đều đặn và thường xuyên không đủ. Trong vòng 5 - 6 ngày không thể nào điểm lại được cũng như tập hợp được những người đang cầm súng, thành thử không ai biết được rằng trong trường hợp cần thiết thì có thể trông cậy vào bao nhiêu chiến sĩ. Chỉ sang ngày thứ năm mới có ý định phiên chế các chiến sĩ, một ý định không thành công và dựa trên cơ sở hoàn toàn không biết gì về các lực lượng chiến đấu hiện có. Mỗi ủy viên Ủy ban an ninh đều hành động theo ý riêng của mình. Người ta ra những mệnh lệnh hoàn toàn ngược lại nhau và hầu như chỉ giống nhau ở chỗ làm tăng thêm tình trạng buông trôi và hỗn loạn và làm cho không thể thực hiện được một bước quyết liệt nào. Tất cả

những cái đó đã làm cho giai cấp vô sản không còn quan tâm đến phong trào nữa và trong vòng mấy ngày giai cấp đại tư sản và tiểu tư sản đã đạt được mục đích của mình: làm cho công nhân có thái độ hết sức bàng quang.

Ngày 11 tháng Năm, khi tôi tới En-bơ-phen-đơ, ở đó có ít nhất 2500 - 3000 chiến sĩ. Nhưng trong số đó chỉ có những viện binh của các thành phố khác và một số nhỏ công nhân En-bơ-phen-đơ được vũ trang là đáng tin cậy. Đội quân hậu bị thì dao động; đa số họ tỏ ra vô cùng sợ hãi trước lao động khổ sai. Lúc đầu những phần tử như vậy không nhiều, nhưng con số đó ngày một tăng do có những người không cương quyết và hoảng sợ từ các đơn vị khác đến nhập vào. Sau hết, đội cận vệ mà ngay từ đầu ở đây đã là phản động và được tổ chức chuyên để đàn áp công nhân, thì tuyên bố mình đứng trung lập và chỉ có một nguyện vọng là bảo vệ tài sản của mình. Nhưng tất cả cái đó chỉ sau mấy ngày mới thể hiện ra; trong khi đó, do chỗ phong trào dừng lại không phát triển, nên một phần viện binh của các thành phố khác và công nhân lại bỏ đi, con số các lực lượng chiến đấu thật sự bị tan rã mà trong lúc đó lực lượng dân vệ thì ngày càng đoàn kết và ngày càng công khai tỏ thái độ phản động của mình. Trong những đêm cuối cùng nó đã phá hủy mất một số chiến lũy. Viện binh có vũ trang, lúc đầu chắc chắn gồm hơn 1000 người, tới ngày 12 hoặc 13 tháng Năm giảm xuống một nửa, và, sau hết, khi có lệnh tập hợp toàn thể thì thấy rằng toàn bộ lực lượng vũ trang có thể tin cậy được, bao gồm tối đa là 700 - 800 người. Quân hậu bị và dân vệ cự tuyệt không đến tập hợp.

Nhưng thế vẫn chưa đủ! En-bơ-phen-đơ khởi nghĩa bị bao vây chủ yếu bởi những cái gọi là điểm dân cư "trung lập". Bác-men, Crô-ne-béc, Len-nép, Luy-tơ-rinh-hau-den, v.v., không gia nhập phong trào. Những người có vũ khí trong số công nhân cách mạng ở các địa phương này thì đi En-bơ-phen-đơ. Lực lượng dân vệ ở tất cả những điểm đó là công cụ đơn thuần trong tay bọn chủ xưởng để đàn áp công nhân và bao gồm bọn chủ xưởng, đốc công

nhà máy và bọn chủ tiệm buôn nhỏ hoàn toàn phụ thuộc vào bọn chủ xưởng; nó coi quản những điểm dân cư này vì lợi ích của "trật tự" và của bọn chủ xưởng. Bản thân những người công nhân, do quá tản mạn trong nông thôn, nên đã đứng ngoài phong trào chính trị và một phần bị lôi kéo về phía bọn chủ xưởng bởi các biện pháp cưỡng bách mà ai cũng biết và bởi những tin tức vu khống về tính chất của phong trào En-bơ-phen-đơ; còn đối với nông dân, những tin tức vu khống này rất có công hiệu. Thêm vào đó, phong trào diễn ra vào lúc, khi mà, sau mười lăm tháng khủng hoảng kinh tế, bọn chủ xưởng, cuối cùng, lại nhận được nhiều đơn đặt hàng, và như ta đã biết, người ta không làm cách mạng với những công nhân được đảm bảo tốt công ăn việc làm; tình hình đó cũng ảnh hưởng mạnh mẽ ngay cả ở En-bơ-phen-đơ. Hiển nhiên là trong tất cả mọi tình huống ấy, những người láng giềng "trung lập" đều chỉ là những kẻ thù giấu mặt mà thôi.

Hơn thế nữa! Sự liên lạc với những vùng khởi nghĩa khác hoàn toàn đã không được thiết lập. Thỉnh thoảng mới có vài người từ Ha-ghen tới. Về I-đơ-lôn người ta hầu như không biết tý gì. Một số người tự xin làm ủy viên, nhưng không một ai trong bọn họ được người ta tin. Người ta nói rằng có nhiều người chạy tin hỏa tốc từ En-bơ-phen-đơ và Ha-ghen đã bị dân vệ giữ lại ở Bác-men và các vùng ngoại ô. Địa phương duy nhất còn liên lạc được là Dô-lin-ghen, mà tình hình ở đó cũng hoàn toàn giống như ở En-bơ-phen-đơ. Tình hình ở đó có thể còn xấu hơn, nếu như không có tính tổ chức tốt và tính kiên quyết của công nhân Dô-lin-ghen, những người mà sau khi gửi 400 - 500 chiến sĩ đến En-bơ-phen-đơ, vẫn còn đủ mạnh để chống trả lại giai cấp tư sản và dân vệ tại thành phố của chính mình. Nếu như những công nhân En-bơ-phen-đơ cũng được phát triển và được tổ chức như những công nhân Dô-lin-ghen thì triển vọng thắng lợi sẽ hoàn toàn khác.

Trong những tình hình đó chỉ còn lại một khả năng: phải thi hành một số biện pháp cấp bách, kiên quyết để làm cho phong trào hồi sinh lại, tăng cường thêm cho nó những lực lượng chiến

đấu mới, làm tê liệt những kẻ thù bên trong của nó và tổ chức một phong trào hết sức mạnh mẽ trong toàn vùng công nghiệp Béc-gơ-Mác-cơ. Bước đầu tiên là phải tước vũ khí của lực lượng dân vệ En-bơ-phen-đơ, phân phát vũ khí của nó cho công nhân, sau đó thu thuế bắt buộc để chu cấp cho những công nhân được vũ trang bằng cách như vậy. Bước tiến đó có nghĩa là đoạn tuyệt dứt khoát với tất cả tình trạng không hành động trước đây của Ủy ban an ninh, đem lại sức sống mới cho giai cấp vô sản và làm tê liệt lực lượng phản kháng của những vùng "trung lập". Kết quả của bước đầu này sẽ quyết định những biện pháp tiếp theo là những biện pháp có nhiệm vụ tịch thu vũ khí cả ở những vùng "trung lập" đó, làm cho cuộc khởi nghĩa lan rộng hơn nữa và tổ chức việc phòng thủ toàn miền một cách có kế hoạch. Vả lại, nếu người ta có trong tay mệnh lệnh của Ủy ban an ninh, và dù chỉ với 400 công nhân Dô-lin-ghen thôi thì người ta cũng có thể tước vũ khí của dân vệ En-bơ-phen-đơ trong giây lát. Về dòng dũng cảm của lực lượng dân vệ thì chẳng đáng phải nói.

Để đảm bảo an toàn cho những người đã tham gia vào các sự biến tháng Năm ở En-bơ-phen-đơ còn đang bị ngồi tù, tôi thấy có nhiệm vụ phải tuyên bố rằng tất cả những đề nghị đó đều do tôi và chỉ do một mình tôi đưa ra. Tôi đòi phải tước vũ khí của lực lượng dân vệ ngay từ phút đầu khi kinh phí của Ủy ban an ninh bắt đầu giảm đi.

Nhưng Ủy ban an ninh rất đáng tôn kính không hề có xu hướng phải áp dụng những "biện pháp khủng bố" như vậy. Điều duy nhất mà tôi đã tiến hành, hay đúng hơn là đã làm với tinh thần tự gánh lấy trách nhiệm cùng với một số vị chỉ huy các đơn vị, - các vị này may mắn đã được bình yên vô sự và một bộ phận đang ở trên đất Mỹ, - đó là việc chúng tôi lấy được gần 80 khẩu súng của dân vệ Crô-nen-béc để ở trong tòa thị chính nơi đó. Những khẩu súng này được phân phát một cách quá ư tùy tiện, nên một phần lớn đã rơi vào tay những tên vô sản lưu manh nát rượu, những tên này ngay tối hôm đó đã đem bán cho bọn tư

sản. Các ngài tư sản đó trà trộn những nhân viên của mình vào quần chúng để mua lại càng nhiều càng tốt số súng ấy với giá khá cao. Như vậy, bọn vô sản - lưu manh En-bơ-phen-đơ đã bán cho giai cấp tư sản mấy trăm khẩu súng đã rơi vào tay chúng do thái độ lơ là và sự ngu dốt của những kẻ cầm quyền lâm thời. Số súng ống ấy người ta đem trang bị cho bọn cai nhà máy, cho các công nhân nhuộm trung thành với giai cấp tư sản và v.v., và những đội ngũ dân vệ "đầy thiện ý" ngày càng được tăng cường.

Về mọi đề nghị cải tiến việc phòng thủ thành phố các ngài trong Ủy ban an ninh trả lời rằng tất cả những cái đó, chà, không cần thiết, rằng người Phổ không định tới, rằng chúng tôi không dám tiến vào vùng đồi núi v.v.. Tự họ cũng thừa hiểu rằng như vậy là họ tung ra những câu chuyện hết sức phi lý, cho rằng thành phố bị bỏ ngỏ chỉ làm mồi cho cuộc bắn phá từ tất cả những điểm cao xung quanh thậm chí bằng những khẩu đại bác dã chiến, rằng việc chẳng hề làm gì cho sự phòng thủ nghiêm chỉnh đôi chút, và do cuộc khởi nghĩa chưng lại không phát triển mà bọn Phổ lại chiếm được ưu thế rất lớn về lực lượng, thì chỉ có những sự biến hoàn toàn đặc biệt nào đấy mới có thể cứu vãn được cuộc khởi nghĩa En-bơ-phen-đơ mà thôi.

Trong khi đó các tướng tá Phổ có lẽ cũng không muốn mở đầu cuộc hành quân vào một vùng hầu như chưa quen biết, hoặc chí ít thì cũng trong khi chưa tập trung được một lực lượng chiến đấu có ưu thế thực sự áp đảo. Bốn thành phố bỏ ngỏ là En-bơ-phen-đơ, Ha-ghen, I-đơ-lôn và Dô-lin-ghen - đã làm cho các anh hùng trong chiến tranh thận trọng đó phải dáng gờm đến nỗi ra lệnh điều đến từ Vê-đơn, Ve-xtơ-pha-li và các tỉnh miền đông toàn bộ quân đội gồm 20 nghìn người với rất nhiều kỵ binh và pháo binh, một phần được rải theo đường sắt, và, vì không dám tấn công, họ thiết lập ở đằng sau Rua một tập đoàn chiến lược theo tất cả các quy tắc của nghệ thuật quân sự. Bộ chỉ huy tối cao, bộ tổng tham mưu cánh phải, trung tâm - tất cả ở đây đều trong tình trạng hết sức trật tự, dường như họ đứng trước

một quân đội địch khổng lồ, dường như họ sắp phải chiến đấu với Bem hoặc Đem-bin-xki, chứ không phải tiến hành một cuộc chiến đấu không cân sức với vài trăm công nhân không có tổ chức, trang bị tồi, hầu như không có người lãnh đạo và bị những kẻ đã đưa súng vào tay họ phản bội đằng sau lưng!

Mọi người đều biết kết cục của cuộc khởi nghĩa là như thế nào rồi. Mọi người đều biết là những công nhân chán ngán với cái lối trì hoãn muôn thuở, với cái tính do dự, với sự hèn nhát và sự bất động phản bội của giai cấp tiểu tư sản, cuối cùng, đã rời bỏ En-bơ-phen-đơ để đi đến một mảnh đất bất kỳ nào ở Đức mà tại đó hiến pháp đế chế có thể dành cho họ một sự bảo vệ nào đó. Mọi người đều biết, họ đã phải chịu đựng những cuộc truy lùng tàn khốc như thế nào của bọn thương ky binh Phổ, và của những người nông dân bị xúi bẩy chống lại họ. Mọi người đều biết rằng, ngay sau khi họ rút đi, giai cấp tư sản lớn lại ló mặt ra, ra lệnh dỡ bỏ các chiến lũy và dựng những cổng chào chiến thắng để đón những người anh hùng Phổ sắp đến. Mọi người đều biết rằng, Ha-ghen và Dô-lin-ghen đã rơi vào tay quân Phổ do sự phản bội trắng trợn của giai cấp tư sản, và chỉ có I-đơ-lôn là giữ vững được cuộc đấu không cân sức trong hai tiếng đồng hồ với trung đoàn thứ 24, là những kẻ đã chiến thắng Đre-xđen với những chiến lợi phẩm chất đầy người.

Một bộ phận công nhân En-bơ-phen-đơ, Dô-lin-ghen và Muyn-hai-mơ đã lọt được vào Pphan-xơ. Ở đó họ tìm thấy những người đồng hương ấy, họ tổ chức trong đơn vị tình nguyện của Vi-lích một đại đội gồm hầu hết là người tỉnh Ranh. Tất cả các đồng chí của họ có thể chứng nhận rằng ở những nơi mà họ phải chiến đấu và, nói riêng, trong trận chiến đấu quyết liệt cuối cùng ở Muốc, họ đã thể hiện tinh thần dũng cảm cao độ.

Cuộc khởi nghĩa ở En-bơ-phen-đơ đáng được làm sáng tỏ tỉ mỉ hơn chính là bởi vì ở đây lập trường của các giai cấp khác nhau

trong phong trào đòi hiến pháp đế chế được thể hiện dưới hình thức rõ ràng và đầy đủ nhất. Ở các thành phố khác trong vùng Béc-gơ-Mác-cơ phong trào hoàn toàn giống như ở En-bơ-phen-đơ, nhưng có khác là ở đó sự tham gia hoặc không tham gia của các giai cấp khác nhau vào phong trào không được rõ ràng như vậy, vì chính các giai cấp ở đó cũng phân chia không được rõ rệt như ở trung tâm công nghiệp của vùng này. Ở Pphan-xơ và Ba-đen, nơi hầu như hoàn toàn không có công nghiệp lớn tập trung và như vậy thì cũng không có giai cấp đại tư sản phát triển, nơi mà những quan hệ giai cấp bị lu mờ hơn, mang tính chất hòa bình và già trưởng hơn, sự xen kẽ của các giai cấp là hiện thân của phong trào lại còn phức tạp hơn. Chúng ta sẽ tiếp tục thấy điều này và đồng thời sẽ thấy tất cả những phần tử có tham gia khởi nghĩa cuối cùng cũng kết tụ xung quanh giai cấp tiểu tư sản là hạt nhân kết tinh của toàn bộ phong trào quang vinh đòi hiến pháp đế chế.

Những mưu toan khởi nghĩa ở phần nước Phổ vùng Ranh vào tháng Năm năm ngoái cho thấy rõ rằng miền này của Đức có thể giữ một vị trí như thế nào trong phong trào cách mạng. Bị bao vây bởi bảy pháo đài, trong đó có ba thuộc những pháo đài hạng nhất đối với nước Đức, thường xuyên có gần một phần ba tổng số quân đội Phổ đóng giữ, phần nước Phổ vùng Ranh có rất nhiều đường sắt chạy ngang dọc theo mọi hướng và dành cho các nhà cầm quyền quân sự sử dụng cả một hạm đội tàu thủy chở hàng; trong những điều kiện như vậy thì cuộc khởi nghĩa ở Ranh chỉ có thể có triển vọng thắng lợi trong những hoàn cảnh hoàn toàn đặc biệt. Chỉ khi nào các pháo đài nằm trong tay nhân dân, thì dân tỉnh Ranh với vũ khí trong tay mới có thể đạt được một cái gì đó. Mà điều này chỉ có thể có được trong trường hợp nếu như các nhà cầm quyền quân sự hoảng sợ trước những sự kiện mạnh mẽ nào đó ở bên ngoài mà bị mất trí, hoặc vẫn trong trường hợp đó nếu quân đội gia nhập toàn bộ hoặc một bộ phận phong trào. Trong tất cả các trường hợp khác thì khởi nghĩa ở tỉnh Ranh sẽ thấy trước là bị thất bại. Giá như các đơn vị Ba-đen

tiến về Phran-phuốc và các đơn vị Pphan-xơ tiến nhanh về Tơ-ria, thì chắc hẳn sẽ đưa đến tình hình là khởi nghĩa sẽ tức khắc nổ ra ở Mô-den và ở Ai-phen, ở Na-xau và ở cả hai công quốc Hét-xen, và quân đội còn đang được tin cậy lúc đó của các quốc gia miền trung tỉnh Ranh sẽ gia nhập phong trào. Không còn nghi ngờ gì nữa tất cả các đạo quân thuộc tỉnh Ranh và đặc biệt, tất cả các lữ đoàn pháo binh số 7 và số 8 sẽ theo gương họ hoặc, ít ra, cũng tỏ rõ thái độ của mình đến mức làm cho các tướng tá Phổ phải lúng túng. Chắc chắn sẽ có một số pháo đài bị rơi vào tay nhân dân, và nếu như chẳng phải En-bơ-phen-đơ thì bất luận trong trường hợp nào phần lớn tả ngạn sông Ranh cũng sẽ được cứu thoát. Tất cả cái đó và, có lẽ, còn nhiều cái khác nữa đã bị mất vì cái chính xác thảm hại, tiểu thị dân hèn nhát của cái Ủy ban Ba-den rất anh minh.

Cùng với thất bại của công nhân tỉnh Ranh, tờ báo duy nhất mà họ thấy vẫn bảo vệ công khai và kiên quyết những quyền lợi của họ, - tờ "Neue Rheinische Zeitung" - cũng bị bóp chết. Người chủ bút tờ báo, mặc dù là người sinh quán ở phần nước Phổ vùng Ranh nhưng cũng bị trục xuất khỏi Phổ; những biên tập viên khác thì bị đe dọa hoặc ngồi tù, hoặc bị trục xuất ngay lập tức. Cảnh sát Khuên đã tuyên bố hết sức công nhiên về việc đó và chỉ ra rất cụ thể là nó có đầy đủ chứng cớ đối với từng người để thanh toán với họ bằng cách này hoặc cách khác. Như vậy, tờ báo phải đình bản đúng vào lúc số lượng phát hành của nó tăng lên nhanh chóng chưa từng thấy, đã hết sức đảm bảo cho nó tồn tại. Các biên tập viên phân tán về các miền khác nhau của nước Đức đã khởi nghĩa sẽ phải khởi nghĩa; một số thì sang Pa-ri là nơi các sự kiện lại đang tiến gần đến một bước ngoặt[80]. Trong số họ không có một người nào là không bị bắt hoặc bị trục xuất trong thời kỳ phong trào cách mạng mùa hè năm đó hoặc do tham gia các phong trào đó; như vậy là không một biên tập viên nào thoát khỏi số phận mà cảnh sát ở Khuên đã có nhã ý dành cho họ. Một phần thợ sắp chữ đi Pphan-xơ và xung vào quân đội.

Cuộc khởi nghĩa ở Ranh cũng đã phải kết thúc một cách bi thảm. Sau khi lệnh giới nghiêm được ban bố ở ba phần tư tỉnh Ranh và hàng trăm người bị ném vào nhà tù, thì cuộc khởi nghĩa được kết thúc *bằng việc xử bắn ba người đã tham gia đánh chiếm kho vũ khí ở Pruym - vào ngay hôm trước ngày sinh nhật Phri-đrích-Vin-hem IV Hô-hen-txô-léc*. Vae victs![1*]

1* Đau khổ cho những kẻ chiến bại!

2. CÁC-LƠ-XRU-Ê

Ở Ba-đen cuộc khởi nghĩa đã nổ ra trong những điều kiện thuận lợi nhất mà một cuộc khởi nghĩa có thể có được. Toàn thể nhân dân đều nhất trí căm thù cái chính phủ bất tín, hai mặt và tàn bạo trong những cuộc truy lùng về chính trị của nó. Những giai cấp phản động, giới quý tộc, quan lại, và giai cấp tư sản lớn đều không đông. Nói chung giai cấp tư sản lớn tồn tại ở Ba-đen mới chỉ ở tình trạng phôi thai. Trừ một số ít quý tộc, quan lại và tư sản đó ra, trừ bọn chủ hiệu ở Các-lơ-xru-ê và Ba-đen - Ba-đen sống nhờ vào triều đình và những tên ngoại quốc giàu có, trừ mấy vị giáo sư ở Hai-đen-béc và một số làng ở ngoại thành Các-lơ-xru-ê ra thì cả nước đều nhất tề đứng về phía phong trào. Nếu như trong những cuộc khởi nghĩa khác có phải đánh bại quân đội, thì ở đây, do chỗ quân đội bị bọn sĩ quan - quý tộc áp chế nhiều hơn bất kỳ ở nơi nào, đã một năm nay được đảng dân chủ tuyên truyền vận động và mới đây, do việc thi hành một kiểu chế độ quân dịch phổ biến, lại càng được bổ sung thêm những phần tử nổi loạn, - ở đây quân đội đã đi đầu phong trào và thậm chí đã đẩy phong trào đi xa hơn lòng mong muốn của những người lãnh đạo tư sản của Quốc hội Ốp-phen-buốc[81]. Chính quân đội ở Ra-stat và Các-lơ-xru-ê đã biến "phong trào" thành cuộc khởi nghĩa.

Như vậy, chính phủ khởi nghĩa khi bắt tay vào thực hiện những nhiệm vụ của mình, đã có một quân đội sẵn sàng, các kho quân khí đầy ắp, một bộ máy nhà nước được tổ chức hoàn chỉnh, một ngân khố quốc gia giàu có và nhân dân hầu như nhất trí đồng lòng. Hơn nữa, nó đã bắt đầu ở tả ngạn sông Ranh, ở Pphan-xơ,

một cuộc khởi nghĩa đã sẵn sàng, che chở cho cánh trái của nó; ở phần nước Phổ vùng Ranh, cuộc khởi nghĩa, thực ra, bị đe dọa nghiêm trọng, nhưng hãy còn chưa bị thất bại; ở Vuyếc-tem-béc, Phran-cô-ni, ở trong hai công quốc Hét-xen và ở Na-xau có sự sôi sục lan rộng, thậm chí cả trong quân đội, tình trạng này chỉ cần một tia lửa thôi là sẽ làm nổ lại cuộc khởi nghĩa Ba-đen ở toàn bộ miền Nam và miền Trung của nước Đức và kết quả của nó là ít ra 50000 - 60000 quân chính quy sẽ nằm dưới sự điều khiển của nghĩa quân.

Điều cần làm trong những điều kiện đó thì đơn giản và dễ hiểu đến nỗi bây giờ, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ai cũng biết điều đó và ai cũng khẳng định là dường như họ đã nói đến điều đó ngay từ đầu rồi. Cần phải nhanh chóng và không bỏ phí một phút nào làm cho cuộc khởi nghĩa lan rộng ra nữa, tới Hét-xen-Đác-mơ-stat, Phran-phuốc, Na-xau và Vuyếc-tem-béc. Cần phải nhanh chóng tập trung 8000 - 10000 người trong số quân chính quy hiện có, - điều này nhờ có đường sắt có thể thực hiện trong hai ngày, - và ném họ sang Phran-phuốc, "để bảo vệ Quốc hội". Chính phủ Hét-xen hoảng sợ, dường như bị những thắng lợi nhanh chóng nối tiếp nhau của cuộc khởi nghĩa làm cho tê liệt đi; quân đội của nó rõ ràng là đồng tình với người Ba-đen; nó cũng ít có khả năng để thực hiện bất kỳ một sự chống trả nào, giống như thượng nghị viện Phran-phuốc[82]. Các quân đội của công quốc Hét-xen, của Vuyếc-tem-béc và Đam-stát đóng ở Phran-phuốc đứng về phía phong trào; quân Phổ ở đó - đa số là người tỉnh Ranh - thì dao động, quân Áo thì chẳng có bao nhiêu. Việc quân Ba-đen tiến đến - bất kể là người ta có mưu toan ngăn cản họ hay không, - nhất định sẽ đem ngọn lửa khởi nghĩa vào tận trái tim của cả hai công quốc Hét-xen và vào Na-xau, sẽ buộc quân Phổ và quân Áo phải rút về Ma-in-xơ và đặt cái gọi là Quốc hội Đức ươn hèn dưới ảnh hưởng áp chế của nhân dân khởi nghĩa và quân đội khởi nghĩa. Nếu như sau đó cuộc khởi nghĩa không nhanh chóng bùng nổ ra ở Mô-đen, ở Ai-phen, ở Vuyếc-tem-béc và Phran-cô-ni, thì vẫn có nhiều cách khác làm cho nó lan sang

cả những tỉnh đó.

Tiếp theo, cần phải tập trung lực lượng khởi nghĩa, dành cho nó quyền sử dụng những phương tiện tài chính cần thiết, làm cho đại đa số dân cư làm nông nghiệp thiết tha với cuộc khởi nghĩa bằng cách nhanh chóng xóa bỏ tất cả những đảm phụ phong kiến. Việc thiết lập một cơ quan chung trước hết cho Ba-đen và Pphan-xơ để điều khiển tập trung những công việc quân sự và tài chính, có quyền phát hành giấy bạc[1*], việc bãi bỏ tất cả những đảm phụ phong kiến ở Ba-đen và ở tất cả các vùng do quân khởi nghĩa chiếm đóng - tất cả những cái đó cũng đủ đem lại cho cuộc khởi nghĩa một tính chất cương quyết hơn nhiều.

Nhưng tất cả những cái đó phải làm ngay trong giây phút đầu tiên, với một sự nhanh chóng mà chỉ riêng nó mới có thể đảm bảo thành công. Mà để đến một tuần, sau khi thành lập Ủy ban Ba-đen thì đã muộn. Cuộc khởi nghĩa ở Ranh đã bị dập tắt, Vuyếc-tem-béc và Hét-xen không nổi lên đấu tranh; những đơn vị quân đội mà lúc đầu có tinh thần tốt là thế cũng dần dần thành không đáng tin cậy và cuối cùng lại hoàn toàn chịu ảnh hưởng của các sĩ quan phản động của mình. Cuộc khởi nghĩa không còn mang tính chất toàn nước Đức của nó nữa, mà biến thành một cuộc khởi nghĩa địa phương, đơn thuần của Ba-đen hoặc Ba-đen Pphan-xơ.

Như tôi được biết sau khi cuộc đấu tranh kết thúc, một cựu thiếu úy ở Ba-đen là Ph. Đi-ghen, trong thời kỳ khởi nghĩa giữ chức "đại tá" và về sau giữ chức "tổng chỉ huy", xứng đáng được hưởng một vòng hoa nguyệt quế tí xíu ít nhiều mang tính chất lập lờ, ngay từ đầu đã đệ trình Ủy ban Ba-đen một kế hoạch chuyển sang tấn công. Ưu điểm của kế hoạch này là ở chỗ nó chứa đựng một tư tưởng đúng đắn về sự tất yếu phải tiến hành những hoạt động tấn công trong mọi điều kiện, nhưng ngoài ra thì đó là một kế hoạch phiêu lưu nhất mà người ta có thể đưa

1* Các nghị viện Ba-đen trước đây đã thông qua việc phát hành giấy bạc với số lượng là 2 triệu, trong số đó chưa có một crơi-xơ nào được đem tiêu dùng

ra. Với một đơn vị Ba-đen, Đi-ghen muốn đầu tiên tiến vào Hô-hen-txô-léc, và tuyên bố thành lập ở đó nước Cộng hòa Hô-hen-txô-léc, rồi sau chiếm Stút-gát và từ đó, sau khi đã khơi lên cuộc khởi nghĩa ở Vuyếc-tem-béc, tiến sang Nu-rem-be và đóng quân ở giữa Phran-cô-ni khởi nghĩa. Như ta thấy, kế hoạch này hoàn toàn không chú ý đến ý nghĩa tinh thần của Phran-phuốc, mà chỉ riêng việc chiếm được đã có thể đem lại cho cuộc khởi nghĩa một tính chất toàn nước Đức, cũng như bỏ qua tầm quan trọng về chiến lược của tuyến Mai-nơ. Như ta thấy, cái kế hoạch này dự kiến có những lực lượng chiến đấu khác hẳn những lực lượng mà trên thực tế có thể sử dụng được; nó đánh không trúng đích và kết cục - sau cuộc hành quân hoàn toàn xứng đáng với Đông-Ki-sốt hoặc Si-lơ, - sẽ dẫn đến chỗ là một quân đội mạnh nhất trong số các quân đội ở miền Nam nước Đức và duy nhất thù địch quyết liệt với cuộc khởi nghĩa, cụ thể là quân đội *Ba-vi-e* lập tức tiến công chống lại nghĩa quân, ngay trước khi họ có thể nhận được viện binh do các quân đội của Hét-xen và Na-xau đứng về phía họ.

Chính phủ mới nói chung không tán thành bất kỳ một cuộc tiến công nào với lý do là hầu như tất cả binh lính đã giải tán về nhà. Ấy là chưa kể tình hình đó đã xảy ra chỉ ở một số ít đơn vị cá biệt, đặc biệt là ở trung đoàn cận vệ, nhưng ngay cả những binh lính mà vừa mới giải tán thì sau 3 ngày hầu như tất cả đã lại có mặt tại đơn vị của mình.

Vả lại, chính phủ đã có những lý do hoàn toàn khác để phản đối mọi cuộc tiến công.

Đứng đầu toàn bộ phong trào Ba-đen đòi hiến pháp đế chế là ngài *Bren-ta-nô*; trong con người luật sư đó có tính hám danh đôi chút nhỏ nhen luôn luôn vốn có của một nhà hoạt động quần chúng của một quốc gia nhỏ ở Đức, và cái có vẻ là lòng tin vững chắc, mà ở miền Nam nước Đức nói chung là điều kiện đầu tiên của mọi sự nổi danh, kết hợp với một sự giảo hoạt về ngoại giao nhất định đủ để làm cho mọi người xung quanh hoàn toàn phục

tùng ông ta, có lẽ chỉ trừ một người duy nhất. Ngài Bren-ta-nô, - bây giờ thì cái đó đã trở thành tầm thường, nhưng đúng thế, - ngài Bren-ta-nô và đảng của ngài ta, một đảng mạnh nhất ở Ba-đen, chỉ đòi cho được có một điều là Quốc hội Ốp-phen-buốc thay đổi chính sách của vị đại công tước, một sự thay đổi có thể thực hiện được chỉ khi có *nội các Bren-ta-nô*. Câu trả lời của vị đại công tước và sự kích động chung đã làm nổ ra ở Ra-stát một cuộc binh biến - trái với ý muốn và dự định của Bren-ta-nô. Trong lúc ngài Bren-ta-nô được cử ra đứng đầu Ủy ban Ba-đen, thì phong trào đã vượt xa ông ta, và ông ta đã phải tìm cách kìm nó lại. Ngay đó xảy ra sự biến ở Các-lơ-xru-ê; đại công tước bỏ chạy, và chính ngay những hoàn cảnh đã đặt ngài Bren-ta-nô vào cương vị đứng đầu cơ quan quản lý và đã cho ông ta, như người ta nói, quyền lực độc tài, lại làm thất bại mọi kế hoạch của ông và buộc ông phải dùng quyền lực của mình để chống lại chính cái phong trào đã mang lại cho ông các quyền lực đó. Trong khi nhân dân hoan hỷ về việc đại công tước bỏ chạy thì ngài Bren-ta-nô và cái Ủy ban Ba-đen trung thành với ông ta như ngồi trên đống than hồng.

Ủy ban này, hầu hết gồm những người sinh sống ở Ba-đen với những niềm tin hết sức vững chắc và đầu óc hết sức mơ hồ, - gồm "những người cộng hòa thuần túy" là những người sợ chết khiếp về việc tuyên bố thành lập nước cộng hòa và rơi vào nỗi kinh hoàng thiêng liêng trước bất kỳ biện pháp cương quyết chút ít, - cái ủy ban thật sự - phi-li-xtanh đó đương nhiên là phụ thuộc hoàn toàn vào Bren-ta-nô. Cái vai trò, mà ở En-bơ-phen-đơ ông luật sư Huếc-xtơ đảm nhận, thì tại đây ông luật sư Bren-ta-nô gánh lấy trên một lĩnh vực rộng hơn đôi chút. Trong số ba phần tử ngoại tộc - Blin-đơ, Phi-clơ và Stơ-vu-vơ, - lọt vào Ủy ban Ba-đen sau khi ở tù ra, thì Blin-đơ bị các âm mưu của Bren-ta-nô khống chế đến nỗi ông ta hoàn toàn đơn độc và không còn cách gì khác là đi đầy sang Pa-ri với tư cách là đại diện của Ba-đen. Phi-clơ phải nhận một sứ mệnh nguy hiểm đi Stút-gát; còn Stơ-ru-vơ

thì ông Bren-ta-nô thấy không nguy hiểm mấy nên Bren-ta-nô yên lặng chịu để ông ta ở Ủy ban Ba-đen, theo dõi ông ta và cố gắng làm cho ông ta không nổi tiếng, điều này ông hoàn toàn đạt được. Như mọi người đều biết, cùng với nhiều nhân vật khác Stơ-ru-vơ đã thành lập "Câu lạc bộ tiến bộ triệt để (hay, nói cho đúng hơn, là thận trọng)", mà sau một buổi diễn thuyết không đạt đã bị giải tán[53]. Mấy ngày sau Stơ-ru-vơ có mặt ở Pphan-xơ ít nhiều lâm vào tình cảnh "người lưu vong" và lại tìm cách cho xuất bản ở đó, cơ quan ngôn luận của mình, tờ "Deutscher Zuschauer". Nhưng vừa mới ra được số báo mẫu thì quân Phổ đã kéo đến.

Ủy ban Ba-đen - ngay từ đầu là một công cụ đơn thuần trong tay Bren-ta-nô - bầu ra Ban chấp hành mà người đứng đầu cũng lại là Bren-ta-nô. Ít lâu sau Ban chấp hành đó hầu như hoàn toàn thay thế Ủy ban Ba-đen, may mắn thì cũng chỉ đệ trình lên ủy ban đó để chuẩn y những khoản tín dụng và những biện pháp đã được thi hành, và phế bỏ những ủy viên ít nhiều không đáng tin cậy của ủy ban đó bằng cách phái họ đi các vùng hoặc vào quân đội với những sứ mệnh thứ yếu khác nhau. Sau hết, Ban chấp hành đã hoàn toàn gạt bỏ Ủy ban Ba-đen và thay bằng "Quốc hội lập hiến" được bầu ra hoàn toàn dưới ảnh hưởng của Bren-ta-nô, còn nó thì tự biến thành "chính phủ lâm thời" mà đứng đầu, tất nhiên, cũng vẫn là ông Bren-ta-nô. Chính ông ta đã bổ nhiệm các bộ trưởng. Và các bộ trưởng như thế nào vậy - Phlo-ri-an Muếc-đét và May-éc-hô-phơ!

Ông Bren-ta-nô là hiện thân đầy đủ nhất của giai cấp tiểu tư sản Ba-đen. Ông ta khác với quần chúng tiểu tư sản và những đại diện khác của họ chỉ ở chỗ là ông ta vì quá sáng suốt nên không thể tán thành tất cả những ảo tưởng của họ được. Ông Bren-ta-nô từ phút đầu đã phẫn bội cuộc khởi nghĩa Ba-đen, *bởi vì* rằng từ phút đầu ông ta đã hiểu tình hình sự việc hơn bất kỳ người nào khác trong số những nhân vật chính thức ở Ba-đen và đã áp dụng chính những biện pháp phải bảo vệ được quyền thống

trị cho giai cấp tiểu tư sản, nhưng cũng chính vì nguyên nhân đó đã phải làm thất bại toàn bộ cuộc khởi nghĩa. Đó là cái bí quyết của sự nổi danh lẫy lừng đó của Bren-ta-nô, mà cũng là cái bí quyết của những sự lăng nhục mà những kẻ sùng bái ông ta trước đây đã đổ lên đầu ông ta sau tháng Bảy. Những người tiểu tư sản Ba-đen nói chung cũng là những kẻ phản bội y hệt như Bren-ta-nô, nhưng đồng thời họ đã bị lừa dối, mà ông ta thì không. Họ phản bội vì hèn nhát và để người ta lừa dối mình vì ngu ngốc.

Ở Ba-đen, cũng như nói chung ở miền Nam nước Đức, hầu như không có giai cấp đại tư sản. Nền công nghiệp và thương nghiệp của Ba-đen không đáng kể. Vì vậy ở đây giai cấp vô sản chỉ rất ít, rất tản mạn, ít phát triển. Khối nhân dân cơ bản gồm nông dân (họ là đa số), tiểu tư sản và thợ học nghề thủ công. Thợ học nghề thủ công, công nhân thành thị, bị phân tán ở những thành phố nhỏ, không có một trung tâm lớn nào để ở đó có thể thành lập một đảng công nhân độc lập, họ đang, hoặc, ít ra, đã chịu cho đến nay ảnh hưởng chủ yếu về chính trị và xã hội của giai cấp tiểu tư sản. Những nông dân, còn tản mát hơn trên toàn lãnh thổ đất nước, không có điều kiện học hành thêm nữa, lại có những quyền lợi một phần thì trùng với, một phần thì, như người ta nói, đứng song song với những quyền lợi của giai cấp tiểu tư sản, cũng chịu sự bảo hộ về mặt chính trị của nó. Như vậy, giai cấp tiểu tư sản, mà đại diện của nó là những luật sư, bác sĩ, thầy giáo, những nhà buôn lẻ và những chủ hãng sách, đã thống trị một phần trực tiếp, một phần thông qua các đại diện của mình trong toàn bộ phong trào chính trị ở Ba-đen, kể từ tháng Ba 1848.

Lý do dẫn đến tình trạng không có sự đối lập giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản và hậu quả của tình trạng này là giai cấp tiểu tư sản chiếm ưu thế về chính trị - là ở chỗ tại Ba-đen, nói đúng ra, chưa bao giờ có một sự cổ động mang tính chất xã hội chủ nghĩa. Những khái niệm sơ đẳng của tư tưởng

xã hội chủ nghĩa được đưa từ ngoài vào hoặc thông qua những công nhân đã từng sống ở các nước phát triển hơn, hoặc nhờ ảnh hưởng của sách báo xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa Pháp hoặc Đức, đã không thể mở đường cho mình ở đây được. Ở Ba-đen chiếc băng đỏ và lá cờ đỏ biểu hiện chẳng phải cái gì khác hơn là nền cộng hòa tư sản, quá lắm thì có pha trộn một ít chủ nghĩa khủng bố, và "sáu thảm họa của loài người"[84] - do ông Stơ-ru-vơ khám phá ra - với toàn bộ tính vô tội của nó thậm chí xét theo quan điểm tư sản, đã là cái cực đoan nhất trong những cái còn có thể được quần chúng hưởng ứng. Lý tưởng cao cả nhất của những người tiểu tư sản và của nông dân Ba-đen bao giờ cũng là một nước cộng hòa tư sản - nông dân nhỏ bé kiểu như nó đang tồn tại ở Thụy Sĩ từ năm 1830. Một trường hoạt động nhỏ bé đối với những con người nhỏ bé, không hoài bão gì, một quốc gia dưới dạng một công xã được mở rộng chút ít, một "bang", một nền công nghiệp nhỏ bé, dựa trên lao động thủ công, quy định một tình trạng xã hội cũng trì trệ và lờ đờ như vậy, sự giàu không ra giàu và nghèo không ra nghèo, chỉ toàn những tầng lớp trung lưu và rặt những kẻ tầm thường; không có vua chúa, không có thuế má nào đáng kể, không có sự tham gia tích cực vào lịch sử, không có chính sách đối ngoại, - chỉ có chính sách đối nội, tựu trung ở những câu chuyện ngồi lê đôi mách ở địa phương và những vụ cãi vã en famille[1*]; không có công nghiệp lớn, không có đường sắt, không có thương nghiệp thế giới, không có xung đột xã hội giữa bọn triệu phú và tầng lớp vô sản, mà là một cuộc sống êm đềm, phong lưu, đầy lòng sùng tín và tự tôn, tương ứng với sự thiển cận nhỏ nhen của những con người tự mãn, một cuộc sống không để lại dấu vết trong lịch sử, - một Ác-ca-đi êm đềm tồn tại ở phần lớn Thụy Sĩ và được những người tiểu tư sản và nông dân Ba-đen từ lâu đã mơ ước thiết lập ở nước mình. Và nếu như trong những giây phút hào hứng can đảm

1*- trong phạm vi gia đình

nhất, mà tư tưởng của người tiểu tư sản ở Ba-đen và, chẳng hạn, ở miền Nam nước Đức nói chung được nâng lên đến mức hình dung được toàn bộ nước Đức, thì lý tưởng về nước Đức tương lai hiện ra trước anh ta dưới dạng một nước Thụy Sĩ có quy mô lớn hơn, dưới dạng một nước cộng hòa liên bang. Chẳng hạn như, trong một cuốn sách mỏng của mình[85] ông Stơ-ru-vơ đã chia nước Đức thành 24 bang, với cùng số lượng đó những người đứng đầu bang và những hội đồng lớn nhỏ tương đương, và thậm chí còn kèm theo cuốn sách là một bản đồ địa lý có phân chia đâu đấy rồi. Nếu có ngày nước Đức biến thành một Ác-ca-đi tương tự thì như vậy là nó đã tụt xuống đến cái mức thấp hèn mà ngay cả trong những thời kỳ nhục nhã nhất, nó cũng không thể tưởng tượng nổi.

Trong khi đó những người tiểu tư sản miền Nam nước Đức đã nhiều lần thể nghiệm rằng cách mạng, thậm chí có diễn ra dưới lá cờ tư sản - cộng hòa của bản thân họ thì cũng rất có thể dễ dàng lôi cuốn cái Ác-ca-đi êm đềm mến yêu của họ vào cơn lốc của những vụ xung đột cực kỳ lớn và của các cuộc đấu tranh giai cấp thực sự. Do đó, những người tiểu tư sản khiếp sợ không những trước bất kỳ một cuộc chấn động cách mạng nào mà thậm chí còn trước cả cái lý tưởng của bản thân họ về một nước cộng hòa liên bang rượu bia và thuốc lá. Do đó, họ ham thích cái hiến pháp đế chế là cái ít ra làm thỏa mãn được những quyền lợi trực tiếp nhất của họ và qua việc chỉ dành cho hoàng đế quyền bác bỏ sự phủ nhận mà cho họ niềm hy vọng thiết lập một nước cộng hòa bằng con đường hợp pháp vào lúc thích hợp. Do đó, họ hoảng hốt khi quân đội Ba-đen không hỏi han gì đã đưa đến sẵn cho họ một cuộc khởi nghĩa, do đó họ sợ cuộc khởi nghĩa lan rộng ra ngoài biên giới của bang Ba-đen tương lai. Như thế thì đám cháy cũng có thể vô tình bùng đến cả những miền trong đó có giai cấp tư sản lớn và có giai cấp vô sản đông đảo, những miền trong đó kết cục là chính quyền có thể sẽ chuyển vào tay giai cấp vô sản, và khi đó - bất hạnh thay cho chế độ tư hữu!

Trong tình hình đó thì ông Bren-ta-nô đã làm gì?

Ở Ba-đen ông ta đã làm *cho* giai cấp tiểu tư sản cái điều mà ở phần nước Phổ vùng Ranh giai cấp tiểu tư sản đã tự làm lấy một cách có ý thức: ông phản bội cuộc khởi nghĩa, nhưng đã cứu giai cấp tiểu tư sản.

Bren-ta-nô đã phản bội cuộc khởi nghĩa ngay từ phút đầu, chứ hoàn toàn không phải qua những hành động cuối cùng của ông ta, không phải qua việc ông ta bỏ chạy sau sự thất bại ở Muốc, như những người tiểu tư sản Ba-đen cuối cùng bị tuyệt vọng đã hình dung. Chính bởi những biện pháp đã làm cho những tiểu thị dân Ba-đen và cùng với họ là một bộ phận nông dân và thậm chí cả những thợ thủ công đã mê thích hơn hết, chính bởi những biện pháp đó phong trào đã bị bán rẻ cho người Phổ. Chính do sự phản bội của mình mà Bren-ta-nô trở nên nổi tiếng như vậy và làm cho những tiểu thị dân gắn bó chặt chẽ với ông bằng cách khêu gợi lòng nhiệt tình cuồng tín của họ. Người tiểu tư sản không thấy được sự phản bội phong trào khi nhìn thấy trật tự và an ninh được nhanh chóng khôi phục và bản thân phong trào tạm ngừng trong một thời gian ngắn; và khi đã quá muộn, khi mà anh ta thấy rằng mình bị mất thanh danh do tham gia vào phong trào và phong trào đã thất bại, mà cùng với phong trào là cả anh ta nữa, thì anh ta bắt đầu gào lên về sự phản bội và công kích kịch liệt người đầy tớ hết sức trung thành của mình với tất cả lòng phẫn nộ của một người chất phác bị lừa dối.

Tất nhiên, ông Bren-ta-nô cũng bị lừa dối. Ông ta hy vọng rằng việc tham gia phong trào này sẽ biến ông ta thành một con người vĩ đại của phái "ôn hòa", tức cũng chính là của giai cấp tiểu tư sản, thế mà trong màn đêm tối ông ta phải bỏ chạy một cách nhục nhã khỏi phe phái của chính mình, khỏi những người bạn tốt nhất của mình mà trước mặt họ bất thình lình mở ra một sự thật khủng khiếp. Ông ta thậm chí còn hy vọng có thể giữ cho mình một ghế bộ trưởng của một vị đại công tước, - còn để thưởng cho sự sáng suốt của mình, ông ta đã nhận được những

cú đá của tất cả các phe cánh và mất hẳn khả năng đóng một vai trò bất kỳ nào đó. Nhưng, tất nhiên, người ta có thể thông minh hơn tất cả những người tiểu tư sản gộp lại của một quốc gia Đức nhỏ bé nào đó, nhưng vẫn là người chứng kiến tất cả những niềm hy vọng tốt đẹp của mình bị sụp đổ, còn những ý định cao thượng nhất lại bị vấy bùn!

Từ ngày đầu nắm chính quyền ông Bren-ta-nô đã làm mọi cái để giữ phong trào trong khuôn khổ tiểu thị dân mà nó hầu như không tìm cách thoát ra. Dưới sự bảo vệ của lực lượng dân vệ Các-lơ-xru-ê, người trung thành với vị đại công tước, - chính là đội cận vệ mà một ngày trước đó còn đánh lại các nghĩa quân, - ông ta bước vào trụ sở của viện những đại biểu của đẳng cấp[86], để từ đó kìm hãm phong trào. Việc các binh lính đảo ngũ trở lại đơn vị diễn ra hết sức chậm chạp, việc tổ chức lại các tiểu đoàn được tiến hành không mau lẹ hơn. Thế nhưng người ta lập tức vũ trang cho những người tiểu thị dân Man-hem đã bị tước khí giới mà mọi người đều biết rằng bọn họ sẽ không chiến đấu, và sau trận đánh ở Vác-hoi-den đa số họ thậm chí đã sáp nhập vào trung đoàn kỵ binh rồng, là trung đoàn đã phản bội Man-hem. Về cuộc tiến quân vào Phran-phuốc hoặc Stút-gát, về việc mở rộng cuộc khởi nghĩa sang Na-xau hoặc Hét-xen thì thậm chí không hề đả động tới. Ngay khi có một đề nghị tương tự được đưa ra thì nó liền bị bác bỏ lập tức, cũng như trường hợp đề nghị của Di-ghen. Đề nghị về phát hành tiền giấy sẽ được coi như một trọng tội quốc gia, như một đề nghị mang tính chất cộng sản. Từ Pphan-xơ người ta cử đến hết sứ thần này đến sứ thần khác; họ cho biết rằng Pphan-xơ không có vũ khí, đến súng trường cũng không có, đừng nói chi đến pháo, cũng như đạn dược và thiếu mọi thứ cần thiết để mở rộng cuộc khởi nghĩa và đặc biệt, để đánh chiếm các pháo đài Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ; nhưng người ta không thể đạt được gì cả ở ông Bren-ta-nô. Pphan-xơ đề nghị thành lập ngay một bộ chỉ huy quân sự chung và thậm chí thống nhất cả hai miền dưới chính quyền của một chính phủ thống nhất chung. Nhưng tất cả những biện pháp đó

đều bị trì hoãn và bị ngăn cản. Điều duy nhất mà Pphan-xơ có thể đạt được theo như tôi được biết, là được viện trợ một ít tiền; sau đó, khi đã quá muộn thì người ta có gửi đến 8 khẩu pháo cùng với một số ít đạn dược, nhưng lại không có pháo thủ và xe kéo, và, sau hết, theo lệnh trực tiếp của Mi-e-rốt-xláp-xki, một tiểu đoàn Ba-đen và hai khẩu moóc-chi-ê, trong đó một khẩu, - nếu như tôi không nhớ nhầm, - chỉ bắn được một phát.

Sự trì hoãn và sự từ chối những biện pháp hết sức cần thiết có thể góp phần mở rộng cuộc khởi nghĩa đó, đã có nghĩa là sự phản bội toàn bộ phong trào. Trong những vấn đề đối nội cũng ngự trị tình trạng trì trệ đó. Về việc bãi bỏ những dảm phụ phong kiến thì không được đả động tới; ông Bren-ta-nô biết rất rõ rằng những nông dân đặc biệt ở miền Thượng Ba-đen, có nhiều những phần tử cách mạng hơn là ông ta mong muốn, và vì vậy ông ta phải kìm hãm họ lại hơn là đẩy họ đi sâu hơn nữa vào phong trào. Những quan chức mới phần đông là thuộc hạ của Bren-ta-nô hoặc là những người hoàn toàn bất tài; trừ những kẻ đã tự làm nhục mình quá nhiều trong thời kỳ phản động năm ngoái và do đó đã tự đảo ngũ, còn tất cả các quan chức cũ vẫn ở lại vị trí của mình, điều này làm cho tất cả những thị dân yêu hòa bình hết sức hân hoan. Thậm chí vào những ngày cuối tháng Năm ông Stơ-ru-vơ cũng thấy cần phải khen "cách mạng" vì rằng mọi sự đều diễn ra rất êm thấm và hòa bình đến thế và hầu như tất cả các quan chức có thể ở nguyên vị trí của mình. Trong những vấn đề còn lại thì ông Bren-ta-nô và các tay chân của ông ta đã hành động theo hướng làm sao cố gắn để mọi cái lại quay trở về vết xe cũ, để càng ít lộn xộn và náo động và để đất nước nhanh chóng mất đi bộ mặt cách mạng của nó.

Trong tổ chức quân sự vẫn ngự trị cái lề thói thủ cựu ấy - người ta chỉ làm những gì không thể không làm. Quân đội vẫn không có chỉ huy, không có việc làm, không có trật tự; "bộ trưởng chiến tranh" bất tài Ai-khơ-phen-đơ và người kế tục ông ta, tên phản bội May-éc-hô-phơ, đã không biết ngay cả bố trí quân đội một

cách bình thường. Những đoàn tàu quân sự ngược xuôi trên đường sắt không có mục đích và không đem lại kết quả gì. Các tiểu đoàn hôm nay được điều động theo một hướng thì ngày mai lại theo hướng ngược lại, và không ai hiểu tại sao. Ở các đồn quân trú, binh lính lang thang hết quán rượu này đến quán rượu nọ, vì không còn việc gì khác. Hình như người ta cố tình muốn làm họ mất tinh thần, hình như chính phủ muốn xóa sạch ở họ những dấu vết cuối cùng của kỷ luật. Việc tổ chức đợt tuyển mộ đầu tiên - của cái gọi là dân vệ, tức là tất cả đàn ông dưới 30 tuổi còn khả năng cầm súng, - được giao cho I-ô-han Ph. Bếch-cơ nổi tiếng, một người được nhập quốc tịch Thụy Sĩ và là một sĩ quan của quân đội Thụy Sĩ. Bren-ta-nô đã gây trở ngại cho Bếch-cơ trong việc thực hiện sứ mệnh của ông ta đến mức độ nào thì tôi không được biết. Nhưng tôi biết rằng sau khi quân đội Pphan-xơ rút sang lãnh thổ Ba-đen, vào lúc đã không thể từ chối hơn nữa những đòi hỏi kiên nhẫn của các đơn vị Pphan-xơ ăn mặc tối tàn và trang bị kém, thì Bren-ta-nô trốn trách nhiệm và nói những lời sau đây: "Theo tôi, hãy cấp cho họ tất cả những gì mà các ông muốn, nhưng khi vị đại công tước trở lại thì ít ra hãy để cho ngài biết ai đã phung phí nguồn dự trữ của ngài!". Bởi vậy, nếu như lực lượng dân vệ Ba-đen phần thì tối tàn, phần thì hoàn toàn không có tổ chức, thì lỗi chính ở đây hiển nhiên là ở Bren-ta-nô, và cũng là do ác ý hoặc sự ngu dốt của các ủy viên của ông ta ở các vùng khác nhau.

Khi Mác và tôi lần đầu tiên đến lãnh thổ Ba-đen sau khi tờ "Neue Rheinische Zeitung" bị cưỡng bức đình bản, - đó là vào ngày 20 hoặc 21 tháng Năm, tức là hơn một tuần sau khi đại công tước chạy trốn, - chúng tôi lấy làm ngạc nhiên về thái độ quá vô tâm trong việc bảo vệ hoặc, nói đúng hơn, không bảo vệ biên giới. Từ Phran-phuốc đến Hép-pen-hai-mơ toàn bộ đường sắt bị các quân đội dế chế gồm những người Vuyếc-tem-béc và Hét-xen chiếm giữ. Thậm chí cả Phran-phuốc và Đác-mơ-stát cũng dày đặc quân đội; tất cả các sân ga, tất cả các điểm dân cư đều bị những đơn vị lớn chiếm giữ; những bốt gác thường trực được đẩy tới sát biên giới. Nhưng từ biên giới đến Vai-nơ-hai-mơ thì không thấy một bóng người. Ở Vai-nơ-hai-mơ cũng vậy. Biện pháp duy nhất để phòng mọi bất trắc là người ta phá hủy một đoạn đường sắt ngắn giữ Hép-pen-hai-mơ và Vai-nơ-hai-mơ. Chỉ khi chúng tôi đã đến Vai-nơ-hai-mơ thì mới có một đơn vị nhỏ gồm không quá 25 người thuộc trung đoàn cận vệ tới đó. Giữa Vai-nơ-hai-mơ và Man-hem lại ngự trị một bầu không khí hết sức hòa bình. Quá lắm thì đây đó xuất hiện những dân vệ đi lẻ tẻ, chếnh choáng hơi men, trông có vẻ như lạc đơn vị hoặc đào ngũ hơn là đang tại ngũ. Tất nhiên là không có vấn đề kiểm tra biên giới. Người ta có thể ra vào tùy thích.

Ở Man-hem dù sao còn đôi chút không khí chiến tranh hơn. Từng đám binh lính đứng tụm ngoài phố hoặc ngồi trong các tiệm rượu; dân quân và dân vệ luyện tập ở công viên, phần lớn, tất nhiên, còn rất kém và dưới sự hướng dẫn của những huấn luyện viên tồi. Nhiều ủy ban, những sĩ quan cũ và mới, những người mặc quân phục và áo choàng họp trong tòa thị chính. Nhân dân hòa lẫn với binh lính và lính tình nguyện. Người ta uống nhiều, cười nhiều, vuốt ve nhau nhiều. Nhưng người ta thấy ngay rằng lòng nhiệt tình ban đầu đã qua rồi, rằng nhiều người đã thất vọng chán chường. Binh lính thì bất mãn; chúng tôi đã tổ chức khởi nghĩa - họ nói - còn bây giờ, khi đến lượt bên dân sự phải nắm quyền lãnh đạo, thì hiện nay họ trì hoãn tất cả và như vậy là làm hỏng tất cả. Binh lính cũng không hoàn toàn bằng lòng với những sĩ quan mới của mình; các sĩ quan mới có quan hệ càng thẳng với các sĩ quan cũ của đại công tước, số sĩ quan này còn ở lại nhiều, mặc dù hàng ngày có một vài người đào ngũ; những sĩ quan cũ phải miễn cưỡng ở trong tình trạng không vừa ý mà không biết làm thế nào để thoát ra được. Sau hết, người ta than phiền khắp nơi là không có một sự lãnh đạo cương quyết và tài năng.

Bên kia bờ sông Ranh, ở Lút-vích-xha-phen, chúng tôi thấy phong trào có vẻ tốt hơn nhiều. Trong khi ở Man-hem nhiều thanh

niên rõ ràng thuộc đợt tuyển quân đầu tiên, vẫn thản nhiên làm cái công việc của mình, dường như không có chuyện gì xảy ra, ở đây tất cả đều được vũ trang. Thực ra, không phải mọi việc đều diễn ra như vậy ở khắp Pphan-xơ, như người ta thấy về sau này. Ở Lút-vích-xha-phen có sự thống nhất hoàn toàn giữa lính tình nguyện và lính nghĩa vụ. Ở các tiệm rượu, tất nhiên ở đây cũng đông nghịt người, vang lên bài "Mác-xây-e" và những bài ca khác cũng tương tự như vậy. Ở đây người ta không than phiền và không gắt gỏng, ở đây người ta cười với nhau, tâm hồn và thể xác đều trung thành với phong trào và lúc ấy còn nuôi dưỡng - đặc biệt là lính nghĩa dũng và lính tình nguyện - những ảo tưởng hoàn toàn có thể dung thứ được và ngây thơ về sức mạnh vô địch của chính mình.

Tại Các-lơ-xru-ê phong trào có vẻ mặt long trọng hơn. Ở khách sạn "Pa-ri" một bữa tiệc được dự tính vào lúc một giờ trưa, nhưng người ta chưa bắt đầu trước khi "các ngài trong Ủy ban Ba-đen" tới. Những dấu hiệu quan tâm nho nhỏ tương tự đã đem lại cho phong trào những nét quan liêu hay hay.

Chúng tôi đã nói với các ngài trong Ủy ban Ba-đen cái quan điểm đã trình bày ở trên rằng ngay từ đầu cần phải tiến sang Pphan-phuốc và như vậy là phát triển cuộc khởi nghĩa rộng ra, rằng bây giờ, chắc hẳn, làm việc đó đã quá muộn và nếu không có những đòn quyết định ở Hung-ga-ri hoặc một cuộc cách mạng mới ở Pa-ri thì toàn bộ phong trào đã đi đứt không còn hy vọng gì. Khó mà hình dung được sự phẫn nộ như thế nào mà những điều khẳng định tà giáo tương tự đã gây nên trong những tiểu thị dân của Ủy ban Ba-đen đó. Chỉ có Blin-đơ và Guê-gơ là đứng về phía chúng tôi. Bây giờ, khi các sự kiện đã cho thấy là chúng tôi đúng, thì chính các ngài đó, dương nhiên, lại quả quyết dường như ngay từ đầu họ vẫn kiên định lập trường tấn công.

Ở Các-lơ-xru-ê ngay lúc bấy giờ người ta đã thấy những mầm mống đầu tiên của một cuộc chạy đua ồ ạt nhằm kiếm lấy những chức tước mà dưới một chiêu bài cũng lốn lao như vậy: "tập hợp

mọi lực lượng dân chủ ở Đức" người ta đã lớn tiếng rêu rao như là một sự nghiệp cứu nước. Bất kỳ ai đã có lần nào phát biểu ít nhiều hổ đồ ở một câu lạc bộ nào đó hoặc kêu gọi căm thù bọn bạo chúa trên một tờ báo lá cải dân chủ ở một miền xa xôi nào đó, thì đều vội đến Các-lơ-xru-ê hoặc Khai-dơ-xlao-tơn để lập tức được trở thành một con người vĩ đại ở đó. Chẳng cần phải đặc biệt nhấn mạnh rằng những việc làm ở đây hoàn toàn thích ứng với những lực lượng tập trung. - Chẳng hạn, ở đây, ở Các-lơ-xru-ê có một Át-ta Tơ-rôn nào đó, được gọi là nhà triết học, cựu nghị sĩ của Quốc hội Phran-phuốc và nguyên chủ bút của cái gọi là tờ lá cải dân chủ, bị Man-toi-phen đóng cửa, mặc dù có sự chạy chọt của Át-ta Tơ-rôn của chúng ta[87]. Cái ông Át-ta Tơ-rôn đó với lòng kiên nhẫn hết sức lốn lao đã xin được một chức vụ tầm thường làm đại sứ Ba-đen ở Pa-ri mà ông ta cho là được đặc biệt bổ nhiệm vì trước kia ông ta đã sống ở Pa-ri hai năm, và không học được tiếng Pháp ở đó. Thực ra, ông ta may mà nhận được quốc thư ở ông Bren-ta-nô, và ông ta đã sắp xếp va-ly đâu đấy thì Bren-ta-nô cấp tốc cho người triệu ông ta đến và có thể nói là thẳng tay móc túi lấy lại tờ quốc thư của ông ta. Lẽ dương nhiên là lúc bấy giờ ông Át-ta Tơ-rôn, để trêu tức ông Bren-ta-nô, cố tình đi Pa-ri. Một công dân khác có những niềm tin vững chắc, đã từ mấy năm nay đe dọa sẽ cách mạng hóa và cộng hòa hóa nước Đức, đó là ông Hai-nơ-xten, cũng có mặt ở Các-lơ-xru-ê. Như mọi người đều biết, trước cách mạng tháng Hai, con người chính trực ấy ở mọi nơi và lúc nào cũng kêu gọi "chiến đấu", nhưng, sau khi cách mạng bùng nổ thì ông ta cho rằng đứng trên độ cao của những quả núi trung lập ở Thụy Sĩ mà quan sát những cuộc khởi nghĩa ở Đức là hợp lý hơn cả. Giờ đây, sau hết, ông ta cũng muốn xông vào chiến đấu chống "những kẻ áp chế". Xét theo lời nói trước đây của ông ta: "Cô-sút là con người vĩ đại, nhưng Cô-sút lại quên mất *chất thủy ngân phun-mi-nát*" thì người ta có thể chờ đợi rằng ông ta sẽ tổ chức *ngay* những lực lượng phản động cực kỳ to lớn, cho đến nay chưa ai biết tới, để chống lại người Phổ. Chẳng có gì xảy ra cả! Bởi lẽ những kế hoạch rộng

lớn hơn dường như không thể thực hiện được, nên con người cầm thù bọn bạo chúa của chúng ta, như người ta nói, đành lòng thành lập một đơn vị cộng hòa được tuyển chọn, đồng thời viết những bài bênh vực Bren-ta-nô trên tờ "Karlsruher Zeitung"[65] và đi dự "Câu lạc bộ tiến bộ triệt để". Câu lạc bộ bị giải tán, những người cộng hòa được tuyển chọn không đến nữa và ông Hai-nơ-txen, sau hết, nhận thấy rằng ngay cả ông ta cũng không thể bênh vực chính sách của Bren-ta-nô lâu hơn nữa. Không được công nhận, không ai cần đến, bị lãng mạ, ông ta trước hết đi đến miền Thượng Ba-đen rồi từ đó đi Thụy Sĩ, mà không giết được một tên nào trong số "những kẻ áp chế". Bây giờ, ông ta ở Luân Đôn, và trả thù chúng bằng cách đưa hàng triệu tên trong bọn chúng lên đoạn đầu đài in effigie[1*].

Chúng tôi rời Các-lơ-xru-ê vào sáng hôm sau để đi thăm Pphan-xơ.

Về diễn biến sau đó của cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen, tôi chỉ còn có ít tiền để nói về sự lãnh đạo chính trị chung và việc quản lý dân sự của cuộc khởi nghĩa. Khi Bren-ta-nô cảm thấy mình đủ mạnh, ông ta đã nhất cử bằng một đòn tiêu diệt ngay phái đối lập dễ bảo mà đại diện là "Câu lạc bộ tiến bộ triệt để". "Quốc hội lập hiến", được bầu ra dưới ảnh hưởng của danh tiếng lừng lẫy của Bren-ta-nô, cũng như dưới ảnh hưởng của giai cấp tiểu tư sản đang quản lý mọi việc, tán thành vô điều kiện tất cả những biện pháp của ông ta. "Chính phủ lâm thời với quyền chuyên chế" (nền chuyên chế trong Hội nghị Quốc ước tưởng tượng!) hoàn toàn do ông ta lãnh đạo. Cứ như vậy ông ta tiếp tục lãnh đạo, kìm hãm sự phát triển của cách mạng và quân sự của cuộc khởi nghĩa, làm những công việc thường ngày tant bien que mal[2*] và bo bo bảo vệ những của cải dự trữ và tài sản riêng của vị đại công tước, người được ông ta vẫn coi là người chủ hợp pháp của mình nhờ ân huệ của chúa. Trong tờ "Karlsruher Zeitung" ông ta

1*- trong tưởng tượng, trên giấy
2*- tàm tạm, không tốt, không xấu

tuyên bố rằng vị đại công tước có thể quay trở về bất kỳ lúc nào, và, thực tế, lâu đài đã khóa cửa trong suốt thời gian đó, dường như người chủ lâu đài chỉ đi du lịch thôi. Ông ta hẹn lần hết ngày này đến ngày nọ với các sứ giả của Pphan-xơ những câu trả lời không rõ ràng; cái lớn nhất mà người ta có thể đạt được là việc thành lập bộ chỉ huy quân sự chung dưới sự chỉ huy của Mi-e-rốt-xláp-xki và việc ký một hiệp định bãi bỏ thuế qua cầu giữa Man-hem và Lút-vích-xha-phen, cái đó, tuy nhiên, không hề ngăn cản ông Bren-ta-nô lệnh thu thuế đó như trước đây ở phía Man-hem.

Cuối cùng, sau trận đánh ở Vác-hoi-đen và Úp-stát, khi Mi-e-rốt-xláp-xki buộc phải kéo tàn quân của mình qua núi sang phía bên kia Muốc, khi phải bỏ Các-lơ-xru-ê cùng với những dự trữ rất lớn ở đó, khi sự thất bại ở Muốc đã quyết định vận mệnh phong trào, thì lúc bấy giờ những ảo tưởng của các thị dân, nông dân và binh lính ở Ba-đen liền biến mất, và mọi người đều gào lên rằng Bren-ta-nô đã phản bội. Toàn bộ tiếng tăm của Bren-ta-nô, - tiếng tăm này được duy trì do sự hèn nhát của những người tiểu tư sản, do tình trạng bị lệ thuộc của nông dân và do sự thiếu tập trung của công nhân - bị sụp đổ ngay lập tức. Bren-ta-nô đã chạy sang Thụy Sĩ vào ban đêm, đã bị lên án là phản bội nhân dân, là điều mà chính "Quốc hội lập hiến" của bản thân ông ta đã kết tội ông ta, và ông ta đã ẩn náu ở Phoi-éc-tha-len trong bang Xuy-rích.

Người ta có thể tự an ủi khi nghĩ rằng ông Bren-ta-nô bị trừng phạt đích đáng vì tội phản bội của ông ta bởi chỗ địa vị chính trị của ông ta đã hoàn toàn sụp đổ và ông ta bị tất cả các đảng phái khinh miệt. Sự thất bại của phong trào ở Ba-đen tự nó không có ý nghĩa quyết định. Sự kiện ngày 13 tháng Sáu ở Pa-ri và việc Guếc-gây từ chối không tiến quân vào Viên đã làm mất hết hy vọng vào thắng lợi mà Ba-đen và Pphan-xơn còn có thể có, thậm chí nếu như khi ấy đã mở rộng được phong trào sang Hét-xen, Vuyếc-tem-béc và Phran-cô-ni. Thất bại có thể còn

giữ được trong danh dự hơn, nhưng dù thế này hay thế khác, thì vẫn không thể tránh được. Nhưng điều mà phe cách mạng sẽ không bao giờ tha thứ cho ông Bren-ta-nô, điều mà nó sẽ không bao giờ tha thứ cho những người tiểu tư sản Ba-đen hèn nhát đã ủng hộ ông ta, điều đó chính là: bọn chúng đã trực tiếp giết hại những người bị xử bắn ở Các-lơ-xru-ê, Phrây-buốc và Ra-stát, cũng như đã giết hại vô số những người không tên tuổi đã chết vì thương hàn trong các hầm giam ở Ra-stát, nơi họ đã bị Phổ bí mật hãm hại.

Trong số 2 của tạp chí này tôi sẽ kể về tình hình ở Pphan-xơ và để kết luận tôi sẽ mô tả phong trào ở Ba-đen-Pphan-xơ.

3. PPHAN-XƠ

Rời Các-lơ-xru-ê chúng tôi đi Pphan-xơ, và trước tiên đến Spây-ơ, nơi đã phải có Đét-xte và chính phủ lâm thời rồi. Nhưng lúc đó họ đã chuyển đi Khai-đơ-xlao-tơn, chính phủ đã đóng cố định ở đây, coi đó là "một điểm chiến lược hết sức thuận lợi của Pphan-xơ". Ở Spây-ơ, lẽ ra phải gặp họ thì chúng tôi lại gặp Vi-lích với những người lính tình nguyện của ông ta. Với một đội quân vài trăm người ông đã làm cho các quân đồn trú của các pháo đài Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ tổng cộng hơn 4000 người luôn luôn căng thẳng, cắt đứt sự tiếp tế của chúng và bằng mọi cách quấy rối chúng. Đúng vào ngày chúng tôi đến, ông ta cùng với khoảng 80 tay súng đã tấn công hai đại đội của quân đồn trú ở Ghéc-mơ-xhai-mơ và đã đuổi chúng trở lại pháo đài mà không tốn một viên đạn nào. Sáng hôm sau chúng tôi cùng Vi-lích đi Khai-đơ-xlao-tơn, ở đó chúng tôi gặp Đét-xte, chính phủ lâm thời và, nói chung, tinh hoa của nền dân chủ Đức. Đương nhiên, ngay ở đây không thể có vấn đề chính thức tham gia phong trào hoàn toàn xa lạ với đảng chúng tôi. Bởi vậy mấy ngày sau, chúng tôi trở về Bin-ghen, dọc đường chúng tôi cùng mấy người bạn bị bọn lính Hét-xen bắt giữ vì nghi có tham gia vào cuộc khởi nghĩa; chúng tôi bị đưa đến Đác-mơ-xtát và từ đó đi Phran-phuốc, ở đây, cuối cùng, chúng tôi được thả ra.

Sau đó ít lâu chúng tôi rời Bin-ghen, và Mác mang giấy ủy nhiệm của Ban chấp hành trung ương những người dân chủ[89] đi Pa-ri, nơi sắp diễn ra những sự kiện có tính chất quyết định; Mác phải đại diện cho đảng cách mạng Đức trước những người dân chủ - xã hội Pháp[90]. Còn tôi thì trở lại Khai-đơ-xlao-tơn,

Nhìn bề ngoài thì phong trào Pphan-xơ mang tính chất vui vẻ, vô tư và thoải mái. Trong khi ở Ba-đen mỗi một thiếu úy mới được đề bạt của các quân đội chính quy hoặc của dân vệ đã thắng bộ quân phục nặng nề và diện những ngù vai bằng bạc mà sau này, trong ngày chiến đấu, liền được cất biến vào túi, - thì ở Pphan-xơ người ta tỏ ra biết điều hơn nhiều. Ngay khi đã cảm thấy cái nóng bức dữ dội của những ngày đầu tháng Sáu thì tất cả những áo choàng bằng dạ, áo đi-lê và ca-ra-vát liền biến mất, nhường chỗ cho những blu-dơ nhẹ nhàng. Dường như, cùng với bọn quan liêu cũ, người ta đã thoát khỏi sự trói buộc khó chịu cổ xưa, bắt đầu ăn mặc hoàn toàn thoải mái, chỉ cốt sao tiện lợi và hợp với thời tiết trong năm, và cùng với những cách ăn mặc khác nhau, mọi sự khác nhau khác trong quan hệ xã hội hàng ngày cũng liền biến mất. Tất cả các giai cấp trong xã hội đều tụ tập trong cùng những nơi công cộng, và một người xã hội chủ nghĩa hay mơ tưởng hão huyền nào đấy sẽ có thể thấy trong quan hệ đối xử thoải mái đó một bình minh của tình đoàn kết anh em rộng khắp.

Pphan-xơ như thế nào thì chính phủ lâm thời của nó cũng như thế. Chính phủ ấy hầu như chỉ gồm những người hiền lành thích rượu, và những người bị ngạc nhiên hơn cả về chuyện họ bất ngờ phải trở thành đại diện cho một chính phủ lâm thời trong tổ quốc của họ đã được Ba-cu-xơ giáng phúc. Và tuy vậy người ta không thể phủ nhận rằng những người cầm quyền cười cười nói nói đó lại xử sự tốt hơn và làm được khá nhiều hơn so với những người láng giềng Ba-đen của họ dưới sự lãnh đạo của Bren-ta-nô "có những niềm tin vững chắc". Họ ít ra cũng có thiện chí và - dù cho họ có thích rượu đi nữa - lý trí tỉnh táo hơn so với các ngài nghiêm nghị theo kiểu phi-li-xtanh và Các-lơ-xru-ê, và chỉ ít người trong số họ là bực tức trước những lời giễu cợt về kiểu làm cách mạng dễ dàng của họ và về những biện pháp bị cắt xén, bất lực của họ.

Chính phủ lâm thời Pphan-xơ không thể làm được gì chừng

nào chính phủ Ba-đen bỏ mặc, không giúp đỡ nó. Còn đối với Ba-đen thì nó lại hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình, nó phải tới hết sứ giả này đến sứ giả khác, chịu hết nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, cốt sao đạt được một thỏa thuận; tất cả đều vô ích; ông Bren-ta-nô cương quyết từ chối.

Trong khi chính phủ Ba-đen tìm thấy mọi cái sẵn sàng có trước thì chính phủ Pphan-xơ không tìm thấy gì hết. Không tiền, không vũ khí, nó có trên lãnh thổ của nó rất nhiều vùng phản động và hai pháo đài địch. Nước Pháp lập tức cấm xuất vũ khí vào Ba-đen và Pphan-xơ, còn Phổ và Hét-xen thì chặn giữ tất cả vũ khí được chuyển tới đó. Chính phủ Pphan-xơ ngay tức khắc phái người của mình đi Pháp và Bỉ để mua và vận chuyển vũ khí, vũ khí đã mua được, nhưng không đưa đến được. Người ta có thể trách cứ chính phủ ở chỗ hành động thiếu cương quyết và, nhất là, khi có rất nhiều bọn buôn lậu ở vùng biên giới thì nó lại không tổ chức vận chuyển vũ khí một cách bí mật; nhưng phần lớn tội lỗi là ở những phái viên của nó đã hành động rất lơ là và đôi khi thỏa mãn với những lời hứa hẹn trống rỗng, mà đáng lẽ phải đưa được vũ khí mua của Pháp dù là đến Sác-lê-mun-đơ và Lao-tơ-buốc.

Còn về phương tiện tài chính thì ở trong cái mảnh đất Pphan-xơ bé nhỏ mà cái lợi về tiền giấy mang lại không phải là lớn. Ở trong tình trạng khó khăn về tài chính, chính phủ ít ra cũng đã mạnh dạn dùng tới biện pháp phát hành công trái bắt buộc với lãi suất lũy tiến, mặc dầu tăng nhẹ thôi.

Những điều trách móc mà người ta có thể trút lên đầu chính phủ Pphan-xơ chỉ là như sau: khi thấy sự bất lực của mình, chính phủ đã bị nhiễm nặng cái tính vô tâm phổ biến và gắn liền với nó là những ảo tưởng về sự an toàn của bản thân mình; vì vậy, lẽ ra phải kiên quyết sử dụng các phương tiện phòng thủ đất nước, mặc dù có bị hạn chế, thì chính phủ lại thích đặt hy vọng vào sự thắng lợi của phái Núi ở Pa-ri, vào việc người Hung-ga-ri chiếm thành Viên hoặc thậm chí vào những điều kỳ diệu nào đó

hiện giờ có thể cứu vãn được Pphan-xơ, - đại loại như những cuộc nổi dậy trong quân đội Phổ, v.v.. Từ đó có thái độ lơ là đối với việc vận chuyển vũ khí vào một đất nước mà ở đó chỉ cần 1000 khẩu súng hỏa mai nào đó có thể dùng được là đã mang một ý nghĩa lớn lao rồi; và cuối cùng, một chuyến đầu tiên và cũng là chuyến cuối cùng gồm *bốn mươi* khẩu súng đã được đưa vào từ nước ngoài, cụ thể là từ Thụy Sĩ, nhưng lại đúng vào ngày quân Phổ kéo tới. Từ đó có sự bộp chộp lựa chọn những ủy viên quân sự và dân sự đại bộ phận trong số những kẻ ảo tưởng - hết sức bất tài và hay gây rối, từ đó có sự lưu dụng một số rất lớn quan chức và tất cả các quan tòa trước đây. Từ đó sau hết có sự coi thường tất cả các biện pháp, ngay cả những biện pháp có khả năng thực hiện được nhất, nhờ đó mà có thể bao vây và, có lẽ, chiếm được Lan-dao; về vấn đề này sắp tới tôi sẽ còn trở lại nữa.

Đét-xte ở phía sau chính phủ lâm thời với tư cách là một loại tổng bí thư bí mật hoặc, như ông Bren-ta-nô gọi là "một bọn gian thần đỏ vây quanh chính phủ ôn hòa ở Khai-dơ-xlao-tơn". Vả lại, thuộc vào "bọn gian thần đỏ" đó cũng có cả những nhà dân chủ Đức khác, đặc biệt là những người tham gia cuộc khởi nghĩa Đét-xte đã chạy tới đây. Thông qua Đét-xte, những người cầm quyền Pphan-xơ hiểu biết được cái điều mà trước đây họ thiếu, về những vấn đề hành chính và đồng thời có được lý trí cách mạng, là cái lý trí thích hợp với họ hơn, vì bao giờ nó cũng chỉ đóng khung trong những nhiệm vụ trực tiếp nhất và hiển nhiên có thể thực hiện được và vì vậy mà nó không bao giờ bị lúng túng trong khi tiến hành các biện pháp cụ thể. Nhờ vậy Đét-xte có ảnh hưởng lớn và được tín nhiệm tuyệt đối của chính phủ. Mặc dù thỉnh thoảng Đét-xte đã nhìn nhận phong trào một cách quá nghiêm khắc và, chẳng hạn như, nghĩ rằng nếu đem áp dụng bản điều lệ công xã của ông ta hoàn toàn không thích hợp vào lúc đó, thì sẽ có lợi rất nhiều, nhưng vẫn không ai nghi ngờ rằng chính ông ta đã thúc đẩy chính phủ lâm thời tiến tới những hành động ít nhiều mang tính chất cương quyết và ông ta bao giờ cũng có sẵn giải pháp thích hợp, đặc biệt là trong những cuộc xung

đột về những vấn đề cá biệt.

Nếu như ở phần nước Phổ vùng Ranh các giai cấp phản động và cách mạng đã đối lập với nhau ngay từ đầu, nếu như ở Ba-đen có một giai cấp bị phong trào cuốn hút lúc ban đầu, cụ thể là giai cấp tiểu tư sản, khi nguy hiểm càng gần, thì giai cấp đó trước hết càng dần dần chuyển sang thái độ bàng quan, rồi về sau chuyển sang thái độ thù địch với phong trào do chính nó khởi xướng - thì ở Pphan-xơ không phải chỉ những giai cấp cá biệt trong nhân dân mà cả từng vùng riêng biệt, do bị những quyền lợi địa phương chi phối, đã lên tiếng, - một bộ phận ngay từ đầu, và một bộ phận thì dần dần chống lại phong trào. Bất luận thế nào, ở Spây-ơ tầng lớp thị dân đã là tầng lớp phản động ngay từ đầu, ở Khai-dơ-xlao-tơn, Noi-stát, Xvai-bruých-ken, v.v. nó dần dần trở thành phản động, nhưng chủ lực của phe phản động thì ở những vùng nông thôn rải rác khắp Pphan-xơ. Người ta có thể chấm dứt cái tình trạng bất định của những bên tham chiến đó chỉ bằng một biện pháp: tấn công thẳng vào tài sản tư hữu được đưa vào cầm cố và đầu tư vào cho vay nặng lãi làm cho kiệt quệ. Nhưng cái biện pháp duy nhất đó làm cho tất cả nông dân thiết tha ngay với cuộc khởi nghĩa, đòi hỏi phải có một lãnh thổ lớn nhiều hơn và những quan hệ xã hội phát triển nhiều hơn tại các thành phố so với ở Pphan-xơ. Nó chỉ có thể được thực hiện vào thời kỳ đầu của cuộc khởi nghĩa, đồng thời với việc làm cho cuộc khởi nghĩa phát triển về hướng Mô-đen và Ai-phen, là nơi có những quan hệ cũng như vậy ở những vùng nông thôn, nhưng là nơi những quan hệ đó được sự phát triển công nghiệp của các thành phố ở miền Ranh bổ sung thêm. Tuy nhiên, ở Pphan-xơ người ta cũng làm rất ít để phát triển phong trào ra bên ngoài, giống như ở Ba-đen.

Trong tình hình đó chính phủ có rất ít phương tiện để đấu tranh với những vùng phản động: những cuộc viễn chinh của các

đội vũ trang nhỏ vào các miền nổi loạn, những vụ bắt bớ, đặc biệt đối với những linh mục công giáo cầm đầu cuộc chống đối, v.v., việc bổ nhiệm những ủy viên dân sự và quân sự có năng lực và, sau hết, là công tác tuyên truyền. Những cuộc viễn chinh, phần lớn là mang tính chất rất hài hước, chỉ đem lại những kết quả chốc lát mà thôi; việc tuyên truyền thì không mang lại một hiệu quả nào, còn các ủy viên thì lên mặt quan trọng và không có kinh nghiệm, phần lớn lại phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác, hoặc chỉ đóng khung trong việc uống thật nhiều rượu Pphan-xơ và những trường hợp như vậy không tránh khỏi là chỉ khoác lác theo kiểu trong tiệm rượu mà thôi.

Các nhà dân chủ, kéo đến Pphan-xơ còn đông hơn đến Ba-đen, đã chiếm một chỗ quan trọng trong số các nhà tuyên truyền, các ủy viên và quan chức của bộ máy hành chính trung ương. Tập trung về đây không chỉ có những người tị nạn đã tham gia khởi nghĩa ở Đre-xđen và phần nước Phổ vùng Ranh, mà còn có rất nhiều "nhà hoạt động nhân dân" ít nhiều nhiệt tình khác muốn hiến mình phụng sự tổ quốc tại đây. Chính phủ Pphan-xơ, không noi gương chính phủ ở Các-lơ-xru-ê, cảm thấy đúng rằng nếu chỉ dựa vào "những nhân tài" địa phương thì không đủ sức gánh nổi nhiệm vụ lãnh đạo ngay cả phong trào đó, nên đã vui vẻ đón nhận họ. Người ta không thể ở lại Pphan-xơ hai tiếng đồng hồ mà không nhận được hàng tá đề nghị giữ những cương vị rất khác nhau và, nói chung, rất vẻ vang. Sau khi đã nhìn nhận phong trào Pphan-xơ - Ba-đen không phải là một cuộc khởi nghĩa địa phương ngày càng mang tính chất cục bộ và không đáng kể, mà là một bình minh vinh quang của một cuộc khởi nghĩa vẻ vang của toàn bộ nền dân chủ Đức và nói chung sau khi đã nhìn thấy các khuynh hướng ít nhiều mang tính chất tiểu tư sản *của mình*, chiếm ưu thế trong phong trào thì các ngài dân chủ đã nhiệt liệt hưởng ứng những đề nghị đó. Nhưng đồng thời mỗi người trong bọn họ đều cho rằng chỉ có thể giữ một cương vị nào mà không hề làm giảm những hoài bão, - tất nhiên, thường là rất lớn, - của mình trong trường hợp có phong trào toàn Đức.

Lúc đầu công việc cũng được sắp đặt dễ dàng. Bất kỳ ai đề nghị được phục vụ, liền nhận được chức vụ trưởng phòng, ủy viên của chính phủ, thiếu tá hay trung tá. Nhưng dần dà số người xin việc cứ tăng lên, các chức vụ càng ít đi và người ta thấy phát triển một cuộc chạy đua nhỏ nhen, có tính chất phi-li-xtanh, đuổi theo chức tước mà đối với người ngoài quan sát thì đó là một cảnh tượng hết sức nực cười. Cái mớ hỗn độn kỳ quái mang tính quấy nhiễu và đầy bất tài, mà tờ "Neue Rheinische Zeitung" thường ngạc nhiên nhận xét ở các nhà dân chủ Đức, rằng các món hổ lốn chẳng thú vị gì ấy được y hệt lặp lại ở các quan chức và các nhà tuyên truyền Pphan-xơ, về vấn đề này vị tất phải đặc biệt phổ biến rộng.

Dĩ nhiên mọi người đều hiểu rằng người ta cũng đề nghị tôi giữ nhiều chức vị dân sự và quân sự, những chức vị mà tôi sẽ không một chút lưỡng lự nhận ngay trong phong trào vô sản. Trong những điều kiện trên thì tôi từ chối tất. Có một điều duy nhất mà tôi đồng ý là - viết mấy bài tuyên truyền cho một tờ báo nhỏ[92] được chính phủ lâm thời cho lưu hành rộng rãi ở Pphan-xơ. Tôi biết rằng làm điều đó rồi cũng chẳng được tích sự gì, nhưng theo yêu cầu khẩn thiết của Đét-xte và một số ủy viên chính phủ, cuối cùng tôi sẽ nhận nhiệm vụ được giao phó đó để e dè lắm trong cách diễn đạt, nên bài viết thứ hai đã bị phản ứng là quá "kích động"; tôi chẳng muốn phí lời bàn cãi, lấy lại bài báo, xé nó ngay lúc có mặt Đét-xte, và sự việc chấm dứt ở đây.

Trong số những nhà dân chủ đến Pphan-xơ, những người ưu tú nhất là những người cách đây không lâu đã từng tham gia vào cuộc đấu tranh ở quê hương mình: các nhà dân chủ Dắc-đen và phần nước Phổ vùng Ranh. Một số ít người Dắc-đen phần đông công tác ở các văn phòng trung ương, ở đấy, họ làm việc tận tụy và trội hẳn lên do có kiến thức về hành chính, đầu óc bình tĩnh,

sáng suốt và không màng đến một tham vọng lẫn ảo tưởng nào. Những người quê ở tỉnh Ranh, phần đông là công nhân, đa số sung vào quân đội; số ít khác, lúc đầu làm ở các văn phòng, sau cũng trực tiếp cầm súng.

Tại những văn phòng thuộc các cơ quan quản lý trung ương đóng tại trụ sở Phrúc-han-lơ[93] ở Khai-dơ-xlao-tơn ngự trị một bầu không khí rất hiền hòa. Với laisser aller[1*] phổ biến, với thái độ hoàn toàn không tham gia tích cực vào phong trào, với số nhân viên nhiều chưa từng thấy, ở đấy nói chung công việc lại ít. Đành phải làm hầu như toàn những công việc hành chính thường ngày, và cũng chỉ làm tant bien que mal mà thôi. Nếu không có một tin khẩn cấp nào, nếu không có một thị dân yêu nước nào không đưa ra một đề nghị sâu sắc để cứu tổ quốc, nếu không có một nông dân nào đến khiếu nại hoặc không có một công xã nào cử đại biểu đến, thì phần lớn các văn phòng chẳng có việc gì để làm cả. Người ta ngáp, tán róc, kể cho nhau nghe những mẩu giai thoại, buông ra những lời bông đùa vô tích sự hoặc dựng lên những kế hoạch chiến lược, đi hết phòng này sang phòng nọ, cố tìm cách để giết thời gian. Đề tài chính của các câu chuyện, tất nhiên, là những sự kiện chính trị hằng ngày, và những lời dồn đại về các sự kiện đó thì hết sức trái ngược nhau. Người ta không chú ý một tý nào đến việc thu thập tin tức. Những quan chức bưu điện trước đây hầu hết không trừ một ai vẫn ở lại vị trí của mình và, tất nhiên, rất không đáng tin cậy. Bên cạnh đó có đặt một "bưu điện dã chiến" do những lính khinh kỵ Pphan-xơ đã chạy sang hàng ngũ của nghĩa quân đảm nhiệm[94]. Những viên chỉ huy và các ủy viên tại những vùng biên giới không chút quan tâm đến những gì xảy ra ở bên kia biên giới. Chính phủ chỉ nhận được tờ "Frankfurter Journal"[95] và tờ "Karlsruher Zeitung", và cho đến nay tôi vẫn thích thú khi nhớ lại sự ngạc nhiên do tôi gây nên khi tìm được ở trong câu lạc bộ một tờ "Kölnische Zeitung"[96] nhận được cách đấy mấy hôm trong đó có thông báo

1*- tình trạng vô kỷ luật, vô tổ chức

về việc tập trung 27 tiểu đoàn quân Phổ, chín khẩu đội pháo và 9 trung đoàn kỵ binh, cũng như những tài liệu chi tiết về sự bố trí của chúng ở giữa Xác-bruých-ken và Croi-xnác.

Sau hết, tôi xin chuyển sang vấn đề chính - vấn đề tổ chức quân sự. Gần 3000 dân Pphan-xơ, phục vụ trong quân đội Ba-vi-e, chạy sang phía nghĩa quân cùng với toàn bộ gia sản nhỏ bé của họ. Một số đáng kể những người tình nguyện, những người ở Pphan-xơ, cũng như ở các nơi khác tới, cũng đồng thời sung vào quân đội. Ngoài ra, chính phủ lâm thời đã ra lệnh động viên đợt đầu tiên những người thuộc tuổi nghĩa vụ, trước hết là tất cả những nam giới chưa vợ từ 18 đến 30 tuổi. Nhưng lệnh động viên đó chỉ được thực hiện trên giấy, phần thì do thiếu kinh nghiệm và tinh thần vô trách nhiệm của các ủy viên quân sự, phần vì thiếu vũ khí, phần thì do sự thờ ơ của bản thân chính phủ. Ở Pphan-xơ, nơi mà trở ngại chính cho việc tổ chức quốc phòng là thiếu vũ khí, người ta đã phải dùng đến mọi biện pháp để sắm vũ khí. Nếu không thể đưa vũ khí từ nước ngoài về được thì phải cương quyết tập trung súng hỏa mai, súng trường, súng săn, mà ở Pphan-xơ có thể có được và giao vào tay những chiến sĩ tích cực. Thực ra, chẳng những một số lớn vũ khí nằm trong tay tư nhân, mà, ngoài ra còn có ít ra là 1500 đến 2000 khẩu súng trường nữa, không kể loại súng các-bin, thuộc quyền sử dụng của các đội dân vệ. Ít ra, có thể yêu cầu các tư nhân cũng như các chiến sĩ dân vệ không thuộc diện động viên tuyển quân đợt đầu và không định gia nhập lính tình nguyện phải đem nộp vũ khí. Nhưng chẳng có một việc gì tương tự như thế được thi hành cả. Sau nhiều lần khẩn thiết yêu cầu, cuối cùng người ta cũng đưa ra được một quyết định đại khái đối với vũ khí của dân vệ, nhưng rồi nó cũng chẳng được thi hành; lực lượng dân vệ ở Khai-dơ-xlao-tơn, gồm hơn 300 tên phi-li-xtanh, ngày ngày mặc quân phục và trang bị đầy đủ giễu võ dương oai để làm cái việc bảo vệ phía trước Phrúc-han-lơ, và để cho quân Phổ sau khi tiến vào thành phố còn được tiêu khiển bằng việc tước khí giới của các vị ấy. Và khắp nơi tình hình đều như vậy.

Trên tờ báo của chính phủ có đăng lời kêu gọi các viên chức ngành lâm nghiệp và những người coi rừng đến trình diện tại Khai-dơ-xlao-tơn để thành lập một đơn vị xạ thủ; nhưng những người đó cũng chẳng nghĩ đến chuyện ra trình diện ấy.

Khắp Pphan-xơ người ta ra lệnh hay, ít ra là, kêu gọi đánh liềm hái; cũng có một số liềm được chế tạo thực. Tại đơn vị Ranh - Hét-xen ở Kiếc-ha-im-bô-lan-den tôi thấy người ta chất mấy thùng lưỡi liềm lên xe để chở đi Khai-dơ-xlao-tơn. Khoảng cách giữa hai địa điểm đó chừng 7 - 8 giờ đồng hồ đi xe; bốn ngày sau chính phủ buộc phải để Khai-dơ-xlao-tơn rơi vào tay quân Phổ, mà liềm vẫn chưa đến được đó. Giả như những liềm đó được giao cho các lực lượng dân vệ không bị động viên, cho cái gọi là đợt tuyển quân dợt hai, để bù lại số súng cần phải thu ở họ, thì mọi chuyện đã đâu vào đấy rồi; lẽ ra phải như vậy, thì đằng này bọn phi-li-xtanh lười nhác vẫn giữ những khẩu súng hỏa mai của mình, còn những lính trẻ mới nhập ngũ lại phải trang bị bằng liềm để chiến đấu chống quân Phổ có đại bác và súng kim hỏa.

Nếu như khắp nơi đều cảm thấy thiếu súng thì, ngược lại, kiếm được phô trương ra không hiểu sao lại nhiều đến thế. Ai không được phát súng liền vội đeo vào mình chiếc kiếm trận kêu lách cách, dường như chỉ thế thôi cũng đủ làm cho anh ta trở thành sĩ quan. Chính ngay ở Khai-dơ-xlao-tơn có không biết bao nhiêu sĩ quan tự phong như vậy, và ngày lẫn đêm phố xá vang lên tiếng vũ khí kêu leng keng đáng sợ của họ. Đặc biệt sinh viên cũng cố giành cho mình niềm vinh quang riêng biệt trong lĩnh vực cứu nguy tổ quốc bằng một biện pháp mới đó làm bạt vía quân thù, cũng như bằng những yêu sách của mình dồi thành lập một quân đoàn học đường gồm toàn bộ lính kỵ binh đánh bộ.

Ngoài ra còn một nửa đại đội khinh kỵ binh gia nhập vào nghĩa quân, nhưng vì phục dịch bưu điện đã chiến, v.v. nên đã bị phân tán và vì vậy không thể thành lập một đơn vị chiến đấu riêng. Pháo binh dưới quyền chỉ huy của "trung tá" An-nê-ke gồm mấy khẩu pháo nặng ba pao, mà tôi còn nhớ là không hề trông

thấy xe kéo của chúng đâu cả, với một số nhất định súng moóc-chi-ê loại nhỏ. Trước cửa Phrúc-han-lơ ở Khai-dơ-xlao-tơn có chất một đống ống sắt cũ dùng để chế tạo súng moóc-chi-ê - một điều mong muốn không gì bằng. Nhưng phần lớn những ống sắt ấy, tất nhiên, vẫn nằm đó mà không được sử dụng. Hai ống sắt lớn nhất được đặt trên cái bệ pháo loại khổng lồ được chế tạo đặc biệt và bị người ta mang đi mất. Chính phủ Ba-đen, cuối cùng, đã bán cho Pphan-xơ một khẩu đội pháo loại nặng sáu pao đã bị hao mòn vì dùng nhiều, cùng một số đạn ít ỏi, nhưng thiếu xe kéo, pháo thủ và số đạn cần thiết. Đạn thì được sản xuất trong chừng mực có thể, xe kéo thì được bảo đảm tant bien que mal bằng cách huy động nông dân và trưng dụng ngựa; còn về pháo thủ thì tìm kiếm được mấy pháo thủ già nua ở Ba-vi-e và huấn luyện bộ đội theo những bài tập cứng nhắc, phức tạp được áp dụng trong quân đội Ba-vi-e.

Quyền lãnh đạo tối cao ngành quân sự lại nằm trong những bàn tay rất yếu kém. Ông Rây-khác phụ trách bộ chiến tranh trong chính phủ lâm thời là một người làm việc hăng hái nhưng thiếu nghị lực và không có kiến thức chuyên môn. Tổng tư lệnh các lực lượng chiến đấu ở Pphan-xơ là tên phiêu lưu Phen-nơ phôn Phen-nơ-béc ít lâu sau bị bãi chức vì có hành vi lập lờ; viên sĩ quan Ba Lan Ra-ki-ê tạm thời giữ chức vụ của hắn. Sau hết, người ta được biết là Mi-e-rốt-xlắp-xki sẽ nắm quyền chỉ huy tối cao các quân đội của Ba-đen và của Pphan-xơ, còn quyền chỉ huy quân đội Pphan-xơ sẽ giao cho "tướng" Snai-đơ, cũng là người Ba Lan.

Tướng Snai-đơ tới. Đó là một người béo lùn giống một người vui tính đã đứng tuổi hơn là giống "Mê-nê-lai đang kêu gọi xung trận"[97]. Tướng Snai-đơ tiếp nhận quyền chỉ huy một cách rất trịnh trọng, nghe báo cáo về tình hình công việc rồi lập tức ra hàng loạt mệnh lệnh cho toàn quân. Phần lớn những mệnh lệnh đó là nói về binh phục, áo blu-đơ như thế nào, các phù hiệu phân biệt sĩ quan - giải đeo ở tay áo hoặc dải đeo ở ngực ba màu - cũng như về những lời kêu gọi kỵ binh và xạ thủ đã hết thời hạn

nghĩa vụ hãy tình nguyện trở lại quân đội, những lời kêu gọi đưa ra hàng chục lần nhưng vô hiệu, và v.v.. Bản thân Snai-đơ nêu gương trước tiên và kiếm ngay cho mình một cái áo nẹp của võ quan khinh kỵ Hung-ga-ri có dải băng ba màu, cốt để quân đội trọng vọng mình. Điều mà trong các mệnh lệnh của ông ta có ý nghĩa thật sự thực tiễn và quan trọng chỉ là sự lặp lại của những mệnh lệnh đã được ban bố từ lâu hoặc những đề nghị mà trước đây được một số ít sĩ quan am hiểu công việc đưa ra mà thôi, nhưng không được thực hiện và mãi tới bây giờ mới có thể thi hành nhờ có uy tín của vị tướng chỉ huy quân đội. Ngoài ra "tướng" Snai-đơ còn trông chờ vào thượng đế và vào Mi-e-rốt-xláp-xki và lao vào thú vui ăn uống - một điều thông minh duy nhất mà con người hoàn toàn bất tài như vậy có thể làm được.

Trong số những sĩ quan còn lại ở Khai-đơ-xlao-tơn, người duy nhất am hiểu công việc là Tê-khốp, chính sĩ quan này lúc bấy giờ là thượng úy quân đội Phổ đã cùng với Nát-xmơ chuyển giao kho vũ khí cho nhân dân trong trận đánh chiếm kho vũ khí Béc-lin[95], và khi bị kết án 15 năm tù giam, đã trốn khỏi Mác-đơ-buốc. Là tổng tham mưu trưởng Pphan-xơ, ở khắp nơi Tê-khốp tỏ ra là người thông thạo, thận trọng và bình tĩnh, thậm chí có lẽ hơi quá bình tĩnh nên ông ta không thể định đoạt nhanh chóng mọi vấn đề trên bãi chiến trường. "Trung tá" An-nê-ke tỏ ra thiếu khả năng và không nhiệt tình trong việc tổ chức pháo binh, mặc dù ông ta đúng là đứng đầu các xưởng sản xuất đạn dược. Ở Úp-stát ông ta với cương vị tổng chỉ huy đã chẳng dành được niềm vinh quang cho mình, còn ở Ra-stát, nơi mà Mi-e-rốt-xláp-xki giao cho ông ta quản lý một phần khí cụ trong thời gian bị bao vây, ông ta đã bỏ trốn sang bên kia sông Ranh một cách kỳ quặc, bỏ mặc những con ngựa của mình ngay cả trước khi thành phố bị bao vây.

Ở các vùng riêng biệt tình hình các sĩ quan cũng không tốt hơn. Một số ít người Ba Lan đã tới đây, phần thì đến trước Snai-đơ, phần thì đến cùng với ông ta. Nhưng vì những đại biểu

ưu tú của giới lưu vong Ba Lan đã ở Hung-gi nên cũng dễ hình dung được những sĩ quan Ba Lan này khá ô hợp về thành phần. Số đông bọn họ vội vã kiếm lấy một số ngựa cưỡi thích hợp và ra một vài mệnh lệnh mà không cần đặc biệt quan tâm tới việc thi hành những mệnh lệnh ấy. Họ tỏ ra khá kênh kiệu, cho rằng có thể đối xử với nông dân Pphan-xơ như đối với những người nông nô Ba Lan khốn khổ, họ không hiểu biết gì về đất nước, về ngôn ngữ, về mệnh lệnh và vì vậy với tư cách là những ủy viên quân sự, tức là những người tổ chức của các tiểu đoàn, họ đã làm được rất ít hay hầu như không làm được gì. Trong tiến trình của phong trào, sau một thời gian ngắn, họ đã chạy về bộ tư lệnh của Snai-đơ và sau đó ít lâu, khi Snai-đơ bị binh lính của mình tấn công và đánh cho một trận nhừ tử, thì họ hoàn toàn biến mất. Những người xuất sắc trong bọn họ đến quá muộn nên không thể giúp được việc gì với tư cách là những người tổ chức.

Trong hàng ngũ sĩ quan Đức cũng không có mấy người được việc. Đơn vị Ranh - Hét-xen, trong đó nói chung có một số phần tử có năng lực về mặt quân sự, nằm dưới quyền chỉ huy của một Hôi-xnơ nào đó, một người hoàn toàn không phù hợp với công việc đó, và dưới ảnh hưởng về mặt đạo đức và chính trị còn tồi tệ hơn nữa của hai vị anh hùng là Txít-xơ và Băm-béc-gơ, mà sau này ở Các-lơ-xru-ê đã ba chân bốn cẳng bỏ chạy một cách rất anh dũng. Ở miền đồi núi Pphan-xơ một cựu sĩ quan Phổ là Sim-men-phen-ních đã tổ chức được một đội quân.

Trước khi có cuộc tấn công của quân Phổ thì chỉ có hai sĩ quan nổi bật lên do những hành động chiến đấu tích cực, - đó là Vi-lích và Blen-cơ.

Với một đội quân tình nguyện nhỏ bé, Vi-lích lãnh nhiệm vụ quan sát các pháo đài Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ, rồi sau đó bao vây các pháo đài ấy. Dần dà tập trung dưới quyền chỉ huy của ông ta gồm có: một đại đội sinh viên, một đại đội công nhân đã cùng sống với ông ở Bơ-đăng-xông, ba đại đội thiếu quân số

gồm các vận động viên thể dục ở Lan-đao, Noi-stát và Khai-đơ-xlao-tơn, hai đại đội gồm những người tình nguyện sinh trưởng ở các địa phương lân cận, và, sau hết, một đại đội được trang bị bằng liểm gồm những người dân thuộc phần nước Phổ vùng Ranh, phần lớn những người trước đây tham gia khởi nghĩa ở Pruym và En-bơ-phen-đơ đã rút chạy đến đây. Cuối cùng tổng cộng họ có khoảng từ 700 đến 800 người; nhưng, bất kể thế nào, đó là những người lính đáng tin cậy nhất ở khắp Pphan-xơ; các hạ sĩ quan phần lớn là những người đã trải qua quân dịch, mà một số trong bọn họ đã quen với chiến tranh du kích ở An-giê-ri. Vi-lích bố trí các lực lượng chiến đấu nhỏ đó ở giữa Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ, tổ chức đội dân vệ ở các thôn và sử dụng họ để bảo vệ đường sá và vào việc canh phòng, đánh lui tất cả những cuộc đột kích xuất phát từ cả hai pháo đài, mặc dù địch có lực lượng trội hơn đặc biệt là quân đồn trú Ghéc-mơ-xhai-mơ. Vi-lích phong tỏa Lan-đao thành công đến nỗi hầu như cắt đứt mọi tiếp viện, cắt những đường ống dẫn nước, ngăn sông Kvây, nên tất cả các hầm trong pháo đài đều bị ngập nước và trong khi đó thì vẫn thiếu nước uống; đêm nào ông ta cũng dùng lính trinh sát của mình để quấy rối quân đồn trú, những lính trinh sát này chẳng những chỉ quét sạch các công sự còn lại ở ven ngoài và đem bán sạch những cái bếp lò dùng cho bốt gác tìm thấy ở đấy với giá năm gun-đen một cái, mà còn xâm nhập đến tận các hầm hào của pháo đài và thường buộc quân đồn trú phải nã pháo loại 24 pao với hỏa lực thật mạnh mẽ và cũng vô hại vào một tên cai và hai tên lính nào đó. Thời kỳ đó hẳn là rực rỡ nhất trong lịch sử của đội quân tình nguyện của Vi-lích. Giá như khi ấy ông ta được sử dụng dù chỉ mấy khẩu lựu pháo hay thậm chí mấy khẩu pháo dã chiến và nếu tin vào những báo cáo của những thám báo hàng ngày được cử đi Lan-đao, ra vào nơi đó, thì trong vài ngày sẽ có thể chiếm được cái pháo đài có một đội quân đồn trú yếu kém, bị mất tinh thần và đám dân chúng nổi loạn. Thậm chí không cần pháo binh mà cứ tiếp tục vây hãm thì sau một tuần pháo đài cũng sẽ phải đầu hàng. Ở Khai-đơ-xlao-tơn có hai

khẩu lựu pháo loại 7 pao đủ tốt để đốt cháy vài ngôi nhà ở Lan-đao vào ban đêm. Giá như chúng được đặt vào chỗ thích hợp thì một sự kiện chưa từng thấy có thể xảy ra, cụ thể là sẽ chiếm được một pháo đài, như Lan-đao, bằng mấy khẩu pháo dã chiến. Ngày nào tôi cũng thuyết phục bộ tổng tư lệnh ở Khai-đơ-xlao-tơn là cần phải tiến hành việc đó dù chỉ là thử mà thôi. Nhưng vô ích. Một khẩu lựu pháo vẫn ở Khai-đơ-xlao-tơn, một khẩu khác được chuyển đi Hôm-buốc, ở đó nó suýt rơi vào tay quân Phổ. Cả hai khẩu đều ở bên kia bờ sông Ranh mà không bắn một phát nào cả.

Nhưng "đại tá" Blen-cơ còn hơn hẳn Vi-lích rất nhiều. "Đại tá" Blen-cơ, trước đây là người chào hàng rượu, từng đi Hy Lạp với tư cách là người thân Hy Lạp, sau đó mở ở Vóoc-mơ cửa hàng buôn bán rượu, hiển nhiên là thuộc vào số những nhân vật quân sự hết sức lỗi lạc của toàn bộ cái phong trào hiển vinh này. Luôn luôn cưỡi trên mình ngựa, có dòng dõi ban tham mưu quanh mình, cao lớn và khỏe mạnh, có bộ mặt kiêu hãnh và bộ râu oai phong lẫm liệt kiểu Hếch-cơ, được trời phú cho một giọng nói vang như sấm và tất cả những phẩm chất khác đã tạo nên "nhà hoạt động nhân dân" của miền Nam nước Đức, nhưng, như mọi người đều biết, trong số những phẩm chất đó lại hoàn toàn không có tính thông minh, "đại tá" Blen-cơ đã cho ta cảm tưởng là một con người mà khi đem so với hình nó thì Na-pô-lê-ông cũng phải mờ nhạt đi và là con người xứng đáng được nêu lên trong đoạn điệp khúc mà chúng tôi dùng để mở đầu những bút ký này. "Đại tá" Blen-cơ thấy mình đủ sức đuổi cổ bọn vua chúa Đức mà không cần sự hỗ trợ của "Hếch-cơ, Stơ-ru-vơ, Txít-xơ và Bli-um" và bắt tay ngay vào việc. Ông ta dự tính tiến hành chiến tranh không phải như một người lính, mà như một kẻ chào hàng rượu và để đạt mục đích đó ông ta quyết định chiếm Lan-đao. Khi đó hãy còn chưa có Vi-lích. Blen-cơ thu thập tất cả mọi lực lượng có thể có ở Pphan-xơ - quân chính quy và dân vệ, những đơn vị vũ trang có tổ chức và phân tán linh tinh, kỵ binh và pháo binh, - và tiến về phía Lan-đao. Đến trước pháo đài người ta triệu tập

hội đồng quân sự, lập ra những đội quân tấn công, xác định vị trí cho pháo binh. Nhưng pháo binh gồm mấy khẩu moóc-chi-ê nhẹ cỡ từ $^1/_2$ đến $1^3/_8$ pao, được chuyên chở trên những xe dùng để chở cỏ, đồng thời cũng dùng để chở cả đạn dược. Mà tất cả đạn dược dùng cho những khẩu moóc-chi-ê nhẹ cỡ khác nhau đó cả thảy gồm có một quả đạn duy nhất loại 24 pao; chưa kể đến chuyện thuốc súng. Khi đã thỏa thuận mọi chuyện, người ta tiến lên phía trước, hoàn toàn khinh thường cái chết. Tiến đến sát khoảng đất trống trước pháo đài mà không gặp một sự chống cự nào; người ta tiếp tục tiến và tiến đến cổng pháo đài. Binh lính ở Lan-đao chạy sang phía nghĩa quân thì đi ở phía trước. Trên tường thành xuất hiện mấy người lính với tư cách là người đi đàm phán. Người ta thét bảo chúng mở cổng thành. Một cuộc nói chuyện rất hòa bình được bắt đầu, và mọi chuyện diễn ra dường như không thể có gì tốt đẹp hơn, thì bất thình lình, từ trên tường thành vang lên một phát súng đại bác, đạn trái phá bay trên đầu những người tấn công, và chỉ trong nháy mắt toàn bộ cái quân đội anh hùng cùng với hoàng tử *Ép-ghê-nhi*[99] ở Pphan-xơ của mình quay đầu tháo chạy cuống cuồng. Tất cả chạy, chạy, chạy thục mạng, đến nỗi mấy quả đạn đại bác từ trên tường thành vừa được phóng ra đã bay không phải trên đầu những kẻ đang tháo chạy mà chỉ trên những súng ống, bao đạn và ba-lô họ quẳng lại. Cuối cùng, dừng lại cách Lan-đao mấy giờ đường đất, ngài "đại tá" Blen-cơ lại tập trung quân đội của mình và dẫn họ đi về - chẳng có chìa khóa pháo đài, nhưng không vì thế mà mất vẻ ngoài kiêu hãnh của mình. Đánh chiếm Lan-đao bằng ba khẩu moóc-chi-ê nhẹ và một quả đạn loại 24 pao, đó là một chiến công chưa từng thấy bao giờ.

Một phát đạn trái phá là do mấy sĩ quan Ba-vi-e bắn vội vã khi thấy binh lính của họ sẵn sàng mở cổng pháo đài. Chính những người lính đã thay đổi hướng ngắm, và như vậy là chẳng một ai bị thương. Nhưng khi đơn vị đồn trú ở Lan-đao thấy phát súng bắn hú họa đó đã có một hiệu quả như thế nào thì, dĩ nhiên, không còn có cái chuyện đầu hàng nữa.

Nhưng người anh hùng Blen-cơ chẳng phải là người không trả thù cho sự thất bại như vậy. Giờ đây ông ta quyết định chiếm Voóc-mơ. Ông ta xuất binh từ Phran-ken-than là nơi ông ta chỉ huy một tiểu đoàn. Mấy tên lính Hét-xen ở Voóc-mơ bỏ chạy tán loạn, và người anh hùng Blen-cơ, với trống đánh đi đầu, tiến vào thành phố quê hương của mình. Sau khi tổ chức long trọng mừng giải phóng Voóc-mơ bằng một bữa ăn sáng thì tiếp đến cuộc lễ chủ yếu, cụ thể là bắt 20 tên lính Hét-xen vì ốm ở lại trong thành phố phải tuyên thệ trung thành với hiến pháp đế chế. Tuy nhiên trong đêm tiếp sau những chiến công to lớn đó, quân đội đế chế của Pây-cơ đã đặt súng ở hữu ngạn sông Ranh và mới sáng sớm ra đã đánh thức một cách hết sức bất nhã những kẻ xâm lược chiến thắng bằng một loạt đại bác. Không thể nghi ngờ gì nữa: từ bờ bên kia quân đội đế chế đã bắn những quả đạn pháo và đạn trái phá thật! Chẳng nói một lời, người anh hùng Blen-cơ tập hợp những chiến sĩ dũng cảm của mình và lặng lẽ rút khỏi Voóc-mơ trở lại Phran-ken-than. Những chiến công anh hùng sau này của ông ta sẽ được các thi thần ngợi ca ở nơi thích đáng.

Trong khi ở các khu những con người tính tình rất khác nhau dùng thời giờ mỗi người theo một cách, trong khi binh lính và dân quân lẽ ra phải luyện tập thì lại nghêu ngao ca hát trong các tiệm rượu, thì ở Khai-dơ-xlao-tơn các ngài sĩ quan lại mắc bận vào việc nặn ra những kế hoạch chiến lược hết sức sâu sắc. Vấn đề bàn đến chỉ là liệu có khả năng giữ được một tỉnh nhỏ bé, trống trải nhiều phía, như Pphan-xơ, bằng những lực lượng chiến đấu hầu như hoàn toàn tưởng tượng, chống lại một đội quân rất có thật gồm trên 30000 người và có 60 khẩu đại bác, hay không. Chính vì mọi phương án ở đây đều vô ích như nhau và đều vô lý như nhau, và chính vì ở đây không có tất cả những điều kiện để xây dựng một kế hoạch chiến lược bất kỳ nào, - chính vì vậy mà những nhà hoạt động quân sự sâu sắc đó, những bộ óc lỗi lạc của quân đội Pphan-xơ đã quyết định tưởng tượng ra một sự kỳ diệu chiến lược nào đó khả dĩ chặn được đường

quân Phổ tiến vào Pphan-xơ. Mỗi trung úy mới được đào luyện, mỗi kẻ hay gây gổ đều mang kiếm bên hông trong quân đoàn học đường - quân đoàn này được tổ chức, sau hết, dưới sự che chở của ngài Snai-đơ, hơn nữa, trong quân đoàn đó tất cả đều mang phù hiệu trung úy, - mỗi quan chức văn phòng đều bóp trán trên tấm bản đồ Pphan-xơ với hy vọng tìm thấy một giải pháp thần kỳ về chiến lược. Người ta hình dung một cách dễ dàng là cái đó đã dẫn tới những kết quả đáng nực cười như thế nào. Phương pháp tiến hành chiến tranh của Hung-ga-ri được người ta đặc biệt ưa dùng. Từ "tướng" Snai-đơ đến người cuối cùng là Na-pô-lê-ông, một người trong quân đội chưa được thừa nhận, người ta từng giờ từng phút có thể nghe thấy câu nói: "Chúng ta phải hành động như Cô-sút. Chúng ta phải bỏ một phần lãnh thổ của chúng ta và rút lui - theo hướng này hoặc hướng khác, lên núi hay xuống đồng bằng, tùy theo tình hình". "Chúng ta phải hành động như Cô-sút", - người ta gào lên ở tất cả các tiệm rượu. "Chúng ta phải hành động như Cô-sút", - mỗi tên cai, mỗi tên lính, mỗi đứa trẻ lêu lổng đều nhắc lại như thế. "Chúng ta phải hành động như Cô-sút", - chính phủ lâm thời nhắc lại một cách hiền lành, một chính phủ đã biết hơn ai hết rằng nó không nên can thiệp vào những công việc ấy và, sau hết, nó cũng không cần phải biết xem người ta sẽ hành động như thế nào. "Chúng ta phải hành động như Cô-sút, nếu không chúng ta sẽ chết". - Pphan-xơ và Cô-sút!

Trước khi chuyển sang miêu tả trực tiếp chiến sự tôi còn phải nêu vắn tắt một sự kiện mà người ta đã viết trên nhiều tờ báo: việc tôi bị bắt một thời gian ngắn ở Kiếc-ha-im-bô-lan-đen. Mấy ngày trước khi quân Phổ kéo đến, tôi tiễn đưa người bạn Môn của tôi đến biên giới Pphan-xơ, đến Kiếc-ha-im-bô-lan-đen, trong khi anh ta thi hành sứ mệnh của mình. Ở đây có một bộ phận của đơn vị Ranh - Hét-xen trong đó chúng tôi có những người quen. Vào một buổi tối chúng tôi cùng với họ và các lính tình nguyện khác thuộc đơn vị đó ngồi ở khách sạn. Trong số lính tình nguyện có mấy "người của hành động" nghiêm trang và đầy

nhiệt tình mà người ta đã nhiều lần nói tới và là những người không thấy khó khăn gì trong việc đánh tan bất kỳ một quân đội nào trên thế giới; mặc dù họ có ít vũ khí, nhưng lại có đầy nhiệt tình. Đó là những con người mà trong hoạt động quân sự, trước đó, may mắn lắm mới được đứng quan sát đối gác, những con người nói chung không bao giờ nghĩ tới những phương tiện vật chất để đạt một mục đích nào đó và những con người mà phần đông - như về sau tôi đã nhiều lần có dịp khẳng định - ngay trong trận đánh đầu tiên đã phải nếm mùi thất vọng nặng nề đến nỗi phải vội vàng quay đầu tháo chạy. Tôi hỏi một trong những người anh hùng đó rằng có thật là anh ta cho rằng có thể đập tan quân Phổ bằng ba vạn thanh kiếm và ba nghìn rưỡi khẩu súng có ở Pphan-xơ, mà trong số đó nhiều khẩu các-bin đã hoen rỉ, hay không; tôi đã chuẩn bị sẽ được giải trí với cơn phẫn nộ thiêng liêng của con người của hành động có nhiệt tình cao thượng đang bị lãng mạ, thì bất đồ một toán vệ binh bước vào và tuyên bố tôi bị bắt. Chính trong lúc ấy tôi nhìn thấy đằng sau tôi có hai người về mặt hầm hầm sẵn sàng nhảy bổ vào tôi. Một người trong số họ tự giới thiệu là ủy viên dân sự Muy-lơ, người kia là ngài Grây-nơ, một thành viên duy nhất của chính phủ mà tôi chưa kịp thân quen vì y thường vắng mặt ở Khai-đơ-xlao-tơn (ngài ấy đã lặng lẽ biến tài sản của mình thành động sản), mà cũng vì dáng điệu khả nghi, hay than vãn của y. Ngay lúc đó một người quen cũ của tôi, đại úy trong quân đội Ranh - Hét-xen, đứng dậy và tuyên bố rằng nếu tôi bị bắt thì anh ta và một số rất lớn những người ưu tú của đơn vị sẽ lập tức rời bỏ hàng ngũ. Môn và những người khác muốn dùng sức mạnh bảo vệ tôi. Những người có mặt chia thành hai phe. Màn kịch có nguy cơ trở nên lý thú; tất nhiên là tôi tuyên bố rằng tôi sẵn sàng để cho bắt mình: sau hết, phải để cho mọi người thấy rằng phong trào Pphan-xơ là cái gì. Tôi ra đi trong sự hộ tống của đội vệ binh.

Sáng hôm sau, sau cuộc thẩm vấn hài hước mà ngài Txít-xơ bắt tôi phải chịu, tôi được chuyển giao cho một ủy viên dân sự, mà y, đến lượt mình, lại chuyển tôi cho một hiến binh. Người

hiến binh được lệnh đối xử với tôi như với một tên *gián điệp*, còng tay tôi lại và giải bộ về Khai-dơ-xlao-tơn; tôi bị kết án là đối xử không đúng mực đối với cuộc khởi nghĩa của nhân dân Pphan-xơ và xúi giục chống lại chính phủ, mà tôi, nhân tiện đây cũng xin nói, không hề đả động đến một lời nào. Dọc đường, tôi đã kiếm được một chiếc xe tải đồ. Ở Khai-dơ-xlao-tơn, là nơi Môn đã kịp đến trước tôi, tôi gặp các ủy viên chính phủ, tất nhiên, là rất lúng túng vì sự sai lầm của Grây-nơ đùng cảm, họ còn rất lúng túng nữa về cách đối xử tối tệ với tôi. Lẽ dĩ nhiên là trước mặt bọn hiến binh tôi đã diễn một màn kịch cần thiết cho các ngài đó. Vì còn chưa nhận được báo cáo của ngài Grây-nơ, nên người ta đã đề nghị thả tôi với lời cam đoan của tôi. Tôi từ chối không cam đoan và đi tới nhà tù của quận, - không có lính áp giải, như người ta đã quyết định theo đề nghị của Đét-xte. Đét-xte tuyên bố ông ta không thể ở lại trong chính phủ sau khi có sự đối xử như vậy với một người đồng chí cùng đảng với ông. Siếc-nơ, vừa mới tới, cùng lên tiếng rất kiên quyết. Vào chiều tối hôm đó cả thành phố đã biết chuyện, và tất cả những người ủng hộ phái kiên quyết lập tức đứng về phía tôi. Ngoài ra, có tin cho biết là sự kiện này đã gây nên một làn sóng phẫn nộ trong quân đội Ranh - Hét-xen, và một bộ phận lớn quân đội đó định giải tán về nhà. Điều đó càng chứng minh đầy đủ hơn cho các ủy viên chính phủ lâm thời, - mà tôi gặp gỡ hằng ngày, - thấy cần thiết phải đáp ứng cho yêu cầu của tôi. Sau khi tôi đã trải qua 24 giờ trong nhà tù một cách rất dễ chịu, Đét-xte và Smít đã đến gặp tôi; Smít tuyên bố với tôi được thả ra vô điều kiện và chính phủ hy vọng rằng sau này nữa tôi cũng không từ chối tham gia phong trào. Ngoài ra ông ta còn báo cho biết là người ta đã ra một sắc lệnh từ nay cấm còng tay tù chính trị, và vẫn tiếp tục điều tra về những người có lỗi trong việc xử sự không đúng mực này, cũng như về việc bắt giữ và nguyên nhân việc bắt giữ ấy. Sau khi chính phủ, vẫn chưa nhận được một báo cáo nào của Grây-nơ, - đã cho tôi hoàn toàn được toại nguyện như vậy, - điều chính phủ có thể làm được vào lúc này - cả hai bên đều vứt bỏ

giọng điệu chính thức rồi cùng nhau uống cạn mấy cốc rượu ở "Đôn-nếc-xbéc". Sáng hôm sau Siếc-nơ về đơn vị Ranh - Hét-xen để trấn an đơn vị ấy, và tôi gửi ông ta mang theo một mảnh giấy có vài dòng. Khi trở về Khai-dơ-xlao-tơn, ngài Grây-nơ, rất giống như một kẻ than vãn tới mức bị các đồng sự của ông ta đã xạc cho đến 2 lần.

Lúc đó người Phổ bắt đầu tiến quân từ Hôm-buốc, và vì tình hình lúc này đang có một bước ngoặt lý thú và tôi không muốn bỏ lỡ dịp để có kinh nghiệm quân sự, và vì, sau hết, tờ "Neue Rheinische Zeitung" honoris causa[1*] phải có đại diện của mình trong quân đội Pphan-xơ - Ba-đen, nên tôi cũng đeo kiếm trận vào thắt lưng và lên đường gặp Vi-lích.

1*- vì vinh dự

4. HÃY CHẾT CHO NỀN CỘNG HÒA!

"Ba mươi sáu ngai vàng cần lật đổ,
Để nền cộng hòa Đức nở rộ hoa;
Phá bỏ chúng đi, anh em ơi, đừng thương tiếc,
Dám ước ngực trước mũi tên hòn đạn!
Hãy chết cho nền cộng hòa -
Số phận vĩ đại, quang vinh của ta,
mục tiêu mà hồn ta đã chọn!"

Những người lính tình nguyện đã hát như vậy trên chuyến tàu đưa tôi đi Noi-stát để ở đó tìm hiểu xem lúc này đại bản doanh của Vi-lích ở đâu.

Vậy là, chết cho nền cộng hòa - đó là hoặc, ít ra, phải là mục tiêu mà hồn tôi đã chọn từ đây. Tôi cảm thấy mình khá kỳ lạ với cái mục tiêu mới đó. Tôi ngắm nhìn gương mặt của những người lính tình nguyện, của những chàng trai trẻ, đẹp, hiên ngang. Vẻ ngoài của họ không hề nói lên rằng lúc này chết cho nền cộng hòa là mục tiêu mà hồn họ đã chọn.

Từ Noi-stát tôi ngồi trên một chiếc xe tải đồ của nông dân bị trưng dụng để tới Ốp-phen-bắc nằm giữa Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ nơi Vi-lích còn ở đó. Bây giờ, ngay phía sau Ê-đen-cô-ben, tôi đã đụng phải những trạm gác đầu tiên do nông dân dựng lên theo lệnh của Vi-lích; người ta còn gặp tiếp những trạm gác như thế trên các lối ra, vào ở mỗi làng, cũng như tất cả những ngã ba ngã tư đường, và người ta không cho ai đi qua nếu không có giấy chứng nhận của các chính quyền khởi nghĩa. Người ta thấy rõ là đang đi gần tới nơi có chiến sự. Tôi tới Ốp-phen-bắc vào đêm khuya, ở đây tôi được giữ ngay chức vụ sĩ quan tùy tùng bên cạnh Vi-lích.

Trong ngày hôm ấy - đó là ngày 13 tháng Sáu - một đơn vị nhỏ trong quân đội Vi-lích đã đánh một trận xuất sắc. Mấy ngày trước đó Vi-lích được bổ sung đưới hình thức viện binh cho đơn vị tình nguyện của mình một tiểu đoàn dân quân Ba-đen, tiểu đoàn của Đrê-ơ-Ô-bơ-muyn-lơ; ông ta điều gần 50 người của tiểu đoàn này đi đánh Ghéc-mơ-xhai-mơ, thúc họ tiến tới Ben-hai-mơ. Sau lưng họ, ở Knít-then-xhai-mơ còn có một đại đội của đội quân tình nguyện, cũng như một số chiến sĩ được trang bị bằng liểm. Một tiểu đoàn quân Ba-vi-e với 2 khẩu pháo và một đại đội khinh kỵ binh đã làm một cuộc đột kích. Quân Ba-đen bỏ chạy, không hề chống cự lại; chỉ có một người trong bọn họ, bị ba tên hiến binh cưỡi ngựa đuổi kịp, đã chống lại kịch liệt cho đến khi, cuối cùng, khắp người đầy vết kiếm chém, ngã xuống và bị bọn tiến công giết chết. Khi những người bỏ chạy đã về đến Knít-then-xhai-mơ, thì viên đại úy của đại đội đóng ở đó, gồm chưa đến 50 người, trong đó có một số chỉ được trang bị bằng liểm, liền xuất quân tiến đánh quân Ba-vi-e. Anh ta phân chia một cách khéo léo quân của mình thành mấy nhóm và tiến theo hàng dọc bộ binh lên phía trước quyết liệt đến nỗi quân Ba-vi-e, có lực lượng trội hơn lực lượng của anh ta mười lần, sau hai giờ chiến đấu bị dồn vào một làng mà quân Ba-đen bỏ lại. Cuối cùng, khi có thêm một số viện binh của đơn vị Vi-lích đến nữa thì quân Ba-vi-e bị đuổi ra khỏi cả làng đó. Thiệt hại gần 20 người chết và bị thương, quân Ba-vi-e rút về Ghéc-mơ-xhai-mơ. Rất tiếc, tôi không thể nêu tên người sĩ quan trẻ tuổi dũng cảm và tài năng đó, vì anh ta, có lẽ, còn chưa được an toàn. Trong đại đội của anh ta chỉ có năm người bị thương, trong số đó không ai bị nặng. Một trong năm người đó có một lính tình nguyện người Pháp, bị thương vào cánh tay lúc anh ta sắp sửa bắn. Mặc dầu vậy anh ta vẫn bắn mười sáu viên đạn của mình, nhưng vì bị thương anh ta không thể tự nạp đạn được, nên đã nhờ một chiến sĩ trang bị bằng liểm nạp đạn hộ, miễn sao cho có thể bắn được. Ngày hôm sau chúng tôi đến Ben-hai-mơ để quan sát chiến trường và

bố trí lại lực lượng. Quân Ba-vi-e đã nã đạn pháo và trái phá tới tấp xuống đầu bộ binh của chúng tôi, nhưng chỉ làm gãy những cành cây mà sau đó người ta đem trải khắp mặt đường, và trúng vào cái cây có viên đại úy đứng ở đằng sau.

Tiểu đoàn của Đrê-ơ Ô-bơ-muyn-lơ lúc này đã có mặt đông đủ, sẵn sàng dóng hẳn ở Ben-hai-mơ và các vùng lân cận. Đó là một tiểu đoàn trông bề ngoài rất đẹp, được trang bị tốt; đặc biệt là những sĩ quan của nó, với những chòm râu dê và những khuôn mặt ngăm ngăm dầy vẻ nghiêm trang và phấn chấn, trông giống như những kẻ tàn bạo biết tư duy thực sự. Rất may, họ không đến nỗi nguy hiểm như vậy - chúng ta dẫn dà có thể tin được điều này.

Tôi ngạc nhiên thấy rằng đạn dược hầu như không có, rằng phần lớn chiến sĩ mỗi người chỉ có năm sáu viên đạn và chỉ một số ít có hai mươi viên, rằng số dự trữ thậm chí không đủ để nhét đầy những bao đạn rỗng không của những người đã chiến đấu hôm qua. Tôi tức khắc đề nghị đi Khai-dơ-xlao-tơn để lấy đạn và ngay chiều tối hôm đó chuẩn bị lên đường.

Những chiếc xe tải đồ của nông dân lăn bánh chậm chạp, cứ đến mỗi bến xe lại phải trưng dụng xe mới, đường đi không quen, v.v., cũng làm chậm trễ: trời sáng tôi mới tới được Mai-kham-mơ, gần được nửa đường đi đến Noi-stát. Ở đây tôi chạm trán với một quân đội dân quân Piếc-ma-den với bốn khẩu đại bác được gửi đến Hôm-buốc mà ở Khai-dơ-xlao-tơn người ta coi là đã bị mất. Vượt qua Xvai-bruých-ken và Piếc-ma-den, rồi từ đó đi theo những đường núi hết sức xấu họ đã tới được đây, nơi mà, sau hết, từ đó họ ra đồng bằng. Các ngài Phổ không hề vội vã truy kích họ, mặc dù các chiến sĩ của chúng ta ở Piếc-ma-den, bị những khó khăn đã vượt qua, những chặng đường đêm và rượu uống kích thích, vẫn tưởng rằng kẻ địch đang theo sát gót họ.

Mấy giờ sau, hôm ấy là ngày 15 tháng Sáu - tôi tới Noi-stát. Tất cả nông dân đều ở ngoài đường phố, trong số họ có binh lính và lính tình nguyện, như người ta đã gọi ở Pphan-xơ tất cả dân

quân mặc blu-dơ mà không cần phân biệt. Xe tải đồ, pháo và ngựa ùn lại, chặn các ngả đường vào thành phố. Tóm lại, tôi rơi vào giữa toàn bộ quân đội Pphan-xơ đang rút chạy. Chính phủ lâm thời, tướng Snai-đơ, bộ tổng tư lệnh, các viên chức văn phòng - tất cả đều có mặt. Khai-dơ-xlao-tơn với Phrúc-han-lơ của nó, với khách sạn "Đôn-nếc-xbéc", với những quán rượu, - "một điểm chiến lược hết sức thuận lợi của Pphan-xơ" - đã bị bỏ, và lúc này Noi-stát là trung tâm của tình trạng hỗn độn của Pphan-xơ, mà chỉ giờ đây, khi tình hình dẫn đến chiến sự thì cái cảnh hỗn độn ấy mới lên tới cực điểm của nó. Vậy là tôi đi hỏi cặn kẽ mọi vấn đề, lấy càng nhiều càng tốt những thùng thuốc nổ, chì và đạn nhồi sẵn - lẽ nào đạn dược lại có thể còn cần cho cái quân đội chưa trải qua một trận đánh nào mà đã bị hỗn loạn? - và sau vô số những mưu toan vô ích, cuối cùng, tôi đã kiếm được ở một làng bên cạnh một chiếc xe ngựa lớn và đến chiều tối quay về đường cũ với những thứ kiếm được của tôi với mấy người đi hộ tống.

Trước khi lên đường tôi rẽ vào gặp ngài Snai-đơ và hỏi xem ông ta có gì chuyển cho Vi-lích không. Cái tên sành ăn già nua đó chuyển cho tôi mấy mệnh lệnh chẳng có nghĩa gì và với vẻ quan trọng nói thêm: "Anh thấy chưa, chúng ta bây giờ hành động hệt như Cô-sút".

Những nguyên nhân làm cho nghĩa quân Pphan-xơ đi tới chỗ hành động hệt như Cô-sút là như sau. Vào thời kỳ hoàng kim của "cuộc khởi nghĩa", tức là trước khi quân Phổ tấn công, ở Pphan-xơ có gần 5000 - 6000 chiến sĩ được trang bị bằng vũ khí đủ các loại, và từ 1000 đến 1500 chiến sĩ được trang bị bằng liềm. 5000 - 6000 chiến sĩ có thể có được ấy bao gồm, thứ nhất là các đơn vị quân tình nguyện - của Vi-lích và của Ranh - Hét-xen - và thứ hai là cái gọi là dân quân. Ở mỗi vùng có đặt một ủy viên quân sự có nhiệm vụ tổ chức một tiểu đoàn. Hạt nhân của mỗi tiểu đoàn và những người huấn luyện của nó là những binh lính thuộc các đơn vị quân đội của vùng này đã chạy sang hàng ngũ nghĩa quân. Cái chế độ pha trộn đó gồm quân chính quy với

lính mới tuyển, trong những điều kiện có chiến sự khẩn trương, với kỷ luật nghiêm ngặt và không ngừng huấn luyện quân sự có thể sẽ đem lại những kết quả rất tốt đẹp, thì lại chôn vùi toàn bộ sự nghiệp ở đây. Vì thiếu vũ khí nên không thành lập được các tiểu đoàn; binh lính không có việc gì làm, mất hết kỷ luật và tác phong quân sự và phần lớn đã bỏ đi. Cuối cùng, ở một số vùng, người ta đã lập ra được các đội na ná như các tiểu đoàn, ở những vùng khác chỉ có những nhóm vũ trang lẻ tẻ. Những chiến sĩ được trang bị bằng liềm hoàn toàn không thể dùng vào việc gì được; họ luôn luôn làm quẩn chân người khác, họ không thể được sử dụng vào bất kỳ công việc thực sự nào; người ta đã để một bộ phận trong bọn họ làm trợ thủ tạm thời của các tiểu đoàn tương ứng trong khi chờ đợi lĩnh vũ khí cho họ, còn một bộ phận thì hợp thành một đơn vị đặc biệt dưới quyền chỉ huy của Xi-nơ, một đại úy gàn dở. Công dân Xi-nơ, một Pi-xtôn chính cống nhất của Sếch-xpia mà ta có thể hình dung được, - chính là kẻ lúc bỏ chạy khỏi thành Lan-đao, dưới sự chỉ huy của người anh hùng Blen-cơ, đã vấp phải bao kiếm của mình và làm gãy nó, mà sau đó đã thế một cách hết sức hào hứng rằng "quả đạn cháy loại 24 pao đã làm vỡ nó làm hai mảnh", - cái ông Pi-xtôn không ai sánh kịp đó đã được sử dụng đến khi ấy để bình định những làng phản động. Ông ta rất sốt sắng làm công việc đó, cho nên những người nông dân, dù có rất tôn kính đối với ông ta và đơn vị của ông ta, vẫn thấy cần phải đánh ông ta một trận cẩn thận nếu ông ta rơi vào tay họ một mình. Người ta nói rằng mỗi khi trở về sau những chuyến như vậy, những người của ông ta liền bẻ gãy liềm của mình thành từng mảnh, còn chính ông ta trong chuyến đi Khai-đơ-xlao-tơn đã để lại những câu chuyện ghê gớm theo kiểu Phôn-xtáp[100] về những trận chiến đấu của mình với nông dân.

Vì với những lực lượng như vậy, tất nhiên, không thể làm được trò chống gì, nên Mi-e-rốt-xláp-xki, mãi đến ngày 10 tháng Sáu mới tới tổng hành dinh của quân đội Ba-đen, đã ra lệnh cho các đơn vị Pphan-xơ vừa đánh vừa rút về sông Ranh, cố gắng đoạt

lấy bến đò qua sông Ranh ở Man-hem, hoặc nếu không thì vượt sang hữu ngạn sông Ranh ở gần Spây-ơ hoặc ở Kni-lin-ghen, và sau đó bảo vệ bến đò qua sông Ranh từ phía Ba-đen. Đồng thời với mệnh lệnh đó, có tin đưa đến là quân Phổ đã từ Xác-bruých-ken tràn vào Pphan-xơ và sau mấy phát súng đã đánh bật về phía Khai-đơ-xlao-tơn số ít chiến sĩ của ta bố trí ở biên giới. Trong khi đó tất cả những đơn vị quân đội phần nào được tổ chức đã tập trung ở hướng đi Khai-đơ-xlao-tơn và Noi-stát; một sự hoảng loạn cực độ bắt đầu và phần lớn tân binh đã bỏ trốn. Một sĩ quan trẻ tuổi trong đơn vị lính tình nguyện Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ năm 1848 tên là Ra-cốp cùng với 30 người lính đi tập hợp những kẻ đào ngũ và sau hai ngày đêm đã dẫn về 1400 người; anh ta tổ chức họ thành "tiểu đoàn Khai-đơ-xlao-tơn" mà anh ta chỉ huy họ cho đến lúc chiến sự chấm dứt.

Về mặt chiến lược, Pphan-xơ là một địa hình không phức tạp, đến nỗi ở đó thậm chí quân Phổ cũng không thể mắc phải một sơ hở nào. Dọc theo sông Ranh có một thung lũng rộng chừng 4-5 giờ đi bộ, không có bất kỳ những chướng ngại tự nhiên nào. Trong ba ngày hành quân nhẹ nhàng quân Phổ đã từ Croi-xnác và Voóc-mơ tới Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ. Vượt qua những cao điểm của miền đồi núi Pphan-xơ, "quốc lộ đế chế" chạy từ Sác-kê-muyn-đơ đến Ma-in-xơ, phần lớn đi theo hoặc sườn núi, hoặc thung lũng rộng lớn của sông. Nơi đây hầu như cũng không có những chướng ngại tự nhiên nào để cho một quân đội yếu về số lượng, không được huấn luyện về chiến thuật có thể dựa vào đó, cố thủ được, dù chỉ trong một thời gian nào đó. Sau hết, ngay trước biên giới Phổ, gần Hôm-buốc, một con đường rất tốt, tách khỏi "quốc lộ đế chế", dẫn thẳng tới Lan-đao, phần thì chạy theo các thung lũng của sông, phần thì theo sườn dãy Vô-hê-đơ qua Xvai-bruých-ken và Piếc-ma-đen. Thực ra, trên con đường này có nhiều chướng ngại vật tự nhiên hơn, nhưng người ta không thể cắt ngang qua nó với một lực lượng quân đội ít ỏi và không có pháo binh, đặc biệt nếu như một đơn vị quân địch nào đó, vận động ở đồng bằng, có thể chặn được đường rút lui về Lan-đao và

Béc-gơ-xa-béc-nơ.

Vì vậy cuộc tấn công của quân Phổ diễn ra rất dễ dàng. Mũi tiến công thứ nhất thọc từ Xác-bruých-ken theo hướng Hôm-buốc; từ đấy một cánh quân tiến thẳng đến Khai-dơ-xlao-tơn, một cánh quân khác vượt qua Piếc-ma-den đến Lan-dao. Ngay sau đó một đơn vị thứ hai bắt đầu tấn công ở thung lũng Ranh. Ở Kiếc-ha-im-bô-đen đơn vị này đã gặp sự kháng cự mạnh đầu tiên của đội quân Ranh - Hét-xen đóng ở đây. Những tay súng bộ binh Ma-in-xơ bảo vệ Công viên tòa lâu đài rất kiên cường, bất chấp những tổn thất nặng nề. Cuối cùng họ bị đánh vòng sau lưng và họ đã rút lui. Mười bảy người trong bọn họ rơi vào tay quân Phổ. Họ bị áp ngay vào cây và bị những con người hùng say mềm của cái "quân đội quang vinh" bắn thẳng thừng. Bằng hành vi đê mạt đó, quân Phổ đã bắt đầu "cuộc hành quân mặc dù ngắn ngủi, nhưng vinh quang" của mình vào Pphan-xơ.

Như vậy, quân Phổ đã chiếm toàn bộ nửa phía bắc Pphan-xơ và nối liền được cả hai cánh quân chính của mình. Bây giờ họ chỉ còn việc tiến quân theo đồng bằng, giải vây cho Lan-dao và Ghéc-mơ-xhai-mơ, để đảm bảo cho mình khả năng chiếm phần còn lại của Pphan-xơ và bắt làm tù binh tất cả các đội quân có thể còn đang cố thủ ở trong núi.

Ở Pphan-xơ có chừng 30000 quân Phổ với một số kỵ binh và pháo binh. Ở vùng đồng bằng, nơi mà hoàng tử Phổ và Hiếc-sơ-phen-đơ tiến công với một quân đội mạnh nhất, giữa chúng và Noi-stát không còn có gì cả ngoài mấy đội dân quân đã rã ngũ một nửa, không còn khả năng kháng cự, và một phần quân đội Ranh - Hét-xen. Chỉ cần tiến nhanh đến Spây-ơ và Ghéc-mơ-xhai-mơ là đủ để toàn bộ 4000 - 5000 nghĩa quân Pphan-xơ đã tập trung hay nói cho đúng hơn, đã được xáo trộn một cách vô tổ chức ở Noi-stát và Lan-dao bị đánh bại, bị tan tác, phải chạy tán loạn hoặc bị bắt làm tù binh. Nhưng các ngài Phổ, rất nhanh nhẹn khi xử bắn những người tù binh không vũ khí, lại hết sức dè dặt lúc lâm trận và vô cùng uể oải lúc truy kích.

Nếu như khi mô tả toàn bộ cuộc hành quân, tôi còn phải thường xuyên nêu cái thái độ uể oải hết sức đáng ngạc nhiên đó của quân Phổ và của các quân đội đế chế khác - lúc tiến công cũng như lúc truy kích - đối với một quân đội nhỏ bé hơn họ về số lượng, thường là 6 lần và bất luận trong trường hợp nào cũng không ít hơn 3 lần, được tổ chức tồi và nằm dưới quyền chỉ huy của những con người bất tài ở một vài nơi, thì rõ ràng là tôi không hề cho rằng điều đó là tại tính hèn nhát đặc biệt nào đó của những người lính Phổ, nhất là, như độc giả, chắc hẳn, đã nhận thấy, tôi không hề nuôi chút ảo tưởng nào về tinh thần dũng cảm đặc biệt của quân đội chúng ta. Tôi cũng không có ý giải thích điều đó, giống như những kẻ phản động, bằng tấm lòng cao thượng nào đó của quân Phổ và bằng việc họ không muốn làm mình nặng gánh với số tù binh quá lớn. Giới quan lại dân sự và quân sự Phổ đã luôn luôn tìm kiếm từ lâu sự vinh quang trong việc giành một chiến thắng hiển hách trước những kẻ địch yếu và trả thù, trong niềm khoái lạc khát máu, những kẻ không có vũ khí. Cả ở Ba-den lẫn ở Pphan-xơ nó cũng đã hành động như vậy - bằng chứng là những vụ bắn giết ở Kiếc-ha-im-bô-lan-den, những vụ xử bắn ban đêm tại Cung nuôi chim trĩ ở Các-lơ-xru-ê, là vô số những vụ giết thương binh và hàng binh trên tất cả các chiến trường, là việc trừng trị một số ít người bị bắt làm tù binh, những vụ hành quyết theo bản án của các tòa án quân sự mặt trận ở Phrây-buốc và Ra-stát và, sau hết, là cái chết dần mòn, lặng lẽ và vì vậy mà càng tàn ác hơn của những người tù ở Ra-stát vì bị hành hạ, đói khát, giam cầm trong những xà-lim ẩm thấp, chật chội, ngột ngạt vì bệnh thương hàn do tất cả những cái đó gây ra. Nguyên nhân thái độ uể oải của người Phổ khi tiến hành chiến tranh, tất nhiên, là sự hèn nhát, cụ thể là sự hèn nhát của những người chỉ huy. Chưa kể đến cái cách làm việc máy móc, lề mề, hèn nhát trong hành quân và huấn luyện của những con người hùng nước Phổ của chúng ta, mà cái cách làm việc ấy [illegible] không thể thực hiện được một bước táo bạo bất kỳ nào hoặc một quyết định mau lẹ nào, chưa kể đến những

điều lệnh quân sự được quy định quá lật vật có tác dụng gián tiếp nhằm ngăn chặn rất nhiều những thất bại nhục nhã có thể xảy ra, - chẳng lẽ người Phổ lại có thể áp dụng cái biện pháp tiến hành chiến tranh quá ư là chán ngấy ấy đối với chúng ta, nhưng làm ô danh đến cao độ đối với họ nếu như họ đã tin chắc vào những người lính của chính họ? Nhưng toàn bộ vấn đề là ở chỗ đó. Các vị tưởng biết rằng một phần ba quân đội của họ là gồm những trung đoàn quân hậu bị bất trị, quân này sẽ chạy sang phía nghĩa quân ngay sau chiến thắng đầu tiên của nghĩa quân, điều đó sẽ sớm gây ra sự sụp đổ pháo binh. Mà trong trường hợp đó, điều gì sẽ đến với triều đại Hô-hen-txô-léc và với cái "ngai vàng không hề suy yếu"[101] của họ, - điều ấy ai cũng phải hoàn toàn rõ.

Quân đội xuất phát từ Noi-stát lúc sáng sớm đã lại đuổi kịp tôi ở Mai-kham-mơ là nơi tôi phải lưu lại cho đến sáng ngày 16 để chờ xe mới và đội hộ tống mới. Mới hôm qua người ta còn nói tôi tiến quân về Spây-ơ; bây giờ, như vậy là kế hoạch đó đã bị bỏ, và quân đội tiến thẳng đến cầu Kni-lin-ghen. Tôi lên đường với sự hộ tống của mười lăm thanh niên ở Piếc-ma-den, những nông dân trẻ, nửa dã man gần như man rợ quê ở vùng rừng núi heo hút Pphan-xơ. Mãi gần tối Ốp-phen-bắc tôi mới biết là Vi-lích cùng với toàn bộ quân đội của mình đã đi về phía Phran-kvai-lơ, một địa điểm ở về phía tây-bắc Lan-đao. Thế là, tôi quay trở lại và đến gần trưa thì tới Phran-kvai-lơ. Ở đó chẳng những tôi gặp Vi-lích mà còn gặp lại toàn bộ quân tiền đạo của quân đội Pphan-xơ vì không muốn vượt qua giữa Lan-đao và Ghéc-mơ-xhai-mơ, nên đã chọn con đường ở phía tây Lan-đao. Ở khách sạn có chính phủ cùng với các quan chức của nó, có bộ tổng tư lệnh và rất nhiều nhà dân chủ ăn không ngồi rồi, lúc thì ngả theo bên này, lúc thì bên kia. Tướng Snai-đơ đang ăn sáng. Mọi người chạy tới chạy lui: ở khách sạn là các ủy viên trong chính phủ lâm thời, các viên chỉ huy và những kẻ ăn không ngồi rồi; ngoài đường phố là những binh lính. Dần dần cả cái khối chủ yếu của quân đội

cũng tới: ngài Blen-cơ, ngài Tơ-rô-sin-xki, ngài Stơ-ra-xơ và tất cả các ngài khác, cưỡi ngựa chiến, dẫn đầu những con người dũng cảm của mình. Sự lộn xộn ngày một tăng. Dẫn dà người ta cũng điều được những đơn vị lẻ tẻ tiếp tục lên đường về phía Im-phlin-ghen và Can-đen.

Nhìn vẻ ngoài quân đội này người ta không thể nghĩ rằng nó đang rút lui. Tình trạng mất trật tự ngay từ đầu ở đây đã là hiện tượng bình thường, và mặc dù những anh lính trẻ lúc này đã bắt đầu kêu ca về việc không quen hành quân, điều đó cũng không ngăn họ nốc rượu thoải mái tại các quán rượu, làm ồn ào và đe dọa sẽ tiêu diệt quân Phổ trong một thời gian gần đây nhất. Mặc dù có niềm tin thắng lợi đó, chỉ cần một trung đoàn kỵ binh với mấy khẩu pháo loại có ngựa kéo cũng đủ làm cho cái tập đoàn vui vẻ đó chạy tán loạn khắp bốn phương và hoàn toàn đánh tan cái "quân đội Ranh - Pphan-xơ của nền tự do". Muốn thế thì chỉ cần quyết định mau lẹ và can đảm một chút; nhưng ở phía quân Phổ lại không có những cái đó.

Sáng hôm sau chúng tôi lên đường. Trong khi đại bộ phận những người bỏ chạy rút về cầu Kni-lin-ghen thì Vi-lích cùng với đơn vị của mình và tiểu đoàn của Drê-ơ tiến vào núi để chống lại quân Phổ. Một trong những đại đội của chúng tôi gồm gần 50 vận động viên thể dục ở Lan-đao đã tiến lên phía trước tới những quả núi cao nhất, đến Giê-han-ni-xcroi-xơ. Sim-men-phen-ních cùng với đội quân của mình vẫn ở trên đường từ Piếc-ma-den đi Lan-đao. Cần phải kìm chân quân Phổ và chặn đường chúng ở Hin-thơ-Vai-den-than, không cho chúng tiến về Béc-gơ-xa-béc-nơ và thung lũng Lan-tơ.

Trong khi đó Sim-men-phen-ních đã bỏ Hin-thơ-Vai-đen-than và đóng ở Rin-tan và An-vai-tơ. Ở đây con đường lượn vòng khuỷu và chính ở đây những quả núi bao bọc lấy thung lũng Kvây đã tạo thành một cái giống như khe núi mà ở đằng sau nó là làng Rin-tan. Khe này do một đội đại loại như đội bảo vệ đã chiếm giữ. Ban đêm các đội tuần tiễu của đội bảo vệ này báo tin

rằng địch bắn về phía họ. Sáng sớm, cựu ủy viên dân sự Vây-xơ, người ở Xvai-bruých-ken, và một người trẻ tuổi quê ở tỉnh Ranh, là M. Gi.Bếch-cơ, báo tin rằng quân Phổ đang tiến đến gần và yêu cầu cử đội tuần tra đi trinh sát. Nhưng vì việc trinh sát không được tiến hành và các cao điểm ở hai bên khe núi không được chốt giữ, nên Vây-xơ và Bếch-cơ quyết định liều mình tự đi trinh sát. Khi tin tức quân địch tiến đến gần được đưa đến ngày càng nhiều, thì các chiến sĩ của Sim-men-phen-ních bắt đầu dựng chiến lũy trên lối vào khe núi; Vi-lích tới, xem xét địa thế, ra lệnh chiếm các cao điểm và ra lệnh dỡ bỏ cái chiến lũy hoàn toàn không có lợi ấy đi. Sau đó ông ta quay ngựa trở lại An-vai-lơ, đuổi theo đơn vị của mình.

Khi qua Rin-tan, chúng tôi nghe thấy những phát súng đầu tiên. Chúng tôi vội băng qua làng và trông thấy các chiến sĩ của Sim-men-phen-ních đứng thành đội ngũ trên quốc lộ, đa số trang bị bằng liềm - chỉ một số ít là có súng; vài người đã xung trận. Quân Phổ vừa đi vừa bắn, tiến lên các cao điểm; Sim-men-phen-ních rất bình tĩnh để cho chúng nắm lấy cái vị trí mà ông ta lẽ ra phải chiếm lĩnh. Vẫn chưa có một quả đạn nào rơi vào đội quân của chúng tôi; tất cả đều bay cao trên đầu chúng tôi. Khi một quả đạn rít trên đầu những chiến sĩ trang bị bằng liềm, thì cả đội ngũ náo động lên và mọi người cùng kêu la inh ỏi.

Chúng tôi chật vật lắm mới vượt qua được đám quân đội đó, nó án ngữ gần như hết cả đường, gây nên mất trật tự hoàn toàn và hơn nữa, hoàn toàn vô dụng với những chiếc liềm của mình. Các viên chỉ huy đại đội và các viên trung úy cũng bất lực và hoảng hốt như chính những người lính. Những tay súng bộ binh của chúng tôi được điều lên phía trước - một số tiến về hướng phải, một số khác tiến về hướng trái, lên các cao điểm; ngoài ra thêm hai đại đội nữa được điều đi về hướng trái để chi viện cho bộ binh và để tập hậu quân Phổ. Đội quân chủ yếu đóng lại ở thung lũng. Một số tay súng chiếm giữ các vị trí đằng sau đồng chiến lũy đổ nát ở đoạn đường ngoặt và bắn vào đội quân Phổ đóng ở xa, cách đấy mấy trăm bước. Tôi cùng mấy người lính leo lên đồi theo phía trái.

Khi chúng tôi theo sườn đồi có các bụi cây rậm rạp vừa leo được lên tới nơi thì trước mắt chúng tôi là một cánh đồng trống; từ bìa rừng bên kia quân Phổ nhằm bắn chúng tôi bằng những viên đạn hình nón. Tôi lấy thêm mấy chiến sĩ tình nguyện nữa, - những người này leo trên sườn đồi với vẻ yếu ớt và hơi nhát gan, - và bố trí họ vào những chỗ có thể ẩn nấp được rồi bắt đầu quan sát kỹ địa hình. Tôi không thể cùng với nhóm binh sĩ băng qua cánh đồng hoàn toàn trống, rộng chừng 200 - 250 bước để tiến lên, chừng nào đơn vị được điều thêm về hướng trái để đánh tập hậu chưa tới được mé sườn quân Phổ; trong trường hợp khả quan nhất, chúng tôi chỉ có thể giữ cho vững, bởi vì chỗ chúng tôi nấp vốn đã không được tốt lắm. Vả lại, tuy có những khẩu súng bắn đạn hình nón, nhưng quân Phổ bắn quá tồi; hơn nửa tiếng đồng hồ chúng tôi ở dưới tầm hỏa lực hết sức mạnh, hầu như chẳng có chỗ ẩn nấp, thế mà các tay súng thiện xạ của địch chỉ bắn trúng nòng một khẩu súng và một vạt áo choàng mà thôi.

Sau hết, tôi cần phải biết Vi-lích đang ở đâu. Các chiến sĩ của tôi hứa với tôi sẽ giữ vững trận địa, và tôi bò ngược trở lại, theo sườn đồi xuống phía dưới. Ở dưới đó mọi viện vẫn ổn. Đội quân chính của bọn Phổ bị các tay súng của chúng tôi ở trên đường và phía bên phải nó bắn rát, buộc phải rút lui về phía sau một chút. Ở mé trái, từ trên sườn đồi, nơi tôi đang đứng, các chiến sĩ tình nguyện của chúng tôi đột nhiên lao bổ xuống, bỏ mặc vị trí của mình. Thì ra, các đại đội đi men bên trái sườn - bị vơi đi nhiều vì có nhiều tay súng tụt lại đằng sau - cho rằng con đường qua khu rừng ở trước mặt là quá dài; dưới sự chỉ huy của viên đại úy có nhiều tay súng tụt lại đằng sau - cho rằng con đường qua khu rừng ở trước mặt là quá dài; dưới sự chỉ huy của viên đại úy đã thắng trận ở Ben-hai-mơ, họ đi thẳng qua cánh đồng. Họ đã gặp hỏa lực mạnh; viên đại úy và nhiều chiến sĩ đã ngã xuống, và những người còn lại không có chỉ huy đã phải chùn lại trước kẻ địch có lực lượng trội hơn. Lúc này quân Phổ tiến lên, đi vòng qua phía sườn các tay súng của chúng tôi, bắn vào họ từ trên

cao và như vậy buộc họ phải rút lui. Chẳng mấy chốc cả quả đồi đã lọt vào tay quân Phổ. Chúng ngắm bắn vào các đội quân của chúng tôi từ trên cao; chúng tôi chẳng làm gì được, và bắt đầu rút. Con đường bị án ngữ bởi các đội quân của Sim-men-phen-ních và tiểu đoàn của Đrê-ơ-Ô-bơ-muyn-lơ, là những người, theo cái tục lệ đáng khen ở Ba-den, vẫn đi đều bước với hàng ngang không phải 4 - 6 người, mà với nửa trung đội, 12 - 15 người, và choán hết cả bề rộng mặt đường. Người của chúng tôi đành phải qua những cánh đồng lầy tiến về phía làng. Tôi ở lại với những tay súng bộ binh yểm hộ cho cuộc rút lui.

Trận đánh bị thất bại, một phần vì Sim-men-phen-ních không ra lệnh chiếm lĩnh các cao điểm mặc dầu đã có lệnh của Vi-lích, những cao điểm mà chúng tôi, vì ở trong tay chỉ có một số rất ít quân có khả năng chiến đấu, nên không thể lấy lại được của quân Phổ, một phần vì quân của Sim-men-phen-ních và tiểu đoàn của Đrê-ơ hoàn toàn vô dụng, sau hết, phần nữa là sự nôn nóng của viên đại úy được điều đi đánh tập hậu quân Phổ, - sự nôn nóng làm cho ông ta xuýt mất mạng và làm cho sườn trái của chúng tôi bị hở. Vả lại, thất bại đó của chúng tôi lại là may cho chúng tôi: một cánh quân Phổ đã ở trên đường đi Béc-gơ-xa-béc-nơ, Lan-đao đã được giải vây, và, do đó, ở Hin-thơ-Vai-den-than chúng tôi sẽ bị vây từ phía.

Khi rút lui chúng tôi mất nhiều người hơn là khi đánh nhau. Thỉnh thoảng những viên đạn Phổ lại trúng vào đội quân dày đặc, đi chuyển phần lớn trong cảnh hỗn độn cổ điển, la thét và làm ầm ĩ. Chúng tôi có khoảng 15 người bị thương, trong số đó có Sim-men-phen-ních ngay mở đầu trận đánh đã bị thương vào đầu gối. Cả lần này nữa quân Phổ cũng truy kích chúng tôi rất uể oải và chẳng mấy chốc đã ngừng bắn. Chỉ còn mấy tay súng trên các sườn đồi là còn tiếp tục truy kích chúng tôi. Ở An-vai-lơ, cách chỗ đánh nhau nửa giờ đi bộ, chúng tôi rất bình tĩnh củng cố lại đội ngũ và sau đó tiến về An-béc-xvai-lơ. Chúng tôi đã nhận được cái cần thiết nhất: 3000 gun-den trong khoản công trái cưỡng

bức đã có sẵn ở An-vai-lơ. Sau này người Phổ gọi đó là vụ cướp tiền. Say sưa với thắng lợi của mình, họ cũng khẳng định rằng đại úy Man-toi-phen trong đơn vị chúng tôi, một người họ hàng của Man-toi-phen đáng kính ở Béc-lin, một cựu hạ sĩ quan Phổ chạy sang phía chúng tôi, hình như đã chết ở Rin-tan. Ngài Man-toi-phen chẳng những không chết, mà thậm chí từ đó còn đoạt giải trong những cuộc thi thể dục ở Xuy-rích.

Tại An-béc-xvai-lơ, thêm hai khẩu pháo và một bộ phận viện binh do Mi-ê-rốt-xláp-xki phái đến sáp nhập vào chúng tôi. Chúng tôi muốn lợi dụng cái đó để một lần nữa thử bố trận ở những địa điểm này; nhưng ở đây chúng tôi được tin là quân Phổ đã có mặt ở Lan-đao, và vì vậy chúng tôi không có cách nào khác là đi thẳng đến Lan-ghen-can-den.

Ở An-béc-xvai-lơ, rất may mắn là chúng tôi đã tránh được những đội quân không có khả năng chiến đấu đang tiến cùng chúng tôi. Đơn vị của Sim-men-phen-ních đã tan rã một phần sau khi mất người chỉ huy và đã tự ý đi về hướng Can-đen[1*]. Đơn vị này tiếp tục để lại ở mỗi quán rượu những chiến sĩ kiệt sức hoặc tụt hậu do những nguyên nhân khác. Tiểu đoàn của Đrê-ơ đến An-béc-xvai-lơ thì bắt đầu nổi loạn. Vi-lích và tôi đến chỗ các chiến sĩ và hỏi xem họ muốn gì. Mọi người đều yên lặng. Cuối cùng, một lính tình nguyện đã khá đứng tuổi thốt lên: "Người ta muốn đưa chúng tôi đến chỗ chết!" Tiếng kêu đó vang lên thật hài hước quá đỗi ở cái đơn vị thậm chí còn chưa hề tham gia một trận đánh nào và trong khi rút lui có hai, cùng lắm là ba người bị thương nhẹ. Vi-lích hạ lệnh cho người đó bước lên khỏi hàng quân và nộp vũ khí. Con người có râu bạc ấy, hơi chếnh choáng say, thi hành mệnh lệnh, diễn một màn bi hài kịch và tấm tức nói một thôi dài mà ý nghĩa tóm tắt chỉ là ông ta chưa bao giờ phải chịu cảnh như hiện tại. Khi ấy giữa đám binh lính rất hiền lành nhưng kém kỷ luật đó nổi lên một sự bất mãn chung, do đó Vi-lích đã hạ lệnh cho toàn đại đội ngay lập tức lên

1*- tức là Lan-ghen-can-đen

đường, nói rằng ông ta đã chán ngán nghe những lời huyên thuyên và những tiếng cầu nhàu và ông không thiết chỉ huy những loại lính tráng như vậy thêm một phút nào nữa. Đại đội cũng không để phải yêu cầu nhiều, quay bên phải là lên đường. Năm phút sau, bộ phận còn lại của tiểu đoàn, được Vi-lích còn cho thêm hai khẩu pháo nữa, nối gót họ lên đường. Họ không thích bị "người ta đưa đến chỗ chết" và thích phải tuân thủ kỷ luật! Chúng tôi rất vui lòng để họ đi.

Chúng tôi rẽ tay phải, vào vùng núi đồi, theo hướng đi Im-phlin-ghen. Chẳng mấy chốc chúng tôi tới gần quân Phổ; những tay súng của chúng tôi bắn nhau với chúng vài phát. Nói chung cả buổi chiều thinh thoảng lại vang lên tiếng súng. Tôi dừng lại ở ngay làng thứ nhất để cho người liên lạc mang những chỉ thị xuống cho đại đội của chúng tôi gồm các vận động viên ở Lan-đao; tôi không biết là đại đội có nhận được những chỉ thị đó không, nhưng đại đội đã chuyển sang Pháp được an toàn, rồi từ đó sang Ba-đen. Vì dừng lại như vậy, tôi bị lạc mất đơn vị của tôi và đành phải đi tới Can-đen một mình. Trên các nẻo đường lếch thếch từng đoàn lính tụt lại đằng sau các đơn vị của họ; mọi quán rượu đều chật ních người; tưởng như toàn bộ cảnh huy hoàng ấy đã kết thúc thảm thương. Các sĩ quan không có lính, các lính không có sĩ quan, đám lính tình nguyện nhiều màu sắc từ tất cả các đội quân, người đi bộ, kẻ đi xe - tất cả vội vã đổ về Can-đen. Mà người Phổ thậm chí chẳng hề nghĩ đến việc truy kích cho nghiêm chỉnh! Im-phlin-ghen chỉ cách Lan-đao một giờ, Vuếc-thơ (trước cầu Kni-lin-ghen) cách Ghéc-mơ-xhai-mơ 4 - 5 giờ; trong khi đó thì người Phổ chẳng vội điều quân đội đến nơi này cũng như nơi kia để có thể chặn đứng ở nơi này những binh lính tụt hậu, ở nơi kia - toàn bộ quân đội. Thật là những vòng nguyệt quế của hoàng tử Phổ đã giành được một cách độc đáo!

Tại Can-đen tôi gặp Vi-lích, nhưng không gặp đơn vị của ông ta vì nó đóng ở xa hơn, ở ngoại thành. Tuy nhiên, tôi lại được thấy chính phủ lâm thời, bộ tổng tư lệnh và đoàn tùy tùng rất đông gồm những kẻ vô công rồi nghề. Cũng hệt như hôm qua ở Phran-kvai-lơ, chỗ nào cũng đầy ứ các đội quân, chỉ có điều là ở đây còn hỗn độn và nhốn nháo nhiều hơn. Phút phút lại thấy các sĩ quan đến tìm đơn vị của mình, hoặc lính đi tìm chỉ huy của mình. Không ai có thể chỉ dẫn cho họ. Hoàn toàn vô tổ chức.

Sáng hôm sau, ngày 18 tháng Sáu, toàn bộ tập đoàn đó diễn hành qua Vuếc-thơ và cầu Kni-lin-ghen. Mặc dù đã có nhiều binh lính tan tác đi và bỏ về nhà, quân đội cùng với những đơn vị viện binh từ Bai-đen tới vẫn còn đến 5000 - 6000 người. Họ hiên ngang đều bước theo Vuếc-thơ đến nỗi tưởng như họ vừa đánh chiếm được làng này và đang tiến bước đến những thắng lợi mới. Tưởng chừng như họ vẫn hành động như Cô-sút. Chỉ có một tiểu đoàn quân chính quy Ba-đen là còn giữ được tác phong quân sự và có thể đi ngang qua một quán rượu mà không để lại ở đó vài chàng lính. Cuối cùng, đơn vị của chúng tôi đến. Chúng tôi ở lại làm nhiệm vụ yểm hộ, chờ cho đến khi có thể giỡ cầu; khi mọi việc đã xong, chúng tôi vượt sang Ba-đen và giúp vào việc giỡ cầu.

Nhằm xử sự tử tế đối với những người tiểu thị dân dũng cảm ở Các-lơ-xru-ê, là những người mà ngày 6 tháng Sáu đã rất can đảm tự vệ chống lại những người cộng hòa[102], chính phủ Ba-đen đã bố trí cho toàn thể quân đội Pphan-xơ đóng quân ở các vùng phụ cận. Còn chúng tôi cũng cương quyết đòi để cho đơn vị của chúng tôi được bố trí ở Các-lơ-xru-ê; chúng tôi cần thu xếp nhiều thứ và kiếm cho ra một lô quần trang và, ngoài ra, chúng tôi cho rằng sự có mặt của một đội quân cách mạng đáng tin cậy ở Các-lơ-xru-ê là điều đáng mong muốn. Nhưng ông Bren-ta-nô đã chăm lo đến chúng tôi. Ông ta phái chúng tôi đến Đác-xlan-đen, một làng ở cách Các-lơ-xru-ê một giờ rưỡi đi bộ, mà người ta mô tả cho chúng tôi như là một En-đô-ra-đô thật sự. Chúng tôi tới nơi và thấy rằng đó là cái ổ phản động nhất trong toàn vùng. Không đồ ăn, không thức uống, chật vật lắm mới kiếm nổi ít rơm; một nửa đơn vị phải ngủ ngay trên sàn nhà trơ trụi. Thêm

vào đó là những bộ mặt rầu rĩ ở khắp các cửa ra vào và cửa sổ. Chúng tôi quyết định mau lẹ. Ông Bren-ta-nô được báo trước là, nếu chúng tôi không nhận được căn nhà khác, tốt hơn, thì sáng hôm sau, ngày 19 tháng Sáu, chúng tôi sẽ có mặt tại Các-lơ-xru-ê. Nói là làm. Vào 9 giờ sáng chúng tôi lên đường. Chúng tôi chưa kịp ra khỏi làng một tầm súng thì gặp ông Bren-ta-nô với một sĩ quan tham mưu; ông ta dùng đủ mọi lời nịnh nọt có thể có được và toàn bộ nghệ thuật hùng biện để giữ chúng tôi xa Các-lơ-xru-ê hơn nữa. Thành phố, vậy là, đã chứa 5000 người; bọn người giàu có hơn đã bỏ đi, còn những người trung lưu thì đã quá khổ sở vì tình trạng lính đóng quân ở nhà họ; ông ta sẽ không để quân đội dũng cảm của Vi-lích, mà mọi người đều ngợi ca cái vinh quang của nó, lại phải ở một chỗ tồi tàn, v.v.. Nhưng chẳng giúp ích gì được cả. Vi-lích yêu cầu dành cho chúng tôi mấy biệt thự để trống sau khi những chủ nhân quý tộc của những ngôi nhà này ra đi, nhưng vì Bren-ta-nô không muốn cấp cho chúng tôi những biệt thự ấy, nên chúng tôi đã vào đóng tại các doanh trại ở Các-lơ-xru-ê.

Ở Các-lơ-xru-ê chúng tôi lĩnh được súng và đại đội của chúng tôi gồm những chiến sĩ trang bị bằng liềm, và một số dạ may áo khoác. Chúng tôi chăm lo sao cho có thể mau chóng sửa chữa xong giày dép và áo quần. Gia nhập thêm vào đơn vị chúng tôi cũng có những người mới, một số công nhân mà tôi quen trong cuộc khởi nghĩa En-bơ-phen-đơ, tiếp đó là Kin-ken xung vào đại đội công nhân Bơ-đăng-xông làm một tay súng và Xi-khlin-xki, một sĩ quan tùy tùng của vị tổng tư lệnh trong cuộc khởi nghĩa Đre-xđen, đã từng chỉ huy quân hậu vệ khi nghĩa quân rút lui. Anh ta nhập vào đại đội sinh viên làm một tay súng.

Cùng với việc bổ sung quân trang quân dụng, chúng tôi cũng không quên huấn luyện chiến thuật. Chúng tôi học tập cần cù và sang ngày thứ hai kể từ khi tới đây chúng tôi bắt đầu tập công phá Các-lơ-xru-ê từ Quảng trường hoàng cung. Sự phẫn nộ sâu sắc và phổ biến của những người tiểu thị dân trước những cuộc tập trận đó cho thấy họ rất hiểu mối hiểm họa.

Cuối cùng người ta đã thông qua một quyết định táo bạo - trưng dụng vũ khí trong lâu đài của vị đại công tước mà cho đến nay vẫn được giữ nguyên vẹn như bảo vật thiêng liêng. Chúng tôi đang đặt làm cỗ nổ cho 20 khẩu súng lấy ở đó thì có tin quân Phổ đã vượt sông Ranh ở Ghéc-mơ-xhai-mơ và đang ở Gra-bên và Brúc-đan.

Chúng tôi lên đường ngay - đó là vào chiều ngày 20 tháng Sáu - mang theo hai khẩu đại bác của Pphan-xơ. Khi chúng tôi tới Blan-ken-lốc, cách Các-lơ-xru-ê một giờ rưỡi đi bộ về hướng đi Brúc-đan, chúng tôi gặp ông Clê-man-tơ cùng tiểu đoàn của ông ta ở đây và được biết là các trạm tiền tiêu của quân Phổ đã tiến cách Blan-ken-lốc chừng một giờ đi bộ. Trong khi quân của chúng tôi ăn cơm tối, vai vẫn đeo súng, thì chúng tôi họp hội đồng quân sự. Vi-lích đề nghị tấn công quân Phổ ngay. Nhưng ông Clê-man-tơ tuyên bố rằng quân đội thiếu kinh nghiệm của ông ta không thể tấn công vào ban đêm được. Vì vậy người ta quyết định là chúng tôi sẽ tiến về Các-lơ-xđoóc-phơ ngay, sẽ tấn công quân Phổ vào trước lúc trời sáng và cố gắng chọc thủng phòng tuyến của chúng. Trong trường hợp thắng, chúng tôi định tiến về Brúc-đan và cố gắng đột nhập vào thành phố đó. Trong trường hợp đó ông Clê-men-tơ, vào lúc trời sáng, phải triển khai tấn công vượt qua Phri-đrích-xtan và yểm trợ cho cánh trái của chúng tôi.

Gần nửa đêm chúng tôi lên đường. Dự kiến của chúng tôi tương đối táo bạo. Chúng tôi có chưa đến bảy trăm người với hai khẩu đại bác; quân đội của chúng tôi được huấn luyện tốt hơn và đáng tin cậy hơn những đơn vị quân đội của Pphan-xơ còn lại và được thử lửa. Với những lực lượng như vậy chúng tôi định tấn công một tập đoàn quân địch dù sao cũng được huấn luyện tốt hơn nhiều và có một đội ngũ sĩ quan sơ cấp dày kinh nghiệm hơn là các sĩ quan của chúng tôi, mà trong đó lại có những người chỉ huy đại đội mới kịp kinh qua dân quân, - một tập đoàn quân mà về số lượng chính xác chúng tôi không biết, nhưng có không dưới 4000 người. Tuy nhiên đơn vị chúng tôi đã từng thắng những

trận còn không cân sức hơn thế, và trong cuộc hành quân này nói chung chúng tôi không thể trông mong vào một tương quan về số lượng có lợi hơn.

Chúng tôi cử 10 sinh viên làm tiền quân đi trước một trăm bước. Sau đó tiếp đến đội quân thứ nhất, dẫn đầu là một nửa tá long kỵ binh Ba-đen mà người ta dành cho chúng tôi để làm nhiệm vụ liên lạc, sau họ là ba đại đội. Các khẩu đại bác mà ba đội còn lại đi sau một chút, các tay súng bộ binh đi sau rốt. Lệnh được ban ra là không được bắn trong bất kỳ điều kiện nào, ngậm tăm mà tiến ya, khi thấy địch, thì đâm bằng lưỡi lê.

Chẳng bao lâu, ở phía xa chúng tôi đã nhìn thấy ánh lửa canh phòng của quân Phổ. Chúng tôi đi đến tận Spi-ốc mà không bị tập kích. Lực lượng chính dừng lại; chỉ có đội tiền quân tiếp tục tiến. Bất thình lình súng nổ; trên đường, ở lối vào làng một đống lửa rơm cháy sáng rực, chuông đổ hối. Những tay súng của chúng tôi vòng bên phải và bên trái làng, và đội quân tiến vào làng. Trong làng cũng có những đống lửa đang cháy; ở mỗi góc chúng tôi đều chờ đợi những loạt súng nổ. Nhưng tất thảy đều yên tĩnh, và gần tòa nhà hương chính chỉ có một trạm gác nào đó của nông dân. Trạm gác của quân Phổ đã rút đi.

Các ngài Phổ - đến bây giờ chúng tôi mới thấy rõ, - mặc dù có ưu thế to lớn về lực lượng, vẫn cảm thấy không được an toàn, nếu như không thực hiện cái điều lệnh có tính chất thông thái rởm của mình về khoa mục canh gác cho tới những chi tiết hết sức ngán ngẩm. Cái bốt canh tiền duyên này của chúng dặt cạnh doanh trại đúng một giờ đi bộ. Nếu như chúng tôi làm việc kiệt sức quân đội chưa quen với những vất vả trong chiến tranh của chúng tôi bằng một công tác canh phòng như vậy, thì chúng tôi sẽ có không biết bao nhiêu mà kể những quân sĩ mệt mỏi. Chúng tôi tính đến sự hèn nhát của quân Phổ và cho rằng chúng phải gờm chúng tôi nhiều hơn là chúng tôi đối với chúng. Thực vậy đó. Cả những bốt canh của chúng tôi cũng như những nơi đóng quân của chúng tôi suốt dọc cho tới biên giới Thụy Sĩ không hề

bị tấn công một lần nào.

Dù sao, hiện nay, quân Phổ cũng đã được đánh động trước. Chúng tôi có nên quay lại không? Chúng tôi không có ý định làm như thế và cứ tiếp tục tiến.

Tới gần Noi-thác - chuông lại đổ hối; nhưng lần này chẳng có ánh lửa tín hiệu, chẳng có phát súng nào. Xiết chặt đội ngũ hơn một chút, và tại đây chúng tôi cũng còn đi xuyên qua làng và leo lên một quả đồi hướng Các-lơ-xđoóc-phơ. Vừa lên tới đỉnh đồi thì đội quân tiên phong của chúng tôi, lúc này chỉ ở trước chúng tôi ba mươi bước, phát hiện thấy ngay trước mặt mình một đội tuần tiễu dã chiến của quân Phổ; chúng quát hỏi đội tiên phong của chúng tôi. Tôi nghe thấy một tiếng hô: "Ai?" và chạy bổ về phía trước. Một đồng chí của tôi nói: "Anh ta đã hy sinh, chúng ta chẳng còn được thấy anh ta nữa". Nhưng chính việc tôi chạy bổ lên trước ấy đã cứu sống tôi.

Thì ra ngay phút giây đó đội tuần tiễu dã chiến của chúng tôi đã bắn một loạt súng, và đội tiên phong của chúng tôi, lẽ ra phải dùng lưỡi lê hạ thủ nó, thì cũng lại nổ súng. Những long kỵ binh mà tôi đi liền bên trong lúc hành quân, vốn dĩ hèn nhát đã quay phắt ngựa lại, phi thẳng vào đội quân, hất ngã người này, hoàn toàn phá rối đến sáu hàng đầu rồi phóng ngựa chuồn mất. Cũng trong lúc đó bọn kỵ binh tuần tra của địch ở cánh đồng bên phải và bên trái bắt đầu bắn vào chúng tôi, và để tăng thêm nữa cái cảnh hoảng loạn đó, có mấy thằng ngu ngốc cứ nhè bộ phận đi đầu của chính đơn vị mình mà nổ súng và những thằng ngu ngốc khác cũng bắt chước chúng. Trong giây lát một nửa đội quân đi đầu bị tán loạn, binh lính phần thì tán loạn khắp cánh đồng phần thì bỏ chạy, phần thì tụm lại thành một đống nhốn nháo trên đường. Những người bị thương, những bao dạn, những mũ, những súng ống nằm ngổn ngang trong đám lúa mì mới. Và thêm vào đấy là những tiếng la thét hỗn loạn rùng rợn, những phát súng và tiếng đạn rít ở khắp mọi hướng. Và khi sự ầm ĩ đã dịu bớt, thì tôi nghe thấy tiếng xe đại bác của chúng tôi tít ở phía

sau lăn chạy vội vã. Chúng cũng dành cho nửa thứ hai của đội quân một sự hỗ trợ giống như bọn kỵ binh đã dành cho nửa thứ nhất.

Mặc dù lúc đó tôi bực tức về tinh thần khiếp đảm như con nít bao trùm quân lính chúng tôi, tôi vẫn thấy quân Phổ thật thảm hại vô cùng: tuy đã biết trước là chúng tôi đang đến gần, sau vài phát đạn chúng đã thôi không nổ súng nữa và cũng rất vội vã cao chạy xa bay. Đội tiên phong của chúng tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ mà không bị tấn công gì cả. Chỉ cần một đại đội bộ binh hay một hỏa lực bộ binh tương đối dày cũng đủ để làm chúng tôi tháo chạy bạt vía rồi.

Vi-lích tách khỏi đội tiên phong, vội phi ngựa đến chỗ đơn vị. Đại đội Bơ-dăng-xông là đại đội đầu tiên chỉnh đốn lại hàng ngũ, số còn lại, ít nhiều bẽ bàng, sáp nhập vào họ. Trời bắt đầu hửng sáng. Tổn thất của chúng tôi gồm sáu người bị thương, trong đó có một sĩ quan tham mưu của chúng tôi bị ngựa của long kỵ binh xéo ở ngay cái chỗ mà một phút trước đó tôi rời bỏ để chạy vội lên đội tiên phong. Ngoài ra có mấy người rõ ràng là bị đạn của chính quân của chúng tôi bắn sây sát. Chúng tôi nhặt nhạnh cẩn thận mọi thứ quân trang bị vất lại để quân Phổ không thể vớ được dù chỉ một chiến lợi phẩm nhỏ nhất, rồi sau đó từ từ quay lại Noi-thác. Những tay súng được bố trí ở đằng sau những dãy nhà làm nhiệm vụ yểm hộ. Nhưng không thấy quân Phổ xuất hiện, và khi Xi-khlin-xki đi trinh sát một lần nữa thì phát hiện chúng vẫn ở bên kia núi bắn sang anh ta vài phát, nhưng không sao cả.

Những người nông dân Pphan-xơ chuyên chở đại bác cho chúng tôi đã đưa một trong hai khẩu đi qua làng, khẩu kia bị lật, và những người đánh xe cắt đứt dây kéo, chuồn mất cùng với 5 con ngựa. Chúng tôi đành phải nâng đại bác lên và cho độc một con ngựa thồ kéo đi.

Đến Spi-ốc, chúng tôi nghe thấy ở bên phải từ mạn Phri-đrích-xtan, súng bắn dần dần càng dữ dội. Ông Clê-men-tơ, cuối cùng, đã bắt đầu tấn công - muộn hơn thời gian quy ước một giờ. Tôi đề nghị chi viện cho ông ta bằng một cuộc tấn công thọc sườn nhằm gỡ lại cái đã mất. Vi-lích cũng có ý như vậy và ra lệnh cho chúng tôi tiến theo con đường đầu tiên rẽ về tay phải. Một bộ phận đơn vị chúng tôi đã rẽ sang hướng đó khi một sĩ quan liên lạc, từ chỗ Clê-men-tơ tới, báo cho biết Clê-men-tơ đang rút lui. Bởi vậy chúng tôi hướng tới Blan-ken-lốc. Chẳng mấy lúc chúng tôi gặp ông Boi-stơ thuộc bộ tổng tham mưu; ông ta hết sức ngạc nhiên khi thấy chúng tôi còn toàn vẹn và không bị thiệt hại gì, còn quân đội thì vẫn hoàn toàn tề chỉnh. Những tên long kỵ đểu cáng, khi phóng ngựa tháo chạy về đến Các-lơ-xru-ê, đã kể khắp nơi rằng hình như Vi-lích đã bị giết, tất cả các sĩ quan đã bị giết, còn quân đội thì tan tác tứ phương và đã bị tiêu diệt. Hình như người ta đã bắn vào chúng tôi những dạn ghém và "những quả đạn cháy".

Đến gần Blan-ken-lốc chúng tôi gặp các quân đội của Pphan-xơ và Ba-đen và, cuối cùng, là ông Snai-đơ với bộ tham mưu của ông ta. Cái gã già lâu cá hẳn là vừa mới ngủ qua một đêm rất bình yên trên giường nệm, vẫn còn đủ trắng tráo để gào thét với chúng tôi: "Hỡi các ngài, các ngài đi đâu vậy? Quân địch ở kia kìa!" Chúng tôi, lẽ đương nhiên, đã trả lời ông ta một cách thích đáng, đi qua mặt ông ta đến Blan-ken-lốc thu xếp nghỉ ngơi và lấy lại sức một chút. Hai giờ sau, ông Snai-đơ trở về cùng với quân của ông ta, dĩ nhiên không gặp địch, và ngồi vào ăn sáng.

Bây giờ dưới quyền chỉ huy của ông Snai-đơ, cùng với những viện binh từ Các-lơ-xru-ê và các vùng phụ cận tới, có gần 8000 - 9000 người, trong số đó có ba tiểu đoàn quân chính quy Ba-đen và hai khẩu đội pháo Ba-đen. Tổng cộng có tới gần 25 khẩu pháo. Do một mệnh lệnh không được rõ ràng lắm mà Mi-e-rốt-xláp-xki, mà hơn nữa do sự bất tài hoàn toàn của ông Snai-đơ, nên toàn bộ quân đội Pphan-xơ vẫn đóng lại ở vùng phụ cận. Các-lơ-xru-ê, trong khi đó nhờ sự yểm hộ của đồn đầu cầu Ghéc-mơ-xhai-mơ, quân Phổ đã vượt qua sông Ranh. Mi-e-rốt-xláp-xki ra một mệnh

lệnh chung (xem bản báo cáo về cuộc hành quân Ba-den của ông[103] - là sau khi rút khỏi Pphan-xơ phải giữ các bến đò qua sông Ranh từ Spây-ơ đến Kni-lin-ghen, và một mệnh lệnh đặc biệt - là phải yểm trợ cho Các-lơ-xru-ê và lấy cầu Kni-lin-ghen làm cụm điểm của toàn quân đội. Ông Snai-đơ hiểu mệnh lệnh đó là ông ta phải tiếp tục đóng lại ở Các-lơ-xru-ê và Kni-lin-ghen cho đến khi có những mệnh lệnh mới. Giả ông ta điều một đơn vị mạnh có pháo binh đi đánh chiếm cứ điểm đầu cầu Ghéc-mơ-xhai-mơ, điều này được coi như mệnh lệnh chung của Mi-e-rốt-xlấp-xki, thì thiếu tá Mnép-xki với 450 tân binh không có pháo binh đã không phải nhận một cái lệnh phi lý là đánh chiếm lấy cứ điểm đầu cầu, 30000 quân Phổ không thể vượt sông Ranh mà không gặp trở ngại gì, đường dây liên lạc với Mi-e-rốt-xlấp-xki đã không bị đứt và quân đội Pphan-xơ đã có thể kịp thời đến trận địa ở Vác-hoi-den. Đáng lẽ phải làm như vậy vào ngày diễn ra trận Vác-hoi-den, ngày 21 tháng Sáu, thì đội quân đó lại lúng túng quanh quẩn đi lại ở giữa Phri-đrích-xtan, Vai-gác-ten và Brúc-dan, quên không lưu ý đến quân địch và phung phí thời gian vô ích vào những cuộc chuyển quân tiến, lui khắp các ngả.

Chúng tôi được lệnh tiến sang phải và men theo sườn núi vượt qua Vai-gác-ten. Trưa ngày 21 tháng Sáu đó chúng tôi đã ra khỏi Blan-ken-lốc, và lúc gần 5 giờ chiều thì ra khỏi Vai-gác-ten. Cuối cùng, quân Pphan-xơ bắt đầu hoang mang; họ nhận thấy ưu thế của những lực lượng chống lại họ và mất cái tính vô tư mà họ thường khoe khoang cho đến nay, ít ra là cho đến trước khi lâm trận. Từ giờ phút đó dân quân Pphan-xơ và Ba-den, rồi dần dà của quân đội chính quy lẫn pháo binh bắt đầu có cảm giác là quân Phổ ở khắp mọi nơi, và tình trạng báo động không có thực này được lặp đi lặp lại hằng ngày trong họ và gây ra một sự hỗn loạn chung và là nguyên nhân của những cảnh nực cười. Ngay trên một cao điểm đầu tiên ở phía sau Vai-gác-ten, những quân tuần tra và nông dân chạy bổ đến chỗ chúng tôi với tiếng kêu: "Quân Phổ đã tới!". Đơn vị của chúng tôi xếp thành đội hình chiến đấu và tiến về phía trước. Tôi quay trở lại thị trấn để báo động.

và vì vậy mà lạc mất đơn vị. Tất nhiên, toàn bộ cái cảnh huyên náo đó là vô cớ: quân Phổ đã rút về hướng Vác-hoi-den, và Vi-lích ngay chiều hôm đó đã vào Brúc-dan.

Tôi với ông Ô-xvan và tiểu đoàn Pphan-xơ của ông ta nghỉ đêm tại Ô-bơ-grôm-bác, và sáng hôm sau cùng họ đi Brúc-dan. Cách thành phố không xa chúng tôi gặp những chiếc xe ngựa đi ngược chiều chở những người lính tụt hậu đang kêu lên: "Quân Phổ đã tới!". Cả tiểu đoàn lập tức nhốn nháo và thật là vất vả lắm mới thúc họ tiến lên phía trước. Tất nhiên, đó cũng lại là báo động giả; ở Brúc-dan có Vi-lích với bộ phận còn lại của đội tiền phong Pphan-xơ; những đơn vị khác lần lượt tới, còn quân Phổ thì chẳng thấy bóng dáng đâu cả. Ngoài quân đội và các viên chỉ huy của họ ra, ở đây còn có Đét-xte, chính phủ Pphan-xơ trước đây, và Guê-gơ, người mà, nói chung, từ khi thiết lập nền chuyên chế tuyệt đối của Bren-ta-nô thì hầu như chỉ ở trong quân đội và giúp giải quyết những công việc dân sự hằng ngày. Việc cung cấp cho quân đội rất tồi tệ, tình hình rất lộn xộn. Chỉ có ở đại bản doanh là người ta vẫn sống phè phỡn như mọi khi.

Chúng tôi lại nhận được khá nhiều đạn lấy từ kho dự trữ Các-lơ-xru-ê, và chiều tối chúng tôi lên đường, và đi cùng với chúng tôi có cả toàn đội tiền phong. Trong lúc đội tiền phong đựng trại ở Úp-stát, chúng tôi rẽ tay phải đến Un-thơ-uê-xhai-mơ để bảo vệ mé sườn núi.

Nhìn bề ngoài, lúc này chúng tôi là một lực lượng rất ghê gớm. Đơn vị của chúng tôi nhận được viện binh gồm hai đơn vị mới. Thứ nhất, đó là tiểu đoàn Lan-ghen-can-den, mà chiến sĩ của tiểu đoàn này đã tan rã trên đường đi từ thành phố quê hương của họ đến cầu Kni-lin-ghen và những "beaux restes"[1*] của tiểu đoàn đó đã sáp nhập vào đơn vị chúng tôi; họ gồm có một đại úy, một trung úy, một người cầm cờ và một thượng sĩ, một hạ sĩ quan và hai lính trơn. Hai là, "đội quân mang tên Rô-bớc

1*. "cái sắc tàn"

Bli-um" mang cờ đỏ; đơn vị này gồm gần 60 người giống như những kẻ man dã và đã từng lập rất nhiều chiến tích anh hùng trong công tác trưng dụng. Ngoài ra, chúng tôi cũng được giao 4 khẩu pháo Ba-đen và một tiểu đoàn dân quân Ba-đen được gọi là tiểu đoàn Kni-ri, Knuy-ri hay Kni-rim (không tài nào xác định được âm chính xác của cái tên đó). Tiểu đoàn của Kni-rim rất xứng đáng với người chỉ huy của nó, cũng như ngài Kni-rim rất xứng đáng với tiểu đoàn của mình. Những con người có niềm tin sắt đá ấy là những tay ba hoa và hay hoảng loạn đáng sợ và, thêm vào đó, bao giờ cũng say mềm; "lòng nhiệt tình hăng hái" lừng danh đã kích thích họ - như tiếp theo chúng ta sẽ thấy - lập nên những chiến công anh hùng hết sức vĩ đại.

Sáng ngày 23 tháng Sáu Vi-lích nhận được của An-nê-cơ, chỉ huy tiền phong Pphan-xơ ở Úp-stát, một mảnh giấy với nội dung như sau: quân địch đang đến gần, hội đồng quân sự đã họp và quyết định rút lui. Vi-lích, hết sức bàng hoàng trước cái tin kỳ quái đó, lập tức phóng ngựa đi tới đó, thúc An-nê-ke và các sĩ quan của ông này phải chiến đấu ở Úp-stát, thân chinh nghiên cứu địa hình và ấn định chỗ đặt pháo binh. Sau đó ông trở về và ra lệnh cho các chiến sĩ của chúng tôi phải sẵn sàng chiến đấu. Trong lúc quân đội của chúng tôi đang dàn trận thế thì chúng tôi nhận được từ đại bản doanh Brúc-dan một mệnh lệnh như sau do Tê-khốp ký: các lực lượng chính của quân đội tiến theo đường đi theo Hai-den-béc để nội nhật hôm nay tới được Min-gôn-xhai-mơ, còn chúng tôi cùng thời gian đó phải vượt qua Ô-den-hai-mơ đến Van-đan-gơ-lốc và nghỉ đêm tại đó. Những thông báo về thành tích của các lực lượng chủ yếu là những mệnh lệnh về hành động sau này của chúng tôi sẽ được gửi tới đó cho chúng tôi sau.

Ông Stơ-ru-vơ trong tác phẩm viễn vông "Lịch sử ba cuộc khởi nghĩa của nông dân Ba-đen" của ông, tr. 311-317[104] có tổng kết những chiến dịch của quân đội Pphan-xơ từ 20 đến ngày 26 tháng Sáu, bản tổng kết này chỉ là sự tâng bốc Snai-đơ bất tài và đầy rẫy những điều không chính xác và xuyên tạc. Tất cả những điều trình bày ở trên đã cho ta thấy rõ những điểm sau: 1) dường như Snai-đơ "mấy tiếng đồng hồ sau khi tiến vào Brúc-dan (22 tháng Sáu) đã nhận được những tin tức chính xác về trận đánh ở Vác-boi-den và kết cục của nó", là không đúng; 2) do đó, dường như, "vì kế hoạch của ông đã thay đổi, và, lẽ ra là cuộc hành quân về Min-gôn-xhai-mơ được dự định từ lúc đầu", thì đằng này dường như ngay từ ngày 22 ông ta đã "quyết định ở lại Brúc-dan cùng với các lực lượng chính của sư đoàn của ông ta" là không đúng (mảnh giấy của Tê-khốp đã nói tới ở trên được viết vào đêm 22 rạng ngày 23); 3) dường như "sáng ngày 23 người ta đã phải bắt đầu một cuộc trinh sát lớn" là không đúng; thực ra đã dự định một cuộc hành quân về Min-gôn-xhai-mơ. Sự khẳng định của Stơ-ru-vơ, rằng, dường như 4) "tất cả các đơn vị đã nhận được lệnh tiến về hướng có tiếng súng ngay khi họ nghe thấy tiếng súng" và dường như 5) "đơn vị sườn bên phải (của Vi-lích) đã giải thích sự vắng mặt của nó trong trận đánh ở Úp-stát là vì nó không nghe thấy tiếng súng", - những khẳng định đó, như người ta sẽ thấy, đều là những lời dối trá thô bỉ.

Chúng tôi lập tức lên đường. Người ta dự định ăn sáng ở Ô-den-hai-mơ. Mấy người lính khinh kỵ Ba-vi-e, mà người ta cho chúng tôi để làm nhiệm vụ liên lạc, đã phóng ngựa về bên trái, vòng quanh làng, để dò xem ở đó có quân địch hay không. Bọn lính khinh kỵ Phổ tiến đến làng rồi và trưng thu ở đó thức ăn cho ngựa, định sẽ đến lấy thức ăn ở đó sau. Trong khi chúng tôi tịch thu số thức ăn của ngựa đó và bắt đầu phân phát rượu và thực phẩm cho những người của chúng tôi còn lại trong đội ngũ, thì một trong số lính khinh kỵ phi ngựa về kêu lên: "Quân Phổ đã tới!". Trong nháy mắt tiểu đoàn của Kni-rim ở cách chúng tôi không xa rồi lên và biến thành một đám loạn quân chạy cuống cuống với những tiếng ồn ào, la hét, chửi rủa, trong khi đó thì ông thiếu tá, không đủ sức giữ nổi con ngựa của ông đang lồng lên vì hốt hoảng, dành bỏ mặc lính của ông. Vi-lích phóng ngựa tới, chỉnh đốn lại trật tự, và chúng tôi tiếp tục đi. Dĩ nhiên là

chẳng có quân Phổ nào hết.

Trên các cao điểm đằng sau Ô-đen-hai-mơ, chúng tôi nghe thấy tiếng gầm của đại bác từ phía Úp-stát vọng lại. Chẳng mấy chốc tiếng đại bác đã nghe rõ hơn. Những người có kinh nghiệm đã có thể phân biệt những tiếng nổ của các quả đạn với những phát đạn trái phá. Chúng tôi họp hội đồng, bàn xem có nên tiếp tục hành quân theo hướng cũ hay là cứ đi về hướng có tiếng súng. Vì chúng tôi đã có mệnh lệnh dứt khoát, còn tiếng súng, thì hình như, vang lên ở mạn Min-gôn-xhai-mơ, điều đó có nghĩa là quân ta đang tiến, nên chúng tôi quyết định con đường nguy hiểm hơn, cụ thể là con đường tiến đến Van-đan-gơ-lốc. Trong trường hợp quân đội Pphan-xơ bị thất bại ở Úp-stát, thì chúng tôi sẽ hầu như bị chia cắt trong vùng núi và sẽ rơi vào một tình thế rất nguy ngập.

Ông Stơ-vu-rơ khẳng định rằng trận đánh ở Úp-stát "có thể sẽ đem lại những kết quả rực rỡ nếu như những đội quân bên sườn kịp thời mở cuộc tiến công" (tr.314). Tuy nhiên, đại bác bắn không đến một tiếng đồng hồ, mà chúng tôi thì cần đến những 2-2$^1/_2$ tiếng để tới được nơi xảy ra trận đánh ở Mát-phen-đơ và Úp-stát, tức là chúng tôi sẽ có thể chỉ đến được đó sau khi trận đánh sẽ kết thúc được một tiếng rưỡi đồng hồ. Ngài Stơ-ru-vơ viết "sử" như thế đó.

Đến gần Ti-phen-bác, chúng tôi dừng lại. Trong lúc quân đội chúng tôi nghỉ lấy sức, Vi-lích gửi đi mấy công văn hỏa tốc. Tiểu đoàn của Kni-rim phát hiện thấy ở Ti-phen-bác một cái giống như nhà hầm chứa rượu của đô thị, liền tịch thu nó, lôi những thùng rượu ra, và một giờ sau thì tất cả mọi người đều say mềm. Cơn tức giận do sự sợ hãi quân Phổ lúc ban sáng gây ra, tiếng súng đại bác ở mạn Úp-stát, lòng đố kỵ của những con người hùng đó với nhau và với các sĩ quan của mình - tất cả những cái đó được rượu kích thích, bỗng nổ ra thành một cuộc nổi loạn công khai. Họ đòi phải lập tức đưa mọi người quay trở lại, vì họ không thích những chặng hành quân bất tận giữa núi đồi, dưới mắt quân địch. Tất nhiên không thể có được chuyện đó nên họ tự ý quay trở về đường cũ. "Cánh quân mang tên Rô-bốc Bli-um" tàn bạo đã nhập vào với họ. Chúng tôi để mặc cho họ đi và chúng tôi tiến về Van-đan-gơ-lốc.

Ở đây, trong một cái lòng chảo sâu, không thể nghỉ đêm được dù với một chút an toàn. Bởi vậy chúng tôi dừng lại và bắt đầu tìm hiểu về đặc điểm của địa phương xung quanh và tình hình đóng quân của địch. Giữa lúc đó trong nông dân loan những lời đồn đại không rõ ràng nào đấy về cuộc rút lui của đội quân Nếch-ke. Người ta nói rằng, hình như có một đội quân Ba-vi-e khá lớn hành quân qua Din-xhai-mơ và Ếp-ping-ghen tới Brết-ten, hình như chính Mi-e-rốt-xláp-xki đã đi qua một cách hết sức bí mật và ở Din-xhai-mơ người ta đã định bắt ông ta. Lính pháo binh bắt đầu công phẫn và thậm chí cả những sinh viên của chúng tôi bắt đầu bất bình. Do đó chúng tôi để pháo binh quay trở lại, còn chúng tôi thì ở Hin-xbác. Ở đây chúng tôi được biết tỉ mỉ về cuộc rút lui của quân đội Nếch-ke diễn ra đã 48 giờ trước đó, và về quân Ba-vi-e đang ở Din-xhai-mơ, cách chúng tôi một giờ rưỡi đi bộ. Người ta xác định được chúng có 7000 người, nhưng con số đó, như sau này chúng tôi được biết, lên tới 10000. Còn chúng tôi thì không quá 700 người. Quân sĩ của chúng tôi không thể đi tiếp được nữa. Vì vậy chúng tôi bố trí họ đóng ở các nhà kho, như vẫn thường làm khi cần phải cố tập trung họ vào một chỗ, cất cử một đội canh gác đã chiến mạnh rồi đi ngủ. Sáng hôm sau, ngày 24, lúc xuất quân chúng tôi nghe thấy rất rõ tiếng quân Ba-vi-e đang tiến đến gần. Sau khi chúng tôi đi khỏi được nhiều lắm là mười lăm phút thì quân Ba-vi-e vào Hin-xbác.

Hai ngày trước đó, ngày 22 tháng Sáu, Mi-e-rốt-xláp-xki đã nghỉ đêm ở Din-xhai-mơ, và khi chúng tôi vào Hin-xbác thì ông cùng với quân đội của ông đã đến Brết-ten rồi. Bếch-cơ, chỉ huy của đội hậu quân, cũng đã đi qua Din-xhai-mơ. Vì vậy ông ta không thể, như ông Stơ-ru-vơ khẳng định ở tr.308, nghỉ đêm 23

rạng ngày 24 ở Din-xhai-mơ được, vì vào lúc 8 giờ tối và, có lẽ, thậm chí còn sớm hơn, ở đó đã có quân Ba-vi-e là quân mà nhiều hôm trước còn đánh một trận nhỏ với Mi-e-rốt-xláp-xki. Cuộc rút quân của Mi-e-rốt-xláp-xki ra khỏi Vác-hoi-den qua Hai-den-béc tới Brết-ten được những người tham gia nó đánh giá là một cuộc hành binh cực kỳ nguy hiểm. Những cuộc tác chiến của Mi-e-rốt-xláp-xki từ ngày 20 đến 24 tháng Sáu, việc tập trung mau lẹ quân đội ở Hai-den-béc để xông vào quân Phổ và cuộc rút lui mau lẹ của ông sau khi trận Vác-hoi-den bị thất bại, tất nhiên, là một trang chói lọi nhất của toàn bộ hoạt động của ông ở Ba-den; nhưng trước một kẻ địch uể oải như vậy, cuộc hành binh đó cũng chẳng đến nỗi nào nguy hiểm, điều này thể hiện qua việc sau đấy 24 giờ chúng tôi cùng với một đơn vị nhỏ đã có thể rút khỏi Hin-xbác mà không gặp trở ngại gì. Thậm chí cả khe Phlê-hinh-ghen, nơi mà Mi-e-rốt-xláp-xki ngay ngày 23 đã chờ đợi một cuộc tấn công, chúng tôi cũng đi qua không gặp trở ngại gì và tiến về Buy-khích. Chúng tôi dự định dóng lại đây để nếu cần có thể đỡ đòn đánh đầu tiên cho doanh trại của Mi-e-rốt-xláp-xki cắm ở Brết-ten.

Trong suốt thời gian hành quân qua Ếp-pinh-ghen, Xai-den-hao-den và Phlê-hinh-ghen, ở mọi nơi chúng tôi đều làm cho người ta ngạc nhiên, bởi vì tất cả các đơn vị quân Nếch-ke, bao gồm cả đội hậu quân, đều đã đi qua đây. Khi chúng tôi tiến vào Buy-khích và người lính kèn của chúng tôi cất tiếng, thì dân chúng đều kinh hoảng, cho rằng đó là quân Phổ. Một đội dân vệ Brết-ten, đang trưng thu thực phẩm cho doanh trại của Mi-e-rốt-xláp-xki lầm tưởng chúng tôi là quân Phổ và đã hết sức hốt hoảng cho tới khi chúng tôi đột nhiên xuất hiện và khi họ trông thấy những chiếc áo blu-dơ của chúng tôi họ mới yên lòng. Chúng tôi tịch thu luôn số thực phẩm nấu sẵn và vừa mới kịp ăn xong thì cái tin Mi-e-rốt-xláp-xki cùng toàn bộ quân đội rời khỏi Brết-ten đã thúc giục chúng tôi đi Brết-ten.

Chúng tôi nghỉ đêm ở Brết-ten dưới sự bảo vệ của những bốt

canh do đội dân vệ cắt đặt. Các xe ngựa được trưng dụng để sáng hôm sau chở toàn bộ đi Ết-linh-ghen. Chúng tôi không còn có cách nào khác để nhập vào những lực lượng chủ lực của quân đội, bởi vì Brúc-dan đã bị quân Phổ chiếm ngay từ ngày 24, và chúng tôi không thể nghênh chiến được nếu như con đường qua Đi-den-xhai-mơ tới Đuốc-lác đã bị quân địch chiếm giữ (như sau này chúng tôi được biết là nó bị địch chiếm giữ thật).

Tại Brết-ten, một đoàn đại biểu sinh viên đến gặp chúng tôi, và tuyên bố rằng họ không thích gì những cuộc hành quân vô tận ngay trước mặt quân địch và họ yêu cầu được giải ngũ. Dĩ nhiên người ta đã trả lời họ rằng trước mặt quân địch không thể giải ngũ bất kỳ ai; nhưng nếu họ muốn đào ngũ, thì đó là chuyện của họ. Sau đó gần nửa đại đội bỏ đi; những người còn ở lại vẫn tiếp tục đào ngũ lẻ tẻ, thành thử chẳng bao lâu chỉ còn lại độc những tay súng bộ binh. Nói chung trong suốt quá trình hành quân, các sinh viên tỏ ra là những cậu ấm muốn đời không vừa lòng và nhút nhát, mà bao giờ cũng vòi vĩnh người ta phải cho họ biết mọi kế hoạch tác chiến, kêu ca về những đôi chân bị phồng rộp và cáu nhàu, nếu như cuộc hành quân không đem lại tất cả những thú vui của cuộc du ngoạn ngày hè. Trong số "những đại biểu trí thức" đó ngoại lệ chỉ có mấy người tỏ ra là có tinh thần cách mạng thực sự và lòng dũng cảm tuyệt vời.

Như sau này chúng tôi đã được thông báo, quân địch đã vào Brết-ten sau khi chúng tôi ra đi được nửa giờ. Chúng tôi tới Ết-linh-ghen; ở đó ông Coóc-vin - Viếc-đơ-bít-xki để nghị chúng tôi đi Đuốc-lác, nơi mà Bếch-cơ phải giữ quân địch cho đến lúc Các-lơ-xru-ê rút quân xong. Vi-lích cử một lính khinh kỵ cầm một bức thư ngắn đến gặp Bếch-cơ yêu cầu ông ta cho biết là liệu ông ta có thể cố thủ thêm được một thời gian nào nữa không; sau mười lăm phút phái viên đã mang tin về là trên đường đi anh ta gặp quân đội của Bếch-cơ đã rút lui toàn bộ. Vì vậy chúng tôi đi Ra-stát, nơi tập trung toàn quân đội.

Con đường đi Ra-stát là một cảnh tượng hết sức hỗn độn.

Nhiều đơn vị rất khác nhau hành quân đi chuyển hoặc dừng lại nghỉ thành một đám đông đủ màu sắc, và chúng tôi vất vả lắm mới có thể tập trung quân sĩ của mình vào một nơi, dưới ánh nắng thiêu đốt, trong cảnh huyên náo nói chung. Quân đội Pphan-xơ và mấy tiểu đoàn Ba-đen dựng trại ở mé sườn pháo dài Ra-stát. Số quân Pphan-xơ giảm đi rất nhiều. Ngay trước khi xảy ra trận đánh ở Úp-stát, các ngài Txít-xơ và Băm-béc-gơ đã triệu về Các-lơ-xru-ê một đội quân khá nhất, đội quân Ranh - Hét-xen. Những chiến sĩ đấu tranh vì tự do can trường đó đã tuyên bố cho đội quân đó biết rằng mọi cái, theo họ, đã đi đời nhà ma, rằng ưu thế về lực lượng của quân địch khá lớn, rằng tất cả hãy còn có thể trở về nhà nguyên lành và không bị thiệt hại gì cả; rằng họ - một tay ba hoa ở nghị viện Txít-xơ và Băm-béc-gơ dũng cảm - không muốn lương tâm của họ bị vấy phải máu của kẻ vô tội và những điều thảm khốc khác, và vì vậy họ tuyên bố giải tán đội quân. Các chiến sĩ trong đội quân Ranh - Hét-xen, dĩ nhiên là phẫn nộ trước cái đề nghị đểu cáng đó đến nỗi muốn bắt và bắn luôn tất cả hai tên phải bội; Đét-xte và chính phủ Pphan-xơ cũng ra lệnh lùng bắt chúng. Nhưng các vị công dân đáng kính đã kịp lẩn trốn và ngài Txít-xơ can trường đã được hết sức an toàn ở Ba-đen mà ngồi chiêm ngưỡng tiến trình sau đó của phong trào đòi hiến pháp đế chế. Với "lời kêu gọi hành động kiên quyết"[105] của mình tháng Chín 1848, cũng như tháng Năm 1849, ngài Txít-xơ là một trong những tay khoác lác ở nghị viện, những tay đã kích động nhân dân khởi nghĩa nhiều hơn cả, và cả hai lần ông ta đều chiếm địa vị danh dự trong số những kẻ đã phó mặc nhân dân cho số mệnh trong thời gian khởi nghĩa trước những kẻ khác. Và ở Kiếc-ha-im-bô-lan-đen ngài Txít-xơ là một trong số những kẻ đầu tiên quay đầu tháo chạy, trong khi những tay súng bộ binh của ngài ấy còn đang chiến đấu và ngã gục dưới làn đạn.

Đội quân Ranh - Hét-xen, cũng giống như các đội quân khác, vốn dĩ đã bị suy yếu nhiều vì nạn đào ngũ, suy sụp tinh thần do cuộc rút chạy sang Ba-đen, liền không còn tự chủ được nữa. Một phần binh sĩ phân tán và trốn về nhà; một bộ phận

khác được biên chế lại và chiến đấu cho đến lúc phong trào kết thúc. Những đội quân Pphan-xơ còn lại, đóng ở ngoại vi Ra-stát, bị mất tinh thần vì cái thông báo là tất cả những ai trở về nhà trước ngày 5 tháng Bảy sẽ được khoan hồng. Hơn một nửa số người bỏ trốn, các tiểu đoàn tan rã, giảm xuống đến mức đại đội, các sĩ quan cấp dưới phần lớn bỏ đi, mà những binh sĩ hãy còn ở lại với số lượng chưa đến 1200 người thì hầu như chẳng dùng được vào việc gì nữa. Cả đơn vị chúng tôi, tuy hoàn toàn không nản lòng, nhưng vẫn bị suy yếu do những tổn thất, bệnh tật, sự đảo ngũ của sinh viên và còn trên 500 người ít chút.

Chúng tôi dừng lại đóng quân ở Cúp-pen-hai-mơ là nơi đã có các đơn vị khác hạ trại. Sáng hôm sau tôi cùng Vi-lích đi Ra-stát, ở đó tôi lại gặp Mơn.

Đối với những người đã hy sinh trong cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen mà ở mức độ này hay mức độ khác thuộc vào các giai cấp có học vấn thì hết sức được tán tụng trong những bài thơ và văn trên báo chí, trong các liên minh dân chủ. Nhưng không ai nhắc lấy một lời tới hàng trăm, hàng nghìn công nhân, những người đã gánh chịu toàn bộ gánh nặng của các trận đánh và ngã xuống trên các chiến trường, tới những kẻ đã chết dần chết mòn trong những hầm giam ở Ra-stát, hoặc tới những người mà giờ đây ở nước ngoài là những người duy nhất trong tất cả những người lưu vong đang phải chịu đau khổ đến cùng cực trong cảnh đi đày. Sự bóc lột công nhân là một hiện tượng đã có từ lâu và quá quen thuộc để "những nhà dân chủ" chính thức của chúng ta có thể coi những người công nhân không khác gì hơn là một nguyên liệu bia thịt cho đại bác. "Những nhà dân chủ" của chúng ta quá dốt nát và tiêm nhiễm quá nhiều tinh thần tư sản cho nên không thể hiểu được vị trí cách mạng của giai cấp vô sản và tương lai của giai cấp công nhân. Bởi vậy thù địch với những nhà dân chủ đó là khí phách của những người vô sản chân chính, họ hết sức kiêu hãnh nên không thể nịnh bợ các nhà dân chủ đó được, họ

rất sáng suốt cho nên không thể để cho "những nhà dân chủ" đó lợi dụng, nhưng vẫn xông lên với vũ khí trong tay mỗi khi diễn ra việc lật đổ cái chính quyền hiện hành, và trong bất kỳ phong trào cách mạng nào họ cũng đại diện trực tiếp cho đảng của giai cấp vô sản. Nhưng nếu những người được gọi là các nhà dân chủ không quan tâm đến việc đánh giá đúng mực những người công nhân như vậy, thì nghĩa vụ của đảng của giai cấp vô sản là phải đến đáp công lao cho họ. Và *I-ô-dếp - Môn ở Khuên* thuộc vào những người ưu tú trong số những công nhân đó.

Môn là một thợ sửa chữa đồng hồ. Nhiều năm trước ông ta đã rời bỏ nước Đức và tham gia trong tất cả các hội cách mạng công khai và bí mật ở Pháp, Bỉ và Anh. Ông đã tham gia vào việc thành lập Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn năm 1840[106]. Sau cách mạng tháng Hai ông trở về Đức và ít lâu sau cùng với bạn ông là Sáp-pơ lãnh đạo Hội liên hiệp công nhân Khuên[107]. Sau khi lưu vong sang Luân Đôn sau những sự biến tháng Chín ở Khuên năm 1848[108], ít lâu sau ông trở lại Đức với một một cái tên khác, hoạt động tuyên truyền ở các địa phương rất khác nhau và đảm nhiệm những sứ mệnh nguy hiểm, đến nỗi làm cho mọi người khác phải khiếp sợ. Tôi gặp lại ông ta ở Khai-dơ-xlao-tơn. Cả ở đây nữa ông cũng đảm nhận thực hiện những công việc ở Phổ, những công việc này có thể đưa ông tới chỗ chết, nếu ông bị phát hiện. Sau khi trở về từ chuyến đi thứ hai như vậy, ông đã vượt qua tất cả các vị trí địch đóng quân đến tận Ra-stát, tại đây ông gia nhập ngay vào đơn vị của chúng tôi, vào đại đội công nhân Bơ-dăng-xông. Ba ngày sau ông bị giết chết. Tôi mất ở ông - một người bạn già, còn đảng thì mất một trong những chiến sĩ xuất sắc, chiến đấu hết sức bền bỉ, không hề biết sợ và đáng tin cậy nhất.

Đảng của giai cấp vô sản có đại diện khá mạnh trong quân đội Ba-đen - Pphan-xơ, nhất là trong các đội quân của chúng tôi, trong quân đoàn lưu vong, v.v.; đảng có thể mạnh bạo thách thức tất cả các đảng khác: không một đảng nào trong số các đảng này

lại có thể có một điều trách móc dù là nhỏ nhất đối với bất kỳ ai trong số đảng viên của nó. Những người cộng sản triệt để nhất chính là những người lính can đảm nhất.

Hôm sau, ngày 27, đơn vị chúng tôi chuyển địa điểm xa hơn một chút, vào phía núi, về hướng đi Rô-ten-phen. Việc phân chia quân đội thành những binh đoàn khác nhau và việc bố trí các binh đoàn ấy dần dần được xác định. Chúng tôi thuộc sư đoàn cánh phải dưới quyền chỉ huy của đại tá Tô-mơ, chính là kẻ đã muốn bắt Mi-e-rốt-xláp-xki ở Mếc-kê-xhai-mơ[109] và do ngẫy thơ mà người ta đã để ông ở cương vị đó; từ ngày 27 sư đoàn được Méc-di chỉ huy. Vi-lích từ chối cương vị chỉ huy quân đội Pphan-xơ mà Di-ghen đề nghị với ông, đã làm nhiệm vụ của một tham mưu trưởng sư đoàn. Tuyến đóng quân của sư đoàn bắt đầu từ Gheng-xbác và biên giới Vuyếc-tem-béc đến phía bên kia Rô-ten-phen; bên trái, nó tựa vào sư đoàn của Ô-boóc-xki, tập trung xung quanh Cúp-pen-hai-mơ. Đội tiền phong được đưa tới sát biên giới, cũng như tới Dun-xbác, Mi-khen-bác và Kin-ken. Việc cung cấp lúc đầu không được thường xuyên và tồi tệ, sau ngày 27 thì có tốt hơn. Sư đoàn của chúng tôi gồm mấy tiểu đoàn quân chính quy Ba-đen, số còn lại của quân đội Pphan-xơ dưới sự chỉ huy của người anh hùng Blen-cơ, đơn vị của chúng tôi và một hoặc một khẩu đội rưỡi pháo binh. Quân đội Pphan-xơ đóng ở Gheng-xbác và các vùng phụ cận, quân chính quy và đơn vị chúng tôi đóng ở Rô-ten-phen và xung quanh đấy. Đại bản doanh đặt tại khách sạn Ê-li-đa-be-ten-kven, đối diện với Rô-ten-phen.

Ngày 28, chúng tôi - ban tham mưu sư đoàn và ban tham mưu của chúng tôi, cùng với cả Môn, Kin-ken và những lính tình nguyện khác, - đang ngồi quanh bàn và uống cà phê trong khách sạn ấy thì được tin là đội tiền phong của chúng tôi ở Min-khen-bác bị quân Phổ tấn công. Chúng tôi liền xuất binh, mặc dù có mọi lý do để cho rằng quân địch chỉ muốn do thám thôi. Quả đúng như vậy. Làng Mi-khen-bác ở dưới thung lũng bị quân Phổ chiếm một thời gian ngắn đã được lấy lại vào lúc chúng tôi tới nơi. Từ

hai sườn núi đã xảy ra bắn nhau qua một thung lũng, và rất nhiều đạn đã bị phung phí vô ích. Tôi chỉ nhìn thấy có một người chết và một người bị thương. Trong khi quân chính quy đã bắn vu vơ những viên đạn của mình trên những khoảng cách 600 - 800 bước, thì theo lệnh của Vi-lích các chiến sĩ của chúng tôi hết sức bình tĩnh hạ súng và nghỉ ngơi bên cạnh những chiến sĩ tưởng tượng và dưới hỏa lực tưởng tượng. Chỉ có những tay súng bộ binh theo sườn đồi rậm cây lao xuống và, với sự chi viện của một nhóm chiến sĩ thuộc các tiểu đoàn quân chính quy, đã đuổi được bọn Phổ khỏi sườn đồi đối diện. Một trong số các tay của chúng tôi đã dùng khẩu súng kíp khổng lồ giống như một khẩu đại bác xách tay thực sự của anh ta để bắn, và trên một khoảng cách gần 900 bước đã quật lộn khỏi ngựa một tên sĩ quan Phổ, cả đại đội của y liền quay trở lại và tiến vào rừng. Mấy tên Phổ chết và bị thương, cùng với hai tên tù binh đã rơi vào tay chúng tôi.

Ngày hôm sau bắt đầu cuộc tổng tấn công trên khắp trận tuyến. Lần này các ngài Phổ không để chúng tôi ăn bữa trưa. Trận tấn công mà chúng tôi được báo cho biết là nhằm vào Bi-svai-ơ, nơi gặp nhau của sư đoàn Ô-boóc-xki với sư đoàn chúng tôi. Vi-lích đòi bằng được phải giữ quân đội của chúng tôi ở lại Rô-ten-phen làm lực lượng dự trữ, vì dù thế nào chăng nữa cũng phải chờ đồn tiến công ở hướng đối diện, ở gần Gheng-xbác. Nhưng Méc-đi đã phản đối; mọi người đều biết, như thường vẫn xảy ra, là nếu một trong số các tiểu đoàn của chúng ta bị tấn công, mà những tiểu đoàn còn lại không chạy ngay đến hợp lực giúp nó thì người ta sẽ kêu toáng lên là có sự phản bội và tất cả sẽ quay đầu tháo chạy. Thế là, chúng tôi hành quân đi về phía Bi-svai-ơ.

Vi-lích và tôi cùng với đại đội bộ binh đi theo con đường về Bi-xvai-ơ bên hữu ngạn sông Muốc. Cách Rô-ten-phen nửa giờ đi bộ chúng tôi đụng phải quân địch. Các tay súng tản thành một hàng dọc, còn Vi-lích thì phi ngựa trở lại để dốc lên tuyến trước các đơn vị bị tụt lại phía sau một chút. Những tay súng của chúng tôi, nhờ các cây ăn quả và các vườn nho che đỡ, đã chịu

đựng được hỏa lực rất mạnh trong một thời gian và họ bắn trả cũng rất mạnh. Nhưng khi một cánh quân mạnh của địch tiến theo đường cái để yểm hộ cho bộ binh của chúng, thì bộ binh chúng tôi ở sườn trái lui về phía sau, và dù có thuyết phục thế nào đi nữa cũng không thể ghìm họ tại chỗ được. Còn cánh phải đi chuyển sâu thêm vào trong núi rồi sau đó nhập vào với đơn vị chúng tôi.

Thấy không thể làm gì được với những tay súng bộ binh, tôi bỏ mặc họ và đi về phía những quả núi, nơi thấy có những lá cờ của đơn vị chúng tôi. Một đại đội tụt lại; người chỉ huy nó, người thợ may, nói chung, một chàng trai dũng cảm, chẳng biết làm gì. Tôi ghép lính của anh ta vào những người còn lại và gặp Vi-lích vào lúc ông ta vừa mới tung đại đội Bơ-đăng-xông tiến lên theo hàng dọc bộ binh, còn ở phía sau ông bố trí tất cả những người còn lại, kể cả đại đội được phái đi về phía núi, thành hai tuyến chiến đấu để yểm trợ cho cánh phải.

Hàng dọc bộ binh của chúng tôi gặp hỏa lực mạnh. Đó là những bộ binh Phổ mà chúng tôi sắp phải giao chiến; những người công nhân của chúng tôi chỉ có thể đem súng kíp ra để chọi với những khẩu súng bắn đạn hình nón của chúng. Nhưng những người công nhân, được cánh phải của bộ binh chúng tôi sáp nhập với họ yểm hộ, đã tiến công quyết liệt đến nỗi là khoảng cách gần lại, đặc biệt ở cánh phải, đã rất nhanh chóng làm cân bằng lại chất lượng tối của vũ khí, và quân Phổ đã bị hất trở lại. Cả hai tuyến chiến đấu vẫn được giữ vững hầu như ngay sau đội hình hàng dọc bộ binh. Vào lúc đó có hai khẩu pháo Ba-đen được chuyển lên phía trái chúng tôi, tới thung lũng Muốc, chúng nhả đạn vào bộ binh và pháo binh Phổ ở trên đường cái.

Trận đánh kéo dài gần một tiếng đồng hồ với hỏa lực bộ binh nổ giòn giã với sự rút lui liên tục của quân Phổ; một số tay súng bộ binh của chúng tôi đã tiến đến tận Bi-svai-ơ, lúc quân Phổ nhận được viện binh và đưa các tiểu đoàn của chúng tiến lên. Hàng dọc bộ binh của chúng tôi chùn lại phía sau; chiến tuyến

thứ nhất bắn theo từng loạt, còn chiến tuyến thứ hai chuyển vào hẽm núi chếch bên trái một chút và cũng nổ súng. Nhưng quân Phổ giãn thành những hàng dày đặc tấn công trên khắp các tuyến; cả hai khẩu pháo Ba-đen che đỡ cho cánh trái của chúng tôi đã rút về phía sau, bên cánh phải, từ trên núi quân Phổ lao xuống, và chúng tôi đành phải rút lui.

Ngay khi chúng tôi thoát ra được ngoài tầm hỏa lực bắn chéo cánh sẻ của địch, chúng tôi liền chiếm lĩnh vị trí mới trên sườn núi. Nếu như trước đây trận tuyến của chúng tôi quay mặt về phía đồng bằng sông Ranh, về phía Bi-svai-ơ và Ni-đơ-vai-ơ, thì giờ đây nó quay mặt vào núi mà quân Phổ từ Ô-bơ-vai-ơ đến đã chiếm giữ. Lúc này, các tiểu đoàn quân chính quy, cuối cùng, đã đến tuyến lửa, tham chiến cùng với hai đại đội trong đơn vị của chúng tôi, hai đại đội này lại được tung lên phía trước theo hàng dọc bộ binh.

Chúng tôi bị tổn thất lớn. Chúng tôi thấy rằng gần 30 người, trong đó Kin-ken và Môn, chưa kể những tay súng thất tán đi các ngả. Kin-ken và Môn cùng với cánh phải của đại đội mình và mấy tay súng bộ binh đã tiến quá xa. Viên chỉ huy bộ binh, là chánh kiểm lâm Êm-méc-man ở Trô-méc-ken thuộc phần nước Phổ vùng Ranh, người đi đánh quân Phổ cứ như đi săn thỏ, đã dẫn các tay súng bộ binh tới một vị trí mà từ đó họ bắn vào đoàn xe pháo binh Phổ, buộc chúng phải vội vã rút lui. Nhưng đúng lúc đó một đại đội quân Phổ từ trong hẽm núi tiến ra và nổ súng vào quân chúng tôi. Kin-ken gục ngã, bị thương vào đầu, và người ta đành phải dìu anh cho tới lúc anh ta có thể tự đi được; nhưng rồi chỉ một lát sau tất cả bọn họ rơi vào tầm hỏa lực bắn chéo cánh sẻ, và phải tìm cách thoát khỏi tầm hỏa lực đó. Kin-ken không thể đi cùng mọi người và đã ghé vào một nhà nông dân nào đấy, ở đó quân Phổ bắt anh làm tù binh và đánh đập anh tàn nhẫn; Môn bị một viên đạn vào bụng, cũng bị bắt làm tù binh và chẳng mấy lúc sau đã chết vì vết thương nặng. Xi-khlin-xki cũng bị thương bởi một viên đạn nảy lên trúng vào cổ, tuy vậy,

điều đó không cần trở anh ở lại đội ngũ.

Trong khi đại bộ phận quân đội dừng lại, còn Vi-lích phóng ngựa sang đầu kia của chiến trường, thì tôi đi vội đến cái cầu bắc qua sông Muốc ở mạn dưới Rô-ten-phen, được dùng làm một loại địa điểm tập trung. Tôi muốn biết tin tức ở Gheng-xbác. Nhưng khi chưa tới cầu, tôi đã trông thấy những đám khói bốc trên Gheng-xbác chìm ngập trong lửa, còn ngay ở cầu tôi được biết là người ta đã nghe thấy ở đây tiếng đại bác nổ từ phía ấy vọng lại. Sau đó tôi còn trở lại cầu mấy lần nữa; cứ mỗi lần đến cầu thì tin tức từ Gheng-xbác lại xấu đi nhiều hơn; cứ mỗi lần đến cầu lại thấy quân đội chính quy Ba-đen tập trung ở bên kia cầu nhiều hơn, những quân này vừa mới xông vào lửa đạn đã mất tinh thần rồi. Sau hết, tôi được biết là quân địch đã ở Ga-ghê-nao. Bây giờ chính là lúc phải đánh bật chúng lại theo hướng đó. Vi-lích cùng với đơn vị đã vượt qua Muốc để chiếm vị trí đối diện với Rô-ten-phen, và còn đem theo 4 khẩu pháo mà ông vừa mới được. Tôi đi tìm hai đại đội của chúng tôi trước đó đã tiến lên theo hàng dọc bộ binh và tới lúc này đã đi xa về phía trước. Khắp nơi đều có quân đội chính quy đi ngược chiều với tôi, phần lớn không có sĩ quan. Một trong những đơn vị đó do một bác sĩ chỉ huy, ông này đã lợi dụng cơ hội để tự giới thiệu với tôi như sau: "Tất nhiên anh biết tôi chứ, tôi là Noi-hau-đơ, thủ lĩnh phong trào Thuy-rinh-ghen!". Những con người rất dễ thương ấy đã đánh tan quân Phổ ở khắp nơi và bây giờ đã quay trở lại vì không còn thấy quân địch ở đâu nữa. Tôi không thể tìm thấy các đại đội của chúng tôi - họ cũng vì nguyên nhân đó mà đã trở lại qua Rô-ten-phen - và lại đi đến cầu. Ở đây tôi gặp Méc-đi cùng với bộ tham mưu và quân đội của ông ta. Tôi yêu cầu ông ta cấp cho tôi, ít ra là, hai - ba đại đội để yểm hộ cho Vi-lích. "Anh lấy cả sư đoàn cũng được, miễn sao anh bắt được họ phải vâng lệnh", - ông ta trả lời. Chính những người lính đó đã từng đánh lui quân địch ở khắp nơi và mới chỉ dừng chân năm tiếng đồng hồ, giờ đây đang nằm dài trên cỏ, vô tổ chức, mất tinh thần, không còn ích dụng vào việc gì; cái tin quân địch

tiến vòng sau lưng họ ở Gheng-xbác đã tác động tai hại đến họ. Tôi tiếp tục đi. Cái đại đội từ Mi-khen-bác trở về và gặp tôi cũng kém cỏi. Ngay khi tôi gặp lại đơn vị của mình ở tổng hành dinh cũ thì các quân Pphan-xơ bỏ chạy, - Pi-xtôn-Xi-nơ với một đội quân bất trị của mình, lúc này được trang bị bằng súng hỏa mai - đã vội vã từ Ga-ghê-nao kéo về đây. Khi Vi-lích sau những cuộc tìm kiếm lâu dài đã chọn được cho pháo binh một vị trí khả dĩ khống chế được thung lũng Muốc, với những ưu thế đáng kể cho phép đồng thời sử dụng súng bộ binh, thì các pháo thủ cùng những khẩu pháo đã chạy ngang qua, và viên chỉ huy đại đội không sao giữ họ lại được. Họ đã lại đến chỗ Méc-di ở trên cầu. Chính lúc đó Vi-lích cho tôi xem mảnh giấy của Méc-di, trong đó ông ta báo rằng mọi sự đều thất bại và ông ta sẽ rút lui theo hướng Ô-xơ. Chúng tôi không còn cách nào khác hơn là cũng làm như vậy, và chúng tôi lập tức đi vào núi. Lúc ấy đã gần bảy giờ.

Ở Gheng-xbác tình hình xảy ra như sau. Quân đội đế chế của Pây-cơ, mà ngay hôm trước lính tuần giễu của chúng tôi đã trông thấy ở He-ren-an-bơ trên lãnh thổ Vuyếc-tem-béc, cùng với một đơn vị lính Vuyếc-tem-béc đóng ở biên giới, chiều ngày 29 đã tấn công vào Gheng-xbác, hòng buộc những bốt gác của chúng tôi phải rút lui bằng cách dùng một gian kế: chúng kêu to lên từ xa là đừng bắn vào chúng, rằng chúng là người anh em, nhưng rồi, khi đã đến gần cách tầm mươi bước, chúng liền nổ súng. Sau đó chúng bắn tạc đạn và đốt cháy Gheng-xbác, và, khi đã không còn khả năng nào để chống chọi với lửa, ông Di-ghen, được Mi-e-rốt-xláp-xki phái tới đây *để giữ vững* vị trí bằng bất kỳ giá nào, đã *thân chinh* ra lệnh cho ngài Blen-cơ và quân đội của ông ta vừa đánh vừa rút. Ông Di-ghen sẽ không phủ nhận sự kiện này, như ông ta đã không phủ nhận nó ở Béc-nơ, khi một trong những sĩ quan tùy tùng của ông Blen-cơ đã kể lại cái sự kiện rất lý thú này trước mặt ông ta, ông Di-ghen, và Vi-lích. Do cái mệnh lệnh đó - bỏ lại "trong chiến đấu" (!) cái điểm chốt của toàn tuyến bố phòng trên sông Muốc - trận đánh, lẽ dĩ nhiên là, bị thua trên toàn tuyến, và vị trí cuối cùng của quân đội Ba-đen cũng mất

nốt.

Tuy nhiên quân Phổ cũng chẳng giành được cho mình một sự vinh quang gì đặc biệt sau khi thắng trận ở Ra-stát. Chúng tôi có 13000 binh sĩ, phần lớn bị mất tinh thần và, trừ một vài ngoại lệ, ở dưới sự chỉ huy rất kém; quân đội của chúng cùng với quân đội đế chế tấn công Gheng-xbác, ít ra cũng có đến 60000 người. Mặc dù có ưu thế to lớn ấy về lực lượng, chúng chưa một lần nào dám tấn công trực diện thẳng thừng, mà chỉ đánh bại được chúng tôi bằng một gian kế hèn nhát, sau khi xâm phạm lãnh thổ trung lập Vuyếc-tem-béc, là lãnh thổ không cho chúng tôi vào. Và ngay cả gian kế ấy cũng chẳng đem lại cho chúng lợi ích đặc biệt nào, ít ra là những thời kỳ đầu, và sau hết, gian kế đó cũng không làm cho chúng tránh được một cuộc tấn công trực diện có tính chất quyết định sẽ xảy ra, nếu như những người bảo vệ Gheng-xbác không bảo vệ nó một cách tồi tệ đến mức khó hiểu như vậy và nếu như ông Di-ghen dừng ra cái mệnh lệnh bổ ích đã nhắc ở trên. Không còn nghi ngờ gì nữa, vị trí của chúng tôi mà người ta hoàn toàn không thể coi là một vị trí kiên cố sẽ bị đánh chiếm vào ngày hôm sau; nhưng cái thắng lợi đó quân Phổ sẽ phải trả giá bằng những tổn thất lớn không gì sánh nổi và làm hại đến cái uy thế quân sự của chúng đi rất nhiều. Và chính vì vậy, chúng muốn vi phạm sự trung lập của Vuyếc-tem-béc, còn Vuyếc-tem-béc thì lại để yên cho chúng vi phạm.

Đội quân của chúng tôi gồm không quá 450 người đã rút qua núi đi về phía Ô-xơ. Ở đây đường cái chật ních các quân đội trong tình trạng hoàn toàn vô tổ chức, chật ních xe cộ và pháo, v.v.; tất cả nằm trong tình trạng hỗn độn. Chúng tôi đi tiếp và dừng lại nghỉ ở Din-xhai-mơ. Sáng hôm sau, ở quá Buy-lơ chúng tôi tập hợp thêm một số binh lính chạy trốn và đêm nghỉ ở Ô-be-ra-khơ-rnơ. Ngày hôm đó đã diễn ra một trận đánh cuối cùng: quân đoàn lê-dương Đức - Ba Lan cùng với một số đơn vị khác của sư đoàn Bếch-cơ đã đẩy lùi quân đội đế chế ở Ô-xơ và thu được của chúng một khẩu sơn pháo (Mếch-clen-buốc) được

chuyển sau đó sang Thụy Sĩ một cách an toàn.

Quân đội đã hoàn toàn rã đám. Mi-e-rốt-xláp-xki và những người Ba Lan khác vứt bỏ trách nhiệm chỉ huy; đại tá Ô-boóc-xki đã rời bỏ vị trí của mình ngay trên bãi chiến trường, vào chiều ngày 29 tháng Sáu. Tuy nhiên, sự rã đám tạm thời đó bản thân nó không có ý nghĩa quyết định. Quân đội Pphan-xơ đã ba hoặc bốn lần tan rã hoàn toàn và cứ sau một lần như vậy lại được thành lập lại tant bien que mal. Có thể vừa rút lui chậm hơn vừa bổ sung quân bằng việc tuyển mộ tất cả những binh sĩ mới ở các địa phương mà quân địch đã phải bỏ đi, và tập trung mau lẹ số quân đã được tuyển ở Phrây - buốc và Đô-nao-ê-sinh-ghen ở miền Thượng Ba-den, - đấy là hai biện pháp còn có thể cố thực hiện được. Nó sẽ cho phép trong một thời gian ngắn khôi phục lại trật tự và kỷ luật ở một chừng mực nào đó và đánh một trận cuối cùng, vô vọng, nhưng vinh quang ở Khai-đơ-stun trước mặt Phrây-buốc, hoặc ở Đô-nao-ê-sinh-ghen. Nhưng những người lãnh đạo bộ máy dân sự cũng như quân sự còn mất tinh thần hơn là binh lính. Họ bỏ mặc quân đội và toàn bộ phong trào và rút lui ngày một xa, họ bị đánh tơi tả, bất lực, nản chí.

Sau cuộc tấn công vào Gheng-xbác, mọi người đều nơm nớp lo sợ bị đánh vòng sau lưng từ phía lãnh thổ Vuyếc-tem-béc, và điều đó lại càng dưa đến tình trạng mất tinh thần chung. Đội quân của Vi-lích với hai khẩu sơn pháo - những khẩu khác được giao cho chúng tôi thì không đi quá Cáp-pen - hành quân theo thung lũng Cáp-pen vào núi để bảo vệ mặt biên giới Vuyếc-tem-béc. Cuộc hành quân của chúng tôi qua Svác-xvan-đơ, mà suốt cả thời gian hành quân chúng tôi không một lần nào gặp địch, chỉ là một cuộc du ngoạn dễ chịu. Ngày 1 tháng Bảy chúng tôi đi qua Ai-lơ-hai-li-ghen tới Ốp-pê-nao, còn ngày 2 thì đi ngang qua đỉnh Hun-đơ-xcốp-phơ tới Vôn-phác. Tại đây, ngày 3 tháng Bảy chúng tôi được biết là chính phủ đang ở Phrây-buốc và có ý định bỏ ngay cả thành phố này. Điều đó khiến cho chúng tôi phải đi ngay tới đó. Chúng tôi muốn buộc các ngài ủy viên chính phủ lâm thời và bộ chỉ huy

tối cao, lúc này do người anh hùng Di-ghen đứng đầu, không được bỏ Phrây - buốc cho kẻ thù mà thảo trận. Chúng tôi ra khỏi Vôn-phác lúc đã muộn và mãi tối chiều tối mới vào Van-đơ-kiếc-xơ. Ở đây chúng tôi được biết là người ta đã bỏ Phrây-buốc, còn trụ sở của chính phủ và tổng hành dinh thì đã rời đi Đô-nao-ê-sinh-ghen. Đồng thời chúng tôi nhận được mệnh lệnh trực tiếp là phải chiếm lấy thung lũng Si-môn-xvan-đơ, cố thủ ở đó và đặt bộ tham mưu của chúng tôi ở Phuốc-văng-ghen. Vì vậy chúng tôi đành quay trở lại Blai-bác.

Bây giờ ngài Di-ghen bố trí quân đội của ông ở bên kia dãy núi Svác-xvan-đơ. Tuyến phòng thủ phải chạy từ Lê-rắc qua Thốt-nao và Phuốc-văng-ghen tới biên giới Vuyếc-tem-béc, theo hướng đi Sram-béc. Ở sườn trái có Méc-đi và Blen-cơ trải quân khắp thung lũng Ranh tới Lê-rắc; tiếp đến là ngài Đô-lơ, nguyên là một người chào hàng, nay với cương vị tướng trong quân đội của Hếch-cơ được để bạt làm tư lệnh sư đoàn và đóng ở miền Huên-lên-than; tiếp nữa là đơn vị của chúng tôi, đóng ở Phuốc-văng-ghen và thung lũng Xi-môn-xvan-đơ, và, sau hết, ở sườn bên phải có Bếch-cơ ở Xanh-Ghê-oóc-ghen và Tơ-ri-béc. Ngài Di-ghen cùng lực lượng dự bị đóng ở bên kia dãy núi, ở Đô-nao-ê-sinh-ghen. Các lực lượng chiến đấu, bị suy yếu khá nhiều vì đào ngũ và không được bổ sung lính mới, vẫn còn gần 9000 người với 40 khẩu đại bác.

Các mệnh lệnh của tổng hành dinh, nối tiếp nhau với chúng tôi từ Phrây-buốc, Noi-stát trên sông Vu-thác và Đô-nao-ê-sinh-ghen, đều tỏ ra hết sức coi thường cái chết. Thật ra, người ta đã chờ đợi quân địch sẽ lại tấn công chúng tôi từ phía hậu phương, từ Vuyếc-tem-béc qua Rốt-vai và Phin-linh-ghen; nhưng đã có một quyết định cứng rắn là dập tan chúng và trong mọi tình huống phải giữ cho được dãy núi Svác-xvan-đơ, mà "hầu như không cần để ý tới, - như một trong những mệnh lệnh đã nói, - mọi sự di chuyển của quân địch"; điều này cần phải được hiểu là ngài Di-ghen đã bảo đảm cho mình cái khả năng rút lui

- đã làm cho bản thân lừng danh - trong vòng 4 giờ đồng hồ từ Đô-nao-ê-sinh-ghen sang lãnh thổ Thụy Sĩ, sau đó ông ta có thể ung dung ngồi ở Sáp-hau-den chờ xem cái gì sẽ đến với chúng tôi - những người bị bao vây trong núi. Sắp tới đây chúng ta sẽ thấy thái độ coi thường cái chết ấy đã dẫn tới kết cục vui vẻ như thế nào.

Ngày 4 chúng tôi tới Phuốc-văng-ghen với 2 đại đội (160 người), số còn lại của đơn vị phải chiếm giữ thung lũng Xi-môn-xvan-đơ và những con đường núi ở Guy-ten-bác và Xanh-Méc-ghen. Ở Xanh-Méc-ghen chúng tôi tiếp cận với đơn vị của Đô-lơ, ở Suên-van-đơ - với đơn vị của Bếch-cơ. Tất cả các đường qua núi đều được dựng chiến lũy. Ngày 5 chúng tôi lại ở Phuốc-văng-ghen. Ngày 6 Bếch-cơ cho biết tin là quân Phổ đã tấn công vào Phin-linh-ghen[110]; đồng thời người ta yêu cầu chúng tôi tiến đánh chúng ở Phuê-ren-bác, để hỗ trợ cho chiến dịch của Di-ghen. Cùng lúc đó Bếch-cơ báo cho chúng tôi biết là đơn vị chủ lực của ông ta cố thủ ở Tơ-ri-béc, ông ta sẽ thân chinh tới đó ngay sau khi Di-ghen lấy được Phin-linh-ghen.

Người ta không thể nghĩ đến một cuộc tấn công của chúng tôi. Với một đội quân tính ra chưa tới 450 người, chúng tôi phải chiếm giữ ba dặm vuông, và, do đó, không thể bỏ đi một người nào cả. Chúng tôi phải ở lại tại chỗ và báo cho Bếch-cơ biết điều đó. Ngay sau đó, một công văn hỏa tốc từ tổng hành dinh đến báo rằng: Vi-lích phải đi Đô-nao-ê-sinh-ghen ngay lập tức và nắm quyền chỉ huy toàn bộ pháo binh. Chúng tôi đã chuẩn bị đi ngay tới đó, thì một đoàn dân quân, và sau họ là pháo binh rồi mấy tiểu đoàn dân quân khác kéo vào Phuốc-văng-ghen. Đó là Bếch-cơ cùng với đội quân của ông đã tới. Người ta nói rằng binh sĩ của ông có tâm trạng nổi loạn. Tôi thăm dò một người bạn, một sĩ quan tham mưu, "thiếu tá" Néc-ling-gơ, và được biết như sau. Ông ta, Néc-linh-gơ, chỉ huy vị trí Tơ-ri-béc và vừa mới ra lệnh cho xây dựng công sự thì các sĩ quan chuyển cho ông ta một lá đơn có tất cả chữ ký của họ với nội dung như sau: mọi người đều có

tâm trạng nổi loạn và nếu như không tức khắc ra lệnh rút lui thì họ, nói là, các sĩ quan, sẽ cùng với tất cả quân của mình ra đi. Tôi nhìn xuống các chữ ký: đó vẫn lại là tiểu đoàn anh dũng của Đrê-ca - Ô-bơ-muy-lơ! Néc-linh-gơ không còn biết gì khác hơn là báo cho Bếch-cơ biết chuyện đó, rồi đi Phuốc-văng-ghen. Bếch-cơ lập tức đuổi theo họ, và, như vậy, ông ta cùng với toàn bộ quân đội của ông đến Phuốc-văng-ghen, tại đây các lính tình nguyện của chúng tôi đã đón tiếp các sĩ quan, binh lính hèn nhát đó bằng một trận cười giễu cợt. Bọn họ bị ngượng mặt, và đến chiều thì Bếch-cơ lại dẫn được họ về những vị trí trước đây của họ.

Cùng lúc ấy, chúng tôi đi Đô-nao-ê-sinh-ghen, theo chúng tôi có đại đội Bơ-dăng-xông. Quân Phổ lùng sục ra tận đường nhựa; Phin-linh-ghen đã bị chúng chiếm. Chúng tôi vẫn đi qua không xảy ra đụng độ gì, đến gần 10 giờ đêm thì các chiến sĩ Bơ-dăng-xông cùng tới nơi. Ở Đô-nao-ê-sinh-ghen tôi lại gặp Đét-xte và được ông ta cho biết là ông Stơ-ru-vơ trong Quốc hội lập hiến ở Phrây-buốc[111] yêu cầu phải lập tức chuyển sang Thụy Sĩ, vì rằng mọi sự đều thất bại, và người anh hùng Blen-cơ đã làm theo lời khuyên đó và sáng nay đã từ Ba-lơ vượt sang lãnh thổ Thụy Sĩ. Cả hai tin đó đều được hoàn toàn xác nhận. Ngày 6 tháng Bảy người anh hùng Blen-cơ đã đi Ba-lơ thực, mặc dù ông ta đúng là đóng ở xa quân địch hơn mọi người khác. Ông ta chỉ dừng lại một thời gian vừa đủ để cuối cùng tiến hành một loạt các cuộc trưng dụng độc đáo, những cuộc trưng dụng này đã dẫn tới một số hiểu lầm khó chịu giữa ông ta và ông Di-ghen, và sau đó giữa ông ta với những nhà cầm quyền Thụy Sĩ. Còn người anh hùng Stơ-ru-vơ, chính là người mới ngày 29 tháng Sáu đây thôi đã phỉ báng ông Bren-ta-nô và bất kỳ ai muốn đàm phán với quân thù là phản bội nhân dân, thì ba ngày sau, ngày 2 tháng Bảy, ông mất tinh thần đến nỗi trong một phiên họp kín của Quốc hội lập hiến Ba-den đã không chút ngượng ngùng đưa ra cái đề nghị sau đây:

"để cho dân chúng miền Thượng Ba-den không phải chịu những thảm họa của chiến

tranh như dân chúng miền Hạ Ba-đen, để những dòng máu quý giá không còn phải đổ thêm nữa và vì cần phải cứu vớt lấy những gì có thể cứu vớt được (!). - cần trả phụ cấp hoặc lương đến ngày 10 tháng Bảy, cũng như những lộ phí tương ứng cho các nghị sĩ Quốc hội Ba-đen và cho tất cả những người đã tham gia cách mạng, và tất cả sẽ rút lui sang lãnh thổ Thụy Sĩ cùng với các ngân quỹ, kho dự trữ, khí giới và các thứ khác!"

Stơ-ru-vơ dũng cảm đã đưa ra cái đề nghị tuyệt vời đó ngày 2 tháng Bảy, khi chúng tôi đóng ở Vôn-phác, trong vùng núi Svác-xvan-đơ, cách Phrây-buốc 10 giờ và cách biên giới Thụy Sĩ 20 giờ đi bộ! Ông Stơ-ru-vơ ngây thơ đến nỗi trong cuốn "Lịch sử" của mình, tr.237 và những trang tiếp theo, lại tự mình kể ra cái tình tiết đó và còn đem khoe khoang nó nữa. Việc chấp nhận đề nghị như vậy chỉ có thể có một hậu quả mà thôi, đó là: quân Phổ sẽ cố hết sức đánh riết chúng ta mạnh hơn để "cứu vớt lấy những gì còn có thể cứu vớt được", và chính là để cướp của chúng ta ngân quỹ, vũ khí và kho dự trữ, bởi vì sau cái quyết định như trên thì việc truy nã mạnh mẽ như vậy sẽ hoàn toàn không nguy hiểm; tiếp đến, tất cả quân đội của chúng ta đại đa số sẽ tan rã ngay tức khắc và hàng loạt các đơn vị sẽ phải tự động vượt sang Thụy Sĩ, như điều đó đã xảy ra trên thực tế. Đội quân của chúng tôi khi đó sẽ rơi vào tình trạng xấu nhất; nó ở trên lãnh thổ Ba-đen đến ngày 12, còn lương thì đã phát cho nó đến ngày 17.

Lẽ ra phải giành lại Phin-linh-ghen từ tay quân địch, thì ông Di-ghen thoạt tiên lại quyết định chiếm lĩnh trận địa ở Huy-phinh-ghen, đằng sau Đô-nao-ê-sinh-ghen và đón quân địch. Nhưng mới ngay chiều hôm đó đã lại quyết định chuyển sang Stuy-linh-ghen, sát ngay biên giới Thụy Sĩ. Chúng tôi vội phái liên lạc phóng ngựa đi Phuốc-văng-ghen để báo trước cho đơn vị của chúng tôi và đơn vị của Bếch-cơ. Cả hai đơn vị này phải đi Stuy-linh-ghen qua Noi-stát và Bôn-đoóc-phơ. Vi-lích đi Noi-stát đón đơn vị, tôi ở lại với đại đội Bơ-đăng-xông. Chúng tôi nghỉ đêm ở Rít-buê-rinh-ghen và chiều hôm sau, ngày 7 tháng Bảy thì đến Stuy-linh-ghen. Ngày 8 ông Di-ghen duyệt quân đội của ông ta đã bỏ trốn mất một nửa, ra lệnh cho nó từ nay nó không được

đi xe nữa, mà phải hành quân đều bước (lên biên giới!) rồi đi thẳng. Ông ta để lại chúng tôi nửa khẩu đội pháo và một mệnh lệnh cho Vi-lích.

Trong lúc đó từ Phuốc-văng-ghen người ta gửi đi một thông báo về cuộc rút lui toàn bộ, đầu tiên cho Bếch-cơ, rồi sau đó cho các đại đội của chúng tôi đang đóng ở phía trước. Đơn vị của chúng tôi tập trung ở Phuốc-văng-ghen trước tiên và đến Noi-stát thì gặp Vi-lích. Bếch-cơ đóng gần Phuốc-văng-ghen hơn là đơn vị tiền phương của chúng tôi, thế mà vẫn tới đó muộn hơn và cũng đi theo chính con đường đó. Ông ta dụng phải các công sự làm cản bước đi của ông ta; sau này các tờ báo Thụy Sĩ khẳng định rằng dường như những công sự đó là do đơn vị của chúng tôi xây dựng. Điều đó không đúng; đơn vị chúng tôi dựng chiến lũy chỉ trên những con đường đi sang bên kia dãy núi Svác-xvan-đơ, chứ hoàn toàn không phải trên con đường từ Tơ-ri-béc đi Phuốc-văng-ghen mà nó thậm chí cũng không chiếm giữ. Ngoài ra, những người lính tình nguyện của chúng tôi chỉ rời Phuốc-văng-ghen khi đội tiền quân của Bếch-cơ đã vào thị trấn đó rồi.

Ở Đô-nao-ê-sinh-ghen người ta đã quyết định là những tàn quân còn lại sẽ tập trung ở bên kia sông Vu-thác, giữa E-kinh-ghen và Thinh-ghen, và sẽ chờ quân địch tới đó. Ở đây, tựa hai sườn vào lãnh thổ Thụy Sĩ, với lực lượng pháo binh tương đối mạnh của mình chúng tôi còn có thể táo bạo đánh một trận cuối cùng. Thậm chí có thể chờ xem liệu quân Phổ có tràn vào lãnh thổ Thụy Sĩ hay không và do đó mà lôi cuốn cả Thụy Sĩ vào cuộc chiến tranh hay không. Nhưng chúng tôi đã kinh ngạc như thế nào khi Vi-lích trở về, chúng tôi được đọc trong mệnh lệnh của Di-ghen dũng cảm điều sau đây: "Đại bộ phận quân đội sẽ đi Thinh-ghen và đi Van-shút và thiết lập ở đó một vị trí mạnh (!!). Hãy cố giữ vị trí (ở Stuylinh-ghen và E-kinh-ghen) càng lâu càng tốt". - "Cái vị trí mạnh" ở Thinh-ghen và Van-đơ-xhút có sông Ranh ở phía sau, còn ở phía trước mặt thì có những cao điểm quân

địch có thể vượt qua được! Điều đó chỉ có thể có nghĩa là: chúng tôi định qua cầu Déc-kinh-ghen để sang Thụy Sĩ. Nhưng lẽ nào người anh hùng Di-ghen đó lại không nhân cái đề nghị của Stơ-ru-vơ mà nói: nếu như đề nghị đó được chấp nhận thì ông ta, Di-ghen, sẽ là người đầu tiên khởi loạn.

Chúng tôi chiếm lĩnh vị trí ngay bên sông Vu-thác và rải quân của mình từ E-kinh-ghen đến Vu-tuê-sinh-ghen, nơi đóng bộ tư lệnh của chúng tôi. Tại đây chúng tôi nhận được của ông Di-ghen một tài liệu sau, còn mang tính chất giáo huấn hơn:

"Mệnh lệnh. Đại bản doanh ở Thinh-ghen. Ngày 8 tháng Bảy 1849. - Gửi đại tá Vi-lích ở E-kinh-ghen. Vì bang Sáp-hau-đen lúc này có thái độ thù địch chống lại tôi, nên tôi không thể chiếm lĩnh vị trí mà chúng ta đã ước định với nhau. Qua đó, hãy chỉ đạo hoạt động của đơn vị mình và hãy chuyển quân đến Grít-xen, Lao-khrinh-ghen và Thinh-ghen. Ngày mai tôi sẽ rời khỏi đây để hoặc đi Van-xhút, hoặc sang bên kia sông An-bơ (tức là đến Déc-kinh-ghen)... Tổng tư lệnh Di-ghen".

Thế thì quá lắm! Buổi tối Vi-lích và tôi đi Thinh-ghen, tại đây viên "tướng - phụ trách hậu cần" là Slin-cơ đã thú nhận với chúng tôi rằng thực ra mọi người đã quyết định đi Déc-kinh-ghen, và ở đó - sẽ qua sông Ranh. Lúc đầu Di-ghen đòi được sử dụng quyền lực "tổng tư lệnh" của mình, nhưng Vi-lích không để cho ông ta làm như vậy và cuối cùng cũng buộc được Di-ghen phải ra lệnh quay trở lại và đi Grít-xen. Lý do đi Déc-kinh-ghen là cần phải hiệp quân với Đô-lơ hình như cũng đi tới đó, và đó là một vị trí dường như là mạnh. Vị trí đó, rõ ràng là chính cái vị trí mà Mô-rô đã chiếm giữ khi mở đầu trận đánh của ông ta năm 1800, chỉ có một điểm bất lợi là nó lại quay mặt hoàn toàn không phải về phía mà từ đó quân địch đang tiến gần đến chỗ *chúng tôi*; còn nói về Đô-lơ cao thượng thì ông ta không hề do dự mà cho biết rằng có thể tự mình qua Thụy Sĩ mà không cần ông Di-ghen giúp đỡ.

Giữa hai bang Xuy-rích và Sáp-hau-đen có một eo đất nhỏ thuộc lãnh thổ Ba-đen, với các điểm dân cư Giê-stét-ten và Lốt-stét-ten, tứ bề được Thụy Sĩ vây bọc và chỉ có một lối đi hẹp ở Ban-téc-svai. Chính ở đây, người ta phải chiếm lĩnh

vị trí cuối cùng. Các cao điểm dọc hai bên đường ở gần Ban-téc-svai là những vị trí rất tốt cho pháo binh của chiến tranh, còn bộ binh của chúng tôi hãy còn đủ đông để yểm trợ cho họ, một khi họ chưa sang được lãnh thổ Thụy Sĩ, khi cần thiết. Đã ước định rằng chúng tôi sẽ chờ ở đây khi tìm hiểu xem liệu quân Phổ có tấn công chúng tôi hay không hay muốn hành cho chúng tôi phải kiệt sức mà đi đến hàng phục. Đại đa số quân đội mà có cả Bếch-cơ nhập vào đã lập trại ở đây. Vi-lích chọn vị trí đặt pháo (sau này, ở chỗ phải đặt vị trí chiến đấu cho pháo, chúng tôi tìm thấy một kho đạn). Bản thân chúng tôi lập thành một đội hậu vệ và đi từ từ theo sau đội quân. Chiều ngày 9 chúng tôi tới E-kinh-ghen, ngày 10 tới Ri-đơn. Hôm đó trong doanh trại họp toàn thể hội đồng quân sự. Chỉ một mình Vi-lích phát biểu tán thành tiếp tục phòng thủ, Di-ghen, Bếch-cơ và những người khác tán thành rút sang lãnh thổ Thụy Sĩ. Tại đây cũng có mặt một ủy viên Thụy Sĩ, hình như là đại tá Cuốc-xơ, người đã tuyên bố rằng nếu còn chấp nhận đánh nhau trận nữa thì Thụy Sĩ sẽ không cho cư trú. Khi biểu quyết, Vi-lích cùng với hai - ba sĩ quan nữa bị thiểu số. Trong đơn vị chúng tôi chỉ có mình ông ta đi họp, ngoài ra không có ai khác.

Trong lúc Vi-lích còn đang ở trong doanh trại thì nửa khẩu đội pháo đã giao cho chúng tôi được lệnh rút và đã ra đi không hề báo trước. Tất cả những đơn vị khác, trừ chúng tôi, cũng nhận được lệnh có mặt tại doanh trại. Tôi một lần nữa lại đi cùng Vi-lích vào ban đêm tới đại bản doanh ở Lốt-stét-ten; quay trở về lúc rạng đông, trên đường đi chúng tôi gặp tất cả những quân đội đã nhổ trại và kéo ùn đến biên giới trong cảnh hỗn loạn man rợ. Cũng ngày hôm đó, ngày 11, lúc sáng sớm ông Di-ghen cùng với những người của ông vượt sang lãnh thổ Thụy Sĩ ở Ráp-xơ, còn ông Bếch-cơ cùng với những người của mình - ở Rai-nao. Chúng tôi tập trung đơn vị của chúng tôi, tiến vào doanh trại và từ đó đi E-stét-ten. Tại đây, lúc gần trưa chúng tôi nhận được qua viên sĩ quan liên lạc một bức thư của Di-ghen gửi từ E-gli-dao báo tin ông ta đã có mặt an toàn ở Thụy Sĩ, rằng các sĩ quan được phép giữ lại kiếm và chúng tôi phải tới đó càng sớm càng

tốt. Người ta chỉ nhớ đến chúng tôi khi đã ở trên một lãnh thổ trung lập!

Chúng tôi đi qua Lốt-stét-ten tới sát biên giới, dừng lại nghỉ đêm vẫn ở trên lãnh thổ Đức, và sáng ngày 12 chúng tôi tháo đạn ở súng ra và là những người cuối cùng trong quân đội Ba-đen - Pphan-xơ vào lãnh thổ Thụy Sĩ. Cùng ngày đó, cùng một lúc với chúng tôi, một đơn vị khác đóng ở Công-xtăng-xơ đã rời bỏ thành phố đó. Một tuần sau, do có sự phản bội, nên Ra-stát đã thất thủ, và bọn phản cách mạng lúc này lại nắm được toàn bộ nước Đức cho đến những hang cùng ngõ hẻm nhất của nó.

* * *

Phong trào đòi hiến pháp đế chế bị thất bại vì tính chất nửa vời của riêng bản thân nó và nội bộ yếu. Từ thất bại tháng Sáu năm 1848 đối với bộ phận văn minh của lục địa châu Âu thì vấn đề đặt ra là: hoặc nền thống trị của giai cấp vô sản cách mạng, hoặc nền thống trị của những giai cấp đã thống trị trước tháng Hai. Giải pháp trung gian đã không thể có. Đặc biệt ở Đức giai cấp tư sản đã tỏ ra không có khả năng thống trị về chính trị được nữa; trong cuộc đấu tranh với nông dân nó còn có thể giữ được quyền thống trị của mình chỉ là nhờ chỗ nó lại nhượng bộ tầng lớp quý tộc và tầng lớp quan liêu. Hiến pháp đế chế là một mưu đồ của giai cấp tiểu tư sản, liên minh với hệ tư tưởng Đức, để thực hiện một sự thỏa hiệp không thể thực hiện được có sứ mệnh đẩy lùi cuộc đấu tranh quyết định. Cái mưu đồ đó đã bị sụp đổ: kẻ nghiêm chỉnh với phong trào, thì lại không nghiêm chỉnh với hiến pháp đế chế, còn kẻ nghiêm chỉnh với hiến pháp đế chế, thì lại không nghiêm chỉnh với phong trào.

Tuy vậy, phong trào đòi hiến pháp đế chế có những kết quả đáng kể. Trước hết, nó đã đơn giản hoá tình hình. Nó chấm dứt vô số mưu đồ thỏa hiệp; sau khi nó sụp đổ thì người chiến thắng chỉ có thể hoặc là chế độ quân chủ phong kiến - quan liêu chủ nghĩa lập hiến tô điểm một chút, hoặc là cách mạng chân chính. Mà lúc này cách mạng chỉ có thể chấm dứt ở Đức không sớm hơn so với sự thiết lập quyền thống trị hoàn toàn của giai cấp

vô sản.

Sau nữa, phong trào đòi hiến pháp đế chế có tác dụng to lớn đối với sự phát triển các mâu thuẫn giai cấp ở những vùng thuộc Đức tại đó chúng còn chưa được biểu hiện rõ nét. Đặc biệt là ở Ba-đen. Ở Ba-đen như ta đã thấy, trước khởi nghĩa hầu như không có một mâu thuẫn giai cấp nào cả. Do đó có ưu thế hiển nhiên của giai cấp tiểu tư sản đối với tất cả các giai cấp đối lập, do đó có sự thống nhất tưởng tượng trong nhân dân, do đó người Ba-đen, cũng như người Viên, chuyển nhanh từ đối lập sang khởi nghĩa, có cơ hội là vươn tới khởi nghĩa và không sợ ngay cả cuộc chiến đấu trên chiến trường công khai với quân đội chính quy. Nhưng ngay khi công cuộc khởi nghĩa vừa bùng nổ, thì các giai cấp được lộ ra rõ ràng và những người tiểu tư sản đã tách khỏi công nhân và nông dân. Thông qua người đại diện của mình là Bren-ta-nô, những người tiểu tư sản đã vấp phải những nhục nhã đến muôn đời. Sự thống trị của tập đoàn quân phiệt Phổ đã đưa chính họ tới chỗ tuyệt vọng đến nỗi là hiện nay họ thà chọn một chế độ bất kỳ nào, thậm chí một chế độ do công nhân thiết lập, còn hơn là cách ách áp bức hiện giờ; họ sẽ tham gia tích cực vào phong trào sắp tới đây nhiều hơn bất cứ phong trào nào có từ trước tới nay. Nhưng, may mắn là họ sẽ không bao giờ còn có thể đóng một vai trò độc lập, thống trị, như dưới chế độ độc tài của Bren-ta-nô được nữa. Công nhân và nông dân là những người chịu đau khổ chẳng kém giai cấp tiểu tư sản do ách thống trị hiện thời của bọn quân phiệt gây ra, đã chẳng uổng công tập dượt một cuộc khởi nghĩa cuối cùng; họ là những người, ngoài tất cả những điều khác ra, phải trả thù cho những người anh em của mình đã ngã xuống và bị giết, sẽ lo liệu làm sao để trong cuộc khởi nghĩa sắp tới đây vai trò lãnh đạo sẽ nằm trong tay họ, chứ không phải trong tay những người tiểu tư sản. Không một cuộc tập dượt khởi nghĩa nào có thể thay thế được sự phát triển giai cấp, một sự phát triển chỉ có được trong tiến trình tồn tại lâu năm của nền đại công nghiệp, mặc dầu vậy Ba-đen vẫn nhờ cuộc khởi nghĩa cuối cùng của nó và những kết quả của nó mà bước vào hàng ngũ "chính" những tỉnh của nước Đức, sẽ chiếm một trong những vị trí quan trọng bậc nhất trong cuộc cách mạng sắp tới đây.

Xét theo quan điểm chính trị thì người ta đã thấy trước là phong trào đòi hiến pháp đế chế sẽ thất bại. Xét theo quan điểm quân sự thì nó cũng sẽ thất bại. Triển vọng thắng lợi duy nhất của nó lại ở ngoài nước Đức, nằm trong thắng lợi của những người cộng hòa ở Pa-ri ngày 13 tháng Sáu, - mà phong trào ngày 13 tháng Sáu thì đã bị thất bại. Sau sự kiện đó phong trào chỉ có thể là một tấn tuồng ít nhiều đẫm máu, không hơn không kém. Và nó cũng chẳng phải là một cái gì khác cả. Sự ngu độn và sự phản bội đã hoàn tất cái thất bại của nó. Trừ một số ít ra, còn những nhà lãnh đạo quân sự là những tên phản bội hoặc những kẻ mưu cầu danh lợi bất tài, dốt nát và hèn nhát, còn một số ít người ngoại lệ ấy thì chẳng được một sự ủng hộ nào của những người còn lại, thí dụ như của chính phủ Bren-ta-nô. Kẻ nào, trong cuộc cách mạng rung chuyển sắp tới, không thể đưa ra được những công lao khác của mình ngoài chức vị làm tướng của Hếch-cơ hoặc đã làm sĩ quan trong phong trào đòi hiến pháp đế chế, thì kẻ đó bị người ta tống cổ ra ngay lập tức cũng là đáng. Đó là nói tới những người chỉ huy và những binh lính. Trong nông dân Ba-đen có những phần tử tài giỏi về quân sự, nhưng ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa người ta đã sử dụng họ quá tồi, đã quá rẻ rúng họ, đến nỗi tạo nên thảm cảnh mà chúng tôi đã mô tả tỉ mỉ. Toàn bộ "cuộc cách mạng" đã biến thành một tấm hài kịch thực sự, và điều an ủi duy nhất ở đây là kẻ địch đông hơn gấp sáu lần nhưng bản thân chúng lại kém dũng cảm đến sáu lần.

Những tấn hài kịch đó đã chịu một kết cục bi thảm vì lòng khát máu của bọn phản cách mạng. Chính những người lính đã nhiều lần chịu nỗi khiếp đảm trong cuộc hành quân hoặc trên chiến trường thì lại chết như những người anh hùng trong các ngục tối của pháo đài Ra-stát. Không một người nào trong họ cầu xin lòng thương hại, không một người nào run sợ. Nhân dân Đức sẽ không quên những vụ bắn giết và những hầm ngầm ở Ra-stát; họ sẽ không quên cả những tên cầm đầu đã ra những mệnh lệnh nhục nhã đó, cũng như những kẻ phản bội do sự hèn nhát của chúng đã dẫn tới tình trạng đó; sẽ không quên tất cả bọn Bren-ta-nô ở Các-lơ-xru-ê và ở Phran-phuốc.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN RÚT TRONG TỜ "NEUE RHEINISCHE ZEITUNG. POLITISCH - ÖKONOMISCHE REVUE" SỐ 2[112]

G. PH. ĐAU-MƠ. "TÔN GIÁO CỦA THỜI MỚI. THỬ TRÌNH BÀY NGUYÊN LÝ CÁCH NGÔN KẾT HỢP" 2 TẬP, HĂM-BUỐC, 1850[1*]

"Có một ngài ở *Nu-rem-be* nói chung mang tư tưởng rất tự do, mà hoàn toàn không thờ ơ trước những điều mới mẻ, đã hết sức cảm thù những âm mưu của các nhà dân chủ. Ông ta là kẻ sùng bái Rôn-ngơ và treo ảnh của Rôn-ngơ trong phòng mình. Nhưng khi được nghe nói rằng Rôn-ngơ theo phái dân chủ, thì ông ta lại đem ảnh của Rôn-ngơ treo nhà xí. Có lần ông ta nói: ôi, giá như chúng ta được sống dưới quyền lực cái roi của Nga, thì tôi cảm thấy hạnh phúc biết bao! Ông ta đã chết trong thời kỳ xảy ra các phong trào phản đối, và tôi cho rằng mặc dù lúc đó ông ta đã già, nhưng nguyên nhân đưa ông ta đến cái chết chỉ là nỗi buồn chán và thất vọng vì những điều đã xảy ra" (t. II, tr.321-322).

Nếu như cái anh chàng phi-li-xtanh ở Nu-rem-be đáng thương ấy, thay vì phải chết đi, lại làm cái việc cóp nhặt các đoạn và các câu châm ngôn rút từ "Korrespondent von und für Deutschland"[113] từ Si-lơ và Gơ-tơ, từ các sách giáo khoa nhà trường cũ rích và những cuốn sách mới rẻ tiền trong các thư viện, thì anh ta đã được thoát chết, còn ngài Đau-mơ thì được

1* G. Fr. Daumer. "Die Religion des neuen Weltalters. Versuch einer combinatorisch-aphoristischen Grundlegung" 2 B-de, Hamburg, 1850.

thoát khỏi cái công việc nặng nhọc là đi biên soạn cái nguyên lý cách ngôn - cóp nhặt gồm hai phần[114]. Thực ra, trong trường hợp như thế chúng ta không thể có được một dịp bổ ích là được làm quen với thứ tôn giáo của thế kỷ mới và luôn thể làm quen với nhân vật tuần giáo đầu tiên của tôn giáo đó.

Tác phẩm của ngài Đau-mơ được chia làm hai phần: phần "mở đầu" và phần "chính". Trong phần mở đầu, cái chàng Ếc-các trung thành[115] với triết học Đức ấy đã nêu rõ nỗi đau lòng sâu sắc của mình trước việc trong hai năm gần đây thậm chí có những người Đức có suy nghĩ và có học vấn đã đi chệch con đường chân chính và họ đã từ bỏ những thành quả tư duy quý báu để đổi lấy hoạt động cách mạng thuần túy có tính chất "bề ngoài". Ông ta cho rằng thời điểm hiện nay là phù hợp để lại khơi dậy những tình cảm dân tộc tốt đẹp nhất; ông ta nêu ra hậu quả sẽ như thế nào nếu như từ bỏ một cách nông nổi toàn bộ nền văn hóa Đức, mà chỉ có nhờ nền văn hóa đó người công dân Đức mới đại biểu được cho một cái gì đó. Ông ta đã tái tạo lại toàn bộ nội dung của nền văn hóa Đức trong những câu cách ngôn mạnh mẽ nhất có thể tìm thấy được trong cái kho báu uyên thâm của ông ta thật nghèo nàn, và do đấy ông ta cũng bôi nhọ nền văn hóa Đức không kém gì bôi nhọ nền triết học Đức. Tập văn tuyển của ông ta về những sản phẩm tột đỉnh của tinh thần Đức, với tính chất thô thiển và tính chất tầm thường của tập sách đó, đã vượt xa ngay cả những quyển sách tầm thường nhất dành cho các tiểu thư thuộc những đẳng cấp có học vấn. Sau khi mở đầu bằng những quan điểm công kích mang tính chất phi-li-xtanh của Gơ-tơ và Si-lơ, nhằm chống lại cuộc cách mạng Pháp đầu tiên, bằng câu nói kinh điển: "đánh thức con sư tử thật là nguy hiểm"[116], và kết thúc bằng nền văn hóa cận đại, vị linh mục đệ nhất ấy của tôn giáo mới đã cẩn mẫn lôi ra từng luận điểm thể hiện cái tinh thần hủ lậu Đức vẫn uể oải cầu kỉnh trước quá trình vận động lịch sử thù địch với tinh thần hủ lậu đó. Những nhân vật có uy tín cỡ như Phri-đrích Rau-mơ, Béc-tôn Au-ơ-bắc, Lốc-nơ, Mô-rít-xơ Ca-ri-ê, An-phrết Mai-xnơ, Cru-gơ, Đin-ghen-stết, Rôn-ngơ,

"Nürnberger Bote", Mác-xơ Van-đau, Stéc-nơ-béc, Hée-man Môi-rơ, Lu-i-đa A-xtôn, Ếch-cơ-man, Noắc, "Blätter für literarische Unterhaltung", A. Cun-xơ, Ghi-la-ni, T. Mun-tơ, Xa-phia, Gút-xcốp, một bà nào đó "nguyên họ gốc là Gát-te-rơ", v.v. - đó là những cột trụ để dựng lên đền đài của tôn giáo mới. Phong trào cách mạng - mà tại đây có đủ các giọng nguyền rủa cất lên chống lại nó, - thì đối với ông Đau-mơ, phong trào ấy bó hẹp, một mặt, ở cái mảnh khoé hoạt động chính trị hết sức tầm thường kiểu quán rượu được thịnh hành ở Nu-rem-be được tờ "Korrespondent von und für Deutschland" tán đồng, và mặt khác, ở những hành động quá khích của đám dân đen mà ông Đau-mơ có một khái niệm hết sức hoang đường về họ. Những nguồn tin mà từ đó ông ta rút ra những tin tức ở đây của mình, thì hoàn toàn xứng đáng với những nhân vật đầy uy tín kể trên: bên cạnh tờ "Korrespondent" ở Nu-rem-be được nhắc tới nhiều lần, còn phải kể đến tờ "Bamberger Zeitung", tờ "Landbötin" ở Muyn-sen, tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc, v.v.. Cái tư tưởng tầm thường mang tính chất hết sức phi-li-xtanh luôn luôn coi người vô sản chỉ là một kẻ rách rưới thô bỉ, bại hoại về tinh thần, cái tư tưởng đã khoái trá thỏa mãn khi được chứng kiến cuộc chém giết hồi tháng Sáu 1848 ở Pa-ri làm cho hơn ba ngàn "kẻ rách rưới" đó bị giết, - cái tư tưởng tầm thường phi-li-xtanh này lại lấy làm phẫn nộ về việc người ta giẫu cợt những hội thương yêu bảo vệ súc vật.

"Những nỗi đau đớn khủng khiếp" - ông Đau-mơ kêu lên ở tr. 293 của tập thứ nhất, - "mà những súc vật bất hạnh phải chịu khi chúng nằm trong tay những con người ác nghiệt, tàn bạo, đối với những kẻ dã man đó thì những nỗi đau đớn ấy chỉ là "điều nhỏ nhặt" mà thôi, về điều "nhỏ nhặt" này ta không đáng bận tâm!".

Ông Đau-mơ hình dung toàn bộ cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay chỉ là cuộc đấu tranh của "cái thô bỉ" chống lại "nền văn hóa". Lẽ ra phải giải thích cuộc đấu tranh đó xuất phát từ những điều kiện lịch sử của đời sống của những giai cấp ấy, thì ông ta lại đi tìm nguyên nhân của cuộc đấu tranh giai cấp ở trong những gian kế và những âm mưu của một số người ác độc đã lợi dụng những bản năng thấp hèn của đám dân đen, xúi giục họ chống lại các đẳng cấp có học vấn.

"Tư tưởng cải cách dân chủ đó... đang khơi dậy lòng đố kỵ, sự thù ghét, sự tham lam của giai cấp hạ đẳng trong xã hội chống lại các giai cấp thượng đẳng - một biện pháp tuyệt vời nhằm làm cho con người trở nên cao thượng hơn, tốt hơn và đặt cơ sở cho một trình độ văn hóa cao hơn!" (t.I, tr. 289).

Ông Đau-mơ thậm chí cũng chưa biết được "các giai cấp hạ đẳng trong xã hội chống lại các giai cấp thượng đẳng" đã phải chịu đựng một cuộc đấu tranh như thế nào để tạo ra được dù chỉ là "trình độ văn hóa" Nu-rem-be thôi và để có thể làm xuất hiện một chiến sĩ chống lại Mô-lô-sơ à là[1*] Đau-mơ[117].

Phần thứ hai, là phần "chính", bao gồm phần trình bày chính diện về tôn giáo mới. Phần này thể hiện một cách đầy đủ cơn giận dữ của nhà triết học Đức về việc cuộc đấu tranh của ông ta chống lại đạo Cơ Đốc đã không được ai ngó nhìn tới, về việc nhân dân thờ ơ đối với tôn giáo - là đối tượng duy nhất đáng để cho nhà triết học phải quan tâm. Sau một hồi lâu chửi rủa tôn giáo cũ, nhà thông thái của chúng ta chẳng biết làm gì hơn là bắt tay vào thảo ra một thứ tôn giáo mới, nhằm lấy lại cái danh dự trước đây cho cái nghề của ông ta đã bị sự cạnh tranh chèn ép. Tuy vậy, thứ tôn giáo này, hoàn toàn phù hợp với phần đầu, cũng chỉ là việc tiếp tục thu nhặt những câu cách ngôn, những vần thơ lấy trong an-bom và versus memoriales[2*] của nền văn hóa tiểu thị dân Đức mà thôi. Các chương trong kinh Hồi giáo mới[118] chẳng qua chỉ là một loạt những câu văn dùng để che đậy về mặt tinh thần và tô điểm về mặt thơ ca cho cái trật tự hiện hành ở Đức mà thôi. Do chỗ những câu văn đó không mang hình thức tôn giáo một cách trực tiếp, nhưng tuy vậy chúng cũng không bị mất đi tính chất họ hàng gần gũi của chúng với tôn giáo cũ.

"Chỉ nhờ có các tôn giáo mới thì những trật tự và những mối quan hệ thế giới hoàn toàn mới có thể phát sinh được. Có thể lấy đạo Cơ Đốc và đạo Hồi làm ví dụ và bằng chứng cho thấy những điều mà tôn giáo có thể làm được. Có thể dẫn ra những phong trào lan rộng năm 1848 để chứng thực một cách hết sức rõ ràng và hiển nhiên về sự bất lực và vô bổ của cái chính sách trừu tượng, chính sách đặc biệt" (t.I, tr. 313).

1*- kiểu
2*- những bài thơ để nhớ

Trước mắt chúng ta, cái luận đề sâu sắc này thể hiện cả một sự tầm thường thô thiển vô vị và toàn bộ sự dốt nát của "nhà tư tưởng" Đức đã lầm tưởng "những thành quả tháng Ba" thảm hại ở Đức, và nói riêng ở Ba-vi-e, là phong trào châu Âu trong những năm 1848 và 1849, và ông ta lại đòi hỏi rằng những sự bùng nổ ban đầu còn rất thưa thớt của một cuộc cách mạng vĩ đại đang từ từ tự mở đường cho mình và đang được tích tụ, lại phải đem lại ngay "những trật tự và những mối quan hệ thế giới hoàn toàn mới". Toàn bộ cuộc đấu tranh xã hội phức tạp với những trận đánh mở đường đầu tiên trong hai năm gần đây đã lan đi từ Pa-ri tới Đê-brê-xen và từ Béc-lin tới Pa-léc-mơ, - đối với ông Đau-mơ thông thái thì cuộc đấu tranh ấy tựu trung chỉ là như thế này: vào tháng Giêng 1849 "những hy vọng của các liên minh lập hiến của Éc-lăng-ghen đã bị đẩy lùi vô thời hạn" (t.I, tr. 312), và nỗi sợ hãi trước một cuộc đấu tranh mới có thể quấy rầy ông Đau-mơ một cách khó chịu trong những việc nghiên cứu của ông về Ha-phin-đơ, Ma-hô-mét và Béc-tôn Au-ơ-bắc.

Cái tính hời hợt hết sức trơ trẽn đó của ông Đau-mơ đã cho phép ông ta hoàn toàn không chú ý gì đến một điều là sự phá sản hoàn toàn của "những trật tự thế giới" thời cổ đại đã xảy ra trước khi có đạo Cơ Đốc, rằng đạo Cơ Đốc là biểu hiện giản đơn của sự phá sản đó; rằng "những trật tự thế giới hoàn toàn mới" nảy sinh không phải từ bên trong, không phải nhờ có đạo Cơ Đốc, mà chỉ xuất hiện như người Hung-nô và người Giéc-manh "từ bên ngoài xéo dạp lên cái xác của Đế chế La Mã"; rằng sau cuộc chinh phạt của người Giéc-manh thì không phải là "những trật tự thế giới mới" được hình thành cùng với đạo Cơ Đốc, mà ngược lại, đạo Cơ Đốc đã bị biến đổi theo từng giai đoạn mới của những trật tự thế giới đó. Hãy để cho ông Đau-mơ đưa ra cho chúng ta dù chỉ một thí dụ về sự thay đổi những trật tự thế giới mới cùng với sự xuất hiện một tôn giáo mới mà trong đó lại không diễn ra một cách đồng thời những cơn co giật hết sức to lớn "bên ngoài và mang tính chất trừu tượng - chính trị".

Rõ ràng là cùng với mỗi bước ngoặt lịch sử lớn của những trật tự xã hội thì đồng thời cũng diễn ra sự biến chuyển lớn trong những quan điểm và trong những quan niệm của con người, mà

cũng có nghĩa là cả trong những quan niệm tôn giáo của họ nữa. Nhưng cuộc chuyển biến lớn hiện nay khác hẳn với tất cả những cuộc biến chuyển trước đây chính là ở chỗ con người, cuối cùng, đã giải đáp được điều bí ẩn của quá trình những chuyển biến lớn đó trong lịch sử và bởi vậy, lẽ ra họ lại thần thánh hóa cái quá trình thực tiễn "bên ngoài" này dưới hình thức khoa trương - siêu nghiệm của thứ tôn giáo mới, thì nay họ lại vứt bỏ mọi thứ tôn giáo đi.

Sau những lời giáo huấn dạy đạo đức ngắn ngủi của cái trí anh minh thế giới mới vượt xa cả những lời thuyết pháp của A.Cni-gơ[119], vì trí anh minh đó có nói tới tất cả những điều cần thiết không những về cách cư xử với con người, mà còn cả về cách đối xử với súc vật nữa, - sau những bài ngụ ngôn của Xa-lô-mông còn có cả bài ca của tất cả những nhã ca đo một Xa-lô-mông sáng tác ra nữa.

"*Tự nhiên* và *phụ nữ* là nhân tố thực sự thần thánh, khác với *con người* và *đàn ông*... Sự xả thân của con người vì thiên nhiên, của đàn ông vì phụ nữ, - đó là sự ẩn nhẫn chân chính, duy nhất chân chính và tinh thần tự quên mình, đó là phẩm hạnh tối cao, thậm chí là duy nhất và lòng ngoan đạo" (t.II, tr. 257).

Ở đây chúng ta thấy tính chất hời hợt và sự dốt nát của kẻ đầu cơ sáng lập ra tôn giáo đang được biến thành một sự hèn nhát hiển nhiên. Ông Đau-mơ đã trốn chạy khỏi tấm bi kịch lịch sử đang đe dọa ông ta và đi tìm sự cứu vãn trong cái gọi là giới tự nhiên, tức là trong cảnh điền viên nông dân dân dộn, và ông ta đi tuyên truyền sự sùng bái người phụ nữ để nhằm che đậy cho sự quên mình mang tính chất đàn bà của riêng bản thân ông ta.

Vả lại, sự sùng bái giới tự nhiên của ông Đau-mơ cũng khá là độc đáo. Ông ta đã trở nên phản động thậm chí hơn cả đạo Cơ Đốc. Ông ta mưu toan khôi phục lại, dưới hình thức hiện đại, thứ tôn giáo cổ của tự nhiên, có trước đạo Cơ Đốc. Như vậy, dĩ nhiên là ông ta chỉ quy toàn bộ sự việc lại thành những lời huyên thuyên mang tinh thần Cơ Đốc giáo - Đức - gia trưởng nào đó về giới tự nhiên, sự huyên thuyên đó được thể hiện, chẳng hạn, trong những câu thơ sau đây:

"Hãy dạy người đời, hỡi bà mẹ - giới tự nhiên,

Sao cho khắp mọi nơi, người đời chỉ tìm hóng mẹ

Và ngoan ngoãn đi theo con đường của Mẹ!"

"Những thứ đó không còn hợp thời trang nữa. Mà cũng chẳng có lợi gì cho văn hóa, cho tiến bộ và cho sự phồn thịnh của loài người" (t.II, tr. 157).

Như chúng ta thấy, sự sùng bái giới tự nhiên được bó hẹp trong những cuộc dạo chơi vào ngày chủ nhật của anh chàng thị dân tỉnh lẻ biểu lộ sự ngạc nhiên một cách trẻ con trước hiện tượng con chim tu hú đẻ trứng của nó vào tổ của những con chim khác (t.II, tr. 40), và trước việc nước mắt có tác dụng giữ cho con mắt luôn ẩm ướt (t.II, tr. 73), v.v., và sau hết, với sự rung động thiêng liêng anh chàng ấy đã ngẫm nga trước mặt các đứa con của mình một bài thơ ca tụng mùa xuân của Clốp-stốc[120] (t.II, tr. 23 và các trang tiếp theo). Dĩ nhiên, không thể bàn đến môn tự nhiên học hiện đại là môn khoa học mà một khi được kết hợp với nền công nghiệp hiện đại, thì có tác dụng cách mạng hóa toàn bộ giới tự nhiên và nó cũng kết liễu, cùng với những điều ấu trĩ khác, cả cái quan hệ ấu trĩ của con người đối với giới tự nhiên. Nhưng trái lại, chúng ta vẫn nghe thấy những lời ám chỉ bí ẩn và những điều phỏng đoán phân vân theo kiểu phi-li-xtanh và những lời tiên tri của No-xtơ-ra-đa-mu-xơ, về sự tiên đoán của người Xcốt-len và về thuật thôi miên động vật[121]. Nói chung đã đến lúc nền công nghiệp lạc hậu của xứ Ba-vi-e, miếng đất đã làm nảy sinh những cha cố cùng những kẻ như Đau-mơ, cuối cùng phải được canh tác lại bằng phương pháp canh nông hiện đại và máy móc hiện đại.

Vấn đề sự sùng bái người phụ nữ cũng hệt như vấn đề sự sùng bái giới tự nhiên. Lẽ dĩ nhiên là ông Đau-mơ không hề có một lời nào nói về địa vị xã hội hiện nay của người phụ nữ, mà ngược lại, ông chỉ nói về phụ nữ nói chung. Trong tình trạng họ bị mất quyền với tư cách là công dân, ông ta cố gắng an ủi họ bằng cách biến họ trở thành đối tượng của sự sùng bái được thể hiện bằng những câu văn thật vô nghĩa cũng như mang tính chất bí ẩn đầy cao vọng. Chẳng hạn, ông ta vỗ về giới phụ nữ rằng khi lấy chồng thì tài năng ở họ sẽ mất đi, bởi vì khi đó, như ông ta nói, họ phải bận con cái (t.II, tr. 237), rằng họ có khả năng cho con bú ngay cả khi họ ở tuổi sáu mươi (t.II, tr. 251), v.v.. Ông

Đau-mơ gọi đó là "sự hy sinh quên mình của người đàn ông vì người đàn bà". Mà để tìm cho được trong tổ quốc mình những nhân vật phụ nữ lý tưởng cần thiết cho sự hy sinh quên mình của mình với tư cách là người đàn ông, ông ta buộc phải hướng về tất cả những phụ nữ quý tộc thuộc thế kỷ trước. Như vậy, sự sùng bái phụ nữ vẫn lại được quy thành tình trạng bị phụ thuộc nặng nề của các tác gia vào các bà đáng kính bảo hộ họ - hãy xem Vin-hem Mai-xtơ[122].

"Nền văn hóa", - mà sự suy sụp của nó đã được ông Đau-mơ than vãn dài dòng trong những lời ai oán của ông ta, - là nền văn hóa của những thời đại khi mà Nu-rem-be, hưng thịnh với tính cách là một thành phố đế chế tự do, khi mà nền công nghiệp ở Nu-rem-be - một sự pha tạp đặc trưng giữa nghệ thuật và nghề thủ công - đã chiếm giữ một vai trò to lớn, - là nền văn hóa của giai cấp tiểu tư sản Đức đang tiêu vong cùng với cái giai cấp tiểu tư sản đó. Nếu như sự diệt vong của những giai cấp trước đây, thí dụ như của đẳng cấp hiệp sĩ, có thể cung cấp chất liệu cho những tác phẩm đồ sộ của một nền nghệ thuật bi ai, thì tầng lớp tiểu thị dân, dĩ nhiên, không thể đem lại cái gì khác ngoài những biểu hiện bất lực của sự căm tức cuồng tín và của sự cóp nhặt những câu thành ngữ và cách ngôn chỉ xứng với San-sô Pan-xa mà thôi. Ông Đau-mơ - đó là sự kế tục Han-xơ Sắc-xơ một cách nhạt nhẽo và đã mất hết sự hài hước. Một thứ triết học Đức bó tay và nức nở bên người cha đỡ đầu của mình vào giờ phút lâm chung - tức là tầng lớp tiểu thị dân Đức - đó là bức tranh đầy xúc động mà tôn giáo của thế kỷ mới đang làm hiện ra trước mắt chúng ta.

Viết vào tháng Giêng - tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 2, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

LÚT-VÍCH XI-MÔN Ở TƠ-RIA. "TIẾNG NÓI CỦA PHÁP QUYỀN NHẰM BẢO VỆ TẤT CẢ CÁC CHIẾN SĨ ĐẤU TRANH CHO HIẾN PHÁP ĐẾ CHẾ, GỬI CÁC VỊ BỒI THẨM ĐỨC". PHRAN-PHUỐC TRÊN SÔNG MAI-NƠ, 1849[1*]

"Chúng tôi bỏ phiếu chống lại quyền thế tập của người đứng đầu đế chế; chúng tôi đã không bỏ phiếu, khi ngày hôm sau diễn ra cuộc bầu cử người đứng đầu đế chế. Nhưng khi mà ý chí của đa số trong một Quốc hội được bầu ra trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu, vấn đề đã được giải quyết dứt khoát, thì chúng tôi tuyên bố rằng chúng tôi sẵn sàng tuân theo. Nếu không làm như vậy, chúng tôi sẽ chứng minh rằng *nói chung chúng tôi không thích hợp với xã hội công dân*" (tr. 43).

Như vậy, theo ông L. Xi-môn "ở Tơ-ria" thì các nghị sĩ cánh cực tả thuộc Quốc hội Phran-phuốc "nói chung không thích hợp với xã hội công dân". Như vậy, ông L. Xi-môn "ở Tơ-ria" hình như nói chung hình dung những giới hạn của xã hội công dân còn nhỏ hẹp hơn cả những bức tường của nhà thờ thánh Pôn[123].

Vả lại, ông Xi-môn cũng có đủ sức tế nhị để trong buổi xưng tội của ông ta ngày 11 tháng Tư 1849 vạch ra điều bí mật của thái độ đối lập trước đây của ông ta cũng như trong lời phát biểu sau này của ông ta.

"Từ mặt nước đục ngầu của lối ngoại giao trước tháng Ba đã bốc lên những làn sương mù lạnh lẽo. Những làn sương mù đó đã kết lại thành những đám mây, và cái đang đe dọa chúng ta là một cơn giông tai hại, trước hết nó sẽ giáng vào tháp nhà thờ lớn là nơi chúng ta đang họp. Hãy đề phòng và lưu ý tới cái cột thu lôi, *nó sẽ giúp các ngài tránh khỏi* sét đánh!"[124].

Nói một cách khác: thưa các ngài, vấn đề bây giờ là phải giữ

1* Ludwg Simon von Trier. "Ein Wort des Rechts für alle Reichsverfassungskämpfer an die deutschen Geschwornen". Franfurt a. M., 1849.

lấy cái mạng sống của chúng ta!

Những đề nghị ngoan ngoãn - van lơn và những sự thỏa hiệp thảm hại mà cánh tả Phran-phuốc đưa ra - nhân có vấn đề về quyền lực hoàng đế, cũng như sau chuyến trở về nhục nhã của đoàn đại biểu đế chế [125] - trước phe đa số, miễn sao lưu được ông ta ở lại Quốc hội, những mưu toan thỏa hiệp bẩn thỉu mà lúc bấy giờ cánh tả đem thực hiện ở tất cả mọi hướng, - toàn bộ điều đó đã được thần thánh hóa cao độ qua những lời sau đây của ông Xi-môn:

"Do có những sự kiện xảy ra trong năm vừa qua nên cái từ "thỏa hiệp" đã trở thành đối tượng của những lời giễu cợt rất nguy hại. Hầu như người ta không thể thốt lên cái từ ngữ đó được nữa, nếu không sẽ bị chế nhạo. Thế nhưng chỉ có thể xảy ra một trong hai điều: hoặc là người ta thỏa hiệp với nhau, hoặc là người ta lăn xả vào nhau như những con thú dữ" (tr.43).

Điều đó có nghĩa là: hoặc là các đảng phái tiến hành cuộc đấu tranh của họ đến cùng, hoặc là họ gạt cuộc đấu tranh đó sang một bên bằng một sự thỏa hiệp nào đó. Dĩ nhiên, điều cuối cùng mang tính chất "văn hóa" hơn và "nhân đạo" hơn. Nói chung, dựa vào lý luận trên đây của mình, ông Xi-môn lại mở ra cho bản thân khả năng có thể đưa ra một loạt vô cùng tận những sự thỏa hiệp, mà nhờ chúng ông ta có thể trụ lại được trong bất kỳ "xã hội công dân" nào.

Cái hiến pháp đế chế quá cố được biện minh trong lối diễn dịch triết học sau đây:

"Về thực chất, hiến pháp đế chế là biểu hiện cho điều có thể thực hiện được mà không cần tới những biện pháp vũ lực mới... Nó là biểu hiện sinh động của nền quân chủ dân chủ, bởi vậy cũng là biểu hiện của sự mâu thuẫn có tính nguyên tắc. Nhưng trên thế giới đã có không ít những hiện tượng mang tính chất mâu thuẫn có tính nguyên tắc, và, tuy nhiên, cuộc sống tiếp tục được phát triển chính là từ những mâu thuẫn có tính nguyên tắc đang tồn tại trên thực tế" (tr.44).

Như mọi người đều thấy, việc áp dụng phép biện chứng của Hê-ghen dù sao cũng có khó khăn hơn là trích dẫn những câu thơ của Si-lơ. Nếu cần làm cho hiến pháp đế chế được tồn tại "trên thực tế", bất chấp "mâu thuẫn có tính nguyên tắc" của nó, thì ít ra nó phải thể hiện được, "về mặt nguyên tắc", cái mâu

thuẫn đã tồn tại "trên thực tế". "Trên thực tế", ở một bên là Phổ và Áo, chế độ chuyên chế quân sự, còn ở bên kia là nhân dân Đức đã bị người ta tước đi những thành quả của cuộc khởi nghĩa tháng Ba của họ, đã bị lừa, chủ yếu vì họ tin tưởng một cách khờ khạo vào Quốc hội Phran-phuốc thảm hại, và chính vào thời gian đó, cuối cùng, họ sẵn sàng một lần nữa lao vào cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế quân sự. Cái mâu thuẫn thực tế đó chỉ có thể được giải quyết bằng một cuộc đấu tranh thực sự mà thôi. Hiến pháp đế chế liệu có thể hiện được mâu thuẫn đó hay không? Tuyệt nhiên không. Nó đã thể hiện cái mâu thuẫn có từ tháng Ba 1848, trước khi Phổ và Áo tập hợp lực lượng lại, trước khi phái đối lập - do bị những thất bại cục bộ - đã lâm vào tình trạng bị phân tán, suy yếu, và bị tước mất vũ khí. Tiếp nữa, hiến pháp đế chế chỉ thể hiện được sự tự an ủi kiểu trẻ con của các ngài hội họp trong nhà thờ thánh Pôn, các ngài đó tưởng rằng ngay từ tháng Ba 1849 họ sẽ gán ép những đạo luật cho các chính phủ Phổ và Áo và họ có thể đảm bảo cho họ những địa vị vĩnh viễn béo bở và an toàn chẳng kém của những ngài Ba-rô thuộc đế chế Đức.

Sau đó ông Xi-môn tự chúc mừng mình và các bạn đồng sự của ông ta về việc không gì có thể lay chuyển được sự mù quáng đầy vụ lợi của họ đối với bản hiến pháp đế chế:

"Thưa các ngài, những kẻ phản bội của Gô-ta, các ngài hãy lấy làm xấu hổ mà thừa nhận rằng trong những giờ phút tình cảm bùng lên chúng tôi không bị sa vào sự cám dỗ nào, rằng chúng tôi vẫn trung thành với lời nói của mình và không mảy may thay đổi công trình sáng tạo chung của chúng tôi! (tr.67).

Tiếp đó ông ta nêu ra những chiến công anh hùng của họ đối với Vuyếc-tem-béc và Pphan-xơ và nêu ra bản nghị quyết ở Stút-gát được thông qua ngày 8 tháng Sáu, trong nghị quyết này họ che chở cho Ba-den dưới sự bảo hộ của đế chế, mặc dù trên thực tế lúc đó đế chế đã nằm dưới sự bảo hộ của Ba-den[126] rồi; nghị quyết của họ chỉ chứng minh việc họ cương quyết "không mảy may" từ bỏ cái tính hèn nhát của họ và cưỡng ép áp đặt người khác chấp nhận cái ảo tưởng mà chính bản thân họ cũng chẳng

tin tưởng vào.

Ông Xi-môn đã bác bỏ ý kiến trách cứ cho rằng tuồng như "hiến pháp đế chế chỉ là cái mặt nạ cho chế độ cộng hòa" mà thôi, bác bỏ bằng cái lý lẽ cực kỳ sâu sắc sau đây:

"Chỉ trong trường hợp cuộc đấu tranh chống lại *tất cả* các chính phủ - *không trừ một chính phủ nào* - cần được tiến hành *đến cùng*... Nhưng ai khẳng định rằng cuộc đấu tranh chống lại tất cả các chính phủ, không trừ một chính phủ nào, phải được tiến hành đến cùng? Ai có thể tính trước được mọi biến động có thể xảy ra của sự may mắn trong chiến đấu và trong đấu tranh, và nếu đột nhiên xảy ra sự việc là những người anh em thù địch" (các chính phủ và nhân dân), "sau cuộc đấu tranh đẫm máu, *bị kiệt sức, không còn sức để đưa ra được một quyết định nào*, lại đứng đối mặt nhau, và họ được bao trùm bởi một tinh thần hòa bình và hòa giải, - thì phải chăng chúng tôi đã làm tổn hại, dù là rất nhỏ, tới ngọn cờ của hiến pháp đế chế, ngọn cờ mà dưới đó họ có thể chìa cho nhau những bàn tay anh em để hòa giải? Hãy nhìn quanh mình xem! Hãy đặt tay lên trái tim! Hãy lắng nghe tiếng nói của lương tâm mình, và các ngài sẽ trả lời, các ngài sẽ phải trả lời: không, không và lại một lần nữa không!" (tr.70).

Đó đích thực là cái ống đựng đầy tài hùng biện, mà từ đó ông Xi-môn đã rút ra những mũi tên và đem bắn chúng đi với một hiệu quả kỳ lạ trong nhà thờ thánh Pôn! Nhưng, bất chấp toàn bộ sự dung tục của nó, nguồn hứng khởi đa cảm này dù sao vẫn là một điều độc đáo đáng chú ý. Ông ta chỉ ra rằng các ngài ở Phran-phuốc đã bình thản ngồi lì ở Stút-gát như thế nào, họ đợi cho đến khi các đảng phái thù địch kiệt sức vì đấu tranh, để rồi vào đúng lúc cần thiết, họ đứng giữa những đấu thủ đã kiệt sức, họ sẽ đưa ra cho các đấu thủ đó một phương thuốc vạn năng để hòa giải - đó là bản hiến pháp đế chế. Còn ông Xi-môn hiểu biết các đồng sự của ông đến mức độ nào, thì có thể thấy rõ điều này qua sự kiện là các ngài đó hiện giờ vẫn còn hội họp ở Béc-nơ, ở chỗ ông chủ quán rượu Bê-nét trên đường Kê-xléc-ga-xơ, chờ cho tới khi cuộc tranh chấp lại bùng lên, để rồi, khi các đảng phái "bị kiệt sức, không đủ sức đưa ra được một quyết định nào nữa, chúng sẽ đứng đối mặt nhau", bấy giờ các ngài mới nhảy vào can thiệp, đưa ra cho họ bản hiến pháp đế chế để họ thỏa thuận, đó là sự thể hiện hoàn hảo nhất về sự bất lực và tính không kiên quyết.

"Nhưng, bất chấp tất cả, tôi xin nói với các ngài rằng, dù cho có phải đau đớn đi trên con đường đơn độc bị đẩy ải, phải xa quê hương, xa tổ quốc, xa bố mẹ già đi chăng nữa, thì tôi vẫn không vì bất kỳ những hạnh phúc trần gian nào mà đem lương tâm trong sạch của mình đổi lấy sự cắn rứt lương tâm của những kẻ phản bội và đổi lấy những đêm không ngủ của những kẻ cầm quyền" (tr.71).

Giá như có thể đem các ngài đó đi đày được nhỉ! Nhưng chẳng phải là họ đã không mang theo, trong những chiếc va-li của họ, tổ quốc dưới hình thức các biên bản tốc ký ở Phran-phuốc mà từ đó họ hít được cái không khí quê hương thực thụ nhất, và tinh thần tự mãn thừa thãi hết sức tuyệt vời, đó sao?

Vả lại, nếu như ông Xi-môn khẳng định rằng đã lên tiếng bảo vệ *những chiến sĩ* đấu tranh cho hiến pháp đế chế, thì điều đó chỉ là một sự lừa dối mang tính chất sùng tín mà thôi. *Các chiến sĩ* đấu tranh cho hiến pháp đế chế không cần tới "tiếng nói pháp quyền" của ông ta. Họ đã tự bảo vệ mình một cách tốt hơn và mạnh mẽ hơn. Nhưng ông Xi-môn cần dùng họ để che chở cho mình, để che giấu sự thật là: vì lợi ích của những kẻ ở Phran-phuốc đã bị bôi nhọ uy tín về mọi mặt, vì lợi ích của những kẻ đã *nặn ra* bản hiến pháp đế chế, vì lợi ích của chính bản thân mình ông ta cho rằng cần phải cất lên một oratio pro domo[1*] nào đó.

Viết vào tháng Giêng - tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 2, 1850

In theo bài đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Nguyên văn là: tiếng nói bảo vệ ngôi nhà của mình; ở đây có nghĩa là: tiếng nói bảo vệ chính bản thân mình.

GHI-DÔ. "TẠI SAO CUỘC CÁCH MẠNG ANH THÀNH CÔNG? SUY NGẪM VỀ LỊCH SỬ CÁCH MẠNG ANH". PA-RI, 1850[1*]

Bài văn công kích của ông Ghi-dô tự đặt cho nó mục đích là nhằm chứng minh rằng Lu-i Phi-líp và chính sách của Ghi-dô chính ra không phải chịu sự thất bại ngày 24 tháng Hai 1848 và rằng chỉ vì tính cách xấu xa của người Pháp mà gây nên sự việc nền Quân chủ tháng Bảy 1830 - sau mười tám năm chịu khổ sở - đã đi đến chỗ thất bại nhục nhã, nó đã không có được sự trường tồn mà chế độ quân chủ ở Anh đã tận hưởng từ năm 1688.

Qua bài văn châm biếm này người ta thấy rõ rằng thậm chí cả những người thông minh nhất của ancien régime[2*], thậm chí cả những người dù thế nào cũng được thừa nhận là một loại nhà sử học có tài, thì đều bị những sự kiện tháng Hai vô cùng nguy hại làm cho quẫn trí tới mức không còn sự hiểu biết nào về lịch sử nữa, thậm chí không có cả sự hiểu biết về những hành vi trong quá khứ của chính bản thân mình. Lẽ ra, phải dựa vào kinh nghiệm của cách mạng tháng Hai để nhận thức rõ sự khác nhau cơ bản của những điều kiện lịch sử và tình hình phân bố các giai cấp trong xã hội dưới chế độ quân chủ Pháp năm 1830 và dưới chế độ quân chủ Anh năm 1688, thì đằng này ông Ghi-dô lại dùng mấy câu văn dạy đạo đức để xổ toẹt toàn bộ sự khác nhau giữa chúng và sau hết ông ta còn thề thốt rằng chính sách bị phá sản ngay 24 tháng Hai "sẽ duy trì được các nhà nước và

1* Guizot. "Pourquoi la révolution d'Angleterre a-t-elle réussi? Discours sur l'histoire de la révolution d'Angleterre". Paris, 1850.
2* - chế độ cũ

chỉ có một mình nó là có khả năng chấm dứt được các cuộc cách mạng".

Nếu như người ta trình bày một cách chính xác về vấn đề mà ông Ghi-dô muốn trả lời, thì vấn đề ấy quy tụ lại như sau: tại sao ở Anh xã hội tư sản phát triển dưới hình thức chế độ quân chủ lập hiến lâu hơn ở Pháp?

Để nhận định về sự hiểu biết của ông Ghi-dô về quá trình phát triển tư sản ở Anh thì ta có thể lấy đoạn sau đây:

"Dưới các thời vua Giooc-giơ I và Giooc-giơ II khuynh hướng tư tưởng có sự thay đổi; chính sách đối ngoại không còn là đối tượng quan tâm chủ yếu của họ nữa; sự quan tâm chủ yếu của chính phủ và của dư luận xã hội là công việc hành chính trong nước, là vấn đề gìn giữ hòa bình, là các vấn đề tài chính, các vấn đề thuộc địa và thương mại, là sự phát triển của chế độ nghị viện và cuộc tấn công dấu tranh nghị trường" (tr.168).

Ông Ghi-dô chỉ thấy có hai điều đáng được nhắc tới trong chính thể của Uy-li-am III: duy trì sự cân bằng giữa nghị viện và nhà vua và duy trì sự cân bằng của châu Âu bằng cuộc đấu tranh chống lại Lu-i XIV. Thế là dưới triều đại Ha-nô-vơ đột nhiên "khuynh hướng tư tưởng đã thay đổi", không rõ như thế nào và vì sao. Ở đây chúng ta thấy ông Ghi-dô đem áp dụng những câu nói tầm thường nhất lấy trong các cuộc tranh luận của nghị viện Pháp vào lịch sử nước Anh và ông ta cho rằng bằng điều đó ông có thể giải thích được lịch sử nước Anh. Cũng hệt bằng cách đó, ông Ghi-dô, nguyên là một bộ trưởng, đã tưởng rằng ông đang gánh giữ trên vai mình sự cân bằng giữa nghị viện và nhà vua, mà đồng thời cả sự cân bằng của châu Âu nữa, trong khi trên thực tế ông ta chẳng làm được gì khác là đem bán lẻ toàn bộ nhà nước Pháp và toàn bộ xã hội Pháp cho những kẻ tài phiệt - cho vay nặng lãi ở sở giao dịch Pa-ri.

Về việc các cuộc chiến tranh chống lại Lu-i XIV là những cuộc chiến tranh thuần túy về thương mại nhằm mục đích tiêu diệt nền thương mại của Pháp và sự hùng mạnh về hàng hải của Pháp, về việc dưới thời Uy-li-am III sự thống trị của giai cấp tư sản tài chính đã được thần thánh hóa lần đầu tiên do thành lập

được ngân hàng và lập ra quốc trái[127], về việc do chính sách thuế quan bảo hộ được thi hành triệt để nên giai cấp tư sản công trường thủ công mới có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn nữa, - về những điều đó thì ông Ghi-đô thậm chí cũng chẳng việc gì phải mất công nói đến. Đối với ông ta chỉ thuật ngữ chính trị là có ý nghĩa mà thôi. Thậm chí ông ta cũng không nhắc tới một điều là dưới thời nữ hoàng An-na các đảng thống trị đã chỉ có thể duy trì được bản thân chúng và chế độ quân chủ lập hiến bằng cách là dùng đảo chính để kéo dài tới bảy năm thời hạn nắm các quyền hạn do nghị viện trao cho và như vậy hầu như hoàn toàn xóa bỏ ảnh hưởng của nhân dân đối với chính phủ.

Dưới triều đại Ha-nô-vơ nước Anh đã tiến nhanh trong sự phát triển của mình tới mức là nó có thể tiến hành một cuộc chiến tranh thương mại chống lại nước Pháp dưới hình thức hiện đại. Bản thân nước Anh đánh nhau với nước Pháp chỉ ở châu Mỹ và ở Đông Âu mà thôi, còn ở lục địa thì nó thỏa mãn với việc thuê mướn các vua chúa nước ngoài tiến hành chiến tranh chống nước Pháp, chẳng hạn như thuê Phri-đrích II. Và trong khi cuộc chiến tranh với nước ngoài chỉ mang một hình thức khác thôi, thì ông Ghi-đô lại tuyên bố rằng "chính sách đối ngoại không còn là đối tượng quan tâm chủ yếu nữa" và thay vào chính sách đó là "sự quan tâm gìn giữ hòa bình". "Sự phát triển của chế độ nghị viện và cuộc đấu tranh nghị trường đã trở thành sự quan tâm chủ yếu của chính phủ và của dư luận xã hội" đến mức độ nào, về điều này có thể căn cứ vào những vụ bê bối đã xảy ra dưới thời cai trị của nội các Uôn-pôn với những vụ hối lộ mà thực ra giống hệt, như hai giọt nước, với những vụ bê bối được nêu lên trong chương trình nghị sự dưới thời nội các Ghi-đô.

Ông Ghi-đô cho rằng nguyên nhân khiến cho cuộc cách mạng Anh - theo ý kiến ông ta - có chiều hướng thuận lợi hơn cuộc cách mạng Pháp, thì chủ yếu là ở hai điểm sau đây: thứ nhất, ở chỗ là cuộc cách mạng Anh mang tính chất tôn giáo hoàn toàn và, bởi vậy, tuyệt nhiên không thể nào đoạn tuyệt được với tất cả những truyền thống của quá khứ, và, hai là, ở chỗ là cuộc cách mạng đó ngay từ đầu đã tỏ ra không phải là một lực lượng

công phá, mà chỉ là lực lượng bảo thủ mà thôi, và nghị viện đã bảo vệ những đạo luật cũ rích hiện hành khỏi bị nhà vua xâm phạm.

Về điểm thứ nhất, ông Ghi-đô quên mất rằng sự tự do tư tưởng từng làm ông chết khiếp trong cuộc cách mạng Pháp, thì đã được đưa vào Pháp chính là từ nước Anh. Cha đẻ của sự tự do tư tưởng đó là Lốc-cơ, còn ở Sép-tơ-xbơ-ri và Bô-linh-brốc tự do tư tưởng ấy đã mang một hình thái sắc sảo mà sau này ở Pháp đã được phát triển một cách rất xuất sắc. Thế là, chúng ta đang đi tới một kết luận đáng chú ý rằng bản thân sự tự do tư tưởng - mà ông Ghi-đô coi là nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng Pháp - là một trong những sản phẩm quan trọng bậc nhất của cuộc cách mạng Anh mang tính chất tôn giáo.

Về điểm thứ hai, ông Ghi-đô hoàn toàn quên rằng cuộc cách mạng Pháp, trong giai đoạn khởi đầu của nó, cũng đã mang tính chất bảo thủ và thậm chí còn bảo thủ hơn nhiều so với cuộc cách mạng Anh. Chế độ chuyên chế đặc biệt dưới hình thức mà nó đã thể hiện ở thời kỳ cuối cùng của nó ở nước Pháp - thì ở đó nó là một hiện tượng mới lạ, và các nghị viện đã đứng lên chống lại điều mới lạ ấy, để bảo vệ những đạo luật cũ, us et coutumes[1*] của chế độ quân chủ đẳng cấp cũ. Và nếu như bước đầu tiên của cuộc cách mạng Pháp là làm hồi sinh Hội nghị ba đẳng cấp đã yên nghỉ từ thời Hăng-ri IV và Lu-i XIII, thì cuộc cách mạng Anh không thể đưa ra một dẫn chứng nào về một tính chất bảo thủ cũng cổ điển như thế để đối lập với điều đó.

Theo ông Ghi-đô, kết quả chủ yếu của cuộc cách mạng Anh là: nhà vua không còn khả năng cai trị chống lại ý chí của quốc hội và của hạ nghị viện trong quốc hội nữa. Toàn bộ cuộc cách mạng tuồng như tựu trung lại là: trước hết, cả hai phía, nhà vua và nghị viện, đều đã vượt qua những giới hạn dành cho họ và họ đã đi quá xa, cho tới khi, cuối cùng, đến thời Uy-li-am III họ mới thiết lập được sự cân bằng đúng đắn và đã vô hiệu hóa được nhau. Việc chính quyền nhà vua phải phục tùng quốc hội có nghĩa

1*- những phong tục tập quán

là chính quyền đó phải chịu sự thống trị của một giai cấp nhất định, - về điều này thì ông Ghi-dô cho rằng không cần nhắc đến. Bởi vậy, ông cảm thấy cũng không cần phải nghiên cứu chi tiết hơn xem bằng cách nào mà giai cấp đó có được một quyền lực đủ để, cuối cùng, biến nhà vua thành người đầy tớ gái của mình. Đối với ngài Ghi-dô thì toàn bộ cuộc đấu tranh giữa Sác-lơ I và quốc hội chỉ được tiến hành nhằm giành giật những ưu thế thuần túy chính trị mà thôi. Quốc hội và giai cấp mà nó đại diện cần những ưu thế đó để làm gì, về điều này thì chúng ta không được nghe nói tới. Ông Ghi-dô cũng không chú ý gì đến những sự xâm phạm trực tiếp của Sác-lơ I đối với cạnh tranh tự do, những sự xâm phạm đó đã tạo ra những điều kiện không thể chịu được nữa đối với thương nghiệp và công nghiệp của nước Anh, hoặc là đối với sự lệ thuộc của Sác-lơ I vào quốc hội, sự lệ thuộc này - do Sác-lơ thường xuyên bị thiếu tiền - càng nặng nề hơn một khi Sác-lơ càng cố đối lập với quốc hội. Bởi vậy, đối với ông Ghi-dô, toàn bộ cuộc cách mạng phát sinh ra chỉ là do có sự ác ý và sự cuồng tín về tôn giáo của một số kẻ nổi loạn không muốn thoả mãn với quyền tự do ôn hòa thôi. Ông Ghi-dô cũng có ít năng lực để tìm ra mối quan hệ giữa phong trào tôn giáo và sự phát triển của xã hội tư sản. Và dĩ nhiên, ông ta cũng coi chế độ cộng hòa chẳng qua chỉ là do một số kẻ hám danh lợi, cuồng tín và có ác ý tạo ra mà thôi. Về cái sự kiện là vào chính thời gian đó ở Li-xbon, Na-plơ và Mét-xi-na người ta cũng đã mưu toan thực hiện chế độ cộng hòa[128] và hơn nữa, cũng giống như ở Anh, cũng theo hình mẫu của Hà Lan, - về sự kiện ấy thì thậm chí không được nhắc tới. Mặc dù ông Ghi-dô không giây phút nào lãng quên cuộc cách mạng Pháp, nhưng ông ta không một lần nào đi đến cái kết luận giản đơn rằng bước chuyển từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến ở đâu cũng diễn ra chỉ sau những trận chiến đấu ác liệt và sau khi trải qua hình thức chính quyền cộng hòa, và rằng thậm chí ngay lúc đó cái vương triều cũ, một khi không được chấp nhận, cần phải nhường chỗ cho những kẻ tiếm quyền ở bên cạnh nó. Do đó, ông ta chỉ có thể cung cấp cho chúng ta những đoạn chung chung tầm thường nói về sự suy sụp của chế độ quân chủ phục tích ở

Anh. Thậm chí ông ta cũng không chỉ ra được những nguyên nhân trực tiếp nhất của sự suy sụp đó: việc các địa chủ lớn mới xuất hiện do có cải cách tôn giáo đang sợ hãi trước sự phục hồi của Thiên chúa giáo, lẽ dĩ nhiên, khi đó họ phải đem trả lại toàn bộ những ruộng đất của nhà thờ mà họ đã cướp đoạt trước đây, mà kết quả sẽ có 7/10 toàn bộ diện tích ruộng đất của nước Anh được chuyển sang tay chủ khác; việc giai cấp tư sản thương nghiệp và công nghiệp đang lo sợ Thiên chúa giáo, đạo này hoàn toàn không phù hợp cho hoạt động của nó; thái độ thản nhiên của những người thuộc phái Xtiu-át, vì lợi ích của bản thân mình và vì lợi ích của tầng lớp quý tộc cung đình, đã bán rẻ lợi ích của toàn bộ nền công, thương nghiệp Anh cho Chính phủ Pháp, nghĩa là cho cái chính phủ của nước duy nhất lúc đó là kẻ cạnh tranh nguy hiểm đối với người Anh và cạnh tranh một cách thắng lợi trên nhiều mặt, v.v.. Và bởi vì ở khắp mọi chỗ ông Ghi-dô đều bỏ qua những yếu tố quan trọng nhất, nên ông ta không thể đem lại được điều gì, ngoài việc tường thuật lại một cách hết sức không đạt và tầm thường về khía cạnh chính trị thuần túy của các sự kiện.

Điều bí ẩn rất lớn đối với ông Ghi-dô, - mà ông ta chỉ có thể giải thích được điều bí ẩn ấy bằng óc suy xét đặc biệt của người Anh, - điều bí ẩn về tính chất bảo thủ của cuộc cách mạng Anh được giải thích bằng sự liên minh lâu dài giữa giai cấp tư sản và đại bộ phận những đại địa chủ, bằng cái liên minh tạo nên sự khác biệt cơ bản của cách mạng Anh so với cách mạng Pháp là cuộc cách mạng đã tiêu diệt chế độ đại chiếm hữu ruộng đất bằng cách chia nhỏ ruộng đất. Khác với chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở Pháp năm 1789, giai cấp đại địa chủ ấy, một giai cấp liên kết với giai cấp tư sản, - nói chung nó đã xuất hiện ngay từ thời Hen-ri VIII, - đã không mâu thuẫn, mà, ngược lại, còn hoàn toàn hòa hợp với các điều kiện tồn tại của giai cấp tư sản. Quyền sở hữu ruộng đất của giai cấp đó, trên thực tế, không đại biểu cho quyền sở hữu phong kiến, mà cho quyền sở hữu tư sản. Những địa chủ này một mặt, cung cấp cho giai cấp tư sản công nghiệp những nhân công cần thiết để duy trì các công trường thủ công, còn mặt khác, có thể để ra cho nông nghiệp một phương

hướng phù hợp với tình hình công nghiệp và thương nghiệp. Từ đó có sự cộng đồng quyền lợi của các địa chủ với quyền lợi của giai cấp tư sản, từ đó có sự liên minh của hai giai cấp đó với nhau.

Đối với ông Ghi-dô thì lịch sử nước Anh chấm dứt cùng với việc củng cố chế độ quân chủ lập hiến ở Anh. Đối với ông ta, toàn bộ sự tiếp theo chỉ được coi là một trò chơi đu thú vị giữa đảng bảo thủ và đảng cấp tiến, nghĩa là được coi là một thứ gì đó đại loại như những cuộc đấu khẩu to tiếng xảy ra giữa ông Ghi-dô và ông Chi-c. Trên thực tế, quá trình phát triển và cải tạo to lớn của xã hội tư sản ở Anh được bắt đầu cùng với chính sự củng cố chế độ quân chủ lập hiến. Ở những nơi mà ông Ghi-dô chỉ thấy sự phẳng lặng và bình yên của cảnh điền viên thanh bình, thì trên thực tế những cuộc xung đột ác liệt nhất, những cuộc cách mạng sâu sắc nhất lại diễn ra. Lần đầu tiên, dưới chế độ quân chủ lập hiến, công trường thủ công đã phát triển một cách chưa từng thấy, để rồi sau đó phải nhường chỗ cho nền đại công nghiệp, cho máy hơi nước và những công xưởng khổng lồ. Hàng loạt giai cấp trong dân cư biến mất, thay vào đó xuất hiện những giai cấp mới, với những điều kiện sinh tồn mới và với những nhu cầu mới. Một giai cấp tư sản mới, hùng mạnh hơn, ra đời; trong khi giai cấp tư sản cũ tiến hành đấu tranh chống cuộc cách mạng Pháp, thì giai cấp tư sản mới đi chiếm đoạt cho mình thị trường thế giới. Nó trở nên có sức mạnh vạn năng tới mức mà, ngay trước khi đạo luật cải cách trực tiếp trao cho nó chính quyền, thì nó đã buộc các địch thủ của nó phải ban hành những đạo luật hầu như chỉ phục vụ lợi ích *của nó* và phù hợp với những nhu cầu *của nó*. Nó giành được cho bản thân nó quyền đại diện trực tiếp trong nghị viện và sử dụng quyền đó để tiêu diệt những tàn dư cuối cùng của sức mạnh vẫn còn được duy trì của chế độ chiếm hữu ruộng đất. Cuối cùng, vào thời điểm nhất định giai cấp tư sản làm cái việc phá bỏ tận gốc cái lâu đài hào nhoáng của hiến pháp Anh, cái lâu đài đã làm cho ông Ghi-dô phải hết sức thán phục.

Và trong lúc ông Ghi-dô đang chúc mừng người Anh nhân việc ở bên nước họ những thói hư tật xấu đáng ghê tởm của đời sống

xã hội Pháp, chủ nghĩa cộng hòa và chủ nghĩa xã hội, đã không thể làm lung lay được cơ sở của nền quân chủ cứu nguy duy nhất, thì đúng vào thời điểm này ở Anh những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội đã trở nên sâu sắc hơn bất kỳ một nước nào khác; tại đây, giai cấp đối lập với giai cấp tư sản, - một giai cấp đặc biệt xét về sự giàu có và lực lượng sản xuất của nó, - là giai cấp vô sản, một giai cấp có sức mạnh và sự tập trung mà không giai cấp nào sánh kịp. Như vậy, hóa ra ông Ghi-dô đi tâng bốc nước Anh về việc là tại đó dưới sự che chở của nền quân chủ lập hiến những phần tử cách mạng xã hội có số lượng đông đảo hơn nhiều và cấp tiến hơn nhiều so với tất cả các nước khác trên thế giới gộp lại, lại đã được phát triển.

Ở nơi mà những mạch phát triển lịch sử của nước Anh được quy tụ lại thành một mối mà bản thân ông Ghi-dô đã không thể phá vỡ được - dù chỉ là để khoe mẽ mà thôi - bằng cái thuật ngữ thuần túy chính trị, thì ông ta lại dùng đến thuật ngữ tôn giáo, đến sự can thiệp vũ trang của thần linh. Chẳng hạn có một vị thần đột nhiên nhập vào quân đội và không cho Crôm-oen xưng vua, v.v.. Ông Ghi-dô tự cứu mình khỏi lương tri của mình, tự cứu mình bằng cách nhờ vào thần linh, tự cứu mình khỏi đám công chúng khờ khạo bằng cách nhờ vào văn phong.

Quả thật, không những les rois s'en vont[1*], mà cả les capacités de la bourgeoisie s'en vont[2*].

Viết vào tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 2, 1850

In theo bài đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

1*- các vua chúa rồ đi
2*- những tài năng của giai cấp tư sản cũng cuốn gói.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÀI THỨ NHẤT ĐIỂM TÌNH HÌNH QUỐC TẾ[129]

A tout seigneur, tout honneur![1*] Chúng ta bắt đầu từ *nước Phổ*.

Vua Phổ đang làm tất cả những gì có thể làm được để đưa đến khủng hoảng cái tình huống hiện nay, một tình huống được coi là một sự thỏa thuận ngắc ngoải, là một sự thỏa hiệp chẳng làm thỏa mãn được bên nào[130]. Ông vua ấy đã ban hành một bản hiến pháp và sau khi bị nhiều điều bực mình nhà vua đã lập ra hai viện để những cơ quan ấy xem xét lại bản hiến pháp này. Để làm cho bản hiến pháp có một hình thức làm cho nhà vua chấp nhận một cách dễ dàng nhất, các viện đã gạch bỏ đi bất kỳ điều khoản nào bằng cách này hay cách khác có thể tỏ ra không phù hợp với ý muốn của nhà vua, họ cho rằng ngay bây giờ nhà vua sẽ tuyên thệ trước hiến pháp. Nhưng sự tình dâu có như thế! Để chứng tỏ cho các viện thấy được "sự tận tâm của nhà vua", Phri-đrích-Vin-hem thảo ra một thông điệp kèm theo những đề nghị mới nhằm "cải tiến bản hiến pháp", những đề nghị mà việc chấp nhận chúng sẽ hoàn toàn tước bỏ của văn kiện kể trên thậm chí cái vẻ bề ngoài nhỏ nhất của cái gọi là những đảm bảo cho quyền công dân theo hiến pháp[131]. Nhà vua hy vọng rằng các viện sẽ bác bỏ những đề nghị đó, - nhưng điều đó hoàn toàn

1*- Phải đối xử với mỗi người cho xứng với chức phận của họ

không xảy ra. Nếu như các viện đã bị mắc lừa về nhà vua, thì giờ đây họ lại tìm cách làm cho nhà vua mắc lừa về họ. Các viện chấp nhận tất cả, đó là - cả chế độ viện nguyên lão, cả tòa án đặc biệt, cả chế độ quân dịch toàn dân, cả quyền thừa kế ruộng đất không thể chuyển nhượng[132], - để cốt sao cho họ khỏi bị giải tán về nhà, để sao cho, cuối cùng, bắt buộc nhà vua phải trịnh trọng tuyên thệ trước hiến pháp. Anh chàng tư sản lập hiến Phổ đã trả thù như vậy đó.

Nhà vua khó có thể nghĩ ra được một sự nhục mạ nào khiến cho các viện coi là quá đáng. Cuối cùng nhà vua sẽ buộc phải tự tuyên bố rằng đối với nhà vua "lời tuyên thệ do ông ta sẽ phải đưa ra mà càng thiêng liêng thì nhà vua càng nhiệt thành với những nghĩa vụ - mà Thượng đế trao cho nhà vua - đối với tổ quốc thân yêu" và "lòng tận tâm của nhà vua" của ông càng khó cho phép ông tuyên thệ trước hiến pháp, cái hiến pháp đem lại cho nhà vua tất cả, còn đất nước thì chẳng được gì.

Các ngài thuộc cái "Nghị viện bang liên hợp"[133] quá cố, giờ đây lại đang tụ họp trong các viện, vì họ đang sợ bị quẳng trở lại những vị trí cũ của họ trước tháng Ba, sợ rằng khi đó họ sẽ lại phải đứng trước một cuộc cách mạng, song, cuộc cách mạng này sẽ không mang lại cho họ những bông hồng nào nữa. Thêm vào đó, năm 1847 họ còn có thể khước từ khoản cho vay, lấy lý do là phải xây dựng tuyến đường sắt phía đông, đồng thời vào năm 1849, thoạt đầu trên thực tế họ đã chuẩn y khoản cho vay đó, rồi sau đó mới ngoan ngoãn cầu xin quyền trên lý thuyết được chuẩn y các khoản chi phí.

Vào đúng lúc đó giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện lại tự an ủi rằng tại các tòa án bồi thẩm nó sẽ tuyên bố trắng án cho những ai bị kết tội chính trị, thì như vậy nó lại thể hiện sự đối lập của nó đối với chính phủ. Trong các vụ án đó, một mặt là chính phủ, và mặt khác là phái dân chủ - mà đại diện là những kẻ bị buộc tội và các thính giả - đều thường xuyên tự bôi nhọ mình như vậy. Chúng tôi nhớ tới vụ án Van-đếch-cơ, một nhân

vật "luôn luôn là người lập hiến", vụ án ở Tơ-ria[134], v.v..

Đối với câu hỏi của ngài An-đơ già nua: "Tổ quốc của người Đức là gì?"[135], thì Phri-đrích-Vin-hem IV trả lời: là *Éc-phua*[136]. Chẳng khó khăn lắm người ta cũng có thể châm biếm được "I-li-át" trong "Cuộc chiến tranh của loài chuột và loài ếch nhái"[137], nhưng cho tới nay chưa có một ai dám nghĩ tới việc soạn thảo những bài châm biếm "Cuộc chiến tranh của loài chuột và loài ếch nhái". Người định dùng kế hoạch Éc-phua để tìm cách tạo ra tài liệu châm biếm thậm chí cả cuộc chiến tranh của loài chuột và loài ếch nhái trong nhà thờ thánh Pôn. Lẽ dĩ nhiên, hoàn toàn không cần biết xem cuộc họp không có thật đó sẽ thực sự được triệu tập ở Éc-phua hay không, hay là nó sẽ bị ông vua theo chính thống giáo cấm đoán, - cũng như không cần biết đến bản kháng nghị chống lại quyền hạn của nhà vua, mà hiển nhiên là ông Phô-gtơ đã thỏa thuận cùng ông Vê-nê-đây để soạn thảo ra nó. Toàn bộ sự tưởng tượng đó chỉ có ý nghĩa đối với các nhà chính trị uyên thâm mà những bài xã luận của họ đi tìm trong vấn đề "Nước Đức lớn" và "Nước Đức nhỏ" một nguồn vừa bất tận, vừa cần thiết, và có ý nghĩa đối với những nhà tư sản Phổ đang sống trong một niềm tin u mê rằng ở Éc-phua vua Phổ sẽ tán thành tất cả chính là vì ở Béc-lin ông ta đã bác bỏ tất cả.

Nếu "Quốc hội" ở Phran-phuốc phải được tái tạo lại, một cách ít nhiều giống hệt, tại Éc-phua, thì Quốc hội hiệp bang cũ sẽ được tái sinh lại dưới hình thức "Interim"[138] và đồng thời sẽ phải được quy lại thành một biểu hiện đơn giản nhất của nó, thành ủy ban liên minh Áo-Phổ. Interim đã bắt đầu có hiệu lực ở Vuyếc-tem-béc và chẳng bao lâu nữa sẽ có hiệu lực ở Mếc-len-bua và ở Slê-đơ-vích-Hôn-stai-nơ.

Trong khi nước Phổ suốt một thời gian dài tìm cách tạm cân bằng ngân sách bằng cách cho phát hành tiền giấy, bằng cách đi vay bí mật ở Seehandlung[139] và bằng số tiền còn lại trong ngân khố quốc gia và chỉ giờ đây nó mới buộc phải bước vào con đường vay nợ, thì ở *Áo* nhà nước bị vỡ nợ với mức trầm trọng nhất.

Khoản thiếu hụt trong 9 tháng đầu năm 1849 là 155 triệu gun-đen; khoản thiếu hụt vào cuối tháng Chạp, chắc rằng, sẽ lên tới 210-220 triệu; tín dụng quốc gia trong và ngoài nước bị sút kém hoàn toàn sau khi việc mưu toan đi vay một đợt mới bị thất bại nhục nhã; các nguồn tài chính trong nước đã bị kiệt quệ hoàn toàn - đó là các thứ thuế thông thường, thuế bắt buộc, việc phát hành tiền giấy; sự cần thiết phải áp đặt cho cái đất nước đã hoàn toàn kiệt quệ những thứ thuế mới được áp dụng do tình trạng không có lối thoát gây nên, những thứ thuế mà - như người ta có thể thấy trước được, - chắc rằng, hoàn toàn sẽ không thu được, - đó là những nét chủ yếu trong đó phản ánh sự thiếu hụt tài chính trầm trọng ở Áo. Song song với hiện tượng đó sự phân hóa của cơ cấu nhà nước còn diễn ra càng nhanh hơn. Chính phủ thật uổng công khi nó đem những cố gắng gấp rút thực hiện quá trình tập trung để đối chọi lại với quá trình đó; tình trạng rối loạn tổ chức đã lan tới cả những miền xa xôi nhất của nước nhà; nước Áo trở nên không thể chịu đựng nổi thậm chí đối với cả những dân tộc dã man nhất, những trụ cột chủ yếu của nước Áo cổ, nghĩa là đối với những dân tộc Xla-vơ miền nam ở Đan-ma-xi, Crô-a-xi và Ba-nát, đối với những tộc người "trung thành" vùng biên giới[140]. Chỉ còn có một biện pháp tuyệt vọng có thể tạo ra một số cơ hội cứu vãn được tình thế, - đó là cuộc chiến tranh ở nước ngoài; cuộc chiến tranh đó, mà nước Áo đang lao tới một cách không kìm được, tất sẽ phải nhanh chóng kết thúc sự suy sụp hoàn toàn của nó.

Đồng thời *nước Nga* cũng không đủ giàu để trả giá cho niềm vinh quang của nó mà hơn nữa nó còn phải mua bằng tiền mặt. Mặc dù có những mỏ vàng nổi tiếng ở U-ran và ở An-tai, mặc dù có những kho báu không bao giờ cạn trong các hầm chứa của lâu đài Pê-tơ-rô-páp-lốp-xcai-a, mặc dù vẫn đi mua những giấy có giá ở Luân Đôn và Pa-ri tuồng như với lý do đơn giản là dư thừa tiền, nhưng Nga hoàng theo chính thống giáo vẫn thấy mình buộc phải tìm kiếm, với những lý do giả tạo, không những 5000000 rúp bạc lấy từ nguồn dự trữ hiện có trong lâu đài

Pê-tơ-rô-páp-lốp-xcai-a nhằm đảm bảo cho tiền giấy, và ra lệnh cho bán những giấy có giá của mình trên thị trường chứng khoán ở Pa-ri, mà còn yêu cầu giới tài chính ở khu Xi-ti của Luân Đôn luôn có tư tưởng ngờ vực, để họ cho vay một khoản là 30 triệu rúp bạc.

Do có phong trào những năm 1848 và 1849 nước Nga đã bị lôi cuốn vào nền chính trị của châu Âu tới mức giờ đây nó phải thật hết sức nhanh chóng thực hiện những kế hoạch cũ của nó đối với Thổ Nhĩ Kỳ, Côn-xtăng-ti-nô-plơ, "cái thìa khóa mở cửa ngôi nhà của nó"[141], nếu như nó không muốn cho những kế hoạch đó sẽ vĩnh viễn không thể thực hiện được. Những thắng lợi của lực lượng phản cách mạng và sự việc dằng cách mạng ở Tây Âu ngày càng lớn mạnh, tình hình bên trong của bản thân nước Nga và tình hình tài chính tồi tệ của nó đã buộc nó phải có những hành động nhanh chóng. Cách đây không lâu chúng ta đã thấy được khúc dạo đầu ngoại giao của màn kịch mới này trong vấn đề phương Đông[142]; qua vài tháng nữa chúng ta sẽ được chứng kiến chính hành động đó.

Cuộc chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ tất yếu phải trở thành một cuộc chiến tranh châu Âu. Điều này rất đúng lúc đối với nước Nga thần thánh mà bằng cách đó nó có thể tự củng cố vững chắc ở Đức, tại đây nó có thể kiên quyết tiến hành đến cùng cuộc phản cách mạng, giúp Phổ chiếm Nơ-sa-ten và cuối cùng sẽ tiến về trung tâm cách mạng là Pa-ri.

Trong cuộc chiến tranh châu Âu như vậy nước Anh không thể dừng trung lập. Nó sẽ phải chống lại nước Nga. Mà đối với Nga thì nước Anh là địch thủ nguy hiểm nhất. Nếu như bộ binh của các nước trên lục địa sau khi thọc sâu vào nước Nga sẽ không tránh khỏi bị suy yếu đi do bị phân tán trên lãnh thổ Nga, nếu như việc bộ binh các nước ấy sau khi vượt qua biên giới phía đông của nước Ba Lan cũ thì hầu như sẽ phải hoàn toàn dừng lại trước nguy cơ có thể lập lại tình trạng năm 1812, thì nước Anh có khả năng sẽ giáng một đòn vào chỗ yếu nhất của Nga.

Ấy là chưa nói tới việc nước Anh có thể bắt người Thụy Điển chiếm lại Phần Lan, thì Pê-téc-bua và Ô-đét-xa là hai điểm mở ngỏ cho hạm đội của Anh. Như mọi người đều biết, hạm đội Nga là một hạm đội tồi nhất trên thế giới, còn việc chiếm Crôn-stát và Sli-xen-buốc thì chẳng khó hơn chiếm Xanh-Giăng - đ'A - crơ và Xăng-Hoan-đơ-U-lu-a[143]. Nhưng nếu mất Pê-téc-bua và Ô-đét-xa thì nước Nga chỉ là một người khổng lồ bị chặt tay mà thôi. Hơn nữa, cần phải nói thêm rằng, để tiêu thụ nguyên liệu của mình, cũng như để mua được sản phẩm công nghiệp thì nước Nga không thể không cần đến nước Anh thậm chí trong vòng sáu tháng mà điều này đã thể hiện rõ trong thời kỳ Na-pô-lê-ông bao vây các nước trên lục địa và đối với hiện nay điều đó còn có hiệu lực hơn nhiều. Nếu bị cắt đứt với thị trường Anh, thì chỉ sau vài tháng thôi nước Nga sẽ bị chấn động rất nặng nề. Còn nước Anh, ngược lại, trong một thời gian nào đó, không những không cần đến thị trường Nga, mà còn kiếm được đủ loại nguyên liệu của Nga trên các thị trường khác. Như chúng ta thấy, nước Nga, một nước làm cho người ta hết sức sợ hãi, thì tuyệt nhiên không nguy hiểm đến như vậy. Nhưng đối với người thị dân Đức thì nước Nga phải được hình dung là đáng sợ như thế vì rằng nó đang trực tiếp bắt các vua chúa của anh chàng thị dân ấy phải quy phục nó và bởi vì anh ta linh cảm thấy hoàn toàn chính xác rằng những bầy lũ người Nga dã man chẳng mấy chốc sẽ tràn ngập nước Đức và tại đây tới một mức độ nào đó sẽ giữ vai trò Chúa cứu thế.

Thụy Sĩ đối với Liên minh thần thánh nói chung thì cũng giống như các viện của nghị viện Phổ đối với nhà vua của mình nói riêng. Chỉ có điều khác nhau là, chẳng hạn ở Thụy Sĩ có những kẻ phải giơ đầu chịu báng để Thụy Sĩ có thể có khả năng gấp hai ba lần gánh chịu những đòn giáng của Liên minh thần thánh nhằm vào nó, và thêm vào đó kẻ chịu báng lại không được ai che chở, phó mặc cho Thụy Sĩ thương hại hoặc hất hủi nó, - đó là những người lưu vong Đức. Thật ra, có một bộ phận "những người cấp tiến" Thụy Sĩ ở Giơ-ne-vơ, Va-át-tơ, Béc-nơ đã

chống lại chính sách hèn nhát của Hội đồng liên bang, một chính sách hèn nhát đối với Liên minh thần thánh và đối với cả những người lưu vong nữa. Nhưng, mặt khác, đồng thời cũng chắc rằng Hội đồng liên bang đã đúng khi tuyên bố chính sách của mình "là một chính sách của đại đa số nhân dân Thụy Sĩ". Đồng thời, bằng biện pháp hòa bình nhất chính phủ trung ương tiếp tục thi hành những cải cách tư sản nhỏ nhoi trong lĩnh vực chính sách đối nội: đó là xác lập sự thống nhất về thuế quan, về tiền đúc, về bưu điện, về đơn vị đo lường và trọng lượng - là những cải cách đảm bảo cho chính phủ được sự ủng hộ của giai cấp tiểu tư sản. Thực ra, chính phủ không dám thi hành quyết định về việc bãi bỏ hiệp định về tuyển mộ lính, và giờ đây hằng ngày dân chúng ở các bang cũ vẫn lũ lượt kéo về Cô-mô để tại đó gia nhập quân ngũ của quân đội Na-plơ[144]. Song, mặc dù đã có thái độ khuất phục và sẵn đón với Liên minh thần thánh, nhưng Thụy Sĩ vẫn bị đe dọa bởi cơn bão táp không tránh khỏi. Trong cơn say sưa ban đầu sau cuộc chiến tranh với Đồng minh đặc biệt và nhất là sau cuộc cách mạng tháng Hai những người Thụy Sĩ thường ngày rất đỗi nhút nhát đã để mình bị lôi cuốn vào con đường hành động nông nổi. Họ dám làm những việc khủng khiếp, họ mong muốn, cuối cùng, được độc lập; thay cho bản hiến pháp năm 1814 được các cường quốc đảm bảo, họ tự thảo ra một biên bản hiến pháp mới, họ công nhận nền độc lập của Nơ-sa-ten, bất chấp các hiệp ước. Họ sẽ phải chịu sự trừng phạt, mặc dù đã tỏ ra kính cẩn, lịch thiệp và phục dịch như những tên cảnh sát. Mà một khi Thụy Sĩ bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh châu Âu, thì tình thế của nó chẳng hay ho tí nào; vì nếu Thụy Sĩ xúc phạm tới Liên minh thần thánh, thì, mặt khác, nó đã phản bội lại cách mạng.

Ở Pháp, là nơi mà bản thân giai cấp tư sản, vì những lợi ích của riêng nó, đã trở thành kẻ cầm đầu thế lực phản động và là nơi mà hình thức cầm quyền theo chế độ cộng hòa đã tạo cho thế lực phản động đó những khả năng để mở cuộc tiến công sâu rộng và triệt để nhất, ở đó việc đàn áp cách mạng lại được thực

hiện bằng biện pháp hết sức vô liêm sỉ và bạo ngược nhất. Trong một tháng ngắn ngủi đã xảy ra nhiều đòn liên tiếp, đó là: việc khôi phục lại thuế rượu, thứ thuế này sẽ trực tiếp làm cho một nửa số dân cư nông thôn bị phá sản; thống trị của Ô-pu-lơ đã biến những hiến binh thành những tên mật thám thậm chí đối với cả các quan chức; đạo luật về giáo viên, dựa vào luật đó các giáo viên trường sơ học có thể bị các quận trưởng bãi chức tùy ý; đạo luật về giáo dục, làm cho trường học rơi vào quyền lực của các thầy tu, và đạo luật về việc đày đi thuộc địa, trong đó giai cấp tư sản đã thể hiện tất cả sự khát khao vô độ muốn trả thù những người khởi nghĩa hồi tháng Sáu và, do thiếu những phương pháp tử hình khác, chúng đẩy họ vào cảnh chịu đựng khí hậu có tác dụng giết người của xứ An-giê-ri. Đấy là chúng tôi chưa nói tới nhiều vụ trục xuất thậm chí cả những người nước ngoài vô tội nhất, mà từ ngày 13 tháng Sáu những vụ này vẫn chưa hề chấm dứt.

Tất nhiên, thế lực phản động tư sản hung bạo này theo đuổi mục đích khôi phục lại chế độ quân chủ. Nhưng việc phục hồi lại chế độ quân chủ gặp phải trở ngại lớn do chính một số kẻ có tham vọng, và những đảng phái đang ủng hộ chúng ở trong nước. Phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng, là hai phái quân chủ mạnh nhất, thì gần như đang cân bằng nhau; phái thứ ba, là phái Bô-na-pác-tơ, thì yếu hơn nhiều. Lu-i Na-pô-lê-ông, mặc dù được bảy triệu phiếu bầu, nhưng thậm chí cũng không có lấy một đảng phái thực sự, ông ta chỉ có một phe lũ mà thôi. Ông ta, trong việc thi hành chính sách phản động chung luôn luôn được sự ủng hộ của phe đa số trong nghị viện, thế mà lại bị bỏ rơi, một khi những lợi ích đặc biệt của ông ta xuất hiện như của một kẻ mang tham vọng, bị bỏ rơi không những bởi phe đa số trong nghị viện, mà thậm chí còn bởi các bộ trưởng của mình là những người luôn luôn vạch mặt ông ta là nói dối và tuy thế vẫn buộc ông ta phải tuyên bố giấy trắng mực đen vào ngày hôm sau rằng ông ta vẫn tín nhiệm họ. Bởi vậy, những mối bất hòa nảy ra giữa ông ta và phe đa số, - dù cho đã mang lại những hậu quả nghiêm trọng

như thế nào đi nữa - cho tới nay vẫn chỉ là những tình tiết khôi hài mà trong đó tổng thống nước cộng hòa lần nào cũng chỉ đóng vai kẻ bị lừa dối mà thôi. Đồng thời, dĩ nhiên là mỗi phái quân chủ đều liếu lĩnh bí mật liên hệ với Liên minh thần thánh. Báo "Assemblée Nationale" đã vô sỉ tới mức công khai đem người Nga ra để dọa nhân dân. Giờ đây đã có đủ những bằng chứng nói lên rằng Lu-i Na-pô-lê-ông đang bày mưu tính kế cùng với Ni-cô-lai.

Tất nhiên, các lực lượng của phái cách mạng cũng phát triển lên theo đà tăng cường của thế lực phản động. Một khối đông đảo dân cư nông thôn bị phá sản do những hậu quả của việc chia nhỏ ruộng đất, do gánh nặng của thuế má và do tính chất hoàn toàn tai hại và nguy hại, thậm chí xét theo quan điểm tư sản, của phần lớn các thuế, - khối đông đảo ấy đã bị thất vọng về những lời hứa của Lu-i Na-pô-lê-ông và của các nghị sĩ phản động, khối đông đảo ấy đã lao vào vòng tay phái cách mạng và tuyên bố ủng hộ chủ nghĩa xã hội, thực ra, cái chủ nghĩa xã hội này còn mang tính chất rất thô thiển và tư sản. Thậm chí cả những tỉnh theo chính thể chính thống nhất cũng đang mang tinh thần cách mạng đến mức độ như thế nào thì điều đó đã được chứng minh qua cuộc bầu cử gần đây ở tỉnh Gác-đơ, trung tâm của phái bảo hoàng và của chủ nghĩa "khủng bố trắng" năm 1815, giờ đây ở đó người ta đã bầu ra một đại biểu "đỏ"[145]. Giai cấp tiểu tư sản bị tư bản lớn áp chế, - tư bản lớn này một lần nữa lại chiếm lĩnh trong thương nghiệp và trong chính trị một vị trí hoàn toàn giống như dưới thời Lu-i Phi-líp - thì đã đi theo dân cư nông thôn. Sự chuyển biến lớn đến nỗi thậm chí tên phản bội Ma-xtơ và tờ báo "Siècle" của bọn chủ hiệu bán thực phẩm khô đã phải lên tiếng ủng hộ những người xã hội chủ nghĩa. Quan hệ của các giai cấp đối với nhau, - mà sự thể hiện khác đi của nó là mối quan hệ qua lại của các đảng phái chính trị - vào thời gian này hầu như cũng giống như mối quan hệ đã diễn ra ngày 22 tháng Hai 1848. Chỉ giờ đây người ta mới nói về các vấn đề khác, công nhân đã giác ngộ hơn nhiều, và, ngoài ra, người ta đã thu hút và giành được một giai cấp cho cách mạng, cho tới nay giai cấp

này vẫn còn im lìm về mặt chính trị - đó là giai cấp nông dân.

Ở đây thể hiện sự cần thiết đối với giai cấp tư sản thống trị là phải tìm cách thật nhanh chóng hủy bỏ cho được quyền phổ thông đầu phiếu; và điều cần thiết này, đến lượt nó, lại là sự đảm bảo cho thắng lợi nhanh chóng của cách mạng, thậm chí nếu có gạt sang một bên không nói đến những mối quan hệ quốc tế đi nữa.

Muốn biết tình hình căng thẳng nhìn chung đã diễn ra như thế nào, thì có thể đánh giá ngay qua bản dự luật hài hước của vị đại diện nhân dân là Pra-đi-ê, - người có mưu toan ngăn chặn các cuộc đảo chính và cách mạng bằng một sắc lệnh của Quốc hội gồm có tới 200 điều khoản. Mà ở đây cũng như ở các thủ đô khác, tầng lớp quý tộc tài chính ít tin cậy vào "cái trật tự" được khôi phục xét về bên ngoài, về điều này người ta có thể thấy được qua sự việc là các chi thuộc triều đại Rốt-sin vài tháng trước đây đã chỉ kéo dài cái hiệp định mang tính chất bè cánh thêm *một năm* thôi - một giai đoạn ngắn ngủi chưa từng thấy trong biên niên sử của nền đại thương mại.

Trong khi lục địa suốt hai năm gần đây bị mắc vào những cuộc cách mạng, phản cách mạng và gắn liền với chúng là những bài diễn thuyết dài bất tận, thì *nước Anh* công nghiệp lại phồn vinh ở một lĩnh vực hoàn toàn khác: nó đang trải qua cuộc thịnh vượng về công nghiệp. Cuộc khủng hoảng thương nghiệp nổ ra in due course[1*] mùa thu năm 1845 đã hai lần bị gián đoạn - vào đầu năm 1846 nhờ có những quyết định của nghị viện về tự do thương mại[146], và vào đầu năm 1848 - bởi cuộc cách mạng tháng Hai. Khối lượng hàng hóa tạo áp lực lên các thị trường bên kia đại dương, thì trong khoảng thời gian này đã dần dần tìm được nơi tiêu thụ. Hơn nữa, cuộc cách mạng tháng Hai đã xóa bỏ sự cạnh tranh của nền công nghiệp lục địa chính ở các thị trường đó, tuy nhiên, việc thị trường ở lục địa bị phá sản làm cho nền công nghiệp Anh bị thiệt hại nhiều hơn một chút so với con số

1*- vào thời hạn đã định

mà nó sẽ bị thiệt hại trong quá trình khủng hoảng tiếp theo. Cuộc cách mạng tháng Hai tạm thời hầu như hoàn toàn làm ngừng hoạt động của nền công nghiệp lục địa, do vậy đã giúp cho người Anh chịu đựng được một cách khá dễ dàng thời kỳ một năm khủng hoảng, đã góp phần khá lớn vào việc xóa bỏ các kho dự trữ được tích lại ở các thị trường bên kia đại dương và đã có thể tạo ra sự phát triển mạnh mẽ mới trong công nghiệp vào mùa xuân năm 1849. Nói chung, sự phát triển mạnh mẽ này đã lan rộng đồng thời đối với cả một bộ phận lớn nền công nghiệp lục địa, trong ba tháng gần đây sự phát triển ấy đã đạt được tới mức mà - theo sự khẳng định của các chủ xưởng và sự khẳng định này luôn luôn được đưa ra vào đêm trước của cuộc khủng hoảng - chưa khi nào họ gặp một thời kỳ tốt đẹp đến thế. Các công xưởng chất đống những đơn đặt hàng và phải hoạt động với nhịp độ căng thẳng hơn, người ta tìm đủ mọi thủ đoạn để lẩn tránh đạo luật ngày lao động 10 giờ và để được lợi thêm những giờ lao động mới. Những công xưởng mới, với số lượng lớn, được xây dựng tại tất cả các vùng thuộc các khu vực công nghiệp, còn các công xưởng cũ thì được mở rộng. Số tiền mặt thì tập trung vào thị trường, tư bản nhàn rỗi thì muốn lợi dụng cái cơ hội khắp nơi làm giàu, tiền chiết khấu thì nuôi hoạt động đầu cơ, được đem tập trung vào sản xuất hoặc vào việc buôn bán nguyên liệu, hầu hết tất cả các hàng hóa đều được nâng giá một cách tuyệt đối, và tất cả hết thảy các hàng hóa đều được nâng giá một cách tương đối. Tóm lại, nước Anh được tốt số bởi một "sự thịnh vượng" được thể hiện một cách đầy đủ nhất, và chỉ có một câu hỏi là thời kỳ say sưa đó sẽ kéo dài được bao lâu. Dù thế nào thì cũng không được lâu lắm đâu. Nhiều thị trường rộng lớn nhất, nói riêng là Đông Ấn, hầu như đã bị tràn ngập hàng hóa. Thậm chí giờ đây người ta thích xuất khẩu hàng hóa chủ yếu không phải sang những thị trường thật sự to lớn, mà đặc biệt là phải xuất khẩu cho những cơ sở thương nghiệp thế giới rồi từ đó hàng hóa có thể được đưa tới những thị trường thuận lợi nhất. Trong khi lực lượng sản xuất được tăng lên với mức độ rất đồ sộ như

tình hình diễn ra trong nền công nghiệp Anh vào những năm 1846-1847 và đặc biệt là vào năm 1849 so với những năm 1843-1845 và tình hình phát triển đó vẫn còn tiếp diễn đến bây giờ, thì những thị trường còn lại, đặc biệt là những thị trường Bắc và Nam Mỹ, cũng như thị trường châu Úc chẳng mấy chốc sẽ bị tràn ngập hàng hóa y như vậy. Mà khi có những tin tức đầu tiên thông báo về sự tràn ngập này thì sẽ xuất hiện "nỗi kinh hoàng" trong lĩnh vực đầu cơ và trong sản xuất - có thể là vào ngày cuối mùa xuân thôi, muộn nhất là trong tháng Bảy hoặc tháng Tám. Nhưng cuộc khủng hoảng này - do chỗ nó phải xảy ra trùng với những sự kiện lớn trên lục địa - sẽ mang lại những kết quả hoàn toàn khác hẳn tất cả những kết quả trước đây. Nếu như tính đến nay mỗi cuộc khủng hoảng đều là tín hiệu cho một thắng lợi mới của nó đối với chế độ chiếm hữu ruộng đất và đối với giai cấp tư sản tài chính, thì cuộc khủng hoảng này sẽ là sự mở đầu cho cuộc cách mạng Anh hiện đại, một cuộc cách mạng mà trong đó Cốp-đen đảm lãnh cho mình vai trò của Nếch-ke.

Bây giờ chúng ta chuyển sang *châu Mỹ*. Tại đây có một sự kiện hết sức quan trọng, còn quan trọng hơn cả cuộc cách mạng tháng Hai nữa, đó là việc phát hiện ra các mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a. Ngay bây giờ, chỉ mới sau mười tám tháng, người ta có thể thấy trước rằng phát hiện này sẽ mang lại những kết quả còn to lớn hơn nhiều so với ngay cả sự phát hiện ra châu Mỹ. Trong suốt ba trăm ba mươi năm toàn bộ việc buôn bán của châu Âu với Thái Bình Dương được tiến hành một cách kiên nhẫn đang xúc động theo những tuyến đường đi vòng qua mũi Hảo Vọng hoặc vòng qua mũi Hoóc. Tất cả những đề nghị đòi đào con kênh Pa-na-ma nối liền hai đại dương đã bị tiêu tan trước sự cạnh tranh nhỏ nhen của các nước đang tiến hành thương mại. Mới chỉ có mười tám tháng trôi qua kể từ khi phát hiện ra các mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a, vậy mà người Mỹ đã bắt tay vào việc xây dựng đường sắt, một con đường bộ lớn và một con kênh từ vịnh Mếch-xích; tàu thủy đã thường xuyên chạy từ Niu Oóc tới Sác-re-xơ, từ Pa-na-ma tới Xan-Phran-xi-xcô; công việc buôn bán

của Thái Bình Dương đã tập trung ở Pa-na-ma, còn con đường vòng qua mũi Hoóc thì đã trở thành lỗi thời. Dải bờ biển trải dài 30 vĩ độ, là một trong những khu vực tuyệt đẹp và phì nhiêu nhất trên thế giới, cho tới nay vẫn chưa có người ở, thì trước mắt chúng ta đã đang trở thành một xứ sở giàu có, văn minh, dân cư đông đúc gồm những đại biểu của tất cả các bộ lạc và các dân tộc, từ người Mỹ đến người Trung Quốc, từ người da đen đến người da đỏ và người Ma-lai-xi-a, từ người gốc da trắng và người lai đến người châu Âu. Vàng của Ca-li-phoóc-ni-a cuồn cuộn chảy thành dòng ở châu Mỹ và theo bờ biển Thái Bình Dương thuộc châu Á và lôi cuốn ngay cả những dân tộc dã man, khó bảo nhất, lao vào trong vòng buôn bán thế giới, vào nền văn minh. Lần thứ hai, nền thương mại thế giới có được một hướng đi mới. Những trung tâm thương mại thế giới - ở thời cổ đại là Tia, Các-ta-giơ và A-lếch-xan-đri, ở thời trung cổ là Giê-nơ và Vơ-ni-đơ còn từ trước tới nay là Luân Đôn và Li-vớc-pun - thì giờ đây lại là Niu-Oóc và Xan-Phran-xi-xcô, Xăng-Hoan ở Ni-ca-ra-goa[1*] và Lê-ôn, Sác-re-xơ và Pa-na-ma. Trung tâm của những mối giao dịch thế giới trong thời trung cổ là I-ta-li-a, thời cận đại là nước Anh, và giờ đây trung tâm đó lại là nửa phía nam của bán đảo Bắc Mỹ. Nền công nghiệp và thương nghiệp của châu Âu cũ cần phải dốc sức thật lớn, nếu như chúng không muốn đi đến suy sụp như nền công nghiệp và thương nghiệp của I-ta-li-a từ thế kỷ XVI, nếu như chúng không muốn cho Anh và Pháp trở thành những gì giống như Vơ-ni-đơ, Giê-nơ và Hà Lan hiện nay. Qua vài năm nữa chúng ta sẽ có một tuyến đường thủy thường xuyên nối liền nước Anh với Sác-re-xơ, còn Sác-re-xơ và Xan-Phran-xi-xcô thì với Xít-nây, Quảng Châu và Xinh-ga-po. Nhờ đó vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a và nghị lực không mệt mỏi của người Mỹ mà hai dải bờ biển Thái Bình Dương chẳng mấy chốc sẽ đông đúc dân cư, được mở ra cho thương nghiệp, được phát triển về mặt công nghiệp, giống như dải bờ biển từ Bô-xtơn đến Tân Oóc-lê-ăng

1* Có ý nói đến cảng Xăng-Hoan-đen-Xua.

ngày nay. Và khi đó Thái Bình Dương sẽ nắm giữ vai trò như của Đại Tây Dương hiện nay, như của Địa Trung Hải trong thời cổ đại và thời trung cổ, - đó là vai trò của con đường thủy rộng lớn phục vụ cho giao lưu thế giới; còn vai trò của Đại Tây Dương sẽ bị hạ xuống thành vai trò biển nội thủy như Địa Trung Hải đang nắm giữ hiện nay. Điều kiện duy nhất để những nước văn minh châu Âu có thể không bị lâm vào tình trạng bị lệ thuộc về công nghiệp, thương nghiệp và chính trị như I-ta-li-a, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay đang trải qua, - đó là cuộc cách mạng xã hội; cuộc cách mạng này, chừng nào còn chưa muộn, sẽ cải tạo lại phương thức sản xuất và trao đổi cho phù hợp với những nhu cầu của bản thân nền sản xuất, những nhu cầu này do lực lượng sản xuất hiện đại sản sinh ra, và như vậy, nó có thể tạo ra lực lượng sản xuất mới đảm bảo cho nền công nghiệp châu Âu chiếm ưu thế và do đấy cân bằng những sự bất lợi về vị trí địa lý.

Cuối cùng còn một điều nực cười đặc trưng nữa do nhà truyền giáo Đức nổi tiếng là Guýt-txơ-láp-phơ đem lại từ Trung Quốc. Nạn nhân khẩu thừa trong nước đang tăng lên chậm chạp, nhưng không ngừng, từ lâu đã làm cho những điều kiện xã hội ở đó rất nặng nề đối với đại đa số nhân dân trong nước. Sau đó người Anh xuất hiện và dùng vũ lực thiết lập được cho mình quyền tự do thương mại tại năm hải cảng lớn. Hàng nghìn tàu Anh và Mỹ đã tới Trung Quốc, và chẳng mấy chốc nước này đã tràn ngập sản phẩm công nghiệp của Anh và của Mỹ. Nền công nghiệp Trung Quốc, dựa trên lao động thủ công, đã không chịu được sự cạnh tranh với máy móc. Đế quốc Trung Hoa không gì lay chuyển được đã phải chịu đựng một cuộc khủng hoảng xã hội. Thuế khóa không thu được nữa, nhà nước đã ở bên miệng hố phá sản, đông đảo quần chúng nhân dân bị bần cùng hóa, họ bắt đầu căm phẫn, không tuân theo lệnh trên, người ta đánh lại và trừ khử các viên quan lại của hoàng đế và các thầy tu đạo Phật. Đất nước, theo như người ta nói, đã đứng bên bờ diệt vong và thậm chí nó đang bị đe dọa bởi cuộc cách mạng bạo lực. Nhưng tình hình còn tồi

tệ hơn thế nữa. Trong số những người bình dân nổi loạn đã có những người đứng lên chỉ ra sự nghèo khổ của một số người này, sự giàu có của một số người khác, đòi phải phân phối lại của cải một cách khác đi đã và tối nay vẫn còn đòi hỏi phải huỷ bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu. Khi ông Guýt-txơ-láp-phơ - sau hai mươi năm vắng mặt - lại xuất hiện trong giới những người văn minh và người châu Âu, thì ông ta nghe thấy người ta nói với nhau về chủ nghĩa xã hội và ông ta đã hỏi rằng điều đó có nghĩa là gì. Khi người ta đã giải thích cho ông, thì ông ta sợ hãi kêu lên:

"Thế nghĩa là, tôi không thể tránh đâu khỏi cái bọc thuyết tai hại này sao? Vì chính điều đó đã có những lúc được nhiều kẻ trong đám dân đen ở Trung Quốc đem truyền bá!"

Cứ cho là, triết học Trung Quốc giống triết học Hê-ghen bao nhiêu thì chủ nghĩa xã hội Trung Quốc cũng giống như chủ nghĩa xã hội châu Âu bấy nhiêu. Tuy nhiên, cũng có điều đáng mừng là, dưới sự tác động của những súc vải hoa của các nhà tư sản Anh trong vòng tám năm thôi mà cái đế chế vững chắc nhất đã bị lâm vào đêm trước của một cuộc cách mạng xã hội, cuộc cách mạng này, dù thế nào chăng nữa, phải mang lại những kết quả đặc biệt quan trọng cho nền văn minh. Nếu những kẻ phản động châu Âu của chúng ta trong cuộc tháo chạy sắp tới vào một tương lai gần đây của chúng sang châu Á, cuối cùng, sẽ tới được bức Vạn lý trường thành, tới những cánh cổng dẫn đến dinh lũy cực kỳ phản động và hết sức bảo thủ, thì, ai biết được rằng liệu chúng sẽ đọc thấy ở đó một tấm biển đề như sau hay không:

RÉPUBLIQUE CHINOISE
LIBERTÉ, EGALITÉ, FRATERNITÉ[1*]

Luân Đôn, ngày 31 tháng Giêng 1850

Những mong muốn của giai cấp tư sản Phổ đã được thực hiện: "con người của danh dự" đã thế trung thành với hiến pháp với điều kiện là anh ta "sẽ được tạo khả năng lên nắm quyền dưới hiến pháp này". Và sau vài ngày kể từ ngày 6 tháng Hai, những

1*- Cộng hòa Trung Hoa. Tự do, Bình đẳng, Bác ái

nhà tư sản trong các viện đã thực hiện đầy đủ điều mong muốn đó của anh ta. Trước ngày 6 tháng Hai họ nói rằng: chúng ta cần phải nhượng bộ miễn sao cho nhà vua phải tuyên thệ trước hiến pháp; một khi nhà vua đã tuyên thệ rồi, thì chúng ta có thể hành động hoàn toàn khác. Sau khi ngày 6 tháng Hai họ nói rằng: hiến pháp đã được đính kèm bằng lời thề, chúng ta có đủ mọi khả năng đảm bảo, do đấy, chúng ta có thể hoàn toàn bình thản nhượng bộ được. Mười tám triệu chi cho việc chuẩn bị chiến tranh - cho việc động viên 500000 quân chống lại một kẻ thù cho tới nay vẫn chưa được biết đến - đã được chuẩn y hầu như là nhất trí, không có xảy ra bàn cãi, không có ý kiến đối lập; ngân sách được biểu quyết trong vòng bốn ngày, toàn bộ các dự án của chính phủ được các viện thông qua trong nháy mắt. Như các ngài đã thấy, vẫn như trước đây, giai cấp tư sản Đức lại có đủ sự hèn nhát và có đủ những lý do cho sự hèn nhát này.

Các nghị viện tốt bụng đó đã làm cho vua Phổ có thể hoàn toàn tin vào những ưu biệt của chế độ lập hiến so với chế độ chuyên chế, tin vào những ưu biệt của chế độ ấy không chỉ đối với những người bị cai trị, mà còn đối với cả những kẻ cầm quyền nữa. Nếu như nhớ lại những khó khăn tài chính trong những năm 1842-1848 - những cố gắng uổng công đi vay nợ thông qua Seehandlung và thông qua ngân hàng, sự khước từ của Rốt-sin, việc Nghị viện bang liên hợp khước từ cho vay, sự kiệt quệ của ngân khố và của các quỹ nhà nước - và nếu đem tất cả những điều đó so sánh với khoản tài chính rộng rãi năm 1850 - có ba ngân sách, với số thiếu hụt bảy mươi triệu đã được các viện chấp thuận trang trải, phát hành công trái và giấy bạc hàng loạt, chính phủ có những quan hệ rất tốt với ngân hàng tốt hơn là nó đã có với Seehandlung, và ngoài ra còn được chuẩn y cho vay để dự trữ một khoản là ba mươi tư triệu nữa - thì đó thật là một sự tương phản biết bao!

Căn cứ theo lời của bộ trưởng bộ chiến tranh, thì Chính phủ Phổ cho rằng rất có khả năng xảy ra những sự kiện có thể buộc

họ sẽ phải huy động toàn bộ quân đội của mình vì lợi ích của "trật tự và yên ổn" ở châu Âu. Với lời thông báo đó nước Phổ đã tuyên bố một cách khá dõng dạc và rõ ràng về việc nó sẽ quay trở lại với Liên minh thần thánh. Cuộc tiến quân thập tự mới được trù tính chống lại kẻ thù nào, thì điều đó hoàn toàn đã rõ ràng. Trung tâm của tình trạng vỏ chính phủ và những cuộc chính biến, tức là Ba-bi-lon thuộc Pháp, thì cần phải bị xóa bỏ. Liệu nước Pháp có bị tấn công trực tiếp hay không, hay là trước nó sẽ phải tiến hành những cuộc tập kích chống lại Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ, điều này phần lớn sẽ phụ thuộc vào sự tiến triển của các sự kiện ở Pa-ri. Dù thế nào chăng nữa, giờ đây Chính phủ Phổ sẽ có những phương sách để làm tăng số quân của họ trong vòng hai tháng từ 180000 lên đến 500000; đã có 400000 quân Nga chuẩn bị sẵn sàng ở Ba Lan, ở Vô-lun và ở Bét-xa-ra-bi-a; nước Áo có tối thiểu là 650000 người được vũ trang. Chỉ cốt sao nuôi sống được những đạo quân lớn đó, thì nước Nga và Áo đã buộc phải mở cuộc chiến tranh xâm lược ngay trong năm nay. Còn về hướng thứ nhất của cuộc tiến quân này, thì có một văn kiện đáng chú ý vừa mới được công bố nói về vấn đề đó.

Tờ "Schweizerische National-Zeitung", trong một số trong những số ra gần đây của nó, đã công bố một bản bị vong lục tuồng như do một viên tướng Áo là Suên-han-xơ soạn thảo, trong đó nêu rõ toàn bộ kế hoạch xâm nhập Thụy Sĩ. Những yếu tố cơ bản của kế hoạch đó như sau:

Nước Phổ tập trung gần 60000 quân dọc sông Mai-nơ, gần các tuyến đường sắt; có một binh đoàn gồm những người Hét-xen, Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc đang tập trung, một bộ phận đóng gần Rốt-vai và Tút-linh-ghen, một bộ phận gần Kem-pơ-ten và Mem-minh-ghen. Áo bố trí 50000 người ở Pho-rác-in-béc và theo hướng đi In-bruc và thành lập binh đoàn thứ hai ở I-ta-li-a, giữa Xe-xtô-Ca-len-đo và Lếch-cô. Đồng thời người ta làm yên lòng Thụy Sĩ bằng những cuộc đàm phán ngoại giao. Khi thời điểm tấn công vừa tới, bọn Phổ liền nhanh chóng điều động các đơn vị của chúng dọc theo đường sắt đi Lê-rác, một số toán nhỏ - đi Đô-nao-ê-sinh-ghen; người Áo tập trung quân gần Brê-gen-xơ và Phen-đơ-kiếc-sơ, còn quân đội I-ta-li-a thì tập trung gần Cô-mô và Lếch-cô. Một lữ đoàn đóng lại gần Va-rê-xơ và uy hiếp Bơ-lin-xô-na. Các sứ thần phải trao tối hậu thư và rời bỏ nước sở tại. Chiến sự bắt đầu; lý do chủ yếu là - khôi phục lại hiến pháp liên bang năm 1814 và quyền độc lập của các bang thuộc Đồng minh đặc biệt. Chính cuộc tấn công thì tập trung vào Luy-xéc. Quân Phổ tiến quân vượt qua Ba-lơ tới sông A-rơ, quân Áo vượt qua Xanh-Ha-len và Xuy-rích tới sông Li-mát. Quân Phổ chiếm một vùng từ Đô-lô-tuốc-nơ đến Xuốc-xắc, quân Áo thì chiếm từ Xuốc-xắc vượt qua Xuy-rích đến U-xơ-nác. Đồng thời 15000 quân Áo tràn qua Cu-rơ tiến tới Spơ-luy-ken và liên hiệp với binh đoàn của I-ta-li-a, sau đó họ cùng tiến công vượt qua thung lũng vùng Thượng Ranh với Xanh-Gô-tác-rơ, tại đây, đến lượt mình, họ lại nhập với binh đoàn đã vượt qua Ba-rê-xơ và Bê-lin-xô-na và họ đã khởi nghĩa ở các bang cố. Trong khi đó cuộc tấn công của các quân đội chủ yếu - mà các toán quân nhỏ hơn đã sát nhập vào chúng ở Sáp-hau-đen - và việc chiếm được Luy-xéc đã cắt đứt các bang này khỏi miền tây Thụy Sĩ và như vậy là đã tách được cứu ra khỏi đó. Đồng thời, nước Pháp theo "hiệp ước bí mật ngày 30 tháng Giêng" nước này có nghĩa vụ phải huy động 60000 quân ở Ly-ông và Côn-ma đã đánh chiếm Giơ-ne-vơ và Giuy-ra với cái cớ được đưa ra như bồi nó chiếm La Mã. Do đó Béc-nơ đã không thể giữ vững được nữa và chính phủ "cách mạng" buộc phải hoặc là đầu hàng ngay lập tức, hoặc là bị chết đói cùng với quân đội của họ trong dãy núi An-pơ thuộc vùng Béc-nơ.

Như các ngài đã thấy, kế hoạch hoàn toàn không dến nỗi tồi. Nó kỹ càng tính đến những điều kiện lãnh thổ, nó để ra trước hết phải chiếm lấy miền bắc Thụy Sĩ bằng phẳng và phì nhiêu hơn và dùng các lực lượng liên hiệp chiếm lấy một vị trí quan trọng độc nhất ở đó, vị trí nằm ở phía sau các con sông A-rơ và Li-mát. Ưu điểm của kế hoạch này là ở chỗ nó để nghị cắt quân đội Thụy Sĩ khỏi vựa lúa của họ, tạm thời để lại cho họ một vùng núi khó đi lại hơn. Bởi vậy, kế hoạch đó có thể được thực hiện ngay vào đầu mùa xuân, và nếu nó được thực hiện càng sớm thì tình hình quân Thụy Sĩ, bị ép vào núi, sẽ càng gay go hơn.

Cái văn kiện đưa ra xem xét trên đây đã được công bố, trái với ý muốn của các tác giả của nó, hay là nó được soạn thảo ra đặc biệt chỉ dành cho một tờ báo Thụy Sĩ nào đó tìm thấy nó mà đem công bố, - thì quả là khó giải đáp vấn đề này nếu chỉ dựa vào những ý kiến được trình bày trong kế hoạch đó. Trong trường hợp sau cùng, mục tiêu của kế hoạch này chỉ có thể là ở chỗ cốt sao bắt buộc người Thụy Sĩ phải dốc sạch ngân khố của họ vào việc huy động nhanh chóng và đại quy mô, biến họ thành

những kẻ dễ bảo hơn đối với Liên minh thần thánh và nói chung nhằm đánh lừa dư luận xã hội về những ý đồ của các đồng minh. Công việc chuẩn bị chiến tranh của Nga và Phổ và các kế hoạch chiến tranh với Thụy Sĩ giờ đây đang được phô trương một cách sốt sắng đến vậy, điều này tuồng như chứng tỏ rằng giả thiết này là đúng. Cảm tưởng đó được thể hiện ở một đoạn ngay trong bức bị vong lục, nó khuyến nghị thực hiện tất cả các chiến dịch với tốc độ nhanh nhất để chiếm lấy một vùng càng lớn càng tốt, trước khi những người dân bản địa tập hợp lại được và có thể hành động. Tuy nhiên, cũng có thể dẫn ra bấy nhiêu lý do bên trong để chứng minh cho nội dung thật sự của bức bị vong lục với tư cách là một kế hoạch thật sự đã được vạch ra nhằm xâm nhập Thụy Sĩ.

Có một điều không còn nghi ngờ gì nữa: ngay trong năm nay Liên minh thần thánh hoặc là thoạt tiên chống lại Thụy Sĩ hoặc Thổ Nhĩ Kỳ, hoặc là trực tiếp chống lại Pháp, và trong cả hai trường hợp thì số phận của Hội đồng liên bang đều đã được định trước. Kẻ đầu tiên đến với Béc-nơ là ai chăng nữa - Liên minh thần thánh hay là cách mạng, - thì bản thân Hội đồng liên bang cũng đã quyết định trước sự diệt vong của nó bởi thái độ trung lập hèn nhát của nó. Phản cách mạng không thể hài lòng trước những nhượng bộ của Hội đồng liên bang vì nó có một nguồn gốc ít nhiều mang tính chất cách mạng; cách mạng không giây phút nào có thể chịu đựng được sự tồn tại của cái chính phủ phản bội và hèn nhát như vậy nằm ở chính tâm châu Âu, nằm trong vòng vây của ba nước bị lôi cuốn vào phong trào nhiều nhất. Hành vi của Hội đồng liên bang Thụy Sĩ là một ví dụ rõ ràng nhất và, chúng ta hy vọng rằng cũng là ví dụ cuối cùng cho cái gọi là "nền độc lập" hư giả và "sự tự chủ" của các quốc gia nhỏ nằm trong vòng vây của những cường quốc lớn, hiện đại.

Viết ngày 31 tháng Giêng - tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 2, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

VẤN ĐỀ NGÀY LAO ĐỘNG 10 GIỜ[147]

Để đập lại những luận điệu của giai cấp tư sản chủ trương mậu dịch tự do, của cái gọi là "trường phái Man-se-xtơ"[148], những chiến sĩ đấu tranh cho mọi lợi ích của giai cấp công nhân vẫn thường chỉ giới hạn ở chỗ công phẫn vạch trần tính chất bất nhân và ích kỷ vô liêm sỉ của các học thuyết của chúng. Người công nhân, bị cái giai cấp kênh kiệu gồm các chủ xưởng quý tộc tham gia khinh miệt, dày xéo, làm cho thể xác rã rời và tinh thần trống rỗng, - người công nhân đó, tất nhiên, sẽ hoàn toàn xứng với cái số phận của anh ta, nếu như anh ta không căm phẫn mỗi khi người ta thản nhiên tuyên bố với anh ta rằng anh ta phải vĩnh viễn chịu nhận làm một cái máy mà ông chủ tùy ý sử dụng hay vứt bỏ để nhằm chiếm lấy cái vinh quang ngày càng cao của tư bản và nhằm tích lũy tư bản thật nhanh, mỗi khi người ta tuyên bố với anh ta rằng chỉ với điều kiện như thế thì mới bảo đảm được "sự hùng cường của đất nước anh ta" và sự tiếp tục tồn tại của bản thân giai cấp công nhân. Nếu không có cái tinh thần phẫn nộ cách mạng mãnh liệt đó thì không thể có hy vọng giải phóng giai cấp vô sản. Nhưng giữ vững tinh thần phản kháng dũng cảm trong công nhân là một vấn đề, còn đập lại kẻ thù của

họ trong những cuộc tranh cãi công khai là vấn đề khác. Ở đây, một mình sự bất bình, chỉ một mình sự phẫn nộ, dù cho tất cả cái đó có đúng như thế nào đi nữa, thì cũng chẳng làm nên trò trống gì - ở đây cần những luận cứ. Và chắc không còn nghi ngờ gì nữa, cả trong cuộc tranh luận bình tĩnh, thấu đáo lẫn ngay trong lĩnh vực quen thuộc nhất của họ là khoa kinh tế chính trị, trường phái mậu dịch tự do cũng sẽ dễ dàng bị những người bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản đánh bại.

Còn về lời khẳng định xấc xược và vô liêm sỉ của bọn chủ xưởng chủ trương mậu dịch tự do nói rằng sự tồn tại của xã hội hiện đại là phụ thuộc vào việc chúng có thể tiếp tục tích lũy được của cải trên máu và mồ hôi công nhân, hay không, thì chúng tôi chỉ xin nêu một nhận xét. Trong tất cả các thời kỳ lịch sử, đại đa số nhân dân, dưới hình thức này hay hình thức khác, đều chỉ đơn thuần là công cụ làm giàu cho một nhúm người có đặc quyền. Tuy nhiên, trong tất cả các thời đại trước đây, cái hệ thống hút máu đó đã hoạt động, được che đậy dưới những chiêu bài đạo đức, tôn giáo và chính trị khác nhau: các linh mục, các triết gia, luật gia và các chính khách đều nhồi sọ cho nhân dân rằng họ phải chịu phận nghèo hèn và đói khổ là vì lợi ích của chính họ, vì Thượng đế đã định như vậy. Còn bây giờ thì trái lại phái mậu dịch tự do trắng trợn tuyên bố: "Công nhân chúng mày là những tên nô lệ và sẽ vẫn là những tên nô lệ vì rằng chúng mày có làm nô lệ thì chúng tao mới có thể tăng gấp bội của cải và hạnh phúc của chúng tao, vì rằng chúng tao, giai cấp thống trị ở nước này, sẽ không thể tiếp tục thống trị được nữa, nếu chúng mày không còn là những tên nô lệ nữa". Vậy là giờ đây cái bí mật của áp bức, rốt cục, đã được phơi bày; giờ đây, nhờ có phái mậu dịch tự do, cuối cùng nhân dân có thể nhận thức được rõ ràng địa vị của mình; giờ đây, rốt cục, vấn đề được đặt ra thẳng thừng và dứt khoát: *hoặc là chúng tao, hoặc là chúng mày*! và vì vậy, cũng giống như thà chọn kẻ thù công khai còn hơn có người bạn giả dối, chúng ta thà chọn kẻ chủ trương mậu dịch tự do trắng trợn hơn là tên quý tộc từ thiện đạo đức giả, thà chọn Brai-tơ, một

tín đồ Quây-cơ, hơn là huân tước Ê-sli.

Đạo luật ngày lao động 10 giờ được phê chuẩn sau một cuộc đấu tranh lâu dài và gay gắt, kéo dài suốt bốn mươi năm trời trong nghị viện, trong các cuộc tranh cử, trên báo chí, trong mỗi công xưởng và mỗi xưởng thợ ở các vùng công nghiệp. Một bên, người ta đưa ra những cảnh thật đau lòng: nào là các trẻ em còi cọc chậm lớn và bị hành hạ đến chết, nào là những phụ nữ bị buộc phải rời bỏ bếp núc và con nhỏ của họ, nào là cả một thế hệ mắc những chứng bệnh nan y, hàng loạt sinh mệnh con người bị đem hy sinh và hạnh phúc con người bị tan nát trong phạm vi cả một nước - tất cả những cái đó là để làm giàu thêm cho một nhúm người ít ỏi vốn đã quá giàu có rồi. Tất cả những điều đó không chút bịa đặt; đó là những sự thật, những sự thật bưởng bỉnh. Vậy mà không ai dám đòi thủ tiêu cái chế độ thối nát đó; người ta chỉ bàn đến chuyện hạn chế tác động của nó đến một mức nào thôi. Còn bên kia, là những nhà kinh tế - chính trị lạnh lùng, tàn nhẫn, những tên dầy tớ được trả công của những kẻ làm giàu trong cái chế độ đó; họ đưa ra hàng chuỗi suy lý không kém phần danh thép và chính xác như thể quy tắc tam suất để chứng minh rằng cái trật tự hiện hành phải được giữ nguyên để tránh nguy cơ "đất nước bị phá sản".

Phải thừa nhận rằng những người bênh vực cho công nhân công xưởng tuyệt nhiên không biết cách bác bỏ những luận cứ của các nhà kinh tế học và thậm chí rất ít khi dám xông vào tranh cãi với bọn họ. Sở dĩ như vậy là vì dưới chế độ xã hội hiện hành, khi mà tư bản tập trung trong tay một số ít người, còn số đông vô kể buộc phải bán sức lao động của mình cho số ít ấy, thì mỗi luận cứ đó đều là một sự thực, những sự thực không thể chối cãi được, y như những điều mà phía đối lập đã đưa ra. Đúng, dưới chế độ xã hội hiện hành thì nước Anh với tất cả các giai cấp trong dân cư của nó, hoàn toàn lệ thuộc vào sự phồn vinh của nền công nghiệp của nó, mà dưới chế độ xã hội hiện hành, sự phồn vinh này lại hoàn toàn lệ thuộc vào quyền tự do mua

và bán vô hạn, vào việc thu hút lợi nhuận tới mức tối đa từ mọi nguồn tài nguyên của đất nước.

Đúng, dưới chế độ hiện hành, biện pháp duy nhất đảm bảo cho sự phồn vinh của công nghiệp, - mà sự tồn tại hiện thời của chính bản thân đế chế phụ thuộc vào nó, - là mỗi năm phải sản xuất ra nhiều hơn với chi phí ít hơn. Nhưng làm thế nào để sản xuất ra nhiều hơn mà lại giảm được chi phí? Muốn thế cần phải, thứ nhất là, bắt công cụ sản xuất (the instrument of production) - máy móc công nhân - năm nay làm việc nhiều hơn năm trước; thứ hai, thay thế phương pháp sản xuất vẫn áp dụng từ trước tới nay bằng phương pháp mới hoàn thiện hơn, tức là thay thế con người bằng máy móc cải tiến; thứ ba, giảm những chi phí cho người công nhân bằng cách giảm phí tổn nuôi dưỡng anh ta (như việc tự do buôn bán lúa mì, v.v.) hay đơn thuần bằng cách giảm tiền công của anh ta đến mức thấp nhất. Do đó, đằng nào thì người công nhân cũng vẫn thiệt; do đó, chỉ có thể cứu vãn nước Anh bằng sự diệt vong của những người công nhân Anh. Tình hình là như vậy, những hậu quả không tránh khỏi mà những thành tựu kỹ thuật, sự tích lũy tư bản và sự cạnh tranh do nó gây ra ở trong và ngoài nước đã đẩy nước Anh sa vào, là như vậy.

Vậy, đạo luật ngày lao động 10 giờ, nếu như xét về riêng bản thân nó và coi nó như một biện pháp cuối cùng, thì rõ ràng là một bước sai lầm, một biện pháp phi chính trị và thậm chí phản động, mang sẵn trong lòng nó mầm mống của sự phá sản của chính bản thân nó[149]. Một mặt, đạo luật đó không thủ tiêu chế độ xã hội hiện hành, mặt khác, cũng không thúc đẩy nó tiến lên. Lẽ ra phải thúc cho cái chế độ này phát triển tới giới hạn cực đoan, tới mức mà mọi tiềm lực của giai cấp thống trị sẽ cạn hết, tới mức bức thiết phải chuyển quyền thống trị sang tay giai cấp khác và một cuộc cách mạng xã hội là không thể tránh được, - lẽ ra như vậy thì đạo luật ngày lao động 10 giờ lại đã cố cưỡng ép xã hội quay trở lại thời kỳ đã qua, thời kỳ đã nhường chỗ cho

chế độ đương thời từ lâu rồi. Điều này biểu hiện rất rõ nếu như chỉ cần nhìn vào những đảng phái đã thông qua đạo luật ở nghị viện bất chấp sự chống đối của phái mậu dịch tự do. Thế phải chăng là giai cấp công nhân đã náo động và có hành vi dọa dẫm mà đạt được đạo luật đó hay sao? Không, tất nhiên rồi. Nếu vậy thì công nhân đã giành được cho mình bản Hiến chương[150] từ lâu lắm rồi. Hơn nữa, những nhân vật trong giới công nhân đã đi đầu phong trào đòi rút ngắn ngày làm việc hoàn toàn không phải là những người cách mạng đáng sợ. Đó phần lớn là những con người ôn hòa và đáng kính, trung thành với nhà thờ và ngôi vua. Họ đứng ngoài phong trào Hiến chương và trong phần lớn trường hợp còn ngả theo một thứ chủ nghĩa bảo thủ đa cảm. Họ chưa bao giờ làm cho một chính phủ nào phải sợ hãi. Đạo luật ngày lao động 10 giờ được phê chuẩn bởi những địch thủ *phản động* của chế độ mậu dịch tự do, những kẻ đại diện cho lợi ích của các địa chủ, các nhà tài chính, của các công ty thuộc địa và công ty đường thủy - bởi khối liên minh của tầng lớp quý tộc với những bộ phận của giai cấp tư sản đang sợ hãi trước quyền thống trị của phe chủ xưởng - chủ trương mậu dịch tự do. Phải chăng họ phê chuẩn đạo luật đó là vì có sự thông cảm nào đó với nhân dân? Tuyệt nhiên không. Họ đã và đang sống nhờ vào sự cướp bóc nhân dân. Bọn họ không mảy may tốt hơn những chủ xưởng, mặc dù không cởi mở bằng và đa cảm hơn. Nhưng bọn họ không muốn để cho phe chủ xưởng chèn ép, và vì vậy do căm ghét phe chủ xưởng, họ đã phê chuẩn đạo luật đó, để nhằm tranh thủ cảm tình của nhân dân và đồng thời ngăn chặn không cho thế lực xã hội và thế lực chính trị của phe chủ xưởng lớn mạnh nhanh chóng. Việc phê chuẩn đạo luật ngày lao động 10 giờ không chứng tỏ sức mạnh của giai cấp công nhân, mà chỉ chứng tỏ một điều là phe chủ xưởng còn chưa đủ mạnh để đạt được cái mà họ mong muốn.

Kể từ đó, phe chủ xưởng trên thực tế đã đảm bảo cho mình địa vị thống trị bằng cách đã thông qua nghị viện mà thi hành được các nguyên tắc mậu dịch tự do trong lĩnh vực buôn bán lúa

mì và hàng hải. Những lợi ích của các địa chủ và các công ty đường thủy bị đem làm vật hy sinh cho ngôi sao đang lên của các chủ xưởng. Nhưng phe chủ xưởng càng lớn mạnh bao nhiêu thì xiềng xích của đạo luật ngày lao động 10 giờ càng trói buộc chúng bấy nhiêu. Chúng bắt đầu trắng trợn vi phạm đạo luật: chúng khôi phục lại hệ thống ca kíp, chúng buộc bộ trưởng bộ nội vụ ra những thông tư ra lệnh cho các viên thanh tra công xưởng bỏ qua sự vi phạm đạo luật đó; và, sau hết, khi lượng cầu về hàng hóa của chúng ngày một tăng lên, làm chúng không thể chịu đựng được những lời phản kháng của một số viên thanh tra hay sinh sự, thì chúng đã đệ trình vấn đề lên Tòa án tài chính, tòa án này đã ra một án quyết duy nhất xóa bỏ hoàn toàn đạo luật ngày lao động 10 giờ[151].

Những kết quả của cuộc vận động bốn mươi năm trời đã bị thủ tiêu trong một ngày như vậy đó, do thế lực ngày càng lớn mạnh của phe chủ xưởng là những kẻ chỉ cần một sự "phồn vinh" và "lượng cầu tăng lên" ngắn ngủi cũng đủ để làm chuyện ấy; còn các vị quan tòa nước Anh đã chứng minh rằng họ cũng hệt như các linh mục, trạng sư, các nhà hoạt động nhà nước và các nhà kinh tế - chính trị, chỉ là những thằng hầu được trả công của giai cấp thống trị, cho dù đó là giai cấp quý tộc ruộng đất, hay quý tộc tài chính, hay giai cấp các ngài chủ xưởng.

Như vậy phải chăng là chúng tôi chống lại đạo luật ngày lao động 10 giờ? Phải chăng là chúng tôi tán thành duy trì cái chế độ ghê tởm kiếm tiền trên xương máu phụ nữ và trẻ em? Không, hoàn toàn không. Chúng tôi chẳng những không phản đối chút nào, mà chúng tôi thậm chí còn nghĩ rằng ngay ngày đầu tiên sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân sẽ phải thi hành những biện pháp còn triệt để hơn nhiều so với đạo luật ngày lao động 10 giờ hay thậm chí ngày lao động 8 giờ để bảo hộ lao động cho phụ nữ và trẻ em. Nhưng chúng tôi khẳng định rằng đạo luật như nó được đưa ra năm 1847 không phải là do công nhân đưa ra, mà là do những kẻ đồng minh tạm thời của

họ, những giai cấp phản động trong xã hội; và vì sau đó không hề có một biện pháp nào khác nữa nhằm biến đổi tận gốc mối quan hệ giữa tư bản và lao động, cho nên nó là một biện pháp không đúng lúc, không cơ bản và thậm chí phản động nữa.

Nhưng cho dù đạo luật ngày lao động 10 giờ không còn tồn tại nữa, thì giai cấp công nhân vẫn cứ được lợi trong việc này. Sự vui mừng chốc lát của bọn chủ xưởng không đáng làm cho công nhân phải lo ngại, rốt cuộc thì người vui mừng sẽ là công nhân, còn bọn chủ xưởng sẽ phải khóc. Chính là vì sau đây.

Thứ nhất. Thời gian và những cố gắng bấy nhiêu năm dùng để vận động cho đạo luật ngày lao động 10 giờ không mất đi vô ích, mặc dù những kết quả trực tiếp đem lại có bị mất hết. Sự tham gia cuộc vận động này đã tạo cho công nhân một biện pháp lớn lao để làm quen với nhau để nhận rõ địa vị xã hội và những lợi ích của mình, để tự tổ chức mình lại và để ý thức được sức mạnh của mình. Người công nhân khi đã tham gia vào cuộc vận động đó không còn là người công nhân như trước nữa; và toàn bộ giai cấp công nhân nói chung sau khi trải qua cuộc vận động đó đã trở nên mạnh hơn gấp trăm lần, trở nên hiểu biết hơn và được tổ chức chặt chẽ hơn so với trước. Trước đây, giai cấp công nhân là một sự kết tụ những cá thể đơn độc, không biết gì về nhau, không gắn bó với nhau bởi những mối liên hệ chung nào; giờ đây họ đã trở thành một thể [body] thống nhất hùng mạnh và ý thức được sức mạnh của mình, một khối thống nhất được công nhận là "đẳng cấp thứ tư", và sắp tới đây sẽ trở thành *thứ nhất*.

Thứ hai. Giai cấp công nhân nhờ kinh nghiệm đã hiểu rõ rằng *mọi sự cải thiện địa vị một cách vững chắc của họ đều không thể do những kẻ khác đem lại gì, mà họ phải tự mình đấu tranh giành lấy nó, trước hết là bằng cách cướp chính quyền*. Giờ đây công nhân cần phải hiểu rằng *họ sẽ không bao giờ có được một đảm bảo nào cho việc cải thiện địa vị xã hội của họ, nếu như họ chưa giành được quyền phổ thông đầu phiếu*, là cái sẽ đem

lại cho họ khả năng đưa được *đa số* đại biểu của công nhân vào hạ nghị viện. Xét về mặt đó, việc đình chỉ hiệu lực của đạo luật ngày lao động 10 giờ sẽ đem lại lợi ích to lớn cho phong trào dân chủ.

Thứ ba. Việc bãi bỏ trên thực tế đạo luật năm 1847 sẽ lôi cuốn các chủ xưởng vào cơn sốt sản xuất thừa, và những cuộc khủng hoảng sẽ diễn ra liên tiếp; tất cả mọi phương tiện và khả năng của hệ thống hiện thời chẳng bao lâu sẽ kiệt quệ và sẽ không tránh khỏi xảy ra một cuộc *cách mạng* mà cuộc cách mạng này sẽ nhanh chóng đưa giai cấp vô sản tới địa vị thống trị về chính trị xã hội, sẽ cải tạo xã hội một cách căn bản hơn nhiều so với những cuộc cách mạng những năm 1793 và 1848. Chúng ta đã thấy rằng chế độ xã hội hiện thời gắn bó chặt chẽ với quyền thống trị của các nhà tư bản công nghiệp, và quyền thống trị này đến lượt nó lại phụ thuộc vào khả năng không ngừng mở rộng sản xuất với việc đồng thời giảm bớt chi phí sản xuất. Những việc mở rộng sản xuất đó có một giới hạn nhất định: nó không thể vượt quá khuôn khổ những thị trường hiện có. Nhưng nếu điều này xảy ra thì sẽ phát sinh khủng hoảng kéo theo sự phá sản, vỡ nợ và bần cùng. Đã từng có không ít những cuộc khủng hoảng như thế, mà cho đến nay, người ta đã khắc phục được một cách có kết quả nhờ tìm ra những thị trường mới (như thị trường Trung Quốc năm 1842) hoặc nhờ việc khai thác những thị trường cũ một cách tốt hơn bằng cách giảm chi phí sản xuất (thí dụ, bằng cách áp dụng chính sách tự do buôn bán lúa mì). Nhưng cả điều này cũng có giới hạn của nó. Giờ đây không còn tìm đâu ra những thị trường mới, mà muốn giảm tiền công hơn nữa thì chỉ còn mỗi cách là cải cách tài chính một cách căn bản và giảm thuế khóa bằng cách *xóa bỏ nợ nhà nước vay*. Còn nếu như phe chủ xưởng chủ trương mậu dịch tự do không đủ can đảm để làm tới cùng điều đó, hoặc là nếu cái phương sách tạm thời đó đến một lúc nhất định cũng sẽ không dùng được nữa, thì khi đó, sự diệt vong đó thừa ứ sẽ đón chờ họ. Vì rõ ràng là trong một hệ thống đòi hỏi không ngừng mở rộng sản xuất mà không có khả

năng mở rộng thị trường hơn nữa thì *quyền thống trị của bọn chủ xưởng sẽ đến ngày tận số. Rồi cái gì sẽ xảy ra sau đó?* "Khắp nơi bị phá sản và hỗn loạn", - phái mậu dịch tự do nói vậy. *Chúng tôi thì khẳng định: cách mạng xã hội và quyền thống trị của giai cấp vô sản.*

Hỡi các bạn công nhân nước Anh! Nếu như "cạm bẫy" ngày lao động 13 giờ lại chờ đợi các bạn, vợ con các bạn, thì cũng đừng tuyệt vọng. Cái chén rượu ấy phải uống cho cạn, dù nó có cay đắng đến đâu. Các bạn vượt qua cái đó càng nhanh càng tốt. Khi bọn chủ ngạo mạn của các bạn giành được cái mà chúng gọi là "chiến thắng" các bạn, thì tức là bọn chúng đã tự đào huyệt chôn chúng, hãy vững tin như vậy. Việc bãi bỏ trên thực tế đạo luật ngày lao động 10 giờ là một sự kiện sẽ căn bản đẩy nhanh ngày giải phóng các bạn. Những người anh em của các bạn, những công nhân Pháp và Đức, không bao giờ thỏa mãn với yêu cầu ngày lao động 10 giờ. Bao giờ họ cũng cố vươn tới *giải phóng hoàn toàn khỏi ách bạo chúa của tư bản*. Và nếu như về phương diện kỹ thuật, về trình độ sản xuất và về số lượng tương đối, các bạn có được những khả năng to lớn hơn nhiều để tự giải phóng mình và để sản xuất ra số của cải đủ cho tất cả các bạn, - thì *các bạn, tất nhiên, sẽ không thỏa mãn với những của bố thí nhỏ nhặt*. Hãy dừng đòi hỏi "những biện pháp bảo hộ lao động" nữa, mà hãy can đảm bước tới một cuộc đấu tranh không chậm trễ để giành lấy *quyền thống trị về chính trị và xã hội của giai cấp vô sản, là cái sẽ đem lại cho các bạn khả năng tự mình bảo hộ lấy lao động của mình.*

Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Hai 1850
Đã đăng trên tạp chí "The Democratic Review", tháng Ba 1850
Ký tên: Ph.Ă.

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh

PH. ĂNG-GHEN

ĐẠO LUẬT NGÀY LAO ĐỘNG 10 GIỜ CỦA ANH

Công nhân Anh đã bị một thất bại đáng kể, mà lại từ một phía mà họ ít ngờ tới nhất. Mấy tuần trước đây, Tòa án tài chính, một trong bốn tòa án cao nhất nước Anh, đã ra một án quyết định bãi bỏ trên thực tế những điều khoản chủ yếu trong đạo luật ngày lao động 10 giờ ban hành năm 1847.

Lịch sử đạo luật ngày lao động 10 giờ là một thí dụ điển hình về hình thái phát triển đặc thù các mâu thuẫn giai cấp ở Anh và vì vậy đáng được nghiên cứu tỉ mỉ.

Như mọi người đều biết, đi đôi với việc xuất hiện nền đại công nghiệp là việc bọn chủ xưởng bắt đầu bóc lột giai cấp công nhân một cách trắng trợn, vô hạn độ và theo một quy mô chưa từng thấy. Những máy móc mới làm cho lao động của nam giới đến tuổi trưởng thành trở nên thừa; việc trông coi máy móc cần đến phụ nữ và trẻ em, là những người làm công việc đó thích hợp hơn nhiều và đồng thời công xá lại rẻ hơn so với nam giới. Như vậy, bộ máy bóc lột công nghiệp tức khắc thu hút toàn bộ gia đình người công nhân và giam chặt họ vào công xưởng: phụ nữ và trẻ em phải làm việc cả ngày lẫn đêm, không được nghỉ ngơi, cho đến khi gục ngã vì hoàn toàn kiệt sức. Trong tình hình lượng

cầu về lao động trẻ em ngày một tăng, con cái những người nghèo trong các trại lao động đã thực sự trở thành một món hàng. Kể từ tuổi lên bốn và thậm chí lên ba, người ta đem bán đấu giá chúng thành từng lô, - dưới hình thức theo những hợp đồng đảm bảo cho chúng học việc, - cho những chủ nhà máy nào trả giá mua chúng cao hơn cả. Những công nhân Anh thuộc thế hệ lớn tuổi hơn vẫn còn nhớ rành rành những thời kỳ bóc lột trẻ em và phụ nữ một cách vô liêm sỉ và tàn bạo ấy, - một sự bóc lột không buông tha con mồi chừng nào còn có thể hút thêm được một giọt máu của nó, còn có thể vắt ép thêm được một chút hơi sức từ đường gân thớ thịt của nó: nhiều người trong số họ còn giữ được cái kỷ niệm đó dưới hình dáng cột sống bị vẹo hoặc tay chân bị tàn tật, và đối với tất cả mọi người, thì kỷ niệm đó đều thể hiện ở sức khoẻ bị hủy hoại không sao hồi phục được. Số phận của những người nô lệ tại các đồn điền tồi tệ nhất ở Mỹ vẫn còn là hạnh phúc so với số phận của những người công nhân Anh thời đó.

Đã từ khá lâu chính phủ phải thi hành những biện pháp để kiềm chế sự bóc lột điên cuồng và tuyệt nhiên không có giới hạn nào của bọn chủ xưởng, những kẻ đã chà đạp lên mọi yêu cầu của xã hội văn minh. Tuy nhiên, những hạn chế ban đầu về mặt pháp lý đó rất không đầy đủ và chẳng bao lâu sau người ta liền vứt bỏ. Mãi đến nửa thế kỷ sau khi xây dựng đại công nghiệp, khi mà đà phát triển công nghiệp như vũ bão đã có nền nếp, mãi tới năm 1883 mới có thể ban hành một đạo luật có hiệu lực để ít ra giới hạn được phần nào những sự lạm dụng quá quắt nhất.

Ngay từ đầu thế kỷ này, dưới sự lãnh đạo của một số nhà từ thiện, một đảng đòi hạn chế bằng pháp luật thời gian làm việc tại các công xưởng là 10 giờ một ngày, đã được thành lập. Đảng này vào những năm hai mươi đã tiến hành công tác tuyên truyền của mình dưới sự lãnh đạo của Xát-lơ, và sau khi ông này mất thì dưới sự lãnh đạo của huân tước Ê-sli và R.Ô-xtơ-lơ đã tiếp

tục vận động cho đến khi đạo luật ngày lao động 10 giờ được thực sự thi hành; dần dần, ngoài bản thân công nhân ra, đảng này đã tập hợp được dưới lá cờ của mình cả tầng lớp quý tộc và tất cả mọi cánh tư sản thù địch với bọn chủ xưởng. Việc công nhân liên minh với những phần tử khác nhau nhất và phản động nhất trong xã hội nước Anh như thế dẫn tới chỗ cuộc vận động cho ngày lao động 10 giờ hoàn toàn tách rời với công tác vận động cách mạng của công nhân. Dành rằng những người theo phái Hiến chương, không trừ một ai, đều ủng hộ đạo luật ngày lao động 10 giờ; họ là lực lượng chủ yếu, là tiếng nói nhất trí tại tất cả các cuộc mít-tinh về vấn đề ngày lao động 10 giờ; họ dành cho ủy ban đấu tranh cho ngày lao động 10 giờ quyền sử dụng cơ quan báo chí của họ; nhưng không hề có một người theo phái Hiến chương nào hoạt động trong hội chính thức của những người quý tộc và tư sản ủng hộ ngày lao động 10 giờ và không một ai trong số họ tham gia vào ủy ban đấu tranh cho ngày lao động 10 giờ (Short - Time - Committee) ở Man-se-xtơ. Ủy ban này hoàn toàn chỉ gồm có công nhân công xưởng và giám thị công xưởng. Tuy nhiên, những công nhân tham gia vào ủy ban lại là những con người hoàn toàn ốm yếu tiều tụy vì phải lao động quá sức, những con người thầm lặng, sợ Chúa và hiền lành, những người mang trong lòng nỗi kinh sợ thần bí đối với phong trào Hiến chương và chủ nghĩa xã hội, hết mực tôn thờ ngai vàng và nhà thờ, những con người quá ư bất lực nên không thể cầm thù giai cấp tư sản công nghiệp được, họ chỉ còn có thể bợ đỡ tôn sùng tầng lớp quý tộc để ít ra nó cũng còn hạ cố quan tâm tới cảnh đói nghèo của họ. Chủ nghĩa bảo thủ công nhân của những người ủng hộ ngày lao động 10 giờ đó còn là dư âm của hành động chống đối đầu tiên của công nhân chống lại tiến bộ công nghiệp, mưu toan khôi phục lại tình trạng gia trưởng cổ hủ, và biểu hiện quyết liệt nhất cũng chỉ tới mức phá hoại máy móc mà thôi. Những nhà tư sản và quý tộc cầm đầu đảng chủ trương ngày lao động 10 giờ cũng phản động không kém gì những người công nhân này. Tất cả bọn họ đều là những kẻ bảo thủ đa

cảm, phần lớn là những nhà tư tưởng - mơ mộng sống bằng những hồi tưởng về lối bóc lột được che đậy kiểu gia trưởng đã bị thủ tiêu, cái lối bóc lột có kèm theo sự mộ đạo, sự quyến luyến với bếp núc gia đình, sự đức độ và tính thiển cận, cùng những trật tự bất di bất dịch được kế thừa theo truyền thống. Những con người nhỏ hẹp đó cảm thấy chóng mặt khi mới chỉ nhìn thấy cuộc cách mạng công nghiệp sục sôi. Tâm hồn tiểu tư sản của họ phẫn nộ trước những lực lượng sản xuất mới thình lình lồn vọt lên như có phép màu, những lực lượng mà trong vòng ít năm đã quét sạch khỏi mặt đất những giai cấp của xã hội cũ từng được coi là đáng kính nhất, bất khả xâm phạm nhất, quan trọng nhất, và thay thế chúng bằng những giai cấp mới, trước đây là vô danh tiểu tốt - những giai cấp mà lợi ích, tình cảm và toàn bộ lối sống, nếp nghĩ đều kịch liệt mâu thuẫn với những thể chế của xã hội Anh cũ. Những nhà tư tưởng tốt bụng đó không bỏ lỡ cơ hội đứng trên quan điểm đạo đức, tính nhân đạo và lòng thương cảm để chống lại sự tàn bạo ác liệt và sự thẳng tay của quá trình cải tạo xã hội đó, họ đem đối lập lại quá trình đó bằng cách đề cao trạng thái ngừng trệ, hạnh phúc thanh bình và tập quán tốt đẹp của chế độ gia trưởng đang bị tiêu vong, thành lý tưởng xã hội.

Trong những thời kỳ vấn đề ngày lao động 10 giờ được dư luận xã hội chú ý, những phần tử ấy lôi cuốn tất cả những phe phái trong xã hội bị cuộc cách mạng công nghiệp đụng chạm đến lợi ích và đe dọa đến sự sống còn. Những chủ ngân hàng, những kẻ đầu cơ chứng khoán, những chủ tàu thủy và nhà buôn, tầng lớp quý tộc ruộng đất, những địa chủ lớn ở Tây Ấn, giai cấp tiểu tư sản - trong những thời kỳ ấy tất cả bọn họ ngày càng tập hợp lại dưới sự lãnh đạo của những kẻ tuyên truyền vận động cho ngày lao động 10 giờ.

Đạo luật ngày lao động 10 giờ đã tạo ra cho những giai cấp và phe phái phản động có miếng đất rất tốt để liên minh với giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản công nghiệp. Trong khi hạn

chế khá nhiều việc tăng nhanh của cải, tăng nhanh ảnh hưởng và quyền lực về xã hội và chính trị của phe chủ xưởng thì bản dự luật chỉ đem lại cho công nhân một khoản lợi về vật chất, thậm chí hầu như chỉ về mặt thể lực mà thôi. Nó bảo vệ cho sức khoẻ của họ không bị tàn phá quá nhanh. Nhưng nó không đem lại cho họ cái gì lẽ ra có thể làm cho họ trở nên nguy hiểm đối với những đồng minh phản động của họ: nó không đem lại chính quyền cho họ và cũng không làm thay đổi địa vị xã hội của họ là công nhân làm thuê. Trái lại, cuộc vận động cho ngày lao động 10 giờ luôn luôn kìm hãm công nhân dưới ảnh hưởng và một phần thậm chí dưới sự lãnh đạo của những đồng minh của họ thuộc các giai cấp giàu có, sự lãnh đạo mà từ hồi có đạo luật cải cách và xuất hiện cuộc vận động Hiến chương, công nhân ngày càng cố tìm cách thoát ra khỏi. Hoàn toàn là lẽ tự nhiên khi trong cuộc đấu tranh trực tiếp chỉ chống lại giai cấp tư bản công nghiệp, đặc biệt là trong thời kỳ đầu của cách mạng công nghiệp, công nhân lại liên minh với tầng lớp quý tộc và những bộ phận khác trong giai cấp tư sản không trực tiếp bóc lột họ, những kẻ cũng đấu tranh chống lại giai cấp tư sản công nghiệp. Nhưng sự liên minh đó đã làm méo mó tính chất của phong trào công nhân vì nó đưa vào phong trào một tạp chất hết sức phản động mà chỉ giờ đây mới dần dần mất đi; sự liên minh đó củng cố mạnh mẽ vị trí của những phần tử phản động trong phong trào công nhân, tức là những công nhân mà ngành sản xuất của họ vẫn còn nằm trong giai đoạn công trường thủ công và vì vậy bị chính sự tiến bộ công nghiệp đe dọa, như các thợ dệt thủ công chẳng hạn.

Vì vậy, thật là may mắn cho công nhân: vào thời kỳ rối ren năm 1847, khi mà tất cả các đảng phái cũ trong nghị viện đã bị giải tán, còn các đảng phái mới thì chưa hình thành, thì rốt cuộc, đạo luật ngày lao động 10 giờ đã được phê chuẩn. Đạo luật được phê chuẩn sau một loạt những lần biểu quyết lộn xộn và hình như có được kết quả là nhờ một sự tình cờ; trong những cuộc biểu quyết ấy không hề có một đảng phái nào biểu quyết một

cách thống nhất và triệt để trừ một bên là bọn chủ xưởng kiên quyết chủ trương mậu dịch tự do với một bên là bọn địa chủ ráo riết chủ trương thuế quan bảo hộ. Nó được phê chuẩn như một âm mưu thâm độc mà tầng lớp quý tộc, một bộ phận phái Pin và một bộ phận đẳng cấp tiến đã lén lút thi hành đối với bọn chủ nhà máy để trả thù về thắng lợi to lớn mà bọn này giành được do việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc.

Đạo luật ngày lao động 10 giờ chẳng những đã thỏa mãn nhu cầu về thể lực tối thiểu của công nhân, phần nào bảo vệ sức khoẻ của họ khỏi bị bọn chủ xưởng bóc lột điên cuồng, mà còn giải thoát công nhân khỏi phe cánh của bọn người mơ mộng đa cảm, khỏi cái khối đoàn kết với tất cả những giai cấp phản động nước Anh. Những lời ba hoa gia trưởng của một Ô-xtơ-lơ nào đó, những lời lẽ đồng tình cảm động của một huân tước Ê-sli nào đó không còn ai buồn nghe nữa kể từ khi đạo luật ngày lao động 10 giờ không còn là nội dung chính trong những áng văn chương đó. Chỉ giờ đây, phong trào công nhân mới hoàn toàn tập trung vào việc giai cấp tư sản phải giành lấy chính quyền, lấy đó làm phương tiện hàng đầu để cải tạo toàn bộ xã hội hiện tại. Mà trong vấn đề này thì tầng lớp quý tộc và những cánh phản động trong giai cấp tư sản, những bạn đồng minh mới rồi của công nhân, lại là những kẻ thù không đội trời chung với họ và là những đồng minh của giai cấp tư sản công nghiệp.

Nhờ cách mạng công nghiệp, nền công nghiệp mà nhờ nó nước Anh đã chiếm được và giữ được thị trường thế giới dưới ách của mình, đã trở thành ngành sản xuất quyết định đối với nước Anh. Sự phồn vinh của nước Anh hoàn toàn phụ thuộc vào sự phát triển mạnh mẽ hay suy sụp của nền công nghiệp của nó, nước Anh tiến lên hay tụt xuống cùng với sự lên xuống của nền công nghiệp. Do ảnh hưởng quyết định của nền công nghiệp mà các nhà tư sản công nghiệp, các chủ xưởng, đã trở thành giai cấp quyết định trong xã hội nước Anh; cũng do ảnh hưởng đó mà sự thống trị về chính trị của các nhà công nghiệp, sự thủ tiêu tất

cả các thể chế xã hội và chính trị cản trở đại công nghiệp phát triển, đã trở nên tất yếu. Giai cấp tư sản công nghiệp bắt tay vào việc. Kể từ năm 1830 trở lại đây, lịch sử nước Anh là lịch sử những thắng lợi mà giai cấp tư sản ấy đã liên tiếp giành được với việc chiến thắng những địch thủ phản động của nó cấu kết với nhau.

Trong khi ở Pháp cuộc cách mạng tháng Bảy đã đưa tầng lớp quý tộc tài chính lên nắm quyền thống trị, thì ở Anh, đạo luật cải cách nghị viện được phê chuẩn sau đó ít lâu, vào năm 1832, chính lại làm cho tầng lớp quý tộc tài chính sụp đổ. Ngân hàng, các chủ nợ cho nhà nước vay và những kẻ đầu cơ chứng khoán, tóm lại là những kẻ buôn tiền mà tầng lớp quý tộc mắc nợ rất nhiều, từ trước đến nay hầu như tuyệt đối thống trị nước Anh dưới cái vỏ loè loẹt của độc quyền bầu cử. Đại công nghiệp và nền thương mại thế giới càng phát triển lên thì quyền thống trị của chúng càng làm cho người ta khó chịu, mặc dù chúng cũng có một vài nhượng bộ. Khối liên minh giữa tất cả những bộ phận còn lại trong giai cấp tư sản với giai cấp vô sản Anh và nông dân Ai-rơ-len đã lật nhào giai cấp tư sản tài chính. Nhân dân đang rục rịch làm cách mạng, giai cấp tư sản vứt trả lại ngân hàng những ngân phiếu của nó và đẩy nó tới miệng hố phá sản. Tầng lớp quý tộc tài chính đã kịp thời nhượng bộ; sự nhượng bộ đó đã tránh cho nước Anh khỏi một cuộc cách mạng tháng Hai.

Đạo luật cải cách đã đem lại cho mọi giai cấp có của trong nước, cho tới tận người chủ quán nhỏ nhất, quyền được tham gia vào chính quyền. Tất cả mọi bộ phận của giai cấp tư sản nhờ vậy mà có được cơ sở pháp lý để để đạt nguyện vọng và thực hiện quyền lực của mình. Chính những cuộc đấu tranh đã diễn ra tại Pháp, trong thời kỳ nền cộng hòa, sau thắng lợi tháng Sáu 1848, giữa một số bộ phận trong giai cấp tư sản nhằm chống lẫn nhau, - đã diễn ra ở nước Anh kể từ khi có đạo luật cải cách trong nghị viện. Dĩ nhiên là trong những điều kiện hoàn toàn khác nhau thì kết quả ở hai nước cũng hoàn toàn khác nhau.

Nếu như giai cấp tư sản công nghiệp đã nhờ đạo luật cải cách mà chiếm được vũ đài cho mình để đấu tranh nghị trường thì tất là nó phải giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bằng cách hạn chế các chức vị béo bở[152], nó thanh trừ được bọn tay chân quý tộc của các nhà tài chính, bằng đạo luật về người nghèo năm 1833[153], nó thủ tiêu được những người bần cùng, bằng việc giảm suất thuế và thi hành thuế thu nhập, nó đã thủ tiêu quyền miễn thuế của các nhà tài chính và địa chủ. Các nhà công nghiệp càng giành được nhiều thắng lợi thì họ càng có nhiều tay chân. Giới thương mại lớn và nhỏ bắt đầu nộp cống cho chúng. Luân Đôn và Li-vớc-pun cúi rạp mình trước tự do thương mại, vị chúa cứu thế của các nhà công nghiệp. Nhưng những thắng lợi của họ càng tăng lên thì những nhu cầu và tham vọng của họ cũng tăng lên theo.

Nền đại công nghiệp hiện đại chỉ có thể tồn tại với điều kiện không ngừng mở rộng, không ngừng chiếm đoạt những thị trường mới. Nó bắt buộc phải làm như thế vì những khả năng vô tận của sản xuất hàng loạt, vì kỹ thuật không ngừng phát triển và hoàn thiện thêm lên và do đó thường xuyên chèn ép tư bản và sức lao động. Ở đây, mọi sự ngừng trệ đều là bước đầu của sự phá sản. Nhưng việc mở rộng công nghiệp là do việc mở rộng thị trường quy định. Mà ở trình độ phát triển hiện đại của nó, nền công nghiệp lại tăng thêm lực lượng sản xuất của nó nhanh hơn rất nhiều so với khả năng mở rộng các thị trường của nó, cho nên lại xuất hiện những cuộc khủng hoảng định kỳ, trong thời gian những cuộc khủng hoảng ấy, do quá thừa tư liệu sản xuất và sản phẩm, việc lưu thông trong cơ cấu kinh tế đột nhiên dừng lại, công nghiệp và thương nghiệp hầu như hoàn toàn đình đốn cho nên khi sản phẩm thừa được tiêu thoát theo những con kênh mới. Nước Anh là cái lò của những cuộc khủng hoảng đó mà ảnh hưởng làm tê liệt của nó không từ một hang cùng ngõ hẻm nào của thị trường thế giới và làm cho một bộ phận đáng kể trong giai cấp tư sản công nghiệp và thương nghiệp bị phá sản ở khắp nơi. Tuy nhiên, những cuộc khủng hoảng như vậy làm cho tất cả

chịu đựng nổi đối với họ, những kẻ hơn bao giờ hết cần có độc lập hoàn toàn và cần có khả năng huy động không hạn chế mọi tiềm lực của công nghiệp. Cái gì sẽ đến với các nhà công nghiệp trong cuộc khủng hoảng tới đây, nếu như họ không được phép dốc hết sức lực khai thác cái thời kỳ phồn vinh ngắn ngủi? Cần phải xóa bỏ đạo luật ngày lao động 10 giờ. Nếu chưa đủ sức để xóa bỏ nó ở nghị viện thì phải tìm cách né tránh nó.

Đạo luật ngày lao động 10 giờ hạn chế thời gian làm việc của thiếu niên dưới 18 tuổi và nữ công nhân là 10 giờ một ngày. Vì rằng phụ nữ, thiếu niên và trẻ em chiếm phần lớn trong số người làm việc tại các công xưởng, nên kết quả tất yếu là các công xưởng nói chung chỉ có thể làm việc 10 giờ một ngày. Nhưng trong thời kỳ hưng thịnh các chủ xưởng có nhu cầu tăng số giờ lao động, thì họ vẫn cứ tìm được lối thoát. Như trước đây điều này đã từng xảy ra đối với trẻ em dưới 14 tuổi mà thời gian làm việc còn bị hạn chế nhiều hơn, họ đã thuê một số phụ nữ và thiếu niên thừa để phụ việc và để tạm thay thế. Bằng cách đó họ có thể bắt công xưởng và công nhân lớn tuổi của họ phải làm việc mười ba, mười bốn, mười lăm giờ, mà những người trong diện phải áp dụng đạo luật ngày lao động 10 giờ thì không ai phải làm việc quá mười giờ một ngày. Điều này một phần trái với lời văn và còn sai trái nhiều hơn với toàn bộ tinh thần điều luật và ý đồ của người làm ra luật; các viên thanh tra công xưởng gửi đơn khiếu tố lên tòa án, các quan tòa hòa giải không nhất trí, và giải quyết vấn đề một cách mâu thuẫn nhau. Sự hưng thịnh càng tăng lên thì các nhà công nghiệp càng lớn tiếng phản đối đạo luật ngày lao động 10 giờ và sự can thiệp của các viên thanh tra công xưởng. Bộ trưởng bộ nội vụ, ngài G. Grây, đã ra lệnh cho các viên thanh tra có thái độ khoan nhượng đối với hệ thống ca kíp (relay hay shift system). Nhưng trong số họ có nhiều người vin vào đạo luật để không đếm xỉa gì đến lệnh này. Rốt cuộc, một trường hợp đặc biệt điển hình đã được đưa lên tận Tòa án tài chính và Tòa đã phán xử có lợi cho phe chủ xưởng. Với quyết định đó, đạo luật ngày lao động 10 giờ trên thực tế đã bị

xóa bỏ và các chủ xưởng lại làm chủ hoàn toàn các công xưởng của họ. Vào thời kỳ khủng hoảng, họ có thể cho làm việc hai, ba hay sáu giờ, còn vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ thì bắt làm từ mười ba đến mười lăm giờ, và viên thanh tra công xưởng không còn được quyền can thiệp vào việc này nữa.

Nếu như đạo luật ngày lao động 10 giờ chủ yếu là được bọn phản động bảo vệ và nếu như nó chỉ do toàn các giai cấp phản động thông qua nghị viện mà được thi hành, thì giờ đây chúng ta thấy rằng, với cách thức được thi hành như thế, nó là một biện pháp mang tính chất hoàn toàn phản động. Toàn bộ sự phát triển của xã hội nước Anh gắn liền với sự phát triển của sự tiến bộ của công nghiệp. Tất cả mọi thể chế cản trở sự phát triển đó, muốn khống chế hoặc điều tiết sự phát triển đó bằng những biện pháp nằm bên ngoài nó, và bắt nó phải phục tùng mình - thì đều là phản động, đều không vững vàng và sẽ bị sự phát triển đó loại trừ. Lực lượng cách mạng, đã từng quật ngã toàn bộ cái xã hội gia trưởng của nước Anh cũ, tầng lớp quý tộc và tư sản tài chính một cách dễ dàng như vậy, tất nhiên, sẽ không chịu để cho người ta cố nhét vào cho vừa trong cái đạo luật ngày lao động 10 giờ đâu. Mọi cố gắng của huân tước Ê-sli và các bạn bè của ông ta đã dùng lời giải thích chân thực nhằm phục hồi cái đạo luật đã mất hiệu lực đó, sẽ không có kết quả hoặc giỏi lắm thì sẽ chỉ thu được kết quả chốc lát bề ngoài mà thôi.

Mặc dù vậy, đạo luật ngày lao động 10 giờ vẫn là cần thiết đối với công nhân. Đối với họ nó là một nhu cầu về thể chất. Không có đạo luật ngày lao động 10 giờ thì toàn bộ thế hệ công nhân trẻ nước Anh sẽ bị chết về mặt thể chất. Nhưng có sự khác nhau rất xa giữa đạo luật ngày làm việc 10 giờ mà hiện nay công nhân đang đòi hỏi với cái đạo luật mà Xát-lơ, Ô-xtơ-lơ và Ê-sli tuyên truyền vận động và được khối liên minh phản động phê chuẩn năm 1847. Từ việc đạo luật đó chết yểu, từ việc nó bị thủ tiêu quá dễ dàng - chỉ cần một bản án đơn giản của tòa án, thậm chí chẳng cần tới văn bản của nghị viện, cũng đủ để phế bỏ nó, - từ sự phản ứng gần đây của các đồng minh phản động trước

đó của mình, công nhân đã nhận rõ rằng liên minh với bọn phản động thì phải trả giá như thế nào. Họ hiểu được việc thi hành những biện pháp nhỏ nhặt riêng lẻ, chống lại giai cấp tư sản công nghiệp có thể đem lại cho họ những lợi ích gì. Họ biết được rằng lúc này giai cấp tư sản công nghiệp vẫn còn là giai cấp duy nhất hiện nay có đủ sức đứng đầu phong trào, và chống lại nó trong việc thực hiện sứ mệnh tiến bộ ấy là vô ích. Đấy là lý do giải thích tại sao những người công nhân, dù họ mang mối hận thù trực tiếp và không phút nào nguôi đối với các nhà công nghiệp, giờ đây lại có xu hướng ủng hộ bọn chúng trong cuộc vận động đòi thi hành đầy đủ quyền tự do buôn bán, đòi cải cách tài chính và mở rộng quyền bầu cử, hơn là để cho người ta dùng sự lừa phỉnh từ thiện lôi kéo vào dưới lá cờ của bọn phản động liên kết với nhau. Họ cảm thấy rằng thời điểm của họ sẽ chỉ tới vào lúc vai trò của các nhà công nghiệp kết thúc, và vì vậy bản năng đúng đắn mách bảo họ đẩy nhanh quá trình phát triển tất yếu đem lại quyền thống trị cho các nhà công nghiệp và do đó cũng chuẩn bị cho sự sụp đổ của chúng. Nhưng không phải vì thế mà công nhân quên rằng khi thúc đẩy việc thiết lập quyền thống trị của các nhà công nghiệp tức là thúc đẩy việc thiết lập quyền lực của kẻ thù xương máu nhất, trực tiếp nhất của họ, và họ chỉ có thể giải phóng được bản thân mình bằng cách lật đổ các nhà công nghiệp, giành lấy chính quyền về tay mình. Việc xóa bỏ đạo luật ngày lao động 10 giờ đã lần nữa chứng minh một cách tuyệt diệu nhất cho họ thấy điều này. Việc phục hồi hiệu lực đạo luật này giờ đây chỉ có thể có ý nghĩa khi quyền phổ thông đầu phiếu đã được ban hành rộng rãi; mà quyền phổ thông đầu phiếu ở nước Anh với hai phần ba số dân là vô sản công nghiệp thì có nghĩa là quyền thống trị chính trị đặc biệt của giai cấp công nhân cùng tất cả những biến đổi cách mạng về trật tự xã hội đi liền với quyền thống trị đó. Vì vậy, đạo luật ngày lao động 10 giờ mà hiện nay công nhân đang đòi hỏi hoàn toàn khác với cái đạo luật mà Tòa án tài chính vừa mới xóa bỏ. Đây không còn là một mưu toan riêng lẻ nhằm làm tê liệt sự phát triển công nghiệp, mà đây là một khâu của cả một chuỗi dài các biện pháp nhằm cải tạo hoàn toàn chế độ xã hội hiện thời và dần dần thủ tiêu các mâu

thuẫn giai cấp vẫn tồn tại từ trước tới nay; đây không phải là một biện pháp phản động, mà là một biện pháp cách mạng.

Việc bãi bỏ trên thực tế đạo luật ngày lao động 10 giờ, - lúc đầu là do những hành động tự tiện của bản thân các chủ xưởng, còn sau đó là thông qua Tòa án tài chính, - trước hết đã góp phần rút ngắn thời kỳ phồn vinh và đẩy nhanh khủng hoảng mau tới. Nhưng việc đẩy nhanh những cuộc khủng hoảng đồng thời cũng đẩy nhanh tiến trình phát triển xã hội Anh và xúc tiến việc thực hiện mục tiêu gần nhất của quá trình phát triển đó: giai cấp vô sản công nghiệp lật đổ giai cấp tư sản công nghiệp. Những phương tiện mà các nhà công nghiệp nắm được để mở rộng thị trường và để thủ tiêu các cuộc khủng hoảng thì rất hạn chế. Việc cắt giảm các khoản chi mà nhà nước mà Cốp-đen nêu ra hoặc chỉ là chuyện ba hoa quen thói của phái cấp tiến, hoặc cũng gần giống như một cuộc cách mạng thực sự, dù nó chỉ có tác dụng tạm thời. Còn nếu như nó được thực hiện theo một biện pháp cách mạng rộng rãi nhất - ở mức độ mà các nhà công nghiệp Anh có thể là những nhà cách mạng, - thì làm thế nào để ngăn ngừa cuộc khủng hoảng tiếp theo đó? Rõ ràng là các nhà công nghiệp Anh, mà tư liệu sản xuất của họ có sức mở rộng lớn hơn nhiều so với thị trường tiêu thụ của họ, đang bước nhanh tới gần cái thời điểm mà cả những phương tiện đặc biệt của họ cũng sẽ kiệt quệ, khi mà thời kỳ phồn vinh hiện giờ vẫn còn ngăn cách cuộc khủng hoảng này với những cuộc khủng hoảng tiếp theo sau, sẽ hoàn toàn biến mất dưới sự lớn mạnh của sức sản xuất đã tăng lên quá mức; khi mà những cuộc khủng hoảng sẽ chỉ cách nhau bởi những khoảng thời gian ngắn ngủi của hoạt động công nghiệp yếu ớt, ngái ngủ; khi mà công nghiệp, thương nghiệp và toàn bộ xã hội hiện thời sẽ phải suy vong vì một mặt, sự dư thừa sinh lực không có đất sử dụng và, mặt khác, sự kiệt sức hoàn toàn, nếu như tình trạng không bình thường đó không mang trong mình nó liều thuốc chữa bệnh cho mình và nếu như sự phát triển công nghiệp không đồng thời sản sinh ra cái giai cấp duy nhất có thể đảm nhận sự lãnh đạo xã hội: giai cấp vô sản. Cách mạng vô sản khi đó sẽ không thể tránh khỏi, và thắng lợi của nó sẽ hoàn toàn chắc chắn.

Tiến trình đúng đắn, bình thường của các sự kiện, đúng như nó tất yếu phải diễn ra do toàn bộ tình hình xã hội nước Anh hiện thời là như vậy đấy. Tiến trình bình thường này có thể được rút ngắn tới chừng nào nhờ những xung đột trên lục địa và những bước ngoặt cách mạng ở nước Anh, điều đó, tương lai gần đây sẽ cho thấy rõ.

Còn đạo luật ngày lao động 10 giờ thì sao?

Từ thời điểm mà thậm chí biên giới của thị trường thế giới cũng trở nên quá chật hẹp, không đủ để phát huy đầy đủ mọi tiềm lực của nền công nghiệp hiện đại, khi mà công nghiệp cần có cách mạng xã hội để các lực lượng của nó lại có thể có được đầy đủ phạm vi hoạt động, - từ thời điểm đó, việc hạn chế thời gian làm việc không còn là phản động nữa, không còn là điều kìm hãm sự phát triển công nghiệp nữa. Ngược lại, sự hạn chế đó được xác định bởi chính tự bản thân nó. Kết quả đầu tiên của cách mạng vô sản ở Anh sẽ là việc tập trung nền đại công nghiệp vào tay nhà nước, tức là vào tay giai cấp vô sản thống trị, và nhờ tập trung công nghiệp mà sẽ thủ tiêu tất cả các quan hệ gắn liền với cạnh tranh, những quan hệ hiện nay đang dẫn đến xung đột giữa việc điều tiết thời gian làm việc với sự tiến bộ của công nghiệp. Và, như vậy, giải pháp duy nhất của vấn đề ngày lao động 10 giờ cũng như tất cả mọi vấn đề này sinh ra trên mâu thuẫn giữa tư bản và lao động làm thuê, là *cách mạng vô sản*.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Ba 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, 1850
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

LỜI KÊU GỌI CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG GỬI ĐẾN LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN[155]
THÁNG BA 1850

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG - GỬI LIÊN ĐOÀN

Thưa các bạn!

Trong vòng hai năm cách mạng, 1848-1849, Liên đoàn những người cộng sản đã vượt qua được thử thách gấp đôi: thứ nhất, bởi lẽ rằng ở khắp mọi nơi các hội viên của Liên đoàn đều tích cực tham gia phong trào, rằng cả trên báo chí, cả trên chiến lũy, cả trên chiến trường họ đều đứng ở vị trí hàng đầu trong hàng ngũ những chiến sĩ cách mạng triệt để duy nhất của giai cấp vô sản. Liên đoàn đã vượt qua được một thử thách nữa: quan điểm của Liên đoàn về phong trào, như chúng được trình bày trong các bản thông tri của các kỳ đại hội và của Ban chấp hành trung ương năm 1847 và trong "Tuyên ngôn cộng sản", đã tỏ ra là quan điểm duy nhất đúng đắn; những dự kiến đề xuất ra trong những văn kiện ấy đã hoàn toàn được xác nhận, và cách nhìn nhận tình hình xã hội hiện thời mà trước đây Liên đoàn chỉ bí mật tuyên

truyền thì giờ đây ai ai cũng nói tới và được công khai tuyên truyền tại các quảng trường. Cũng chính trong thời gian này tổ chức vững mạnh trước đây của Liên đoàn đã bị suy yếu đi nhiều. Phần lớn các hội viên từng trực tiếp tham gia phong trào cách mạng nghĩ rằng thời kỳ của các hội bí mật đã qua rồi và chỉ cần hoạt động công khai cũng đủ. Lẻ tẻ có những khu bộ và chi bộ bắt đầu bỏ lửng liên hệ với Ban chấp hành trung ương và dần dần cắt đứt hẳn việc liên hệ. Như vậy, trong khi đảng dân chủ, đảng của giai cấp tiểu tư sản, ngày càng được tổ chức ở Đức thì đảng công nhân đã bị mất chỗ dựa vững mạnh duy nhất của nó, còn được duy trì về mặt tổ chức quá lắm là ở các địa phương lẻ tẻ để nhằm các mục đích địa phương, và vì thế mà trong phong trào chung đã hoàn toàn bị các nhà dân chủ tiểu tư sản thống trị và lãnh đạo. Cần chấm dứt ngay tình hình trên: tính độc lập của công nhân phải được khôi phục. Ban chấp hành trung ương đã thấy được sự cần thiết đó và vì vậy mà từ mùa đông năm 1848-1849 đã cử phái viên I-ô-dép Môn về Đức để tổ chức lại Liên đoàn. Sứ mệnh của Môn, tuy nhiên, không gây được ảnh hưởng bền vững, một phần vì công nhân Đức khi đó chưa có kinh nghiệm đầy đủ, một phần cũng do sứ mệnh đó bị cuộc khởi nghĩa tháng Năm năm ngoái cắt ngang. Bản thân Môn đã trực tiếp cầm vũ khí, xung vào đội quân Ba-đen-Pphan-xơ và ngày 29 tháng Sáu[1*] đã hy sinh trong trận đánh ở Muốc. Đồng chí Môn mất đi, Liên đoàn mất một trong những hội viên lão thành nhất, tích cực nhất và đáng tin cậy nhất của mình, người đã từng tham dự tất cả các kỳ đại hội, tham gia Ban chấp hành trung ương và trước đây đã từng hoàn thành xuất sắc hàng loạt chuyến đi công tác với những nhiệm vụ nhất định. Sau thất bại của các đảng phái cách mạng ở Đức và Pháp, vào tháng Bảy 1849, hầu hết tất cả uỷ viên Ban chấp hành trung ương đã lại tập họp ở Luân Đôn và, sau khi bổ sung vào thành phần của mình những lực lượng cách mạng mới, với một nghị lực mới đã bắt tay vào việc tổ chức lại Liên đoàn.

Việt tổ chức lại Liên đoàn chỉ có thể được thực hiện thông

1* Lần xuất bản năm 1885 in nhầm là 19 tháng Bảy.

qua một phái viên, và Ban chấp hành trung ương cho rằng để phái viên lên đường chính vào lúc này là hết sức quan trọng, vì bây giờ là lúc sắp nổ ra một cuộc cách mạng mới, do vậy, là lúc đảng công nhân phải hành động sao cho thật có tổ chức, thật thống nhất, thật độc lập, nếu như nó không muốn, như năm 1848, lại bị giai cấp tư sản lợi dụng và phải bám đuôi nó mà lê đi.

Thưa các bạn, ngay từ năm 1848 chúng tôi đã nói với các bạn rằng bọn tư sản theo phái tự do ở Đức sẽ nhanh chóng lên cầm quyền và ngay sau đó sẽ dùng cái chính quyền mà chúng vừa giành được quay lại chống công nhân. Các bạn đã thấy điều đó trở thành sự thực như thế nào. Quả thật, sau phong trào tháng Ba năm 1848, chính bọn tư sản đã lập tức đoạt lấy chính quyền nhà nước và liền đó đã sử dụng chính quyền ấy để bắt công nhân, những bạn đồng minh của chúng trong cuộc đấu tranh, quay về với địa vị bị trị trước đây của họ. Nếu như giai cấp tư sản, không liên minh với đảng phong kiến đã bị thủ tiêu hồi tháng Ba, thậm chí trước sau không chịu nhượng quyền thống trị trở lại cho cái đảng chuyên chế phong kiến đó, mà không thể đạt được điều ấy thì nó vẫn cứ giành được cho nó những điều kiện đảm bảo chuyển dần dần quyền thống trị vào tay nó - do chỗ chính phủ gặp nhiều khó khăn về tài chính, - và sẽ đảm bảo cho những lợi ích của nó trong trường hợp phong trào cách mạng ngay từ giờ đã đi theo hướng gọi là phát triển hòa bình. Để đảm bảo quyền thống trị của mình, giai cấp tư sản thậm chí sẽ chẳng phải cần tới những biện pháp bạo lực - những cái rất có thể sẽ làm cho nhân dân căm thù nó, vì rằng tất cả những biện pháp bạo lực đó thì bọn phản cách mạng phong kiến đã sử dụng rồi. Nhưng sự phát triển sẽ không đi theo con đường hòa bình đó. Trái lại, cách mạng - cái sẽ đẩy nhanh sự phát triển đó - đã tới gần rồi, dù nó sẽ do cuộc khởi nghĩa độc lập của giai cấp vô sản Pháp hay do cuộc xâm lăng của Liên minh thần thánh vào Ba-bi-lon cách mạng, gây ra cũng vậy.

Và cái vai trò mà năm 1848 bọn tư sản tự do Đức nắm giữ

đối với nhân dân, trong cuộc cách mạng tới đây, cái vai trò phản bội nhường ấy sẽ do những người tiểu tư sản dân chủ đảm nhận, những người này giờ đây trong phe đối lập đang chiếm đúng cái vị trí mà bọn tư sản tự do đã chiếm lĩnh hồi trước năm 1848. Đảng này, đảng dân chủ, - đối với công nhân còn nguy hiểm hơn nhiều so với phái tự do trước đây, gồm ba loại phần tử:

I. Những bộ phận tiến bộ nhất trong giai cấp đại tư sản, đặt cho mình mục tiêu lật đổ ngay và toàn bộ chế độ phong kiến và chế độ chuyên chế. Bộ phận này do những kẻ thỏa hiệp ở Béc-lin trước đây đại diện, là những kẻ từng cự tuyệt không nộp thuế.

II. Những người tiểu tư sản dân chủ - lập hiến mà mục tiêu chính của họ trong phong trào trước đây là thành lập một nhà nước liên bang ít nhiều mang tính chất dân chủ theo kiểu mà những đại diện của họ, cánh tả trong Quốc hội Phran-phuốc, rồi sau đấy ít lâu là Nghị viện Stút-gát và bản thân họ trong phong trào đòi hiến pháp đế chế, đã từng đạt được.

III. Những người tiểu tư sản cộng hòa mà lý tưởng của họ là một nền cộng hòa liên bang Đức kiểu như ở Thụy Sĩ và là những người giờ đây tự nhận mình là "người đỏ" và "những nhà dân chủ xã hội", bởi vì họ ấp ủ ý định tốt đẹp là thủ tiêu ách áp bức của tư bản lớn đối với tư bản nhỏ, của nhà tư sản lớn đối với nhà tư sản nhỏ. Đại diện của bộ phận này là những ủy viên các đại hội và các ủy ban dân chủ, các nhà lãnh đạo của các liên minh dân chủ, các chủ bút các báo dân chủ.

Giờ đây, sau khi bị thất bại, tất cả những bộ phận này tự nhận mình là "những người cộng hòa" hay "người đỏ", y hệt như những người tiểu tư sản cộng hòa ở Pháp giờ đây tự gọi mình là những người xã hội chủ nghĩa. Ở những nơi mà họ, như ở Vuyếc-tem-béc, Ba-vi-e, v.v., còn tìm được khả năng theo đuổi những mục tiêu của họ bằng con đường lập hiến, thì họ nắm lấy cơ hội để bảo vệ những luận điệu cũ của mình và bằng việc làm, họ chứng minh rằng họ tuyệt nhiên không hề thay đổi. Tất nhiên

cũng dễ hiểu là việc thay đổi tên gọi của đảng này tuyệt nhiên không làm thay đổi thái độ của nó đối với công nhân; nó chỉ chứng minh rằng giờ đây đảng này buộc phải chống lại giai cấp tư sản liên hiệp với chế độ chuyên chế và phải dựa vào giai cấp vô sản.

Đảng dân chủ tiểu tư sản ở Đức rất mạnh. Nó chẳng những bao gồm phần lớn tiểu thị dân thành thị, tầng lớp công thương nghiệp nhỏ và các thợ thủ công, mà đi theo nó còn có nông dân và giai cấp vô sản nông nghiệp, chừng nào giai cấp vô sản nông nghiệp còn chưa tìm thấy chỗ dựa ở giai cấp vô sản độc lập tại các thành thị.

Quan hệ của đảng công nhân cách mạng với phái dân chủ tiểu tư sản là như sau: đảng công nhân đi cùng với nó để chống lại cái bộ phận mà đảng công nhân mưu đồ lật đổ; đảng công nhân chống lại phái dân chủ tiểu tư sản trong mọi trường hợp khi phái này muốn củng cố địa vị của nó nhằm những lợi ích riêng cho nó.

Hoàn toàn không có ý đồ tiến hành cách mạng để cải biến toàn bộ xã hội vì lợi ích của những người vô sản cách mạng, phái dân chủ tiểu tư sản mưu đồ một sự thay đổi các trật tự xã hội, để làm cho cái xã hội hiện hành trở nên thật dễ chịu và tiện lợi hơn đối với họ. Bởi vậy, họ đòi trước hết phải giảm bớt những khoản chi của nhà nước bằng cách hạn chế giới hạn lại và phân bổ lại các thứ thuế chính đáng vào các địa chủ lớn và các nhà tư sản. Tiếp đó, họ đòi thủ tiêu áp lực của tư bản lớn đối với tư bản nhỏ bằng cách đòi đặt ra các cơ quan tín dụng quốc gia và các đạo luật chống tệ cho vay nặng lãi, nhờ vậy mà họ và nông dân sẽ có khả năng vay tiền không phải của bọn tư bản, mà của nhà nước, hơn nữa lại với điều kiện ưu đãi; rồi họ đòi thiết lập những quan hệ tư hữu tư sản ở nông thôn bằng cách thủ tiêu hoàn toàn chế độ phong kiến. Để thực hiện được tất cả những điều đó, họ cần có một cơ cấu nhà nước dân chủ, bất luận là lập hiến hay cộng hòa, cơ cấu này sẽ làm cho họ và bạn đồng minh

của họ là nông dân - chiếm được đa số, và quyền tự trị địa phương dân chủ sẽ chuyển vào tay họ việc trực tiếp kiểm soát quyền tư hữu ở thôn xã và hàng loạt chức năng hiện nay vẫn do bọn quan lại đảm nhận.

Tiếp nữa, theo ý kiến họ, cần phải chống lại quyền thống trị và nhịp độ tăng nhanh chóng của tư bản, một phần bằng cách hạn chế quyền thừa kế tài sản, một phần bằng cách chuyển giao cố gắng thật nhiều công việc vào tay nhà nước. Còn đối với công nhân, thì trước hết hiển nhiên họ vẫn phải là những công nhân làm thuê như cũ, nhưng ở đây, phái dân chủ tiểu tư sản muốn công nhân có được tiền công khá hơn, và đời sống được bảo đảm hơn; họ hy vọng đạt được điều này một phần bằng cách phía nhà nước sẽ tạo cho công việc làm, một phần bằng các biện pháp từ thiện, - tóm lại, họ hy vọng mua chuộc công nhân bằng những của bố thí được ít nhiều che đậy và bẻ gãy sức mạnh cách mạng của họ bằng cách tạm thời cải thiện tình cảnh của họ. Không phải tất cả mọi bộ phận trong phe dân chủ tiểu tư sản đều bảo vệ những yêu sách dẫn ra ở đây, và chỉ có ít người trong số các nhà dân chủ tiểu tư sản coi những yêu sách đó - trong mối tổng hòa của chúng - là mục tiêu mà họ phải giành được. Những nhân vật hay những bộ phận cá biệt trong phe dân chủ tiểu tư sản càng đi tiếp thì họ càng biến những yêu sách đó thành những yêu sách của chính họ, còn số ít người coi những yêu sách trình bày ở trên là cương lĩnh của bản thân họ thì sẽ yên trí rằng như thế là họ cũng đã đề ra được những cái lớn nhất cho một cuộc cách mạng. Nhưng đối với đảng của giai cấp vô sản thì những yêu sách như thế không bao giờ được coi là đã đầy đủ. Trong khi phái dân chủ tiểu tư sản mong cố nhanh chóng kết thúc cách mạng, trường hợp khả quan nhất là thực hiện được những yêu sách kể trên, thì lợi ích của chúng ta và nhiệm vụ của chúng ta là làm cho cách mạng tiến lên không ngừng cho đến khi những giai cấp ít nhiều là hữu sản bị gạt ra khỏi địa vị thống trị, cho đến khi giai cấp vô sản giành được chính quyền nhà nước, cho đến khi tổ chức liên hiệp những người vô sản không những chỉ

riêng trong một nước, mà cả trong tất cả các nước thống trị trên thế giới sẽ phát triển đến mức là sự cạnh tranh giữa những người vô sản trong những nước ấy sẽ chấm dứt, và chí ít thì những lực lượng sản xuất có tính chất quyết định cũng sẽ được tập trung vào trong tay những người vô sản. Đối với chúng ta, vấn đề không phải là làm thay đổi chế độ tư hữu, mà là thủ tiêu chế độ đó, không phải là xóa nhòa các mâu thuẫn giai cấp mà là thủ tiêu các giai cấp, không phải là hoàn thiện xã hội hiện tồn, mà là xây dựng một xã hội mới. Việc trong thời gian phát triển tới đây của cách mạng, phe dân chủ tiểu tư sản ở Đức sẽ có ảnh hưởng áp đảo trong một thời gian nhất định, là điều chắc chắn. Vì vậy, một câu hỏi được đặt ra là thái độ của giai cấp vô sản và của riêng Liên đoàn đối với nó sẽ như thế nào:

1. khi những quan hệ hiện nay vẫn tiếp tục tồn tại mà trong đó phái dân chủ tiểu tư sản cũng ở địa vị bị trị;

2. trong cuộc đấu tranh cách mạng tới đây sẽ đem lại cho họ ưu thế về lực lượng;

3. sau khi cuộc đấu tranh này kết thúc, trong thời kỳ họ sẽ có ưu thế về lực lượng so với những giai cấp đã bị lật đổ và với giai cấp vô sản.

1. Hiện nay, khi phái dân chủ tiểu tư sản bị áp bức đè nén ở mọi nơi, thì nói chung, họ vận động giai cấp vô sản đoàn kết thống nhất và hòa giải, họ bắt tay giai cấp vô sản và tìm cách xây dựng một đảng đối lập rộng lớn, bao gồm tất cả mọi sắc thái trong đảng dân chủ, tức là họ cố gắng để lôi kéo công nhân vào một tổ chức đảng mà trong đó thịnh hành những luận điệu dân chủ - xã hội chung chung để che đậy những lợi ích riêng của họ, và những yêu cầu riêng của giai cấp vô sản không được đặt ra để mưu cầu một nền hòa bình hằng trông đợi. Sự kết liên như vậy tất nhiên sẽ có hại cho giai cấp vô sản và có lợi chủ yếu cho bọn họ. Giai cấp vô sản sẽ hoàn toàn bị mất lập trường tự chủ mà nó đã phải vất vả mới giành được, và sẽ lại tụt xuống thành kẻ phụ thuộc vào phái dân chủ tư sản chính thống. Như vậy, có

nghĩa là phải hết sức cương quyết từ chối sự liên minh như vậy. Để khỏi một lần nữa bị tụt xuống vai trò của đội hợp ca vỗ tay hoan nghênh các nhà dân chủ tư sản, thì công nhân và trước hết là Liên đoàn phải cố gắng để thành lập bên cạnh phái dân chủ chính thống, một tổ chức đảng công nhân bí mật và công khai độc lập và biến mỗi chi bộ của mình thành trung tâm và hạt nhân của các hội liên hiệp công nhân, trong đó, lập trường và lợi ích của giai cấp vô sản có thể được đưa ra thảo luận độc lập với những ảnh hưởng tư sản. Việc các nhà dân chủ ở Brê-xláp, trên tờ "Neue Oder - Zeitung", cơ quan ngôn luận của họ, đã điên cuồng lấn át những công nhân có tổ chức độc lập mà bọn họ gọi là những người xã hội chủ nghĩa, - việc đó cho ta thấy rõ các nhà dân chủ tư sản có thái độ thiếu nghiêm chỉnh đến mức nào đối với việc liên minh với những người vô sản, trong đó những người vô sản có ngang sức, ngang quyền với họ đi nữa. Trong trường hợp một cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, không cần có sự liên minh đặc biệt nào hết. Khi cần phải đấu tranh trực diện chống lại một kẻ thù như vậy, lợi ích của hai đảng tạm thời thống nhất với nhau, và như trước nay vẫn thường xảy ra, cả trong tương lai cũng sẽ tự phát sinh sự liên minh có tính chất tạm thời như vậy. Rất dễ hiểu là trong những cuộc xung đột dẫm máu tới đây, cũng như trong tất cả những lần xung đột trước đây, chủ yếu vẫn là công nhân sẽ phải giành đoạt lấy thắng lợi bằng lòng dũng cảm của họ, bằng tinh thần kiên quyết và tinh thần sẵn sàng hy sinh của họ. Cũng như trước đây, trong cuộc đấu tranh này, cái khối tiểu tư sản sẽ cố lần khần thật lâu và giữ thái độ lừng chừng và thụ động để rồi sau đó, khi đã giành được thắng lợi, sẽ lợi dụng nó cho bản thân mình, kêu gọi công nhân hãy an tâm và trở về với công việc lao động của mình, phòng ngừa những cái gọi là hành động quá khích và làm cho giai cấp vô sản mất không những thành quả thắng lợi. Công nhân không có quyền cản trở các nhà dân chủ tiểu tư sản trong việc này, nhưng công nhân có quyền ngăn trở các nhà dân chủ tiểu tư sản chơi trội với giai cấp vô sản vũ trang và đặt ra cho bọn

họ những điều kiện sao cho quyền thống trị của các nhà dân chủ tư sản ngay từ đầu sẽ mang trong lòng nó mầm mống của sự diệt vong và quyền thống trị của giai cấp vô sản thế chân nó sau đấy sẽ được thực hiện dễ dàng hơn nhiều. Trong thời gian xảy ra xung đột và ngay sau khi cuộc chiến đấu đã kết thúc, công nhân trước hết phải ra sức chống lại những mưu đồ của giai cấp tư sản nhằm gieo rắc tư tưởng cầu an và buộc các nhà dân chủ phải thực hiện những luận điệu khủng bố hiện giờ của họ. Họ cần hành động sao cho khí thế sục sôi cách mạng không lại bị dập tắt ngay sau khi thắng lợi. Trái lại, cần hết sức giữ vững khí thế đó. Công nhân chẳng những không được phản đối những cái gọi là hành động quá khích, phản đối những trường hợp nhân dân trả thù những kẻ có nợ máu hay những công thự chỉ mang độc những kỷ niệm căm thù, họ chẳng những phải chịu đựng những hành động ấy mà còn phải nhận lấy trách nhiệm lao động chúng. Trong và sau cuộc đấu tranh, công nhân phải tận dụng mọi cơ hội để đề xuất những yêu cầu của riêng mình, bên cạnh những yêu cầu của phe dân chủ tư sản. Họ cần đòi hỏi những đảm bảo cho công nhân, ngay khi phe dân chủ tư sản chuẩn bị giành chính quyền về tay mình. Nếu cần, họ phải dùng sức mạnh để giành lấy những đảm bảo ấy và nói chung phải làm thế nào để các nhà cầm quyền mới phải cam kết với mọi nhượng bộ và hứa hẹn có thể có; đó là cách tốt nhất để hạ uy tín chúng. Nói chung, họ phải nhất thiết và hết sức tránh say sưa với thắng lợi và hân hoan với tình hình mới xuất hiện sau bất kỳ một cuộc đấu tranh đường phố thắng lợi nào, trái lại với tất cả những điều đó họ phải biểu hiện bằng thái độ thờ ơ, lạnh nhạt trước các sự biến và thái độ không tín nhiệm ra mặt đối với chính phủ mới. Bên cạnh những chính phủ chính thực mới, ngay giờ đây họ cần lập ra những chính phủ công nhân cách mạng của riêng mình, dù là dưới hình thức các cơ quan tự quản địa phương, các hội đồng thị chính, dù là thông qua các câu lạc bộ công nhân hay các ủy ban công nhân, sao cho các chính phủ dân chủ - tư sản chẳng những bị mất ngay chỗ dựa trong công nhân, mà còn sẽ

thấy mình ngay từ đầu đã ở dưới sự giám sát và đe dọa của các nhà chức trách mà sau lưng họ là một khối đông đảo công nhân. Tóm lại, ngay từ phút giây thắng lợi đầu tiên, cần hướng thái độ bất tín nhiệm không phải vào phe phản động đã bị thất bại, mà vào những đồng minh trước đây của mình, chống lại cái đảng muốn chiếm đoạt thắng lợi chung cho riêng bản thân mình.

2. Nhưng để chống lại cái đảng mà sẽ phản bội họ ngay từ giờ phút thắng lợi đầu tiên đó một cách quyết liệt và dữ dội, công nhân cần được vũ trang và tổ chức lại. Việc vũ trang cho toàn thể giai cấp vô sản bằng súng trường, súng các-bin, pháo và đạn dược phải được tiến hành ngay; phải chống lại việc tái lập đội dân binh cũ nhằm chống lại công nhân. Còn ở những nơi không thể thực hiện được việc này, thì công nhân cần cố tự tổ chức lại dưới hình thức đội cận vệ vô sản độc lập, với những cán bộ chỉ huy và bộ tổng tham mưu riêng do chính công nhân bầu ra và chịu lệnh điều động không phải của chính quyền nhà nước, mà là của những hội đồng công xã cách mạng do công nhân lập ra. Ở những nơi công nhân làm việc tại các xí nghiệp nhà nước, nhất thiết họ cần được vũ trang và tổ chức lại thành đơn vị riêng với những cán bộ chỉ huy do chính họ bầu ra, hay như dưới hình thức một đội cận vệ vô sản. Bất kể đối với lý do nào họ cũng không được nộp vũ khí và đạn dược; trong trường hợp cần thiết phải dùng vũ trang để giáng trả mọi mưu đồ tước khí giới. Phải xóa bỏ ảnh hưởng của các nhà dân chủ tư sản trong công nhân, xây dựng ngay một tổ chức độc lập và có vũ trang của công nhân và tạo ra những điều kiện thật khó khăn và làm hạ uy tín đối với quyền thống trị tất yếu tạm thời của phe dân chủ tư sản, - đấy là điều chủ chốt mà giai cấp vô sản, mà cùng với nó là cả Liên đoàn phải lưu ý trong và sau cuộc khởi nghĩa tới đây.

3. Ngay khi các chính phủ mới vừa được củng cố đến một mức nhất định thì chúng lập tức bắt đầu cuộc đấu tranh chống lại công nhân. Để có thể chống lại những phái dân chủ tiểu tư sản, với tính cách là một lực lượng, trước hết, công nhân phải được

tổ chức lại một cách độc lập và được tập trung thông qua các câu lạc bộ của mình. Sau khi lật đổ những chính phủ hiện hành, Ban chấp hành trung ương sẽ chuyển ngay về Đức, ngay khi có điều kiện, sẽ lập tức triệu tập đại hội và đưa đại hội xét duyệt những đề nghị cần thiết về việc tập trung các câu lạc bộ công nhân vào dưới sự lãnh đạo của một cơ quan đặt tại trung tâm chính của phong trào. Việc nhanh chóng tổ chức ít ra là các hội câu lạc bộ công nhân ở các tỉnh là một trong những biện pháp quan trọng nhất để tăng cường và phát triển đảng công nhân. Hậu quả gần nhất của việc lật đổ các chính phủ hiện hành sẽ là việc bầu cử quốc hội có tính chất dân cử. Ở đây giai cấp vô sản sẽ phải quan tâm tới:

I. Sao cho không có một số công nhân nào đó bị loại ra khỏi những cuộc bầu cử do những chuyện gây phiền nhiễu của các nhà chức trách địa phương hay của các uỷ viên chính phủ.

II. Sao cho ở khắp mọi nơi, bên cạnh các ứng cử viên dân chủ - tư sản đều có những ứng cử viên công nhân, cố gắng chọn trong số các hội viên của Liên đoàn, và sao cho mọi phương diện đều được đem sử dụng vào việc bầu cho họ. Thậm chí cả ở những nơi không có chút hy vọng họ sẽ trúng cử, công nhân cũng phải đưa ra những ứng cử viên của riêng mình để bảo vệ tính độc lập của mình, kiểm điểm lực lượng của mình và công khai tuyên bố lập trường cách mạng và quan điểm của đảng mình. Ở đây công nhân không được để bị lừa phỉnh bởi những luận điệu của các nhà dân chủ, vì như vậy sẽ gây ra chia rẽ trong đảng dân chủ và tạo cơ hội cho bọn phản động giành thắng lợi. Tất cả những luận điệu này, cuối cùng, chỉ nhằm lừa bịp giai cấp vô sản mà thôi. Những thành tích mà đảng vô sản phải đạt được bằng hoạt động độc lập như vậy, còn quan trọng hơn nhiều so với điều tai hại do việc mấy tên phản động có mặt ở quốc hội đại biểu có thể gây nên. Nếu như ngay từ đầu, phe dân chủ hành động triệt để và có tính chất áp đảo chống lại bọn phản động thì ảnh hưởng của bọn này tại các cuộc bầu cử đã bị xóa bỏ từ trước.

Vấn đề đầu tiên gây ra xung đột giữa các nhà dân chủ tư sản và công nhân sẽ là việc xóa bỏ chế độ phong kiến. Cũng giống như trong cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, những người tiểu tư sản sẽ giao cấp ruộng đất phong kiến cho nông dân dưới hình thức quyền sở hữu tự do, tức là muốn duy trì giai cấp vô sản nông nghiệp và tạo ra giai cấp nông dân tiểu tư sản là giai cấp sẽ phải đi theo cũng cái vòng luẩn quẩn của bần cùng và nợ nần ngày một chồng chất mà giờ đây người nông dân Pháp còn đang mắc phải.

Vì lợi ích của giai cấp vô sản nông nghiệp và lợi ích của chính bản thân mình, công nhân phải chống lại âm mưu này. Họ phải đòi giữ lại ruộng đất phong kiến đã bị tịch thu làm tài sản nhà nước và biến chúng thành các lãnh địa công nhân do giai cấp vô sản nông nghiệp được tổ chức thành hiệp hội canh tác, bằng cách sử dụng tất cả những ưu thế của nền nông nghiệp lớn. Chính qua việc này mà trong tình hình các quan hệ sở hữu tư sản đang bị lung lay, nguyên tắc sở hữu công cộng sẽ tức khắc bước lên chỗ đứng vững vàng. Giống như các nhà dân chủ liên hiệp với nông dân, công nhân phải liên hiệp với giai cấp vô sản nông nghiệp[156]. Tiếp nữa, các nhà dân chủ hoặc sẽ cố gắng thiết lập thẳng một nhà nước cộng hòa liên bang, hoặc, nếu như họ không thể tránh được một nhà nước cộng hòa thống nhất và không phân chia, ít ra họ sẽ tìm cách làm tê liệt chính phủ trung ương, bằng cách giành lấy cho các công xã[1*] và các tỉnh quyền tự chủ và độc lập thật rộng rãi. Chống lại âm mưu này, công nhân chẳng những phải đấu tranh cho một nước cộng hòa Đức thống nhất và không phân chia, mà trong nước cộng hòa này còn phải đấu tranh để giành lấy sự tập trung triệt để nhất sức mạnh vào tay chính quyền nhà nước. Họ không được để bị đánh lừa bởi những lời nói suông của các nhà dân chủ về quyền tự do của các công xã, về quyền tự trị, v.v.. Ở một nước như nước Đức, nơi còn phải

1* Thuật ngữ *công xã* (gemeinde) ở đây được dùng với nghĩa rộng, áp dụng cho các hội đồng thị chính và các công xã nông thôn.

xóa bỏ rất nhiều tàn tích thời trung cổ, nơi cần phá bỏ tác phong tự quyền tỉnh lẻ và địa phương nặng nề đến như vậy, thì bất luận trong hoàn cảnh nào cũng không thể dung túng việc mỗi làng, mỗi thành phố, mỗi tỉnh lại đặt ra một trở ngại mới cho hoạt động cách mạng, là hoạt động chỉ có triển khai từ trung tâm mới có thể phát huy hết sức mạnh của nó. Không được để phục hồi tình trạng hiện nay, mà trong đó muốn tiến được cùng một bước như nhau, người Đức phải đấu tranh riêng ở từng thành phố và ở từng tỉnh. Cũng hoàn toàn không thể để cho quyền sở hữu thuộc phạm vi công xã, - một hình thức sở hữu còn đứng sau sở hữu tư nhân hiện đại và, khi phân hóa, ở mọi nơi tất yếu chuyển thành sở hữu tư nhân, - dựa vào cái gọi là nền tự trị địa phương tự do mà sẽ tồn tại mãi mãi, và cùng với nó là những sự tranh chấp nảy sinh từ quyền sở hữu thuộc phạm vi công xã đó giữa các công xã nghèo và giàu sẽ có cơ tồn tại mãi mãi, cũng giống như bên cạnh quyền công dân trong một nước lại còn có quyền công dân công xã với những thủ đoạn thâm độc của nó nhằm chống lại công nhân. Cũng như ở Pháp năm 1793, thì giờ đây ở Đức, việc thực hiện tập trung hóa một cách nghiêm ngặt nhất là nhiệm vụ của một đảng thực sự cách mạng[1)]

Chúng ta đã thấy là trong phong trào tới đây các nhà dân chủ sẽ lên nắm quyền thống trị bằng cách nào và họ sẽ buộc phải đưa ra những biện pháp ít nhiều có tính chất xã hội chủ nghĩa ra sao. Một vấn đề đặt ra là công nhân sẽ phải đề ra những biện pháp gì đây để đối phó với tình hình đó? Tất nhiên, trong giai đoạn đầu của phong trào, công nhân không thể đề ra những biện pháp thuần túy mang tính chất cộng sản chủ nghĩa. Nhưng họ có thể:

1. Buộc các nhà dân chủ phải can thiệp vào thật nhiều lĩnh vực trong chế độ xã hội hiện hành, cản trở tiến trình bình thường

1) Ngày nay tôi thấy rằng chỗ này dựa trên một sự ngộ nhận. Lúc bấy giờ, nhờ các nhà xuyên tạc lịch sử thuộc phái Bô-na-pác-tơ và phái tự do, - người ta coi như đã xác định được rằng

của nó, bôi xấu của chính bản thân mình, và đồng thời tập trung vào tay nhà nước thật nhiều lực lượng sản xuất, phương tiện giao thông vận tải, công xưởng, đường sắt v.v..

2. Họ phải đẩy những đề nghị của nhà dân chủ, - những người, tất nhiên, sẽ hành động không phải có tính chất cách mạng, mà chỉ có tính chất cải lương thôi, - tới giới hạn cực đoan; họ phải biến những yêu cầu đó thành những trận công kích trực diện vào chế độ tư hữu. Chẳng hạn, nếu như các nhà tiểu tư sản đề nghị chuộc lại đường sắt và công xưởng, thì công nhân phải yêu cầu nhà nước tịch thu thẳng cánh những đường sắt và công xưởng ấy - coi như là tài sản của bọn phản động - mà không cần bồi thường gì cả. Nếu các nhà dân chủ đòi thuế tỷ lệ, thì công nhân phải đòi thi hành thuế lũy tiến; nếu tự các nhà dân chủ đòi thuế lũy tiến - ôn hòa, thì công nhân phải kiên quyết đòi thứ thuế có định suất tăng nhanh đến mức thủ tiêu sạch tư bản lớn; nếu như các nhà dân chủ đề nghị điều chỉnh các món nợ nhà nước, thì công nhân phải đòi tuyên bố nhà nước vỡ nợ. Do đó, ở mọi nơi, những yêu sách của công nhân sẽ phải thích ứng với những nhượng bộ và những biện pháp của các nhà dân chủ.

---

cuộc cách mạng vĩ đại đã vận dụng bộ máy quản lý tập quyền Pháp và rằng Hội nghị Quốc ước đã sử dụng nó như một vũ khí tất yếu và có ý nghĩa quyết định để chiến thắng bọn phản động thuộc phái bảo hoàng và phái liên bang cũng như kẻ thù bên ngoài. Nhưng giờ đây, có một sự kiện mà mọi người đều biết là toàn bộ việc quản lý các tỉnh, huyện và xã trong suốt thời kỳ cách mạng, tận cho tới ngày 18 tháng Sương mù, là do các nhà chức trách, - do chính những người bị quần lý bầu ra, - đảm đương và được hoàn toàn tự do trong khuôn khổ các đạo luật chung cho cả nước; rằng nền tự quản tỉnh và địa phương đó, tương tự như ở Mỹ, chính lại trở thành chiếc đòn bẩy mạnh nhất của cách mạng, đến nỗi là ngay sau vụ đảo chính ngày 18 tháng Sương mù, Na-pô-lê-ông đã vội vã thay nền tự quản đó bằng sự cai quản của hệ thống quận trưởng còn được duy trì tới nay và như vậy, hệ thống này ngay từ đầu đã là một công cụ thuần túy của phe phản động. Nhưng chế độ tự quản tỉnh và địa phương ít mâu thuẫn chừng nào với việc tập trung hóa về mặt chính trị và dân tộc, thì nó cũng không nhất thiết chừng nấy phải có liên quan đến chủ nghĩa vị kỷ bang tổng hay công xã hẹp hòi, chủ nghĩa đó hiện ra trước mắt chúng ta một cách đáng ghét ở Thụy Sĩ và được các nhà cộng hòa liên bang ở miền Nam nước Đức lăm le đưa vào nước Đức năm 1849. [*Chú thích của Ăng-ghen viết cho lần xuất bản năm 1885*].

Nếu như công nhân Đức chưa thể giành được quyền thống trị và thực hiện được những lợi ích giai cấp của họ, khi còn chưa đi trọn con đường phát triển cách mạng lâu dài hơn, thì ít ra, lần này, họ cũng có được niềm tin là màn đầu của cuộc cách mạng đang tới gần đó sẽ trùng khớp với thắng lợi trực tiếp của giai cấp của chính họ ở bên Pháp và nhờ vậy sẽ được đẩy tới rất nhanh.

Nhưng, để giành được thắng lợi cuối cùng, tự họ sẽ phải làm nhiều hơn tất thảy: phải khai sáng cho bản thân mình về những lợi ích của giai cấp mình, phải chiếm lĩnh càng nhanh càng tốt vị trí độc lập của đảng mình và không một phút giây nào để cho phái dân chủ tiểu tư sản dùng những luận điệu bịp bợm đẩy mình đi chệch con đường tổ chức độc lập của đảng của giai cấp vô sản. Khẩu hiệu chiến đấu của họ phải là: "Cách mạng không ngừng".

Luân Đôn, tháng Ba 1850

Được in thành nhiều bản dưới hình thức truyền đơn vào năm 1850

Được Ph.Ăng-ghen công bố trong phần phụ lục của cuốn sách: K.Marx. "Enthüllungen über den Kommunistenprozeß zu Köln", Hottingen - Zürich, năm 1885

In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN RÚT TRONG TỜ "NEUE RHEINISCHE ZEITUNG. POLITISCH - ÖKONOMISCHE REVUE" SỐ 4

TÔ-MÁT CÁC-LAI-LƠ. "NHỮNG BÀI VĂN CHÂM BIẾM HIỆN ĐẠI. SỐ 1, THỜI ĐẠI HIỆN NAY. SỐ 2. NHỮNG NHÀ TÙ KIỂU MẪU". LUÂN ĐÔN, NĂM 1850[1*]

Tô-mát Các-lai-lơ là nhà văn Anh duy nhất chịu ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn của nền văn học Đức. Dù chỉ vì lịch sự thôi, người Đức cũng không thể không chú ý tới những tác phẩm của ông ta.

Với tác phẩm gần đây của Ghi-dô (xem "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", số 2[2*]) chúng tôi có thể tin chắc rằng "những tài năng" của giai cấp tư sản đang mai một đi. Trong hai tập sách mỏng của Các-lai-lơ nằm trước mặt chúng tôi đây, chúng tôi nhìn thấy sự suy sụp của một thiên tài văn học đã vấp phải những cuộc đấu tranh lịch sử đang ngày càng trở nên gay gắt; và để chống trả những cuộc đấu tranh đó, ông ta cố sức bảo

1* "Latter-Day Pamphlets". Edited by Thomas Carlyle. № 1: The Present Time. - № 2: Model Prisons", London, 1950.
2* Xem tập này, tr. 290-297

vệ lấy những linh cảm tiên tri, do bản năng đẻ ra và không được ai thừa nhận của ông ta.

Tô-mát Các-lai-lơ đã có công lên tiếng trong văn học chống lại giai cấp tư sản vào lúc những quan niệm, những thị hiếu và những tư tưởng của giai cấp này đã hoàn toàn khuất phục được toàn bộ nền văn học chính thống của Anh; và cuộc đấu tranh của ông thậm chí đôi khi mang tính chất cách mạng. Đấy là chúng tôi muốn nói tới những phần ông viết về lịch sử cách mạng Pháp, những đoạn ông ngợi ca Crôm-oen, tập sách mỏng về phong trào Hiến chương, quyển "Quá khứ và hiện tại"[157]. Nhưng trong tất cả những tác phẩm đó, việc phê phán thời đại hiện nay gắn chặt với việc tán dương thời trung cổ một cách phản lịch sử lạ lùng, điều mà tuy nhiên ta thường thấy cả ở các nhà cách mạng Anh, chẳng hạn như ở Cốp-bét, và ở một bộ phận trong phái Hiến chương. Trong khi quá khứ ít ra đã làm cho ông ta khoái trá với những thời đại cổ điển trong một giai đoạn phát triển xã hội nhất định, thì hiện tại làm ông ta tuyệt vọng, còn tương lai làm ông ta ghê sợ. Ở những chỗ ông thừa nhận cách mạng và thậm chí còn đề cao nó, ở đó cách mạng đối với ông được tập trung vào một cá nhân nào đấy, vào một Crôm-oen hay Đăng-tông chẳng hạn. Đối với ông ta, họ là đối tượng của chính tư tưởng sùng bái các anh hùng mà ông truyền bá trong "những bài giảng về anh hùng và sùng bái anh hùng"[158], coi đó như một phương sách duy nhất để thoát khỏi cái hiện tại đầy rẫy bấp bênh, như một thứ tôn giáo mới.

Tư tưởng Các-lai-lơ làm sao thì văn phong của ông ta làm vậy. Ông ta phản ứng trực diện, quyết liệt chống lại các văn phong Anh tư sản - hiện đại của tên đạo đức giả Pếch-xníp[159], mà cái tính cách khoa trương của hắn, cái thói lắm lời, rào trước đón sau và cái điệu bộ buồn rầu, đa cảm - dạy đời, tuyệt vọng của hắn đã lan truyền từ những người đầu tiên sáng tác ra văn phong này, những người Luân Đôn có học, sang toàn bộ nền văn học Anh. Đối lập với nền văn học này, Các-lai-lơ xem tiếng Anh như

một thứ vật liệu hoàn toàn chưa được chế biến mà ông cần phải tôi luyện lại một cách cơ bản. Ông lại tìm kiếm những thành ngữ và từ cổ và đặt ra những cách diễn đạt mới theo mẫu mực tiếng Đức, đặc biệt là theo mẫu mực của Giăng Pôn. Văn phong mới thường là bay bướm và vô vị, nhưng cũng nhiều khi tuyệt vời và bao giờ cũng độc đáo. Và về phương diện này thì "Những bài văn châm biếm hiện đại" đã bộc lộ một bước lùi đáng kể.

Tuy nhiên, có điều đặc biệt là trong số tất cả các đại diện của nền văn học Đức, người có ảnh hưởng nhiều nhất đối với Các-lai-lơ lại không phải là Hê-ghen, mà là người chủ hiệu thuốc viết văn Giăng Pôn.

Sự sùng bái thiên tài mà Các-lai-lơ chia sẻ với Stơ-rau-xơ, trong các tập sách mỏng đang được xem xét đã bị thiên tài bỏ rơi. Còn trơ lại chỉ có sự sùng bái mà thôi.

"Thời đại ngày nay" bắt đầu bằng lời tuyên bố rằng hiện tại là con đẻ của quá khứ và mẹ đẻ của tương lai, nhưng, bất kể thế nào, cũng là *một kỷ nguyên mới*.

Hiện tượng đầu tiên của kỷ nguyên mới này là một đức giáo hoàng, đồng thời là *nhà cải cách*. Với cuốn kinh thánh trong tay, Pi IX muốn từ trên đài cao của Va-ti-căng truyền xuống cho những người theo đạo Cơ Đốc cái "*đạo luật của chân lý*".

"Hơn ba trăm năm về trước, chiếc ngai của thành Pôn nhận được một bản án cấm kháng án, một mệnh lệnh chính thức đã được ghi vào sổ thiên tào và từ ngày ấy có thể đọc được trong trái tim tất cả mọi người lương thiện, - lệnh cút xéo, biệt tích và không được đem bản thân mình, những ảo tưởng của mình và những lời nhảm nhí vô đạo để lừa phỉnh chúng ta; và từ ngày ấy chiếc ngai đó vẫn liều mạng tiếp tục tồn tại và sẽ phải trả giá đầy đủ cho từng ngày tồn tại này của nó. Đạo luật của chân lý chăng? Nhưng để hành động cho phù hợp với đạo luật của chân lý này thì các giáo hoàng lẽ ra phải từ bỏ cảnh sống vàng son thối tha của mình, một sự lăng nhục Thượng đế và con người, lẽ ra phải chết một cách bình dị và để cho người ta chôn cất mình. Điều mà đức giáo hoàng khốn khổ bắt tay vào thực hiện lại khác xa cái đó, mặc dù nhìn chung, xét về bản chất, thì cũng vẫn chỉ là như thế... Giáo hoàng - nhà cải cách chăng? Tuyếc-gô và Nếch-ke - chẳng là cái thớ gì nếu đem so với cái đó. Thượng đế thật vĩ đại, và khi cần phải tiêu diệt sự cám dỗ, thì để làm việc này Người kêu gọi kẻ tín đồ nào dám bắt tay làm việc đó với niềm hy vọng, chứ không phải với tâm trạng

tuyệt vọng" (tr.3).

Với những tuyên ngôn của mình về cải cách, đức giáo hoàng khơi dậy những vấn đề

chứa đựng đầy rẫy những con lốc, những vụ thiêu hủy thế giới, những trận động đất... mà tất cả các nhà hoạt động quốc gia đều mong muốn, và phần lớn đều hy vọng hoãn được đến ngày phán xét cuối cùng. Nhưng ngày phán xét cuối cùng đã tới rồi, đấy, chân lý đáng sợ là ở chỗ ấy" (tr.4).

Đạo luật của chân lý đã được công bố. Người Xi-xin

"là dân tộc đầu tiên quyết định vận dụng vào thực tiễn cái nguyên tắc mới đã được đức cha thần thánh phê chuẩn đó: theo đạo luật của chân lý thì chúng ta không thuộc vào Na-plơ và những tên quan lại Na-plơ đó. Ơn nhờ lượng bao dung của Thượng đế và giáo hoàng, chúng ta muốn được thoát khỏi bọn họ".

Điều đó đã giải thích cho cuộc cách mạng ở Xi-xin.

Nhân dân Pháp, những người tự coi mình là "một loại dân tộc - cứu tinh", là "chiến sĩ được chọn lọc của tự do", sợ rằng biết đâu bọn người Xi-xin thảm hại, đáng khinh ấy lại chẳng tranh cướp mất của họ cái ngành công nghiệp (trade) ấy. Thế là nổ ra cuộc cách mạng tháng Hai.

"Trên khắp châu Âu, như do ảnh hưởng của một luồng điện cảm ứng ngầm dưới đất, đã xảy ra một vụ nổ khủng lổ, không tài nào kiểm soát nổi, và chúng ta thấy năm 1848, một trong những năm quái gở nhất, tai hại nhất, khác thường nhất, và nhìn chung là nhục nhã nhất mà thế giới châu Âu đã từng trải qua... Khắp nơi các ông vua và những nhân vật cầm quyền dường như chết lặng vì nỗi khiếp sợ bất ngờ, khi bên tai họ ầm vang tiếng thét của cả thế giới: Hãy cút đi, bọn người, những kẻ dẫn độn, những tên đạo đức giả, những thằng hề, chứ không phải những vị anh hùng! Hãy cút đi, cút đi! Và điều lạ lùng hơn cả, và điều xảy ra lần đầu tiên vào năm này là tất cả các ông vua đã vội vã đi ra, dường như thốt lên: Vâng, chúng tôi *đúng* là những thằng hề đáng thương; các vị cần những người anh hùng ư? Xin đừng giết chúng tôi, chúng tôi có thể làm được gì? - Không một ai trong số họ quay đầu nhìn lại và kiên trì giữ lấy quyền hành đế vương của mình như một thứ quyền mà họ có thể chết hoặc hy sinh mạng sống vì nó. Cái đặc điểm đáng lo ngại của thời đại, tôi xin nhắc lại, là ở chỗ đó. Nền dân chủ trong những điều kiện mới đó làm cho tất cả các ông vua *nhận thức* được rằng họ chẳng qua chỉ là những vai hề. Hoảng sợ trước cảnh tù đày hay một cái gì đó còn tệ hơn, họ bỏ chạy thục mạng - một số trong bọn họ có thể nói là thảo chạy với một sự nhục nhã hết sức. Và nhân dân, hay dân đen, khắp nơi nơi dựng lên chính quyền của riêng mình, và khắp nơi giờ đây cái được đặt vào chương trình nghị sự là tình trạng không vua (kinglessness) công khai - cái mà ta gọi là *tình trạng vô chính phủ*, hãy còn là tốt nếu như tình trạng vô chính phủ cộng với cảnh sát. Đó là những sự kiện lịch sử diễn ra trong những ngày tháng Ba 1848 từ biển Ban-tích đến Địa Trung

Hải, ở I-ta-li-a, Pháp, Phổ, Áo, từ đầu nọ đến đầu kia châu Âu. Và, thế là ở châu Âu không còn lấy một ông vua nào, không còn lấy một ông vua nào ngoài tên "harangueur"[1*] công khai diễn thuyết trên nóc thùng rượu, trong các bài xã luận hay khi hội họp với những kẻ giống như mình ở quốc hội. Và hầu như trong vòng bốn tháng, toàn bộ nước Pháp, - và với mức độ nhất định là toàn bộ châu Âu dường như đang bị một loạn cơn sốt nóng giày vò - là một biển dân đen cuộn sóng, đứng đầu là ngài La-mác-tin ở tòa thị chính Pa-ri. Chừng nào ông ta còn đứng vững, cái ngài La-mác-tin đáng thương ấy mà trong người chẳng có cái gì hết ngoài một làn gió du dương, tính ủy mị và nhu nhược, - thì đó còn là một cảnh tượng đáng buồn đối với những con người có suy nghĩ. Đúng thật, một cảnh tượng đau buồn: sự hiện thân cuối cùng, hùng hồn nhất của "tình trạng hỗn mang" được phục hồi, có khả năng bênh vực cho mình và dùng những câu văn ngọt ngào để chứng minh một cách thuyết phục rằng dường như nó là "vũ trụ"! Nhưng trong những trường hợp tương tự, các anh chẳng phải chờ đợi lâu đâu: do sức ép của tình thế, tất cả các quả bóng hơi đều phải xì ra cái hơi làm chúng căng phồng và liền đó chúng rúm ró lại trông rất kinh tởm" (tr.6-8).

Vậy thì ai đã thổi bùng ngọn lửa của cuộc cách mạng rộng khắp này mà, đương nhiên, vật liệu của cách mạng đã sẵn có rồi?

"Những sinh viên, những nhà hoạt động văn học trẻ tuổi, những luật sư, những người làm báo, những người nhiệt tình hăng hái non nớt và desperados[2*] man rợ, bị thất bại một cách đích đáng. Kể cho tôi nay chưa bao giờ người trẻ tuổi, gần như con nít, lại đứng ra chỉ huy những vận mệnh con người ở mức độ như vậy. Thời thế đã đổi thay kể từ khi những từ senior, seigneur hay "trưởng" được đặt ra lần đầu tiên để nói tới một ông lớn hay một thủ trưởng, như ta thấy trong ngôn ngữ tất cả mọi dân tộc!... Nếu để ý một chút, các anh sẽ thấy người ta đã thôi không kính trọng người già nữa mà bắt đầu coi khinh, dường như ông già vẫn còn là một thanh niên ngốc nghếch, nhưng là một thanh niên thiếu vẻ duyên dáng, tính cao thượng và nhiệt tình xốc nổi của con người trẻ trung. Đương nhiên, cái tình trạng man rợ này tự bản thân nó sắp tới đây sẽ được giải quyết, như người ta đã có thể quan sát thấy ở mọi nơi; những nhu cầu thông thường của đời sống hằng ngày không thể chịu đựng tình trạng đó và sẽ phải thỏa mãn những nhu cầu đó, dù với giá nào đi nữa. Có lẽ là, ở nhiều nước, sắp tới đây người ta sẽ tu sửa gì đó chiếc máy cũ mà người ta sẽ làm cho nó có hình thù mới và nước sơn mới; những ông vua sân khấu cũ sẽ lại được người ta đưa lên cầm quyền với những điều kiện nhất định: công nhận hiến pháp và các nghị viện các nước và các thứ trang trí hợp thời trang tương tự như vậy, và ở khắp nơi, cuộc sống cũ thường ngày sẽ cố gắng bắt đầu lại như cũ. Nhưng lần này không có hy vọng những sự dàn xếp như vậy sẽ được bền lâu. Cái xã hội châu Âu bị ném hết bên này qua bên nọ một cách tai hại như vậy, sẽ phải loạng choạng đi lên, dường như bị chao đảo bởi

1* "diễn giả"

2* - những con người tuyệt vọng, xung đột với ngành tư pháp

những xoáy nước sục sôi, sâu thẳm và của những dòng tái lưu xô đẩy lẫn nhau, một xã hội bị mất nền tảng vững chắc, lúc bất lực vấp ngã, lúc lại vất vả gượng dừng dậy trong những khoảng thời gian ngày càng ngắn hơn, chừng nào mà, sau hết, còn chưa hiện ra *cái nền tảng* mới *lởm chởm đá* và chưa biến mất cái dòng thác sục sôi của nổi loạn và của sự tất yếu nổi loạn" (tr.8-10).

Lịch sử, - ngay cả dưới hình thức này cũng chẳng làm yên lòng thế giới cũ được mấy ti, - là như vậy. Sau đó tiếp đến bài học luân lý của nó:

"Dù chúng ta có nghĩ gì đi nữa về *nền dân chủ rộng rãi*, thì nó vẫn là một sự thật không tránh được của thời đại chúng ta" (tr.10). Dân chủ là cái gì? Nó phải có một ý nghĩa nhất định chứ, bằng không nó đã chẳng tồn tại. Vì vậy toàn bộ vấn đề được quy lại là hãy xác định ý nghĩa thực sự của dân chủ. Nếu làm được việc đó thì chúng ta hẳn sẽ có thể chi phối được nó; còn nếu không thì chúng ta đi đời. Cuộc cách mạng tháng Hai là "sự lừa dảo bị thất bại ở khắp nơi; đó là định nghĩa một cách ngắn gọn về dân chủ" (tr.14). Ngự trị trong thời đại mới là *những bóng ma* và những hình ảnh hư ảo - "shams", "délusions", "phantasms", những cái tên đã mất hết ý nghĩa, thay cho những quan hệ và những sự vật thực, tóm lại, sự lừa đảo thay cho chân lý. Nhiệm vụ của cuộc cải cách - là sự đoạn tuyệt của cá nhân và của xã hội với những hình ảnh huyễn hoặc và những bóng ma đó; không thể phủ nhận việc cần phải chấm dứt mọi sự lòe bịp (sham), mọi sự lừa đảo.

"Tất nhiên, một số nào đó có thể cho điều này là kỳ quặc; và một người Anh đứng đắn nào đó thuộc các giai cấp gọi là có học, một người đang tiêu hóa cái bánh pu-đinh của mình với niềm khoan khoái của một con người khỏe mạnh, có thể cho điều này là hết sức kỳ quặc, là một quan niệm ngu ngốc lố bịch gì đó, hoàn toàn quái gở và chỉ đưa đến chỗ diệt vong. Trong suốt đời y, y đã quen với những phép tắc lịch sự đã từ lâu mất hết ý nghĩa, với những phép tắc xã giao, lễ lạt đã quy định, mang tính chất những lễ nghi trống rỗng - cái mà trong lối văn khôi hài chống sùng bái tượng thánh của các ngài, các ngài gọi là shams; y chưa bao giờ nghe nói là trong những phép tắc ấy lại có cái gì đó không tốt, là có thể đạt được một thành công nào đấy mà lại không cần tới chúng. Lẽ nào cuộn sợi bông lại không tự nó được chế tạo, lẽ nào gia súc lại không tự vỗ béo, lẽ nào những hàng hóa và thực phẩm phụ của thuộc địa lại không được đưa tới đây từ phương Đông và từ phương Tây, và lẽ nào tất cả những cái đó lại không thể chung sống hòa thuận với shams?" (tr.15).

Liệu nền dân chủ có thực hiện cuộc cải cách tất yếu đó, việc giải phóng khỏi shams đó hay không?

"Nền dân chủ, khi nó được tổ chức bằng quyền phổ thông đầu phiếu, liệu sẽ thực hiện được sự chuyển hóa phổ biến lành mạnh từ ảo tưởng sang thực tế, từ giả dối sang chân lý đó hay không, và nó có dẫn dắt tạo ra được một thế giới hạnh phúc hay không?" (tr.17).

Các-lai-lơ phủ nhận điều này. Nói chung ông ta chỉ coi nền dân chủ và quyền phổ thông đầu phiếu là một thứ bệnh dịch đã lan tràn khắp trong mọi dân tộc, do ảnh hưởng của cái quan niệm mê tín ở Anh cho rằng hình thức cầm quyền bằng nghị viện là hoàn toàn đúng đắn. Ông ta cho rằng lãnh đạo nhà nước trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu thì cũng giống như những thủy thủ trên con tàu đi vòng qua mũi Hoóc bị mất phương hướng: lẽ ra phải quan sát hướng gió cùng thời tiết và sử dụng la bàn, họ lại đi lấy biểu quyết để chọn hướng đi và tuyên bố quyết định của đa số là hoàn toàn đúng đắn. Đối với mỗi cá nhân riêng biệt cũng như đối với xã hội, vấn đề quy lại chỉ là tùy theo nhiệm vụ đặt ra cho mỗi lúc mà khám phá ra những máy điều chỉnh thực sự của vũ trụ, những quy luật vĩnh viễn của tự nhiên và hành động cho phù hợp với những cái đó. Chúng ta sẽ đi theo kẻ nào khám phá ra cho chúng ta những quy luật vĩnh viễn đó, "dù đó là vị hoàng đế Nga hay nghị viện theo phái Hiến chương, dù đó là vị đại giáo chủ xứ Kên-tốc-bơ-ri hay vị Đa-lai La-ma". Nhưng làm thế nào mà chúng ta khám phá ra được những điều định trước vĩnh viễn đó của Thượng đế? Dù sao thì quyền phổ thông đầu phiếu giao vào tay mỗi người một phiếu bầu và kiểm kê số phiếu cũng là cách thức tối nhất để làm chuyện này. Vũ trụ có điều hết sức đặc biệt là rất khe khắt, và nó bao giờ cũng chỉ tiết lộ những bí mật của nó cho một số ít người được lựa chọn, cho một thiểu số rất ít ỏi những con người cao thượng và sáng suốt. Bởi vậy chưa bao giờ có một dân tộc nào có thể tồn tại trên cơ sở nền dân chủ. Có lẽ người ta sẽ kể đến những người Hy Lạp và người La Mã chăng? Nhưng giờ đây ai cũng biết rằng Hy Lạp và La Mã hoàn toàn chẳng phải là những nền dân chủ, mà cơ sở của những nhà nước ấy là chế độ nô lệ. Còn về những nền

cộng hòa ở Pháp thì nói đến chúng cũng chỉ bằng thừa. Còn nền cộng hòa kiểu mẫu ở Bắc Mỹ thì sao? Về người Mỹ thì cho đến nay thậm chí không thể nói rằng họ là một dân tộc, một quốc gia. Cư dân Mỹ sống *không có* chính phủ; cai quản ở đây là tình trạng vô chính phủ cộng với cảnh sát. Tình trạng ấy sở dĩ tồn tại được chỉ là nhờ có những vùng đất mênh mông chưa khai phá và nhờ có sự kính nể chiếc dùi cui cảnh sát từ nước Anh đưa sang. Dân số tăng lên thì rồi tất cả chuyện đó cũng sẽ chấm dứt.

"Nước Mỹ đã sản sinh ra được một tâm hồn nhân ái vĩ đại, một tư tưởng vĩ đại, một sự nghiệp cao quý vĩ đại mà ta có thể bái phục hay thành tâm ngưỡng mộ hay chưa?" (tr.25).

Nó chỉ mới làm được một việc là cứ hai mươi năm lại tăng số dân lên gấp đôi - voilà tout[1*].

Như vậy, cả bên này lẫn bên kia bờ Đại Tây Dương, nền dân chủ vĩnh viễn không thực hiện được. Bản thân vũ trụ là một chế độ quân chủ và đẳng cấp. Một quốc gia mà trong đó bổn phận vĩnh viễn, thiêng liêng lãnh đạo và kiểm soát những kẻ dốt nát không được dành cho *người cao quý nhất* cùng đoàn tùy tùng được lựa chọn trong số những con người cao quý, thì không phải là một vương quốc của Thượng đế, không phù hợp với những quy luật vĩnh viễn của tự nhiên.

Giờ đây chúng ta còn được biết thêm điều bí mật, nguồn gốc và tính tất yếu của nền dân chủ hiện đại. Nó chẳng qua chỉ là người cao quý giả (sham-noble) được đề cao lên và được thần thánh hóa nhờ vào truyền thống hay những ảo tưởng mới được bịa ra.

Nhưng ai sẽ là kẻ khám phá ra viên kim cương thực cùng toàn bộ cái khung viền quanh nó được giát bằng những viên đá quý nhỏ hơn, những viên châu báu đầy tình nhân ái? Đương nhiên, không phải quyền phổ thông đầu phiếu, vì chỉ có con người cao quý mới có thể tìm được người cao quý. Và thế là Các-lai-lơ tuyên bố rằng ở nước Anh hãy còn một số những người cao quý và

1*- chỉ có vậy thôi

"Hãy để cho chúng ta được tự do, không ai phụ thuộc vào ai, không cần những mối liên hệ hay ràng buộc gì cả ngoài mối quan hệ trả tiền ngay không tình nghĩa; tiền công thích đáng trả cho việc làm thích đáng, được quy định bằng bản giao kèo tự nguyện và phù hợp với quy luật cung cầu, - đó là, như người ta hình dung, cách giải quyết chân chính tất cả mọi khó khăn và bất công tồn tại giữa người với người. Lẽ nào để chấn chỉnh mối quan hệ qua lại giữa hai người lại không có cách nào khác ngoài việc chấm dứt hẳn những quan hệ ấy?" (tr.29).

Việc thủ tiêu triệt để mọi mối liên hệ, mọi quan hệ giữa con người như thế, đương nhiên, đạt tới đỉnh cao của nó là *tình trạng vô chính phủ*, là cái quy luật không có quy luật, là trạng thái mà trong đó sợi dây ràng buộc các mối liên hệ, tức là chính phủ, hoàn toàn bị đứt tung. Và cả ở anh, cũng như trên lục địa, và thậm chí cả ở "nước Đức đường bệ" nữa, người ta đều cố tiến tới tình trạng đó.

Các-lai-lơ tiếp tục gào thét như vậy trên cả một loạt trang sách, trộn nhào thành một đống hết sức kỳ quặc cả nền cộng hòa đỏ, fraternité[1*], Lu-i Blăng và nhiều thứ khác với free trade[2*], với việc bãi bỏ các loại thuế lúa mì v.v.. (so sánh các tr.45-62). Như vậy, Các-lai-lơ lẫn lộn và đồng nhất việc thủ tiêu những tàn tích của chế độ phong kiến còn được duy trì do truyền thống, việc hạn chế nhà nước ở mức thật cần thiết và ít tốn kém nhất, việc giai cấp tư sản thực hiện triệt để tự do cạnh tranh với việc xóa bỏ chính những quan hệ tư sản đó, với việc thủ tiêu sự đối lập giữa tư bản và lao động làm thuê, với việc giai cấp vô sản lật đổ giai cấp tư sản. Một bước quay trở lại thật là tuyệt diệu với "bóng đêm tuyệt đối", ở đó, tất cả nhà ngói cũng như nhà tranh! Đó chính là cái kiến thức sâu sắc của "nhà thông thái" không biết thậm chí cả đến những điều sơ đẳng nhất về những gì diễn ra quanh mình! Đó chính là cái đầu óc nhạy cảm kỳ lạ, cho rằng thủ tiêu chế độ phong kiến, hay thực hiện cạnh tranh tự do là sẽ chấm dứt được mọi quan hệ giữa con người! Đó chính là sự am hiểu sâu sắc "quy luật vĩnh viễn của tự nhiên",

1*- tình bác ái
2*- tự do buôn bán

hình dung một cách hết sức nghiêm chỉnh rằng nếu như các bậc cha mẹ thôi không đến phòng đăng ký để "gắn bó" với nhau bằng quan hệ hôn nhân nữa thì sẽ không có đứa trẻ nào ra đời nữa!

Sau cái thí dụ đáng nêu gương đó về sự sáng suốt mà rút cục lại chỉ là sự dốt nát thuần túy, Các-lai-lơ còn đưa ra cho chúng ta một bằng chứng về việc lòng cao thượng bay bổng bỗng chốc biến thành sự thấp hèn không cần che đậy, ngay khi nó hạ từ trên chín tầng mây những châm ngôn và thành ngữ của nó xuống cái thế giới của những quan hệ thực tại.

"Ở tất cả các nước châu Âu, đặc biệt là ở Anh, đã hình thành ở một chừng mực nào đấy cái giai cấp các nhà thuyền trưởng và các vị chỉ huy con người mà có thể được coi là mầm mống của giới quý tộc mới, có thực, chứ không phải tưởng tượng - đó là các nhà thuyền trưởng công nghiệp, thật là may mắn, cái giai cấp mà thời đại chúng ta đang cần hơn bất kỳ giai cấp nào khác. Còn mặt khác, tất nhiên không thiếu những con người cần người ta chỉ huy mình: đó là giai cấp đáng thương gồm những con người mà chúng tôi đã mô tả như những con ngựa gầy được giải thoát - những cố nông[1*], những kẻ bị đẩy tới tình cảnh tha phương cầu thực và cảnh sống đói khổ; giai cấp này cũng đã hình thành cả ở tất cả các nước khác và đang tiếp tục phát triển theo cấp số nhân đáng sợ, với một nhịp độ nhanh kinh khủng. Xuất phát từ cơ sở đó, có thể khẳng định không sai lầm rằng vấn đề tổ chức lao động là nhiệm vụ sống còn của toàn thế giới" (tr.42-43).

Sau khi ở bốn mươi trang đầu Các-lai-lơ không ngớt tuôn ra những lời lẽ gay gắt nhất để trút hết nỗi niềm phẫn uất đầy thiện chí của ông ta đối với chủ nghĩa vị kỷ, cạnh tranh tự do, đối với việc thủ tiêu những mối ràng buộc phong kiến giữa con người với nhau, đối với cung và cầu, laisser faire[162], đối với việc sản xuất sợi bông, vấn đề tiền mặt v.v. thì giờ đây, đột nhiên, ta lại thấy những đại diện chủ chốt của tất cả những shams đó, những nhà tư sản công nghiệp, chẳng những trở thành những vị anh hùng và những thiên tài đáng được tôn sùng, mà thậm chí còn làm thành bộ phận đặc biệt thiết yếu trong số những anh hùng đó, rằng núp đằng sau việc Các-lai-lơ công kích các quan hệ và tư tưởng tư sản lại là thái độ tán dương cá nhân các nhà

1*- trong nguyên bản, từ "hodge" là tên gọi khinh miệt để chỉ những cố nông và nông dân nói chung.

tư sản. Tuy nhiên, một việc có vẻ kỳ khôi là Các-lai-lơ đã tìm thấy những viên chỉ huy và những binh lính trong đội quân lao động, tức là đã tìm thấy cách tổ chức lao động nhất định, mà vẫn cứ cho việc tổ chức lao động là một vấn đề lớn còn cần phải được mình giải quyết. Nhưng chớ nên ngộ nhận về vấn đề này! Vấn đề không phải là tổ chức những kẻ đã được đăng ký vào đội quân đó, mà ở chỗ tổ chức những công nhân còn chưa được đăng ký, những công nhân còn chưa có các viên chỉ huy, và nhiệm vụ tổ chức những công nhân này, Các-lai-lơ dành cho mình. Ở cuối tập sách của ông ta, chúng ta thấy ông thình lình đóng vai trò thủ tướng nước Anh in partibus[163], triệu tập ba triệu người ăn xin ở Ai-rơ-len và ở các nơi khác, những kẻ trần trụi định cư hay du cư có khả năng làm việc, tổ chức cuộc hội nghị toàn quốc những người bần cùng nước Anh ở ngoài và ở trong những trại lao động và dọc trước họ một bài diễn văn "hùng hồn", trong đó thoạt tiên ông nhắc lại cho những kẻ trần trụi đó nghe tất cả những điều ông đã thông báo trước đây cho bạn đọc, rồi sau đó nói với cái xã hội được chọn lọc ấy những lời lẽ sau đây:

"Hỡi các người, những kẻ trần trụi và những kẻ vô công rồi nghề, đi lang thang, một số trong các người là những kẻ ngu ngốc, nhiều kẻ trong các người là những tên tội phạm, tất cả các người là những kẻ bất hạnh! Nhìn dáng hình các anh mà lòng tôi kinh ngạc và tuyệt vọng quá đỗi. Các người đã tập họp tại đây ba triệu. Nhiều người trong các người đã lăn xuống cái vực thẳm đi ăn mày thật sự, và, nói ra thì thật kinh khủng, mỗi người rơi xuống đó lại đem cái trọng lượng của mình làm tăng thêm sức nặng cái xích kéo theo những kẻ khác. Treo lửng lơ bên bờ vực đó là không biết bao nhiêu triệu người mà, như người ta nói với tôi, mỗi ngày con số ấy lại tăng thêm một nghìn hai trăm người, và họ lăn xuống, theo nhau lăn xuống, còn cái xích thì ngày càng nặng hơn lên, và cuối cùng ai là kẻ có thể đứng vững được? Biết làm sao với các người đây?... Những kẻ khác hãy còn đứng được thì vật lộn với sự thiếu thốn của bản thân họ - điều này tôi có thể nói cho các người biết; nhưng với sự thiếu nghị lực và quá hảo ăn, với số công việc đã làm chẳng đáng kể là bao và số rượu bia uống quá mức, các người đã chứng minh rằng các người không có năng lực làm được việc ấy. Các người nên biết rằng những người con của tự do có là người thế nào đi nữa thì dù sao các người cũng không thuộc vào loại đó và cũng không thể là những người đó; các người không phải là những kẻ tự do, mà thật sự là những người tù... Xét về bản chất, các người là những tên nô lệ, hay là nếu nói thế này làm các người thích hơn, là những kẻ dầy tớ lang thang du cư, không biết cách tìm cho mình những ông chủ... Từ nay

các người có thể giao thiệp với tôi, nhưng không phải như những người con vinh quang và bất hạnh của tự do, mà như những người tù với ý nghĩa thực sự của từ này, như những người anh em sa sút bất hạnh yêu cầu để tôi chỉ huy họ, mà nếu cần, thì kiểm soát và buộc họ phục tùng tôi nữa. Trên có trời, dưới có đất và trước Thượng đế, đấng sáng tạo ra tất cả chúng ta, tôi xin tuyên bố rằng tôi đau khổ thấy cảnh tồn tại *như vậy* của các người, được duy trì bằng mồ hôi và máu những người anh em của các người, và nếu như chúng ta không thể thay đổi được cảnh này thì thà chết đi còn hơn... hãy ghi tên đăng ký vào những trung đoàn *kỷ nguyên mới* của tôi gồm những người Ai-rơ-len, người Xcốt-len, người Anh, hỡi các người, những kẻ ăn cướp khốn khổ, lang thang, hãy phục tùng, hãy làm lụng, hãy nhẫn nhục, hãy ăn chay, như tất cả chúng ta lẽ ra phải làm... Các người cần có những viên chỉ huy công nghiệp, những thợ cả nhà máy, những viên giám thị, những người cai quản cuộc sống và cái chết của các người, những người công bằng như Ra-đa-man và cũng sắt đá y như thế và các người sẽ tìm được những người đó miễn là các người ghép mình vào khuôn khổ điều lệnh quân sự... Khi đó tôi sẽ nói với mỗi người trong đám các người: đây, công việc dành cho anh; hãy phấn khởi bắt tay vào làm đi, với thái độ chấp hành đúng cảm của người lính và một tinh thần cứng cỏi và hãy tuân theo những biện pháp mà tôi định ra ở đây, - và khi đó các người sẽ dễ dàng nhận được tiền công... Nếu các người tỏ ra ương ngạnh, nếu các người sợ lao động nặng nhọc, nếu các người không tôn trọng các quy định nữa thì tôi sẽ cố khuyên bảo các người, thuyết phục các người; nếu làm như vậy không được thì tôi sẽ dùng roi quất các người, nếu như thế vẫn không xong thì cuối cùng tôi sẽ bắn các người" (tr.46-55).

Như vậy, "*kỷ nguyên mới*" mà trong đó thiên tài đang thống trị thì chủ yếu khác với kỷ nguyên cũ ở chỗ cái roi tự coi nó là thiên tài. Thiên tài Các-lai-lơ khác với bất kỳ tên cai ngục hung hãn hay tên giám sát những người nghèo nào chỉ ở cái lòng phẫn nộ tốt bụng và cái ý thức đạo đức rằng ông ta bóc lột những kẻ khốn cùng chỉ vì muốn nâng họ lên tầm cao *của ông*. Ở đây chúng ta thấy rằng trong cơn tức giận muốn chuộc tội cho thế gian của mình, cái thiên tài ba hoa đã bào chữa một cách ảo tưởng và thậm chí còn làm tăng thêm tất cả những cái đê tiện xấu xa của bọn tư sản. Nếu như giai cấp tư sản Anh coi những kẻ bần cùng như những kẻ phạm tội là để làm cho người ta sợ tình trạng bần cùng, nếu như nó đặt ra đạo luật về người nghèo năm 1833, thì Các-lai-lơ kết tội những kẻ bần cùng là *phản bội tổ quốc* với lý do là tình trạng bần cùng lại đẻ ra tình trạng bần cùng. Cũng như trước đây, đối với ông ta, giai cấp thống trị đã ra đời trong lịch sử là giai cấp tư sản công nghiệp, được coi là

có tính thiên tài chỉ vì một lẽ nó là giai cấp thống trị, thì giờ đây, đối với ông ta, mọi giai cấp bị áp bức càng bị áp bức bao nhiêu thì càng bị đẩy xa với tính thiên tài bấy nhiêu, càng trở thành vật hy sinh cho cơn thịnh nộ của nhà cải cách không được thừa nhận của chúng ta bấy nhiêu. Đối với những kẻ bần cùng ở đây cũng dúng như vậy. Nhưng cơn giận dữ đạo đức - cao thượng của ông ta lên tới tột đỉnh khi đề cập tới những con người hết sức thấp hèn và vô dụng, "những kẻ vô lại", tức là những *tên tội phạm*. Ông ta nói về họ trong cuốn sách mỏng viết về những nhà tù kiểu mẫu.

Tập sách này khác với tập thứ nhất ở sự tức giận còn điên cuồng hơn, một sự tức giận ít tốn công hơn cho tác giả vì nó nhằm chống lại những kẻ đã bị chính thức đuổi ra khỏi xã hội hiện thời, chống lại những con người bị cùm khóa, một sự tức giận đã vứt bỏ chút e thẹn cuối cùng mà bọn tư sản bình thường vẫn biểu lộ do sĩ diện. Cũng như trong bài văn châm biếm thứ nhất Các-lai-lơ đã xác lập cái hệ thống đẳng cấp hoàn hảo gồm những con người cao quý và tìm kiếm con người cao quý nhất trong số những người cao quý, thì ở tập này ông ta cũng dựng lên cái hệ thống đẳng cấp hoàn hảo như vậy gồm những tên vô lại và những kẻ đê tiện và cố gắng kiếm cho ra *kẻ xấu nhất trong số những kẻ xấu xa nhất, tên vô lại ghê gớm nhất* nước Anh để được hưởng niềm vui treo cổ hắn. Nhưng cứ giả thử là ông Các-lai-lơ tóm được và treo cổ hắn; thì rồi lại có một người khác nào đó, giờ đây là kẻ xấu xa nhất, lại sẽ bị treo cổ, rồi sau đó lại tiếp đến kẻ khác, cứ thế mãi cho tới khi đến lượt những người cao quý, rồi sau đó đến lượt những người cao quý hơn, và cuối cùng sẽ còn lại mỗi một mình Các-lai-lơ, người cao quý nhất, kẻ với cương vị người truy nã những tên vô lại lại đồng thời là kẻ giết hại những người cao quý và kẻ đã giết chết những gì cao quý trong những tên vô lại; rồi cái người cao quý nhất ấy trong số những người cao quý, bất thình lình sẽ biến thành kẻ hèn hạ nhất trong số những kẻ vô lại và với tư cách như vậy, sẽ phải *tự treo cổ mình*. Thế là mọi vấn đề về chính phủ, nhà nước, tổ

chức lao động, hệ thống đẳng cấp gồm những người cao quý sẽ nhờ đó mà được giải quyết và, sau hết, quy luật vĩnh viễn của tự nhiên sẽ được thực hiện.

Viết vào tháng Ba - tháng Tư 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

A. SƠ-NUY, CỰU ĐẠI ÚY CỦA ĐỘI CẬN VỆ CỦA NGÀI CÔ-SI-ĐI-E. "NHỮNG KẺ ÂM MƯU. CÁC HỘI KÍN; SỞ CẢNH SÁT ĐƯỚI THỜI ÔNG CÔ-SI-ĐI-E; ĐỘI NGHĨA DŨNG". PA-RI, 1850 LUY-XIÊNG ĐƠ-LA-ỐT. "CHẾ ĐỘ CỘNG HÒA RA ĐỜI THÁNG HAI 1848". PA-RI, 1850[1*]

Nếu như, cuối cùng, những người đứng đầu đảng của phong trào - dù là trước cuộc cách mạng, dù là trong các hội kín hay trên báo chí, dù là trong thời kỳ cách mạng với tư cách là những nhân vật chính thức - được mô tả với những màu sắc khắc khổ của Rem-bran, với toàn bộ sự thật sinh động của họ, thì đó là một điều rất nên làm. Trong tất cả những sự mô tả hiện có, những nhân vật đó không bao giờ được mô tả dưới hình thức hiện thực của nó, mà chỉ được mô tả dưới hình thức chính thống, với những đôi hia ở chân và vòng hào quang trên đầu. Trong những bức chân dung đã được sửa chữa đi một cách trân trọng đó theo kiểu Ra-pha-en, thì toàn bộ tính chất chân thật của việc mô tả biến mất.

Cả hai tác phẩm được xem xét ở đây thì đã vứt bỏ đôi hia và vòng hào quang mà từ trước đến nay "những vĩ nhân" của cuộc cách mạng tháng Hai vẫn thường mang; những tác phẩm này xộc vào đời tư của các vị đó, để cho ta thấy họ trong bộ quần áo xuềnh xoàng, với toàn bộ đám tùy tùng của họ gồm đủ loại người

1* "Les Conspirateurs", par A. Chenu, ex-capitaine des gardes du citoyen Caussidière. "Les sociétés; la préfecture de police sous Caussidière; les corps-francs". Paris, 1850. "La naissance de la République en février 1848", par Lucien de la Hodde. Paris, 1850.

đóng những vai trò phụ thuộc. Nhưng không phải vì thế mà họ trở nên gần gũi hơn với cách biểu hiện thật chân thực về những con người và sự kiện. Một trong những tác giả đó là tên mật thám lâu năm bị vạch mặt chỉ tên của Lu-i Phi-líp, tác giả nữa là một kẻ già đời chuyên nghề âm mưu mà quan hệ của hắn ta với cảnh sát cũng rất mập mờ, còn óc quan sát của hắn ta có thể đánh giá ngay qua việc dường như giữa Rai-nơ-phen-đen và Ba-lơ hắn ta nhìn thấy "dãy An-pơ hùng vĩ với những đỉnh cao dát bạc làm lóa mắt", còn ở giữa Ken và Các-lơ-xru-ê thì có "những dãy An-pơ vùng Ranh với những đỉnh xa mờ lẫn vào đường chân trời". Đương nhiên là ở hạng người như vậy - đặc biệt nếu họ viết nhằm mục đích biện hộ cho bản thân, - thì chỉ có thể chờ đợi một tác phẩm ký sự bôi bác ít nhiều mang tính chất châm biếm về cuộc cách mạng tháng Hai mà thôi.

Trong cuốn sách mỏng của mình, ông Đơ-la-ốt cố tỏ vẻ mình thành một thám tử trong tiểu thuyết Cu-pơ[164]. Ông khẳng định rằng trong tám năm trời, ông đã làm tê liệt hoạt động của những hội bí mật và do vậy mà có công với xã hội. Nhưng từ viên thám tử của Cu-pơ đến ông Đơ-la-ốt có một khoảng cách xa, rất xa. Ông Đơ-la-ốt, cộng tác viên của tờ "Charivari"[165], ủy viên Ban chấp hành trung ương Hội các mùa mới trong năm từ năm 1839[166], đồng chủ bút tờ "Réforme" từ khi nó được lập ra và đồng thời là một vụ được trả lương của ngài cục trưởng cảnh sát Đê-lê-xe, chưa từng bị ai bôi nhọ bằng Sơ-nuy bôi nhọ ông. Lý do trực tiếp khiến ông viết tập sách là những lời tố giác của Sơ-nuy, mặc dù ông thận trọng tránh không hề có một lời nào đáp lại những điều Sơ-nuy nói về ông. Như vậy, ít ra đoạn sau đây trong hồi ký Sơ-nuy cũng là xác thực.

"Vào một trong những chuyến đi ngoạn ban đêm", - Sơ-nuy kể, - "tôi để ý thấy Đơ-la-ốt đi đi lại lại trên đường Vôn-te chạy dọc bờ sông. Trời mưa như trút nước, và cái cảnh ấy làm tôi đâm ra nghĩ ngợi. Cái anh chàng Đơ-la-ốt đáng yêu nhất này cũng đi rút tài khoản bí mật ở ngân hàng chăng? Nhưng tôi nhớ lại những ca khúc của y, những vần thơ rất đẹp của y về Ai-rơ-len và Ba Lan và đặc biệt là những bài báo gay gắt y viết cho tờ "Réforme" (trong khi đó Đơ-la-ốt cố tỏ ra là người làm dịu bớt giọng văn của "Réforme").

- "Chào anh Đơ-la-ốt, quỷ tha ma bắt anh đi, anh làm gì ở đây vào lúc đêm hôm thế này và lại trong lúc thời tiết khủng khiếp thế này?

- Tôi đợi ở đây một thằng vô công rồi nghề nó nợ tiền tôi, và vì đêm nào hắn cũng đi qua đây vào giờ này nên hắn sẽ phải trả cho tôi, nếu không... - và y vụt mạnh chiếc gậy vào hàng lan can dọc đường bờ sông".

Đơ-la-ốt cố dứt khỏi Sơ-nuy và đi về phía cầu Ca-ru-xen. Sơ-nuy đi ra xa về phía ngược lại, nhưng chỉ cốt để nấp vào những vòm cuốn của Viện đại học. Lúc sau, Đơ-la-ốt quay trở lại, thận trọng nhìn xung quanh và tiếp tục đi đi lại lại.

"Mười lăm phút trôi qua, tôi nhận ra một chiếc xe ngựa có hai bóng đèn xanh bé tí mà điệp viên trước đây của tôi đã tả cho tôi nghe" (người mật thám trước đây, khi ở trong tù đã tiết lộ cho Sơ-nuy biết rất nhiều điều bí mật và những dấu hiệu nhận dạng của cảnh sát). "Chiếc xe dừng lại ở góc phố Vi-ô-đơ - Ô-guy-xtanh. Một người từ trong xe bước ra; Đơ-la-ốt đi thẳng đến, hai người nói với nhau chừng một phút, và tôi thấy Đơ-la-ốt làm cử chỉ của người cất tiền vào túi. - Sau chuyện đó tôi làm mọi cách để không cho Đơ-la-ốt dự các cuộc họp của chúng tôi và trước hết là không thể để cho An-be mắc bẫy, vì anh là cột trụ của chúng tôi. Sau đó mấy ngày tờ "Réforme" từ chối không đăng bài báo của Đơ-la-ốt. Điều này làm tổn thương đến tính hám danh của y với tư cách là một người hoạt động văn học. Tôi khuyên y trả thù bằng cách lập một tờ báo khác. Y nghe theo lời khuyên đó và còn công bố cả cho Pi-lơ và Duy-pô-ti biết đề cương của tờ báo "Peuple"; và trong suốt thời gian đó chúng tôi hầu như hoàn toàn đoạn tuyệt với y" (Sơ-nuy, tr.46-48).

Chúng ta thấy chàng thám tử của Cu-pơ biến thành một con dĩ chính trị loại thấp hèn nhất, đứng ngoài phố dưới trời mưa đón đợi officier de paix[1*] tầm thường nhất để nhận cadeau[2*]. Tiếp nữa: đứng đầu các hội bí mật không phải là Đơ-la-ốt, như y cố khẳng định, mà là An-be. Điều này nhìn chung toát ra từ toàn bộ những điều trình bày của Sơ-nuy. Tên mật vụ "vì lợi ích của chế độ" ở đây bỗng biến thành một nhà hoạt động văn học bị xúc phạm, tức giận vì tờ "Charivari"; vì vậy y cất dứt với tờ "Réforme" là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng mà cộng tác với nó y có thể giúp được nhiều cho cảnh sát, cất dứt để lập một tờ báo mới mà qua đó, trường hợp khả quan nhất, y có thể thỏa mãn được

1*- nhân viên cảnh sát
2*- tiền thưởng

tính hám danh văn học của y. Hệt như những gái mãi dâm cố biện bạch cho việc làm bẩn thỉu của mình bằng một thứ tình cảm mà ai cũng biết, tên mật thám cũng cố bào chữa cho việc làm của y bằng những tham vọng nhà văn của y. Lòng căm ghét tờ "Réforme" thấm đượm suốt bài văn chỉ trích của y, là do tính để bụng thù dai tầm thường nhất của người viết văn. Sau hết, ta thấy rằng trong thời kỳ hoạt động quan trọng nhất của các hội kín, ngay trước lúc nổ ra cuộc cách mạng tháng Hai, Đơ-la-ốt càng ngày càng bị đẩy xa những hội đó; và điều này giải thích tại sao Đơ-la-ốt, hoàn toàn trái với Sơ-nuy, lại khẳng định rằng vào thời kỳ đó những hội kín ngày một suy yếu.

Bây giờ tới cái cảnh Sơ-nuy miêu tả việc vạch trần những hành vi phản bội của Đơ-la-ốt sau cách mạng tháng Hai. Theo lời mời của Cô-si-đi-e, đảng của tờ "Réforme" tụ họp ở chỗ An-be, tại cung điện Lúc-xăm-buốc. Đến dự có Mô-ni-ê, Xô-bri-ê, Grăng-mê-nin, Đơ-la-ốt, Sơ-nuy, v.v.. Cô-si-đi-e khai mạc cuộc họp và nói:

"Trong chúng ta đây có kẻ phản bội. Chúng ta phải tự tổ chức thành một tòa án mật để xử nó". - Grăng-mê-nin, người cao tuổi nhất trong số những người có mặt, được bầu làm chủ tịch, còn Tì-phen được bầu làm thư ký. "Thưa các ngài, - Cô-si-đi-e tiếp tục nói với cương vị công tố viên xã hội, - trong một thời gian dài chúng ta đã kết tội những người yêu nước lương thiện. Chúng ta thật không ngờ một con rắn độc như thế nào đã luồn được vào hàng ngũ của ta. Hôm nay tôi đã tìm ra kẻ phản bội chính cống: đó là Luy-xiêng Đơ-la-ốt!" - Tên này trước đó vẫn ngồi thản nhiên, giật thót người khi nghe lời buộc tội thẳng thừng đó. Y nhổm lên định đi ra phía cửa. Cô-si-đi-e đóng nhanh cửa lại, rút súng lục và thét: "Nếu mày nhúc nhích khỏi chỗ, tao bắn vỡ sọ ngay!" - Đơ-la-ốt hăm hở chứng minh rằng y vô tội. "Được", - Cô-si-đi-e nói. "Đây là những cặp tài liệu trong đó có một nghìn tám trăm điều tố giác gửi cho cục trưởng cảnh sát", và ông phân phát cho chúng tôi những tờ tố giác có liên quan đặc biệt tới mỗi người chúng tôi. Đơ-la-ốt khăng khăng chối không nhận những tờ tố giác có ký tên Pi-e đó là do hắn viết, cho tới khi Cô-si-đi-e đọc bức thư mà sau này có in trong tập hồi ký của ông, trong đó Đơ-la-ốt đề nghị với cục trưởng cảnh sát được cộng tác và có ký tên của y. Từ giờ phút đó kẻ bất hạnh thôi không cãi chày cãi cối nữa. Y cố sức biện bạch, viện tới cảnh nghèo đã xúi y có ý nghĩ tội lỗi lao vào vòng tay của cảnh sát. Cô-si-đi-e đưa cho hắn khẩu súng lục - lối thoát duy nhất còn lại cho Đơ-la-ốt. Đơ-la-ốt lạy van các quan tòa của y, nài kêu họ khoan dung, nhưng họ vẫn không lay chuyển. Bốc-kê, một trong những người có mặt, không nhịn được nữa, giật lấy khẩu súng và ba lần đưa nó cho Đơ-la-ốt với những lời: "Allons[1*], hãy tự bắn vỡ đầu mày

1*- Nào, hành động đi

đi, đồ hèn, đồ hèn, hay là tự tay tao sẽ bắn mày!" - Nhưng An-be đã giằng lấy khẩu súng lục từ tay anh ta, nói: "Hãy bình tĩnh lại, tiếng súng nổ ở đây, ở Lúc-xăm-bua, sẽ dựng mọi người dậy!" "Đúng, - Bốc-kê kêu lên, - ta cần kiếm thuốc độc". "Thuốc độc à? - Cô-si-đi-e nói, - tôi có đem theo đủ loại thuốc độc đây". Ông lấy chiếc cốc, rót nước vào, cho đường vào đó rồi rắc vào đó một thứ bột trắng và đưa cho Đơ-la-ốt, tên này kinh hoàng né sang một bên. "Vậy các anh muốn giết tôi sao?" - "Ừ, - Bốc-kê nói, - uống đi". Nhìn Đơ-la-ốt mà kinh. Mặt y trắng bệch, bộ tóc xoăn tít, và chải rất cẩn thận của y dựng ngược lên. Mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt y. Y lạy van, y khóc lóc. "Tôi không muốn chết!". Nhưng Bốc-kê vẫn khư khư giơ chiếc cốc trước mặt y. "Thôi, uống đi cho rồi, - Cô-si-đi-e nói, - chỉ một nháy mắt là chết thôi mà". - "Không, không, tôi không uống đâu!" - Và trong cơn hoảng sợ y nói thêm, kèm thêm một cử chỉ đe dọa: "Ồ, tao sẽ trả thù tất cả những sự hành hạ này!".

Khi mọi người thấy rằng mọi lời kêu gọi point d'honneur[1*] đều vô ích, và nhờ có An-be khẩn khoản xin cho, cuối cùng Đơ-la-ốt được tha tội chết và bị giải đến nhà tù Công-xi-éc-giơ-ri. (Sơ-nuy, tr.134-136).

Chàng thám tử giả của Cu-pơ mỗi lúc càng trở nên thảm hại hơn. Y phơi bày ra trước chúng ta tất cả sự hèn mạt của y, khi chỉ dùng độc một tính hèn nhát chống lại những kẻ thù của y. Chúng ta quở trách y không phải vì y không tự bắn chết y, mà vì y không bắn vào kẻ thù đầu tiên y bắt gặp. Về sau, y cố tình tìm cách cứu vớt mình bằng một tập sách mỏng, trong đó y cố miêu tả toàn bộ cuộc cách mạng chỉ toàn như là sự bịp bợm. Tên gọi đúng đắn của tập sách đó là *"Viên cảnh sát thất vọng"*. Tập sách này xác nhận rằng cuộc cách mạng thực sự là sự đối lập trực diện với những quan niệm của tên mật thám, kẻ hoàn toàn nhất trí với "những người chức trách" coi mọi cuộc cách mạng đều là kết quả hoạt động của một toán thổ phỉ nhỏ bé. Nếu như tất cả các phong trào do các toán thổ phỉ ít nhiều tùy tiện khuấy động lên vẫn chỉ là những vụ phiến loạn đơn thuần, thì từ chính những điều Đơ-la-ốt trình bày có thể suy ra rằng, một mặt, *các nhà cộng hòa chính thức* vào những ngày đầu tháng Hai hãy còn chưa nuôi chút hy vọng nào giành được nền cộng hòa; mặt khác, *giai cấp tư sản* dành phải miễn cưỡng giúp đỡ việc giành lấy nền cộng hòa; rằng như vậy, việc thiết lập nền cộng hòa tháng Hai

1*- lòng trọng danh dự

là hậu quả tất yếu của những tình thế đã buộc quần chúng vô sản đứng ngoài mọi toán phỉ phải đổ xuống đường, còn đa số giai cấp tư sản phải ngồi ở nhà hoặc buộc phải tham gia vào những hành động chung với giai cấp vô sản. Còn ngoài ra, những điều Đơ-la-ốt cho biết thì rất nghèo nàn và rút cục chỉ là những chuyện thêu dệt hết sức tầm thường. Chỉ có một cảnh đáng được chú ý: cuộc họp của các nhà dân chủ chính thức tổ chức vào tối ngày 21 tháng Hai tại trụ sở báo "Réforme", tại đó, các thủ lĩnh kiên quyết phản đối việc tấn công vũ trang. Nội dung bài nói của họ nói chung chứng tỏ rằng ngày hôm ấy họ còn đánh giá đúng tình hình. Chỉ có điều đáng buồn cười là giọng văn huyênh hoang của những con người đó và việc sau này họ cứ tự nhận rằng ngay từ đầu họ đã làm cách mạng một cách tự giác và có chủ định. Điều xấu nhất là Đơ-la-ốt có thể nói về họ là việc họ chịu đựng sự có mặt của y trong hàng ngũ họ lâu đến như vậy.

Bây giờ hãy nói đến Sơ-nuy. Ngài Sơ-nuy là người thế nào? Ông ta là một kẻ mưu loạn già đời, từng tham gia tất cả những cuộc bạo động vũ trang kể từ năm 1832 và được cảnh sát rất quen biết. Bị gọi nhập ngũ, chẳng bao lâu sau ông đã đào ngũ và sống ở Pa-ri mà không ai biết, mặc dù đã nhiều lần ông ta tham gia vào các vụ âm mưu và cuộc bạo động vũ trang năm 1839[167]. Năm 1844, ông ta lại có mặt ở trung đoàn của ông ta và, thực lạ lùng, mặc dù biết rất rõ cái quá khứ của ông ta, viên tướng chỉ huy sư đoàn vẫn không đưa ông ta ra tòa án binh. Hơn thế nữa, ông ta được phép trở về Pa-ri khi chưa hết hạn tại ngũ ở trung đoàn. Năm 1847 ông ta dính dáng vào âm mưu đặt bom cháy[168], lọt lưới trong vụ bắt bớ, nhưng, vậy mà, vẫn ở lại Pa-ri; mặc dù cũng có bị kết án in contumaciam[1*] bốn năm tù. Chỉ sau khi những kẻ đồng mưu với ông ta kết tội ông ta có liên hệ với cảnh sát, ông ta mới đi sang Hà Lan rồi từ đó lại quay trở về ngày 21 tháng Hai 1848. Sau cách mạng tháng Hai ông ta trở thành đại úy trong đội cận vệ của Cô-si-đi-e. Ít lâu sau Cô-si-đi-e

1*- vắng mặt

bắt đầu nghi ngờ ông ta có liên lạc với cảnh sát đặc vụ Ma-ra-xtơ (một sự nghi ngờ hiển nhiên có căn cứ) và đẩy ông ta đi Bỉ và sau đó sang Đức mà không gặp sự chống cự gì đáng kể. Ngài Sơ-nuy lần lượt ít nhiều tự nguyện sung vào các đội quân tình nguyện Bỉ, Đức và Ba Lan. Và tất cả những việc đó diễn ra vào lúc quyền hành của Cô-si-đi-e đã bắt đầu lung lay. Thế mà Sơ-nuy khẳng định rằng ông ta đã hoàn toàn khống chế được Cô-si-đi-e và một lần đã dùng thư đe dọa và buộc ông này phải tức khắc thả ông ta ra. Đấy là những điều ta có thể nói về tính cách của vị tác giả của chúng ta và về sự tin cậy mà ông ta xứng đáng được hưởng.

Sự lạm dụng phấn son và nước hoa của bọn gái điếm để cố che đậy những mặt không lấy gì làm hấp dẫn lắm trong cái thể xác của họ đã cũng có nét tương đồng về mặt văn học của nó trong bel esprit[1*] mà Đơ-la-ốt dùng làm gia vị cho bài văn châm biếm của y. Ngược lại, về cách trình bày ngây thơ và sinh động, cuốn sách của Sơ-nuy về phương diện văn học nhiều khi làm ta nhớ tới Gi-lơ Bla-xơ[169]. Giống như Gi-lơ Bla-xơ trong rất nhiều cuộc phiêu lưu mạo hiểm muôn hình muôn vẻ của mình bao giờ cũng vẫn là kẻ tôi tớ và xem xét mọi chuyện bằng con mắt của kẻ tôi tớ, thì Sơ-nuy, kể từ cuộc bạo động vũ trang năm 1832 cho tới khi bị đẩy ra khỏi cục, vẫn cứ y nguyên là kẻ mưu loạn đóng những vai phụ như thế, mà hơn nữa đầu óc thiển cận đặc biệt của kẻ mưu loạn đó rất khác biệt với những xét đoán nông cạn tầm thường của cái "người chuyên viết" văn ở điện Ê-li-dê mà người ta gán cho y. Rõ ràng là cả ở Sơ-nuy cũng không thể có chuyện hiểu biết phong trào cách mạng. Vì vậy tác phẩm của ông ta chỉ lý thú ở những chương ông ta mô tả một cách ít nhiều vô tư những gì chính mắt ông ta nhìn thấy: *những kẻ âm mưu* và *người anh hùng Cô-si-đi-e*.

Mọi người đều biết xu hướng thích âm mưu của các dân tộc Rô-manh cũng như vai trò của những âm mưu trong lịch sử hiện

1*- sự sắc sảo, ý vị

đại nước Tây Ban Nha, I-ta-li-ta và Pháp. Sau thất bại của những hội âm mưu ở Tây Ban Nha và I-ta-li-a, vào thời kỳ đầu những năm 20, Ly-ông và đặc biệt là Pa-ri đã trở thành những trung tâm các cuộc tập hợp cách mạng. Như mọi người đều biết, cho tới năm 1830, cầm đầu những vụ âm mưu chống lại nền phục tích là phái tư sản tự do. Sau cách mạng tháng Bảy, phái tư sản cộng hòa đã thế chân họ; giai cấp vô sản, đã học được cách hoạt động bí mật ngay từ thời phục tích, bắt đầu tiến dần lên hàng đầu, trong khi bọn tư sản phái cộng hòa, sau những trận đánh nhau vô hiệu quả trên đường phố, kinh hoàng xa lánh những hội âm mưu. Hội các mùa trong năm mà Bác-le và Blăng-ki đã dựa vào để tổ chức cuộc bạo động vũ trang năm 1839, là hoàn toàn chỉ gồm những người vô sản; Hội các mùa trong năm thành lập sau Hội các mùa trong năm nói trên thất bại, đứng đầu là An-be và có Sơ-nuy, Đơ-la-ốt, Cô-si-đi-e, v.v. tham gia, cũng như vậy. Thông qua các thủ lĩnh của mình, những hội âm mưu thường xuyên tiếp xúc với các phần tử tiểu tư sản được đại diện trên tờ "Réforme", nhưng bao giờ cũng hành động rất độc lập. Đương nhiên, những hội âm mưu này chưa bao giờ thâu tóm được đại bộ phận vô sản ở Pa-ri. Các hội đó chỉ bao gồm một số hội viên không đông lắm, luôn luôn biến động, số hội viên này một phần là những kẻ hoạt động âm mưu từ lâu, thường xuyên, và đều đặn chuyển từ mỗi hội kín này sang hội kín kế tục nó, còn một phần khác là những công nhân mới được kết nạp vào.

Trong số những kẻ âm mưu cũ ấy, Sơ-nuy miêu tả hầu như chỉ có một loại mà bản thân ông ta cũng thuộc vào đó; đó là *những kẻ âm mưu chuyên nghiệp*. Với việc thành lập các hội âm mưu vô sản đã xuất hiện nhu cầu phải có sự phân công lao động. Những kẻ âm mưu được chia thành hai loại: những kẻ âm mưu ngẫu nhiên, conspiraqteurs d'occasion, - tức là những công nhân chỉ tham gia vào các vụ âm mưu như một việc phụ, ngoài những công việc khác của họ, chỉ đi dự những cuộc họp kín và luôn luôn sẵn sàng có mặt tại địa điểm tập trung theo lệnh của các thủ lĩnh, - và những kẻ âm mưu chuyên nghiệp, là những kẻ chỉ

chuyên hoạt động cho hội âm mưu và sống bằng chuyện đó. Họ làm thành tầng lớp trung gian giữa công nhân và các thủ lĩnh và thậm chí thường chui vào hàng ngũ các thủ lĩnh.

Hoàn cảnh sống của tầng lớp những người này quyết định toàn bộ tính cách của họ. Đương nhiên, việc tham gia vào hội âm mưu vô sản chỉ có thể đem lại cho họ những nguồn sinh sống rất hạn chế và bấp bênh. Vì vậy những kẻ âm mưu thường xuyên phải nhờ tới quỹ của hội. Một số họ thậm chí còn xung đột trực tiếp với xã hội tư sản và trước tòa án cảnh sát giáo dục cải tạo họ giữ được thái độ khá đứng đắn. Đời sống không ổn định của họ, - đôi khi phụ thuộc ngẫu nhiên nhiều hơn là vào hoạt động của họ, - lối sống lang bạt của họ với việc chỉ biết lấy các quán rượu - nơi gặp gỡ của những kẻ âm mưu - làm chỗ nương thân, - việc họ tất nhiên quen biết với mọi loại người đáng ngờ đã tập hợp họ vào các giới mà ở Pa-ri người ta gọi là la bohème[1*]. Cái giới những kẻ giang hồ dân chủ xuất thân từ vô sản đó - cũng có giới giang hồ dân chủ xuất thân từ tư sản, những kẻ vô công lang bạt dân chủ và pilliers d'estaminet[2*] - bao gồm hoặc những công nhân đã bỏ nghề của họ và vì vậy đã bị phá sản, hoặc những con người xuất thân từ tầng lớp vô sản lưu manh và đưa vào cuộc sống mới của họ tất cả những lối sống trụy lạc vốn có ở giai cấp đó. Trong những hoàn cảnh ấy, rất dễ hiểu là hầu như trong mỗi vụ án âm mưu đều có vài repris de justice[3*] can dự.

Toàn bộ cuộc sống của những kẻ âm mưu chuyên nghiệp này mang nặng tính chất của giới giang hồ. Là những hạ sĩ quan đi tuyển mộ những kẻ âm mưu, họ lang thang hết quán rượu này đến quán rượu nọ, thăm dò tâm trạng công nhân, kiếm tìm những người họ cần dụ dỗ lôi kéo họ vào tổ chức âm mưu, tiền nhậu nhẹt tất phải có trong những trường hợp ấy thì hoặc gán cho quỹ của hội hoặc trông ở người bạn mới. Nói chung, chủ quán rượu thực sự cung cấp cho họ chỗ nương thân. Phần lớn thời gian kẻ

1*- giới giang hồ
2*- những kẻ lai cà các quán rượu
3*- kẻ tái phạm tội

âm mưu sống tại quán rượu; tại đây y gặp gỡ với các bạn cùng hội, với các thành viên trong nhóm của y, với những người mà y định tuyển mộ; tại đây, sau hết, diễn ra những cuộc họp kín của các nhóm và đầu lĩnh các nhóm (tốp). Trong cái bầu không khí quán rượu thường xuyên ấy, kẻ âm mưu, vốn đã có thói rất phóng túng như tất cả mọi người vô sản ở Pa-ri, gần như biến thành bambocheur[1*] thực thụ. Kẻ âm mưu thâm trầm, trong các cuộc họp kín tỏ ra nghiêm khắc nghiệt ngã, bất đồ mềm lòng lại và trở thành khách quen lừng tiếng nơi nơi, rất sành rượu và gái. Cảnh vui nhộn ở tiệm rượu đó càng tăng thêm do những nỗi nguy hiểm thường xuyên mà kẻ âm mưu phải chịu; mỗi lúc y có thể bị gọi lên chiến lũy và chết tại đó; trên mỗi bước đi cảnh sát đều giăng những cạm bẫy có thể đưa y vào tù hay thậm chí đi đày khổ sai. Chính những mối nguy hiểm như vậy lại là cái hấp dẫn nhất của nghề nghiệp này; càng nhiều nguy hiểm, kẻ âm mưu càng vội vã sống gấp. Đồng thời sự dạn dày nguy hiểm làm y trở nên hết sức thờ ơ với tính mạng và tự do. Trong tù y cảm thấy cũng như ở nhà, cũng như ở tiệm rượu. Hàng ngày y đón đợi lệnh hành động. Sự can đảm đến liều lĩnh, tuyệt vọng, đặc trưng cho tất cả các cuộc bạo động ở Pa-ri, là do chính những kẻ âm mưu chuyên nghiệp già đời ấy, hommes de coup de main[2*] đưa lại. Chính họ dựng những chiến lũy đầu tiên và chỉ huy những chiến lũy ấy, họ tổ chức cuộc kháng cự, đột nhập các cửa hàng bán vũ khí, trưng dụng vũ khí và đạn dược ở các nhà tư nhân, trong lúc khởi nghĩa họ có những hành động táo tợn - điên rồ - nhiều khi làm cho phe chính phủ phải bối rối. Tóm lại, họ là những viên sĩ quan của cuộc bạo động.

Dĩ nhiên là những kẻ âm mưu đó không thỏa mãn với việc nhìn chung phải tổ chức một giai cấp vô sản cách mạng. Công việc của họ chính là ở chỗ đi trước quá trình phát triển cách mạng, gượng ép đẩy quá trình đó tới chỗ khủng hoảng, làm cách mạng ngay, ngẫu hứng, mà không cần có những điều kiện cần thiết cho nó. Đối với họ, điều kiện duy nhất của cách mạng là

1*- kẻ liều đời, kẻ phóng đãng
2*- những con người hành động quyết liệt

tổ chức âm mưu của họ một cách thích đáng. Họ là những nhà giả kim thuật của cách mạng, và hoàn toàn tán thành những quan niệm sai lầm, tính thiển cận của những tư tưởng cố chấp của các nhà giả kim thuật trước đây. Họ say mê với những phát minh nhằm tạo nên những chuyện thần kỳ cách mạng: với những bom cháy, những máy phá hoại có sức công phá huyền diệu, những cuộc phiến loạn - những thứ mà người ta cho là càng ít cơ sở hợp lý thì tác động càng phi thường và càng đáng kinh ngạc. Mải miết với việc xây dựng những dự án như vậy, họ chỉ theo đuổi một mục tiêu gần nhất là lật đổ chính phủ hiện thời, và hoàn toàn coi thường việc giáo dục công nhân về những lợi ích giai cấp của họ, một công tác mang tính chất lý luận nhiều hơn. Điều này giải thích tại sao họ lại có mối ác cảm không phải của vô sản, mà là thuần túy của dân nghèo thành thị đối với habitsnoirs[1*], những người ít nhiều có văn hóa, đại diện cho mặt đó của phong trào; nhưng vì những người này là đại biểu chính thức của đảng nên những kẻ âm mưu không bao giờ có thể hành động hoàn toàn độc lập với họ. Đó cũng là lý do khiến những kẻ âm mưu dù muốn hay không vẫn phải đi theo sự phát triển của đảng cách mạng.

Nét đặc trưng chủ yếu trong đời sống của những kẻ âm mưu là cuộc đấu tranh của họ với cảnh sát, mà đối với cảnh sát thì họ cũng bị coi như những bọn trộm cắp và gái điếm. Cảnh sát dung tha cho các hội âm mưu nhìn chung không phải chỉ vì coi đó là cái ung nhọt không thể tránh khỏi. Nó dung tha chúng như những trung tâm dễ dàng theo dõi mà ở đó tập trung những phần tử cách mạng liều lĩnh nhất trong xã hội, như những xưởng cho ra lò những cuộc phiến loạn mà ở Pháp đã trở thành một phương tiện quản lý cũng cần thiết như chính ngành cảnh sát, và, sau hết, như một nơi để tuyển mộ những tên chỉ điểm chính trị cho nó, cũng giống như những tên mật thám hình sự đắc lực nhất, những tên Vi-dốc và những kẻ đại loại như chúng, được

1*- những bộ lễ phục đen

tuyển lựa trong số những kẻ bịp bợm loại cấp cao và cấp thấp - những tên trộm cắp, gian giảo và giả vờ nợ, - và thường lại quay trở về với nghiệp cũ của chúng, cũng giống như vậy, giới cảnh sát chính trị cấp thấp được tuyển lựa trong số những kẻ âm mưu chuyên nghiệp. Những kẻ âm mưu thường xuyên tiếp xúc với cảnh sát, từng giờ từng phút họ chạm trán với nó; họ săn lùng bọn mật thám y như bọn mật thám săn lùng họ. Công việc gián điệp là một trong những công việc chính của họ. Vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi các bước nhảy ngắn ngủi mà một kẻ âm mưu chuyên nghiệp sang làm tên chỉ điểm cảnh sát được trả lương, lại thường hay diễn ra như vậy, nếu như thêm vào đó còn có sự thúc bách của cảnh nghèo đói và tù tội, dọa dẫm và mua chuộc. Điều này giải thích tại sao lại có sự hoài nghi ghê gớm ngự trị trong các hội âm mưu, làm cho các hội viên trong đó trở nên hoàn toàn mù quáng và khiến họ nhìn những người tốt nhất của họ hóa ra những tên mật thám, còn những tên mật thám chính cống thì lại được coi là những người đáng tin cậy. Điều đó cũng giải thích rõ việc những tên gián điệp được tuyển lựa trong số những kẻ âm mưu đó bất liên hệ với cảnh sát phần lớn với một ý đồ tốt là để lừa phỉnh nó, rằng trong một thời gian nào đó họ chơi được lá bài hai mặt chừng nào họ còn chưa càng dần dần trở thành nạn nhân của cái bước đi ban đầu của họ, và đúng là họ thường lừa phỉnh được cảnh sát. Việc liệu một kẻ âm mưu như thế có rơi vào cạm bẫy của cảnh sát hay không, điều này phụ thuộc vào những hoàn cảnh ngẫu nhiên thuần túy và vào sự khác biệt về lượng nhiều hơn là về chất trong bản lĩnh cứng rắn.

Đó là hình ảnh những kẻ âm mưu mà Sơ-nuy thường mô tả cho ta thấy rất sinh động và tính cách của họ được ông ta vẽ lên lúc thì có dụng tâm, lúc thì vô tình. Thế nhưng bản thân ông ta - cho tới cả những quan hệ không được hoàn toàn minh bạch của ông ta với cảnh sát của Đê-lê-xe và Ma-ra-xtơ - là một mẫu người âm mưu chuyên nghiệp rõ rệt nhất.

Giai cấp vô sản Pa-ri càng bắt đầu tiến lên hàng đầu với tư cách là một chính đảng bao nhiêu thì những kẻ âm mưu càng bị mất ảnh hưởng lãnh đạo bấy nhiêu, họ bắt đầu bị phân hóa, họ vấp phải sự cạnh tranh nguy hiểm là những hội vô sản bí mật có mục tiêu không phải là bạo động trực tiếp mà là tổ chức và phát triển giai cấp vô sản. Ngay cuộc khởi nghĩa năm 1839 đã mang tính chất vô sản và cộng sản rõ rệt. Nhưng sau đó bắt đầu có sự phân liệt đó là do công nhân có nhu cầu tìm hiểu cho rõ những lợi ích giai cấp của họ; chúng biểu hiện một phần ngay trong các hội âm mưu cũ, một phần trong những tổ chức tuyên truyền mới. Công tác tuyên truyền cộng sản mà Ca-bê hăng hái bắt tay vào làm ngay sau năm 1839, những vấn đề tranh cãi nảy sinh trong nội bộ đảng cộng sản đã nhanh chóng vượt quá trình độ hiểu biết của những kẻ âm mưu. Cả Sơ-nuy lẫn Đơ-la-ốt đều thừa nhận rằng vào thời kỳ cách mạng tháng Hai, những người cộng sản rõ ràng là bộ phận mạnh nhất của giai cấp vô sản cách mạng. Để khỏi mất ảnh hưởng đối với công nhân, và như thế khỏi mất cái đối lực với habits noirs, những người theo hội âm mưu đã phải chạy theo hướng phát triển đó và tiếp thu những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Ví dụ, ngay trước cuộc cách mạng tháng Hai đã phát sinh mâu thuẫn giữa hội âm mưu của công nhân do An-be đại diện với những kẻ ủng hộ tờ "Réforme", và vẫn mối mâu thuẫn ấy ít lâu sau lại thấy xuất hiện trong nội bộ chính phủ lâm thời. Tuy thế, chúng tôi không hề lẫn lộn An-be với những kẻ âm mưu này. Cả hai tác phẩm chúng tôi phân tích đều tỏ rõ là An-be đã giữ được vị trí độc lập riêng đối với những công cụ đó của ông và tuyệt nhiên không phải là loại người lấy hoạt động bí mật làm nguồn sinh sống.

Vụ đặt bom năm 1847 mà trong đó tác động của cảnh sát mạnh hơn so với tất cả những vụ trước đó, sau hết, đã làm rối loạn hàng ngũ những kẻ âm mưu cũ ngang bướng và ngoan cố nhất và lôi cuốn những nhóm âm mưu còn được duy trì tới lúc

đó vào phong trào vô sản trực tiếp.

Sau cuộc cách mạng tháng Hai, chúng ta lại phát hiện thấy những kẻ âm mưu chuyên nghiệp đó, những thành viên hăng máu nhất của các nhóm âm mưu và détenus politiques[1*] xuất thân từ giai cấp vô sản mà phần lớn cũng là những kẻ âm mưu cũ, xuất hiện trong cục cảnh sát với tư cách là những người theo phái Núi. Song, những kẻ âm mưu chuyên nghiệp là hạt nhân của toàn bộ đám này. Cũng dễ hiểu là những con người này, được tập trung tất cả lại đây với vũ khí trong tay, phần lớn đều trong cánh hầu với các thủ trưởng và sĩ quan cảnh sát của họ, hẳn phải là một quân đoàn khá hung hãn. Cũng tựa như phái Núi trong Quốc hội là sự phỏng họa lại phái Núi cũ và bằng sự bất lực của nó, nó đã chứng minh một cách hết sức hùng hồn rằng những truyền thuyết cách mạng cũ của năm 1793 hiện nay không còn hiệu lực nữa, thì phái Núi trong cục cảnh sát - một sự tương đồng với những đảng viên xăng-quy-lốt cũ - là bằng chứng cho thấy rằng ngay cả cái bộ phận vô sản đó cũng không đủ khả năng để làm cách mạng hiện đại, và chỉ có toàn thể giai cấp vô sản mới có thể làm được cách mạng.

Bằng chứng màu sắc rất sinh động Sơ-nuy miêu tả lối sống xăng-quy-lốt của cái đám đáng kính ấy ở cục cảnh sát. Những cảnh hài hước ấy, - mà hẳn là có cả bản thân Sơ-nuy tích cực tham gia, - đôi lúc mang tính chất khá càn quấy. Nhưng chúng được giải thích rất tuyệt bằng tính cách của những bambocheurs âm mưu cũ đó và là sự đối lập cần thiết và thậm chí lành mạnh trước những sự ăn chơi phè phỡn của giai cấp tư sản trong những năm trị vì cuối cùng của Lu-i Phi-líp.

Chúng tôi chỉ xin dẫn ra đây một thí dụ trong câu chuyện họ đến đóng ở cục cảnh sát.

"Khi trời đã sáng, tôi thấy các nhóm trưởng cùng người của họ dần dần kéo đến, nhưng phần lớn không có vũ khí. Tôi nhắc Cô-si-đi-e chú ý điều này. "Tôi sẽ đảm bảo vũ khí cho họ", - ông nói, - anh hãy kiếm một chỗ thích hợp để bố trí họ tại cục". Tôi

1*- các tù chính trị

Giai cấp vô sản Pa-ri càng bắt đầu tiến lên hàng đầu với tư cách là một chính đảng bao nhiêu thì những kẻ âm mưu càng bị mất ảnh hưởng lãnh đạo bấy nhiêu, họ bắt đầu bị phân hóa, họ vấp phải sự cạnh tranh nguy hiểm là những hội vô sản bí mật có mục tiêu không phải là bạo động trực tiếp mà là tổ chức và phát triển giai cấp vô sản. Ngay cuộc khởi nghĩa năm 1839 đã mang tính chất vô sản và cộng sản rõ rệt. Nhưng sau đó bắt đầu có sự phân liệt đó là do công nhân có nhu cầu tìm hiểu cho rõ những lợi ích giai cấp của họ; chúng biểu hiện một phần ngay trong các hội âm mưu cũ, một phần trong những tổ chức tuyên truyền mới. Công tác tuyên truyền cộng sản mà Ca-bê hăng hái bắt tay vào làm ngay sau năm 1839, những vấn đề tranh cãi nảy sinh trong nội bộ đảng cộng sản đã nhanh chóng vượt quá trình độ hiểu biết của những kẻ âm mưu. Cả Sơ-nuy lẫn Đơ-la-ốt đều thừa nhận rằng vào thời kỳ cách mạng tháng Hai, những người cộng sản rõ ràng là bộ phận mạnh nhất của giai cấp vô sản cách mạng. Để khỏi mất ảnh hưởng đối với công nhân, và như thế khỏi mất cái đối lực với habits noirs, những người theo hội âm mưu đã phải chạy theo hướng phát triển đó và tiếp thu những tư tưởng cộng sản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Ví dụ, ngay trước cuộc cách mạng tháng Hai đã phát sinh mâu thuẫn giữa hội âm mưu của công nhân do An-be đại diện với những kẻ ủng hộ tờ "Réforme", và vấn mối mâu thuẫn ấy ít lâu sau lại thấy xuất hiện trong nội bộ chính phủ lâm thời. Tuy thế, chúng tôi không hề lẫn lộn An-be với những kẻ âm mưu này. Cả hai tác phẩm chúng tôi phân tích đều tỏ rõ là An-be đã giữ được vị trí độc lập riêng đối với những công cụ đó của ông và tuyệt nhiên không phải là loại người lấy hoạt động bí mật làm nguồn sinh sống.

Vụ đặt bom năm 1847 mà trong đó tác động của cảnh sát mạnh hơn so với tất cả những vụ trước đó, sau hết, đã làm rối loạn hàng ngũ những kẻ âm mưu cũ ngang bướng và ngoan cố nhất và lôi cuốn những nhóm âm mưu còn được duy trì tới lúc

đó vào phong trào vô sản trực tiếp.

Sau cuộc cách mạng tháng Hai, chúng ta lại phát hiện thấy những kẻ âm mưu chuyên nghiệp đó, những thành viên hăng máu nhất của các nhóm âm mưu và détenus politiques[1*] xuất thân từ giai cấp vô sản mà phần lớn cũng là những kẻ âm mưu cũ, xuất hiện trong cục cảnh sát với tư cách là những người theo phái Núi. Song, những kẻ âm mưu chuyên nghiệp là hạt nhân của toàn bộ đám này. Cũng dễ hiểu là những con người này, được tập trung tất cả lại đây với vũ khí trong tay, phần lớn đều trong cánh hầu với các thủ trưởng và sĩ quan cảnh sát của họ, hẳn phải là một quân đoàn khá hung hãn. Cũng tựa như phái Núi trong Quốc hội là sự phỏng họa lại phái Núi cũ và bằng sự bất lực của nó, nó đã chứng minh một cách hết sức hùng hồn rằng những truyền thuyết cách mạng cũ của năm 1793 hiện nay không còn hiệu lực nữa, thì phái Núi trong cục cảnh sát - một sự tương đồng với những đảng viên xăng-quy-lốt cũ - là bằng chứng cho thấy rằng ngay cả cái bộ phận vô sản đó cũng không đủ khả năng để làm cách mạng hiện đại, và chỉ có toàn thể giai cấp vô sản mới có thể làm được cách mạng.

Bằng chứng màu sắc rất sinh động Sơ-nuy miêu tả lối sống xăng-quy-lốt của cái đám đáng kính ấy ở cục cảnh sát. Những cảnh hài hước ấy, - mà hẳn là có cả bản thân Sơ-nuy tích cực tham gia, - đôi lúc mang tính chất khá càn quấy. Nhưng chúng được giải thích rất tuyệt bằng tính cách của những bambocheurs âm mưu cũ đó và là sự đối lập cần thiết và thậm chí lành mạnh trước những sự ăn chơi phè phỡn của giai cấp tư sản trong những năm trị vì cuối cùng của Lu-i Phi-líp.

Chúng tôi chỉ xin dẫn ra đây một thí dụ trong câu chuyện họ đến đóng ở cục cảnh sát.

"Khi trời đã sáng, tôi thấy các nhóm trưởng cùng người của họ dần dần kéo đến, nhưng phần lớn không có vũ khí. Tôi nhắc Cô-si-đi-e chú ý điều này. "Tôi sẽ đảm bảo vũ khí cho họ," - ông nói, - anh hãy kiếm một chỗ thích hợp để bố trí họ tại cục". Tôi

1* - các tù chính trị

ta. Ông ta lập tức tổ chức lực lượng quân sự của mình, đảm bảo cho mình có một tờ báo, xây dựng các câu lạc bộ, phân bổ các chức trách và nhìn chung lúc đầu hành động rất vững vàng, tự tin. Trong vòng 24 giờ, cục biến thành một pháo đài mà ở đó ông ta có thể chống trả lại những kẻ thù của ông ta. Nhưng tất cả các kế hoạch của ông ta hoặc vẫn chỉ là những dự án đơn thuần, hoặc trên thực tế biến thành những trò ngông cuồng vô hiệu quả, thuần túy bình dân. Khi các mâu thuẫn trở nên gay gắt hơn, ông ta cũng chịu chung số phận của đảng ông ta, bị sa lầy trong sự do dự đứng nửa chừng giữa những kẻ ủng hộ tờ "National" và những nhà cách mạng vô sản như Blăng-ki. Phái Núi của ông ta bị phân hóa chia rẽ; những bambocheurs già dời không chịu phục tùng và không thể cầm cương họ được nữa, còn bộ phận cách mạng thì đi theo Blăng-ki. Ở địa vị chính thức là cục trưởng và đại biểu nhân dân, bản thân Cô-si-đi-e ngày càng bị tư sản hóa; ngày 15 tháng Năm ông ta thận trọng đứng bên ngoài các sự kiện[171] và cố biện bạch cho mình trong viện dân biểu một cách dễ tiện; ngày 23 tháng Sáu ông ta đã phó mặc những người khởi nghĩa cho số mệnh. Đương nhiên, để thưởng công cho ông ta về chuyện này, người ta đã đẩy ông ta ra khỏi cục, và ít lâu sau đó ông ta đành phải đi lưu vong.

Dưới đây chúng tôi xin dẫn mấy chỗ điển hình nhất về Cô-si-đi-e trong các cuốn sách của Sơ-nuy và Đơ-la-ốt.

Vừa mới cử Đơ-la-ốt làm chánh văn phòng cục, tối ngày 24 tháng Hai, Cô-si-đi-e nói với y:

"Tôi cần có ở đây những người đáng tin cậy. Về mặt quản trị hành chính, mọi cái sẽ vẫn cứ tiến hành áng chừng như từ trước tới nay; tôi tạm thời cứ để các quan chức cũ; ngay khi bọn họ huấn luyện những người yêu nước, ta *sẽ đuổi* bọn họ ra. Đó là vấn đề thứ yếu. Vấn đề chính là phải biến thành một thành trì cách mạng. Hãy chỉ thị cho người của bọn ta theo tinh thần ấy; hãy triệu tất cả bọn họ lại đây. Nếu bọn ta có ở đây một nghìn chiến hữu vững vàng thì tất cả mọi cái sẽ nằm trong tay ta. Lơ-đruy-Rô-lanh, Phlô-công, An-be và tôi rất hiểu nhau, và tôi hy vọng công việc sẽ trôi chảy. Cần phế bỏ tờ "National" đi. Sau đó chúng ta sẽ cộng hòa hóa nước nhà, dù nó có muốn hay không".

Liền ngay đó, Gác-ni-ê-Pa-giê-xơ, thị trưởng Pa-ri, tối thăm; mà tờ "National" đã đặt cảnh sát dưới quyền chỉ huy của ông ta. Ông ta đề nghị Cô-si-đi-e nhậm chức chỉ huy trưởng lâu dài Côm-pi-ên thay cho cái chức vụ chẳng thích thú gì ở cục. Cô-si-đi-e trả lời ông ta bằng một giọng nhỏ nhẹ không tương xứng một cách lạ lùng với đôi vai rộng của ông ta: "Tôi đi Công-pi-ên ấy à? Không thể được! Nhất thiết tôi phải ở lại đây. Dưới trướng tôi có mấy trăm chàng trai trứ danh làm việc rất cừ; tôi còn chờ được bổ sung lên gấp đôi. Nếu như ở tòa thị sảnh của ngài mà thấy thiếu ý chí hay lòng dũng cảm thì tôi sẽ có thể hỗ trợ cho ngài... Hà - hà, la révolution fera son petit bonhomme de chemin, il le faudra bien![1*]" - "Cách mạng à? Nhưng nó vẫn diễn ra rồi cơ mà!" - "Ồ không, nó thậm chí còn chưa bắt đầu!" - Viên thị trưởng đáng thương chết lặng đi" (Đơ-la-ốt, tr.72).

Một trong những cảnh nhộn nhất mà Sơ-nuy mô tả là việc ngài cục trưởng mới tiếp các viên đội cảnh sát và officiers de paix, chính lúc được báo rằng họ đến, ông ta đang ngồi ở bàn làm việc.

"Bảo họ đợi đấy, - Cô-si-đi-e nói, - ngài cục trưởng *đang làm việc*. Ông ta còn làm thêm những nửa giờ nữa, rồi khi đó mới sửa soạn dàn cảnh để tiếp các viên đội khi ấy đã xếp thành hàng dọc theo chiếc cầu thang lớn. Cô-si-đi-e oai vệ ngồi vào chiếc ghế bành của ông ta, bên sườn đeo thanh kiếm lớn. Hai người phái Núi lôi thôi lếch thếch, vẻ mặt dữ tợn, chống súng hỏa mai bên chân, miệng ngậm tẩu thuốc, đứng canh cửa ra vào. Hai viên đại úy kiếm tuốt trần đứng hai bên bàn làm việc của ông ta. Ngoài ra, còn có tất cả các vị đầu lĩnh các nhóm và những nhà cộng hòa tạo thành bộ tổng tham mưu của ông ta, đứng tụm thành từng đám trong phòng. Tất cả đều trang bị bằng kiếm lớn và súng ngắn kỵ binh, các-bin và súng săn. Tất cả đều hút thuốc, và khói thuốc ngập ngụa căn phòng càng làm cho các khuôn mặt càng trở nên thâm trầm hơn, làm cho khung cảnh ấy có vẻ rùng rợn thực sự. Ở giữa dành một khoảng trống cho các viên đội. Tất cả đều đội mũ, và Cô-si-đi-e ra lệnh dẫn họ vào. Những viên đội đáng thương chỉ mong có vậy, bởi vì họ vừa bị những người phái Núi thôn mạ và dọa dẫm, bảo là họ sẽ phải nếm đủ các ngón đòn tra tấn. "Lũ vô lại! - những người phái Núi rít lên, - giờ thì bọn bay đã nằm trong tay chúng tao! Bọn bay không thoát khỏi nơi đây đâu, bọn bay phải bỏ xác lại đây!" - Bước vào phòng cục trưởng, những viên đội thấy rằng tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Người đầu tiên trong số họ, vừa bước vào ngưỡng cửa, hình như lưỡng lự giây lát. Anh ta không biết nên tiến hay nên lùi, những cái nhìn của mọi người đổ về phía anh ta trông rầu rĩ quá.

1*- cách mạng sẽ dẫn dà tiến triển, nhất định là thế rồi!

Sau hết, anh ta đã quyết, tiến lên một bước và cúi chào, tiến thêm bước nữa và cúi chào thấp hơn, thêm bước nữa và cúi chào càng thấp hơn nữa. Tất cả bước vào phòng, rập mình cúi chào ngài cục trưởng đáng sợ, người lạnh lùng và lặng lẽ chấp nhận những cử chỉ tôn kính ấy, tay tì vào đốc kiếm của mình. Các viên đội kinh ngạc nhìn cái cảnh tượng kỳ quặc này. Một số người, vì sợ mà đâm ra rối trí và hẳn là muốn lấy lòng chúng tôi, nên lại cho cảnh đó thật là oai nghiêm và trang trọng. - "Im lặng!" - một người phái Núi ra lệnh bằng cái giọng như vang lên từ dưới mồ. Khi tất cả bọn họ đã vào hết, Cô-si-đi-e, trước đó vẫn ngồi yên và không nhúc nhích, phá tan sự yên lặng và nói bằng một giọng hết sức khủng khiếp.

"Một tuần trước vì tất các anh đã ngỏ đến chuyện gặp tôi ở đây, tại chỗ này, xung quanh có những người bạn trung thành. Vậy đó, giờ đây họ là những vị thống soái của các anh, những người cộng hòa bằng bìa cứng này, như một thời các anh đã từng gọi họ như vậy. Các anh run rẩy trước những kẻ mà các anh đã từng đối xử một cách rất tồi tệ. Anh Vát-xan, anh là một kẻ từng rất hèn hạ và cuồng tín gắn bó với chính phủ đã bị lật đổ, một kẻ trốc nã những người cộng hòa một cách điên cuồng nhất, còn giờ đây anh rơi vào tay những kẻ thù không đội trời chung nhất của anh, vì rằng không một ai trong số những người có mặt tại đây tránh khỏi những cuộc lùng bắt của anh. Nếu như tôi nghe theo những lời yêu cầu chính đáng để đạt với tôi, thì tôi sẽ phải dùng tới biện pháp đàn áp, nhưng tôi muốn quên đi thì hơn. Tất cả hãy trở về với nhiệm vụ của mình; nhưng nếu có khi nào đó tôi được biết là các anh có tham gia vào những âm mưu phản động gì đó, tôi sẽ nghiền nát các anh như những con rệp. Thôi đi đi!"

Những viên đội đã trải qua tất cả mọi thời kỳ sợ hãi và hài lòng với việc được thoát khỏi sự tấy não của ngài cục trưởng, vui vẻ chuồn thẳng. Những người phái Núi đợi họ dưới chân cầu thang lấy giọng la hét khủng khiếp để tiễn họ tới cuối phố Giê-ruy-da-lem. Khi viên đội cuối cùng vừa đi khỏi, chúng tôi cười phá lên. Cô-si-đi-e mặt mày rạng rỡ và cười nhiều hơn ai hết về cái trò đùa tuyệt diệu mà ông ta vừa mới chơi với những viên đội của ông ta" (Sơ-nuy, tr.87-90).

Sau những sự kiện ngày 17 tháng Ba mà Cô-si-đi-e có tích cực tham gia, ông ta nói với Sơ-nuy: "Nếu muốn, tôi có thể phát động quần chúng lên và ném họ đi đánh giai cấp tư sản" (Sơ-nuy, tr.140).

Nói chung, Cô-si-đi-e không bao giờ đi quá những trò đùa mà ông ta làm cốt chỉ để các địch thủ của ông ta phải sợ hãi.

Sau hết, về mối quan hệ của Cô-si-đi-e với những người phái Núi, Sơ-nuy viết:

"Khi tôi nói với Cô-si-đi-e về những việc làm quá khích mà người của ông ta lao vào, ông ta thở dài, nhưng ông ta phải bó tay. Phần lớn bọn họ đã cùng ông ta trải qua dường đời, họ cùng ông ta chia sẻ đạu buồn và vui sướng, nhiều người đã có công với ông ta. Nếu ông ta không thể kìm giữ họ lại thì đó là hậu quả của cái quá khứ

của chính ông ta" (tr.97).

Chúng tôi xin nhắc bạn đọc của chúng tôi là cả hai cuốn sách này được viết vào thời kỳ vận động trước cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba[132]. Những cuốn sách này đã có tác động như thế nào thì kết quả bầu cử cho thấy - những người phe đỏ đã giành được thắng lợi rực rỡ.

Viết vào tháng Ba - tháng Tư 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, năm 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

Ê-MIN ĐỜ GI-RÁC-ĐANH.
"CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THUẾ KHÓA".
PA-RI, 1850[1*]

Có hai loại chủ nghĩa xã hội: chủ nghĩa xã hội "tốt" và chủ nghĩa xã hội "tồi".

Chủ nghĩa xã hội *tồi*, đó là *"cuộc chiến tranh của lao động chống lại tư bản"*. Người ta gán cho nó đủ thứ kinh khủng: chia lại đất đai một cách bình quân, thủ tiêu những mối liên hệ gia đình, cướp bóc một cách có tổ chức, v.v..

Chủ nghĩa xã hội *tốt*, đó là *"sự hài hòa giữa lao động và tư bản"*. Cùng với nó là xóa bỏ tệ dốt nát, xóa bỏ tận gốc những nguyên nhân đẻ ra tình trạng bần cùng, tổ chức tín dụng, tăng thêm sở hữu, cải cách hệ thống thuế khóa - tóm lại, "một chế độ tiến gần hơn cả đến cái mà con người vẫn hình dung là vương quốc thần tiên trên trái đất".

Cần sử dụng chủ nghĩa xã hội tốt để bóp chết chủ nghĩa xã hội tồi.

"Chủ nghĩa xã hội đã có chiếc đòn bẩy; chiếc đòn bẩy đó là *ngân sách*. Nhưng nó còn thiếu điểm tựa để bẩy thế giới ra khỏi trục của nó. Cuộc cách mạng ngày 24 tháng Hai đã đem lại cho nó cái điểm tựa ấy: đó là *quyền phổ thông đầu phiếu*".

Nguồn thu của ngân sách là *các thứ thuế*. Như vậy, sự tác động của quyền phổ thông đầu phiếu đối với ngân sách được quy lại ở tác động của nó đối với các thứ thuế. Nhờ có sự tác động đối với thuế khóa đó mà chủ nghĩa xã hội "tốt" được thực hiện.

"Nước Pháp không thể đóng hơn 1200 triệu phrăng tiền thuế một năm. Các ngài định làm gì để giảm những khoản chi xuống bằng số tiền ấy?"

"Trong vòng ba mươi lăm năm các ngài đã ba lần ghi vào hai bản hiến chương và một bản hiến pháp rằng mọi người Pháp đều phải gánh cái gánh nặng chi tiêu nhà nước một cách tỷ lệ với tài sản của mình. Trong vòng ba mươi lăm năm cái bình đẳng trong cách đánh thuế ấy vẫn chỉ là giả dối...".

1*- "Le socialisme et l'impôt". Par Emile de Girardin. Paris, 1850.

Ta hãy xem hệ thống thuế của nước Pháp.

I. Thuế ruộng đất. Thuế ruộng đất đánh vào chủ ruộng đất *không theo tỷ lệ*.

"Nếu hai khoảnh đất liền nhau được đánh giá như nhau trong địa bạ thì cả hai chủ ruộng đất đều đóng thuế ngang nhau, không có sự phân biệt giữa chủ giả và chủ thực", tức là giữa người chủ phải cầm bán bất động sản và người chủ không phải cầm bán bất động sản.

Tiếp đến: thuế ruộng đất *không tỷ lệ* với những thứ thuế đánh vào các loại tài sản khác. Năm 1790, khi Quốc hội cho ban hành thứ thuế này, nó chịu ảnh hưởng của trường phái trọng nông, là phái coi đất đai là nguồn duy nhất của thu nhập ròng, và vì vậy đã chuyển toàn bộ gánh nặng thuế khóa sang các chủ ruộng đất. Như vậy, thuế ruộng đất dựa trên một sự sai lầm về kinh tế. Nếu phân bố các thứ thuế một cách đồng đều thì các chủ ruộng đất chỉ phải đóng 20% thu nhập của anh ta, thế mà hiện nay anh ta phải đóng 53%.

Sau hết, theo sự ban bố lúc đầu của nó, thuế ruộng đất lẽ ra chỉ đánh vào người có ruộng đất, chứ không đánh vào người phéc-mi-ê hay người lĩnh canh. Thế mà, theo ngài Gi-rác-đanh, nó thường xuyên đánh vào người phéc-mi-ê và người lĩnh canh.

Ở đây ngài Gi-rác-đanh mắc phải một sai lầm kinh tế. Hoặc người phéc-mi-e là người phéc-mi-e thực sự, và trong trường hợp đó, thuế ruộng đất đánh vào người chủ ruộng đất hay người tiêu dùng, chứ hoàn toàn không phải đánh vào anh ta; hay dưới hình thức chế độ phéc-mi-ê nhưng anh ta chỉ là một người làm công cho chủ ruộng đất, như ở Ai-rơ-len và cũng thường thấy ở Pháp, và khi đó người ta bao giờ cũng sẽ thu ở anh ta những thứ thuế đánh vào người chủ ruộng đất, dù có gọi chúng là thuế gì cũng vậy.

II. Thuế thân và thuế đánh vào động sản. Mục đích của thứ thuế này, cũng được ban hành vào năm 1790 bằng một sắc lệnh

của Quốc hội, là trực tiếp đánh vào tư bản lưu động. Tiền thuê nhà được lấy làm tỷ lệ xác định số lượng tư bản. Trên thực tế, thuế này đánh vào chủ ruộng đất, nông dân và nhà công nghiệp, và hầu như không hoặc hoàn toàn không động chạm đến kẻ sống bằng lợi tức. Như vậy là thuế này hoàn toàn đối lập với ý định những người ban hành nó. Ngoài ra, một nhà triệu phú có thể sống ở căn gác xép với hai chiếc ghế gãy - thật là một điều không công bằng, v.v..

III. Thuế cửa sổ và cửa ra vào. Một sự xâm phạm đến sức khoẻ nhân dân. Một biện pháp thu thuế chống lại không khí trong lành và ánh sáng ban ngày.

"Gần một nửa các căn nhà ở Pháp chỉ có một cửa ra vào và không có một chiếc cửa sổ nào hoặc tối đa là có một cửa ra vào và một cửa sổ".

Thứ thuế này được phê chuẩn ngày 24 tháng Thu hoạch nho năm thứ VII (ngày 14 tháng Mười 1799) do quá cần tiền, chỉ như một biện pháp cấp bách tạm thời, còn trên nguyên tắc nó đã bị bãi bỏ.

IV. Thuế môn bài (thuế doanh nghiệp). Một thứ thuế không phải đánh vào lợi nhuận, mà vào việc làm một nghề nhất định. Một sự trừng phạt về lao động. Ở những nơi các thứ thuế này cần đánh vào các nhà công nghiệp, thì phần lớn lại đánh vào người tiêu dùng. Việc ban hành thứ thuế này vào năm 1791, nhìn chung cũng chỉ là để thỏa mãn nhu cầu tiền tạm thời.

V. Thuế đăng ký và thuế tem. Droit d'enregistrement[173] được ban hành dưới thời Phrăng-xoa I và lúc đầu không nhằm mục đích thu thuế (?). Năm 1790 việc buộc phải đăng ký các khế ước về tài sản được mở rộng, và mức thuế cũng tăng lên. Thuế được định theo cách là đối mua và bán thì thuế đánh cao hơn đối cho tặng và thừa kế. Thuế tem là một phát minh thu thuế thuần túy, nó đánh thuế đồng đều như nhau đối với những lợi nhuận không bằng nhau.

VI. Thuế đồ uống. Đó là sự kết hợp tất cả mọi thứ bất công kìm hãm sản xuất, gây nên công phẫn, một thứ thuế nặng nhất

theo cách thức thu thuế (xem thêm số 3 tạp chí "1848-1849", "Những hậu quả của ngày 13 tháng Sáu[1*]").

VII. Thuế quan. Một đống hỗn độn những thứ thuế hải quan chồng chất lên nhau theo lệ cổ truyền, mâu thuẫn với nhau, không có ý nghĩa và gây hại cho công nghiệp. Chẳng hạn, 100 ki-lô-gam bông thô ở Pháp bị đánh thuế 22 phrăng 50 xu. Ta hãy xem tiếp.

VIII. Thuế nhập thị[174]. Không có thậm chí cả lý do bảo vệ ngành công nghiệp quốc dân. Đó là thứ thuế quan trong nước; lúc đầu là thuế địa phương, nó lợi cho người nghèo, còn hiện nay nó lại chủ yếu đè nặng lên các tầng lớp nghèo nhất và đưa đến tình trạng làm giả những thực phẩm cung ứng cho họ. Càng nhiều thành thị thì thứ thuế này càng gây trở ngại cho nền công nghiệp quốc dân.

Đấy là tất cả những gì Gi-rác-đanh bàn về các thứ thuế riêng biệt. Hẳn bạn đọc đã nhận thấy là sự phê phán của ông ta đúng đến được đến chừng mực nào thì cũng tầm thường đến chừng mực ấy. Nó quy lại ở ba luận cứ:

1) mọi thứ thuế không bao giờ đánh trúng vào tầng lớp mà nó phải đánh, theo ý đồ những người ban hành nó, mà bao giờ cũng được chuyển sang vai tầng lớp khác;

2) mọi thứ thuế tạm thời đều được củng cố và trở thành vĩnh viễn;

3) không một thứ thuế nào là tỷ lệ với tài sản, công bằng, đồng đều, hợp lý cả.

Những ý kiến phản đối về mặt kinh tế chung chung đó nhằm chống lại các thứ thuế hiện hành đều được lặp đi lặp lại ở tất cả mọi nước. Nhưng hệ thống thuế ở nước Pháp có một đặc điểm riêng. Cũng như người Anh là những đại diện điển hình cho công pháp và tư pháp, thì người Pháp, - những người xuất phát từ một quan điểm chung, trong tất cả các lĩnh vực khác nhau đều

1* Xem tập này, tr.112-117.

điển chế hóa, đơn giản hóa và đoạn tuyệt với truyền thuyết, trong hệ thống thuế lại là một dân tộc lịch sử chân chính. Về vấn đề này Gi-rác-đanh viết:

"Ở Pháp, chúng ta sống dưới cái ách của hầu hết mọi cách thu thuế của chế độ cũ. Taille[1*], thuế thân, aides[2*], thuế quan, thuế muối, thuế kiểm soát, đăng ký các văn bản, sao lục, độc quyền thuốc lá, những khoản thu nhập quá đáng của ngành bưu chính và buôn bán thuốc súng, tổ chức xổ số, chế độ lao dịch thôn xã hay nhà nước, nộp tiền để khỏi phải chứa binh lính tại nhà, thuế nhập thị, thuế đường sông và đường bộ, những khoản thuế đặc biệt, - tất cả những thứ thuế đó có thể đổi tên gọi, nhưng tất cả trên thực tế vẫn tiếp tục tồn tại và không trở nên bớt nặng nề đối với nhân dân mà cũng chẳng đem lại gì có lợi nhiều hơn cho ngân khố quốc gia. Hệ thống tài chính của chúng ta không dựa trên một nền móng khoa học nào cả. Nó chỉ phản ánh độc những truyền thống thời trung cổ, mà những truyền thống này lại là di sản của chế độ thuế dốt nát và ăn cướp thời La Mã".

Tuy vậy, cha ông chúng ta ngay tại Quốc hội trong thời kỳ cuộc cách mạng thứ nhất đã từng tuyên bố: "Chúng tôi làm cách mạng để tự mình định đoạt lấy thuế khóa".

Nhưng nếu như tình hình đó có thể tiếp tục tồn tại dưới thời Đế chế, dưới thời Phục tích, dưới nền Quân chủ tháng Bảy, thì giờ đây nó đã hết thời:

"Việc bãi bỏ những đặc quyền bầu cử tất nhiên dẫn đến việc bãi bỏ mọi sự không bình đẳng về thuế khóa. Như vậy, không được để mất một phút nào, cần làm ngay cải cách tài chính, nếu như chúng ta không muốn để cho bạo lực chiếm chỗ của khoa học... *Thuế* hầu như là *cơ sở duy nhất mà xã hội chúng ta dựa vào*... Chúng ta cứ ra công đi tìm thật xa tít trên mây xanh những cải cách xã hội và chính trị: những cải cách quan trọng nhất nằm ngay trong thuế khóa. Cứ tìm đi rồi sẽ thấy".

Vậy, chúng ta tìm thấy được cái gì đây?

"Các thứ thuế, như *chúng tôi* quan niệm, phải là thứ *tiền bảo hiểm* mà những người có của trả *để bảo hiểm cho họ khỏi bị bất kỳ sự rủi ro nào có thể cản trở họ trong việc sở hữu và sử dụng*... Tiền bảo hiểm đó phải theo tỷ lệ và phải hết sức chính xác. Tất cả những thứ thuế không phải là sự đảm bảo tránh khỏi rủi ro, cũng không phải là giá cả trả cho hàng hóa, cũng không phải là vật ngang giá với công phục vụ - đều phải bị bãi bỏ. Chúng ta chỉ cho phép hai trường hợp ngoại lệ: thuế hàng ngoại (douane) và thuế tử vong (enregistrement)... Như vậy, người nộp thuế nhường chỗ cho người được bảo hiểm... Bất kỳ ai quan tâm đến việc nộp thuế thì nộp, mà lại chỉ nộp tương

1*- Ta-lơ, thuế trực thu, chủ yếu đánh vào tầng lớp nông dân
2*- những thứ thuế gián thu

xứng với lợi ích của mình thôi... Chúng ta còn đi xa hơn nữa và nói: bất kỳ thứ thuế nào cũng bị lên án chính vì nó mang cái tên thuế, đánh thuế. *Cần phải xóa bỏ tất cả mọi thứ thuế*, bởi vì đặc điểm nổi bật của thuế là tính chất cưỡng bách của nó, còn việc bảo hiểm thì có tính chất tự nguyện".

Chớ nên nhầm lẫn cái khoản tiền bảo hiểm đó với thuế thu nhập, nó đúng ra là một thứ thuế đánh vào tư bản, vì rằng tiền bảo hiểm không bảo đảm cho thu nhập, mà bảo đảm cho toàn bộ tài sản nói chung. Nhà nước cũng làm y như các công ty bảo hiểm, những công ty này khi bảo hiểm chỉ quan tâm tới giá trị của tài sản chứ không quan tâm tới chuyện tài sản đó mang lại thu nhập bao nhiêu.

"Khoản có trong tài sản quốc dân nước Pháp được đánh giá là 134 tỷ, trong đó cần trừ đi khoản nợ là 28 tỷ. Nếu như ngân sách chi giảm xuống còn 1200 triệu thì hàng năm chỉ cần thu của tư bản 1% là cũng đủ để đưa nhà nước lên thành một công ty bảo hiểm lẫn nhau khổng lồ".

Và từ lúc đó "*không còn cách mạng nữa*".

"Từ *chính quyền* nhường chỗ cho từ *tình đoàn kết; lợi ích chung* trở thành nhân tố gắn bó các thành viên của xã hội".

Ngài Gi-rác-đanh không thỏa mãn với đề nghị chung chung đó, mà đồng thời còn đưa ra cả một bản mẫu phiếu bảo hiểm hay sổ bảo hiểm mà mỗi công dân cần được nhà nước cấp phát cho.

Mỗi năm, người làm nhiệm vụ thu thuế trước đây cấp cho người được bảo hiểm một phiếu bảo hiểm gồm "bốn trang to bằng sổ chứng minh". Trên trang nhất ghi tên người được bảo hiểm và số thứ tự của anh ta, cùng với bảng kê ô để ghi tiền đóng góp; trên trang hai ghi thật rõ tình hình bản thân và gia đình người được bảo hiểm, kèm theo bản đánh giá tỷ mỉ toàn bộ tài sản của người đó do người đó tự khai, có cam đoan theo đúng mọi thể thức; trên trang ba ghi ngân sách nhà nước cùng bản cân đối thu chi chung của nước Pháp; trên trang tư ghi những số liệu thống kê khác nhau ít nhiều hữu ích. Phiếu bảo hiểm này dùng làm chứng minh, thẻ cử tri để đi bầu cử, sổ thanh toán thông hành của người công nhân, v.v. Những điều ghi trong các phiếu bảo hiểm đó lại giúp cho nhà nước lập ra bốn cuốn sổ cái; sổ cái về dân cư, sổ cái về tài sản, sổ cái về nợ nhà nước và sổ

cái về nợ có đảm bảo bằng bất động sản, bốn quyển sổ này gộp lại thì bao gồm đầy đủ số liệu thống kê về tất cả các nguồn thu nhập của nước Pháp.

Như vậy, thuế thực ra là tiền bảo hiểm mà người được bảo hiểm trả lời để được sử dụng những đặc quyền sau đây: 1) quyền được xã hội bảo vệ, được kiện tụng không mất tiền, được làm lễ tôn giáo không mất tiền, được học tập không mất tiền, được nhận tín dụng có đảm bảo và nhận tiền hưu bổng ở ngân hàng gửi tiền tiết kiệm; 2) được miễn quân dịch trong thời bình; 3) được bảo đảm không bị nghèo khổ; 4) được bồi thường thiệt hại do cháy nhà, lụt lội, mưa đá, bệnh dịch gia súc, đắm tàu.

Còn cần vạch rõ rằng ngài Gi-rác-đanh muốn bù đắp những khoản tiền mà chính phủ phải bồi thường thiệt hại cho những người được bảo hiểm bằng các loại tiền phạt, v.v., bằng những khoản thu nhập của tài sản quốc dân, tiền thu và đăng ký và thuế quan còn giữ lại, cũng như bằng tiền của các tổ chức độc quyền nhà nước.

Cải cách thuế khóa, đó là cái để tài ưa chuộng nhất của tất cả các nhà tư sản cấp tiến, đó là yếu tố đặc thù của mọi cuộc cải cách kinh tế - tư sản. Kể từ những người tiểu thị dân đầu tiên thời trung cổ cho tới những kẻ chủ trương mậu dịch tự do của nước Anh hiện đại, toàn bộ cuộc đấu tranh đều xoay quanh thuế khóa.

Cải cách thuế khóa nhằm mục tiêu hoặc bãi bỏ những thứ thuế cổ truyền còn để lại, gây trở ngại cho sự phát triển công nghiệp, nhằm giảm chi phí quản lý nhà nước, hoặc phân bố thuế khóa đồng đều hơn. Nhà tư sản càng kiên trì đuổi theo cái ảo tưởng phân bố thuế khóa đồng đều, thì thực tế cái ảo tưởng ấy lại càng không thực hiện được.

Thuế khóa giỏi lắm chỉ có thể làm thay đổi về những điểm thứ yếu các quan hệ phân phối do nền sản xuất tư sản trực tiếp quy định, - những quan hệ giữa tiền công và lợi nhuận, lợi nhuận

và lợi tức, địa tô và lợi nhuận, - chứ tuyệt nhiên không thể làm lung lay cơ sở của những quan hệ đó. Tất cả các công trình nghiên cứu và các cuộc tranh cãi về thuế khóa đều đặt giả thiết là những quan hệ tư sản đó tồn tại vĩnh viễn. Ngay cả việc thủ tiêu thuế khóa thì cũng chỉ có thể thúc đẩy chế độ sở hữu tư sản và những mâu thuẫn của nó phát triển nhanh thêm lên mà thôi.

Thuế khóa có thể đặt một số giai cấp vào địa vị đặc lợi và đè nặng đặc biệt lên vai những giai cấp khác, như ta thấy chẳng hạn, dưới chế độ thống trị của tầng lớp quý tộc tài chính. Thuế khóa chỉ làm phá sản những tầng lớp trung gian trong xã hội đứng giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, mà địa vị của họ không cho phép họ trút bỏ gánh nặng thuế khóa cho một giai cấp nào khác.

Mỗi thứ thuế mới lại đẩy giai cấp vô sản xuống một bậc thang thấp hơn; việc bãi bỏ một thứ thuế cũ nào đấy chẳng nâng cao được tiền công, mà lại tăng thêm lợi nhuận. Trong thời kỳ cách mạng, người ta có thể tăng thuế lên rất nhiều để lấy đó làm một hình thức đánh vào quyền sở hữu tư nhân, nhưng cả khi ấy hoặc nó sẽ phải thúc đẩy đi tới những biện pháp cách mạng mới, hoặc cuối cùng sẽ dẫn tới việc phục hồi những quan hệ tư sản cũ.

Giảm thuế khóa, phân bố thuế khóa công bằng hơn, v.v. đó là cải cách *tư sản* một cách tầm thường. Xóa bỏ thuế khóa, đó là *chủ nghĩa xã hội tư sản*. Thứ chủ nghĩa xã hội tư sản ấy chủ yếu nhằm vào những tầng lớp trung gian công thương nghiệp và nông dân. Giai cấp đại tư sản mà ngay giờ đây đang sống trong cái thế giới tốt đẹp nhất của nó, đương nhiên là coi khinh cái ước vọng viển vông về một thế giới tốt đẹp hơn.

Ngài Gi-rác-đanh bãi bỏ thuế khóa bằng cách biến chúng thành tiền bảo hiểm. Bằng cách trả một số lãi xuất nhất định, các thành viên của xã hội bảo hiểm tài sản cho nhau khỏi bị hỏa hoạn, hạn hán, mưa đá, vỡ nợ - tóm lại, khỏi bị mọi chuyện rủi ro ngày nay đang cản trở giai cấp tư sản yên ổn tận hưởng cuộc sống.

Tiền đóng góp hàng năm chẳng những do tất cả những người tự bảo hiểm định đoạt mà còn được xác định bởi mỗi cá nhân riêng biệt, mỗi người tự đánh giá lấy tài sản của mình. Nhờ vậy mà không còn những cuộc khủng hoảng thương nghiệp và nông nghiệp, những vụ thua thiệt vì vỡ nợ hàng loạt, tất cả những lên xuống và biến động trong đời sống tư sản đã mang tính chất bệnh dịch từ khi xuất hiện nền công nghiệp hiện đại, nghĩa là không còn toàn bộ khía cạnh nên thơ của xã hội tư sản nữa. Sự tin cậy phổ biến và sự bảo hiểm phổ biến[1*] được thực hiện. Người công dân được nhà nước bảo đảm bằng văn bản rằng anh ta không thể bị phá sản trong bất cứ trường hợp nào. Tất cả các mặt tiêu cực của chế độ hiện hành bị xóa bỏ, tất cả các mặt tốt đẹp của nó được bảo toàn rực rỡ - tóm lại là thực hiện được một chế độ "giống hơn cả với cái mà nhà tư sản hình dung là thiên đường trên trái đất". Đoàn kết thay cho quyền lực, tự do thay cho cưỡng bách, hội đồng quản trị thay cho nhà nước, và thế là đã tìm thấy quả trứng Cô-lông-bơ: tiền đóng góp chính xác một cách toán học của mỗi người được "bảo hiểm", tương xứng với tài sản của người đó. Mỗi "người được bảo hiểm" mang trong mình một nhà nước hoàn chỉnh, một chế độ lưỡng viện hoàn chỉnh. Nỗi lo lắng phải đóng cao quá cho nhà nước - phải đối lập tư sản trong hạ nghị viện - khiến cho người công dân đánh giá quá thấp tài sản của mình. Việc lo giữ tài sản của mình - yếu tố bảo thủ trong viện nguyên lão - lại đẩy người công dân tới chỗ đánh giá quá cao tài sản của mình. Từ đó trò chơi lập hiến của các xu hướng đối lập nhau đó tất yếu đưa đến chỗ thực sự cân bằng quyền lực, kê khai tình hình tài sản một cách chính xác và đúng đắn, đóng góp thật sự đúng theo tỷ lệ.

Có một anh chàng người La Mã muốn có một ngôi nhà bằng kính, để cho mỗi cử chỉ của mình đều được mọi người xung quanh nhìn thấy. Nhà tư sản thì muốn không phải nhà của mình mà nhà người láng giềng làm bằng kính. Và cái ý muốn ấy cũng được

1* Chơi chữ tiếng Đức: "Sicherheit" - "sự vững tin", "Versicherung" - "sự bảo hiểm".

thực hiện. Chẳng hạn, một công dân nào đấy muốn nhận tiền tạm ứng của tôi hay là muốn nhập hội với tôi. Tôi sẽ yêu cầu anh ta cho xem phiếu bảo hiểm và sẽ tìm thấy trong đó bản tự khai đầy đủ và tỉ mỉ tất cả những quan hệ công dân của anh ta được đảm bảo bằng lợi ích được hiểu một cách đúng đắn của anh ta và có chữ ký xác nhận của ban quản trị công ty bảo hiểm. Một kẻ ăn mày gõ cửa nhà tôi xin bố thí. Hãy đưa xem phiếu bảo hiểm! Người công dân cần phải biết chắc là đang bố thí cho một người đáng được bố thí. Cần mướn một người hầu, người ta cứ đưa anh ta về nhà và cứ hy vọng mình gặp may; còn bây giờ thì hãy đưa xem phiếu bảo hiểm!

"Có nhiều cuộc kết hôn trong đó cả hai bên đều không biết đích xác nên nghĩ thế nào về tính hiện thực của số của hồi môn và biết đâu lại chả là hai bên đặt vào nhau quá nhiều hy vọng".

Hãy đưa xem phiếu bảo hiểm! Trong tương lai, việc trao đổi tâm tình với nhau giữa những tâm hồn cao đẹp sẽ giới hạn ở việc trao đổi cho nhau xem những phiếu bảo hiểm mà thôi. Như thế là không còn sự lừa dối hiện đang là cái ngọt ngào và cái đắng cay của cuộc đời, và cái vương quốc của sự thật chân chính đang được thực hiện. Hơn thế nữa.

"Với những thể chế hiện thời, các tòa án làm cho nhà nước phải tốn kém 7½ triệu, còn khi thể chế của chúng ta được thực hiện, thì những vụ vi phạm pháp luật sẽ là một khoản thu cho nhà nước, chứ không phải là một khoản chi, vì rằng tất cả những vụ đó sẽ biến thành tiền phạt và tiền bồi thường".

Cái ý kiến tuyệt diệu làm sao!

Ở cái thế giới tốt đẹp nhất này, mọi cái đều mang lại lợi nhuận: những tội ác biến mất, còn những vụ phạm pháp thì mang lại thu nhập[1*]. Sau hết, vì rằng trong thể chế này, quyền tư hữu được đảm bảo tránh được mọi sự rủi ro, còn nhà nước tồn tại chỉ như một công ty bảo hiểm chung cho tất cả mọi lợi ích, nên công nhân thường xuyên được đảm bảo công ăn việc làm. "Không còn cách mạng nữa!"

1* Chơi chữ tiếng Đức: "vergehen" - "biến mất", "Vergehen" - "phạm pháp".

Nếu với điều đó, các công nhân chân thật chưa vừa lòng,

Thì còn biết làm gì hơn nữa để họ ưng?

Nhà nước tư sản - chẳng qua chỉ là một công ty bảo hiểm lẫn nhau của giai cấp tư sản nhằm chống lại một số thành viên riêng lẻ của nó, cũng như nhằm chống lại giai cấp bị bóc lột, sự bảo hiểm này tất nhiên ngày càng trở nên tốn kém và có vẻ như ngày càng độc lập với xã hội tư sản do chỗ ngày càng khó giữ cho giai cấp bị bóc lột phục tùng mãi. Việc thay đổi tên gọi tuyệt nhiên không làm thay đổi những điều kiện của sự bảo hiểm đó. Chính bản thân Gi-rác-đanh đã buộc phải bác bỏ ngay tức khắc cái tính độc lập giả hiệu đối với công ty bảo hiểm mà ông ta nhất thời gán cho một vài người. Ai đánh giá gia sản của mình quá thấp, kẻ đó sẽ bị thiệt: quỹ bảo hiểm mua lại tài sản của anh ta với giá anh ta đã nêu và thậm chí còn hứa sẽ thưởng để thúc đẩy những sự tố giác. Hơn thế nữa: ai muốn không bảo hiểm gia sản của mình, thì sẽ phải đứng ngoài xã hội và sẽ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Dĩ nhiên, xã hội không thể dung thứ việc bên trong nó lại hình thành một loại người nổi dậy chống lại những điều kiện tồn tại của nó. Sự cưỡng bức, quyền lực, sự can thiệp của các công chức vào công việc - tức là chính những cái mà Gi-rác-đanh muốn thủ tiêu - lại xuất hiện trong xã hội. Nếu như trong giấy lát ông có sao lãng những điều kiện của xã hội tư sản, thì cũng chỉ là để quay trở lại với chúng bằng con đường vòng mà thôi.

Việc xóa bỏ thuế khóa che đậy đằng sau nó việc xóa bỏ nhà nước. Những người cộng sản quan niệm việc bãi bỏ nhà nước chỉ là kết quả tất yếu của việc thủ tiêu các giai cấp, mà đã thủ tiêu các giai cấp thì tự khắc sẽ không còn nhu cầu phải có lực lượng có tổ chức của một giai cấp để bắt những giai cấp khác phục tùng mình. Tình trạng lấn quyền sẽ gây nên tình trạng độc quyền và tình trạng độc quyền sẽ dẫn đến tình trạng độc tài. Ở các nước tư sản, việc bãi bỏ nhà nước có nghĩa là hạ thấp quyền lực nhà nước xuống trình độ như ở Bắc Mỹ. Tại đây, các mâu thuẫn giai cấp chưa phát triển đầy đủ; những xung đột giai cấp lần nào

cũng được xóa mờ đi do số dân vô sản thừa tràn sang miền Tây. Việc can thiệp của quyền lực nhà nước tại miền Đông chỉ có ở mức tối thiểu, thì ở miền Tây hoàn toàn không có. Ở các nước phong kiến, việc bãi bỏ nhà nước có nghĩa là bãi bỏ chế độ phong kiến và thiết lập nhà nước tư sản thông thường. Ở Đức thì khẩu hiệu bãi bỏ nhà nước nhằm che đậy hoặc một thái độ hèn nhát chạy trốn cuộc đấu tranh đang diễn ra trực tiếp hoặc một thái độ bịp bợm thổi phồng nền tự do *tư sản* lên tới quyền độc lập và tự chủ tuyệt đối của từng cá nhân *riêng lẻ*, hoặc sau hết, là thái độ thờ ơ của nhà tư sản đối với bất kỳ hình thức nhà nước nào, miễn là nó đừng kìm hãm quyền lợi tư sản phát triển. Và nếu như việc bãi bỏ nhà nước "với ý nghĩa cao nhất" đó được tuyên truyền với hình thức lố bịch làm vậy thì, tất nhiên, những Stiếc-nơ và Phau-sơ ở Béc-lin không có lỗi gì trong vấn đề này. La plus belle fille de France ne peut donner que ce qu'elle a[1*].

Như vậy công ty bảo hiểm của ngài Gi-rác-đanh chỉ còn lại là thuế tư bản, khác với thuế thu nhập và thay cho tất cả các thứ thuế khác. Với ngài Gi-rác-đanh, tư bản không chỉ hạn chế ở tư bản được đầu tư vào sản xuất, mà còn bao gồm tất cả động sản và bất động sản. Ông tán dương cái thứ thuế tư bản ấy hết chỗ nói:

"Đó là quả trứng Cô-lông-bơ, đó là kim tự tháp đứng trên mặt đáy của nó chứ không phải đứng bằng đỉnh nhọn, đó là một dòng thác tự khai thông cho mình luồng chảy, đó là một cuộc cách mạng không có các nhà cách mạng, một sự tiến bộ không hề có sự thụt lùi, một sự vận động không cần lực đẩy, sau hết đó là một tư tưởng giản đơn và một qui luật thực sự".

Trong tất cả những lời quảng cáo bịp bợm mà ngài Gi-rác-đanh đã từng sáng tác ra, - mà, như mọi người đều biết là nhiều vô kể, - thì bản dự án thuế tư bản đó không còn nghi ngờ gì nữa, là một kiệt tác.

Tuy thế, thuế tư bản, với tư cách là một thứ thuế duy nhất, vẫn có những ưu điểm của nó. Tất cả các nhà kinh tế học, kể cả Ri-các-đô, đã từng chứng minh những cái lợi của một thứ thuế

1*- Cô gái xinh đẹp nhất nước Pháp chỉ có thể đem cho cái mà cô ta có.

duy nhất. Thuế tư bản với tư cách là một thứ thuế duy nhất, bằng một đòn thôi mà thủ tiêu toàn bộ bộ máy thuế vụ phức tạp và tốn kém, nó ảnh hưởng ít nhất đến quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng bình thường và, khác với tất cả các thứ thuế khác, nó đánh thuế cả tư bản đầu tư vào những đồ xa xỉ.

Nhưng ở ngài Gi-rác-đanh, thuế tư bản không chỉ có vậy; nó còn có một tác dụng tốt hoàn toàn đặc biệt.

Những lượng tư bản lớn bằng nhau thì phải nộp cho nhà nước những khoản thuế như nhau, bất kể những tư bản đó mang lại 6%, 3% thu nhập hay hoàn toàn chẳng mang lại chút thu nhập nào cả. Hậu quả của việc này là những tư bản chưa sử dụng sẽ được đưa vào lưu thông và như vậy số tư bản sản xuất sẽ tăng lên, còn những tư bản đã được sử dụng sẽ hoạt động ráo riết hơn để sản xuất ra nhiều hơn. Kết quả của cả hai điều này sẽ là hạ thấp lợi nhuận và tỷ suất lợi tức. Trái lại, ngài Gi-rác-đanh thì khẳng định rằng trong trường hợp đó lợi nhuận và lợi tức *sẽ tăng lên* - thật là một sự thần kỳ kinh tế! Việc biến tư bản không sản xuất thành tư bản sản xuất và việc tăng hiệu suất của tư bản nói chung đã đẩy nhanh và tăng cường tiến trình phát triển của cuộc khủng hoảng công nghiệp và đã hạ thấp lợi nhuận và tỷ suất lợi tức. Thuế tư bản chỉ có thể đẩy nhanh quá trình đó, làm cho các cuộc khủng hoảng thêm trầm trọng và, như vậy tăng cường sự lớn mạnh của các yếu tố cách mạng "không còn cách mạng nữa!".

Một tác động kỳ diệu nữa của thuế tư bản, theo ngài Gi-rác-đanh, là nó thu hút tư bản từ ngành nông nghiệp thu nhập ít vào ngành công nghiệp có thu nhập cao hơn, làm hạ giá ruộng đất và dẫn tới việc tập trung chiếm hữu ruộng đất, tới nền nông nghiệp lớn ở nước Anh, và đồng thời dẫn tới việc chuyển nền công nghiệp hoàn toàn phát triển của nước Anh sang nước Pháp. Chưa kể tới chuyện là muốn vậy thì phải làm sao để cả những điều kiện khác nữa của nền công nghiệp Anh cũng được di chuyển sang Pháp, ở đây ngài Gi-rác-đanh đã rơi vào một sai lầm rất độc đáo. Ở Pháp

nền công nghiệp điêu đứng không phải vì thừa tư bản, mà vì thiếu tư bản. Ở Anh, việc tập trung sở hữu ruộng đất và việc nông nghiệp phát triển mạnh không phải là do rút tư bản ra khỏi nông nghiệp mà trái lại, do ném tư bản công nghiệp vào nông nghiệp. Giá ruộng đất ở Anh cao hơn nhiều so với ở Pháp; tổng giá trị toàn bộ ruộng đất ở Anh hầu như bằng cả tài sản quốc dân nước Pháp, như Gi-rác-đanh đánh giá. Như vậy, giá ruộng đất ở Pháp ắt chẳng những không hạ xuống đi đôi với sự tập trung ruộng đất, mà, trái lại, sẽ cao lên. Hơn nữa, việc tập trung sở hữu ruộng đất ở Anh đã quét sạch khỏi mặt đất hàng loạt các thế hệ con người. Ở Pháp, chính việc tập trung này, - mà tất nhiên thuế tư bản sẽ thúc đẩy bằng cách đẩy nhanh quá trình phá sản nông dân - sẽ xua đuổi đông đảo nông dân đó ra thành thị và do đó sẽ làm cho cách mạng càng trở nên không tránh được. Và, sau hết nếu như ở Pháp đã bắt đầu quá trình đảo ngược đi từ phân tán đến tập trung, thì ở Anh chế độ sở hữu ruộng đất lớn lại tiến những bước khổng lồ theo hướng phân tán nhỏ, chứng minh một cách xác đáng rằng chừng nào còn các quan hệ tư sản nói chung thì nền công nghiệp ắt phải không ngừng vận động vòng quanh từ tập trung đến chia nhỏ rồi từ chia nhỏ đến tập trung.

Nhưng xin đủ những chuyện kỳ diệu ấy. Ta hãy sang vấn đề tín dụng có đảm bảo.

Lúc đầu, tín dụng có đảm bảo chỉ áp dụng cho việc sở hữu ruộng đất mà thôi. Nhà nước phát hành những biên lai cầm cố hoàn toàn giống như giấy bạc, chỉ có điều khác là vật đảm bảo ở đây không phải là tiền mặt hay vàng thoi, mà là ruộng đất. Nhà nước cấp cho những nông dân vay nợ những biên lai cầm cố đó với tỷ suất lãi 4% để thỏa mãn yêu cầu của những người cho vay nợ có đảm bảo; giờ đây bất động sản không phải nằm trong tay những tư nhân cho vay, mà là trong tay nhà nước, nhà nước làm cho nợ càng tăng thêm, và như vậy là người cho vay không bao giờ còn có thể đòi lại nó. Tất cả tiền nợ có đảm bảo bằng bất

động sản ở Pháp là 14 tỷ. Dù Gi-rác-đanh dự tính chỉ phát hành số biên lai cầm cố với tổng trị giá là 5 tỷ thôi, nhưng việc tăng khối lượng tiền giấy lên con số đó cũng sẽ chẳng những đủ để làm sụt giá tư bản, mà còn đủ để làm cho tiền giấy hoàn toàn mất giá. Ở đây Gi-rác-đanh không dám làm cho những tờ giấy đó có thị giá cưỡng bức. Để tránh nạn mất giá, Gi-rác-đanh đề nghị những người có biên lai đó đem đổi chúng al pari[1*] lấy những phiếu công trái 3%. Kết quả là toàn bộ việc này tựu trung lại như sau: người nông dân mà trước đây phải trả 5% lại còn thêm 1% thuế lập tờ khai cầm cố, tái lập nó v.v., thì giờ đây chỉ phải trả 4%, tức là được lợi 2%; nhà nước phải trả 3% và thu được 4% tức là được lợi 1%; còn những tư nhân cho vay, mà trước đây thu được 5%, trước nguy cơ biên lai cầm cố mất giá, đành phải chịu ơn mà nhận lấy 3% do nhà nước dành cho và, do đó thiệt mất 2%. Ngoài ra, người nông dân không phải lo trả nợ nữa, còn người cho vay thì không thể đòi của nhà nước số tiền phải trả cho mình. Do đó, toàn bộ công việc chung qui lại là một sự ăn cướp trắng trợn, được che đậy tí chút bằng những biên lai cầm cố, chiếm 2% trong số 5% của những người xuất tiền cho vay có đảm bảo bằng bất động sản. Như vậy lần duy nhất mà ngài Gi-rác-đanh định thay đổi cả chính bản thân những quan hệ xã hội chứ không phải chỉ thay đổi thuế khóa, thì ông ta đành phải xâm phạm trắng trợn vào quyền tư hữu, ông ta phải trở thành nhà cách mạng và phải từ bỏ toàn bộ quan niệm không tưởng của ông. Nhưng ngay cả sự xâm phạm đó cũng tuyệt nhiên không phải ở nơi ông ta mà ra. Ông ta đã vay mượn yêu cầu này ở những người cộng sản Đức, những người sau cuộc cách mạng tháng Hai lần đầu tiên đã đòi biến nợ có đảm bảo bằng bất động sản thành nợ vay nhà nước[175], mặc dù đương nhiên theo cách hoàn toàn khác với ngài Gi-rác-đanh, người mà thậm chí còn lên tiếng chống lại việc này. Có điều đặc biệt là cái lần duy nhất mà ngài Gi-rác-đanh đưa ra một biện pháp ít nhiều cách mạng như

1*- theo giá quy định.

thế, thì ông ta lại không đủ dũng cảm để nêu ra một cái gì khác ngoài các biện pháp chắp vá chỉ có thể làm cho quá trình phân tán ruộng đất ở Pháp mang tính chất kinh niên hơn, chỉ có thể làm cho nó dịu đi mấy chục năm, để rồi cuối cùng lại đưa tới tình trạng hiện nay.

Điều duy nhất mà bạn đọc sẽ không tìm thấy trong toàn bộ cuốn sách của Gi-rác-đanh, đó là *những người công nhân*. Những chủ nghĩa xã hội tư sản xưa nay bao giờ cũng mô tả *xã hội như chỉ gồm toàn các nhà tư bản*, để rồi sau đó xuất phát từ quan điểm ấy, có thể dễ dàng giải quyết sự tranh chấp giữa tư bản và lao động làm thuê.

Viết vào nửa cuối tháng Tư 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÀI THỨ HAI ĐIỂM TÌNH HÌNH QUỐC TẾ

(Bài điểm tình hình hàng tháng này không thể đăng được trên số tạp chí trước vì thiếu chỗ. Ở đây chúng tôi chỉ đăng phần có liên quan tới nước Anh trong bài bình luận này).

Trước ngày kỷ niệm cách mạng tháng Hai ít lâu, khi mà Các-li-ê ra lệnh chặt những cây tự do, thì tạp chí "Punch"[126] có đăng bức vẽ một cây tự do mà lá là những lưỡi lê, còn quả là những trái bom, và bên cạnh cái cây tự do nước Pháp um tùm lưỡi lê đó là một bài ca đặc biệt, ngợi ca cái cây tự do Anh, một cây duy nhất cho những quả chắc nịch: pounds, shillings and pences[1*]. Nhưng sự châm biếm cay độc kiểu nhà buôn đó còn chưa thấm gì so với những cơn tức giận dữ dội mà từ ngày 10 tháng Ba tờ "Times" đã nổi trận lôi đình trước những thắng lợi của "phe vô chính phủ". Phe phản động ở Anh, cũng như ở tất cả các nước khác, cảm thấy quả đấm giáng ở Pa-ri dường như trực tiếp đánh vào nó.

Nhưng cái đe dọa "trật tự" ở Anh trước hết không phải là mối hiểm họa xuất phát từ Pa-ri, mà là cái hậu quả mới, trực tiếp của trật tự, cái trái quả của cây tự do nước Anh đó: *khủng hoảng thương nghiệp*.

1*- pao, si-linh và pen-ni.

Trong bài điểm tình hình tháng Giêng của chúng tôi (đăng trên số 2 tạp chí này[1*], chúng tôi đã chỉ ra rằng cuộc khủng hoảng đang tiến gần. Nhiều tình huống đã đẩy nhanh nó lại gần. Trước cuộc khủng hoảng gần đây nhất xảy ra năm 1845, tư bản thừa đổ xô vào đầu cơ đường sắt. Song, nạn sản xuất thừa và đầu cơ đường sắt quá mức đã lan tràn rộng rãi đến nỗi ngành kinh doanh đường sắt không hoàn lại được vốn thậm chí cả trong thời kỳ phồn vinh vào những năm 1848-1849, và thậm chí trị giá cổ phiếu của cả những xí nghiệp vững nhất trong loại này cũng rất thấp. Giá lúa mì hạ và triển vọng vụ mùa năm 1850 cũng không tạo ra những điều kiện thắng lợi bao nhiêu cho việc đầu tư vốn, còn các loại chứng khoán nhà nước đã trở nên quá ư bấp bênh, nên không thể trở thành món hàng đầu cơ rộng rãi. Như vậy, những con kênh thông thường để thực hiện tư bản thừa trong thời kỳ phồn vinh, đã bị tắc nghẽn. Tư bản thừa chỉ còn một cách là đổ xô toàn bộ vào sản xuất công nghiệp và đầu cơ hàng hóa thuộc địa, cũng như đầu cơ những loại nguyên liệu công nghiệp chủ yếu nhất là bông và len. Vì một phần khá lớn tư bản trước đây được sử dụng theo phương thức khác, nay trực tiếp dồn vào công nghiệp như vậy nên sản xuất công nghiệp tất nhiên phải lớn mạnh nhanh chóng khác thường, làm cho các thị trường đầy ứ hàng và, do đó, càng thúc đẩy khủng hoảng lớn nhanh hơn nhiều. Ngay giờ đây đã bộc lộ những triệu chứng đầu tiên của khủng hoảng trong các ngành công nghiệp quan trọng hơn cả và trong đầu cơ. Trong vòng một tháng, ngành công nghiệp then chốt, ngành sợi bông đã nằm trong tình trạng đình đốn hoàn toàn, mà trong đó bị điêu đứng vẫn lại là những ngành quan trọng nhất và lao đao hơn cả là ngành kéo sợi và ngành dệt những mặt hàng thông thường. Mức sụt giá sợi và vải hoa thông thường đã vượt xa mức sụt giá bông thô. Sản xuất bị thu hẹp; các nhà máy, hầu như không trừ cái nào, đều chạy không trọn ngày làm việc. Người ta trông đợi công nghiệp sẽ phồn thịnh lên trong một thời gian ngắn do có những đơn đặt hàng mùa xuân của lục địa, nhưng trong khi những đơn đặt hàng đã ký trước đây cho thị trường nội địa, cho Đông Ấn và Trung Quốc và cho Cận Đông giờ đây phần lớn bị hủy bỏ, thì những đơn đặt hàng của lục địa

1* Xem tập này, tr. 306-310.

mà trước kia thường đảm bảo công việc trong vòng hai tháng, nay lại hầu như hoàn toàn không có nữa do tình hình chính trị không ổn định. Trong ngành công nghiệp len dạ dây đó đã thấy những triệu chứng mà dựa vào đó có thể đoán được rằng tình hình công việc lúc này còn đang khá "dễ chịu" sẽ nhanh chóng chấm dứt. Ngành sản xuất sắt thép cũng gặp những khó khăn. Các nhà kinh doanh coi việc sụt giá trong tương lai gần đây là không tránh khỏi và cố kìm giữ không cho giá sụt quá nhanh bằng cách liên minh với nhau. Tình hình công nghiệp là như vậy. Bây giờ nói đến nạn đầu cơ. Giá bông sụt xuống, một phần vì số bông mới nhập tăng lên, một phần do công nghiệp đình đốn. Tình hình hàng hóa thuộc địa cũng như vậy. Hàng nhập vào tăng lên, còn nhu cầu tiêu dùng trên thị trường nội địa lại giảm xuống. Trong hai tháng gần đây, chỉ riêng chè chở tới Li-vớc-pun đã có 25 chiếc tàu thủy. Tình hình tiêu thụ hàng thuộc địa, thậm chí cả trong thời kỳ phồn vinh, cũng chỉ ở mức độ thấp vì tình hình đời sống nghèo khổ tại các vùng nông nghiệp, chịu ảnh hưởng đặc biệt nặng nề của cái tình trạng trì trệ đã lan rộng ra cả những vùng công nghiệp. Vì thế mà một trong số nhà buôn hàng thuộc địa lớn nhất ở Li-vớc-pun đã bị phá sản.

Xét về tác động của nó, cuộc khủng hoảng thương nghiệp đang kéo đến lúc này sẽ trầm trọng hơn rất nhiều so với tất cả các cuộc khủng hoảng trước đây. Nó trùng với cuộc khủng hoảng nông nghiệp đã bắt đầu từ khi bãi bỏ các thứ thuế lúa mì ở Anh và càng trầm trọng thêm lên do những vụ mùa rất tốt gần đây. Lần đầu tiên nước Anh *đồng thời* phải trải qua cả *khủng hoảng công nghiệp* lẫn *khủng hoảng nông nghiệp*. Do những chấn động sắp tới đây ở lục địa, cuộc khủng hoảng kép này ở Anh sẽ được đẩy nhanh, sẽ lan rộng và sẽ trở thành nguy hiểm hơn, và tác động của cuộc khủng hoảng ở Anh đối với thị trường thế giới lại sẽ làm cho những cuộc cách mạng ở lục địa mang tính chất xã hội chủ nghĩa rõ rệt hơn rất nhiều. Mọi người đều biết rằng không một nước châu Âu nào lại chịu ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng ở Anh một cách trực tiếp, sâu rộng và mạnh mẽ như nước Đức. Nguyên nhân rất đơn giản: đối với nước Anh, Đức là một thị trường tiêu thụ lớn nhất ở lục địa, còn những mặt hàng xuất khẩu chính của Đức, len và lúa mì, thì được tiêu thụ nhiều nhất là ở Anh. Tình hình này được phản ánh trong một bài thơ trào phúng diễu những người bạn của trật tự, có đoạn nói rằng trong khi những giai cấp công nhân phẫn uất vì tiêu dùng thiếu thốn thì những giai cấp thượng lưu lại bị phá sản vì sản xuất thừa.

Tất nhiên, đẳng dân quyền sẽ là những nạn nhân đầu tiên của cuộc khủng hoảng. Như điều này đã từng diễn ra trong những thời kỳ trước đây, bọn họ sẽ vứt bỏ tay lái quốc gia ngay khi cơn bão đang đến gần sẽ ập tới. Nhưng lần này bọn họ sẽ vĩnh biệt mãi mãi cái văn phòng ở phố Đao-ninh[177]. Hãy mặc cho một nội các bảo thủ ngắn ngày sẽ thế chân họ lúc ban đầu, nhưng mảnh đất dưới chân nội các ấy sẽ nghiêng ngả, tất cả những đảng phái đối lập đứng đầu là những nhà công nghiệp sẽ liên hiệp lại chống lại nó. Các nhà công nghiệp đã không còn có được cái phương tiện vạn năng nổi tiếng để chống khủng hoảng như đã từng dùng trước đây là việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc. Ít ra họ sẽ đành phải thực hiện cải cách nghị viện. Điều này có nghĩa là quyền lực chính trị mà họ tất sẽ giành được sẽ rơi vào tay họ trong những điều kiện khi mở ra cho giai cấp vô sản con đường bước vào nghị viện, sẽ đặt vào chương trình nghị sự của hạ nghị viện những yêu cầu của giai cấp vô sản và sẽ cuốn nước Anh vào cuộc cách mạng châu Âu.

Bây giờ, chúng tôi chỉ cần bổ sung chút ít vào những điều đã viết cách đây một tháng về cuộc khủng hoảng thương nghiệp đang tiến lại gần. Sự tạm thời cải thiện tình hình thường diễn ra vào mùa xuân thì lần này rốt cuộc cũng đã diễn ra, song ở mức độ yếu hơn so với lệ thường. Ngành công nghiệp nước Pháp, chủ yếu sản xuất các loại vải mỏng dùng trong mùa hè, đặc biệt được lợi trong tình hình đó. Tuy nhiên cả ở Man-se-xtơ, Gla-xgô và ở Uê-xtơ Rai-đinh, số đơn đặt hàng cũng tăng lên. Vả lại, sự sôi động về công nghiệp nhất thời đó vào mùa xuân hàng năm đều có và nó chỉ làm cho sự phát triển của khủng hoảng chậm lại chút ít mà thôi.

Ở Đông Ấn, sự sôi động về thương nghiệp trong một thời gian ngắn cũng đã tới rồi. Tình hình thị giá thuận lợi hơn ở Anh đã cho

phép các nhà buôn tiêu thụ được một phần số hàng tồn kho của họ theo giá thấp hơn giá thông thường, và nhờ vậy mà tình hình thị trường Bom-bay được cải thiện ít nhiều. Nhưng ngay cả sự cải thiện tình hình nhất thời và cục bộ đó cũng chỉ là một trong những trường hợp ngẫu nhiên thỉnh thoảng vẫn xảy ra, đặc biệt là vào thời kỳ đầu mỗi cuộc khủng hoảng, và chỉ có ảnh hưởng không đáng kể đến tiến trình phát triển chung của khủng hoảng.

Tuy nhiên, những tin tức vừa nhận được từ Mỹ cho thấy tình hình thị trường ở đó hết sức trì trệ. Mà trong khi đó thì thị trường Mỹ lại là thị trường quyết định nhất. Cuộc khủng hoảng chính là đã bắt đầu bằng việc thị trường Mỹ đầy ứ, hoạt động kinh doanh ngừng trệ, giá cả sụt xuống ở Mỹ, nó bắt đầu gây tác động trực tiếp, nhanh chóng và không ngừng đối với nước Anh. Chỉ cần nhớ lại cuộc khủng hoảng năm 1837 là đủ. Chỉ có độc một thứ hàng không ngừng lên giá ở Mỹ, đó là những phiếu công trái của Hợp chúng quốc, những chứng khoán nhà nước duy nhất tạo ra chốn nương thân chắc chắn cho tư bản của những người bạn của trật tự ở châu Âu chúng ta.

Sau khi nước Mỹ bị lôi vào bước đường thụt lùi do sản xuất thừa gây ra, có thể trông đợi là tháng tới đây cuộc khủng hoảng sẽ bắt đầu phát triển mau hơn một chút so với từ trước tới nay. Các sự kiện chính trị ở lục địa cũng ngày càng dẫn tới chỗ bùng nổ mà không tài nào cưỡng lại được, và việc trùng hợp giữa khủng hoảng thương nghiệp với cách mạng mà trên tạp chí này đã nhiều lần nói tới ngày càng trở thành không tránh khỏi. Que les destins s'accomplissent![1*]

Luân Đôn, ngày 18 tháng Tư năm 1850

Viết vào giữa tháng Ba - 18 tháng Tư 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Hãy để số phận định đoạt!

C.MÁC

LU-I NA-PÔ-LÊ-ÔNG VÀ PHUN-ĐƠ

Các bạn đọc của chúng tôi hẳn còn nhớ rằng trong số trước[1*] chúng tôi đã chỉ ra rằng tầng lớp quý tộc tài chính ở Pháp đã lại lên nắm chính quyền. Nhân đấy chúng tôi đã vạch rõ sự liên minh của Lu-i Na-pô-lê-ông với Phun-đơ để tiến hành những vụ đầu cơ chứng khoán rất hời. Ngay trước kia cũng có một việc đập vào mắt là từ khi Phun-đơ bước vào nội các thì những đợt xin tiền liên tục mà Lu-i Na-pô-lê-ông trình lên Quốc hội lập pháp, đột nhiên chấm dứt. Nhưng từ cuộc bầu cử gần đây đã bộc lộ ra những sự việc cho thấy rất rõ những nguồn thu nhập của tổng thống Bô-na-pác-tơ. Chúng tôi chỉ xin dẫn ra đây một thí dụ.

Những tin tức của chúng tôi, chủ yếu sẽ dựa vào tờ "Patrie", một cơ quan ngôn luận đứng đắn của Liên minh cử tri[178] mà bản thân người chủ tờ báo, ông chủ ngân hàng là Đơ-la-ma, cũng là một trong số những nhà buôn chứng khoán nổi tiếng nhất ở Pa-ri.

Xung quanh cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba, người ta đã tổ chức một vụ đầu cơ lớn à la hausse[2*]. Ngài Phun-đơ cầm đầu vụ âm mưu, những người bạn tốt nhất của trật tự đã tham gia vào,

1* Xem tập này, tr.107-113.
2* - về nâng giá.

bọn cận thần của ngài Bô-na-pác-tơ, cũng như bản thân ông ta, đã bỏ vào đấy những món tiền lớn.

Ngày 7 tháng Ba chứng khoán ba phần trăm lên giá 5 xăng-tim, còn chứng khoán năm phần trăm lên giá 15 xăng-tim. Nguyên do là tờ "Patrie" đã công bố những số liệu sơ bộ về sự đắc cử của những người bạn của trật tự. Nhưng các nhà đầu cơ của chúng ta vẫn cảm thấy mức tăng đó quá ít ỏi; cần phải "hâm nóng thêm". Và tờ "Patrie" ngày 8 tháng Ba, ra chiều hôm trước, ở phần tin giao dịch đã cho biết rằng việc đảng trật tự sẽ giành được thắng lợi là không còn nghi ngờ gì nữa. Đặc biệt, tờ báo viết:

"Tất nhiên, chúng tôi sẽ không xúc phạm tính dè dặt của các nhà tư sản; song, nếu như có trường hợp nào đó người ta không được phép nghi ngờ, thì đó chính là lúc này đây, sau khi có những kết quả thu được trong những cuộc bầu cử sơ bộ".

Để đánh giá được đầy đủ cái ảnh hưởng của phần tin giao dịch và toàn bộ tin tức của tờ "Patrie" đối với thị trường chứng khoán, cần phải biết rằng tờ báo này là moniteur[1*] thực sự của chính phủ hiện nay và vẫn nhận được tin tức chính thức *sớm hơn* bản thân tờ "Moniteur". Vậy mà vụ đầu cơ lần này không thành.

Ngày 8 tháng Ba, người ta biết được một số kết quả bỏ phiếu trong quân đội thuận lợi cho đảng của phe đỏ, và thị giá liền tụt xuống. Bọn đầu cơ, có lẽ, sợ hãi kinh hoàng. Bất kể phương sách nào cũng được đem ra sử dụng. Phần tin giao dịch trên tờ "Patrie" vẫn được giữ đều đặn. Tất cả những tờ báo của Liên minh cử tri đều được dùng vào việc vận động; một số sai sót không đáng kể trong việc tính số phiếu được tranh cãi sôi nổi; một tờ báo đăng trên vị trí nổi bật những kết quả bỏ phiếu ở một trung đoàn dốn phiếu cho phái quân chủ; sau hết, người ta bắt phải đăng trên các báo cộng hòa một số điều cải chính chính thức mà mấy hôm sau đã bị vạch trần là sai sự thật.

Nhờ tất cả những cố gắng đó, ngày 9 tháng Ba, khi sở giao

1*- báo đại chúng

dịch mở cửa, người ta đã thành công trong việc nâng giá quốc trái lên một chút, tuy nhiên, không giữ được lâu. Cho tới lúc 2 giờ 15 phút thị giá khá thấp; từ đó trở đi, cho tới khi đóng cửa sở giao dịch, thị giá mỗi lúc một lên cao[179]. Chính tờ "Patrie" đã ba hoa về nguyên nhân sự thay đổi đột ngột đó:

"Người ta khẳng định rằng trước khi sở giao dịch đóng cửa ít lâu, một số kẻ đầu cơ rất quan tâm tới việc nâng cao thị giá, đã mua vào khá nhiều để tới lúc bầu cử sẽ khuấy động tinh thần ở các tỉnh lẻ lên và, nhờ vào lòng tin bao trùm các tỉnh lẻ, tạo ra những đợt mua vào mới làm cho thị giá sẽ còn được nâng lên nhiều hơn nữa".

Đó là cuộc giao dịch lớn tới hàng triệu mà kết quả là chứng khoán ba phần trăm tăng giá lên 40 xăng-tim, còn chứng khoán năm phần trăm tăng lên 60 xăng-tim.

Thế là rõ: đã có những kẻ đầu cơ nào đó quan tâm tới việc nâng giá và vì vậy vào thời điểm quyết định đã tiến hành mua vào nhiều chứng khoán mới để làm cho thị giá tăng thêm lên. Những kẻ đầu cơ ấy là ai? Các sự kiện có thể trả lời câu hỏi này.

Ngày 11 tháng Ba, ở sở giao dịch, thị giá tụt xuống. Mọi cố gắng của bọn đầu cơ đều vô hiệu trước những kết quả bầu cử chưa rõ ràng.

Ngày 12 tháng Ba, thị giá lại xuống thấp khá nhiều, bởi vì kết quả bầu cử hầu như đã rõ, và có thể coi như đã xác định được là ba ứng cử viên phái xã hội chủ nghĩa thu được đa số phiếu áp đảo. Những kẻ đầu cơ à la hausse thực hiện một mưu toan tuyệt vọng. Dưới hình thức những tin điện chính thức, tờ "Patrie" và tờ "Moniteur du Soir" công bố những tin hoàn toàn bịa đặt về kết quả bầu cử ở các tỉnh lẻ. Mánh lới đó đã thành công. Buổi tối, ở Toóc-tô-ni[180] thị giá có tăng lên đôi chút. Có nghĩa là toàn bộ vấn đề chỉ ở chỗ "hâm nóng" thêm. Tờ "Patrie" đăng tin như sau:

"Theo tin tức nhận được cho thấy lúc này về kết quả bỏ phiếu thì ngài Đơ Phlốt chỉ thu được hơn ngài Ph. Phoa có 341 phiếu. Kết quả bầu cử có thể sẽ còn thay đổi có lợi cho ứng cử viên của chúng ta, do kết quả bỏ phiếu của hiến binh nhẹ. - Người ta đoán chắc rằng *ngày mai*, chính phủ sẽ đệ trình lên Quốc hội hai sắc luật, một về

báo chí và một về việc hội họp trước khi bầu cử, và sẽ yêu cầu công nhận tính chất cấp bách của các sắc luật đó".

Cái tin tức hai là không đúng; chỉ sau khi do dự mãi và thảo luật kéo dài với các thủ lĩnh đảng trật tự và sau khi thay đổi nội các thì chính phủ mới quyết định đệ trình những sắc luật này. Cái tin thứ nhất là một sự dối trá còn trơ tráo hơn: đúng vào lúc nó được đăng trên tờ "Pautrie" thì chính phủ đã gửi điện báo cho các tỉnh biết là Đơ Phlốt đắc cử.

Mặc dù vậy đầu cơ đã thành công: các chứng khoán lên giá thêm 1 phrăng 35 xăng-tim, và các ngài đầu cơ đã kiếm được từ ba đến bốn triệu. Tất nhiên, không thể lên án "những người bạn của sở hữu" vì chuyện họ ra sức cố nắm thật chắc cái bải vật của họ vì lợi ích của trật tự và của xã hội.

Nhờ cái dodge[1*] thành công đó, các ngài đầu cơ đã hung hăng táo tợn đến nỗi liền đó đã mua vào những đợt mới với qui mô to lớn và vì thế đã thúc đẩy rất nhiều nhà tư bản khác cũng mua vào. Thị giá lên cao đến nỗi là thậm chí bản thân những số tiền lời có thể thu được trong dịch vụ này, đến lượt nó lại được tính toán ngay ở sở giao dịch. Nhưng đến ngày 15 một đòn chết điếng giáng xuống: Các-nô, Đơ Phlốt và Vi-đan được công bố là những dân biểu. Thị giá đột nhiên tụt xuống không tài nào hãm được và không có một tin láo nào, không một bức điện bịa đặt nào còn có thể cứu vãn các nhà đầu cơ của chúng ta khỏi bị thất bại.

Do C.Mác viết tháng Tư 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

1*- mánh khoé

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

GỐT-PHRÍT KIN-KEN

Tính ươn hèn của cái gọi là đảng cách mạng Đức nặng nề đến nỗi những chuyện sẽ gây ra cơn giông tố phẫn nộ ở Anh và ở Pháp thì ở Đức chẳng những không làm ai ngạc nhiên, mà thậm chí lại còn được mọi người tán đồng. Trong phiên tòa bồi thẩm, ngài Van-đếch-cơ đưa ra những dẫn chứng tường tận để khẳng định rằng ông ta bao giờ cũng là một người lập hiến trung thực, còn các nhà dân chủ Béc-lin thì đắc thắng đưa ông ta trở lại nhà. Trong một phiên tòa xử công khai, ngài Grun ở Tơ-ri-a li khai cách mạng một cách lố bịch, thế mà cử tọa trong phòng xử án thì quay lưng lại phía những người vô sản bị kết án để hân hoan chào mừng kẻ trục lợi được trắng án đó.

Một thí dụ mới về những gì có thể xảy ra ở Đức là lời bào chữa mà ngài Gốt-phrít Kin-ken đọc trước tòa án quân sự ở Ra-stát ngày 4 tháng Tám 1849 và được công bố trên tờ "Abend - Post" ở Béc-lin ngày 6 và 7 tháng Tư năm nay.

Chúng tôi biết trước rằng nếu vạch trần trước đảng chúng tôi lời bào chữa đó của ông Kin-ken "bị bắt làm tù binh" là chúng tôi sẽ làm cho tất cả mọi người nói dối đa cảm và bọn người sáo mép dân chủ phát khùng lên. Chúng tôi hoàn toàn thơ ơ đối với

điều đó. Nhiệm vụ của chúng tôi là phê phán không thương tiếc, mà lại là phê phán chống lại những người bạn giả dối hơn là chống lại kẻ thù công khai; giữ vững lập trường đó, chúng tôi sẵn lòng từ bỏ cái tiếng tăm rẻ tiền trong đám các nhà dân chủ. Sự công kích của chúng tôi không hề làm cho tình thế của ngài Kin-ken thêm xấu đi; *bằng việc vạch trần đó, chúng tôi dẫn ông ta đến chỗ được ân xá* vì như vậy là chứng thực lời thú nhận của ông ta rằng ông ta không phải là con người như người ta tố giác ông ta, và tuyên bố rằng ông ta chẳng những đáng được ân xá mà thậm chí còn đáng được nhận vào làm việc cho nhà nước Phổ. Hơn nữa bài báo chữa của ông ta đã được công bố. Chúng tôi vạch trần ra trước đảng chúng tôi toàn bộ bài báo chữa nói chung, còn ở đây chỉ dẫn ra những chỗ nổi bật nhất trong bài nói ấy.

"Tôi cũng chưa bao giờ đảm nhận những *chức vụ chỉ huy*, vì vậy tôi không thể chịu trách nhiệm về những việc làm của kẻ khác. Và tôi phản đối việc dành dồng những việc làm của tôi với đám bùn nhơ và cặn bã mà tôi biết rõ, thật đáng tiếc, là cuối cùng đã bám vào cách mạng".

Vì ngài Kin-ken "gia nhập đại đội Bơ-đăng-xông làm một anh lính trơn" và vì khi nói những lời đó ông ta phủ sự hoài nghi lên tất cả những người chỉ huy, nên phải chăng ông ta có nghĩa vụ phải bênh vực, ít ra cho thủ trưởng trực tiếp của ông ta là Vi-lích?

"Tôi chưa bao giờ phục vụ trong quân đội, do đó, cũng *không hề vi phạm lời thề, không hề dùng những kiến thức quân sự mà tôi rất có thể đã thu lượm được trong khi phục vụ tổ quốc tôi để chống lại tổ quốc tôi*".

Chẳng lẽ đó không phải là lời tố giác trắng trợn đối với các cựu binh sĩ Phổ đã bị bắt làm tù binh, đối với I-an-xen và Béc-ni-gau, những người chẳng bao lâu sau đó đã bị xử bắn, chẳng lẽ đó không phải là lời biện minh đầy đủ cho bản án tử hình đối với Đoóc-tu đã bị xử bắn hay sao?

Cũng như vậy ngài Kin-ken còn tố giác cả đảng của ông ta trước tòa án quân sự, bằng cách nói huyên thuyên về những kế hoạch nào đó nhằm nhượng bộ miền tả ngạn sông Ranh cho nước Pháp và tuyên bố rằng mình không có dính líu gì vào những ý

đồ tội lỗi đó. Ngài Kin-ken thừa biết rằng người ta nói đến việc tỉnh Ranh sáp nhập vào nước Pháp chỉ với ý nghĩa là trong lúc cách mạng và phản cách mạng vật lộn sống mái thì tỉnh đó tất nhiên sẽ đứng về phía cách mạng, dù cho đại diện của cách mạng là ai đi nữa, - là người Pháp hay người Trung Quốc. Ông ta cũng không quên viện đến cái bản tính dịu dàng của ông ta đã cho phép ông ta, khác với những nhà cách mạng thô bạo, nếu không phải với tư cách một đảng viên thì cũng với tư cách *một con người*, có quan hệ tốt đẹp với An-đơ và những nhà bảo thủ khác.

"Tội lỗi của tôi chỉ ở chỗ là vào mùa hè tôi còn tiếp tục mong muốn chính cái mà vào tháng Ba tất cả các ngài đã mong muốn, toàn thể nhân dân Đức đã mong muốn!".

Ở đây ông ta tỏ ra là một chiến sĩ đấu tranh cho một bản hiến pháp đế chế, một kẻ không mong muốn gì hơn ngoài cái bản hiến pháp đó. Chúng ta hãy ghi nhận lời tuyên bố của ông ta để biết vậy.

Nhân thể ngài Kin-ken có đề cập tới bài báo mà ông ta viết về vụ thảm sát do lính Phổ gây ra ở Ma-in-xơ[181], và nói:

"Người ta đã xử sự với tôi ra sao? Trong khi tôi vắng mặt người ta đã hai lần gọi tôi ra tòa vì chuyện ấy và, vì tôi không thể đến bào chữa cho mình, nên tôi bị kết án, như người ta đã báo cho tôi biết cách đây ít lâu, là bị tước quyền bầu cử trong năm năm. *Năm năm bị tước quyền bầu cử* - đấy, người ta đã kết án tôi vậy đó; đối với một người đã từng một lần được vinh dự làm *nghị sĩ*, thì đó là *một hình phạt cực kỳ tàn nhẫn*" (*).

"Tôi thường phải nghe nói tôi là "*một thằng Phổ tồi*"; lời trách móc ấy xúc phạm đến tôi... Thôi thì mặc! Hiện tại đảng *tôi* đã bị thất bại tại nước tôi. Nếu như giờ đây vua Phổ rút cục sẽ thi hành một chính sách can đảm và mạnh mẽ. Nếu như *nhà vua chí tôn, người kế vị ngôi vua của chúng ta, thái tử Phổ*, mà dùng lưỡi gươm thống nhất được nước Đức, vì rằng bằng cách khác không thể làm được việc này, - làm cho nó trở thành vĩ đại và được bầu bạn láng giềng của chúng ta kính trọng, đảm bảo cho nó có được tự do quốc nội một cách thực sự và bền lâu, làm cho hoạt động thương mại sôi động lại, phân bố đồng đều cho toàn nước Đức cái gánh nặng chiến tranh hiện nay đang đè nặng lên vai nước Phổ và, trước hết, đảm bảo cho những kẻ nghèo khổ trong nhân dân tôi mà tôi tự coi mình là người đại biểu, có được mẩu bánh mì, - nếu như đảng các ngài sẽ làm được tất cả những chuyện ấy - thì tôi sẽ đi theo các ngài! Danh dự và sự vĩ đại của tổ quốc tôi đối với tôi còn cao quý hơn những lý tưởng chính trị của tôi; tôi biết quý trọng những người cộng hòa Pháp năm 1793" (Phu-sê

và Ta-lây-răng chăng?), "những người đã vì lợi ích của nước Pháp mà tự nguyện cúi mình trước sự vĩ đại của Na-pô-lê-ông; nếu sẽ được như vậy, và nếu nhân dân tôi một lần nữa lại sẽ dành cho tôi niềm vinh dự bầu tôi làm đân biểu của họ, thì *tôi sẽ là một trong số các đân biểu đầu tiên tung hô với niềm vui sướng trân ngập trong lòng: Đế chế Đức muôn năm! Đế chế của dòng họ Hô-hen-txô-lec muôn năm!* Nếu như mang các quan điểm như vậy mà có nghĩa là một thằng Phổ tồi, thì trong trường hợp như vậy tôi cũng chẳng muốn làm một người Phổ tốt làm gì?

"Thưa các ngài, *các ngài cũng nên nghĩ một chút đến người vợ và đứa trẻ bơ vơ* trước khi kết án đối với một người mà hôm nay đây, do sự chìm nổi của một số phận con người, phải ra đứng trước các ngài một cách rất thảm hại thế này".

Bài nói này ngài Kin-ken đã đọc đúng vào lúc hai mươi sáu đồng chí của ông ta bị cũng lại một tòa án binh tương tự - kết án tử hình và xử bắn. Đó là những con người biết nhìn vào mặt tử thần khác với Kin-ken nhìn vào mặt các vị quan tòa của ông ta. Dù sao chăng nữa, Kin-ken đã hoàn toàn đúng khi tỏ ra mình là một người hoàn toàn vô hại. Chỉ vì sơ suất mà ông ta đã có thể đứng trong hàng ngũ đảng của ông ta; và Chính phủ Phổ sẽ tàn nhẫn một cách hoàn toàn vô lý nếu như còn tiếp tục giam giữ ông ta trong nhà tù.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Tư 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4, 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC và PH.ĂNG-GHEN

TUYÊN BỐ CỦA ỦY BAN NHỮNG NGƯỜI LƯU VONG

Trên tờ "Abend-Post" ở Béc-lin ra ngày 14 tháng Tư có một tin như sau, đề là: Stết-tin[1*] ngày 11 tháng Tư.

"Về việc cứu trợ những người lưu vong ở Luân Đôn đã quyết định một thể thức như sau: tiền phải được chuyển cho Buy-xơ, là người sẽ liên hệ với *Sram* (ở Sto-ri-gâu[2*]", vì rằng giữa hai ủy ban khác có những sự bất đồng và các ủy ban này phân chia tiền một cách thiên vị".

Trên thực tế ở Luân Đôn chỉ có một ủy ban những người lưu vong, cụ thể là ủy ban ký tên dưới đây, được thành lập vào tháng Chín năm ngoái, khi bắt đầu có người lưu vong sang Luân Đôn. Từ ngày ấy đã có những cố gắng thành lập các ủy ban những người lưu vong khác, nhưng không đem lại kết quả gì. Cho tới nay Ủy ban ký tên dưới đây đã có khả năng giúp đỡ (dù chỉ đến mức cho khỏi đói) những người lưu vong cần được cứu trợ, mà tất cả họ, trừ có bốn hay năm người, đều đến yêu cầu chúng tôi giúp. Nhưng vì gần đây có những vụ trục xuất ra khỏi Thụy Sĩ khiến người lưu vong ồ ạt kéo sang đây nên rốt cuộc, quỹ của Ủy ban này cuối cùng đã hầu như cạn. Số tiền của này được phân phối *hoàn toàn đồng đều*, không phân biệt đảng phái, cho tất cả những ai có thể chứng minh được rằng mình đã có tham

1* Tên Ba Lan: Sê-xin.
2* Tên Ba Lan: Xtơ-sê-gôm.

gia phong trào cách mạng Đức và hiện cần được cứu trợ. Ủy ban này lấy tên "dân chủ - xã hội" chẳng phải vì nó chỉ trợ giúp những người lưu vong thuộc đảng này, mà vì nó chủ yếu sử dụng các phương tiện tài chính của đảng này, như đã nói trong lời kêu gọi của Ủy ban ra hồi tháng Mười một năm ngoái[182].

Cái tin đồn, chắc là bắt nguồn từ cuộc xổ số nhằm trợ giúp những người lưu vong được chuẩn bị tổ chức ở Thụy Sĩ, rằng hình như ở đây, tại Luân Đôn, có trữ một số tiền lớn dành cho những người lưu vong đã dẫn tới tình trạng là Ủy ban chúng tôi nhận được những yêu cầu không thể thỏa mãn được. Mặt khác, những lời đồn rằng giữa các ủy ban kèn cựa lẫn nhau có nhiều mối bất hòa mà người ta cố tình tung ra trên các báo đúng vào lúc này, đã gây khó khăn cho việc gửi đủ số tiền tới Luân Đôn. Để cố xác minh xem những ủy ban khác có tồn tại hay không và có những nguồn tiền của khác để giúp đỡ những người lưu vong hay không, Ủy ban ký tên dưới đây đã đề nghị với những người lưu vong cử một đoàn đại biểu tới gặp các ngài Stơ-ru-vơ, Ru-đôn-phơ Sram và Lu-i Bau-ơ (ở Stôn-pê). Việc này đã được tiến hành. Đoàn đại biểu đã đem về những lời giải đáp như sau:

Ngài Sram (ở Stơ-ri-gâu) tuyên bố rằng ông không nằm trong một ủy ban lưu vong nào, nhưng có nhận được một số vé xổ số của Ga-le gửi từ Giơ-ne-vơ tới cùng lời uỷ thác gửi lại Giơ-ne-vơ số tiền bán vé. Một ủy ban khác dường như chỉ tồn tại trên giấy tờ.

Ngài Stơ-ru-vơ tuyên bố rằng ông ta không có tiền, mà chỉ có vé số chưa bán.

Ngài Bau-ơ đã đưa ra lời giải thích bằng văn bản như sau:

"Đáp lại lời chất vấn của một người lưu vong là Clai-nơ, tôi xin tuyên bố rằng Ủy ban những người lưu vong ở đây trực thuộc Liên đoàn dân chủ không có khả năng cứu trợ thậm chí lấy một người lưu vong chính trị và ngay bản thân quĩ của hội này sau khi đã chi 2 pao xtéc-linh 15 si-linh vào mục đích ấy, cũng sẽ không có khả năng cứu trợ nữa.

Luân Đôn, ngày 8 tháng Tư 1850

Tiến sĩ Bau-ơ,
chủ tịch Ủy ban cứu trợ thuộc
Liên đoàn dân chủ".

Các ông Stơ-ru-vơ và Sram có khuyên những người lưu vong bầu ra một ủy ban những người lưu vong gồm những người trong giới họ hay những người trung lập về chính trị. Ủy ban ký tên dưới đây đã đề nghị những người lưu vong tự quyết định về đề nghị đó. Để trả lời lại, những người lưu vong đã ra bản tuyên bố như sau:

"Kính gửi Ủy ban những người dân chủ - xã hội lưu vong

Luân Đôn, ngày 7 tháng Tư 1850. - Nhân việc thảo luận vấn đề có nên chuyển việc quan tâm tới chúng tôi cho một ủy ban được bầu ra gồm những người trong chúng tôi hay không, những người lưu vong ký tên dưới đây thấy mình có nghĩa vụ phải phát biểu với Ủy ban hiện nay đang hoạt động cứ theo sự suy nghĩ chân thành của những người lưu vong kể cả người cũ và người mới tới thì phải bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất của chúng tôi đối với Ủy ban vì Ủy ban đã hoạt động và đã gánh lấy khó nhọc trong khi đảm đương công việc, vì rằng những tiền của mà Ủy ban nắm được bao giờ cũng được phân phối một cách làm cho chúng tôi hoàn toàn hài lòng. Chúng tôi chỉ còn có việc bày tỏ lòng mong ước được các đồng chí tiếp tục quan tâm tới chúng tôi cho tới khi cuộc cách mạng sắp tới đây mà tất cả chúng ta hằng trông đợi sẽ cất bớt gánh nặng đó cho các đồng chí.

Xin gửi các đồng chí lời chào anh em
(tiếp theo là những chữ ký)"

Văn kiện này do chính những người lưu vong soạn thảo là câu trả lời tốt nhất cho cái tin đã nhắc ở trên và cho những lời bịa đặt tương tự khác trên báo chí. Vả lại, nói chung chúng tôi sẽ không trả lời, nếu như việc giải thích những lời tương tự cho rộng rãi công chúng không vì lợi ích của chính những người lưu vong cần được giúp đỡ.

Luân Đôn, ngày 20 tháng Tư 1850

Ủy ban những người dân chủ -
xã hội lưu vong
C.Mác - chủ tịch, ***H.Bau-ơ,***
Ph.Ăng-ghen, A.Vi-lich, C.Phen-đơ

Đã đăng trên tờ "Neue Deutsche Zeitung", số 102, ngày 28 tháng Tư 1850

In theo bản thảo của Ph.Ăng-ghen, có đối chiếu với bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

THƯ GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "TIMES"

Thưa quý ngài!

Trên số báo hôm nay của Ngài, ở mục tin cảnh sát, chúng tôi đọc thấy đoạn tường thuật về cuộc nói chuyện tại tòa thị chính giữa các ông Pho-téc-ghin và Stơ-ru-vơ cùng ủy viên hội đồng thị chính là ngài Ghíp-xơ về vấn đề những người lưu vong Đức[183]. Chúng tôi xin tuyên bố rằng không một ủy viên nào trong ủy ban ký tên dưới đây, không một ai trong số những người lưu vong Đức nhận tiền trợ cấp của ủy ban chúng tôi, lại có dính dáng gì vào chuyện ấy.

Chúng tôi yêu cầu Ngài cho đăng lời tuyên bố này ngay trên số báo sắp tới đây của Ngài; vì lợi ích của dân tộc chúng tôi, chúng tôi phải chống lại cái khả năng là đông đảo những người lưu vong Đức sống ở Luân Đôn phải chịu trách nhiệm về một việc mà một số người trong bọn họ làm theo sáng kiến của riêng mình.

Thưa quý Ngài, xin quý Ngài hãy nhận lấy ở chúng tôi lời cảm ơn chân thành.

Ủy ban dân chủ - xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong chính trị

20, phố Grai-tơ Uyn-đơ-min, Hai-mác-két
ngày 24 tháng Năm 1850

Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga vào năm 1934

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

LỜI KÊU GỌI CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG GỬI LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN
THÁNG SÁU 1850

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG GỬI LIÊN ĐOÀN

Hỡi anh em!

Trong thông tri gần đây của chúng tôi[1*] - do đặc phái viên của Liên đoàn[2*] chuyển cho các bạn - chúng tôi đã làm sáng tỏ lập trường của đảng công nhân và, nói riêng, của Liên đoàn trong thời điểm hiện nay cũng như trong trường hợp nổ ra cách mạng.

Mục đích chủ yếu của lời kêu gọi này là báo cáo về tình hình của Liên đoàn.

Những thất bại mà đảng cách mạng gặp phải hồi mùa hè năm ngoái đã tạm thời gần như hoàn toàn làm tan rã tổ chức của Liên đoàn. Những thành viên tích cực nhất của Liên đoàn, đã từng tham gia phong trào khác nhau, thì nay đã bị phân tán,

1* Xem tập này, tr.341-355.
2* - Hen-rích Bau-ơ.

liên lạc bị cắt đứt, không thể sử dụng được những địa chỉ cũ; vì những lý do đó, cũng như vì e sợ rằng thư từ sẽ bị cơ quan kiểm duyệt bóc xem, cho nên trong một thời gian nào đó việc trao đổi thư từ đã không thể tiến hành được. Như vậy, khoảng từ cuối năm ngoái trở về trước Ban chấp hành trung ương đã bị rơi vào tình trạng hoàn toàn bất động.

Sau khi ấn tượng ban đầu - do những thất bại vấp phải gây nên - đã dần dần tiêu tan đi thì ở khắp nơi bắt đầu xuất hiện nhu cầu cần lập ra một tổ chức bí mật và mạnh của đảng cách mạng trong toàn nước Đức. Nhu cầu này đã làm cho Ban chấp hành trung ương đi đến quyết định cử đặc phái viên đến Đức và Thụy Sĩ, và mặt khác, nhu cầu ấy đã đưa đến ý đồ thành lập ra một hội bí mật ở Thụy Sĩ, cũng đưa đến ý đồ của chi bộ Khuên định tự lập ra Liên đoàn của họ ở Đức.

Ở Thụy Sĩ vào hồi đầu năm nay một số người lưu vong - ít nhiều có danh tiếng do tham gia các phong trào khác nhau - đã lập ra một tổ chức[184] nhằm mục đích: vào một thời điểm thích hợp thúc đẩy việc lật đổ các chính phủ và chuẩn bị sẵn sàng một số người có thể đảm nhận việc lãnh đạo phong trào và thậm chí thành lập chính phủ. Tổ chức này không mang một tính chất đảng rõ rệt nào cả, nhân tố cản trở cho điều này là thành phần không thuần nhất của các hội viên của tổ chức này. Thành viên của tổ chức này thuộc vào tất cả các phe phái đã tham gia nhiều phong trào khác nhau, từ phái cộng sản có tinh thần kiên quyết và thậm chí những thành viên cũ của Liên đoàn, cho đến những kẻ hèn nhát nhất là những người dân chủ tiểu tư sản và các thành viên cũ của chính phủ Pphan-xơ.

Đối với đám người rất đông đảo lúc bấy giờ ở Thụy Sĩ là bọn người hám danh thuộc xứ Ba-đen - Pphan-xơ và các bọn hiếu danh nhãi nhép khác thì tổ chức ấy đã tạo cho chúng khả năng đáng mong đợi để chúng phất lên.

Những chỉ thị mà tổ chức này gửi cho các phái viên của nó và hiện có trong tay Ban chấp hành trung ương, cũng hết sức

khó gây được sự tin cậy. Không đưa ra được một quan điểm nào có tính đảng, ý đồ toan tính tập hợp tất cả các thành phần đối lập hiện hữu thành một tổ chức thống nhất chỉ ở bề ngoài thôi, - tất cả những cái đó đã được che đậy qua loa bằng việc nêu lên nhiều vấn đề cục bộ liên quan đến công nghiệp, nông dân, tình hình chính trị và quân sự ở các vùng khác nhau. Sức mạnh của tổ chức này cũng rất nhỏ bé. Căn cứ vào bản danh sách đầy đủ các hội viên của tổ chức này, danh sách mà chúng tôi có trong tay, thì toàn thể hội này ở Thụy Sĩ - trong thời kỳ cực thịnh của nó - may mắn lắm cũng chỉ có 30 thành viên. Điều đáng chú ý là trong số những hội viên ấy hầu như không có công nhân. Ngay từ đầu đây đã là một thứ quân đội gồm toàn hạ sĩ quan và sĩ quan mà không có binh lính. Trong số đó có Phri-đơ và Grây-nơ người vùng Pphan-xơ, Khuê-nơ người vùng En-bơ-phen-đơ, Di-ghen và v.v..

Họ có cử hai phái viên đến nước Đức: phái viên thứ nhất tên là Brun người vùng Hôn-stai-nơ, hội viên của Liên đoàn những người cộng sản, đã dùng thủ đoạn bóp méo và xuyên tạc tình hình để thúc đẩy một số thành viên của Liên đoàn và một số chi bộ tạm thời hợp nhất với tổ chức mới ấy, mà họ coi đó là Liên đoàn đã được hồi sinh. Brun cùng một lúc đã gửi thông báo cho Ban chấp hành trung ương Thụy Sĩ ở Xuy-rích biết về Liên đoàn, lại vừa đồng thời gửi thông báo cho chúng tôi nói về tổ chức mới ở Thụy Sĩ. Chưa thỏa mãn với vai trò hai mặt này của mình, ông ta - khi còn giữ liên lạc bằng thư từ với chúng tôi, - đã gửi đến Phran-phuốc cho những nhân vật kể trên đã được thu hút vào cái tổ chức ở Thụy Sĩ, những bức thư rõ ràng mang tính chất vu cáo, và ông ta đã đề nghị họ không được có bất kỳ một sự tiếp xúc nào với Luân Đôn. Vì hành động này ông ta đã lập tức bị khai trừ ra khỏi Liên đoàn. Vụ xảy ra ở Phran-phuốc đã được một phái viên của Liên đoàn giải quyết xong. Về những phương diện khác hoạt động của Brun nhằm làm lợi cho Ban chấp hành trung ương ở Thụy Sĩ đều không đem lại kết quả nào. Phái viên thứ hai là Suốc-xơ người của thành phố Bon, một anh chàng sinh viên, đã không đạt được điều gì cả, bởi vì - như chính ông ta nói trong thư gửi về Xuy-rích - "ông ta đã phát hiện thấy rằng tất cả những lực lượng hữu dụng đều đã nằm trong tay Liên đoàn rồi". Sau đó ông ta lại đột ngột rời khỏi nước Đức và giờ đây ông ta đi lại lởn vởn giữa Bruy-xen và Pa-ri, luôn bị Liên đoàn theo dõi. Ban chấp hành trung ương lại càng ít có thể coi cái tổ chức mới ấy là mối đe dọa đối với Liên đoàn, bởi vì trong Ban chấp hành trung ương của tổ chức ở Thụy Sĩ đã có một hội viên hoàn toàn đáng tin cậy của Liên đoàn[1*], người này được trao nhiệm vụ theo dõi những hoạt động và các kế hoạch của những kẻ đó, chừng nào những biện pháp ấy là nhằm chống lại Liên đoàn, và báo cáo về những hoạt động ấy. Tiếp nữa, Ban chấp hành trung ương đã cử một phái viên đến Thụy Sĩ[185] để cùng với vị thành viên kể trên của Liên đoàn thu hút vào Liên đoàn các lực lượng hữu dụng và nói chung tổ chức ra Liên đoàn ấy ở Thụy Sĩ. Những tin tức kể trên là dựa trên những tài liệu hoàn toàn chính xác.

Trước đó cũng đã có một ý đồ tương tự như vậy ở các ông Stơ-ru-vơ, Di-ghen và các nhân vật khác mà hồi đó đã tập hợp nhau lại ở Giơ-ne-vơ. Những nhân vật ấy đã không ngại ngùng coi mưu toan hợp nhất lại của mình chính là Liên đoàn và thậm chí vì mục đích ấy các ông ấy đã lạm dụng tên tuổi các thành viên của Liên đoàn. Dĩ nhiên, bằng luận điệu gian dối ấy họ không đánh lừa được ai cả. Về tất cả các phương diện, mưu toan của họ tỏ ra vô hiệu đến nỗi con số ít ỏi những thành viên còn lại ở Thụy Sĩ của cái tổ chức ấy, - một tổ chức đã không ra đời được - cuối cùng đã buộc phải sáp nhập vào cái tổ chức kể trên. Cái hội kín ấy càng tỏ ra bất lực bao nhiêu thì nó lại càng phô trương nhiều thêm bằng những cái tên rất kêu như "Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu" và v.v.. Ngay cả ở đây, ở Luân Đôn, ông Stơ-ru-vơ cùng với một số vị trượng phu khác - những con người bị vỡ mộng - đã tiếp tục những mưu

1*- Vin-hem Vôn-phơ.

toan của mình. Tất cả các vùng thuộc nước Đức đều đã nhận được những bản tuyên ngôn và những đề nghị hãy sáp nhập vào "Trung ương cục của toàn thể những người Đức lưu vong"[186] và vào "Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu"[187], nhưng cả lần này cũng không hề thu được kết quả nào.

Tuyệt nhiên không hề có cái gọi là những mối liên hệ của cái hội kín này với những nhà cách mạng Pháp và các nhà cách mạng Đức khác. Toàn bộ hoạt động của hội này chẳng qua chỉ bao gồm những âm mưu nhỏ nhặt giữa những người Đức lưu vong sống ở đây, những âm mưu ấy không hề liên quan gì đến Liên đoàn, không gây nên một sự nguy hiểm nào và dễ dàng kiểm soát được.

Tất cả những âm mưu trên đây hoặc theo đuổi cùng một mục đích như Liên đoàn, nghĩa là lập ra một tổ chức cách mạng của đảng công nhân; trong trường hợp này những mưu toan ấy do chúng làm cho lực lượng bị phân nhỏ nên chúng thủ tiêu sự tập trung và sự vững mạnh của đảng và vì thế những âm mưu đó hiển nhiên là thứ chủ nghĩa phân liệt tai hại. Hoặc là họ chỉ có thể theo đuổi mục đích là một lần nữa sử dụng đảng công nhân vào những nhiệm vụ xa lạ hoặc trực tiếp thù địch đối với đảng đó. Trong những điều kiện nhất định đảng công nhân hoàn toàn có thể sử dụng, vào những mục đích của mình, các đảng phái khác và những nhóm phái trong đảng, nhưng nó không được phục tùng bất kỳ một đảng nào khác. Vô luận thế nào cũng nên tránh xa những con người mà trong phong trào gần đây[188] đã tham gia chính phủ và đã lợi dụng địa vị của mình để phản bội phong trào và đàn áp đảng công nhân khi đảng này tỏ ý muốn hành động độc lập.

Về tình hình của Liên đoàn có thể thông báo những điểm sau đây:

I. BỈ

Dĩ nhiên, tổ chức của Liên đoàn trong hàng ngũ công nhân Bỉ

- với tư thế như nó đã tồn tại vào năm 1846 và 1847 - thì đã không còn tồn tại nữa từ khi những thành viên chủ đạo của tổ chức ấy đã bị bắt vào năm 1848, và bị kết án tử hình, rồi sau đó bản án này được thay bằng án tù chung thân cấm cố[189]. Nói chung ở Bỉ Liên đoàn đã bị suy yếu nhiều từ khi nổ ra cuộc cách mạng tháng Hai và từ khi phần lớn các thành viên của Hội công nhân Đức[190] bị trục xuất ra khỏi Bruy-xen. Những điều kiện hà khắc kiểu cảnh sát không cho phép Liên đoàn đứng dậy một lần nữa. Tuy nhiên ở Thụy Sĩ có một chi bộ đã luôn luôn được duy trì, nó vẫn tồn tại cho đến ngày nay và hoạt động theo sức mình.

II. ĐỨC

Ban chấp hành trung ương dự định đưa ra, trong bản thông tri này, một bản báo cáo đặc biệt về tình hình của Liên đoàn ở Đức. Song, bản báo cáo này chưa thể đưa ra trong lúc này được, bởi vì chính hiện nay cảnh sát Phổ đang tìm cách phát hiện một tổ chức nào đó có nhiều chi nhánh trong đảng cách mạng[1*]. Thông tri này sẽ được chuyển về nước Đức bằng một con đường chắc chắn, nhưng trong quá trình lưu hành ở Đức, dĩ nhiên, nó có thể bị rơi vào tay cảnh sát, do vậy bản thông tri này phải được soạn thảo sao cho nội dung của nó không tạo cho cảnh sát một vũ khí chống lại Liên đoàn. Vì thế, lần này Ban chấp hành trung ương chỉ hạn chế ở những điểm sau đây:

Ở Đức những trung tâm chủ yếu của Liên đoàn là Khuên, Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, Ha-nau, Ma-in-xơ, Vi-xba-đen, Hăm-buốc, Svê-rin, Béc-lin, Brê-xláp, Li-gni-xơ, Glô-gau[2*], Lai-pxích, Nu-rem-be, Muyn-sen, Băm-béc-gơ, Vuyếc-xbuốc, Stút-gát, Ba-den.

Những thành phố dưới đây được công nhận là những khu bộ lãnh đạo:

1* Xem tập này, tr.436-437 và 443-444
2* Tên gọi theo tiếng Ba Lan là Vrô-xláp, Li-gni-xa, Glô-gúp.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG NGƯỜI PHỔ LƯU VONG

KÍNH GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "SUN"[193]

Thưa quý Ngài!

Thời gian gần đây, chúng tôi, những người lưu vong chính trị Đức sống ở Luân Đôn ký tên dưới đây, đã có dịp thấy rõ là chẳng những sứ quán Phổ mà ngay cả Chính phủ Anh cũng lưu tâm tới chúng tôi một cách đáng ngạc nhiên. Chúng tôi lẽ ra chẳng cần để ý tới việc này vì chúng tôi thật khó hình dung chúng tôi lại có thể làm cách nào đó vi phạm cái mà đạo luật về người nước ngoài[194] gọi là "sự giữ gìn hòa bình và yên ổn tại vương quốc này"; nhưng thời gian gần đây chúng tôi thường thấy trên báo nói rằng vị sứ giả Phổ nhận được những chỉ thị kiên quyết đòi trục xuất những người lưu vong nguy hiểm nhất ra khỏi nước Anh, và trong tuần qua chúng tôi bị bọn mật vụ cảnh sát Anh theo rõi ráo riết đến nỗi chúng tôi thấy cần thiết phải đưa việc này ra trước công luận.

Không nghi ngờ gì nữa, Chính phủ Phổ cố đòi vận dụng đạo luật về người nước ngoài để chống lại chúng tôi. Nhưng vì sao lại thế? Vì lẽ chúng tôi can thiệp vào nền chính trị nước Anh chăng? Sẽ không thể nào chứng minh được chúng tôi có làm chuyện này. Vậy thì vì sao? Vì lẽ Chính phủ Phổ cần tạo ra cảm tưởng rằng dường như vụ nổ súng vào đức vua xảy ra ở Béc-lin là kết quả âm mưu của một tổ chức có rất nhiều chi nhánh mà trung tâm của nó có lẽ phải tìm ở Luân Đôn mới thấy.

Giờ thì ta hãy điểm tình hình bản thân sự việc. Chính phủ Phổ có thể phủ nhận được chăng việc De-phe-lô-ghe, người

đã thực hiện vụ mưu sát - đó là chưa kể đến y rành rành là một người điên, - là một hội viên của hội bảo hoàng cực đoan, của *"Liên minh những người trung thành"*? Nó có thể phủ nhận được chăng việc y được ghi tên vào hội ấy với số 133, chi hội số 2 ở Béc-lin? Nó có thể phủ nhận được chăng y mới đây đã nhận tiền trợ giúp của hội này? Nó có thể phủ nhận được chăng việc tài liệu của De-phe-lô-ghe được lưu tại nhà viên thiếu tá Cu-nốp-xki nào đấy, một tay bảo hoàng cực đoan đang phục vụ tại bộ chiến tranh hoàng gia?

Đứng trước những sự thật như vậy mà còn cứ khăng khăng cho rằng đảng cách mạng có dính dáng đến vụ mưu sát ấy thì thật là nực cười. Đảng cách mạng không hề quan tâm tới việc thái tử Phổ nhanh chóng lên ngôi, mà những người phái bảo hoàng cực đoan mới là những người quan tâm đến việc này. Tuy vậy, nhưng Chính phủ Phổ lại cố làm sao cho phái đối lập cấp tiến phải chịu tội về vụ mưu sát, bằng chứng của việc đó là có một đạo luật mới chống lại tự do báo chí, là hoạt động của sứ quán Phổ tại Luân Đôn.

Đồng thời chúng tôi có thể tuyên bố rằng chừng hai tuần lễ trước khi xảy ra vụ mưu sát có những nhân vật mà chúng tôi biết chắc là mật thám Phổ đến gặp chúng tôi và cố tìm cách đánh lừa, lôi kéo chúng tôi vào âm mưu nhằm giết hại nhà vua. Tất nhiên, chúng tôi đã không để mình bị mắc lừa chuyện này.

Nếu như Chính phủ Anh muốn có những tài liệu gì đấy về chúng tôi thì chúng tôi luôn luôn sẵn sàng cung cấp những tài liệu ấy. Nhưng chúng tôi không hiểu họ hy vọng biết được cái gì bằng cách dùng điệp viên của họ theo dõi chúng tôi.

Liên minh thần thánh, nay được phục hồi dưới sự bảo trợ của nước Nga, sẽ rất hài lòng nếu như nó buộc được nước Anh - trở ngại duy nhất trên đường đi của nó - thi hành một chính sách đối nội phản động. Nhưng biết tính sao với những tâm trạng chống Nga ở Anh, với công hàm ngoại giao và những lời cam kết tại nghị viện của Chính phủ Anh, nếu như tiếp theo đó lại có

việc vận dụng đạo luật người nước ngoài, chủ yếu là do sự trả thù của Liên minh thần thánh mà Phổ là bộ phận không thể tách rời của nó, gây nên?

Chúng tôi hy vọng rằng các chính phủ trong Liên minh thần thánh sẽ không lừa nổi Chính phủ Anh đến mức buộc bộ nội vụ phải thi hành những biện pháp sẽ làm thương tổn nặng nề đến cái danh tiếng xưa nay của nước Anh như một nơi cư trú chắc chắn nhất cho những người lưu vong thuộc mọi đảng phái và mọi nước.

Thưa quý Ngài, xin quý Ngài hãy nhận lấy ở chúng tôi lời cảm ơn chân thành.

Các Mác, | biên tập viên tờ "Neue Rheinische
Ph. Ăng-ghen, | Zeitung" ở Khuên
A. Vi-lich, đại tá quân khởi nghĩa ở Ba-đen

64, phố Đin, quảng trường Xô-hô
Ngày 14 tháng Sáu 1850

Đã đăng trên các báo "Sun", ngày 15 tháng Sáu 1850 và "The Northern Star" số 660, ngày 15 tháng Sáu 1850

In theo bản đăng trên báo "Sun" có đối chiếu với bản đăng trên báo "The Northern Star"
Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BỨC THƯ KÈM THEO BÀI "NHỮNG TÊN MẬT THÁM PHỔ Ở LUÂN ĐÔN"

KÍNH GỬI BIÊN TẬP VIÊN TỜ "SPECTATOR"[196]
(*Gửi riêng*)

Thưa quý Ngài!

Chúng tôi dánh bạo yêu cầu ngài cho đăng bài gửi kèm theo đây trên tờ báo của Ngài vào số sắp tới[1*]. Chúng tôi có đầy đủ căn cứ để cho rằng chính phủ đang định vận dụng đạo luật về người nước ngoài và đòi quốc hội phục hồi lại luật đó. Chúng tôi, chắc rằng, phải là những nạn nhân đầu tiên của nó. Chúng tôi cho rằng để giữ tròn danh dự cho dân tộc Anh, cần ngăn chặn việc thực hiện kế hoạch ấy; chúng tôi cũng cho rằng điều tốt nhất mà chúng tôi có thể làm để đối phó với những biện pháp của Chính phủ Anh là công khai kêu gọi dư luận công chúng. Vì vậy chúng tôi hy vọng Ngài sẽ không từ chối làm cho bức thư của chúng tôi có tiếng vang xa rộng mà tờ báo được phổ biến rộng rãi của Ngài nhất định sẽ đem lại cho nó.

Còn nếu Ngài muốn có thêm những tin tức nữa, chúng tôi sẽ rất vui lòng cung cấp cho Ngài; chỉ cần Ngài cho biết chúng tôi có thể được gặp Ngài vào lúc nào và ở đâu.

1* Tiếp theo trong bản thảo có một đoạn gạch bỏ: "Hệ thống mật thám mà Chính phủ Anh thi hành đối với chúng tôi với những quy mô hầu như khó mà tưởng tượng được là lại thêm một bằng chứng nữa chứng tỏ đầy đủ rằng những lời yêu cầu nhiều lần của đại sứ Phổ...".

Xin gửi tới Ngài lời chào hết sức trân trọng.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 14 tháng Sáu 1850
Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô công bố lần đầu tiên vào năm 1934 bằng tiếng Nga

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

NHỮNG TÊN MẬT THÁM PHỔ Ở LUÂN ĐÔN

64, phố Đin, quảng trường Xô-hô, ngày 14 tháng Sáu 1850

Thưa quý Ngài!

Trong thời gian gần đây, chúng tôi, những người Đức lưu vong sống ở Anh ký tên dưới đây, đã có dịp thấy rõ Chính phủ Anh chú ý lạ thường tới chúng tôi. Chúng tôi đã quen với việc thỉnh thoảng lại gặp một nhân viên đáng ngờ nào đó "không được đăng ký chính thức ở cương vị ấy" của sứ quán Phổ, chúng tôi đã quen với những tràng lời lẽ cục cằn và những đề nghị trắng trợn của agents provocateurs[1*] như vậy, và chúng tôi biết cách xử sự với chúng. Sự chú ý của sứ quán Phổ đối với chúng tôi không làm chúng tôi ngạc nhiên - chúng tôi tự hào vì được chú ý; nhưng điều làm chúng tôi ngạc nhiên là giữa bọn mật thám của Phổ với những kẻ tố giác của Anh xem ra đã có sự đồng tâm nhất trí trong việc đối xử với chúng tôi.

Thưa quý Ngài, quả thật, chúng tôi không bao giờ nghĩ rằng ở Anh nói chung lại có nhiều mật thám cảnh sát tới mức như chúng tôi đã được hân hạnh nhìn thấy trong vòng một tuần lễ ngắn ngủi. Ngoài chuyện bên cửa ra vào các nhà hàng chúng tôi ở thường xuyên có những nhân vật nào dấy diện mạo rất đáng nghi, đứng canh gác, hết sức lạnh lùng ghi chép bất kỳ người khách nào ra vào chỗ chúng tôi, - chúng tôi không thể đi một bước mà không bị bọn họ bám theo sát gót chúng tôi ở mọi nơi. Hễ chúng

1* những tên khiêu khích.

tôi bước lên xe buýt hay vào một tiệm cà-phê, là nhất thiết thế nào cũng có ít ra một trong số các ông bạn không quen biết đó đi hộ tống. Chúng tôi không biết các vị làm cái công việc thú vị ấy có "phụng sự hoàng thượng" hay không, nhưng chúng tôi biết chắc chắn rằng diện mạo đa số các vị ấy hết sức bẩn mắt và ít đáng kính trọng.

Thử hỏi, những tin tức nghèo nàn mà một nhúm mật thám thảm hại, những tên đĩ đực hèn hạ nhất ấy, có lẽ được tuyển mộ trong đám người tố giác ăn công khoán tầm thường nhất, - gom nhặt được bên những ngưỡng cửa nhà chúng tôi, có thể đem lại ích lợi gì cho ai không? Chẳng lẽ tin tức - đương nhiên rất xác thực - mà bọn họ cung cấp lại đáng giá đến nỗi phải vì nó mà đáng hy sinh niềm tự hào cổ truyền của người Anh - những người khẳng định rằng ở nước họ không thể áp đặt cái hệ thống mật thám mà không một nước nào trên lục địa thoát khỏi - hay sao?

Hơn nữa, chúng tôi bao giờ cũng đã và sẵn sàng với hết khả năng của chúng tôi cung cấp mọi tin tức về mình mà chính phủ muốn biết.

Vả lại, chúng tôi biết rất rõ thực chất của vấn đề là gì. Chính phủ Phổ đã lợi dụng vụ mưu sát Phri-đrích-Vin-hem IV mới đây để mở một chiến dịch chống những kẻ thù chính trị của nó ở nước Phổ và ở ngoài nước Phổ. Mà vì chuyện thằng điên rành rành nào đó đã bắn vào vua Phổ, mà người ta mưu toan dùng mánh khóe để bắt Chính phủ Anh vận dụng đạo luật về người nước ngoài để chống lại chúng tôi, mặc dù chúng tôi tuyệt nhiên không hiểu hết chúng tôi sống ở Luân Đôn làm sao lại có thể tổn hại đến "việc giữ gìn hòa bình và yên ổn tại vương quốc này".

Chừng tám năm về trước, khi chúng tôi lên tiếng đấu tranh ở Phổ chống lại chế độ cai trị hiện hành, các quan chức trong chính phủ và báo chí đã tuyên bố: "Nếu như các vị ấy không thích các thể chế Phổ thì họ có thể hoàn toàn tự do rời bỏ đất nước". Chúng tôi đã đi ra nước ngoài chúng tôi cũng vấp phải nước Phổ ở khắp

mọi nơi: ở Pháp, ở Bỉ, ở Thụy Sĩ chúng tôi đều cảm thấy có sự can thiệp của đại sứ Phổ. Nếu như giờ đây, do sự can thiệp của ông ta, chúng tôi sẽ phải rời bỏ nơi cư trú cuối cùng còn lại cho chúng tôi ở châu Âu này, thì nước Phổ sẽ coi mình là cường quốc hùng mạnh nhất thế giới.

Cho tới nay, nước Anh vẫn là trở ngại duy nhất trên đường đi của Liên minh thần thánh hiện đang được phục hồi dưới sự bảo trợ của Nga; mà Liên minh thần thánh, - trong đó, Phổ là một bộ phận không thể tách rời, - không cố công làm gì hơn là lôi kéo nước Anh - thù địch với nước Nga - đi vào con đường thi hành một chính sách đối nội ít nhiều theo kiểu Nga. Quả thật, châu Âu sẽ nghĩ gì về những công hàm ngoại giao và những lời tuyên bố tại nghị viện mới đây của Chính phủ Anh, nếu như hành động kèm theo những lời lẽ đó là việc vận dụng đạo luật về người nước ngoài, được ban hành chẳng phải do cái gì khác hơn là những yêu cầu trả thù của các chính phủ phản động nước ngoài?

Chính phủ Phổ khẳng định rằng vụ nổ súng vào vua Phổ là kết quả của những âm mưu cách mạng có tổ chức rất nhiều chi nhánh mà trung tâm của nó phải tìm lại Luân Đôn mới thấy. Do đó, Chính phủ Phổ, một là, thủ tiêu tự do báo chí ở trong nước Phổ, hai là, yêu cầu Chính phủ Anh trục xuất những thủ lĩnh tưởng tượng của cái hội âm mưu tưởng tượng đó ra khỏi nước Anh.

Nếu như lưu ý tới tính cách và phẩm hạnh cá nhân của vua Phổ hiện nay và người em và ông ta, người sẽ nối ngôi, thì ai là kẻ thiết tha hơn với việc người em của vua lên ngôi thật nhanh - đảng cách mạng hay là phe bảo hoàng cực đoan?

Chúng tôi xin tuyên bố rằng trong hai tuần trước khi xảy ra vụ mưu sát ở Béc-lin, có những nhân vật mà chúng tôi có đầy đủ căn cứ để coi là mật thám hoặc của Chính phủ Phổ, hoặc của phe bảo hoàng cực đoan đến gặp chúng tôi và gần như công khai đề nghị chúng tôi tham dự những âm mưu tổ chức giết hại nhà

vua ở Béc-lin và ở những nơi khác. Không cần phải nói thêm rằng những nhân vật đó không đánh lừa nổi chúng tôi.

Chúng tôi xin tuyên bố rằng cả sau vụ mưu sát, cũng có những nhân vật khác thuộc cùng một kiểu ấy bám riết lấy chúng tôi để nói những câu chuyện tương tự.

Chúng tôi xin tuyên bố, trung sĩ De-phe-lô-ghen đã bắn vào vua chẳng phải là một nhà cách mạng, mà là một kẻ bảo hoàng cực đoan. Y thuộc chi hội 2 của "Liên minh những người trung thành" bảo hoàng cực đoan, mà trong danh sách hội viên Liên minh đó y được đăng ký ở số 133. Một thời gian y nhận tiền trợ cấp của Liên minh này; giấy tờ của y được lưu tại nhà một viên thiếu tá theo phái bảo hoàng cực đoan, phục vụ tại bộ chiến tranh.

Nếu như có khi nào đấy vụ này sẽ được đem xét xử công khai ở tòa án, mà điều này thì chúng tôi nghi không chắc sẽ xảy ra, thì công chúng sẽ thấy rõ là có những kẻ xúi giục gây ra vụ mưu sát này hay không và họ là ai.

Tờ báo bảo hoàng cực đoan "Neue Preußische Zeitung"[196] là kẻ đầu tiên vội vã buộc tội những người lưu vong ở Luân Đôn là những thủ phạm thực sự trong vụ mưu sát. Thậm chí báo đó còn nêu tên một trong những người ký tên dưới đây mà trước đó nó còn khẳng định rằng ông ta đã đến ở Béc-lin hai tuần lễ, trong khi đó thì rất nhiều người làm chứng có thể xác nhận rằng ông ta đã không hề rời khỏi Luân Đôn một phút[197]. Chúng tôi đã gửi thư cho ngài đại sứ Phổ, ngài Bun-den, đề nghị gửi cho chúng tôi những số có liên quan của tờ báo nói trên. Tuy vậy, sự chú ý mà con người lịch thiệp đó dành cho chúng tôi, không đi xa tới mức khiến ông ta thể hiện được courtoisie[1*] mà ta có thể chờ đợi ở một hiệp sĩ[198].

Thưa quý Ngài, chúng tôi cho rằng trong tình hình như vậy tốt nhất là nên đưa toàn bộ vấn đề ra công khai. Chúng tôi cho rằng người Anh quan tâm tới tất cả những gì có thể đe dọa chút

1*- phép lịch sử tế nhị.

đỉnh cái danh tiếng lâu đời của nước Anh như một nơi cư trú chắc chắn nhất dành cho những người bị trục xuất thuộc mọi đảng phái và mọi nước.

Thưa quý Ngài, quý Ngài hãy nhận lấy ở chúng tôi lời cảm ơn chân thành nhất.

Các Mác, | biên tập viên tờ "Neue Rheinische
Ph. Ăng-ghen, | Zeitung" ở Khuên
A. Vi-lích, đại tá quân khởi nghĩa ở Ba-đen

Viết ngày 14 tháng Sáu 1850
Đã đăng trên báo "Spectator", ngày 15 tháng Sáu 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

THƯ GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "GLOBE"[199]

Thưa quý Ngài!

Cho phép tôi được thông qua tờ báo của Ngài để kêu gọi công nhân chú ý tới một việc có lẽ động chạm tới danh dự của dân tộc Anh ở một chừng mực nhất định.

Như Ngài đã biết, sau những thất bại của đảng phong trào vào năm 1849, các chính phủ ở lục địa đã ra sức làm cho đông đảo những người lưu vong chính trị, đặc biệt là những người Đức, Hung-ga-ri, I-ta-li-a và Ba Lan, bị xua đuổi khỏi mọi nơi mà họ xin được cư trú, cho tới khi họ rốt cục tìm thấy sự che chở và có được sự yên ổn ở nước Anh.

Tại lục địa có một số chính phủ đang thù địch đối với những kẻ thù chính trị của mình thậm chí vẫn chưa hài lòng với cái kết quả ấy. Trong số đó có Chính phủ Phổ. Sau khi đã làm cho đa số những người Phổ lưu vong phải tập trung vào nước Anh, chính phủ Béc-lin rõ ràng là là đang mưu toan bằng cách này hay cách khác buộc họ phải rời sang Mỹ. Chính những đảng phái mà ở nước họ trên những tờ báo của họ (có thể lấy thí dụ như tờ "Neue Preußische Zeitung" và tờ "Assemblée Nationale") đã mô tả Chính phủ Anh như một ủy ban gồm những người *Gia-cô-banh* và những kẻ âm mưu chống lại phái bảo thủ khắp châu Âu, - thì chính những đảng phái này lại thể hiện sự quan tâm rất đáng nghi ngờ đối với sự yên ổn của nước Anh và đã gửi tới Chính phủ Anh những lời tố giác về những người nước ngoài lưu vong, khẳng định rằng những người này đang can thiệp vào nền chính trị nước Anh và họ có dính líu vào vụ mưu sát vua Phổ.

Tôi được hân hạnh nằm trong số những kẻ bị Chính phủ Phổ truy lùng ở khắp mọi nơi, dù có đi tới bất cứ đâu. Tôi trước đây là chủ bút tờ "Rheinische Zeitung" (ở Khuên) năm 1842[200] và tờ "Neue Rheinische Zeitung" những năm 1848-1849; cả hai tờ báo đều bị đóng cửa vì có sự can thiệp quyết liệt - trực tiếp hay gián tiếp - của Chính phủ Phổ. Tôi đã bị trục xuất khỏi Pháp vào những năm 1845 và 1849, và khỏi Bỉ vào năm 1848, theo yêu cầu trực tiếp và dưới áp lực của sứ quán Phổ, còn trong thời gian tôi lưu lại ở Phổ vào những năm 1848-1849 thì người ta đã kích lên chừng một chục vụ án chính trị để chống lại tôi, tuy nhiên, sau hai lần tôi được tòa án bồi thẩm tuyên bố trắng án thì các nhà dương sự đã từ bỏ việc xét xử.

Nhưng thậm chí ngay cả ở nước Ngài Chính phủ Phổ cũng không thôi để mắt đến tôi. Điều này được chứng thực bởi rất nhiều lời cảnh cáo mà tôi nhận được trong thời gian gần đây, trong đó báo rằng Chính phủ Anh căn cứ vào những sự tố giác như vậy, dự định thi hành một số biện pháp nhằm chống lại tôi. Điều này còn được chứng minh bằng tình hình là đã mấy ngày nay có những nhân vật nào đó đến đứng ngay ở cửa ra vào của tôi và ghi chép mỗi lần có ai ra vào nhà. Tiếp đến, điều này được chứng thực bởi những tin đăng trên tờ "Neue Preußische Zeitung", tờ này trước đây ít lâu đã viết rằng tôi đang du lịch trên đất Đức và đã lưu lại Béc-lin hai tuần lễ, trong khi đó những người chủ nhà của tôi và nhiều người Anh khác có thể nhận thực rằng tôi không hề rời khỏi Luân Đôn một phút kể từ ngày tới đây vào hồi năm ngoái. Sau vụ mưu sát của kẻ điên là De-phe-lô-ghe, cũng chính tờ báo bảo hoàng cực đoan này đã đặt cuộc hành trình tưởng tượng đến Béc-lin của tôi có liên quan với vụ mưu sát ấy, trong khi đó tờ báo này lẽ ra phải am hiểu tường tận hơn ai hết ai là kẻ can dự vào vụ này, - nếu như nói chung có người can dự vào đó, - vì rằng De-phe-lô-ghe là một thành viên của chi bộ số 2 thuộc "Liên minh những người trung thành" bảo hoàng cực đoan và chưa bao giờ có liên quan với ai khác ngoài những sĩ quan tham mưu trong bộ chiến tranh ở Béc-lin. Ngoài ra, điều này còn

được chứng minh bằng sự có mặt ở đây, tại Luân Đôn, của những agents provocateurs Phổ mà hai tuần lễ trước vụ mưu sát của De-phe-lô-ghe đã tới gặp tôi và một số bạn tôi, tuyên truyền rằng việc mưu sát như vậy là cần thiết, và thậm chí còn ám chỉ rằng ở Béc-lin đang tổ chức âm mưu nhằm mục đích này. Sau khi họ không lừa được chúng tôi, họ bèn đi dự những cuộc mít-tinh của phong trào Hiến chương để tạo ra cái ấn tượng là dường như những người nước ngoài lưu vong có tích cực tham gia vào phong trào Hiến chương ở Anh.

Thưa quý Ngài, để kết luận, hãy cho phép tôi được hỏi Ngài, - và thông qua Ngài hỏi dư luận công chúng, - rằng phải chăng có một điều đáng mong muốn nếu Chính phủ Anh dựa vào những tài liệu như vậy mà thi hành những biện pháp có thể, ở mức độ nào đó, làm lay chuyển lòng tin của mọi người rằng luật pháp Anh đều che chở như nhau cho mỗi người đặt chân lên đất Anh, dù cho người đó là ai đi nữa?

Xin gửi lời cảm ơn và v.v..

Viết vào giữa tháng Sáu 1850
Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô công bố đầu tiên bằng tiếng Nga vào năm 1934

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

C. MÁC

TUYÊN BỐ GỬI TỔNG BIÊN TẬP BÁO "NEUE DEUTSCHE ZEITUNG"[201]

Trong bài văn châm biếm trên số báo của Ngài ra ngày 22 tháng Sáu năm nay, Ngài có lời chê trách tôi rằng tôi bảo vệ *quyền thống trị và sự chuyên chính của giai cấp công nhân*, còn Ngài thì trái với tôi, coi trọng việc *xóa bỏ những sự khác biệt giai cấp nói chung*. Tôi không hiểu tại sao lại phải sửa như vậy.

Ngài thừa biết là trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (công bố trước cách mạng tháng Hai 1848) ở trang 16 có nói: "Nếu giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, nhất định phải tự tổ chức thành giai cấp, nếu giai cấp vô sản thông qua con đường cách mạng mà trở thành giai cấp thống trị và với tư cách là giai cấp thống trị, nó dùng bạo lực tiêu diệt những quan hệ sản xuất cũ, thì đồng thời với việc tiêu diệt những quan hệ sản xuất ấy, nó cũng tiêu diệt luôn cả những điều kiện tồn tại của sự đối kháng giai cấp, nó tiêu diệt các giai cấp nói chung và cũng do đấy, tiêu diệt cả sự thống trị của chính nó với tư cách là một giai cấp".

Ngài biết rằng trong "Sự khốn cùng của triết học", ngay từ trước tháng Hai 1848, tôi đã bảo vệ chính cái quan điểm này chống lại Pru-đông[202].

Sau hết, trong chính bài báo mà Ngài đã phê phán ("Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" số 3, trang 32)[1*] tôi có viết: "Chủ nghĩa xã hội này (tức là chủ nghĩa cộng sản) là lời tuyên

1*. Xem tập này tr.126.

bố cách mạng không ngừng, là chuyên chính giai cấp của giai cấp vô sản, coi đó là giai đoạn quá độ tất yếu để đi đến xóa bỏ những sự khác biệt giai cấp nói chung, xóa bỏ tất cả những quan hệ sản xuất làm cơ sở cho những sự khác biệt ấy, xóa bỏ tất cả những mối quan hệ sản xuất xã hội thích ứng với những quan hệ sản xuất đó, để đi đến cải biến tất cả những tư tưởng nảy sinh ra từ những quan hệ xã hội đó".

Tháng Sáu 1850 ***C. Mác***

Đã đăng trên báo "Neue Deutsche Zeitung" số 158, ngày 4 tháng Bảy 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

TUYÊN BỐ GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "NEUE DEUTSCHE ZEITUNG"

Trong bài văn châm biếm đăng trên báo của Ngài ra ngày 22 tháng Sáu, Ngài có nhã ý công nhận rằng do tờ "Neue Rheinische Zeitung" bị đóng cửa nên đã lộ ra "một lỗ hổng rõ rệt" trong báo chí hàng ngày ở Đức. Nhưng Ngài phản đối "lời khẳng định của ngài Ăng-ghen" rằng tờ "Neue Rheinische Zeitung" là cơ quan ngôn luận duy nhất đại diện cho giai cấp vô sản không phải chỉ trên lời nói và bằng những ý định tốt đẹp mà thôi.

Trong bài viết về phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức của tôi đăng trên số 1 tạp chí "Neue Rheinische Zeitung", đúng là tôi có tuyên bố rằng tờ "Neue Rheinische Zeitung" là cơ quan ngôn luận duy nhất đại diện cho lợi ích của giai cấp vô sản Đức không phải chỉ trên lời nói và chỉ bằng thiện chí mà thôi[1*]. Nếu như Ngài cho rằng việc khẳng định như vậy có gây thiệt hại gì đấy cho tờ "Neue Rheinische Zeitung", cơ quan ngôn luận chính thức một thời của cánh tả cực đoan, trong Quốc hội Phran-phuốc, thì Ngài chắc chắn sẽ được công nhân đội ơn vô cùng, nếu như Ngài

1* Xem tập này, tr.162.

chỉ được ra rằng tờ "Neue Deutsche Zeitung" đã đại diện cho giai cấp vô sản Đức hay cho những lợi ích giai cấp của nó ở đâu, khi nào và như thế nào.

Luân Đôn, ngày 25 tháng Sáu 1850

Ph.Ăng-ghen

Đã đăng trên báo "Neue Deutsche Zeitung" số 158, ngày 4 tháng Bảy 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP TỜ "WESER-ZEITUNG"[203]

Trên số báo của các Ngài ra ngày 22 tháng Sáu năm nay có đăng bài phóng sự từ Luân Đôn gửi về trong đó có đoạn như sau:

"Các Mác, Phri-đrích Ăng-ghen và Au-gu-xtơ Vi-lích... đã viết trên tờ "Spectator" rằng mật thám của sứ quán Phổ theo dõi từng bước đi của họ, v.v.. Tờ "Spectator" có viết kèm theo lời phàn nàn dài dằng dặc của họ lời giải thích ngắn như sau: "Những con người loại đó (tức là những người lưu vong chính trị) rất hay lầm lẫn trong những trường hợp như vậy, và lại sự lầm lẫn của họ có hai nguyên do: tính hiếu danh buộc họ phải hình dung mình quan trọng hơn nhiều so với trên thực tế, và hai là sự nhận thức được lỗi lầm của bản thân mình. Những điều nghi ngờ mà những kẻ lưu vong đưa ra chống lại Chính phủ Anh có khuynh hướng tự do tư tưởng và mến khách, không thể gọi là cái gì khác hơn là *sự xảo bậy*".

Không cần phải đặc biệt quen biết giọng văn và phong cách chung đã được xây dựng vững chắc của báo chí nước Anh mới nhận thấy ngay rằng không một cơ quan báo chí Anh nào, mà hơn nữa lại là tờ "Spectator" tế nhị và sắc sảo, lại có thể đưa ra lời giải thích mà về nội dung cũng như hình thức có tính chất Phổ thô lỗ đến như vậy. Toàn bộ "lời giải thích" dẫn ở trên gán cho tờ ""Spectator" là *một sự đơm đặt vô liêm sỉ của phóng viên*. Trên tờ "Spectator" chẳng những không có *chút gì tương tự như vậy*, mà trái lại, ban biên tập tờ báo này đã đăng đúng trên số báo đăng bản tuyên bố của chúng tôi lời chú thích như sau:

"Bức thư đăng dưới đây chứa đựng một lời buộc tội nặng nề đối với chính phủ của chúng ta. Về chuyện này chúng tôi chỉ biết những gì thấy được qua chính bức thư, nhưng ta không thể bỏ qua mà không chú ý tới lời buộc tội được trình bày công khai một cách có lý lẽ như vậy và với những chi tiết xác thực làm vậy. Thực chất của lời buộc tội là ở chỗ bọn chó săn cảnh sát (bloodmen) Phổ ở Luân Đôn được sự ủng hộ trong việc chúng cố tìm cách đòi áp dụng đạo luật về người nước ngoài để chống lại

những người lưu vong Đức" ("Spectator", ngày 15 tháng Sáu, tr.554).

Vị phóng viên của các Ngài cần giả mạo như vậy để làm gì thì điều này đã lộ rõ qua những lời tâng bốc ở ngay trong bức thư đó mà y dành cho ngài Bun-den. Như vậy, toàn bộ mánh lới ấy âu cũng làm vinh hiển cho tính láu cá Phổ.

Chúng tôi hy vọng rằng các Ngài sẽ cho đăng lời tuyên bố này của chúng tôi lên số báo sắp tới của các Ngài và nhờ vậy làm cho vị phóng viên của các Ngài được tận hưởng một mình niềm vinh quang thuộc về y với tư cách là tác giả của điều bịa đặt rất mực thiên tài.

Luân Đôn, ngày 2 tháng Bảy 1850

Các Mác, Phri-đrích Ăng-ghen

Đã đăng trên "Tages-Chronik" số 314, ngày 10 tháng Bảy 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

CHIẾN TRANH NÔNG DÂN Ở ĐỨC[204]

Do Ph.Ăng-ghen viết vào mùa hè năm 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 5-6, năm 1850
Ký tên: Phri-đrích Ăng-ghen

In theo lần xuất bản năm 1875, có đối chiếu với bản đăng trên tạp chí và với bản in năm 1870
Nguyên văn là tiếng Đức

Dân tộc Đức cũng có truyền thống cách mạng của mình. Có một thời kỳ trong đó nước Đức đã sản sinh ra những nhân vật có thể đặt ngang với những nhà cách mạng ưu tú nhất của các nước khác; trong đó nhân dân Đức đã thể hiện được tính kiên định và phát huy được nghị lực mà nếu ở một quốc gia tập trung thì sẽ có thể đem lại những kết quả hết sức tuyệt vời; trong đó nông dân và tầng lớp bình dân Đức đã ấp ủ những ý nghĩ và những kế hoạch khiến cho con cháu họ lắm lúc cũng còn rùng mình kinh hãi.

Để đối lập lại với thái độ thờ ơ nhất thời biểu hiện ra ở hầu hết mọi nơi sau hai năm chiến đấu, đã đến lúc phải giới thiệu lại với nhân dân Đức những nhân vật vụng về nhưng chắc nịch của cuộc Chiến tranh nông dân vĩ đại. Từ đó đến nay ba thế kỷ đã trôi qua và nhiều điều đã thay đổi; tuy vậy, cuộc Chiến tranh nông dân cũng hoàn toàn không xa lắm đối với những trận chiến đấu của chúng ta ngày nay, và những kẻ địch cần phải chống lại phần lớn cũng vẫn là những kẻ địch như trước. Những giai cấp và bộ phận giai cấp khắp nơi đã phản bội cuộc cách mạng trong những năm 1848 và 1849 thì chúng ta thấy chúng đã đóng vai trò phản bội ngay từ năm 1525, tuy rằng ở một giai đoạn phát triển thấp hơn. Và nếu sự phá hoại dữ dội của cuộc Chiến tranh nông dân trong những năm cuối chỉ biểu lộ ra ở từng nơi, ở Ô-đen-van, ở Svác-xvan-đơ và ở Xi-lê-di, thì điều đó tuyệt nhiên cũng không chứng minh tính ưu việt của cuộc khởi nghĩa hiện đại.

I

Trước hết, chúng ta hãy xem xét trên những nét vẫn tắt tình hình nước Đức hồi đầu thế kỷ XVI.

Công nghiệp Đức đã phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XIV và XV. Thủ công nghiệp phường hội ở thành thị đã thay thế công nghiệp nông thôn phong kiến có tính chất địa phương, nó sản xuất cho những khu vực rộng lớn hơn và thậm chí cho cả những thị trường xa xôi hơn. Ngành dệt dạ len thô và vải gai đã trở thành một ngành công nghiệp thường xuyên và rất phổ biến, còn ở Au-xbuốc thì người ta đã sản xuất cả hàng len mịn và lanh mịn, cũng như sản xuất cả lụa. Bên cạnh ngành dệt thì những ngành sản xuất có liên quan tới nghệ thuật là những ngành được sự xa hoa của thế tục và của giáo hội cuối thời trung cổ nuôi dưỡng cũng phát triển đặc biệt rộng rãi: ngành kim hoàn, tạc tượng, chạm gỗ, khắc đồng và gỗ, làm khí giới, đúc huy chương, nghề tiện, v.v.. Một loạt phát minh ít nhiều quan trọng trong đó việc phát minh ra thuốc súng[1] và máy in là những trang rực rỡ nhất trong lịch sử của chúng - đã góp phần lớn lao vào sự phát triển thủ công nghiệp. Thương nghiệp phát triển song song với công nghiệp. Nhờ có sự độc quyền hàng hải hàng thế kỷ của nó, Đồng minh Han-dơ[205] đã đưa được toàn bộ miền Bắc Đức ra khỏi tình trạng man rợ thời trung cổ; và mặc dầu ngay từ cuối thế kỷ XV, nó đã bắt đầu suy tàn nhanh chóng trước sự cạnh tranh của người Anh và người Hà Lan, nhưng con đường thương mại lớn từ Ấn Độ lên phía Bắc - bất chấp những phát kiến của Va-xcô đa Ga-ma - vẫn tiếp tục đi qua Đức; và Au-xbuốc, như trước đây, vẫn là kho hàng lớn chứa tơ lụa I-ta-li-a, gia vị Ấn Độ và tất cả những sản phẩm của các nước Cận Đông. Những thành thị ở miền Thượng Đức, nhất là Au-xbuốc và Nu-rem-be, là trung tâm của sự giàu có và sự xa hoa khá lớn đối với thời đó. Việc khai thác nguyên liệu cũng phát triển rõ rệt. Những thợ mỏ Đức hồi thế kỷ XV là những thợ mỏ khéo léo nhất thế giới,

1) Thuốc súng - như giờ đây điều đó đã được chứng minh một cách tuyệt đối - đã do người A-rập học được của Trung Quốc thông qua con đường Ấn Độ, và chính người A-rập đã du nhập thuốc súng cùng với súng vào châu Âu qua con đường Tây Ban Nha. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1875).*

và nhờ sự phồn vinh của thành thị, ngay cả nông nghiệp cũng đã thoát khỏi tình trạng man rợ thời trung cổ. Không những người ta biến những diện tích bỏ hoang bao la thành đồng ruộng, mà còn trồng trọt những cây thuốc nhuộm và những cây khác nhập từ nước ngoài về, và việc phải chăm sóc chúng nhiều hơn đã ảnh hưởng tốt đến toàn bộ nền nông nghiệp.

Tuy thế, sự phát triển của nền sản xuất trong nước Đức vẫn không theo kịp sự phát triển của nền sản xuất của các nước khác. Nông nghiệp Đức lạc hậu rất nhiều so với Anh và Hà Lan; công nghiệp Đức thua xa công nghiệp I-ta-li-a, Phla-măng và Anh, còn trong lĩnh vực thương nghiệp hàng hải thì người Anh và nhất là người Hà Lan đã bắt đầu chèn ép người Đức. Dân cư vẫn còn rất thưa thớt. Nền văn minh ở Đức chỉ tồn tại ở từng nơi, tập trung xung quanh một số trung tâm công nghiệp và thương nghiệp cá biệt; lợi ích ngay cả của những trung tâm đó cũng rất khác nhau, và chỉ họa hoằn lắm mới có điểm giống nhau. Miền Nam có những quan hệ thương mại và những thị trường tiêu thụ khác hẳn miền Bắc; giữa miền Đông và miền Tây hầu như không có sự trao đổi. Không một thành thị nào có thể trở thành trung tâm công nghiệp và thương nghiệp cho cả nước, giống như Luân Đôn đã trở thành một trung tâm như thế đối với nước Anh chẳng hạn. Toàn bộ sự giao dịch trong nội địa hầu như chỉ hoàn toàn giới hạn trong ngành vận tải ven biển, đường sông, và vài con đường thương mại lớn từ Au-xbuốc và Nu-rem-be qua Khuên đi Hà Lan và qua Ếc-phuya đi lên phía Bắc. Cách xa những con sông và những con đường thương mại có rất nhiều thành thị nhỏ hơn, bị gạt ra ngoài vòng trao đổi rộng lớn, những thành thị ấy vẫn cứ tiếp tục sống vất vưởng trong điều kiện sinh hoạt của cuối thời trung cổ, chỉ tiêu dùng rất ít hàng nhập của nước ngoài và cũng chỉ sản xuất rất ít hàng xuất khẩu. Trong dân cư ở nông thôn, chỉ có giai cấp quý tộc là tiếp xúc với những giới rộng rãi hơn và với những nhu cầu mới. Còn khối đông nông dân thì không bao giờ vượt ra khỏi phạm vi những quan hệ địa phương gần nhất, và khỏi cái chân trời địa phương chật hẹp gắn liền với những quan hệ đó.

Trong khi ở Anh và ở Pháp, sự phát triển của thương nghiệp và công nghiệp đã dẫn đến chỗ thống nhất những lợi ích trong phạm vi cả nước và do đó đã đưa đến sự tập trung về chính trị, thì ở Đức quá trình đó chỉ có thể dẫn đến chỗ tập hợp những lợi ích theo tỉnh, xung quanh những trung tâm thuần túy địa phương, và do đó, đến tình trạng tản mạn về chính trị; sự tản mạn này ít lâu sau lại được xác lập một cách đặc biệt vững chắc do nước Đức bị loại ra khỏi nền thương mại thế giới. Đế chế *thuần túy phong kiến* ấy càng sụp đổ thì mối liên hệ giữa các miền của đế chế đó nói chung cũng càng tan rã; những kẻ hưởng những thái ấp lớn của đế chế bắt đầu biến thành những vương công gần như độc lập, còn những thành thị của đế chế ở một bên và bên kia là những hiệp sĩ của đế chế thì bắt đầu liên minh với nhau để khi thì chống lại nhau, khi thì chống lại các vương công hay chống lại hoàng đế. Chính quyền của đế chế, không còn nhận thức được địa vị của chính mình nữa, đã nghiêng ngả một cách bất lực giữa các thành phần khác nhau cấu thành đế chế, do đó ngày càng mất uy quyền; mưu toan của chính phủ định tập trung nhà nước theo kiểu Lu-i XI - bất chấp mọi mưu kế và bạo lực - cũng không vượt quá việc củng cố mối liên hệ giữa các đất đai thừa hưởng được của nước Áo. Nếu có những người cuối cùng đã được lợi và phải được lợi trong sự hỗn độn đó, trong vô số những cuộc xung đột chằng chịt với nhau đó, thì đó là những kẻ đại diện cho sự tập trung trong chính ngay tình trạng tản mạn, những kẻ đại diện cho sự tập trung ở địa phương và ở tỉnh, tức là những *vương công*, bên cạnh họ chính ngay hoàng đế cũng ngày càng trở thành một vương công như tất cả những vương công khác.

Trong những điều kiện đó, tình hình các giai cấp do thời trung cổ để lại đã thay đổi một cách cơ bản, và bên cạnh các giai cấp cũ đã hình thành những giai cấp mới.

Các *vương công* nảy sinh từ tầng lớp đại quý tộc. Họ đã hầu như hoàn toàn độc lập đối với hoàng đế và có được phần lớn các

chủ quyền. Họ tự mình tiến hành chiến tranh và ký kết hòa ước, nuôi đội quân thường trực, triệu tập nghị viện địa phương và đặt ra các thứ thuế. Họ đã làm cho một bộ phận lớn tiểu quý tộc và thành thị phải phục tùng chính quyền của họ và họ tiếp tục dùng đủ mọi thủ đoạn có thể làm được để sáp nhập vào lãnh thổ của họ những thành thị và lãnh địa của các nam tước còn trực tiếp phụ thuộc vào đế chế. Họ càng tỏ ra tập trung bao nhiêu đối với các thành thị và lãnh địa đó, thì họ lại tỏ ra chống tập trung bấy nhiêu đối với chính quyền của đế chế. Về mặt đối nội, sự cai quản của họ lúc đó cũng đã rất độc đoán. Thường thường họ chỉ triệu tập các hội nghị đẳng cấp khi họ không có lối thoát nào khác. Họ đặt ra các thứ thuế và thu tiền bất kỳ lúc nào họ muốn; quyền các đẳng cấp được tham gia biểu quyết về thuế khóa ít khi được thừa nhận, và lại càng ít khi được thực hiện. Và ngay cả khi quyền đó của các đẳng cấp được thực hiện thì vương công cũng thường chiếm được đa số nhờ hai đẳng cấp không phải nộp thuế nhưng lại được dự phần vào thuế - giới hiệp sĩ và tăng lữ lớp trên. Nhu cầu của các vương công về tiền tăng lên cùng với sự xa hoa và những chi phí để nuôi triều đình, cùng với sự xuất hiện đội quân thường trực và những khoản chi ngày càng tăng của công việc cai trị. Thuế khóa ngày càng nặng nề. Nhờ có những đặc quyền của mình, các thành thị phần lớn đã được bảo vệ khỏi ách thuế khóa; toàn bộ gánh nặng thuế khóa đều trút lên đầu nông dân, - nông dân trong lãnh địa của bản thân các vương công cũng như nông nô, nông dân bị lệ thuộc và nông dân nộp tô phong kiến cho các hiệp sĩ phải làm nghĩa vụ của người hưởng thái ấp. Khi thuế trực thu không đủ thì người ta đánh thuế gián thu; để lấp đầy quốc khố bị thủng người ta đã dùng đến những thủ đoạn tinh vi nhất của nghệ thuật tài chính. Khi tất cả những cái đó vẫn không đủ, khi không còn có gì để cầm cố được nữa, và khi không có một thành thị tự do nào của đế chế muốn cho vay nữa, thì người ta dùng đến những thủ đoạn làm tiền bẩn thỉu nhất: người ta đúc tiền không đủ giá trị, đặt ra thị giá cưỡng chế, khi cao khi thấp, tùy theo cái gì có lợi hơn

cho ngân khố. Việc buôn bán những đặc quyền của thành thị và những đặc quyền khác, rồi sau đó dùng bạo lực tước lại những đặc quyền ấy để bán với giá cao hơn, việc sử dụng mỗi mưu toan chống đối làm cái cớ để bắt nộp những khoản tiền bồi thường và để cướp bóc, v.v. và v.v., đều là những nguồn thu nhập bình thường và rất hời của các vương công thời bấy giờ. Đối với các vương công, cả công lý cũng là một món hàng buôn bán thường xuyên và khá quan trọng. Tóm lại, những thần dân thời đó - những người ngoài ra lại còn phải thỏa mãn lòng tham riêng của những quan lại địa phương và viên chức của các vương công - đã được nếm đầy đủ tất cả mọi điều tuyệt diệu của chế độ cai trị "đầy tình phụ mẫu".

Tầng lớp quý tộc hạng trung hầu như hoàn toàn biến mất khỏi hệ tôn ti phong kiến thời trung cổ: một bộ phận trong tầng lớp đó vươn lên được địa vị những vương công nhỏ độc lập, còn một bộ phận khác thì tụt xuống hàng ngũ tiểu quý tộc. *Tiểu quý tộc, tức là các hiệp sĩ*, nhanh chóng đi tới chỗ diệt vong. Đại bộ phận đã hoàn toàn bị phá sản và chỉ sống bằng cách phục vụ các vương công, giữ các chức vụ quân sự hay dân sự; một bộ phận khác ở vào thân phận chư hầu và lệ thuộc vào các vương công; cuối cùng, bộ phận thứ ba, nhỏ nhất, phụ thuộc trực tiếp vào đế chế. Sự phát triển của ngành quân sự, vai trò ngày càng tăng của bộ binh, việc cải tiến hỏa khí - tất cả những điều đó đã làm mất tầm quan trọng của sự phục vụ quân sự của các hiệp sĩ với tư cách là kỵ binh nặng và đồng thời cũng thủ tiêu tính chất kiên cố của những pháo đài của họ. Sự tiến bộ của công nghiệp đã làm cho các hiệp sĩ trở nên thừa, cũng giống như những thợ thủ công ở Nu-rem-be. Những nhu cầu của hiệp sĩ về tiền đã góp phần đáng kể vào việc làm cho họ bị phá sản. Sự xa hoa trong các lâu đài, sự ganh đua về mặt tráng lệ trong các cuộc đấu võ của các kỵ sĩ và trong các hội hè, giá vũ khí và ngựa, thì ngày càng tăng cùng với những tiến bộ của sự phát triển xã hội, trong khi những nguồn thu nhập của các hiệp sĩ và các nam tước chỉ tăng rất ít, hoặc hoàn toàn không tăng. Những cuộc phân tranh

cùng với những vụ cướp phá và những món tiền bồi thường không thể tránh khỏi, những vụ ăn cướp trên đường cái lớn và những việc làm cao quý khác tương tự, dần dần đã trở thành một công việc quá nguy hiểm. Những khoản đảm phụ và những đóng góp nặng nề của các thần dân hầu như cũng không đem lại một thu nhập lớn hơn trước. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của họ, các ngài quý tộc phải dùng đến những thủ đoạn giống như các vương công. Sự cướp bóc của quý tộc đối với nông dân mỗi năm một tinh vi hơn. Nông nô bị bóp nặn đến giọt máu cuối cùng; những nông dân phụ thuộc phải gánh thêm những khoản thuế và đảm phụ mới với mọi lý do và dưới mọi tên gọi. Lao dịch, địa tô, phù thu lạm bổ, thuế thay đổi chủ, thuế di sản, tiền bảo hộ[206], v.v, tăng lên một cách độc đoán, bất chấp tất cả mọi hợp đồng cổ. Người ta từ chối không xét xử, cả tòa án cũng bị mua chuộc, và nếu hiệp sĩ không thể dùng cách nào khác để bòn rút tiền của nông dân thì họ cứ việc tống giam nông dân và buộc người đó phải bỏ tiền ra chuộc lại tự do.

Tiểu quý tộc cũng hoàn toàn không sống hòa thuận với những tầng lớp khác. Lớp quý tộc có nghĩa vụ chư hầu đối với các vương công thì tìm cách để trở thành trực tiếp phụ thuộc vào đế chế; quý tộc phụ thuộc vào đế chế thì tìm cách duy trì vị trí độc lập của mình; do đó không ngừng nổ ra những cuộc xung đột với các vương công. Hiệp sĩ coi tầng lớp tăng lữ tự cao tự mãn thời đó là một đẳng cấp hoàn toàn thừa, và nhìn bằng con mắt thèm khát những dinh cơ rộng lớn của tăng lữ và những của cải mà tăng lữ góp nhặt được nhờ sống độc thân và quy chế của giáo hội. Hiệp sĩ luôn luôn bất hòa với thành thị. Họ là con nợ thường xuyên của thành thị, sống bằng cách cướp phá lãnh thổ của thành thị và cướp bóc thương nhân của thành thị, bằng tiền chuộc những người bị bắt làm tù binh trong các cuộc tranh chấp với các thành thị. Và khi vấn đề tiền tài càng trở thành vấn đề sống còn đối với họ, thì cuộc đấu tranh của giới hiệp sĩ với tất cả các tầng lớp đó trở nên ngày càng khốc liệt thêm.

Giới tăng lữ, đại biểu cho hệ tư tưởng phong kiến thời trung cổ, cũng chịu ảnh hưởng không kém của bước ngoặt lịch sử. Do việc phát minh ra máy in và do sự phát triển những nhu cầu của một nền thương nghiệp đang ngày càng mở rộng, giới tăng lữ không những mất độc quyền về đọc và viết, mà còn mất cả độc quyền về những trình độ học vấn cao hơn. Sự phân công lao động cũng đã diễn ra cả trong lĩnh vực trí óc. Đẳng cấp luật gia mới hình thành đã tước mất của tăng lữ một loạt chức vị có nhiều ảnh hưởng nhất. Trên một mức độ đáng kể, tăng lữ cũng đã bắt đầu trở nên thừa, khi chính bản thân họ xác nhận điều đó bằng sự lười biếng và sự ngu dốt ngày càng tăng của họ. Nhưng càng trở nên thừa thì tăng lữ lại càng trở nên đông đảo nhờ số của cải to lớn mà họ không ngừng làm tăng lên bằng đủ mọi thủ đoạn có thể làm được.

Giới tăng lữ cũng chia thành hai giai cấp khác nhau. Hệ tôn ti của giáo hội phong kiến hình thành nên giai cấp *quý tộc*: giám mục và tổng giám mục, trưởng tu viện, giáo chủ và các giáo chức cao cấp khác. Các giáo chức cao cấp đó của giáo hội đều hoặc giả tự mình là những vương công của đế chế, hoặc giả là những chúa phong kiến phục tùng chính quyền tối cao của những vương công khác và chiếm hữu những vùng đất đai rộng lớn có nhiều nông nô và dân cư lệ thuộc. Các giáo chức này không những bóc lột bầy tôi của họ một cách cũng tàn nhẫn như quý tộc và vương công, mà còn hành động vô liêm sỉ hơn nhiều. Để cướp đoạt đồng xu cuối cùng của bầy tôi hoặc để làm tăng thêm phần gia tài di chúc lại cho giáo hội, thì ngoài việc dùng bạo lực thô bạo ra họ còn dùng đến tất cả mọi thủ đoạn tinh vi của tôn giáo; ngoài những sự khủng khiếp của tra tấn ra họ còn dùng tất cả mọi sự khủng khiếp của việc rút phép thông công và của việc khước từ xá tội, mọi mưu kế của việc xưng tội. Đối với những bậc đáng kính đó việc giả mạo giấy tờ là một thủ đoạn lừa đảo thông thường và quen thuộc nhất. Nhưng, mặc dầu là ngoài những khoản đảm phụ phong kiến thông thường và các khoản tô, họ còn thu cả thuế thập phân nữa, tất cả những khoản thu nhập đó vẫn

không đủ đối với họ. Để bòn rút nhiều tiền hơn nữa ở nhân dân, họ đã dùng đến - và rất có kết quả trong một thời gian dài - việc sản xuất ra những tượng thánh và thánh tích có phép màu, tổ chức ra những cuộc hành hương cầu phúc và buôn bán những bùa xá tội.

Sự căm ghét không những của nhân dân, mà cả của quý tộc nữa, đối với cha cố, chính đã tập trung vào các tăng lữ cao cấp đó và vào đội sen đầm thầy tu đông đúc của chúng, - đội sen đầm này ngày càng tăng lên cùng với việc tăng cường đàn áp về chính trị và tôn giáo. Trong trường hợp những tăng lữ này phụ thuộc trực tiếp vào đế chế thì họ tạo thành một vật chướng ngại cho các vương công. Cuộc sống phóng khoáng của các giám mục và trưởng tu viện béo tốt và của đội quân thầy tu của họ đã gây nên sự ghen ghét của quý tộc và sự căm phẫn của nhân dân là những người phải trả tất cả những chi phí ấy, và lối sống ấy của những tăng lữ cao cấp càng mâu thuẫn rõ rệt với những lời thuyết giáo của họ, thì lòng căm phẫn đó lại càng mạnh hơn.

Bộ phận *bình dân* của giới tăng lữ gồm có những mục sư ở nông thôn và thành thị. Họ đứng ngoài hệ tôn ti phong kiến của giáo hội, và không tham dự gì vào những của cải của giáo hội. Hoạt động của họ tương đối ít bị kiểm soát, và mặc dầu tất cả tầm quan trọng của nó đối với giáo hội, nhưng trong lúc này hoạt động đó ít cần thiết hơn nhiều so với những sự phục vụ có tính chất cảnh sát của các thầy tu sống thường xuyên trong doanh trại. Vì vậy họ được trả lương tối hơn rất nhiều và phần lớn chỉ được hưởng những món lộc rất ít ỏi. Xuất thân từ giới thị dân hay bình dân, họ khá gần gũi với hoàn cảnh sinh sống của quần chúng, nên mặc dầu là giáo sĩ, họ vẫn đồng tình với thị dân và bình dân. Việc tham gia các phong trào thời kỳ đó là ngoại lệ đối với các thầy tu, nhưng đối với họ thì lại là rất thông thường. Từ trong hàng ngũ của họ nảy sinh những nhà lý luận và những nhà tư tưởng của phong trào, và nhiều người trong bọn họ, hoạt động với tư cách là đại biểu của bình dân và nông dân, đã vì

thế mà chết trên đoạn đầu đài. Vì vậy sự căm thù của nhân dân đối với các giáo sĩ rất ít khi chĩa vào họ.

Đứng trên vương công và quý tộc có hoàng đế, thì đứng trên tăng lữ cao cấp và tăng lữ hạ cấp cũng có *giáo hoàng*. Giống như người ta phải nộp cho hoàng đế "đồng phen-ních phổ biến"[207] và các thứ thuế của đế chế, người ta cũng phải nộp cho giáo hoàng thứ thuế chung của giáo hội, dùng để trả cho sự xa hoa của tòa thánh La Mã. Không có một nước nào mà những thứ thuế ấy của giáo hội lại được thu - nhờ thế lực và số lượng thầy tu đông đảo - một cách nhiệt tình và nghiệt ngã hơn ở Đức. Đặc biệt hà khắc là những món tiền cống nhậm chức[208] khi có dịp khuyết chức giám mục. Với những nhu cầu ngày càng tăng, người ta nghĩ ra những thủ đoạn mới để kiếm tiền: buôn bán thánh tích và bán bùa xá tội, quyên góp nhân những ngày lễ, v.v.. Bằng cách đó, hàng năm có những số tiền rất lớn được chuyển từ Đức sang La Mã, và ách áp bức ngày càng nặng nề thêm vì tình hình ấy không những đã làm tăng lòng căm thù đối với các giáo sĩ, mà còn kích thích tinh thần dân tộc, đặc biệt là trong hàng ngũ quý tộc, một đẳng cấp có tinh thần dân tộc nhất của thời kỳ đó.

Do sự phát triển của thương nghiệp và thủ công nghiệp, từ số dân cư công thương nghiệp lúc ban đầu của các *thành thị* thời trung cổ đã nảy sinh ba nhóm hết sức riêng biệt.

Đứng đầu xã hội thành thị là *những dòng họ quý tộc thành thị*, những người gọi là *"những kẻ quyền quý"*. Đó là những gia đình giàu có nhất. Chỉ có những gia đình ấy mới có chân trong hội đồng thành phố và họ chiếm tất cả các chức vụ của thành phố. Vì vậy không những họ quản lý các thu nhập của thành thị, mà còn tiêu xài những thu nhập ấy nữa. Mạnh vì giàu có, vì có địa vị quý phái cổ truyền được hoàng đế và đế chế công nhận, các gia đình ấy bóc lột bằng mọi cách cả công xã thành thị lẫn những nông dân thuộc quyền của thành thị. Các gia đình ấy làm nghề cho vay nặng lãi, bằng cách cho vay ngũ cốc và tiền, nắm mọi thứ độc quyền, lần lượt tước của công xã tất cả mọi quyền

của nó về việc sử dụng chung các rừng rú và đồng cỏ của thành thị, chỉ sử dụng chúng để làm lợi riêng cho mình, tùy tiện quy định thuế đường sá, thuế cầu, thuế cổng và các thứ thuế khác, buôn bán các đặc quyền phường hội, chức thợ cả, quyền công dân và cả công lý nữa. Nông dân ở vùng lân cận cũng bị họ đối xử thẳng tay chẳng kém gì quý tộc tăng lữ; hơn nữa, những trưởng quan và viên chức của thị xã ở nông thôn - tất cả đều là quý tộc thành thị - trong khi bóp nặn đã kết hợp tính tàn nhẫn và lòng gian tham của bọn quý tộc với cái thói thông thái rởm của bọn quan lại mà ai cũng biết. Những thu nhập của thành phố góp nhặt như vậy được quản lý một cách hết sức tùy tiện: những giấy tờ thanh toán trong các sổ sách của thành phố, đơn thuần có tính chất hình thức, được tiến hành hết sức cẩu thả và rối rắm; những vụ biển thủ và thiếu hụt quỹ là một hiện tượng thông thường. Lúc đó, một đẳng cấp không đông, nắm đủ mọi đặc quyền, liên kết chặt chẽ với nhau bằng những quan hệ họ hàng và những lợi ích chung, có thể làm giàu một cách dễ dàng đến như thế nào nhờ vào các thu nhập của thành thị, - điều đó ta có thể hình dung được một cách dễ dàng nếu ta nhớ lại những vụ gian lận và biển thủ đã bị phát giác hồi năm 1848 ở rất nhiều cơ quan quản lý thành phố.

Bọn quý tộc thành thị lo cốt sao cho các quyền của công xã thành thị, nhất là về mặt tài chính, ở khắp nơi đều bị lãng quên đi. Mãi về sau, khi những sự lạm dụng của các ngài ấy đã trở nên quá nghiêm trọng, thì các công xã mới bắt đầu hoạt động để ít nhất cũng nắm quyền kiểm soát bộ máy quản lý thành phố. Và các công xã đã thực sự khôi phục được quyền của họ ở phần lớn các thành thị. Nhưng do có những sự tranh chấp liên miên giữa các phường hội, do sự ngoan cố của bọn quý tộc thành thị và sự che chở của đế chế và của chính phủ các thành thị liên minh với họ, nên những thành viên quý tộc thành thị trong các hội đồng đã thực tế khôi phục được một cách rất nhanh chóng, - khi thì bằng mưu kế, khi thì bằng vũ lực, - sự thống trị không hạn chế cũ của chúng. Đầu thế kỷ XVI, ở tất cả các thành thị,

công xã lại ở vào địa vị phải đối lập.

Phái đối lập chống lại quý tộc thành thị chia thành hai bộ phận đã thể hiện ra rất rõ trong thời kỳ cuộc Chiến tranh nông dân.

Phái đối lập của thị dân, tiền thân của phái tự do của chúng ta ngày nay, bao gồm những thị dân giàu có và trung bình, và cả một bộ phận lớn hay nhỏ tiểu thị dân, tùy theo điều kiện địa phương. Những yêu sách của phái này mang tính chất thuần túy lập hiến. Nó đòi quyền kiểm soát cơ quan quản lý thành phố và tham dự vào quyền lập pháp, bằng cách thông qua cuộc hội nghị của bản thân công xã, hoặc thông qua các đại biểu của công xã (đại hội đồng, ủy ban công xã); thứ nữa, nó đòi hạn chế chế độ gia đình trị của quý tộc thành thị và chế độ quả đầu của một số ít gia đình, một chế độ ngày càng bộc lộ công khai ngay cả trong nội bộ bản thân giai cấp quý tộc thành thị. Ngoài ra, - nhiều lắm thì phái đối lập của thị dân cũng chỉ đòi hỏi thay một vài ghế trong hội đồng bằng những thị dân xuất thân từ trong tầng lớp của họ. Phái này, tập hợp được ở đó đây một bộ phận bất mãn và sa sút trong giai cấp quý tộc thành thị, đã chiếm được một đa số lớn trong tất cả các hội nghị thường kỳ của công xã và trong các phường hội. Còn những người tán thành hội đồng, cũng như những đại biểu trong phái đối lập cấp tiến hơn, ngay cả khi cộng chung lại, cũng chỉ tạo thành một thiểu số nhỏ trong *số những thị dân* có đầy đủ quyền công dân.

Dưới đây chúng ta sẽ thấy rằng phái đối lập "ôn hòa", "hợp pháp", "sung túc" và "có học thức" này trong phong trào của thế kỷ XVI cũng đóng đúng vai trò và cũng có đúng một sự thành công như kẻ kế tục nó, tức là đảng lập hiến, trong phong trào của những năm 1848-1849[209].

Vả lại, phái đối lập của thị dân còn đấu tranh kịch liệt chống các giáo sĩ mà cuộc sống lười biếng, phóng khoáng và những tập quán đồi trụy đã làm cho họ hết sức phẫn nộ. Họ đòi phải có những biện pháp kiên quyết chống lại lối sống xấu xa của những

vị đáng kính ấy. Họ đòi phải hủy bỏ quyền được xét xử riêng và quyền được miễn thuế của các giáo sĩ, và, nói chung, đòi phải giảm số tu sĩ.

Phái đối lập bình dân gồm những thị dân bị phá sản và quần chúng dân cư thành thị không có quyền công dân: thợ bạn, người làm công nhật và đông đảo đại biểu của tầng lớp vô sản lưu manh mới xuất hiện, mà người ta đã thấy ngay từ ở những bước phát triển thấp nhất của các thành thị. Tầng lớp vô sản lưu manh nói chung là một hiện tượng mà người ta đã thấy - dưới một dạng ít nhiều phát triển - trong hầu hết mọi giai đoạn phát triển của xã hội từ trước tới nay. Chính trong thời kỳ ấy, do chế độ phong kiến tan rã thành một xã hội trong đó mỗi một nghề nghiệp, mỗi một phạm vi sinh hoạt còn được bảo vệ bởi vô số đặc quyền, cho nên đám người không có một nghề nghiệp nhất định và không có chỗ cư trú thường xuyên đã tăng lên rất nhiều. Trong tất cả các nước phát triển, chưa bao giờ số người lang thang lại nhiều như ở nửa đầu thế kỷ XVI. Một bộ phận trong bọn họ đã gia nhập quân đội trong thời chiến, một bộ phận khác đi ăn xin khắp nước, cuối cùng, bộ phận thứ ba thì kiếm sống một cách nghèo nàn ở các thành thị bằng những việc làm công nhật hoặc bằng những công việc khác không đòi hỏi phải thuộc về một phường hội nào đó. Tất cả ba thành phần ấy đều có vai trò của mình trong cuộc Chiến tranh nông dân: thành phần thứ nhất - trong các đội quân của các vương công, những đội quân này đã đánh bại nông dân; thành phần thứ hai - trong những hội âm mưu của nông dân và trong những đội quân nông dân, trong đó ảnh hưởng đối bại của họ đã luôn luôn biểu lộ ra; thành phần thứ ba - trong những cuộc đấu tranh của các phe phái ở thành thị. Vả lại, không nên quên rằng phần lớn giai cấp này, cụ thể là bộ phận sống ở thành thị, hồi bấy giờ còn giữ được phần lớn cái bản chất lành mạnh của nông dân, và trong một thời gian dài vẫn còn xa lạ với sự bất lương và đối bại của tầng lớp vô sản lưu manh văn minh ngày nay.

Như chúng ta thấy, phái đối lập bình dân ở thành thị trong thời kỳ đó bao gồm nhiều thành phần rất hỗn tạp. Nó tập hợp những thành phần đã bị phá sản của xã hội phong kiến và phường hội cũ, và những phần tử vô sản còn chưa phát triển, vừa mới nhú lên từ xã hội tư sản hiện đại đang nảy sinh. Một bên là những thị dân phường hội bị bần cùng hóa, còn bị ràng buộc bởi những đặc quyền vào trật tự thành thị hiện tồn; một bên là những nông dân bị đuổi ra khỏi những nơi quen thuộc của mình và những tôi tớ bị sa thải còn chưa thể trở thành những người vô sản. Giữ một vị trí trung gian giữa hai hạng người đó là thợ bạn: tạm thời họ đứng ngoài xã hội quan phương, và xét theo điều kiện sinh hoạt thì họ hết sức gần với giai cấp vô sản trong chừng mực nền công nghiệp hồi ấy và những đặc quyền của phường hội cho phép, nhưng đồng thời cũng chính vì những đặc quyền phường hội ấy mà hầu hết họ đều là những thị dân và những thợ cả phường hội tương lai. Vì vậy lập trường phe phái của cái đám hỗn hợp những phần tử tạp nham ấy, tất nhiên là hết sức không vững vàng và khác nhau tùy theo điều kiện địa phương. Trước Chiến tranh nông dân, phái đối lập bình dân tham gia đấu tranh chính trị không phải với tư cách là một đảng phái, mà chỉ như một đám đông huyên náo, thích thú việc cướp bóc, có thể mua và bán được bằng vài thùng rượu vang và theo đuôi phái đối lập của thị dân. Chỉ có những cuộc nổi dậy của nông dân mới biến họ thành một đảng phái, nhưng cả trong trường hợp này, trong những yêu sách và hành động của mình, đâu đâu họ cũng đi theo nông dân - đó là một bằng chứng rõ ràng nói lên rằng hồi đó thành thị còn phụ thuộc vào nông thôn đến chừng nào. Phái ấy chỉ hoạt động độc lập trong chừng mực nó đòi hỏi thiết lập độc quyền thủ công nghiệp của thành thị ở nông thôn, trong chừng mực nó phản đối việc giảm bớt những thu nhập của thành thị bằng cách bãi bỏ những đảm phụ phong kiến ở ngoại thành, v.v.. Tóm lại, trong chừng mực nó hoạt động độc lập thì nó là phản động và phụ thuộc vào chính những phần tử tiểu tư sản của nó, như vậy là nó giáo đầu một cách đặc sắc cho tấn bi hài kịch mà

giai cấp tiểu tư sản hiện đại đã trình diễn từ ba năm nay, dưới chiêu bài dân chủ.

Chỉ có ở Thuy-rinh-ghen, dưới ảnh hưởng trực tiếp của Muyn-txơ, và ở một số nơi khác, dưới ảnh hưởng của những học trò của ông, bộ phận bình dân trong dân cư thành thị mới bị lôi cuốn vào cơn bão tố cách mạng chung tới mức là trong đó, thành phần vô sản mới phôi thai đã nhất thời chiếm ưu thế so với tất cả những phần tử khác của phong trào. Giai đoạn này, giai đoạn tột đỉnh trong toàn bộ cuộc Chiến tranh nông dân và diễn ra xung quanh nhân vật vĩ đại nhất của cuộc chiến tranh ấy là *Tô-mát Muyn-txơ*, đồng thời cũng là giai đoạn ngắn nhất. Lẽ dĩ nhiên, bộ phận bình dân này phải thất bại hết sức nhanh chóng, đồng thời phong trào của nó phải mang một dấu ấn chủ yếu là hoang đường và phương pháp biểu thị những yêu sách của nó hết sức không rõ ràng, chính bởi vì nó có một cơ sở ít vững chắc hơn cả trong các quan hệ xã hội hồi đó.

Nằm dưới tất cả những giai cấp này, trừ những người bình dân ra, là đông đảo quần chúng nhân dân bị bóc lột: ***nông dân***. Toàn bộ cái cơ cấu xã hội gồm vương công, quan lại, quý tộc, linh mục, quý tộc thành thị và thị dân, đều đè nặng lên vai nông dân. Dù là thuộc về một vương công, về một giám mục, về một tu viện hay một thành thị, ở đâu người nông dân cũng đều bị đối xử như là một đồ vật, như là một súc vật thồ, hoặc còn tệ hơn thế nữa. Nếu anh ta là một nông nô thì anh ta hoàn toàn nằm dưới quyền của người chủ của mình. Còn nếu anh ta là một nông dân phụ thuộc thì chỉ riêng những khoản đảm phụ hợp pháp, được quy định theo giao kèo, cũng đủ đè bẹp anh ta, thế nhưng những khoản đảm phụ này thì lại mỗi ngày một tăng thêm. Họ phải làm việc phần lớn thời gian trên đất đai của lãnh chúa, còn đối với những khoản kiếm được cho bản thân trong ít giờ tự do thì họ phải đóng thuế thập phân, địa tô phong kiến, phù thu lạm bổ, thuế nộp cho vương công [Bede], thuế hành quân (thuế quân vụ), thuế cho địa phương và cho đế chế. Anh ta không thể lấy

vợ hay không thể chết, mà không nộp tiền cho lãnh chúa. Ngoài những lao dịch đã quy định anh ta còn phải làm cho người chủ nhân hậu của mình những việc như cắt rạ, hái quả dâu rừng, quả việt quất, bắt ốc sên, dồn thú rừng trong các cuộc săn bắn, bổ củi, v.v.. Quyền đánh cá và săn bắn thuộc về lãnh chúa, và người nông dân phải lặng nhìn thú rừng phá hoại mùa màng của họ. Những bãi chăn nuôi và những cánh rừng công xã của nông dân hầu hết mọi nơi đều bị lãnh chúa cưỡng đoạt. Và lãnh chúa không những định đoạt một cách tùy tiện tài sản của nông dân, mà cả thân thể họ, thân thể vợ họ và con gái của họ nữa. Lãnh chúa có quyền hưởng dêm đầu tiên. Bất kỳ lúc nào muốn là lãnh chúa cũng có thể tống nông dân vào nhà giam, ở đó việc tra tấn chắc chắn sẽ đến với họ như ngày nay kẻ bị giam sẽ gặp người dự thẩm. Lãnh chúa đánh người nông dân đến chết và có thể ra lệnh chặt đầu họ nếu hắn muốn. Trong những chương giáo huấn của bộ luật Ca-rô-lin[210] nói đến việc "cắt tai", "xẻo mũi", "khoét mắt", "chặt ngón tay và bàn tay", "chặt đầu", "buộc người vào bánh xe đánh cho gãy chân tay", "thiêu đốt", "kẹp bằng kìm nung đỏ", "phanh thây", v.v., không một chương nào mà bọn lãnh chúa nhân hậu và bọn bảo hộ họ lại không thể áp dụng đối với nông dân của chúng, tùy theo sở thích. Ai là người có thể bênh vực nông dân? Ngồi xử án là những nam tước, giáo sĩ, quý tộc thành thị hay luật gia, họ hiểu rõ người ta trả tiền cho họ để làm gì. Chính tất cả các đẳng cấp quan phương trong đế chế đều sống bằng cách bòn rút tiền tận xương tủy người nông dân.

Nhưng nông dân, mặc dù cam thù ách áp bức khủng khiếp, nhưng cũng vẫn khó bề đứng lên khởi nghĩa. Sự biệt lập của họ làm cho họ hết sức khó đạt tới một sự thỏa thuận chung nào đó. Thói quen chịu khuất phục từ thế hệ này qua thế hệ khác; ở nhiều địa phương, nông dân đã mất thói quen sử dụng vũ khí; tính chất tàn ác của tệ bóc lột lúc tăng, lúc giảm tùy theo cá nhân bọn lãnh chúa, - tất cả những điều đó đã góp phần duy trì nông dân trong tình trạng phục tùng. Vì vậy, ở thời trung cổ,

tuy chúng ta thấy có nhiều cuộc bạo động của nông dân địa phương, nhưng - ít ra là ở Đức - trước cuộc Chiến tranh nông dân, người ta chưa hề thấy một cuộc khởi nghĩa nào của giai cấp nông dân với quy mô cả nước. Thêm vào đó, một mình nông dân không có khả năng làm cách mạng, chừng nào họ còn đứng trước lực lượng có tổ chức của các vương công, quý tộc và thành thị thống nhất và đoàn kết với nhau. Chỉ có sự liên minh với các đẳng cấp khác mới có thể đem lại cho họ đôi chút triển vọng chiến thắng; nhưng họ làm sao có thể liên minh với các đẳng cấp khác, khi mà tất cả các đẳng cấp ấy đều bóc lột họ?

Như vậy, chúng ta thấy rằng hồi đầu thế kỷ XVI, các đẳng cấp khác nhau của đế chế - vương công, quý tộc, giáo chức, quý tộc thành thị, thị dân, bình dân, và nông dân - họp thành một khối đông cực kỳ hỗn tạp, có những nhu cầu rất nhiều vẻ, chéo nhau trong tất cả mọi hướng. Mỗi đẳng cấp đều cản đường đẳng cấp kia và không ngừng đấu tranh khi thì công khai, khi thì ngấm ngầm chống lại tất cả những đẳng cấp khác. Sự phân chia toàn dân tộc thành hai phe lớn, đã diễn ra vào buổi đầu cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, và giờ đây đang diễn ra ở một mức độ phát triển cao hơn trong những nước tiên tiến nhất, - hoàn toàn không thể có được trong những điều kiện hồi bấy giờ; sự phân chia ấy chỉ có thể xảy ra một cách gần giống như thế trong trường hợp tầng lớp dưới của dân tộc, bị tất cả mọi đẳng cấp khác bóc lột - tức là nông dân và bình dân - nổi dậy. Người ta sẽ dễ dàng hiểu được cái mớ phức tạp những lợi ích, quan điểm và khát vọng của thời ấy, nếu nhớ lại rằng cái thành phần hiện nay, ít phức tạp hơn nhiều, của dân tộc Đức, gồm giới quý tộc phong kiến, giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản, nông dân và giai cấp vô sản, đã gây nên một sự rối rắm như thế nào trong hai năm qua.

II

Việc tập hợp những đẳng cấp rất đa dạng hồi bấy giờ thành những liên minh lớn hơn hầu như đã không thể thực hiện được do sự phân quyền và sự độc lập của các địa phương riêng lẻ và các tỉnh đối với nhau, do sự xa lạ giữa các tỉnh về mặt thương nghiệp và công nghiệp và tình trạng đường giao thông không tốt. Những điều đó đã khiến cho việc tập hợp ấy chỉ xuất hiện cùng với sự phổ biến rộng rãi những tư tưởng chính trị - tôn giáo cách mạng trong thời kỳ cải cách tôn giáo. Việc các đẳng cấp khác nhau đấu tranh bảo vệ hay chống lại những tư tưởng ấy - thật ra thì rất chật vật và chỉ có tính chất đại khái - đã dẫn tới việc tập trung dân tộc Đức thành ba phe lớn: phe Thiên chúa giáo hay phe phản động, phe Lu-the hay phe thị dân cải cách và phe cách mạng. Nếu ngay trong sự phân chia lớn lao này của dân tộc chúng ta thấy không có sự triệt để lắm, nếu trong hai phe trên, một phần chúng ta cũng gặp thấy những phần tử như nhau, thì đó là vì trạng thái tan rã của đa số các đẳng cấp quan phương còn sót lại từ thời trung cổ và vì sự phân quyền đã làm cho những đẳng cấp như nhau trong những địa phương khác nhau lại nhất thời có thể đi theo những xu hướng đối lập nhau. Trong những năm gần đây, chúng ta thường có dịp thấy ở Đức những hiện tượng tương tự như vậy, cho nên chúng ta không nên ngạc nhiên trước sự kết hợp có vẻ rất hỗn tạp của các đẳng cấp và giai cấp trong những mối quan hệ phức tạp hơn nhiều của thế kỷ XVI.

Mặc dầu đã có những kinh nghiệm của thời gian gần đây nhất, hệ tư tưởng Đức vẫn cứ coi như cuộc đấu tranh chấm dứt thời kỳ trung cổ chỉ là những cuộc chửi rủa nhau dữ dội về thần học mà thôi. Theo ý kiến những người am hiểu lịch sử và những nhà hoạt động quốc gia khôn ngoan ở nước ta, nếu như những con người của thời ấy có thể đồng ý với nhau về những công việc ở

trên trời thì có lẽ họ sẽ không còn có một lý do nào để cãi vã nhau về những công việc trên trần thế. Những nhà tư tưởng ấy khá cả tin đến nỗi coi là thật tất cả những ảo tưởng mà một thời đại nào đó tự tạo ra về thời đại của mình. Ví dụ, những con người thuộc loại ấy coi cuộc cách mạng 1789 chỉ là một loạt những cuộc tranh luận quá sôi nổi về những ưu điểm của nền quân chủ lập hiến so với nền quân chủ chuyên chế, coi cuộc cách mạng tháng Bảy chỉ là một cuộc tranh cãi thực tiễn về tính chất có căn cứ của cái quyền "do Thượng đế ban", coi cuộc cách mạng tháng Hai chỉ là một mưu toan giải quyết vấn đề: "nền quân chủ hay chế độ cộng hòa?", v.v.. Về *cuộc đấu tranh giai cấp* diễn ra trong tất cả các vụ chấn động ấy, cuộc đấu tranh mà biểu hiện đơn giản của nó là những khẩu hiệu chính trị được viết rõ trên các ngọn cờ - về cuộc đấu tranh ấy, ngay cả cho tới nay các nhà tư tưởng của chúng ta cũng vẫn không hiểu gì cả, mặc dầu nó đã được nói lên một cách khá rõ ràng không những qua các tin tức từ nước ngoài dội về, mà cả trong tiếng phàn nàn phẫn nộ của hàng ngàn những người vô sản Đức.

Ngay trong thời kỳ gọi là những cuộc chiến tranh tôn giáo ở thế kỷ XIV, vấn đề trước hết vẫn là những lợi ích vật chất hết sức rõ ràng của các giai cấp; những cuộc chiến tranh ấy cũng là những cuộc đấu tranh của các giai cấp, chẳng khác gì những cuộc xung đột nội bộ xảy ra về sau này ở Anh và ở Pháp. Nếu hồi đó cuộc đấu tranh giai cấp này mang nhãn hiệu tôn giáo, nếu những lợi ích, nhu cầu và yêu sách của các giai cấp riêng biệt được che giấu dưới cái vỏ tôn giáo, thì điều đó cũng chẳng hề làm cho sự vật thay đổi chút nào và cũng dễ cắt nghĩa bằng những điều kiện của thời đại.

Thời trung cổ đã phát triển trên một cơ sở hoàn toàn thô sơ. Nó đã xóa sạch nền văn minh cổ đại, nền triết học, chính trị, luật học cổ đại, để lại bắt đầu tất cả ngay từ đầu. Điều duy nhất mà nó thượn được của thế giới cổ đại đã diệt vong là đạo Cơ Đốc và một số thành thị nửa tàn phá, đã mất hết nền văn minh cũ

của chúng. Kết quả là, cũng giống như ở tất cả những giai đoạn phát triển lúc ban đầu, bọn giáo sĩ chiếm độc quyền trí dục, và bản thân nền giáo dục cũng mang một tính chất chủ yếu là thần học. Trong tay bọn giáo sĩ, chính trị và luật học, cũng như tất cả những khoa học khác, vẫn chỉ là những ngành của khoa thần học, và những nguyên lý thống trị trong thần học cũng được áp dụng cho chính trị và luật học. Những giáo lý của giáo hội đồng thời cũng là những định lý chính trị, và những đoạn kinh thánh cũng có hiệu lực trước mọi tòa án như là luật pháp. Ngay cả khi đã hình thành một đẳng cấp luật gia riêng biệt, khoa luật học trong một thời gian dài vẫn còn được đặt dưới sự giám hộ của thần học. Và sự thống trị tối cao ấy của thần học trong tất cả các lĩnh vực hoạt động tinh thần đồng thời cũng là hậu quả tất yếu của cái vị trí mà giáo hội đã chiếm với tính cách là sự tổng hợp chung nhất và sự phê chuẩn chung nhất của chế độ phong kiến hiện tồn.

Rõ ràng là trong những điều kiện như vậy thì tất cả mọi sự đả kích biểu hiện dưới một hình thức chung vào chế độ phong kiến, và trước hết là những sự đả kích vào giáo hội, tất cả những học thuyết cách mạng - xã hội và chính trị - phải đồng thời và chủ yếu là những tà thuyết về thần học. Để có thể đả kích vào những quan hệ xã hội hiện tồn thì cần phải tước bỏ cái vòng hào quang thiêng liêng của chúng.

Sự đối lập có tính chất cách mạng chống chế độ phong kiến diễn ra suốt thời trung cổ. Tùy theo điều kiện của thời đại, nó xuất hiện khi thì dưới hình thức một thuyết thần bí, khi thì dưới hình thức một tà giáo công khai, khi thì dưới hình thức một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Về thuyết thần bí thì người ta biết rõ là phái cải cách tôn giáo thế kỷ XVI đã phụ thuộc vào nó đến chừng nào; cả Muyn-txơ cũng đã mượn của nó nhiều điểm. Tà giáo, một

phần là biểu hiện sự phản ứng của những mục đồng theo chế độ gia trưởng ở dãy núi An-pơ chống lại chế độ phong kiến thâm nhập vào sinh hoạt của họ (giáo phái Van-đơ[211]); một phần là sự đối lập của các thành thị đã vượt quá khuôn khổ của chế độ phong kiến chống lại chế độ phong kiến (giáo phái An-bi[212], Ác-nôn Brê-san-xki, v.v.), một phần cũng là những cuộc nổi dậy công khai của nông dân (Giôn Bô-lơ, nhà truyền đạo Hung-ga-ri ở Pi-các-đi[213], v.v.). Ở đây, chúng ta có thể gạt ra một bên tà giáo gia trưởng của phái Van-đơ, cũng như cuộc khởi nghĩa của người Thụy Sĩ, vì đó là những mưu toan phản động về hình thức và nội dung, muốn tách rời khỏi sự phát triển của lịch sử, hơn nữa, lại chỉ có một tầm quan trọng địa phương. Trong hai hình thái tà giáo khác của thời trung cổ, ngay từ thế kỷ XII, chúng ta đã thấy những triệu chứng của sự đối lập lớn giữa phe đối lập của thị dân và phe đối lập của bình dân - nông dân, những triệu chứng đã dẫn cuộc Chiến tranh nông dân đến thất bại. Sự đối lập ấy diễn ra suốt trong thời trung cổ hậu kỳ.

Tà giáo của các thành thị - và nói cho đúng ra là tà giáo chính thức của thời trung cổ - chủ yếu là nhằm vào bọn giáo sĩ, nó tấn công vào tài sản và địa vị chính trị của chúng. Cũng như ngày nay, giai cấp tư sản đòi hỏi một gouvernement à bon marché, một chính phủ rẻ tiền, thị dân thời trung cổ cũng đòi hỏi trước hết là một élise à bon marché, một giáo hội rẻ tiền. Phản động xét về mặt hình thức, - giống như mọi tà giáo coi sự tiếp tục phát triển của giáo hội và của các giáo lý chỉ có thể là một sự thoái hóa, - tà giáo của thị dân đòi hỏi phục hồi chế độ đơn giản của giáo hội Cơ Đốc nguyên thủy và bãi bỏ đẳng cấp tăng lữ biệt lập. Cái thiết chế rẻ tiền ấy bãi bỏ các thầy tu, các giám mục, tòa thánh La Mã, tóm lại, tất cả mọi thứ đắt tiền trong giáo hội. Các thành thị, bản thân nguyên là những nước cộng hòa, mặc dầu được đặt dưới sự bảo hộ của các vua chúa, nhưng với những

sự đả kích của mình vào giáo hội, lần đầu tiên, dưới một hình thức chung, chúng đã nói lên cái luận điểm cho rằng hình thức thống trị bình thường của giai cấp tư sản là chế độ cộng hòa. Thái độ thù địch của chúng đối với nhiều giáo lý và luật lệ của giáo hội được giải thích một phần bởi những điều đã nói ở trên, một phần bởi những điều kiện sinh hoạt khác của họ. Thí dụ, không ai giải thích rõ nguyên nhân khiến họ công kích dữ dội chế độ sống độc thân của bọn giáo sĩ hơn là Bốc-cát-xi-ô, Ác-nôn Brê-san-xki ở I-ta-li-a và ở Đức, người An-bi-gioa ở miền Nam nước Pháp, Giôn Uy-clíp ở Anh, Hu-xơ và những người theo phái Ca-li-xtin[214] ở Bô-hêm[1*], là những đại biểu chính của xu hướng ấy. Sở dĩ sự chống đối chế độ phong kiến chỉ biểu hiện ra ở đây dưới dạng sự chống đối chế độ phong kiến *của giáo hội*, thì đó chỉ là vì ở khắp mọi nơi, các thành thị đã là một đẳng cấp đã được công nhận và đã có đầy đủ khả năng để đấu tranh chống lại chế độ phong kiến thế tục, bằng cách dựa vào những đặc quyền của họ, nhờ vào vũ khí hoặc những hội nghị đẳng cấp.

Cả ở miền Nam nước Pháp cũng như ở Anh và ở Bô-hêm, chúng ta cũng đã thấy phần lớn giai cấp tiểu quý tộc tham gia cuộc đấu tranh của các thành thị chống lại bọn giáo sĩ và đi theo các tà giáo, - một hiện tượng được giải thích bởi sự lệ thuộc của giai cấp tiểu quý tộc vào các thành thị, cũng như bởi sự đồng nhất về lợi ích giữa họ với các thành thị trong việc chống lại các vương công và các giáo chức cao cấp. Chúng ta sẽ lại gặp lại hiện tượng đó trong cuộc Chiến tranh nông dân.

Thứ tà giáo biểu thị trực tiếp những nhu cầu của nông dân và bình dân, và hầu như lúc nào cũng kết hợp với khởi nghĩa, thì có tính chất hoàn toàn khác hẳn. Tuy nó tán thành tất cả những yêu sách của tà giáo thị dân đối với bọn giáo sĩ, giáo hoàng

1*- Tréc-khi-a

và việc đòi phục hồi chế độ giáo hội Cơ Đốc nguyên thủy, nhưng đồng thời nó còn đi xa hơn thế rất nhiều. Nó đòi tái lập sự bình đẳng của đạo Cơ Đốc nguyên thủy giữa những thành viên trong công xã tôn giáo, cũng như đòi công nhận sự bình đẳng đó như là một tiêu chuẩn cả cho các quan hệ dân sự. Từ "sự bình đẳng giữa những người con của Chúa", nó đã rút ra sự bình đẳng của các công dân, và ngay hồi bấy giờ, một phần nào cũng đã rút ra cả sự bình đẳng về tài sản. Coi quý tộc bình đẳng với nông dân, quý tộc thành thị và thị dân có đặc quyền bình đẳng với những người bình dân, bãi bỏ chế độ lao dịch, địa tô, thuế khóa, các đặc quyền và ít ra là thủ tiêu những sự khác biệt nổi bật nhất về tài sản, - đó là những yêu sách được đề ra một cách ít nhiều rõ rệt, với tính cách là những kết luận cần thiết rút ra từ học thuyết Cơ Đốc nguyên thủy. Tà giáo bình dân - nông dân ấy, vào thời kỳ phong kiến toàn thịnh, ví dụ như ở những người An-bi-gioa, hãy còn khó có thể tách khỏi tà giáo thị dân, thì đến thế kỷ XIV và XV, nó đã phát triển thành một quan điểm phe phái tách biệt rõ rệt, khi mà nó thường xuất hiện một cách hoàn toàn độc lập bên cạnh tà giáo của thị dân. Thí dụ, đó là trường hợp của Bô-lơ Giôn, người tuyên truyền cho cuộc khởi nghĩa của Uốt Tai-lơ ở Anh, bên cạnh những môn đồ của Uy-clíp; đó cũng là trường hợp của phái Ta-bo[215], bên cạnh phái Ca-li-xtin ở Bô-hêm. Ở phái Ta-bo ngay hồi bấy giờ thậm chí đã xuất hiện xu hướng cộng hòa dưới cái vỏ chính trị thần quyền, xu hướng đó sau này đã được tiếp tục phát triển ở những đại biểu của bình dân Đức vào cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI.

Gắn liền với hình thức tà giáo ấy là sự kích thích quá độ của những giáo phái theo thuyết thần bí, của phái Phla-gen-lan, Lô-lác-đơ[216] v.v., là những người tiếp tục truyền thống cách mạng trong những thời kỳ phong trào đã bị đè bẹp.

Bình dân hồi ấy là giai cấp duy nhất hoàn toàn đứng bên ngoài xã hội quan phương hiện tồn. Họ đứng bên ngoài những mối liên hệ phong kiến cũng như bên ngoài những mối liên hệ thị dân. Họ không có đặc quyền, cũng chẳng có tài sản; thậm chí họ cũng chẳng có một sản nghiệp gánh chịu những đảm phụ nặng nề như ở nông dân và tiểu thị dân. Về mọi phương diện họ đều không có của và vô quyền; điều kiện sinh sống của họ không trực tiếp liên quan gì đến những thiết chế hoạt động hồi bấy giờ là những thiết chế đã hoàn toàn không thèm đếm xỉa gì đến họ. Họ là triệu chứng sinh động của sự tan rã của xã hội phong kiến và thị dân - phường hội và đồng thời là những người tiên khu đầu tiên của xã hội tư sản hiện đại.

Các địa vị ấy của bình dân cắt nghĩa tại sao ngay từ hồi ấy, bộ phận bình dân trong xã hội đã không thể chỉ giới hạn trong một mình cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến và các thị dân có đặc quyền; tại sao, ít ra là trong trí tưởng tượng, nó phải vượt quá ngay cả những giới hạn của cái xã hội tư sản hiện đại vừa mới nẩy sinh hồi đó; tại sao, khi không có một chút tài sản nào, nó đã phải hoài nghi những thiết chế, những quan niệm và những quan điểm vốn có đối với mọi hình thái xã hội xây dựng trên những mâu thuẫn giai cấp. Những mơ tưởng của thuyết ngàn năm[217] của đạo Cơ Đốc nguyên thủy đã là điểm xuất phát thuận tiện cho việc ấy. Nhưng đồng thời cái khát vọng không những muốn vượt quá hiện tại, mà còn vượt quá cả tương lai ấy, chỉ có thể là một khát vọng hoang dường, là sự cưỡng ép đối với thực tế, và ngay mưu toan đầu tiên muốn thực hiện nó trong thực tiễn cũng đã phải dẫy phong trào lại phía sau, vào những khuôn khổ chật hẹp mà những điều kiện hồi bấy giờ cho phép. Những sự đả kích vào chế độ tư hữu, yêu sách về chế độ công hữu tài sản, tất nhiên phải thoái hóa thành một tổ chức từ thiện thô thiển; sự bình đẳng mơ hồ của Cơ Đốc nhiều lắm cũng chỉ có thể quy thành sự "bình đẳng trước pháp luật" của giai cấp tư sản; việc bãi bỏ mọi quyền lực rốt cuộc đã trở thành việc thiết lập những chính phủ cộng hòa do nhân dân bầu ra. Sự đoán trước về chủ nghĩa cộng sản trong tưởng tượng đã trở thành sự đoán trước về những mối quan hệ tư sản hiện đại trong thực tế.

Sự đoán trước về lịch sử sau này ấy, một sự đoán trước rất trái ngược với thực tế nhưng hoàn toàn có thể giải thích được bởi những điều kiện sinh hoạt của bộ phận bình dân, chúng ta thấy trước tiên trong nước *Đức*, ở *Tô-mát Muyn-txơ* và phái của ông. Thật ra, ở những người Ta-bo cũng đã có một thứ cộng đồng tài sản kiểu thuyết nghìn năm, nhưng đó chỉ là một biện pháp thuần túy quân sự. Chỉ ở Muyn-txơ, những tia tư tưởng cộng sản mới lần đầu trở thành biểu hiện của những khát vọng của một bộ phận hiện thực trong xã hội, chỉ ở ông ta lần đầu tiên chúng mới được diễn đạt rõ rệt tới một mức độ nhất định, và bắt đầu từ ông ta chúng ta lại thấy chúng trong mỗi cuộc nổi dậy lớn của nhân dân, cho đến lúc chúng dần dần hòa làm một với phong trào vô sản hiện đại; cũng giống như trong thời trung cổ, cuộc đấu tranh của nông dân tự do chống sự thống trị phong kiến đang ngày càng ràng buộc họ, hòa làm một với những cuộc đấu tranh của nông nô và nông dân phụ thuộc để thủ tiêu hoàn toàn ách thống trị phong kiến.

Trong khi phe thứ nhất trong ba phe lớn, tức phe *bảo thủ-Thiên chúa giáo*, tập hợp tất cả những phần tử quan tâm đến việc duy trì những trật tự hiện có, tức chính quyền của đế chế, tăng lữ và một bộ phận vương công thế tục, tầng lớp quý tộc giàu có hơn, các giáo chức cao cấp và quý tộc thành thị, thì dưới lá cờ cải cách *ôn hòa - thị dân của Lu-the* lại tập hợp những phần tử hữu sản của phái đối lập: đông đảo tiểu quý tộc, giới thị dân, và ngay cả một bộ phận vương công thế tục, họ hy vọng làm giàu bằng cách tịch thu tài sản của giáo hội và muốn lợi dụng cơ hội để giành được độc lập nhiều hơn đối với đế chế. Sau cùng, nông dân và bình dân họp thành một đảng phái *cách mạng* mà những yêu sách và học thuyết đã được Muyn-txơ trình bày một cách rõ rệt nhất.

Cả về học thuyết lẫn tính cách và hành động, Lu-the và

Muyn-txơ đều là người đại diện chân chính cho phái của mình.

Từ năm 1517 đến năm 1525, *Lu-the* đã trải qua một sự biến chuyển hệt như những người lập hiến hiện đại ở Đức từ năm 1846 đến năm 1849, hệt như mỗi phái tư sản đã dừng dấu phong trào một thời gian, và đã bị vượt ngay trong tiến trình của phong trào ấy bởi phe bình dân hay vô sản đứng sau họ.

Sau năm 1517, khi lần đầu tiên Lu-the đả kích vào giáo lý và chế độ của Thiên chúa, thì sự đối lập của ông ta hoàn toàn chưa có một tính chất rõ ràng. Không vượt quá giới hạn những yêu sách của tà giáo thị dân trước đây, sự chống đối ấy cũng không loại bỏ một xu hướng nào cấp tiến hơn, và thật ra cũng không thể làm được điều ấy. Lúc đầu cần phải tập hợp tất cả những phần tử chống đối lại, cần phải phát huy một tinh lực cách mạng quyết liệt nhất và phải đem toàn bộ những tà giáo tồn tại trước đó ra đối lập với đạo Thiên chúa chính thống. Cũng giống như thế, năm 1847, những người tư sản tự do chúng ta vẫn còn là những nhà cách mạng, vẫn tự gọi mình là những người xã hội chủ nghĩa và cộng sản và mơ ước việc giải phóng giai cấp công nhân. Trong thời kỳ hoạt động đầu tiên ấy của ông ta, cái bản chất nông dân mạnh mẽ của Lu-the đã biểu hiện một cách mãnh liệt nhất.

"Nếu sự giận dữ điên cuồng của chúng" (tức là của các giáo sĩ La Mã) "cứ tiếp tục kéo dài, thì theo ý tôi, có lẽ không có biện pháp nào ngăn chặn nó tốt hơn là các vua chúa và vương công dùng bạo lực, tự vũ trang và tấn công vào những quân xấu xa đang đầu độc toàn thế giới ấy, và *dùng vũ khí chứ không phải dùng lời nói* để vĩnh viễn chấm dứt cái trò của chúng. Nếu chúng ta trừng phạt quân ăn cắp bằng gươm, quân sát nhân bằng giá treo cổ, bọn tà giáo bằng lửa, thì tại sao chúng ta lại không tấn công vào bọn dạy dỗi tai hại tuyên truyền sự dối bại ấy, vào bọn giáo hoàng, hồng y giáo chủ, giám mục, và tất cả cái bè lũ ở Xô-đôm La Mã *bằng tất cả các loại vũ khí mà chúng ta có, tại sao chúng ta lại không rửa tay chúng ta trong máu của chúng?*"[218]

Nhưng cái nhiệt tình cách mạng đầu tiên ấy không được lâu bền. Tia chớp mà Lu-the phát ra đã đánh trúng đích. Toàn thể nhân dân Đức đã chuyển động. Một mặt, nông dân và bình dân coi những lời kêu gọi của ông ta chống lại bọn giáo sĩ, coi những bài thuyết giáo của ông ta về tự do của đạo Cơ Đốc là hiệu lệnh khởi nghĩa; mặt khác, những người thị dân ôn hòa hơn và một bộ phận lớn tiểu quý tộc đã tập hợp lại xung quanh ông ta; dòng thác chung thậm chí đã lôi cuốn được cả vương công. Một số người thì tưởng rằng đã đến ngày thanh toán tất cả những kẻ áp bức mình; những người khác thì chỉ muốn chấm dứt thế lực của bọn giáo sĩ và sự lệ thuộc vào La Mã, thủ tiêu cái tôn ti trật tự Thiên chúa giáo và làm giàu bằng cách tịch thu tài sản của giáo hội. Các phe phái phân rõ nhau ra và tìm được người đại biểu của mình. Lu-the đã phải lựa chọn giữa các phe phái ấy. Là người được vị tuyển hầu xứ Dắc-den bảo hộ, là một giáo sư đáng kính ở trường đại học Vít-ten-béc qua một đêm đã trở thành người có thế lực và tiếng tăm, một vĩ nhân được một đám đông sùng bái và xu nịnh vây quanh, Lu-the đã không do dự một phút nào. Ông ta từ bỏ những phần tử bình dân của phong trào và chuyển sang phe của thị dân, quý tộc và vương công. Những lời ông ta kêu gọi tiến hành một cuộc chiến tranh hủy diệt đối với La Mã thế là im bặt; giờ đây Lu-the bắt đầu tuyên truyền *sự phát triển hòa bình* và *kháng cự thụ động* (xin xem, chẳng hạn, "Gửi giai cấp quý tộc Đức", 1520[219], v.v.). Được Hút-ten mời đến gặp ông ta và Dích-kinh-ghen ở Ê-béc-nơ-buốc, trung tâm của cuộc âm mưu của quý tộc chống lại tăng lữ và vương công, Lu-the đã trả lời:

"Tôi không muốn người ta *bảo vệ* kinh Phúc âm *bằng bạo lực và đổ máu*. Lời nói đã chinh phục thế giới, nhờ lời nói mà giáo hội đã được duy trì, vậy thì cũng chính bằng lời nói giáo hội sẽ được phục hưng, còn những kẻ phản Chúa đã đạt được mục đích của chúng mà không dùng đến bạo lực, thì chúng cũng sẽ bị diệt vong mà không cần đến bạo lực".

Bước ngoặt ấy, hay nói cho đúng hơn, sự xác định phương hướng một cách rõ ràng hơn ấy của Lu-the đã mở đầu cho những cuộc mặc cả đi mặc cả lại xung quanh những thể chế và những giáo lý cần bảo tồn hay nên cải cách, mở đầu những mưu mô ngoại giao, sự thỏa hiệp, những gian kế và những sự thông đồng xấu xa, mà kết quả là bản tín điều Au-xbuốc, cái bản hiến pháp cuối cùng đã mặc cả được của giáo hội đã cải cách của thị dân[220]. Đó cũng là một sự mua bán đầu cơ, giống như sự mua bán đầu

cơ đã được lập lại mới đây thôi một cách chính xác đến phát tởm dưới hình thức chính trị, trong các quốc hội Đức, trong các hội nghị thỏa hiệp, trong các viện sửa đổi hiến pháp và trong Nghị viện Ếc-phua. Trong những cuộc thương lượng ấy, tính chất tiểu thị dân của phong trào Cải cách tôn giáo quan phương đã biểu lộ ra một cách rõ rệt nhất.

Việc Lu-the - từ lúc đó được công nhận là đại diện chính thức của cuộc cải cách thị dân - đã trở thành người tuyên truyền cho sự tiến bộ trong khuôn khổ luật pháp, - việc đó có những nguyên nhân sâu xa của nó. Đa số các thành thị đã ngả về phía một cuộc cải cách ôn hòa; giai cấp tiểu quý tộc ngày càng đi theo nó đông hơn; một số vương công tán thành nó, một số khác do dự. Có thể coi là thắng lợi của cuộc cải cách đã được bảo đảm ít ra là trong phần nước Đức. Nếu sau đó sự phát triển hòa bình vẫn tiếp tục thì những địa phương khác sẽ không thể nào cưỡng lại được lâu dài sức ép của phái đối lập ôn hòa. Còn mọi sự chấn động có tính chất bạo lực thì đều nhất định sẽ làm cho phe phái ôn hòa xung đột với phe phái cực đoan của bình dân và nông dân, sẽ làm cho các vương công, giai cấp quý tộc và nhiều thành thị xa lánh phong trào; và chỉ còn có hai triển vọng có thể có: hoặc là nông dân và bình dân sẽ thắng phe thị dân, hoặc là tất cả các phe phái tiến bộ sẽ bị cuộc phục hưng đạo Thiên chúa dẹp bẹp. Còn sau khi đạt được thắng lợi - dù là hết sức nhỏ - các phe phái tư sản mưu toan dùng sự tiến bộ trong khuôn khổ của luật pháp để lựa chiều xoay xở giữa hai mối hiểm họa lớn là cách mạng và cuộc phục hưng, thì trong thời gian qua chúng ta đã có khá đủ những ví dụ.

Vì do những điều kiện chính trị và xã hội chung của thời đó, kết quả của mọi sự biến đổi đều nhất định phải có lợi cho các vương công và làm tăng thêm quyền lực của chúng, cho nên cuộc cải cách của thị dân càng tách khỏi những phần tử bình dân và nông dân thì càng sa vào vòng kiểm soát của các vương công đã thừa nhận cuộc cải cách. Bản thân Lu-the ngày càng trở thành

tôi tớ của bọn vương công và nhân dân đã biết rất rõ điều mình làm khi nói rằng Lu-the cũng đã trở thành một kẻ tay sai cho các vương công như những tên khác, và khi ném đá đuổi y ở Oóc-la-muyn-đơ.

Khi Chiến tranh nông dân bùng nổ, và hơn nữa, ở những địa phương mà các vương công và quý tộc phần lớn là tín đồ đạo Thiên chúa thì Lu-the cố gắng đóng vai hòa giải. Lúc đó ông ta kịch liệt đả kích các chính phủ. Theo ông ta thì chính những hành động áp bức của các chính phủ đã gây ra cuộc khởi nghĩa; không phải nông dân đã phẫn nộ đứng lên chống lại các chính phủ mà chính là Thượng đế. Nhưng mặt khác, lẽ dĩ nhiên khởi nghĩa cũng là trái với đạo trời và trái với kinh Phúc âm. Rút cục ông ta kêu gọi cả hai bên nhân nhượng lẫn nhau và chấm dứt sự việc một cách ổn thỏa.

Nhưng, bất chấp những đề nghị hòa giải đầy thiện ý ấy, cuộc khởi nghĩa vẫn lan rộng nhanh chóng, lan cả đến những địa phương theo đạo Tin lành, đặt dưới quyền cai trị của các vương công, quý tộc và những thành thị thuộc phe của Lu-the, và nhanh chóng vượt quá cuộc cải cách "thận trọng" của thị dân. Chính tại địa phương ở kề sát bên Lu-the, ở Thuy-rinh-ghen, bộ phận cương quyết nhất của những người khởi nghĩa do Muyn-txơ lãnh đạo đã đặt tổng hành dinh. Còn vài thắng lợi nữa là toàn bộ nước Đức sẽ bùng cháy, Lu-the sẽ bị bao vây và sẽ có thể bị đuổi đi qua dưới hai hàng giáo như một tên phản bội, và toàn bộ cuộc cải cách của thị dân sẽ bị dòng thác cách mạng dữ dội của bình dân và nông dân cuốn phăng đi. Không còn thì giờ để suy nghĩ nữa. Đứng trước cách mạng, tất cả những sự bất hòa cũ đều được quên đi; so với những đoàn nông dân thì những tên tôi tớ của Xô-đôm La Mã chỉ là những con cừu ngây thơ, những đứa con hiền lành của Thượng đế; thị dân và vương công, quý tộc và tăng lữ, Lu-the và giáo hoàng câu kết với nhau để chống lại "những bầy nông dân khát máu và cướp bóc"[221].

"Những ai có thể làm được thì phải *phanh thây* chúng, phải *bóp cổ* và *đâm chết* chúng, một cách *bí mật* và *công khai*, giống như người ta giết *những con chó dại*", -

Lu-the thét lên. - "Bởi thế, hỡi các ngài thân mến, các ngài hãy đến giúp đỡ, hãy cứu vớt, nếu ai có thể thì hãy đâm chúng, hãy đánh chúng, hãy bóp cổ chúng, và nếu trong việc này có ai bị chết thì hạnh phúc thay cho người đó, bởi vì không có một cái chết nào sung sướng hơn thế". Không được biểu hiện một sự nhân từ không đúng đối với nông dân. Những người nào thương xót những kẻ mà chính Thượng đế chẳng những không thương xót mà trái lại còn muốn trừng phạt và tiêu diệt, thì đó là những kẻ đồng lõa với quân phiến loạn. Sau này, bản thân nông dân sẽ biết cảm ơn Thượng đế về việc sau này khi đã bỏ ra một con bò thì họ có thể yên ổn hưởng dụng con khác; và cuộc khởi nghĩa sẽ vạch cho các vương công biết rõ tinh thần của đám dân đen là như thế nào, cai trị chúng chỉ có thể bằng sức mạnh mà thôi. "Người khôn ngoan nói: cibus, onus et virga asino[1*], - nông dân chỉ cần cám yến mạch là đủ; họ không nghe lời nói và không biết lẽ phải, cho nên hãy làm cho họ biết nghe lời bằng roi vọt, và súng: bản thân họ xứng đáng với điều đó. Chúng ta phải cầu xin cho họ để họ biết vâng lời; nếu không thì không thể có sự nhân từ được. *Lúc đó, hãy để cho súng nói lên tiếng nói của chúng*, nếu không họ sẽ gây hại gấp nghìn lần".

Chính bọn tư sản xã hội chủ nghĩa và bác ái trước kia của chúng ta cũng đã nói đúng như vậy khi giai cấp vô sản, sau những ngày tháng Ba, đòi cái phần của mình trong thành quả thắng lợi.

Với bản dịch kinh thánh, Lu-the đã đem lại cho phong trào bình dân một vũ khí mạnh mẽ. Thông qua kinh thánh, ông ta đã đem đạo Cơ Đốc khiêm tốn của những thế kỷ đầu tiên đối lập với đạo Cơ Đốc đã phong kiến hóa thời ông ta, đem bức tranh một xã hội chưa hề biết đến tôn ti trật tự phong kiến rất phức tạp và giả tạo đối lập với một xã hội phong kiến đang tan rã. Nông dân đã sử dụng vũ khí đó về mọi mặt để chống lại các vương công, quý tộc và tăng lữ. Giờ đây Lu-the quay vũ khí ấy chống lại họ và từ kinh thánh biên soạn ra một bản thánh ca thực sự ca tụng quyền lực do Thượng đế đặt ra, - một bản thánh ca mà từ xưa tới nay chưa một kẻ liếm gót chế độ quân chủ chuyên chế nào sáng tác hay hơn được! Quyền lực của vương công do Thượng đế ban cho, sự cam chịu phục tùng, cho đến cả chế độ nông nô, cũng được phê chuẩn nhờ kinh thánh. Như vậy là không những phủ nhận cuộc khởi nghĩa nông dân, mà còn phủ

1*- thức ăn, hàng nặng và roi vọt: đó là những điều cần cho con lừa.

nhận cả sự nổi loạn của chính Lu-the chống lại quyền lực tôn giáo và quyền lực thế tục; như vậy là Lu-the không những phản bội phong trào nông dân, mà phản bội ngay cả phong trào thị dân, vì lợi ích của bọn vương công.

Liệu chúng ta có cần phải nêu tên tuổi những người tư sản vừa mới đây lại đã đem lại cho chúng ta những thí dụ về một sự phủ nhận tương tự như thế cái di vãng của chính bản thân họ, hay không?

Bây giờ chúng ta hãy đem đối chiếu nhà cách mạng bình dân *Muyn-txơ* với nhà cải cách thị dân Lu-the.

Tô-mát Muyn-txơ sinh tại *Stôn-bếc* xứ Hác-txơ vào khoảng năm 1498[222]. Cha ông, nạn nhân của sự độc đoán của bọn bá tước ở Stôn-bếc, hình như bị treo cổ. Mới 15 tuổi, Muyn-txơ đã sáng lập ra, trong trường học ở Ha-lơ, một hội kín chống lại viên tổng giám mục Mác-đơ-buốc và giáo hội La Mã nói chung. Kiến thức sâu sắc của ông về khoa thần học hồi bấy giờ đã giúp ông giành được rất sớm học vị tiến sĩ và một chức tu sĩ hành lễ trong một nữ tu viện ở Ha-lơ. Ở đây, ông rất coi thường những giáo lý và lễ nghi của giáo hội; trong khi hành lễ ông bỏ hẳn những lời nói về sự hóa thể và như Lu-the kể lại về Muyn-txơ, ông ăn bánh thánh chưa đem dâng cúng. Ông nghiên cứu chủ yếu là những tác phẩm của các nhà thần bí học thời trung cổ, và đặc biệt là những trước tác theo thuyết ngàn năm của Oa-khim Ca-la-bri-xki. Triều đại ngàn năm, cuộc phán xét cuối cùng đối với giáo hội đổi bại và thế giới thối nát mà tác giả ấy tiên đoán và mô tả, đối với Muyn-txơ hình như đã đến gần cùng với cuộc Cải cách tôn giáo và sự náo động chung của thời ấy. Việc giảng đạo của ông ở những vùng xung quanh rất được hoan nghênh. Năm 1520, ông đến Xvích-cau với tư cách là người đầu tiên truyền bá kinh Phúc âm. Ở đây ông đã gặp một trong những giáo phái nhiệt tín theo thuyết ngàn năm vẫn tiếp tục tồn tại bí mật trong nhiều địa phương; sự quy phục tạm thời và sự dè dặt của họ che đậy thái độ đối lập ngày càng tăng của các tầng lớp xã hội bên dưới chống

lại chế độ tồn tại hồi đó; và giờ đây, cùng với phong trào chung ngày càng sôi nổi, họ hoạt động ngày càng công khai và bền bỉ. Đó là phái tái tẩy lễ[223] do Ni-clát *Stoóc-sơ* đứng đầu. Họ tuyên truyền là sắp có cuộc phán xét cuối cùng và triều đại ngàn năm; họ "thấy được Chúa hiện ra, có trạng thái xuất thần và tinh thần tiên tri đã nhập vào họ". Chẳng bao lâu, một cuộc xung đột giữa họ với hội đồng thành phố Xvích-cau đã nổ ra; Muyn-txơ bênh vực họ nhưng không bao giờ tuyệt đối theo họ, và nói cho đúng ra dần dần làm cho họ chịu ảnh hưởng của mình. Hội đồng cương quyết chống lại phái tái tẩy lễ; buộc họ phải rời bỏ thành phố, và Muyn-txơ đã cùng đi với họ. Lúc ấy là cuối năm 1521.

Muyn-txơ đến Pra-ha, bắt liên lạc với những phần tử còn sống sót của phong trào Hu-xơ và tìm cách gây dựng cơ sở ở đây; nhưng bản tuyên ngôn của ông chỉ đem lại kết quả là bắt buộc ông lại phải trốn khỏi Bô-hêm. Năm 1522, ông được bổ nhiệm làm nhà truyền giáo ở An-stét-tơ, thuộc xứ Thuy-rinh-ghen. Ở đây, ông bắt đầu cải cách việc cúng lễ. Ông đã bãi bỏ hoàn toàn việc dùng tiếng La-tinh trước khi Lu-the còn chưa dám đi xa như vậy, và ông ra lệnh đọc cho nhân dân toàn bộ kinh thánh, chứ không phải chỉ có những bản kinh Phúc âm và những thư của các sứ đồ đã được ấn định cho các buổi lễ ngày chủ nhật. Đồng thời, ông tổ chức việc tuyên truyền ở những vùng chung quanh. Từ khắp nơi, nhân dân kéo đến ông, và chẳng bao lâu, An-stét-tơ đã trở thành trung tâm của phong trào nhân dân chống các giáo sĩ trong toàn bộ xứ Thuy-rinh-ghen.

Tuy vậy, Muyn-txơ trước hết vẫn là một nhà thần học; những đòn đả kích của ông vẫn hầu như chỉ nhằm vào bọn giáo sĩ. Nhưng ông không tuyên truyền cho một cuộc tranh luận bình tĩnh và cho sự tiến bộ hòa bình như Lu-the đã làm hồi bấy giờ, mà tiếp tục tiến hành những cuộc thuyết giáo mạnh mẽ trước đây của Lu-the và kêu gọi các vương công xứ Dắc-den và nhân dân đứng lên vũ trang đấu tranh chống bọn giáo sĩ La Mã.

"Chúa Giê-su đã chẳng nói: "Ta đến không phải để xem lại hòa bình mà là đem lại thanh gươm". Nhưng các người (các vương công xứ Dắc-den) "phải làm gì với thanh gươm ấy? Nếu các người muốn làm bầy tôi của Thượng đế, thì không có cách nào khác hơn là sử dụng thanh gươm ấy để loại trừ và tiêu diệt những kẻ hung bạo đã cản đường cuốn kinh Phúc âm. Chúa Giê-su đã phán một cách hết sức nghiêm (kinh Phúc âm của thánh Lu-ca, chương 19, 27): Các người hãy bắt những kẻ thù của ta đem đến đây và bóp chết chúng trước mặt ta"... Các người hãy vứt bỏ những câu ba hoa trống rỗng nói rằng quyền lực của Chúa sẽ làm việc đó mà không cần đến gươm của các người; nếu không thì gươm sẽ có thể han rỉ trong vỏ. Đối với tất cả những kẻ chống lại thiên khải thì phải tiêu diệt hết không chút khoan hồng, như Ê-đê-ki-a, Xi-ru-xơ, Giô-xi-a, Đa-ni-en và E-li đã tiêu diệt bọn giáo sĩ ở Ben, bởi vì nếu không thì giáo hội Cơ Đốc sẽ không thể trở lại cái nguồn gốc ban đầu của nó. Trong mùa hái nho, phải nhổ tất cả mọi cỏ dại trong vườn nho của Chúa. Chúa đã nói (quyển thứ năm của Mô-i-đơ, chương 7): "Các người chớ nên thương xót những kẻ vô thần, hãy phá bỏ bàn thờ của chúng, hãy đập tan tượng thờ của chúng và đem đốt đi, để cho cơn giận dữ của ta không giáng xuống các người"[224].

Nhưng những lời kêu gọi các vương công ấy, tỏ ra vô hiệu, còn trong nhân dân thì tình hình sôi sục cách mạng ngày một tăng lên, Muyn-txơ - mà những tư tưởng ngày càng trở nên rõ ràng hơn, ngày càng táo bạo hơn - giờ đây quả quyết tách ra khỏi cuộc cải cách tôn giáo của thị dân và từ đó công khai hoạt động với tư cách là một nhà cổ động chính trị.

Học thuyết thần học và triết học của ông đả kích tất cả những giáo lý cơ bản không chỉ của đạo Thiên chúa, mà cả đạo Cơ Đốc nói chung. Dưới hình thức Cơ Đốc giáo, ông tuyên truyền thuyết phiếm thần, một thứ thuyết giống một cách kỳ lạ với những quan điểm tư biện hiện đại[225] và có những chỗ thậm chí gần như là thuyết vô thần. Ông không công nhận kinh thánh là nguồn thiên khải duy nhất và hoàn hảo. Theo ông, thiên khải thật sự và sinh động là lý tính, một thiên khải đã tồn tại trong mọi thời đại ở tất cả mọi dân tộc, và hiện vẫn còn tồn tại. Đem kinh thánh đối lập với lý tính, tức là lấy văn tự mà giết chết thần linh, bởi vì thần linh nói trong kinh thánh không phải là cái gì tồn tại ngoài chúng ta; thần linh chính là lý tính của chúng ta. Lòng tin chẳng qua chỉ là sự thức tỉnh của lý tính trong con người, và vì vậy cả những người theo phái thần giáo cũng có thể có lòng tin. Nhờ có lòng tin ấy, nhờ có lý tính được thức tỉnh, con người giống với thần thánh và đạt tới hạnh phúc. Bởi thế, thiên đường không

phải là một cái gì ở ngoài thế gian; phải tìm nó ở chính ngay trong cuộc sống này và sứ mệnh của các tín đồ là phải thiết lập thiên đường ấy, tức là vương quốc của Chúa ngay trên trái đất này. Không có địa ngục ngoài thế gian và sự trừng phạt muôn đời muôn kiếp của Chúa cũng như không có thiên đường ngoài thế gian. Cũng như không có con quỷ nào khác ngoài những đam mê và những dục vọng xấu xa của con người. Chúa Giê-su cũng là một người như chúng ta, một nhà tiên tri và một bậc thầy, và bữa ăn tối cuối cùng của Chúa với các tông đồ chẳng qua chỉ là bữa ăn kỷ niệm đơn giản, bánh mì và rượu nho dùng trong bữa ăn ấy cũng chẳng có thêm một gia vị thần bí nào cả.

Tuyên truyền những quan điểm ấy, Muyn-txơ thường phải che dậy chúng bằng chính ngôn ngữ Cơ Đốc giáo mà ngay nền triết học cận đại cũng đã phải dùng để che đậy mình trong một thời gian. Nhưng tư tưởng cơ bản có tính chất tà giáo sâu sắc lộ ra trong khắp các tác phẩm của ông, và người ta thấy ông rất ít coi trọng đến bức màn kinh thánh ấy so với nhiều môn đồ của Hê-ghen ngày nay. Vậy mà, giữa Muyn-txơ và nền triết học hiện đại có cả ba thế kỷ.

Học thuyết chính trị của ông gắn liền chặt chẽ với những quan điểm tôn giáo cách mạng ấy và vượt xa giới hạn của những quan hệ xã hội và chính trị trực tiếp tồn tại hồi bấy giờ, cũng như thuyết thần học của ông đã vượt xa giới hạn của những quan niệm tôn giáo thịnh hành hồi đó. Giống như triết học tôn giáo của Muyn-txơ gần với thuyết vô thần, cương lĩnh chính trị của ông cũng gần với chủ nghĩa cộng sản, ngay cả trước cuộc cách mạng tháng Hai, nhiều môn phái cộng sản hiện nay cũng không có được một kho lý luận phong phú như "phái Muyn-txơ" hồi thế kỷ XVI. Cương lĩnh ấy - đúng ra là một dự đoán thiên tài về những điều kiện giải phóng những phần tử vô sản lúc đó vừa mới bắt đầu phát triển lên trong đám bình dân, hơn là một sự tổng hợp những yêu sách của bình dân hồi bấy giờ - đòi hỏi thiết lập ngay triều đại nghìn năm của Chúa ở trần gian do các nhà

tiên tri dự kiến, bằng cách đưa giáo hội quay trở lại trạng thái đầu tiên của nó và xóa bỏ tất cả những thiết chế trái ngược với cái giáo hội gọi là Cơ Đốc giáo nguyên thủy, nhưng thực ra là một giáo hội hoàn toàn mới mẻ. Đối với Muyn-txơ, thiên quốc chẳng qua chỉ là một chế độ xã hội trong đó không còn có những sự khác biệt giai cấp, không còn có tài sản tư hữu, không còn có chính quyền nhà nước tách biệt, đối lập với các thành viên của xã hội và xa lạ với họ. Tất cả các chính quyền hiện tồn, nếu không phục tùng và không đi theo cách mạng, đều phải bị lật đổ, tất cả mọi công việc và tài sản phải là của chung và phải thực hiện một sự bình đẳng hoàn toàn. Một hiệp hội phải được sáng lập để thực hiện những điều đó không những trong toàn bộ nước Đức mà cả ở trong tất cả các nước theo đạo Cơ Đốc nữa; nên mời các vương công và quý tộc gia nhập hiệp hội; nếu họ chối từ thì hiệp hội phải dùng vũ khí đánh đổ hoặc tiêu diệt bọn họ ngay khi có cơ hội thuận lợi đầu tiên.

Muyn-txơ bắt tay ngay vào việc tổ chức hiệp hội ấy. Những cuộc thuyết giáo của ông ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn và cách mạng hơn. Không giới hạn ở việc đả kích bọn giáo sĩ, ông còn công kích, cũng với một sự hăng say như vậy, bọn vương công, quý tộc, và quý tộc thành thị; ông dùng những lời phẫn nộ để miêu tả cảnh áp bức hồi bấy giờ và đem bức tranh tưởng tượng về triều đại ngàn năm của sự bình đẳng xã hội và cộng hòa ra đối lập với cảnh ấy. Đồng thời, ông cho xuất bản hết bài văn châm biếm có tính chất cách mạng này đến bài khác và cử phái viên đi khắp nơi; còn ông thì tự mình đứng ra tổ chức hiệp hội ở An-stét-tơ và những vùng lân cận.

Kết quả đầu tiên của hoạt động tuyên truyền ấy là việc phá hủy giáo đường Đức bà Ma-ri-a ở Mê-léc-bác, gần An-stét-tơ, theo điều răn: "Các ngươi hãy phá hủy bàn thờ của chúng, đập gãy cột trụ của chúng và đốt cháy tượng thờ của chúng, vì các ngươi là một dân thần thánh" (quyển kinh thứ năm của Mô-i-dơ, chương 7,6). Các vương công Dắc-den thân chinh đến An-stét-tơ để dẹp

yên cuộc bạo động và ra lệnh triệu tập Muyn-txơ đến lâu đài của họ. Tại đó ông đã đọc một bài thuyết giáo mà các vương công ấy chưa từng nghe thấy ở cửa miệng của Lu-the, con người mà ông gọi là "miếng thịt được nuông chiều ở Vít-ten-béc". Dựa vào Tân ước, ông đòi phải giết chết bọn thống trị vô đạo, nhất là bọn giáo sĩ và thầy tu, những kẻ dám coi kinh Phúc âm là một thứ tà giáo. Những kẻ vô đạo không có quyền được sống, trừ phi chúng được hưởng sự nhân từ của những nhân vật thượng đẳng. Nếu các vương công không tiêu diệt bọn vô đạo thì Thượng đế sẽ tước thanh gươm của họ, *bởi vì sức mạnh của gươm thuộc về toàn thể công xã*. Các vương công và các lãnh chúa là những tội phạm chủ yếu trong việc cho vay nặng lãi, trộm cắp và cướp bóc; chúng đã chiếm tất cả, mọi sinh vật làm của riêng của chúng: cá dưới nước, chim trên trời, cây cỏ trên mặt đất. Rồi sau đó, chúng còn răn dạy dân nghèo: đừng ăn cắp. Còn bản thân chúng thì chiếm đoạt tất cả những gì rơi vào tay chúng, chúng cướp bóc nông dân và thợ thủ công, lột da họ; nhưng khi họ chỉ phạm một lỗi nhỏ nhất thì liền bị treo cổ, và trước tất cả những điều đó, tiến sĩ Lu-nơ[1*] đều nói: a-men!

"Chính các lãnh chúa có lỗi về việc dân nghèo trở thành kẻ thù của họ. Họ không muốn xóa bỏ nguyên nhân của bạo động, vậy thì rốt cuộc làm thế nào xác lập được hòa bình? Ôi, thưa các ngài thân mến, Thượng đế sẽ dùng chiếc gậy sắt để đập vỡ các bình cũ một cách thật tuyệt vời! Tôi xin nói thật với các ngài rằng tôi sẽ vận động dân chúng đứng lên làm loạn. Xin tạm biệt! (xem Xim-mơ-man, "Chiến tranh nông dân", phần II, tr.75).

Muyn-txơ đã cho in bài thuyết giáo của ông. Vì việc ấy, người thợ in của ông ở An-stét-tơ đã bị công tước I-ô-han xứ Dắc-den trừng phạt bằng cách buộc phải rời khỏi xứ sở; còn về những tác phẩm của bản thân Muyn-txơ thì đều bị tuyên bố là phải chịu sự kiểm duyệt của chính phủ Vây-mác. Nhưng Muyn-txơ bất chấp mệnh lệnh ấy. Ngay sau đó, ông cho in ở Muyn-hau-den, thành phố của đế chế, một tác phẩm cực kỳ kích động[226], trong đó ông kêu gọi nhân dân

1* Chơi chữ tiếng Đức: "Lugner" có nghĩa là "người nói dối" (Muyn-txơ muốn chỉ Lu-the).

"mở rộng thêm lỗ hổng để cho cả thế giới có thể nhìn thấy và hiểu rõ những kẻ tai to mặt lớn của chúng ta ,- những kẻ đã rất vô đạo biến Thượng đế thành một con người bé nhỏ được tô vẽ bôi bác - là những con người như thế nào".

Ông kết thúc tác phẩm đó bằng câu:

"Toàn thế giới sẽ phải chịu một chấn động lớn lao; sẽ xảy ra cảnh tượng là quân vô đạo sẽ bị lật đổ và những người hèn hạ sẽ được nâng lên."

Và "Tô-mát Muyn-txơ tay cầm búa" đã viết trên tờ bìa của cuốn sách với tính cách là để từ:

"Hãy nghe đây, ta đã đặt lời nói của ta vào miệng ngươi, hôm nay ta đã đặt ngươi lên trên các con người và các vương quốc, để ngươi trốc rễ, phá hủy, đánh tan và đập vỡ, và để ngươi xây dựng và trồng trọt. Một bức tường sắt đã dựng lên trước vua chúa, vương công và giáo sĩ, trước nhân dân. Hãy chiến đấu đi, và thắng lợi sẽ dẫn một cách kỳ diệu bọn bạo chúa vô đạo hùng mạnh đến chỗ diệt vong".

Việc Muyn-txơ đoạn tuyệt với Lu-the và phe đảng của hắn đã chín muồi từ lâu. Chính Lu-the đã phải thừa nhận một loạt cải cách giáo hội do Muyn-txơ thực hành mà không hỏi ý kiến hắn. Hắn theo dõi hoạt động của Muyn-txơ một cách bực dọc và nghi ngờ của một nhà cải cách ôn hòa đối với một phái kiên quyết hơn và cấp tiến hơn. Ngay từ mùa xuân năm 1524, Muyn-txơ đã viết thư cho Mê-lan-stôn - điển hình về một nhà học giả phi-li-xtanh, ốm yếu, luẩn quẩn trong thư phòng - lên án cả ông ta và Lu-the là chẳng hiểu gì về phong trào cả. Họ cố gắng dập tắt phong trào ấy bằng sự tin tưởng mù quáng vào câu chữ của kinh thánh, toàn bộ học thuyết của họ đã bị sâu bọ đục ruỗng.

"Hỡi anh em thân mến, đừng chờ đợi và do dự nữa, thời cơ đã đến, mùa hè đã tới. Đừng kết bạn với bọn vô đạo; chúng cản trở không để cho lời của Thượng đế tác động một cách đủ mạnh mẽ. Chớ xu nịnh bọn vương công của các anh, nếu không các anh sẽ bị diệt vong cùng với chúng. Hỡi các vị học giả yếu đuối, các vị chớ bất bình, tôi không thể nào làm khác được".[227]

Đã nhiều lần Lu-the thách Muyn-txơ tranh luận; nhưng Muyn-txơ - sẵn sàng tiến hành cuộc chiến đấu bất cứ lúc nào trước nhân dân - không hề muốn bị lôi cuốn vào một cuộc bàn cãi về thần học trước một công chúng thiên vị của trường đại học Vít-ten-béc. Ông không muốn biến "bằng chứng của thần linh thành một đặc quyền của riêng trường đại học". Nếu Lu-the chân thành, thì hắn hãy dùng ảnh hưởng của hắn để chấm dứt những hành động truy

tố người in những cuốn sách của Muyn-txơ và chấm dứt những việc cấm đoán của kiểm duyệt đi, để cho cuộc đấu tranh có thể tiếp diễn tự do trên báo chí.

Lần này, sau khi tập sách cách mạng nói trên của Muyn-txơ được xuất bản, thì Lu-the tố cáo ông một cách công khai. Trong "Bức thư gửi các vương công xứ Dắc-den chống lại tinh thần khởi loạn"[228], hắn tuyên bố Muyn-txơ là một công cụ của quỷ xa-tăng và đòi các vương công phải can thiệp và trục xuất bọn xúi giục khởi loạn, vì bọn này không phải chỉ bằng lòng với việc truyền bá những thuyết có hại của chúng, mà còn kêu gọi khởi nghĩa và dùng bạo lực chống lại các nhà chức trách.

Ngày 1 tháng Tám, Muyn-txơ bị đòi đến lâu đài Vây-mác để trả lời các vương công về việc bị kết tội là xúi giục khởi loạn. Có một số sự việc cực kỳ có hại cho ông: người ta đã phát hiện ra tổ chức bí mật của ông, người ta đã phát hiện rằng ông có nhúng tay vào việc thành lập những tổ chức của thợ mỏ và của nông dân. Người ta đe dọa phát lưu ông. Vừa về đến An-stét-tơ thì ông được tin công tước Ghê-oóc xứ Dắc-den đòi phải đem nộp ông cho hắn: những bức thư của hiệp hội do chính tay ông viết đã bị tóm được, trong những bức thư ấy, ông kêu gọi bầy tôi của Ghê-oóc vũ trang chống lại những kẻ thù của kinh Phúc âm. Nếu ông không kịp thời rời khỏi thành phố thì đã bị hội đồng thành phố bắt đem nộp rồi.

Giữa lúc ấy, tình trạng kích động ngày càng tăng lên trong nông dân và bình dân đã tạo điều kiện cực kỳ thuận lợi cho hoạt động tuyên truyền của Muyn-txơ. Ông đã tìm được cho hoạt động tuyên truyền ấy những trợ thủ vô cùng quý báu trong phái tái tẩy lễ. Những người theo môn phái này, vốn không có những giáo lý tích cực rõ ràng nào cả, chỉ liên kết với nhau bởi sự đối lập chung chống lại tất cả các giai cấp thống trị và bởi cái tín điều chung là rửa tội lần thứ hai, khổ hạnh trong lối sống, nhẫn nại, cuồng tín, gan dạ trong công tác cổ động, họ ngày càng tập hợp xung quanh Muyn-txơ. Không có nơi cư trú nhất định do bị truy

nã, họ đi lang thang khắp nước Đức, và đâu đâu cũng tuyên truyền học thuyết mới, trong đó Muyn-txơ đã giải thích cho họ rõ những nhu cầu và nguyện vọng của chính họ. Một số rất lớn trong bọn họ bị tra tấn, bị thiêu, hoặc bị hành hình bằng những hình thức khác, nhưng lòng dũng cảm và chí bền bỉ của những sứ đồ ấy vẫn không hề bị lay chuyển, và trong hoàn cảnh sự kích động của nhân dân tăng lên nhanh chóng, hoạt động của họ đã đạt được những thành tựu cực kỳ to lớn. Vì vậy, sau khi trốn khỏi Thuy-rinh-ghen, Muyn-txơ thấy cơ sở đã được chuẩn bị ở khắp mọi nơi và muốn đi tới chỗ nào cũng được.

Gần Nu-rem-be, nơi ông đến trước tiên[229], khoảng một tháng trước đấy một cuộc nổi dậy của nông dân đã bị dập tắt ngay từ trong trứng nước. Tại đây, Muyn-txơ đã bắt đầu bí mật cổ động; chẳng bao lâu, người ta thấy xuất hiện những người bảo vệ những luận điểm thần học hết sức táo bạo của ông về tính chất không bắt buộc của kinh thánh và sự vô giá trị của thánh lễ; những người ấy tuyên bố rằng Chúa Giê-su cũng chỉ là một con người bình thường và tuyên bố quyền lực của các lãnh chúa thế tục là vô đạo. Lu-the kêu lên: "Đó là quỷ xa-tăng đang lảng vảng, là con ma ở An-stét-tơ!". Tại đây, tại Nu-rem-be, Muyn-txơ đã cho in bài ông trả lời Lu-the[230]. Ông lên án thẳng Lu-the là đã xu nịnh các vương công và với thái độ nửa vời của mình đã ủng hộ phe phản động. Nhưng bất chấp điều đó, nhân dân vẫn sẽ tự giải phóng, và lúc đó ngài tiến sĩ Lu-the sẽ như một con cáo đã mắc bẫy. Hội đồng thành phố ra lệnh cấm tác phẩm đó của ông, và Muyn-txơ phải rời Nu-rem-be.

Từ đây ông đi qua Sva-ben để đến An-da-xơ, rồi đến Thụy Sĩ, và trở lại miền Thượng Sác-xvan-đơ, nơi cách đây mấy tháng đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa, phần lớn là do những sứ đồ của ông thuộc phái tái tẩy lễ thúc đẩy. Chuyến đi tuyên truyền ấy của Muyn-txơ rõ ràng đã góp phần một cách căn bản vào việc tổ chức đảng của nhân dân, vào việc xác định rõ rệt những yêu sách của họ, và cuối cùng, vào sự bùng nổ của cuộc tổng khởi nghĩa tháng

Tư 1525. Ở đây, cả hai mặt hoạt động của Muyn-txơ thể hiện ra một cách đặc biệt rõ rệt: một mặt là trong nhân dân, mà ông dùng những lời tiên tri của tôn giáo, ngôn ngữ duy nhất hồi bấy giờ quần chúng có thể hiểu được, để nói với họ, và mặt khác, trong những người đã biết rõ công việc, mà ông có thể nói thẳng về những xu hướng cuối cùng của ông. Nếu như trước kia, ở Thuy-rinh-ghen, ông đã tập hợp được xung quanh ông một nhóm người kiên quyết nhất, xuất thân không những từ nhân dân, mà còn từ tầng lớp dưới của tăng lữ nữa, và giao cho nhóm đó đứng đầu hội bí mật, thì giờ đây ông đã trở thành trung tâm của toàn bộ phong trào cách mạng ở miền Tây-Nam nước Đức, trở thành người tổ chức một hiệp hội lan rộng từ Dắc-den và Thuy-rinh-ghen, qua Phran-cô-ni và Sva-ben cho đến An-da-xơ và biên giới Thụy Sĩ. Giờ đây, trong số những môn đồ của ông và trong số những thủ lĩnh của hội ta thấy có nhiều nhà cổ động miền Nam nước Đức, phần lớn là những tu sĩ cách mạng như Húp-mai-ơ ở Van-đơ-hút, Côn-rát, Grê-ben ở Xuy-rích, Phran-txơ Ráp-man ở Grít-xen, Sa-pe-lơ ở Mem-minh-ghen, I-a-cốp Vê-ơ ở Lai-pơ-hai-mơ, tiến sĩ Man-ten ở Stút-gát. Còn bản thân Muyn-txơ thì phần lớn ở lại Grít-xen, tại biên giới bang Sáp-hau-den, từ đấy ông thường đi qua Hê-gau, Clết-hau, v.v.. Các cuộc khủng bố đẫm máu mà bọn vương công và lãnh chúa lo sợ đã tiến hành ở khắp nơi để đối phó với cái tà giáo bình dân mới ấy đã góp phần không ít vào việc đẩy mạnh tinh thần cách mạng và đoàn kết hiệp hội chặt chẽ hơn nữa. Muyn-txơ đã cổ động như vậy trong khoảng năm tháng ở miền Thượng Đức; gần tới ngày thực hiện âm mưu, ông trở lại Thuy-rinh-ghen, nơi ông định đích thân lãnh đạo cuộc bạo động và là nơi mà sau này ta lại sẽ gặp ông.

Chúng ta sẽ thấy tính chất và thái độ của hai lãnh tụ của hai phái phản ánh một cách trung thành đến thế nào lập trường của phái họ; thái độ do dự, sự sợ hãi của Lu-the trước phong trào ngày càng lớn, sự bợ dỡ hèn nhát của hắn trước các vương công đã phù hợp như thế nào với chính sách do dự, mập mờ của thị dân; và nghị lực cách mạng và quyết tâm của Muyn-txơ đã tái

hiện như thế nào trong bộ phận phát triển nhất của bình dân và nông dân. Điểm khác nhau chỉ là: trong khi Lu-the tự bằng lòng với việc biểu thị những quan điểm và khát vọng của đa số trong giai cấp của hắn và nhờ thế mà được nổi tiếng một cách hết sức rẻ tiền trong giai cấp ấy, thì trái lại, Muyn-txơ vượt rất xa những quan niệm thông thường và những nguyện vọng trực tiếp của nông dân và bình dân và ông đã thành lập một đảng gồm những phần tử cách mạng ưu tú lúc bấy giờ, đảng này chừng nào còn có một tấm tư tưởng như ông và chia sẻ nghị lực của ông, thì bao giờ cũng chỉ là một thiểu số không đáng kể trong quần chúng khởi nghĩa.

III

Chừng năm mươi năm sau khi phong trào Hu-xơ bị đàn áp, ta thấy xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của tinh thần cách mạng nảy mầm trong nông dân Đức[1*].

Chính trong địa phận giám mục Vuyếc-xbuốc, nơi mà cuộc chiến tranh của người Hu-xơ, "sự cai trị tồi tệ, nhiều thuế má, những đảm phụ, những cuộc chém giết phong kiến, những vụ xung đột, chiến tranh, hỏa hoạn, tàn sát, bắt bớ, v.v.", đã làm cho bị bần cùng hóa trước đây, nơi mà bọn giám mục, giáo sĩ và quý tộc không ngừng cướp bóc một cách vô liêm sỉ, - chính ở đó đã nổ ra cuộc âm mưu đầu tiên của nông dân vào năm 1476. Một người chăn cừu và là nhạc sĩ trẻ tuổi tên là *Han-xơ Buê-hai-mơ ở Ni-cla-xhau-den*, còn được gọi là Han-xơ đánh trống và *Han-xơ thổi sáo*, bất ngờ xuất hiện ở lưu vực sông Thau-be với tư cách là một nhà tiên tri. Anh ta kể lại rằng Đức mẹ đồng trinh Ma-ri-a đã hiện lên và truyền cho anh ta phải đốt trống đi, phải đình chỉ các cuộc khiêu vũ và những khoái lạc tội lỗi khác, mà phải kêu gọi nhân dân sám hối. Do đó mọi người phải ăn năn hối hận về những tội lỗi của mình và từ bỏ những phù hoa trần tục, tháo bỏ mọi thứ trang sức và hành hương đi lễ Đức mẹ đồng trinh ở Ni-cla-xhau-den để xin xá tội.

Ở đây, chúng ta cũng đã thấy, - trong vị tiền bối đầu tiên của phong trào, - cái chủ nghĩa khổ hạnh mà chúng ta phát hiện ra trong tất cả các cuộc bạo động thời trung cổ mang mầu sắc tôn giáo, và ở thời đại hiện nay, trong giai đoạn đầu của mỗi phong trào vô sản. Tính khắc khổ của những tập quán ấy, sự đòi hỏi phải từ bỏ tất cả những hưởng thụ và lạc thú của cuộc sống ấy,

1* Trong niên biểu của mình, chúng tôi theo những tài liệu của Xim-mơ-man mà chúng tôi bắt buộc phải hoàn toàn dựa vào, vì ở nước ngoài không có nguồn tư liệu đầy đủ, mà để phục vụ cho những mục đích của tác phẩm này thì những tài liệu trên của Xim-mơ-man có thể hoàn toàn đáp ứng được.

một mặt, có nghĩa là nêu ra cái nguyên tắc bình đẳng kiểu Xpác-tơ để chống lại các giai cấp thống trị, và mặt khác, là một giai đoạn quá độ tất yếu mà nếu không có nó thì tầng lớp hạ đẳng của xã hội không bao giờ có thể bước vào phong trào được. Muốn phát triển năng lực cách mạng của mình, muốn hiểu được rõ vị trí đối địch của mình đối với tất cả các phần tử khác của xã hội, muốn tập hợp lại thành một giai cấp, tầng lớp ấy phải bắt đầu vứt bỏ tất cả mọi cái gì có thể làm cho nó thỏa hiệp với chế độ xã hội hiện tại, phải từ bỏ những lạc thú ít ỏi làm cho nó còn có lúc chịu đựng được cuộc đời bị áp bức, những lạc thú mà ngay cả sự áp bức tàn bạo nhất cũng không thể tước bỏ được. *Chủ nghĩa khổ hạnh ấy của bình dân và vô sản*, về hình thức cuồng tín dữ dội cũng như về nội dung của nó, đều hoàn toàn khác hẳn với loại chủ nghĩa khổ hạnh của thị dân dưới hình thức mà cái giáo lý thị dân của Lu-the và những tín đồ Thanh giáo người Anh thường thuyết giáo (trái với giáo phái "độc lập"[231] và các môn phái cấp tiến hơn) và toàn bộ sự bí mật của chủ nghĩa khổ hạnh này chỉ là *tính tiết kiệm của thị dân* mà thôi. Tuy vậy, dĩ nhiên là chủ nghĩa khổ hạnh vô sản bình dân đó mất đi tính chất cách mạng của nó, theo cùng một mức độ mà, một mặt, lực lượng sản xuất hiện đại phát triển lên, làm cho tư liệu tiêu dùng tăng lên vô cùng tận và do đó làm cho sự bình đẳng kiểu Xpác-tơ trở nên vô dụng, và mặt khác, điều kiện sinh hoạt của giai cấp vô sản ngày càng mang tính chất cách mạng hơn, và do đó, chính bản thân giai cấp vô sản cũng ngày càng cách mạng hóa. Lúc đó, chủ nghĩa khổ hạnh dần dần mất đi trong quần chúng; còn trong những môn phái cứ cố bám vào nó thì nó thoái hóa hoặc trực tiếp thành tính keo kiệt của tư sản, hoặc thành một đức hạnh nghĩa hiệp khoa trương mà trong thực tế thì đức hạnh này chung quy cũng lại là tính keo bẩn của tiểu thị dân hoặc thợ thủ công mà thôi. Chẳng cần phải thuyết giáo quần chúng vô sản từ bỏ phúc lợi trên trần gian, dù rằng họ hầu như không còn có gì để mà có thể từ bỏ.

Bài thuyết giáo về sám hối của Han-xơ thổi sáo đã được nhiệt

liệt hưởng ứng; tất cả những nhà tiên tri của cuộc khởi nghĩa đều bắt đầu bằng bài thuyết giáo đó, và, thật vậy, chỉ có một sự cố gắng lớn lao, một sự từ bỏ đột ngột tất cả lối sống thông thường mới có thể lay chuyển được đám quần chúng nông dân ấy, sống phân tán, thưa thớt và lớn lên trong sự phục tùng mù quáng. Những cuộc hành hương tới Ni-cla-xhau-den bắt đầu và nhanh chóng phổ biến rộng rãi; và nhân dân càng kéo đến đông thì người khởi loạn trẻ tuổi kia càng bày tỏ công khai kế hoạch của mình. Anh ta loan truyền rằng Đức mẹ đồng trinh ở Ni-cla-xhau-den đã báo cho anh ta biết trước rằng rồi đây sẽ không còn có hoàng đế, vương công, giáo hoàng, và cũng chẳng có thần quyền hay thế quyền nào khác nữa; mọi người đều phải trở thành anh em với nhau; mỗi người đều phải kiếm ăn bằng lao động của hai bàn tay mình, và không ai được có nhiều hơn người khác. Tất cả mọi thứ tô, tức, lao dịch, thuế quan, thuế thân và các thứ dảm phụ và diêu dịch khác phải được bãi bỏ vĩnh viễn, còn rừng rú, sông ngòi và đồng cỏ ở khắp nơi đều phải để cho mọi người được sử dụng.

Nhân dân phấn khởi tiếp nhận kinh Phúc âm mới này. Tiếng tăm về vị tiên tri, "vị sứ giả của Đức mẹ", lan truyền nhanh chóng; từ Ô-đen-van, Mai-nơ, Cô-khe và từ I-ắc-xtơ, cả từ Ba-vi-e, Sva-ben và từ miền Ranh, những đám đông người hành hương đổ dồn tới chỗ anh. Người ta kể lại cho nhau nghe những phép mầu nhiệm của anh, người ta quỳ trước mặt anh và cầu nguyện trước anh như một vị thánh; người ta tranh nhau những chùm lông mũ của anh, và coi như là những vật thánh hoặc những đạo bùa. Bọn giáo sĩ chống lại anh, mô tả diện mạo của anh như những ảo ảnh của ma quỷ và những phép mầu nhiệm của anh như những trò bịp bợm dưới địa ngục, nhưng tất cả đều uổng công vô ích. Số tín đồ tăng lên hết sức nhanh; môn phái cách mạng bắt đầu được hình thành; những cuộc thuyết pháp ngày chủ nhật của người chăn cừu khởi loạn đã tập hợp ở Ni-cla-xhau-den tới trên 40000 người.

Han-xơ thổi sáo thuyết giáo trước quần chúng trong vòng vài tháng. Nhưng anh không có ý định chỉ giới hạn ở một việc thuyết giáo mà thôi. Anh còn bí mật liên lạc với vị linh mục ở Ni-cla-xhau-den và với hai hiệp sĩ, Cun-xơ phôn Tun-phen và con trai ông ta, cả hai đều theo giáo thuyết mới và sẽ là những thủ lĩnh quân sự của cuộc khởi nghĩa đã dự định. Cuối cùng, vào ngày chủ nhật trước ngày lễ thánh Ki-li-an, thấy thế lực của mình đã đủ mạnh, anh phát ra hiệu lệnh khởi nghĩa.

"Và bây giờ", - anh kết thúc bài thuyết giáo của mình, - "các ngươi hãy trở về nhà và hãy suy nghĩ về những lời Đức mẹ của Chúa trời đã tuyên bố với các ngươi; ngày thứ bảy tới, các ngươi hãy để đàn bà, trẻ con, ông già ở lại nhà, nhưng bản thân các ngươi, là nam giới thì đến ngày lễ thánh Mác-gơ-rít, tức là ngày thứ bảy tới, các ngươi hãy trở lại đây, trở lại Ni-cla-xhau-den, và rủ cả anh em và bạn hữu các ngươi cùng đi, đông bao nhiêu cũng được. Nhưng đến đây không phải với chiếc gậy của người đi trẩy hội, mà với binh giáp và vũ khí; một tay cầm nến hành hương, còn tay kia thì cầm gươm, giáo hoặc kích. Và lúc đó Đức mẹ đồng trinh sẽ cho các ngươi biết Người muốn các ngươi làm điều gì".[232]

Nhưng trước khi những đám đông nông dân kéo tới thì trong đêm tối, kỵ binh của giám mục[1*] đã bắt đi người tiên tri khởi loạn và đem giam ở lâu đài Vuyếc-xbuốc. Đến ngày đã định, gần 34000 nông dân vũ trang đã tập hợp lại, nhưng tin tức trên làm cho họ chán nản. Một phần lớn bỏ chạy tán loạn. Những người kiên định hơn giữ lại được chừng 16000 người và cùng họ kéo đến trước lâu đài, dưới sự chỉ huy của Cun-xơ phôn Tun-phen và con trai ông là Mi-kha-en. Nhờ hứa hẹn nên giám mục đã thuyết phục được họ rút lui; nhưng họ vừa bắt đầu giải tán thì liền bị kỵ binh của giám mục xông lên tấn công và nhiều người trong bọn họ bị bắt làm tù binh. Hai người bị chặt đầu, còn bản thân Han-xơ thổi sáo thì bị thiêu sống. Cun-xơ phôn Tun-phen phải chạy trốn và chỉ sau khi đã chịu nhường toàn bộ tài sản cho giám mục thì mới lại được thừa nhận là bầy tôi của giám mục. Những cuộc hành hương tới Ni-cla-xhau-den còn tiếp tục một thời gian, nhưng cuối cùng cũng bị ngăn cấm.

1* - Ru-đôn-phơ II

Sau cuộc mưu toan lần thứ nhất ấy, nước Đức lại tạm yên trong một thời gian khá lâu. Chỉ mãi đến những năm 90 mới lại bắt đầu nổ ra những cuộc bạo động và âm mưu mới của nông dân.

Chúng tôi sẽ không dừng lại ở cuộc bạo động của nông dân Hà Lan năm 1491-1492 mà chỉ có công tước An-brếch xứ Dắc-den mới dẹp tan được trong trận đánh ở Hem-xkéc, ở cuộc bạo động cũng nổ ra cùng năm ấy của nông dân ở xứ đạo Kem-pơ-ten thuộc miền Thượng Sva-ben, ở cuộc khởi nghĩa của nông dân tỉnh Phri-dơ nổ ra năm 1497 dưới sự lãnh đạo của Xi-ác-dơ Ay-va, và cũng bị An-brếch xứ Dắc-den đàn áp. Những cuộc bạo động ấy, phần vì đã nổ ra rất xa chiến trường của Chiến tranh nông dân thực sự, phần vì chỉ là những cuộc đấu tranh của nông dân tự do chống lại những âm mưu muốn ràng buộc họ vào chủ nghĩa phong kiến. Chúng tôi nói thẳng sang hai âm mưu lớn chuẩn bị cho Chiến tranh nông dân: những âm mưu của liên minh *"Giày bình dân"* và của liên minh *"Côn-rát nghèo khổ"*.

Nạn đói kém đã gây nên cuộc bạo động của nông dân ở Hà Lan, cũng đã dẫn đến việc thành lập, vào năm 1493, một hội kín của nông dân và bình dân ở An-da-xơ, hội này có cả những phần tử trong phe đối lập thuần túy thị dân tham gia và thậm chí cũng đã tranh thủ được sự đồng tình ít nhiều của một bộ phận giai cấp tiểu quý tộc. Địa bàn hoạt động của hội là miền bao quanh Slét-stát, Dun-xơ, Đam-bác, Rô-xhai-mơ, Séc-vây-lơ, v.v.. Những người âm mưu đòi phải: cướp bóc và tiêu diệt người Do Thái, mà bọn cho vay nặng lãi hồi đó cũng như ngày nay, đã bóp nặn nông dân An-da-xơ đến cùng kiệt; ban bố một năm đại xá trong đó tất cả các món nợ sẽ được xóa bỏ; bãi bỏ thuế quan, thuế gián thu đánh vào các hàng tiêu dùng và các thứ thuế khác; bãi bỏ tòa án của giáo hội và tòa án (của hoàng đế) ở Rốt-vai; thừa nhận quyền của các đẳng cấp được phê chuẩn thuế khóa; giảm thánh lộc của các giáo sĩ tới mức 50 đến 60 gun-đen; bãi bỏ chế độ xưng tội bí mật, ban bố quyền cho mỗi thị xã được bầu tòa

án riêng của mình. Kế hoạch của những người âm mưu là chừng nào liên minh đủ sức mạnh thì xuất kỳ bất ý chiếm thành lũy Slét-stát, tịch thu ngân quỹ của thành phố và của các nhà tu kín, và từ đấy phát động khởi nghĩa trong toàn xứ An-da-xơ. Cờ của liên minh, sẽ kéo lên trong lúc khởi nghĩa, mang hình vẽ một chiếc giầy của nông dân có dây dài, gọi là *Bundschuh*, từ đó trở thành tên gọi và biểu tượng của tất cả những cuộc âm mưu của nông dân trong hai mươi năm sau.

Những người âm mưu thường hội họp vào ban đêm trên ngọn núi Hung-ghéc-béc hẻo lánh. Việc kết nạp vào liên minh bao giờ cũng kèm theo những nghi lễ hết sức thần bí và những lời cảnh cáo là trừng phạt rất nghiêm khắc về tội phản bội. Nhưng tuy vậy cuộc âm mưu đã bị bại lộ đúng ngay vào lúc việc đánh chiếm thành lũy Slét-stát phải tiến hành trong tuần thánh năm 1493. Các nhà chức trách đã áp dụng những biện pháp khẩn cấp; nhiều người âm mưu đã bị bắt và bị tra tấn; một số thì bị phanh thây hoặc bị chặt đầu, số khác thì bị chặt bàn tay hoặc ngón tay, rồi bị đuổi khỏi xứ sở. Một số lớn chạy sang Thụy Sĩ.

Tuy vậy, sau lần thất bại đầu tiên ấy liên minh "Giày bình dân" tuyệt nhiên không hề bị tiêu diệt. Trái lại, nó vẫn tồn tại bí mật; đông đảo những người lánh nạn ở phân tán trên khắp nước Thụy Sĩ và miền Nam nước Đức đều trở thành những phái viên của liên minh, và ở đâu họ cũng gặp cùng một cảnh áp bức, cùng một xu hướng bạo động, nên họ đã làm cho liên minh "Giày bình dân" lan rộng được trên toàn lãnh thổ xứ Ba-đen hiện nay. Chí bền bỉ và tinh thần ngoan cường của nông dân miền Thượng Đức thật đáng khâm phục: suốt trong ba mươi năm, kể từ năm 1493, họ đã tổ chức những âm mưu bí mật, đã vượt qua tất cả những trở ngại - do tình trạng sống phân tán tản mạn của họ gây ra - trong việc thành lập một tổ chức tập trung và to lớn hơn, và sau nhiều lần tổn thất, thất bại, và những lần lãnh tụ bị hành hình, họ đều khôi phục lại được tổ chức âm mưu của họ cho tới lúc có thời cơ thuận tiện cho một cuộc khởi nghĩa với quy

mô lớn.

Năm 1502, trong địa phận giám mục Spây-ơ, bấy giờ bao gồm cả miền Brúc-dan, đã xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của một phong trào nông dân bí mật. Ở đấy liên minh "Giày bình dân" đã thật sự được tổ chức lại một cách có kết quả. Gần 7000 người gia nhập liên minh; trung tâm của liên minh là ở Un-tơ-grôm-bác, giữa xứ Brúc-dan và xứ Vai-gác-ten; các chi nhánh của liên minh lan rộng từ sông Ranh xuống đến tận sông Mai-nơ, còn ở phía trên lan đến tận vùng biên giới xứ Ba-đen. Cương lĩnh của liên minh gồm có những điều khoản yêu cầu như sau: nông dân không nộp tô cho lãnh chúa, không nộp thuế thập phân, thuế ngạch và thuế quan cho vương công, quý tộc và giáo sĩ; thủ tiêu chế độ lệ thuộc của nông nô; *tịch thu tài sản* của các tu viện và tất cả *các tài sản của giáo hội nói chung và đem chia cho nhân dân; cuối cùng ngoài hoàng đế ra, không thừa nhận một lãnh chúa nào khác.*

Ở đây, lần đầu tiên chúng ta thấy nông dân đòi hoàn tục tài sản của giáo hội cho nhân dân và yêu sách có một nền quân chủ Đức thống nhất và không bị phân chia. Hai yêu sách này, từ đó, thường xuyên nổi lên trong bộ phận tiến bộ nhất của nông dân và bình dân, cho đến khi Tô-mát Muyn-txơ biến *việc chia* những tài sản của giáo hội thành việc *tịch thu* những tài sản ấy làm *của công*, và biến yêu sách về một *đế chế* Đức thống nhất thành yêu sách về một *nền cộng hòa* Đức thống nhất và không bị phân chia.

Liên minh "Giày bình dân" được phục hồi, cũng như liên minh cũ, có nơi hội họp bí mật, có lời tuyên thệ giữ bí mật, có nghi lễ kết nạp hội viên mới và có cờ liên minh mang dòng chữ: "Chỉ có công lý của Thượng đế!". Kế hoạch hành động cũng gần giống như kế hoạch của liên minh ở An-da-xơ; có dự định xuất kỳ bất ý đánh chiếm Brúc-dan, nơi đa số nhân dân đã gia nhập liên minh và phái đạo quân này đến những công quốc lân cận với tư cách là một trung tâm tập hợp lưu động.

Kế hoạch đã bị một linh mục tố giác; một trong những người âm mưu trong lúc xưng tội với hắn đã cho hắn biết về kế hoạch ấy. Các nhà cầm quyền liền đề ra những biện pháp đối phó. Sự hoảng sợ bao trùm các đẳng cấp dễ chế ở An-da-xơ và cả Liên minh Sva-ben[333] chỉ cho thấy rõ liên minh bí mật đã có những chi nhánh ở xa đến thế nào. Người ta tập hợp quân đội, và tiến hành bắt bớ hàng loạt. Hoàng đế Mắc-xi-mi-li-an, "người hiệp sĩ cuối cùng", ra những đạo dụ tàn bạo nhất để trừng phạt cái mưu đồ ghê gớm của nông dân. Ở một số địa phương đi đến thành lập những đội quân nông dân và chống trả vũ trang; nhưng các toán nông dân phân tán không thể cầm cự được lâu dài. Một số những người âm mưu bị hành hình, nhiều người chạy trốn; nhưng vẫn giữ được bí mật tới mức là phần lớn những người âm mưu và thậm chí cả các lãnh tụ nữa, vẫn ở yên được hoặc trong địa phương mình hoặc trong lãnh địa của những lãnh chúa lân cận.

Sau lần thất bại mới này, cuộc đấu tranh giai cấp dường như lại tạm yên trong một thời gian dài. Nhưng hoạt động vẫn tiếp tục ngấm ngầm. Ngay những năm đầu của thế kỷ XVI, ở Sva-ben đã xuất hiện liên minh *"Côn-rát nghèo khổ"*, hiển nhiên là có liên hệ với hoạt động của những hội viên của liên minh "Giày bình dân" tản mát ở các nơi; ở Sác-xvan-đơ, liên minh "Giày bình dân" vẫn tiếp tục tồn tại dưới hình thức một số nhóm nhỏ riêng biệt, cho đến lúc, mười năm sau, một số lãnh tụ nông dân kiên nghị nối lại được những dấu mối riêng lẻ của phong trào thành một tổ chức âm mưu lớn. Cả hai tổ chức âm mưu xuất hiện công khai trước sau nhau ít lâu, trong những năm sóng gió từ 1513 đến 1515; trong thời gian ấy, nông dân Thụy Sĩ, Hung-ga-ri và Xlô-vê-ni cũng đồng thời tiến hành một loạt cuộc khởi nghĩa lớn.

Người tổ chức lại liên minh "Giày bình dân" ở miền Thượng Ranh là cựu binh *I-ô-xơ Phrít*, quê ở Un-tơ-grôm-bác, một trong những người đã chạy trốn sau vụ âm mưu năm 1502 bị phát giác, là một nhân vật lỗi lạc về mọi mặt. Từ khi lẩn trốn, ông đã lưu lại ở nhiều nơi giữa địa phận hồ Bô-đen-dê và miền Sác-xvan-đơ,

và cuối cùng, đến cư trú ở Lê-hen gần Phrây-buốc thuộc miền Brây-xgau, ở đấy, ông thậm chí đã trở thành người gác rừng. Từ nơi đây ông đã tổ chức lại liên minh như thế nào và đã khôn khéo như thế nào để đưa được vào liên minh nhiều loại người khác nhau, điều đó được chỉ rõ trong những biên bản điều tra với những chi tiết rất lý thú. Nhờ tài ngoại giao và tinh thần kiên định sắt đá của nhà hoạt động âm mưu mẫu mực ấy, liên minh đã thu hút được một số rất lớn những người thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau: hiệp sĩ, linh mục, thị dân, bình dân và nông dân; rất có thể là thậm chí ông cũng đã tổ chức ra một số âm mưu với mức độ ít nhiều biệt lập với nhau. Tất cả những phần tử có thể sử dụng được, ông đều dùng hết sức thận trọng và khôn khéo. Ngoài những phái viên thân tín đi khắp xứ và cải trang rất khác nhau, ông còn dùng những người du dãng và những người hành khất vào những việc thứ yếu. I-ô-xơ Phrít trực tiếp liên lạc với bọn trùm hành khất, và qua họ, ông nắm được toàn bộ cái khối người lang thang đông đảo. Những trùm hành khất ấy đã giữ một vai trò quan trọng trong hoạt động âm mưu của ông. Đó là những nhân vật cực kỳ độc đáo. Có người trong số đó đi lang thang khắp xứ với một đứa con gái nhỏ làm ra bộ bị tàn tật ở chân và xin bố thí cho nó. Anh ta đeo ở mũ hơn tám phù hiệu thánh ("mười bốn ảnh thánh tử vì đạo", thánh Ô-đi-lơ, Đức mẹ, v.v.); ngoài ra anh ta còn có một bộ râu dài màu hung hung, một chiếc gậy lớn có nhiều mấu, một con dao găm và một cái thuốn. Người khác thì đi quyên giáo cho thánh Va-lăng-tanh, bán các hương liệu và các thứ thuốc trừ giun sán, mặc một chiếc áo dài màu sắt, đội một mũ nồi đỏ có vẽ hình đứa trẻ thành Tơ-ri-en-tơ, đeo ở bên hông một thanh kiếm và dắt ở thắt lưng nhiều dao nhỏ và một con dao găm; một số người khác phô những vết thương làm giả là mưng mủ và mặc những bộ quần áo cũng kỳ quặc như vậy. Ít ra họ cũng có đến mười người; để được 2000 gun-den tiền thưởng, họ phải làm nổi dậy cùng một lúc xứ An-da-xơ, các vùng biên giới Ba-đen và Brây-xgau, và đến ngày lễ thần của

xứ Xa-béc-nơ, phải tập hợp lại ở Rô-den cùng với ít nhất là hai nghìn người của bọn họ, dưới sự chỉ huy của Ghê-oóc Snai-đơ, một cựu đại úy của quân đội đánh thuê, để đánh chiếm thành phố. Ngay trong những hội viên, người ta đã thành lập một bộ phận liên lạc, từ trạm nọ đến trạm kia, còn I-ô-xơ Phrít và phái viên chính của ông ta là Stốp-phen ở Phrây-buốc thì luôn luôn cưỡi ngựa từ điểm này đến điểm khác và tiến hành các cuộc điểm tân binh ban đêm. Những biên bản điều tra cung cấp đầy đủ tài liệu và sự bành trướng của liên minh trên miền Thượng Ranh và ở miền Svác-xvan-đơ: những biên bản ấy có ghi tên và kèm theo nhận dạng của nhiều hội viên thuộc những địa phương khác nhau trong miền đó. Phần lớn là thợ học nghề thủ công, rồi đến nông dân, chủ quán, một số quý tộc, các linh mục (thí dụ như có vị linh mục ở Lê-hen) và những người làm thuê bị thất nghiệp. Chỉ nguyên cái thành phần ấy cũng đã cho người ta thấy rằng dưới sự lãnh đạo của I-ô-xơ Phrít, liên minh "Giày bình dân" mang tính chất rộng rãi hơn nhiều; thành phần bình dân ở thành thị bắt đầu có một vai trò ngày càng quan trọng ở trong đó. Những chi nhánh của tổ chức âm mưu lan rộng trên toàn bộ xứ An-da-xơ, trên lãnh thổ xứ Ba-đen hiện nay, đến tận Vuyếc-tem-béc và Mai-nơ. Thỉnh thoảng trên những ngọn núi hẻo lánh, trên sông Cni-bít và ở một số địa điểm khác người ta tổ chức những cuộc hội nghị lớn hơn, trong đó người ta thảo luận những công việc của liên minh. Những cuộc họp của các thủ lĩnh, thường có các thành viên của liên minh thuộc địa phương và các đại biểu của các vùng ở xa hơn tham dự, được tổ chức trên núi Hác-mát-tơ, gần Lê-hen; và chính những cuộc họp ấy đã thông qua cương lĩnh của liên minh gồm có mười bốn điểm: không có minh chủ nào khác, ngoài hoàng đế và (theo một số giả thuyết) giáo hoàng; bãi bỏ tòa án ở Rốt-vai; giới hạn quyền xét xử của tòa án giáo hội ở những vấn đề thuần túy tôn giáo; bãi bỏ tất cả mọi lợi tức khi tổng số tiền trả về lợi tức đã ngang tiền vốn; quy định lãi suất tối đa là năm phần trăm; tự do săn bắn, bắt cá, chăn thả súc

vật và đốn củi; hạn chế các giáo sĩ mỗi người chỉ được một chức thánh có lộc; tịch thu những tài sản của giáo hội và những đồ châu báu của các tu viện để bổ sung vào ngân quỹ quân sự của liên minh, bãi bỏ tất cả các thứ thuế má và thuế quan bất công; thực hiện hòa bình vĩnh viễn trong toàn thế giới Cơ Đốc giáo; đấu tranh cương quyết chống lại mọi kẻ thù của liên minh; đặt ra một thứ thuế thu cho quỹ liên minh; chiếm một thành phố trọng điểm (Phrây-buốc) để làm căn cứ địa của liên minh; mở ngay cuộc điều đình với hoàng đế, khi quân đội của liên minh vừa tập hợp xong, và nếu hoàng đế chối từ thì mở cuộc điều đình với Thụy Sĩ. Đó là những điểm người ta đã thỏa thuận. Những điều nói trên chứng tỏ là, một mặt, những yêu sách của nông dân và bình dân có tính chất ngày càng rõ rệt và dứt khoát, và mặt khác, cũng với mức độ như vậy, người ta đã phải nhượng bộ đối với các phần tử ôn hòa và thiếu kiên quyết hơn.

Cuộc khởi nghĩa đáng lẽ phải nổ ra vào mùa thu năm 1513. Chỉ còn thiếu có cờ của liên minh, và I-ô-cơ Phrít thân hành đi Hai-brôn để trang hoàng cho lá cờ. Ngoài các loại phù hiệu và biểu tượng ra, trên lá cờ còn vẽ hình chiếc giày bình dân với dòng chữ: "Lạy Chúa, hãy cho khôi phục lại nền công lý chí tôn của Người!". Nhưng khi I-ô-xơ Phrít vắng mặt thì việc mưu toan đột chiếm thành Phrây-buốc đã được thực hiện quá sớm, các nhà cầm quyền đã kịp thời nắm được mưu toan đó; một vài sơ hở trong thời gian tiến hành tuyên truyền đã giúp cho hội đồng thành phố Phrây-buốc và viên quan biên trấn xứ Ba-đen lần được theo đúng dấu vết, và sự phản bội của hai hội viên âm mưu kết thúc cái chuỗi bị phát giác ấy. Lập tức tên quan biên trấn, hội đồng thành phố Phrây-buốc và chính phủ nhà vua ở En-đi-xhai-mơ[1*] đã cử bọn chó săn và quân lính tới, một số hội viên của liên minh "Giày bình dân" bị bắt, bị tra tấn và bị hành hình; nhưng lần này đa số vẫn trốn thoát, trong số đó có cả I-ô-xơ Phrít. Các nhà

1* Tức là chính phủ của viên toàn quyền thuộc dòng họ Háp-xbuốc Áo, ở miền Thượng An-đa-xơ và xứ Brây-xgau.

cầm quyền Thụy Sĩ lần này truy nã rất gắt gao những người chạy trốn và thậm chí đã hành hình nhiều người; nhưng cũng không hơn gì các nước láng giềng của họ, họ không thể ngăn cản được số lớn những người chạy trốn quanh quẩn ở gần địa phương của họ và thậm chí dần dần về ở hẳn đấy. Làm dữ hơn cả là chính phủ An-đa-xơ ở En-đi-xhai-mơ; theo lệnh của chính phủ đó, nhiều người bị chặt đầu, bị buộc vào bánh xe và bị phanh thây. Bản thân I-ô-xơ Phrít thì lưu trú nhiều nhất ở bờ sông Ranh thuộc lãnh thổ Thụy Sĩ, nhưng thường về Svác-xvan-đơ luôn, tuy vậy ở đó dẫu sao ông cũng không thể bị bắt.

Các nhà cầm quyền ở Thụy Sĩ lần này sở dĩ liên kết với những chính phủ các nước láng giềng để truy lùng những hội viên liên minh "Giày bình dân" là vì có cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra vào năm sau, năm 1514, ở Béc-nơ, ở Dô-lô-tuốc-nơ và Luy-xéc, cuộc khởi nghĩa này đã đưa tới một cuộc thanh trừng trong các chính phủ quý tộc và trong giới quý tộc thành thị nói chung. Ngoài ra, nông dân còn giành được cho mình ở đây một số đặc quyền. Những cuộc khởi nghĩa địa phương ở Thụy Sĩ sở dĩ giành được thắng lợi thì cũng chỉ là do ở Thụy Sĩ sự tập trung còn yếu hơn ở Đức. Năm 1525, khắp nơi nông dân đã nhanh chóng thanh toán bọn lãnh chúa địa phương, nhưng họ không thể đương đầu nổi với những lực lượng vũ trang có tổ chức của các vương công, mà chính những lực lượng như thế thì ở Thụy Sĩ lại không có.

Đồng thời với tổ chức âm mưu "Giày bình dân" ở xứ Ba-đen, và hiển nhiên là có liên hệ trực tiếp với liên minh này, ở Vuyếc-tem-béc xuất hiện một tổ chức âm mưu thứ hai. Theo các nguồn tin cho biết tổ chức này đã tồn tại từ năm 1503, và vì cái tên "Giày bình dân" trở nên quá nguy hiểm từ khi vụ âm mưu ở Un-tơ-grôm-bác bị thất bại, nên tại đây nó lấy tên là "Côn-rát nghèo khổ". Căn cứ địa chính của nó ở lưu vực sông Rem-xơ, dưới chân dãy núi Hộ-hen-stau-phen. Từ lâu, sự tồn tại của nó đã không còn là điều bí mật nữa, ít ra thì cũng ở trong nhân dân. Sự áp bức tàn nhẫn của chính quyền của công tước Un-rích, cùng

một loạt năm đói kém, đã góp phần rất lớn vào việc mở rộng những phong trào năm 1513 và 1514, và đã làm cho số hội viên tăng lên rất nhiều; những thuế mới đánh vào rượu vang, thịt và bánh mì, cùng với thuế đánh vào vốn theo tỷ lệ cứ mỗi năm một gun-đen phải nộp một phen-ních, đã gây nên một cuộc khởi nghĩa. Người ta dự định trước hết chiếm lấy thành phố Soóc-nơ-đoóc-phơ, nơi mà các thủ lĩnh của cuộc âm mưu đã tụ họp trong nhà của người bán dao là Ca-xpa Prê-ghi-xơ. Cuộc khởi nghĩa nổ ra vào mùa xuân năm 1514. 3000 nông dân - theo tin tức khác là 5000- tiến vào thành phố, nhưng những lời hứa hẹn tốt đẹp của những viên chức của công tước đã thuyết phục được họ rút lui; sau khi hứa sẽ bãi bỏ các thuế mới, công tước Un-rích vội phi ngựa đến thành phố cùng với 80 kỵ binh, nhưng, nhờ có lời hứa hẹn ấy, tình hình đã trở lại yên ổn. Hắn còn hứa sẽ triệu tập một hội đồng dân biểu để xét tất cả các đơn khiếu nại. Nhưng các nhà lãnh đạo của liên minh đều biết rõ rằng Un-rích không có ý định nào khác hơn là giữ sao cho nhân dân phục tùng, cho đến khi nào hắn tuyển mộ và tập hợp được đầy đủ quân đội để có thể nuốt lời và dùng bạo lực để thu thuế. Cho nên, từ căn nhà của Ca-xpa Prê-ghi-xơ mà người ta gọi là "văn phòng của liên minh Côn-rát nghèo khổ", họ đã kêu gọi triệu tập đại hội của liên minh và nhằm mục đích ấy đã cử phái viên đi khắp nơi. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong lưu vực sông Rem-xơ đã làm tăng uy tín của phong trào trước nhân dân; các thông điệp và phái viên của liên minh đến đâu cũng được hoan nghênh, và đại hội họp ngày 28 tháng Năm ở Un-tơ-Thuy-hai-mơ, có nhiều đại biểu từ khắp nơi trong xứ Vuyếc-tem-béc kéo đến. Đại hội ra quyết định tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hễ gặp cơ hội thuận tiện là bắt đầu hành động ngay ở lưu vực sông Rem-xơ, để từ đó khuyếch trương cuộc khởi nghĩa ra xa hơn. Khi một cựu binh là Ben-ten-han-xơ ở Dét-tinh-ghen, và một nông dân có tiếng tăm là Di-gơ-han-xơ ở Vuyếc-tinh-ghen lôi cuốn được cư dân xứ An-bơ thuộc Sva-ben gia nhập liên minh thì cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ ở khắp nơi rồi. Đúng là Din-gơ-han-xơ bị tấn công và bị

bắt làm tù binh, nhưng các thành thị Bác-nâng, Vin-nen-đen, Mác-cơ-gruê-ninh-ghen đều lọt vào tay những nông dân liên minh với bình dân, và toàn bộ vùng từ Vây-xbéc đến Blau-bôi-ren, và từ Blau-bôi-ren đến tận biên giới xứ Ba-đen, đều công khai khởi nghĩa. Un-rích phải nhượng bộ. Trong khi quyết định triệu tập nghị viện vào ngày 25 tháng Sáu, hắn đồng thời kêu gọi các vương công lân cận và các thành thị tự do giúp hắn chống lại cuộc khởi nghĩa, viện cớ cuộc khởi nghĩa này là một sự đe dọa đối với tất cả các vương công, các nhà cầm quyền và những người nổi tiếng của đế chế và "giống một cách lạ thường với hành động của liên minh "Giày bình dân"".

Trong lúc ấy thì nghị viện, tức là những đại biểu của các thành thị và một số lớn đại biểu của nông dân, những người cũng đã đòi có chân trong nghị viện - họp từ ngày 18 tháng Sáu ở Stút-gát. Bọn giáo chức cao cấp thì chưa đến, còn bọn hiệp sĩ thì hoàn toàn không được triệu tập. Phe đối lập của dân thành phố Stút-gát cùng với hai đoàn nông dân dữ tợn đóng ở kề bên, ở Lê-ôn-béc và lưu vực sông Rem-xơ, ủng hộ những yêu sách của nông dân. Người ta chấp nhận đại diện của nông dân và quyết định cách chức và trừng trị ba cố vấn đáng căm ghét của công tước là Lam-pác-tơ, Tum-bơ và Loóc-khơ, thành lập một hội đồng giúp việc công tước gồm có bốn hiệp sĩ, bốn thị dân và bốn nông dân, dành cho công tước một khoản phụ cấp cố định, và tịch thu những tài sản của các tu viện và giáo đường thờ Chúa khác để bổ sung vào quỹ nhà nước.

Công tước Un-rích đáp lại những quyết định cách mạng ấy bằng một cuộc chính biến. Ngày 21 tháng Sáu, hắn cùng với bọn hiệp sĩ và cố vấn của hắn đến Tuy-bin-ghen, nơi bọn giáo chức cao cấp theo đến đấy, rồi hắn ra lệnh cho thị dân cũng đến đấy, - điều này họ đã làm; các phiên họp của nghị viện tiếp tục ở Tuy-bin-ghen, nhưng không có nông dân tham dự. Tại đấy, bị đặt dưới sự khủng bố của quân đội, những người thị dân đã phản bội bạn đồng minh của mình là nông dân. Ngày 8 tháng Bảy, hiệp

nghị Tuy-bin-ghen được ký kết; theo hiệp nghị này toàn vùng phải gánh trả khoảng một triệu tiền nợ của công tước, quyền lực của công tước phải chịu một vài sự hạn chế mà chẳng bao giờ hắn tôn trọng, còn nông dân thì được những lời hứa chung chung rỗng tuyếch và một đạo luật hết sức rõ ràng nhằm trừng trị những cuộc nổi loạn và các hiệp hội. Quyền đại diện của nông dân ở nghị viện dĩ nhiên là không còn được bàn đến nữa. Nông dân kêu la về sự phản bội, nhưng công tước, sau khi chuyển những món nợ riêng của mình cho các đẳng cấp phải trả, lại vay được tiền, nên đã nhanh chóng tập hợp được quân đội; các vương công lân cận, đặc biệt là tuyển dế hầu xứ Pphan-xơ cũng gửi quân đến chi viện cho hắn. Vì vậy mà ngay từ cuối tháng Bảy, toàn vùng đã tiếp nhận hiệp nghị Tuy-bin-ghen và lễ tuyên thệ trung thành lại được tiến hành. Chỉ ở lưu vực sông Rem-xơ là liên minh "Côn-rát-nghèo khổ" có chống cự lại; công tước lại thân hành đến đấy và suýt mất mạng; một doanh trại của nông dân được thiết lập ở núi Cáp-pen-béc. Nhưng khi sự việc kéo dài, một số lớn quân khởi nghĩa lại phải giải tán vì thiếu lương thực; và sau đó ít lâu, số còn lại cũng rút về nhà, sau khi đã ký với vài đại biểu của nghị viện một hiệp nghị mập mờ. Giữa lúc ấy quân đội của Un-rích được tăng cường bởi những đạo quân do các thành thị gửi đến, - những thành thị này sau khi thấy yêu sách của mình được thỏa mãn đã điên cuồng quay trở lại chống nông dân, - và thế là Un-rích liền tiến công lưu vực sông Rem-xơ, bất chấp hiệp nghị, cướp thành thị và làng mạc của địa phương ấy. 1600 nông dân bị bắt giam, trong đó có 16 người bị chặt đầu ngay, còn những người khác thì phần đông phải nộp cho Un-rích những món tiền phạt nặng nề. Một số lớn bị cầm tù dài hạn. Những đạo luật rất khắc nghiệt đã được ban hành để trị những mưu toan khôi phục lại các hội nông dân và để trừng phạt tất cả các cuộc hội họp của nông dân, và giai cấp quý tộc ở Sva-ben tổ chức một liên minh đặc biệt để đàn áp mọi mưu toan nổi loạn. - Nhưng những thủ lĩnh chủ yếu của liên minh "Côn-rát nghèo khổ" đã may mắn trốn thoát sang Thụy Sĩ, và vài năm sau phần lớn lại

từ đó lẻ tẻ quay trở về xứ sở.

Đồng thời với phong trào Vuyếc-tem-béc, người ta thấy xuất hiện những dấu hiệu của việc khôi phục lại hoạt động của liên minh "Giày bình dân" ở Brây-xgau và ở tỉnh biên giới Ba-đen. Ở gầy Buy-lơ, một cuộc mưu toan khởi nghĩa đã được tiến hành vào tháng Sáu, nhưng liền bị tên quan biên trấn Phi-líp dẹp tan ngay, còn thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa là Gu-ghen Ba-xti-an thì bị bắt và bị chặt đầu ở Phrây-buốc.

Cũng trong năm 1514 ấy, và cũng vào mùa xuân, một cuộc chiến tranh nông dân toàn quốc đã nổ ra ở *Hung-ga-ri*. Tại đó người ta hô hào đem một đạo quân thập tự quân đi đánh quân Thổ, và như thường lệ, người ta hứa trả tự do cho những nông nô và những nông dân lệ thuộc nào nhận đăng vào đạo quân ấy. Gần 60000 nông dân tụ tập lại và được đặt dưới quyền chỉ huy của Ghê-oóc Đô-gia, một người Xê-cle-ru[234] từng nổi tiếng trong những cuộc chiến tranh trước đây với quân Thổ và do đó đã được phong là quý tộc. Nhưng bọn hiệp sĩ và bọn quan phong kiến người Hung-ga-ri có ác cảm với đạo thập tự quân ấy vì nó làm cho chúng có thể bị tước mất tài sản và nông nô của chúng. Chúng vội vã đuổi theo những đoàn nông dân lẻ tẻ và dùng hành động tàn bạo để bắt nông nô của chúng quay trở lại. Khi đạo thập tự quân được tin đó, lòng căm giận của những nông dân bị áp bức liền bùng lên. Hai nhà thuyết pháp hăng hái nhất trong đạo thập tự quân là La-vren-ti và Vác-na-va bằng những bài diễn văn cách mạng, đã thổi bùng thêm lòng căm thù của quần đội đối với bọn quý tộc. Chính Đô-gia cũng phẫn nộ đối với bọn quý tộc phản bội như quân đội của ông. Đạo thập tự quân biến thành một đội quân cách mạng, và Đô-gia đứng đầu phong trào mới này.

Ông cùng với nông dân của ông hạ trại ở Ra-cốt, gần Pét. Những hành động thù địch được mở đầu bằng những cuộc xô xát với những người có vũ trang thuộc phe quý tộc ở những làng lân cận và ngoại thành Pét. Chẳng bao lâu người ta đi đến chỗ tiến hành những trận đánh có vũ trang, rồi cuối cùng, đến vụ xảy ra

buổi tối ở Xi-xin[235] đối với tất cả bọn quý tộc bị xa vào tay nông dân, và những vụ đốt cháy tất cả các lâu đài lân cận. Triều đình đe dọa, nhưng vô hiệu. Sau khi phiên tòa đầu tiên của tòa án nhân dân kết tội bọn quý tộc được thi hành ở dưới những bức tường kinh đô, thì Đô-gia chuyển sang những chiến dịch khác. Ông chia quân đội của mình thành ra năm đạo. Hai đạo được phái lên miền núi Thượng Hung-ga-ri để phát động tổng khởi nghĩa và để tiêu diệt bọn quý tộc. Đạo thứ ba, dưới sự chỉ huy của Am-bru-sơ Xa-lê-rê-si, một thị dân ở thành Pét, thì ở lại Ra-cốt để giám sát kinh đô. Đạo thứ tư và thứ năm được Đô-gia và em ông là Grê-go dẫn đi đánh Xê-ghê-đin[1*].

Trong khi đó bọn quý tộc cũng đã tập hợp ở Pét và chúng cầu cứu viên thống lĩnh bảy thành phố là I-ô-han Da-pô-li-a. Sau khi Xa-lê-rê-si cùng với những phần tử thị dân trong quân đội nông dân chạy sang hàng ngũ quân địch thì bọn quý tộc liên minh với thị dân ở Bu-đa-pét đã đánh tan và tiêu diệt được đạo quân đóng ở vùng Ra-cốt. Một số rất lớn tù binh bị hành hình một cách hết sức tàn bạo, còn những tù binh khác thì bị đuổi về nhà sau khi bị cắt mũi và xẻo tai.

Đô-gia bị thất bại ở Xê-ghê-đin, tiến về Sa-nát và chiếm miền đó, sau khi đã đánh bại một đội quân quý tộc do Xtê-phan Ba-tô-ri và giám mục Sa-ki chỉ huy và đã tiến hành những cuộc tàn sát đẫm máu đối với bọn tù binh - trong đó có cả tên giám mục và tên Tê-lê-ki giữ kho của vua - để trả thù những sự tàn bạo xảy ra ở vùng Ra-cốt. Ở Sa-nát, ông tuyên bố thành lập nền cộng hòa, phế bỏ quý tộc, thực hiện sự bình đẳng chung và chủ quyền của nhân dân; sau đó, ông tiến về Tê-mê-sva-ra[2*], nơi tên Ba-tô-ri trốn tránh. Nhưng khi ông bao vây pháo đài ấy suốt hai tháng, và được tăng cường một đạo quân mới do An-tôn Hô-xu chỉ huy, thì hai đạo quân của miền Thượng Hung-ga-ri đã bị bọn quý tộc đánh bại trong nhiều trận giao chiến, và I-ô-han Da-pô-li-a cầm đầu đội quân bảy tỉnh tiến đánh ông. Nông dân bị Da-pô-li-a tiến công và bị đánh tan; bản thân Đô-gia cũng bị bắt làm tù binh

1* Tên gọi tiếng Hung-ga-ri: Xê-ghét.
2* Tên gọi tiếng Ru-ma-ni: Ti-mi-sô-a-ra.

bị đem thiêu trên một chiếc vạc đốt nóng, rồi bị đồng đảng ăn thịt, - những người này chỉ được tha cho sống với điều kiện đó. Những nông dân bị đánh tan tác lại được La-vren-ti và Hô-xu tập hợp lại, nhưng lại bị đánh bại một lần nữa và tất cả những người bị rơi vào tay địch đều bị mang đóng cọc hoặc bị treo cổ. Hàng ngàn xác nông dân bị treo ở dọc đường hoặc ở lối vào những làng mạc bị thiêu hủy. Người ta nói có tới 60000 người hoặc bị tử trận hoặc bị giết hại. Bọn quý tộc đã cố gắng để, trong nghị viện tới, chế độ nông nô lại được pháp luật địa phương thừa nhận.

Khởi nghĩa nông dân ở "biên khu Vin-đi-xơ", nghĩa là ở Kéc-nơ-then, ở Crai-nơ và ở Stê-ri-a, nổ ra cũng trong quãng thời kỳ đó, đã dựa vào một tổ chức âm mưu có tính chất gần như tổ chức âm mưu "Giày binh dân"; nó xuất hiện từ năm 1503 trong vùng đó, một vùng đã bị những hành vi cưỡng đoạt của bọn quý tộc và quan nha của đế chế làm cho kiệt quệ, đã bị nạn đói và những cuộc xâm lăng của người Thổ Nhĩ Kỳ tàn phá; và cũng trong năm ấy tổ chức âm mưu đã gây nên một cuộc khởi nghĩa. Nông dân Xlô-vê-ni ở vùng đó, cũng như nông dân Đức, ngay từ năm 1513, lại đã giương cao ngọn cờ đấu tranh đòi những "stara prawa" ("những quyền xưa") và, nếu năm đó nữa, họ lại bị xoa dịu lần nữa, nếu năm 1514, khi họ còn tập hợp đông đảo, lời hứa rõ ràng của hoàng đế Mắc-xi-mi-li-an là sẽ khôi phục "những quyền xưa" đã làm cho họ phấn tán, thì cuộc chiến tranh phục thù của nhân dân luôn luôn bị lừa dối nổ ra càng dữ dội vào mùa xuân năm 1515. Cũng như ở Hung-ga-ri, các lâu đài, tu viện đều bị phá hủy ở khắp nơi, và bọn quý tộc bị bắt làm tù binh đã bị các phiên tòa của nông dân xét xử và tuyên án chém đầu. Ở Stê-ri-a và ở Kéc-nơ-then, tên đại úy quân đội hoàng gia là Đi-tơ-rích-stai-nơ đã nhanh chóng dập tắt được cuộc khởi nghĩa; nhưng ở Crai-nơ, chỉ sau khi thành phố Rai-nơ đã bị chiếm (mùa thu năm 1516) và tiếp đó diễn ra sự tàn bạo vô kể của bọn cầm quyền Áo - một sự tàn bạo hoàn toàn đáng được đặt ngang hàng với sự đê tiện của bọn quý tộc Hung-ga-ri - thì cuộc khởi nghĩa mới bị dẹp tan.

Sau hàng loạt thất bại nặng nề như vậy và sau những cuộc tàn sát hàng loạt của bọn quý tộc, thì nông dân Đức yên lặng một thời gian khá lâu - đó là điều hoàn toàn có thể hiểu được. Tuy vậy, cả những vụ âm mưu, lẫn những cuộc bạo động địa phương đều không hề ngừng hẳn. Ngay từ năm 1516, phần lớn những người còn sống sót của các tổ chức âm mưu "Giày bình dân" và "Côn-sát nghèo khổ" đã quay về Sva-ben và miền Thượng Ranh, và đến năm 1517 thì liên minh "Giày bình dân" lại hoạt động khắp nơi ở miền Sác-xvan-đơ. Chính I-ô-xơ Phrít, vẫn luôn luôn giữ kín trong ngực lá cờ cũ của liên minh "Giày bình dân" năm 1513, lại bắt đầu đi khắp miền Sác-xvan-đơ và hoạt động rất mạnh. Hội âm mưu lại được tổ chức lại. Cũng như bốn năm trước đây, người ta lại bắt đầu triệu tập những hội nghị ở Cni-bít. Nhưng đã không giữ được bí mật; các nhà cầm quyền biết được vụ âm mưu và thi hành những biện pháp kiên quyết. Nhiều người bị bắt và bị hành hình; những hội viên tích cực nhất và có tài trí nhất phải bỏ trốn, trong đó có cả I-ô-xơ Phrít, và lần này nữa, chúng cũng không bắt được ông. Nhưng hình như ít lâu sau thì ông mất tại Thụy Sĩ, vì từ hồi đó, không ở đâu còn nghe thấy nói đến ông nữa.

IV

Ngay trong thời kỳ cuộc âm mưu thứ tư của liên minh "Giày bình dân" bị đàn áp tại miền Sác-xvan-đơ, Lu-the đã khởi xướng ở Vuyếc-tem-béc một phong trào, lôi cuốn hết thảy các đẳng cấp vào cơn lốc các sự kiện và làm lay chuyển toàn bộ đế chế. Những luận cương của giáo sĩ dòng thánh Ô-guy-xtanh miền Thuy-rinh-ghen[236] đã có tác dụng như một tiếng sét đánh vào một thùng thuốc súng. Ngay từ đầu, những luận cương ấy đã biểu thị một cách khái quát và chung những nguyện vọng muôn hình nghìn vẻ và chống chéo nhau của giới hiệp sĩ và thị dân, của nông dân và bình dân, của vương công hầm quyền và tăng lữ lớp dưới, của các môn phái thần bí bí mật và phe đối lập văn học của các học giả và các nhà văn Buốc-le-xca - trào lộng[237], và những luận cương ấy đã tập hợp được các tầng lớp nói trên một cách nhanh chóng lạ thường. Sự liên minh được hình thành đột ngột này của tất cả những phần tử đối lập, dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, nhưng đã biểu lộ ngay được tất cả sức mạnh vĩ đại của phong trào và càng thúc đẩy nó phát triển nhanh hơn.

Nhưng chính sự phát triển nhanh chóng ấy của phong trào đã làm cho những mầm mống bất hòa chứa sẵn trong phong trào chín muồi rất nhanh và ít ra cũng đã khiến cho những phần tử trong đám quần chúng bị kích động đoạn tuyệt với nhau - những phần tử này trực tiếp đối lập nhau về toàn bộ hoàn cảnh sống của họ - và đưa họ trở về trạng thái đối địch thông thường của họ. Ngay từ những năm đầu của cuộc cải cách tôn giáo, đám quần chúng hỗn tạp muôn vẻ của phe đối lập đã phân hóa thành hai cực, xung quanh hai trung tâm thu hút; quý tộc và thị dân không ngần ngại tập hợp ngay xung quanh Lu-the; nông dân và bình dân, vì chưa thấy Lu-the là kẻ thù trực tiếp nên vẫn lập thành một phái cách mạng đối lập riêng như trước kia. Chỉ có điều là phong trào bây giờ mang một tính chất phổ biến và sâu sắc hơn rất nhiều, so với thời kỳ trước Lu-the, và điều đó tất

cựu quý tộc vẫn được duy trì, còn ở Anh, nó đã bị tiêu diệt hoàn toàn trong cuộc chiến tranh Hoa hồng[238], trừ 28 gia đình, và được thay thế bằng một giai cấp quý tộc mới thuộc dòng dõi tư sản và có khuynh hướng tư sản. Ở Đức, chế độ nông nô vẫn tiếp tục tồn tại, và nguồn thu nhập của giai cấp quý tộc là nguồn thu nhập *phong kiến*, còn ở Anh, chế độ nông nô hầu như đã hoàn toàn bị xóa bỏ, và các nhà quý tộc đã trở thành những địa chủ tư sản thường, có nguồn thu nhập *tư sản* là địa tô. Cuối cùng, sự tập trung của nền quân chủ chuyên chế do có sự đối kháng giữa giai cấp quý tộc và đẳng cấp thị dân đã từng tồn tại ở Pháp từ thời Lu-i XI và ngày càng phát triển, thì ở Đức cũng không thể có được, vì lý do đơn giản là ở đây những điều kiện cần thiết cho sự tập trung dân tộc hoàn toàn không có hoặc chỉ mới ở tình trạng phôi thai.

Trong những điều kiện ấy, Hút-ten càng cố gắng thực hiện lý tưởng của mình trên thực tế, thì ông càng phải nhượng bộ, và cái hình thù của cuộc cải cách đế chế của ông càng trở nên mơ hồ. Tự giai cấp quý tộc không đủ sức để thực hiện công cuộc ấy; sự hèn yếu ngày càng tăng của quý tộc đối với vương công là bằng chứng nói rõ điều đó. Quý tộc cần có bạn đồng minh, mà các đồng minh duy nhất có thể có là các thành thị, nông dân và những nhà lý luận có uy tín trong phong trào cải cách tôn giáo. Nhưng các thành thị đã hiểu khá rõ tầng lớp quý tộc nên không tín nhiệm chúng và từ chối mọi sự liên minh với chúng. Nông dân hoàn toàn có lý khi họ coi bọn quý tộc bóc lột họ đến cùng kiệt và bạc đãi họ là kẻ thù độc ác nhất của họ. Còn những nhà lý luận của cải cách tôn giáo thì lại hoặc là đi với thị dân và vương công, hoặc là đi với nông dân. Như vậy, cuộc cải cách đế chế mà tầng lớp quý tộc đề ra với thị dân và nông dân nhằm mục đích trước hết là củng cố giai cấp quý tộc, còn có thể hứa hẹn được điều gì khả quan? Trong điều kiện ấy, Hút-ten không có cách nào khác hơn là trong những tài liệu tuyên truyền của ông chỉ đụng đến rất ít hoặc hầu như không đụng chạm gì đến những quan hệ sau này giữa quý tộc, thành thị và nông dân, là

đổ hết tội cho các vương công, giáo sĩ và cho sự lệ thuộc vào La Mã, là chứng minh cho các thị dân thấy rằng vì quyền lợi của họ nên trong cuộc đấu tranh sắp nổ ra giữa vương công và quý tộc, họ ít nhất cũng phải giữ một thái độ trung lập. Còn về xóa bỏ chế độ nông nô và những lao dịch mà giai cấp quý tộc chất trên vai nông dân, thì Hút-ten hoàn toàn không có một lời nào nói đến cả.

Thái độ của tầng lớp quý tộc Đức đối với nông dân hồi đó cũng giống hệt như thái độ của quý tộc Ba Lan đối với nông dân của họ trong những cuộc khởi nghĩa từ năm 1830 đến 1846. Cũng như những cuộc khởi nghĩa hiện đại ở Ba Lan, phong trào ở Đức trong thời gian đó chỉ có thể hy vọng thành công được nếu có sự liên minh giữa tất cả các phe phái đối lập, nhất là giữa quý tộc và nông dân. Nhưng chính liên minh đó lại *không thể có được* trong cả hai trường hợp. Quý tộc không thấy cần thiết phải từ bỏ những đặc quyền chính trị và những quyền lợi phong kiến của mình đối với nông dân, cũng như nông dân có tinh thần cách mạng không thể thỏa mãn với triển vọng mơ hồ chung chung mà đi tới liên minh với quý tộc, nghĩa là với cái đẳng cấp áp bức mình nhiều hơn cả. Cũng như ở Ba Lan năm 1830, quý tộc ở Đức năm 1522 không thể tranh thủ được nông dân. Chỉ có thủ tiêu hoàn toàn chế độ nông nô và sự lệ thuộc phong kiến, tầng lớp quý tộc phải từ bỏ tất cả những đặc quyền của chúng, thì mới có thể khiến cho nông dân liên kết được với chúng; nhưng cũng như mọi đẳng cấp được hưởng đặc quyền, quý tộc không hề có ý tự nguyện từ bỏ những đặc quyền, từ bỏ cái địa vị đặc biệt và đại bộ phận nguồn thu nhập của chúng.

Kết quả là, khi nổ ra cuộc xung đột thì tầng lớp quý tộc hoàn toàn bị đơn độc trước các vương công. Ngay từ đầu, có thể đoán trước được rằng các vương công - kẻ đã liên tiếp giành giật được các vị trí của quý tộc trong suốt hai thế kỷ nay, - thì lần này cũng sẽ lại đánh bại được quý tộc một cách dễ dàng.

Mọi người đều biết những diễn biến của bản thân cuộc đấu

tranh. Dích-kinh-ghen, người được thừa nhận là thủ lĩnh chính trị và quân sự của tầng lớp quý tộc miền Trung nước Đức, lấy cớ là để tự vệ, đã cùng với Hút-ten sáng lập, năm 1522, tại Lan-đau, một liên minh quý tộc xứ Ranh, Sva-ben và Phran-cô-ni trong một thời gian sáu năm; Dích-kinh-ghen - một phần thì nhờ những phương tiện của chính mình, một phần thì cùng với những hiệp sĩ ở vùng lân cận, - đã tập hợp được một đội quân, đã tổ chức việc tuyển mộ viện binh ở Phran-cô-ni, miền hạ sông Ranh, Hà Lan và Vét-xtơ-pha-li và tháng Chín 1522 tuyên chiến với tên tuyển đế hầu - tổng giám mục miền Tơ-ria, mở đầu những hoạt động quân sự. Nhưng trong khi ông vây hãm Tơ-ria, các vương công vội và can thiệp vào khiến cho quân tiếp viện của ông bị cắt. Hầu tước đế chế xứ Hét-xen và tuyển đế hầu xứ Pphan-xơ đưa quân đến cứu quân Tơ-ria và Dích-kinh-ghen buộc phải trốn vào thành Lan-stun của ông. Mặc dầu Hút-ten và các bạn khác của Dích-kinh-ghen đã hết sức cố gắng, nhưng vì khiếp sợ trước hành động mau lẹ và tập trung của các vương công nên những thành viên của liên minh quý tộc đã bỏ mặc ông cho số phận; bản thân Dích-kinh-ghen bị tử thương, phải nộp thành Lan-stun và chết ngay sau đó. Hút-ten phải trốn sang Thụy Sĩ và mấy tháng sau cũng chết ở đảo Úp-nau, trên hồ Xuy-rích.

Sau thất bại đó và sau cái chết của hai thủ lĩnh, lực lượng quý tộc, với tư cách là một tập đoàn độc lập với các vương công, đã bị tan vỡ. Kể từ đó, tầng lớp quý tộc chỉ phục vụ cho vương công và chịu sự lãnh đạo của họ. Chiến tranh nông dân nổ ra ngay sau đó buộc quý tộc càng phải trực tiếp hay gián tiếp đặt mình dưới sự bảo hộ của vương công. Đồng thời nó chứng tỏ là quý tộc Đức coi việc tiếp tục bóc lột nông dân, dưới quyền lực tối cao của vương công, hơn là đánh đổ vương công và giáo sĩ bằng cách liên minh công khai với nông dân *được giải phóng*.

V

Từ khi việc Lu-the tuyên chiến với đẳng cấp Thiên chúa giáo đã làm chuyển động tất cả những phần tử đối lập ở Đức, thì không năm nào nông dân không ngót nổi lên đưa ra những yêu sách của mình. Từ năm 1518 đến năm 1523, các cuộc khởi nghĩa nông dân địa phương kế tiếp nhau nổ ra ở Svác-xvan-đơ và miền Thượng Sva-ben. Từ mùa xuân năm 1524, những cuộc khởi nghĩa ấy đã có tính hệ thống. Tháng Tư năm đó, nông dân ở giáo khu Mác-khơ-tan chống lại những tạp dịch và dâm phụ phong kiến; tháng Năm, nông dân ở Xanh-Bla-di-ê bác bỏ mọi thứ lao dịch; tháng Sáu, nông dân ở Stai-nơ-hai-mơ, gần Mem-minh-ghen, tuyên bố không muốn đóng thuế thập phân và các loại thuế phụ thu khác; tháng Bảy và tháng Tám, nông dân ở Tuốc-gau nổi dậy và bị dẹp yên, phần bởi sự trung gian của người Xuy-rích, phần bởi những biện pháp tàn bạo của Liên bang Thụy Sĩ đã đem hành hình một loạt người tham gia khởi nghĩa. Sau hết, tại giáo khu Stuy-linh-ghen nổ ra một cuộc khởi nghĩa có tính chất quyết định mà người ta có thể coi là *bước đầu* thực sự của *Chiến tranh nông dân*.

Nông dân miền Stuy-lin-ghen đột nhiên chống lại mọi thứ lao dịch của lãnh chúa, tập hợp lại thành những đội ngũ lớn mạnh và ngày 24 tháng Tám 1524, dưới sự chỉ huy của *Han-xơ Muy-lơ* ở *Bun-ghen-bác*, tiến về Can-đơ-xhút. Ở đấy, họ đã cùng với thị dân thành lập một hội tân giáo. Thị dân càng vui lòng gia nhập hội này vì lúc đó họ đang xung đột với những nhà cầm quyền ở miền ngoại Áo[239] do việc Ban-ta-da *Húp-mai-ơ* là một trong những nhà truyền giáo của họ, là bạn và là học trò của Tô-mát Muyn-txơ, bị các nhà cầm quyền truy nã về mặt tôn giáo. Người ta cũng đã quy định phải đóng cho hội mỗi tuần lễ ba croi-xơ, xét giá trị đồng tiền thời đó thì đây là một món tiền đóng góp lớn; người ta cử các phái viên tới An-da-xơ, Mô-den, khắp miền Thượng Ranh và tới Phran-cô-ni để thu hút nông dân khắp nơi vào hội. Người

ta tuyên bố mục đích của hội là xóa bỏ nền thống trị phong kiến, phá hủy mọi lâu đài và tu viện, và phế bỏ tất cả các lãnh chúa, trừ hoàng đế. Cờ của hội là cờ tam tài Đức.

Cuộc khởi nghĩa lan ra nhanh chóng khắp vùng Thượng Ba-đen ngày nay. Quý tộc miền Thượng Sva-ben hết sức hoảng sợ, mà hầu hết toàn bộ lực lượng quân sự của chúng đều đang chiến đấu ở I-ta-li-a chống lại vua Pháp là Phrăng-xoa I. Chúng không còn đường nào khác là tìm cách kéo dài sự việc bằng những cuộc thương thuyết và, trong thời gian đó, thu nhập tiền nong và tuyển mộ quân lính cho tới lúc đủ mạnh để trừng trị sự hỗn xược của nông dân bằng "lửa và gươm, cướp bóc và giết chóc"[240]. Từ đó bắt đầu sự phản bội có hệ thống, sự giảo quyệt và sự bội ước thường xuyên, - đặc trưng của bọn quý tộc, vương công trong suốt cuộc Chiến tranh nông dân và đó là vũ khí mạnh nhất của chúng để chống lại những nông dân tản mạn và khó tổ chức lại. Liên minh Sva-ben, gồm các vương công, quý tộc và các thành thị của đế chế ở Tây-Nam nước Đức, hành động với tư cách là người trung gian, nhưng không đảm bảo cho nông dân sự nhượng bộ nhất định nào. Phong trào nông dân vẫn tiếp tục. Từ ngày 30 tháng Chín đến giữa tháng Mười, Han-xơ Muy-lơ ở Bun-ghen-bác đi khắp miền Svác-xvan-đơ tới U-rác và Phuốc-văng-ghen, tăng đội ngũ của mình lên tới 3500 người và đóng gần E-vát-tinh-ghen (không xa Stuy-linh-ghen). Trong tay quý tộc chỉ có 1700 người, nhưng ngay cả số quân này cũng lại phân tán. Vì vậy quý tộc buộc phải đi đến cuộc ngừng chiến được thực sự ký kết ở doanh trại gần E-vát-tinh-ghen. Chúng hứa với nông dân một hiệp nghị thỏa thuận, hoặc do hai bên hữu quan trực tiếp ký kết, hoặc thông qua tòa án trọng tài làm trung gian, và đồng thời hứa giao cho tòa án địa phương ở Stốc-các xét những khiếu nại của họ. Vậy là quân đội của quý tộc cũng như nông dân đều giải tán.

Nông dân thống nhất với nhau 16 điều khoản đưa tòa án Stốc-các phê chuẩn. Những điều khoản đó rất ôn hòa. Hủy bỏ quyền săn bắn, tạp dịch, những khoản thuế nặng nề và, nói chung,

những đặc quyền của lãnh chúa, bảo đảm ngăn cấm những vụ bắt bớ tùy tiện và những tòa án thiên vị ra những án quyết tùy tiện, ngoài ra, họ không đòi hỏi gì hơn.

Trái lại, sau khi nông dân vừa giải tán về nhà, tầng lớp quý tộc đã lập tức buộc họ phải nộp tất cả những đảm phụ còn phải tranh cãi cho tới khi nào có quyết định của của tòa án. Dĩ nhiên nông dân không chịu và đưa các lãnh chúa ra tòa. Cuộc đấu tranh lại bùng nổ; nông dân lại tập hợp nhau lại thành hàng ngũ; vương công và quý tộc tập trung quân đội của chúng. Lần này phong trào lan rất xa, vượt ra khỏi biên giới Brây-xgau và thâm nhập sâu vào miền Vuyếc-tem-béc. Các đội quân của quý tộc, dưới sự chỉ huy của *Ghê-oóc Tơ-ru-khơ-dét* ở Van-đơ-buốc, một tên An-ba của Chiến tranh nông dân, chỉ đứng quan sát, đánh tan vài toán quân lẻ tẻ, nhưng không dám tấn công vào chủ lực của nông dân. Ghê-oóc Tơ-ru-khơ-dét mở những cuộc đàm phán với các thủ lĩnh nông dân và ký kết được những hiệp định trong một vài trường hợp.

Cuối tháng Chạp, tòa án địa phương ở Stốc-các bắt đầu xem xét mọi vấn đề. Nông dân phản đối việc thành phần của tòa án chỉ gồm toàn quý tộc. Để đáp lại, người ta đọc cho họ nghe chiếu chỉ của hoàng đế[241]. Các cuộc thương thuyết kéo dài; trong khi đó, quý tộc, vương công và các nhà cầm quyền Liên minh Sva-ben đã chuẩn bị vũ trang. Đại công tước Phéc-đi-năng, người mà ngoài những lãnh địa thừa kế hiện nay ở Áo, lúc đó còn thống trị cả miền Vuyếc-tem-béc, Svác-xvan-đơ thuộc Ba-đen và phần miền Nam xứ An-da-xơ, ra lệnh áp dụng những biện pháp tàn bạo nhất đối với nông dân khởi nghĩa. Người ta được lệnh phải bắt, tra tấn và giết họ không thương tiếc, phải tiêu diệt họ bằng mọi phương tiện, đốt phá tài sản và đuổi vợ con họ ra khỏi xứ sở. Chúng ta thấy vương công và quý tộc đã tôn trọng sự đình chiến như thế nào và đã hiểu vai trò trung gian thỏa đáng và việc xem xét khiếu nại là cái gì. Đại công tước Phéc-đi-năng, người được dòng họ Ven-déc ở Au-xbuốc cho vay tiền, đã vội vã mua sắm vũ

khí; Liên minh Sva-ben ra lệnh góp tiền và quân đội làm ba đợt.

Tất cả những cuộc khởi nghĩa xảy ra cho đến khi đó trùng hợp với thời gian Tô-mát Muyn-txơ lưu lại ở Ô-béc-lan trong năm tháng[242]. Tuy chúng ta chưa có bằng chứng trực tiếp nào về ảnh hưởng của Tô-mát Muyn-txơ đối với sự ra đời và tiến trình của phong trào, nhưng những ảnh hưởng đó hoàn toàn có thể xác định được một cách gián tiếp. Những người cách mạng kiên quyết nhất trong nông dân phần lớn đều là học trò của ông và là những người kế tục tư tưởng của ông. Mọi người đương thời đều cho rằng "Mười hai điều khoản" cũng như bức "Khoản thư" [Artikelbrief] của nông dân Ô-béc-lan là của ông, mặc dầu thế nào đi nữa thì "Mười hai điều khoản" chắc chắn không phải do ông thảo ra. Thêm nữa, trên đường trở về Thuy-rinh-ghen, ông đã có những lời kêu gọi cực kỳ cách mạng đối với nông dân khởi nghĩa[243].

Cũng trong thời gian ấy, bị đuổi khỏi Vuyếc-tem-béc từ năm 1519, công tước Un-rích âm mưu nhờ nông dân giúp đỡ để chiếm lại lãnh địa của mình. Người ta thấy rằng, từ sau khi bị trục xuất, hắn đã ra sức lợi dụng và luôn luôn ủng hộ phe cách mạng. Tên tuổi hắn gắn liền với phần lớn những cuộc khởi nghĩa địa phương liên tiếp nổ ra từ năm 1520 đến năm 1524 ở miền Svác-xvan-đơ và Vuyếc-tem-béc; và giờ đây, hắn công khai bắt tay vào việc chuẩn bị để, từ lâu đài Hô-hen-tơ-vin, tấn công vào Vuyếc-tem-béc. Song nông dân chỉ lợi dụng hắn như một công cụ mà thôi; hắn chưa bao giờ có ảnh hưởng đối với họ, chứ chưa nói đến việc được họ tin cậy.

Cứ như vậy mùa đông trôi qua và chẳng bên nào có hành động gì có tính chất quyết định. Các ngài vương công thì đi ẩn, khởi nghĩa nông dân lan rộng thêm. Đến tháng Giêng 1525, cả một vùng ở giữa sông Đa-nuýp, sông Ranh và sông Lê-khơ ở trong tình trạng hết sức sôi sục và đến tháng Hai thì cơn bão tập nổ ra.

Trong khi đội quân *Svác-xvan-đơ Hê-gau*, do Han-xơ Muy-lơ ở Bun-ghen-bác cầm đầu, bí mật phối hợp với Un-rích ở Vuyếc-tem-béc,

và có một bộ phận tham gia cuộc hành quân vô ích của hắn vào Stút-gát (tháng Hai - tháng Ba 1525), thì ngày 9 tháng Hai nông dân ở Rít, vùng trên Un-mơ nổi dậy, họ tụ tập lại trong một doanh trại có đầm lầy bao quanh, gần Ban-tơ-rinh-ghen, giương *cờ đỏ*, và, dưới sự chỉ huy của Un-rích Smít, lập thành đội quân *Ban-tơ-rinh-ghen*. Họ có từ 10000 đến 12000 người.

Ngày 25 tháng Hai, khi nghe tin đồn quân đội được phái đến đánh những nông dân bất mãn trong vùng đã tiến gần tới nơi, *đội quân Thượng An-gôi*, có 7000 người, đã tập hợp trên bờ sông Suýt-xen. Nông dân Kem-pơ-ten, suốt mùa đông, xung đột với viên tổng giám mục của họ, cũng tập hợp lại ngày 26 tháng Hai và gia nhập đội quân của họ. Hai thành thị Mem-minh-ghen và Cau-phơ-bô-ren cũng tham gia phong trào với một số điều kiện nhất định; nhưng ngay ở đây đã thấy biểu lộ tính chất hai mặt trong lập trường của các thành thị trong cuộc đấu tranh này. Ngày 7 tháng Ba, ở Mem-minh-ghen, mười hai điều khoản Mem-minh-ghen đã được hết thảy nông dân vùng Thượng An-gôi thừa nhận.

Do sự tác động của những phái viên của nông dân miền An-gôi, *đội quân ven hồ* đã được thành lập bên hồ Bô-đen-dê, dưới sự chỉ huy của Ai-ten Han-xơ. Đội quân này cũng lớn mạnh rất nhanh. Tổng hành dinh đặt ở Béc-ma-tinh-ghen.

Ngay từ những ngày đầu tháng Ba, nông dân cũng nổi dậy trong các miền Hạ An-gôi, ở các vùng Ốc-xen-hau-den và Sen-len-béc, ở Txai-lơ và Van-đơ-buốc, ở lãnh địa của Tơ-ru-khơ-dét. *Đội quân miền Hạ An-gôi* này có 7000 người, hạ trại ở Vuốc-xác.

Tất cả bốn đội quân này đều chấp nhận những điều khoản Mem-minh-ghen, tuy vậy những điều khoản này ôn hòa hơn những điều khoản của nông dân Hê-gau nhiều và cũng tỏ ra rất thiếu kiên quyết trên những điểm liên quan đến thái độ của các đội quân vũ trang đối với quý tộc và các nhà cầm quyền. Nông dân có tỏ ra kiên quyết thì cũng chỉ là trong quá trình chiến đấu, sau khi đã có kinh nghiệm về cách hành động của kẻ thù của

họ.

Đồng thời với những đội quân đó, một đội quân thứ sáu được thành lập ở vùng Đa-nuýp. Từ suốt vùng Un-mơ đến Đô-nao-vuyếc-tơ, từ những lưu vực sông In-lơ, từ miền Rốt và Bi-be, nông dân kéo đến Lai-pơ-hai-mơ và hạ trại ở đấy. Mười lăm địa phương đưa đến tất cả những trai tráng có khả năng cầm vũ khí và 117 địa phương gửi những đội quân đến chi viện. Người chỉ huy của *đội quân Lai-pơ-hai-mơ* là Un-rích Suên, người thuyết giáo là I-a-cốp Vê-ơ, mục sư của Lai-pơ-hai-mơ.

Như vậy là đầu tháng Ba, tại miền Thượng Sva-ben có vào khoảng 30000 đến 40000 nông dân vũ trang khởi nghĩa đóng ở sáu doanh trại. Xét về tính chất, những đội quân nông dân này gồm nhiều loại người. Phe cách mạng - phe của Muyn-txơ - ở nơi nào cũng chiếm thiểu số. Tuy nhiên, ở đâu đâu nó cũng là hạt nhân và là chỗ dựa của các doanh trại nông dân. Quần chúng nông dân lúc nào cũng sẵn sàng thỏa hiệp với các lãnh chúa, miễn là các lãnh chúa đảm bảo với họ là sẽ có những nhượng bộ mà họ hy vọng giành giật được bằng thái độ đe dọa của họ. Ngoài ra, khi sự việc kéo dài và những đội quân của các vương công kéo đến, thì chiến tranh trở thành gánh nặng đối với nông dân, và những người trong số họ còn có chút gì sợ mất thì phần nhiều đều bỏ về nhà. Thêm vào đó, lại có đám quần chúng vô sản - lưu manh, du đãng đến gia nhập các đội quân nông dân, bọn này phá rối kỷ luật, làm rệu rã tinh thần nông dân, và thường bỏ đi cũng dễ dàng như khi kéo đến. Chỉ điều đó cũng đủ để giải thích tại sao lúc đầu các đội quân nông dân ở chỗ nào cũng chỉ giữ thế thủ, tại sao trong các doanh trại họ sa sút tinh thần, và tại sao, chưa nói gì đến sự thua kém về chiến thuật của họ và việc thiếu người chỉ huy giỏi, họ không thể nào sánh được với những đội quân của các vương công.

Ngay khi các đội quân tập hợp lại, công tước Un-rích cùng những đội quân do ông tuyển mộ được và một số nông dân miền Hê-gau rời Hô-hen-tơ-vin tiến vào Vuyếc-tem-béc. Liên minh Sva-ben

nhất định sẽ bị thất bại nếu như nông dân, từ hướng khác, cũng tấn công vào các đội quân của Tơ-ru-khơ-dét ở Van-đơ-buốc. Nhưng cái lối hoàn toàn giữ thế thủ của các đội quân nông dân đã để cho Tơ-ru-khơ-dét nhanh chóng ký kết đình chiến được với nông dân miền Ban-tơ-rinh-ghen, miền An-gôi và miền ven hồ, mở được những cuộc đàm phán với họ và ấn định được thời hạn giải quyết dứt khoát công việc vào ngày chủ nhật Judica (ngày 2 tháng Tư)[244]. Trong thời gian đó, hắn đã có thể tiến đánh công tước Un-rích, chiếm Stút-gát, và ngay từ ngày 17 tháng Ba, buộc công tước lại phải rời bỏ Vuyếc-tem-béc. Sau đó hắn quay lại chống nông dân, nhưng ngay trong đội quân của hắn lại nổ ra một cuộc nổi loạn của bọn lính đánh thuê, bọn này từ chối không chịu tiến đánh nông dân. Nhưng Tơ-ru-khơ-dét dẹp yên được bọn nổi loạn trong quân đội và tiến về Un-mơ, nơi tập hợp quân tiếp viện mới. Hắn để lại vùng Kiếc-ha-im ở sông Tếch một trại quan sát.

Liên minh Sva-ben, rốt cuộc đã được rảnh tay và đã tập hợp được số quân đầu tiên của mình, giờ đây bèn vứt bỏ mặt nạ và tuyên bố "kiên quyết ngăn chặn - bằng vũ khí trong tay, với sự phù hộ của Thượng đế, - mọi hành động mà nông dân dám tự ý tiến hành"[245].

Trong khi đó nông dân vẫn nghiêm chỉnh tuân theo các điều khoản đình chiến. Họ đã đưa ra những yêu sách của họ, tức "*Mười hai điều khoản*" nổi tiếng, cho cuộc thương lượng ấn định vào ngày chủ nhật Judica. Họ đòi các giáo khu được quyền bầu cử và bãi miễn các mục sư của mình, bãi bỏ thuế tiểu thập phân và sử dụng, - sau khi đã trả lương cho các linh mục, - thuế đại thập phân[246] vào những mục đích công ích, thủ tiêu chế độ nông nô, quyền săn bắn và bắt cá, bãi bỏ thuế tử vong, giảm xuống một mức độ nhất định các thứ tạp dịch, thuế má và đảm phụ quá nặng, hoàn lại những rừng rú, đồng cỏ và những đặc quyền đặc lợi đã đoạt của các giáo khu và tư nhân bằng bạo lực, xóa bỏ hiện tượng độc đoán tùy tiện trong việc xét xử và cai trị. Như chúng ta thấy, phái ôn hòa, thỏa hiệp, còn chiếm ưu thế rất lớn

trong các đội quân nông dân. Ngay trước đấy phái cách mạng đã đưa ra trong bức "*Khoản thư*" cương lĩnh của mình. Bức thư ngỏ đó gửi cho tất cả các giáo khu nông dân, kêu gọi họ gia nhập "liên minh Cơ Đốc giáo và hội ái hữu" để thủ tiêu tất cả các gánh nặng, hoặc bằng việc thiện, mà "điều đó chắc sẽ không thể có được", hoặc bằng bạo lực, và đe dọa "rút phép thông công" những kẻ ngoan cố, nghĩa là khai trừ ra khỏi hội và cắt đứt mọi quan hệ với những thành viên của liên minh. Tất cả các lâu đài, tu viện và nhà thờ cũng sẽ bị rút phép thông công, trừ phi quý tộc, giáo sĩ và thầy tu tự nguyện rời bỏ các nơi đó đến ở tại các nhà thường như mọi người và gia nhập liên minh Cơ Đốc giáo. - Như vậy, trong bản tuyên ngôn cấp tiến đó - rõ ràng là được thảo ra *trước* khi cuộc khởi nghĩa mùa xuân năm 1525 nổ ra - vấn đề trước hết là làm cách mạng, là chiến thắng hoàn toàn các giai cấp còn đang thống trị, còn điểm nói về "rút phép thông công" chỉ có nghĩa là phải giết những kẻ áp bức và những kẻ phản bội, phải thiêu hủy những lâu đài, phải tịch thu những tu viện và nhà thờ, và phải biến những vật báu của chúng thành tiền mặt.

Nhưng trước khi nông dân kịp trao cho các trọng tài được chỉ định mười hai điều khoản của họ thì họ nhận được tin là Liên minh Sva-ben đã vi phạm hiệp nghị và quân đội đã kéo tới gần. Họ lập tức thi hành ngay những biện pháp cần thiết. Một đại hội chung nông dân các miền An-gôi, Ban-tơ-rinh-ghen và vùng ven hồ được triệu tập ở Gai-xbôi-ren. Bốn đội quân hợp nhất làm một và lập thành bốn đạo quân mới; người ta quyết định tịch thu tài sản của giáo hội, bán những đồ châu báu của giáo hội sung vào quỹ chiến tranh và thiêu hủy các lâu đài. Như vậy, bên cạnh mười hai điều khoản chính thức, bức "Khoản thư" đã trở thành quy tắc để lãnh đạo chiến tranh, và ngày chủ nhật Judica, - định lấy làm ngày ký kết hòa bình, - thì nay trở thành ngày *tổng khởi nghĩa*.

Sự náo động ngày càng tăng ở khắp nơi, những cuộc xung đột địa phương liên tục giữa nông dân với quý tộc, tin về cuộc khởi nghĩa miền Svác-xvan-đơ tiến triển đã sáu tháng nay và lan rộng

tới sông Đa-nuýp và sông Lê-khơ, - tất cả mọi điều đó đủ để giải thích vì sao một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra kế tiếp nhau đã bao trùm hai phần ba nước Đức. Bản thân việc tất cả các cuộc khởi nghĩa riêng lẻ nổ ra cùng một lúc chứng tỏ rằng đứng đầu phong trào là những người đã thông qua các phái viên giáo phái tái tẩy lễ hoặc những phái viên khác mà tổ chức nó từ trước. Ở Vuyếc-tem-béc, miền Hạ Nếch-ca, Ô-đen-van, miền Hạ và miền Trung Phran-cô-ni, những vụ bạo động đã nổ ra ngay từ nửa cuối tháng Ba, nhưng vì ngày tổng khởi nghĩa được ấn định từ trước ở khắp nơi là ngày 2 tháng Tư, ngày chủ nhật Judica, cho nên trong tuần lễ đầu tháng Tư khắp nơi xảy ra những trận quyết định của cuộc khởi nghĩa của đông đảo quần chúng. Nông dân An-gôi, Hê-gau, và vùng ven hồ cũng vậy, họ kéo chuông cấp báo và triệu tập hội nghị quần chúng, ngày 1 tháng Tư, họ kêu gọi tất cả đàn ông có khả năng cầm vũ khí ra trận, và cùng với nông dân Ban-tơ-rinh-ghen, họ mở những cuộc tấn công vào các lâu đài và tu viện.

Ở *Phran-cô-ni*, nơi mà phong trào tập trung xung quanh sáu trung tâm chính, thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở khắp nơi vào những ngày đầu tháng Tư. Gần thời gian đó, ở *Nuếch-lin-ghen*, người ta đã thiết lập được hai doanh trại của nông dân, nhờ đó phe cách mạng của thành phố, do *An-tôn Phoóc-nơ* lãnh đạo, đã chiến thắng, đưa Phoóc-nơ lên làm thị trưởng và liên kết được thành thị với nông dân. Ở *An-xbắc*, nông dân nổi lên khắp nơi từ ngày 1 đến ngày 7 tháng Tư; từ đó cuộc khởi nghĩa lan rộng đến tận Ba-vi-e. Trong miền *Rô-ten-buốc*, nông dân đã cầm vũ khí từ ngày 22 tháng Ba; ở thành phố Rô-ten-buốc, tiểu tư sản và bình dân, do *Xtê-phan phôn Men-xin-ghen* lãnh đạo, đã lật đổ chính quyền của quý tộc thành thị vào ngày 27 tháng Ba; nhưng vì ở đây thuế của nông dân đóng lại là nguồn thu nhập chủ yếu của thành phố, nên chính phủ mới cũng có một thái độ rất lưỡng lự và rất mập mờ đối với nông dân. Trong địa phận giáo hội *Vuyếc-xbuốc*[247] nông dân và các thành thị nhỏ nổi lên từ đầu tháng Tư, và ở địa phận giám mục *Băm-béc-gơ* trong 5 ngày cuộc

tổng khởi nghĩa đã buộc được giám mục phải nhượng bộ. Sau hết, ở miền Bắc, tại biên giới xứ Thuy-rinh-ghen, hình thành một doanh trại lớn là *doanh trại của nông dân Bin-hoi-den*.

Ở *Ô-đen-van*, nơi mà *Ven-đen Híp-le*, một nhà quý tộc, nguyên là thủ tướng của các bá tước ở Hô-hen-lô-e, và *Ghê-oóc Mét-xlơ*, chủ quán ở Ba-le-béc, gần Crau-tơ-hai-mơ, đứng đầu phái cách mạng, cơn bão táp nổ ra từ ngày 26 tháng Ba. Nông dân từ phía kéo về Thau-be; 2000 người thuộc doanh trại đóng ở Rô-ten-buốc cũng nhập với họ. Ghê-oóc Mét-xlơ chỉ huy quân khởi nghĩa; ngày 4 tháng Tư, sau khi các toán viện binh tới, ông tiến đánh tu viện Suên-tan, trên sông I-ắc-xtơ, tại đây *nông dân lưu vực sông Nếch-ca* đã sáp nhập vào quân đội của ông. Đoàn nông dân này do *I-ê-clanh Rô-bách*, chủ quán ở Buếc-kinh-ghen gần Hai-brôn, chỉ huy, nổi lên khởi nghĩa vào ngày chủ nhật Judica ở Phlê-in, ở Dôn-tơ-hai-mơ và những nơi khác, trong khi Ven-đen Híp-le, cùng một toán những người âm mưu đột chiếm Ê-rinh-ghen và thu hút được nông dân các vùng lân cận vào phong trào. Ở Suên-tan, hai đạo quân nông dân hợp nhất lại thành *Minh đoàn*, thừa nhận mười hai điều khoản và tổ chức nhiều đợt tấn công vào các lâu đài và tu viện. Minh đoàn gồm tới 8000 người, có súng đại bác và 3000 súng hỏa mai. *Phlo-ri-an Gây-ơ*, một hiệp sĩ xứ Gây-ơ Phlo-ri-an, cũng nhập với họ và thành lập Hắc đoàn, một đội quân tinh nhuệ, chủ yếu là tuyển mộ trong hàng ngũ dân binh của Rô-ten-buốc và Ê-rinh-ghen.

Một viên quan địa phương ở Nếch-ca-xun-mơ, người xứ Vuyếc-tem-béc, bá tước Lút-vích phôn Hen-phen-stanh đã mở màn chiến sự. Hắn ra lệnh hành hình ngay tất cả những nông dân sa vào tay hắn. Minh đoàn tiến về phía hắn. Những cuộc tàn sát nói trên của bá tước Lút-vích cùng với tin mới nhận được về sự thất bại của đội quân Lai-pơ-hai-mơ, về vụ xử tử I-a-cốp Vê-ơ và những hành động tàn bạo của Tơ-ru-khơ-dét khiến nông dân căm phẫn. Họ tấn công bá tước Hen-phen-stanh đang ẩn náu ở Vây-xbéc. Phlo-ri-an Gây-ơ tiến công đánh chiếm lâu đài; sau một trận chiến

đấu kéo dài, thành phố cũng bị chiếm; bá tước Lút-vích cùng với vài hiệp sĩ bị bắt sống. Ngày hôm sau, 17 tháng Tư, I-ê-clanh Rô-bách cùng với một số người kiên quyết nhất của đơn vị đưa bọn tù binh ra xử và đem hành hình mười bốn người trong bọn đó cùng với kẻ cầm đầu là Hen-phen-stanh, bắt chúng phải chịu một cái chết nhục nhã nhất: đâm bằng giáo. Việc I-ê-clanh chiếm được Vây-xbéc và trả thù một cách khủng khiếp tên bá tước Hen-phen-stanh không khỏi tác động vào bọn quý tộc. Các bá tước ở Luê-ven-stai-nơ gia nhập liên minh nông dân; còn các bá tước ở Hô-hen-lô-e đã gia nhập từ trước, nhưng từ trước đến giờ chưa từng tiếp viện gì cả, thì nay gửi ngay đến súng đạn đại bác và thuốc súng theo yêu cầu trước đây.

Các thủ lĩnh nông dân hội ý xem có nên chọn Gơ-xơ phôn Béc-li-sinh-ghen làm chỉ huy tối cao không, "vì hắn có thể lôi kéo quý tộc đứng về phía nông dân". Ý kiến đề xuất được hoan nghênh; nhưng Phlo-ri-an Gây-ơ, nhận thấy bước đầu của sự phản động trong tâm trạng đó của nông dân và các thủ lĩnh của họ, bèn tách Hắc đoàn của mình rời bỏ Minh đoàn, hành động theo ý riêng, trước tiên đi khắp miền Nếch-ca, rồi miền Vuyếc-xbuốc và phá phách tất cả những lâu đài và các ổ giáo sĩ trên đường đi.

Bộ phận còn lại của đoàn quân trước hết tiến vào Hai-brôn. Trong thành phố đế chế tự do hùng mạnh đó, cũng như ở hầu hết mọi nơi, bọn quý tộc thành thị vấp phải sự chống đối của thị dân và của phe cách mạng. Phe cách mạng, bí mật thỏa hiệp với nông dân, ngày 17 tháng Tư, nhân một sự lộn xộn, đã mở cửa thành phố cho Ghê-oóc Mét-xlơ và I-ê-clanh Rô-bách. Các lãnh tụ nông dân cùng với người của mình chiếm đóng thành phố, sau khi thành phố gia nhập hội, nộp 1200 gun-đen và cử ra một đội quân tình nguyện nho nhỏ. Chỉ có tài sản của giới tu sĩ và các lãnh địa của những huân tước thượng cấp thuộc hội tăng lữ Tơ-tông[248] là bị cướp phá. Ngày 22 tháng Tư, nông dân rời thành phố, để lại một đơn vị đồn trú nhỏ. Hai-brôn trở thành trung tâm của những đội quân khác nhau. Và thực tế, họ cử đại biểu

tới đó để thảo luận về những hành động chung và yêu sách chung của nông dân. Nhưng phe thị dân đối lập và quý tộc thành thị - bọn này, từ khi nông dân tới, đã câu kết với thị dân - đã lại giành được ưu thế trong thành phố, bắt đầu cản trở mọi hành động cương quyết và chỉ còn chờ quân của các vương công đến gần là dứt khoát sẽ phản bội nông dân.

Nông dân tiến về Ô-đen-van. Ngày 24 tháng Tư, Gơ-xơ phôn Béc-li-sinh-ghen, mấy hôm trước đã tỏ ý - thoạt đầu là với tuyển đế hầu xứ Pphan-xơ, rồi với nông dân, rồi lại với tuyển đế hầu - sẵn sàng giúp đỡ, đã buộc phải gia nhập hội tân giáo và nhận chỉ huy Minh đoàn *chói lọi* (gọi như vậy để đối lại với *Hắc* đoàn của Phlo-ri-an Gây-ơ). Nhưng đồng thời hắn lại bị nông dân giam lỏng, nghi ngờ theo dõi từng hành động của hắn và đặt hắn phụ thuộc vào hội đồng các thủ lĩnh, nếu không có ý kiến của hội đồng này thì hắn không được làm gì cả. Gơ-xơ và Mét-xlơ, giờ đây cùng đại bộ phận nông dân, tiến qua Bu-khen, về A-moóc-bác, nơi họ lưu lại từ ngày 30 tháng Tư đến ngày 5 tháng Năm, và phát động khởi nghĩa ở khắp vùng Mai-nơ. Quý tộc khắp nơi bắt buộc phải gia nhập theo nông dân để cứu vãn lâu đài của chúng; chỉ có các tu viện là bị thiêu hủy và bị cướp phá. Đội quân càng ngày càng mất tinh thần một cách rõ rệt; những người hăng hái nhất đã bỏ đi với Phlo-ri-an Gây-ơ hoặc với I-ê-clanh Rô-bách vì ông này cũng đã tách ra sau khi chiếm được Hai-brôn, hiển nhiên là sau khi đã xử tên bá tước Hen-phen-stanh, ông thấy không còn có thể ở lâu được trong một đội quân đang muốn thỏa hiệp với tầng lớp quý tộc. Cái khuynh hướng rõ rệt muốn thỏa hiệp với quý tộc này bản thân nó đã là dấu hiệu mất tinh thần. Ít lâu sau, Ven-đen Híp-le đưa ra một kế hoạch rất hợp lý để cải tổ đội quân: ông khuyên nên tuyển mộ những quân lính đánh thuê hằng ngày đến xin việc và bỏ chế độ hiện hành là hằng tháng thải hồi những chi đội cũ và tuyển mộ những chi đội mới, mà giữ lại những người ở trong quân đội và đã được huấn luyện ở trình độ nhất định. Nhưng hội nghị của giáo đoàn đã bác bỏ cả hai đề nghị ấy; nông dân đã trở nên tự kiêu và bắt đầu thấy chiến tranh

là một cuộc hành quân để cướp bóc thu chiến lợi phẩm, cho nên họ không thích gì sự cạnh tranh của quân lính đánh thuê và, mặt khác, họ còn muốn được tự do trở về nhà sau khi đã vơ vét đầy túi. Ở A-moóc-bác, tình hình thậm chí còn đi tới chỗ là viên ủy viên hội đồng thành phố Hai-brôn là Han-xơ Béc-lin đã buộc được các thủ lĩnh và các cố vấn của đoàn quân chấp nhận bản "Tuyên bố mười hai điều khoản", một văn kiện mà những điểm gay gắt của mười hai điều khoản đã bị xoa dịu đi và gán cho nông dân lời lẽ của những kẻ cầu xin hèn hạ. Nhưng lần này thì thật là quá lắm đối với nông dân; họ la lối bác bỏ bản "Tuyên bố" và đòi giữ kỳ được văn bản đầu tiên về các điều khoản.

Trong thời gian đó, tại địa phận giám mục Vuyếc-xbuốc đã diễn ra một bước ngoặt quyết định trong tiến trình các sự kiện. Giám mục, lần khởi nghĩa đầu tiên của nông dân vào đầu tháng Tư, đã trốn vào pháo đài của hắn ở Phrau-en-béc, gần Vuyếc-xbuốc, và gửi thư đi tứ phương kêu gọi giúp đỡ nhưng vô hiệu, rốt cuộc đã buộc phải tạm thời nhượng bộ. Ngày 2 tháng Năm, hắn triệu tập nghị viện có cả đại biểu nông dân tham gia. Nhưng chưa đi tới một kết quả gì thì người ta đã bắt được những thư từ chứng tỏ giám mục có âm mưu phản bội. Nghị viện lập tức giải tán và chiến sự bắt đầu giữa một bên là thị dân và nông dân khởi nghĩa và một bên là những đội quân của giám mục. Bản thân giám mục bỏ chạy sang Hai-đen-béc ngày 5 tháng Năm. Ngay ngày hôm sau, Phlo-ri-an Gây-ơ dẫn Hắc đoàn của mình tới Vuyếc-xbuốc, cùng với ông ta là *đội quân Phran-cô-ni miền Thau-be* gồm nông dân các miền Méc-ghen-tơ-hai-mơ, Rô-ten-buốc và An-xbắc. Ngày 7 tháng Năm, Gơ-xơ phôn Béc-li-sinh-ghen tới, dẫn đầu "Minh đoàn chói lọi", và cuộc bao vây lâu đài Phrau-en-béc bắt đầu.

Tại Li-puốc-gơ và các vùng En-van-ghen và Ha-lơ, vào cuối tháng Ba và đầu tháng Tư, một đội quân khác nữa được thành lập: đội quân *Ga-in-đoóc-phơ* hay còn gọi là *Minh đoàn bình thường*. Đội quân này hoạt động rất mạnh, phát động khởi nghĩa ở khắp vùng, thiêu hủy một số lớn tu viện và lâu đài, trong đó

có lâu đài Hô-hen-stau-phen, bắt buộc tất cả nông dân phải theo đội quân và cưỡng bách tất cả quý tộc, thậm chí cả những người tiến tửu của hoàng đế ở Lim-puốc-cơ, phải gia nhập hội ái hữu Cơ Đốc giáo. Vào đầu tháng Năm, đội quân đã đột nhập vào Vuyếc-tem-béc, nhưng buộc phải rút lui. Chủ nghĩa bản vị Đức là kết quả của việc chia nước Đức thành những quốc gia nhỏ, không cho phép, vào hồi đó cũng như vào năm 1848, hành động chung giữa những người cách mạng thuộc các quốc gia khác nhau. Đội quân Ga-in-đoóc-phơ hoạt động giới hạn trong một địa hạt nhỏ, tất không tránh khỏi phải tan rã, sau khi quân khởi nghĩa đã đập tan mọi sự kháng cự trong địa hạt ấy. Họ ký kết một hiệp nghị với thành phố Gmuyn-đơ, và giải tán, chỉ để lại ở đó một đội gồm 500 nông dân có vũ trang.

Tại *Pphan-xơ*, các đội quân nông dân được thành lập vào cuối tháng Tư ở hai bên bờ sông Ranh. Các đội ấy phá hủy nhiều lâu đài và tu viện, và ngày 1 tháng Năm đã chiếm được Noi-stát nằm trên cao nguyên Ha-ác-tơ, sau khi nông dân Bru-khrây đã từ bỏ bên kia sông vượt sang từ hôm trước và đã buộc Spây-ơ phải ký kết một hiệp nghị. Tên thống chế phôn Ha-bốc chỉ nắm được một đội quân nhỏ của tuyển đế hầu, không thể làm gì chống lại nông dân khởi nghĩa, và bởi vậy ngày 10 tháng Năm tên tuyển đế hầu bắt buộc phải ký kết với họ một hiệp ước bảo đảm với họ là sẽ triệu tập nghị viện để làm giảm nhẹ những đóng góp nặng nề của họ.

Sau hết, ở *Vuyếc-tem-béc*, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra sớm hơn ở một số vùng riêng lẻ. Ở cao nguyên U-rác, nông dân đã thành lập từ tháng Hai một liên minh chống giáo sĩ và lãnh chúa, và cuối tháng Ba thì nông dân ở Blau-bôi-ren, U-rác, Muyn-đinh-ghen, Ba-linh-ghen và Rô-đen-ghen-đơ đã nổi dậy. Nông dân Ga-in-đoóc-phơ nổi lên ở Guếp-pinh-ghen trên địa phận Vuyếc-tem-béc, I-ê-clanh Rô-bách đột nhập Brác-ken-hai-mơ, những tàn quân của đoàn Lai-pơ-hai-mơ bị đánh bại lại nổi lên ở Pphu-lin-ghen; họ đã phát động cả nông dân nổi dậy. Nhiều cuộc nổi dậy nghiêm trọng cũng

đã bắt đầu nổ ra ở những miền khác. Ngay từ ngày 6 tháng Tư, Pphu-lin-ghen đã phải đầu hàng nông dân. Chính phủ của đại công tước Áo lâm vào một tình thế vô cùng khó khăn lúng túng. Nó hoàn toàn không có tiền và có rất ít quân. Các thành phố và các lâu đài ở trong tình thế hết sức khốn đốn: không có quân đồn trú và cũng không có đạn dược. Ngay cả A-xpéc-gơ cũng hầu như không được phòng thủ.

Mưu toan của chính phủ định tập hợp lực lượng dân vệ của các thành thị để điều họ chống lại nông dân đã lập tức đưa tới sự thất bại của chính phủ. Ngày 16 tháng Tư, dân vệ của Bốt-va không chịu tấn công, và đáng lẽ tiến đến Stút-gát thì lại hướng về Vun-nen-stai-nơ, gần Bốt-va[1*], tạo thành ở đó hạt nhân của một doanh trại phát triển nhanh chóng gồm những nông dân và thị dân. Cũng ngày hôm đó, khởi nghĩa nổ ra ở Xa-béc-gôi; tu viện Ma-un-brôn bị cướp phá; một loạt tu viện và lâu đài khác bị phá hủy hoàn toàn. Từ miền Bru-khrây lân cận, các toán viện binh kéo tới giúp nông dân.

Cầm đầu đội quân tập hợp ở Vun-nen-stai-nơ là ***Ma-téc-nơ Phoi-ơ-bắc-khơ***, uỷ viên hội đồng thành phố Bốt-va, một trong những thủ lĩnh của phái đối lập của thị dân, nhưng ông ta có nhiều dính líu với phong trào đến mức là phải đi với nông dân. Tuy vậy ông vẫn luôn giữ thái độ ôn hòa, ngăn cản việc áp dụng những yêu sách của bức "Khoản thư" đối với các lâu đài, và lúc nào cũng cố gắng đóng vai trò trung gian giữa nông dân và thị dân ôn hòa. Ông ta ngăn cản nông dân Vuyếc-tem-béc hợp nhất với Minh đoàn chói lọi; và sau đó chính ông đã thúc đẩy nông dân Ga-ni-đoóc-phơ rút khỏi Vuyếc-tem-béc. Vì những khuynh hướng thị dân của ông nên ngày 19 tháng Tư ông đã bị bãi chức, nhưng ngay hôm sau lại được cử làm chỉ huy. Ông được coi là một nhân vật không thể thay thế được; thậm chí khi I-ê-clanh Rô-bách, ngày 22, dẫn đầu 200 người kiên quyết đến hợp nhất với đội quân Vuyếc-tem-béc, vẫn phải để ông tại chức, đành chỉ

1* Cũng chính là Gơ-rô-xơ - Bốt-va.

giám sát hành động của ông một cách chặt chẽ mà thôi.

Ngày 18 tháng Tư, chính phủ tìm cách thương lượng với nông dân đóng ở Vun-nen-stai-nơ. Nông dân đòi chính phủ phải chấp nhận mười hai điều khoản, điều mà đương nhiên là những người được ủy quyền của chính phủ không thể nhận lời được. Đội quân bèn bắt đầu hành động. Ngày 20, đội ở Lau-phen, nơi mà những đề nghị của đại biểu chính phủ bị bác bỏ lần cuối cùng. Ngày 22, đội gồm 6000 người tới đóng ở Bi-tích-hai-mơ và đe dọa Stút-gát. Đa số ủy viên hội đồng Stút-gát đã tháo chạy, và một ủy ban thị dân được đặt ra để nắm chính quyền. Thị dân ở đó, cũng như ở khắp các nơi khác, phân chia thành hai phái: quý tộc thành thị, phái đối lập của thị dân và bình dân cách mạng. Ngày 25 tháng Tư, bình dân cách mạng mở cửa thành phố cho nông dân, và Stút-gát lập tức bị chiếm ngay. Việc tổ chức *Minh đoàn Cơ Đốc giáo* - từ nay là tên gọi của những người Vuyếc-tem-béc khởi nghĩa - rốt cuộc đã được thực hiện; lương bổng, việc phân chia chiến lợi phẩm và việc tiếp tế đã được quy định một cách dứt khoát, v.v.. Một toán nhỏ người thành phố Stút-gát do Tuê-xơ Ghéc-bơ chỉ huy, đã nhập với nông dân.

Ngày 29 tháng Tư, Phoi-ơ-bắc-khơ dẫn đầu toàn đội quân của mình tiến đánh những người Ga-in-đoóc-phơ đã xâm nhập vào miền Vuyếc-tem-béc tới tận Soóc-nơ-đoóc-phơ; Phoi-ơ-bắc-khơ liên kết được cả vùng và do đó đã làm cho những người Ga-in-đoóc-phơ phải rút lui. Bằng cách đó, Phoi-ơ-bắc-khơ đã ngăn cản không cho các phần tử cách mạng trong đội của ông ta, do Rô-bách lãnh đạo, được tăng cường một cách đáng sợ, một sự tăng cường có thể xảy ra nếu có sự hợp nhất với những nông dân bất trị Ga-in-đoóc-phơ. Được tin Tơ-ru-khơ-dét sắp tới, Phoi-ơ-bắc-khơ từ Soóc-nơ-đoóc-phơ tiến đánh hắn và ngày 1 tháng Năm thì hạ trại ở Kiếc-ha-im bên sông Tếch.

Như vậy, chúng ta đã diễn tả sự phát sinh và phát triển của cuộc khởi nghĩa ở cái phần nước Đức mà chúng ta phải coi là địa bàn hoạt động của nhóm thứ nhất trong các đội quân nông

dân. Trước khi nói tới các nhóm khác (ở Thuy-rinh-ghen và ở Hét-xen, An-đa-xơ, Áo và An-pơ), chúng ta phải xem lại cuộc hành quân của Tơ-ru-khơ-dét trong quá trình đó, Tơ-ru-khơ-dét lúc đầu hành động đơn độc, sau được một số vương công và thành thị ủng hộ, hắn đã tiêu diệt được nhóm thứ nhất của những người khởi nghĩa.

Ở trên, chúng ta đã từ giã Tơ-ru-khơ-dét ở Un-mơ, nơi hắn đã trở lại vào cuối tháng Ba, sau khi để lại ở Kiếc-ha-im bên sông Tếch một đội quan sát do Đi-tơ-rích Spết chỉ huy. Đội quân của Tơ-ru-khơ-dét, sau khi được tăng cường bằng những toán quân của liên minh tập trung ở Un-mơ, có tới ngót 10000 người, trong đó có 7200 bộ binh - là đội quân duy nhất có thể dùng để tấn công nông dân. Quân tiếp viện đến Un-mơ rất chậm, phần vì những khó khăn trong việc tuyển mộ ở các nơi có khởi nghĩa, phần vì các chính phủ thiếu tiền, phần vì ở khắp nơi số ít quân đội có mặt lại cần thiết để bảo vệ các lâu đài và các thành thị hơn. Chúng ta đã thấy lực lượng quân sự của các vương công và thành thị không thuộc về Liên minh Sva-ben, ít ỏi như thế nào. Cho nên, tất cả đều phụ thuộc vào những thắng lợi của Ghê-oóc Tơ-ru-khơ-dét và quân đội đồng minh của hắn.

Tơ-ru-khơ-dét trước hết đánh vào *đội quân của Ban-tơ-rinh-ghen* khi đó đã bắt đầu tàn phá các lâu đài và tu viện ở vùng Rít. Nông dân, đã phải rút lui khi quân đội đồng minh tới gần, buộc phải rút khỏi vùng đầm lầy theo đường vòng, họ vượt sông Đa-nuýp và chạy vào các khe núi và rừng núi miền An-bơ Sva-ben. Tại đây, nơi kỵ binh và pháo binh - lực lượng chủ yếu của quân đội đồng minh đều bất lực - không làm gì được họ, Tơ-ru-khơ-dét thôi không đuổi theo họ nữa. Hắn quay lại chống nông dân Lai-pơ-hai-mơ; trong số này có 5000 người ở Lai-pơ-hai-mơ, 4000 ở Min-đen-tan và 6000 ở In-lơ-tít-xen; họ đã phát động khởi nghĩa trong toàn vùng, đã phá hủy các tu viện và lâu đài, và chuẩn bị dùng tất cả ba đạo quân để tiến đánh Un-mơ. Hình như ở đây nông dân cũng đã mất tinh thần đôi chút và sức chiến đấu của đoàn cũng

do đó mà bị hủy hoại, vì I-a-cốp Vê-ơ ngay từ đầu đã tìm cách thương lượng với Tơ-ru-khơ-dét. Nhưng tên này, giờ đây đã có đủ lực lượng quân sự, bác bỏ các cuộc đàm phán, ngày 4 tháng Tư đã tấn công vào bộ phận chủ chốt, của đội quân ở Lai-pơ-hai-mơ, và làm cho nó hoàn toàn tan rã. I-a-cốp Vê-ơ và Un-rích Suên, cùng với hai thủ lĩnh nông dân khác, bị bắt và bị chặt đầu; Lai-pơ-hai-mơ đầu hàng và sau mấy cuộc đột nhập ở các vùng lân cận, cả miền đều bị dẹp yên.

Một cuộc nổi loạn mới của lính đánh thuê do mãu cướp bóc và đòi lương phụ thêm, lại kìm chân Tơ-ru-khơ-dét cho đến ngày 10 tháng Tư. Sau đó hắn tiến về phía tây-nam, chống lại *những người Ban-tơ-rinh-ghen* khi đó đã đột nhập được vào những lãnh địa Van-đơ-buốc, Txai-lơ và Vôn-phéc và bao vây những lâu đài của hắn. Ở đó hắn chạm trán những lực lượng nông dân rời rạc và đã đánh tan họ thành từng mảng trong một số trận đánh vào những ngày 11 và 12 tháng Tư, do đó, đội quân Ban-tơ-rinh-ghen cũng hoàn toàn bị tan rã. Số còn lại, dưới sự chỉ huy của giáo sĩ Phlo-ri-an, rút về điểm đóng quân của *đội quân vùng ven hồ*. Giờ đây Tơ-ru-khơ-dét lại quay ra đánh đội quân này. Trong khi đó đội quân vùng ven hồ không những chỉ đánh những trận đột kích nhỏ mà còn buộc các thành phố Búc-hoóc-nơ (Phri-đrích-xha-phen) và Vôn-ma-tinh-ghen gia nhập hội; ngày 13 tháng Tư, đội quân họp đại hội đồng quân sự ở tu viện Da-lem và quyết định tiến đánh Tơ-ru-khơ-dét. Ngay lập tức, khắp nơi người ta kéo chuông cấp báo, và 10000 người, có thêm cả tàn quân của đội Ban-tơ-rinh-ghen, tập hợp ở doanh trại Béc-ma-tinh-ghen. Ngày 15 tháng Tư, nông dân đã chống trả thắng lợi tên Tơ-ru-khơ-dét, tên này không muốn thí mạng quân đội của hắn ở đây trong một trận quyết định, hắn cho rằng thà thương thuyết còn hơn, nhất là lại vừa được tin nông dân ở An-gôi và Hê-gau sắp tới. Vì vậy, ngày 17 tháng Tư, tại Vai-gác-ten, hắn ký kết với nông dân vùng ven hồ và nông dân Ban-tơ-rinh-ghen một hiệp nghị có vẻ khá thuận lợi cho nông dân, được họ thừa nhận mà không chút do dự. Hắn thậm chí còn đạt đến mức làm cho các đại biểu nông

dân miền Thượng và Hạ An-gôi cũng thừa nhận hiệp nghị ấy, và sau đó hắn rút quân về Vuyếc-tem-béc.

Mưu kế của Tơ-ru-khơ-dét đã cứu hắn thoát khỏi một thất bại chắc chắn. Nếu hắn không đánh lừa được những nông dân dao động, thiển cận, phần lớn đã mất tinh thần, cùng những thủ lĩnh hầu hết là bất lực, hèn nhát và dễ bị mua chuộc của họ, thì hắn và đội quân nhỏ bé của hắn đã bị khép chặt giữa bốn đạo quân ít nhất gộp lại cũng có từ 25 đến 30000 người, và nhất định là bị tiêu diệt rồi. Nhưng sự hẹp hòi thiển cận của những địch thủ của hắn - sự hẹp hòi thiển cận không thể tránh được trong quần chúng nông dân - đã giúp cho hắn thoát khỏi tay họ đúng vào lúc họ có thể chỉ giáng một đòn là kết thúc được toàn bộ cuộc chiến tranh, ít ra là ở miền Sva-ben và Phran-cô-ni. Nông dân vùng ven hồ hết sức tôn trọng hiệp nghị - rốt cuộc vì nó mà họ bị lừa một cách tàn nhẫn - đến nỗi về sau này họ đã cầm vũ khí chống lại chính đồng minh của họ là nông dân Hê-gau; còn nông dân An-gôi, bị các thủ lĩnh của mình lôi kéo vào cuộc câu kết phản bội, đã bác bỏ ngay hiệp nghị, nhưng trong khi đó Tơ-ru-khơ-dét đã thoát khỏi vòng nguy khốn.

Nông dân Hê-gau, tuy không ký kết hiệp nghị Vai-gác-ten, cũng đã đưa ra ngay sau đó một bằng chứng mới về tính thiển cận vô cùng địa phương và thói quê mùa ngang ngạnh, là nguyên nhân thất bại của toàn bộ Chiến tranh nông dân. Sau khi Tơ-ru-khơ-dét đã thương thuyết không có kết quả với họ và tiến về Vuyếc-tem-béc, họ đuổi theo hắn và luôn luôn ở bên sườn quân đội của hắn; nhưng họ không hề nghĩ đến việc hợp nhất với Minh đoàn Cơ Đốc giáo Vuyếc-tem-béc chỉ vì lý do nông dân Vuyếc-tem-béc và nông dân vùng sông Nếch-ca đã có lần từ chối không giúp họ. Vì vậy, khi Tơ-ru-khơ-dét đã đi khá xa xứ sở của họ, họ lặng lẽ quay trở lại và tiến về Phrây-buốc.

Chúng ta đã chia tay với những người Vuyếc-tem-béc do Ma-téc-nơ Phoi-ơ-bắc-khổ chỉ huy ở Kiếc-hai-mơ bên sông Tếch; đội quan sát của Tơ-ru-khơ-dét để lại cho Đi-tơ-rích Spết chỉ huy đã từ đó rút

về U-rác. Sau khi mưu toan chiếm U-rác bị thất bại, Phoi-ơ-bắc-khơ quay về Nuyếc-tinh-ghen và gửi thư yêu cầu các đội quân khởi nghĩa lân cận gửi viện binh tới để đánh một trận quyết định. Quả nhiên, ông ta nhận được rất nhiều quân tiếp viện của miền đồng bằng Vuyếc-tem-béc, cũng như của miền Gôi. Đặc biệt nông dân Gôi, sau khi nhập vào đám tàn quân Lai-pơ-hai-mơ rút chạy về phía tây Vuyếc-tem-béc, và đã phát động khởi nghĩa khắp miền thượng lưu sông Nếch-ca và cho tới Buê-blinh-ghen và Lê-ôn-béc, họ chia làm hai đạo quân hùng mạnh kéo tới, và ngày 5 tháng Năm thì hợp nhất ở Nuyếc-tinh-ghen với Phoi-ơ-bắc-khơ. Ghê-oóc Tơ-ru-khơ-dét vấp phải hai đạo quân hợp nhất ấy ở Buê-blinh-ghen. Quân số lực lượng pháo binh và trận địa dàn sẵn của họ đã làm cho hắn phải lúng túng; theo biện pháp quen thuộc của mình, hắn lập tức mở những cuộc thương thuyết với nông dân và ký kết đình chiến với họ. Bằng cách đó hắn vừa mới làm cho họ mất cảnh giác thì ngày 12 tháng Năm, *trong khi đình chiến* hắn bất ngờ tấn công họ và buộc họ phải đánh một trận quyết định. Nông dân chống cự lâu dài và dũng cảm, cho tới cuối cùng, Buê-blinh-ghen bị nộp cho Tơ-ru-khơ-dét do sự phản bội của thị dân ở thành phố đó. Cánh quân bên trái của nông dân vì vậy mất chỗ dựa, bị đánh lui và bị bao vây. Điều đó quyết định kết cục của trận chiến. Hàng ngũ của nông dân vô kỷ luật bị rối loạn và nhanh chóng chuyển thành cuộc bỏ chạy tán loạn. Tất cả những người nào không bị kỵ binh của đồng minh giết hoặc bắt làm tù binh thì đều vứt bỏ vũ khí và bỏ về nhà. Minh đoàn Cơ Đốc giáo hoàn toàn tan rã và cùng với nó, toàn bộ phong trào khởi nghĩa ở Vuyếc-tem-béc đã bị đè bẹp. Tuê-xơ Ghéc-bơ chạy trốn được sang Ét-xlinh-ghen, Phoi-ơ-bắc-khơ trốn sang Thụy Sĩ, I-ê-clanh Rô-bách bị bắt và bị xích giải đi Nếch-ca-gác-tác, tại đó, Tơ-ru-khơ-dét cho trói ông vào một cái cột, chất củi xung quanh và đốt lửa từ từ thiêu sống ông. Trong khi bản thân hắn, cùng các hiệp sĩ của hắn, uống rượu, thưởng thức khoái trá cảnh tượng hào hiệp ấy.

Từ Nếch-ca-gác-tác, Tơ-ru-khơ-dét đột nhập vào miền

Crai-khơ-gau để ủng hộ những hoạt động của tuyển dế hầu xứ Pphan-xơ. Tên này, trong thời gian đó đã tập hợp được quân đội, - khi được tin thắng lợi của Tơ-ru-khơ-dét, liền lập tức xé phăng hiệp nghị đã ký kết với nông dân, và ngày 23 tháng Năm, nhảy vào Brúc-dan, chiếm và thiêu hủy Man-sơ sau một cuộc chống cự ngoan cường, cướp phá một số làng và chiếm đóng Brúc-dan. Cùng lúc đó, Tơ-ru-khơ-dét chiếm được Ếp-pin-ghen và bắt sống thủ lĩnh phong trào ở đó là An-tôn Ai-den-hút; theo lệnh của tên tuyển dế hầu, An-tôn Ai-den-hút lập tức bị đem đi xử tử cùng với hàng chục thủ lĩnh nông dân khác. Miền Brúc-dan và Crai-khơ-gau như vậy là bị dẹp yên và buộc phải nộp một món bồi thường chiến tranh khoảng 40000 gun-den. Cả hai đội quân - của Tơ-ru-khơ-dét còn 6000 người sau những trận nói trên, và đội của tuyển dế hầu (6500 người) - hợp nhất lại và tiến đánh nông dân Ô-den-van.

Tin thất bại ở Buê-blinh-ghen làm cho quân khởi nghĩa ở khắp nơi kinh hoàng. Những thành thị đế chế tự do trước đây phải chịu sự bảo hộ gò ép của nông dân, nay bỗng cảm thấy thoải mái hơn. Hai-brôn là thành phố đầu tiên thực hiện một bước nhằm hòa giải với Liên minh Sva-ben. Hai-brôn là nơi đặt trụ sở văn phòng của nông dân và đại biểu của các đội quân khởi nghĩa khác nhau hội họp, thảo luận về những kiến nghị cần phải để đạt với hoàng đế và đế chế nhân danh toàn thể nông dân khởi nghĩa. Những cuộc hội nghị đó có sứ mệnh phải đem lại một kết quả chung có ý nghĩa đối với toàn thể nước Đức, lại một lần nữa chứng tỏ rằng không có một đẳng cấp nào, kể cả nông dân, đã trưởng thành để có thể xuất phát từ lập trường của chính mình và xây dựng lại toàn bộ trật tự nước Đức theo một kiểu mới. Người ta thấy rõ ngay là muốn đạt mục đích đó cần phải tranh thủ được quý tộc và nhất là thị dân. Vì vậy, vai trò lãnh đạo trong các cuộc thương lượng đó chuyển vào tay *Ven-đen Híp-le*. Trong tất cả các thủ lĩnh của phong trào, Ven-đen Híp-le hiểu tình hình lúc đó một cách đúng đắn hơn cả. Híp-le không phải là một nhà cách mạng có tầm mắt rộng như Muyn-txơ, cũng không phải là đại biểu của nông dân như Mét-xlơ hay Rô-bách.

Kinh nghiệm nhiều mặt về sự hiểu biết thực tế của ông về địa vị của các đẳng cấp đối với nhau không cho phép ông đại diện riêng cho lợi ích của một đẳng cấp nào đó trong số những đẳng cấp tham gia phong trào ngược lại lợi ích của các giai cấp khác. Cũng như Muyn-txơ - đại diện cho một giai cấp lúc đó đứng ở ngoài tất cả mọi mối liên hệ xã hội quan phương tồn tại cho đến nay và là mầm mống của giai cấp vô sản - đã linh cảm thấy chủ nghĩa cộng sản, Ven-đen Híp-le cũng vậy, có thể nói là đại diện cho sự hợp thành trung bình của tất cả những phần tử tiến bộ của dân tộc, cũng linh cảm thấy *xã hội tư sản hiện đại*. Thực ra những nguyên lý mà ông bảo vệ và những yêu sách mà ông đưa ra không phải là những cái đó có thể đạt được ngay, nhưng nó thể hiện, tuy có phần lý tưởng hóa đôi chút, những kết quả tất yếu của tình trạng xã hội phong kiến đang tan rã; và những nông dân nào đặt cho mình mục đích soạn ra những dự luật cho toàn bộ đế chế đều nhất định phải tán thành quan điểm đó. Vì thế cho nên sự tập trung mà nông dân đòi hỏi đã tìm được ở đây, tại Hai-brôn, một hình thái xác định hơn, mặc dầu là khác hẳn điều mà nông dân khái niệm. Chẳng hạn, sự tập trung được xác định rất rõ trong tất cả những gì có liên quan tới việc thiết lập sự thống nhất tiền tệ, đơn vị cân đo, bãi bỏ thuế quan trong nội địa, v.v., tóm lại, có liên quan tới những yêu sách đáp ứng lợi ích của thị dân nhiều hơn là của nông dân. Cho nên đối với quý tộc người ta đã có những nhượng bộ rất giống với chế độ chuộc lại hiện đại, những nhượng bộ rốt cuộc đã đưa đến kết quả là biến sở hữu ruộng đất phong kiến thành sở hữu tư sản. Tóm lại, một khi những yêu sách của nông dân được quy lại thành dự án "cải cách đế chế", thì những yêu sách này không tránh khỏi bị lệ thuộc, nếu không phải vào những yêu sách nhất thời, thì cũng vào những lợi ích cuối cùng của thị dân.

Trong khi ở Hai-brôn người ta còn đang thảo luận về cuộc cải cách đế chế, thì Han-xơ Béc-lin, tác giả bản "Tuyên bố mười hai điều khoản", đã tới gặp Tơ-ru-khơ-dét để nhân danh quý tộc thành thị và thị dân mở đầu cuộc thương thuyết về việc đầu hàng của

thành phố. Sự phản bội được những âm mưu phản động ngay trong thành phố ủng hộ; Ven-đen Híp-le và nông dân phải bỏ chạy. Híp-le chạy sang Vây-xbéc, ở đó ông định tập hợp tàn quân của nông dân Vuyếc-tem-béc và một số ít quân Ga-in-đoóc-phơ còn ở trong thế sẵn sàng chiến đấu. Nhưng việc tuyển đế hầu xứ Pphan-xơ và Tơ-ru-khơ-dét tiến gần đến buộc ông phải rời khỏi nơi đây, và ông phải chạy sang Vuyếc-xbuốc để phát động Minh đoàn chói lọi. Trong thời gian đó, các đội quân của đồng minh và của tuyển đế hầu đã chinh phục được toàn bộ miền Nếch-ca buộc nông dân lại tuyên thệ với lãnh chúa, đốt phá nhiều làng mạc, tàn sát và treo cổ tất cả những nông dân bỏ chạy bị sa vào tay chúng. Để trả thù việc giết bá tước Hen-phen-stanh, thành phố Vây-xbéc đã bị thiêu ra tro.

Trong khi đó, các đội quân nông dân tập hợp ở Vuyếc-xbuốc đã bao vây Phrau-en-béc; ngày 15 tháng Năm, trước khi mở được đột phá khẩu, họ đã cố mở một đợt công phá pháo đài rất dũng cảm nhưng không thành. 400 chiến sĩ ưu tú nhất, phần lớn thuộc đội quân của Phlo-ri-an Gây-ơ, đã chết hoặc bị thương trong các chiến hào. Hai hôm sau, ngày 17, Ven-đen Híp-le tới và triệu tập một hội đồng quân sự. Ông đề nghị chỉ nên để 4000 người ở Phrau-en-béc; còn với tất cả lực lượng chủ yếu gồm 20000 người thì nên thiết lập một doanh trại tại Crau-tơ-hai-mơ bên cạnh I-ắc-xtơ, ngay trước mặt Tơ-ru-khơ-dét; toàn bộ quân tiếp viện sẽ có thể tập trung tại đó. Kế hoạch rất hay, vì chỉ có tập trung toàn bộ lực lượng quân khởi nghĩa và dựa vào ưu thế về quân số thì mới có hy vọng thắng được quân đội của các vương công giờ đây mạnh tới 13000 người. Nhưng nông dân đã mất tinh thần và nản chí nhanh đến nỗi họ không còn có thể có được bất cứ một hành động kiên quyết nào nữa. Gơ-xơ phôn Béc-li-xinh-ghen lộ ngay mặt phản bội, hình như cũng đã góp phần không nhỏ vào việc ngăn giữ đội quân lại; như vậy kế hoạch của Híp-le đã không được thực hiện. Ngược lại, các đội quân vẫn bị phân tán như trước. Mãi đến ngày 23 tháng Năm Minh đoàn chói lọi mới khởi sự, sau khi được quân Phran-cô-ni hứa sẽ theo gót hết sức nhanh

chống. Ngày 26 tháng Năm tin báo về việc viên quan biên trấn[1*] đã khai chiến chống nông dân, làm cho đội quân nhỏ An-xbắc đang đóng tại Vuyếc-xbuốc phải quay về. Phần còn lại của đạo quân vây thành, cùng với Hắc đoàn của Phlo-ri-an Gây-ơ bố trận ở Hai-đinh-xphen-đơ, không xa Vuyếc-xbuốc.

Minh đoàn chói lọi tới Crau-tơ-hai-mơ ngày 24 tháng Năm trong một tình trạng kém sức chiến đấu. Ở đây, khi được biết trong khoảng thời gian đó các xã của họ đã tuyên thệ với Tơ-ru-khơ-dét, nhiều nông dân đã vin cớ đó mà quay trở về nhà. Đội quân tiếp tục tiến về Nếch-ca-xun-mơ và, ngày 28 tháng Năm, bắt đầu thương thuyết với Tơ-ru-khơ-dét. Đồng thời, người ta cử người chạy tin hỏa tốc đi gặp những người ở Phran-cô-ni, An-đa-xơ và nông dân miền Svác-xvan-đơ và Hê-gau để yêu cầu họ gửi ngay quân tiếp viện. Từ Nếch-ca-xun-mơ, Gơ-xơ quay về Ê-rinh-ghen. Đội quân ngày càng tan rã; bản thân Gơ-xơ phôn Béc-li-sinh-ghen cũng biến mất trong khi hành quân; hắn trở về nhà sau khi đã, thông qua một bạn chiến đấu cũ là Đi-tơ-rích Spết làm trung gian, điều đình với Tơ-ru-khơ-dét về việc hắn chạy sang phía Tơ-ru-khơ-dét. Ở Ê-rinh-ghen, do có tin đồn bậy rằng quân địch đã tiến đến gần nên quân chúng bỗng nhiên hoang mang và mất tinh thần, hết sức kinh hoảng, đội quân bỏ chạy tán loạn, và Mét-xlơ cùng Ven-đen Híp-le khó nhọc lắm mới giữ lại được khoảng 2000 người và lại đưa họ về Crau-tơ-hai-mơ. Trong lúc đó, dân binh Phran-cô-ni, gồm 5000 người, tiến đến. Nhưng vì đi đường vòng qua Luê-ven-sta-nơ để tới Ê-rinh-ghen theo lệnh của Gơ-xơ - rõ ràng là lệnh này đã ban ra với mục đích phản bội - nên không gặp được Minh đoàn và lại hướng tới Nếch-ca-xun-mơ. Thành phố nhỏ này, do vài đơn vị nhỏ của Minh đoàn chói lọi chiếm đóng, đang bị Tơ-ru-khơ-dét bao vây. Đội quân Phran-cô-ni tới vào ban đêm và nhìn thấy lửa trong doanh trại của quân đội đồng minh; nhưng những thủ lĩnh của đoàn không đủ can đảm để tấn công, và họ rút trở về Crau-tơ-hai-mơ, ở đây, rốt cuộc họ

1* Ca-đi-mia Bran-đen-buốc, làm chủ các công quốc Au-xbắc và Bai-rơi-tơ.

gặp tàn quân của Minh đoàn chói lọi. Không thấy quân cứu viện nào tới, ngày 29 tháng Năm Nếch-ca-xun-mơ đầu hàng quân đồng minh. Tơ-ru-khơ-dét cho hành hình ngay mười ba nông dân và đón đánh Minh đoàn trên đường đi, hắn cho đốt phá, cướp bóc và tàn sát hết thảy. Cuộc hành quân của hắn qua lưu vực sông Nếch-ca, sông Cô-khe và sông I-ác-xtơ, chỗ nào cũng được đánh dấu bằng những cảnh tro tàn và xác nông dân treo cổ trên cây.

Ở Crau-tơ-hai-mơ, quân đội đồng minh đuổi kịp những nông dân do bị Tơ-ru-khơ-dét đánh tạt sườn nên phải rút về Khê-ních-xhô-phen, trên sông Thau-be. Tại đây, với số lượng 8000 người và 32 khẩu đại bác, họ chiếm lĩnh trận địa. Tơ-ru-khơ-dét luồn qua những ngọn đồi và rừng tiến sát họ, cho quân bao vây, và ngày 2 tháng Sáu tấn công với ưu thế về quân số và một sức mạnh đến nỗi là nông dân, dù có nhiều đạo quân kháng cự hết sức ngoan cường đến tận đêm khuya, vẫn bị đánh bại hoàn toàn và bị tan tác. Ở đấy, cũng như ở các nơi khác, lực lượng kỵ binh của đồng minh, được gọi là "tử thần của nông dân", bao giờ cũng đóng vai trò chính trong việc tiêu diệt đội quân những người khởi nghĩa, nhảy xổ vào những nông dân đã bị rối loạn nao núng trước những loạt trọng pháo và súng hỏa mai và những đợt tấn công bằng giáo, đội kỵ binh đã đánh cho họ hoàn toàn tan tác và tiêu diệt dần từng người. Số phận của 300 thị dân tỉnh Khuê-ních-xhô-phen ở trong đội quân nông dân là bằng chứng nói rõ hơn hết Tơ-ru-khơ-dét và đội kỵ binh của hắn đã tiến hành một loại chiến tranh như thế nào. Trong các trận đánh, họ bị giết sạch, trừ có mười lăm người, và trong số mười lăm người này thì về sau lại thêm bốn người bị chặt đầu.

Sau khi đã thanh toán xong nông dân miền Ô-đen-van, miền lưu vực Nếch-ca và miền Hạ Phran-cô-ni như vậy, Tơ-ru-khơ-dét đã bình định được toàn bộ vùng lân cận bằng những cuộc tập kích ăn cướp, những vụ thiêu hủy cả làng và vô số vụ hành hình, và sau đó hắn tiến sang Vuyếc-xbuốc. Dọc đường, được tin đội

quân Phran-cô-ni thứ hai, dưới sự chỉ huy của Phlo-ri-an Gây-ơ và Grê-oóc phôn Buốc-Ben-hai-mơ, đang ở Dun-xđoóc-phơ, hắn liền lập tức đón đánh họ.

Từ khi tấn công vào Phrau-en-béc bị thất bại, Phlo-ri-an Gây-ơ chủ yếu bận đi vào thương thuyết với các vương công và các thành thị, đặc biệt với thành phố Rô-ten-buốc và với tên quan biên trấn Ca-đi-mia cầm quyền xứ An-xbắc, về việc họ gia nhập hội nông dân. Tin thất bại ở Khuê-ních-xhô-phen làm cho ông phải vội quay trở về. Cùng với đội quân của mình, ông hợp nhất với đội quân An-xbắc vừa mới được thành lập, do Grê-goóc phôn Buốc-Ben-hai-mơ đứng đầu. Tên quan biên trấn Ca-đi-mia, hành động theo kiểu Hô-hen-txô-léc chính tông, đã ngăn chặn được khởi nghĩa nông dân trong lãnh địa của hắn, hoặc bằng những lời hứa hẹn, hoặc bằng cách đe dọa là sẽ sử dụng lực lượng quân sự. Hắn giữ một thái độ hoàn toàn trung lập đối với tất cả các đội quân nông dân xa lạ chừng nào trong các đội này không còn một thần dân nào của đất An-xbắc; và hắn tìm mọi cách hướng căm thù của nông dân chủ yếu là vào những lãnh địa của giáo hội, rốt cục hy vọng làm giàu nhờ tịch thu những đất đai ấy. Đồng thời, hắn không ngừng tiếp tục tự vũ trang và chờ đợi thời cơ thuận lợi. Vừa được tin về trận đánh ở Buê-blinh-ghen, hắn đã lập tức khai chiến với nông dân khởi nghĩa, cướp bóc và thiêu hủy làng mạc của họ, cho treo cổ và tàn sát một số lớn. Nhưng nông dân đã nhanh chóng tập hợp lực lượng và dưới sự chỉ huy của Grê-goóc phôn Buốc-Ben-hai-mơ, đã đánh bại tên quan biên trấn ngày 29 tháng Năm ở Vin-đơ-xhai-mơ. Trong khi truy kích hắn, thì được tin cầu cứu của nông dân Ô-đen-van đang bị nguy khốn, họ bèn tiến ngay sang Hai-đinh-xphen-đơ, và từ đó, cùng với Phlo-ri-an Gây-ơ, họ lại trở lại Vuyếc-xbuốc (ngày 2 tháng Sáu). Vẫn chưa được tin gì của đội quân Ô-đen-van, họ để lại ở đấy 5000 nông dân, và cùng với 4000 người - còn lại bao nhiêu thì đã tản đi hết - họ đuổi theo những đội quân khác. Do những tin tức sai lầm về kết cục của trận đánh ở Khuê-ních-xhô-phen làm cho tin là đã được an toàn nên họ đã bị Tơ-ru-khơ-dét bất

ngờ tấn công ở *Dun-xđoóc-phơ*, và bị đánh tan tành. Như thường lệ, bọn kỵ binh và quân lính đánh thuê của Tơ-ru-khơ-dét đã tiến hành một cuộc tàn sát đẫm máu khủng khiếp. Phlo-ri-an Gây-ơ thu thập những tàn quân của Hắc đoàn của mình, cả thảy được 600 người, tiến sang làng In-gôn-stát. 200 người chiếm đóng nghĩa địa và nhà thờ, 400 chiếm lâu đài. Quân lính của tuyển đế hầu Pphan-xơ đuổi theo họ: một đạo quân 1200 người chiếm làng và đốt nhà thờ; người nào không bị lửa thiêu thì đều bị giết chết. Sau đó chúng mở được đột phá khẩu ở một bức tường đã hư nát của lâu đài và tìm cách đột kích vào. Hai lần bị nông dân nấp sau bức tường thứ hai ở bên trong đánh bật ra, chúng đã nã đại bác vào phá đổ tường và tấn công lâu đài thứ ba, lần này thì chúng thành công. Nửa số người của Phlo-ri-an Gây-ơ bị giết, bản thân Gây-ơ chạy thoát được cùng với 200 người còn sống sót. Nhưng ngay ngày hôm sau (ngày lễ thánh linh giáng lâm), chúng phát hiện được nơi ông lẩn trốn. Quân của Pphan-xơ vây khu rừng ông lẩn trốn, và tàn sát cả đội quân. Trong hai ngày đó, vẻn vẹn tất cả chỉ có 17 người bị bắt. Một lần nữa, Phlo-ri-an Gây-ơ lại chạy thoát cùng với mấy người can đảm nhất của ông và quay trở lại với nông dân Ga-in-đoóc-phơ; những nông dân này đã lại thành lập một đội quân đông tới 7000 người. Nhưng khi Gây-ơ tới nơi, ông thấy do ảnh hưởng của những tin tức thất bại từ tứ phía đưa tới nên một phần lớn đội quân này đã tan tác hết. Ông cố gắng tìm cách tập hợp những nông dân tản mát trong rừng, nhưng ông bị kẻ thù đánh úp ở Ha-lơ ngày 9 tháng Sáu và đã hy sinh trong chiến đấu.

Ngay sau chiến thắng ở Khuê-ních-xhô-phen, Tơ-ru-khơ-dét đã báo tin của mình cho những người bị vây ở Phrau-en-béc, rồi tiến về Vuyếc-xbuốc. Hội đồng thành phố này bí mật thông đồng với hắn, do đó quân đội đồng minh, ngay đêm 7 tháng Sáu, đã có thể bao vây được thành phố cùng với 5000 nông dân ở trong đó, và sáng hôm sau, nhờ có hội đồng thành phố cho mở cửa, đã tiến được vào Vuyếc-xbuốc không mất một viên đạn. Do sự phản bội của những thị dân "cao quý" ở Vuyếc-xbuốc, đội quân nông dân

cuối cùng của miền Phran-cô-ni bị giải giáp và tất cả các thủ lĩnh của đội bị bắt sống. Tơ-ru-khơ-dét lập tức ra lệnh đem chặt đầu 81 người. Các vương công xứ Phran-cô-ni: đích thân giám mục xứ Vuyếc-xbuốc, cả giám mục xứ Băm-béc-gơ và tên quan biên trấn xứ Bran-đen-buốc - An-xbắc lục tục kéo đến Vuyếc-xbuốc. Các lãnh chúa ấy chia nhau các chức vụ. Tơ-ru-khơ-dét cùng đi với giám mục xứ Băm-béc-gơ, tên này lập tức vi phạm bản hiệp định đã ký với nông dân và nộp xứ sở cho những bọn giết người và đốt nhà hung bạo trong quân đội đồng minh. Tên quan biên trấn Ca-đi-mia đã tàn phá chính xứ sở của hắn. Thai-ninh-ghen bị đốt cháy; nhiều làng mạc bị cướp bóc hoặc bị thiêu hủy; ngoài ra, tên quan biên trấn còn thiết lập ở mỗi thành thị một tòa án đẫm máu. Ở Noi-stát bên sông Ai-sơ, hắn ra lệnh chặt đầu 18 nông dân phiến loạn và ở Buy-ghen là 43 người. Từ đó, hắn tới Rô-ten-buốc, nơi mà quý tộc thành thị đã làm một cuộc chính biến phản cách mạng và bắt giam Xtê-phan phôn Men-xin-ghen. Tiểu thị dân và bình dân ở Rô-ten-buốc giờ đây phải trả một giá rất đắt cho thái độ rất đỗi mập mờ của họ đối với nông dân và vì tới phút cuối cùng đã từ chối mọi sự giúp đỡ cho nông dân, vì, do tính ích kỷ hẹp hòi địa phương thôi thúc, đã ra sức đè bẹp nghề thủ công nông thôn, làm lợi cho các phường hội thành thị, và chỉ khi bắt buộc mới bác bỏ những nguồn thu nhập của thành phố do những thuế má phong kiến đè lên nông dân mang lại. Tên quan biên trấn cho đem chặt đầu 16 người trong số họ, và dĩ nhiên, trước tiên là Men-xin-ghen. Giám mục xứ Vuyếc-xbuốc cũng đi khắp địa phận của mình theo kiểu đó, cướp bóc, chém giết và thiêu hủy. Trong cuộc chinh phạt thắng lợi của hắn, hắn đã sai hành hình 256 người nổi loạn và lúc trở về Vuyếc-xbuốc, hắn đã hoàn thành mỹ mãn chiến công của hắn với việc cho chặt đầu thêm 13 thị dân Vuyếc-xbuốc nữa.

Tại lãnh địa giám mục ở Ma-in-xơ, tên thống đốc giám mục Vin-hem Xtơ-ra-xbua đã lập lại được trật tự và không gặp sức phản kháng nào. Hắn chỉ đem xử tử có bốn người. Miền Rai-nơ-gau, - nơi cũng đã nổi dậy, nhưng tất cả đã trở về nhà từ lâu, - bị

em họ của Un-rích là Phrô-ven phôn Hút-ten tấn công; tên này đã "bình định" hoàn toàn miền đó sau khi đem xử tử 12 người cầm đầu. Ở Phran-phuốc, nơi cũng đã nổ ra nhiều cuộc cách mạng quan trọng, thì làn sóng bất mãn đã bị kìm lại trước hết bởi sự nhượng bộ của hội đồng, rồi sau bởi những đội quân được tuyển mộ. Tại miền Pphan-xơ thuộc sông Ranh, sau việc tuyển dế hầu vi phạm hiệp định đã ký, khoảng 8000 nông dân đã tập hợp lại, họ lại đốt phá các tu viện và lâu đài; song tổng giám mục xứ Tơ-ria đã cầu cứu thống chế phôn Ha-bốc và ngay từ ngày 23 tháng Sáu, nông dân đã bị đánh tan ở Pphét-đéc-xhai-mơ. Một loạt những biện pháp tàn bạo (chỉ riêng ở Pphét-đéc-xhai-mơ đã có 82 nông dân bị xử tử) và việc chiếm được Vây-xen-buốc ngày 7 tháng Bảy đã chấm dứt cuộc khởi nghĩa ở đây.

Trong tất cả các đội quân nông dân bây giờ chỉ còn hai đội là chưa bị đánh bại: đội Hê-gau - Svác-xvan-đơ và đội An-gôi. Đại công tước Phéc-ni-năng đã dùng mưu đối với cả hai đội. Cũng như tên quan biên trấn Ca-đi-mia và các vương công khác đã tìm cách lợi dụng cuộc khởi nghĩa để chiếm lấy đất đai và những công quốc thuộc giáo hội, tên đại công tước này cũng đã cố lợi dụng cuộc khởi nghĩa để khuyếch trương thanh thế của hoàng gia Áo. Hắn mở cuộc thương thuyết với Van-te Bắc, thủ lĩnh đội quân An-gôi và với Han-xơ Muy-lơ ở Bun-ghen-bác, người chỉ huy đội quân Hê-gau, nhằm thúc đẩy nông dân tán thành việc sáp nhập vào Áo; nhưng, dù là cả hai thủ lĩnh đều bị mua chuộc, chúng cũng không đạt được gì hơn là nông dân An-gôi ký kết đình chiến với đại công tước và giữ thái độ trung lập đối với Áo.

Trong khi rút khỏi Vuyếc-tem-béc, *nông dân Hê-gau* đã phá hủy một số lớn lâu đài và nhận được viện binh từ các lãnh địa của tên quan biên trấn xứ Ba-đen. Ngày 13 tháng Năm, họ tiến về Phrây-buốc, bắt đầu nã pháo vào đó ngày 18, và đến ngày 23 thì họ giương cờ kéo vào thành phố sau khi thành phố đã đầu hàng. Từ đó, họ tiến đánh Stốc-các và Ra-đôn-phơ-xen và tiến hành, trong một thời gian dài, một cuộc chiến tranh quy mô nhỏ

với những đội đồn trú của hai thành phố đó, nhưng vô hiệu. Cả hai thành phố này, cũng như tầng lớp quý tộc và các thành phố lân cận khác đã căn cứ vào hiệp ước Vai-gác-ten, cầu cứu nông dân vùng ven hồ và những người khởi nghĩa trước đây thuộc đội quân ven hồ, với quân số 5000 người, đã đứng lên chống lại chính đồng minh của họ. Cái tính hẹp hòi địa phương của những nông dân ấy thật là mạnh biết chừng nào. Trong số đó chỉ có 600 người không chịu tiến, họ muốn đi với nông dân Hê-gau, nhưng họ đã bị tiêu diệt. Nhưng đội quân Hê-gau bị tên phản bội Han-xơ Muy-lơ ở Bun-ghen-bác xúi giục, đã mở vòng vây thành phố; Han-xơ Muy-lơ bỏ chạy ngay sau đó và một phần lớn đội quân đã phân tán đi. Những người còn lại thì cố thủ ở sườn núi Hin-xinh-ghen; nơi đây, ngày 16 tháng Bảy, họ bị đánh bại và bị tiêu diệt bởi những đội quân được tập hợp lại trong thời gian đó. Nhờ các thành phố Thụy Sĩ đứng làm trung gian nên một bản hiệp nghị với nông dân Hê-gau đã được ký kết; nhưng mặc dù hắn đã phản bội, điều đó cũng không giúp cho Han-xơ Muy-lơ thoát khỏi bị các nhà cầm quyền bắt và chặt đầu tại Lau-phen-buốc. Tại Brây-xgau, (ngày 17 tháng Bảy) Phrây-buốc đã tách khỏi hội nông dân, và phải quân đi đánh nông dân; nhưng ở đây cũng thế, vì lực lượng quân sự của các vương công ít, nên một hiệp nghị đã được ký kết ngày 18 tháng Chín tại Ốp-phen-buốc[249], có hiệu lực với cả miền Dun-đơ-gau. Tám liên quân của Svác-xvan-đơ và nông dân Clết-hau-xơ chưa bị tước khí giới, lại nổi dậy một lần nữa vì sự tàn bạo của tên bá tước phôn Dun-txơ. Đến tháng Mười thì những người nổi dậy bị đánh tan. Ngày 13 tháng Mười một, nông dân miền Svác-xvan-đơ buộc phải ký hiệp ước[250], và đến ngày 6 tháng Chạp thì Van-đơ-xhút, thành trì cuối cùng của cuộc khởi nghĩa trên miền thượng Ranh, bị sụp đổ nốt.

Sau khi Tơ-ru-khơ-dét rút lui, *nông dân An-gôi* lại tiếp tục hành động chống lại các tu viện và lâu đài; họ tiến hành những biện pháp đàn áp kiên quyết để trả thù những vụ tàn phá của quân đội đồng minh. Đương đầu với họ là một số đơn vị ít người chỉ đủ sức tiến hành những trận đột kích lẻ tẻ, nhưng không thể

đuổi theo được họ vào sâu trong rừng. Tháng Sáu, một phong trào chống quý tộc thành thị đã nổ ra ở Mem-minh-ghen là nơi nhìn chung vẫn giữ tính chất trung lập; phong trào bị đàn áp chỉ vì ngẫu nhiên có một số quân đồng minh đóng gần đấy nên đã có thể kịp thời kéo đến hỗ trợ cho quý tộc thành thị. Sa-pe-lơ, nhà thuyết pháp và thủ lĩnh phong trào bình dân, đã trốn thoát sang Xanh-Ha-len. Nông dân kéo đến trước Mem-minh-ghen và chuẩn bị mở một đột phá khẩu, thì bỗng được tin Tơ-ru-khơ-dét ở Vuyếc-xbuốc chống lại họ. Ngày 27 tháng Sáu, họ chia làm hai đạo quân, tiến qua Ba-ben-hau-den và Ô-béc-guyn-xbuốc để đón đánh hắn. Đại công tước Phéc-ni-năng một lần nữa lại mưu toan lôi kéo nông dân về phía hoàng gia Áo. Dựa vào hiệp nghị đình chiến mà hắn đã ký với nông dân, hắn yêu cầu Tơ-ru-khơ-dét phải ngừng tấn công vào nông dân. Nhưng Liên minh Sva-ben lại ra lệnh cho Tơ-ru-khơ-dét vẫn tấn công nông dân mà chỉ ngừng việc tàn sát và đốt phá mà thôi. Nhưng Tơ-ru-khơ-dét thừa khôn ngoan nên chẳng từ bỏ cái biện pháp chiến tranh đầu tiên và quan trọng nhất của hắn ngay cả khi hắn có thể kìm tay những quân lính đánh thuê của hắn đã quen không ngừng gây ra những hành động tàn bạo đẫm máu trên suốt con đường từ hồ Bô-đen-dê đến sông Mai-nơ. Nông dân, có 23000 người, bố trận bên kia sông In-lơ và sông Luy-ba-xơ[1*]. Tơ-ru-khơ-dét dẫn đầu một đội 11000 quân, đóng trước mặt họ. Trận địa của hai đội quân đều vững mạnh; kỵ binh không thể hoạt động ở khu vực phía trước, và nếu quân lính đánh thuê của Tơ-ru-khơ-dét có ưu thế hơn nông dân về phương diện tổ chức, quân trang quân dụng và kỷ luật, thì nông dân An-gôi lại có trong hàng ngũ của mình nhiều cựu binh và những người chỉ huy có kinh nghiệm, và có một lực lượng pháo binh đông đảo, trang bị đầy đủ. Ngày 19 tháng Bảy, đội quân đồng minh bắt đầu nã trọng pháo, và ngày 20 cả hai bên cùng tiếp tục bắn, nhưng vô hiệu. Ngày 21, Ghê-oóc phôn Phrun-đơ-xbéc, cùng với 3000 lính đánh thuê, sáp nhập với Tơ-ru-khơ-dét. Hắn quen biết nhiều thủ lĩnh nông dân đã ở dưới

1* Hiện nay gọi là Lôi-ba-xơ.

quyền của hắn trong thời gian chiến tranh tại I-ta-li-a, và mở cuộc đàm phán với họ. Ở nơi nào sức mạnh của vũ khí thất bại thì cần phải dùng tới sự phản bội. Van-te Bắc và hàng loạt viên chỉ huy khác, cả những lính pháo binh đã bị mua chuộc, chúng cho đốt toàn bộ số thuốc súng dự trữ của nông dân và khiến đội quân phải vận động theo đường vòng. Vừa rời khỏi các cứ điểm vững chắc của mình, nông dân đã sa ngay vào chỗ mai phục mà Tơ-ru-khơ-dét đã bố trí theo ước hẹn với Bắc và những kẻ phản bội khác. Sức chống cự của nông dân càng suy yếu đi khi những viên chỉ huy, những tên phản bội, đã bỏ họ mà đi, lấy cớ là đi thám thính, và đã lên đường sang Thụy Sĩ. Kết quả là hai trong các đạo quân của nông dân hoàn toàn bị đánh tan, còn đạo quân thứ ba dưới quyền chỉ huy của Cnô-phơ ở Luy-ba-xơ, tuy vậy đã rút lui được trong trật tự. Đạo quân này chiếm lĩnh trận địa ở Côn-len-béc, gần Kem-pơ-ten, và bị Tơ-ru-khơ-dét bao vây ở đó. Nhưng cả ở đây nữa Tơ-ru-khơ-dét cũng không dám tấn công; hắn đành chỉ cắt đứt đường tiếp tế và cố làm mất tinh thần nông dân bằng cách cho thiêu hủy ngót hai trăm làng ở các vùng lân cận. Đói khát và tình cảnh nhà cửa bị thiêu hủy, rốt cuộc, đã buộc nông dân phải đầu hàng (ngày 25 tháng Bảy). Hơn 20 người trong bọn họ lập tức bị hành hình. Cnô-phơ ở Luy-ba-xơ, người chỉ huy độc nhất của đội quân ấy không phản bội lá cờ của mình, đã trốn thoát sang Brê-ghen-xơ; nhưng ở đó, ông bị bắt và bị treo cổ, sau một thời gian dài bị cầm tù.

Chiến tranh nông dân ở Sva-ben và Phran-cô-ni đã kết thúc như vậy.

VI

Ngay sau khi phong trào nổ ra trận đầu tiên ở miền Sva-ben, *Tô-mát Muyn-txơ* lại vội vàng trở về *Thuy-rinh-ghen* và, vào cuối tháng Hai hay đầu tháng Ba, ông ta cư trú tại thành phố tự do của đế chế là *Muyn-hau-den*, nơi mà phe đảng của ông mạnh hơn cả. Ông nắm trong tay các đầu mối của toàn bộ phong trào; ông biết rõ sắp nổ ra một trận bão táp như thế nào ở khắp nơi trên miền Nam nước Đức và quyết định lấy Thuy-rinh-ghen làm trung tâm phong trào cho miền Bắc nước Đức. Ông đã tìm được một địa bàn vô cùng thuận lợi. Bản thân Thuy-rinh-ghen, căn cứ chính của phong trào Cải cách tôn giáo, đang ở trong tình trạng cực kỳ sôi động; các vùng lân cận - Nét-xen, Dắc-den và Hác-txơ - cũng đã được chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa: trong việc này tình trạng thiếu thốn về vật chất của nông dân cũng đã đóng một vai trò chẳng kém gì sự lưu hành rộng rãi của các học thuyết cách mạng, tôn giáo và chính trị. Chính ở Muyn-hau-den, toàn bộ khối quần chúng tiểu thị dân đã theo cái xu hướng cực đoan của Muyn-txơ và nóng lòng chờ đợi thời cơ có thể tỏ cho bọn quý tộc thành thị kênh kiệu thấy cái ưu thế về số lượng của mình. Để khỏi nổ ra khi chưa có thời cơ thuận lợi, bản thân Muyn-txơ đã phải kêu gọi bình tĩnh; nhưng Phây-phơ, học trò của ông, người lãnh đạo phong trào Muyn-hau-den, đã bị xúc phạm trước các nhà cầm quyền đến mức là không thể trì hoãn cuộc khởi nghĩa lâu hơn nữa, và do đó Muyn-hau-den đã thực hiện cuộc cách mạng của mình ngay từ ngày 17 tháng Ba 1525, trước khi nổ ra cuộc tổng khởi nghĩa ở miền Nam nước Đức. Hội đồng quý tộc thành thị cũ bị lật đổ và chính quyền của thành phố được trao cho "Hội đồng vĩnh viễn" mới được bầu lại, do Muyn-txơ làm chủ tịch[251].

Thật là điều không hay đối với thủ lĩnh của một đảng cực đoan, khi bắt buộc phải nắm chính quyền vào một thời kỳ mà phong trào chưa thật chín muồi cho sự thống trị của giai cấp mà mình đại diện và cho việc thi hành những biện pháp đảm bảo sự thống

trị ấy. Điều mà ông *có thể* làm không tùy thuộc vào ý muốn của ông, mà tùy thuộc vào mức độ mâu thuẫn giữa các giai cấp khác nhau và tùy thuộc vào trình độ phát triển của những điều kiện sinh hoạt vật chất và của những quan hệ sản xuất và trao đổi: những cái đó bao giờ cũng quyết định trình độ phát triển của những mâu thuẫn giai cấp. Điều mà ông *phải* làm, điều mà chính đảng của ông đòi hỏi ở ông, cũng lại không tùy thuộc vào bản thân ông, mà cũng không tùy thuộc vào trình độ phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp và những điều kiện sinh ra nó; ông bị ràng buộc vào những học thuyết và những yêu sách ông đã đề ra; mà những học thuyết và yêu sách đó thì cũng lại không xuất phát từ quan hệ của các giai cấp xã hội lúc đó và tình trạng ít nhiều ngẫu nhiên của những điều kiện sản xuất và trao đổi lúc đó, mà xuất phát từ sự am hiểu ít nhiều sâu sắc của ông về những kết quả tổng quát của sự phát triển xã hội và chính trị. Như vậy ông không tránh khỏi bị đặt trước một sự lưỡng nan không thể giải quyết được: điều mà ông *có thể* làm được thì lại mâu thuẫn với mọi hành động trước kia của ông, với những nguyên tắc của ông và những lợi ích trực tiếp của đảng ông; và điều mà ông *phải* làm thì lại không thể thực hiện được. Nói tóm lại, ông bị bắt buộc đại diện không phải cho đảng của mình, cho giai cấp của mình, mà là đại diện cho cái giai cấp mà lúc bấy giờ phong trào đã khá chín muồi cho sự thống trị của nó. Vì lợi ích của bản thân phong trào ông buộc phải bảo vệ lợi ích của một giai cấp xa lạ với ông và phải lảng tránh giai cấp mình bằng những lời nói suông, những câu hứa hẹn và những lời đoan chắc rằng lợi ích của giai cấp khác là lợi ích của chính mình. Bất cứ ai rơi vào cái tình huống khó xử ấy cũng không tài nào tránh khỏi bị thất bại. Những tấm gương như vậy thì chúng ta vừa mới thấy cách đây không lâu; chúng ta hãy chỉ nhắc lại tình huống của những đại biểu giai cấp vô sản[252] trong chính phủ lâm thời cuối cùng của nước Pháp, dù rằng bản thân họ chỉ mới đại diện cho một giai đoạn phát triển rất thấp của giai cấp vô sản. Kẻ nào mà sau kinh nghiệm của chính phủ tháng Hai, - đó là chưa nói đến những chính phủ lâm thời Đức cao quý và hội đồng nhiếp chính đế chế[253], - vẫn còn có thể mưu cầu những chức vụ quan phương, thì đó hoặc là một kẻ thiển cận hết mức, hoặc là một kẻ gắn bó với đảng cách mạng cực đoan giỏi lắm thì cũng chỉ bằng những lời nói suông mà thôi.

Tuy thế, địa vị của Muyn-txơ đứng đầu Hội đồng vĩnh viễn ở Muyn-hau-den lại còn liều lĩnh hơn nhiều so với địa vị của bất cứ một nhà cầm quyền cách mạng nào ngày nay. Không những phong trào lúc đó, mà cả thời đại của ông, đều chưa chín muồi để thực hiện những tư tưởng mà chính ông chỉ mới như linh cảm thấy một cách mơ hồ. Giai cấp mà ông đại diện, chỉ vừa mới phát sinh, còn lâu mới phát triển đầy đủ và chưa có đủ khả năng để chi phối và cải tạo toàn thể xã hội. Công cuộc cải biến xã hội được vạch ra trong trí tưởng tượng của ông còn hoàn toàn rất ít cơ sở trong các điều kiện vật chất sẵn có, và ngược lại, những điều kiện vật chất này lại chuẩn bị một trật tự xã hội rõ ràng là trái ngược với trật tự xã hội mà ông mơ tưởng. Song, đồng thời ông còn bị ràng buộc vào những thuyết giáo cũ của ông về chế độ bình đẳng Cơ Đốc giáo và chế độ công hữu tài sản theo sách kinh Phúc âm; cho nên ít ra thì ông cũng phải có mưu toan thực hiện những điều đó. Vì thế ông đã tuyên bố công hữu tài sản, mọi người đều có nghĩa vụ lao động như nhau và xóa bỏ mọi uy quyền hiện có. Nhưng trong thực tế Muyn-hau-den vẫn là một thành phố cộng hòa của đế chế, có một chính thể đôi chút dân chủ hóa, có một thượng nghị viện được bầu ra qua phổ thông đầu phiếu, và đặt dưới quyền kiểm soát của hội nghị nông dân, và một tổ chức lâm thời trợ cấp bằng hiện vật cho dân nghèo được thành lập một cách vội vã. Cuộc cách mạng xã hội đã làm cho các thị dân đương thời theo đạo Tin lành rất mực kinh hãi, trong thực tế chưa hề bao giờ vượt ra khỏi khuôn khổ một mưu toan yếu ớt và vô ý thức định thiết lập quá sớm xã hội tư sản tương lai.

Bản thân Muyn-txơ hình như cũng đã cảm thấy cái vực sâu

chia cách lý thuyết của ông với cái thực tế trực tiếp bao quanh ông, cái vực sâu mà ông càng không nhận ra, thì những quan điểm thiên tài của ông càng bị bóp méo đi trong đầu óc lạc hậu của đám quần chúng ủng hộ ông. Ông đã đem một nhiệt tâm chưa từng có, kể ngay cả đối với ông, để truyền bá và tổ chức phong trào; ông viết thư và cử những người chạy tin, những phái viên đi khắp nơi. Những bức thư và các bài thuyết giáo của ông toát ra một cuồng tín cách mạng lạ thường so với ngay cả những tác phẩm trước đây của ông. Cái tính hài hước trẻ trung, chất phác của những bài châm biếm có tính chất cách mạng đầu tiên của ông đã mất hẳn; cái ngôn ngữ điềm đạm, có mực thước của nhà tư tưởng, không xa lạ đối với ông trước kia, thì nay cũng không còn nữa; Muyn-txơ giờ đây đã hoàn toàn biến thành một nhà tiên tri của cách mạng; ông không ngừng kích thích chí căm thù đối với những giai cấp thống trị, cổ vũ những mối nhiệt tình hăng hái nhất và chỉ dùng những lời lẽ hùng mạnh mà sự cuồng nhiệt tôn giáo và dân tộc đã đem đặt vào cửa miệng các nhà tiên tri trong kinh Cựu ước. Cái khẩu khí mà giờ đây ông đã phải luyện cho mình, cho ta thấy được trình độ phát triển của đám thính giả mà ông cần tác động tới.

Tấm gương của Muyn-hau-den và sự cổ động của Muyn-txơ đã ảnh hưởng rất nhanh chóng, quá cả những giới hạn của thành thị. Ở *Thuy-rinh-ghen, Ai-khơ-xphen, Hác-txơ,* ở những *hầu quốc xứ Dắc-den,* ở *Héc-xen* và *Phun-đa,* ở *Thượng Phran-cô-ni* và *Phốc-tơ-lan,* nông dân nổi dậy khắp nơi, tập hợp thành đội ngũ và thiêu hủy các lâu đài và tu viện. Muyn-txơ ít nhiều được công nhận là lãnh tụ của toàn bộ phong trào và Muyn-hau-den là trung tâm của phong trào, trong khi ở Éc-phua, một phong trào thuần túy thị dân đã thắng lợi và phái chiếm địa vị thống trị ở đó đã luôn luôn giữ một thái độ mập mờ đối với nông dân.

Lúc đầu, những vương công ở Thuy-rinh-ghen cũng bối rối và bất lực trước nông dân như ở Phran-cô-ni và Sva-ben. Chỉ vào những ngày cuối tháng Tư, viên quan biên trấn xứ Hét-xen mới

tập hợp nổi một đội quân - chính hắn là quan biên trấn Phi-líp, người mà các sử gia tư sản theo đạo Tin lành của cuộc Cải cách tôn giáo đã không ngớt lời ngợi khen là mộ đạo và là người mà tới đây chúng tôi cần nói một đôi lời về những hành động đê tiện của hắn đối với nông dân. Nhờ mấy cuộc hành quân chớp nhoáng và nhờ áp dụng những biện pháp kiên quyết, chẳng bao lâu tên quan biên trấn Phi-líp đã bình định được một phần lớn lãnh địa của hắn, rồi mộ những đội quân mới và tiến vào địa phận của tu viện trưởng xứ Phun-đa là tôn chủ cũ của hắn lúc đó. Ngày 3 tháng Năm, ở Phrau-en-béc, hắn đánh bại đội quân nông dân Phun-đa, bình định tất cả vùng và nắm lấy cơ hội không những để thoát khỏi địa vị là chư hầu lệ thuộc vào tu viện trưởng, mà còn để biến tu viện Phun-đa thành thái ấp của xứ Hét-xen, dĩ nhiên là có xét đến việc sau này sẽ hoàn tục xứ đạo đó. Rồi hắn chiếm Ai-den-nác và Lan-ghen-dan-xa, và sau khi đã hợp nhất với quân đội của công tước xứ Dắc-den, hắn tiến đánh trung tâm của cuộc khởi nghĩa là Muyn-hau-den. Muyn-txơ tập hợp lực lượng chiến đấu của ông ở Phran-ken-hau-den, khoảng 8000 người với mấy khẩu đại bác. Đội quân Thuy-rinh-ghen còn xa mới có được cái tính chiến đấu mà một bộ phận các đội quân miền Thượng Sva-ben và Phran-cô-ni đã biểu thị trong cuộc chiến đấu với Tơ-ru-khơ-dét; đội quân trên kém trang bị và thiếu kỷ luật, có rất ít cựu binh và hoàn toàn không có người chỉ huy. Bản thân Muyn-txơ, rõ ràng là, không có chút kiến thức quân sự nào. Tuy vậy, các vương công thấy rằng cái chiến thuật bội tín đã đảm bảo cho Ghê-oóc Tơ-ru-khơ-dét luôn luôn giành được thắng lợi, cũng có thể thích hợp ở đây. Ngày 16 tháng Năm, chúng bắt đầu thương thuyết với nông dân, ký kết đình chiến với họ, nhưng rồi bất thình lình tấn công họ trước cả khi hết hạn đình chiến.

Muyn-txơ, cùng với đội quân của mình, đóng trên một ngọn núi mà ngày nay còn gọi là Slắc-khơ-tơ-béc[1*], dùng những cỗ xe chắn giữ quanh mình[254]. Trong đội đã hết sức nản chí. Các vương

1*- Núi diễn ra các trận đánh.

công hứa sẽ ân xá nếu đội quân chịu bắt sống Muyn-txơ nộp cho chúng. Muyn-txơ tập hợp nông dân thành vòng tròn, cho thảo luận những đề nghị của các vương công. Một hiệp sĩ và một giáo sĩ tán thành đầu hàng. Muyn-txơ lập tức cho đem họ ra giữa vòng tròn và chém đầu. Hành động khủng bố kiên quyết ấy được những người cách mạng kiên quyết hoan nghênh, và làm cho tinh thần của đội lại vững lên đôi chút; nhưng nói cho cùng, nếu như nông dân không thấy quân đánh thuê của các vương công, sau khi bao vây toàn bộ quả núi, đang từng đạo san sát tiến lên mặc dầu đang đình chiến, thì họ dĩ nhiên là phần lớn cũng sẽ giải tán, không chống cự gì. Họ nhanh chóng xếp thành hàng ngũ chiến đấu sau các xe cộ, song đạn và trái phá đã bắn ngay vào những người nông dân không có vũ khí và không quen chiến đấu, và quân đánh thuê đã tiến sát chiến lũy dựng bằng xe cộ. Sau một cuộc chống cự ngắn, hàng lũy xe cộ bị chọc thủng, đại bác của nông dân bị chiếm và nông dân chạy tan tác. Họ chạy trốn trong một tình trạng hỗn loạn ghê gớm nên càng không tránh khỏi sa vào tay những đạo quân bao vây và đội kỵ binh, chúng đã tiến hành một cuộc tàn sát đẫm máu chưa từng thấy. Trong số tám nghìn nông dân thì hơn năm nghìn bị giết; số còn lại rút chạy về Phran-ken-hau-den và đội kỵ binh của hầu tước cùng họ ập vào phía đó. Thành phố bị chiếm. Muyn-txơ bị thương ở đầu, bị tìm thấy trong một căn nhà và bị bắt sống. Ngày 25 tháng Năm Muyn-hau-den cũng đầu hàng; còn lại Phây-phơ, trốn thoát được, nhưng rồi cũng bị bắt ở vùng Ai-den-nác.

Muyn-txơ bị đem ra tra tấn trước mặt các vương công và sau đó bị chém đầu. Ông tiến ra chỗ hành hình với sự dũng cảm mà ông đã tỏ ra trong suốt cuộc đời ông. Khi bị xử tử, nhiều lắm thì ông cũng chỉ mới 28 tuổi. Phây-phơ cũng bị chặt đầu cùng với nhiều người khác. Ở Phu-đa, Phi-líp Héc-xen "người của đức Chúa trời" đã bắt đầu thực hiện sự trừng phạt đẫm máu của hắn. Theo lệnh hắn và các vương công xứ Dắc-den, ngoài những người bị hành hình khác còn có 24 người bị chặt đầu ở Ai-den-nác, 41 người ở Lan-ghen-dan-xa, 300 người sau trận Phran-ken-hau-den, hơn 100 ở Muyn-hau-den, 26 ở Guê-ma, 50 ở Tuyn-ghê-đa, 12 ở Dan-ghéc-hau-den, 8 ở Lai-pxích, ấy là chưa nói đến những vụ chặt chân, chặt tay và những hình phạt khác nhẹ hơn và những vụ cướp bóc, đốt phá hàng loạt các làng mạc và thành phố.

Muyn-hau-den mất đi tính chất tự do của một thành phố đế chế, bị sáp nhập vào lãnh địa xứ Dắc-den, giống như tu viện Phun-đa bị sáp nhập vào lãnh địa của hầu tước xứ Hét-xen.

Sau đó, bọn vương công kéo đến vùng rừng Thuy-rinh-ghen, nơi mà nông dân Phran-cô-ni thuộc doanh trại Bin-hoi-den đã hợp nhất với nông dân Thuy-rinh-ghen và đốt cháy nhiều lâu đài. Cuộc chiến đấu đã diễn ra ở Mai-ninh-ghen; nông dân bị thua và rút lui về thành phố, nhưng thành phố đột nhiên đóng cổng không cho họ vào và có cơ hội bị tấn công mặt sau. Bị sự phản bội này của bạn đồng minh dồn đến bước đường cùng, nông dân tiến hành đàm phán với bọn vương công về việc đầu hàng, nhưng đã bỏ chạy tán loạn trước khi cuộc đàm phán kết thúc. Doanh trại Bin-hoi-den đã bị tan vỡ từ lâu; vì vậy khi đoàn này bị tiêu diệt thì những tàn quân cuối cùng của những người khởi nghĩa ở các miền Dắc-den, Hét-xen, Thuy-rinh-ghen và Thượng Phran-cô-ni cũng bị đánh tan hết.

Ở *An-đa-xơ* cuộc khởi nghĩa đã nổ ra chậm hơn so với bên hữu ngạn sông Ranh. Chỉ mãi đến khoảng giữa tháng Tư, nông dân thuộc địa phận giám mục Xtơ-ra-xbua, rồi ngay sau đó là nông dân miền Thượng An-đa-xơ và Dun-đơ-gau, mới nổi dậy. Ngày 18 tháng Tư, một đội quân nông dân miền Hạ An-đa-xơ cướp phá tu viện An-tơ-đoóc-phơ; những đội nông dân khác cũng được thành lập ở E-béc-xhai-mơ và Ba-rơ, cũng như ở thung lũng Vin-le-than và triền sông Uốc-bít-xthan. Ít lâu sau tất cả những đội này hợp nhất lại thành đại đoàn Hạ An-đa-xơ, chiếm các thành phố và thị trấn, và phá hủy các tu viện. Khắp nơi, người ta mộ lính, cứ ba người lấy một. Mười hai điều khoản của đoàn này cấp tiến hơn rất nhiều so với những điều khoản của nông dân miền Sva-ben và Phran-cô-ni[255].

Trong khi một đạo quân nông dân Hạ An-da-xơ tập hợp ở Xanh-Híp-pô-lít vào đầu tháng Năm và, sau khi mưu toan lôi kéo thành phố này về phía mình thất bại, nhờ thỏa thuận được với thị dân nên đã nắm quyền chi phối được Be-ken ngày 10 tháng Năm, Ráp-pôn-xvai-lơ ngày 13, Rai-khen-véc ngày 14, thì một đạo quân thứ hai, do Ê-ra-đơ-mơ Ghéc-bơ chỉ huy, tiến về Xtơ-ra-xbua để bất thần chiếm lấy thành phố này. Mưu toan ấy không thành; đạo quân này liền quay về phía Vô-he-đơ, phá hủy tu viện Mau-rơ-muyn-txơ và bao vây Xa-béc-nơ, thành phố này phải đầu hàng ngày 13 tháng Năm. Từ đó, đạo quân tiến về biên giới Lo-ren-nơ, và làm cho những vùng tiếp giáp với công quốc nổi dậy, đồng thời chiếm các đường qua núi. Nhiều doanh trại lớn được thiết lập ở Héc-bi-xhai-mơ, trên sông Xa-rơ và ở Noi-buốc; tại Sác-kê-muyn-đơ tăng cường khoảng 4000 nông dân Lo-ren-nơ - Đức. Cuối cùng, hai đạo tiên phong, đạo của Côn-ben thuộc miền Vô-he-đơ ở Stuyếc-xen-brôn, và đạo của Clê-buốc ở Vây-xen-buốc, yểm hộ cho mặt trước và sườn bên phải, còn sườn trái thì dựa vào nông dân miền Thượng An-da-xơ.

Nông dân miền Thượng An-da-xơ hoạt động từ ngày 20 tháng Tư, đã bắt buộc Dun-txơ ngày 10 tháng Năm, Ghếp-vai-lơ ngày 12, Den-hai-mơ và các vùng lân cận ngày 15, phải gia nhập hội nông dân. Thực ra Chính phủ Áo và các thành thị của đế chế ở xung quanh đã lập tức liên minh với nhau để chống lại nông dân, nhưng quá yếu và không đủ sức chống cự một cách có hiệu lực, chứ đừng nói gì đến tấn công. Vì thế, vào khoảng giữa tháng Năm, trừ một số ít thành phố còn thì toàn thể miền An-da-xơ đã rơi vào tay quân khởi nghĩa.

Nhưng đội quân có nhiệm vụ phải đè bẹp sự dũng cảm táo bạo điên cuồng của nông dân An-da-xơ, đã tới gần. Chính những *người Pháp* đã khôi phục ở đây nền thống trị của quý tộc. Ngay từ ngày 6 tháng Năm, công tước An-tôn xứ Lo-ren-nơ xuất quân với một đội 30000 người gồm có tinh hoa của giới quý tộc Pháp cùng những đội quân trợ chiến người Tây Ban Nha, Pi-ê-mông,

Lôm-bác-đi, Hy Lạp và An-ba-ni. Ngày 16 tháng Năm, hắn đụng phải 4000 nông dân ở Luýt-xen-stai-nơ, đánh bại họ dễ dàng, và ngay hôm sau đã buộc thành phố Xa-béc-nơ, do nông dân chiếm đóng, phải đầu hàng. Nhưng trong khi đội quân Lo-ren-nơ tiến vào thành phố tước khí giới nông dân, thì hiệp nghị đầu hàng bị vi phạm, bọn lính đánh thuê tấn công những nông dân đã bị tước khí giới và tàn sát họ một phần lớn. Những đạo quân còn lại của miền Hạ An-da-xơ bỏ chạy tan tác, và công tước An-tôn giờ đây tiến đánh những đạo quân của miền Thượng An-da-xơ. Những đạo quân này trước kia đã từ chối đến cứu viện cho nông dân miền Hạ An-da-xơ ở Xa-béc-nơ, bây giờ bị toàn bộ các lực lượng Lo-ren-nơ tấn công ở Séc-vây-lơ. Nông dân chống cự rất dũng cảm, nhưng ưu thế rất lớn về quân số của địch: 30000 đánh lại 7000, và sự phản bội của một số hiệp sĩ, đặc biệt là của tên quan lại địa phương xứ Rai-khen-vai-ơ, làm cho tinh thần dũng cảm của họ trở thành vô ích. Họ bị đánh bại hoàn toàn và bỏ chạy tan tác. Sau đó tên công tước đã bình định được toàn bộ miền An-da-xơ bằng sự tàn bạo quen thuộc. Riêng có miền Dun-đơ-gau là thoát khỏi tay hắn. Đầu tháng Sáu, Chính phủ Áo đã buộc dân ở đây phải ký hiệp nghị En-đi-xhai-mơ bằng cách đe dọa là nếu không ký thì sẽ gọi công tước đến. Nhưng chính bản thân Chính phủ Áo lại lập tức vi phạm ngay hiệp nghị này và cho treo cổ hàng loạt những người tuyên truyền và thủ lĩnh của phong trào. Việc này đã gây nên một cuộc khởi nghĩa nông dân mới, cuộc khởi nghĩa này rốt cuộc kết thúc bằng việc hiệp ước Ốp-phen-buốc (ký ngày 18 tháng Chín) mở rộng hiệu lực tới nông dân miền Dun-đơ-gau.

Bây giờ chúng ta chỉ còn phải trình bày diễn biến của cuộc Chiến tranh nông dân tại *miền An-pơ thuộc Áo*. Từ hồi có phong trào đấu tranh cho những stara prawa[1*] thì nhân dân những vùng này, cũng như *địa phận giám mục Dan-xbuốc* ở kề bên đã luôn luôn chống lại chính phủ và quý tộc; và những học thuyết của

1* Xem tập này, tr. 515.

cuộc Cải cách tôn giáo cũng đã tìm thấy ở đấy một miếng đất thuận lợi. Những cuộc khủng bố tôn giáo và những thuế má nặng nề tăng lên tùy tiện đã dẫn tới nổ ra khởi nghĩa cả ngay tại địa phận này.

Thành phố *Dan-xbuốc* được nông dân và công nhân mỏ ủng hộ, từ năm 1522 đã xung đột với tên tổng giám mục về vấn đề những đặc quyền của hắn trong thành phố và về các cuộc tranh cãi những vấn đề tín ngưỡng. Vào cuối năm 1524, tên tổng giám mục dùng bọn lính đánh thuê đã mộ được, đánh chiếm thành phố, dùng đại bác của lâu đài để khủng bố thị dân, và truy nã những người giảng đạo theo tà giáo. Đồng thời, hắn ban bố những thứ thuế mới hết sức nặng nề, do đó làm cho nhân dân phẫn khích đến cực độ. Mùa xuân năm 1525, đồng thời với cuộc khởi nghĩa của nông dân miền Sva-ben, Phran-cô-ni và Thuy-rinh-ghen, nông dân và công nhân mỏ ở khắp miền bất ngờ nổi dậy, tổ chức thành từng đội, dưới quyền chỉ huy của *Pra-xlơ* và *Vai-mô-đơ*, giải phóng thành phố và bao vây lâu đài Dan-xbuốc. Cũng như nông dân miền Tây nước Đức, họ thành lập một liên minh Cơ Đốc giáo và trình bày những yêu sách của họ thành 14 điều khoản[256].

Ở miền *Stê-ri-a, Thượng Áo, Kéc-nơ-then* và *Crai-nơ*, nơi mà những thuế khóa phi pháp mới, những quan thuế và sắc lệnh độc đáo đã làm tổn hại nặng nề đến bản thân những lợi ích sống còn của nhân dân, nông dân cũng đã nổi dậy khởi nghĩa vào mùa xuân năm 1525. Họ chiếm một số lâu đài và đánh bại ở Gri-xơ tên tổng tư lệnh già nua Đi-tơ-rích-stai-nơ, kẻ đã bóp chết phong trào đấu tranh cho những stara prawa. Mặc dầu là chính phủ, nhờ những lời hứa hão, đã xoa dịu được một bộ phận những người khởi nghĩa, nhưng phần lớn bọn họ vẫn không giải tán và họ hợp nhất với những người khởi nghĩa ở Dan-xbuốc, do vậy toàn bộ vùng lãnh địa giám mục ở Dan-xbuốc, và một phần lớn Thượng Áo, Stê-ri-a, Kéc-nơ-then và Crai-nơ đều ở trong tay nông dân và công nhân mỏ.

Ở Ti-rôn, những học thuyết của cuộc Cải cách tôn giáo cũng đã được nhiều người hưởng ứng: tại đó những phái viên của Muyn-txơ đã hoạt động còn thắng lợi hơn cả ở những vùng khác của miền An-pơ thuộc Áo. Tại địa hạt này, tên đại công tước Phéc-đi-năng cũng truy nã khủng bố những người tuyên truyền giáo lý mới và cũng xâm phạm nghiêm trọng vào quyền lợi của dân bản địa thông qua những biện pháp tài chính độc đoán mới. Hậu quả của vấn đề này, cũng như ở khắp nơi, là khởi nghĩa nổ ra vào mùa xuân năm 1525 đó. Những người khởi nghĩa chiếm một số lớn lâu đài và kiên quyết thanh toán bọn giáo sĩ, nhất là ở phía nam, trong miền Ết-sơ[1*]; thủ lĩnh tối cao của họ, Gây-xmai-ơ, là một trong những người kế tục Muyn-txơ và là người thủ lĩnh nông dân duy nhất có tài quân sự kiệt xuất. Nông dân miền Pho-rác-in-béc cũng nổi lên và hợp nhất với nông dân An-gôi.

Bị uy hiếp từ phía, tên đại công tước, vừa mới đầy ít lâu còn định gây ra tai họa máu lửa cho những người khởi nghĩa và tiêu diệt họ bằng những cuộc cướp phá và tàn sát, nay phải chịu đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Hắn quyết định triệu tập những nghị viện của các xứ thừa kế của hắn, và trong khi chờ đợi những nghị viện ấy họp, hắn đã ký kết đình chiến với nông dân. Trong thời gian đó, hắn ra sức chuẩn bị về quân sự để hễ gặp cơ hội là sẽ nói bằng một giọng lưỡi khác với "quân bất lương".

Dĩ nhiên là đình chiến không được tôn trọng lâu dài. Đi-tơ-rích-stai-nơ hết tiền, bắt đầu bày ra những khoản bồi thường chiến phí ở các công quốc. Ngoài ra, những đội quân người Xla-vơ và Ma-gi-a của hắn lại còn hành động một cách hết sức tàn bạo, bỉ ổi đối với nhân dân. Chính vì vậy, nông dân miền Stê-ri-a lại nổi lên, tiến đánh tên tổng tư lệnh Đi-tơ-rích-stai-nơ vào đêm ngày 2 rạng ngày 3 tháng Bảy ở Slát-min-gơ và giết sạch những kẻ nào không nói tiếng Đức. Bản thân Đi-tơ-rích-stai-nơ cũng bị bắt sống, sáng ngày 3, một tòa án bồi thẩm do nông dân lập ra, kết tội tử hình bốn mươi tên quý tộc Trác-khi-a và Crô-a-xi trong

1* Tiếng I-ta-li-a gọi là: A-đít-giê.

số tù binh. Bọn chúng bị chặt đầu ngay tức khắc. Kết quả việc đó đã gây tác động: tên đại công tước liền đồng ý thỏa mãn ngay tất cả những yêu sách của các đẳng cấp trong năm công quốc (Thượng và Hạ Áo, Stê-ri-a, Kéc-nơ-then và Crai-nơ).

Ở Ti-rô, những yêu sách của nghị viện cũng được thỏa mãn, do đó, miền Bắc trở lại yên ổn. Nhưng miền Nam không hạ vũ khí, họ vẫn giữ nguyên những yêu sách ban đầu của mình đối lập với những quyết định của nghị viện mà trong đó những yêu sách này đã được giảm bớt đi. Mãi tới tháng Chạp, tên đại công tước mới lập lại được trật tự ở đó bằng bạo lực. Đương nhiên là hắn không quên cho hành hình một số lớn những người khởi xướng và thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa đã sa vào tay hắn.

Đầu tháng Tám, 10000 quân xứ Ba-vi-e, dưới sự chỉ huy của Ghê-oóc phôn Phrun-đơ-xbéc, tiến về Dan-xbuốc. Lực lượng chiến đấu hùng hậu đó, cùng với những mối bất hòa nảy sinh ra trong nông dân, đã thúc đẩy những nghĩa quân ở Dan-xbuốc phải ký kết một hiệp nghị với tên tổng giám mục vào ngày 1 tháng Chín, và tên đại công tước cũng thừa nhận hiệp nghị ấy. Nhưng cả hai vương hầu trong thời gian đó đã củng cố được đầy đủ quân đội của chúng liền ngay lập tức vi phạm hiệp nghị đó và vì thế, khiến cho nông dân Dan-xbuốc lại nổi lên. Quân khởi nghĩa cầm cự được suốt mùa đông; sang xuân, Gây-xmai-ơ hợp nhất với họ và đã mở những chiến dịch rất xuất sắc chống lại các đội quân từ tứ phía kéo đến. Trong một loạt trận đánh cực kỳ oanh liệt - vào tháng Năm và tháng Sáu 1526 - ông đã lần lượt đánh bại những đội quân Ba-vi-e, Áo, những đội quân của Liên minh Sva-ben, cùng những quân lính đánh thuê của tên tổng giám mục ở Dan-xbuốc, và đã ngăn cản được sự hợp nhất giữa các đội quân thù địch trong một thời gian dài. Ngoài ra ông lại còn có thì giờ bao vây thành phố Rát-stát. Cuối cùng, bị các đội quân đông hơn bao vây từ phía, ông buộc phải rút lui; vượt được khỏi vòng vây của địch và dẫn tàn quân của mình vượt dãy An-pơ thuộc Áo sang địa hạt xứ Vơ-ni-đơ. Nước Cộng hòa Vơ-ni-đơ và Thụy Sĩ đã

giúp cho vị thủ lĩnh nông dân không biết mệt mỏi ấy những cứ điểm để thực hiện những mưu đồ mới; ông đã cố gắng, suốt cả một năm trời, lôi kéo họ vào một cuộc chiến tranh với Áo, một cuộc chiến tranh sẽ tạo cho ông điều kiện để phát động một cuộc khởi nghĩa nông dân mới. Nhưng trong quá trình thương thuyết, ông đã bị ám sát; tên đại công tước Phéc-đi-năng và tên tổng giám mục Dan-xbuốc không thể yên tâm chừng nào mà Gây-xmai-ơ vẫn còn sống; chúng thuê một tên cướp giết ông, và tên này đã cắt đứt cuộc sống của con người nổi loạn nguy hiểm ấy vào năm 1527.

VII

Với việc Gây-xmai-ơ rút lui về vùng Vơ-ni-đơ thì phần kết, phần cuối cùng của cuộc Chiến tranh nông dân cũng chấm dứt. Nông dân khắp nơi lại phục tùng quyền lực của bọn chủ cũ của họ: tăng lữ, quý tộc và quý tộc thành thị; những hiệp nghị đã ký kết ở nơi này hoặc nơi khác với bọn chúng, đều bị vi phạm, những gánh nặng đã tồn tại trước kia thì nay lại tăng thêm bởi những khoản tiền bồi thường lớn mà kẻ chiến thắng bổ vào bên chiến bại. Một cố gắng cách mạng vĩ đại nhất của nhân dân Đức đã kết thúc bằng một sự thất bại nhục nhã làm cho ách áp bức vào lúc ban đầu tăng lên gấp đôi. Nhưng tình cảnh tồi tệ kéo dài của nông dân không phải là do cuộc khởi nghĩa nông dân bị đàn áp gây ra. Tất cả những gì mà bọn quý tộc, vương công và giáo sĩ có thể bóp nặn được của nông dân hết năm này qua năm khác, thì rõ ràng trước chiến tranh chúng cũng đã bóp nặn rồi; người nông dân Đức thời kỳ ấy có chỗ giống với người vô sản hiện đại là: phần của họ trong sản phẩm lao động của họ chỉ giới hạn ở việc nhận được mức tối thiểu những tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì đời sống và tái sản xuất ra nòi giống họ. Như vậy, nói chung, ở đây chẳng có gì để lấy thêm được nữa. Quả thật là một số không ít trung nông khá giả hơn đã bị phá sản, một số lớn nông dân phụ thuộc đã bị cưỡng bức trở thành nông nô, cả từng khu vực đất công rộng lớn đã bị bọn vương công tịch thu, một số lớn nông dân, vì nhà cửa bị phá hủy, ruộng nương bị tàn phá và vì tình trạng rối ren chung, nên đã rơi vào đám dân lang thang hoặc trở thành những người bình dân thành thị. Song, chiến tranh và tàn phá là những hiện tượng hằng ngày của thời đại đó, và nói chung giai cấp nông dân có một mức sống quá thấp đến nỗi việc tăng thuế khóa cũng không thể làm cho tình cảnh của họ trầm trọng hơn nữa trong một thời gian lâu dài. Những cuộc chiến tranh tôn giáo xảy ra sau đó, và cuối cùng, cuộc chiến tranh ba mươi năm, với những sự tàn phá và giết hại dân chúng hàng loạt, diễn ra nhiều lần, đã gây ra cho nông dân những hậu

quả nặng nề hơn rất nhiều so với cuộc Chiến tranh nông dân; đặc biệt, cuộc Chiến tranh ba mươi năm đã thủ tiêu phần lớn những lực lượng sản xuất đã đầu tư vào nông nghiệp, và do đó, cũng như đồng thời do tình trạng có sự phá hủy nhiều thành thị, nên cuộc chiến tranh đó trong một thời gian dài đã làm cho nông dân, bình dân và thị dân phá sản lâm vào một tình cảnh giống như tình cảnh bần cùng của người Ai-rơ-len dưới cái dạng tồi tệ nhất của nó.

Người chịu hậu quả nhiều hơn cả của cuộc Chiến tranh nông dân là giới *tăng lữ*. Những tu viện và giáo đường của họ bị đốt phá, những đồ vật quý của họ bị cướp bóc, bị đem bán ra nước ngoài hoặc đem nấu chảy ra; những kho dự trữ của họ bị đem ăn hết. Ở khắp nơi, họ tỏ ra có ít khả năng chống cự hơn cả, đồng thời tất cả ngọn lửa căm thù của nhân dân lại chĩa vào họ nhiều nhất. Những đẳng cấp khác - vương công, quý tộc, thị dân - thậm chí còn mừng thầm về nỗi bất hạnh của bọn giáo chức cao cấp đáng ghét. Chiến tranh nông dân đã làm cho chủ trương hoàn tục những tài sản của giáo hội để chia cho nông dân trở thành phổ biến; các vương công thế tục và một phần các thành thị đã cố thực hiện việc hoàn tục ấy một cách có lợi cho *họ*, và trong những xứ theo đạo Tin lành thì những lãnh địa của các giáo chức cao cấp chẳng bao lâu đã rơi vào tay các vương công hoặc quý tộc thành thị. Đồng thời, sự thống trị của các vương công tăng lữ cũng bị tổn hại: cả về mặt này các vương công thế tục cũng biết khai thác lòng căm thù của nhân dân. Thí dụ, chúng ta thấy trưởng tu viện ở Phun-đa, cựu tôn chủ của Phi-líp Hét-xen, đã rớt xuống hàng chư hầu của ông này như thế nào. Thí dụ, chúng ta thấy trưởng tu viện ở Phun-đa, cựu tôn chủ của Phi-líp Hét-xen, đã rớt xuống hàng chư hầu của ông này như thế nào. Thí dụ, thành phố Kem-pơ-ten, đã buộc vương công - trưởng tu viện của họ phải đem bán với một giá rẻ mạt cả một loạt những đặc quyền quan trọng của hắn trong thành phố.

Quý tộc cũng bị thiệt hại nhiều. Phần lớn những lâu đài của họ bị phá hủy, một số gia tộc vào loại có thế lực nhất bị phá sản và chỉ còn sinh sống được bằng cách đi phục vụ các vương công.

Sự bất lực của quý tộc trước nông dân đã được chứng minh: khắp nơi, ở chỗ nào họ cũng bị đánh bại và phải đầu hàng; chỉ có những đội quân của các vương công là đã cứu được họ. Giai cấp quý tộc ngày càng mất ý nghĩa của nó với tư cách là một đẳng cấp trực thuộc đế chế, và rơi vào tình trạng lệ thuộc vào các vương công.

Các thành thị, nói chung, cũng không thu được lợi gì ở cuộc Chiến tranh nông dân. Sự thống trị của quý tộc thành thị lại được củng cố ở hầu hết mọi nơi, còn sự chống đối của thị dân thì bị dập tan trong một thời gian dài. Như vậy, thói cổ hủ cũ của quý tộc thành thị đã tiếp tục kéo dài cho tới tận cuộc cách mạng Pháp, kìm hãm thương nghiệp và công nghiệp về mọi mặt. Ngoài ra, các vương công còn bắt thành thị phải chịu trách nhiệm về những thắng lợi nhất thời mà phái thị dân hay bình dân đã giành được trong quá trình đấu tranh trong các thành thị ấy. Những thành thị nào trước kia đã thuộc về lãnh địa của vương công thì đều phải đóng những khoản tiền bồi thường rất nặng, mất hết đặc quyền và trở thành những nô lệ bất lực trước sự chuyên chế và gian tham của các vương công (Phran-ken-hau-den, Ác-nơ-stát, Sman-can-den, Vuyếc-xbuốc, v.v. và v.v.); những thành thị thuộc đế chế bị sáp nhập vào các lãnh địa của vương công (thí dụ như Muyn-hau-den) hoặc ít nhất cũng bị đặt dưới sự bảo hộ của các vương công lân cận, như trường hợp một số lớn thành thị thuộc đế chế ở miền Phran-cô-ni.

Trong những hoàn cảnh như thế, kết cục của cuộc Chiến tranh nông dân chỉ có lợi cho riêng *các vương công*. Ngay từ đầu bản trình bày của tôi, chúng ta đã thấy rằng tình trạng kém phát triển về công nghiệp, thương nghiệp và nông nghiệp ở nước Đức đã khiến cho không thể tập hợp được người Đức thành *một dân tộc*, mà chỉ cho phép có một sự tập trung ở địa phương và từng tỉnh, do đó những người đại diện cho sự tập trung ấy trong tình trạng phân tán - tức là các vương công - đã họp thành một đẳng cấp duy nhất phải được lợi nhờ mọi thay đổi trong quan hệ xã

hội và chính trị hồi đó. Trình độ phát triển của nước Đức hồi đó hết sức thấp, và đồng thời hết sức không đồng đều trong các tỉnh khác nhau, đến nỗi bên cạnh những công quốc thế tục vẫn còn có thể tồn tại những lãnh địa độc lập của giáo hội, những cộng hòa thị thành và những bá tước và nam tước có chủ quyền; nhưng đồng thời sự phát triển ấy lại diễn ra - mặc dầu rất chậm và rất yếu, - theo hướng tập trung ở *tỉnh*, nghĩa là làm cho tất cả những đẳng cấp còn lại của đế chế phụ thuộc vào quyền lực của các vương công. Vì vậy, chỉ còn lại có các vương công là có thể được lợi khi cuộc Chiến tranh nông dân kết thúc. Đó là điều đã xảy ra trong thực tế. Không những chúng được lợi một cách tương đối do sự suy yếu của những kẻ cạnh tranh với chúng - tăng lữ, quý tộc và các thành thị, - mà còn được lợi một cách tuyệt đối, vì chúng đã thu được spolia opima (chiến lợi phẩm chính) trên lưng tất cả các đẳng cấp khác. Những tài sản của giáo hội được hoàn tục một cách có lợi cho chúng; một bộ phận giai cấp quý tộc, bị phá sản một nửa hoặc hoàn toàn, dần dần phải lệ thuộc vào quyền lực tối cao của chúng; các khoản tiền bồi thường chiến tranh đánh vào các thành thị và các công xã nông dân đã dồn về ngân khố của chúng; ngoài ra, do việc xóa bỏ một số lớn những đặc quyền của thành thị, nên ngân khố này đã được tự do hơn rất nhiều trong việc thực hiện những mánh khóe tài chính quen thuộc của nó.

Tình trạng phân tán của nước Đức - mà kết quả chính của cuộc Chiến tranh nông dân là làm trầm trọng thêm và củng cố thêm tình trạng phân tán ấy - đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân thất bại của cuộc chiến tranh đó.

Chúng ta đã thấy nước Đức bị phân tán đến như thế nào - không những bị chia thành vô số tỉnh độc lập, hầu như hoàn toàn xa lạ với nhau, mà ở mỗi tỉnh ấy dân chúng lại còn chia ra thành nhiều đẳng cấp và nhóm đẳng cấp khác nhau nữa. Ngoài vương công và giáo sĩ ra, chúng ta còn thấy có quý tộc và nông dân ở nông thôn, quý tộc thành thị, thị dân và bình dân ở thành thị;

tất cả đều là những đẳng cấp có lợi ích hoàn toàn xa lạ với nhau, ngay cả khi những lợi ích của họ không va chạm lẫn nhau hoặc không mâu thuẫn trực tiếp với nhau. Và ở trên tất cả cái mớ chằng chịt những lợi ích phức tạp đó, lại còn có những lợi ích của hoàng đế và của giáo hoàng nữa. Chúng ta đã thấy rằng những lợi ích khác nhau đó rốt cuộc đã họp thành ba nhóm lớn một cách khó nhọc, không hoàn thiện và - tùy theo điều kiện địa phương - không giống nhau như thế nào, rằng mặc dù có sự tập hợp khó nhọc ấy, mỗi đẳng cấp vẫn chống lại khuynh hướng phát triển quốc gia do hoàn cảnh quyết định, vẫn thực hiện sự vận động của mình trên cơ sở tự mình phải gánh lấy hết mọi hậu quả, do đó mà đã xung đột không những với các đẳng cấp bảo thủ, mà còn xung đột với tất cả các đẳng cấp chống đối khác, và cuối cùng đã phải thất bại. Đó là trường hợp của quý tộc trong cuộc khởi nghĩa của Dích-kinh-ghen, của nông dân trong cuộc Chiến tranh nông dân, và của thị dân trong toàn bộ cuộc cải cách hiến lành của họ. Cũng vì vậy mà ngay cả nông dân và bình dân trong phần lớn các miền ở nước Đức cũng đã không thể đi tới một hành động chung và đã cản trở lẫn nhau. Chúng ta cũng đã thấy sự phân tán ấy trong cuộc đấu tranh giai cấp, sự thất bại hoàn toàn của phong trào cách mạng và kết quả nửa vời của phong trào thị dân, do sự phân tán ấy gây ra, là do những nguyên nhân nào quyết định.

Phần trình bày trên đã chỉ cho mọi người thấy rõ rằng tình trạng phân tán theo lối cục bộ, địa phương và tầm mắt hẹp hòi cục bộ, địa phương, - kết quả tất yếu của sự phân tán ấy, - đã đưa toàn bộ phong trào đến chỗ diệt vong như thế nào; rằng cả thị dân, cả nông thôn, cả bình dân đều không có khả năng đạt tới một hành động tập trung có tính chất cả nước như thế nào; rằng nông dân chẳng hạn, đã tự mình hoạt động riêng trong mỗi tỉnh, luôn luôn từ chối không chịu giúp đỡ những nông dân khởi nghĩa của các vùng lân cận, và vì thế, trong những trận giao chiến lẻ, đã lần lượt bị tiêu diệt như thế nào bởi những đội quân mà số lượng thậm chí không bằng một phần mười số lượng nông

dân khởi nghĩa. Những hiệp định đình chiến và những hiệp nghị khác nhau, mà những nhóm riêng lẻ ký kết với những địch thủ của họ, là bấy nhiêu hành vi phản bội sự nghiệp chung; và việc những nhóm riêng lẻ chỉ có thể thống nhất lại với nhau không phải do tính chất thống nhất ít nhiều của những hành động của chính họ, mà chỉ vì họ đụng phải một kẻ thù chung trong lúc này đã đánh bại họ, - tình hình đó là một bằng chứng rõ rệt nhất về sự xa lạ của nông dân ở các tỉnh khác nhau đối với nhau.

Ở đây, tự nhiên người ta cũng lại thấy một điều tương tự với phong trào năm 1848 - 1850. Năm 1848, lợi ích của các giai cấp đối lập cũng đi đến xung đột nhau, mỗi giai cấp đều hành động cho mình. Giai cấp tư sản, đã phát triển quá xa đến mức không còn có thể chịu đựng lâu hơn được nữa chế độ chuyên chế quan liêu - phong kiến, nhưng còn chưa đủ mạnh để bắt những yêu cầu của các giai cấp khác trong xã hội phải phục tùng ngay những yêu cầu của bản thân mình. Giai cấp vô sản, - còn quá yếu nên không thể hy vọng nhanh chóng vượt qua giai đoạn tư sản và mau chóng tự mình cướp lấy chính quyền, - cũng đã kịp nếm đủ vị ngọt bùi của sự thống trị tư sản dưới chế độ chuyên chế và, nói chung, cũng đã phát triển khá cao, để nhận thấy - dù chỉ là trong giấy lát - sự giải phóng của giai cấp tư sản là sự giải phóng bản thân mình. Khối đông trong dân tộc - tiểu tư sản, chủ các xưởng nhỏ (thợ thủ công) và nông dân - bị giai cấp tư sản, lúc đó còn là bạn đồng minh tự nhiên của họ, bỏ mặc cho số phận, vì họ đã tỏ ra quá tư cách mạng, ở đôi nơi họ còn bị giai cấp vô sản bỏ rơi vì chưa đủ tiên tiến; bản thân khối đông ấy đến lượt nó lại hết sức phân tán, họ cũng không đạt được gì cả và giữ thái độ đối lập đối với những đồng minh của họ trong phe đối lập, từ phía hữu cũng như từ phía tả. Rốt cuộc là tất cả các giai cấp tham gia phong trào năm 1848 cũng đều có tính chất hạn chế địa phương không kém gì so với nông dân hồi năm 1525. Hàng trăm cuộc cách mạng địa phương, và tiếp theo sau đó là bấy nhiêu cuộc phản cách mạng, cũng được tiến hành một cách không bị trở ngại như thế, việc duy trì nguyên vẹn sự phân chia

thành những tiểu quốc, v.v. và v.v., chứng minh khá hùng hồn điều đó. *Sau hai cuộc cách mạng Đức năm 1525 và năm 1848 và những kết quả của hai cuộc cách mạng ấy, kẻ nào còn có thể tán nhảm về nền cộng hòa liên bang thì kẻ ấy chỉ đáng được cho vào nhà thương điên mà thôi.*

Nhưng, dù có tất cả những sự giống nhau đi nữa, thì cả hai cuộc cách mạng - cuộc cách mạng thế kỷ XVI và cuộc cách mạng năm 1848 - 1850 - vẫn khác nhau rất căn bản. Cuộc cách mạng năm 1848 nếu không chứng tỏ sự tiến bộ của nước Đức thì ít ra cũng chứng tỏ sự tiến bộ của châu Âu.

Ai là kẻ được lợi dụng trong cuộc cách mạng 1525? - *Các vương công*. Ai là kẻ được lợi trong cuộc cách mạng 1848? - Các vương công *lớn*, Áo và Phổ. Đằng sau những vương công nhỏ năm 1525 là giới tiểu thị dân bị cột vào chúng vì thuế má. Đằng sau những vương công lớn năm 1850, đằng sau nước Áo và nước Phổ, là giai cấp tư sản lớn hiện đại, đã mau chóng bắt chúng phải phục tùng mình nhờ khoản nợ của nhà nước. Còn đằng sau giai cấp tư sản lớn là giai cấp vô sản.

Cuộc cách mạng năm 1525 chỉ là một công việc địa phương của nước Đức. Khi người Đức bắt đầu tiến hành cuộc Chiến tranh nông dân của mình, thì người Anh, người Pháp, người Tréc-khi-a và người Hung-ga-ri đã hoàn thành cuộc chiến tranh nông dân của họ rồi. Nếu nước Đức đã bị phân tán thì châu Âu còn bị phân tán nhiều hơn. Cuộc cách mạng 1848 không phải là một công việc địa phương của nước Đức, mà là một pha cá biệt của những sự kiện vĩ đại ở châu Âu. Những nguyên nhân thúc đẩy cuộc cách mạng này trong suốt quá trình diễn biến của nó không hạn chế trong những giới hạn chật hẹp của một nước, hoặc thậm chí của một bộ phận của thế giới. Hơn thế nữa, những nước là vũ đài của cuộc cách mạng ấy lại là những nước đã tham dự ít nhất vào việc làm nảy sinh ra nó. Những nước đó là những nguyên vật liệu ít nhiều vô ý thức và thụ động, được nhào nặn trong tiến trình của một phong trào mà ngày nay toàn thế giới đều

tham gia, một phong trào mà trong những quan hệ xã hội hiện nay, dĩ nhiên là có thể chỉ thể hiện ra đối với chúng ta như là một lực lượng xa lạ nào đó, mặc dầu rốt cuộc, nó chẳng phải là cái gì khác ngoài phong trào của chính bản thân chúng ta. Vì thế cuộc cách mạng năm 1848 - 1850 không thể kết thúc như cuộc cách mạng năm 1525.

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

TUYÊN BỐ VỀ VIỆC RÚT KHỎI HỘI GIÁO DỤC CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LUÂN ĐÔN[256]

Kính gửi ngài chủ tịch hội nghị thường kỳ của Hội họp vào ngày thứ ba tại phố Grai-tơ-Uyn-đơ-min.

Những người ký tên dưới đây tuyên bố rút khỏi Hội.

Luân Đôn, ngày 17 tháng Chín 1850

H. Bau-ơ, C. Phen-đơ,

I. G. Ếch-ca-ri-út, X.Dai-lơ, C. Mác,

C. Sram, Ph. Ăng-ghen, Ph. Vôn-phơ,

V. Lip-nếch, Hai-nơ, Hau-pơ-tơ,

H. Clô-đơ

Công bố lần đầu tiên

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

THƯ CỦA A-ĐAN, BÁC-TÊ-LÊ-MI VÀ VI-ĐIN[257]

KÍNH GỬI CÁC NGÀI A-ĐAN, BÁC-TÊ-LÊ-MI VÀ VI-ĐIN

Thưa các ngài,

Chúng tôi hân hạnh báo để các ngài biết là chúng tôi đã từ lâu coi hiệp hội mà các ngài đang nói tới là thực tế đã bị tan vỡ. Chỉ còn một việc là hủy bỏ hiệp ước cơ bản[1*] nữa thôi. Có thể, vào chủ nhật tới, ngày 13 tháng Mười, vào buổi trưa, xin ngài A-đan hay ngài Vi-đin làm ơn quá bộ tới gặp ngài Ăng-ghen ở phố Mắc-cơn-phin, Xô-hô, nhà số 6, để tham dự việc đốt bỏ văn kiện nói trên.

Thưa các ngài, xin các ngài, hãy nhận lấy ở chúng tôi lời cám ơn chân thành nhất

Luân Đôn, ngày 9 tháng Mười 1850

Ăng-ghen, Mác, Hác-ni

Công bố lần đầu tiên

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

1* Xem tập này, tr. 722 - 723.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

CHÚ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP VIẾT CHO BÀI BÁO CỦA I.G. ÉCH-CA-RI-ÚT "NGHỀ THỢ MAY Ở LUÂN ĐÔN, HAY LÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIỮA TƯ BẢN LỚN VÀ TƯ BẢN NHỎ"[258]

Tác giả bài này chính là *công nhân* của một trong những xưởng may ở Luân Đôn. Chúng tôi xin hỏi các nhà tư sản Đức rằng liệu họ có được bao nhiêu nhà văn có thể nắm được đến như vậy bản chất của sự vận động thực tại?

Ngay từ trước lúc giai cấp vô sản giành được thắng lợi trên các chiến lũy và các bãi chiến trường, nó đã thông qua hàng loạt thắng lợi tinh thần mà tuyên cáo rằng sẽ tới ngày nó nắm quyền thống trị.

Bạn đọc sẽ thấy ở đây không phải là cái lối phê phán có tính chất lãng mạn, giáo huấn và tâm lý mà Vai-tlinh và các công nhân khác làm công tác văn học cố dùng để chống lại các thể chế hiện hành, ở đây người ta chống lại xã hội tư sản và sự vận động của nó bằng một quan niệm hoàn toàn duy vật và tự do

hơn, quan niệm này không hề để cho những thói đỏng đảnh của tâm tính làm cho rối trí. Trong khi đặc biệt ở Đức và, với mức độ đáng kể ở Pháp, những người thợ thủ công cố chống lại sự suy sụp của ngành thủ công nghiệp bán trung cổ của họ và muốn được liên hiệp lại *với tư cách là những thợ thủ công*, thì ở đây, sự thất bại của thủ công nghiệp trong cuộc đấu tranh với đại công nghiệp được đón mừng và được coi như một sự tiến bộ, và đồng thời qua những kết quả và những thành tựu của nền đại công nghiệp người ta nhận thức được và phát hiện ra những điều kiện thực tế của cách mạng vô sản do chính bản thân lịch sử đẻ ra và đang được lịch sử tạo ra thêm hàng ngày.

Viết vào tháng Mười 1850
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 5 - 6, năm 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

PH.ĂNG-GHEN

BÀN VỀ KHẨU HIỆU BÃI BỎ NHÀ NƯỚC VÀ VỀ "NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA TƯ TƯỞNG VÔ SẢN CHÍNH PHỦ" Ở ĐỨC[259]

"Những người cộng sản quan niệm việc bãi bỏ nhà nước chỉ là kết quả tất yếu của việc thủ tiêu các giai cấp, mà đã thủ tiêu các giai cấp thì tự khắc sẽ không còn nhu cầu phải có lực lượng có tổ chức của một giai cấp để bắt những giai cấp khác phục tùng mình. Ở các nước *tư sản*, việc bãi bỏ nhà nước có nghĩa là hạ thấp quyền lực nhà nước xuống trình độ như ở Bắc Mỹ. Tại đây, các mâu thuẫn giai cấp chưa phát triển đầy đủ; những xung đột giai cấp lần nào cũng được xóa mờ đi do số dân vô sản thừa tràn sang miền Tây; việc can thiệp của quyền lực nhà nước tại miền Đông chỉ có ở mức tối thiểu, thì ở miền Tây hoàn toàn không có. Ở các nước *phong kiến*, việc bãi bỏ nhà nước có nghĩa là bãi bỏ chế độ phong kiến và thiết lập nhà nước tư sản thông thường. Ở Đức, thì khẩu hiệu bãi bỏ nhà nước nhằm che đậy hoặc một thái độ hèn nhát chạy trốn cuộc đấu tranh đang diễn ra trực tiếp, hoặc một thái độ bịp bợm thổi phồng nền tự do *tư sản* lên tới quyền độc lập và tự chủ tuyệt đối của từng *cá nhân riêng lẻ*,

hoặc, sau hết, là thái độ thờ ơ của nhà tư sản đối với bất kỳ hình thức nhà nước nào, miễn là nó đừng kìm hãm quyền lợi tư sản phát triển. Và nếu như việc bãi bỏ nhà nước "với ý nghĩa cao nhất" đó được tuyên truyền với hình thức lố bịch như vậy thì, tất nhiên, những Stiếc-nơ và Phau-sơ ở Béc-lin không có lỗi gì trong vấn đề này. La plus belle fille de France ne peut donner que ce qu'elle a[1*] ("Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" số 4, tr. 56[2*]).

Trong khi đó việc bãi bỏ nhà nước, *tình trạng vô chính phủ*, đã trở thành một từ ngữ hợp thời ở Đức. Lẻ tẻ có những học trò người Đức của Pru-đông[260], phái dân chủ "tối cao" Béc-lin và thậm chí cả "những bộ óc cao thượng nhất của dân tộc" đã bị lãng quên trong nghị viện Stút-gát và trong hội đồng nhiếp chính đế chế[261] - tất cả bọn họ, mỗi người một phách, đã tiếp thu cái từ ngữ có vẻ cấp tiến cực đoan ấy.

Tất cả những phe cánh đó đều nhất trí với nhau trong việc cố gắng duy trì *xã hội tư sản* hiện có. Nhưng, với việc bảo vệ xã hội tư sản, bọn họ tất cũng bảo vệ quyền thống trị của giai cấp tư sản, mà ở Đức thì thậm chí còn là bảo vệ việc giai cấp tư sản giành lấy quyền thống trị;[3*] bọn họ chỉ khác với những đại biểu chính thức của giai cấp tư sản ở cái hình thức khác thường làm cho họ có vẻ là những con người "đi đầu", "tiên tiến nhất trần đời". Trong tất cả mọi cuộc đụng độ trong đời sống thực tiễn cái vẻ bề ngoài đó đã biến mất; đứng trước tình trạng vô chính phủ *thật sự* trong các cuộc khủng hoảng cách mạng[4*] khi mà quần chúng [và quyền lực nhà nước] tung "sức mạnh thô bạo" ra đối chọi lại nhau, các vị đại diện cho tư tưởng vô chính phủ đó lần nào cũng làm mọi chuyện có thể làm để xóa bỏ tình

1*- Cô gái xinh đẹp nhất nước Pháp chỉ có thể hiến dâng cái cô ta có.
2* Xem tập này, tr. 403.
3* Tiếp theo trong bản thảo có gạch bỏ từ "chính trị".
4* Trong bản thảo có gạch bỏ một đoạn: "khi mà quyền lực nhà nước biến mất trước quyền lực của quần chúng" ("wo die Staatsmacht vor der Macht der Massen verschwand"). Trong đoạn không bị gạch bỏ tiếp sau đó có từ "gegeneinander" - "đối chọi lại nhau", chứng tỏ rằng đằng sau những từ mới được viết thêm vào ("wo die Massen" - "khi mà quần chúng", có lẽ còn bỏ sót mấy từ "und die Staatsmacht" - "và quyền lực nhà nước" mà trong bản tiếng Nga được đặt trong dấu ngoặc vuông.

trạng vô chính phủ. Nội dung của "tình trạng vô chính phủ" rùm beng đó rút cục chỉ là cái mà ở các nước phát triển hơn người ta diễn đạt bằng từ "trật tự". "Những người bạn của tư tưởng vô chính phủ" ở Đức có sự entente cordiale[1*] hoàn toàn với "những người bạn của trật tự" ở Pháp.

Trong chừng mực những người bạn của tư tưởng vô chính phủ không bị lệ thuộc vào hai người Pháp là Pru-đông và Gi-rác-đanh, trong chừng mực cách suy nghĩ của họ còn mang nguồn gốc Đức, thì tất cả bọn họ cùng có chung một cội nguồn: đó là *Stiếc-nơ*. Nhìn chung, thời kỳ nền triết học Đức phân hóa đã đem lại cho phái dân chủ Đức phần lớn những câu văn chung chung của nó. Những quan niệm và những câu văn của những học giả Đức gần đây nhất, đặc biệt là của Phoi-ơ-bắc và Stiếc-nơ, ngay từ trước tháng Hai, đã thâm nhập dưới dạng khá loãng vào ý thức văn chương tầm thường và vào văn chương báo chí, những thứ mà, đến lượt chúng, lại được dùng làm nguồn tư tưởng chủ yếu cho các vị thủ lĩnh dân chủ sau tháng Ba. Việc Stiếc-nơ tuyên truyền cho tình trạng không có nhà nước đã tỏ ra đặc biệt hữu ích để làm cho tình trạng vô chính phủ, theo Pru-đông, và việc xóa bỏ nhà nước, theo Gi-rác-đanh, có được cái "ý nghĩa cao siêu" vốn có của nền triết học Đức. Cuốn sách của Stiếc-nơ "Kẻ duy nhất và sở hữu của nó"[262] thực ra đã bị lãng quên, nhưng cách suy nghĩ của ông ta, đặc biệt là cách ông ta phê phán nhà nước, lại thấy nổi lên ở những người bạn của tư tưởng vô chính phủ. Nếu như trước đây chúng ta đã nghiên cứu các nguồn sách báo các vị đó sử dụng, trong phạm vi đó là sách báo Pháp[263], thì để phân tích những nguồn tư liệu Đức của họ, chúng ta phải một lần nữa lặn xuống những lớp sâu của nền triết học Đức lỗi thời. Nếu phải nghiên cứu cuộc luận chiến thông thường ở Đức thì tiếp xúc với những ông tổ của một quan điểm nào đó bao giờ cũng lý thú hơn là tiếp xúc với những kẻ mua lại các món hàng ế ẩm.

Hỡi nàng thơ, hãy thắng yên cương con Phi mã
cho tôi lần nữa
Để bay vào cõi thơ mộng thuở xưa ![264].

1*- đồng tâm nhất trí

Trước khi xét chính bản thân cuốn sách nêu trên của Stiếc-nơ, chúng ta cần hồi tưởng lại "cõi thơ mộng thuở xưa" và cái thời đã bị lãng quên mà cuốn sách ấy ra đời. Trong khi giai cấp tư sản Phổ bám lấy những khó khăn tài chính mà chính phủ vấp phải để bắt đầu tranh đoạt cho mình quyền lực chính trị, thì chính trong thời gian đó, bên cạnh phong trào tư sản - lập hiến, phong trào cộng sản cũng ngày càng phát triển trong giai cấp vô sản. Những phần tử tư sản trong xã hội, - những kẻ hãy còn cần đến giai cấp vô sản ủng hộ để đạt tới những mục tiêu của riêng họ, - ở mọi nơi đều phải mạo xưng là những người ủng hộ một kiểu chủ nghĩa xã hội nào đấy; phe bảo thủ và phe phong kiến cũng phải đưa ra những hứa hẹn cho giai cấp vô sản. Bên cạnh cuộc đấu tranh của tư sản và nông dân chống lại tầng lớp quý tộc phong kiến và quan lại là cuộc đấu tranh của những người vô sản chống lại tư sản; còn ở giữa hai cuộc đấu tranh đó là một loạt nhóm chủ nghĩa xã hội trung gian bao gồm đủ thứ chủ nghĩa xã hội: chủ nghĩa xã hội phản động, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội tư sản; và toàn bộ cuộc đấu tranh đó, tất cả những xu hướng đó đều bị trấn áp, không thể biểu hiện ra được vì sự đè nén của chính quyền nhà nước, kiểm duyệt, cấm lập hội và hội họp. Tình hình các đảng phái vào lúc nền triết học Đức giành được những thắng lợi nghèo nàn cuối cùng của nó, là như vậy.

Ngay từ đầu sự kiểm duyệt đã buộc tất cả mọi phần tử ít nhiều không ăn cánh phải chọn cách diễn đạt sao cho thật trừu tượng; truyền thống triết học Đức mà chính lúc đó đã đi đến sự tan rã hoàn toàn của trường phái Hê-ghen, đã đem lại cách thức diễn đạt như vậy. Cuộc đấu tranh chống tôn giáo hãy còn đang tiếp diễn. Cuộc đấu tranh chính trị chống lại chính quyền hiện hành trong lĩnh vực báo chí càng trở nên khó khăn bao nhiêu thì nó càng được tiến hành sôi sắng bấy nhiêu dưới hình thức đấu tranh tôn giáo và triết học. Nền triết học Đức, dưới dạng loãng nhất của nó, đã trở thành tài sản chung của "những người có văn hóa", và nó càng trở thành tài sản chung bao nhiêu thì những

quan điểm của các nhà triết học càng trở nên loãng, rời rạc và tầm thường bấy nhiêu, và trong con mắt đám công chúng "có văn hóa" cái tính chất hỗn độn và tầm thường đó càng tạo ra uy tín lớn hơn cho các quan điểm ấy.

Sự hỗn độn trong đầu óc "những người có văn hóa" thật là khủng khiếp và nó ngày càng tăng lên. Đó thực sự là món hầu lốn những tư tưởng có nguồn gốc Đức, Pháp, Anh, cổ đại, trung cổ và cận đại. Tình trạng hỗn độn càng nặng nề hơn vì tất cả những tư tưởng đều chỉ được mượn lại từ những tay thứ hai, thứ ba và thứ tư và vì vậy mà được truyền đi dưới dạng méo mó đến mức không nhận ra nổi. Chẳng những tư tưởng của phái tự do và phái chủ nghĩa xã hội Pháp và Anh, mà cả tư tưởng của những người Đức, chẳng hạn như của Hê-ghen, cũng chịu chung số phận như vậy. Toàn bộ sách báo thời đó, đặc biệt, như ta sẽ thấy, cuốn sách của Stiếc-nơ, cung cấp vô vàn bằng chứng về chuyện này, và sách báo Đức hiện đại cho đến nay vẫn còn bị ảnh hưởng nặng nề vì những hậu quả của tất cả những chuyện đó.

Trong cái mớ bòng bong ấy, những trận giao tranh triết học tưởng tượng được coi là sự phản ánh những trận giao chiến thực sự. Mỗi một "bước ngoặt mới" trong triết học đều thu hút được sự chú ý chung của "những người có văn hóa" mà ở Đức là bao gồm vô vàn những kẻ vô công rồi nghề, những kẻ chờ bổ nhiệm vào các cương vị tư pháp và giảng dạy, những nhà thần học không thành đạt, những thầy thuốc không hành nghề, những nhà hoạt động văn học, v.v.. Đối với những người này, mỗi "bước ngoặt mới" như vậy có nghĩa là một sự vượt qua và hoàn toàn thủ tiêu một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định. Chẳng hạn như, chỉ cần bất kỳ một triết gia nào đấy lên tiếng phê phán gì đó chủ nghĩa tự do tư sản, thì lập tức chủ nghĩa tự do đó sẽ bị xem như đã chết, sẽ bị loại ra khỏi quá trình phát triển lịch sử và cũng bị thủ tiêu luôn cả trên thực tế. Với chủ nghĩa cộng hòa, chủ nghĩa xã hội, v.v., cũng vậy. Những giai đoạn phát triển ấy thực

sự được "thủ tiêu", "vượt qua", "xóa bỏ" tới mức nào, thì điều này đã lộ rõ ra về sau, vào thời kỳ cách mạng, khi mà những cái đó trở nên có vai trò trọng yếu, còn những triết gia phá hoại chúng thì người ta đã thôi không nhắc tới nữa.

Tính chất hỗn độn về hình thức và nội dung, tính chất dung tục dương dương tự đắc và sự nhằm nhí phô trương, tính chất tầm thường khôn tả và phép biện chứng nghèo nàn đặc trưng cho nền triết học Đức ấy trong giai đoạn cuối cùng của nó, đã vượt lên trên tất cả những gì đã từng có lúc xuất hiện trong lĩnh vực này. Chỉ có một điều có thể sánh với cái đó là sự nhẹ dạ không thể tưởng tượng của đám công chúng đã tưởng tất cả những cái đó là sự thật, là cái mới hiện đại nhất, là "một cái gì chưa từng thấy". Dân tộc Đức, "vững vàng" làm vậy"...[1*].

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Mười 1850
Công bố lần đầu trên tạp chí "Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác" số 6, 1927

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Đến đây bản thảo bị đứt đoạn.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÀI THỨ BA ĐIỂM TÌNH HÌNH QUỐC TẾ

TỪ THÁNG NĂM ĐẾN THÁNG MƯỜI

Những phong trào chính trị trong vòng sáu tháng gần đây khác hẳn với những phong trào ngay trước đó. Khắp nơi phe cách mạng bị đẩy ra khỏi vũ đài, những kẻ chiến thắng tranh giành nhau thành quả thắng lợi: tại Pháp - đó là những cánh tư sản khác nhau, tại Đức - những vua chúa khác nhau. Cuộc tranh cãi diễn ra rất ồn ào, tưởng chừng không thể tránh khỏi đoạn tuyệt công khai, phải giải quyết cuộc tranh chấp bằng lực lượng vũ trang. Trong khi đó cũng không thể tránh khỏi là vũ khí sẽ không được đem ra sử dụng, tính do dự lại sẽ tìm thấy chỗ ẩn náu trong các hiệp định hòa bình để rồi sau đó lại bắt đầu chuẩn bị chiến tranh ngoài mặt.

Nhưng đầu tiên ta hãy xét cái cơ sở *thực tế* trên đó diễn ra những trận sóng gió bề mặt đó.

Những năm 1843 - 1845 là những năm công nghiệp và thương mại phồn vinh, một hậu quả tất yếu của việc công nghiệp đình đốn hầu như triền miên trong thời kỳ những năm 1837 - 1842. Cũng như mọi khi, tình trạng phồn vinh đã rất nhanh chóng đẻ

ra nạn đầu cơ. Nạn đầu cơ bao giờ cũng xảy ra vào những thời kỳ mà sự sản xuất thừa đã ở mức độ rất cao. Nó là lối thoát tạm thời cho sản xuất thừa, nhưng chính vì vậy mà nó lại đẩy nhanh khủng hoảng mau tới và tăng thêm sức mạnh của khủng hoảng. Bản thân khủng hoảng lúc đầu nổ ra trong lĩnh vực đầu cơ và chỉ sau đó mới bao trùm đến sản xuất. Vì vậy nếu quan sát hời hợt thì tưởng rằng nguyên nhân gây ra khủng hoảng không phải là sản xuất thừa, mà là nạn đầu cơ không sao kìm hãm được, thực ra bản thân sự đầu cơ chỉ là triệu chứng của sản xuất thừa. Việc công nghiệp tan rã tiếp sau đó được coi như không phải là kết quả tất yếu của việc nó phát triển như vũ bão trước đó, mà chỉ là sự phản ánh đơn thuần việc phá sản xảy ra trong lĩnh vực đầu cơ. Nhưng vì lúc này chúng tôi không thể trình bày đầy đủ lịch sử cuộc khủng hoảng xảy đến sau những năm 1843 - 1845, nên chúng tôi chỉ nêu lên những triệu chứng đáng kể nhất trong *số những triệu chứng* đó của sản xuất thừa.

Nạn đầu cơ bắt đầu vào những năm phồn vinh, 1843 - 1845, chủ yếu lan tràn sang ngành kinh doanh đường sắt, ở đó nó dựa vào một nhu cầu có thực: vào việc buôn bán lúa mì, do sự tăng giá vào năm 1845 và bệnh khoai tây; vào việc buôn bán bông sau vụ mất mùa bông năm 1846 và vào việc buôn bán ở Đông - Ấn và Trung Quốc, là lĩnh vực mà nạn đầu cơ theo sát gót việc Anh thâm nhập vào thị trường Trung Quốc.

Việc mở rộng hệ thống đường sắt Anh đã bắt đầu từ năm 1844, nhưng chỉ đến năm 1845 mới được triển khai đầy đủ. Riêng trong năm đó số đơn xin lập những công ty đường sắt đăng ký được đã lên tới 1035. Tháng Hai 1846, sau khi gạt bỏ nhiều dự án trong số những dự án đã đăng ký đó, số tiền phải nộp cho chính phủ về những dự án còn có hiệu lực vẫn còn là một khoản lớn, bằng 14 triệu p.xt., và năm 1847 tổng số tiền nộp ấy ở Anh đã lên quá 42 triệu p.xt., trong đó hơn 36 triệu là của đường sắt ở Anh, rồi đến 5½ triệu của đường sắt ở nước ngoài. Thời kỳ cực thịnh của hoạt động đầu cơ này là mùa hè và mùa thu

năm 1845. Giá cổ phiếu không ngừng tăng lên, và tiền lời của những kẻ đầu cơ đã nhanh chóng cuốn hút mọi tầng lớp dân cư vào luồng nước xoáy ấy. Các công tước và bá tước tranh giành với các thương gia và các chủ xưởng cái danh vị béo bở được có chân trong các ban quản trị các tuyến đường sắt khác nhau. Các nghị sĩ hạ nghị viện, các uỷ viên tòa án, giới tăng lữ đều có nhiều đại diện trong những ban quản trị đó. Ai có được một số tiền tiết kiệm dù ít ỏi, ai có được một số tín dụng dù nhỏ nhoi nhất cũng đem đầu cơ vào cổ phiếu đường sắt. Số tờ báo đường sắt, trước đây có ba tờ, nay vọt lên trên hai chục tờ. Một số tờ báo lớn ra hàng ngày không hiếm dịp kiếm được tới 14 nghìn p.xt. trong một tuần nhờ đăng những thông báo và những đồ án đường sắt. Kỹ sư không đủ và họ được lĩnh tiền công rất cao. Những thợ in ti-pô, những thợ in li-tô, những người đóng sách, những người buôn giấy, v.v. phục vụ cho việc in các bản đồ án, kế hoạch, bản đồ, v.v., những chủ xưởng đồ gỗ cung cấp bàn ghế cho những văn phòng mọc lên như nấm của rất nhiều ban quản trị mới, của những ủy ban lâm thời, v.v., kiếm được những món tiền lớn. Dựa vào sự mở rộng thật sự hệ thống đường sắt ở Anh và trên lục địa và dựa vào hoạt động đầu cơ gắn liền với việc đó, thời kỳ ấy đã dần dần hình thành nên một khối kiến trúc thượng tầng gồm những kẻ lừa bịp làm ta liên tưởng tới thời Lô và Công ty Nam Hải[265]. Hàng trăm tuyến đường được thiết kế mà không chút hy vọng thành công, vả lại chính các tác giả các bản thiết kế hoàn toàn không nghĩ tới việc thực hiện thực sự các bản đó, và nhìn chung câu chuyện chỉ xoay quanh việc các ông giám đốc tiêu vung những khoản tiền ký quỹ và việc lừa đảo kiếm lời nhờ bán cổ phiếu.

Tháng Mười 1845 bắt đầu có sự phản ứng mà chẳng mấy lâu sau đã trở thành nỗi kinh hoàng thật sự. Ngay từ trước tháng Hai 1846 (khi những số tiền ký gửi phải đem nộp cho chính phủ) những dự án thiếu cơ sở nhất đã bị phá sản. Tháng Tư 1846 điều này đã ảnh hưởng tới các thị trường chứng khoán trên lục địa. Tại Pa-ri, Hăm buốc, Phran-phuốc, Am-xtéc-đam người ta buộc

phải bán tống bán tháo theo những giá sụt xuống rất thấp, do đó hàng loạt chủ ngân hàng và những người môi giới bị vỡ nợ. Cuộc khủng hoảng đường sắt tiếp diễn cho tới tận mùa thu năm 1848, mà nó kéo dài là vì ngay cả những dự án vững vàng hơn cũng liên tục bị phá sản, tùy theo mức độ bộc lộ tình hình khốn đốn chung và mức độ yêu cầu nộp tiền thanh toán; cuộc khủng hoảng đường sắt trở nên trầm trọng còn vì khủng hoảng đã xảy đến cả trong những lĩnh vực đầu cơ khác - trong ngành thương mại và công nghiệp, khiến giá những cổ phiếu lâu dài hơn và vững vàng hơn cũng dần dần sụt xuống cho tới khi sụt tới mức thấp nhất vào tháng Mười 1848.

Tháng Tám 1845 dư luận chung lúc đầu chú ý tới bệnh khoai tây phát hiện thấy chẳng những ở Anh và Ai-rơ-len, mà còn cả ở lục địa; đó là triệu chứng đầu tiên cho thấy chính những gốc rễ của xã hội hiện tại đã bị thối mục. Đồng thời lại có những tin tức cho rằng ngay cả lúa mì triển vọng thu hoạch cũng chắc chắn sẽ rất kém. Do hai tình hình đó mà giá lúa mì trên tất cả các thị trường châu Âu tăng lên khá mạnh. Tại Ai-rơ-len xảy ra nạn đói thực sự, buộc chính phủ Anh phải xuất 8 triệu p.xt. cho nước này vay, vừa chẩn một p.xt. cho mỗi đầu người Ai-rơ-len. Nước Pháp, nơi mà tai họa càng trầm trọng hơn do nạn lụt gây tổn hại 4 triệu p.xt., bị mất mùa hết sức nặng nề. Hà Lan và Bỉ cũng bị mất mùa nặng không kém. Tiếp theo vụ mất mùa năm 1845 lại đến vụ mất mùa còn nặng hơn vào năm 1846, và bệnh khoai tây lại tái phát, mặc dù không đến nỗi trầm trọng như vậy. Điều đó tạo ra cơ sở hoàn toàn hiện thực cho hoạt động đầu cơ ngũ cốc, nó càng hoành hành dữ dội hơn vì những vụ lúa tốt các năm 1842 - 1844 đã một thời gian dài hầu như không cho nó nổ ra. Những năm 1845 - 1847 nước Anh nhập lúa mì nhiều hơn bất kỳ thời gian nào trước đấy. Giá lúa mì tiếp tục lên cao cho tới mùa xuân năm 1847, khi bắt đầu thời kỳ dao động vì từ các nước khác nhau có những tin trái ngược nhau về vụ được mùa mới và về những biện pháp mà các chính phủ khác nhau thi hành (mở các bến cảng cho tự do nhập lúa mì, v.v.); sau hết,

buôn bán lẻ. Thứ hai, những khoản chi liên tục cho xây dựng đường sắt, mà chỉ tính riêng trong tháng Tư đã là 4314000 p. xt., đã buộc phải xuất rất nhiều tiền ký quỹ ra khỏi ngân hàng. Một phần số tiền xin được để chi cho đường sắt ở nước ngoài, thì chạy thẳng ra nước ngoài. Việc nhập quá mức đường, cà-phê và các thứ hàng thuộc địa khác vượt quá nhu cầu nhiều, mà quy mô tiêu dùng và giá cả các loại hàng đó đã tăng thêm hơn nữa do nạn đầu cơ, việc nhập bông một cách quá mức do tình trạng mua đầu cơ tích trữ vì có những tin cho biết vụ bông sẽ rất kém và đặc biệt là việc nhập quá nhiều lúa mì, do lại bị mất mùa, - đã đòi hỏi thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt hoặc bằng kim loại quý đúc thành thỏi, điều này cũng làm cho vàng và bạc chạy ra nước ngoài khá nhiều. Tuy nhiên, bất kể những biện pháp ngân hàng nói trên, các kim loại quý vẫn tiếp tục chạy ra khỏi nước Anh cho tới cuối tháng Tám.

Các quyết định của ngân hàng và những tin tức về mức quỹ dự trữ của nó còn thấp đã lập tức gây nên một tình trạng bi đát trên thị trường tiền tệ và một tình trạng kinh hoàng bao trùm toàn bộ ngành thương nghiệp nước Anh mà, xét về cường độ của nó, chỉ có thể sánh với tình trạng kinh hoàng năm 1845. Vào những tuần cuối tháng Tư và bốn ngày đầu tháng Năm hầu như mọi cuộc giao dịch tín dụng đều đình chỉ. Tuy nhiên, trong thời gian này không xảy ra vụ vỡ nợ bất thường nào. Các hãng buôn chỉ có thể đứng vững bằng cách trả lãi suất cao và đành bán tống tháo hàng dự trữ, các thứ chứng khoán quốc gia, v.v. của họ đi theo những giá phá sản. Việc thậm chí cả hàng loạt những hãng buôn vững vàng nhất được cứu thoát trong màn đầu cuộc khủng hoảng ấy chỉ là để chuẩn bị cơ sở cho chúng đổ vỡ sau đó. Việc khắc phục được mối hiểm nguy ban đầu, trực tiếp đe dọa đó đã giúp đắc lực cho việc củng cố lòng tin; kể từ ngày 5 tháng Năm tình trạng bi đát trên thị trường tiền tệ bắt đầu giảm đi rõ rệt, và tới cuối tháng Năm thì nỗi lo sợ hầu như đã dịu lắng.

Tuy nhiên mấy tháng sau, vào đầu tháng Tám, bắt đầu có những vụ vỡ nợ nổi riêng trên trong ngành buôn bán lúa mì, tiếp diễn cho tới tháng Chín, và chúng chưa kịp chấm dứt thì cuộc khủng hoảng lại bùng nổ với sức mạnh gấp bội trong mọi lĩnh vực thương nghiệp, đặc biệt là trong quan hệ buôn bán với Tây và Đông - Ấn và với đảo Máp-ríc, hơn nữa chuyện này lại diễn ra đồng thời trên các thị trường Luân Đôn, Li-vớc-pun, Man-se-xtơ và Gla-xgô. Trong tháng Chín, chỉ tính riêng Luân Đôn đã có 20 hãng bị vỡ nợ với tổng số tiền nợ từ 9 đến 10 triệu pao xtéc-linh.

"Khi ấy chúng ta đã trải qua những vụ sụp đổ của các triều đại nhà buôn ở Anh, không thua gì những vụ sụp đổ của các hãng chính trị tại lục địa mà chúng ta từng phải nghe nhiều đến thế trong thời gian gần đây".

Đi-xra-e-li đã nói như vậy tại hạ nghị viện ngày 30 tháng Tám 1848. Những vụ vỡ nợ của các hãng buôn bán với Đông - Ấn tiếp diễn liên tục cho tới cuối năm và lại tái diễn vào những tháng đầu năm 1848, khi bắt đầu có những tin phá sản của các hãng buôn tương ứng ở Can-cút-ta, Bom-bay, Ma-đrát và trên đảo Máp-ríc.

Những vụ vỡ nợ xảy ra hàng loạt chưa từng thấy trong lịch sử thương nghiệp, đó là do nạn đầu cơ quá mức rất phổ biến và do nạn đầu cơ khiến cho phải nhập khẩu quá mức các hàng hóa thuộc địa, gây nên. Được giả tạo giữ ở mức độ cao trong một thời gian dài, giá các hàng hóa này một phần đã bắt đầu sụt xuống ngay từ trước khi có tình trạng kinh hoàng tháng Tư 1847; tuy nhiên, việc sụt giá các hàng hóa đó một cách phổ biến chỉ diễn ra *sau* tình trạng kinh hoàng đó, khi mà toàn bộ hệ thống tín dụng bị sụp đổ, và lần lượt hết hãng này đến hãng khác buộc phải vội vã bán chạy hàng hóa một cách ồ ạt. Giá hàng đặc biệt xuống thấp từ tháng Sáu và tháng Bảy đến tháng Mười một và làm phá sản ngay cả những hãng buôn lâu đời và vững vàng nhất.

Trong tháng Chín các vụ phá sản còn đóng khung ở *các hãng buôn thuần túy*. Ngày 1 tháng Mười ngân hàng nâng tỷ suất chiết khấu tối thiểu cho các kỳ phiếu ngắn hạn lên đến 5 ½% và

đồng thời tuyên bố rằng từ đây nó sẽ không xuất cho vay với bất kỳ loại chứng khoán quốc gia nào. Cái áp lực đó *cả các ngân hàng cổ phiếu lẫn các chủ ngân hàng tư nhân* không tài nào còn chịu đựng nổi. "Ngân hàng hoàng gia Li-vớc-pun", "Công ty ngân hàng Li-vớc-pun", "Ngân hàng Oen-xơ Bắc và Nam", "Ngân hàng cổ phiếu thống nhất Niu-cát-xơ", v.v. và v.v. lần lượt sụp đổ trong vòng mấy hôm. Cùng lúc đó, nhiều ngân hàng tư nhân nhỏ hơn trên khắp mọi miền nước Anh cũng tuyên bố vỡ nợ.

Gắn liền với việc các ngân hàng đình chỉ hoàn toàn mọi sự thanh toán như thế, điển hình nhất là vào tháng Mười, là rất nhiều vụ phá sản của những người môi giới ở sở giao dịch buôn bán chứng khoán, kỳ phiếu và cổ phiếu, những người môi giới trong lĩnh vực hàng hải, buôn chè và các mặt hàng bông vải sợi, những chủ xí nghiệp sản xuất sắt thép và những nhà buôn sắt thép, những chủ xí nghiệp sợi bông, sợi len và in vải hoa, v.v. ở Li-vớc-pun, Man-se-xtơ, Ôn-đêm, Ha-li-phắc, Gla-xgô, v.v.. Theo lời ngài Tu-cơ[266] thì những vụ phá sản này, xét về số vụ cũng như về tổng số tư bản, chưa có tiền lệ nào trong lịch sử thương nghiệp Anh và vượt xa những vụ phá sản trong thời kỳ khủng hoảng năm 1825. Ngày 23 - 25 tháng Mười khủng hoảng đạt tới đỉnh cao nhất, và mọi cuộc giao dịch thương nghiệp đều bị đình hẳn. Khi ấy đoàn đại biểu ở Xi-ti đã đòi chấm dứt được hiệu lực của đạo luật về ngân hàng năm 1844, đó là thành quả của óc sáng tạo của ngài Rô-bớc Pin quá cố[267]. Việc này lập tức chấm dứt tình trạng chia ngân hàng thành hai chi cục hoàn toàn độc lập, với hai quỹ tiền mặt riêng biệt. Chỉ cần thể thức cũ tồn tại lấy hai ba ngày nữa là một trong hai chi cục - chi cục ngân hàng - nhất định sẽ bị phá sản trong khi chi cục phát hành lại tích trữ sáu triệu tiền vàng.

Ngay từ tháng Mười khủng hoảng đã bắt đầu ảnh hưởng đến *lục địa*. Những vụ phá sản lớn diễn ra cùng một lúc tại Bruy-xen, Hăm-buốc, Brê-men, En-bơ-phen-đơ, Giê-nơ, Li-voóc-nô, Cuốc-tơ-rơ, Xanh-Pê-téc-bua, Li-xbon và Vơ-ni-đơ. Cường độ khủng hoảng ở

Anh càng dịu dần đi thì nó lại mạnh lên ở lục địa và truyền lan tới những nơi trước nay không bị động chạm tới. Trong thời kỳ tồi tệ nhất thì giá hối đoái lại thuận lợi đối với nước Anh, và, thế là, từ tháng Mười một nước Anh đã thu hút được vàng và bạc đổ về ngày một nhiều chẳng những từ nước Nga và lục địa, mà còn từ Mỹ nữa. Kết quả trực tiếp của việc này là thị trường tiền tệ ở Anh càng phồn vinh lên thì tại tất cả những nơi khác trong thế giới buôn bán nó càng thu hẹp lại và khủng hoảng tại đấy càng lan rộng với mức độ cũng như thế. Như vậy, vào tháng Mười một, số vụ phá sản ở bên ngoài nước Anh bắt đầu tăng lên; giờ đây những vụ phá sản lớn diễn ra tại Niu-Oóc, Rốt-téc-đam, Am-xtéc-đam, Ha-vrơ, Bai-on-nơ, Ăng-ve, Mông-xơ, Tơ-ri-e-xtơ, Ma-đrít và Xtốc-khôm. Tháng Chạp, khủng hoảng cũng nổ ra tại Mác-xây và An-giê-ri, còn tại Đức thì nó hoành hành với một sức mạnh mới.

Giờ đây chúng ta đã đi tới thời điểm nổ ra cuộc cách mạng tháng Hai ở Pháp. Nếu như ta nhìn qua bản liệt kê các vụ phá sản mà Đ.M.Ê-van-xơ đưa ra trong cuốn sách của ông "Cuộc khủng hoảng thương nghiệp năm 1847 - 1848" (Luân Đôn năm 1848)[268], thì ta sẽ thấy rằng tại Anh *không hề có một hãng lớn nào bị phá sản* vì cuộc cách mạng này. Những vụ phá sản duy nhất gắn liền với cuộc cách mạng đó đã xảy ra trong đám người môi giới ở sở giao dịch do tất cả các loại chứng khoán quốc gia trên lục địa bị bất ngờ mất giá. Tất nhiên là những vụ phá sản y như vậy của những kẻ môi giới ở sở giao dịch cũng diễn ra cả ở Am-xtéc-đam, Hăm-buốc, v.v.. Các phiếu công trái hợp nhất tại Anh sụt giá 6%, mà sau cuộc cách mạng tháng Bảy thì sụt 3%. Như vậy, đối với những kẻ môi giới ở sở giao dịch thì nền Cộng hòa tháng Hai chỉ nguy hiểm hơn nền Quân chủ tháng Bảy gấp hai lần mà thôi.

Trong sự phát triển của nó, tình trạng kinh hoàng bao trùm Pa-ri sau những sự kiện tháng Hai và lan truyền đi khắp lục địa đồng thời với những cuộc cách mạng, có nhiều điểm giống với

tình trạng kinh hoàng tại Luân Đôn vào tháng Tư 1847. Tín dụng bất thình lình hết nhẵn, và các hợp đồng giao dịch hầu như hoàn toàn đình chỉ; tại Pa-ri, Bruy-xen và Am-xtéc-đam mọi người đổ xô đến các ngân hàng để đổi tiền giấy lấy vàng. Nhìn chung thì ngoài lĩnh vực buôn chứng khoán, vẫn chỉ có rất ít vụ phá sản, và vị tất có thể coi những trường hợp ít ỏi ấy là kết quả tất yếu của cách mạng tháng Hai. Việc các chủ ngân hàng Pa-ri đình chỉ thanh toán, mà đa số trường hợp chỉ mang tính chất nhất thời, một phần là có liên quan tới việc buôn chứng khoán, còn một phần chỉ là biện pháp phòng xa đơn thuần, chứ tuyệt nhiên không phải do tình trạng vỡ nợ thực sự gây ra; hoặc, sau hết, họ làm vậy chỉ là để trêu tức chính phủ lâm thời, gây những khó khăn cho nó và buộc nó phải có những nhượng bộ. Còn về những vụ phá sản của các chủ ngân hàng và nhà buôn ở những nơi khác trên lục địa thì không tài nào xác định nổi ở mức độ nào đó là kết quả của cuộc khủng hoảng thương nghiệp đã kéo dài và dần dần lan rộng, ở mức độ nào các hãng làm ăn chuệch choạc từ lâu đã lợi dụng tình thế để tìm lối thoát thuận lợi, còn ở mức độ nào thì những vụ phá sản đó thực đúng là kết quả của những thiệt hại do tình trạng kinh hoàng mà cách mạng gây ra. Bất luận thế nào thì cũng không thể nghi ngờ rằng cuộc khủng hoảng thương nghiệp đã thúc đẩy những cuộc cách mạng năm 1848 một cách vô cùng mạnh mẽ hơn so với việc cách mạng thúc đẩy khủng hoảng thương nghiệp. Vào giữa tháng Ba và tháng Năm, nước Anh đã được lợi trực tiếp nhờ cách mạng, vì cách mạng đã thúc đẩy nhiều tư bản từ lục địa đổ vào nước Anh. Từ thời điểm đó khủng hoảng ở Anh có thể coi như đã hết; trong tất cả các ngành thương nghiệp tình hình bắt đầu được cải thiện, và một chu kỳ công nghiệp mới đã bắt đầu với xu hướng mạnh mẽ tiến tới phồn vinh. Việc khối lượng bông chế biến tại đây đã từ 475 triệu p.xt. (1847) tăng lên tới 713 triệu p.xt. (1848) cho thấy cách mạng trên lục địa đã gây trở ngại ít đến mức độ nào đối với sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp và thương nghiệp ở Anh.

Thời kỳ phồn vinh mới ấy thể hiện rõ rệt ở *Anh* trong vòng

ba năm, vào những năm 1848, 1849 và 1850. Trong tám tháng, từ tháng Giêng đến tháng Tám, tổng số xuất khẩu của Anh năm 1848 là 31633214 p.xt., năm 1849 là 39263322 p.xt., năm 1850 là 43851568 pao xtéc-linh. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ thể hiện trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh đó, trừ ngành sản xuất sắt thép, còn cần phải kể đến những vụ mùa bội thu ở khắp mọi nơi trong ba năm đó. Giá trung bình một quác-tơ tiểu mạch trong những năm 1848 - 1850 đã xuống đến 36 si-linh ở Anh, đến 32 si-linh ở Pháp. Một điều rất đặc biệt trong thời kỳ phồn vinh này là ba con kênh chính cho nạn đầu cơ hoạt động lại bị đóng kín. Tiến độ xây dựng đường sắt giảm xuống đến mức độ bình thường như các ngành công nghiệp khác; do có một loạt vụ mùa bội thu, nên việc buôn bán lúa mì không tạo cơ sở cho nạn đầu cơ hoạt động; do có những cuộc cách mạng, nên các loại phiếu quốc trái bị mất tính chất ổn định, mà thiếu điều đó thì không thể nào có những vụ đầu cơ chứng khoán lớn được. Trong những thời kỳ phồn vinh, tư bản bao giờ cũng tăng lên. Một mặt, nền sản xuất mở rộng tạo ra tư bản mới, mặt khác, số tư bản hiện có nằm im trong lúc khủng hoảng, được lôi ra khỏi tình trạng bất động và tung vào thị trường. Số tư bản *bổ sung* đó trong những năm 1848 - 1850, vì không có những con kênh tạo ra cho sự đầu cơ, nên đã phải trực tiếp lao vào công nghiệp và như vậy lại càng tăng sản xuất mau thêm. Lời tuyên bố ngây thơ của tờ "Economist" ra ngày 19 tháng Mười 1850 chứng tỏ hiện tượng ấy ở Anh đập vào mắt người ta tới mức nào, mặc dù vẫn chưa có ai giải thích được vì sao:

"Có điều đáng chú ý là thời kỳ phồn vinh hiện nay khác hẳn tất cả những thời kỳ trước đây. Trong tất cả các thời kỳ trước đây có tình trạng là một vụ đầu cơ không có cơ sở nào đấy thường khơi dậy những hy vọng không thể thực hiện được. Khi thì đó là những hầm mỏ ở nước ngoài, khi thì là số đường sắt nhiều hơn cả số có thể xây dựng trong vòng nửa thế kỷ. Thậm chí cả khi những vụ đầu cơ như vậy có cơ sở vững vàng, chúng cũng thường được dự tính để giành một khoản thu nhập mà sau một thời gian khá dài mới có thể được thực hiện, hoặc là nhờ sản xuất kim loại hoặc là nhờ xây dựng những đường giao thông liên lạc và những thị trường mới. Những vụ đầu cơ như thế không đem lại lợi nhuận ngay. Nhưng hiện nay sự phồn vinh của ta dựa trên việc sản xuất những vật phẩm hữu ích trực tiếp, là những thứ đi vào lĩnh vực tiêu dùng

hầu như ngay sau khi được đưa ra thị trường, đem lại cho người sản xuất lợi nhuận khá giả và khuyến khích người đó tăng sản xuất".

Một thí dụ rõ nhất chứng tỏ sản xuất công nghiệp trong những năm 1848 và 1849 đã tăng thêm đến mức độ nào là ngành công nghiệp chủ chốt - ngành chế biến bông. Vụ bông năm 1849 ở Hợp chúng quốc bội thu hơn tất cả những vụ trước. Nó đạt tới 2¾ triệu kiện hay khoảng 1200 triệu pao. Việc mở rộng ngành công nghiệp sợi bông đã tương ứng với việc tăng cường nhập khẩu đó tới mức là vào cuối năm 1849 số dự trữ lại còn ít hơn so với trước đây, thậm chí sau những năm mất mùa. Năm 1849 số bông chế biến thành sợi là hơn 775 triệu pao, trong khi đó năm 1845, năm phồn vinh nhất từ trước tới nay, thì chỉ chế biến được 721 triệu pao mà thôi. Ngoài ra, việc mở rộng ngành công nghiệp sợi bông còn được chứng tỏ ở việc giá bông vọt lên cao (55%) vì vụ thu hoạch bông năm 1850 có sút kém ít nhiều. Trong tất cả các ngành còn lại của công nghiệp sợi và dệt, - trong ngành sản xuất các loại vải tơ lụa, len dạ, vải tổng hợp và vải lanh cũng có sự tiến bộ không kém. Sản phẩm xuất khẩu của những ngành công nghiệp này tăng lên, đặc biệt là năm 1850, tới mức làm cho tổng số xuất khẩu trong năm đó tăng vọt lên (so với năm 1848 tăng 12 triệu, và so với năm 1849 tăng lên 4 triệu, tính trong tám tháng đầu), mặc dù trong năm 1850 số lượng xuất khẩu các sản phẩm bông vải sợi bị giảm sút khá nhiều do mất mùa bông. Mặc dù giá lông cừu tăng lên khá cao, hẳn là do nạn đầu cơ ngay từ năm 1849 gây ra và vẫn giữ nguyên cho tới nay, ngành công nghiệp len dạ vẫn không ngừng mở rộng và hàng ngày vẫn đưa vào vận hành những máy dệt mới. Số vải lanh xuất khẩu năm 1844, năm xuất khẩu loại vải này nhiều nhất từ trước tới nay, là 91 triệu i-ác-đơ, trị giá 2800000 p.xt., còn năm 1849 lên tới 107 triệu i-ác-đơ, trị giá trên 3000000 pao xtéc-linh.

Một bằng chứng khác chứng tỏ sự lớn mạnh của nền công nghiệp Anh là việc tiêu thụ những mặt hàng thuộc địa chủ yếu, đặc biệt là cà-phê, đường và chè không ngừng tăng lên, mặc dù giá cả, ít ra là cà-phê và đường, không ngừng lên cao. Sự lệ thuộc

trực tiếp của việc tăng tiêu dùng đối với việc mở rộng sản xuất công nghiệp trong trường hợp này càng rõ, vì thị trường có dung lượng đặc biệt lớn hình thành từ năm 1845 do có công cuộc xây dựng đường sắt to lớn, từ lâu đã thu hẹp lại bằng quy mô bình thường và vì giá lúa mì hạ trong những năm gần đây không cho phép tăng tiêu dùng tại các vùng nông nghiệp.

Việc ngành công nghiệp sợi bông mở rộng thêm nhiều vào năm 1849 đã đẩy tới một mưu đồ mới vào những tháng cuối năm nay nhằm đưa luồng hàng sang các thị trường Đông - Ấn và Trung Quốc. Nhưng khối hàng dự trữ cũ chưa bán hết tại các thị trường này đã nhanh chóng làm tê liệt mưu đồ đó. Cũng thời gian ấy, do nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu và các hàng thuộc địa tăng lên, đã có mưu đồ đầu cơ cả những mặt hàng ấy, nhưng rồi cũng phải nhanh chóng từ bỏ nó vì đột nhiên có hiện tượng hàng nhập tăng mạnh và nhắc người ta nhớ lại những vết thương còn quá mới của năm 1847.

Cảnh công nghiệp phồn vinh sẽ còn tăng hơn nữa vì mới đây đã với tới được những thuộc địa của Hà Lan, nhờ sắp mở những đường giao thông mới trên Thái Bình Dương, mà chúng ta sẽ còn có dịp nói tới, cũng như nhờ có cuộc triển lãm công nghiệp lớn vào năm 1851. Với một thái độ lạnh lùng đáng ngạc nhiên hết sức, giai cấp tư sản Anh đã công bố về cuộc triển lãm này vào năm 1849, khi mà toàn thể lục địa hãy còn say mê với cách mạng. Qua việc tổ chức triển lãm, như vậy, nó đã triệu tập được tất cả các chư hầu của nó, từ Pháp đến Trung Quốc, tới dự kỳ sách hạch nghiêm túc mà tại đó họ phải tỏ rõ họ đã sử dụng thời gian của mình như thế nào; và thậm chí cả đức hoàng đế vạn năng của toàn nước Nga cũng đành phải đích thân ra chiếu chỉ bắt các thần dân của mình đi dự lần thử thách vĩ đại này với số lượng đông đảo. Cuộc đại hội các sản phẩm và các nhà sản xuất toàn thế giới này có một ý nghĩa vô cùng lớn lao hơn những đại hội chuyên chế ở Brê-ghen-xơ và ở Vác-sa-va làm cho bọn phi-li-xtanh dân chủ của chúng ta ở trên lục địa phải tất bật vất vả làm vậy,

hoặc hơn những đại hội dân chủ châu Âu mà các chính phủ lâm thời khác nhau in partibus[269] nhiều lần không ngừng dự định tiến hành để cứu vớt nhân loại. Cuộc triển lãm này là bằng chứng hùng hồn tỏ rõ sức mạnh tập trung mà nền công nghiệp lớn hiện đại dùng để phá tan ở khắp mọi nơi những hàng rào dân tộc và ngày càng xóa bỏ những đặc điểm địa phương trong sản xuất, trong các quan hệ xã hội và trong bản sắc của những dân tộc cá biệt. Tổ chức cuộc xét duyệt trên một khoảng không gian không lớn lắm toàn bộ khối lực lượng sản xuất đã tích luỹ được của nền công nghiệp hiện đại đúng vào lúc mà những quan hệ tư sản hiện đại đã đang sụt lở khắp tứ phía, - như thế là nó đồng thời cũng trưng bày cho mọi người xem toàn bộ vật liệu để xây dựng xã hội mới đã được tạo ra và đang ngày càng được tạo ra trong lòng cái xã hội đã lung lay. Bằng cuộc triển lãm này, giai cấp tư sản thế giới dựng lên tại thành La Mã ngày nay ngôi đền kỷ niệm của nó, trong đó sẽ trưng bày với một thái độ tự đắc kiêu kỳ những vị thần của nó do chính bản thân nó tạo ra. Bằng việc này, nó chứng minh trong thực tiễn rằng "sự bất lực và sự bất bình của người công dân" mà các nhà tư tưởng Đức lải nhải năm này qua năm khác chỉ là sự bất lực của chính bản thân các vị đó không hiểu được cuộc vận động hiện đại và sự bất bình của chính họ về sự bất lực đó mà thôi. Giai cấp tư sản kỷ niệm ngày lễ vĩ đại nhất đó của nó trong lúc toàn bộ cái vĩ đại của nó sắp sửa đổ nhào, một sự đổ nhào sẽ chứng minh một cách hùng hồn nhất cho nó thấy những sức mạnh do nó tạo nên đã vượt ra khỏi sự chi phối của nó như thế nào. Có thể rồi đây ở một trong những cuộc triển lãm tương lai, các nhà tư sản sẽ tham dự không còn với tư cách những người chủ của những lực lượng sản xuất ấy nữa, mà có lẽ chỉ với tư cách những người dẫn đường của chúng.

Hệt như bệnh khoai tây vào những năm 1845 - 1846, từ đầu năm nay vụ bông thất thu đã gây nên nỗi lo lắng chung trong giai cấp tư sản. Nỗi lo lắng này càng tăng lên mạnh từ khi người ta được biết vụ bông năm 1851 sẽ không tài nào khá hơn vụ

bông năm 1850. Việc thu hoạch bông sút kém mà trong những thời kỳ trước đây không có ý nghĩa gì, thì với tình hình công nghiệp sợi bông mở rộng như hiện nay lại có một ý nghĩa to lớn và đã bắt đầu kìm hãm nghiêm trọng hoạt động của nó. Giai cấp tư sản vừa mới gượng dậy được sau sự phát hiện cay đắng rằng một trong những cơ sở của toàn bộ trật tự xã hội của nó là khoai tây có cơ bị nguy ngập, giờ đây lại thấy một hiểm họa hệt như vậy đe dọa cả cái cơ sở thứ hai của nó là bông. Nếu như thu hoạch bông bị giảm sút chút ít trong một năm và triển vọng năm sau bông cũng giảm sút như vậy mà đã có thể gây ra mối lo sợ nghiêm trọng trong lúc phồn vinh đang sôi động nhất, thì mấy năm liên tiếp mất mùa bông thực sự tất sẽ đẩy lùi xã hội văn minh vào tình trạng dã man một thời gian. Các thời đại vàng và sắt đã qua lâu rồi: thế kỷ XIX với nền khoa học của nó, với thị trường thế giới và những lực lượng sản xuất khổng lồ của nó có bổn phận tạo nên *thời đại sợi bông*. Đồng thời giai cấp tư sản Anh cũng cảm thấy mạnh mẽ hơn lúc nào hết là Hợp chúng quốc có quyền lực như thế nào đối với nó, vì Hợp chúng quốc độc quyền sản xuất bông mà cho tới nay vẫn chưa bị phá vỡ. Và nó liền đem hết cố gắng để thủ tiêu sự độc quyền đó. Chẳng những ở Đông - Ấn, mà cả ở Na-tan cũng như ở các vùng Bắc Úc, và nói chung tại khắp mọi miền trên trái đất mà khí hậu và các điều kiện cho phép trồng được cây bông, thì đều phải dùng mọi biện pháp khuyến khích trồng. Cũng lúc ấy, giai cấp tư sản chuộng người da đen ở Anh phát hiện thấy rằng "sự phồn vinh của Man-se-xtơ lệ thuộc vào cách người ta đối xử với những người nô lệ ở Tếch-dát, A-la-ba-ma và Lu-i-đi-a-na, và rằng đó là một sự thật vừa lạ lùng vừa đáng lo ngại" ("Economist", ngày 21 tháng Chín 1850), rằng ngành công nghiệp quan trọng nhất của Anh dựa trên sự tồn tại của chế độ nô lệ tại các bang miền Nam Liên bang Mỹ, rằng cuộc nổi dậy của những người da đen tại các địa phương đó có thể phá tan toàn bộ hệ thống sản xuất hiện đại, điều này, đương nhiên, là một sự thực hết sức đáng buồn đối với những kẻ mới đây thôi đã bỏ ra 20 triệu p.xt. để giải phóng

những người da đen ở các thuộc địa của chính mình[270]. Nhưng sự thật này cũng đồng thời đưa tới một giải pháp thực tế duy nhất có thể được cho vấn đề chế độ nô lệ, một vấn đề mà mới đây đã là đầu đề cho các cuộc tranh cãi kéo dài và gay gắt tại Quốc hội Mỹ. Ngành sản xuất bông của Mỹ dựa trên chế độ nô lệ. Ngay khi nền công nghiệp sẽ phát triển đến trình độ không thể chịu đựng nổi tình trạng độc quyền bông của Hợp chúng quốc nữa, thì tại các nước khác sẽ triển khai thuận lợi việc sản xuất bông hàng loạt, vả lại, giờ đây hầu như tại khắp mọi nơi nó chỉ có thể được đảm bảo bằng *lao động của những người công nhân tự do*. Nhưng một khi lao động tự do ở các nước khác sẽ bắt đầu cung cấp cho công nghiệp đầy đủ số bông và, hơn nữa, lại theo giá rẻ hơn lao động của những người nô lệ ở Hợp chúng quốc, thì cùng với nền độc quyền bông của Mỹ, cả chế độ nô lệ ở Mỹ cũng sẽ bị sụp đổ, và những người nô lệ sẽ được giải phóng, vì rằng ở cương vị nô lệ họ sẽ trở thành không có lợi. Cả lao động làm thuê ở châu Âu cũng sẽ bị thủ tiêu y hệt vậy, một khi nó chẳng những không còn là hình thái tất yếu đối với sản xuất nữa, mà thậm chí còn biến thành xiềng xích đối với sản xuất nữa.

Nếu như chu kỳ phát triển công nghiệp mới đã khởi đầu vào năm 1848 sẽ diễn ra giống như chu kỳ những năm 1843 - 1847, thì khủng hoảng phải xảy đến vào năm 1852. Để nêu một triệu chứng chứng tỏ chẳng còn bao lâu nữa sẽ xảy ra nạn đầu cơ không sao kìm nổi do sản xuất thừa gây ra và đi trước mỗi cuộc khủng hoảng, chúng tôi xin dẫn ra đây một sự kiện là tỷ suất chiết khấu của Ngân hàng Anh trong vòng hai năm không lên cao quá 2%. Nhưng nếu Ngân hàng Anh giữ được lãi suất thấp trong những năm phồn vinh, thì những kẻ buôn tiền còn lại buộc phải hạ thấp nó nhiều hơn nữa, tương tự như những năm khủng hoảng, khi Ngân hàng Anh nâng lãi suất lên rất nhiều thì chúng lại nâng nó lên cao hơn nữa. Như ta đã thấy ở trên, tư bản bổ sung mà trong những năm phồn vinh được đều đặn ném vào thị trường tư bản cho vay, theo quy luật cạnh tranh, ngay chính bản thân nó đã hạ thấp đáng kể mức lãi suất rồi, nhưng mức lãi suất

đó còn bị hạ thấp ở mức độ lớn hơn nhiều nữa bởi mức tăng tín dụng được mở rộng mạnh mẽ do có sự phồn vinh phổ biến và do đó lại giảm lượng cầu đối với tư bản. Trong những thời kỳ như thế chính phủ có được khả năng hạ thấp lãi suất đối với các phiếu công trái hợp nhất của chính phủ, còn điền chủ thì có khả năng tái lập những khoản cho vay cầm cố của họ theo những điều kiện thuận lợi hơn. Như vậy, thu nhập của các nhà tư bản hoạt động trên thị trường tư bản cho vay giảm mất một phần ba hay thậm chí nhiều hơn nữa, trong khi thu nhập của tất cả các loại khác lại tăng lên. Tình trạng này càng kéo dài thì họ càng phải tích cực tìm cách đầu tư tư bản của họ sao cho có lợi hơn. Tình trạng sản xuất thừa làm nảy sinh rất nhiều dự án mới, và thành công của một số dự án ấy cũng đủ để làm cho số đông tư bản lao vào hướng ấy, cho tới khi nào nạn đầu cơ dần dần trở thành phổ biến. Nhưng, như ta đã thấy, vào lúc này nạn đầu cơ chỉ có thể tiến hành theo hai con đường chính: việc trồng bông và những mối liên hệ mới trên thị trường thế giới do việc phát triển ở Ca-li-phoóc-ni-a và Úc tạo nên. Chúng ta thấy rằng địa bàn hoạt động cho nạn đầu cơ lần này sẽ rộng hơn nhiều so với bất kỳ thời kỳ phồn vinh nào trước đây.

Ta hãy xem xét thêm tình hình các vùng nông nghiệp Anh. Tại đây tình trạng đình trệ chung đã trở thành kinh niên do việc bãi bỏ thuế quan lúa mì và những vụ mùa bội thu trùng hợp với việc đó, mặc dù nó có được dịu đi phần nào nhờ tình hình tiêu dùng tăng lên nhiều vì có thời kỳ phồn vinh. Bên cạnh đó cần nói thêm rằng khi giá lúa mì hạ thì bất luận thế nào công nhân nông nghiệp bao giờ cũng nằm trong tình trạng tương đối dễ chịu hơn, mặc dù ở Anh điều này có kém hơn ở những nước mà sở hữu ruộng đất phân tán chiếm ưu thế. Trong những điều kiện đó, tại các vùng nông nghiệp những kẻ chủ trương thuế quan bảo hộ vẫn tiếp tục tiến hành tuyên truyền phục hồi thuế quan lúa mì, mặc dù dưới một hình thức lặng lẽ và kín đáo hơn trước đây. Hiển nhiên là cả rồi đây sự vận động ấy cũng sẽ không có chút ý nghĩa gì, chừng nào còn tiếp tục tình trạng công nghiệp phồn

vinh và tình hình tương đối dễ chịu của công nhân nông nghiệp. Nhưng ngay khi khủng hoảng xảy đến và lan truyền tác động của nó tới các vùng nông nghiệp thì tình trạng sa sút của nông nghiệp sẽ gây nên sự kích động bất thường ở nông thôn. Đấy sẽ là lần đầu tiên khủng hoảng công và thương nghiệp trùng hợp với khủng hoảng nông nghiệp, và trong mọi vấn đề tranh đấu với nhau giữa thành thị và nông thôn, giữa các chủ xưởng và những địa chủ, cả hai phe sẽ được hai đội quân đông đảo ủng hộ: các chủ xưởng được khối công nhân công nghiệp ủng hộ, các địa chủ được khối công nhân nông nghiệp ủng hộ.

Giờ ta hãy xét tới *Hợp chủng quốc Bắc Mỹ*. Cuộc khủng hoảng năm 1836, - cuộc khủng hoảng đầu tiên tại đây và hoành hành dữ dội hơn cả tại đây, - đã kéo dài hầu như liên tục cho tới năm 1842, và kết quả của nó là hệ thống tín dụng Mỹ hoàn toàn đảo lộn. Trên cơ sở vững vàng hơn đó nền thương mại của Hợp chúng quốc đã hồi phục: lúc đầu dĩ nhiên rất chậm, cho tới khi, kể từ những năm 1844 - 1845, tình hình phồn vinh bắt đầu thể hiện một cách cơ bản cả ở đây nữa. Cả tình hình đất đỏ lẫn những cuộc cách mạng ở châu Âu chỉ là nguồn lợi nhuận cho Mỹ. Từ năm 1845 đến hết năm 1847, Mỹ thu được số lợi nhuận kếch xù do xuất cảng rất nhiều lúa mì và giá bông cao năm 1846. Cuộc khủng hoảng năm 1847 chỉ đụng chạm nhẹ đến Mỹ. Năm 1849 Mỹ thu được số bông nhiều chưa từng thấy trước nay, và năm 1850 đã kiếm được gần 20 triệu đô-la vì vụ mất mùa bông đúng vào lúc công nghiệp sợi bông tại châu Âu ở vào bước hưng thịnh mới. Các cuộc cách mạng năm 1848 đã kéo một số lớn tư bản của châu Âu xuất cảng sang Hợp chúng quốc, số tư bản này một phần do những người di cư sang đây mang tới, phần khác được đầu tư vào quốc trái Mỹ tại châu Âu. Nhu cầu đối với chứng khoán Mỹ tăng lên đó đã nâng giá các chứng khoán đó lên đến nỗi mới đây thôi tại Niu Oóc chúng đã trở thành món hàng đầu cơ dữ dội. Như vậy, mặc tất cả những lời phản đối của báo chí tư sản phản động, chúng tôi vẫn giữ ý kiến rằng cái hình thái nhà nước duy nhất mà các nhà tư bản châu Âu của chúng ta tỏ

ra tin tưởng là *nền cộng hòa tư sản*. Nhìn chung chỉ có một hình thức biểu hiện niềm tin tư sản đối với bất kỳ một hình thái nhà nước nào: *sự quy định giá cả của hình thái nhà nước đó ở sở giao dịch*.

Tuy nhiên, sự phồn vinh của Hợp chúng quốc đã phát triển hơn nữa vì những nguyên nhân khác. Vùng đất đai có dân cư, - *thị trường* của liên bang Bắc Mỹ, - mở rộng nhanh kinh khủng theo hai hướng. Dân số tăng lên, cả do tăng số dân tự nhiên, cũng như do số dân nhập cư không ngừng tăng lên, đã dẫn tới việc hàng loạt các bang và các miền trở nên có dân ở. Uy-xcôn-xin và Ai-ô-oa trong vòng mấy năm đã tương đối đông dân cư, và tất cả các bang ở thượng lưu sông Mít-xi-xi-pi đều tăng thêm rất nhiều dân nhập cư. Việc khai thác các mỏ ở hồ Thượng và việc phát triển sản xuất ngũ cốc ở khắp vùng ven hồ đã thúc đẩy một sự hưng thịnh mới của thương nghiệp và ngành chạy tàu trên hệ thống đường thủy nội địa rất lớn này. Sự hưng thịnh này sẽ còn được đẩy mạnh thêm nhờ có một văn bản của kỳ họp quốc hội gần đây cho phép việc buôn bán với Ca-na-đa và Xcốt-len mới được hưởng những điều ưu đãi lớn. Trong khi các bang miền Tây-Bắc trở nên có tầm quan trọng hoàn toàn mới nhờ cách đó, thì trong mấy năm Ô-rê-gôn bị biến thành thuộc địa, Tếch-dát và Tân Mê-hi-cô bị thôn tính, Ca-li-phoóc-ni-a bị chinh phục. Việc phát hiện ra những mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a đã đưa sự phồn vinh của Mỹ lên tới đỉnh cao nhất. Ở số 2 tạp chí này[1*] chúng tôi đã chỉ rõ, - sớm hơn bất kỳ một xuất bản phẩm định kỳ châu Âu nào, - cái ý nghĩa đặc biệt của việc phát hiện này và những hậu quả tất yếu của nó đối với toàn bộ nền thương mại thế giới. Cái ý nghĩa ấy không phải ở chỗ lượng vàng tăng lên nhờ phát hiện ra những mỏ vàng mới, mặc dù ngay việc tăng thêm phương tiện trao đổi đó tất nhiên không thể không có ảnh hưởng tốt đến nền thương mại nói chung. Cái ý nghĩa ấy là ở chỗ tài nguyên khoáng sản của Ca-li-phoóc-ni-a đã thúc đẩy các tư bản trên khắp

1* Xem tập này, tr. 310.

thị trường thế giới, ở chỗ đưa lại một sự nhộn nhịp bao trùm toàn bộ vùng ven biển miền Tây châu Mỹ và vùng ven biển miền Đông châu Á, ở chỗ có một thị trường tiêu thụ mới xuất hiện ở Ca-li-phoóc-ni-a cùng tất cả mọi nước chịu ảnh hưởng của Ca-li-phoóc-ni-a. Thị trường Ca-li-phoóc-ni-a tự bản thân nó đã là một thị trường khá quan trọng: một năm trước ở đó có 100000 dân, hiện nay ít ra đã có 300000, hầu hết không làm việc gì khác ngoài việc đãi vàng; số vàng này họ mang đổi lấy tất cả những vật phẩm tiêu dùng họ cần mà các thị trường khác cung cấp cho họ. Nhưng thị trường Ca-li-phoóc-ni-a chẳng đáng kể nếu đem so với dung lượng tất cả các thị trường không ngừng mở rộng trên Thái Bình Dương, nếu đem so với nền thương mại lớn mạnh lạ thường ở Chi-lê và Pê-ru, ở Tây Mê-hi-cô, ở quần đảo Xan-đơ-uýt và nếu đem so với những mối quan hệ đột nhiên xuất hiện giữa châu Á và Úc với Ca-li-phoóc-ni-a. Do có Ca-li-phoóc-ni-a mà xuất hiệu nhu cầu cần phải có những tuyến đường quốc tế hoàn toàn mới mà chẳng bao lâu nữa sẽ vượt tất cả những tuyến đường khác, xét về ý nghĩa quan trọng. Tuyến đường thương mại chính đi tới Thái Bình Dương - một đại dương mà về thực chất chỉ bây giờ mới được khám phá và đang trở thành đại dương quan trọng nhất trên thế giới, - từ nay đi qua eo đất Pa-na-ma. Việc khai thông những tuyến đường đi qua eo đó bằng cách mở đường ô-tô, xây dựng đường sắt và kênh đào giờ đây đã trở thành một nhu cầu bức thiết nhất đối với nền thương mại thế giới, và đây đó những công việc ấy đã đang được tiến hành. Con đường sắt chạy từ Sác-re-xơ đi Pa-na-ma đã đang được xây dựng. Một công ty của Mỹ đang tiến hành những cuộc đo đạc trong lưu vực sông Xăng Hoan ở Ni-ca-ra-goa để nối hai đại dương, trước tiên bằng một con đường bộ xuyên lục địa, rồi sau đó bằng một kênh đào. Báo chí Mỹ và Anh bàn luận về những tuyến đường khác: qua eo đất Đa-ri-en, con đường chạy qua Ắt-ra-tô ở Tân Gra-nát, qua eo đất Tê-oan-tê-pếch. Với sự không am hiểu của cả thế giới văn minh giờ đây đã bất ngờ bộc lộ ra về địa thế Trung Mỹ, thật khó nói chắc chắn tuyến đường nào là thuận tiện hơn cả để đào

một con kênh lớn. Xét theo một ít số liệu đã biết thì tuyến đường đi theo sông Ắt-ra-tô và tuyến đường đi qua Pa-na-ma có nhiều ưu điểm hơn cả. Cùng với việc thiết lập những đường giao thông qua eo đất, nhu cầu mở rộng nhanh chóng ngành chạy tàu đại dương cũng cấp bách không kém. Đã xác lập được giao thông thủy vận giữa Xao-hêm-ptơn và Sác-re-xơ, Niu Oóc và Sác-re-xơ, Van-pa-rai-xô, Li-ma, Pa-na-ma, A-ca-pun-cô và Xan-Phran-xi-xcô; nhưng những tuyến đường ít ỏi đó cùng với số tàu thủy không đáng kể chạy trên những tuyến đường ấy còn lâu mới đủ được. Việc mở rộng giao thông thủy vận giữa châu Âu và Sác-re-xơ càng ngày càng trở nên bức thiết, và việc mở rộng quan hệ giữa châu Á, Úc và châu Mỹ yêu cầu phải có những tuyến đường thủy vận mới với quy mô lớn từ Pa-na-ma và Xan-Phran-xi-xcô đi Quảng Châu, Xin-ga-po, Xít-nây, Tân Tây Lan và trạm dừng chân hết sức quan trọng trên Thái Bình Dương là quần đảo Xan-đơ-uýt. Úc và Tân Tây Lan đã phát triển hơn tất cả mọi vùng khác của Thái Bình Dương nhờ cả sự thuộc địa hóa nhanh chóng và cả ảnh hưởng của Ca-li-phoóc-ni-a, đã không còn chịu cách biệt với thế giới văn minh cứ 4 - 6 tháng cho một chuyến đi thuyền buồm. Tổng số dân tại các thuộc địa ở Úc (không kể Tân Tây Lan) đã từ 170676 (năm 1839) tăng lên tới 333764 người năm 1848, tức là trong 9 năm tăng thêm 95 ½ phần trăm. Bản thân nước Anh không thể bỏ mặc những thuộc địa ấy không có giao thông thủy vận; hiện nay chính phủ đang tiến hành thương thuyết để thiết lập một tuyến đường mà các chuyến tàu trên đó sẽ phối hợp với các chuyến tàu của tuyến đường bưu chính Đông - Ấn, và mặc chính phủ liệu có làm được chuyện này hay không, chẳng bao lâu nữa nhu cầu cần có giao thông thủy vận với châu Mỹ và nhất là với Ca-li-phoóc-ni-a mà năm ngoái đã có 3500 người từ Úc di cư tới, tự nó cũng sẽ lo thỏa mãn lấy. Đúng ra có thể nói rằng trái đất chỉ bắt đầu trở thành tròn từ lúc bộc lộ nhu cầu tất yếu về chạy tàu đại dương khắp thế giới như vậy.

Việc sắp tới mở rộng giao thông thủy vận đó sẽ có những quy mô còn to lớn hơn nữa vì đã mở ra được khả năng vươn tới các

thuộc địa của Hà Lan và vì số lượng tàu chạy bằng chân vịt tăng lên mà, như điều này ngày càng bộc lộ rõ hơn, dùng loại tàu này có thể chuyên chở người di cư nhanh hơn, tương đối rẻ hơn và lợi hơn dùng thuyền buồm. Ngoài số tàu chân vịt đã thực hiện những chuyến đi từ Gla-xgô và Li-vớc-pun tới Niu Óóc, trên tuyến đường này sẽ có thêm những con tàu mới qua lại, và sẽ mở ra tuyến đường mới nối Rốt-téc-đam và Niu Óóc. Để thấy hiện nay tư bản nói chung đang đổ xô tìm cách đầu tư vào ngành chạy tàu đại dương tới mức nào, ta có thể nhìn vào việc số tàu thủy cạnh tranh với nhau đi lại giữa Li-vớc-pun và Niu Óóc không ngừng tăng lên, việc mở ra thêm những tuyến đường hoàn toàn mới đi từ Anh tới thuộc địa cáp và từ Niu Óóc tới Ha-vrơ, cũng như cả một loạt những dự án tương tự mà giờ đây tại Niu Óóc người ta chỉ độc nói tới chúng.

Việc tư bản đổ xô vào ngành chạy tàu xuyên đại dương và vào công cuộc xây dựng kênh đào qua eo đất châu Mỹ đó, đã chứa đựng cơ sở cho tệ đầu cơ quá mức trong lĩnh vực này. Trung tâm đầu cơ như vậy tất nhiên là Niu Óóc, nơi thu được nhiều vàng Ca-li-phoóc-ni-a hơn cả và đã nắm trong tay phần chủ yếu của việc buôn bán với Ca-li-phoóc-ni-a, mà nói chung đối với châu Mỹ nó giữ vai trò y như Luân Đôn đối với châu Âu. Niu Óóc đã là trung tâm của toàn ngành chạy tàu xuyên Đại Tây Dương; tất cả tàu thủy trên Thái Bình Dương cũng thuộc các công ty Niu Óóc, và hầu như mọi dự án mới trong công việc này đều phát sinh tại Niu Óóc. Nạn đầu cơ xung quanh các tuyến đường thủy vận xuyên đại dương ở Niu Óóc đã bắt đầu. Công ty Ni-ca-ra-goa, thành lập ở Niu Óóc, cũng khởi màu đầu cơ xung quanh việc đào những con kênh qua eo Pa-na-ma. Chẳng bao lâu nữa tại đây sẽ nổ ra sự đầu cơ quá mức, và nếu như thậm chí tư bản Anh có ùn ùn đổ xô vào những công trình tương tự, thậm chí sở giao dịch Luân Đôn có đầy ắp dủ loại dự án có tính chất tương tự, thì dù sao Niu Óóc lần này vẫn sẽ là trung tâm của toàn bộ sự đầu cơ này và sẽ là kẻ đầu tiên, cũng như năm 1836, nếm mùi thất bại. Vô số đồ án sẽ vỡ tung, nhưng, cũng như năm 1845, từ

nạn đầu cơ không sao kìm hãm được đã sản sinh ra mạng lưới đường sắt nước Anh, thì lần này từ nạn đầu cơ không sao kìm hãm được sẽ sản sinh ra, *dù chỉ là về đại thể*, ngành thủy vận toàn thế giới. Mặc cho nhiều công ty sẽ bị phá sản, nhưng những con tàu sẽ tăng sự đi lại trên Đại Tây Dương lên gấp đôi, sẽ mở cửa Thái Bình Dương cho việc giao thông, sẽ nối liền Úc, Tân Tây Lan, Xin-ga-po, Trung Quốc với châu Mỹ và giảm thời gian đi vòng quanh trái đất xuống còn có 4 tháng, - những con tàu ấy sẽ được giữ lại.

Cảnh phồn vinh của Anh và Mỹ chẳng bao lâu sau đã có ảnh hưởng ngược trở lại đối với lục địa châu Âu. Ngay từ mùa hè năm 1849, tại *Đức*, đặc biệt là ở tỉnh Ranh, các nhà máy đã hoạt động không đến nỗi tồi, và từ cuối năm 1849 tình hình làm ăn chung đã bắt đầu sôi động lên. Cảnh phồn vinh hồi phục này mà những nhà thị dân Đức của chúng ta ngây thơ đem gán cho việc phục hồi trật tự và sự yên ổn, thực ra hoàn toàn chỉ dựa vào tái lập sự phồn vinh ở Anh và ở việc tăng thêm nhu cầu đối với các loại sản phẩm công nghiệp trên các thị trường châu Mỹ và vùng nhiệt đới mà thôi. Năm 1850, trong ngành công nghiệp và thương nghiệp diễn ra sự phát triển còn mạnh mẽ hơn nữa; hoàn toàn giống như ở nước Anh đột nhiên phát hiện thấy thừa tư bản và bắt đầu cảnh sôi động lạ thường trên thị trường tiền tệ; các báo cáo về hội chợ mùa thu ở Phran-phuốc và Lai-pxích hết sức đáng phấn khởi đối với các nhà tư sản hữu quan. Những sự kiện Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ và Cuốc-hét-xen[271], cuộc đấu tranh xung quanh vấn đề thành lập Liên bang Đức và những thông điệp có tính chất đe dọa của Áo và Phổ đã không thể kìm hãm được phút nào sự phát triển những dấu hiệu phồn vinh đó, như lời nhận xét mỉa mai của tờ "Economist" nhuốm đầy ý thức Luân Đôn về tính chất siêu việt của nó.

Những triệu chứng y như vậy cũng thấy xuất hiện ở *Pháp* từ năm 1849, mà đặc biệt là từ đầu năm 1850. Ngành công nghiệp Pa-ri hoàn toàn có đủ việc làm, các nhà máy sợi bông ở Ru-ăng

và Muyn-hau-den cũng hoạt động khá tốt, mặc dù, cũng hệt như ở Anh, trở ngại ở đây là giá nguyên liệu cao. Vả lại sự phồn vinh ở Pháp đã đặc biệt được thúc đẩy nhờ cuộc cải cách quan thuế rộng rãi ở Tây Ban Nha và việc giảm thuế quan các loại hàng xa xỉ khác nhau ở Mê-hi-cô. Hàng hóa của Pháp xuất sang cả hai thị trường này tăng lên mạnh. Tư bản tăng lên đã đưa nước Pháp tới hàng loạt hoạt động đầu cơ mà lý do là việc khai thác trên quy mô lớn các mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a. Có sự xuất hiện hàng loạt công ty dùng những cổ phiếu nhỏ bé và những chương trình được tô vẽ theo chủ nghĩa xã hội của chúng để trực tiếp kêu gọi túi tiền của những người tiểu tư sản và công nhân, nhưng nhìn chung thật ra chỉ là sự lừa bịp chính tông mà chỉ người Pháp và người Trung Quốc mới có. Một trong số các công ty đó thậm chí còn được chính phủ trực tiếp che chở. Trong chín tháng đầu năm 1848 tiền thuế nhập cảng ở Pháp là 63 triệu phrăng, chín tháng đầu năm 1849 là 95 triệu phrăng, còn chín tháng đầu năm 1850 là 93 triệu phrăng. Hơn nữa, tháng Chín năm 1850, tiền thuế đó lại tăng thêm hơn 1 triệu so với cùng tháng này năm 1849. Năm 1849 hàng xuất khẩu cũng tăng lên và năm 1850 còn tăng lên nhiều hơn nữa.

Bằng chứng hùng hồn nhất chứng tỏ cảnh phồn vinh lại đã bắt đầu là việc Ngân hàng Pháp, theo đạo luật ngày 6 tháng Tám 1850, phục hồi chế độ thanh toán bằng tiền mặt. Ngày 15 tháng Ba 1848 ngân hàng được quyền đình chỉ việc thanh toán bằng tiền mặt. Số giấy bạc nằm trong lưu thông, kể cả các ngân hàng tỉnh lẻ, khi đó là 373 triệu phrăng (14920000 pao xtéc-linh). Ngày 2 tháng Mười một 1849 trong lưu thông có 482 triệu phrăng, hay 19280000 p.xt., nghĩa là tăng thêm 4360000 p.xt., và ngày 2 tháng Chín 1850 là 496 triệu phrăng, hay 19840000 p.xt., tức là tăng thêm xấp xỉ 5 triệu pao xtéc-linh. Trong khi đó không thấy có hiện tượng giấy bạc mất giá; trái lại, lưu thông giấy bạc tăng lên đã làm cho số vàng và bạc tích lũy tại các kho bạc của ngân hàng ngày một tăng thêm, bởi vậy mùa hè năm 1850 số dự trữ kim loại đã xấp xỉ lên tới 14 triệu p.xt., một con số chưa từng

thấy ở Pháp. Việc ngân hàng bằng cách đó mà có thể tăng lượng lưu thông giấy bạc của nó và cùng với cái đó tăng tư bản lưu động của nó thêm 123 triệu phrăng, hay 5 triệu pao xtéc-linh, chứng minh rõ ràng sự đúng đắn của điều khẳng định mà chúng tôi nêu trên một trong những số trước đây[1*] của tạp chí này nói rằng tầng lớp quý tộc tài chính chẳng những đã không bị đập tan vì có cách mạng, mà trái lại, còn vững mạnh thêm. Cái kết quả ấy càng thể hiện rõ ràng hơn qua bản tóm tắt sau đây về tình hình ban hành những luật pháp về ngân hàng ở Pháp trong những năm gần đây. Ngày 10 tháng Sáu 1847 ngân hàng được quyền phát hành loại giấy bạc 200 phrăng. Trước nay loại giấy bạc có trị giá tối thiểu là 500 phrăng. Với sắc lệnh ngày 15 tháng Ba 1848, các loại giấy bạc của Ngân hàng Pháp được tuyên bố là một phương tiện thanh toán hợp pháp, và Ngân hàng được miễn không bắt buộc phải đổi ra tiền kim loại. Quyền phát hành giấy bạc của nó được hạn chế ở số 350 triệu phrăng. Đồng thời với việc đó nó được quyền phát hành loại giấy bạc trị giá 100 phrăng. Sắc lệnh ngày 27 tháng Tư quyết định sáp nhập các ngân hàng quận vào Ngân hàng Pháp; một sắc lệnh khác, ra ngày 2 tháng Năm 1848, cho phép Ngân hàng Pháp tăng lượng phát hành tiền giấy lên đến 442 triệu phrăng. Với sắc lệnh ngày 22 tháng Chạp 1849, số giấy bạc phát hành tối đa được nâng lên đến 525 triệu phrăng. Sau hết, đạo luật ngày 6 tháng Tám 1850 lại quy định quyền đổi giấy bạc lấy tiền. Những sự việc đó - lưu thông giấy bạc không ngừng tăng lên, tập trung toàn bộ tín dụng của Pháp vào tay ngân hàng và tích lũy toàn bộ số vàng và bạc của Pháp vào các kho bạc của nó - đã đưa ngài Pru-đông đi tới kết luận rằng bây giờ ngân hàng phải lột bỏ cái xác rắn cũ của nó và biến thành ngân hàng nhân dân kiểu Pru-đông. Mà thực ra Pru-đông thậm chí cũng chẳng cần phải tìm hiểu lịch sử việc hạn chế ngân hàng ở nước Anh từ năm 1797 đến năm 1819, ông ta chỉ cần đưa mắt nhìn qua bên kia con kênh là đã có thể thấy

1* Xem tập này, tr. 107 - 113.

rằng cái sự kiện mà ông ta chưa từng nghe nói tới trong lịch sử xã hội tư sản chẳng qua chỉ là hiện tượng tư sản hết sức bình thường, chỉ có ở nước Pháp bây giờ nó mới xảy đến lần đầu tiên. Chúng ta thấy rằng các nhà lý luận cách mạng giả hiệu, những kẻ khua môi múa mép ở Pa-ri phụ họa theo chính phủ lâm thời, cũng dốt nát trong vấn đề về tính chất và kết quả của các biện pháp đã được thi hành, hệt như bản thân các ngài trong chính phủ lâm thời.

Mặc dù có cảnh phồn vinh trong công nghiệp và thương nghiệp giờ đây đã đến với nước Pháp, số đông dân chúng, 25 triệu nông dân, vẫn bị điêu đứng vì tình trạng tiêu điều trầm trọng. Những vụ được mùa những năm gần đây đã hạ giá lúa mì ở Pháp xuống nhiều hơn cả ở Anh, và tình cảnh của nông dân mang công mắc nợ, bị kiệt quệ vì bọn cho vay nặng lãi và bị thuế khóa đè nặng, còn lâu mới có thể được coi là sáng sủa. Nhưng, như lịch sử ba năm gần đây đã cho thấy đủ rõ, giai cấp này trong dân cư quyết không có khả năng chủ động làm cách mạng.

Cả thời kỳ khủng hoảng lẫn thời kỳ phồn vinh đều đến với lục địa muộn hơn là ở Anh. Quá trình ban đầu bao giờ cũng diễn ra tại Anh; nước Anh là đấng tạo hóa của vũ trụ tư sản. Tại lục địa, các giai đoạn khác nhau của chu kỳ mà xã hội tư sản thường xuyên lại trải qua, đều biểu hiện dưới dạng lặp lại lần thứ hai và thứ ba. Thứ nhất, lục địa xuất cảng sang Anh vô cùng nhiều hơn so với xuất cảng sang bất kể một nước nào khác. Nhưng việc xuất cảng sang Anh đó, đến lượt nó, lại phụ thuộc vào tình hình nước Anh, đặc biệt là tình hình của Anh trên các thị trường bên kia đại dương. Rồi đến nước Anh xuất cảng sang các nước ở bên kia đại dương lại vô cùng nhiều hơn so với toàn lục địa, bởi vậy mức độ xuất cảng của lục địa sang các nước này bao giờ cũng lệ thuộc vào tình hình xuất cảng của Anh sang bên kia đại dương. Vì thế, nếu như các cuộc khủng hoảng sản sinh ra các cuộc cách mạng trên lục địa trước tiên, thì nguyên nhân của các cuộc cách mạng đó bao giờ cũng là ở nước Anh. Tại tứ chi của cơ thể tư

sản, những cơn chấn động bạo lực dĩ nhiên là phải xảy ra sớm hơn ở trái tim của nó là nơi có nhiều khả năng bù trừ hơn. Mặt khác, mức độ tác động của các cuộc cách mạng trên lục địa đối với nước Anh đồng thời cũng là chiếc phong vũ biểu cho thấy những cuộc cách mạng ấy thực sự nêu vấn đề đối với những điều kiện tồn tại của chế độ tư sản tới mức độ nào và chỉ động chạm đến các cơ cấu chính trị của nó tới mức độ nào.

Trong cảnh phồn vinh phổ biến như vậy, khi mà lực lượng sản xuất của xã hội tư sản phát triển rực rỡ tới mức nói chung có thể có được trong khuôn khổ những quan hệ tư sản, thì không thể nói đến chuyện có một cuộc cách mạng thật sự. Một cuộc cách mạng như vậy chỉ có thể có trong những thời kỳ mà *cả hai nhân tố đó, lực lượng sản xuất hiện đại và các hình thức sản xuất tư sản mâu thuẫn* với nhau. Những cuộc cãi vã liên miên mà lúc này các vị đại diện cho các bộ phận riêng rẽ của đẳng trật tự trên lục địa đang tiến hành để làm mất uy tín lẫn nhau, tuyệt nhiên không dẫn tới những cuộc cách mạng mới; trái lại những cuộc cãi vã ấy có thể có được là chỉ vì cơ sở của các quan hệ xã hội lúc đó còn vững bền nhường ấy và - đây là điều mà phe phản động không biết - *có tính chất tư sản* nhường ấy. Mọi mưu đồ phản động nhằm kìm hãm quá trình phát triển tư sản cũng rất sẽ vấp phải cái cơ sở đó mà vỡ tung, hệt như tất cả lòng phẫn nộ đạo đức và tất cả mọi lời tuyên bố cuồng nhiệt của các nhà dân chủ. *Cuộc cách mạng mới chỉ có thể xảy ra tiếp theo sau một cuộc khủng hoảng mới. Nhưng việc cách mạng sẽ xảy đến cũng tất yếu không thể tránh khỏi như việc khủng hoảng sẽ xảy đến.*

Giờ chúng ta chuyển sang các sự kiện chính trị trong sáu tháng gần đây.

Tại Anh, mỗi thời kỳ công nghiệp phồn vinh lại là thời kỳ thắng thế của phái cấp tiến, những kẻ đã tìm được sự hiện thân xứng đáng của họ trong con người nhỏ bé nhất vương quốc, huân tước Giôn Rốt-xen. Nội các đưa trình quốc hội những dự án thực

hiện những cuộc cải cách thứ yếu nhỏ nhặt, mà biết chắc chắn rằng chúng sẽ bị bác tại thượng nghị viện, hoặc là tới cuối khóa họp tự nội các sẽ rút lui những dự án đó với lý do không đủ thời gian. Mà thiếu thời gian thường là do trước đó người ta tán chuyện gẫu buồn tẻ và trống rỗng quá nhiều mà chủ tịch hạ nghị viện thường cố để thật muộn mới cắt đứt bằng một nhận xét rằng vấn đề này không thuộc phạm vi thảo luận của hạ nghị viện. Trong thời gian như thế, cuộc đấu tranh giữa phái mậu dịch tự do và phái thuế quan bảo hộ thoái hóa thành cuộc tán nhảm đơn thuần nhất. Số đông trong phái mậu dịch tự do quá mải lo lợi dụng thực sự quyền tự do mậu dịch và cũng không còn cả thì giờ lẫn hứng thú để cố tìm những cách khôn khéo hơn mà giành lấy những kết quả chính trị của họ; còn phái thuế quan bảo hộ thì chỉ đưa ra những lời phàn nàn và những lời dọa dẫm nực cười nhằm chống lại sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp ở các thành thị. Chỉ vì thể diện mà các đảng phái tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh để thường xuyên nhắc nhở nhau nhớ đến bản thân mình. Trước khóa họp gần đây nhất, các nhà tư sản công nghiệp đã làm ầm ĩ kinh khủng để ủng hộ cho cuộc cải cách tài chính; còn ngay tại nghị viện thì họ chỉ giới hạn ở việc triết lý suông. Trước ngày khai mạc khóa họp, ngài Cốp-đen nhân chuyện nước Nga vay tiền đã nhắc lại lời tuyên chiến của ông ta với Nga hoàng và đã nói đến kẻ bần cùng vĩ đại ở Pê-téc-bua với thái độ chảm chọc sâu cay; sáu tháng sau ông ta đã hạ mình xuống đến mức tham dự tấn hài kịch nhục nhã hội nghị hòa bình[272] mà kết quả duy nhất của nó là một người Ấn Độ thuộc bộ lạc Ô-gi-bu-ây đã trao cho ngài Gia-u-pơ cái kèn hòa bình, mặc cho ngài Hay-nau đứng trên diễn đàn phải nổi cơn thịnh nộ và một người Mỹ là Ê-li-hiu Buê-rít, vị môn đồ của sự tỉnh táo đó, đã đi Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ và Cô-pen-ha-ghen để quả quyết với các chính phủ ở đó về cái ý đồ thiện chí của mình. Dường như thể toàn bộ cuộc chiến tranh vì Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ có thể một lúc nào đấy chuyển sang bước ngoặt quan trọng, chừng nào ngài phôn Ga-ghéc-nơ còn tham dự vào vấn đề này, còn

Vê-nê-đây thì không!

Một vấn đề chính trị lớn thực sự của kỳ họp đã bế mạc là *những cuộc tranh luận về vấn đề Hy Lạp*[273]. Toàn bộ phe phản động chuyên chế ở lục địa liên hiệp với đảng bảo thủ Anh để lật Pan-mốc-xtơn. Lu-i Na-pô-lê-ông thậm chí đã triệu hồi đại sứ Pháp ở Luân Đôn về vừa để làm hài lòng hoàng đế Ni-cô-lai, vừa để ve vãn lòng hiếu thắng dân tộc của Pháp. Toàn thể Quốc hội đã điên cuồng vỗ tay hoan hô hành động táo bạo đoạn tuyệt với sự liên minh lâu đời với nước Anh đó. Chuyện này đã là cái cớ cho Pan-mốc-xtơn lên tiếng ở hạ nghị viện với tư cách một chiến sĩ bảo vệ các quyền tự do công dân trên khắp châu Âu. Ông ta đã giành được đa số với 46 phiếu, và kết quả của cái sự liên minh vừa vô nghĩa, vừa bất lực đó là đạo luật về người ngoại quốc không được phục hồi.

Nếu như Pan-mốc-xtơn trong cuộc thị uy chống Hy Lạp của ông ta và trong diễn văn chống lại phe phản động châu Âu mà ông ta đọc tại nghị viện, đã phát biểu trên tinh thần tư sản - tự do, thì nhân dân Anh đã lợi dụng sự có mặt của ngài *Hay-nau* ở Luân Đôn để biểu dương một cách xuất sắc chính sách đối ngoại *của mình*[274].

Nếu như trên các đường phố Luân Đôn nhân dân lùng đuổi vị đại diện quân sự của Áo, thì qua vị đại diện ngoại giao của mình nước Phổ đã bị một phen rủi ro xứng với địa vị của nó. Mọi người còn nhớ, giữa những tiếng cười rộ lên của các bà các cô, văn sĩ quèn Brum ba hoa khoác lác, một nhân vật khôi hài nhất ở Anh, đã đuổi cổ văn sĩ quèn *Bun-den* khỏi hành lang thượng nghị viện như thế nào vì thái độ thiếu lịch sự và xấc xược. Ngài Bun-den đã bình tĩnh chịu đựng sự lăng nhục này, dúng như cái cường quốc vĩ đại mà ngài ấy đại diện cần phải như thế. Nói chung ngài ấy sẽ không đi khỏi nước Anh, dù có chuyện gì xảy đến với ngài chăng nữa. Ngài ta đã cố kết với nước Anh bằng tất cả những lợi ích cá nhân của mình. Cả rồi đây ngài cứ vẫn sẽ lợi dụng cương vị ngoại giao của mình để kiếm chác

vốn liếng bằng những nghị luận về tôn giáo Anh và tìm kiếm cho các con trai của mình những chỗ ngồi tốt trong giáo hội Anh và kiếm cho các con gái mình những vị hôn phu trong số thân sĩ Anh bất kỳ cấp nào.

Cái chết của ngài Rô-bớc *Pin* đã thúc đẩy rất nhanh sự phân hóa các đảng phái cũ. Sau cái chết của ông ta, cái đảng làm chỗ dựa chính của ông ta từ năm 1845, cái gọi là đảng của phái Pin, đã tan rã hoàn toàn. Sau khi chết, bản thân Pin được hầu hết tất cả mọi đảng phái đề cao quá mức, như một nhà hoạt động quốc gia vĩ đại nhất nước Anh. Bất kể thế nào, ông ta cũng hơn "các nhà hoạt động quốc gia" của lục địa một điều là ông ta không phải chỉ là một kẻ chạy theo công danh. Ngoài ra thì cái bộ óc quốc gia của con người xuất thân từ giai cấp tư sản trở thành lãnh tụ của giới quý tộc ruộng đất ấy là ở chỗ hiểu rằng trong thời đại chúng ta chỉ tồn tại độc một tầng lớp quý tộc thực sự, đó chính là giai cấp tư sản. Và cũng trong ý nghĩa ấy, ông ta đã lợi dụng vai trò lãnh đạo của mình trong tầng lớp quý tộc ruộng đất để thường xuyên buộc nó phải có những nhượng bộ có lợi cho giai cấp tư sản. Tình hình như thế đã diễn ra với việc giải phóng những người Thiên chúa giáo[275] và với việc cải cách hệ thống cảnh sát[276], nhờ đó ông ta đã tăng cường quyền hành chính trị của giai cấp tư sản; với các đạo luật về ngân hàng năm 1818[277] và năm 1844, những đạo luật đã tăng thêm sức mạnh cho quý tộc tài chính; với việc cải cách thuế suất năm 1842[278] và với những đạo luật mậu dịch tự do năm 1846[279] đã trực tiếp đem hy sinh tầng lớp quý tộc ruộng đất cho giai cấp tư sản công nghiệp. Cột trụ thứ hai của tầng lớp quý tộc, "công tước sắt đá"[1*], vị anh hùng Oa-téc-lô, thì giống như chàng Đôn Ki-sốt tuyệt vọng, đã một mực ủng hộ chàng hiệp sĩ bông vải sợi Pin. Từ năm 1845, đảng bảo thủ đã coi Pin như một tên phản bội. Quyền lực của Pin đối với hạ nghị viện là nhờ ở *tính chất dễ hiểu lạ thường trong lời hùng biện của ông ta*. Chỉ cần đọc những bài nói nối

1* Oen-lin-tơn

tiếng nhất của ông ta cũng đủ thấy rằng đấy là sự chồng chất những câu sáo xen với rất nhiều số liệu thống kê tập hợp một cách khéo léo. Hầu như mọi thành phố nước Anh đều muốn dựng tượng kỷ niệm người đã bãi bỏ thuế lúa mì. Để ám chỉ hệ thống cảnh sát mà Pin đã tổ chức ra năm 1829, một tờ báo phái Hiến chương đặt câu hỏi: chúng ta cần gì đến tất cả những tượng Pin đó nhỉ? Mỗi tên cảnh sát ở Anh và ở Ai-rơ-len đều là một tượng sống kỷ niệm Pin rồi[280].

Sự kiện gần đây nhất gây ấn tượng mạnh mẽ ở nước Anh là việc giáo hoàng bổ nhiệm ngài *Oai-dơ-men làm đại giáo chủ xứ Oét-min-xtơ với tước hồng y giáo chủ* và chia nước Anh ra làm 30 giáo khu Thiên chúa giáo. Việc làm cực kỳ bất ngờ đối với giáo hội Anh này của vị thay mặt đức chúa Giê-su là một bằng chứng mới về cái ảo tưởng mà toàn thể phe phản động ở lục địa đang chạy theo cho rằng cùng với những thắng lợi mà nó đã giành được mới đây trong khi phục vụ cho giai cấp tư sản, giờ đây tự nhiên ắt cũng phải tiếp đến sự phục hồi toàn bộ trật tự xã hội phong kiến - chuyên chế với mọi thiết chế tôn giáo của nó. Chỗ dựa duy nhất của Thiên chúa giáo ở Anh là hai nhóm xã hội cực đoan: tầng lớp quý tộc và tầng lớp vô sản lưu manh. Tầng lớp vô sản lưu manh là đám dân đen gồm những người Ai-rơ-len hay con cháu người Ai-rơ-len mà xét theo nguồn gốc của họ là dân Thiên chúa giáo. Tầng lớp quý tộc thì đã từng chạy theo thú đam mê hợp thời trang là theo giáo phái Pi-u-di[281], cho đến khi, rốt cuộc, chính bản thân việc chuyển nhập vào giáo hội Thiên chúa cũng bắt đầu trở thành cái mốt. Vào thời kỳ mà tầng lớp quý tộc Anh, trong cuộc đấu tranh của nó chống lại giai cấp tư sản tiến bộ, buộc phải ngày càng bộc lộ tính chất phong kiến của nó, thì dĩ nhiên không thể tránh khỏi là những nhà tư tưởng tôn giáo của tầng lớp quý tộc, những nhà thần học chính thống của giáo hội thượng đẳng, trong cuộc đấu tranh với các nhà thần học thuộc giáo phái phi quốc giáo tư sản[282], ngày càng phải chấp nhận những kết luận rút ra từ những giáo điều và nghi thức nửa Thiên chúa giáo của họ, và thậm chí cũng không tránh khỏi là

lẻ tẻ những tín đồ phản động của giáo hội Anh ắt phải ngày càng có nhiều người chuyển sang giáo hội chúa cứu thế duy nhất ban đầu. Những hiện tượng không đáng kể này đã làm nảy sinh trong đầu óc giới tăng lữ Thiên chúa giáo ở Anh những hy vọng đầy hứa hẹn về việc toàn bộ nước Anh sẽ nhanh chóng chuyển theo Thiên chúa giáo. Tuy nhiên, huấn dụ mới của giáo hoàng[283] đã lại coi nước Anh như một tỉnh của La Mã và nhằm tăng cường hơn nữa xu hướng chuyển sang Thiên chúa giáo, lại có một tác động ngược lại. Bất ngờ mặt đối mặt vấp phải những hậu quả nghiêm trọng do cái trò thời trung cổ của mình đưa lại, các tín đồ phái Pi-u-đi đã phần nộ lùi bước, và giáo chủ phái Pi-u-đi ở Luân Đôn liền tung ra lời tuyên bố nói ông ta từ bỏ mọi lầm lạc của mình và tuyên chiến không khoan nhượng với quyền lực của giáo hoàng. - Đối với giai cấp tư sản, toàn bộ tấn hài kịch này chỉ lý thú ở chỗ nó cung cấp cho giai cấp tư sản cái cớ tiến hành những đợt công kích mới vào giáo hội thượng đẳng và vào các giáo giới của nó. Uỷ ban điều tra có nhiệm vụ báo cáo về tình hình các giáo giới, sẽ gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi trong khóa họp tới. Đông đảo nhân dân, tất nhiên, không thích thú gì vị hồng y giáo chủ Oai-đơ-men. Còn đối với báo chí thì, ngược lại, trong tình trạng nghèo nàn tin mới như hiện nay, được ông ta cung cấp cho những tài liệu như ý muốn để viết những bài báo dài và những lời đả kích mạnh mẽ chống lại Pi IX. Tờ "Times" thậm chí còn đòi chính phủ phát động khởi nghĩa tại vùng đất Tòa thánh để trừng phạt những việc làm lạm quyền của ông ta và xúi bẩy ngài Mát-đi-ni và dân lưu vong I-ta-li-a chống lại giáo hoàng. Tờ "Globe", cơ quan ngôn luận của Pan-mốc-xtơn, mỉa mai sâu cay bằng cách đối chiếu hết sức khôi hài bản huấn dụ của giáo hoàng với bản tuyên ngôn mới nhất của Mát-đi-ni. Tờ báo viết rằng giáo hoàng đòi quyền lãnh đạo tinh thần đối với nước Anh và bổ nhiệm các giáo chủ in partibus infidelium[284]. Tại đây, ở Luân Đôn, thì đang nhóm họp một chính phủ I-ta-li-a in partibus infidelium, đứng đầu là một giáo hoàng chống đối[285], ngài Mát-đi-ni. Quyền lãnh đạo mà ngài Mát-đi-ni chẳng những đòi phải có tại

những lãnh địa của giáo hoàng, mà ông ta còn thực sự nắm được, lúc này cũng mang tính chất tinh thần thuần túy như vậy. Những huấn dụ của giáo hoàng có nội dung tôn giáo thuần túy, các tuyên ngôn của Mát-đi-ni cũng vậy, cũng truyền bá tôn giáo, kêu gọi tín ngưỡng, khẩu hiệu của các tuyên ngôn đó là Dio ed il popolo, Thượng đế và nhân dân. Chúng ta thử hỏi rằng giữa những kỳ vọng của hai người có gì khác biệt không, ngoài chuyện ngài Mát-đi-ni ít ra cũng là người đại diện cho tôn giáo của đa số nhân dân mà ông ta kêu gọi, - vì rằng ở I-ta-li-a hầu như không còn thứ tôn giáo nào khác ngoài thứ tôn giáo Dio ed il poplo, trong khi đó thì đức giáo hoàng không phải là người đại diện như vậy? Tuy nhiên, Mát-đi-ni đã lợi dụng cơ hội này để đi xa hơn nữa. Cụ thể là ông ta, cùng hợp tác với các uỷ viên khác trong Uỷ ban dân tộc I-ta-li-a, hiện nay đã cho phát hành từ Luân Đôn số công trái là 10 triệu phrăng - mà một thời Quốc hội lập hiến La Mã[286] đã tán thành - với các cổ phiếu trị giá 100 phrăng, mà chính là để mua vũ khí và trang bị quân sự. Không thể phủ nhận rằng đợt công trái này có nhiều triển vọng hơn là đợt công trái tự nguyện đã thất bại của Chính phủ Áo ở Lôm-bác-đi[287].

Một đòn nghiêm trọng thực sự mà nước Anh đã giáng cho La Mã và Áo trong thời gian gần đây là hiệp ước buôn bán của nó với Xác-đi-ni. Hiệp ước này phá vỡ dự án liên minh quan thuế của I-ta-li-a, đảm bảo cho thương nghiệp Anh và cho chính sách tư sản của Anh có được những vị trí đáng kể ở Bắc I-ta-li-a.

Tổ chức đã tồn tại cho đến nay của đảng Hiến chương cũng đang phân hóa. Những người tiểu tư sản hãy còn ở trong đảng có liên hệ với tầng lớp công nhân quý tộc và làm thành bộ phận dân chủ thuần túy, cương lĩnh hành động của bộ phận này giới hạn ở bản Hiến chương nhân dân và những cuộc cải cách tiểu tư sản gì gì đấy nữa. Đông đảo công nhân sống trong những điều kiện vô sản thật sự thì thuộc vào bộ phận cách mạng của phái Hiến chương. Đứng đầu bộ phận thứ nhất là Phéc-giuýt *Ô Cô-no*, đứng đầu bộ phận thứ hai là Giuy-li-am *Hác-ni* và Ec-ne-xtơ

Giôn-xơ. Ông già Ô Cô-no, một thân hào người Ai-rơ-len, cố tỏ ra là con cháu của các vua Man-xtơ cổ đại, mặc dù nguồn gốc xuất thân và xu hướng chính trị của ông ta, là một người đại diện chân chính của nước Anh cũ. Xét về toàn bộ bản chất thì ông ta là một người bảo thủ và mang lòng căm hờn hết sức rõ rệt cả đối với tiến bộ công nghiệp lẫn đối với cách mạng. Toàn bộ tư tưởng của ông ta đều thấm đượm tinh thần gia trưởng - tiểu tư sản. Ông ta kết hợp trong người một lô mâu thuẫn khôn tả, những mâu thuẫn này tìm được cách giải quyết và sự hài hòa trong common sense[1*] tầm thường nào đấy và cho phép ông ta hết năm nay qua năm nọ có thể viết dăng trên tờ "Northern Star" những bức thư hàng tuần dài dằng dặc, mà thường là mỗi bức thư mới lại mâu thuẫn rõ ràng với bức thư trước đây. Chính vì vậy mà Ô Cô-no tự coi mình là một người nhất quán nhất trong suốt cả ba vương triều, một người mà trong vòng hai mươi năm trời đã tiên đoán được mọi sự kiện. Đôi vai rộng, giọng nói sang sảng, rất giỏi môn quyền Anh mà nhờ đó, như người ta kể lại, một lần ông ta đã cản dám đông trên hai vạn người để bảo vệ được chợ Nốt-tinh-hêm, - tất cả những cái đó thật đặc trưng cho vị đại diện của nước Anh cũ. Rõ ràng là con người như Ô Cô-no phải là một trở ngại lớn trong phong trào cách mạng. Nhưng những con người như vậy chính lại có lợi ở chỗ một lô những định kiến thâm căn cố đế lại được xua tan cùng với họ và trong cuộc đấu tranh với họ và phong trào, một khi, sau cùng, đã thắng được những con người này, thì vĩnh viễn cũng gạt bỏ được những định kiến mà họ là đại diện. Ô Cô-no sẽ chết trong tiến trình của phong trào, nhưng vì thế mà ông ta cũng sẽ có khả năng cố đạt cho kỳ được danh hiệu "người chịu khổ vì sự nghiệp chính nghĩa" y như các ngài La-mác-tin và Ma-ra-xtơ.

Điểm tranh cãi chủ yếu giữa hai bộ phận những người Hiến chương là vấn đề ruộng đất. Ô Cô-no và phe ông ta muốn sử dụng bản Hiến chương để đặt một bộ phận công nhân vào những

1*- ý nghĩ lành mạnh

khoảnh đất nhỏ hẹp và, cuối cùng, làm cho tình trạng phân tán nhỏ sở hữu ruộng đất trở thành hiện tượng phổ biến ở Anh. Mọi người đều rõ mưu đồ của ông ta nhằm thực hiện sự phân tán đó trên quy mô nhỏ với sự giúp đỡ của công ty cổ phần, đã bị thất bại ra sao. Xu hướng của mỗi cuộc cách mạng tư sản - chia nhỏ sở hữu ruộng đất lớn, mặc dù xu hướng này không ngừng được bổ sung bằng xu hướng tất yếu là sở hữu nhỏ đi tới tình trạng tập trung, đi tới diệt vong khi đụng độ với nền sản xuất nông nghiệp lớn, - xu hướng đó trong một thời gian nào đấy có thể làm nảy sinh trong công nhân Anh cái quan niệm coi sự phân tán mà Ô Cô-no đề ra như một cái gì mang tính chất cách mạng. Đối lập với yêu cầu phân tán sở hữu ruộng đất ấy, bộ phận cách mạng trong phái Hiến chương đưa ra yêu cầu tịch thu toàn bộ tài sản ruộng đất và không phân chia nhỏ ra mà giữ làm sở hữu quốc gia.

Mặc dù có tình trạng chia rẽ ấy và bất chấp việc tuyên bố những yêu cầu cực đoan, phái Hiến chương còn nhớ hoàn cảnh diễn ra việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc thì đều vẫn nhận thức được rằng trong cuộc khủng hoảng tới đây họ lại sẽ phải đi cùng với các nhà tư sản công nghiệp, những kẻ ủng hộ các cuộc cải cách tài chính, để giúp họ đánh tan những kẻ thù của họ, sau khi đã đòi được họ đến đáp lại bằng những nhượng bộ nhất định. Bất luận thế nào, lập trường của phái Hiến chương trong cuộc khủng hoảng tới đây cũng sẽ như vậy. Phong trào cách mạng thực sự chỉ có thể bắt đầu ở Anh khi bản Hiến chương sẽ được thực hiện, cũng giống như ở Pháp, trận đánh tháng Sáu chỉ có thể thực hiện được sau khi đã giành được nền cộng hòa.

Giờ chúng ta quay sang *nước Pháp*.

Qua việc đòi tiến hành cuộc bầu cử mới vào ngày 28 tháng Tư, nhân dân đã tự mình thủ tiêu thắng lợi mà họ đã giành được trong liên minh với giai cấp tiểu tư sản trong cuộc bầu cử ngày 10 tháng Ba. Việc bầu cử chẳng những ở Pa-ri mà cả ở miền Hạ Ranh nữa. Uỷ ban Pa-ri, trong đó phái Núi và giai cấp tiểu

tư sản có đại diện đông đảo, đã thúc Vi-đan nên nhận quyền uỷ trị miền Hạ Ranh. Thắng lợi ngày 10 tháng Ba đã mất ý nghĩa quyết định của nó; giải pháp triệt để đã lại bị đình hoãn, sự căng thẳng trong nhân dân đã dịu đi, họ đã quen với những thắng lợi hợp pháp thay cho những thắng lợi cách mạng. Sau hết, việc đề cử Ô-gien Xuy, một nhà không tưởng - xã hội lãng mạn - tiểu thị dân, đã hoàn toàn thủ tiêu ý nghĩa cách mạng của ngày 10 tháng Ba: làm phục hồi thanh danh cuộc khởi nghĩa tháng Sáu; may lắm giai cấp vô sản mới có thể coi việc đó như một trò đùa làm vui lòng các cô gái lẳng lơ mà thôi. Đối lập với việc đề cử đầy thiện ý ấy, đảng trật tự, trở nên mạnh bạo hơn do thái độ không triệt để của các địch thủ, đã đưa ra một ứng cử viên hẳn là hiện thân của *thắng lợi* tháng Sáu. Vị ứng cử viên hài hước ấy là Lơ-clếc, một ông bố khắc khổ của một gia đình, mà bộ đồ chiến trận anh hùng của ông ta, tuy nhiên, đã bị báo chí xé nát vụn và là kẻ đã bị thất bại hiển nhiên trong cuộc bầu cử. Thắng lợi mới trong cuộc bầu cử ngày 28 tháng Tư đã cổ vũ phái Núi và giai cấp tiểu tư sản. Phái Núi đã hoan hỷ với ý nghĩa là sẽ có thể đạt được mục đích của mình bằng con đường hoàn toàn hợp pháp mà không gây ra một cuộc cách mạng mới, cuộc cách mạng này sẽ lại đưa giai cấp vô sản lên phía trước sân khấu; phái Núi tin rằng trong cuộc bầu cử mới vào năm 1852, nhờ quyền phổ thông đầu phiếu nó sẽ đưa được ngài Lơ-đruy-Rô-lanh lên ghế tổng thống và sẽ đảm bảo cho phái Núi chiếm được đa số trong Quốc hội. Đảng trật tự mà cuộc bầu cử mới, việc Xuy ứng cử và thái độ của phái Núi và giai cấp tiểu tư sản đã làm cho nó hoàn toàn tin rằng họ đã quyết định đứng yên trong mọi tình huống, đã đáp lại cả hai thắng lợi bầu cử bằng một *đạo luật tuyển cử* hủy bỏ quyền phổ thông đầu phiếu.

Chính phủ đã thận trọng đến nỗi không nhận trách nhiệm của bản thân nó về bản dự luật ấy. Nó đã giả vờ nhượng bộ đa số bằng cách nhường cho những người đứng đầu phe đa số, mười bảy viên tổng trấn[288], việc soạn thảo ra dự luật này. Vậy là không phải chính phủ đề nghị Quốc hội mà là đa số trong Quốc hội đã đề nghị bản thân mình bãi bỏ quyền phổ thông đầu phiếu.

Ngày 8 tháng Năm bản dự luật được đưa trình nghị viện. Tất cả báo chí dân chủ xã hội đồng thanh lên tiếng thuyết phục nhân dân hãy tỏ ra biết tự trọng, giữ calme majestueux[1*], giữ thái độ thụ động và tin tưởng ở các đại diện của mình. Mỗi bài trên các báo đó là một lời thú nhận rằng cách mạng trước tiên sẽ thủ tiêu cái gọi là báo chí cách mạng và rằng, như vậy, vấn đề giờ đây là nó tự bảo tồn lấy mình. Báo chí cách mạng - giả hiệu đã để lộ điều bí mật của nó. Nó đã ký bản án tử hình cho bản thân nó.

Ngày 21 tháng Năm phái Núi đã đưa vấn đề ra để thảo luận sơ bộ và yêu cầu bác bỏ toàn bộ dự luật với lý do là dự luật đó vi phạm hiến pháp. Đảng trật tự đã trả lời lại rằng hiến pháp sẽ bị vi phạm khi nào xét thấy cần, còn bây giờ thì đó là chuyện thừa, vì hiến pháp có thể được giải thích theo bất kỳ kiểu nào và chỉ có đa số mới có quyền quyết định xem cách giải thích nào là đúng. Trước những lời công kích tục tằn, man rợ của Chi-e và Mông-ta-lăm-be, phái Núi đã giữ thái độ nhân đạo lịch thiệp và văn minh. Họ viện đến mảnh đất pháp lý; đảng trật tự đã chỉ cho họ thấy mảnh đất trên đó pháp lý phát triển là quyền sở hữu tư sản. Phái Núi bắt đầu van lạy: phải chăng thật sự người ta muốn gây ra cách mạng với bất kỳ giá nào? Đảng trật tự đã trả lời: chúng ta sẽ không bị bất ngờ với cách mạng đâu.

Ngày 22 tháng Năm đã chấm dứt việc thảo luận sơ bộ vấn đề bằng một đa số phiếu thuận là 462 trên 227 phiếu chống. Chính những kẻ từng chứng minh một cách trịnh trọng làm vậy và cặn kẽ làm vậy rằng Quốc hội và mỗi nghị sĩ nói riêng sẽ bị mất toàn quyền của họ ngay khi họ truất quyền của nhân dân đã cho họ cái quyền hạn ấy, vẫn tiếp tục ngồi yên tại chỗ và lẽ ra phải tự mình hành động thì họ lại bất dồ giao cho đất nước hành động, tức là bằng cách thỉnh cầu; họ chẳng buồn nhúc nhắc ngay

1*- vẻ bình tĩnh trang nghiêm

cả khi chính đạo luật được thông qua một cách tuyệt vời vào ngày 31 tháng Năm. Họ toan rửa hận cho mình bằng một bản kháng nghị trong đó họ ghi rõ không dính líu gì vào vụ áp chế hiến pháp, nhưng ngay cả bản kháng nghị đó họ cũng không tuyên bố công khai, mà bí mật đút vào túi ông chủ tịch.

Đội quân mười lăm vạn người ở Pa-ri, việc trì hoãn không thời hạn một giải pháp triệt để, những lời kêu gọi hãy bình tĩnh của báo chí, thái độ nhu nhược của phái Núi và những dân biểu mới được bầu, vẻ bình tĩnh trang nghiêm của giai cấp tiểu tư sản, nhưng chủ yếu là cảnh phồn vinh của thương nghiệp và công nghiệp đã cản trở mọi mưu đồ cách mạng của giai cấp vô sản.

Quyền phổ thông đầu phiếu đã hoàn thành sứ mạng của nó. Đa số nhân dân đã trải qua một trường học giáo dục mà vai trò của trường này thì quyền phổ thông đầu phiếu chỉ có thể thực hiện trong thời kỳ cách mạng mà thôi. Quyền phổ thông đầu phiếu phải bị thủ tiêu hoặc bởi cách mạng, hoặc bởi phe phản động.

Phái Núi còn thể hiện nhiều nghị lực hơn nữa trong sự kiện tiếp diễn sau đấy chẳng bao lâu. Từ trên diễn đàn Quốc hội, bộ trưởng bộ chiến tranh Ô-pu-lơ đã gọi cuộc cách mạng tháng Hai là một vụ tai nạn bất hạnh. Các diễn giải của phái Núi - cũng như mọi khi, phái Núi đã biểu lộ sự phẫn nộ đạo đức của nó rất ầm ĩ - không được ngài chủ tịch Đuy-panh cho phép phát biểu. Gi-rác-đanh đã đề nghị phái Núi nhất loạt bỏ phòng họp tức khắc. Kết quả: phái Núi vẫn ngồi tại chỗ, còn Gi-rác-đanh thì bị ném ra khỏi hàng ngũ phái Núi, coi như một kẻ không xứng đáng.

Đạo luật tuyển cử còn cần thêm một điểm bổ sung nữa là *đạo luật mới về báo chí*. Đạo luật này người ta đã không phải chờ đợi lâu. Dự luật của chính phủ, tỏ ra còn khắc nghiệt hơn nữa vì có rất nhiều điều sửa đổi do đảng trật tự đưa vào, đã tăng thêm tiền đảm bảo, dự định thu thuế tem đặc biệt đối với những tiểu thuyết đem đăng báo (đáp lại việc Ơ-gien Xuy trúng cử).

đánh thuế tất cả mọi tác phẩm có số lượng tờ in nhất định đăng trên các tập san ra hàng tuần và hàng tháng và, sau hết, quy định mỗi bài báo phải có chữ ký của tác giả. Những quy định về tiền đảm bảo đã bóp chết cái gọi là báo chí cách mạng; nhân dân coi cái chết của nó như một sự đền bù cho việc bãi bỏ quyền phổ thông bầu phiếu. Nhưng xu thế và các tác động của đạo luật mới không chỉ hạn chế ở bộ phận này của báo chí. Khi báo chí còn khuyết danh thì nó là cơ quan của công luận rộng rãi và vô danh; nó là uy quyền thứ ba trong một quốc gia. Việc ký tên ở mỗi bài báo đã biến tờ báo thành một tuyển tập đơn thuần những tác phẩm văn học của các nhân vật ít nhiều có tiếng tăm. Mỗi bài báo đã bị hạ xuống đến mức một thông báo báo chí. Trước đây báo chí vẫn được lưu hành như một thứ tiền giấy của công luận, giờ đây chúng đã biến thành những kỳ phiếu - thông thường ít nhiều đáng ngờ vực mà chất lượng tốt và khả năng lưu hành của chúng phụ thuộc chẳng những vào uy tín của người khai kỳ phiếu mà còn vào uy tín của người ký mặt sau kỳ phiếu. Báo chí của đảng trật tự chẳng những đã xúi bẩy bãi bỏ quyền phổ thông đầu phiếu, mà còn xúi bẩy thi hành những biện pháp cực đoan nhất chống lại báo chí "xấu". Tuy nhiên, thậm chí ngay cả báo chí "tốt" với tính chất khuyết danh chẳng lành của nó cũng không hợp với khẩu vị đảng trật tự, đặc biệt là những đại diện riêng lẻ của nó ở tỉnh lẻ. Nó chỉ mong giao thiệp với những tác gia được trả công, muốn biết rõ tên tuổi, chỗ ở và các đặc điểm của họ. Báo chí "tốt" đã hoài công khóc than trước sự vong ân đen bạc mà người ta đem đền đáp cho nó vì những công lao phục vụ của nó. Đạo luật đã được thông qua, và việc yêu cầu ký tên đã quật vào bản thân nó trước tiên. Tên tuổi các nhà chính luận cộng hòa thì đã khá quen thuộc, nhưng các hãng đáng kính "Journal des Débats", "Assemblée Nationale", "Constitutionnel", v.v. và v.v. với trí óc sáng suốt cỡ quốc gia được quảng cáo rộng rãi của chúng thì đã bị rơi vào một tình trạng tối tệ nhất, khi toàn thể cái hội buôn bí mật ấy đột nhiên hiện ra dưới dạng penny

- a - liners[1*] lão luyện buôn bán - những kẻ cả đời chỉ vì tiền mà đã bảo vệ bất kể cái gì cũng được, kiểu như Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc, hay dưới dạng những đồ giẻ rách cũ rích tự xưng mình là những con người quốc gia, kiểu như Ca-pơ-phi-gơ, hay dưới dạng những kẻ viết văn bất tài hay làm đỏm kiểu như ông Lơ-moan-nơ thuộc hãng "Débats".

Trong khi thảo luận đạo luật về báo chí, phái Núi đã kịp đi tới chỗ sa đọa về tinh thần đến mức chỉ hạn chế ở việc vỗ tay hoan hô những áng văn tuyệt tác của bậc danh nhân cũ thời Lu-i Phi-líp, ngài Vích-to Huy-gô.

Với việc chấp thuận đạo luật tuyển cử và đạo luật về báo chí, phe cách mạng và dân chủ đã rút khỏi sân khấu chính thức. Sau khi khóa họp kết thúc ít lâu, trước khi giải tán về nhà, cả hai bộ phận của phái Núi - các nhà dân chủ xã hội chủ nghĩa và các nhà xã hội chủ nghĩa dân chủ - đã tung ra hai bản tuyên ngôn, hai testimonia paupertatis[2*], trong đó họ chứng minh rằng nếu như sức mạnh và thành công không bao giờ ở bên phía họ, thì trái lại, họ bao giờ cũng đứng về phía lẽ phải vĩnh cửu và tất cả mọi chân lý vĩnh cửu khác.

Giờ ta hãy quay sang đảng trật tự. Tạp chí "Neue Rheinische Zeitung" có viết trong số 3, trang 16: "Chống lại những tham vọng phục tích của phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống liên kết với nhau, Bô-na-pác-tơ bảo vệ cơ sở pháp lý của quyền lực thật sự của ông ta, tức là bảo vệ nền cộng hòa; chống lại những tham vọng phục tích của Bô-na-pác-tơ, đảng trật tự bảo vệ cái cơ sở pháp lý của quyền cùng thống trị chung của nó, tức là bảo vệ nền cộng hòa; phái chính thống chống lại phái Oóc-lê-ăng, và phái Oóc-lê-ăng chống lại phái chính thống cũng đều bảo vệ status quo, tức là bảo vệ nền cộng hòa. Tất cả những bộ phận đó của đảng trật tự - mà mỗi bộ phận đó

1*- những kẻ viết bài đếm chữ ăn tiền
2*- bằng chứng về tình trạng nghèo khổ

đều mang in petto[1*] một vị vua riêng của nó và một nền phục tích của riêng nó, mỗi bộ phận đều đem quyền thống trị chung của giai cấp tư sản, cái hình thức mà trong đó tất cả mọi tham vọng riêng biệt của họ đều được trung hòa và duy trì lẫn nhau - tức là *nền cộng hòa*, để đối lập với những tham vọng tiếm đoạt và nổi loạn của các đối thủ của họ... Chi-e cũng không nghi ngờ có một sự thật như thế nào ẩn giấu trong câu nói của ông ta: "Chính những người bảo hoàng chúng ta mới thật sự là những trụ cột của chế độ cộng hòa lập hiến"[2*].

Tấn hài kịch républicains malgré eux[3*] này, tấn hài kịch đối lập lại status quo[4*] và việc nhất thiết củng cố nó; những vụ va chạm không ngừng của Bô-na-pác-tơ với Quốc hội; việc đảng trật tự thường xuyên có nguy cơ bị phân hóa thành các phần cấu thành nó và thường xuyên có sự cố kết mới giữa các bộ phận đó; những mưu đồ của mỗi bộ phận đó nhằm biến mọi thắng lợi đối với kẻ thù chung thành thất bại của những bạn đồng minh tạm thời của mình; sự ghen tỵ nhau, làm hại nhau và mưu giết nhau, những thanh kiếm luôn luôn tuốt trần mà kết quả bao giờ cũng là baiser - Lamourette[289], - toàn bộ tấn hài kịch không lấy gì làm đẹp này của các sai lầm chưa bao giờ lại phát triển một cách cổ điển tới mức như trong vòng sáu tháng gần đây.

Đảng trật tự coi đạo luật tuyển cử đồng thời cũng là một đòn đánh thắng Bô-na-pác-tơ. Với sự chuyển giao việc biên soạn dự luật của mình và trách nhiệm đối với dự luật cho Ủy ban mười bảy người, chính phủ của Bô-na-pác-tơ qua đấy chẳng lẽ đã không từ bỏ quyền lực đó sao? Chẳng lẽ chỗ cho chính của Bô-na-pác-tơ chống lại Quốc hội lại không phải ở chỗ ông ta là người được sáu triệu phiếu bầu ra? - Về phía mình Bô-na-pác-tơ coi đạo luật tuyển cử như một sự nhượng bộ trước Quốc hội, một

1*- trong lòng
2* Xem tập này, tr. 107.
3*- các nhà cộng hòa bất đắc dĩ. (Ám chỉ vở hài kịch của Mô-li-e "Thầy thuốc bất đắc dĩ").
4* - trật tự hiện hành

sự nhượng bộ mà ông đã dùng để mua được sự hài hòa giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp. Để đền công cho việc này, kẻ mạo hiểm thấp hèn đã đòi tăng lương bổng của y thêm ba triệu. Có thể nào Quốc hội lại đi xung đột với quyền hành pháp vào lúc Quốc hội tuyên bố đặt đại đa số nhân dân Pháp ra ngoài vòng pháp luật? Quốc hội công phẫn; tưởng như nó quyết đi tới những biện pháp cực đoan nhất; một uỷ ban của Quốc hội đã bác lời đề nghị; về phía mình, báo chí phe Bô-na-pác-tơ đã làm ra vẻ nghiêm khắc, chỉ vào nhân dân bị cướp bóc, bị tước mất quyền phổ thông bầu phiếu. Đã có rất nhiều mưu đồ ám ĩ nhằm hòa giải; cuối cùng Quốc hội đã nhượng bộ trên việc làm, nhưng đồng thời đã trả thù trên nguyên tắc. Lẽ ra, về nguyên tắc, phải tăng tiền lương cố định cho nhà vua thêm 3 triệu 1 năm, thì Quốc hội lại bỏ phiếu thông qua việc chỉ trợ cấp 1 lần cho Bô-na-pác-tơ ở mức 2160000 phrăng. Chưa thỏa mãn với việc này, ngay cả bước nhượng bộ ấy Quốc hội cũng chỉ làm khi có sự tán thành của Săng-gác-ni-ê, một viên tướng của đảng trật tự và một người đỡ đầu không yêu cầu của Bô-na-pác-tơ. Như vậy, hai triệu ấy thật ra không phải được biểu quyết cho Bô-na-pác-tơ, mà là cho Săng-gác-ni-ê.

Cái của bố thí ném ra de mauvaise grâce[1*] đó được Bô-na-pác-tơ tiếp nhận hoàn toàn trên tinh thần của kẻ cho bố thí. Báo chí phe Bô-na-pác-tơ lại tung ra những lời công kích của họ vào Quốc hội, còn khi thảo luận đạo luật về báo chí có bổ sung thêm điểm ghi rõ tên tác giả, trước hết nhằm chống lại những tờ báo thứ yếu, đại diện cho quyền lợi cá nhân của Bô-na-pác-tơ, thì tờ "Pouvoir", cơ quan ngôn luận chính của phe Bô-na-pác-tơ, đã tấn công vào Quốc hội với sự điên cuồng không sao kiềm chế nổi. Trước mặt Quốc hội, các vị bộ trưởng phải từ bỏ tờ báo này; chủ bút tờ "Pouvoir" bị gọi ra chất vấn trước Quốc hội và bị xử phạt tiền nặng nhất: 5000 phrăng. Ngày hôm sau tờ "Pouvoir" đã đăng một bài báo chống lại Quốc hội còn ngỗ ngược hơn, còn chính

1*- một cách bất đắc dĩ.

phủ thì khởi tố trước tòa án mấy tờ báo phe chính thống vì tội vi phạm hiến pháp để trả thù.

Sau hết, vấn đề hoãn các phiên họp của nghị viện đã được đặt ra. Bô-na-pác-tơ cần hoãn họp để hành động mà không bị phía Quốc hội ngăn trở. Đảng trật tự thì cần hoãn họp, một phần là để thực hiện những âm mưu phe phái của nó, một phần vì những quyền lợi cá nhân của các nghị sĩ riêng lẻ. Cả hai bên đều cần hoãn họp để củng cố và mở rộng những thắng lợi của lực lượng phản động ở địa phương. Vì vậy Quốc hội đã hoãn những phiên họp của nó từ ngày 11 tháng Tám đến ngày 11 tháng Mười một. Nhưng vì Bô-na-pác-tơ hoàn toàn không giấu giếm là chỉ cố thoát ra khỏi sự giám sát nặng nề của Quốc hội, nên Quốc hội đã làm cho chính việc biểu quyết tín nhiệm của mình mang tính chất không tín nhiệm đối với tổng thống. Không có lấy một người nào thuộc phe Bô-na-pác-tơ tham gia vào uỷ ban thường trực gồm 28 người ở lại để bảo vệ phẩm hạnh của nền cộng hòa trong thời gian nghỉ họp[290]. Thay vào những người thuộc phe Bô-na-pác-tơ thậm chí đã bầu vào đấy mấy người thuộc phe cộng hòa của "Siècle" và "National" để chứng minh cho tổng thống thấy đa số đều gắn bó với nền cộng hòa lập hiến.

Trước khi nghị viện hoãn họp ít lâu, và đặc biệt là liền sau khi hoãn, có vẻ hình như hai bộ phận lớn của đảng trật tự, là phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, sẵn sàng hòa giải với nhau, mà chính là trên cơ sở hợp nhất của hai dòng họ nhà vua mà họ đã chiến đấu dưới những lá cờ của hai dòng họ này. Các báo đăng đầy những dự án hòa giải đã được thảo luận bên giường bệnh của Lu-i Phi-líp ở Xanh Lê-ô-nác-xơ; nhưng cái chết của Lu-i Phi-líp đã bất ngờ làm đơn giản hóa tình hình. Lu-i Phi-líp là kẻ tiếm ngôi, Hăng-ri V đã từng bị ông ta cướp đoạt tài sản, còn bá tước Pa-ri, - vì Hăng-ri V không có con, - đã trở thành người kế vị ông ta một cách hợp pháp. Giờ đây đã không còn lý do gì để chống lại việc hợp nhất quyền lợi của hai triều đại nữa. Nhưng chính giờ đây cả hai bộ phận trong giai cấp tư sản, sau

hết, đã hiểu rằng chẳng phải họ chia rẽ nhau vì sự gắn bó về tình cảm với dòng họ vua này hay dòng họ vua khác, mà, ngược lại, những lợi ích giai cấp khác nhau của họ đã chia rẽ hai triều đại. Những người thuộc phe chính thống đến Vi-xba-đen để yết kiến Hăng-ri V, cũng như những kẻ cạnh tranh với họ đến Xanh Lê-ô-nác-xơ, đã nhận được ở đó cái tin Lu-i Phi-líp đã chết. Họ liền thành lập nội các in partibus infidelium[291], chủ yếu bao gồm những uỷ viên trong cái uỷ ban bảo vệ phẩm hạnh của nền cộng hòa đã nói trên, và, nhân có vụ xung đột xảy ra trong đảng, nội các đó đã lập tức ra lời tuyên bố thẳng thừng về quyền hành do Thượng đế ban cho. Phái Oóc-lê-ăng hi hả nhân vụ tai tiếng làm mất uy tín mà bản tuyên ngôn đó[292] đã gây ra trên báo chí, và không hề giấu giếm thái độ thù địch trắng trợn của họ đối với phái chính thống.

Trong khi Quốc hội nghỉ họp, các hội nghị đại biểu các tỉnh đã nhóm họp. Đa số các hội nghị đại biểu này đã tuyên bố tán thành sửa đổi hiến pháp một cách hạn chế ở những điểm bổ sung thay đổi ít nhiều, tức là tuyên bố tán thành nền phục hưng quân chủ mà không định nghĩa nó một cách chính xác hơn, tán thành *"giải quyết vấn đề"* mà đồng thời lại thấy mình quá bất lực và quá hèn nhát không tìm ra được cách giải quyết đó. Bộ phận theo Bô-na-pác-tơ vội vã giải thích nguyện vọng sửa đổi đó theo tinh thần là nhằm kéo dài quyền hạn tổng thống của Bô-na-pác-tơ.

Giai cấp thống trị không thể nào lại cho phép giải quyết vấn đề một cách hợp pháp theo hiến pháp được - đó là việc bãi chức Bô-na-pác-tơ vào tháng Năm 1852, đồng thời tất cả cử tri trong nước sẽ bầu ra một tổng thống mới và sửa đổi hiến pháp trong vòng những tháng đầu của nhiệm kỳ tổng thống mới với một nghị viện đặc biệt được bầu ra để làm việc này. Ngày bầu tổng thống mới sẽ là ngày gặp gỡ của tất cả mọi đảng phái thù địch: phái chính thống, phái Oóc-lê-ăng, phái cộng hòa tư sản, phái cách mạng. Kết quả có lẽ là không tránh khỏi diễn ra xung đột bạo lực giữa các phe phái khác nhau. Thậm chí nếu như đảng trật tự có đoàn kết lại được xung quanh một ứng cử viên trung lập nào đó không thuộc các dòng họ nhà vua, thì Bô-na-pác-tơ cũng sẽ chống lại ứng cử viên đó. Trong cuộc đấu tranh của nó chống lại nhân dân, đảng trật tự buộc phải không ngừng tăng cường sức mạnh quyền hành pháp. Mọi nỗ lực tăng cường quyền hành pháp đều làm cho kẻ nắm quyền đó - Bô-na-pác-tơ - mạnh thêm. Bởi vậy mọi biện pháp mà đảng trật tự tiến hành để tăng cường sức mạnh chung của nó, đều tăng cường các phương tiện chiến đấu của Bô-na-pác-tơ đẩy những tham vọng triều chính, đều làm cho ông ta tăng thêm cơ hội dùng sức mạnh để ngăn cản giải pháp theo hiến pháp vào lúc nguy biến. Khi ấy, trong cuộc đấu tranh của ông ta với đảng trật tự, Bô-na-pác-tơ sẽ không ngần ngại vi phạm một trong những cơ sở của bản hiến pháp, hệt như đảng trật tự trong cuộc đấu tranh của nó với nhân dân đã không ngần ngại vi phạm một cơ sở khác của bản hiến pháp qua việc bãi bỏ quyền phổ thông đầu phiếu. Chắc hẳn ông ta thậm chí sẽ còn viện cả đến quyền phổ thông đầu phiếu để chống lại Quốc hội. Tóm lại, cách giải quyết theo hiến pháp khiến cho toàn bộ status quo chính trị trở nên bấp bênh, mà đằng sau sự bấp bênh của status quo thì nhà tư sản cảm thấy có sự hỗn loạn, vô chính phủ, nội chiến. Y cảm thấy rằng cùng với ngày chủ nhật đầu tiên trong tháng Năm 1852 là tất cả mọi công việc mua và bán của y, các kỳ phiếu, các giấy giá thú, các giấy công chứng, các khoản cho vay cầm cố, địa tô, tiền cho thuê nhà, lợi nhuận của y, tất cả mọi khế ước và nguồn thu nhập của y sẽ trở nên bấp bênh, - mà y thì không thể lao mình vào sự mạo hiểm như thế. Đằng sau sự lung lay của status quo chính trị có ẩn giấu nguy cơ sụp đổ toàn bộ xã hội tư sản. Đối với giai cấp tư sản, cách giải quyết duy nhất có thể được là trì hoãn việc giải quyết lại. Giai cấp tư sản chỉ có thể cứu vớt nền cộng hòa lập hiến bằng cách vi phạm hiến pháp, bằng cách kéo dài quyền lực của tổng thống. Đó chính là lời nói cuối cùng của báo chí đảng trật tự sau tất cả các cuộc thảo luận kéo dài và sâu sắc về "những cách giải quyết vấn đề" mà nó đã lao vào sau khi các hội đồng tỉnh kết thúc khóa họp.

Như vậy, đảng trật tự hùng mạnh thật bề mặt thấy mình buộc phải nghiêm chỉnh lưu ý đến con người Bô-na-pác-tơ giả hiệu nực cười, hèn hạ và đáng căm ghét.

Về phía mình, con người bẩn thỉu ấy đã ngộ nhận những nguyên nhân thật sự khiến vai trò của một con người tất yếu lại cứ ngày càng rơi trúng vào mình. Trong khi đảng của ông ta còn đủ sáng suốt để quy cái tầm quan trọng ngày càng tăng của Bô-na-pác-tơ cho tình thế đã được hình thành, thì bản thân ông ta lại tin rằng ông ta được vậy là chỉ ơn nhờ có cái ảnh hưởng huyền bí của cái tên ông ta mang và nhờ ông ta bắt chước được Na-pô-lê-ông không biết mệt. Ông ta ngày càng trở nên thảo vát hơn. Ông ta đáp lại những cuộc hành hương về Vi-xba-đen và Xanh-Lê-ô-nác-xơ bằng những chuyến đi khắp nước Pháp của ông ta. Phe Bô-na-pác-tơ đặt rất ít hy vọng vào tác động ma lực của nhân vật Bô-na-pác-tơ đến nỗi đã cử đi theo ông ta tới khắp nơi khắp chốn hàng đoàn tàu và xe chở đầy như nêm cối những kẻ vỗ tay thuê, những hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp, cái tổ chức của giới vô sản - lưu manh Pa-ri ấy. Họ mồm cho tên bù nhìn của họ những lời lẽ mà, tùy theo cách đón tiếp dành cho tổng thống tại thành phố này, hay thành phố nọ, sẽ có ý nghĩa như một châm ngôn cho chính sách của tổng thống: hoặc là hòa giải cộng hòa, hoặc là kiên trì và quyết chí. Mặc dù có tất cả mọi mánh lới, những chuyến đi này hoàn toàn không giống với những đám rước khải hoàn.

Tin rằng như vậy là mình đã cổ vũ được nhân dân, Bô-na-pác-tơ bắt tay vào tuyên truyền vận động trong quân đội. Ông ta tổ chức tại đồng bằng Xa-tô-ri gần Véc-xay, những cuộc duyệt binh lớn, trong đó ông ta cố mua chuộc binh lính bằng xúc-xích, tỏi, rượu sâm-banh và xi-gà. Nếu như Na-pô-lê-ông thật biết cách khích lệ những người lính đang kiệt sức giữa những cuộc hành quân chinh phục vất vả cực nhọc của ông ta bằng những cử chỉ bất ngờ tỏ sự thân mật gần gũi kiểu gia trưởng, thì Na-pô-lê-ông giả lại tưởng binh sĩ tỏ lòng cảm tạ ông ta khi họ tung hô "Vive

Napoléon, vive le saucisson!"[1*]", nghĩa là "Xúc xích muôn năm, thằng hề muôn năm"[2*]".

Những cuộc duyệt binh này đã làm lộ rõ mối bất hòa ngấm ngầm lâu nay giữa một bên là Bô-na-pác-tơ và bộ trưởng bộ chiến tranh Ô-pu-lơ và một bên là Săng-gác-ni-ê. Thông qua Săng-gác-ni-ê đảng trật tự đã tìm được một người trung lập thật sự của họ, một kẻ không thể có chuyện nuôi tham vọng vương triều riêng tư. Nó chỉ định sẵn người này làm người kế nhiệm Bô-na-pác-tơ. Thêm vào đó, nhờ hành vi của mình hôm 29 tháng Giêng và 13 tháng Sáu 1849, Săng-gác-ni-ê đã trở thành vị thống soái vĩ đại của đảng trật tự, một A-lếc-xan-đrơ mới mà một nhà tư sản nhút nhát cho là sự can thiệp thô bạo của ông ta đã đem chặt phăng cách mạng đi. Thực chất là một người thảm hại không kém gì Bô-na-pác-tơ, bằng cái cách rất rẻ tiền như vậy ông ta đã trở nên có uy tín và được Quốc hội đưa lên để giám sát tổng thống. Bản thân ông ta đã làm đỏm - chẳng hạn, trong những cuộc tranh luận về tiền lương của tổng thống - với vai trò kẻ đỡ đầu của Bô-na-pác-tơ và ngày càng lên mặt với ông ta và các vị bộ trưởng. Khi xảy ra khả năng sắp có khởi nghĩa do luật bầu cử mới được ban hành, ông ta đã cấm các viên sĩ quan của ông ta không được nhận bất cứ mệnh lệnh gì của bộ trưởng bộ chiến tranh hay của tổng thống. Về phía mình, báo chí đã góp phần vào việc tán tụng nhân vật Săng-gác-ni-ê. Vì hoàn toàn không có những nhân vật ít nhiều xuất sắc, đảng trật tự đành phải đem sức mạnh mà toàn thể giai cấp của nó không có phú cho một người, và bằng cách đó mà thổi phồng y lên thành một người khổng lồ nào đấy. Truyền thuyết về Săng-gác-ni-ê - *"một thành trì của xã hội"* - đã xuất hiện như vậy đó. Sự bịp bợm càn rỡ, kiểu lên mặt quan trọng ra vẻ bí ẩn đã làm Săng-gác-ni-ê xứng đáng được gánh vác cả thế giới, là một sự tương phản hết sức

1* - "Na-pô-lê-ông muôn năm, xúc xích muôn năm!"
2* Chơi chữ tiếng Đức: "Wurst" có nghĩa là "xúc xích", "Hanswurst" có nghĩa là "thằng hề".

nực cười bên cạnh những sự kiện trong cuộc duyệt binh ở Xa-tô-ri và sau đó. Những sự kiện này đã chứng minh hùng hồn rằng chỉ cần một nét bút của Bô-na-pác-tơ, một kẻ lỗi lạc vô cùng nhỏ nhoi đó, cũng đủ để hạ cái sản phẩm hoang dường của cơn hoảng sợ tư sản là con người khổng lồ Săng-gác-ni-ê, xuống cỡ một nhân vật xoàng xĩnh tầm thường và biến ông ta, người anh hùng cứu vớt xã hội, thành viên tướng về vườn ăn lương hưu trí.

Đã có một lần Bô-na-pác-tơ trả thù Săng-gác-ni-ê bằng cách khích bộ trưởng bộ chiến tranh của ông ta va chạm về mặt kỷ luật với kẻ đỡ đầu đang lúng túng. Cuộc duyệt binh mới đây ở Xa-tô-ri, sau hết, đã đẩy mối hiềm khích cũ tới chỗ bùng nổ công khai. Sự phẫn nộ theo tinh thần hiến pháp của Săng-gác-ni-ê không còn biết đến giới hạn nào nữa khi những trung đoàn kỵ binh diễn ngang qua trước mặt Bô-na-pác-tơ đã tung hô những lời phản hiến pháp "Vive l'Empereur!"[1*]. Để tránh những cuộc tranh luận rầy rà ở kỳ họp nghị viện sắp tới vì những lời tung hô này, Bô-na-pác-tơ đã đẩy bộ trưởng bộ chiến tranh Ô-pu-lơ đi, bổ nhiệm ông ta làm toàn quyền ở An-giê-ri. Bô-na-pác-tơ đã đặt lên ghế bộ trưởng bộ chiến tranh một viên tướng cũ thời đế chế hoàn toàn đáng tin cậy mà về mặt thộ bỉ thì không kém Săng-gác-ni-ê chút nào. Nhưng để việc cách chức Ô-pu-lơ không có vẻ như một bước nhượng bộ Săng-gác-ni-ê, Bô-na-pác-tơ đồng thời đã điều tướng Nơ-may-ơ, cánh tay phải của vị cứu tinh vĩ đại của xã hội, từ Pa-ri đi Năng-tơ. Nơ-may-ơ là kẻ có tội trong việc bộ binh đã lặng lẽ lạnh lùng diễu hành ngang qua mặt người kế vị Na-pô-lê-ông trong cuộc duyệt binh lần gần đây nhất. Chính mình động lòng trước việc thuyên chuyển Nơ-may-ơ, Săng-gác-ni-ê đã phản đối và dọa dẫm. Vô ích! Sau hai ngày thương lượng, một sắc lệnh thuyên chuyển Nơ-may-ơ đã xuất hiện trên tờ "Moniteur", và vị anh hùng của trật tự không còn cách nào khác hơn là phục tùng kỷ luật hoặc phải đệ đơn từ chức.

1*- "Hoàng đế muôn năm!"

Cuộc đấu tranh của Bô-na-pác-tơ với Săng-gác-ni-ê là sự tiếp tục đấu tranh của ông ta với đảng trật tự. Vì vậy kỳ họp mới của Quốc hội sẽ khai mạc vào ngày 11 tháng Mười một giữa những điềm gở đáng lo ngại. Nhưng đó sẽ chỉ là cơn bão tố trong cốc nước mà thôi. Nhìn chung, trò cũ sẽ lặp lại. Bất chấp những tiếng gào thét của những kẻ duy trì nguyên tắc trong các bộ phận khác nhau của đảng trật tự, đa số đảng này sẽ buộc phải kéo dài quyền hạn tổng thống. Về phía mình, Bô-na-pác-tơ, đã chịu dàn hòa chỉ vì một chuyện là thiếu tiền, sẽ tiếp nhận việc kéo dài quyền lực đó như một sự uỷ quyền giản đơn từ tay Quốc hội, mặc tất cả những sự phản đối trước đây của ông ta. Như vậy, việc giải quyết vấn đề được hoãn lại, status quo vẫn được duy trì; từng bộ phận của đảng trật tự lại thỏa mạ làm suy yếu bộ phận kia, làm cho nó không thể chịu nổi; các vụ đàn áp chống lại kẻ thù chung, chống lại đông đảo nhân dân được tăng cường và cuối cùng không còn cách gì đàn áp nữa, cho đến khi, rốt cục, bản thân các quan hệ kinh tế sẽ đạt tới một giai đoạn phát triển mà tất cả những phái đang cãi cọ với nhau này cùng với nền cộng hòa lập hiến của chúng sẽ bay tung lên trời do một vụ nổ mới.

Để làm yên lòng nhà tư sản, vả lại, cũng cần nói thêm rằng vụ ẩu đả giữa Bô-na-pác-tơ và đảng trật tự đã làm cho nhiều nhà tư bản nhỏ bị phá sản ở sở giao dịch và số tư bản của họ chuyển sang túi những con sói lớn ở sở giao dịch.

Tại *Đức*, những sự kiện chính trị trong nửa năm gần đây, xét cho cùng, là một tấn hài kịch, trong đó Phổ phỉnh phờ phái tự do, còn Áo thì phỉnh phờ Phổ.

Năm 1849, hình như có vấn đề về bá quyền của Phổ ở Đức; năm 1850 có vấn đề về việc phân chia quyền hành giữa Áo và Phổ; năm 1851 vấn đề rồi sẽ chỉ đề cập tới việc Phổ sẽ thần phục Áo dưới hình thức nào và sẽ trở về - như một kẻ có tội biết ăn năn hối lỗi - sống trong lòng *Quốc hội hiệp bang* đã được khôi phục hoàn toàn. Nước Đức nhỏ[293], mà vua Phổ hy vọng sẽ lấy được để thưởng cho chuyến ngự giá rủi ro của hoàng

thượng trong thành Béc-lin ngày 21 tháng Ba 1848[294], đã bị biến thành nước Phổ nhỏ. Nước Phổ dành nhẫn nhục chịu đựng mọi nỗi sỉ nhục và bị loại ra khỏi hàng ngũ các cường quốc vĩ đại. Thậm chí ngay cả cái ước mơ khiêm nhường về một liên minh cũng tan vỡ vì tính chất láu cá thiển cận thông thường trong chính sách của nó. Nó đã bịp bợm gán ép cho liên minh cái tính chất tự do và qua đấy phỉnh phờ các nhà thông thái của phái Gô-ta[295] bằng những giấc mộng lập hiến đẹp đẽ mà nó không bao giờ để tâm tới một cách cẩn thận; vậy mà nhờ toàn bộ tình hình phát triển công nghiệp của nó, số thâm hụt thường xuyên của nó, số nợ quốc gia của nó, bản thân nước Phổ vẫn cứ trở thành tư sản đến mức càng ngày càng sa vào chủ nghĩa lập hiến, cho dù nó có vùng vẫy và chống đối đến đâu. Nếu như các nhà thông thái của phái Gô-ta, sau hết, đã thấy nước Phổ xử sự với đầu óc khôn ngoan và phẩm giá của họ một cách nhục nhã như thế nào, thậm chí nếu như một Ga-ghéc-nơ hay một Bruy-ghê-man nào đấy với lòng phẫn nộ đạo đức, sau hết, đã quay lưng lại phía chính phủ từng đem tính thống nhất và quyền tự do của tổ quốc ra mà đùa giỡn một cách càn rỡ làm vậy, thì ngay cả những chú chim non mà Phổ thu vào dưới chiếc cánh nhỏ của nó - các quốc vương nhỏ - cũng đem lại cho nó những niềm vui lớn chẳng hơn gì. Chỉ đến lúc bị bức bách quá thể và vô phương chống đỡ, những quốc vương nhỏ này mới chịu phó thác mình cho móng vuốt con đại bàng Phổ thèm khát sự thôn tính[296] mà thôi. Vì nhờ vả sự can thiệp, hăm dọa và thị uy của Phổ để bắt thần dân của mình trở lại tình trạng ngoan ngoãn trước đây, nên họ đã phải trả một giá đắt - phải chịu những hiệp ước quân sự nô dịch, phải cho đóng quân rất tốn kém và có triển vọng sắp tới bị thần phục thông qua việc thi hành hiến pháp liên bang. Nhưng chính bản thân Phổ đã lo toan cho họ thoát được cái họa mới này. Tại khắp nơi Phổ đã lại khôi phục quyền thống trị của lực lượng phản động, mà lực lượng phản động càng tiến triển thì các quốc vương nhỏ càng tách khỏi Phổ để lao vào vòng tay của *Áo*. Giá như họ lại có thể cai trị theo phương thức trước tháng

Ba thì nước Áo chuyên chế đối với họ gần gũi hơn Phổ là nước không thể đi theo chế độ chuyên chế cũng y như nó không muốn là nước tự do. Thêm vào đấy, chính sách của Áo không nhằm thôn tính các quốc gia nhỏ, mà, trái lại, nhằm duy trì các quốc gia này như những bộ phận không thể tách rời của Quốc hội liên bang đang hồi sinh. Như vậy, Phổ đành phải cam chịu trước việc Dắc-đen - mấy tháng trước đó được quân đội Phổ đã cứu vớt - tách khỏi nó, trước việc Han-nô-vơ, Cuốc-hét-xen đã tách ra, còn giờ đây lại đến Ba-đen tiếp bước các nước kia, mặc dù trong nước còn có những đội quân đồn trú của Phổ. Với việc ủng hộ lực lượng phản động ở Hăm-buốc, Mếch-clen-bua, Đê-xao và các địa phương khác, Phổ đã tốn công không phải làm lợi cho mình, mà làm lợi cho Áo, điều này giờ đây Phổ đã thấy rõ qua các sự kiện ở cả hai công quốc Héc-xen[297]. Như vậy, vị hoàng đế không thành đạt của Đức, ít ra đã thấy rõ rằng ngài đang sống trong một thời đại phản phúc và nếu như giờ đây ngài đành cam chịu mất "cánh tay phải, một liên minh" của ngài thì cánh tay đó từ lâu đã bị liệt rồi. Như vậy, giờ đây Áo đã mở rộng bá quyền của nó ra khắp miền Nam Đức, mà tại Bắc Đức thì những quốc gia quan trọng nhất lại là địch thủ của Phổ.

Cuối cùng, Áo đã đi xa tới mức là dựa vào Nga, nó đã có thể công khai chống lại Phổ. Nó đã hành động như vậy trong hai vấn đề: vấn đề Slê-đơ-vích – Hôn-stai-nơ và vấn đề Cuốc-hét-xen.

Ở *Slê-đơ-vích – Hôn-stai-nơ* "lưỡi gươm Đức"[1*] đã ký một hòa ước riêng rẽ kiểu Phổ chính cống và giao các đồng minh của mình vào tay kẻ thù đang có lực lượng trội hơn. Anh, Nga và Pháp đã quyết định chấm dứt tình trạng độc lập của các công quốc và bày tỏ ý định này trong một nghị định thư được Áo tán thành. Trong khi Áo và các Chính phủ Đức liên hiệp với Áo căn cứ vào nghị định thư Luân Đôn đã lên tiếng tại Quốc hội liên bang đã được phục hồi, ủng hộ việc Liên bang Đức can thiệp vào Hôn-stai-nơ làm lợi cho Đan Mạch, thì Phổ vẫn cố theo đuổi chính

1* Ám chỉ vua Phổ Phri-đrích Vin-hem IV.

sách hai mặt của mình, xúi giục các bên tham chiến phục tùng "tòa án trọng tài liên bang" hãy còn chưa có và chưa được xác định, lại bị đa số chính phủ, mà lại là các chính phủ đáng kể nhất, bác bỏ; với mọi thủ đoạn của mình, Phổ chẳng đạt được gì, ngoài chuyện bị các cường quốc vĩ đại nghi cho là có âm mưu cách mạng và đã nhận được cả một loạt những công hàm dọa đẫm làm cho nó nhanh chóng mất hết hứng thú thi hành chính sách đối ngoại "độc lập". Dân Slê-đơ-vích – Hôn-stai-nơ sẽ nhanh chóng có được khả năng trở về với sự bảo hộ trong tình cha con của đức vua của họ, và nhân dân - những người cho phép để các ngài Bê-xơ-le và Rê-ven-tơ-lốp được cai trị họ, mặc dù toàn bộ quân đội đứng về phía họ - đang chứng tỏ rằng họ hãy còn cần đến cái roi Đan Mạch để dạy bảo họ.

Phong trào ở *Cuốc-hét-xen*[295] đem lại cho ta một dẫn chứng có một không hai chứng tỏ "cuộc khởi nghĩa" trong một quốc gia Đức nhỏ bé có thể dẫn đến cái gì. Sự phản kháng có đức hạnh của giới thị dân chống lại tên lừa đảo Hát-xen-pơ-phlúc đã thực hiện được mọi điều có thể đòi hỏi ở một cảnh tượng tương tự: nghị viện đồng tâm nhất trí, dân chúng đồng tâm nhất trí, các viên chức và quân đội đứng về phía thị dân; tất cả mọi phần tử chống đối bị đẩy đi xa, lời hiệu triệu: hỡi bọn vua chúa, hãy cút khỏi đất nước! - tự nó được thực hiện, tên lừa đảo Hát-xen-pơ-phlúc đã biến mất cùng với toàn bộ nội các của y; tất cả mọi chuyện diễn ra như là theo đơn đặt hàng, - tất cả mọi đảng phái đều nghiêm túc theo đúng khuôn khổ luật pháp, những hành động quá khích nào đấy đều tránh được, và phe đối lập chẳng phải động tay đã giành được một thắng lợi hiển hách nhất trong số những thắng lợi đã từng được biết trong lịch sử sự chống đối theo hiến pháp. Và giờ đây, khi toàn bộ quyền lực đã nằm trong tay thị dân, khi cái uỷ ban đẳng cấp của họ chẳng hề mảy may vấp phải ở đâu một sức phản kháng nào, thì chính giờ đây là lúc họ lại phải tỏ rõ sức mình. Giờ đây họ đã thấy thay vào quân đội Cuốc-hét-xen đóng ở biên giới là quân đội nước ngoài, sẵn sàng tiến vào đất nước và trong vòng hai mươi bốn giờ chấm dứt tất

cả cái vẻ huy hoàng của nền cai trị của thị dân. Chỉ giờ đây mới bắt đầu sự bối rối và nhục nhã. Nếu như trước đây họ không thể lùi bước thì giờ đây họ lại không thể tiến lên được nữa. Việc Cuốc-hét-xen từ chối đóng thuế chứng minh một cách hùng hồn hơn bất kỳ sự kiện nào trước đó rằng tất cả mọi xung đột trong phạm vi các quốc gia nhỏ bé đều trong chừng mực nào đó dẫn tới một trò hề thuần túy mà kết quả duy nhất của nó, rốt cuộc, là sự can thiệp và thủ tiêu xung đột bằng cách thủ tiêu cả vua chúa lẫn hiến pháp. Việc đó cho thấy tất cả những trận chiến đấu hiển hách, trong đó có những người tiểu thị dân của các quốc gia nhỏ đem lòng yêu nước kiên cường bảo vệ cho bất kỳ một thành quả nào trong số những thành quả nhỏ bé của những ngày tháng Ba tránh khỏi sự đổ vỡ tất yếu, đều nực cười đến chừng nào.

Ở Cuốc-hét-xen, một quốc gia thành viên của liên bang cần được giật ra khỏi vòng tay của Phổ, Áo, đã trực tiếp chống lại đối thủ của nó. Chính là Áo đã khích vị tuyển đế hầu ở đấy tấn công vào hiến pháp, rồi liền sau đó đã đặt vị đó dưới sự bảo vệ của Quốc hội hiệp bang của mình. Để làm cho sự bảo vệ này có sức mạnh, để bẻ gãy sức phản kháng của Phổ chống lại quyền thống trị của Áo trong vấn đề Cuốc-hét-xen này và dùng đe dọa buộc Phổ lại phải gia nhập Quốc hội hiệp bang, giờ đây quân đội Áo và các quốc gia miền Nam nước Đức đến đóng ở Phran-cô-ni và Bô-hêm[1*]. Phổ cũng tự vũ trang. Các báo đăng nhan nhản những tin các quân đoàn hành binh và phản hành binh. Tất cả sự ồn ào này sẽ chẳng đi tới đâu, y hệt những cuộc tranh cãi của đảng trật tự ở Pháp với Bô-na-pác-tơ. Cả vua Phổ lẫn hoàng đế Áo đều không có chủ quyền, chỉ độc hoàng đế Nga là có chủ quyền. Cuối cùng, nước Phổ nổi loạn sẽ phục tùng lệnh của Nga hoàng và, chẳng có lấy một giọt máu, các bên tham chiến sẽ hòa thuận ngồi vào Quốc hội hiệp bang, tuy nhiên chẳng vì thế mà giảm sút tý nào sự ghen tỵ nhỏ nhen với nhau của họ, những mối bất hòa với thần dân của họ, cũng như nỗi bất bình của họ

1* Trác-kha-a

trước quyền trị vì tối cao của Nga.

Giờ đây chúng ta chuyển sang một nước với ý nghĩa trừu tượng nhất của từ này, tức là số dân chung toàn châu Âu, số dân *lưu vong*. Ta sẽ không bàn đến từng nhóm lưu vong riêng lẻ - Đức, Pháp, Hung-ga-ri, v.v.; haute politique[1*] của họ chỉ hạn chế ở chronique scandaleuse[2*] thuần túy mà thôi. Nhưng dám dân chúng toàn châu Âu in partibus infidelium trong thời gian gần đây đã có một chính phủ lâm thời mà đại diện là *Uỷ ban trung ương châu Âu* gồm có Giu-đép *Mát-di-ni*, *Lơ-đruy-Rô-lanh*, An-be *Đa-ra-sơ* (người Ba Lan) và Ác-nôn *Ru-gơ*, một người khi ký tên xác nhận sự tham gia của mình đã ghi một cách khiêm tốn: đại biểu Quốc hội Phran-phuốc. Mặc dù sẽ rất khó chỉ rõ hội nghị dân chủ nào đã yêu cầu bốn nhà truyền bá Phúc âm này đảm nhận chức vụ của họ, tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng bản tuyên ngôn của họ có chứa đựng biểu tượng lòng tin của quảng đại quần chúng lưu vong và thâu tóm dưới một hình thức thích hợp những thành quả tinh thần mà đám người được hưởng nhờ những cuộc cách mạng gần đây.

Bản tuyên ngôn bắt đầu bằng việc liệt kê một cách xuất sắc những lực lượng dân chủ.

"Phe dân chủ còn thiếu cái gì để giành thắng lợi? Thiếu tổ chức... Chúng ta có các giáo phái, nhưng không có một giáo hội, có những hệ thống triết học chưa chín muồi và mâu thuẫn, nhưng không có một tôn giáo, không có một tín ngưỡng tập thể tập hợp các tín đồ dưới một khẩu hiệu chung và làm cân đối hài hòa các công việc của họ... Cái ngày tất cả chúng ta sẽ đoàn kết lại và cùng nhau tiến lên dưới sự hướng dẫn của những con người ưu tú nhất trong chúng ta... sẽ là ngày hôm trước của chiến đấu. Vào ngày đó chúng ta sẽ điểm lại hàng ngũ của ta, chúng ta sẽ biết ta là ai, chúng ta sẽ ý thức được sức mạnh của mình".

Vậy tại sao cho tới nay cách mạng vẫn chưa thắng lợi? Là bởi vì chính quyền cách mạng có tổ chức yếu hơn các chính phủ. Sắc lệnh đầu tiên của chính phủ lâm thời của giới lưu vong như

1*- chính sách cao cả
2*- việc ghi chép những chuyện bê bối

sau.

Người ta cho rằng giờ đây phải bổ cứu cái họa đó bằng cách tổ chức *một đội quân tín đồ* và *lập một tôn giáo*.

"Nhưng muốn vậy phải khắc phục hai trở ngại lớn, xóa bỏ hai điều kiện lầm lạc nghiêm trọng: quá thổi phồng quyền của cá nhân, địa vị độc chuyên lạnh lùng của lý luận... Chúng ta không được nói "tôi", chúng ta cần học nói "chúng ta"... Những kẻ nào chỉ theo ý riêng của mình và từ chối sự hy sinh nhỏ mà kỷ luật và tổ chức yêu cầu, tức là những kẻ đó, do những thói quen của quá khứ, đã phủ nhận tín ngưỡng chung mà bản thân họ truyền bá... Địa vị độc chuyên về lý luận là sự phủ định giáo điều cơ bản của chúng ta. Kẻ nào nói: tôi đã tìm thấy chân lý chính trị, và kẻ nào coi việc chấp nhận hệ thống của mình làm điều kiện để thừa nhận sự hợp tác anh em, - là kẻ đó phủ nhận nhân dân, là người duy nhất giải thích quy luật thế giới một cách tiến bộ, chỉ cốt để khẳng định cái "tôi" của riêng mình. Kẻ nào khẳng định rằng với nỗ lực riêng lẻ của trí tuệ mình, cho dù trí tuệ đó có sức mạnh đến đâu đi nữa, thì anh ta hiện nay có thể đưa ra giải pháp cuối cùng các vấn đề đang làm náo động quần chúng, là kẻ đó tự hãm mình vào những sai lầm vì hiểu biết chưa đầy đủ, từ bỏ mất một trong số những nguồn vĩnh cửu của chân lý, là trực giác tập thể của nhân dân đã được lôi cuốn vào hành động. Giải pháp cuối cùng là điều bí mật của thắng lợi... Trong đa số trường hợp, các hệ thống của chúng ta không thể là cái gì khác hơn một sự mổ xẻ xác chết, tìm ra bệnh tật, phân tích nguyên nhân tử vong, mà bất lực không tri giác được hay lý giải được sự sống. Sự sống, đó là nhân dân trong vận động, đó là quần chúng được nâng cao tới một sức mạnh phi thường do tiếp xúc với nhau, do linh cảm tiên tri những sự nghiệp vĩ đại phải được hoàn thành bằng sự kết đoàn trên đường phố một cách tự phát và bất thình lình như tia lửa điện; đó là hành động phát huy đến mức cao nhất tất cả những sức mạnh của hy vọng, của tinh thần hy sinh quên mình, của tình yêu và nhiệt tình mà nay đang còn ngủ yên, và làm tỏ rõ sức con người trong sự thống nhất bản tính của anh ta, trong sự trọn vẹn các khả năng sáng tạo của anh ta. Cái bắt tay của người công nhân ở một trong những thời điểm lịch sử khởi đầu cho một kỷ nguyên mới sẽ nói nhiều với chúng ta về tổ chức tương lai hơn là sự lao động lạnh lùng và nhẫn tâm của trí tuệ hay sự sáng suốt rất mực của cái thây ma vĩ đại trong hai nghìn năm gần đây"[299] - cái xã hội cũ.

Như vậy là toàn bộ cái điều tầm phào khoa trương này xét cho cùng rốt cục chỉ là cái quan điểm phi-li-xtanh tầm thường nhất cho rằng dường như cách mạng thất bại là do tình trạng tranh giành hám danh của các lãnh tụ riêng biệt và do xung đột ý kiến giữa các ông thầy khác nhau, hiềm khích lẫn nhau của nhân dân.

Cuộc đấu tranh với nhau giữa các giai cấp khác nhau và các

phe phái khác nhau trong các giai cấp - mà các giai đoạn phát triển riêng biệt trong đó chính lại tạo nên cách mạng - đối với các nhà truyền bá kinh Phúc âm của chúng ta lại chỉ là kết quả đáng buồn của sự tồn tại giữa các hệ thống mâu thuẫn mà thôi, trong khi đó, trái lại, thực ra sự tồn tại giữa các hệ thống khác nhau lại là kết quả của đấu tranh giai cấp. Chỉ riêng điều này cũng đã cho thấy các tác giả của bản tuyên ngôn phủ nhận sự tồn tại của đấu tranh giai cấp. Dưới chiêu bài đấu tranh chống lại những kẻ giáo điều, họ gạt bỏ mọi nội dung nhất định, mọi quan điểm có tính đảng nhất định, phủ nhận các giai cấp riêng biệt có quyền bày tỏ lợi ích của mình và nêu lên các yêu cầu của mình đối lập với các giai cấp khác. Họ đề nghị các giai cấp hãy quên sự đối lập về quyền lợi đi và hòa giải với nhau dưới lá cờ của một tính bất định hết sức tầm thường và cũng hết sức trắng trợn, mà đằng sau cái bề ngoài dung hòa quyền lợi của mọi đảng phái thì cái tính chất bất định đó lại che giấu quyền thống trị của những lợi ích của riêng một đảng, đó là đảng tư sản mà thôi. Xét tới những kinh nghiệm mà các vị ấy tích lũy được ở Pháp, Đức và I-ta-li-a trong vòng hai năm gần đây, thậm chí cũng không thể khẳng định rằng thái độ giả nhân giả nghĩa mà ở đây lợi ích tư sản được thể hiện bằng các câu văn kiểu La-mác-tin về tình hữu ái, - là vô ý thức. Vả chăng, việc các vị ấy tìm hiểu "các hệ thống" tường tận đến mức nào, thì điều này có thể thấy ngay qua việc họ hình dung mỗi một hệ thống ấy chỉ là một phần nhỏ của sự rất sáng suốt, rất tổng hợp trong bản tuyên ngôn của họ, mà cái phần ấy đã phiến diện nhặt một câu văn nào đó trong số những câu văn về tự do, bình đẳng, v.v. được tập hợp trong văn bản tuyên ngôn, để làm cơ sở. Những quan niệm của họ về các tổ chức xã hội được biểu đạt một cách lạ kỳ: việc tụ tập đông người trên đường phố, việc gây rối, một cái bắt tay - và thế là xong hết. Cách mạng đối với họ về đại thể chỉ là ở chỗ lật đổ chính phủ hiện hành; nếu như đạt được mục tiêu đó là đã giành được "thắng lợi" cuối cùng rồi. Khi ấy không còn vận động, phát triển, đấu tranh nữa, và dưới sự bảo hộ của Uỷ ban trung ương

châu Âu lúc đó sẽ lên thống trị, thì sẽ bắt đầu một thời đại hoàng kim của nền cộng hòa châu Âu và cái thói ngô ngẩn vô tâm ngủ kỹ triền miên. Cũng như họ căm thù sự phát triển và đấu tranh, các vị ấy cũng căm thù tư duy, sự tư duy tàn nhẫn, - dường như một nhà tư tưởng nào đấy, không loại trừ cả Hê-ghen và Ri-các-đô, đã có khi nào đấy có thể đạt tới mức độ tàn nhẫn như họ đang đem những thứ nước bẩn pha loãng đó tưới cho công chúng! Nhân dân không nên quan tâm đến ngày mai và có thể gạt bỏ khỏi đầu óc bất kỳ ý nghĩ nào; khi nào ngày quyết định vĩ đại tới, nhân dân sẽ được nạp điện bằng một sự cọ xát, và câu đố về tương lai sẽ được giải đáp cho họ một cách thần kỳ. Lời hiệu triệu từ bỏ tư duy đó là một mưu đồ trắng trợn nhằm lừa dối chính những giai cấp đang bị áp bức nhất trong nhân dân.

"Chẳng lẽ như vậy là chúng ta nói" (một uỷ viên của Uỷ ban trung ương châu Âu chất vấn một uỷ viên khác) "rằng chúng ta phải ra quân không cờ xí, chẳng lẽ chúng ta nói rằng trên lá cờ của mình ta muốn viết lên sự phủ định đơn thuần? Mọi người không thể có ý nghĩ ngờ chúng ta sẽ làm điều gì tương tự như vậy. Là những đại biểu của nhân dân, từ lâu từng tham gia các trận chiến đấu của nhân dân, chúng ta rất xa lạ với việc dắt dẫn nhân dân đến chỗ trống không".

Ngược lại, để chứng minh *tính vẹn toàn* của các tư tưởng của mình, các vị ấy trao tặng chúng ta một bản danh sách thật xứng với Lê-pô-rê-lô[300] ghi những chân lý vĩnh cửu và những thành tựu của toàn bộ thời gian trước đây để làm cơ sở chung hiện đại cho "nền dân chủ". Bản danh sách này được tóm tắt trong bài kinh "lạy chúa tôi" mang tính chất giáo huấn sau đây:

"Chúng ta tin rằng năng lực và sức mạnh con người sẽ phát triển tiến bộ theo chiều hướng của quy luật đạo đức định trước cho chúng ta. Chúng ta tin vào hiệp hội như một phương tiện đúng đắn duy nhất để đạt tới mục đích đó. Chúng ta tin rằng việc giải thích quy luật đạo đức và các tiêu chuẩn của sự tiến bộ không thể ủy thác cho một đẳng cấp riêng biệt hay cho một cá nhân, mà chỉ có thể giao phó cho nhân dân được nền giáo dục quốc dân mở mang trí tuệ và chịu sự lãnh đạo của những đại diện ưu tú nhất trong nhân dân nổi bật về đức hạnh và tinh thần. Chúng ta tin ở tính thiêng liêng của cả hai, cá nhân cũng như xã hội, cả hai không nên loại trừ nhau hay đấu tranh với nhau, mà phải kết hợp hài hòa với nhau vì sự hoàn thiện lẫn nhau một cách phổ biến. Chúng ta tin ở tự do mà nếu không có nó thì mọi trách nhiệm con người đều biến mất, tin ở bình đẳng mà nếu không có nó thì tự do chỉ là sự lừa dối, tin ở sự bác ái mà nếu không có nó thì tự do và bình đẳng sẽ là những phương tiện không

có mục đích, tin ở hiệp hội mà nếu không có nó thì bác ái sẽ là một cương lĩnh không thể thực hiện được, tin ở *gia đình, cộng đồng, ở nhà nước* và *tổ quốc* là những lĩnh vực tiến bộ mà trong mỗi lĩnh vực đó con người cần liên tục lớn lên đến trình độ nhận thức được và thực hiện được tự do, bình đẳng, bác ái và hiệp hội. Chúng ta tin ở tính chất thiêng liêng của lao động, *ở sở hữu* do lao động tạo ra như một đặc trưng của nó và thành quả của nó, ở bổn phận của xã hội phải thông qua tín dụng mà cung cấp vật tư cho lao động chân tay, và thông qua giáo dục mà cung cấp vật tư cho lao động trí óc và tinh thần... *Nói tóm lại, chúng ta tin ở cái chế độ xã hội mà đỉnh cao của nó là Thượng đế và quy luật của Người, còn cơ sở là nhân dân...*".

Như vậy, Tiến bộ - Hiệp hội - Quy luật đạo đức - Tự do - Bình đẳng - Bác ái; Hiệp hội - Gia đình, Cộng đồng, Nhà nước - Tính chất thiêng liêng của quyền sở hữu - Tín dụng - Giáo dục - Thượng đế và Nhân dân - Dio e popolo. Những câu này được nhắc tới trong tất cả các bản tuyên ngôn của các cuộc cách mạng năm 1848, từ cách mạng Pháp đến cách mạng Va-la-sơ, và chính vì vậy mà chúng có mặt ở đây như những cơ sở chung của một *cuộc cách mạng mới*. Không có lấy một cuộc cách mạng nào trong số những cuộc cách mạng đó lại bỏ qua việc tuyên bố tính chất thiêng liêng của quyền sở hữu mà ở đây được tôn lên như thành quả lao động. Mọi quyền sở hữu tư sản đều là "thành quả và đặc trưng của lao động" đến mức nào, điều này A-đam Xmít đã hiểu rõ hơn nhiều so với các nhà khởi xướng cách mạng của chúng ta đang hiểu sau ông tám mươi năm. Còn về chuyện nhượng bộ của chủ nghĩa xã hội, theo đó xã hội phải thông qua tín dụng đảm bảo cho mỗi người có vật tư để anh ta lao động, thì mỗi chủ xưởng vẫn thường cấp cho công nhân của mình một khoản tín dụng là số vật tư mà họ có thể chế biến trong một tuần, và ngày nay hệ thống tín dụng đã phổ cập tới chừng mực nào hãy còn có thể dung hòa được với tính bất khả xâm phạm của quyền sở hữu, vả lại chính ngay tín dụng, cuối cùng, chỉ là một hình thức sở hữu tư sản mà thôi.

Thực chất của bản kinh Phúc âm này rút cục lại là một trạng thái xã hội, trong đó Thượng đế là đỉnh cao còn nhân dân hay, như sau đó có nói tiếp, *nhân loại*, là cơ sở. Điều này có nghĩa là những con người ấy tin vào cái xã hội hiện có, trong đó, như

mọi người đều biết, Thượng đế là đỉnh cao, còn dân đen là cơ sở. Khẩu hiệu của Mát-di-ni: Thượng đế và nhân dân, Dio e popolo, có thể có một ý nghĩa nào đấy ở I-ta-li-a, nơi mà người ta đem đối lập Thượng đế với giáo hoàng, và nhân dân thì đối lập với bọn vua chúa; nhưng mà đem trưng diện cái tác phẩm ăn cắp đó của I-ô-han-nét Rôn-ngơ, cái lớp váng tối tân nhất trong đám cặn bã của nền giáo dục giả ngụy Đức, để làm khẩu hiệu có nhiệm vụ giải đáp câu đố của thời đại, - thì thật là quá lắm! Vả lại, trong trường phái ấy người ta quen với những hy sinh nho nhỏ, mà tổ chức và kỷ luật đòi hỏi, một cách dễ dàng tới mức nào, người ta từ bỏ địa vị độc chuyên lạnh lùng của lý luận một cách dễ dàng tới mức nào, điều này được chứng minh bởi Ác-nôn Vin-ken-rít Ru-gơ của chúng ta, người mà lần này đã có thể đánh giá được sự khác nhau giữa Thượng đế và nhân loại làm cho Lê-ô vui sướng khôn xiết[301]. Bản tuyên ngôn kết thúc bằng câu:

"Vấn đề là bản hiến pháp của nền dân chủ châu Âu, là thành lập ngân sách, ngân khố của các dân tộc. Vấn đề là tổ chức một đội quân những người khởi xướng".

Để trở thành người đầu tiên khởi xướng ra thứ ngân sách nhân dân đó, Ru-gơ đã nhờ đến bọn phi-li-xtanh dân chủ ở Am-xtéc-đam và giảng giải cho chúng cái thiên chức đặc biệt của chúng là trả tiền. Nước Hà Lan đang lâm nguy!

Luân Đôn, ngày 1 tháng Mười một 1850

Do C.Mác và Ph.Ăngghen viết
Đã đăng trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - Ökonomische Revue" số 5 - 6, năm 1850

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TUYÊN BỐ CHỐNG A.RU-GƠ

Trong một bài phóng sự từ Luân Đôn gửi về ngày 13 tháng Giêng, tờ "Bremer Tages - Chronik" số ra ngày 17 tháng Giêng năm nay cho đăng cả một lô những chuyện nhảm nhí được chấp nhặt rất vụng, những tin đồn láo và hiểu sai, những điều xuyên tạc nghiêm trọng và những lời trách móc ngạo mạn đối với tờ "Neue Rheinische Zeitung" và những người ký tên dưới đây.

"Những con người xuất chúng và kiên quyết"[302] vào cỡ phóng viên Luân Đôn này bao giờ cũng đáp lại sự phê bình mà họ không đối phó nổi theo kiểu họ nhà khỉ: họ lấy phân mình mà ném bừa vào địch thủ. Chacun selon ses facultes[1*].

Những lời bịa đặt xảo trá về tờ "Neue Rheinische Zeitung" chúng tôi xin nhường lại cho vị tác giả "kiên quyết và xuất chúng" của chúng. Còn về những lời xuyên tạc tốt bụng của y về việc chúng tôi rút khỏi Hội ở phố Grai-tơ Uyn-đơ-min[2*] thì chúng tôi xin tuyên bố:

1*- Mỗi người làm theo năng lực của mình
2*- Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn

Cả trước lẫn sau khi rút khỏi Hội, Ăng-ghen và Mác không bao giờ dính dáng gì đến việc quản lý quỹ của Hội. Họ đã tham gia vào việc quản lý quỹ lưu vong và đã rút khỏi ban quản trị quỹ này chỉ sau khi hoạt động trước đó của họ trong quỹ ấy đã được kiểm tra và được thừa nhận là đúng đắn. Lời khẳng định rằng họ ra khỏi Hội là để khỏi phải đóng chín pen-in hội phí hàng tháng, là sự bịa đặt của một con người chỉ đáng giá một xu đồng mòn vẹt! Các bạn thấy đấy, với mục đích ấy, một trong hai người đã rời tới Man-se-xtơ, còn người kia thì đã định di chuyển sang bên kia biển! Trong đáy sâu những tâm hồn chứa chất đầy sự phẫn nộ có tính chất đạo đức thì thiếu gì những châu ngọc tuyệt đẹp!

Các đồng chí trong đảng của chúng tôi ở Đức hiểu rõ những lý do thực sự của việc chúng tôi rút khỏi Hội nói trên và việc chúng tôi đoạn tuyệt với những người lãnh đạo Hội. Những lý do này được họ tán thành và thông cảm, nhưng không nên đưa ra công khai[303]. Trong tình hình hiện nay ở Đức, thậm chí ngay cả một tên khiêu khích cảnh sát khôn ngoan cũng sẽ không buộc được chúng tôi giải thích thêm nữa, huống hồ là một kẻ khiêu khích vụng về họ nhà gấu thuộc tờ "Bremer Tages-Chronik".

Để kết luận chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng con người đem phân của mình từ Luân Đôn về bón cho những cột báo "Bremer Tages-Chronik" chẳng phải ai khác hơn là nhà tư tưởng xứ Pô-mê-ra-ni mà tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã luôn luôn đề cập tới, như một đối tượng rất xứng với bút pháp của người họa sĩ và là người mà ở một chỗ khác, dựa trên cơ sở các tác phẩm của y, chúng tôi đã đánh giá như "một cái rãnh thoát nước mà mọi rác bẩn ngôn luận và mọi mâu thuẫn của phe dân chủ Đức đều đổ dồn vào"[304]. Tóm lại, người bạn xứ Brê-men, đó chẳng phải ai khác ngoài "Ác-nôn Vin-ken-rít Ru-gơ" của chúng ta, cái bánh

xe thứ năm của cỗ xe nền dân chủ trung ương châu Âu. Giờ đây thì rất dễ hiểu những lời chửi rủa tờ "Neue Rheinische Zeitung".

Luân Đôn, ngày 27 tháng Giêng 1851

Các Mác, Phri-đrich Ăng-ghen

Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga vào năm 1930

In theo bản thảo Nguyên văn là tiếng Đức

PH. ĂNG-GHEN

THƯ GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "TIMES"

Thưa Ngài kính mến!

Trên số báo hôm nay của Ngài tôi đọc thấy bức thư của ông Lu-i-Blăng về "bữa tiệc của những người bình đẳng" được tổ chức tại Luân Đôn ngày 24 tháng Hai[305] và về lời chúc rượu nổi tiếng mà văn bản lời chúc rượu đó do ông Blăng-ki đang bị cầm tù ở Be-lơ-I-lơ-an-Me gửi tới bữa tiệc này. Tôi xin có mấy lời nhận xét về bức thư ấy.

Trong bữa tiệc, tên của Blăng-ki được kẻ lên tường bằng chữ đậm cùng với tên những vị anh hùng và những người tuẫn tiết khác của lực lượng dân chủ. Cũng trong buổi họp mặt này đã có một lời chúc rượu ca ngợi "các nạn nhân của sự vu khống" - Ma-rát, Rô-be-xpi-e... và Blăng-ki! Tất cả những văn bản các lời chúc rượu và các bài phát biểu trong dịp này đều phải nộp trình ban "tổ chức buổi lễ tuyệt vời và long trọng này" chậm nhất là ngày 15 tháng Hai. Ông Blăng là uỷ viên ban tổ chức này, vì vậy ông ta ắt là tán thành từ trước lời chúc rượu ca ngợi ông Blăng-ki đó. Vậy làm sao mà giờ đây ông Blăng lại có thể biến ông Blăng-ki thành "nạn nhân của sự vu khống" được, gọi ông ta là

"một trong những kẻ bất hạnh trong cơn cùng quẫn toan đem lời thóa mạ các nhân vật có uy tín và có lẽ còn làm hại cả sự nghiệp cao đẹp nhất nếu như có khả năng làm thế!".

Ông Blăng khẳng định rằng diễn văn chúc rượu không phải do những người tù ở Be-lơ-I-lơ gửi tới, mà hoàn toàn chỉ do ông Blăng-ki sắp đặt. Tất nhiên, chắc rằng ông Blăng-ki là tác giả những bài chúc rượu và những văn kiện xuất hiện với chữ ký của ta. Tuy nhiên, như mọi người ở Pháp đều biết rất rõ, bài chúc tụng mà ta đang bàn đây đã được Hội những người bạn của bình đẳng tán thưởng và cho công bố, Hội này có cả những tù nhân ở Be-lơ-I-lơ ủng hộ ông Blăng-ki vì rằng ông ta cũng có bạn bè trong dám tù nhân, cũng y như ông Bác-be, người đỡ đầu ông Lu-i-Blăng vậy.

Còn về "ngày hội long trọng và tuyệt vời" và "sự thống nhất của hơn một nghìn nhân vật thuộc các dân tộc khác nhau" thì, vì đây ta đang bàn đến ông Blăng, chớ nên quên rằng màn kịch cảm động này chẳng phải cái gì khác hơn là một cuộc biểu tình "hữu ái" chống lại ông Lơ-druy-Rô-lanh, chẳng phải cái gì khác hơn là một sự trả thù - chính ông Blăng đã công khai tuyên bố như thế - về chuyện ông ta, ông Blăng, không được đưa vào "Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu" gồm có các ông Lơ-druy-Rô-lanh, Mát-di-ni và nhiều người khác,

Còn về chuyện "uy tín" của ông Lu-i Blăng thì điều tốt hơn hết cho ông ta là từ nay trở đi đừng có động chạm tới vấn đề tế nhị này, khi mà "uy tín" của ông ta còn chưa hồi phục được sau những trận đòn đáng sợ mà ông Pru-đông đã nện cho ông ta trước đây ít lâu.

Ra công quảng cáo cho cái tình cảnh lưu vong và bị phát vãng của mình, xem ra ông Blăng hẳn là muốn che đỡ cho mình tránh những đòn công kích của ông Blăng-ki. Nhưng phải chăng các con trai của Lu-i Phi-líp cũng không phải là những kẻ bị phát vãng? Và phải chăng chính ông Blăng đã làm dịu mức độ hung hăn của những trận ông ta công kích chính cái ông Pru-đông ấy, ông này không phải là kẻ bị phát vãng đang sống dàng hoàng ở nhà số 87 phố

Pi-ca-đi-ly - trong một nơi cư trú rất ít thích hợp để ngồi trong đó mà viết những bài thơ "Sầu oán" kiểu Ô-vi-đi-út, - mà là tù nhân trong tay luật pháp đó sao?

Hẳn ông Blăng có ý trách ông Blăng-ki đã công bố bài diễn văn chúc rượu của mình trên "báo chí phản cách mạng". Ông Blăng biết rất rõ rằng từ tháng Năm 1850 ở Pháp không còn có báo chí "cách mạng" nữa. Nhưng xin lỗi, thưa ông Lu-i Blăng, chính ông lại yêu cầu tổng biên tập tờ "Times" tiếp nhận "sự bầy tỏ những tình cảm tốt đẹp nhất của ông", mà trong mắt ông thì "Times" là một tờ báo dân chủ, xã hội chủ nghĩa và cách mạng từ khi nào vậy?

Tuy nhiên, để làm cho công chúng có dịp nhận xét về cái văn kiện lạ thường này, cái văn kiện đang làm ông Blăng phẫn nộ làm vậy và cho tới nay vẫn còn là đối tượng quan tâm chung của báo chí Pháp, tôi xin gửi hầu Ngài bản dịch toàn văn văn kiện đó và hy vọng rằng nó sẽ được công chúng Anh lưu ý tới[306].

Thưa quý Ngài, xin quý Ngài hãy nhận lấy ở chúng tôi lời cảm ơn chân thành nhất.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 5 tháng Ba 1851
Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô công bố lần đầu bằng tiếng Nga vào năm 1934

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Anh

Ký tên: Véritas

PH. ĂNG-GHEN

KHẢ NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG CUỘC CHIẾN TRANH CỦA LIÊN MINH THẦN THÁNH CHỐNG LẠI NƯỚC PHÁP NĂM 1852[307]

Tôi xuất phát từ chỗ cho rằng, bất kỳ một cuộc cách mạng thắng lợi nào ở Pa-ri năm 1852 cũng nhất định sẽ gây ra ngay tức khắc một cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh chống lại nước Pháp.

Cuộc chiến tranh đó sẽ hoàn toàn khác với cuộc chiến tranh những năm 1792 - 1794, và những sự kiện của thời đại ấy quyết không thể dùng làm cơ sở để tiến hành so sánh.

I

Những sự thần kỳ do Hội nghị Quốc ước thực hiện trong công cuộc đánh tan khối liên minh bằng quân sự sẽ bị mờ nhạt đi một cách rõ rệt khi ta xem xét kỹ hơn; người ta sẽ hiểu được sự khinh bỉ của Na-pô-lê-ông đối với 14 đạo quân của Hội nghị Quốc ước và thậm chí trong nhiều trường hợp, sự khinh bỉ đó còn có cơ sở nữa. Na-pô-lê-ông thường có thói quen nói rằng những sự

sai lầm của bản thân khối liên minh đã đóng vai trò chính - và điều đó rõ ràng là đúng. Ngay cả trên đảo Xanh Hê-len, ông ta vẫn tiếp tục cho rằng Các-nô là một trí tuệ tầm thường.

Trong tháng Tám 1792, 90000 quân Phổ và Áo đã xâm nhập vào đất Pháp. Vua Phổ[1*] dự định tiến thẳng đến Pa-ri, công tước Brao-nơ-svai-gơ và các tướng lĩnh Áo không đồng ý. Sự thống nhất chỉ huy không có; khi thì trì hoãn, khi thì tiến nhanh về phía trước, các kế hoạch luôn luôn bị thay đổi. Vượt qua con đường hẻm giữa dãy đồi Ác-gôn-nơ, Đuy-mu-ri-ê đã chặn đường quân địch ở Van-mi và Xanh-mê-nê-hun. Quân đồng minh đã có thể đi vòng ông ta và đã để cho ông ta đứng yên tại chỗ, như thế ông ta sẽ buộc phải vận động đuổi theo họ theo hướng Pa-ri và với một cách tác chiến ít nhiều dúng dắn thì ông ta cũng sẽ không phải là mối nguy hiểm gì ngay cả từ phía sau lưng. Nhưng họ cũng có thể đánh tan ông ta mà không bị nguy hiểm; điều này không khó khăn gì vì họ có nhiều quân đội hơn, hơn nữa, như bản thân người Pháp đã thừa nhận, những đội quân ấy lại có chất lượng tốt hơn. Đáng lẽ phải làm như thế thì họ chỉ giới hạn trong việc nã pháo một cách buồn cười ở Van-mi, nơi mà trong thời gian trận đánh, thậm chí ngay cả trong lúc các đội quân đang tấn công các tướng lĩnh liên minh đã mấy lần chuyển từ một chiến thuật kiên quyết hơn sang một chiến thuật nhút nhát hơn và ngược lại. Cả hai cuộc tấn công đều đáng thảm hại về số lượng quân đội, về sức mạnh, về tính kiên quyết, và lỗi đó hoàn toàn không phải tại các binh sĩ, mà tại sự do dự của bộ chỉ huy. Nói đúng ra, đó là những cuộc diễu binh chứ không phải là những cuộc tấn công. Một cuộc tấn công kiên quyết trên toàn bộ mặt trận nhất định sẽ đẩy lùi quân tình nguyện Pháp và những trung đoàn chủ lực đã mất tinh thần. Sau trận đánh, quân liên minh lại không kiên quyết đóng yên tại chỗ cho đến khi quân lính bắt đầu bị ốm.

Trong chiến sự tại Giê-máp-pơ[308], Đuy-mu-ri-ê đã thắng là

1* Tức là Phri-đrích - Vin-hem II

nhờ ở đây, lần đầu tiên, gần như do bản năng, ông ta đã tập trung những khối lượng lớn để đối địch lại với hệ thống đóng rải quân và hệ thống các trận tuyến dài vô tận (từ Ô-xten-đơ đến Ma-xơ) của Áo. Nhưng ngay trong mùa xuân sau, bản thân ông ta cũng lại rơi vào sai lầm ấy - do cái ý nghĩ kỳ quái của ông ta muốn xâm chiếm Hà Lan, - trong lúc mà quân Áo lại tấn công một cách tập trung. Kết quả của điều đó là trận Nê-ếc-vin-đen[309] và việc mất nước Bỉ. Trong trận Nê-ếc-vin-đen và đặc biệt trong những trận đánh nhỏ hơn của chiến dịch đó, người ta thấy rõ rằng quân tình nguyện Pháp - những anh hùng được rất mực đề cao ấy - khi mà họ không luôn luôn ở dưới cặp mắt của Đuy-mu-ri-ê, thì họ chiến đấu quyết không giỏi gì hơn các đội "dân quân" miền Nam nước Đức năm 1849.

Sau đó lại còn xảy ra việc Đuy-mu-ri-ê phản bội, vùng Van-đây nổi loạn, quân đội bị chia cắt, bị mất tinh thần chiến đấu, và nếu như 130000 quân Áo và Anh kiên quyết tiến đến Pa-ri thì cách mạng đã bị đè bẹp và Pa-ri đã bị chiếm đóng rồi, cũng như điều đó có thể xảy ra trong năm trước nếu như người ta không làm những điều ngu ngốc như trên. Đáng lẽ làm như vậy thì các ngài đáng kính lại đi bao vây các pháo đài và đem hết sức lực của mình ra để đi giành một cách thông thái rởm - bằng cách tiêu phí rất nhiều cố gắng chiến lược - những ưu thế ít ỏi, vụn vặt, hết cái này đến cái khác, tiêu phí cả sáu tháng trời vào đó.

Sau vụ phản bội của La-phay-ét, quân đội Pháp còn lại khoảng 120000 người, và quân tình nguyện năm 1792 có gần 60000 người. Tháng ba 1793, người ta đã tiến hành một đợt động viên 300000 người. Như vậy là trong tháng Tám, vào lúc tuyên bố tổng động viên [levée en masse], quân đội Pháp phải có ít ra là 300000 - 350000 người. Tổng động viên cung cấp thêm cho số đó gần 700000 người. Nếu sàng lọc mọi thứ đi rồi, thì đầu năm 1794 người Pháp đã đưa ra khoảng 750000 người để chống lại khối liên minh, nghĩa là đông hơn nhiều so với số mà khối liên minh đã đưa ra để chống lại Pháp.

Trang đầu bản thảo của Ph. Ăng-ghen
"Khả năng và triển vọng cuộc chiến tranh
của Liên minh thần thánh chống lại nước Pháp năm 1852"

Từ tháng Tư đến tháng Mười 1793, đâu đâu người Pháp cũng bị đánh, nhưng những đòn ấy không có kết quả quyết định vì chế độ trì hoãn do khối liên minh thực hành. Bắt đầu từ tháng Mười, cuộc chiến đấu được tiến hành khi thì thắng lợi khi thì không, và đến mùa đông thì đình chỉ, còn trong mùa xuân năm 1794 thì những đội quân tuyển trong đợt tổng động viên đã ra tiền tuyến và toàn bộ đã bước vào chiến đấu; kết quả là những chiến thắng trên mọi hướng trong tháng Năm, cho đến khi mà cuối cùng trận thắng trong tháng Sáu ở Phơ-lơ-ruýt[310] đã quyết định vận mệnh của cách mạng.

Hội nghị Quốc ước, - và trước nó là nội các ngày 10 tháng Tám[311], - như vậy là đã có đủ thì giờ cho các công việc chuẩn bị chiến đấu. Nhưng từ ngày 10 tháng Tám 1792 cho đến tháng Ba 1793 người ta không làm gì cả; số quân tình nguyện thì chẳng có gì đáng kể. Tháng Ba 1793, một đợt động viên 300000 người được thực hiện; từ lúc đó cho đến tháng Ba năm sau, Hội nghị Quốc ước có hoàn toàn đủ thì giờ và có đủ rảnh rỗi để tiến hành những công việc chuẩn bị chiến đấu - tức là cả một năm, trong đó có 10 tháng là thuộc thời kỳ sau khi phái Gi-rông-đanh bị đổ, khi không có gì hạn chế sự tự do hành động của đảng cách mạng cả. Trong một nước có 25 triệu dân, có một số lượng bình thường dân cư có khả năng chiến đấu để nhập ngũ, tức là 1 triệu lính, thì để thành lập một đội quân tác chiến gồm 750000 người (3% dân số) nhằm chống lại kẻ thù bên ngoài, với tất cả sự mới mẻ của công việc ấy đối với thời bấy giờ, người ta cũng không cần đến một pháp thuật nào hết, nếu như có thể có được một thời hạn là một năm.

Tất cả những cuộc nổi dậy ở trong nước, trừ vụ Van-đây ra, tôi cho là tuyệt đối không có ý nghĩa gì hết về mặt quân sự. Trừ các vụ ở Ly-ông và Tu-lông, những vụ ấy đã bị dẹp mà không cần đến một phát súng nào trong thời gian 6 tuần lễ. Ly-ông đã bị chiếm bởi những binh lính của đợt tổng động viên, còn Tu-lông thì bởi một cuộc tấn công khôn khéo và xung phong kiên quyết

của Na-pô-lê-ông, cũng như bởi những sai lầm của những người phòng thủ.

Trong số 750000 người năm 1794 đi chiến đấu chống lại khối liên minh, thì ít ra cũng có 100000 binh lính cũ thời kỳ quân chủ và 150000 binh lính khác, một phần gồm quân tình nguyện, một phần gồm những người được tuyển trong đợt động viên 300 ngàn đầu tiên, họ đã kịp trải qua những trận chiến đấu không ngừng, kẻ thì 18 tháng, người thì 12 tháng, và do đó, họ đã quen với chiến tranh rồi. Ngoài ra, trong số 500000 tân binh ít ra là một nửa đã kịp tham dự vào những cuộc chiến đấu trong các tháng Chín, Mười và Mười một 1793, còn những người trẻ nhất thì đã phải cầm vũ khí không dưới 3 tháng trước khi họ được đưa ra chiến đấu. Trong tác phẩm của mình nói về cuộc tiến quân vào Tây Ban Nha, Na-pô-lê-ông tính thời gian cần thiết cho việc huấn luyện - ecole de bataillon[1*] - là 3 - 4 tuần lễ. Nếu như không tính đến thành phần sĩ quan cấp thiếu úy và trung úy, - thành phần này lúc bấy giờ nói chung và toàn bộ thì giỏi hơn nhiều so với thành phần ấy trong khối liên minh, - thì quân đội Pháp năm 1794, nhờ có thời gian mà nó có được để tổ chức, và nhờ chế độ chiến đấu vô hiệu quả vốn có của liên minh, - một chế độ làm mất tinh thần một đội quân đã được thử thách, thích ứng chủ yếu là với việc tấn công, nhưng lại làm cho quân đội của kẻ thù có kỷ luật hơn và được tôi luyện hơn mặc dù quân đội này trẻ và giữ thế phòng ngự, - quân đội Pháp năm 1794 đó hoàn toàn không phải là một đám quân tình nguyện ồn ào, quê kệch, được cổ vũ bởi cái tư tưởng "chết vì nền cộng hòa", mà là a very fair army[2*], rõ ràng ngang với quân đội của kẻ địch. Rõ ràng là các tướng lĩnh Pháp năm 1794 đã đứng cao hơn các tướng lĩnh của đối phương rất nhiều, mặc dù là họ đã phạm không ít sai lầm; nhưng máy chém đã đảm bảo sự thống nhất chỉ huy và hợp đồng tác chiến, nếu như không tính đến một số ít ngoại lệ, khi mà các đại diện của Hội nghị Quốc ước đã làm những điều

1*- trường học tiểu đoàn
2*- một quân đội rất đẹp

ngu ngốc theo chính sáng kiến của họ. Le noble Saint - Just en fit plusieurs[1*].

Một vài nhận xét về chiến thuật tác chiến với những khối lớn.

1) Tư tưởng chưa hình thành về chiến thuật này đã xuất hiện lần đầu tiên do cuộc hành quân thắng lợi ở Giê-máp, cuộc hành quân này được tiến hành theo bản năng hơn là theo một sự tính toán có ý thức về quân sự. Sự xuất hiện chiến thuật này được quyết định bởi tình trạng thảm hại của đội quân Pháp, quân đội này cần có ưu thế về số lượng để có thể tin tưởng ít nhiều vào lực lượng quân sự của chính mình; số đông đã phải thay thế cho sự thiếu kỷ luật. Sự tham gia của Các-nô vào việc đề xuất ra chiến thuật ấy hoàn toàn không rõ.

2) Chiến thuật tác chiến dồng người đó vẫn hoàn toàn chưa được đề xuất - chẳng hạn như nó chưa được áp dụng ở Tuốc-cu-en[312] và Phơ-lơ-ruýt năm 1794 (người Pháp, kể cả bản thân Các-nô, đã phạm những sai lầm hết sức nghiêm trọng), - cho đến khi mà cuối cùng, năm 1796, với cuộc tiến quân sáu ngày của mình ở Pi-ê-mông và với việc thực tế tiêu diệt en detail[2*] những lực lượng đông hơn của kẻ thù, Na-pô-lê-ông đã vạch rõ cho người ta thấy được ý nghĩa của những hành động do họ đã thực hiện cho tới khi đó mà không hề hay biết.

3) Còn đối với bản thân Các-nô, thì anh chàng đó đã gây cho tôi ngày càng nhiều nghi vấn; rất dễ hiểu là tôi không thể phán đoán dứt khoát được khi không có những bức điện của ông ta gửi cho các tướng lĩnh. Nhưng xét theo những tài liệu hiện có, rõ ràng công lao chủ yếu của ông ta chỉ là ở sự dốt nát vô hạn và sự bất lực vô hạn của Pa-sơ và Bu-sốt - những người giữ chức trước ông ta, cũng như ở chỗ toàn bộ những thành viên khác trong Uỷ ban cứu nguy xã hội hoàn toàn không hiểu biết gì về

1*- Ông Xanh-Giuy-xtơ cao quý đã phạm vài sai lầm như thế
2*- từng phần một

quân sự. Dans le royaume des aveugles, le borgne est roi[1*]. Các-nô, cựu sĩ quan công binh, nguyên đại diện của Hội nghị Quốc ước trong đạo quân phương Bắc, biết rằng pháo đài, quân đội cần những vật liệu gì và nhất là người Pháp đang thiếu cái gì. Ngoài ra, dĩ nhiên là ông ta có một khái niệm nhất định về việc làm như thế nào để có thể động viên được những tài nguyên quân sự ở trong một nước như nước Pháp, và vì trong cuộc tổng động viên cách mạng (khi mà không có việc đó thì rất nhiều cái cũng đã được làm một cách vô ích rồi) một vài chi phí ít nhiều phi sản xuất về tài nguyên cũng không có ý nghĩa gì, chỉ cốt sao đạt tới mục đích chủ yếu là động viên được một cách nhanh chóng những tài nguyên ấy mà thôi, - cho nên không cần phải tuyên bố rằng Các-nô là một thiên tài kiệt xuất để giải thích những kết quả mà ông ta đạt được. Đặc biệt khiến cho tôi nghi ngờ điều nói rằng Các-nô, pour sa part,[2*] đã thực sự phát minh ra những phương pháp tiến hành chiến tranh bằng những khối lớn, như người ta đã gán cho ông ta, chính là sự việc: những kế hoạch to lớn nhất của ông cho năm 1793 - 1794 đã được xây dựng đúng theo một phương pháp tiến hành chiến tranh ngược lại: ông ta đã *xé nhỏ* các đạo quân Pháp trong lúc đáng lẽ phải tập trung chúng lại, và đã tiến hành những cuộc hành quân ở các sườn quân địch một cách khiến cho tự bản thân quân địch phải *tập trung lực lượng của chúng lại*. Thiên tài và chức vị sau đó của Các-nô không hoàn toàn tương xứng với danh tiếng của ông ta, đạo đức cao cả trong thời kỳ chế độ Tổng tài, v.v., việc ông ta bảo vệ thành phố Ăng-ve mà, người ta rất khen ngợi (việc bảo vệ pháo đài nói chung chính là một nhiệm vụ mà khi thực hiện thì một sĩ quan bình thường, có phương pháp, nhưng có một sự kiên trì nhất định, có thể nổi bật lên; thêm vào đó, việc bao vây thành Ăng-ve trong năm 1814 không kéo dài được đến ba tháng); cuối cùng, mưu toan của ông ta định bắt Na-pô-lê-ông phải theo

1*- Trong thế giới những người mù thì kẻ chột làm vua
2*- về phía ông ta, nói về phần cá nhân ông ta

những phương pháp của năm 1793 trong năm 1815, khi mà đối lập với Na-pô-lê-ông là một đạo quân tập trung của khối liên minh gồm 1200000 người chiến đấu theo một hệ thống quân sự hoàn toàn khắc hẳn; và nói chung là các tác phong phi-li-xtanh của ông ta - tất cả những điều đó không biện hộ cho tính thiên tài của Các-nô. Và sau nữa, tìm đâu cho thấy một con người trung trực mà lại tìm cách duy trì địa vị của mình bất chấp cả các vụ tháng Nóng, tháng Quả, tháng Sương mù[313], v.v. như ông ta.

Summa summarum[1*]. Hội nghị Quốc ước được cứu vãn duy trì vì các lực lượng của khối liên minh *không tập trung lại*, nhờ thế mà nó có cả một năm cho công việc chuẩn bị quân sự. Nó cũng được cứu thoát giống như lão già Phrít-xơ[2*] đã thoát trong cuộc Chiến tranh bảy năm; Oen-lin-tơn cũng thoát được như thế ở Tây Ban Nha năm 1809 mặc dầu xét về số lượng và chất lượng thì những đội quân của người Pháp ít ra cũng vượt gấp ba lần tất cả những kẻ thù của họ cộng lại, và họ đã làm tê liệt cái sức mạnh khổng lồ của mình vì khi vắng mặt Na-pô-lê-ông, các vị tướng soái đã tìm mọi cách để hất cẳng nhau.

II

Ngày nay, khối liên minh từ lâu đã thoát khỏi những sai lầm ngốc nghếch mà nó đã phạm phải trong năm 1793; nó đã tập trung những lực lượng của nó một cách tuyệt vời, hơn nữa, điều đó cũng đã được làm trong năm 1813 rồi. Chiến dịch ở Nga năm 1812 đã đặt nước Nga vào trung tâm cuộc chiến tranh của toàn thể khối liên minh thần thánh ở lục địa. Các đạo quân Nga cấu thành cái hạt nhân chủ yếu, mà chỉ về sau này người Phổ, người Áo và các nước khác mới tập hợp lại xung quanh. Họ vẫn là khối chủ yếu cho đến tận khi tiến vào Pa-ri. A-lếch-xan-đrơ (nói cho đúng hơn, là bộ tổng tham mưu Nga đứng sau lưng A-lếch-xan-đrơ)

1*- Tổng kết lại
2*- Tức là Phri-đrích II

trên thực tế là vị tổng chỉ huy của tất cả các đạo quân. Nhưng từ năm 1848 trở đi, Liên minh thần thánh dựa trên một cơ sở còn vững chắc hơn nữa. Thế lực phản cách mạng trỗi dậy trong những năm 1849 - 1851 đã đặt lục địa - trừ nước Pháp - vào một mối quan hệ đối với nước Nga giống như là Liên minh vùng Ranh và I-ta-li-a đối với Na-pô-lê-ông. Đó thuần túy là một mối quan hệ chư hầu. Ni-cô-lai-id est[1*] Pa-xkê-vích - là một kẻ độc tài không thể tránh được của Liên minh thần thánh en cas de guerre[2*] cũng giống như Nê-xen-rô-đe đã là một kẻ độc tài en temps de paix[3*].

Tiếp nữa, nói về nghệ thuật quân sự hiện đại, thì nó đã hoàn toàn được Na-pô-lê-ông xác lập rồi. Cho đến khi có những hoàn cảnh nhất định mà dưới đây sẽ nói đến, thì các vị chỉ huy không còn cách gì khác hơn là noi gương Na-pô-lê-ông trong mức độ mà điều kiện cho phép. Nhưng nghệ thuật quân sự hiện đại đã được phổ biến khắp thế giới. Ở Phổ người ta nhồi - ít nhất cũng nhồi những phần có thể nhồi được - cho từng thiếu uý ngay trước khi viên này thi chức sĩ quan. Còn đối với người Áo thì cuộc chiến đấu ở Hung-ga-ri đã cho phép họ có thể phát hiện ra được, và sau đó loại trừ được những viên tướng tồi, đặc biệt Áo, của họ - như tất cả những Vin-đi-sơ-grét-xơ, Ven-đen, Gơ-xơ và những mụ già khác. Hai trận của Ra-đét-xki ở I-ta-li-a lại là một chuyện khác (vì chúng ta viết không phải trong thời kỳ tờ "Neue Rheinische Zeitung" nữa, nên chúng ta có thể từ bỏ một ảo tưởng); trận thứ nhất, ông ta tiến hành một cách tuyệt diệu, còn trận thứ hai thì thật là tài tình. Trong những trận đó ông ta đã được sự giúp đỡ của ai, điều ấy không quan trọng; chỉ có điều là ông già đó đã có đủ bon sens[4*] để hấp thụ được những tư tưởng thiên tài của người khác cũng đủ rồi. Vị trí phòng thủ năm 1848 giữa bốn pháo đài - Pe-xke-ra, Măng-tu, Len-nhi-a-gô và Vê-rô-na - với sự yểm

1*- tức là, nghĩa là
2*- trong trường hợp có chiến tranh
3*- trong thời bình
4*- lý trí lành mạnh

hộ tuyệt vời của tất cả bốn phía của hình vuông đó, và việc Ra-đét-xki phòng thủ vị trí đó giữa một nước đang nổi dậy cho đến tận lúc ông ta nhận được sự viện trợ, - cần phải thừa nhận đó là một kiểu mẫu của nghệ thuật quân sự, nếu như nhiệm vụ của ông ta không được giảm nhẹ đi rất nhiều bởi những sự chỉ đạo đáng ghét của các tướng I-ta-li-a, bởi những sự dao động thường xuyên của họ, bởi sự thiếu thống nhất của họ, bởi những âm mưu của Sác-lơ-An-be và bởi sự ủng hộ của bọn quý tộc và cha cố phản động trong nội bộ phe địch. Cũng không nên quên rằng, ông ta bấy giờ đang ở một nước phì nhiêu nhất thế giới và vì thế mà thoát khỏi mọi sự lo toan về cung cấp lương thực cho quân đội của mình.

Chiến dịch năm 1849 là một chiến dịch *hoàn toàn chưa từng có đối với người Áo*. Quân Pi-ê-mông, đáng lẽ phải dùng những lực lượng tập trung để chặn con đường đi tới Tu-rin tại Nô-va-ra và Moóc-ta-ra (một tuyến dài 3 dặm) là điều tốt nhất, hoặc giả từ tuyến đó tấn công vào Mi-la-nô bằng hai hoặc 3 mũi, thì lại chiếm lĩnh vị trí từ Xe-xtô đến Pi-a-xen-txa, một tuyến dài 20 dặm, do đó, với 70000 chiến sĩ, chỉ có 3500 người cho mỗi dặm Đức, hơn nữa mỗi cánh quân lại cách xa cánh khác đến 3 - 4 ngày hành quân. Đó là một cuộc tấn công hướng tâm đáng thương hại vào Mi-la-nô, hơn nữa đâu đâu lực lượng của họ cũng không đủ. Thấy rằng quân I-ta-li-a đang áp dụng hệ thống cũ năm 1792 của Áo, Ra-đét-xki bèn mở những cuộc hành quân giống hệt như Na-pô-lê-ông để chống lại họ. Mặt trận của người Pi-ê-mông bị con sông Pô cắt làm đôi và đó là một sai lầm hết sức nghiêm trọng. Ra-đét-xki đã chọc thủng mặt trận đó ở ngay sát sông Pô, và như vậy là cắt hai sư đoàn phía nam ra khỏi hai sư đoàn ở phía bắc bằng cách chọc một mũi nhọn 60000 quân vào giữa họ; sau đó ông ta tung tất cả lực lượng của mình đánh vào ba sư đoàn ở phía bắc (tập trung chưa đầy 35000 người), dồn họ vào dãy núi An-pơ, cắt cả hai quân đoàn của đạo quân Pi-ê-mông ra khỏi nhau và khỏi Tu-rin. Trận đánh đó, kết thúc chiến dịch trong ba ngày và hầu như sao lại nguyên văn trận đánh của Na-pô-lê-ông

năm 1809 ở A-ben-xbéc và Ê-cơ-muy-lơ[314] - một trận tài tình nhất trong tất cả các trận của Na-pô-lê-ông - đầu sao cũng chứng minh rằng người Áo đã hoàn toàn không còn giữ cái thói quen cũ của họ là diễu binh "bằng từng bước tiến lên chậm chạp" nữa[315]. Trong trận đó, chính là tốc độ vận động nhanh chóng có ý nghĩa quyết định. Sự phản bội của bọn quý tộc và của Ra-mô-ri-nô đã làm cho công việc trở nên dễ dàng hơn, đặc biệt là bằng cách cung cấp những tài liệu chính xác về sự bố trí và những kế hoạch của người I-ta-li-a. Hành vi xấu xa của lữ đoàn quân Xa-voa tại Nô-va-ra cũng có một ý nghĩa như vậy, lữ đoàn này không chiến đấu mà lại đi cướp bóc. Nhưng đứng trên quan điểm quân sự thì sự bố trí vô lý của người Pi-ê-mông và cách điều quân của Ra-đét-xki tự chúng cũng đủ để giải thích sự thắng lợi. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cả hai sự kiện đó ắt phải dẫn tới một kết quả như thế.

Cuối cùng, do chính tính chất quân đội của họ, người Nga buộc phải theo một hệ thống quân sự rất gần với hệ thống hiện đại. Bộ phận chủ yếu trong quân đội của họ gồm những khối lớn bộ binh nửa dã man và vì vậy mà vận động rất nặng nề, và một đội quân khinh kỵ binh không chính quy đông đảo, nửa dã man (quân Cô-dắc). Trong những trận quyết định, những cuộc chiến đấu lớn, người Nga không bao giờ tác chiến một cách khác ngoài việc chiến đấu với những khối lớn. Xu-vô-rốp đã hiểu sự cần thiết của điều đó ngay từ những trận xung phong chiếm I-xmai và Ốt-sa-cốp. Sự thiếu tính cơ động ở đạo quân đó một phần được bù đắp lại bằng đội kỵ binh không chính quy, đội kỵ binh này cơ động chung quanh nó ở tất cả mọi phía và do đó mà ngụy trang cho toàn bộ cuộc hành quân của đạo quân ấy. Nhưng chính tính chất đông đảo và sự nặng nề của quân đội Nga lại làm cho nó rất thích hợp để cấu thành cái hạt nhân và chỗ dựa chính, cái xương sống của quân đội khối liên minh và hành động bao giờ cũng bị chậm hơn một ít so với những hoạt động của quân đội từng nước. Vai trò đó, người Nga đã làm tròn một cách tuyệt vời trong năm 1813 và 1814, và trong những năm ấy khó lòng chỉ ra được một sự bố trí tác chiến nào mà trong đó người ta không

thấy ngay được tính chất dày đặc của các mũi tiến quân của người Nga, vượt tất cả các đội quân khác rất nhiều về chiều sâu và mật độ.

Từ thời kỳ 1812, khó mà còn có thể coi người Pháp là những người đại biểu chủ yếu cho các truyền thống của Na-pô-lê-ông. Những truyền thống đó, với một mức độ nhiều hay ít, đã chuyển qua tất cả những quân đội lớn ở châu Âu. Trong mỗi đội quân ấy những truyền thống đó đã gây ra cả một cuộc cách mạng, chủ yếu là ngay trong những năm cuối của Đế chế. Trong mỗi đội quân ấy, hệ thống Na-pô-lê-ông được áp dụng vào chiến lược và chiến thuật theo mức độ mà nó phù hợp với tính chất của đội quân ấy. Cả ở đây nữa, ảnh hưởng có tác dụng san bằng của thời đại tư sản cũng thể hiện ra; ngay cả trong quân đội những đặc điểm dân tộc cổ xưa cũng đang ở trong quá trình biến mất: như vậy, quân đội Pháp, Áo và Phổ, và trên một mức độ lớn, cả quân đội Anh nữa, là một bộ máy ít nhiều đã thích ứng một cách như nhau với những cách đánh của Na-pô-lê-ông. Điều đó quyết không gạt bỏ những chất lượng rất khác nhau của các quân đội ấy về những mặt khác, chẳng hạn trong những trận đánh giáp lá cà, v.v.. Nhưng trong tất cả những quân đội (lớn) ở châu Âu thì chỉ có quân đội Nga, nửa dã man, là có khả năng thực hiện một chiến thuật và chiến lược độc lập, bởi vì chỉ có một mình nó là còn chưa chín muồi cho một hệ thống tiến hành chiến tranh hiện đại, hoàn toàn phát triển.

Còn đối với người Pháp thì do kết quả của cuộc chiến tranh nhỏ mà họ đã tiến hành ở An-giê-ri, họ thậm chí còn làm đứt cả mối dây truyền thống chiến tranh lớn của Na-pô-lê-ông nữa. Còn phải chứng minh xem cái ảnh hưởng tiêu cực của cuộc chiến tranh ăn cướp đó đối với kỷ luật có bù lại được hay không bằng những ưu điểm là làm cho người ta quen với chiến tranh, xem nó có dạy cho người ta quen với cuộc đời binh chiến không, hay là ngược

lại, làm kiệt sức họ vì nhọc mệt, và cuối cùng, nó có làm cho các vị tướng mất cái coup d'oeil[1*] cần thiết cho cuộc chiến tranh lớn hay không? Dẫu sao thì cũng rõ ràng là trên một mức độ này hay trên một mức độ khác, kỵ binh của Pháp đang bị hư hỏng đi ở An-giê-ri. Nó đang mất dần cái lối đánh bằng đội hình mật tập trước đây đã cấu thành sức mạnh của nó và đang quen dần với cái chế độ tác chiến phân tán, trong đó người Cô-dắc, Hung-ga-ri và Ba Lan bao giờ cũng sẽ hơn hẳn họ. Trong số các tướng thì U-đi-nô đã làm cho thiên hạ đàm tiếu ở chân thành La Mã, và chỉ có Ca-ve-nhắc là nổi bật lên trong các trận chiến đấu trong tháng Sáu; nhưng tất cả những cái đó hoàn toàn chưa phải là những grandes epreuves[2*].

Xét về toàn bộ, như vậy là những khả năng thành tựu, theo ý nghĩa là tính hơn hẳn về chiến lược và chiến thuật, ít ra cũng giống nhau đối với phía liên minh, cũng như đối với phía cách mạng.

III

Nhưng giống như cuộc cách mạng thứ nhất, cuộc cách mạng mới - cuộc cách mạng dẫn đến sự thống trị của một giai cấp mới hoàn toàn - có tạo ra những phương tiện chiến đấu mới và một hệ thống tiến hành chiến tranh mới mà so với nó thì hệ thống hiện nay, hệ thống Na-pô-lê-ông, sẽ tỏ ra lỗi thời và bất lực, giống như hệ thống của thời kỳ Chiến tranh bảy năm so với hệ thống của thời kỳ cuộc cách mạng lần thứ nhất, hay không?

Hệ thống tiến hành chiến tranh hiện đại là một sản phẩm tất yếu của cuộc cách mạng Pháp. Tiền đề của nó là sự giải phóng về mặt xã hội và chính trị của *giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu*

1*- cái nhìn, nhãn quan
2*- thử thách lớn

nông. Giai cấp tư sản cung cấp tiền, còn tiểu nông cung cấp binh lính; sự giải phóng hai giai cấp đó khỏi xiềng xích phong kiến và phường hội là điều kiện cần thiết cho sự xuất hiện những đạo quân khổng lồ hiện nay; mức độ giàu có và văn hóa gắn liền với trình độ phát triển của xã hội cũng là điều kiện tất yếu để đảm bảo cho các đạo quân hiện đại một số lượng cần thiết về vũ khí, đạn dược, lương thực, v.v., để tạo ra những cán bộ cần thiết gồm những sĩ quan có học thức để phát triển về mặt trí tuệ bản thân các binh sĩ.

Tôi xin lấy hệ thống quân sự hiện đại hoàn toàn do Na-pô-lê-ông đề xuất ra. Hai cái trục của nó là: quy mô đông đảo trong việc sử dụng các phương tiện tiến công - sinh lực, ngựa và đại bác - và tính cơ động của những phương tiện tiến công ấy. Tính cơ động là hậu quả tất yếu của tính đông đảo. Những đạo quân hiện đại không thể, giống như một đội quân không lớn lắm thời Chiến tranh bảy năm, hành quân lui tới trong suốt hàng tháng trên một miếng đất khoảng 20 dặm gì đó. Những đạo quân ấy không thể chở theo mình tất cả số lượng lương thực cần thiết trong các kho dã chiến được. Giống như những đám mây châu chấu, họ buộc phải ùa vào địa phương mà họ đã chiếm được và đi kiếm rơm cỏ theo tất cả mọi hướng trong giới hạn mà kỵ binh của họ có thể đạt tới được, và họ buộc phải bỏ đi khi tất cả đã bị ăn hết. Các kho dự trữ sẽ đáp ứng được chức năng của chúng nếu như chúng không chứa đựng nhiều hơn số mà người ta có thể đòi hỏi trong những trường hợp không dự kiến trước. Chúng luôn luôn cạn hết rồi lại được bổ sung, chúng phải đi theo những cuộc di chuyển nhanh chóng của quân đội và vì vậy, chỉ trong những trường hợp rất hiếm hoi thì chúng mới có thể có đủ dự trữ để thỏa mãn những nhu cầu của quân đội, dù chỉ là trong một tháng. Vì vậy, hệ thống quân sự hiện đại không thể áp dụng được trong một thời gian lâu ở một nước nghèo, nửa dã man và dân cư thưa thớt. Do tình hình ấy, người Pháp đã bị thất bại một cách chậm chạp ở Tây Ban Nha và nhanh chóng ở Nga. Nhưng về phía họ, cả người Tây Ban Nha cũng bị sự xâm lược của người Pháp làm

cho phá sản: đất nước của họ bị kiệt quệ cao độ. Còn nước Nga thì không thể áp dụng trong một thời gian dài cái hệ thống nặng nề của chính họ để tiến hành chiến tranh là dùng binh lực lớn - ngay cả ở Ba Lan. Còn ở ngay trên lãnh thổ của họ, trong lúc không có đường sắt, thì hệ thống đó hoàn toàn không thể áp dụng được. Một chiến dịch phòng ngự của Nga ở vùng Đni-e-pơ hay Đvi-na sẽ làm phá sản đất nước.

Một điều nữa cũng liền với tính cơ động đó của quân đội là trình độ phát triển nhất định của người lính; trong nhiều trường hợp người lính phải biết tự mình giúp lấy mình. Điểm này gồm: sự phát triển hơn nhiều của công việc tuần tra, chăn ngựa, tiền tiêu, v.v.; một tính tích cực lớn hơn mà mỗi người lính cần phải có; những trường hợp mà người lính phải hành động một mình và dựa vào sự hiểu biết của bản thân họ thì thường hay xảy ra luôn; cuối cùng, những trận của bộ binh có một ý nghĩa lớn, kết quả của những trận này tùy thuộc vào sự phát triển về mặt trí tuệ, vào coup d'oeil và vào nghị lực của từng người lính cá biệt, - tất cả những cái đó giả định rằng các hạ sĩ quan và binh lính phải có một trình độ văn hóa cao hơn trong quân đội của lão già Phrít-xơ trước đây. Thế nhưng một nước dã man hay nửa dã man thì không có được một trình độ văn hóa như thế ở trong quần chúng, để một mặt, có thể đưa vào kỷ luật và huấn luyện ngay tức khắc 500000 - 600000 người mà không cần phải tuyển lựa những người được gọi ra cầm súng, và mặt khác, lại phát triển hay duy trì chính ngay cái coup d'oeil đó ở họ cho một cuộc chiến tranh nhỏ. Người dã man có được cái coup d'oeil kẻ cướp đó là do tự nhiên. Ví dụ: người cô-dắc; nhưng họ lại không thích hợp với việc phục vụ trong quân đội chính quy y như người bộ binh nông nô Nga, ngược lại, không thích hợp với công việc chiến đấu bộ binh thực sự.

Trình độ văn hóa trung bình phổ thông mà người ta giả định rằng mỗi một người lính đều phải có trong hệ thống quân sự hiện đại, - trình độ ấy chỉ có trong những nước tiên tiến nhất, ở Anh, nơi mà người lính, tuy xuất thân là một nông dân quê kệch nhất, nhưng lại đang trải qua trường học văn minh của các thành thị;

ở Pháp, nơi mà quân đội gồm những tiểu nông đã được giải phóng và những dân đen dầy dạn ở thành phố (remplaçants)[1*]; ở miền Bắc nước Đức, nơi mà chế độ phong kiến hoặc giả hoàn toàn đã bị thủ tiêu, hoặc giả là ít nhiều mang những hình thức tư sản, và nơi mà một bộ phận lớn trong số người được gọi nhập ngũ là do các thành thị cung cấp; và cuối cùng, xét theo các cuộc chiến tranh gần đây, thì rõ ràng trình độ đó cũng có ở quân đội Áo, mặc dầu là có ở một bộ phận nhất định - ở bộ phận được tuyển trong những tỉnh ít phong kiến nhất. Trừ nước Anh ra, đâu đâu cơ sở của quân đội cũng là nền kinh tế tiểu nông, và người tiểu nông mà tiến gần đến địa vị một kẻ sở hữu tự do với mức độ càng lớn chừng nào thì quân đội lại càng thích ứng cho hệ thống quân sự hiện đại chừng ấy.

Nhưng không chỉ có tính cơ động của từng người lính riêng biệt, mà cả tính cơ động của bản thân các khối đông quân đội cũng giả định phải có một trình độ văn minh phù hợp với thời đại tư sản. Tính chất không linh hoạt của các quân đội trước cách mạng là phản ánh chính xác của chế độ phong kiến; số lượng rất lớn những chiếc xe chở tài sản của các sĩ quan tự nó cũng đã gây khó khăn cho mọi sự vận động. Các đạo quân tiến lên một cách cũng chậm chạp như toàn bộ cuộc sống vậy. Tệ quan liêu phát sinh trong các chế độ quân chủ chuyên chế đã đem lại cho công việc quản lý bộ phận vật tư một trật tự nào đó, nhưng đồng thời, những mối quan hệ giữa nó với haute finance[2*] lại dẫn tới sự ăn cắp en gros[3*]. Nếu như quan liêu cũng có lợi một chút nào đó đối với quân đội, thì cái hại mà nó đem lại cho quân đội lại lớn gấp đôi, khi nó gieo rắc cho họ cái tinh thần đại khái và thông thái rởm. Chúng ta hãy nhớ đến bằng chứng tối cao của chính lão già Phrít-xơ. Hiện giờ nước Nga cũng đang còn bị tất

1*- những người đi lính thay, mà những đại biểu của các giai cấp hữu sản thuê để thoát khỏi nghĩa vụ quân sự
2*- bọn tài phiệt
3*- với quy mô lớn

cả những thiếu sót ấy. Quân đội Nga, bị vơ vét và bị lừa gạt ở khắp nơi, đang bị đói thực sự, và trong thời gian tiến quân thì binh lính chết như ruồi. Chỉ có một nhà nước tư sản mới cung cấp đầy đủ lương thực cho quân đội mình, và vì vậy mới có thể trông mong quân đội của mình có tính cơ động đầy đủ.

Như vậy, về mọi mặt, tính cơ động là một chất lượng vốn có của chính các quân đội tư sản. Nhưng tính cơ động đó không phải chỉ là một sự bổ sung cần thiết cho tính đông đảo của các quân đội; thậm chí, nó thường lại có thể thay thế cho tính đông đảo này (như chiến dịch Pi-ê-mông của Na-pô-lê-ông năm 1796 chẳng hạn).

Nhưng tính chất đông đảo, đến lượt nó, cũng lại là một đặc điểm riêng của một quân đội văn minh hiện đại, giống như tính cơ động của nó.

Trong tất cả các phương pháp khác nhau để bổ sung quân đội - tuyển tân binh, đội quân hậu bị của Phổ, đội dân cảnh Thụy Sĩ, tổng động viên, - như kinh nghiệm 60 năm gần đây cho ta thấy, dưới chế độ tư sản hay tiểu nông tự do, không có một cuộc chiến tranh nhân dân nào mà trong đó người ta đã gọi nhập ngũ được hơn 7% dân số, nhờ đó, có thể tham gia vào chiến sự khoảng 5%. Ở Pháp, mùa thu năm 1793, lấy số dân là 25 triệu, thì tính theo con số đó, tất thảy phải có 1750000 binh lính, trong đó 1250000 là lính chiến đấu thực sự. Những lính chiến đấu ấy lúc đó đang nằm ở biên giới, gần Tu-lông và Van-đây - ở đây tính cả hai bên tham chiến - thành thử hoàn toàn có mặt là 1250000 người. Ở Phổ, hiện nay có 16000000 dân, thì 7% và 5% là 1120000 và 800000 người. Trong lúc đó, toàn bộ các lực lượng quân sự Phổ, kể cả quân chủ lực lẫn quân hậu bị, chưa được 600000 người. Thí dụ đó chứng tỏ rằng, ngay cả con số 5% cũng là rất nhiều đối với một nước.

Eh bien[1*]. Nếu như Pháp và Phổ có thể gọi nhập ngũ một

1*- Như vậy đó

cách tương đối dễ dàng 5% dân số, và trong trường hợp cần thiết thậm chí còn gọi nhập ngũ 7% nữa, thì Áo, nếu hết sức cố gắng cũng chỉ có thể tuyển được 5% thôi, còn Nga thì chưa chắc đã tới 3%. Đối với Áo, nếu tính dân số là 35000000, thì 5% sẽ là 1750000 người. Năm 1849, cố gắng hết mình, Áo đã đưa ra tác chiến gần 550000 người. Người Hung-ga-ri mà lực lượng đã được khuếch đại lên gấp đôi trong các thông điệp của Cô-sút chắc có 350000 người. Nếu ta thêm vào đó 50000 người Lôm-bác-đi hoặc đã trốn quân dịch, hoặc đã chiến đấu trong hàng ngũ của quân đội Pi-ê-mông, thì chúng ta sẽ có một tổng số là 950000 người, nghĩa là chưa đầy 2 ⅓% toàn thể dân số. Ở đây còn có các tỉnh người Crô-a-xi ở biên giới, nằm ở trong những điều kiện đặc biệt, đã cung cấp ít nhất là 15% số dân của họ. Nước Nga, theo một con tính khiêm tốn nhất, có 72 triệu dân, và với mức 5%, sẽ phải cung cấp một đội quân là 3600000 người. Trong lúc đó, nó không bao giờ tập hợp được hơn 1500000 người, kể cả quân đội chính quy và không chính quy, trong số đó nó có thể bố trí trên lãnh thổ của nó một đội quân chiến đấu tối đa là 1000000 người. Nói một cách khác, toàn bộ các lực lượng quân sự của nó chưa có lần nào vượt quá 2 $^{1}/_{12}$%, còn quân đội tác chiến thì chưa vượt quá 1 $^{7}/_{18}$ hoặc 1,39%. Điều đó được giải thích rất đơn giản bởi dân cư thưa thớt trên những khoảng không gian rộng lớn, bởi việc thiếu những phương tiện giao thông liên lạc và bởi quy mô của nền sản xuất quốc dân rất bé nhỏ.

Tính đông dảo của những phương tiện tấn công, - cũng như tính cơ động - là kết quả tất yếu của một trình độ văn minh cao hơn; nhất là tỷ lệ hiện nay giữa số lượng các lực lượng vũ trang và dân cư không phù hợp với bất kỳ một giai đoạn phát triển xã hội nào trước đây, khi chưa có sự giải phóng giai cấp tư sản.

Như vậy, phương thức tiến hành chiến tranh hiện nay giả định phải có sự giải phóng giai cấp tư sản và nông dân, nó là *biểu hiện quân sự* của sự giải phóng đó.

Sự giải phóng giai cấp vô sản, đến lượt nó, sẽ có biểu hiện đặc thù của nó trong ngành quân sự và sẽ tạo ra một phương pháp quân sự mới, đặc thù của nó. Cela est clar[1*]. Ngay hiện nay, trên một mức độ nhất định, cũng đã có thể dự đoán được rằng những cơ sở vật chất của hệ thống tiến hành chiến tranh mới đó là cái gì.

Nhưng, giống như bản thân việc giai cấp vô sản Pháp và Đức - hiện nay giai cấp này còn chưa tách riêng ra và một phần nào còn đi theo đuôi các giai cấp khác - giành quyền lực chính trị một cách giản đơn còn rất xa với việc giải phóng thật sự giai cấp công nhân, tức là thủ tiêu tất cả mọi mâu thuẫn giai cấp, phương thức tiến hành chiến tranh cũng vậy, phương thức mà cuộc cách mạng sắp tới sẽ phải áp dụng lúc ban đầu, cũng sẽ rất xa với cái phương thức mà giai cấp vô sản được thực sự giải phóng sẽ áp dụng.

Sự giải phóng thực sự của giai cấp vô sản, việc hoàn toàn xóa bỏ tất cả mọi khác biệt giai cấp và việc xã hội hóa hoàn toàn [vollständige Konzentrierung] tất cả các tư liệu sản xuất ở Pháp và ở Đức giả định, một là, sự tham gia của Anh vào quá trình đó, và hai là, ít ra cũng tăng gấp đôi những tư liệu sản xuất hiện có ở Đức và Pháp. Phương thức mới tiến hành chiến tranh chính là đang giả định phải có điều đó.

Những điều mới mẻ, kiệt xuất, mà Na-pô-lê-ông đã đem lại cho khoa học quân sự không thể gạt bỏ được bằng một sự thần kỳ; khoa học quân sự mới sẽ là sản phẩm tất yếu của những quan hệ xã hội mới, cũng giống như khoa học quân sự do cách mạng và Na-pô-lê-ông tạo ra là kết quả không thể tránh khỏi của những quan hệ mới, do cách mạng đẻ ra. Và nếu như cuộc cách mạng vô sản trong công nghiệp quyết sẽ không phải là ở chỗ gạt bỏ các máy chạy bằng hơi nước mà là tăng thêm số lượng những máy móc ấy - thì trong ngành quân sự cũng vậy: vấn đề ở đây không phải là giảm bớt tính chất đông dảo của quân đội và tính

1*- Điều đó đã rõ ràng

cơ động của chúng, mà ngược lại là nâng cả hai cái đó lên một mức độ cao hơn.

Tiền đề của phương thức tiến hành chiến tranh của Na-pô-lê-ông là những lực lượng sản xuất đã lớn mạnh; tiền đề của mọi sự cải tiến mới trong hệ thống tiến hành chiến tranh cũng sẽ là những lực lượng sản xuất mới. Đường sắt và điện báo ngay hiện nay cũng sẽ cho phép một viên tướng tài ba hay một bộ trưởng bộ quốc phòng có một lý do để thi hành những sự phối hợp hoàn toàn mới trong cuộc chiến tranh châu Âu. Sự phát triển dần dần của các lực lượng sản xuất, và cùng với nó là dân số, đến lượt nó, lại mở ra một khả năng mới để tập hợp những khối lượng binh lính còn lớn hơn nữa. Nếu như ở Pháp dân số là 36 triệu chứ không phải là 25 triệu, thì 5% của số đó đã là 1800000, chứ không phải là 1250000 người nữa. Về cả hai mặt đó, so với những nước dã man thì sự hùng mạnh của các nước văn minh đã tăng lên một cách tương đối. Chỉ có những nước thuộc loại thứ nhất[1*] mới có được một mạng lưới đường sắt tỏa ra nhiều nhánh và dân số của họ tăng lên với một nhịp độ nhanh gấp đôi so với ở Nga chẳng hạn. - Nhân tiện cũng xin nói rằng tất cả những lý do đó chứng minh rằng việc Tây Âu phục tùng nước Nga ngày càng trở nên ít khả năng hơn, và trong *một thời hạn dài* một sự phục tùng như vậy thật ra sẽ không có được.

Những sức mạnh của phương thức mới trong việc tiến hành chiến tranh, xuất hiện cùng với việc thủ tiêu các giai cấp, không thể quy lại là cùng với việc tăng dân số, số 5% bị động viên sẽ cấu thành một khối ngày càng lớn. Sức mạnh đó phải là ở chỗ người ta có thể gọi nhập ngũ không phải là 5% hay 7% nữa, mà là 12 - 16% toàn thể dân số, nghĩa là từ một nửa đến hai phần ba tổng số nam giới ở tuổi thành niên, - ước chừng tất cả những nam giới khỏe mạnh từ 18 đến 30, hay thậm chí đến 40 tuổi nữa. Nhưng nếu như nước Nga sẽ không thể nâng các lực lượng quân sự của mình từ 2 - 3% lên tới 5% mà không có một cuộc

1* Ở đây Ăng-ghen muốn nói những nước văn minh.

cách mạng hoàn toàn trong toàn bộ tổ chức xã hội và chính trị ở trong nước và đặc biệt là trong nền sản xuất của nó, thì đến lượt mình, Đức và Pháp sẽ không thể tăng tổng số người bị động viên nằm dưới sự chi phối của họ từ 5% lên 12% nếu không cách mạng hóa nền sản xuất của mình, nền sản xuất này phải tăng quá gấp đôi. Chỉ khi nào năng suất lao động trung bình của mỗi người đem lại gấp đôi so với hiện nay, nhờ việc sử dụng máy móc, v.v., thì mới sẽ có thể giải phóng khỏi sản xuất một khối lượng sức lao động nhiều gấp đôi, và như thế cũng chỉ trong một thời gian ngắn mà thôi; vì rằng không bao giờ có một nước nào lại có thể giữ 5% dân số của mình ở lại cầm súng trong một thời gian dài.

Nếu như có đủ những điều kiện tương ứng, nếu như nền sản xuất quốc dân được nâng lên tới một mức độ đầy đủ và được tập trung lại, nếu như - và đây là điều tuyệt đối cần thiết - các giai cấp sẽ được thủ tiêu (quân tình nguyện nhập ngũ của Phổ với thời hạn một năm[316], nếu không phải là hạ sĩ quan hay sĩ quan dự bị thì không bao giờ có thể là một người lính tốt bên cạnh người nông dân và người thợ thủ công, do địa vị xã hội quý tộc của anh ta), thì giới hạn của việc động viên có thể làm được sẽ chỉ phụ thuộc vào con số dân cư có thể cầm vũ khí mà thôi; nghĩa là, trong trường hợp tối cần thiết, sẽ có thể vũ trang cho 15 - 20% dân số và sẽ có 12 - 15% vào quân đội chiến đấu trong một thời gian ngắn nhất. Nhưng sự có mặt những khối lượng khổng lồ như vậy đến lượt nó lại giả định phải có một tính cơ động lớn hơn nhiều so với tính cơ động mà các quân đội hiện đại đang có. Không có một mạng lưới đường sắt dày đặc thì những khối đông đó sẽ không thể tập trung lại được, cũng không thể tự cung cấp về lương thực và đạn dược, hoặc di chuyển từ địa điểm này qua địa điểm khác. Không có điện báo thì hoàn toàn không thể điều khiển họ được. Và vì với những khối đông như vậy, nhà chiến lược và nhà chiến thuật (người chỉ huy trên chiến trường) không thể nào hợp nhất lại trong một người, cho nên ở đây bắt đầu có sự phân công lao động. Những công việc có tính chất chiến lược tức là công việc phối hợp hoạt động của các binh

đoàn khác nhau sẽ phải được điều khiển từ một điểm trung tâm nhờ các đường điện báo; việc chỉ đạo các công việc chiến thuật sẽ do từng tướng lĩnh thực hiện. Rõ ràng là trong những điều kiện như thế, chiến tranh sẽ có thể và sẽ phải đi đến chỗ kết thúc trong một thời hạn còn ngắn hơn là trong thời kỳ Na-pô-lê-ông. Điều đó là cần thiết, do những chi phí lớn lao đòi hỏi, và nó sẽ là một điều tất yếu, bởi vì bất kỳ một đòn nào đánh bằng những khối lượng như thế cũng đều nhất thiết sẽ có một ý nghĩa quyết định.

Cho nên, xét về mặt khối đông và về tính cơ động chiến lược của chúng, những quân đội đó sẽ có một sức mạnh đáng sợ chưa từng thấy. Tính cơ động chiến thuật (khi làm công việc cảnh giới, trong các tuyến tản binh, trên chiến trường) của những người lính đó cũng sẽ ở trình độ cao hơn nhiều. Về sức mạnh, về sự tháo vát và trí thông minh, họ sẽ vượt tất cả những người lính mà xã hội hiện đại có thể cung cấp được. Nhưng đáng tiếc thay, phải qua nhiều năm nữa thì tất cả những điều đó mới có thể được thực hiện; đến lúc đó, những cuộc chiến tranh đông đảo như vậy nói chung sẽ không còn có thể diễn ra nữa do thiếu một kẻ địch ngang sức. Còn trong thời kỳ đầu của cách mạng vô sản thì sẽ không có những tiền đề cơ bản cho tất cả những điều đó; trong năm 1852 những tiền đề ấy lại càng không thể có được.

Tỷ lệ phần trăm trong dân số, thuộc về phần của giai cấp vô sản hiện nay ở nước Pháp, chưa hẳn đã tăng gấp đôi so với hồi năm 1789. Lúc bấy giờ - ít ra cũng là vào khoảng giữa năm 1792 và năm 1794 - giai cấp vô sản cũng không kém bị kích động và in tension[1*] so với tình hình sẽ diễn ra trong thời gian sắp đến. Ngay hồi bấy giờ người ta cũng đã hiểu rõ rằng, trong thời gian các cuộc chiến tranh cách mạng có những cuộc rung chuyển dữ dội ở trong nước đi kèm theo, thì *khối đông giai cấp vô sản phải được sử dụng ở trong nước*. Điều đó cũng sẽ diễn ra ngay cả hiện nay, và chắc chắn với một mức độ còn lớn hơn lúc nào hết, bởi

1*- ở trong tình trạng căng thẳng

vì quân của khối liên minh càng đến gần thì triển vọng nổ bùng ngay những cuộc nội chiến lại càng tăng lên. Vì vậy, giai cấp vô sản chỉ sẽ có thể gửi một số ít người vào đội quân tác chiến mà thôi. Nguồn chủ yếu để bổ sung cho đội quân này vẫn sẽ là các tầng lớp bên dưới ở thành thị và nông dân. Nói một cách khác, cách mạng sẽ buộc phải tiến hành chiến tranh với những phương tiện và những phương pháp mà nói chung chiến tranh đang được tiến hành trong thời đại ngày nay.

Chỉ có kẻ giáo điều mới có thể tự đặt cho mình câu hỏi: với những phương tiện như thế, nghĩa là với một đội quân tác chiến gồm 4 - 5% dân số, thì có thể tìm được những sự kết hợp mới và phát minh ra những phương pháp sử dụng những lực lượng ấy một cách mới, để đánh những đòn chí tử, hay không? Năng suất của chiếc máy dệt không thể nào được tăng lên gấp bốn lần nếu như không thay động lực của nó - tức là thay sức lực của bàn tay - bằng sức của hơi nước, nếu như không phát minh ra được một công cụ sản xuất mới, rất ít giống với chiếc khung cửi thủ công cũ, - thì trong nghệ thuật quân sự cũng vậy: với những phương tiện cũ không thể nào đạt tới những kết quả mới được. Chỉ có tạo ra những phương tiện mới, mạnh mẽ hơn mới có thể đạt tới những kết quả mới, lớn lao hơn. Mỗi một vị tướng lớn, đã tạo ra một thời đại mới trong lịch sử chiến tranh bằng cách áp dụng những sự phối hợp mới, thì điều hoặc giả là một người sáng chế ra những phương tiện vật chất mới, hoặc giả là người đầu tiên tìm ra được một phương thức mới để sử dụng những phương tiện mới, đã được phát minh ra trước ông ta. Trong khoảng thời gian giữa Tuya-ren và lão già Phrít-xơ đã diễn ra một cuộc cách mạng trong cách đánh của bộ binh, việc thay thế chiếc giáo bằng lưỡi lê và mồi thuốc súng bằng hạt nổ; công lao lịch sử của lão già Phrít-xơ trong khoa học quân sự là ở chỗ lão ta, nói chung thì vẫn ở trong những giới hạn của phương thức tiến hành chiến tranh lúc bấy giờ, nhưng đã cải tạo và hoàn thiện chiến thuật cũ cho thích ứng với những loại vũ khí mới. Công lao lịch sử của Na-pô-lê-ông cũng vậy, nó là ở chỗ ông ta đã tìm ra được một

phương thức vận dụng chiến thuật và chiến lược duy nhất đúng đắn đối với những khối quần chúng vũ trang khổng lồ, những khối này sở dĩ có thể xuất hiện được là nhờ cách mạng, và ông ta đã đưa chiến lược và chiến thuật ấy tới một mức độ hoàn thiện đến nỗi toàn bộ những tướng tá hiện nay không những không thể vượt qua ông ta, mà trong những trận đánh xuất sắc nhất và thành công nhất của họ, cũng chỉ cố bắt chước theo ông ta mà thôi.

Summa summarum. Cách mạng sẽ tiến hành chiến tranh với những phương tiện quân sự hiện đại và với nghệ thuật quân sự hiện đại nhằm chống lại cũng những phương tiện quân sự và nghệ thuật quân sự hiện đại. Triển vọng có được những tài ba quân sự ở khối liên minh ít ra cũng lớn như ở Pháp: ce seront alors les gros bataillons qui l'emporteront[1*].

IV

Bây giờ chúng ta hãy xét xem những tiểu đoàn nào có thể được đưa vào quân đội tác chiến và chúng sẽ được sử dụng như thế nào.

1) *Nga.* Quân đội Nga trong thời bình trên danh nghĩa thì gồm 1100000 binh lính, còn trên thực tế thì gồm khoảng 750000 người. Bắt đầu từ năm 1848, Chính phủ Nga không ngừng cố gắng đưa con số thực tế trong thời chiến lên đến 1500000 người. Ni-cô-lai và Pa-xkê-vích, trong chừng mực có thể, ở đâu cũng thân hành đi kiểm tra tình hình. Do đó, có thể cho rằng nước Nga hiện nay đã đưa quân đội của họ lên ít ra cũng đến con số đầy đủ của thời bình là 1100000 người; trong số đó cần phải trừ ra nhiều lắm là:

cho Cáp-ca-dơ	100000 người
cho bản thân nước Nga	150000 "
cho các tỉnh ở Ba Lan	150000 "

1*- ưu thế lúc bấy giờ sẽ thuộc về phía các tiểu đoàn lớn

số bệnh binh, những đơn vị dùng vào	
những mục đích đặc biệt, v.v.	150000 người
Tổng cộng	550000 người

Còn lại *550000* người có thể sử dụng cho những hoạt động quân sự ở ngoài nước. Con số đó lớn hơn chút ít so với con số mà nước Nga thực tế đã đưa ra nước ngoài trong năm 1813.

2) *Phổ.* Một đội quân tuyệt vời trong thời chiến, trong trường hợp có lệnh gọi ra dưới cờ đội quân hậu bị đợt thứ nhất và đợt thứ hai, những người ở ngoài các đợt đó và nói chung, tất cả những ai có thể bị gọi nhập ngũ, ít ra cũng sẽ gồm 650000 người. Nhưng hiện nay chính phủ có lẽ chỉ có thể động viên được tối đa là 550000 người mà thôi. Chúng ta sẽ chỉ tính 550000 người thôi. Trong số đó, sẽ chỉ phải tách ra một số quân lớn hơn số lượng đội quân hậu bị đợt hai một ít (150000 người) để làm quân đồn trú, v.v.; vì rằng những đợt gọi dần những người ở ngoài quân đội trù bị và số quân gọi nhập ngũ của năm tới, - điều mà Ni-cô-lai sẽ chăm lo đến, - cũng như việc chuyển quân đến không ngừng của các đội quân Nga sẽ đảm bảo những lực lượng dự bị đầy đủ cho trường hợp có bất kỳ một mưu toan khởi nghĩa nào ở trong nước. Ngoài ra, quân đội Phổ sẽ có một tỷ số phần trăm ốm đau ít hơn, bởi vì họ sẽ phải tập trung ở trong nước họ và đi tới vùng Ranh, họ sẽ phải ít chuyển quân hơn người Nga. Tuy nhiên, cũng giống như đối với người Nga, tôi gạt bỏ đi một nửa và cho rằng chỉ có một nửa kia, tức là *250000 người*, là được tự do thôi.

3) *Áo.* Ít ra cũng có tới 600000 người ở dưới cờ và đang nghỉ phép, nhưng có thể trở lại quân đội một cách nhanh chóng như đội quân hậu bị ở Phổ. Ở đây tôi cũng gạt bỏ đi một nửa, vì rằng - ít ra cũng đối với hai phần ba vương quốc - những đội quân Nga đang tiến theo sau người Áo, từ nay cho đến khi thành lập các đội dự bị mới, sẽ được dùng làm dự bị ở trong nước và sẽ làm tê liệt những trung tâm khởi nghĩa. Sẽ còn lại *300000 người* tự do dành cho những hoạt động chống lại kẻ thù.

4) *Hiệp bang Đức*. Vì những ngài này sống ở ngay vùng Ranh và toàn bộ đội quân liên minh sẽ đi qua đất họ, cho nên hầu như hoàn toàn không cần đến các đồn quân phòng vệ để chống lại dân cư địa phương; hơn nữa, ngay sau những thắng lợi đầu tiên của khối liên minh trong cuộc đấu tranh chống Pháp, thì những đội quân dự bị sẽ bố trí cắt ngang toàn bộ nước Đức, từ bắc xuống nam. Vì vậy, Hiệp bang Đức nhiều lắm thì cũng chỉ đưa ra *120000 người* thôi.

5) Các quân đội của các chính phủ I-ta-li-a, Đan Mạch, Bỉ, Hà Lan, Thụy Điển, v.v., tôi tạm tính là *80000 người*.

Như vậy, theo con tính trên, toàn thể các đội quân liên minh là 1300000 người, hiện nay hoặc giả là đã cầm súng, hoặc giả là có thể được gọi nhập ngũ ngay lập tức. Tất cả những số liệu đó đã bị cố ý giảm bớt đi. Riêng con số ốm đau bị trừ đi cũng lớn tới mức là chỉ riêng những người khỏi bệnh, v.v., hai tháng sau khi chiến sự bắt đầu, cũng đã hợp thành một đội quân thứ hai gồm 350000 người ở gần biên giới nước Pháp. Nhưng số lượng của đội quân thứ hai đó nhất định sẽ còn lớn hơn nhiều nữa, vì rằng hiện nay không có một chính phủ nào lại không thông minh đến mức là mở đầu chiến tranh mà lại không tiến hành những đợt tuyển quân mới càng rộng lớn càng tốt, cùng một lúc với việc gửi đội quân tác chiến đi, những đợt mới tuyển này sẽ được gửi đi theo sau đội quân thứ nhất.

Các đơn vị của đạo quân thứ nhất (1300000 người) có thể được tập trung toàn bộ trong thời gian khoảng chừng hai tháng, nếu hành động theo kế hoạch sau đây. Người Phổ và người Áo hoàn toàn có thể động viên số lính đã nhắc tới trên đây trong hai tháng: sau đợt động viên trong tháng Mười một năm ngoái thì không còn nghi ngờ gì về điều đó nữa; còn đối với các đội quân Nga, thì ba địa điểm tập trung cuối cùng sẽ trước hết là Béc-lin, Brê-xláp[1*] và Cra-cốp hay Viên (xem dưới đây). Từ Pê-téc-bua đến Béc-lin phải đi khoảng 45 ngày, từ Béc-lin đến Ranh - 16

1* Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Vrốt-xláp.

ngày, cộng tất cả là 61 ngày đi, tính theo 5 dặm Đức[1*] một ngày. Từ Mát-xcơ-va đến Brê-xláp mất 48 ngày đi, từ Brê-xláp đến Ma-in-xơ là 20 ngày, tổng cộng 68 ngày. Từ Ki-ép đến Viên 40 ngày, từ Viên đến Ba-lơ - 22 ngày, tổng cộng là 62 ngày. Nếu tính thêm vào đó những ngày nghỉ không thể không có được đối với các đạo quân Nga, đặc biệt là trong những ngày hành quân căng thẳng nói trên, - thì rõ ràng là chỉ sau *ba* tháng, các đạo quân đóng ở Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua và Ki-ép hoàn toàn sẽ có thể có mặt ở vùng Ranh rồi; ngay cả khi xuất phát từ giả định cho rằng các đạo quân đều chỉ đi bộ, không sử dụng đường sắt và xe vận tải. Nhưng những phương tiện đi chuyển đó có thể dùng được hầu như ở khắp mọi nơi trong nước Đức, còn ở Nga và Ba Lan thì dẫu sao cũng có thể dùng được ở từng vùng; việc sử dụng những phương tiện ấy, nói chung chắc chắn sẽ rút ngắn việc chuyển quân bớt 15 - 20 ngày. Nhưng những khối lượng chủ yếu của quân đội Nga hiện nay đã tập trung ở các tỉnh Ba Lan rồi, và vì tình hình chính trị chắc sẽ làm nổ ra một cuộc khủng hoảng, cho nên người ta sẽ đưa tới các vùng đó một số lực lượng vũ trang còn lớn hơn nữa. Như vậy, địa điểm xuất phát của cuộc hành quân của người Nga sẽ không phải là Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va và Ki-ép, mà là Ri-ga, Vin-nô, Min-xcơ, Đu-bnô và Can-mê-nét-xơ, do đó mà khoảng cách sẽ rút ngắn lại gần 60 dặm, tức là rút ngắn bớt 12 ngày đi chuyển và 4 ngày nghỉ. Đồng thời, một bộ phận lớn của bộ binh - đặc biệt là những bộ phận đóng ở những địa điểm trú quân xa hơn, - cứ mỗi ngày thứ ba (ngày nghỉ) sẽ có thể được chuyển đi ít nhất là 5 dặm; như vậy, đối với bộ phận quân đội ấy, cả những ngày nghỉ cũng có thể tính vào ngày đi. Trong những điều kiện như thế, bộ phận vật chất của pháo binh, đạn dược và lương thực, sẽ có thể được chuyển theo một cách tự do bằng đường sắt. Xe kéo pháo và người phục vụ sẽ có thể tiến theo trật tự hành quân hay di chuyển bằng xe, và như vậy, dẫu sao cũng sẽ có thể có mặt tại địa điểm nhanh hơn phương thức trước kia.

1*- Dặm Đức hay dặm địa lý bằng 7 km 420.

Từ những điều nói trên, tôi phải kết luận rằng, hai tháng sau khi nổ ra cuộc cách mạng thì không có gì cản trở việc tập trung quân đội liên minh ở vùng Ranh cả, theo trình tự sau đây:

Đạo quân thứ nhất

1. Tuyến thứ nhất ở vùng Ranh và Pi-ê-mông:		
Quân Phổ, Áo, v.v.	750000	
		1050000
Quân Nga	300000	
2. Tuyến thứ hai, đội quân dự bị, cách 10 ngày đường - quân Nga		250000
Tổng cộng:		1300000

(như đã nói ở trên)

Đạo quân thứ hai

1. Lực lượng dự bị của những thành viên thứ yếu trong khối liên minh, các đội quân Phổ, Áo, v.v. đang tập trung	200000	
2. Lực lượng dự bị ở Nga đang ở trên đường đi, cách 20 ngày đường	150000	350000
Tổng số của hai đạo quân		1650000

Về thực chất mà nói, trong những điều kiện hiện đại, chỉ cần không quá 5 - 6 tuần lễ để điều 300000 quân Nga đến miền Ranh, và trong lúc đó thì người Phổ, Áo và những đồng minh hạng hai sẽ có thể đưa đến vùng Ranh những số quân nói trên; nhưng vì tính đến những trở ngại không dự kiến trước có thể xảy ra trong mọi liên minh, nên tôi tính tròn hai tháng. Sự bố trí của quân đội liên minh khi Na-pô-lê-ông từ En-bơ đổ bộ về, theo ý nghĩa là những đội quân được tung vào Pháp, chưa hẳn đã thuận lợi như hiện nay, tuy vậy, lúc bấy giờ người Nga cũng tới được miền sông Ranh khi Na-pô-lê-ông đang chiến đấu với người Anh và người Phổ tại Oa-téc-lô.

Thử hỏi, *nước Pháp* có những tài nguyên gì để địch lại khối liên minh?

1) Quân chủ lực gồm khoảng 450000 người, trong đó 50000 ở An-giê-ri, không có số này ở đấy thì không xong; trong số 400000 người còn lại, cần phải trừ số người ốm, số tối thiểu cần thiết cho đơn vị đóng ở các pháo đài, những đơn vị không lớn lắm ở những địa điểm không tin cậy được trong nước; giỏi lắm thì có thể chi phối được 250000 người.

2) Thủ đoạn mà những "phần tử đỏ" hiện nay rất ưa dùng - gọi nhập ngũ trở lại những binh lính đã hết hạn - có thể được áp dụng một cách thành công với tư cách là một biện pháp cưỡng bức nhiều lắm là đối với sáu lứa tuổi, nghĩa là từ 27 đến 32 tuổi. Khi tuyển, mỗi một lứa tuổi phải cung cấp 80000 người. Những tổn thất do cuộc chiến tranh An-giê-ri và khí hậu ở đó đưa lại, số người chết thông thường trong khoảng 12 năm, việc sàng lọc những người không có sức phục vụ quân dịch, những người di cư, và cuối cùng, những kẻ bằng cách này hay cách khác trốn tránh được việc tái ngũ trong lúc mà bộ máy hành chính vốn cũng đang đi tới chỗ tan rã, - tất cả những điều đó, trong trường hợp tốt nhất, sẽ rút bớt tổng số những người quay trở lại quân đội nằm trong diện 6 lứa tuổi đó và thuộc các đợt tuyển quân trước từ 480000 người xuống còn 300000 người. Trong số đó lại phải trừ đi 150000 người để bổ sung cho các đội quân đồn trú đóng ở các pháo đài, số quân này chủ yếu được lấy trong lớp người lớn tuổi hơn và trong phần lớn các trường hợp là những người đã có vợ. Như vậy, với những biện pháp ít nhiều khéo léo, người ta có thể động viên được một cách dễ dàng số 150000 người còn lại trong thời gian hai tháng.

3) Những đội dân quân, quân tình nguyện, quân nghĩa dũng, levée en masse, - dẫu cho người ta có gọi loại bia đỡ đạn hạng hai này là gì đi nữa. Trong nhóm này, trừ khoảng 10000 gardes mobiles[1*] còn phải tập hợp lại, tất cả đều sử dụng vũ khí không giỏi hơn bất kỳ một người dân quân nào của Đức. Thật ra, người

1*- quân cảnh vệ cơ động

Pháp học nghề đó nhanh hơn, nhưng hai tháng vẫn là thời gian rất ngắn. Nếu như Na-pô-lê-ông đã có thể bắt những tân binh của mình phải trải qua trường học tiểu đoàn trong 4 tuần lễ, thì đó chỉ là nhờ có những cán bộ hết sức giỏi; trong lúc đó, hậu quả đầu tiên của cuộc cách mạng sắp tới sẽ là việc đảo lộn ngay những cán bộ chủ lực. Thêm vào đó, như mọi người đều rõ, những người cách mạng Pháp của chúng ta rất trung thành với các truyền thống, chắc chắn trước hết sẽ bắt đầu kêu lên: Levée en masse! Deux millions d'hommes aux frontiéres![1*] hai triệu binh lính - điều đó sẽ thật là tuyệt diệu, nếu như người ta có thể chờ đợi khối liên minh sẽ phải phạm những sai lầm giống như những sai lầm mà họ đã phạm phải anno[2*] 1792 - 1793, và nếu như sẽ có đủ thì giờ để huấn luyện dần số 2000000 người. Nhưng không thể mong chờ những điều đó được. Ngược lại, cần phải chờ đợi rằng trong thời gian 2 tháng, 1000000 binh lính địch sẵn sàng chiến đấu sẽ có mặt tại biên giới, và nhiệm vụ sẽ là làm thế nào để chống lại một triệu người đó với những triển vọng thắng lợi.

Nếu như người Pháp chép lại một cách mù quáng những truyền thống của năm 1793 thì họ sẽ làm cuộc thí nghiệm với 2000000, nhưng với điều ấy có nghĩa là họ sẽ vung tay quá mức, đến nỗi kết quả thực tế sẽ bằng không, vì thời hạn quá ngắn. Khi không có cán bộ, việc huấn luyện và phiên chế 1500000 người trong tám tuần lễ trên thực tiễn sẽ quy thành một sự tiêu phí tất cả các tài nguyên một cách vô nghĩa, và quân đội sẽ không được tăng cường thêm, dù chỉ là bằng một tiểu đoàn có khả năng chiến đấu.

Sự việc sẽ khác đi, nếu như họ sẽ có được một bộ trưởng bộ quốc phòng vững vàng, ít nhiều hiểu biết những cuộc chiến tranh cách mạng và những phương pháp thành lập các đội quân một cách nhanh chóng, và nếu như trên con đường đi của ông ta sẽ

1*- Tổng động viên! Hai triệu người ra biên giới!
2*- năm

không có những trở ngại ngu ngốc, phát sinh do sự dốt nát và do lòng hiếu danh. Một người như thế sẽ cố tự hạn chế trong phạm vi những cái có thể làm được và người đó sẽ làm được rất nhiều điều. Lúc đó, sẽ phải xuất phát đại khái từ một kế hoạch như sau:

Các lực lượng vũ trang sẽ gồm trước hết là hai bộ phận cấu thành: 1) các đội vệ binh vô sản ở các thành phố, các đội vệ binh nông dân ở các vùng nông thôn, - theo mức độ mà những vùng này có thể tin cậy được, - để làm nhiệm vụ ở trong nước và 2) quân đội chính quy để chống lại xâm lăng.

Các pháo đài thì do đội vệ binh vô sản và nông dân đóng giữ. Trong quân đội, để làm nhiệm vụ ấy thì chỉ tách ra những đơn vị nhỏ cần thiết nhất mà thôi. Để bảo vệ Pa-ri, Xtơ-ra-xbua, Ly-ông, Mét-xơ, Li-lơ, Va-lan-xi-en tức là những cứ điểm quan trọng nhất, đồng thời cũng là những thành phố lớn, ngoài số vệ binh của các thành phố ấy và những đơn vị không lớn lắm của nông dân ở các vùng lân cận ra, sẽ chỉ cần một số ít đơn vị chủ lực mà thôi. Những đội vệ binh vô sản không phải làm nhiệm vụ ở trong nước, nếu họ gồm những công nhân không có việc làm, thì cần phải được tập trung lại trong các trại huấn luyện và được huấn luyện dưới sự lãnh đạo của những sĩ quan và hạ sĩ quan già, không thể phục vụ được ở tiền tuyến, để bổ sung cho những tổn thất của đội quân chiến đấu. Trại đó có thể đặt ở gần Oóc-lê-ăng - lúc đó, nó đồng thời cũng sẽ là một sự đe dọa đối với những quận do phái bảo hoàng chính thống nắm.

Số lượng các đội quân chủ lực nằm ở trên đất Pháp phải được tăng gấp ba, nghĩa là phải được nâng từ 400000 lên đến 1100000 người. Có thể đạt tới điều đó bằng cách sau đây. Mỗi một tiểu đoàn sẽ phát triển thành một trung đoàn, việc nâng cấp bậc những sĩ quan và hạ sĩ quan lên, diễn ra một cách tất yếu lúc đó, sẽ làm cho họ kính trọng cách mạng không kém gì máy chém và tòa án quân sự. Đồng thời việc tất yếu mở rộng hàng ngũ cán bộ phải diễn ra một cách hết sức từ từ. Sẽ cần phải lôi cuốn về

phía mình một số lượng lớn sĩ quan càng nhiều càng tốt. Điều này rất quan trọng khi không thể dùng phép tiên để tạo ra những sĩ quan mới trong thời hạn hai tháng. Hơn nữa, ở các cấp chỉ huy trung cấp và sơ cấp trong quân đội Pháp còn có đủ tinh thần dân tộc để khiến cho loại sĩ quan đó, dưới ảnh hưởng của một sự thăng chức nào đó, của sự lãnh đạo kiên quyết từ phía cơ quan quân sự và với những triển vọng thắng lợi nhất định, có thể hoàn toàn dùng được trong thời gian đầu; đặc biệt nếu trừng phạt một vài vụ nổi loạn và đào ngũ để nêu gương. Số học viên các trường quân sự và những nhân viên của Ponts et chaussées[1*] sẽ biến thành những sĩ quan pháo binh và công binh rất tốt; và sau một vài trận thì những tài năng quân sự - mà người ta rất hay gặp ở người Pháp - sẽ bắt đầu bộc lộ trong các cấp dưới, những tài năng này sau trận đánh đầu tiên cũng có thể dùng để chỉ huy đại đội được rồi. Còn đối với binh lính thì số lượng cần thiết sẽ gồm:

quân chủ lực	400000
số trù bị được gọi lại	300000

Còn phải tập hợp và huấn luyện 500000 người nữa, tổng cộng là 1200000 người, và nếu như tính 100000 người ốm đau, thì tổng số sẽ là 1100000 người. Trong số này, có thể dùng cho các hoạt động chiến đấu:

quân chủ lực	250000
quân trù bị	150000
quân mới tuyển	400000
	800000

Tương lai sẽ chỉ rõ là với một đạo quân như thế thì có thể làm được những gì. Huấn luyện trong thời gian hai tháng 400000 - 500000 lính mới để bổ sung cho quân chủ lực, - những người này sẽ được phiên chế vào các trung đoàn và tiểu đoàn cùng với những binh sĩ của đội quân chính quy và với những cựu binh sĩ tái ngũ, - không phải là một công việc khó khăn lắm, nếu như

1*- Ngành xây dựng cầu đường

bắt tay vào công việc đó ngay lập tức, le lendemain de la revolution[1*]. Tất cả những viện binh đó sẽ nhằm củng cố thêm bộ binh và pháo binh: trong 2 tháng, có thể huấn luyện được một chiến sĩ bộ binh, và thậm chí một chiến sĩ pháo binh có khả năng sơ đẳng sử dụng pháo, nhưng quyết không thể huấn luyện được một kỵ binh. Vì vậy việc tăng số lượng kỵ binh sẽ hoàn toàn không lớn lắm.

Toàn bộ kế hoạch động viên đó nhất thiết giả định phải có một bộ trưởng bộ quốc phòng tốt, một bộ trưởng bộ quốc phòng biết đánh giá đúng tình hình chính trị, có những tri thức về lĩnh vực chiến lược, chiến thuật và biết chi tiết cách sử dụng các loại vũ khí, cũng như có một trình độ nghị lực, nhanh trí và decisiveness[2*] đầy đủ; cũng cần làm thế nào để cho những con lừa cùng đứng với ông ta ở trong chính phủ sẽ giao cho ông ta toàn quyền tự do hành động. Nhưng một đảng "đỏ" ở nước Pháp lấy đâu cho ra được một người như thế? Tất cả những triển vọng, ngược lại, đều chỉ rõ rằng rồi chúng ta sẽ thấy một bức tranh quen thuộc: một kẻ dốt nát nào đó, với tư cách là một bon democrate[3*], tự mình và được những người khác thừa nhận là thích hợp với bất kỳ một chức vụ nào, sẽ cố đóng vai trò Các-nô, ban sắc lệnh về tổng động viên, phá hoại hoàn toàn mọi việc; sự tháo vát của hắn ta sẽ cạn đi rất nhanh chóng, và lúc đó hắn sẽ phó mặc toàn bộ công việc cho nền nếp cũ rích của những viên chức hạng hai của chế độ cũ, và sẽ để cho các đạo quân địch tiến tới tận thành Pa-ri. Ngày nay, muốn đánh bại được khối liên minh châu Âu, thì làm một Pa-sơ, một Bu-sốt hay thậm chí một Các-nô cũng không đủ, mà cần phải ngang với Na-pô-lê-ông, hoặc giả là phải gặp những kẻ thù đặc biệt ngu ngốc hay là đặc biệt gặp nhiều may mắn.

Không nên quên rằng, trong tất cả những con tính nói trên

1*- ngày hôm sau của cuộc cách mạng
2*- tính kiên quyết
3*- nhà dân chủ tốt

về lực lượng quân sự của khối liên minh, bao giờ tôi cũng chỉ tính những con số tối thiểu với tổng số các quân đội, và ngược lại, với những con số tối đa đối với mọi khoản khấu đi; như vậy, khi có một sự lãnh đạo ít nhiều thỏa đáng thì con số những quân đội do kẻ địch chi phối sẽ lớn hơn, và thời gian cần thiết để tập trung những quân đội đó sẽ ít hơn là đã nói ở đây. Còn đối với nước Pháp thì những giả định của tôi lại được cấu tạo theo một nguyên lý ngược lại: tôi đã lấy một thời hạn tối đa mà người Pháp chi phối được, một con số tối đa cho tổng quân số mà họ sẽ có thể thành lập, và đã lấy những con số khấu trừ tối thiểu; như vậy, tổng số lượng quân đội nằm dưới sự chi phối của cách mạng được tôi tính theo những con số lớn nhất có thể có được. Nói một cách khác, tất cả những sự tính toán đó cho ta bức tranh về một *trường hợp thuận lợi nhất* đối với cách mạng, nếu như không tính đến những tình hình không dự tính trước và những khả năng sai lầm lớn về phía khối liên minh.

Thêm vào đó, trong những giả định nói trên, tôi đã xuất phát từ chỗ cho rằng cách mạng và sự xâm lăng của kẻ thù sẽ không làm nổ ra ngay lập tức một cuộc nội chiến ở trong nước. Ngày nay, tức là 60 năm sau cuộc nội chiến cuối cùng ở Pháp, không thể nói chắc rằng, sự cuồng tín của phái bảo hoàng chính thống sẽ có khả năng làm được một cái gì lớn hơn là một cuộc nổi dậy ngắn ngủi hay không. Dù sao cũng rõ ràng, quân liên minh mà càng tiến lên phía trước thì khả năng có những cuộc nổi dậy giống như những cuộc nổi dậy ở Ly-ông và Tu-lông năm 1793, v.v., sẽ tăng lên, khả năng có sự liên minh tạm thời giữa tất cả những giai cấp và các đảng phái đã bị đánh bại cũng tăng lên. Nhưng cả về mặt này nữa, chúng ta cũng cứ giả định có một kết hợp thuận lợi nhất đối với cách mạng, trong đó đội vệ binh cách mạng - vô sản và nông dân - sẽ có thể tiến hành tước vũ trang các tỉnh và các giai cấp nổi loạn một cách thắng lợi.

Về những triển vọng thuận lợi cho cách mạng, xuất hiện nhờ những cuộc khởi nghĩa có thể nổ ra ở Đức, I-ta-li-a, v.v., chúng tôi sẽ nói tới dưới đây.

V

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang công việc tác chiến.

Nếu trên bản đồ, ta đặt một đầu com-pa ở Pa-ri và vạch một vòng tròn có bán kính bằng khoảng cách từ Pa-ri đến Xtơ-ra-xbua, thì nó sẽ cắt biên giới ở phía nam nước Pháp tại Pông-đờ-Bô-voa-den, vào quãng giữa Grơ-nô-blơ và Săm-be-ri; nó sẽ đi dọc biên giới lên phía bắc qua Giơ-ne-vơ, dãy núi Giuy-ra, Ba-lơ, Xtơ-ra-xbua và Ha-ghê-nau, sau đó sẽ đi theo dòng sông Ranh đến tận cửa sông đó, rồi xa nó ở từng quãng một, nhưng không cách xa quá hai ngày hành quân. Nếu như sông Ranh là biên giới của Pháp, thì dọc suốt biên giới đó, bắt đầu từ địa điểm mà biên giới ấy không còn được che chở bởi dãy núi An-pơ nữa và cho đến tận biển Bắc, Pa-ri sẽ ở một khoảng cách gần giống như nhau đối với bất cứ điểm nào của biên giới ấy. Hệ thống quân sự của Pháp, lấy Pa-ri làm trung tâm, lúc bấy giờ sẽ hoàn toàn phù hợp với các điều kiện địa lý. Với giả định đó, ta sẽ có một vòng cung đơn giản từ Săm-be-ri đến Rốt-téc-đam, trên vòng cung đó tất cả những điểm của cái biên giới duy nhất trống trải của Pháp, hơn nữa lại ở gần thủ đô của nó nhất, sẽ nằm cách Pa-ri một khoảng cách bằng nhau, chừng 70 dặm Đức, hay 14 ngày đường. Trong lúc đó, biên giới ấy sẽ được bảo vệ bằng một con sông rộng. Đó chính là cái cơ sở quân sự hiện thực của lời khẳng định nói rằng sông Ranh là biên giới tự nhiên của Pháp.

Nhưng cũng cái hình dáng đặc biệt đó của dòng sông Ranh sẽ làm cho nó trở thành điểm xuất phát của mọi cuộc hành quân hướng tâm nhằm chống lại Pa-ri, bởi vì muốn cho một số các đạo quân có thể tiến đến Pa-ri cùng một lúc và cùng một lúc uy hiếp thành phố đó từ những phía khác nhau, thì chúng phải tấn công cùng một lúc từ những điểm cách xa Pa-ri khoảng cách bằng nhau. Mặc dầu những cuộc hành quân hướng tâm là một nguy cơ nếu như những điểm tập trung đều nằm trong phạm vi hoạt

động của các đạo quân địch, hơn nữa, lại trùng hợp với căn cứ tác chiến của đạo quân này, - mặc dầu thế, những chiến dịch của mọi quân đội phản cách mạng chống Pháp vẫn tất yếu phải mang tính chất hướng tâm. Nguyên nhân là như sau: 1) việc chiếm Pa-ri có nghĩa là chiếm được toàn nước Pháp; 2) không điểm nào thuộc biên giới nằm trong phạm vi tác chiến của quân đội Pháp mà lại có thể bị bỏ trống, bởi vì trong trường hợp ngược lại, người Pháp sẽ có thể gây ra một cuộc khởi nghĩa trên lãnh thổ của khối liên minh bằng cách đưa những đơn vị của mình vào hậu phương quân đội địch; 3) để tiếp tế cho những khối lượng người mà bất kỳ một khối liên minh nào cũng buộc phải tung ra chống lại nước Pháp, thì cần phải có rất nhiều tuyến tác chiến.

Cái biên giới mà quân đội của cả hai bên phải bảo vệ, sẽ kéo dài từ Săm-be-ri đến Rốt-téc-đam. Biên giới Tây Ban Nha thì tạm thời không có thể chú ý đến. Biên giới I-ta-li-a từ Vác đến I-de-rơ, được dãy núi An-pơ che chở và ngoài ra lại đi theo hướng xa dần Pa-ri, cấu thành một đường tiếp tuyến với vòng cung nói trên. Chỉ trong trường hợp sau đây mới phải chú ý đến đường biên giới ấy: 1) nếu như những con đường đèo có công sự phòng ngự ở dãy núi An-pơ thuộc Xa-voa, đặc biệt là ở Mông-xê-ni, sẽ nằm trong tay người Pháp; 2) nếu như có ý đồ tiến hành nghi binh ở vùng duyên hải, muốn thế thì phải có những lý do đặc biệt; 3) nếu như quân đội Pháp, sau khi đã đảm bảo được an ninh của biên giới ở tất cả các hướng khác, muốn chuyển sang tấn công tại đây theo gương của Na-pô-lê-ông năm 1796. Trong tất cả những trường hợp khác có thể xảy ra, thì vùng biên giới này nằm ngoài chiến sự.

Như vậy, đối với khối liên minh cũng như đối với nước Pháp, những hoạt động quân sự tích cực sẽ giới hạn ở trong tuyến chạy từ Săm-be-ri, hay từ sông I-de-rơ đến biển Bắc, và trong dải đất nằm giữa tuyến ấy và Pa-ri. Bộ phận ấy của nước Pháp chính là cái địa phương hình như được đặc biệt tạo ra cho công cuộc phòng thủ, và xét về mặt quân sự thì vị trí của các núi và sông ở đây

có tính chất lợi thế nhất.

Từ Rôn đến Mô-den, biên giới được che chở bởi dãy núi Giuy-ra kéo dài, chỉ vượt qua được một cách khó khăn ở một số ít điểm; gắn với dãy núi đó là dãy núi Vô-he-dơ, mà Hô-khơ-van và I-đa-rơ-van là đoạn nối tiếp theo; cả hai dãy núi đó đều kéo dài song song với đường biên giới, ngoài ra dãy Vô-he-dơ lại còn được bao bọc bởi con sông Ranh. Giữa sông Mô-den và sông Ma-xơ, con đường đi đến Pa-ri bị ngăn bởi dãy Ác-đen, ở phía bên kia của con sông Ma-xơ - Ác-gôn-nơ. Chỉ có khu vực từ sông Xăm-brơ đến biển là trống trải, nhưng ở đây tình hình của bất kỳ một đạo quân nào đang tiến vào là mỗi bước lại càng gặp nguy hiểm hơn, bởi vì với những cuộc hành quân táo bạo một chút của phía đạo quân mạnh của người Pháp, thì đạo quân nói trên sẽ có nguy cơ bị cắt rời khỏi Bỉ và bị hất xuống biển. Thêm vào đó, toàn bộ tuyến từ Rôn đến biển Bắc đều rải rác có những đồn lũy, trong đó có một số như Xtơ-ra-xbua chẳng hạn, khống chế được cả một loạt các tỉnh.

Bắt đầu từ nơi mà hai dãy Giuy-ra và Vô-he-dơ gặp nhau, và kéo dài theo hướng tây - nam cho đến tận Ô-véc-nhơ, là một dãy núi cấu thành con đường phân thủy giữa một bên là biển Bắc và đại dương và bên kia là Địa Trung Hải. Từ dãy núi đó chảy xuống phía nam có sông Xôn, và chảy lên phía bắc, song song với nhau, thì có các con sông Mô-den, Ma-xơ, Mác-nơ, Xen và I-on-nơ. Kéo dài dọc theo mỗi con sông ấy, cắt thung lũng của con sông này với thung lũng của con sông khác, cũng như nằm giữa sông I-on-nơ và sông Loa-rơ, là những dãy núi dài phân thành nhiều nhánh, và chỉ có một ít con đường chạy qua. Thật ra toàn bộ vùng núi đó phần lớn đều có thể đi qua được đối với mọi loại binh chủng, nhưng rất không thuận lợi, và một đạo quân lớn không thể nằm lại được ở đây trong một thời gian dài.

Vượt qua được vùng núi đó, cũng như những cao nguyên hết sức không thuận lợi ở vùng Săm-pa-nhơ, nằm ở giữa lưu vực sông Ma-xơ và lưu vực sông Xen, quân địch sẽ tiến vào lưu vực sông

Xen. Và chính đây là điểm bộc lộ toàn bộ những ưu thế quân sự khác thường của địa thế thành phố Pa-ri.

Lưu vực sông Xen, từ những vùng thượng lưu của nó cho đến tận cửa sông Oa-đơ, được cấu thành bởi cả một loạt những con sông hầu như nằm song song với nhau, chạy theo hình vòng cung hướng về phía tây bắc, - tức là những con sông I-on-nơ, Mác-nơ, Oa-đơ và E-nơ; mỗi một con sông đó đều có chi nhánh cũng chảy theo hướng đó. Tất cả những thung lũng hình vòng cung đó nối liền với nhau bằng một khoảng cách không lớn lắm, còn nằm ở trung tâm những điểm nối tiếp ấy là Pa-ri. Những con đường chính đến Pa-ri từ tất cả các biên giới trên bộ giữa Địa Trung Hải và sông Sen-đa, đều đi dọc theo những thung lũng của các con sông ấy và cùng với chúng, nối liền với nhau theo những vòng đồng tâm ở gần Pa-ri. Vì vậy, đạo quân bảo vệ Pa-ri bao giờ cũng có thể tập trung lại trong một thời gian ngắn hơn và được điều từ một điểm bị đe dọa sang một điểm khác một cách dễ dàng hơn so với đạo quân tiến công, vì trong hai vòng tròn đồng tâm thì vòng trong có chu vi nhỏ hơn. Việc lợi dụng một cách tuyệt vời ưu thế đó, việc không ngừng di chuyển theo chu vi của vòng trong đã cho phép Na-pô-lê-ông, trong thời gian chiến dịch kiệt xuất của ông ta năm 1814, với một nhúm binh lính, cột chặt tất cả các lực lượng của khối liên minh ở lưu vực sông Xen trong suốt một thời gian hai tháng.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Tư 1851

Công bố lần đầu tiên trên tạp chí "Die Neue Zeit" các số 9 và 10, ngày 4 và 11 tháng Chạp 1914

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

HIẾN PHÁP CỦA NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP, ĐƯỢC THÔNG QUA NGÀY 4 THÁNG MƯỜI MỘT 1848[317]

Bản hiến pháp có phần mở đầu rất trịnh trọng; trong đó đáng chú ý là những điểm sau đây:

1. Pháp tuyên bố mình là một nước cộng hòa. 2. Nước Cộng hòa Pháp là nước cộng hòa *dân chủ*, thống nhất và không chia cắt. 3. Các nguyên tắc của nó là tự do, bình đẳng, bác ái, còn cơ sở của nó là gia đình, lao động, quyền sở hữu và trật tự xã hội. 5. Nước Cộng hòa Pháp tôn trọng nền độc lập của các dân tộc khác và có ý định buộc người khác cũng phải tôn trọng nền độc lập của Pháp. Nước Cộng hòa Pháp sẽ không tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược và sẽ không bao giờ dùng sức mạnh của mình để chống lại tự do của bất kỳ một dân tộc nào (*La Mã!*[318]).

Trước cuộc khởi nghĩa tháng Sáu Quốc hội đã soạn thảo xong hiến pháp, trong đó ngoài nhiều điều khoản công nhận những quyền hạn và nghĩa vụ con người, có ghi những điều sau đây:

Điều 6: Quyền được học tập là quyền của mọi công dân được phát triển đầy đủ những năng lực thể chất, tinh thần và trí tuệ thông qua chế độ giáo dục *không phải trả tiền*, do nhà nước đài thọ.

Điều 7: Quyền lao động là quyền của mỗi thành viên xã hội được sống bằng lao động của mình. Vì vậy xã hội có trách nhiệm đảm bảo việc làm cho mọi người có khả năng lao động, nếu như họ không tìm được việc làm bằng cách khác.

Điều 9: Quyền được trợ giúp là quyền của trẻ mồ côi, người mất sức và người già được nhà nước giúp đỡ.

Khi giai cấp tư sản đã mạnh bạo lên do thắng lợi vào tháng Sáu 1848, nó đã vứt bỏ ba điều này ra khỏi

HIẾN PHÁP,

mà giờ đây trở thành như sau:

"CHƯƠNG I

Quyền lực tối cao thuộc về toàn thể công dân Pháp. Quyền lực đó không thể bị tước đoạt và bất di bất dịch. Không một cá nhân nào, không một bộ phận nhân dân nào có quyền chiếm đoạt cho mình việc thực hiện quyền lực này".

"CHƯƠNG II. NHỮNG QUYỀN ĐƯỢC HIẾN PHÁP ĐẢM BẢO

Điều 2. Không ai có thể bị bắt hoặc bị bỏ tù trái với quy định của luật pháp".

"*Điều 3.* Nhà ở của mỗi công dân sống trên lãnh thổ Pháp là bất khả xâm phạm và không được phép lọt vào đó nếu không tuân thủ những thể thức do luật pháp quy định".

Hãy lưu ý, ở đây cũng như ở mọi chỗ, bản hiến pháp của Pháp đảm bảo quyền tự do, nhưng bao giờ cũng có bổ sung thêm *những điều ngoại lệ đã được pháp luật quy định* hoặc có thể *còn được quy định!* Đồng thời, tất cả những điều ngoại lệ mà hoàng đế Na-pô-lê-ông, chính thể thời kỳ phục tích và Lu-i Phi-líp đã quy định, chẳng những đều được bảo tồn, mà sau cuộc cách mạng tháng Sáu còn được tăng thêm hết sức nhiều. Chẳng hạn, như đạo luật ngày 9 tháng Tám 1849 về tình trạng giới nghiêm, mà Quốc hội, và trong lúc Quốc hội nghỉ họp thì tổng thống có thể ban bố, cho phép các nhà chức trách quân sự có quyền chuyển tất cả các chính trị phạm cho tòa án quân sự dã chiến. Hơn nữa, đạo luật này cho phép các nhà chức trách quân sự được quyền xông vào bất kỳ nhà nào và tiến hành lục soát tại đó cả ban ngày lẫn ban đêm, tịch thu mọi loại vũ khí và đuổi tất cả những người không có phép cư trú ở những địa điểm bị giới nghiêm.

Còn về *những người ngoại quốc* thì cái "quyền" duy nhất mà họ được hưởng trên đất Pháp là họ có thể bị bắt và bị trục xuất

ra khỏi nước Pháp mỗi khi các nhà chức trách cảnh sát muốn.

Còn đối với *người Pháp* thì chỉ *cần một quan chức* ra lệnh là đủ để bất kỳ người công dân Pháp nào cũng có thể bị bắt.

"*Điều 4.* Không một ai có thể bị xét xử một cách nào khác ngoài sự xét xử của các thẩm phán được giao làm nhiệm vụ đó. Cấm không được thành lập các tòa án đặc biệt dưới bất kỳ tên gọi nào và với bất kỳ lý do nào".

Chúng ta đã biết, khi có "tình trạng giới nghiêm", các tòa án quân sự lấn át tất cả các tòa án khác. Ngoài ra, năm 1848 Quốc hội đã thành lập "tòa án đặc biệt" với tên gọi "Tòa án tối cao" để xử một phần chính trị phạm, còn sau cuộc khởi nghĩa tháng Sáu thì Quốc hội đã đày 15000 người khởi nghĩa đi các thuộc địa mà hoàn toàn không xét xử gì hết.

"*Điều 5.* Bãi bỏ án tử hình đối với các tội phạm chính trị".

Nhưng người ta đưa các chính trị phạm tới những vùng có bệnh sốt, tại đó họ chịu cái án tử hình, có điều chậm hơn chút ít và đau đớn hơn rất nhiều.

"*Điều 8.* Các công dân có quyền tập hợp trong các hiệp hội, tổ chức các cuộc hội họp hòa bình và không vũ trang, đệ đơn thỉnh cầu và phát biểu ý kiến của mình trên báo chí và bằng bất kỳ cách nào khác. Việc sử dụng những quyền này không có những sự hạn chế nào khác ngoài việc đảm bảo các quyền bình đẳng của các công dân khác và giữ gìn an ninh xã hội".

Những điều hạn chế vì lý do "an ninh xã hội" làm cho hoàn toàn không thể sử dụng được những quyền nói trên, điều này có thể thấy rất rõ ràng qua các sự việc sau đây:

1. *Tự do báo chí.* - Các đạo luật ngày 11 tháng Tám 1848 và ngày 27 tháng Bảy 1849 chẳng những đã phục hồi yêu cầu các báo phải có tiền ký quỹ, mà còn phục hồi và quy định khắc nghiệt hơn nữa tất cả những điều hạn chế mà hoàng đế Na-pô-lê-ông và chính quyền sau đó đã quy định thêm.

Đạo luật ngày 23 tháng Bảy 1850 *đã tăng thêm* tổng số tiền ký quỹ và mở rộng hiệu lực của đạo luật có liên quan tới tất cả các báo hàng tuần, cả tạp chí và các xuất bản phẩm định kỳ khác, v.v.[319]. Ngoài ra, đạo luật này yêu cầu mỗi bài báo phải có ghi tên tác giả, và lại áp dụng chế độ các báo phải nộp *thuế tem*.

Không dừng lại ở đó, đạo luật còn đánh thuế tem đối với các tiểu thuyết đăng trên các báo, các tác phẩm văn học thuần túy được ấn hành; đạo luật dọa phạt rất nặng những trường hợp không chấp hành tất cả những điều nói trên. Sau khi ban hành đạo luật nói trên, báo chí cách mạng hoàn toàn biến mất. Nó đã đấu tranh lâu dài chống lại những sự đàn áp đó: mỗi tuần lại có một tờ báo hay một tập sách nào đó bị truy tố trước tòa án, bị phạt vạ, bị cấm. Ngồi họp tại tòa án bồi thẩm, giai cấp tư sản đã thủ tiêu báo chí công nhân.

Hệ thống này đã đạt tới đỉnh cao nhất của nó trong đạo luật ngày 30 tháng Bảy 1850 phục hồi chế độ kiểm duyệt đối với các tác phẩm sân khấu. Thế là quyền tự do ngôn luận đã bị tống cổ ra khỏi nơi cư trú văn học cuối cùng của nó.

2. ***Quyền lập hội và hội họp công cộng.*** - Với sắc lệnh ngày 28 tháng Bảy - ngày 2 tháng Tám 1848 tất cả các câu lạc bộ phải chịu nhiều điều hạn chế của cảnh sát, hầu như triệt tiêu hết mọi quyền tự do. Chẳng hạn, như các câu lạc bộ không được quyền ra những nghị quyết mang tính chất lập pháp, v.v.. Cũng với sắc lệnh này tất cả những tổ chức *phi* chính trị và những cuộc họp *cá nhân* bị hoàn toàn đặt dưới sự bảo hộ của cảnh sát và cảnh sát muốn làm gì thì làm.

Với đạo luật ngày 19 - 22 tháng Sáu 1849 chính phủ có quyền đóng cửa trong một năm tất cả các câu lạc bộ và cấm các cuộc hội họp không được chính phủ tán thành. Với đạo luật ngày 6 - 12 tháng Sáu 1850 quyền này được dành cho chính phủ thêm một năm nữa và thực tế được áp dụng cả với những cuộc họp và mít-tinh có liên quan tới các cuộc bầu cử vào nghị viện có thể bất lợi cho chính phủ. Kết quả là từ tháng Bảy 1848 tất cả các câu lạc bộ và các cuộc hội họp thực tế đã ngừng hoạt động, trừ cercles[1*] của phái bảo hoàng và phái Bô-na-pác-tơ.

Với đạo luật ngày 29 tháng Mười một 1849 tất cả các công

1*- các câu lạc bộ

nhân đoàn kết lại để đòi tăng lương đều bị cấm tù một thời hạn tới ba tháng và bị phạt tiền tới 3000 phrăng. Cùng với đạo luật này, những công nhân hết thời hạn trừng phạt vẫn bị cảnh sát *theo dõi* 5 năm (như vậy có nghĩa là bị nghèo khổ, phá sản và bị truy nã).

Quyền lập hội và hội họp công cộng ở trong tình trạng như vậy đấy.

"*Điều 9.* Quyền tự do giảng dạy. Quyền tự do giảng dạy có thể được sử dụng theo những điều kiện do luật pháp quy định và dưới sự giám sát của nhà nước".

Ở đây lại lập lại trò ảo thuật cũ. "Tự do giảng dạy" như "theo những điều kiện do luật pháp quy định", mà những điều kiện này lại chính là theo kiểu hoàn toàn thủ tiêu quyền tự do này.

Với đạo luật ngày 15 tháng Ba 1850, toàn bộ hệ thống giáo dục bị đặt dưới sự kiểm soát của giới thầy tu.

Đứng đầu ngành là một hội đồng giáo dục quốc dân tối cao dưới quyền chủ tọa của bốn đại giáo chủ Pháp. Đạo luật này buộc tất cả các giáo viên trường phổ thông ở các tỉnh, mặc dù họ cũng được các hội đồng xã thôn hoặc hội đồng giáo khu tuyển lựa, đều phải phục tùng recteurs, tức là các vị bảo trợ. Các giáo viên bị đặt vào những điều kiện giống như nguyên tắc phục tùng và kỷ luật trong quân đội, và phải phục tùng các vị bảo trợ, các thị trưởng thành phố và các cha cố; như vậy, tự do giảng dạy, chiếu theo đạo luật nêu trên, rút cục lại là không một ai có quyền giảng dạy nếu không được các nhà đương cục dân sự và nhà thờ cho phép.

"*Điều 11.* Quyền sở hữu là bất khả xâm phạm".

"*Điều 14.* Nợ nhà nước được đảm bảo".

"*Điều 15.* Thuế chỉ thu để dùng cho các nhu cầu xã hội. Mỗi công dân phải đóng thuế tỷ lệ với tài sản và các khả năng của người đó".

CHƯƠNG III. CÁC CƠ QUAN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

Chương này quy định rằng:

"1. Toàn bộ chính quyền nhà nước xuất phát từ nhân dân mà ra và không thể trở thành cha truyền con nối".

"2. Việc phân chia quyền lực là điều kiện cơ bản của một chính phủ tự do".

Ở đây chúng ta bắt gặp chứng dẫn độn lập hiến cũ. Điều kiện của "một chính phủ tự do" không phải là *phân chia* các quyền lực, mà là *thống nhất* quyền lực. Bộ máy nhà nước không thể quá giản đơn. Sự khôn khéo của những kẻ bịp bợm bao giờ cũng chính là ở chỗ làm cho bộ máy này thật phức tạp và bí hiểm.

CHƯƠNG IV. QUYỀN LẬP PHÁP

Quyền lập pháp do một mình nghị viện gồm 750 nghị viên, kể cả các nghị viên của An-giê-ri và các thuộc địa, thực hiện. Hội nghị được triệu tập với mục đích sửa đổi hiến pháp phải có 900 đại biểu. Hệ thống bầu cử dựa trên số lượng dân cư. Tiếp theo là bốn điều mà chúng tôi thấy cần nêu lại đầy đủ.

"*Điều 24.* Quyền bầu cử là trực tiếp và phổ thông, bỏ phiếu kín".

"*Điều 25.* Tất cả mọi người Pháp đủ 21 tuổi và không bị tước các quyền chính trị và quyền công dân đều là cử tri mà không bị một sự hạn chế nào về tư cách bầu cử".

"*Điều 26.* Tất cả cử tri đủ 25 tuổi đều có thể - không hạn chế về điều kiện cư trú - được bầu làm nghị viên".

"*Điều 27.* Đạo luật tuyển cử quy định những lý do mà dựa vào đó có thể truất quyền đi bầu và được bầu của một công dân Pháp".

Những điều dẫn ra ở trên được phát biểu chính xác cũng với tinh thần như tất cả những điều khác trong bản hiến pháp. "Tất cả mọi người Pháp đều là cử tri được sử dụng các quyền chính trị của mình", nhưng "đạo luật tuyển cử" cần quy định những người Pháp nào *không* được sử dụng các quyền chính trị của họ!

Đạo luật tuyển cử ngày 15 tháng Ba 1849 liệt vào loại này tất cả những người phạm tội, trừ chính trị phạm. Còn đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm 1850 xếp vào loại này chẳng những các chính trị phạm, chẳng những tất cả những ai bị coi là can tội xúc phạm tới công luận đã thành nếp từ lâu và các đạo luật về báo chí, mà thực tế nó quy định điều kiện cư trú, theo đó hai phần ba người Pháp không được phép bỏ phiếu!

"Quyền bầu cử là trực tiếp và phổ thông" ở Pháp có nghĩa như vậy đó!

"*Điều 28.* Những người lĩnh lương vì phục vụ trong cơ quan nhà nước không thể đồng thời là đại biểu của nhân dân. Các nghị viên không thể giữ bất kỳ chức vụ được

THE CONSTITUTIONS OF EUROPE,

COMPILED FROM ORIGINAL SOURCES; WITH THE ASSISTANCE OF LEADING CONTINENTAL DEMOCRATS

No. I. THE CONSTITUTION OF THE FRENCH REPUBLIC ADOPTED NOVEMBER 4, 1848

A rhetorical preamble introduces the Constitution, in which the following passages deserve notice:

1. France declares itself a republic. 2. The French republic is democratic, one and indivisible. 3. Its principles are Liberty, Equality, Fraternity, and its foundations are Family, Labour, Property, and Public Order. 5. It respects the independence of other nations, and will make its own respected also. It will undertake no aggressive war, and will never employ its force against the liberty of any people. [*Hems!*]

Before the Insurrection of June, the National Assembly had drawn up a constitution, which contained among many other recognitions of the rights and duties of man, the following articles.

Art. 6. The right to education is the right possessed by all citizens to the means for the full development of their physical, moral, and intellectual faculties, by a gratuitous education at the hands of the state.

Art. 7. The right of labour is the right of every member of society to live by labour. Therefore it is the duty of society to supply with work all able bodied persons who cannot otherwise obtain it.

Art. 9. *The Right to support* is the right of the orphan, the infirm and the aged to be maintained by the state.

After the victories of June 1848 had given courage to the middle-class, they erased these three articles from

THE CONSTITUTION,

which now stands as follows:—

"CAP. I. Sovereign power rests in the entirety of French citizens. It is inalienable and eternal. No individual, no fraction of the people has the right to its exercise."

"CAP. II. RIGHTS GUARANTEED BY THE CONSTITUTION: - No one can be arrested or imprisoned, except as prescribed by the laws.

"§ 3. The residence of every one on French territory is inviolable—and it is not allowed to enter it otherwise than in the forms prescribed by law."

Observe here and throughout that the French constitution guarantees liberty, but always with the proviso *of exceptions made by law*, as which may even be made! and all the exceptions made by the Emperor Napoleon, by the restoration, and by Louis Philippe, have not only been retained, but, after the June-Revolution, immeasurably multiplied. Thus, for instance, the law of the 9th August 1849, relative to the State of Siege, which the Assembly, and during its prorogation, the President can enact, and which gives to the military authorities the right of bringing all political offenders before a court-martial. It further grants them the power to enter and search any house by day or night, to seize all arms, and to remove all persons not having a domicile in the place declared under a state of siege.

As to *strangers*, the only "right" they enjoy on French soil, is to be arrested and driven out of it, as often as the police authorities think proper.

As to *Frenchmen*, any French citizen can be arrested, if a *single fourthrate* lawman his mandate to that effect.

"§ 4. No one can be judged by others than his natural judges. Exceptional tribunals can be formed under no denomination or pretext."

We have already seen that, under "the state of siege," a military tribunal supersedes all others. Besides this, the Assembly established an "exceptional tribunal," called the "High Court," in 1849 for a portion of the political offenders, and, after the insurrection in June, transported 15,000 insurgents without any trial at all:

"§ 5. Capital punishment for political offences is annulled."

But they transport to fever-stricken settlements, where they are executed, only a little more slowly, and far more painfully.

"§ 8. Citizens have a right to assemble, to meet peacefully and unarmed, to petition, and express their opinions through the press and elsewhere. The enjoyment of these rights has no other limit, than the equal rights of others, and the public safety."

That the limitation made by the "public safety," takes away the enjoyment of the right altogether, is clearly shown by the following facts:—

1. *The liberty of the Press.*—By the laws of August 11, 1848, and of July 27, 1849, not only securities for newspapers were reimposed, but all the restrictions made by the Emperor Napoleon, and since, were renewed and made more stringent.

The law of July 23, 1850, secures the security-

Trang đầu bài viết của C. Mác
"Hiến pháp của nước Cộng hòa Pháp",
đăng trên tờ "Notes to the People"

trả lương nào phụ thuộc vào cơ quan hành pháp trong suốt thời gian họ hoạt động trong ngành luật pháp".

Hai điều này bị hạn chế bởi các quyết định tiếp theo và thực tế hầu như bị xóa bỏ.

"*Điều 30.* Các cuộc bầu cử được tiến hành theo các tỉnh, tại điểm dân cư chủ yếu của khu vực bầu cử, thông qua bỏ phiếu bằng danh sách".

"*Điều 31.* Quốc hội được bầu ra với nhiệm kỳ ba năm, hết nhiệm kỳ đó phải tiến hành cuộc bầu cử mới".

"*Điều 32.* Quốc hội họp liên tục, nhưng Quốc hội có quyền tạm ngừng các phiên họp của Quốc hội, bổ nhiệm trong những trường hợp đó một uỷ ban thay mặt Quốc hội gồm 25 nghị sĩ và các uỷ viên ban thường vụ Quốc hội. Uỷ ban này được quyền triệu tập Quốc hội trong những trường hợp khẩn cấp".

Các điều 33 - 38. Các đại biểu Quốc hội có thể được bầu lại. Họ không thể bị ràng buộc bởi những chỉ thị giao trước nào, họ là bất khả xâm phạm và vừa không bị truy tố vừa không phải chịu trách nhiệm về những ý kiến mà họ có thể phát biểu ở Quốc hội, họ nhận số lương mà họ ***không được phép*** từ chối.

Còn về "quyền bất khả xâm phạm của đại biểu Quốc hội" và "tự do bày tỏ ý kiến của mình" của đại biểu Quốc hội thì sau ngày 13 tháng Sáu đa số Quốc hội đã phê chuẩn một quy tắc mới cho phép chủ tịch Quốc hội có quyền ***khiển trách*** một đại biểu, phạt vạ ông ta, cắt lương ông ta và tạm thời ***loại trừ ông ta*** ra khỏi những phiên họp, - qua đó hoàn toàn thủ tiêu "tự do ngôn luận". Năm 1850 Quốc hội đã phê chuẩn một đạo luật, theo đó một đại biểu Quốc hội có thể bị bắt vì nợ nần thậm chí ngay trong thời gian của khóa nhiệm kỳ Quốc hội và bị mất quyền đại biểu nhân dân nếu như trong một thời gian nhất định không trả nợ.

Vậy là, cả quyền tự do thảo luận, cả quyền bất khả xâm phạm của đại biểu quốc hội ở Pháp đều không có, chỉ có quyền bất khả xâm phạm của các chủ nợ thôi.

Các điều 39 - 42. "Các phiên họp của Quốc hội phải công khai. Tuy vậy, theo yêu cầu của một số đại biểu nhất định, Quốc hội có thể tuyên bố mình là một uỷ ban kín. Muốn cho một quyết

nghị của Quốc hội có hiệu lực pháp lý, nó phải thu được nhiều hơn một nửa tổng số đại biểu Quốc hội một phiếu. Trừ những trường hợp khẩn cấp, một đạo luật chưa được tuyên đọc ba lần, với khoảng cách giữa mỗi lần là năm ngày, thì không thể được thông qua.

Các thủ tục mượn ở "hiến pháp" Anh này không được tôn trọng ở Pháp trong một trường hợp quan trọng nào, thậm chí cả khi lẽ ra có thể coi điều này là tối cần thiết. Chẳng hạn, như đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm đã được thông qua ngay sau khi tuyên đọc một lần.

CHƯƠNG V. QUYỀN HÀNH PHÁP

Các điều 43 - 44. Quyền hành pháp được trao cho tổng thống. Tổng thống phải là người Pháp chính cống, không dưới ba mươi tuổi, chưa bao giờ bị mất quốc tịch Pháp của mình.

Vị tổng thống đầu tiên của nước Cộng hòa Pháp, L. N. Bô-na-pác-tơ, chẳng những đã mất quốc tịch Pháp, chẳng những một thời đã từng làm cảnh sát đặc biệt của Anh mà thậm chí còn nhập quốc tịch Thụy Sĩ.

Các điều 45 - 70. Tổng thống nước cộng hòa được bầu ra với nhiệm kỳ bốn năm và có thể được bầu lại ít nhất là sau bốn năm sau khi chấm dứt nhiệm kỳ tổng thống. Chính điều hạn chế này cũng có hiệu lực đối với cả những bà con thân thích của tổng thống kể trong sáu thế hệ. Cuộc bầu cử phải được tổ chức vào ngày chủ nhật thứ hai trong tháng Năm. Cho dù tổng thống có được bầu ra vào một thời gian nào khác thì nhiệm kỳ tổng thống của ông ta cũng chấm dứt vào ngày chủ nhật thứ hai trong tháng Năm của năm thứ tư kể từ năm ông ta trúng cử. Tổng thống được bầu bằng cách bỏ phiếu kín với đa số phiếu *tuyệt đối*. Nếu không một ứng cử viên nào thu được một nửa số phiếu bầu, hay ít ra là hai triệu phiếu, thì Quốc hội sẽ bầu ra tổng thống trong số năm ứng cử viên thu được nhiều phiếu nhất.

Tổng thống phải tuyên thệ trung thành với hiến pháp, tổng thống có thể thông qua các vị bộ trưởng của mình để trình những

đề nghị lên Quốc hội xét duyệt, có thể ra lệnh cho quân đội nhưng không đích thân chỉ huy quân đội; tổng thống không có quyền đem nhượng một phần lãnh thổ Pháp nào, không được giải tán hay tạm đình các phiên họp của Quốc hội, cũng không được đình chỉ hiệu lực của hiến pháp. Tổng thống tiến hành các cuộc đàm phán và phê chuẩn tất cả các hiệp ước, tuy nhiên, các hiệp ước này chỉ có hiệu lực bắt buộc sau khi được Quốc hội phê chuẩn. Tổng thống không có quyền tiến hành chiến tranh nếu không được Quốc hội chấp thuận, tổng thống có quyền ân xá, nhưng không có quyền ra lệnh ân xá. Những tội phạm bị Tòa án tối cao kết án chỉ có thể do Quốc hội ân xá mà thôi. Tổng thống có thể hoãn việc ban bố một đạo luật và yêu cầu Quốc hội thảo luận lại đạo luật đó, nhưng trong trường hợp này đây là cán thảo luận cuối cùng. Tổng thống bổ nhiệm các đại sứ và các bộ trưởng và có thể bãi chức trong ba tháng các thị trưởng, các uỷ viên hội đồng tỉnh, các sĩ quan cận vệ quốc gia và các quan chức khác do công dân bầu ra. Tất cả các sắc lệnh của tổng thống phải có chữ ký của các bộ trưởng, trừ các sắc lệnh bãi chức chính các bộ trưởng. Tổng thống, các bộ trưởng và các quan chức nhà nước, mỗi người theo lĩnh vực của mình, phải chịu trách nhiệm về mọi hành động của chính phủ. Mỗi hành động của tổng thống có thể gây áp lực đối với Quốc hội và ngăn trở hay phá hoại việc Quốc hội thi hành đúng đắn các chức trách của mình, đều bị xem như một hành vi phản bội quốc gia. Trong trường hợp ấy, tổng thống lập tức bị mất quyền hành, việc không tuân thủ các mệnh lệnh của tổng thống trở thành bổn phận của mỗi công dân, các quyền hành giao phó cho tổng thống lập tức được chuyển sang cho Quốc hội, và các uỷ viên Tòa án tối cao phải ngay lập tức họp lại và triệu tập các bồi thẩm tại một địa điểm thích hợp để xét xử tổng thống và các tòng phạm với ông ta.

Tổng thống được sử dụng một dinh thự chính thức và nhận số lương hàng năm là 600000 phrăng, hay 24000 pao xtéc-linh (hiện nay ông ta lĩnh 2160000 phrăng, hay 86400 pao xtéc-linh). Các bộ trưởng ex officio[1*] được dự họp với Quốc hội và có thể

1*- tùy theo chức vụ

phát biểu bao nhiêu lần tùy họ thấy cần. Quốc hội bầu ra phó tổng thống nước cộng hòa trong số ba ứng cử viên mà tổng thống nêu ra trong vòng một tháng sau khi ông ta trúng cử. Phó tổng thống cũng tuyên thệ như tổng thống, ông ta không được có họ hàng với tổng thống, ông ta được thực hiện quyền tổng thống khi tổng thống bị mất khả năng thi hành chức trách, và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quốc gia. Nếu như ghế tổng thống khuyết đi vì tổng thống chết hay vì những nguyên nhân nào khác thì trong vòng một tháng phải tổ chức bầu cử tổng thống mới.

CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUỐC GIA

Các điều 71 - 75. Hội đồng quốc gia là một cơ quan chỉ hoàn toàn có tính cách tư vấn để thảo luận những dề nghị mà nội các phải dệ trình và những đề nghị mà Quốc hội có thể đưa sang.

CHƯƠNG VII. CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NỘI VỤ

Chương này nói về các quan chức[1*], các viên chức cao cấp, các hội đồng xã thôn và hàng tỉnh. Điều khoản duy nhất nổi bật ở tính chất nhất quán và được vận dụng trong những phạm vi có thể tới mức tối đa, là:

"*Điều 80.* Các tổng hội đồng, các hội đồng bang và các hội đồng xã thôn có thể bị tổng thống giải tán nếu được Hội đồng quốc gia đồng ý".

CHƯƠNG VIII. QUYỀN TƯ PHÁP

Chương này nói đúng ra chỉ sao chép lại các đạo luật của hoàng đế Na-pô-lê-ông mà thôi. Tuy vậy, đáng chú ý những điều bổ sung sau đây:

"*Điều 81.* Việc tố tụng không phải trả tiền, thay mặt nhân dân Pháp".

Điều này không phù hợp với thực tế đến nỗi thậm chí không ai bị mất đầu mà lại không phải trả tiền!

Các điều 91 - 100 nói đến Tòa án tối cao: nó được giao đặc

1* Trong "Notes to the People" in nhầm: "clergy" - "giới tăng lữ"; đĩ nhiên phải đọc là "clerks" - "các quan chức".

quyền xét xử tổng thống; nó còn xét xử các bộ trưởng và tất cả các chính trị phạm mà Quốc hội thấy nên chuyển cho nó xét xử.

"Tòa án tối cao" này gồm năm thẩm phán do Tòa phúc thẩm (Tòa án tối cao ở Pháp) lựa chọn trong số quan chức của nó và 36 vị bồi thẩm được tuyển lựa trong thành phần các tổng hội đồng thuộc các tỉnh, và là một cơ quan đặc quý tộc. Những người duy nhất mà tòa án này đã từng xét xử kể từ trước đến nay là những người bị kết tội trong vụ án ngày 15 tháng Năm 1848 (trước mắt chúng ta hiện ra tên tuổi của Bác-be, Blăng-ki và những người khác) và các đại biểu Quốc hội can dự vào các sự kiện ngày 13 tháng Sáu 1849.

Theo đạo luật ngày 7 tháng Tám 1848, tất cả những người không biết đọc biết viết, tức là hai phần ba số dân thành niên, bị gạt ra khỏi danh sách bồi thẩm!

CHƯƠNG IX. CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

Toàn bộ bộ luật quân sự cũ được giữ nguyên không thay đổi. Các tội lỗi của binh sĩ không do các tòa án dân sự xét xử. Điều sau đây đặc trưng cho tinh thần của bản hiến pháp này.

"*Điều 102.* Mỗi người Pháp đều có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự và phục vụ trong đội cận vệ quốc gia, trừ những trường hợp do pháp luật quy định".

Mỗi công dân có tiền đều có thể được miễn bổn phận nghĩa vụ quân sự.

Giai cấp công nhân hoàn toàn bị loại ra khỏi hàng ngũ đội cận vệ quốc gia trên cơ sở một đạo luật đang được thảo luận lúc này mà lần tuyên đọc thứ hai đã kết thúc! Hơn nữa, tổng thống có quyền giải tán trong một năm các đội cận vệ quốc gia ở bất kỳ địa phương nào, và thực tế đội cận vệ quốc gia đã bị giải tán trên một nửa lãnh thổ Pháp!

CHƯƠNG X. CÁC ĐẠO LUẬT ĐẶC BIỆT

Điều 110. "Quốc hội giao phó bản hiến pháp cho tinh thần cảnh giác và tinh thần yêu nước của toàn dân" và giao phó nhân dân "cảnh giác" và "yêu nước" cho lòng khoan dung và lòng nhân từ của Tòa án tối cao! - *Ngày 13 tháng Sáu!*

CHƯƠNG XI. SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP

"*Điều 111*. Nếu như khi kết thúc khóa nhiệm kỳ của mình, Quốc hội tỏ ý tán thành sửa đổi toàn bộ hay từng phần hiến pháp thì việc sửa đổi được tiến hành theo cách sau:

Ý nguyện mà Quốc hội bày tỏ chỉ có thể trở thành pháp luật sau ba lần thảo luận với khoảng cách sau mỗi lần thảo luận là một tháng, thêm vào đó để thông qua quyết nghị cần có ba phần tư số phiếu, mà số người biểu quyết không được dưới 500. Quốc hội được triệu tập để sửa đổi hiến pháp, được bầu ra với thời hạn chỉ có ba tháng và, trừ những trường hợp đặc biệt quan trọng, Quốc hội đó không được giải quyết những vấn đề nào khác".

"Hiến pháp nước Cộng hòa Pháp" như vậy đó và phương thức vận dụng nó như vậy đó. Bạn đọc sẽ thấy ngay rằng văn kiện này từ đầu chí cuối là một tập hợp những từ đẹp đẽ che giấu những ý định rất phản phúc. Chính các lời văn diễn đạt của hiến pháp đã có tính cách làm cho *không thể* có sự vi phạm hiến pháp, bởi vì mỗi điều khoản đều mang trong mình nó sự đối lập với nó và hoàn toàn triệt tiêu bản thân nó. Thí dụ: "đầu phiếu trực tiếp và phổ thông" - "*trừ* những trường hợp mà *pháp luật* sẽ quy định".

Bởi vậy không thể nói rằng đạo luật ngày 31 tháng Năm 1850 (tước bỏ quyền bầu cử của hai phần ba số dân) nói chung là vi phạm hiến pháp.

Trong bản hiến pháp luôn luôn lập đi lập lại một điểm nói rằng việc điều chỉnh và hạn chế các quyền hạn và các quyền tự do của nhân dân (chẳng hạn như quyền lập hội, quyền bầu cử, tự do báo chí, tự do giảng dạy, v.v.) sẽ được *các đạo luật hữu cơ* sau đây quy định, - mà "những đạo luật hữu cơ" này "quy định" quyền tự do đã hứa hẹn theo cách là thủ tiêu quyền tự do đó. Cái thủ đoạn khôn khéo này mà giai cấp tư sản Áo và Phổ mượn ở các khuôn mẫu của mình ở Pháp, là ở chỗ cứ việc ban bố tự do hoàn toàn, tuyên cáo các nguyên tắc đẹp đẽ nhất, còn những vấn đề có liên quan đến việc áp dụng, *những chi tiết*, thì để lại cho những đạo luật sau đó giải quyết; hiện tượng này cũng có cả

ở bản hiến pháp Pháp năm 1830 và trong các bản hiến pháp được thông qua trước nó.

Hỡi nhân dân! Hãy có ý kiến của mình về *các chi tiết*[320], chứ không chỉ về các nguyên tắc, trước khi các người lên nắm chính quyền. Cuộc đấu tranh ở nghị viện Anh chính là xoay quanh vấn đề này!

Những điều duy nhất có tính chất vô điều kiện và rõ ràng dứt khoát trong toàn bộ bản hiến pháp là những điều nói về bầu cử tổng thống (điều 45) và về sửa đổi hiến pháp (điều 111). Đó là những điều duy nhất *có thể* có sự vi phạm, vì rằng chỉ có những điều đó mới không mang trong bản thân chúng những mâu thuẫn nào cả.

Những điều này được Quốc hội lập hiến năm 1848 đưa ra nhằm trực tiếp chống lại Bô-na-pác-tơ lúc đó đang dùng mọi mánh khóe để giành chức tổng thống, khiến cho các nghị sĩ lo sợ.

Những mâu thuẫn luôn luôn xuất hiện trong bản hiến pháp đầy giả dối đó đủ cho thấy rằng giai cấp tư sản có thể dân chủ trên *lời nói*, nhưng không muốn dân chủ trong *việc làm*, rằng nó công nhận tính chất đúng đắn của nguyên tắc, nhưng không bao giờ thực hiện nguyên tắc đó trên thực tiễn và cần phải đi tìm bản "hiến pháp" thực của Pháp không phải ở trong cái văn kiện chúng ta đã trình bày, mà là ở trong các *đạo luật hữu cơ* được phê chuẩn trên cơ sở hiến pháp đó mà chúng tôi vừa điểm qua vắn tắt với bạn đọc. Trong bản hiến pháp này đã bao hàm *những nguyên tắc*, - còn *các chi tiết* được gác lại cho tương lai, mà trong những chi tiết này chế độ bạo chúa vô liêm sỉ lại được phục hồi!

Sự chuyên chế ở Pháp đã đi tới chỗ hoành hành đến mức nào, điều này được tỏ rõ ở những điều hạn chế áp dụng đối với công nhân như sau.

Mỗi công nhân được cảnh sát phát cho một cuốn sổ, ở trang đầu có ghi họ tên, tuổi anh ta, nơi sinh, nghề nghiệp hay việc làm và những đặc điểm nhận dạng của anh ta. Anh ta có bổn phận điền vào cuốn sổ này họ tên người chủ mà anh ta làm công

và những nguyên nhân khiến anh ta bỏ chủ ra đi. Nhưng thế vẫn chưa hết: cuốn sổ được nộp cho người chủ, người chủ lại chuyển giao cuốn sổ ấy đến cơ quan cảnh sát khu vực cùng với những lời nhận xét của ông ta về anh công nhân đó. Khi người công nhân bỏ một chỗ làm, anh ta phải đến nhận ở sở cảnh sát cuốn sổ của anh ta mà nếu không xuất trình nó, anh ta không thể vào làm ở một chỗ khác. Như vậy, sự sống còn của người công nhân hoàn toàn phụ thuộc vào cảnh sát. Nhưng thế cũng lại vẫn chưa hết: cuốn sổ này dùng làm cả giấy chứng minh. Nếu như cảnh sát coi anh công nhân đó là người nguy hiểm, nó sẽ ghi mấy chữ "bon pour retourner chez lui"[1*] vào cuốn sổ, và người công nhân phải trở về nơi sinh quán. Những điểm hạn chế đáng sợ này không cần phải bàn tới nữa! Xin để bạn đọc hãy tự hình dung cho thật đầy đủ tác động của chúng và đối theo tất cả những kết quả của chúng. Kể cả những người nông nô trong thời phong kiến, kể cả những dân cùng đinh Ấn Độ đều không thể đem sánh với công nhân Pháp. Và chẳng có gì đáng ngạc nhiên là công nhân Pháp nóng lòng chờ đợi giờ khởi nghĩa. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên là lòng phẫn nộ của họ mang tính chất đầy bão táp. Công nhân đã tỏ thái độ khoan dung vào năm 1830; họ cũng đã tỏ thái độ khoan dung vào năm 1848; nhưng từ ngày ấy tới nay quyền tự do của họ đã bị bán dần, máu của họ đã đổ thành sông, mỗi nhà tù ở Pháp chật ních những người tù chung thân, 15000 người nhất loạt bị đày đi các thuộc địa, còn bây giờ thì công nhân đang bị áp bức dưới cái chế độ chuyên chế khủng khiếp mà chúng tôi đã mô tả ở đây. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên là giai cấp tư sản sợ nhân dân và nó đang dốc hết những cố gắng cuối cùng của nó để mong trì hoãn giờ trả nợ máu được chút nào chăng. Nhưng trong hàng ngũ của bản thân nó không có sự thống nhất. Trong giới tư sản có quá nhiều kẻ tham vọng tranh giành nhau và đứng ở hàng đầu là

NHỮNG MƯU ĐỒ CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG.

Vấn đề lúc này là ở chỗ liệu nhiệm kỳ của tổng thống có được kéo dài hay không và liệu hiến pháp có bị sửa đổi hay không.

1* - "nên cho về quê quán"

Na-pô-lê-ông không thể được bầu lại lần nữa nếu không vi phạm trắng trợn hiến pháp, vì, thứ nhất là, ông ta chỉ có thể được bầu lại qua bốn năm sau khi chấm dứt nhiệm kỳ toàn quyền của ông ta và, thứ hai là, hiến pháp chỉ có thể được sửa đổi với đa số ba phần tư số nghị viên. Nhưng những kẻ chủ trương sửa đổi hiến pháp không có được cái đa số như vậy, do đó, việc trúng cử lần thứ hai của tổng thống trong khuôn khổ hiến pháp là không thể có được.

Bởi vậy trước mặt Na-pô-lê-ông là sự lựa chọn một trong những giải pháp trái nhau: hoặc tung ra lời thách thức với hiến pháp, dùng đến vũ khí và giải quyết vấn đề bằng đấu tranh, hoặc theo đúng pháp luật trút bỏ toàn quyền vào thời hạn đã quy định. Trong trường hợp sau, Ca-ve-nhắc sẽ lên làm tổng thống, và *nền cộng hòa tư sản* sẽ được hoàn thành. Còn trong trường hợp đầu triển vọng sẽ phức tạp hơn.

Chính vì lẽ đó, các mưu đồ của Na-pô-lê-ông hiện nay là nhằm lợi dụng sự bất bình của nhân dân. Na-pô-lê-ông thù địch giai cấp tư sản - nhân dân hiểu điều này, và đó là nhân tố liên kết họ với nhau. Tuy nhiên, cũng như giai cấp tư sản, Na-pô-lê-ông là đối tượng của lòng căm thù mà nhân dân mang nặng đối với kẻ áp bức; nếu như ông ta có thể trút bỏ được gánh nặng này và chuyển nó hoàn toàn sang vai giai cấp tư sản thì một trở ngại lớn sẽ được loại trừ.

Chính đây là điều ông ta cố thực hiện, như ta có thể thấy qua lời phát biểu mới đây của ông ta ở Đi-giông, tại đây ông ta tuyên bố:

"Tất cả những đạo luật xấu đều do Quốc hội thông qua, và tất cả những đạo luật tốt mà tôi đưa ra thì Quốc hội hoặc đã bác bỏ, hoặc đã làm hỏng đi vì những điều sửa đổi của mình. Quốc hội đã chống lại tất cả những mưu đồ của tôi nhằm cải thiện tình hình của quý vị và gây trở ngại cho những biện pháp của tôi ở những nơi không hề có trở ngại".

Như vậy, ông ta cố gạt ngọn dòn ra khỏi ông ta, hướng cho nó nhằm vào Quốc hội. Trong khi ấy quần đội kỳ thật ủng hộ ông ta hơn là ủng hộ Quốc hội, còn tình cảnh nghèo khổ của

nhân dân thì trầm trọng đến nỗi hầu như mọi sự đổi thay nào cũng sẽ được đa số đón nhận như một sự đổi thay tốt lên, vì những phần tử giác ngộ chỉ là thiểu số.

Như vậy, nếu như giai cấp tư sản do thấy quyết tâm của Na-pô-lê-ông mà cả gan đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Ca-ve-nhắc thì nhân dân, tất nhiên, sẽ chống lại nó, và Bô-na-pác-tơ sẽ đứng về phía nhân dân. Liên kết với nhau, họ có thể sẽ mạnh hơn Quốc hội. Nhưng khi ấy thời điểm nguy ngập sẽ tới; thấy nhân dân có thể thắng lợi, Quốc hội sẽ thà chọn cái họa nhỏ hơn trong số hai cái họa. Nó sẽ ưng chọn nền đế chế hay nền độc tài của Na-pô-lê-ông hơn là chế độ cộng hòa dân chủ và xã hội và vì thế nó sẽ đi thỏa thuận với tổng thống. Sợ quyền thống trị của lực lượng dân chủ không kém gì bản thân Quốc hội, tổng thống sẽ đón nhận sự viện trợ của Quốc hội. Dẫu sao chăng nữa, quân đội, hay một bộ phận quân đội, được nỗi nguy hiểm và "vinh quang" mà cuộc chiến đấu hứa hẹn kích động, sẽ còn gắn bó chặt chẽ hơn với Na-pô-lê-ông; cuộc đấu tranh sẽ có một vẻ khác, đó sẽ là cuộc đấu tranh của quân đội và giai cấp tư sản chống lại nhân dân. Kết cục sẽ phụ thuộc vào lòng dũng cảm, sự giác ngộ và tinh thần đoàn kết của nhân dân. Ý đồ của Na-pô-lê-ông là ở chỗ lúc đầu lợi dụng nhân dân để chống lại giai cấp tư sản, sau đấy lợi dụng giai cấp tư sản để chống lại nhân dân và sau hết là lợi dụng quân đội để chống lại cả hai.

Tương lai dấy những sự kiện to lớn, và tình hình nước Pháp hiện nay là một trong những đối tượng nghiên cứu lý thú nhất mà lịch sử đặt ra.

Do C.Mác viết vào nửa đầu tháng Sáu 1851
Đã đăng trên tạp chí "Notes to the People" số 7, ngày 14 tháng Sáu 1851

In theo bản đăng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

PHỤ LỤC

LỜI KÊU GỌI TRỢ GIÚP NHỮNG NHÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ ĐỨC LƯU VONG

Giờ đây, khi mà ở Đức "trật tự và bình yên" lại ngự trị trong cảnh trấn áp quân sự điên cuồng man rợ; khi mà trên những thành phố đổ nát còn nghi ngút khói "tính bất khả xâm phạm của quyền sở hữu và cá nhân" lại được phục hồi trong tiếng gầm rít gieo chết chóc của đại bác; khi mà các tòa án quân sự gấp lắm mới kịp liên tiếp gửi xuống mồ những "kẻ làm loạn" với cái đầu bị bắn thủng; khi mà các nhà tù đã không còn khả năng nhét tất cả "những kẻ phản bội quốc gia" và thứ luật pháp duy nhất hãy còn tồn tại là luật pháp của các tòa án binh - dã chiến, - thì hàng nghìn hàng vạn người Đức đang lang thang nơi đất khách quê người không chốn nương thân.

Số người này ngày một đông thêm, và cùng với họ là cả những tai họa của những con người bị mất tổ quốc ấy cũng ngày một tăng thêm; bị xua đuổi hết nơi này đến nơi khác, sáng ra họ không biết tối nay sẽ tìm được chỗ ngủ ở đâu, còn tối đến thì không biết sẽ kiếm đâu ra mẩu bánh mì cho bữa sáng mai.

Vô số người lưu vong đang đông nghịt các thành phố ở Thụy Sĩ, Pháp và Anh. Từ khắp mọi ngả nước Đức những con người bất hạnh đang đổ về đây. Người thì đã từng chiến đấu trên các chiến lũy thành Viên chống lại liên đoàn đen - vàng và đánh nhau với các đội kỵ binh của I-ê-la-sích, kẻ thì trốn khỏi Phổ để tránh bè lũ quân phiệt Vran-ghen và Bran-đen-buốc, người thì đã từng cầm súng trong tay bảo vệ hiến pháp đế chế ở Đrc-xđen, kẻ thì chiến đấu ở Ba-đen trong hàng ngũ quân đội cộng hòa chống lại bọn vua chúa liên kết với nhau trong cuộc thập tự chinh, - bất

kể anh ta là ai, đi theo phái tự do hay dân chủ, cộng hòa hay xã hội chủ nghĩa, - tất cả những người đó, những người ủng hộ các học thuyết và các quyền lợi chính trị rất khác nhau, giờ đây đều gắn bó với nhau bởi số phận chung: bị trục xuất và nghèo khổ.

Một nửa dân tộc trong cảnh rách rưới chìa tay xin bố thí ở cửa nhà người.

Cả ở Luân Đôn, những đồng bào lưu vong của chúng ta cũng đang đi tìm nơi nương thân trên đường phố lạnh lẽo của thủ đô thế giới hoa lệ. Mỗi chuyến tàu vượt qua eo biển lại đưa tới từ bên kia biển những đoàn người mới, bị mất tổ quốc; trên khắp đường phố Luân Đôn vang lên những lời kêu than của những kẻ đi đày bằng tiếng mẹ đẻ của chúng ta.

Cảnh nghèo khổ này làm cho nhiều người Đức, bạn của tự do, sống ở Luân Đôn phải xúc động mạnh mẽ. Ngày 18 tháng Chín năm nay đã có cuộc họp toàn thể của Hội giáo dục công nhân Đức và những người Đức lưu vong đã tới đây để thành lập Uỷ ban trợ giúp những người dân chủ túng thiếu. Những người sau đây đã được bầu ra: *Các Mác*, nguyên chủ bút báo "Neue Rheinische Zeitung"; *Các-lơ Blin-đơ*, nguyên đại diện chính phủ Ba-đen - Pphan-xơ ở Pa-ri; *An-tôn Phuy-xtơ*, nguyên đại biểu Quốc hội Áo ở Viên; *Hen-rích Bau-ơ*, thợ đóng giày ở Luân Đôn, và *Các-lơ Phen-đơ*, họa sĩ tại thành phố này.

Hàng tháng Uỷ ban này sẽ trình báo cáo công khai trước cuộc họp toàn thể, và cũng đăng vắn tắt trên các tờ báo Đức. Để tránh mọi lời dị nghị, đã quyết định là *từ nay trở đi không một uỷ viên nào của Uỷ ban được nhận bất cứ khoản trợ cấp nào ở quỹ của Uỷ ban*. Nếu như một uỷ viên nào đó của Uỷ ban có khi nào đấy buộc phải yêu cầu giúp đỡ, thì kể ngay từ khi ấy người đó sẽ rút khỏi Uỷ ban.

Hỡi các bạn và những người anh em, chúng tôi yêu cầu các bạn hãy làm tất cả những điều các bạn có thể làm. Nếu như các

bạn muốn rằng nền tự do bị chà đạp tan tác và bị cùm khóa trong gông xiềng lại được hồi sinh, nếu như các bạn cảm thông với những nỗi đau khổ của các chiến sĩ tiên phong ưu tú nhất của các bạn thì các bạn hãy hưởng ứng lời kêu gọi của chúng tôi mà không cần đến những lời khuyên bảo đặc biệt của chúng tôi.

Tất cả những khoản quyên góp xin gửi đến địa chỉ sau: Hen-rích *Bau-ơ*, thợ đóng giày, số 64, phố Đin, quảng trường Xô-hô, Luân Đôn. Ngoài phong bì đề: "Gửi Uỷ ban những người lưu vong".

Luân Đôn, ngày 20 tháng Chín 1849

Uỷ ban trợ giúp những nhà hoạt động
chính trị Đức lưu vong:
An-tôn Phuy-xtơ, Các Mác, Các-lơ Blin-đơ,
Hen-rích Bau-ơ, Các-lơ Phen-đơ

Đã đăng trên báo "Neue Deutsche Zeitung" số 228, ngày 26 tháng Chín 1849

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN TRỢ GIÚP NHỮNG NGƯỜI ĐỨC LƯU VONG Ở LUÂN ĐÔN

Ngày 18 tháng Mười một năm nay đã diễn ra cuộc hội nghị liên tịch toàn thể Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn cùng đa số những người lưu vong chính trị sống tại Luân Đôn. Hội nghị đã nghe bản báo cáo tài chính của Uỷ ban trợ giúp được bầu ra tại một trong những hội nghị trước đây.

Tổng cộng từ ngày 22 tháng Chín năm nay đã nhận:

	P.xt.	Si-linh	Pen-ni
1) Của Hội giáo dục công nhân ở Luân Đôn	2	8	4 ½
2) Của Hội bạn đọc Đức ở Luân Đôn	2	15	-
3) Của ban biên tập tờ "Northern Star" ở Luân Đôn	-	5	-
4) Của ngài Ê-đây-xơ ở Luân Đôn	-	1	-
5) Tiền do ngài Di-phéc-tơ đi quyên ở Luân Đôn	-	9	6
6) Của ngài Guê-rin-gơ ở Luân Đôn	1	5	9
7) Tiền do ngài H. Bau-ơ đi quyên ở Luân Đôn	7	1	9
8) Của công nhân Đức ở Pa-ri thông qua ngài Hây-đéc-cơ	-	12	1
9) Từ Hát-đơ-xphin thông qua ngài Crép	3	-	-
10) Từ Stết-tin[1*] ở Phổ	18	14	-
Tổng cộng	36	12	5 ½

Đã cấp cho người lưu vong từ ngày 22 tháng Chín đến ngày 18 tháng Mười một năm nay:

1* Tên gọi bằng tiếng Ba Lan: Tsê-xin.

	P.xt.	Si-linh	Pen-ni
1) Clai-nơ	3	17	2
2) Sin-xki	3	17	4
3) Phruê-lích	2	2	1
4) Hen-đéc	3	7	6
5) Ê-ghe-nơ	1	19	-
6) V. Tốp-phơ	1	11	17
7) I. Tốp-phơ	1	4	4
8) Chung cho những người lưu vong có tên Blây, Béc-gơ-man, Ô-đô-ba, Ve-xen, Brao-lit-xki và Clai-nơ	2	8	10
9) Thương gia lưu vong Sốp cùng gia đình có kỳ phiếu thông thường	4	-	-
10) Chi về ấn loát và các giấy lạc quyên	1	15	2 ½
Tổng cộng	26	3	½
Tổng số thu	36	12	5 ½
Tổng số chi	26	3	½
Quỹ hiện còn	10	9	5

Ngoài ra có nhận được một số quần áo đã đem phân phát cho những người lưu vong.

Bản báo cáo tài chính dẫn ở trên đã được hội nghị nhất trí thông qua. Tất cả các khoản chi đều có biên lai, còn đối với những người ủng hộ ở Hát-đơ-xphin và Stết-tin mà không có đại diện ở hội nghị này thì sẽ đề nghị cử những người được uỷ nhiệm để xem xét các biên lai.

Vì hai uỷ viên của Uỷ ban là A. Phuy-xtơ và C. Blin-đơ đã đi nơi khác nên Uỷ ban không còn đủ thành phần và vì có những mưu đồ tổ chức một uỷ ban khác đối lập lại với Uỷ ban chúng tôi, độc lập với Hội giáo dục công nhân và với những người lưu vong thuộc xu hướng dân chủ - xã hội, nên Uỷ ban xin trao lại cho Hội quyền hành mà Hội đã uỷ nhiệm cho mình.

Do đó, Hội đã thông qua nghị quyết như sau:

1) Hội giáo dục công nhân Đức, sau khi tán thành hoạt động của Uỷ ban đã tồn tại cho tới lúc này, chọn trong thành phần của Hội để bầu ra một Uỷ ban mới gồm năm uỷ viên, lấy tên là "Uỷ ban dân chủ - xã hội giúp đỡ những người Đức lưu vong". Tiền quỹ còn lại của Uỷ ban cũ được chuyển giao cho Uỷ ban này.

2) Uỷ ban nhằm chủ yếu là giúp đỡ các đảng viên đảng dân chủ - xã hội. Tuy nhiên, với mức độ mà kinh phí của Uỷ ban cho phép, Uỷ ban sẽ không từ chối giúp đỡ cả cho những người lưu vong thuộc các xu hướng khác.

3) Hằng tháng Uỷ ban phải trình báo cáo tài chính trước Hội giáo dục công nhân, sau đấy Uỷ ban sẽ được bầu lại. Bản báo cáo sẽ được công bố trên báo "Deutsche Londoner Zeitung", "Northern Star", "Neue Deutsche Zeitung" ở Phran - phuốc, "Westdeutsche Zeitung" ở Khuên, "Norddeusche Freie Presse" ở Hăm-buốc, "Demokratische Zeitung" ở Béc-lin, "Schweizerische National - Zeitung", còn ở Niu Oóc thì trên tờ "Schnellpost" và tờ "Staatszeitung".

4) Những người đã đóng góp được quyền tự mình đến dự các cuộc báo cáo tài chính hằng tháng, hoặc nếu họ không ở Luân Đôn, thì cử những người được họ uỷ nhiệm đến dự, và kiểm tra sổ sách kế toán, các biên lai và tiền quỹ.

5) Hội giáo dục công nhân bầu các ông: Các Mác, Au-gu-xtơ Vi-lích, Phri-đrích Ăng-ghen, Hen-rích Bau-ơ, Các-lơ Phen-đơ làm uỷ viên của Uỷ ban.

Sau khi công bố bản báo cáo nêu trên cùng những quyết định của Hội giáo dục công nhân để mọi người được rõ, Uỷ ban yêu cầu gửi các khoản đóng góp đến ông Hen-rích Bau-ơ, số 64, phố Din, quảng trường Xô-hô, Luân Đôn.

Luân Đôn, ngày 3 tháng Chạp 1849

Các uỷ viên của Uỷ ban:
Các Mác, Au-gu-xtơ Vi-lích, Phri-đrích Ăng-ghen, Hen-rích Bau-ơ, Các-lơ Phen-đơ

Đã đăng trên báo "Westdeutsche Zeitung" số 173, ngày 12 tháng Chạp 1849

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

LỜI KÊU GỌI MUA CỔ PHIẾU

Báo "Neue Rheinische Zeitung.

Politisch - ökonomische Revue" do Các Mác chủ biên

Báo "Neue Rheinische Zeitung", như đã biết, đã phát hành từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849 dưới sự lãnh đạo của *Các Mác*, với tư cách là một cơ quan ngôn luận hằng ngày ở *Khuên, trên sông Ranh*. Tờ báo đã đại diện có kết quả cho xu hướng triệt để nhất trong lực lượng dân chủ ở Đức tới mức là, bất kể bao nhiêu lần tạm đình bản và tình trạng giới nghiêm, bất kể những vụ án chống lại báo chí và những cuộc truy nã, bất kể những khó khăn cực kỳ to lớn, những hành động thù địch nhằm chống lại tờ báo và những trở ngại đủ loại, mới chỉ sau cả thảy có mười một tháng tồn tại mà tờ báo đã có được 5600 người đặt mua dài hạn. Sau khi các biên tập viên hai lần được tòa án bồi thẩm tuyên bố trắng án, Chính phủ Phổ chỉ còn độc một cách dùng tới hành vi cưỡng bức thô bạo để kết liễu tờ báo đã từng gây cho nó nỗi sợ hãi đến như vậy. Khi những cuộc khởi nghĩa địa phương diễn ra hồi tháng Năm năm ngoái ở phần nước Phổ vùng Ranh bị đàn áp, quyền thống trị của bọn quân phiệt ngự trị tạm thời được dùng để cưỡng bức trục xuất các biên tập viên của báo ra khỏi Phổ và bằng cách đó làm cho tờ "Neue Rheinische Zeitung" không thể tiếp tục xuất bản được.

Sau khi các biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã tham gia các phong trào cách mạng mùa hè gần đây, người thì ở miền Nam Đức, kẻ thì ở Pa-ri, họ lại tập trung phần lớn về Luân Đôn và quyết định tiếp tục ra tờ báo tại đây. Lúc đầu tờ báo sẽ chỉ có thể ra một tháng một kỳ dưới hình thức bình luận,

khuôn khổ khoảng năm tờ in. Tuy nhiên việc này sẽ chỉ hoàn toàn đạt được mục đích của nó - gây ảnh hưởng thường xuyên và sâu sắc đối với công luận, - cũng như sẽ có triển vọng tốt đẹp cả về mặt tài chính, nếu như ban biên tập có đủ khả năng xuất bản từng số liên tiếp theo nhau sau những khoảng thời gian ngắn hơn. Bởi vậy ban biên tập dự định ngay khi kinh phí cho phép, thì sẽ xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung" thành từng số năm tờ in, ra hai tuần một kỳ, hoặc nếu có thể được, thì sẽ ra thành một tờ tuần báo lớn, tương tự như các tuần báo Mỹ và Anh, và hễ hoàn cảnh cho phép trở về Đức, thì lập tức sẽ từ tuần báo chuyển thành nhật báo.

Sơ bộ tính toán cho thấy nếu chỉ phát hành "Revue" hai tuần một kỳ và với lượng in 3000 bản thôi thì việc xuất bản có thể đưa lại số thu nhập hàng năm là 1900 ta-le.

Để gây dựng cơ nghiệp và làm cho "Revue" có thể phát hành hai tuần một kỳ hay một tuần một kỳ, cần lập một số vốn là 500 pao xtéc-linh; vì mục đích đó, nay nhận đặt mua cổ phiếu với những điều kiện sau:

1. Mỗi cổ phiếu là 50 phrăng và trả tiền ngay khi nhận biên lai tạm thời, giấy này sau sẽ đổi lấy cổ phiếu chính thức.

2. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi cổ phiếu thuộc người đó.

3. Các cổ đông được quyền chỉ định những đại diện của họ ở Luân Đôn để kiểm tra toàn bộ công việc.

4. Một năm bốn kỳ triệu tập hội nghị toàn thể để nghe báo cáo về tiến trình của toàn bộ công việc và về tình hình tài chính, và quyết định những biện pháp tiếp theo nhằm giám sát việc quản lý công việc. Bản báo cáo tình hình công việc được in li-tô thành nhiều bản để gửi tới từng cổ đông.

5. Lợi nhuận mà công việc này đưa lại sẽ góp thêm vào số vốn cho tới khi có khả năng phát hành được tờ "Neue Rheinische Zeitung" ra hằng tuần. Sau khi nhiệm vụ này hoàn thành, lợi

nhuận sẽ chia thành ba phần đều nhau, một phần để làm quỹ dự trữ, phần thứ hai, làm cổ tức chia cho những cổ đông, còn phần thứ ba dành cho ban biên tập.

Luân Đôn, ngày 1 tháng Giêng 1850

C.Sram
Chủ nhiệm báo
"Neue Rheinische Zeitung"

Viết với sự tham gia của C.Mác và Ph.Ăng-ghen
Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô công bố lần đầu tiên vào năm 1930 bằng tiếng Nga

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Đức

BÁO CÁO CỦA UỶ BAN NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI LƯU VONG Ở LUÂN ĐÔN

1. Chi

			P. xt.	Si-linh	Pen-ni
Tháng Mười một 1849	16 khoản trợ cấp, mỗi khoản 7s.		5	12	-
Tháng Chạp 1849	29 khoản trợ cấp "	7 "	10	3	-
	3 " "	4 "	-	12	-
	1 " "	6 "	-	6	-
	1 " "	3 "	-	3	-
	2 " "	5 "	-	10	-
	1 " "	5 "	6p	- 5	6
	1 " "	8 "	-	8	-
	1 " "	12 "	-	12	-
	4 " "	10 "	2	-	-
Tháng Giêng 1850	20 khoản trợ cấp"	7 "	7	-	-
	1 " "	2 "	6p	- 2	6
	3 " "	4 "	-	12	-
Tháng 1 - 23 tháng Hai	18 khoản trợ cấp "	7 "	6	6	-
	2 " "	5 "	-	10	-
	1 " "	2 "	-	2	-
	5 " "	10 "	2	10	-
	1 " "	3 "	-	3	-
	1 " "	13 "	-	13	-
	2 " "	1 "	3p	- 2	6
	1 " "	1 "	-	1	-
	114 khoản trợ cấp. Tổng cộng..		38	13	6
Bưu phí, tiền thuế tem, chi phí về nhập quỹ và văn phòng phẩm			1p.xt.	5 si-linh	1 pen-ni
	Tổng cộng.....		39	18	7

Trong mục chi còn có 26 p.xt. cho vay, cấp cho những người lưu vong khác nhau lúc đó đã tìm được việc làm để mua sắm dụng cụ, áo quần, v.v., những người nhận các khoản vay này hứa rồi đây sẽ hoàn lại số tiền vay.

2. Thu

	P. xt.	Si-linh	Pen-ni
Ngày 19 tháng Mười một. Trong quỹ còn..	10	9	5
Ngày 1 tháng Chạp. Của Hội giáo dục công nhân	-	3	6
" 10 tháng " 30 ta-le đền bù những phí tổn thông qua "Westdeutsche Zeitung" ở Khuên	4	1	-
" 15 " Của công nhân Đức ở Pa-ri.....	2	5	10
" 17 " Qua ngài giáo sư Tuyếc-cơ ở Rô-xtốc..	16	12	6
" 11 tháng Hai. Của Uỷ ban trợ giúp ở Xin-xin-na-ti	20	18	-
" 20 " Của công nhân ở Svê-rin.....	3	-	-
Tổng cộng.....	57	10	3
Các khoản chi nói trên.....	39	18	7
Quỹ còn.....	17	11	8

Bản báo cáo tài chính trên đã được trình bày và tán thành trong phiên họp của Hội giáo dục công nhân Đức ở đây ngày 4 tháng Ba. Những người có đóng góp tiền hay những người do họ uỷ nhiệm có thể tìm hiểu các biên lai và sổ sách kế toán ở nơi thủ quỹ.

Sau khi đã làm xong bản báo cáo này, chúng tôi nhận được hai khoản tiền từ Khuên và Niu Oóc gửi tới, các khoản này sẽ đưa vào báo cáo kỳ tới. Trong khi đó, do có chuyện trục xuất liên miên khỏi Thụy Sĩ và Pháp mà số người lưu vong cần được cứu trợ ở đây đã tăng lên cực kỳ. Hầu như ngày nào cũng có những người lưu vong mới tới đây và phần lớn ở trong tình cảnh đòi hỏi chẳng những phải cấp cho họ số tiền trợ cấp ít ỏi thông thường, mà còn phải chi ngay những khoản tiền mua sắm áo quần cần thiết cho họ. Trong tình hình đó, cái gánh nặng mà Uỷ ban ký tên dưới đây gánh vác càng nặng nề thêm, bởi những cố gắng của các cá nhân và các tổ chức khác nhằm quyên góp tiền bạc để giúp đỡ những người lưu vong ở đây xem ra không có kết

quả, vì thế nên tất cả những người lưu vong tới đây đều chủ yếu tìm đến chúng tôi. Nhờ những cố gắng của công nhân Đức ở đây và của bản thân những người lưu vong mà đã tìm được việc làm cho một số người trong số họ. Nhưng, rất nhiều nghề được mở ra cho người lưu vong ở các nơi khác thì người lưu vong ở đây lại không có được vì nhiều lẽ khác nhau và đặc biệt vì có tình trạng cạnh tranh dữ dội trong cái thành phố Luân Đôn quá đông dân. Thêm vào đó, dòng người lưu vong mới đổ về lớn đến nỗi danh sách những người cần được cứu trợ cứ mỗi tuần một dài thêm.

Mặc dù đã hết sức tiết kiệm trong việc chi số tiền của Uỷ ban có, mặc dù đã giảm tiền trợ cấp thường xuyên xuống mức tối thiểu nhất mà giá cả đắt đỏ của các nhu yếu phẩm ở đây có thể cho phép, tiền quỹ của Uỷ ban vẫn cứ vơi đi rất nhanh trong những điều kiện đó. Chúng tôi thậm chí còn lo rằng sắp tới đây sẽ không đủ khả năng giúp đỡ những người lưu vong không có công ăn việc làm ở đây khỏi rơi vào cảnh sống không nhà không cửa và nghèo khốn cùng cực.

Bởi vậy chúng tôi lại yêu cầu đảng ở ngay nước Đức giúp đỡ tiền nong. Chúng tôi lưu ý đảng rằng nếu như số người lưu vong nghèo túng ở Thụy Sĩ và Pháp giảm đi thì nó lại càng tăng thêm ở Luân Đôn; chúng tôi hy vọng rằng những con người đã từng cầm vũ khí chiến đấu cho nền tự do và danh dự của nhân dân Đức sẽ không phải đi ăn mày trên các đường phố Luân Đôn.

Tất cả những khoản quyên góp xin gửi theo địa chỉ: ngài Hen-rích Bau-ơ, số nhà 64, phố Đin, quảng trường Xô-hô, Luân Đôn.

Luân Đôn, đầu tháng Ba 1850

Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong:
Các Mác, Ph.Ăng-ghen, H. Bau-ơ,
A. Vi-lích, Các-lơ Phen-đơ

Đã đăng trên báo "Westdeutsche Zeitung" số 68, ngày 21 tháng Ba 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In toàn văn lần đầu tiên bằng tiếng Nga

HỘI NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN - CÁCH MẠNG TOÀN THẾ GIỚI[321]

ĐIỀU 1

Mục đích của hội là đánh đổ tất cả mọi giai cấp đặc quyền, buộc các giai cấp này phải phục tùng nền chuyên chính của những người vô sản bằng cách duy trì cách mạng không ngừng cho tới khi thực hiện được chủ nghĩa cộng sản - chủ nghĩa cộng sản sẽ nhất định trở thành hình thức tổ chức cuối cùng của loài người.

ĐIỀU 2

Để thúc đẩy việc thực hiện mục đích này, hội thắt chặt những mối dây đoàn kết giữa tất cả các bộ phận của đảng cách mạng cộng sản, theo nguyên tắc hữu ái cộng hòa mà xóa bỏ những sự phân chia dân tộc.

ĐIỀU 3

Uỷ ban thành lập của hội được thiết lập thành Ban chấp hành trung ương; ở những nơi xét thấy cần cho công việc, Ban chấp hành trung ương sẽ thành lập các ban chấp hành, các ban chấp hành này sẽ giữ liên lạc với Ban chấp hành trung ương.

ĐIỀU 4

Không hạn chế số hội viên, nhưng không một hội viên nào được kết nạp mà lại không được nhất trí tán thành. Các cuộc bầu cử bất cứ trường hợp nào cũng không được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín.

ĐIỀU 5

Tất cả các hội viên đều phải tuyên thệ giữ đúng thể thức của điều một của bản điều lệ này. Ai làm thay đổi mà có thể đưa lại hậu quả làm suy yếu những ý định nêu trong điều một, sẽ bị tước bỏ tư cách hội viên.

ĐIỀU 6

Tất cả các quyết nghị của hội phải được đa số hai phần ba số phiếu thông qua.

Gi. Vi-đin, A. Vi-lich,
Gi. Giuy-li-an Hác-ni,
A-đan, C.Mác, Ph.Ăng-ghen

Được soạn thảo vào giữa tháng Tư 1850
Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin
trực thuộc Ban chấp hành trung ương
Đảng Cộng sản Liên Xô
công bố lần đầu tiên
bằng tiếng Nga vào năm 1926

In theo bản thảo
Nguyên văn là tiếng Pháp

BÁO CÁO CỦA UỶ BAN NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI LƯU VONG Ở LUÂN ĐÔN

Thu

		P. xt.	Si-linh	Pen-ni
Ngày 25 tháng Hai.	Quỹ còn.....	17	11	8
	Của Đồng minh cải cách xã hội ở Niu Óóc	30	18	5
Ngày 13 tháng Ba.	Của Uỷ ban lưu vong ở Khuên.....	36	-	-
	Của A. Ph., hội viên Hội giáo dục công nhân	-	5	-
Ngày 18 tháng Ba.	Qua ngài Vích-man ở Hăm-buốc	6	-	-
Ngày 16 tháng Tư.	Qua ngài Rem-pen ở Bi-lơ-phen	3	-	-
	Qua ngài Ăng-ghen ở Ê. B.[1*]	1	-	-
Ngày 20 tháng Tư.	Của một số công nhân Anh.....	-	7	-
		95	2	1

Chi

				P. xt.	Si-linh	Pen-ni
Tháng Ba	53 khoản trợ cấp mỗi khoản		7 s.	18	11	-
"	7	"	10 "	3	10	-
"	1	"	9 " 6p.	-	9	6
"	1	"	2 " 8 ½p.	-	2	8 ½
"	6	"	5 "	1	10	-
"	2	"	1 "	-	2	-
"	2	"	4 "	-	8	-
"	1	"	2 "	-	2	-
	Cho vay.....			2	3	-
	Bưu phí và chi lặt vặt.....			-	8	8
				27	6	10 ½

1*- có lẽ là En-bơ-phen-đơ - Bác-men.

				P. xt.	Si-linh	Pen-ni
Tháng Tư	56 khoản trợ cấp mỗi khoản		6 s.	16	16	-
"	18	"	5 "	4	10	-
"	2	"	2 " 6p.	-	5	-
"	14	"	1 " 6p.	1	1	-
"	52	"	7 "	18	4	-
"	1	"	8 "	-	8	-
"	54	"	3 "	8	2	-
"	49	"	3 " 6p.	8	11	6
"	1	"	6 " 4p.	-	6	4
				-	6	5
Chi lặt vặt.....				58	10	3
				85	17	1 ½
	Còn lại.....			9	4	11 ½

Từ ngày ra đời, Uỷ ban được thành lập ngày 18 tháng Chín 1849 đã trợ cấp cho xấp xỉ một trăm người lưu vong trong một thời gian tương đối dài, và tổng số tiền đã qua tay Uỷ ban là 161 p.xt., 7 si-linh, 8 ½ pen-ni. Ngoài ra, Hội giáo dục công nhân ở đây đã thỏa mãn những nhu cầu cấp bách của một số người lưu vong cá biệt bằng cách quyên góp. Hội đã tìm kiếm công ăn việc làm cho một số người lưu vong khác và đã cho tất cả những người lưu vong được sử dụng trụ sở và các tờ báo của Hội.

Sổ sách kế toán và biên lai liên quan tới bản báo cáo tài chính nêu trên - bản này đã được trình bày trước Hội giáo dục công nhân Đức và đã được Hội tán thành - hiện ở nơi người thủ quỹ của Uỷ ban, những người đóng góp tiền hay những người được uỷ nhiệm có thể tới đó xem xét.

Mới đây các ngài Stơ-ru-vơ, Bốp-xin, Bau-ơ (ở Stôn-pê), v.v. thấy cần sử dụng tới tên tuổi của họ nhằm kéo những khoản tiền lớn từ Đức sang cho những người lưu vong. Để làm chuyện này, họ đã tập hợp quanh họ một số người lưu vong và trong cuộc

họp hôm qua họ đã tổ chức một ủy ban của chính họ. Dĩ nhiên là dự án mới tổ chức một uỷ ban song song như vậy sẽ không ngăn trở hoạt động của chúng tôi nhiều hơn các dự án không thành trước đây.

Như bản báo cáo tài chính cho thấy, quỹ của Uỷ ban đã cạn tới mức tiền chỉ còn suýt soát đủ để thỏa mãn nhu cầu trong một tuần. Thêm vào đó mỗi ngày lại có thêm nhiều đơn mới của những người lưu vong yêu cầu giúp đỡ. Vì vậy, một lần nữa chúng tôi kêu gọi Đảng dân chủ - xã hội Đức hãy đừng bỏ mặc những người lưu vong trong cảnh hiểm nghèo và cố hết sức nhanh chóng gửi tiền đóng góp của đảng tới cho ngài thủ quỹ C. Phen-đơ, số 21, phố Kinh, quảng trường Xô-hô, Luân Đôn.

Luân Đôn, ngày 23 tháng Tư 1850

Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong:
C.Mác - chủ tịch,
A.Vi-lích, C. Phen-đơ,
Ph.Ăng-ghen, Hen-rich Bau-ơ

Đã đăng trên báo "Norddeutsche Freie Presse", số 349, ngày 10 tháng Năm 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

NHỮNG NGƯỜI ĐỨC LƯU VONG Ở LUÂN ĐÔN

Trong thời gian gần đây tiền quyên góp gửi tới giúp đỡ những người lưu vong Đức ở đây quá ít ỏi, khiến số người lưu vong này đang lâm vào cảnh túng thiếu nghiêm trọng. Một số *trong đó* cho tới nay vẫn chưa tìm được việc làm hợp với ngành nghề của họ và *đã hầu như cả tuần nay phải ngủ trên hè phố, trong công viên và thật sự bị đói*. Nhiều cá nhân và tổ chức khác nhau từ chối không gửi tiền tới với lý do là có sự bất đồng giữa các uỷ ban và dường như có tình trạng phân phối tiền ủng hộ cho những người lưu vong một cách thiên vị về đảng phái. Các ngài Stơ-ru-vơ, Bốp-xin, v.v. đã góp phần vào chuyện này, qua việc tuyên bố rằng Uỷ ban ký tên dưới đây chỉ giúp đỡ cho "những người cộng sản" mà thôi.

Ở đây chúng tôi một lần nữa xin tuyên bố rằng chúng tôi đã giúp đỡ mà không hề có sự phân biệt nào đối với *bất cứ ai* có thể chứng minh mình là người Đức lưu vong và thực sự cần được giúp đỡ. Điều này đã rõ qua sổ sách kế toán và biên lai của chúng tôi mà bất kể giờ phút nào chúng tôi cũng sẵn sàng đưa cho những người đã quyên góp hay những người được họ uỷ nhiệm xem xét kiểm tra. Trong một phiên họp toàn thể của Uỷ ban do các ngài Stơ-ru-vơ, Bốp-xin, v.v. đứng đầu, một trong những người ký tên dưới đây, ông Vi-lích đã hỏi những người lưu vong được nhận trợ cấp của Uỷ ban xem có ai trong số họ đã bị hỏi xem anh ta có phải là "cộng sản" hay không. *Không một ai tuyên bố là có như thế cả.*

Chúng tôi tuyên bố rằng lời khẳng định nêu trên của ngài Stơ-ru-vơ, Bốp-xin, v.v. là một sự dối trá và *vu khống*. Thế là bản thân cái lý do mà các cá nhân và tổ chức khác nhau viện ra để

Chi

		P.xt.	Si-linh	Pen-ni
Từ ngày 24 tháng Tư đến ngày 30 tháng Năm	128 khoản trợ cấp mỗi khoản 3 s. 6 p.	22	8	-
	27 " " 3 "	4	1	-
	26 " " 2 "	2	12	
	31 " " 1 "	1	11	-
	25 " " 5 "	6	5	-
	Trợ cấp bình thường.....	1	5	-
	Đóng giày cho những người lưu vong.....	-	14	-
	Các khoản chi lặt vặt.....	-	6	11
		39	2	11
Tháng Sáu	58 khoản trợ cấp mỗi khoản 2s.....	5	16	-
	59 " " 1"	2	19	-
	25 " " 1" 6 p.	1	17	6
	Trợ cấp bất thường.....	-	10	-
	Các khoản chi lặt vặt.....	-	11	6
		11	14	-
Tháng Bảy	28 khoản trợ cấp mỗi khoản 2s.....	2	16	-
	24 " " 1"	1	4	-
	93 " " - 6 p.	2	6	6
	Trợ cấp bất thường.....	1	6	-
	Các khoản chi về nhà ở và nhà ăn cho người lưu vong			
	7 p.xt. 9 s. 6 p.			
	5 " - -			
	5 " 10 " -	35	9	6
	5 " 10 " -			
	6 " . .			
	6 " . .			
	Mua sắm đồ đạc cho công nhân	6	-	-
	Cho người lưu vong vay	7	12	6
	Cho một người lưu vong có có gia đình vay	1	-	-
	Những khoản chi lặt vặt	-	19	3 ½
		58	13	9 ½
	Tổng cộng.....	109	10	8 ½
	Tổng số thu.....	155	16	2 ½
	Tổng số chi.....	199	10	8 ½
	Quỹ còn lại.....	46	5	6

Bản báo cáo tài chính trên đây đã được trình bày và phê chuẩn trong một phiên họp của Hội giáo dục công nhân ngày 30 tháng Bảy năm nay. Những người đóng góp tiền và những người được họ uỷ nhiệm có thể xem xét các sổ sách kế toán và các biên lai.

Bởi lẽ trong tháng Sáu tiền đóng góp gửi tôi quá ít ỏi, mà tình cảnh nghèo túng của những người lưu vong nhiều khi không thể chịu được nữa nên đã có quyết định tổ chức nhà ở và nhà ăn tập thể cho người lưu vong. Hội giáo dục công nhân ở đây cũng như một phần những người lưu vong đã tìm được việc làm, đã góp tiền tạo điều kiện bắt tay vào thực hiện kế hoạch đó. Bằng những số tiền gửi tới sau đó, đã mua sắm trang bị cho ngôi nhà một số vật dụng và đồ gỗ cần thiết. Hiện nay có 18 người lưu vong sống tại nhà ở tập thể và gần 40 người ăn ở nhà ăn tập thể. Trước hết đã tổ chức được những người thợ giày thất nghiệp trong số những người lưu vong để sửa chữa giày dép cần thiết cho các đồng chí của họ. Sau đo Uỷ ban đã trích tiền và tiến hành những bước cần thiết để tổ chức ở ngôi nhà nói trên một xưởng sản xuất dành cho người lưu vong và tạo cho họ khả năng tự mình trang trải một phần chi phí nuôi sống họ.

Nếu cố gắng đầu tiên này mà thành công thì việc đó sẽ được tổ chức với quy mô lớn hơn, và sẽ được kịp thời thông báo cho công chúng biết. Uỷ ban hy vọng rằng biện pháp lưỡng lợi này nhằm giúp đỡ người lưu vong và sắp xếp việc làm cho họ sẽ được ủng hộ dưới hình thức gửi nhiều tiền đóng góp từ Đức sang, cho tới khi nào những người lưu vong có thể tự mình dảm bảo lấy đời sống của họ.

Luân Đôn, ngày 30 tháng Bảy 1850

Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong:
C.Mác, Ph.Ăng-ghen, A.Vi-lích,
C. Phen-đơ, H. Bau-ơ

Đã đăng trên báo "Norddeutsche Freie Presse", số 425, ngày 7 tháng Tám 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

NGÀY 15 THÁNG CHÍN 1850

1. Dời trụ sở Ban chấp hành trung ương từ Luân Đôn về Khuên, và giao cho khu bộ Khuên thành lập Ban chấp hành trung ương mới.

2. Tuyên bố Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản không còn hiệu lực nữa và giao cho Ban chấp hành trung ương mới soạn ra Điều lệ mới.

3. Thay cho khu bộ Luân Đôn trước đây, nay thành lập hai khu bộ độc lập với nhau, mỗi khu bộ đó chỉ quan hệ với một Ban chấp hành trung ương chung cho tất cả các khu bộ.

Được soạn thảo ngày 15 tháng Chín 1850, với sự tham gia của Mác và Ăng-ghen
Đã đăng trên "Dresdener Journal und Anzeiger" số 180, ngày 1 tháng Sáu 1851 trong bản "Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương ở Khuên" ngày 1 tháng Chạp 1850

In theo bản "Lời kêu gọi"
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu bằng tiếng Nga

BÁO CÁO CỦA UỶ BAN NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI LƯU VONG Ở LUÂN ĐÔN TỪ NGÀY 1 THÁNG TÁM ĐẾN NGÀY 10 THÁNG CHÍN

Thu

		P. xt.	Si-linh	Pen-ni
Tháng Tám.	Quỹ còn	46	5	6
	Do cô Béc-gơ quyên được	12	-	-
	Của Hội liên hiệp công nhân ở Xanh-Ghê-oóc-gơ, Hăm-buốc	2	10	-
	Cũng của Hội trên	1	10	-
	Từ Nơi-stát (Hắc-tơ)	8	-	-
	Của ngài C. Phlo-ri thông qua tòa soạn báo "Deutsche Londoner Zeitung"	-	8	-
Tháng Chín.	Của Hội công nhân Đức ở Pa-ri	2	-	-
	Ngài Giôn Béc-gơ quyên được	17	10	-
	Tổng cộng	90	3	6

Chi

Tháng Tám.	Chi cho nhà ở và nhà ăn tập thể của người lưu vong	28	9	3
	Chi cho xưởng làm bàn chải	7	10	-
	Mua da, v.v.	-	13	6
	56 khoản trợ cấp mỗi khoản 6 p.	1	8	-
	23 khoản trợ cấp mỗi khoản 1 s.	1		-
	6 khoản trợ cấp mỗi khoản 2 . 6 p.	-	15	-
	Những khoản trợ cấp khác nhau	-	5	6
	4 khoản nợ cấp mỗi khoản 10 s.	2	-	-
	Cho người lưu vong vay	8	4	-
	Tiền cấp cho 4 người lưu vong chuyển sang Mỹ	5	-	-
	Lệ phí chuyển về Sê-đơ-vích. Hôn-stai-nơ	7	3	-
	Chi lặt vặt, bưu phí, chi phí nhập quỹ, v.v.	-	11	3
Tháng Chín.	Chi cho nhà ở nhà ăn tập thể	14	4	8
	39 khoản trợ cấp mỗi khoản 6 p.	-	19	6
	2 " " 1 s.	-	2	-
	1 " " 10 "	-	15	-
	1 " " 5 "			
	Phân phối theo chỉ dẫn của ngài Béc-gơ thợ có tiền đóng góp	8	15	-
	Cho những người lưu vong vay	1	18	-
	Chi tiêu lặt vặt	-	6	10
	Tổng cộng	90	3	6

Bởi vì khi đệ trình bản báo cáo này tất cả bốn uỷ viên ký tên dưới đây của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội đã hoạt động cho tới nay, đã tuyên bố rút khỏi uỷ ban này, nên Hội ở phố Grai-tơ-Uyn-đơ-min đã cử ra một ban để kiểm tra các sổ sách kế toán và biên lai; ban này đã trình báo cáo của ban vào ngày 15 tháng này và cho biết rằng mọi chuyện đều minh bạch đâu vào đó.

Những người ký tên dưới đây cần giữ lại tất cả mọi sổ sách kế toán và biên lai có liên quan tới công tác của họ trong Uỷ ban ở chỗ C. Phen-đơ, cho tới nay nguyên là thủ quỹ của Uỷ ban, - số 21, phố Kinh, quảng trường Xô-hô, - vì rằng họ chẳng những chỉ rút khỏi Uỷ ban, mà còn rút khỏi Hội, và những tài liệu này có thể họ còn cần đến trong trường hợp có những thắc mắc nào đó về phía công chúng.

Vì vậy, đề nghị những người đã gửi tiền ủng hộ hãy cử đại diện của mình ở Luân Đôn để xem xét các sổ sách kế toán và biên lai hiện ở nơi người thủ quỹ nói trên.

Luân Đôn, 18 tháng Chín 1850

Các Mác, H. Bau-ơ,
C. Phen-đơ, Ph.Ăng-ghen

Đã đăng trên tạp chí "Deutsche Londoner Zeitung" số 287, ngày 27 tháng Chín 1850

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

ĐỀ NGHỊ CỦA KHU BỘ LUÂN ĐÔN THUỘC LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN GỬI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG Ở KHUÊN

Khai trừ khỏi Liên đoàn những người cộng sản tất cả các hội viên thuộc Đồng minh đặc biệt[322], trước hết là bảy người có tên dưới đây - Sáp-pơ, Vi-lích, Sốc-tơ-nơ, Lê-man, Đít-xơ (Ô-xvan-đơ), Ghê-béc và Phren-ken-lơ, - và thông báo quyết định này tới tất cả các khu bộ và chi bộ của Liên đoàn, đồng thời thông báo cho Đồng minh đặc biệt ở Luân Đôn và những người lãnh đạo nó.

1. Các hội viên thuộc Đồng minh đặc biệt báo tin, - một cách xuyên tạc bóp méo, - cho các nhà lãnh đạo các hội kín đứng ngoài Liên đoàn, cho các người lưu vong thuộc các dân tộc khác nhau biết chuyện chia rẽ trong Liên đoàn những người cộng sản ở Luân Đôn.

2. Họ ở trong trong tình trạng dấy loạn công khai chống lại Ban chấp hành trung ương hợp pháp ở Khuên; hành động trái với những nghị quyết của Ban chấp hành trung ương; đặc phái viên của họ[1*] đang đi khắp nước Đức để thành lập Đồng minh đặc biệt.

3. Trong quan hệ với các cơ quan của khu bộ Luân Đôn thuộc Liên đoàn, họ đã và đang tiếp tục không tuân theo tất cả các nhiệm vụ đề ra đối với hội viên các hội kín.

4. Từ khi có sự chia rẽ trong Liên đoàn, họ đã vi phạm tất cả luật lệ của các hội kín, và việc họ tiếp tục đứng trong hàng

1*- Hau-đơ

ngũ Liên đoàn sẽ chỉ thúc đẩy cho hoạt động của họ nhằm làm tan rã Liên đoàn mà thôi.

Được soạn thảo ngày 11 tháng Mười một 1850 với sự tham gia của Mác và Ăng-ghen
Đã đăng trong "Dresdener Journal und Anzeiger" số 180, ngày 1 tháng Sáu 1851 trong bản "Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương ở Khuên" ngày 1 tháng Chạp 1850

In theo bản "Lời kêu gọi"
Nguyên văn là tiếng Đức
Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

ĐIỀU LỆ CỦA LIÊN ĐOÀN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN

(VĂN BẢN CÓ NHỮNG GHI CHÚ CỦA C.MÁC)[323]

1. ***Mục đích*** của Liên đoàn những người cộng sản là dùng mọi biện pháp tuyên truyền và đấu tranh chính trị để thực hiện việc *dập tan xã hội cũ, - lật đổ giai cấp tư sản*[1*], - giải phóng giai cấp vô sản về mặt tinh thần, chính trị và kinh tế, thực hiện cuộc cách mạng cộng sản. Trong các giai đoạn phát triển khác nhau mà cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trải qua, bao giờ Liên đoàn cũng là người đại diện cho các quyền lợi của phong trào nói chung, và Liên đoàn bao giờ cũng cố gắng đoàn kết xung quanh mình và tổ chức tất cả mọi lực lượng cách mạng của giai cấp vô sản; đó là một tổ chức bí mật và không thể giải tán chừng nào mà cách mạng vô sản chưa đạt được mục đích cuối cùng của nó.

2. Ai thỏa mãn những điều kiện sau đây mới có thể trở thành ***đảng viên*** của Liên đoàn:

a) không theo bất kỳ thứ tôn giáo nào, trong đời sống hàng ngày không tham dự vào bất kỳ liên minh nhà thờ nào và không theo tất cả mọi nghi lễ, trừ những nghi lễ mà dân luật quy định phải theo;

b) am hiểu những điều kiện, tiến trình phát triển và mục đích cuối cùng của phong trào vô sản;

c) không tham gia bất kỳ tổ chức nào và không ủng hộ những yêu cầu cá nhân nào đối địch với mục đích của Liên đoàn hay có thể cản trở việc thực hiện mục đích đó;

d) có khả năng và nhiệt tình tuyên truyền, kiên định lập trường,

1* Những chữ in nghiêng đậm nét là do tay Mác viết thêm vào.

có nghị lực cách mạng;

d) giữ bí mật tuyệt đối tất cả mọi công việc của Liên đoàn.

3. Quyết định về việc *kết nạp* vào Liên đoàn phải được chi bộ nhất trí thông qua. Việc kết nạp, theo thường lệ, do chủ tịch hội nghị chi bộ tiến hành. Những người được kết nạp vào Liên đoàn tuyên thệ chấp hành vô điều kiện những nghị quyết của Liên đoàn.

4. Ai vi phạm những điều kiện đảng viên, sẽ bị khai trừ. Việc khai trừ các đảng viên riêng lẻ do chi bộ quyết định bằng đa số phiếu. Ban lãnh đạo trung ương có thể khai trừ cả tập thể chi bộ, nếu như có kiến nghị về chuyện này của chi bộ chính thuộc khu bộ nào đó. Khi có những đảng viên bị khai trừ thì thông báo trong toàn Liên đoàn; Liên đoàn tiến hành việc theo dõi họ, cũng như theo dõi tất cả những người tình nghi.

5. Cơ cấu của Liên đoàn như sau: các chi bộ, các khu bộ, Ban chấp hành trung ương và đại hội.

6. Chi bộ tối thiểu gồm ba đảng viên sống trong cùng một địa phương. Mỗi chi bộ bầu ra một chủ tịch chịu trách nhiệm lãnh đạo các cuộc họp, và phó chủ tịch - phụ trách quỹ.

7. Các chi bộ trong một xứ hay một tỉnh phục tùng một chi bộ chính, tức là *khu bộ* do Ban chấp hành trung ương chỉ định. Các chi bộ chỉ trực tiếp liên hệ với khu bộ của mình, còn các khu bộ chỉ trực tiếp liên hệ với Ban chấp hành trung ương.

8. Các chi bộ họp hội nghị đều đặn ít nhất hai tuần một lần; các chi bộ phải gửi báo cáo viết lên khu bộ của mình ít nhất một tháng một lần, các chi bộ chính của các khu bộ báo cáo viết đến Ban chấp hành trung ương ít nhất hai tháng một lần; Ban chấp hành trung ương cứ ba tháng một lần phải báo cáo về tình hình của Liên đoàn.

9. Các chủ tịch và phó chủ tịch chi bộ và khu bộ được bầu ra với nhiệm kỳ một năm và có thể bị những người bầu ra mình cách chức bất kỳ lúc nào; các uỷ viên Ban chấp hành trung ương

chỉ có thể do đại hội cách chức.

10. Mỗi đảng viên của Liên đoàn có trách nhiệm đóng nguyệt phí, mức nguyệt phí tối thiểu do đại hội quy định. Một nửa số nguyệt phí đó nộp cho khu bộ, một nửa nộp cho Ban chấp hành trung ương; số tiền này dùng để trang trải các khoản chi về tổ chức, để phổ biến sách báo tuyên truyền và để cử phái viên. Các khu bộ chịu phí tổn về việc thư từ với các chi bộ của mình. Nguyệt phí cứ ba tháng một lần nộp cho các khu bộ, các khu bộ nộp một nửa tổng số tiền thu được lên Ban chấp hành trung ương và đồng thời báo cáo tình hình thu chi cho các chi bộ của mình biết. Ban chấp hành trung ương trình báo cáo về số tiền thu được trước đại hội. Những khoản chi đặc biệt được bù lại bằng những khoản tiền đóng góp đặc biệt.

11. *Ban chấp hành trung ương* là cơ quan chấp hành của toàn thể Liên đoàn. Thành phần Ban chấp hành trung ương tối thiểu gồm ba uỷ viên, do khu bộ của địa phương mà đại hội xác định làm nơi đóng Ban chấp hành trung ương, bầu ra và bổ sung; Ban chấp hành trung ương chỉ phải báo cáo trước đại hội mà thôi.

12. *Đại hội* là cơ quan lập pháp của toàn Liên đoàn. Đại hội gồm các đại biểu do các hội nghị khu bộ cử đi mà cứ năm chi bộ thì mỗi hội nghị khu bộ được cử *một* đại biểu.

13. *Hội nghị khu bộ* là cơ quan đại diện của khu bộ, họp đều đặn ba tháng một lần ở trung tâm khu bộ, dưới sự lãnh đạo của ban chấp hành chi bộ chính để thảo luận những công việc của tổ chức khu bộ. Mỗi chi bộ cử một đại biểu đi dự hội nghị khu bộ. Hội nghị khu bộ bầu đại biểu đi dự đại hội Liên đoàn được triệu tập cố định vào giữa tháng Bảy hàng năm.

Điều 5. Chi bộ
Điều 6. Khu bộ
Điều 7. Ban chấp hành trung ương
Điều 8. Đại hội
Điều 9. Kết nạp vào Liên đoàn
Điều 10. Khai trừ khỏi Liên đoàn
(Tài chính)[1*]

1* Những chữ in nghiêng đậm nét là do tay Mác viết thêm vào phía dưới trang hai của bản thảo.

Bóp chết nền dân chủ, bọn phản động mới chỉ hành nghề của chúng mà thôi. Gây nên tội ác là những kẻ phản bội mà nhân dân cả tin đã đồng ý coi là những người lãnh đạo của họ và là những kẻ đã bán rẻ nhân dân cho bọn phản động.

Cái chính phủ đáng khinh! Bỏ ngoài tai những tiếng kêu và những lời yêu cầu của nhân dân, chính phủ đã quy định thuế 45 xăng-tim, thứ thuế mà cho những người nông dân tuyệt vọng phải phẫn uất.

Nó duy trì những bộ tham mưu quân chủ, những tên thẩm phán quân chủ, những đạo luật quân chủ. Phản bội!

Nó lùng bắt công nhân Pa-ri ngày 16 tháng Tư; nó bỏ tù những công nhân Li-mô-giơ; ngày 27 nó xử bắn những công nhân Ru-ăng; nó tháo bỏ xích xiềng cho tất cả những tên đao phủ chém giết họ, nó lừa dối và đầu độc tất cả những người cộng hòa chân thực. Phản bội! Phản bội!

Cái tội lỗi khủng khiếp gây ra tất cả những thảm họa đã thủ tiêu cuộc cách mạng năm 1848 là ở nó, ở riêng mình nó.

Ô, có những tên tội phạm cỡ lớn, nhưng xấu xa nhất trong số đó là những kẻ mà nhân dân bị lừa dối bởi những câu văn tuyên truyền của chúng lại coi chúng là thanh kiếm của mình và tấm mộc của mình; là những kẻ mà nhân dân đem cả nhiệt tình tôn lên thành những vị chúa tể của tương lai họ.

Thật đau lòng cho chúng ta, nếu như tới ngày nhân dân chiến thắng mai sau mà tính hay quên và lòng khoan dung của quần chúng sẽ để, cho dù chỉ là một trong số những kẻ đã phản bội sự uỷ quyền của nhân dân, lên nắm chính quyền! cách mạng sẽ đi đời lần thứ hai!

Công nhân hãy luôn luôn ghi nhớ bản danh sách những cái tên đáng nguyền rủa đó; và nếu như dù chỉ là một, đúng, dù chỉ là một cái tên đó chỉ khi nào đó sẽ có chân trong chính phủ cách mạng thì tất cả hãy đồng thanh thét vang: "Đồ phản bội!"

Những bài diễn văn, những lời thề ước, những bản cương lĩnh vẫn lại sẽ chỉ là bịp bợm và lừa dối; cũng vẫn chính những diễn viên tung hứng đó sẽ quay trở lại để làm những trò ảo thuật y như thế; đó sẽ là cái khâu đầu tiên trong chuỗi xích hành động mới của một số thế lực phản động còn điên cuồng hơn! Hãy nguyền rủa và trả thù chúng, nếu như có khi nào đó bọn chúng lại dám xuất đầu lộ diện lần nữa! sẽ phải xấu hổ thay cho đám đông ngu dốt và thương hại thay cho họ, nếu như họ một lần nữa lại sa vào lưới của bọn chúng!

Chẳng những vĩnh viễn tống cổ bọn làm trò ảo thuật tháng Hai ra khỏi tòa thị chính thành phố mà còn cần phải phòng ngừa những kẻ phản bội mới nữa!

Những kẻ phản bội - đó sẽ là những chính phủ mà sau khi cướp lên đầu lên cổ giai cấp vô sản lại không tiến hành ngay tức khắc:

1) giải pháp toàn bộ các đội cận vệ tư sản;

2) vũ trang cho tất cả mọi công nhân và tổ chức họ về mặt quân sự.

Tất nhiên là sẽ còn phải thi hành nhiều biện pháp khác nữa, nhưng những biện pháp đó sẽ tự nhiên nẩy sinh từ hành động đầu tiên đó, nó là sự đảm bảo sơ bộ, sự đảm bảo duy nhất cho an ninh của nhân dân.

Không nên để lại một cây súng nào trong tay giai cấp tư sản; nếu không thế thì không có cách gì cứu vãn được.

Những người theo các học thuyết khác nhau, giờ đây đang tranh giành lẫn nhau mối cảm tình của quần chúng, sẽ có khi nào đấy thực hiện được những điều họ hứa tiến hành các cuộc cải cách và mưu đồ hạnh phúc cho nhân dân, nhưng với điều kiện họ sẽ không được thả mồi bắt bóng.

Họ sẽ chỉ đạt được một thất bại đáng buồn, nếu như nhân dân, trong cơn đam mê lý luận thái quá, sẽ không quan tâm đến một nhân tố duy nhất thực tiễn, đáng tin cậy, đó là sức mạnh!

Vũ khí và tổ chức - đó là công cụ chủ yếu của tiến bộ, là phương tiện quyết định để chấm dứt cảnh đói nghèo.

Ai có thanh kiếm, người đó có cả bánh mì! Vũ khí bắt người ta phải quy phục, đám đông tay không thì bị xua tan. Nước Pháp tua tủa lưỡi lê của công nhân, - chủ nghĩa xã hội sẽ đến như vậy đấy.

Đối với những người vô sản có vũ trang sẽ không có gì là không thể đạt được, tất cả mọi trở ngại, mọi sức kháng cự đều sẽ biến mất.

Nhưng những người vô sản dễ bị mua vui bằng những cuộc dạo chơi nực cười trên đường phố, bằng việc trồng cây tự do, bằng những câu văn rất kêu của các trạng sư, thì sẽ nhận được lúc đầu là nước thánh, sau đó là những điều sỉ nhục, cuối cùng là đạn ria, và sự đói nghèo mãi mãi.

Vậy nhân dân hãy lựa chọn lấy!

Nhà lao Be-lơ-I-lơ-an-Mơ

Ngày 10 tháng Hai 1851

Đã được in thành sách riêng ở Béc-nơ vào mùa xuân năm 1851

In theo bản in trong cuốn sách riêng Nguyên văn là tiếng Đức "Lời nói đầu" được công bố lần đầu tiên bằng tiếng Nga

CHÚ THÍCH
THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN
CÁC BẢN CHỈ DẪN

CHÚ THÍCH

1 Sau khi buộc phải đình bản tờ "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo mới vùng Ranh") - do Mác và Ăng-ghen xuất bản ở Khuên từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849; tờ báo này, theo V.I.Lê-nin, là cơ quan ngôn luận xuất sắc nhất của giai cấp vô sản cách mạng, - Mác vẫn có ý định khôi phục lại cơ quan xuất bản riêng dưới hình thức này hay hình thức khác. Ông viết thư sang Thụy Sĩ báo cho Ăng-ghen biết ý định của mình và mời Ăng-ghen tới Luân Đôn để cùng bắt tay vào việc xuất bản đó. Những biện pháp thực hiện của Mác để chuẩn bị phương tiện và tìm người xuất bản đã thu được kết quả tốt, và vào giữa tháng Chạp 1849, Côn-rát Sram, với tư cách là người chịu trách nhiệm xuất bản, đã thoả thuận với hãng buôn bán sách Su-béc-tơ và công ty ở Hăm-buốc về việc xuất bản tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" ("Báo mới vùng Ranh. Tạp chí kinh tế - chính trị"). Nhiệm vụ của tờ tạp chí là: trên cơ sở phân tích theo duy vật lịch sử thời kỳ đã qua, rút ra những bài học từ cuộc cách mạng 1848 - 1849, xác định tính chất của hoàn cảnh lịch sử mới, tiếp tục đề xuất sách lược của đảng vô sản cách mạng. Phần lớn các bài báo (các bài viết, các bài điểm tình hình quốc tế, các bài bình luận) đều do Mác và Ăng-ghen viết, hai ông cũng lôi cuốn cả những người ủng hộ mình cùng cộng tác, như V. Vôn-phơ, I. Vây-đơ-mai-ơ, G. Ếch-ca-ri-út. Ngoài ra, trong số 1 có đăng bài bình luận ngắn của C. Blin-đơ "Đảng Áo và đảng Phổ ở Ba-đen", và trong số 4 có đăng một bài thơ của nhà dân chủ Pháp là Lu-i Me-na.

Ở ngoài bìa tạp chí có đăng các địa chỉ xuất bản; bên cạnh Luân Đôn, nơi mà Mác và Ăng-ghen cư trú, còn có đăng cả Hăm-buốc là nơi in tạp chí, và Niu Oóc nữa; Mác và Ăng-ghen cho rằng Niu Oóc là nơi rất thuận lợi để phát hành tạp chí, vì rất nhiều người tham gia vào cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức đã lưu vong sang đó. Tính đến khả năng của một cao trào cách mạng mới, hai ông dự định trong một thời gian ngắn sẽ biến tờ tạp chí thành một tờ báo hàng tuần,

và sau đó thành tờ báo hàng ngày (xem tập này, tr. 716 - 718). Song kế hoạch đó không thực hiện được. Tất cả tạp chí chỉ ra được có 6 số; số cuối cùng là số báo kép (5 - 6) được ra cuối tháng Mười một 1850. Tất cả những dự định nhằm tiếp tục xuất bản tờ tạp chí đều không thực hiện được do bị cảnh sát quản chế ở Đức và do thiếu phương tiện vật chất.

Ngày 19 tháng Chạp 1849 Mác gửi bài "Thông báo" cho I. Vây-đơ-mai-ơ ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ và yêu cầu đăng bài đó trên tờ "Neue Deutsche Zeitung" ("Báo Đức mới"), bài "Thông báo" được đăng trong những số 14, 23, 31 ra ngày 16, ngày 26 tháng Giêng và ngày 5 tháng Hai 1850. Đồng thời bài đó cũng được đăng trên tờ "Westdeutsche Zeitung" ("Báo Tây Đức") số 6 ra ngày 8 tháng Giêng 1850; trên tờ "Berner Zeitung" ("Báo Béc-nơ") số 361 ra ngày 27 tháng Chạp 1849; trên tờ "Düsseldorfer Zeitung") ("Báo Đuýt-xen-đoóc-phơ") số 9 ra ngày 10 tháng Giêng 1850 và tờ "Schweizerische National-Zeitung" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ") số 8 ra ngày 10 tháng Giêng 1850. - 11.

2 *"The Northern Star"* ("Sao Bắc đẩu") - tờ tuần báo Anh, cơ quan ngôn luận trung ương của phái Hiến chương; được thành lập năm 1836; xuất bản đến năm 1852, đầu tiên ở Lít-xơ, từ tháng Mười một 1844 trở đi thì ở Luân Đôn. Ph. Ô Cô-no là người sáng lập và là tổng biên tập của báo, ban biên tập còn có Gi. Hác-ni. Từ 1843 đến 1850 báo đăng những bài viết và những bài bình luận ngắn của Ph. Ăng-ghen. - 13.

3 *"The Times"* ("Thời báo") - tờ nhật báo Anh lớn nhất của phái bảo thủ, được thành lập ở Luân Đôn năm 1785. - 13.

4 Đây là nói đến bài văn công kích của nhà chính luận tiểu tư sản C. Hai-nơ-txen "Những bài học của cách mạng" được đăng trên tờ "Deutsche Londoner Zeitung" ("Báo Đức ở Luân Đôn") trong các số 241 và 242 ra ngày 9 và 16 tháng Mười một 1849. Những câu văn mang tính chất mị dân, cấp tiến trong bài văn công kích đó đã đẩy tất cả những người cách mạng Đức sống lưu vong ở Anh vào hoàn cảnh cực kỳ nguy nan; chẳng hạn như tác giả của bức thư đăng trên tờ "Times" ngày 23 tháng Mười một 1849 với chữ ký "Người chống chủ nghĩa xã hội", sau khi viện dẫn những lời phát biểu của C. Hai-nơ-txen ông ta đã kêu gọi bộ trưởng bộ nội vụ Anh "trong 24 giờ phải trục xuất khỏi Anh tất cả những người đang tuyên truyền những học thuyết ma quỷ này".

"Deutsche Londoner Zeitung" là tờ báo hàng tuần của những người Đức lưu vong ở Luân Đôn, ra đời từ tháng Tư 1845 đến tháng Hai 1851, được sự ủng hộ vật chất của công tước Các Brao-nơ-svai-gơ là một người đã từ bỏ ngôi vua.

Tổng biên tập là nhà dân chủ tiểu tư sản Lu-i Băm-béc-gơ.Trong những năm 1849 - 1850 chủ yếu báo đăng những bài của C. Hai-nơ-txen, G. Stơ-ru-vơ và của những nhà dân chủ tiểu tư sản khác, đồng thời trên các trang của tờ báo còn đăng các tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (tháng Ba 1848), chương đầu của "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" của C.Mác (tháng Tư 1850), một phần tác phẩm "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế" của C.Mác và Ph.Ăng-ghen (tháng Hai 1851), và một loạt những tuyên bố do C.Mác và Ph.Ăng-ghen ký tên. - 13.

5 Tác phẩm của C.Mác *"Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850"* được đăng thành một loạt bài dưới nhan đề chung "Từ năm 1848 đến năm 1849" được viết dành riêng cho tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue". Trong tác phẩm này, trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, Mác giải thích toàn bộ thời kỳ lịch sử Pháp và đề xuất những luận điểm quan trọng nhất của sách lược cách mạng của giai cấp vô sản. Lúc đầu, tác phẩm được dự định viết thành 4 bài: "Thất bại tháng Sáu 1848", "Ngày 13 tháng Sáu 1849", "Hậu quả của sự kiện ngày 13 tháng Sáu đối với lục địa" và "Tình hình hiện nay ở Anh". Nhưng chỉ có 3 bài là được đăng trên những số 1, 2 và 3 của tạp chí: "Thất bại tháng Sáu 1848", "Ngày 13 tháng Sáu 1849" và "Những hậu quả của sự kiện ngày 13 tháng Sáu 1849". Những vấn đề về sự ảnh hưởng của các sự kiện tháng Sáu 1849 trên lục địa và về tình hình ở Anh đã được trình bày rõ trong các bài khác đăng trên tạp chí, đặc biệt là trong các bài điểm tình hình quốc tế do Mác và Ăng-ghen cùng viết. Năm 1895, tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" đã được in riêng ở Béc-lin với lời tựa của Ph.Ăng-ghen. Trong tác phẩm này, ông đã bổ sung chương bốn, trong đó có các phần dành nói về các sự kiện ở Pháp: "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế" (xem tập này, tr. 609 - 614 và 621 - 635). Ăng-ghen gọi chương này là "Việc hủy bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu năm 1850"; ngày 13 tháng Hai 1895 ông viết cho R.Phi-sơ rằng chương bốn đó "là sự hoàn thành cơ bản toàn bộ tác phẩm, không có nó thì tập sách mỏng sẽ chỉ mang tính chất gián đoạn mà thôi". Lúc đó, nhan đề của ba chương đầu cũng được thay đổi: I. "Từ tháng Hai đến tháng Sáu 1848"; II. "Từ tháng Sáu 1848 đến ngày 13 tháng Sáu 1849"; III. "Từ ngày 13 tháng Sáu 1849 đến ngày 10 tháng Ba 1850". Trong lần xuất bản này, các nhan đề của ba chương đầu được đặt theo bài đăng trên tạp chí, chương bốn được đặt theo lần xuất bản năm 1895. - 15.

6 Cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri ngày 5 và ngày 6 tháng Sáu 1832 được cánh tả đảng cộng hòa và những tổ chức cách mạng bí mật chuẩn bị, trong đó có cả Hội bạn dân; đám tang của tướng La-mác, người chống đối chính phủ Lu-i Phi-líp, là cái cớ dẫn đến khởi nghĩa. Những công nhân tham gia khởi nghĩa đã dựng lên hàng loạt chiến

lũy và chống trả rất dũng cảm, kiên cường.

Cuộc khởi nghĩa của công nhân ở Li-ông vào tháng Tư 1834 nổ ra dưới sự lãnh đạo của Hội nhân quyền và dân quyền - một tổ chức bí mật của phái cộng hòa, - đây là một trong những cuộc nổi dậy quần chúng đầu tiên của giai cấp vô sản Pháp. Cuộc khởi nghĩa được những người cộng hòa ở một vài thành phố khác, đặc biệt là ở Pa-ri ủng hộ, và đã bị đàn áp dã man.

Cuộc khởi nghĩa ngày 12 tháng Năm 1839 ở Pa-ri, trong đó những công nhân cách mạng giữ vai trò chủ yếu, được Hội các mùa, một tổ chức bí mật thuộc phái cộng hòa - xã hội chủ nghĩa chuẩn bị, dưới sự lãnh đạo của O. Blăng-ki và A. Bác-be; cuộc khởi nghĩa đã bị quân đội và quân cận vệ quốc gia đánh bại. - 18.

7 *Rô-bớc Ma-cơ* là một kiểu người ranh mãnh, xảo quyệt, được diễn viên Pháp nổi tiếng Phrê-đê-rích Le-mét lột tả và được lưu danh thiên cổ trong bức vẽ châm biếm của Ô-nô-rê Đô-mi-ơ. Rô-bớc Ma-cơ là hình ảnh châm biếm nền thống trị của giới quý tộc tài chính trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy. - 21.

8 *Đồng minh đặc biệt* là đồng minh riêng của bảy bang theo Thiên chúa giáo, chậm phát triển về kinh tế ở Thụy Sĩ, được thành lập vào năm 1843 với mục đích chống lại những cải tạo tư sản tiến bộ ở Thụy Sĩ và bảo vệ những đặc quyền của nhà thờ và của bọn giáo sĩ dòng Tên. Những mưu đồ phản động của Đồng minh đặc biệt đã bị phái cấp tiến tư sản và phái tự do chống lại, những phái này chiếm ưu thế trong số lớn các bang và trong nghị viện Thụy Sĩ vào giữa những năm 40. Nghị quyết của nghị viện liên bang Thụy Sĩ tháng Bảy 1847 về việc giải tán Đồng minh đặc biệt là lý do khiến cho Đồng minh đặc biệt mở chiến sự chống lại các bang khác vào đầu tháng Mười một. Ngày 23 tháng Mười một 1847 quân đội của Đồng minh đặc biệt đã bị quân của chính phủ liên bang đánh bại. Trong thời kỳ cuộc chiến tranh Đồng minh đặc biệt, những cường quốc Tây Âu phản động tham gia Liên minh thần thánh trước kia, - Áo và Phổ - định can thiệp vào công việc của Thụy Sĩ để hỗ trợ cho Đồng minh đặc biệt. Để bảo vệ Đồng minh đặc biệt, trên thực tế Ghi-dô đã giữ lập trường ủng hộ những cường quốc đó. - 22.

9 Mùa xuân năm 1847 tại vùng Buy-dan-xe (tỉnh Anh-đơ-rơ) đã nổ ra vụ cướp kho thực phẩm của bọn đầu cơ theo sáng kiến của những công nhân bị đói và của dân những làng lân cận; việc đó đã dẫn tới cuộc xô xát đẫm máu giữa dân chúng với quân đội. Những sự kiện xảy ra ở Buy-dan-xe đã tạo cơ hội cho chính phủ đàn áp dã man: bốn người tham gia trực tiếp bị kết án tử hình ngày 16 tháng Tư 1847, nhiều người khác bị kết án khổ sai. - 23.

10 *"Le National"* ("Báo dân tộc") - tờ nhật báo Pháp, xuất bản tại Pa-ri từ năm 1830 đến năm 1851; là cơ quan ngôn luận của phái cộng hòa ôn hòa, tư sản. Ma-rơ-xtơ, Ba-xti-đơ và Gác-ni-ê-Pa-giê-xơ là những đại biểu nổi tiếng nhất của phái đó, có chân trong chính phủ lâm thời. - 13.

11 *"La Gazette de France"* ("Báo nước Pháp") - tờ nhật báo xuất bản ở Pa-ri từ năm 1631; trong những năm bốn mươi của thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của phái chính thống, những người ủng hộ việc khôi phục triều đại Buốc-bông. - 27.

12 Trong những ngày đầu tồn tại của chính phủ lâm thời, một vấn đề được đặt ra là lựa chọn quốc kỳ cho nền Cộng hòa Pháp. Những công nhân cách mạng Pa-ri yêu cầu quốc kỳ phải là lá cờ đỏ đã từng được kéo lên ở các khu công nhân ngoại ô Pa-ri trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1832. Các đại biểu của giai cấp tư sản đòi lấy lá cờ tam tài (xanh - trắng - đỏ), là lá cờ của nước Pháp trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII dưới đế chế Na-pô-lê-ông I. Trước cuộc cách mạng năm 1848 lá cờ đỏ là tượng trưng cho phái cộng hòa tư sản tập hợp xung quanh tờ "National". Các đại biểu công nhân đã buộc phải nhận cờ tam tài là quốc kỳ của nền cộng hòa Pháp. Song đính vào cán cờ là một chiếc nơ tết hình hoa hồng đỏ. - 30.

13 *"Le Moniteur universel"* ("Báo đại chúng") - tờ nhật báo Pháp, là cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ đã xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1869 với tên gọi đó. Trên các trang của tờ "Moniteur universel" có đăng tuần tự những văn bản của chính phủ, những báo cáo của quốc hội và những tài liệu chính thức khác; năm 1848 báo có đăng cả những báo cáo về phiên họp của Uỷ ban Lúc-xăm-bua. - 31.

14 *Jacques le bonhomme*, hay Jacques Bonhomme (Giắc đần độn) là biệt hiệu khinh bỉ mà bọn quý tộc dùng để gọi nông dân ở Pháp. - 36.

15 Đây là nói đến toàn bộ số tiền mà chính quyền nhà vua Pháp bỏ ra năm 1825 để bồi thường cho những quý tộc có của cải bị tịch thu trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 36.

16 *Lát-xa-rô-ni* là tên gọi bọn người mất hết mọi liên hệ với giai cấp của mình, những phần tử vô sản lưu manh ở I-ta-li-a; bọn Lát-xa-rô-ni đã nhiều lần dựa vào các nhóm quân chủ phản động để đấu tranh chống lại phong trào tự do, dân chủ. - 38.

17 Theo "đạo luật về người nghèo" ở Anh được thông qua năm 1834, chỉ có một hình thức giúp đỡ người nghèo được phép áp dụng là đưa họ vào những trại lao động, ở đó họ phải làm một công việc không sinh lợi, đơn điệu và đến kiệt sức; nhân dân gọi những trại lao động đó là "những nhà ngục Ba-xti-ơ đối với người

nghèo". - 39.

18 Đây là nói đến cuộc bầu cử vào bộ tổng tham mưu quân cận vệ quốc gia dự định vào ngày 18 tháng Ba và cuộc bầu cử vào Quốc hội lập hiến dự định vào ngày 9 tháng Tư. Những công nhân Pa-ri tập hợp xung quanh Blăng-ki, De-đa-mi và một số người khác, đòi hoãn bầu cử lại với lý do cần phải giải thích rõ về việc này cho dân chúng đã. - 41.

19 Cuộc nổi dậy cách mạng của quần chúng nhân dân ngày 15 tháng Năm 1848, trong đó công nhân Pa-ri giữ vai trò chủ yếu dưới sự lãnh đạo của Blăng-ki và một số người khác, đã diễn ra dưới khẩu hiệu phát triển sâu rộng cách mạng và ủng hộ phong trào cách mạng ở I-ta-li-a, Đức và Ba Lan. Những người biểu tình đã xông vào phòng họp Quốc hội lập hiến đòi phải thực hiện lời hứa cung cấp cho công nhân bánh mì và việc làm, và thành lập bộ lao động; họ mưu toan giải tán Quốc hội lập hiến và thành lập một chính phủ lâm thời mới. Cuộc nổi dậy của dân chúng ngày 15 tháng Năm đã bị đàn áp, các lãnh tụ của phong trào là Blăng-ki, Bác-be, An-be, Ra-xpai đã bị bắt. - 44.

20 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1993, t.5, tr. 165 - 168. - 47.

21 "*La Réforme*" ("Cải cách") - tờ nhật báo Pháp, cơ quan ngôn luận của phái cộng hòa dân chủ tiểu tư sản và của phái xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1843 đến năm 1850. Từ tháng Mười 1847 đến tháng Giêng 1848 Ăng-ghen đã đăng một số bài trên tờ báo này. - 50.

22 Đây là nói đến bài xã luận đăng trên tờ "Journal des Débats" ngày 28 tháng Tám 1848.

"*Journal des Débats*" là tên gọi tắt của tờ nhật báo tư sản Pháp "Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") thành lập ở Pa-ri năm 1789. Trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, là tờ báo của chính phủ, là cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản thuộc phái Oóc-lê-ăng. Vào thời kỳ cuộc cách mạng năm 1848, báo đã phản ánh những quan điểm của giai cấp tư sản cách mạng, của cái gọi là đảng trật tự. - 53.

23 Theo truyền thuyết của kinh thánh, Xa-un, nhà vua đầu tiên của vương quốc Do Thái, trong cuộc chiến tranh với những người Phi-li-xtim đã đánh bại hàng nghìn quân địch, còn dũng sĩ của ông ta là Đa-vít, người được ông che chở, đã đánh bại hàng vạn. Sau khi Xa-un chết, Đa-vít đã trở thành vua của vương quốc Do Thái. - 62.

24 *Hoa huệ* là huy hiệu tiêu biểu cho chế độ quân chủ Buốc-bông, *hoa sô-ô-lét* là tượng trưng cho phái Bô-na-pác-tơ. - 63.

25 Mác viện dẫn bản tin từ Pa-ri ngày 18 tháng Chạp, đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" số 174, ngày 21 tháng Chạp 1848 với ký hiệu thông tín viên của Phéc-đi-năng Vôn-phơ. Những lời dẫn ra ở đây có thể là của chính Mác, người đã biên tập lại tỉ mỉ tất cả những tài liệu lấy từ các báo. - 63.

26 *Đôi tai của Mi-đa-xơ* là đôi tai lừa mà thần A-pô-lông đã tặng cho vua Mi-đa-xơ ở xứ Phri-gi theo truyền thuyết cổ. - 66.

27 Báo chí chống Bô-na-pác-tơ đã đặt cho tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ cái tên là Xu-lu-cơ. Xu-lu-cơ là tổng thống nước Cộng hòa Ha-i-ti, tự xưng là hoàng đế ngày 26 tháng Tám 1849, một người nổi tiếng tàn bạo và hiếu danh.

Tút-xanh – Lu-véc-tuya là lãnh tụ phong trào cách mạng của những người da đen ở đảo Ha-i-ti theo khuynh hướng chống lại ách thống trị của người Tây Ban Nha và Anh trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 67.

28 Đây là nói về viên tướng Anh Gi. Môn-cơ đã dùng quân đội chính phủ dưới quyền chỉ huy của ông ta để khôi phục lại triều đại Xtiu-ắt năm 1660. - 75.

29 Từ ngày 7 tháng Ba đến ngày 3 tháng Tư 1849 ở Buốc-giơ đã diễn ra vụ án những người tham gia sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848 (xem chú thích 19). Blăng-ki bị kết án tù xà lim 10 năm, Đơ-phlốt, Xô-bri-ê, Ra-xpai, An-be và những người khác bị cầm tù với những thời hạn khác nhau, và bị đày đi biệt xứ. - 85.

30 Tướng Brê-a chỉ huy đội quân đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản Pa-ri đã bị những người nổi dậy giết chết ở cửa ô Phông-te-nơ-blô ngày 25 tháng Sáu 1848. Vì vậy, hai người tham gia khởi nghĩa đã bị xử tử. - 85.

31 Trong lần xuất bản thứ nhất và trong tất cả những lần xuất bản gần đây, tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850", đã in sai là ngày 29 tháng Năm. Trên thực tế, Quốc hội lập pháp khai mạc vào ngày 28 tháng Năm 1849. - 88.

32 Điều khoản V thuộc về phần mở đầu của hiến pháp; những điều khoản của văn bản chính của hiến pháp được đánh số bằng chữ số A-rập. - 91.

33 Cuộc họp các nhà hoạt động của phái Núi được tổ chức vào buổi tối ngày 12 tháng Sáu 1849 tại trụ sở ban biên tập tờ nhật báo của phái Phu-ri-ê "La Démocratie Pacifique" ("Dân chủ hòa bình"), xuất bản ở Pa-ri trong những năm 1843 - 1851 do V. Công-xi-đê-răng làm chủ biên. Những người tham gia cuộc họp đã từ chối việc

đấu tranh vũ trang và quyết định giới hạn hoạt động bằng biểu tình hòa bình. - 95.

34 Trong bản tuyên ngôn đăng trên báo "Le Peuple" ("Nhân dân") số 206, ngày 13 tháng Sáu 1849, "Hội dân chủ của những người bạn của hiến pháp" đã kêu gọi các công dân Pa-ri đi biểu tình hòa bình để phản đối "những tham vọng ngông cuồng" của chính quyền hiện hành. - 95.

35 Bản tuyên bố của phái núi đã được đăng trên tờ "Réforme" và trên tờ "Démocratie Pacifique", và cả trên báo của Pru-đông "Peuple" ngày 13 tháng Sáu 1849. - 95.

36 Mác có ý muốn nói đến uỷ ban gồm ba vị hồng y giáo chủ, uỷ ban này dựa vào sự ủng hộ của quân đội Pháp, sau khi đàn áp nước Cộng hòa La Mã đã khôi phục lại chế độ phản động ở La Mã. Các vị hồng y giáo chủ mang áo đỏ. - 101.

37 *"Le Siècle"* ("Thế kỷ") - tờ nhật báo xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836 đến 1939; trong những năm 40 thế kỷ XIX đã phản ánh những quan điểm của một bộ phận của giai cấp tiểu tư sản, bộ phận này giới hạn hoạt động của mình ở những yêu cầu cải cách hiến pháp ôn hòa. - 102.

38 *"La Presse"* ("Báo chí") - tờ nhật báo tư sản xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836; trong những năm 1848 - 1849 là cơ quan ngôn luận của phái cộng hòa tư sản; sau này trở thành báo của phái Bô-na-pác-tơ. - 102.

39 Có ý muốn nói đến bá tước Săm-bo (tự xưng là Hăng-ri V), xuất thân từ nhánh trưởng của dòng họ Buốc-bông, rắp ranh lên nối ngôi vua Pháp. Ngoài thành phố Vi-xba-den ra, thành phố Em-xơ là một trong những nơi Săm-bo thường cư trú ở Tây Đức. - 103.

40 Ở ngoại ô Luân Đôn, vùng Cle-rơ-mơn có một người lánh nạn từ Pháp sang là Lu-i Phi-líp sau cuộc cách mạng tháng Hai 1848. - 103.

41 *"Motu proprio"* ("tự ý mình") - là những lời đầu trong các thông điệp đặc biệt của giáo hoàng được thông qua không cần sự đồng ý của các giáo chủ và thường đề cập đến những vấn đề hành chính và chính sách đối nội của vùng đất Tòa thánh. Ở đây là nói về thông điệp của giáo hoàng Pi IX ra ngày 12 tháng Chín 1849. - 104.

42 Trích trong bài thơ của nhà thơ Đức G. Héc-vếch "Từ vùng núi" ("Aus den Bergen"). Xem H. Herwegh. "Gedichte eines Lebendigen" ("Thơ của một con người sôi nổi"). - 105.

43 Kết luận này về thắng lợi của cách mạng vô sản chỉ có thể đạt được cùng một lúc ở các nước tư bản tiên tiến và do đó, không thể đạt được ở một nước riêng

biệt, đã được diễn đạt đầy đủ nhất trong tác phẩm của Ăng-ghen "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản" (1847) - là kết luận đúng đắn đối với thời kỳ trước chủ nghĩa tư bản độc quyền. Trong những điều kiện lịch sử mới, trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền, V.I.Lê-nin - xuất phát từ quy luật do Người phát hiện ra về sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa - đã đi đến một kết luận mới là thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể đạt được trước hết ở một số nước hoặc thậm chí ở một nước riêng lẻ, và thắng lợi của cách mạng không thể đạt được đồng thời ở tất cả các nước hoặc ở đa số các nước. Kết luận mới đó lần đầu tiên được trình bày trong bài viết của V.I.Lê-nin "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu" (1915). - 112.

44 Con số không ăn khớp: đáng ra phải là 578178000, chứ không phải 538000000; có lẽ là những chữ số trên bị in sai. Song điều đó cũng không làm ảnh hưởng đến kết quả tổng quát: trong trường hợp nào cũng vậy, số thực thu tính theo đầu người vẫn ít hơn 25 phrăng. - 118.

45 Ở tỉnh Gác-đơ đã tiến hành bầu cử bổ sung vì nghị sĩ đơ Bô bị chết. Pha-vô-nơ là ứng cử viên của những người ủng hộ phái Núi đã trúng cử với đa số phiếu là 20 nghìn trên 36 nghìn phiếu. - 120.

46 Để gây áp lực đối với cử tri trong các cuộc bầu cử bổ sung vào Quốc hội lập pháp sắp tiến hành vào ngày 10 tháng Ba 1850, chính phủ đã chia lãnh thổ Pháp thành năm quân khu lớn, kết quả là Pa-ri và những tỉnh sát nó bị bao vây giữa bốn quân khu kia; đứng đầu các quân khu đó là những phần tử cực kỳ phản động. Để nhấn mạnh sự giống nhau giữa quyền lực vô hạn của những viên tướng phản động đó với quyền lực độc tài của các pa-sa Thổ Nhĩ Kỳ, các báo chí cộng hòa đã gọi những quân khu đó là những pa-sa-lic. - 120.

47 Đây là nói đến bức thông điệp của tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ gửi cho Quốc hội lập pháp ngày 31 tháng Mười 1849, trong đó ông ta thông báo việc bãi bỏ nội các Ba-rô và thành lập một nội các mới. - 121.

48 Trong bức thông điệp ngày 10 tháng Mười một 1849 viên cảnh sát trưởng Pa-ri mới được bổ nhiệm là Các-li-ê đã kêu gọi thành lập "đồng minh xã hội chống chủ nghĩa xã hội" nhằm bảo vệ "tôn giáo, lao động, gia đình, sở hữu, lòng trung thành với chính phủ". Thông điệp này đã được đăng trên tờ "Moniteur universel" ngày 11 tháng Mười một 1849. - 121.

49 *"Le Napoléon"* ("Na-pô-lê-ông") - tờ tuần báo của phái Bô-na-pác-tơ, cơ quan ngôn

luận của Lu-i Bô-na-pác-tơ, xuất bản ở Pa-ri từ ngày 6 tháng Giêng đến ngày 19 tháng Năm 1850. - 122.

50 *Cây tự do* được trồng trên các phố ở Pa-ri sau khi cuộc cách mạng tháng Hai 1848 thắng lợi. Tục lệ trồng cây tượng trưng cho nền tự do ở Pháp - thường là cây sồi hoặc bạch dương - đã có từ thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII và lúc bấy giờ được Hội nghị Quốc ước quy định. - 127.

51 *Đài kỷ niệm tháng Bảy* được dựng lên ở Pa-ri năm 1840 để kỷ niệm ngày ngục Ba-xti-ơ thất thủ 14 tháng Bảy 1789; kể từ cuộc cách mạng tháng Hai 1848 được trang trí bằng những vòng hoa bất tử. - 127.

52 F. Vidal. "De la répartition des richesses". Paris, 1846. - 128.

53 *Cô-blen-txơ* - một thành phố ở TâyĐức, trung tâm hoạt động của lực lượng lưu vong phản cách mạng trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 132.

54 Quan điểm của Pru-đông đưa ra trong bài bút chiến chống nhà kinh tế tư sản Ph. Ba-xti-a, bài này được đăng trên những trang báo "Voix du Peuple" ("Tiếng nói của nhân dân") từ tháng Mười một 1849 đến tháng Hai 1850. Bài bút chiến này được in lại thành lập riêng, xuất bản ở Pa-ri năm 1850 dưới nhan đề: "Gratuité du crédit. Discussion entre m. Fr. Bastiat et m. Proudhon" ("Tín dụng cho không. Cuộc tranh luận giữa ngài Ph. Ba-xti-a và ngài Pru-đông"). - 135.

55 Năm 1797, chính phủ Anh ra một sắc lệnh đặc biệt về việc hạn chế ngân hàng (thu hẹp), sắc lệnh này quy định giá hối đoái cưỡng bức cho giấy bạc ngân hàng và hủy bỏ việc đổi giấy bạc ngân hàng lấy vàng. Việc đổi giấy bạc ngân hàng lấy vàng mãi đến năm 1819 mới được khôi phục lại. - 135.

56 Đây là nói về một thương gia người Pa-ri là A-lếch-xăng-đrơ Lơ-clếc, người đã được thưởng huy chương Bắc đẩu bội tinh vì đã cùng với các con mình tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 với tư cách là lính cận vệ quốc gia. - 138.

57 Đây là nói đến uỷ ban gồm 17 người thuộc phái Óc-lê-ăng và phái chính thống, là những nghị sĩ của Quốc hội lập pháp, do bộ trưởng bộ nội vụ chỉ định ngày 1 tháng Năm 1850 để soạn thảo đạo luật tuyển cử mới. Để ám chỉ những tham vọng cướp chính quyền vô lý và những ý đồ phản động của những kẻ theo phái quân chủ này, người ta đặt tên cho các uỷ viên của uỷ ban là những viên tổng trấn; tên gọi mỉa mai đó lấy từ vở kịch lịch sử cùng tên của V. Huy-gô. - 138.

58 *"L'Assemblée nationale"* ("Quốc hội") - tờ nhật báo Pháp của phái chính thống - quân chủ, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1848 đến năm 1857. Trong những năm 1848 - 1851,

tờ báo phản ánh những quan điểm của những người tán thành hợp nhất hai phái của triều đại là phái chính thống và phái Óc-lê-ăng. - 41.

59 *"Le Constitutionnel"* ("Người lập hiến") - tờ nhật báo tư sản Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1815 đến năm 1870; trong những năm 40 là cơ quan ngôn luận của cánh ôn hòa thuộc phái Óc-lê-ăng; trong thời kỳ cách mạng năm 1848, tờ báo phản ánh những quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng tập hợp xung quanh Chi-e; sau cuộc đảo chính tháng Chạp 1851, báo thuộc phái Bô-na-pác-tơ. - 141.

60 Đây là nói đến hai văn kiện: "Báo cáo của phái Núi với nhân dân" đăng trên báo "Peuple de 1850" ("Nhân dân năm 1850") số 6, ngày 11 tháng Tám 1850, và lời kêu gọi "Gửi nhân dân" cũng đăng trên báo đó số 7, ngày 14 tháng Tám 1850. - 142.

61 *Baiser Lamourette* (cái hôn của La-mu-rết) - là ám chỉ một sự kiện nổi tiếng trong thời kỳ cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. Ngày 7 tháng Bảy 1792, một nghị sĩ của Quốc hội lập pháp là La-mu-rết đã yêu cầu chấm dứt tất cả những cuộc phân tranh giữa các đảng bằng một cái hôn hữu nghị. Theo lời đề nghị đó, các đại biểu của các đảng đối địch nhau đã ôm hôn nhau, nhưng, quả là như đã chờ đợi, ngay ngày hôm sau, người ta đã hoàn toàn quên đi "cái hôn hữu nghị" giả tạo đó. - 142.

62 *"Le Pouvoir"* ("Quyền lực") - cơ quan ngôn luận của phái Bô-na-pác-tơ xuất bản ở Pa-ri năm 1849. - 144.

63 Theo điều khoản 32 của hiến pháp nước Cộng hòa Pháp, một uỷ ban thường trực được chỉ định ra để giải quyết công việc trong những kỳ nghỉ của Quốc hội lập pháp. Uỷ ban này bao gồm 25 thành viên đã được lựa chọn, cùng với ban thường vụ của Quốc hội. Năm 1850, trên thực tế, uỷ ban này gồm 39 người: 11 thành viên ban thường vụ, 3 cục trưởng và 25 thành viên được lựa chọn. - 144.

64 *In partibus infidelium* (theo đúng nguyên văn: "trong các xứ sở của những kẻ vô đạo") là những chữ đi kèm với tước hàm của các giáo chủ theo đạo Thiên chúa được bổ nhiệm với những chức vụ đơn thuần về mặt danh nghĩa ở những nước không theo đạo Cơ Đốc. Mác và Ăng-ghen thường dùng những chữ này để chỉ những chính phủ lưu vong được thành lập ở nước ngoài, không quan tâm đến hoàn cảnh thực tế ở trong nước.

Trong trường hợp này nói về nội các được sắp đặt sẵn trong trường hợp bá tước Săm-bo là người cầm đầu phái chính thống lên nắm chính quyền, nội các gồm có đơ Lêvi-xơ, Xen-Pri-xtơ, Be-ri-e, Pa-xto-rơ và Đ'E-xca-rơ. - 145.

65 Đây là nói đến cái gọi là "tuyên ngôn Vi-xba-đen", một thông tri, do thư ký của

phái chính thống trong Quốc hội lập pháp là Đơ Bắc-tê-lê-mi thảo ra ngày 30 tháng Tám 1850 và Vi-xba-đen theo sự uỷ nhiệm của bá tước Sam-bo. Bản thông tri này quy định chính sách của phái chính thống trong trường hợp phái này lên nắm chính quyền; bá tước Sam-bo tuyên bố rằng ông ta "chính thức và *dứt khoát* bác bỏ bất kỳ sự kêu gọi nào đối với nhân dân, bởi vì kêu gọi như vậy có nghĩa là từ bỏ nguyên tắc mang tính dân tộc vĩ đại của chế độ quân chủ thế tập". Tuyên bố này đã gây nên một cuộc luận chiến trên các báo chí nhân có sự phản kháng của một loạt những người theo phái quân chủ, đứng đầu là nghị sĩ La-rô-sơ-giắc-cơ-lanh. - 145.

66 Tác phẩm *"Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức"* là những bài khái luận về lịch sử cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849 do Ăng-ghen khởi thảo ngay sau khi ông tới Thụy Sĩ cùng với những chiến sĩ còn lại của quân khởi nghĩa bị thất bại. Theo lời khuyên của Mác - Mác đã viết thư cho Ăng-ghen nói về vấn đề này vào nửa đầu tháng Tám 1849, ngay từ khi Mác còn ở Pa-ri, - Ăng-ghen đã biên soạn tác phẩm của mình theo tính chất một bài văn công kích nhằm chống lại phái dân chủ tiểu tư sản. Đầu tiên, Ăng-ghen định xuất bản tác phẩm dưới dạng một tập sách mỏng in riêng, và với sự giúp đỡ của các đảng viên Liên đoàn những người cộng sản là Gi. Sa-bê-lit-xơ và I. Vây-đơ-mai-ơ, ông đã tìm được người xuất bản tác phẩm. Song, những bước tiến hành của Mác nhằm xuất bản một tờ tạp chí riêng đã khiến Ăng-ghen từ bỏ ý định ban đầu của mình. Ở Thụy Sĩ, hình như chủ yếu là Ăng-ghen thu thập tài liệu; tháng Mười, ông phải ngừng công việc lại vì phải sang Anh, nơi Mác đang ở. Ở Luân Đôn, Ăng-ghen lại tiếp tục viết khái luận, và hai chương đầu là "Phần nước Phổ vùng ranh" và "Các-lơ-xru-ê" đã được đưa vào số đầu tiên của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue". Toàn bộ tác phẩm đã hoàn thành vào tháng Hai 1850. Tác phẩm "Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức" của Ăng-ghen không được in lại khi ông còn sống. Lần đầu tiên tác phẩm được Ph. Mê-rin-gơ đăng lại bằng tiếng Đức vào năm 1902 trong tuyển tập "Aus dex literarischen Nachlass von K. Marx, F. Engels und F. Lassale" ("Từ di sản sách báo của C.Mác, Ph.Ăng-ghen và Ph. Lát-xan"), tập III. - 151.

67 Điệp khúc của bài hát được phổ biến rộng rãi ở miền Nam nước Đức trong thời kỳ cuộc cách mạng năm 1848 - 1849. - 153.

68 *"Xung quanh Slê-đơ-vích-Hôn-stai-nơ là biển cả"* là bài hát của những chiến sĩ đấu tranh giải phóng Slê-đơ-vích-Hôn-stai-nơ khỏi ách thống trị của Đan Mạch. - 153.

69 Bản Hiến pháp để chế đã được Quốc hội Phran-phuốc thông qua ngày 28 tháng Ba 1849. Nó phản ánh sự thỏa hiệp giữa đảng dân chủ và phái giữa tư sản - tự do diễn ra lúc bấy giờ ở trong Quốc hội và mang tính chất mâu thuẫn. Hiến pháp này ban bố các quyền tự do dân chủ, nhưng đồng thời nó lại giao quyền hành pháp cho chính phủ để chế do hoàng đế đứng đầu. Các đảm phụ phong kiến và các khoản tiền nộp liên quan đến ruộng đất thì không được xóa bỏ, mà chuyển thành chế độ tiền chuộc. Bản hiến pháp này chính là một bước để tiến đến thống nhất nước Đức; tuy nhiên, cái thiếu sót cơ bản của nó là ở chỗ, như Ăng-ghen đã nhấn mạnh, nó hoàn toàn chỉ là một mớ giấy lộn và chẳng hề có một sức mạnh nào để thực hiện được những điều khoản của nó cả. Các chính phủ của hầu hết tất cả các quốc gia lớn ở Đức (Phổ, Dắc-đen, Ba-vi-e, Han-nô-vơ và v.v.) đã không chịu công nhận bản hiến pháp; quần chúng nhân dân đang bắt đầu cuộc đấu tranh vũ trang ở tỉnh Ranh, ở Đrơ-xđen, Ba-đen và Pphan-xơ, dưới sự lãnh đạo của các nhà dân chủ tiểu tư sản, là những người duy nhất bảo vệ hiến pháp ấy. - 153.

70 *"Các liên minh tháng Ba"* ở các thành phố của nước Đức là những chi nhánh của "Liên minh tháng Ba trung ương" do các nghị sĩ cánh tả của Quốc hội Phran-phuốc lập ra vào cuối tháng Mười một 1848 ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. Những người lãnh đạo của "các liên minh tháng Ba" - những nhà dân chủ tiểu tư sản như Phruê-ben, Xi-môn, Ru-gơ, Phô-gtơ - đã dùng lời nói thay cho hành động cách mạng, đã bộc lộ tính chất dung hòa hèn nhát, do dự, và không có năng lực tiến hành đấu tranh chống thế lực phản cách mạng. Trong một loạt các tác phẩm của mình, Mác và Ăng-ghen đã phê phán không thương tiếc hoạt động của "các liên minh tháng Ba" và những người lãnh đạo tiểu tư sản của nó. - 154.

71 *Lời thề ở Gruýt-li* - một trong những truyền thuyết xung quanh việc thành lập Liên bang Thụy Sĩ. Theo truyền thuyết này thì những đại biểu của ba bang đã gặp nhau ở cánh đồng cỏ Gruýt-li (hay là Ruýt-li) vào năm 1307 và đã thề sẽ trung thành với Liên bang trong cuộc đấu tranh chung chống ách thống trị của Áo. - 154.

72 *Phái cực tả của Quốc hội Phran-phuốc* (Ru-gơ, Sluê-phen, Xi-pơ, Truýt-slơ và những người khác) chủ yếu đại diện cho giai cấp tiểu tư sản, nhưng lại được sự ủng hộ của một bộ phận trong công nhân Đức. Phái này, trong khi tuyên bố ủng hộ chế độ cộng hòa và ủng hộ những biện pháp đấu tranh cách mạng, thì đồng thời lại thường tỏ ra hèn nhát và do dự trong việc tiến hành những biện pháp cách mạng và trong việc động viên quần chúng chống bọn phản cách mạng đang tấn công. Các quan điểm tiểu tư sản của các thủ lĩnh của phái này đã làm cho họ không hiểu được lập trường sáng tỏ trong vấn đề thống nhất nước Đức. Vào tháng Tư - tháng Năm 1849, sau khi phái bảo thủ và một số lớn những nghị sĩ

thuộc phái tự do đã rời bỏ Quốc hội, thì những người dân chủ tiểu tư sản (cánh tả và cực tả) đã trở thành đa số trong Quốc hội ấy. Vì có nguy cơ bị giải tán nên ngày 30 tháng Năm 1849 Quốc hội đã chuyển trụ sở của mình đến Stút-gát, thành phố lớn của Vuyếch-tem-béc, mà chính phủ của Vuyếch-tem-béc thì đang giữ thái độ trung lập chờ thời. Ở thành phố này, Quốc hội vẫn tiếp tục duy trì chính sách cũ, tức là không để cho nhân dân tham gia cuộc đấu tranh cách mạng công khai. Vì vua Phổ từ chối vương miện hoàng đế và vì sự phản bội của quan nhiếp chính đế chế là đại công tước Ác-lô-han, nên ngày 6 tháng Sáu 1849, Quốc hội đã chọn trong số các nghị sĩ của mình một *Hội đồng nhiếp chính đế chế* gồm 5 người (Ph. Ra-vô, C. Phô-gtơ, H. Xi-môn, Ph. Suy-lơ và A. Bê-khơ). Mưu toan của tập đoàn nhiếp chính là bảo đảm cho thắng lợi cách mạng bằng phương pháp nghị trường, đã hoàn toàn bị thất bại; ngày 18 tháng Sáu, Quốc hội đã bị quân đội của Vuyếch-tem-béc giải tán. - 154.

73 Bài báo đã hứa trước là sẽ viết về cuộc hành quân của Mi-e-rốt-xlấp-xki đã không được công bố trên tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue". - 157.

74 Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đre-xđen đã diễn ra từ ngày 3 đến ngày 8 tháng Năm 1849. Lý do đưa đến khởi nghĩa là việc nhà vua ở Dắc-den không thừa nhận hiến pháp đế chế và đã bổ nhiệm một tên cực kỳ phản động là Sin-xkin vào chức vụ thủ tướng. Giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản thì hầu như không tham gia vào cuộc khởi nghĩa, công nhân đóng vai trò chủ yếu trong các cuộc chiến đấu trên chiến lũy. X. Siếc-nơ, M. Ba-cu-nin và những người khác nữa đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Đáp lại lời kêu gọi giúp đỡ của các chiến sĩ chiến đấu trên các chiến lũy ở Đre-xđen, phái dân chủ tiểu tư sản ở Lai-pxích chỉ đưa ra những lời tuyên bố suông. Hội đồng thành phố và dân vệ ở Lai-pxích không những đã từ chối giúp đỡ những người khởi nghĩa ở Đre-xđen, mà còn đàn áp tàn bạo cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở Lai-pxích của những công nhân và thợ thủ công đang tìm cách ngăn cản việc điều một đơn vị quân đồn trú ở Lai-pxích đi Đre-xđen. - 159.

75 *Code Napoléon* (Bộ luật Na-pô-lê-ông) - là bộ dân luật được Na-pô-lê-ông công bố vào năm 1804, được ban bố ở những khu vực miền Tây và Tây - Nam nước Đức đang bị Pháp xâm chiếm và còn có hiệu lực ở tỉnh Ranh sau khi tỉnh này đã sáp nhập vào Phổ. Ăng-ghen gọi nó là "bộ luật cổ điển của xã hội tư sản". - 160.

76 *Quân hậu bị* - là một đơn vị của các lực lượng vũ trang gồm những người đã lớn tuổi nhập ngũ theo nghĩa vụ, đó là những người đã hết hạn trong quân đội thường trực và quân dự bị. Theo các đạo luật của Phổ thì chỉ khi nào có chiến

tranh thì mới gọi tới quân hậu bị. - 164.

77 *Nội các đế chế Phran-phuốc* được thành lập theo quyết nghị của Quốc hội Phran-phuốc ngày 28 tháng Sáu 1848 với tư cách là chính phủ trung ương lâm thời. Chính phủ này, trên thực tế không hề có ngân sách và quân đội riêng, và do đó cũng không có một lực lượng hiện thực nào cả; chẳng bao lâu nó đã biến thành kẻ tòng phạm của thế lực phản cách mạng. - 165.

78 *Cuộc tấn công vào kho vũ khí ở Pruyn* do phái dân chủ tiến hành vào ngày 17 và 18 tháng Năm 1849 với sự ủng hộ của những công nhân ở Tơ-ria và của dân chúng các vùng lân cận. Mục đích của những người tham gia cuộc tấn công này là để chiếm lấy vũ khí và tiến hành khởi nghĩa nhằm bảo vệ hiến pháp đế chế. Mặc dù kho vũ khí bị nghĩa quân tạm thời chiếm lấy, nhưng chẳng bao lâu, phong trào đã bị các quân đội chính phủ được phái đến kịp thời đàn áp. - 172.

79 *Lá cờ tam tài* - ở đây là lá cờ đen-đỏ-vàng, tượng trưng cho phong trào đòi thống nhất nước Đức. Trong thời kỳ cuộc cách mạng 1848 - 1849 lá cờ ba sắc ấy được tuyên bố là quốc kỳ của nước Đức. - 172.

80 Sau khi tờ "Neue Rheinische Zeitung" bị đóng cửa, C.Mác, Ph. Vôn-phơ, E. Đron-ke là những biên tập viên của tờ báo đã đi Pa-ri. Trong thời gian này, ở Pa-ri, phái "Núi" và các câu lạc bộ cách mạng đang chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh chống đảng trật tự đang cầm quyền lúc bấy giờ. - 182.

81 Ngày 12 tháng Năm 1849, ở Ốp-phen-buốc (Ba-đen) đã tiến hành đại hội đại biểu của các Liên minh nhân dân của Ba-đen; những người lãnh đạo đại hội chỉ giới hạn hoạt động của mình ở việc đòi thay thế nội các và triệu tập Quốc hội lập hiến. Chỉ sau khi quân đội Ba-đen đã ngả sang phía nhân dân thì tại hội nghị quần chúng ngày 13 tháng Năm 1849, người ta mới đưa ra được những yêu sách cách mạng hơn và mới thành lập được uỷ ban Ba-đen nắm được toàn bộ chính quyền trong tay. - 184.

82 *Thượng nghị viện* - một trong những cơ quan quản lý của thành thị tự do Phran-phuốc, nắm cả chức năng lập pháp lẫn chức năng hành chính. - 185.

83 *"Câu lạc bộ tiến bộ triệt để"*, được thành lập ngày 5 tháng Sáu 1849 ở Các-lơ-xru-ê, đã thống nhất cánh cấp tiến hơn của phái dân chủ và phái cộng hòa tiểu tư sản (Stơ-ru-vơ, T. Siếc-nơ, Hai-nơ-txen và những người khác), những người bất mãn với chính sách đầu hàng của chính phủ Bren-ta-nô và bất mãn với việc chính phủ này củng cố những phần tử cánh hữu của nó. Câu lạc bộ đề nghị Bren-ta-nô triển khai cách mạng ra ngoài biên giới Ba-đen và Pphan-txơ và bổ sung cho đầy đủ

thành phần của chính phủ bằng những phần tử cấp tiến. Sau khi nhận được sự trả lời bác bỏ đề nghị ấy, ngày 6 tháng Sáu, các hội viên của câu lạc bộ đã đe dọa chính phủ là sẽ tổ chức một cuộc biểu tình vũ trang. Tuy vậy, với sự ủng hộ của dân vệ và của các đơn vị vũ trang khác, chính phủ đã buộc họ phải đầu hàng. "Câu lạc bộ tiến bộ triệt để" đã bị giải tán. - 189.

84 *"Sáu thảm họa của loài người"*, mà G. Stơ-ru-vơ cho là cần phải đấu tranh chống lại đó là: quyền lực của nhà vua, giới quý tộc lâu đời, giới quan chức, quân đội thường trực, giới thầy tu, ách thống trị của bọn trùm tài phiệt. (Xem bức thư của G. Stơ-ru-vơ, đăng trên tờ "Deutsche Londoner Zeitung", ngày 26 tháng Mười 1849. - 191.

85 Đây là nói đến cuốn sách mỏng: G. Struve "Die Grudrechte des deutschen Volkes". Birsfelden bei Basel, 1848 (G. Stơ-ru-vơ. "Những quyền cơ bản của nhân dân Đức". Biếc-xphen-đơ, ở gần Ba-lơ, 1848). - 192.

86 Các phiên họp của chính phủ Bren-ta-nô diễn ra ở trụ sở của viện những đại biểu các đẳng cấp ở Các-lơ-xru-ê. - 194.

87 *Át-ta Tơ-rôn* - một nhân vật trong bài thơ cùng tên của Hai-nơ; đây là bài thơ trào phúng viết về những người dân chủ tiểu tư sản Đức. A. Ru-gơ, như Mác và Ăng-ghen đã chỉ ra trong tác phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong", đã sống theo kiểu Át-ta Tơ-rôn là người ủng hộ thuyết bình đẳng chung.

Vào những năm 1848 - 1849, A. Ru-gơ đã xuất bản ở Béc-lin tờ báo mang khuynh hướng tiểu tư sản - dân chủ "Die Reform" ("Cải cách"). - 199.

88 *"Karlsruher Zeitung"* ("Báo Các-lơ-xru-ê") - là tờ nhật báo Đức, cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ Ba-đen, đặc biệt là của chính phủ Bren-ta-nô năm 1849. - 200.

89 *Ban chấp hành trung ương những người dân chủ Đức* đã được bầu ra ở đại hội dân chủ lần thứ hai họp ở Béc-lin từ ngày 26 đến ngày 30 tháng Mười 1848. Giấy uỷ nhiệm thay mặt cho Ban chấp hành trung ương đã được uỷ viên của Ban chấp hành trung ương Đe-xte trao cho Mác vào cuối tháng Năm 1849 - 203.

90 Đây là nói về đảng của những người dân chủ tiểu tư sản và những người xã hội chủ nghĩa, tập hợp xung quanh tờ báo "Réforme". Lơ-druy-Rô-lanh và Lu-i Blăng lãnh đạo. Các đại biểu của đảng này đấu tranh đòi thi hành những cải cách dân chủ và xã hội. Một bộ phận nhất định của công nhân Pháp chịu ảnh hưởng của những người dân chủ - xã hội. - 203.

91 *"Fliegende Blätter"* ("Thuyền đơn") - là tờ tạp chí Đức ra hàng tuần, mang tính

chất trào phúng, được thành lập năm 1845 ở Muyn-sen. - 204.

92 Đây là nói về tờ báo *"Bote für Stadt und Land"* ("Thông báo cho thành thị và nông thôn"), là cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ. Bài viết duy nhất của Ăng-ghen được đăng trong số 110 của tờ báo này ra ngày 3 tháng Sáu 1849 dưới nhan đề "Cuộc khởi nghĩa cách mạng ở Pphan-xơ và Ba-đen" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ hai, Mát-xcơ-va, 1957, t.6). - 211.

93 *Phrúc-han-lơ* - là cửa hàng bán rau quả ở Khai-đơ-xlao-tơn, đây là nơi đặt các văn phòng quản lý trung ương của chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ. - 212.

94 *Khinh kỵ binh* (chevaux-légers - dùng nguyên văn: kỵ binh nhẹ) - tên gọi các trung đoàn kỵ binh nhẹ, được vũ trang bằng kiếm, súng ngắn và súng các - bin, được tổ chức ở một số nước Tây Âu. - 212.

95 *"Frankfurter Journal"* ("Báo Phran-phuốc") - là nhật báo Đức, xuất bản từ năm 1616, vào giữa thế kỷ XIX mang xu hướng tự do. - 212.

96 *"Kölnische Zeitung"* ("Báo Khuên") - là nhật báo Đức, được xuất bản từ năm 1802 ở Khuên với cái tên gọi này. Vào những năm 1848 - 1849, báo phản ánh chính sách hèn nhát và phản bội của giai cấp tư sản tự do Phổ; thường xuyên đấu tranh kịch liệt với tờ "Neue Rheinische Zeitung". - 212.

97 Câu này lấy trong tác phẩm "I-li-át" của Hô-me (khúc ca thứ hai, câu thơ 408, v.v.), theo bản dịch ra tiếng Đức của I.H. Phốt-xơ vào năm 1819. - 215.

98 Sau khi mưu toan làm cho chính phủ Cam-pơ-hau-den-Han-đơ-man phải giao vũ khí cho nhân dân không thành, ngày 14 tháng Sáu 1848, công nhân và thợ thủ công Béc-lin đã đánh chiếm kho vũ khí. Song, hành động của công nhân Béc-lin là tự phát và không có tổ chức. Cùng với các đơn vị dân vệ tư sản, quân viện binh kịp thời kéo đến đã nhanh chóng đẩy lui được dân chúng và tước vũ khí của họ. - 216.

99 Ở đây Ăng-ghen có ý mỉa mai, khi đem so sánh Blen-cơ với Ép-ghê-nhi Xa-voa, một thống soái nổi tiếng vào cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII. - 220.

100 *Pi-xtôn* - là nhân vật trong một loạt tác phẩm của Sếch-xpia ("Mấy bà vui tính ở Uyn-đơ", "Vua Hăng-ri IV", "Cuộc đời của vua Hăng-ri IV"; một tên ăn không ngồi rồi, khoác lác và lừa bịp.

Phôn-xtáp - là một nhân vật trong các tác phẩm của Sếch-xpia ("Mấy bà vui tính ở Uyn-đơ", "Vua Hăng-ri IV"); một tên khoe khoang, hèn nhát. - 230.

101 Câu này lấy trong diễn từ của nhà vua Phri-đrích-Vin-hem IV lúc khai mạc Nghị viện bang liên hợp ở Phổ ngày 11 tháng Tư 1847. - 234.

102 Xem chú thích 83. - 241.

103 Đây là nói về cuốn sách: "Rapports du Général Mieroslawski sur la campagne de Bade". Berne, 1849 ("Các báo cáo của tướng Mi-e-rốt-xláp-xki về chiến dịch Ba-đen". Béc-nơ, 1849). - 248.

104 G. Struve. "Geschichte der drei Volkserhebungen in Baden". Bern, 1849. - 250.

105 Ngày 17 tháng Chín 1848, tại cuộc họp đông dân chúng ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, khi phản đối thái độ nằm im không hoạt động của Quốc hội Phran-phuốc, phản đối chính sách phản bội của Quốc hội này trong vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, Ph. Txít-xơ đã lên tiếng chống lại việc gửi cho Quốc hội bất kỳ một bức thư thỉnh nguyện nào và tuyên bố rằng giờ đây đã đến lúc "phải hành động một cách kiên quyết". - 256.

106 *Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn* do C. Sáp-pơ, I.Môn và những nhà hoạt động khác của Liên đoàn những người chính nghĩa thành lập vào tháng Hai 1840. Sau khi Liên đoàn những người cộng sản được thành lập, các chi bộ địa phương thuộc Liên đoàn đã đóng vai trò lãnh đạo trong Hội giáo dục công nhân Đức. Mác và Ăng-ghen đã tham gia tích cực vào hoạt động của Hội vào năm 1847, và những năm 1849 - 1850. Ngày 17 tháng Chín 1850, Mác, Ăng-ghen và một loạt các bạn chiến đấu của hai ông đã ra khỏi Hội, vì trong cuộc đấu tranh giữa đa số trong Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghen với thiểu số những kẻ bè phái - phiêu lưu (Vi-lích, Sáp-pơ), Hội đã đứng về phía thiểu số (xem tập này, tr. 576). Từ cuối những năm 50, Mác và Ăng-ghen lại tham gia vào hoạt động của Hội giáo dục. Hội tiếp tục tồn tại cho đến năm 1918 là lúc Hội bị chính phủ Anh giải tán. Vào thế kỷ XX Hội đã được nhiều người Nga lưu vong chính trị đến thăm. - 258.

107 *Hội liên hiệp công nhân Khuên* được đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên thành lập vào ngày 13 tháng Tư 1848. Trong những thời gian đầu, vai trò lãnh đạo Hội nằm trong tay A. Gốt-san-cơ, là người chịu ảnh hưởng của "chủ nghĩa xã hội chân chính" và mang lập trường bè phái; ông này không đếm xỉa gì đến những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, theo đuổi sách lược tẩy chay cuộc bầu cử gián tiếp vào Quốc hội toàn Đức và Quốc hội Phổ, phản đối sự ủng hộ các ứng cử viên đảng dân chủ và đưa ra yêu sách một cách mơ hồ về việc thiết lập ngay một "chế độ cộng hòa công nhân". Cuộc đấu tranh của Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông chống lại sách lược bè phái của Gốt-san-cơ đã dẫn tới chỗ làm cho Hội được củng cố và thay đổi đường lối chính trị của Hội. Tới tháng Tám 1848, Hội đã có tới 7 nghìn hội viên. Sau khi Gốt-san-cơ bị bắt, Môn được cử làm chủ tịch Hội vào ngày 6 tháng Bảy và ông giữ chức vụ này cho tới tận tháng Chín 1848, khi ông buộc phải lánh ra nước ngoài vì có nguy cơ bị bắt. Tháng Mười 1848, Mác được cử làm chủ tịch Hội, còn từ tháng Hai 1849 thì Sáp-pơ giữ chức vụ này. Hội được cải tổ lại; trong điều lệ mới - được thông qua ngày 25 tháng Hai - Hội quy định nhiệm vụ chủ yếu của mình là nâng cao ý thức giai cấp và chính trị cho công nhân. Sau thắng lợi của thế lực phản cách mạng ở Đức vào năm 1849, Hội liên hiệp công nhân Khuên đã mất đi tính chất chính trị của nó và biến thành một hội giáo dục công nhân bình thường. - 258.

108 Được sự ủng hộ của giai cấp tư sản, ngày 25 tháng Chín 1848, chính quyền ở Khuên đã bắt giữ một loạt các nhà hoạt động của phong trào công nhân ở Khuên, nhằm kích động lên một làn sóng phẫn nộ để đàn áp phong trào vô sản. Nhưng công nhân Khuên, dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghen, đã không để cho mình bị khiêu khích để tiến hành một cuộc khởi nghĩa chưa chín muồi. Ngày 26 tháng Chín, người ta ban bố tình trạng giới nghiêm ở Khuên và việc xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung" cũng như các tờ báo dân chủ khác tạm thời phải đình chỉ lại. Ăng-ghen và một loạt những người cộng sự khác đã buộc phải lánh ra nước ngoài. - 258.

109 Trong lúc quân đội Ba-đen - Pphran-xơ rút lui thì ngày 23 tháng Sáu 1849, trong một đơn vị của quân đội này đã nổ ra một cuộc nổi loạn. Dưới sự chỉ huy của Tô-mơ, các binh lính mưu toan bắt Mi-e-rốt-xláp-xki và Đi-ghen và giao họ cho quân Phổ. - 259.

110 Xem trong cuốn sách của Joh. Phil. Becker und Chr. Essellen "Geschichte der süddeutschen Mai-Revolution des Jahres 1849". Genf, 1849, S.430-433 (I.Ph.Bếch-cơ và Cr. Ét-xơ-len. "Lịch sử cuộc cách mạng tháng Năm 1849 ở miền Nam nước Đức". Giơ-ne-vơ, 1849, tr. 430-433). - 268.

111 Quốc hội lập hiến Ba-đen, sau khi chuyển từ Các-lơ-xru-ê tới đây vào cuối tháng Sáu 1849, đã họp ở Phrây-buốc. - 269.

112 Những bài bình luận đăng trong tập này được công bố trong số hai và số bốn của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" không có ký tên. Năm 1892 trong các sơ thảo tiểu sử Các.Mác, Ăng-ghen có viết: "... Ngoài ra, Mác đã viết (cùng với Ăng-ghen) một loạt bài bình luận và điểm tình hình chính trị". Năm 1886, khi Ăng-ghen còn sống, ban biên tập của tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới") - thường xuyên được Ăng-ghen giúp đỡ ý kiến và chỉ dẫn - đã đăng lại bài

bình luận về những cuốn sách mỏng của A. Sơ-nuy và L. Đơ-la-ốt, do Mác và Ăng-ghen cùng ký tên. Về một số bài bình luận, ví như cho những cuốn sách của Ê. Gi-rác-đanh và Gi-đô, thì có thể chắc chắn là do Mác viết, còn những bài bình luận về cuốn sách của T. Các-lai-lơ thì có lẽ là do Ăng-ghen viết. Song, vì không thể xác định được điều này một cách hoàn toàn chính xác, nên tất cả các bài bình luận đăng trong tập này đều được coi là những bài viết chung của Mác và Ăng-ghen. - 277.

113 *"Korrespondent von und für Deutschland"* ("Thông tín viên của nước Đức") - là tờ báo tư sản tự do. Từ năm 1806 xuất bản ở Nu-rem-be. - 277.

114 Cuốn sách của Đau-mơ "Tôn giáo của thời đại mới" được chia ra làm hai phần: phần thứ nhất là phần "mở đầu", gồm tập một; phần thứ hai là phần "chính" gồm tập hai và tập ba. Có lẽ Mác chỉ có trong tay tập một và tập hai. - 278.

115 *Ếc-các trung thành* - một nhân vật trong truyện cổ tích Đức thời trung cổ, là hình tượng của con người trung thành, người lính gác đáng tin cậy. - 278.

116 Trích từ bài thơ của Si-lơ "Khúc hát về cái chuông". - 278.

117 Đây là nói đến những cuốn sách của Đau-mơ: "Der Feuer - und Molschdienst der alten Hebräer". Braunschweig, 1842, ("Sự tôn thờ lửa và thần Mô-lô-sơ của người Do Thái cổ đại". Brao-svai-gơ, 1842), và "Die Geheimnisse des christlichen Alterthums". Hamburg, 1847 ("Những điều bí mật của thời cổ Cơ Đốc giáo". Hăm-buốc, 1847), bao gồm một loạt những luận đề phi khoa học và vô căn cứ. - 280.

118 *Các chương trong kinh Hồi giáo mới* - sự ám chỉ một cách châm biếm cuốn sách của Đau-mơ "Mahomed und sein Werk" ("Ma-hô-mét và tác phẩm của ông ta". Hăm-buốc, 1848); Xu-rơ - là tên gọi A-rập của các chương trong cuốn kinh Hồi giáo. - 280.

119 Đây là nói đến tác phẩm của A.Cni-gơ: "Ueber den Umgang mit Menschen". Hannover, 1804 ("Về cách đối xử với mọi người". Han-nô-vơ, 1804), trong đó ông ta đề ra những nguyên tắc đối xử của con người trong mối quan hệ qua lại của nó với những người khác. Cuốn sách toàn viết về những lý luận thiển cận và những chân lý cũ rích. - 282.

120 Ở đoạn này của cuốn sách của Đau-mơ có trích dẫn một bài đoản ca của Clốp-stốc về "Kẻ ngồi lê đôi mách" ("Dem Allgegenwärtigen"). - 283.

121 *Những lời tiên tri của No-xtơ-ra-đa-mu-xơ* - No-xtơ-ra-đa-mu-xơ là một nhà chiêm tinh Pháp nổi tiếng ở thế kỷ XVI và là ngự y của vua Sác-lơ IX. Những lời tiên tri của ông ta được truyền tụng dưới dạng thơ và đặc biệt mang tính chất hết sức huyền ảo và bí ẩn.

Sự tiên đoán của người Xcốt-len - là khả năng có thể biết rõ tương lai và nhận biết được các hiện tượng mà người thường không thể thu cảm được. Khả năng đó được những người mê tín gán cho những người dân miền núi Xcốt-len.

Thuật thôi miên động vật - là một học thuyết của bác sĩ người Áo Mê-xmơ sống vào thế kỷ XVIII, học thuyết nói về khả năng tác động đến hành động của con người bằng thuật thôi miên. - 283.

122 Trong tác phẩm của Gơ-tơ "Những năm đèn sách của Vin-hem Mai-xtơ", trong đó có những cảnh thể hiện sự lệ thuộc nặng nề của các nhà khoa học và nghệ sĩ vào những kẻ có chức tước. - 284.

123 *Trong nhà thờ lớn thành Pôn* ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ đã diễn ra các phiên họp của Quốc hội Phran-phuốc vào những năm 1848 - 1849. - 285.

124 Trích diễn văn của L. Xi-môn trong phiên họp của Quốc hội Phran-phuốc ngày 11 tháng Tư 1849. - 285.

125 Ngày 28 tháng Ba 1849 Quốc hội Phran-phuốc cử một đoàn đại biểu tới Béc-lin để đề nghị vua Phổ Phri-đrích-Vin-hem IV nhận vương miện hoàng đế. Song các đại biểu đã trở về Phran-phuốc không có kết quả gì, bởi vì Phri-đrích-Vin-hem IV từ chối nhận vương miện hoàng đế từ tay Quốc hội không có sự phê chuẩn của các công tước Đức. - 286.

126 Trong cuốn sách mỏng của mình, Xi-môn viết rằng các nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc lên án gay gắt hành động của nhà vua ở Vuyếc-tem-béc nhằm chống hiến pháp đế chế và đã tuyên bố đoàn kết với cuộc đấu tranh vũ trang ở Pphan-xơ và Ba-đen để bảo vệ hiến pháp đó. Đặc biệt, Xi-môn đã viện dẫn nghị quyết do những đại biểu còn lại của Quốc hội thông qua ngày 8 tháng Sáu 1849 sau khi Quốc hội đã chuyển trụ sở đến Stút-gát. Song, nghị quyết đặt Ba-đen và Pphan-xơ dưới sự bảo vệ và bảo hộ của đế chế, - tức là của Quốc hội Phran-phuốc, - chỉ mang tính chất tuyên bố thuần túy mà thôi. Lo sợ trước phong trào rộng lớn của nhân dân, Quốc hội không dám giúp đỡ cụ thể gì cho những người khởi nghĩa; hơn nữa, nó lại từ chối kêu gọi các đội quân khởi nghĩa ở Ba-đen và Pphan-xơ bảo vệ mình, mà đáng ra phải thực hiện việc đó như Mác và Ăng-ghen đã yêu cầu trong thời gian hội đàm với các lãnh tụ cánh tả Phran-phuốc vào tháng Năm 1849. - 287.

127 Đây là nói đến việc thành lập Ngân hàng Anh năm 1694. Những người thành lập ngân hàng đã trao khoản vốn dùng vào việc xây dựng ngân hàng đó cho chính phủ, coi đó là một khoản cho vay, việc đó mở đầu cho quốc trái. - 292.

128 Đây là nói về cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống ách thống trị của Tây Ban Nha, nổ ra ở Li-xbon năm 1640, ở Na-plơ trong những năm 1647 - 1648 và ở Mét-xi-na trong những năm 1674 - 1676. - 294.

129 Các bài điểm tình hình quốc tế đăng trên số hai, số bốn và trong số kép năm và sáu của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" là những bài chỉ lấy nhan đề là Revue (Bình luận) có chữ ký của tác giả. Nhiều ý kiến phát biểu trong các tác phẩm và các thư từ của Mác và Ăng-ghen chứng minh rằng những bài đó là do hai ông cùng viết.

Nhan đề cho tác phẩm trên, cũng như cho cả các bài điểm tình hình quốc tế hai và ba (xem tập này, tr. 408 và 586) là do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đặt. - 298.

130 Đây là nói đến sự thỏa thuận giữa giai cấp đại tư sản phản cách mạng và chính quyền nhà vua Phổ phản động, được tiến hành ngay từ khi cuộc cách mạng 1848 mới nổ ra nhằm cùng nhau chống lại những yêu sách dân chủ của nhân dân. Song, với việc củng cố thế lực phản cách mạng, Phri-đrích-Vin-hem IV lại càng bị đồng minh của ông ta chèn ép hơn, và ông ta lại càng kìm hãm hơn nữa những đòi hỏi về hiến pháp của giai cấp đại tư sản. Giai cấp đại tư sản tiếp tục bám chặt vào quân đồng minh là chính quyền nhà vua, nhưng đồng thời lại làm cho nghị viện Phổ tưởng rằng họ mang lập trường "đối lập". Sau khi giải tán Quốc hội lập hiến Phổ ngày 5 tháng Chạp 1848, Phri-đrích-Vin-hem IV, ngay trong ngày đó, đã "ban hành" một hiến pháp dựa trên cơ sở bản dự thảo đã được Quốc hội lập hiến Phổ thảo luận trong năm 1848 và được biên soạn sửa đổi vì lợi ích của đảng phái phong kiến. Nhà vua được công nhận có quyền hủy bỏ bất kỳ nghị quyết nào của nghị viện và "trong trường hợp khẩn thiết" không những được phép ban bố những đạo luật không cần sự phê chuẩn của nghị viện, mà còn có quyền xem xét lại từng điều khoản của hiến pháp. Tuy nhiên, bản hiến pháp còn giữ được một số thành quả dân chủ, đặc biệt là quyền phổ thông đầu phiếu. Nhờ có quyền này, những phần tử tự do - tư sản - những người đã từng làm cho nhà vua nhiều khi phải khó chịu vì những lời chỉ trích của họ - đã được bầu cử vào đệ nhị viện, tức là hạ nghị viện, vào tháng Giêng 1849. Tháng Tư 1849 Phri-đrích-Vin-hem IV đã giải tán nghị viện và ngày 30 tháng Năm 1849 đã ban hành đạo luật tuyển cử mới, thiết lập ra chế độ bầu cử ba đẳng cấp, dựa trên cơ sở các điều kiện tối thiểu về tài khoản và cơ sở đại diện không đồng đều của các tầng lớp nhân dân. Bằng cách đó, nhà vua đã chọn được đa số các đại biểu tình nguyện làm tôi tớ cho ông ta vào nghị viện. Trong phiên họp ngày 7 tháng Tám 1849, nghị viện này đã thông qua bản hiến

pháp do chính phủ đặt ra. - 298.

131 Thông điệp của Phri-đrích-Vin-hem IV ra ngày 7 tháng Giêng 1850 - trong đó có những tu chỉnh của ông ta cho dự thảo hiến pháp Phổ ngày 5 tháng Chạp 1848, - đã được công bố trên tờ "Neue Preußische Zeitung" ("Báo Phổ mới") số 9, ngày 11 tháng Giêng 1850. - 298.

132 Theo hiến pháp được các viện thông qua và được vua Phri-đrích-Vin-hem IV phê chuẩn ngày 31 tháng Giêng 1850, ở Phổ vẫn duy trì thượng nghị viện (viện của các vị đại thần hay viện nguyên lão) chủ yếu gồm những đại biểu của tầng lớp quý tộc phong kiến, và hạ nghị viện được bầu trên cơ sở chế độ bầu cử ba đẳng cấp. Hiến pháp trao cho chính phủ quyền lập ra các tòa án đặc biệt để xét xử các vụ về tội phản quốc và tội làm nguy hại cho nền an ninh trong và ngoài nước. Vì vẫn duy trì đạo luật về dân binh, có nghĩa là về nghĩa vụ quân sự toàn dân, bản hiến pháp để cho chính phủ phản động Phổ sử dụng toàn bộ những người dân Phổ có khả năng chiến đấu. Theo điều khoản 40 của hiến pháp thì vẫn duy trì chế độ chuyển giao tài sản; đó là một hình thức phong kiến về việc kế thừa quyền sở hữu ruộng đất, theo đó, tài sản không thể chuyển nhượng được và thường được giao thác lại cho người cao tuổi nhất trong dòng họ. - 299.

133 *Nghị viện bang liên hợp* là quốc hội thống nhất các nghị viện đẳng cấp các tỉnh do Phri-đrích-Vin-hem IV triệu tập tháng Tư 1847 ở Bec-lin để tìm cách thoát khỏi những khó khăn về tài chính bằng cách đưa ra những đảm bảo cho mọi khoản vay của nước ngoài. Nghị viện bang liên hợp khai mạc ngày 11 tháng Tư 1847. Vì nhà vua từ chối đáp ứng những yêu sách chính trị bình thường nhất của đa số tư sản trong nghị viện nên nghị viện đã từ chối đảm bảo khoản vay của nước ngoài. Để đáp lại việc đó nhà vua đã giải tán nghị viện ngay trong tháng Sáu năm đó; điều này đã làm tăng thêm những khuynh hướng đối lập ở trong nước và góp phần thúc đẩy cách mạng ở Đức. - 299.

134 Đây là nói về các vụ án chống các nghị sĩ cánh tả của Quốc hội Phổ là B.Van-đếch-cơ ở Bec-lin và C. Grun ở Tơ-ria, là những người vào năm 1849 đã bị truy tố trước tòa án về hoạt động chính trị của họ; trong các vụ án đã bộc lộ rõ những thủ đoạn bẩn thỉu của Chính phủ Phổ trong cuộc đấu tranh với các địch thủ của mình đã không từ cả việc dùng những tài liệu giả; mặt khác, những đại biểu của "chế độ dân chủ" là Van-đếch-cơ và Grun sau khi tìm mọi cách chứng minh lòng trung thành với Chính phủ Phổ, đã hèn nhát ly khai cách mạng, bộc lộ bộ mặt ô nhục trước tòa. Mặc dù vậy, những thính giả tư sản và tiểu tư sản có mặt trong phiên tòa vẫn hoan hô nhiệt liệt Van-đếch-cơ và Grun. - 300.

135 Trích bài thơ của An-đơ "Tổ quốc Đức". - 300.

136 Đây là nói về mưu đồ thống nhất nước Đức dưới bá quyền của Phổ, của Phri-đrích-Vin-hem IV trong liên minh với hai vua xứ Han-nô-vơ và xứ Dắc-den và với 17 vua khác sáp nhập với hai vua trên, trừ Áo, và như vậy, Phri-đrích sẽ thực hiện được kế hoạch xây dựng một "Nước Đức nhỏ". Kế hoạch này được sự ủng hộ của phái tự do cánh hữu, những đại biểu của giai cấp đại tư sản phản cách mạng đã rút khỏi Quốc hội Phran-phuốc và thành lập cái gọi là phái Gô-ta vào tháng Sáu 1849. Phái Gô-ta đã tham gia tích cực các cuộc bầu cử vào quốc hội Đức họp ngày 20 tháng Ba 1850 ở Ec-phua để thông qua bản dự thảo mới về hiến pháp toàn Đức đã được xem xét lại theo tinh thần phản cách mạng. Những sự kiện xảy ra sau này đã chứng minh đúng cho dự đoán của Mác và Ăng-ghen về sự tồn tại không lâu của nghị viện Ec-phua. Dưới sức ép của chế độ quân chủ Áo và chế độ Nga hoàng, một loạt các quốc gia thuộc Đức trước kia ủng hộ Phổ, nay đã đứng về phía Áo. Không dám chống lại Ni-cô-lai I, Chính phủ Phổ đã giải tán nghị viện Ec-phua ngày 29 tháng Tư 1850. - 300.

137 *Cuộc chiến tranh của loài chuột và loài ếch nhái* (Ba-tơ-ra-khô-mi-ô-ma-khi-a) - là một bài thơ hài hước cổ Hy Lạp không rõ của tác giả nào, phỏng theo bản anh hùng ca của Hô-me. - 300.

138 *Interim* - là một hiệp định tạm thời. Đây là nói đến hiệp định được ký kết vào tháng Chín 1849 giữa Phổ và Áo về việc cùng lãnh đạo các công việc của nước Đức trước khi có quyết định dứt khoát về vấn đề hiến pháp Đức. Theo bản hiệp định này, - bản hiệp định củng cố các thế lực phản động ở Đức, - một uỷ ban liên minh Áo - Phổ đã được thành lập; trên thực tế, nó chỉ là một kiểu hồi phục lại Quốc hội hiệp bang; hiệp định này mâu thuẫn với những kế hoạch thống nhất của Phổ. - 300.

139 *Seehandlung* (Công ty buôn bán đường biển) - là một công ty tín dụng - thương mại, thành lập năm 1772 ở Phổ và được nhà nước ban cho một loạt những đặc quyền. Công ty này cho chính phủ vay những khoản tiền lớn và trên thực tế nó là người chủ ngân hàng của chính phủ và là kẻ môi giới cho chính phủ về mặt tài chính. Năm 1904 tổ chức này đã chính thức được cải tổ thành ngân hàng quốc gia Phổ. - 300.

140 *Những tộc người vùng biên giới* - là những người dân sống ở các vùng phía nam đế quốc Áo (Xlô-vê-ni, Crô-a-xi, Xla-vô-ni-a và Ba-nát vào những thế kỷ XVI - XIX đã hình thành nên vùng Biên giới quân sự), vì được sử dụng đất đai ở đó nên họ phải thực hiện nghĩa vụ phục vụ quân sự ở biên giới. - 301.

141 Câu nói mà A-lếch-xan-đrơ I dùng trong buổi nói chuyện với đại sứ Pháp Cô-len-cua năm 1808. - 302.

142 Đây là nói về việc cắt đứt quan hệ ngoại giao giữa Nga và Thổ Nhĩ Kỳ (ngày 12 tháng Mười một - 31 tháng Chạp 1849) do Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ từ chối nộp những người lưu vong chính trị Hung-ga-ri và Ba Lan theo yêu cầu của các vua Áo và Nga. - 302.

143 *Xanh Giăng d'A-cơ* - pháo đài ở Xi-ri, năm 1832 bị quân Ai Cập chiếm trong thời chiến tranh giữa Ai Cập với Thổ Nhĩ Kỳ vào những năm 1831 - 1833.

Xăng-Hoan-đơ-U-lu-a - pháo đài ở Ve-ra-cru-xơ (thuộc Mê-hi-cô). Đây là pháo đài cuối cùng còn lại trong tay người Tây Ban Nha trong thời kỳ cuộc chiến tranh giành độc lập của Mê-hi-cô; bị chiếm năm 1825. - 303.

144 Ở đây dưới tên gọi "sự đầu hàng" là nói tới những hiệp ước của các bang ở Thụy Sĩ ký với các nước châu Âu về việc cung cấp lính đánh thuê. Những hiệp ước đó được ký kết từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX; trong thời gian nổ ra một loạt những cuộc cách mạng tư sản ở thế kỷ XVIII - XIX những lính đánh thuê Thụy Sĩ là công cụ của thế lực phản cách mạng quân chủ.

Các bang miền núi ở Thụy Sĩ, - có ý ám chỉ "các bang cũ" - trong những thế kỷ XIII - XIV đã hình thành nên hạt nhân đầu tiên của Liên bang Thụy Sĩ. - 304.

145 Xem chú thích 45. - 306.

146 Đây là nói đến bản dự luật về việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc, đã được nghị viện Anh thông qua ngày 26 tháng Sáu 1846. Cái gọi là những đạo luật về ngũ cốc, - nhằm hạn chế hoặc cấm nhập khẩu ngũ cốc từ nước ngoài vào, - đã được áp dụng ở Anh vì lợi ích của các đại địa chủ quý tộc. Việc thông qua bản dự luật năm 1846 là một thắng lợi của giai cấp tư sản công nghiệp đang đấu tranh chống lại những đạo luật về ngũ cốc dưới khẩu hiệu tự do thương mại. - 307.

147 Bài viết của Ph.Ăng-ghen "Vấn đề ngày lao động 10 giờ" - viết dành riêng cho độc giả Anh, - là một trong những dẫn chứng về mối liên hệ chặt chẽ giữa Mác và Ăng-ghen với cánh cách mạng thuộc phái Hiến chương và với các lãnh tụ của nó là Gi. Hác-ni và E. Giôn-xơ. Tạp chí hàng tháng "The Democratic Review of British and Foreign Politics, History and Literature" ("Bình luận dân chủ về chính trị, lịch sử và văn học nước Anh và nước ngoài") được Hác-ni xuất bản ở Luân Đôn từ tháng Sáu 1849 đến tháng Chín 1850. Ngoài bài viết kể trên của Ăng-ghen, tạp chí còn đăng bài lược dịch chương đầu tác phẩm của Các Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp". Từ ngày 1 tháng Bảy 1850, Hác-ni cũng đã xuất bản tờ tạp chí hàng

tuần "The Red Republican" ("Người cộng hòa đỏ"), trong đó có đăng bài dịch đầu tiên ra tiếng Anh tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Tờ tuần báo này đến tháng Mười một 1850 bị đình bản. Từ tháng Chạp, Hác-ni bắt đầu xuất bản tờ tuần báo mới, phát hành đến mùa hè năm 1851, đó là tờ "Friend of the People" ("Người bạn của nhân dân") mà Ăng-ghen hứa sẽ viết cho một loạt bài phê phán nền dân chủ tiểu tư sản. Nhưng chẳng bao lâu, khi xảy ra sự phân liệt trong Liên đoàn những người cộng sản, khi Hác-ni có thái độ mập mờ và quan hệ hữu nghị với những đại biểu của phái lưu vong tiểu tư sản, thì Mác và Ăng-ghen đã cắt đứt quan hệ với ông ta. Mác và Ăng-ghen vẫn tiếp tục duy trì quan hệ với Ec Giôn-xơ, hai ông đã lôi cuốn được một số người ủng hộ gần gũi của mình (như C. Sram, Pi-pơ) tham gia vào tờ tuần báo "Notes to the People" ("Tin ngắn cho nhân dân") do E. Giôn-xơ thành lập tháng Năm 1851, và đã giúp đỡ họ trong công tác viết sách báo. Ủng hộ các báo chí Hiến chương, Mác và Ăng-ghen đã tìm mọi cách để củng cố những truyền thống của phong trào cách mạng Hiến chương những năm 40, ra sức đưa học thuyết cách mạng vào phong trào đấu tranh của quần chúng công nhân Anh. - 317.

148 *Trường phái Man-se-xtơ* là trường phái có tư tưởng kinh tế phản ánh những lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Ủng hộ trường phái này là những người theo thuyết mậu dịch tự do, đòi tự do thương mại và chống sự can thiệp của chính phủ vào hoạt động kinh tế. Trung tâm tuyên truyền của phái này là Man-se-xtơ. Tại đó dứng đầu phong trào là hai chủ xưởng dệt Cốp-đen và Brai-tơ, là những người đã tổ chức ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc vào năm 1838. Trong những năm 40 - 50, những người theo thuyết mậu dịch tự do liên kết thành một nhóm chính trị đặc biệt, đó là cánh tả của đảng tự do ở Anh. - 317.

149 Trong những tác phẩm sau này của mình Mác và Ăng-ghen đã nêu đặc điểm một cách chi tiết hơn về đạo luật ngày lao động 10 giờ (xem C.Mác "Tuyên ngôn thành lập Hội liên hiệp công nhân quốc tế" và "Tư bản", t.1). - 320.

150 Đây là nói về bản Hiến chương nhân dân do những người tham gia phong trào Hiến chương đề ra năm 1838, nội dung là đòi quyền phổ thông đầu phiếu và một loạt những điều kiện nhằm đảm bảo hiệu lực của quyền đó đối với công nhân: bầu cử hàng năm vào nghị viện, thù lao cho các nghị sĩ, bỏ phiếu kín, các khu vực bầu cử đều bình đẳng, và hủy bỏ điều kiện tối thiểu về tài sản đối với những ứng cử viên bầu vào nghị viện. - 321.

151 Tháng Hai 1850, Tòa án tài chính tha bổng những chủ xưởng đã bị buộc tội là vi phạm đạo luật ngày lao động 10 giờ. Quyết định tha bổng này thực tế là một sự hủy bỏ đạo luật đã vấp phải sự chống đối của công nhân, vì vậy, ngày 5 tháng Tám 1850, nghị viện đã ban bố một sắc lệnh mới quy định ngày làm việc đối với phụ nữ và trẻ em là 10 ½ giờ và quy định giờ bắt đầu và chấm dứt làm việc trong ngày.

Tòa án tài chính (Court of Exchequer) là một trong những tòa án cổ nhất ở Anh, đầu tiên chức năng chủ yếu của tòa án này là xử về những vụ tài chính, thế kỷ XIX làm nhiệm vụ của một trong những cơ quan xét xử cao nhất ở Anh. - 322.

152 Đây là nói về một loạt những đạo luật được ban bố vào những năm 30-40 của thế kỷ XIX dưới áp lực của giai cấp tư sản công nghiệp, nhằm chống những việc mua bán chức tước, cũng như chống lại việc chia cho những đại biểu các gia đình quý tộc những chức vị béo bở. - 333.

153 Đạo luật về người nghèo được nghị viện Anh đưa ra bàn bạc năm 1833 và thông qua năm 1834. Về nội dung của đạo luật xin xem chú thích 17. - 333.

154 *Những đạo luật hàng hải* (Navigation laws) được thông qua năm 1651 và trong những năm gần đây, cấm chuyên chở hàng hoá của Anh trên những tàu nước ngoài; những đạo luật này đã bị huỷ bỏ năm 1849. - 334.

155 *Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản* do Mác và Ăng-ghen viết vào cuối tháng Ba 1850, và được phổ biến bí mật trong các đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, trong những người lưu vong, cũng như ngay trong nước Đức. Năm 1851 cảnh sát Phổ đã lấy được văn kiện này khi bắt một số đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, văn kiện này đã được đăng trên các báo tư sản Đức "Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên"), "Dresdener Journal und Anzeiger" ("Tạp chí và Người truyền tin Đre-xđen"), về sau lại được đăng trong cuốn sách "Die Kommunisten - Verschwörungen des neunzehnzen Jahrhunderts" ("Những mưu đồ cộng sản chủ nghĩa thế kỷ mười chín"); cuốn sách này do hai quan chức cảnh sát là Véc-mút và Sti-béc biên soạn, những kẻ mà Ăng-ghen đã gọi là "hai tên ác ôn cảnh sát đểu cáng". Trong tập này, tác phẩm được in theo nguyên văn mà Ăng-ghen đã kiểm tra lại và công bố năm 1885 dưới hình thức là phụ trương cho bản in tiếng Đức tác phẩm của Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên". - 341.

156 Những quan điểm trình bày ở đây về vấn đề ruộng đất có liên quan mật thiết với những đánh giá chung về những triển vọng phát triển của cách mạng mà Mác và Ăng-ghen đã đưa ra vào những năm bốn mươi và năm mươi. Lúc bấy giờ, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác cho rằng - như Lê-nin đã nêu ra - chủ nghĩa tư bản

đã già cỗi và chủ nghĩa xã hội đã đến gần. Xuất phát từ quan điểm đó, trong "Lời kêu gọi", Mác và Ăng-ghen đã đấu tranh chống lại việc đem chuyển những ruộng đất đã tịch thu của địa chủ vào tay nông dân, đấu tranh để biến những ruộng đất đó thành sở hữu của nhà nước và chuyển giao chúng cho đội quân công nhân của giai cấp vô sản nông nghiệp đã liên hiệp lại.

Dựa vào kinh nghiệm của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại ở nước Nga, cũng như kinh nghiệm của phong trào cách mạng ở các nước khác, Lê-nin đã phát triển những quan điểm mác-xít trong vấn đề ruộng đất. Thừa nhận tính hợp lý trong việc ưu tiên duy trì những cơ sở nông nghiệp lớn sau cách mạng vô sản ở các nước tư bản tiên tiến. Người viết: "Tuy nhiên, nếu phóng đại hay áp dụng máy móc quy tắc ấy, và nếu tuyệt nhiên không đem chia một phần ruộng đất đã tước đoạt của bọn đi tước đoạt cho tiểu nông, và đôi khi cho cả trung nông ở địa phương nữa, thì lại là một sai lầm rất lớn". (V.I.Lê-nin, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t.41, tr. 216). - 352.

157 Th. Carlyle. "The French revolution: a history". Vol. 1-3, London, 1837 (T. Các-lai-lơ. "Lịch sử cách mạng Pháp". T. 1-3, Luân Đôn, 1837).

Th. Carlyle. "Oliver Cromwell's letters and speeches". Vol. 1-2, London, 1845 (T. Các-lai-lơ. "Thư từ và những bài phát biểu của Ô-li-vơ Crôm-oen". T. 1-2, Luân Đôn, 1845).

Th. Carlyle. "Chartism". London, 1840 (T. Các-lai-lơ. "Phong trào Hiến chương". Luân Đôn, 1840).

Th. Carlyle. "Past and Present". London, 1843 "Ăng-ghen đã phê phán cuốn sách này trong bài viết "Tình cảnh nước Anh. T. Các-lai-lơ. "Quá khứ và hiện tại"" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1978, t.1, tr. 478 - 784). - 357.

158 Th. Carlyle. "Heroes, heroworship and the heroic in history". London, 1846 (T. Các-lai-lơ. "Những anh hùng, sự sùng bái anh hùng và hành động anh hùng trong lịch sử". Luân Đôn, 1846). - 357.

159 *Pếch-xnip* - là một nhân vật trong tác phẩm của Sác-lơ Dích-ken-xơ "Cuộc đời và những cuộc phiêu lưu của Mác-tin Se-đơ-vit", một kẻ đạo đức giả, đồi trá. - 357.

160 *Những người theo hội kín* là một phái triết học tôn giáo ra đời ở Anh vào cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, sau đó được truyền bá trong một loạt nước dưới hình thức là những nhóm bí mật (những chi hội) của "những người thợ đá tự do", những người này để ra hoạt động cho mình là những nghi thức thần bí và những

nghi lễ bí mật. Những người theo hội kín tuyên truyền tư tưởng đạo đức tư sản. Trong những quan điểm triết học của mình trước hết họ dựa vào thần luận, vào cái gọi là "tôn giáo của lý trí". Tín ngưỡng của những người theo hội kín đó là tin vào quy luật vĩnh cửu, bất biến của tự nhiên, quy luật đó định sẵn sự phát triển của xã hội. Theo những quan điểm của họ thì sự thông thái của những vĩ nhân là ở chỗ nhận thức được quy luật đó và ở việc tự tu nhân tích đức. Điều lệ của những nhóm trong hội kín thường thường mang nặng sự sùng bái cá nhân một cách thần bí, hàng loạt các hội viên của hội chỉ là công cụ cho những người cầm đầu trong hội, chỉ là những kẻ ngoan ngoãn làm theo mọi ý muốn của hội.

Phái khai sáng là một trong những phái trong hội kín, chủ yếu hoạt động ở Ba-vi-e vào nửa cuối thế kỷ XVIII. - 364.

161 *"Chiếc sáo thần"* là vở nhạc kịch của Mô-da dựa theo kịch bản của E. Si-ca-ne-đe-rơ. Trong vở nhạc kịch này, dưới dạng một chuyện cổ tích ngây thơ, tác giả đưa ra tư tưởng nói rằng ai nhận thức một cách đúng đắn sức mạnh tiềm tàng trong tự nhiên và kiên tâm đi theo những quy luật của nó thì người đó sẽ được thưởng, còn những kẻ độc ác sẽ bị trừng phạt thích đáng. - 364.

162 *Laissez faire, laissez aller* (cứ để cho muốn làm gì thì làm) - là nguyên lý của những nhà kinh tế tư sản, theo thuyết mậu dịch tự do, của những người ủng hộ tự do thương mại và đấu tranh chống sự can thiệp của nhà nước vào phạm vi những quan hệ kinh tế. - 367.

163 *In partibus infidelium* - xem chú thích 64. - 368.

164 Hác-vây Biếc-sơ - là nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của Ph. Cu-pơ "Tên gián điệp"; hắn ta đã thi hành những nhiệm vụ gián điệp do sự thúc đẩy của lý tưởng yêu nước. - 373.

165 *"Le charivari"* ("Tiếng ồn") - nhật báo Pháp trào phúng của phái cộng hòa tư sản; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1832. Dưới chế độ Quân chủ tháng Bảy, tờ báo đã kịch liệt công kích chính phủ; năm 1848 tờ báo chuyển sang khuynh hướng phản cách mạng. - 373.

166 *Hội các mùa mới trong năm* bí mật - hình thành năm 1839 ít lâu sau thất bại của Hội các mùa trong năm, thực ra, nó kế tục hội cũ. Hạt nhân chủ yếu của Hội bí mật này là công nhân; trong Hội còn có cả sinh viên. Theo quan điểm của họ, các hội viên của Hội có hướng thiên về chủ nghĩa Ba-bớp cách mạng và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ những tư tưởng cộng sản không tưởng của Đê-da-mi. - 373.

167 Xem chú thích 6. - 377.

168 Đây là nói về mưu toan liều lĩnh của một nhóm nhỏ những người âm mưu, những hội viên các hội cách mạng bí mật, định dùng bom cháy tự tạo để hoạt động khủng bố. Trong cuộc liều lĩnh này, ngay từ đầu các nhân viên cảnh sát tham gia vào cuộc này đã thường xuyên báo cho cảnh sát trưởng biết về hoạt động của những người âm mưu. Do đó, cảnh sát đã bắt được tất cả những người tham gia vụ âm mưu. Vụ án xử những người âm mưu năm 1847 cho thấy rõ rằng các nhân viên cảnh sát đã biết cách thâm nhập sâu vào các tổ chức bí mật như thế nào. - 377.

169 Cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của A. R. Lơ-xa-giơ "Những cuộc phiêu lưu của Gi-lơ Bla-xơ ở Xan-tin-la-nơ". - 378.

170 Có ý nói đến những tác phẩm sau đây của S. Phu-ri-ê: "Théorie des quatre mouvements et des destinées générales" ("Học thuyết về bốn vận động và về những số phận chung"); "La fausse industrie morcelée, répugnante, mensongère et l' antidote, l' industrie naturelle, combinée, attrayante, véridique" ("Hoạt động kinh tế rời rạc, xấu xa, dối trá và thuốc giải độc cho nó, hoạt động kinh tế tự nhiên, liên kết, hấp dẫn, thực sự"); Théorie de l' unité univer-selle" (Học thuyết về sự thống nhất của thế giới"); lần xuất bản đầu tiên, tác phẩm này lấy nhan đề là "Traité de l' association domestique agricole" ("Khái luận về các hiệp hội nông nghiệp gia đình"). Tác phẩm đang viết dở - nằm trong di sản các tác phẩm của Phu-ri-ê và được đăng trên tạp chí "La Phalange" ("Pha-lăng-giơ") năm 1845 - "Des trois unités externes" ("Về ba loại thống nhất bên ngoài") được dành từng phần viết về những vấn đề thương mại. Phần lớn các đoạn trong tác phẩm này đã được Ăng-ghen dịch ra tiếng Đức và được đăng trên tờ "Deutsches Bürgerbuch" ("Sổ tay công dân Đức") năm 1846 (xem Ph.Ăng-ghen "Đoạn trích Phu-ri-ê nói về thương nghiệp (lời mở đầu và lời kết thúc)", trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983, t.2, tr. 743-750). - 387.

171 Về những sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848 xem chú thích 19. - 388.

172 Ngày 10 tháng Ba 1850 ở Pháp đã tiến hành những cuộc bầu cử bổ sung các nghị sĩ vào Quốc hội lập pháp, thay thế cho những đảng viên bị loại của phái Núi. Các cuộc bầu cử kết thúc bằng thắng lợi của phe dân chủ - xã hội chủ nghĩa. - 391.

173 *Droit d'enregistrement* (thuế trước bạ) - là một thứ thuế đánh vào việc đăng ký và chứng nhận các loại giấy tờ: các hợp đồng mua và bán, chứng thư biếu tặng, những quyết định của tòa án, v.v.. Việc đăng ký các loại giấy tờ như thế khẳng định tính xác thực của giấy tờ và là một nguồn bổ sung cho công quỹ nhà nước thời bấy giờ. - 394.

174 *Thuế nhập thị* - là những loại thuế ở thành phố đánh vào những vật phẩm tiêu dùng phổ biến đem vào thành phố. - 395.

175 Luận điểm này được Mác và Ăng-ghen nêu ra trong tác phẩm "Những yêu sách của Đảng cộng sản ở Đức" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1993, tập 5, tr. 11-13). - 406.

176 *"Punch"* - là tên gọi tắt của tờ tuần báo hài hước Anh theo khuynh hướng tự do - tư sản "Punch, or the London Charivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841. - 408.

177 *Phố Đao-ninh* - là một đường phố ở trung tâm Luân Đôn, nơi đặt trụ sở chính thức của chính phủ. - 411.

178 *Liên minh cử tri* (Union électorale) - là tên gọi của khối tất cả các nhóm và các phái quân chủ, gồm phái Oóc-lê-ăng, phái chính thống, phái Bô-na-pác-tơ, phái Thiên chúa giáo và các phái khác, trong các cuộc bầu cử bổ sung vào Quốc hội lập pháp hồi tháng Ba 1850 ở Pháp.

"La Patrie" ("Tổ quốc") - là tờ nhật báo Pháp, thành lập năm 1841; năm 1850 báo phản ánh những lợi ích của chế độ quân chủ hợp nhất, của cái gọi là đảng trật tự; báo là cơ quan ngôn luận của khối cử tri của đảng này; về sau, báo thuộc phái Bô-na-pác-tơ. - 413.

179 Tại sở giao dịch ở Pa-ri, các hoạt động giao dịch được tiến hành từ 1 giờ đến 3 giờ chiều. - 415.

180 Đây là nói đến quán cà-phê của Toóc-tô-ni nằm trên đại lộ I-ta-li-a; trong quán cà-phê này và ở khu vực xung quanh nó thường diễn ra các cuộc giao dịch vào những giờ mà sở giao dịch đóng cửa. Để phân biệt với sở giao dịch chính thức, người ta gọi quán cà-phê của Toóc-tô-ni và những khu vực xung quanh nó là "sở giao dịch nhỏ". - 415.

181 Mùa xuân năm 1848, ở Ma-in-xơ đã diễn ra những cuộc xô xát đẫm máu giữa dân binh và binh lính Phổ. Những sự kiện này đã gây nên sự bàn tán khắp nước Đức và trở thành vấn đề được đem ra tranh cãi tại Quốc hội Phran-phuốc; Quốc hội chỉ cử ra một uỷ ban để đọc bản báo cáo của mình vào lúc mà dân binh Ma-in-xơ đã bị binh lính Phổ tước hết vũ khí. - 419.

182 Đây là nói đến nghị quyết được thông qua ngày 18 tháng Mười một 1849 tại phiên họp toàn thể của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn cùng với những người Đức lưu vong chính trị ở Luân Đôn. Quyết định này được nêu ra ngày 3 tháng

Chạp 1849 trong báo cáo của Uỷ ban trợ giúp những người Đức lưu vong ở Luân Đôn (xem tập này, tr. 712-715). - 422.

183 G. Stơ-ru-vơ và T. Pho-tếc-ghin đã đến gặp Gíp-xơ là người tạm giữ chức thị trưởng Luân Đôn, họ giới thiệu mình là đại biểu của những người Đức lưu vong chính trị ở Luân Đôn và yêu cầu Gíp-xơ đảm bảo việc làm cho 100 người Đức lưu vong ở Luân Đôn đang hoàn toàn không có phương kế sinh nhai; Gíp-xơ đã từ chối, viện cớ rằng còn nhiều công nhân Anh cũng đang nằm trong tình trạng đó. Bài bình luận ngắn về vấn đề này đã được đăng trên tờ "Times" ra ngày 24 tháng Năm 1850. - 424.

184 Đây là nói về một tổ chức bí mật do những người Đức lưu vong ở Thụy Sĩ thành lập, tự lấy tên là "Trung tâm cách mạng". Uỷ ban trung ương của tổ chức này đặt tại Xuy-rích, đứng đầu là Sếc-nơ, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Đrơ-xđen tháng Năm 1849, giữ vai trò chủ yếu trong tổ chức này là Phri-đơ, Grây-nơ, Di-ghen, Te-khốp, Suốc-xơ, I. Ph. Bếch-cơ - là những người đã tham gia tích cực vào cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. Tham gia vào tổ chức này có những người là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản như Dét-xte, Brun và những người khác, trong đó có cả Vin-hem Vôn-phơ là người hoạt động dưới sự uỷ nhiệm của Liên đoàn những người cộng sản. Tháng Bảy - tháng Tám 1850, những người lãnh đạo tổ chức "Trung tâm cách mạng" bắt đầu đàm phán với các đại biểu của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản về việc thống nhất hai tổ chức. Thay mặt Ban chấp hành trung ương, Mác và Ăng-ghen đã từ chối đề nghị đó, bởi vì nó trái với những nguyên tắc của Liên đoàn những người cộng sản, là về mặt tổ chức Liên đoàn luôn luôn giữ vững tính độc lập của một đảng vô sản. Tổ chức "Trung tâm cách mạng" bị tan rã vào cuối năm 1850, bởi vì hàng loạt những người Đức lưu vong chính trị đã bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ. - 427.

185 Qua bức thư chi tiết của V. Vôn-Phơ ngày 9 tháng Năm 1850, sau khi được biết về hoạt động của tổ chức "Trung tâm cách mạng" và những âm mưu của Brun, - một nhân viên của tổ chức này ở Đức, - Mác và Ăng-ghen đã cử E. Đron-ke đi Thụy Sĩ với tư cách là đặc phái viên của Liên đoàn những người cộng sản. Trong bức thư gửi Ban chấp hành trung ương ngày 3 tháng Bảy 1850 và trong những bức thư gửi Ăng-ghen ngày 3 và ngày 18 tháng Bảy 1850, Đron-ke đã báo cáo một cách chi tiết về hoạt động đầy kết quả của mình ở Đức và Thụy Sĩ. - 429.

186 Sau khi sang Anh tháng Mười 1849, Stơ-ru-vơ đã cùng với Han-nơ-txen, Ru-đôn-phơ Sram, Ru-gơ, Bau-ơ (từ Stôn-pê tới) và một số nhà dân chủ tiểu tư sản khác tìm

mọi cách ngăn cản việc thành lập một tổ chức độc lập của giai cấp vô sản và âm mưu chống lại Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo. Tháng Giêng, tháng Hai và tháng Tư 1850, những người này đã tổ chức một loạt các cuộc họp những người Đức lưu vong và thành lập một Liên đoàn dân chủ đặc biệt của mình. Tháng Tư, họ tuyên truyền trong những người Đức lưu vong ở Luân Đôn và đồng thời gửi sang Đức bản "Thông tri gửi tất cả những người bạn của những người Đức lưu vong"; trong đó báo tin về việc thành lập một tổ chức thống nhất những người Đức lưu vong dân chủ dưới sự lãnh đạo của "Trung ương cục của toàn thể những người Đức lưu vong". - 430.

187 *Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu* - được thành lập vào tháng Sáu 1850 ở Luân Đôn theo sáng kiến của Mát-di-ni là người đã tiến hành những bước chuẩn bị ban đầu cho tổ chức này khi còn ở Thụy Sĩ vào cuối năm 1849. Mưu toan thống nhất những người lưu vong tư sản và tiểu tư sản vào một tổ chức quốc tế được Stơ-ru-vơ và Ru-gơ hoàn toàn ủng hộ. Theo lời khuyên của Stơ-ru-vơ, Ru-gơ đã tham gia vào Ban chấp hành với tư cách là đại biểu của Đảng dân chủ Đức. Hết sức mâu thuẫn về mặt thành phần cũng như về lập trường tư tưởng, tổ chức này tồn tại không lâu; do những quan hệ ngày càng căng thẳng giữa những người lưu vong dân chủ I-ta-li-a và Pháp, Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu thực tế đã bị tan rã vào tháng Ba 1852. Bản tuyên ngôn ngày 3 tháng Bảy 1850 của tổ chức này đã bị Mác phê phán kịch liệt trong "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế" (xem tập này, tr. 640-645). - 430.

188 Đây là nói về những cuộc khởi nghĩa đòi hiến pháp để chế xảy ra ở miền Tây Nam nước Đức vào mùa xuân và mùa hè năm 1849. - 430.

189 Đầu năm 1846, tại Bruy-xen, Mác và Ăng-ghen đã thành lập Uỷ ban thông tin cộng sản nhằm đoàn kết những người xã hội chủ nghĩa tiến bộ Đức và Bỉ. Sau khi Liên đoàn những người chính nghĩa đã được cải tổ thành Liên đoàn những người cộng sản nhờ những hoạt động đầy kết quả của Mác và Ăng-ghen, tháng Tám 1847, ở Bruy-xen, một chi bộ của Liên đoàn những người cộng sản đã được thành lập trên cơ sở Uỷ ban thông tin cộng sản. Những phần tử cách mạng nhất trong số những người xã hội chủ nghĩa Bỉ, như Gi-gô và Tê-đê-xcô, đã tích cực tham gia vào hoạt động của chi bộ Bruy-xen thuộc Liên đoàn những người cộng sản. Sau cách mạng tháng Hai 1848 ở Pháp, Chính phủ Bỉ ra sức khủng bố những người Đức lưu vong cách mạng; Mác, V. Vôn-phơ và những đảng viên khác của Liên đoàn những người cộng sản đã buộc phải rời khỏi Bỉ. Tháng Tám 1848, Tê-đê-xcô và những đảng viên Bỉ khác của chi bộ đã bị đưa ra tòa nhân cái gọi là vụ án

Ri-xcôn-Tu do chính phủ phản động của vua Bi Lê-ô-pôn dựng ra để trấn áp những người dân chủ. Tê-đê-xcô và một loạt những người dân chủ Bỉ khác bị kết án tử hình; án này sau giảm xuống chung thân. - 431.

190 *Hội công nhân Đức* do Mác và Ăng-ghen thành lập cuối tháng Tám 1847 ở Bruy-xen với mục đích giáo dục chính trị cho công nhân Đức sống ở Bỉ, và tuyên truyền trong họ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản khoa học. Dưới sự lãnh đạo của Mác, Ăng-ghen và các bạn chiến đấu của hai ông, Hội đã trở thành trung tâm hợp pháp tập hợp những người vô sản cách mạng Đức sống ở Bỉ và duy trì quan hệ trực tiếp với những câu lạc bộ công nhân ở Phla-măng và Va-lôn-ni. Những phần tử ưu tú của Hội cũng tham gia vào chi bộ Bruy-xen của Liên đoàn những người cộng sản. Hội đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập Hội dân chủ Bruy-xen. Hội công nhân Đức ở Bruy-xen đã ngừng hoạt động ít lâu sau cuộc cách mạng tư sản tháng Hai 1848 ở Pháp vì các hội viên của Hội đã bị cảnh sát Bỉ bắt bớ và trục xuất. - 431.

191 *Hội huynh đệ công nhân* - là một tổ chức tập hợp những công nhân và thợ thủ công Đức, do một thành viên của Liên đoàn những người cộng sản là X. Boóc-nơ thành lập vào tháng Chín 1848 ở Béc-lin. Là một đại biểu theo đường lối cải lương trong phong trào công nhân, Boóc-nơ chỉ hạn chế hoạt động của Hội huynh đệ ở việc tổ chức những cuộc bãi công kinh tế và có những dự định thi hành các biện pháp có tính chất phường hội bẹp hòi vì lợi ích của những thợ thủ công (cấp tín dụng cho những người sản xuất nhỏ, tổ chức những hiệp hội). Những văn kiện cương lĩnh của Hội huynh đệ chỉ là một mớ bòng bong bao gồm những đoạn giải thích một cách sai lệch tư tưởng của tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" và bao gồm những học thuyết tiểu tư sản của Lu-i Blăng và Pru-đông. Tuy nhiên, cũng có những nhóm địa phương thuộc Hội huynh đệ, thường là do các đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản lãnh đạo, chịu ảnh hưởng trực tiếp của những sự kiện cách mạng trong những năm 1848-1849, đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng. Mùa xuân năm 1849, khi thực sự đặt vấn đề về việc chuẩn bị thành lập một đảng vô sản độc lập với lực lượng dân chủ tiểu tư sản, Mác và Ăng-ghen đã dự định đưa Hội huynh đệ công nhân vào phục vụ cho mục đích này. Năm 1850 chính phủ ngăn cấm Hội huynh đệ, song, một số nhóm của Hội vẫn tiếp tục hoạt động thêm nhiều năm nữa. - 432.

192 Xem chú thích 106. - 434.

193 *"The Sun"* ("Mặt trời") - là tờ nhật báo tự do - tư sản Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1798 đến năm 1876. - 436.

194 *Đạo luật về người nước ngoài năm 1848* đã được nghị viện Anh thông qua do có những sự kiện cách mạng xảy ra trên lục địa và do có cuộc biểu tình của phái Hiến chương nổ ra ngày 10 tháng Tư 1848. Theo đạo luật này, trong bất kỳ lúc nào người nước ngoài cũng có thể bị trục xuất khỏi Anh theo lệnh của chính phủ. Đạo luật này có hiệu lực trong vòng một năm. - 436.

195 *"The Spectator"* ("Khán giả") - là tờ tuần báo Anh theo khuynh hướng tự do, xuất bản ở Luân Đôn. - 439.

196 *"Neue Preußische Zeitung"* ("Báo Phổ mới") - là tờ nhật báo Đức cực kỳ phản động, đầu tiên xuất bản ở Béc-lin từ tháng Sáu 1848, là cơ quan ngôn luận của bọn triều thần phản cách mạng và bọn đại địa chủ quý tộc Phổ. Tờ báo này đồng thời được lưu hành dưới tên gọi là "Kreuzzeitung" ("Báo chữ thập"), vì ở nhan đề của báo có vẽ hình chữ thập. - 444.

197 Đây là nói về Mác. Bài bình luận ngắn đăng ngày 25 tháng Năm 1850 trên tờ "Neue Preußische Zeitung" viết rằng hình như Mác đã đi khắp nước Đức và đã ở lại Béc-lin nhân có vụ chuẩn bị mưu sát vua Phổ. - 444.

198 Mác ám chỉ tước hiệu nam tước của Bu-đen. - 444.

199 *"The Globe"* là tên gọi tắt của tờ nhật báo Anh "The Globe and Traveller" ("Trái đất và nhà du hành"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803; là cơ quan ngôn luận của đảng cấp tiến, trong thời kỳ đảng này nắm chính quyền là tờ báo của chính phủ; từ năm 1866 báo là cơ quan ngôn luận của đảng bảo thủ. - 446.

200 *"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe"* ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") là tờ nhật báo xuất bản ở Khuên từ ngày 1 tháng Giêng 1842 đến ngày 31 tháng Ba 1843. Báo do những đại biểu của giai cấp tư sản vùng Ranh thành lập có khuynh hướng đối lập với nền chuyên chế của Phổ. Một số người thuộc phái Hê-ghen trẻ cũng được lôi cuốn vào cộng tác với báo. Từ tháng Tư 1842, C.Mác là cộng tác viên của tờ "Rheinische Zeitung", và cũng từ tháng Mười năm đó Người trở thành tổng biên tập của báo. Tờ "Rheinische Zeitung" cũng đã đăng một loạt bài của Ph.Ăng-ghen. Dưới sự chủ biên của Mác, tờ báo ngày càng tiếp thu được tính chất dân chủ - cách mạng hơn. Chính phủ đã tiến hành kiểm duyệt gắt gao tờ "Rheinische Zeitung", sau đó đã bắt đình chỉ hẳn tờ báo này. - 447.

201 *"Neue Deutsche Zeitung"* ("Báo Đức mới") - là tờ báo dân chủ, xuất bản ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ trong những năm 1848-1850, chủ biên của báo là Ô. Luy-ninh, là một trong những đại biểu của phái "chủ nghĩa xã hội chân chính" vào giữa những năm

40 và trong thời kỳ cuộc cách mạng năm 1848-1849, là một nhà dân chủ tiểu tư sản. Trên tờ báo của mình, Luy-ninh đã đăng bài bình luận về bốn số báo đã được xuất bản của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" và đặc biệt chú ý đến những tác phẩm của C.Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850" và của Ph.Ăng-ghen "Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức". - 449.

202 Tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, và "Sự khốn cùng của triết học" của C.Mác, xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4; những đoạn trích xem tr. 587 và 245-247. - 449.

203 *"Weser Zeitung"* ("Báo Vê-de") - là tờ báo tự do - tư sản Đức, thành lập ở Brê-men năm 1844. - 453.

204 Tác phẩm *"Chiến tranh nông dân ở Đức"* được Ăng-ghen viết vào mùa hè năm 1850 tại Luân Đôn và được đăng trong hai số kép 5 và 6 của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue". Để có tài liệu trình bày về mặt thực tiễn của các sự kiện, Ăng-ghen đã sử dụng chủ yếu cuốn sách của nhà sử học dân chủ Đức V. Xim-mơ-man: "Lịch sử cuộc Chiến tranh nông dân ở Đức" (W. Zimmermann. "Allgemeine geschichte des grossen bauernkrieges", th. 1-3, Stuttgart, 1841-1843).

Tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" được tái bản năm 1870 thành tập sách mỏng riêng, kèm theo lời tựa của tác giả nêu rõ vai trò của giai cấp nông dân là bạn đồng minh của giai cấp vô sản. Cuốn sách được các độc giả công nhân Đức nhiệt liệt hoan nghênh, vì vậy, năm 1875, nó lại được tái bản một lần nữa, và Ăng-ghen đã bổ sung thêm cho lời tựa của nó. Trong những năm 80 Ăng-ghen quyết định viết lại tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức", và đưa vào đó một số lớn tài liệu bổ sung về lịch sử nước Đức. Ông viết thư cho Doóc-gơ ngày 31 tháng Ba 1884: "Tôi viết lại tác phẩm "Chiến tranh nông dân" của tôi hoàn chỉnh một lần nữa. Cuộc chiến tranh nông dân sẽ là nền tảng của toàn bộ lịch sử nước Đức". Việc xuất bản tập II và tập III của bộ "Tư bản", và những công việc cấp bách khác đã cản trở Ăng-ghen thực hiện dự định này. Người ta chỉ còn giữ lại được bản thảo đang viết dở, dự định bổ sung cho tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" và một số đoạn ghi chú phác thảo mà thôi. - 455.

205 *Han-dơ* là một đồng minh chính trị và thương mại của các thành thị Đức thời trung cổ nằm bên bờ biển Bắc và biển Ban-tích và bên những con sông sát liền với những biển ấy; mục đích của đồng minh này là nhằm chiếm độc quyền về thương mại ở Bắc Âu. Thời kỳ thịnh vượng của Han-dơ là vào nửa cuối thế kỷ

XIV - 458.

206 *Địa tô* là một trong những hình thức thuế phong kiến đánh vào những người có các phần đất nhỏ được chia.

Thuế di sản (Sterbefall, todfall) đánh vào quyền thừa kế các tài sản, căn cứ theo quyền hành phong kiến của các chúa phong kiến đối với phần đất và tài sản của người nông dân đã chết (ở Pháp là thứ "quyền về nhân khẩu chết"); ở Đức, bọn chúa phong kiến thường thu các súc vật tốt nhất của những người thừa kế.

Tiền bảo hộ (Schutzgelder) là một thứ thuế do bọn chúa phong kiến thu với tính cách là tiền trả cho sự "bảo hộ" và "bênh vực" trước tòa án, những cái mà chúng coi như ban cho các thần dân của chúng. - 463.

207 *"Đồng phen-nich phổ biến"* (gemeiner Pfennig) - là một thứ thuế kết hợp thuế thân với thuế đánh vào tài sản. Gánh nặng chủ yếu là đè lên vai giai cấp nông dân. - 466.

208 *Tiền cống nhậm chức* là tên gọi những khoản tiền thuế nộp chỉ một lần cho giáo đình La Mã, thu của những người được giáo hoàng bổ nhiệm các chức vị trong nhà thờ (những thánh chức có bổng lộc). Trong phần lớn các trường hợp, những khoản tiền thuế này bằng với khoản thu nhập hàng năm do những thánh chức ấy đem lại; còn những người được hưởng những bổng lộc ấy thì thu lại cho mình gấp trăm lần số tiền bỏ ra khi được bổ nhiệm giữ chức vị trong nhà thờ, nhờ các khoản đóng góp và bóp nặn của dân. - 466.

209 Ăng-ghen có ý nói đến phái tự do tư sản Đức, trong thời kỳ cách mạng những năm 1848-1849 đã chiếm đa số trong Quốc hội Phran-phuốc và những quốc hội ở các quốc gia Đức riêng biệt. Vào những tháng đầu tiên của cách mạng, ở một loạt các quốc gia (thí dụ như ở Phổ), phái tự do đã đứng đầu các "chính phủ lập hiến", nhưng sau đó lại bị những đại biểu của tầng lớp quan lại và quý tộc thay thế. Với việc giới hạn quyền lực của nhà vua bằng một bản hiến pháp tự do - tư sản, phái lập hiến định duy trì quyền lực này như một thành trì để chống lại sự phát triển sâu rộng này của cách mạng. Sách lược thỏa hiệp và những cuộc giao kèo mang tính chất phản bội của họ với những đảng phái phản động là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của cuộc cách mạng 1848-1849 ở Đức. - 468.

210 Đây là nói đến bộ hình luật của Sác-lơ V (Constitutio criminalis Carolina) được Quốc hội thông qua tại Rê-gen-xbuốc năm 1532; bộ luật này đặc biệt là có những

hình phạt rất nặng. - 472.

211 *Phái Van-đơ* là một giáo phái ra đời cuối thế kỷ XII từ những người bình dân nghèo khổ nhất ở những thành phố miền Nam nước Pháp. Theo truyền thuyết, người sáng lập ra giáo phái này là một người lái buôn ở Li-ông, tên là Pi-e Van-đơ, ông ta đã phân phát tất cả của cải của mình cho những người nghèo. Phái Van-đơ đã tuyên truyền việc từ bỏ của cải, lên án việc tích trữ của cải của nhà thờ Thiên chúa giáo và kêu gọi trở về với những tục lệ của đạo Cơ Đốc trước kia. Tà thuyết của phái Van-đơ đặc biệt được tuyên truyền trong dân cư ở những vùng núi tây nam Thụy Sĩ và Xa-voa; ở nơi đó, thuyết này mang tính chất bảo vệ những tàn tích của chế độ công xã nguyên thủy cũng như của những quan hệ gia trưởng. - 477.

212 *Phái An-bi* là một giáo phái phát triển rộng rãi vào những thế kỷ XII - XIII ở những thành phố miền Nam nước Pháp và miền Bắc nước I-ta-li-a. Trung tâm tuyên truyền của giáo phái này là thành phố An-bi, ở phía nam nước Pháp. Phái An-bi đã chống lại những nghi lễ xa hoa của đạo Thiên chúa và việc phân cấp bậc trong nhà thờ, dưới hình thức tôn giáo, họ đã thể hiện sự phản kháng của người dân thợ thủ công buôn bán ở các thành phố chống lại chế độ phong kiến. Liên kết với họ còn có một bộ phận quý tộc ở miền Nam nước Pháp vẫn mang ý định thế tục hóa những ruộng đất của nhà thờ. Năm 1209 giáo hoàng In-nô-xăng III đã tiến hành cuộc thập tự chinh chống lại phái An-bi. Kết quả là sau hai mươi năm chiến tranh, do những cuộc đàn áp tàn bạo, phong trào của những người An-bi đã bị dập tắt. - 477.

213 Một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1251 ở Pháp (của cái gọi là cuộc khởi nghĩa của "những người chăn cừu") là nhà truyền giáo tên là Gia-cốp. Theo chứng cứ biên niên sử thì ông ta là người từ Hung-ga-ri tới. - 477.

214 *Phái Ca-li-xtin* là một trong hai giáo phái trong phong trào giải phóng dân tộc và cải cách tôn giáo của Hu-xơ ở Trác-khi-a (nửa đầu thế kỷ XV) nhằm chống lại tầng lớp quý tộc Đức, chống lại đế chế Đức và nhà thờ Thiên chúa giáo. Phái Ca-li-xti (hay còn gọi là phái chén ban thánh thể, họ đòi phải có trong lễ ban thánh thể không chỉ bánh, mà phải có cả rượu vang rót từ chén nữa) đã dựa vào tầng lớp thị dân và một số thuộc tầng lớp quý tộc Trác-khi-a, họ chỉ giới hạn những yêu sách của mình ở việc thành lập một nhà thờ quốc giáo Trác-khi-a và thế tục hóa các ruộng đất của nhà thờ. - 478.

215 Phái Ta-lo (từ thành phố Ta-bo là trung tâm của phong trào) là giáo phái thứ hai trong phong trào Hu-xơ; giáo phái này đối lập với giáo phái Ca-li-xtin và hình thành nên cánh tả dân chủ - cách mạng của phong trào. Trong những yêu sách của

mình, giáo phái Ta-bo đã phản ánh nguyện vọng của quần chúng nông dân và dân nghèo thành thị là xóa bỏ toàn bộ chế độ phong kiến. Phe phong kiến phản động đã lợi dụng sự phản bội của giáo phái Ca-li-xtin đối với giáo phái Ta-bo để đàn áp phong trào Hu-xơ. - 479.

216 *Phái Phla-gen-lan* (hay là "những người tự đánh mình") là một giáo phái tu khổ hạnh, phổ biến ở châu Âu trong những thế kỷ XIII-XV. Những người Phla-gen-lan tuyên truyền rằng bằng cách tự hành hạ mình thì có thể chuộc lại được các tội lỗi.

Phái Lô-lác-đơ (nguyên văn là: "những người lẩm rẩm cầu nguyện") là một giáo phái ở Anh và một số nước khác ở châu Âu (ra đời vào thế kỷ XIV), thù địch gay gắt với nhà thờ Thiên chúa giáo; tiếp thu học thuyết của nhà cải cách tôn giáo người Anh là Uy-clíp, phái này đã rút ra từ học thuyết trên những kết luận cấp tiến hơn, và dưới hình thức tôn giáo thần bí, họ đã chống lại những đặc quyền phong kiến. Nhiều người theo phái Lô-lác-đơ, trong đó phần lớn là những người xuất thân từ quần chúng nhân dân và những người đại biểu cho giới tu hành thuộc tầng lớp dưới, đã tham gia cuộc khởi nghĩa Uốt Tai-lơ năm 1381. Từ cuối thế kỷ XIV, phái Lô-lác-đơ đã bị truy nã gắt gao. - 479.

217 *Thuyết nghìn năm* (từ chữ Hy Lạp "khi-li-ô" có nghĩa là một nghìn) là một giáo thuyết thần bí về sự giáng thế lần thứ hai của chúa Giê-xu và sự thiết lập nên "triều đại nghìn năm", triều đại của công lý, của sự bình đẳng giữa tất cả mọi người và một cuộc sống sung sướng. Những tín ngưỡng của thuyết nghìn năm ra đời trong thời kỳ tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ, vì người dân lao động không chịu nổi ách áp bức và đau khổ được nữa nên họ tìm lối thoát trong những mơ ước hão huyền là mong được giải thoát. Những tín ngưỡng này được phổ biến rộng rãi vào buổi sơ kỳ của đạo Cơ Đốc, và sau này nó thường được nêu lại trong các học thuyết của những giáo phái khác nhau thời trung cổ. - 480.

218 Ăng-ghen trích dẫn Lu-the theo Xim-mơ-man (xem Zimmermann, Th. I, Stuttgart, 1841, S. 364-365). - 482.

219 M. Luther. "An den Christlichen Adel deutscher Nation: von des Christlichen standes besserung". Vuittemberg, [1520]. Ăng-ghen trích dẫn theo Xim-mơ-man. - 483.

220 *Tín điều Au-xbuốc* là sự trình bày những nguyên lý của đạo Lu-the, được trình lên hoàng đế Sác-lơ V năm 1530 tại nghị viện đế chế Au-xbuốc, là kết quả của sự thích ứng của những tư tưởng tư sản về "nhà thờ tiết kiệm" (bãi bỏ những nghi lễ xa hoa, đơn giản hóa việc phân cấp bậc trong nhà thờ, v.v.) với những lợi ích của các hầu tước. Thay cho giáo hoàng, giữ vai trò chủ yếu trong giáo hội là một

hầu tước có thế lực. Tín điều Au-xbuốc đã bị hoàng đế bác bỏ. Cuộc chiến tranh do những hầu tước tán thành việc cải cách tôn giáo của Lu-thơ tiến hành chống hoàng đế đã kết thúc năm 1555 với bản Hòa ước tôn giáo Au-xbuốc. Hòa ước này ấn định rằng mỗi hầu tước có quyền quy định tôn giáo cho những thần dân của mình theo ý hầu tước đó muốn. - 483.

221 Câu này là đầu đề của bài văn công kích "Wyder die mordische und reubischenn Rottenn der Paurenn" do Lu-thơ xuất bản tháng Năm 1525 vào đúng lúc cuộc Chiến tranh nông dân nổ ra gay gắt nhất. Những đoạn trích dẫn sau dựa theo cuốn sách của Xim-mơ-man. - 485.

222 Xim-mơ-man đưa ra ngày tháng này trong lần in đầu tiên tác phẩm của mình. Theo những tài liệu chính xác sau này thì Tô-mát Muyn-txơ sinh vào khoảng năm 1490. - 487.

223 *Phái tái tẩy lễ* hay là những người được rửa tội lại là tên gọi những thành viên của giáo phái này do họ đưa ra yêu cầu rửa tội lần thứ hai khi đã đến tuổi trưởng thành. - 488.

224 "Die Fürstenpredigt. Auslegung des andern Unterschieds Danielis des Propheten, geprediget auf dem Schloß zu Allstedt den tätigen, teuren Herzogen und Vorstehern zu Sachsen durch Thomas Müntzer, Diener des Worts Gottes". Allstedt, 1524 ("Truyền giáo cho các vị hầu tước. Sự giải thích sự khác biệt của nhà tiên tri Đa-ni-en được phát biểu tại lâu đài An-stét-tơ trước những vị công tước và những nhà cầm quyền vùng Dắc-den là những nhà hoạt động được quý mến, do Tô-mát Muynh-txơ phát biểu là người phụng thờ ý Chúa". An-stét-tơ, 1524). Ăng-ghen trích dẫn theo Xim-mơ-man. - 489.

225 Ăng-ghen muốn nói đến những quan điểm của nhà triết học duy tâm Đức Stơ-rau-xơ và của những người khác thuộc phái Hê-ghen trẻ, trong những tác phẩm đầu tiên của mình họ đã bàn về những vấn đề tôn giáo với tư cách là những người theo phiếm thần luận. - 489.

226 Có ý muốn nói đến bài văn công kích của Muyn-txơ, ra đời ở Muyn-hau-den năm 1524 dưới tên gọi: "Ausgebrückte Entblossung des falschen Glaubens der ungetreuen Welt durchs Zeugnis des Evangeliums Lucae, vorgetragen der elenden erbärmlichen Christenheit zur Erinnerung ihres Irrsals" ("Sự công khai bác bỏ cái tín ngưỡng lầm lạc của thế giới bất công dựa vào những dẫn chứng trong kinh Phúc âm của thánh Lu-ca, được nêu ra đối với đạo Cơ Đốc đáng thương và bất hạnh với tính cách là

nhắc lại sai lầm của nó"). Trích dẫn theo Xim-mơ-man. - 492.

227 Xem Zimmermann, Th. 2, Stuttgart, 1842, S. 75. - 493.

228 M. Luther. "Eyn brieff an die Fürsten zu Sachsen von dem auffrurischen geyst". Wittemberg, 1524. - 494.

229 Theo những số liệu chính xác sau này thì Muyn-txơ đầu tiên tới thành phố đế chế là Muyn-hau-den, ông đã bị đuổi khỏi nơi đó vào tháng Chín 1524 vì đã tham gia vào những cuộc chống đối của các tầng lớp dân nghèo thành thị. Rời Muyn-hau-den, Muyn-txơ đã tới Nu-rem-be. - 495.

230 Bài trả lời Lu-thơ của Muyn-txơ đăng năm 1524 đã mang tên gọi là: "Hoch verursachte Schutzrede und Antwort wider das geistlose, sanftlebende Fleisch zu Wittenberg, welches mit verkehrter Weise durch den Diebstahl der heiligen Schrift die erbärmliche Christenheit also ganz jämmerlich besudelt hat" ("Bài diễn văn tự bào chữa có đủ những lý do chính đáng và bài trả lời mang tính chất vô thần, - trong việc chăm sóc về phần xác ở Vít-ten-béc - bài diễn văn đó bằng cách xuyên tạc và để tiện bóp méo kinh thánh thiêng liêng và bằng hành vi vô liêm sỉ nhất, đã bôi nhọ đạo Cơ Đốc bất hạnh"). - 495.

231 *Giáo phái độc lập* là một giáo phái chính trị - tôn giáo ra đời ở Anh vào nửa cuối thế kỷ XVI, và là một hình thức đối lập của giai cấp tư sản công thương nghiệp hạng trung, và của tầng lớp quý tộc "mới" bị tư sản hóa đối với nền chuyên chế và nhà thờ quốc giáo Anh. Trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, giáo phái độc lập cố kết thành một đảng phái chính trị đặc biệt đã giành chính quyền vào cuối năm 1648. - 499.

232 Ăng-ghen chép lại những câu của Han-xơ thổi sáo theo Xim-mơ-man. - 501.

233 *Liên minh Sva-ben* của các hầu tước, các nhà quý tộc và tầng lớp quý phái thượng lưu ở các thành thị đế chế thuộc miền Tây Nam nước Đức, được thành lập năm 1488. Mục đích chủ yếu của Liên minh này là đấu tranh chống lại phong trào nông dân và bình dân. Những hầu tước miền Nam và miền Tây nước Đức cầm đầu tổ chức phản động này đã tìm mọi cách lợi dụng nó để củng cố chính quyền đầu sỏ của mình. Liên minh này có những cơ quan hành chính, tòa án và quân đội riêng. Năm 1534, do những bất hòa trong nội bộ, Liên minh này đã bị tan rã. - 505.

234 *Xê-cle-rư* là những người Hung-ga-ri sống ở những vùng núi thuộc miền Đông Tơ-ran-xin-va-ni. - 513.

325 Có ý nói đến cuộc khởi nghĩa nhân dân ở đảo Xi-xin chống lại ách thống trị của triều đại Pháp An-giu đã chiếm miền Nam nước I-ta-li-a và Xi-xin năm 1267. Tối ngày 31 tháng Ba 1282 tại Pa-lếc-mơ dân khởi nghĩa đã tiêu diệt vài nghìn hiệp sĩ và binh lính Pháp. - 514.

326 Ăng-ghen muốn nói đến 95 luận điểm mà Lu-thơ đóng vào cánh cửa của một trong các nhà thờ ở Vít-ten-béc ngày 31 tháng Mười 1517 (Lu-thơ bắt đầu con đường tu hành của mình với tư cách là một thầy tu bình thường của tu viện Ô-guy-xtanh ở Thuy-rinh-ghen). Những luận điểm này đã phản kháng gay gắt việc bán các đạo hùa và sự lạm dụng của giới thầy tu Thiên chúa giáo, đồng thời nó là những phác thảo đầu tiên của học thuyết tôn giáo của Lu-thơ theo tinh thần của những tư tưởng thị dân. - 517.

237 *Buốc-le-xca* là một trong những thể loại văn châm biếm - trào lộng phổ biến trong những nhà văn của thời kỳ phục hưng và những nhà tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa; họ đã dùng loại văn đó để chế giễu kiểu cách cầu kỳ của thơ văn cung đình và tính cách phô trương của tầng lớp thượng lưu trong xã hội phong kiến. - 517.

238 *Cuộc chiến tranh Hoa hồng* (1455-1485) là cuộc chiến tranh giữa những người đại diện cho hai dòng họ phong kiến ở Anh cùng tranh giành ngôi vua, đó là dòng họ I-oóc, trên huy hiệu của họ có vẽ một bông hồng trắng, với dòng họ Lan-kê-xtơ mang trên huy hiệu một bông hồng đỏ. Tập hợp xung quanh dòng họ I-oóc là một bộ phận các lãnh chúa phong kiến lớn ở miền Nam phát triển hơn về kinh tế, là giới hiệp sĩ và tầng lớp thị dân; còn dòng họ Lan-kê-xtơ thì được sự ủng hộ của giới quý tộc phong kiến ở những lãnh địa của các bá tước thuộc miền Bắc. Kết quả cuộc chiến tranh là những dòng họ phong kiến cổ đã bị tiêu diệt hoàn toàn và triều đại mới Tu-đo lên nắm quyền, thiết lập nên nền chuyên chế ở Anh. - 520.

239 *Những đất đai vùng ngoại Ác* là tên gọi của những dinh điền tản mạn ở vùng Thượng Sva-ben và Sác-xvan-đơ thuộc triều đại Háp-xbuốc ở Áo và các chư hầu trực tiếp của triều đại này. - 523.

240 Trích từ tối hậu thư của Tơ-ru-khơ-dét, người chỉ huy đội quân bình định của Liên minh Sva-ben, gửi cho những nông dân khởi nghĩa ở Hê-nau ngày 15 tháng Hai 1525, khi tầng lớp quý tộc đã tập hợp được các lực lượng phản cách mạng. Trích dẫn theo Xim-mơ-man. - 524.

241 Theo chiếu chỉ của hoàng đế Mắc-xi-mi-li-an về những tòa án địa phương thì chỉ những người đại diện cho các đẳng cấp "cao quý" mới có thể là thành viên của những tòa án đó. - 525.

242 *Ô-béc-lan* - nguyên văn là: vùng Thượng. Trong trường hợp này là nói đến vùng Thượng Ba-đen, là một vùng núi ở phía nam Ba-đen giáp với Thụy Sĩ. Hồi thế kỷ XVI chỉ có một phần của vùng này là thuộc quan biên trấn ở Ba-đen, phần còn lại thuộc đất Áo Brây-xgau hoặc thuộc quyền cai quản của những chúa phong kiến nhỏ hơn theo nhà thờ và những chúa phong kiến thế tục. - 526.

243 Có ý nói đến bài văn công kích khuyết danh đăng tại Nu-rem-be vào đầu năm 1525: "An die Versammlung gemeiner Pawerschaft, so in Hochtentscher Nation und viel anderer Ort, mit empörung und iffruhr entstanden, ob ihr empörung billicher oder unbillicher gestalt geschehn, und was sie der Oberkeit schuldig oder nicht schuldig seind, gegründet aus der heil göttlichen Geschrift, von Oberlendischen Mitbrüdern guter mahnung ausgangen und beschriben" ("Gửi cuộc họp của toàn thể tầng lớp nông dân thuộc dân tộc ở Thượng Đức cũng như nhiều nơi khác nữa đang phẫn nộ đứng lên khởi nghĩa, về việc sự phẫn nộ của họ có chính đáng hay không, và giai cấp nông dân cần phải làm gì và không cần phải làm gì đối với chính quyền. Căn cứ theo kinh thánh thiêng liêng được biên soạn và trình bày với sự nhất trí hoàn toàn của các đồng đạo ở Ô-béc-lan"), V. Xim-mơ-man cho rằng tác giả của bài văn công kích này là T. Muyn-txơ. - 526.

244 Ngày chủ nhật Judica (do chữ judex có nghĩa là quan tòa, theo nguyên văn: "ngày chủ nhật xét xử") là ngày chủ nhật thứ năm của lễ ăn chay. - 529.

245 Quyết định này được thông qua tại hội nghị của các nhà cầm quyền của liên minh ở Un-mơ vào tháng Ba 1525, vào lúc các đại biểu của Liên minh Sva-ben còn đang tiến hành hội đàm với những người khởi nghĩa. Quyết định này được ghi lại trong một văn kiện của Viện lưu trữ ở Un-mơ do Xim-mơ-man trích dẫn (xem Zimmermann, Th. 2, Stuttgart, 1842. S. 111-112). - 529.

246 *Thuế đại thập phân và tiểu thập phân* - là hai loại thuế nộp cho nhà thờ Thiên chúa giáo. Mức độ và tính chất của loại thuế này có khác nhau tùy theo từng địa phương ở Đức, nhưng phần lớn thuế này vượt quá rất nhiều một phần mười số sản phẩm do nông dân sản xuất ra. Thông thường, thuế tiểu thập phân đánh vào những loại cây không thuộc ngũ cốc, đồng thời thuế đại thập phân thì đánh vào vụ thu hoạch ngũ cốc. - 529.

247 *Giáo hội Vuyếc-xbuốc* là hội đồng các mục sư, cai quản một giáo khu ở Vuyếc-xbuốc; đứng đầu giáo khu này là giám mục ở Vuyếc-xbuốc, người đồng thời mang tước hiệu công tước ở Phran-cô-ni. - 531.

248 *Hội tăng lữ Tơ-tông* là đoàn hiệp sĩ tôn giáo Đức được thành lập năm 1190, vào

thời kỳ có cuộc thập tự chinh. Hội này đã chiếm nhiều tài sản ruộng đất ở Đức và ở những nước khác nữa, những tài sản này do các viên quan lại - thống lĩnh của hội (hay là các com-tu-rơ) cai quản. Thế kỷ XIII miền Đông Phổ bị chiếm và chịu sự thống trị của đoàn hiệp sĩ, họ chinh phục và tiêu diệt dân địa phương Li-tốp-xơi, miền này đã trở thành dinh lũy xâm lược của đoàn hiệp sĩ chống Ba Lan, Lít-va và những công quốc Nga. Năm 1237 đoàn hiệp sĩ đó đã hợp nhất với một đoàn hiệp sĩ khác ở Đức là Li-vô-ni cũng được thành lập ở vùng ven Ban-tích. Sau thất bại ở hồ Sút năm 1242 (Trận đánh trên băng) và trong trận đánh ở Gruyn-van-đơ năm 1410, đoàn kỵ sĩ đã đi tới bước suy tàn, và sau đó chỉ còn giữ được một phần nhỏ những lãnh địa của mình. - 533.

249 *Hiệp nghị Ốp-phen-buốc* do các nghĩa quân Bray-xgau ký kết với Chính phủ Áo ngày 18 tháng Chín 1525 dự định khôi phục lại những lao dịch trước kia của nông dân và thi hành những nguyên tắc nghiêm ngặt chống lại các hội nông dân và "những người tà giáo". Về phía mình, chính phủ có trách nhiệm phải ân xá cho một loạt những người tham gia phong trào và chỉ được thi hành những hình thức phạt tương đối nhỏ. Tuy vậy, việc ân xá cho những thủ lĩnh khởi nghĩa vẫn không được tiến hành. Vậy mà cái hiệp ước không lấy gì làm tốt lành này đối với nông dân chẳng bao lâu cũng bị các nhà chức trách Áo và các chúa phong kiến địa phương vi phạm một cách phản bội, chúng đã đàn áp đẫm máu những người tham gia khởi nghĩa ngay khi họ vừa hạ vũ khí. - 552.

250 Theo những điều kiện của bản hiệp ước ký kết với Chính phủ Áo ngày 13 tháng Mười một 1525, nông dân của Svác-xvan-đơ một lần nữa lại phải thề nguyền với dòng họ Háp-xbuốc đảm nhận lại những lao dịch trước đây, và không được ngăn cản việc trừng phạt đẫm máu của những người chiến thắng đối với trung tâm phong trào là thành phố Van-đơ-xhút. Song, những người bảo vệ thành phố vẫn cầm cự được vài tuần lễ nữa; mãi đến khi tầng lớp tư sản bên trên phản bội, thành phố mới bị thất thủ. - 552.

251 Theo những nhà nghiên cứu sau này khẳng định thì Muyn-txơ không giữ các chức vụ chính thức trong "Hội đồng vĩnh viễn" ở Muyn-hau-den. Tuy nhiên, ông ta vẫn tham gia các phiên họp của hội đồng và điều khiển hoạt động của nó; thực tế, Muyn-txơ đã cầm đầu một chính phủ cách mạng mới. - 555.

252 Ăng-ghen nói đến nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Lu-i Blăng và một công nhân tên là An-be (A-lếch-xan-đrơ Mác-tin); với tư cách là những đại biểu của giai cấp vô sản, hai người đã tham gia vào chính phủ tư sản lâm thời nước Cộng hòa Pháp, chính phủ này được thành lập tháng Hai 1848 (xem tập này, tr. 29-49). - 556.

253 *Hội đồng nhiếp chính đế chế* - Xem chú thích 72. - 557.

254 *Cỗ xe chắn giữ* là một kiểu công sự dựng lên bằng những cỗ xe; được sử dụng rộng rãi ở thời cổ đại và thời trung cổ. - 559.

255 Những điều khoản của nông dân miền An-da-xơ không chỉ đưa ra một cách quyết liệt hơn những yêu sách chống phong kiến, như đã trình bày trong "Mười hai điều khoản" của giới nông dân vùng Sva-ben - Phran-cô-ni (xóa bỏ chế độ nông nô, trả lại những ruộng đất công xã mà quý tộc chiếm đoạt, v.v.) mà còn đi xa hơn cương lĩnh này về nhiều mặt. Các điều khoản này đồng thời cũng nhằm chống những kẻ cho vay nặng lãi (điều khoản về việc hủy bỏ lợi tức cho vay nặng lãi, v.v.), đòi thủ tiêu không chỉ thuế tiểu thập phân, mà cả thuế đại thập phân nữa, và tuyên bố rằng dân chúng địa phương có quyền bãi miễn những người có chức vị làm mất lòng dân và thay thế họ bằng những người mới. - 561.

256 Văn kiện này có đề cập tới một trong những thời điểm quan trọng trong lịch sử đấu tranh của Mác và Ăng-ghen để thành lập một đảng vô sản, có nói về sự phân liệt trong Liên đoàn những người cộng sản vào tháng Chín 1850.

Tháng Tám 1850, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác đi tới kết luận rằng cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1847 đã chấm dứt, và bởi vậy, trong thời kỳ kinh tế phồn thịnh chung đang tới đây không thể chờ nổ ra một cuộc cách mạng mới được. Từ đó, Mác và Ăng-ghen rút ra kết luận là trong những điều kiện mới cần phải chú ý chủ yếu đến việc tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học cũng như việc củng cố về mặt tư tưởng và mặt tổ chức của một đảng vô sản độc lập với phái dân chủ tiểu tư sản. Hai uỷ viên của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản là Vi-lích và Sáp-pơ đã chống lại sự phân tích hợp tình hợp lý đó, chống lại sách lược dựa trên những kết luận khoa học đó. Thay cho việc phân tích một cách duy vật hiện thực khách quan, Vi-lích, Sáp-pơ và những kẻ ủng hộ họ đã đưa ra những luận điệu "cách mạng" và mưu toan dấy lên ở Đức những cuộc khởi nghĩa mới; họ đã thi hành một sách lược phiêu lưu và đi tới liên minh với phái dân chủ tiểu tư sản. Trong Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những mối bất hòa nảy sinh trên cơ sở đó đã nổ ra gay gắt ngay trong các phiên họp vào tháng Tám và nửa đầu tháng Chín và càng trở nên trầm trọng hơn trong phiên họp ngày 15 tháng Chín 1850, tại đây Liên đoàn đã đi tới chỗ phân liệt. Sau khi nêu ra những nguyên nhân về việc tách khỏi Vi-lích và Sáp-pơ, tại phiên họp Mác đã nói:

"Phái thiểu số đưa giáo điều thay cho quan điểm phê phán, đưa duy tâm thay cho duy vật. Thay cho những quan hệ hiện thực, họ coi *chỉ nguyện ý chỉ* là

động lực của cách mạng mà thôi. Trong khi chúng tôi nói với công nhân rằng: "Các bạn, có lẽ, phải trải qua 15, 20, 50 năm những cuộc nội chiến và những cuộc xung đột quốc tế để làm thay đổi không những những điều kiện hiện tại, mà còn thay đổi ngay chính bản thân mình và làm cho mình có đủ khả năng nắm quyền hành chính trị", thì các ngài lại nói ngược lại: "Chúng ta phải ngay lập tức nắm lấy chính quyền, hoặc là chúng ta chỉ có thể nhắm mắt nằm im". Trong khi chúng tôi đặc biệt chỉ ra cho các công nhân Đức thấy rõ trình độ tri thức còn thấp kém của giai cấp vô sản Đức, thì các ngài, bằng cách thô bỉ nhất, lại bợ đỡ lòng tự tôn dân tộc và thành kiến có tính chất đẳng cấp của những thợ thủ công Đức, điều này rõ ràng rất đang phổ biến. Giống như những người dân chủ đang biến cái từ *nhân dân* thành vật để thờ cúng, thì các ngài cũng đang làm điều đó với cái từ *giai cấp vô sản*. Giống như những người dân chủ, các ngài đưa ra những luận điệu cách mạng thay cho việc phát triển cách mạng..." (Xem tác phẩm của C.Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên", trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ hai, Mát-xcơ-va, 1957, tập 8).

Phiên họp đã quyết định chuyển trụ sở của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn tới Khuên và giao cho Ban chấp hành khu bộ ở Khuên nhiệm vụ thành lập một Uỷ ban trung ương mới của Liên đoàn. Sáu uỷ viên của Ban chấp hành trung ương tán thành đề nghị này: Mác, Ăng-ghen, C. Sram, H. Bau-ơ, Ếch-ca-ri-út và Phen-đơ chống lại đề nghị và bốn uỷ viên còn lại của Ban chấp hành, đó là Vi-lích, Sáp-pơ, Lê-man và Phren-ken-lơ. Bốn người này thuộc phái thiểu số, đã bỏ cuộc họp và kêu gọi những đảng viên của Liên đoàn thuộc khu bộ Luân Đôn là những người ủng hộ họ. Việc đa số những hội viên Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn đi theo phái chia rẽ của Vi-lích và Sáp-pơ đã khiến cho Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông rút khỏi tổ chức này. - 576.

257 Vào giữa tháng Tư 1850, thay mặt Liên đoàn những người cộng sản, Mác và Ăng-ghen đã ký một hiệp định với những người Pháp lưu vong thuộc phái Blăng-ki cư trú ở Luân Đôn và với các đại biểu của cánh cách mạng trong phái Hiến chương, về việc thành lập "Hội những người cộng sản - cách mạng toàn thế giới". Hiệp định chủ yếu đã được ký kết (do A. Vi-lích thảo ra), gồm có 6 điều khoản (xem tập này, tr. 722-723). Sau khi Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt, những người Pháp lưu vong thuộc phái Blăng-ki đã đứng về phía phái thiểu số phiêu lưu - bè phái do Vi-lích và Sáp-pơ cầm đầu, và cùng với bọn họ đã liên minh chặt chẽ với lực lượng lưu vong dân chủ tiểu tư sản. Trước tình hình đó, đầu tháng Mười 1850, Mác và Ăng-ghen cho rằng đã đến lúc nên xóa bỏ

hiệp định với những người theo phái Blăng-ki; điều này đã được công bố bằng văn bản. - 577.

258 "Nghề may ở Luân Đôn, hay là cuộc đấu tranh giữa tư bản lớn và tư bản nhỏ", tác phẩm của G. Ếch-ca-ri-út đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", được viết dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Mác và đã được Mác hiệu đính. Qua phân tích nguyên bản thì thấy rõ là nhiều luận điểm riêng của tác phẩm là do chính Mác trình bày. - 578.

259 Ăng-ghen định dành bài viết trên cho số 5 của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", nhưng đành phải bỏ dở. Sở dĩ ông viết bài này là do có một nhóm người ở Béc-lin thuộc phái Hê-ghen trẻ gồm Ê.Mây-en, Gi.Phau-xđ, L. Bun và M. Stiếc-nơ đã đăng những bài phát biểu mang tính cá nhân - tư bản và vô chính phủ trên các báo chí. Những người này đã tham gia nhóm "Những người tự do" năm 1842, và từ đầu những năm 50 đã tập hợp xung quanh tờ "Abend-Post" ("Bưu điện buổi chiều"). Những quan điểm về kinh tế của nhóm những tác giả này là theo lập trường của phái mậu dịch tự do tư sản. Đặc biệt, về quan điểm chính trị, họ coi thường quyền phổ thông đầu phiếu và quyền đại diện nhân dân; họ coi chủ nghĩa cá nhân cực đoan và việc tán dương tình trạng vô chính phủ là việc thực hiện "một nền dân chủ cao nhất" và thực hiện "sự liên hiệp tự do của con người". Khuynh hướng phản dân chủ và phản cách mạng của nhóm này cũng thể hiện ra ở chỗ: vào tháng Tư 1850, trong nhan đề của tờ báo của họ, họ đã bỏ đi cái nhan đề phụ là "Báo dân chủ"; đồng thời, tờ "Abend-Post" tuyên bố phải tạo ra một tình trạng vô chính phủ, trong đó con người dường như "không phải là nô lệ của người khác mà cũng chẳng phải là nô lệ của quần chúng". Tờ "Abend-Post" đã bắt đầu chống lại một cách có hệ thống "những người của pháp luật trong hàng ngũ của đảng dân chủ", chống lại chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cũng như chống lại "việc khủng bố cách mạng". Những tư tưởng vô chính phủ và nửa vô chính phủ này đã được truyền bá rộng rãi trong một bộ phận những người Đức lưu vong tiểu tư sản.

Nhan đề này do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước đây) đặt. - 580.

260 Có lẽ là Ăng-ghen nói đến C. Gruyn và A. Ru-gơ là những người đã dịch các tác phẩm lẻ của Pru-đông ra tiếng Đức và tuyên truyền những tác phẩm đó trên báo chí. - 581.

261 Ở đây nói về các nghị sĩ thuộc nghị viện Stút-gát là L. Xi-môn và C. Phô-gtơ (C. Phô-gtơ cũng là một trong năm viên quan nhiếp chính của đế chế). C. Phô-gtơ và

L. Xi-môn đã viết những bài đăng trên tạp chí "Deutsche Monatsschrift" ("Nguyệt san Đức") (Stút-gát) năm 1850, trong những bài này họ tán dương tình trạng vô chính phủ và tuyên truyền việc thủ tiêu bất kỳ một tổ chức nhà nước nào. - 581.

262 Max Stirner. "Der Einzige und sein Eigenthum" Leipzig, Verlag von Otto Wigand, 1845. Cuốn sách này đã bị Mác và Ăng-ghen kịch liệt phê phán trong tác phẩm của hai ông "Hệ tư tưởng Đức" (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1986, t.3). - 582.

263 Đây là nói đến bài bình luận cuốn sách của Ê. đờ Gi-rác-đanh "Chủ nghĩa xã hội và thuế khóa" (xem tập này, tr. 295-307). - 582.

264 Trích từ bài thơ của Vi-lăng "Ô-bê-rôn". - 582.

265 Công ty Nam Hải được thành lập vào khoảng năm 1712 với lý do để buôn bán với Nam Mỹ và những quần đảo ở Thái Bình Dương; mục đích thật sự của Công ty này là đầu cơ giấy bạc nhà nước. Công ty được chính phủ ban cho một loạt những đặc quyền và độc quyền, đặc biệt là quyền được phát hành tiền giấy, nó đã mở rộng hoạt động đầu cơ khổng lồ, và hoạt động này đã dẫn tới sự phá sản của Công ty vào năm 1720. - 588.

266 Xem Th. Tooke. "A History of Prices and of the State of the Circulation from 1793 to 1837". Vol. I - II. London, 1838 (T. Tu-cơ. "Lịch sử của giá cả và của tình hình lưu thông tiền tệ từ năm 1793 đến năm 1837". T. I - II, Luân Đôn, 1838). Từ cuốn sách này, Mác đã rút ra nhiều trích dẫn mà Người sử dụng rộng rãi trong bài điểm tình hình quốc tế nêu trên. - 594.

267 *Đạo luật về ngân hàng năm 1844* dự định chia ngân hàng Anh thành hai chi cục hoàn toàn độc lập với những quỹ tiền mặt riêng: chi cục ngân hàng thì thực hiện những dịch vụ ngân hàng thuần túy, còn chi cục phát hành thì phụ trách việc phát hành giấy bạc ngân hàng. Những giấy bạc này phải được đảm bảo chắc chắn dưới hình thức một quỹ tiền tệ đặc biệt, quỹ này phải luôn luôn có đủ số tiền mặt. - 594.

268 D. M. Evans. "The Commercial Crisis 1847 - 1848". London, 1848. Từ cuốn sách này, Mác đã rút ra nhiều trích dẫn, sử dụng trong tác phẩm nói ở đây. - 595.

269 Ngày 11 tháng Mười 1850, tại Brê-gen-xơ đã diễn ra cuộc gặp mặt của những vị cầm đầu ở Áo, Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc, họ đã ký với nhau một hiệp ước nhằm chống lại những tham vọng của Phổ đòi nắm bá quyền thống trị trong Hiệp bang Đức. Ngày 28 tháng Mười 1850, tại Vác-sa-va đã diễn ra cuộc gặp mặt của hoàng đế Nga Ni-cô-lai I với hoàng đế Áo Phran-txơ I-ô-xíp và với người đứng đầu Chính phủ Phổ là công tước xứ Phran-den-buốc; công tước này đã buộc phải đi tới những

nhượng bộ. Cả hai hội nghị này thể hiện rõ vai trò mạnh mẽ của Áo và tình thế suy yếu của Phổ.

Những chính phủ lâm thời in partibus - xem chú thích 64. - 600.

270 Năm 1833, nghị viện Anh đã thông qua một đạo luật cấm chế độ nô lệ ở các thuộc địa. Một khoản là hai mươi triệu pao xtéc-linh tiền thuế được dành để bồi thường cho những chủ đồn điền - chủ nô. - 602.

271 Đây là nói về cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc ở Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ chống Đan Mạch, kéo dài từ tháng Ba 1848 cho đến cuối tháng Sáu 1850 với những thời kỳ gián đoạn. Chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng tháng Hai ở Pháp và cách mạng tháng Ba ở Đức, nhân dân ở vùng Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ đang đấu tranh đòi sáp nhập với nước Đức, đã đứng lên khởi nghĩa chống lại ách thống trị của Đan Mạch và lập ra một chính phủ lâm thời đứng đầu là công tước xứ Au-gu-xten-buốc, Bê-đê-lếc và Rê-ven-lốp. Chính phủ này kêu gọi Quốc hội hiệp bang Đức và Phổ giúp đỡ. Nhận thấy công luận ở Đức đứng về phía Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ, giới cầm quyền ở Phổ đã làm ra vẻ tiến hành một cuộc chiến tranh chống Đan Mạch, nhưng trong khi tiến hành, họ đã từng bước phản lại quân cách mạng Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ. Tháng Tám 1848, tại Man-mi-ô, Phổ đã ký với Đan Mạch một hiệp ước đình chiến phản bội, với thời hạn là 7 tháng; theo những điều kiện của hiệp ước thì thực tế, tất cả những thành quả dân chủ của nhân dân vùng Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ đã bị thủ tiêu. Vì những mâu thuẫn giữa các bên tham chiến không được giải quyết, nên trong thời gian 7 tháng đó, chiến tranh lại nổ ra vào đầu tháng Ba 1849. Tình hình chiến sự diễn ra với kết quả luôn thay đổi đã kết thúc bằng sự phản bội mới của Phổ: ngày 2 tháng Sáu 1850 Phổ đã ký với Đan Mạch một hòa ước, bất chấp những lợi ích dân tộc của nước Đức. Nhân dân vùng Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ bất bình trước hòa ước đầu hàng đó đã kiên quyết tiếp tục cuộc chiến tranh bằng những lực lượng riêng của mình. Tuy vậy, trong trận chiến đấu ở I-stết-tơ (24-25 tháng Bảy 1850) quân đội Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ đã bị quân đội Đan Mạch đánh bại và đã phải ngừng chống cự.

Những sự kiện ở Cuốc-hét-xen - xem tiếp tr. 637-638 và chú thích 298. - 609.

272 Đây là nói về hội nghị quốc tế do những người tư sản theo khuynh hướng hòa bình chủ nghĩa triệu tập ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ vào tháng Tám 1850. Giữ vai trò quan trọng trong hội nghị này là Ê-li-hiu Buê-rit, một nhà từ thiện tư sản Mỹ, Cốp-đen, thủ lĩnh của phái mậu dịch tự do Anh, Gia-u-pơ, người theo phái tự do Đức, nguyên là người cầm đầu chính phủ tự do ở Hét-xen; tham dự hội nghị là những đại biểu giáo phái của những tín đồ phái Quây-cơ. Các bài diễn văn đọc

trong hội nghị đều mang tính chất đạo đức giả và lừa phỉnh. - 614.

273 Những cuộc tranh luận về vấn đề Hy Lạp tại nghị viện Anh năm 1850 nảy sinh ra vì những lý do sau: Chính phủ Anh đã gửi một tối hậu thư gay gắt cho Chính phủ Hy Lạp, và đã cử hạm đội Anh tới phong tỏa Pi-rây. Cái cớ để tiến hành công việc này là do nhà của một lái buôn Bồ Đào Nha tên là Pa-xi-phi-cô ở A-ten bị cướp, mà người này lại được Anh bảo hộ. Nga và Pháp đã phản kháng những hành động đó của Anh, và Chính phủ Pháp đã triệu hồi đại sứ của mình ở Luân Đôn về nước. Trong khi diễn ra những cuộc tranh luận này, tại hạ nghị viện, huân tước Pan-mác-xtơn đã đọc một bài diễn văn, trong đó, với tính chất mị dân ông ta đã bóc trần chính sách của những quốc gia phản động châu Âu và ông đóng vai một người bảo vệ các quyền công dân và quyền tự do của những người theo phái tự do. - 615.

274 Trong thời gian đi thăm Luân Đôn năm 1850, nguyên soái Áo là Hay-nau, một người đã từng dàn áp cực kỳ tàn bạo phong trào cách mạng ở Hung-ga-ri và ở I-ta-li-a, đã bị những công nhân của nhà máy rượu bia là Bác-clây, Péc-kin-xơ và đồng đội nện cho một trận. Hành động đó đã được quần chúng nhân dân Anh đồng tình mạnh mẽ. - 615

275 *Cuộc giải phóng những người Thiên chúa giáo* - đó là việc nghị viện Anh hủy bỏ những hạn chế về các quyền chính trị của những người theo đạo Thiên chúa giáo vào năm 1829. Những người theo đạo Thiên chúa mà đa số là những người Ai-rơ-len, có quyền được bầu vào nghị viện và được giữ một số chức vụ chính trong chính phủ; đồng thời điều kiện tối thiểu về tài sản của ứng cử viên tăng lên gấp năm lần. Với mánh khóe đó những giai cấp nắm quyền ở Anh định lôi kéo về phía mình tầng lớp thượng lưu của giai cấp tư sản Ai-rơ-len và những điền chủ theo đạo Thiên chúa, và như vậy sẽ chia rẽ được phong trào dân tộc Ai-rơ-len. - 616.

276 Với tư cách là bộ trưởng bộ nội vụ, R. Pin đã đặt nền móng cho một chế độ tư sản hiện đại trong việc tổ chức cảnh sát ở Anh. Năm 1829, Pin đã thi hành một đạo luật về việc đặt cảnh sát thủ đô dưới sự phụ trách trực tiếp của bộ trưởng bộ nội vụ và việc thành lập ở Luân Đôn một quân đoàn cảnh sát đặc biệt. Trong những vùng khác ở Anh thì cảnh sát còn thuộc quyền phụ trách của các nhà chức trách địa phương một thời gian nữa, nhưng quyền lãnh đạo chung và kiểm tra các hoạt động của cảnh sát địa phương thì trao cho bộ trưởng bộ nội vụ. Biện pháp này đã làm tăng cường quyền lực của cảnh sát trong nhà nước tư sản. - 616.

277 Năm 1818 một bản dự luật đã được đem trình trước nghị viện Anh, và được phê chuẩn năm 1818, theo đó Ngân hàng nước Anh cần khôi phục lại việc đổi giấy bạc ngân hàng lấy vàng bắt đầu từ năm 1823. Nhưng trên thực tế, việc đổi giấy bạc ngân hàng lấy vàng đã hoàn toàn được phục hồi ngay từ năm 1821 (xem cả chú thích 55 nữa). - 616.

278 Theo chương trình cải cách thuế suất năm 1842, người ta đã hạ các loại thuế nhập khẩu đối với lúa mì và hàng loạt các hàng hóa nhập khẩu khác. Để đền bù lại thiệt hại cho ngân khố, người ta đã thi hành thuế thu nhập. - 616.

279 Xem chú thích 146. - 616.

280 Trích từ bài báo "Tượng kỷ niệm Pin", đăng trên báo của phái Hiến chương "Red Republican" số 9, ngày 17 tháng Tám 1850, do Gi. Hác-ni là người theo phái Hiến chương cánh tả làm chủ biên. - 617.

281 *Giáo phái Pi-u-di* là một trào lưu trong giáo hội Anh vào những năm 30 - 60 của thế kỷ XIX. Tên gọi đó lấy theo tên của một trong những người sáng lập ra giáo phái này là nhà thần học Pi-u-di, thuộc trường đại học tổng hợp Óc-xphốt, là người kêu gọi khôi phục lại trong giáo hội Anh những nghi thức và một số giáo lý Thiên chúa giáo. Giáo phái Pi-u-di là sự phản ánh mang tính chất tôn giáo cuộc đấu tranh của giới quý tộc Anh mong muốn duy trì ảnh hưởng của mình trong nước, chống lại giai cấp tư sản công nghiệp mà đại bộ phận đang thuộc các giáo phái Tin lành khác nhau. - 617.

282 *Giáo hội thượng đẳng* là một giáo phái trong giáo hội Anh có những người ủng hộ chủ yếu là trong giới quý tộc; nó duy trì những nghi lễ cổ, xa hoa và chú trọng đến mối liên hệ kế thừa với Thiên chúa giáo. Đối lập với giáo hội thượng đẳng là *giáo hội hạ đẳng*, đây là giáo phái thứ hai trong giáo hội Anh, được truyền bá chủ yếu trong giai cấp tư sản và tầng lớp tăng lữ lớp dưới. Trong việc phụng thờ chúa, những người ủng hộ giáo hội hạ đẳng chú trọng tuyên truyền đạo đức Cơ Đốc giáo - tư sản.

Giáo phái phi quốc giáo là những đại biểu của các giáo phái và các khuynh hướng khác biệt ở mức độ này hay mức độ khác với những giáo lý của giáo hội Anh chính thức. - 617.

283 Đây là nói về huấn dụ của giáo hoàng ban hành ngày 30 tháng Chín 1850. - 618.

284 Xem chú thích 64. - 618.

285 Trong thời kỳ giáo hội Thiên chúa giáo (thế kỷ XIV - XV) bị chia rẽ, đã nhiều lần diễn ra cuộc lựa chọn đồng thời hai vị giáo hoàng, mỗi người trong họ đều tuyên bố người kia là kẻ tiếm vị, là "giáo hoàng phản nghịch". - 618.

286 Quốc hội lập hiến của nước Cộng hòa La Mã được bầu ra ngày 21 tháng Giêng 1849, gồm đa số là những người dân chủ tư sản - những người ủng hộ Mát-di-ni. Quốc hội tước bỏ quyền lực thế tục của giáo hoàng và thi hành một loạt những biện pháp xã hội tiến bộ. Tháng Bảy 1849, sau khi nền Cộng hòa La Mã bị sụp đổ, một số lớn các nghị sĩ đã lưu vong sang Anh, ở đó họ - lấy trong hàng ngũ của mình - đã thành lập ra một uỷ ban dân tộc lâm thời I-ta-li-a; Mát-di-ni và những người ủng hộ ông ta cũng tham gia uỷ ban đó. Những người bầu ra uỷ ban đã uỷ quyền cho nó đảm nhận các khoản vay để phục vụ cho lợi ích của sự nghiệp dân tộc và giải quyết tất cả những vấn đề có liên quan đến người dân I-ta-li-a. - 619.

287 Mùa xuân năm 1850, Chính phủ Áo phát hành ở vùng Lôm-bác-đi - Vơ-ni-đơ cái gọi là đợt quốc trái tự nguyện gồm 120 triệu lia. Nhưng đợt quốc trái này cũng không thu được kết quả gì trong dân chúng và được tiến hành một cách cưỡng bức mà thôi. - 619.

288 Xem chú thích 57. - 622.

289 Xem chú thích 61. - 627.

290 Xem chú thích 63. - 629.

291 Xem chú thích 64. - 630.

292 Xem chú thích 65. - 630.

293 *Nước Đức nhỏ* - là một kế hoạch thống nhất nước Đức thành một quốc gia thống nhất dưới bá quyền của Phổ không có Áo. Một trong những mưu toan thực hiện kế hoạch này là việc thành lập một khối liên minh (liên hiệp) gồm mười bảy vua ở Đức dưới sự thống trị của vua Phổ, vào năm 1849. Năm 1850 khối liên minh này đã bị tan rã. - 635.

294 Sau khi cuộc khởi nghĩa ngày 18 tháng Ba 1848 thắng lợi, tại Béc-lin, vua Phổ Phri-đrích-Vin-hem IV đã cưỡi ngựa dạo chơi trên các đường phố của thủ đô Phổ với một dải băng màu đen-đỏ-vàng đính trên tay áo, muốn để cho dân chúng thấy rằng ông ta là người ủng hộ nước Đức thống nhất. Cùng trong ngày hôm đó, trong lời kêu gọi của mình "Gửi nhân dân và dân tộc Đức của tôi", Vin-hem đã trịnh trọng hứa sẽ giữ vững sự nghiệp thống nhất nước Đức. - 636.

295 *Phái Gô-tơ*, do phái tự do cánh hữu, đại biểu của giai cấp đại tư sản phản cách mạng, thành lập tháng Sáu 1849; phái này đã rút khỏi Nghị viện Phran-phuốc sau khi vua Phổ Phri-đrích-Vin-hem IV từ chối nhận vương miện hoàng đế từ tay Quốc hội và sau khi đa số thuộc cánh tả của Quốc hội quyết định việc thành lập nền nhiếp chính đế chế. Lo sợ trước thắng lợi của cách mạng, phái này đặt cho mình nhiệm vụ thống nhất toàn nước Đức, trừ Áo, dưới sự thống trị của dòng họ Hô-hen-txô-lóc ở Phổ. Các thủ lĩnh của đảng này là Đan-man, Xim-xôn, Bát-xơ-man, H. Ga-ghéc-nơ, C. Bruy-ghê-man và những người khác nữa. - 636.

296 *Sự thần tính* - nghĩa là sự phụ thuộc của những công tước Đức, trước kia phụ thuộc trực tiếp quyền lực của hoàng đế, nay phụ thuộc vào những vua Đức lớn hơn; trường hợp này là nói đến việc Phổ âm mưu bắt các vua Đức phụ thuộc vào bá quyền của mình. - 636.

297 Đại công quốc Hét-xen - Đác-mơ-stát và tuyển hầu quốc Hét-xen - Cát-xen (Cuốc-hét-xen) cùng nhất trí tham gia vào tổ chức thống nhất những quốc gia ở Đức năm 1849 dưới bá quyền của Phổ (Liên bang Phổ); năm 1850, dưới áp lực của Áo và Nga, hai vùng này đã rút khỏi liên bang đó và đứng về phía Áo. - 637.

298 Tháng Chín 1850, tại Cuốc-hét-xen đã nổ ra cuộc xung đột hiến pháp giữa một bên là tuyển đế hầu và bộ trưởng phản động Hát-xen-pơ-phlúc của hắn, với một bên là viện dân biểu. Hát-xen-pơ-phlúc đã giải tán viện này và thi hành thiết quân luật trong nước, việc đó đã gây nên sự phản kháng của toàn thể dân chúng đối với hắn. Vì không đủ sức đàn áp phong trào, nên tuyển đế hầu và Hát-xen-pơ-phlúc đã phải cầu cứu sự giúp đỡ của Quốc hội hiệp bang mới được khôi phục và Áo, mặc dù Cuốc-hét-xen đã tham gia tổ chức thống nhất các quốc gia ở Đức, đứng đầu là Phổ. Vì vậy, giữa Áo và Phổ đã nổ ra cuộc xung đột dẫn đến chiến sự giữa hai nước. - 638.

299 Tuyên ngôn của Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu "Gửi nhân dân! Thành lập đảng dân chủ" được công bố lần đầu tiên trên tờ "Proscrit" ("Người bị trục xuất"), cơ quan ngôn luận của tổ chức thống nhất này, vào tháng Tám 1850. - 641.

300 Lê-pô-rê-lô là một nhân vật trong vở ca kịch của Mô-da "Đông Gioăng", là người hầu của Đông Gioăng. - 643.

301 Đây là ám chỉ cuộc luận chiến diễn ra vào cuối những năm 30 giữa nhà chính luận và là nhà sử học phản động thuộc giới tăng lữ là H. Lê-ô với một nhà cấp tiến tư sản đồng thời là người theo phái Hê-ghen trẻ là A.Ru-gơ. Là một người kịch liệt chống lại triết học Hê-ghen, trong cuốn sách nhỏ của mình "Die Hegelingen" ("Những người theo phái Hê-ghen", xuất bản ở Ha-lơ năm 1838), Lê-ô đã buộc tội A. Ru-gơ và tất cả những người theo phái Hê-ghen trẻ là theo chủ nghĩa vô thần và đặc biệt là việc họ đã không biết phân biệt giữa thượng đế với loài người. - 645.

302 Đoạn này có trong bài báo của A. Ru-gơ đăng trên tờ "Bremer Tages-Chronik" ("Tin tức hằng ngày Brê-đen") ra ngày 17 tháng Giêng 1851. Tờ báo này do nhà dân chủ tiểu tư sản Điu-lon xuất bản vào những năm 1849-1850 dưới tên gọi "Tages-Chronik", đã được đổi tên thành "Bremer Tages-Chronik" vào tháng Giêng 1851. - 646.

303 Về những nguyên nhân khiến Mác và Ăng-ghen rút khỏi Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, xem chú thích 106 và 256. - 647.

304 Nhận định tương tự của Ru-gơ nằm trong tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghen "Những người lưu vong vĩ đại" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ hai, Mát-xcơ-va, 1957, tập 8). - 647.

305 *"Bữa tiệc của những người bình đẳng"* - là cuộc mít-tinh quốc tế, được tiến hành ở Luân Đôn ngày 24 tháng Hai 1851 nhân kỷ niệm cuộc cách mạng tháng Hai. Một số người thuộc phái lưu vong tiểu tư sản Pháp dưới sự lãnh đạo của Lu-i Blăng và của những người cầm đầu hội lưu vong theo phái Blăng-ki là Bác-tê-lê-mi, A-đan, v.v., cùng với nhóm Vi-lích - Sáp-pơ đã tổ chức bữa tiệc này. Để thu lượm tin tức, Mác và Ăng-ghen đã cử hai người ủng hộ mình là C. Sram và V. Pi-pơ tới bữa tiệc, song hai người này đã bị đuổi khỏi phòng tiệc và bị những kẻ ủng hộ Vi-lích và Sáp-pơ đánh đập. Bài diễn văn chúc rượu mà Ô. Blăng-ki trong khi bị giam giữ đã kịp thời gửi tới Luân Đôn, - trong đó, ông đã bóc trần bộ mặt của Lu-i Blăng và các thành viên khác trong chính phủ lâm thời, - đã bị những người tổ chức bữa tiệc cố ý giấu đi trước những người tham dự. - 649.

306 Bài diễn văn chúc rượu của Ô. Blăng-ki bị những người tổ chức "bữa tiệc của những người bình đẳng" ỉm đi trước những người tham dự, đã được đăng trên một loạt báo Pháp. Mác và Ăng-ghen đã dịch bài diễn văn này ra tiếng Đức và tiếng Anh, có viết thêm phần lời tựa ngắn cho nó; bản dịch tiếng Đức được in với số lượng là 30000 bản và lưu hành ở Đức và Anh (xem tập này, tr. 741 - 743). - 651.

307 Ăng-ghen đã biên soạn bản thảo này vào tháng Tư 1851, nhưng không dự định để đăng; nó là "một bài luận văn chi tiết xét về mặt quân sự", báo trước những triển vọng của cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh chống lại nước Pháp cách mạng; Ăng-ghen hứa sẽ gửi bài luận văn này cho Mác qua bức thư gửi Mác ngày 3 tháng Tư 1851. Bản thảo được đăng lần đầu tiên ngay sau khi Ăng-ghen mất năm 1914, tại cơ quan lý luận của đảng dân chủ - xã hội Đức "Die Neue Zeit" ("Thời mới"). Khi đăng bản thảo này, ngày tháng bị ghi nhầm và nhan đề được lấy là "Những khả năng và tiền đề cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh chống Pháp năm 1852" hoàn toàn không phù hợp với nội dung của nó. Trong tập VIII

của lần xuất bản đầu tiên Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, bản thảo vẫn lấy nhan đề ấy; trong lần xuất bản này, nhan đề do ban biên tập đưa ra phù hợp với nội dung bản thảo. - 652.

308 Trong trận đánh ở Giê-máp-pơ (Bỉ) ngày 6 tháng Mười một 1792, quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của Đuy-mu-ri-ê đã thắng quân Áo một trận lớn. - 653.

309 Trong trận chiến đấu ở Nê-ơc-vin-đen (Bỉ) với quân đội của công tước nguyên soái Áo Cô-buốc-gơ ngày 18 tháng Ba 1793, quân đội Pháp do Đuy-mu-ri-ê chỉ huy đã bị thất bại. - 654.

310 Trong trận giao tranh ở Phơ-lơ-ruýt (Bỉ) ngày 26 tháng Sáu 1794, quân đội Pháp đã đánh tan các đạo quân của công tước Cô-buốc-gơ. Thắng lợi này đã tạo điều kiện cho quân đội cách mạng Pháp tiến đến biên giới Bỉ và đánh chiếm Bỉ. - 656.

311 Đây là nói về nội các của phái Gi-rông-đanh được thành lập sau cuộc khởi nghĩa của nhân dân ngày 10 tháng Tám 1792. - 656.

312 Trong trận chiến đấu ở Tuốc-cu-en (Pháp) ngày 18 tháng Năm 1794, quân đội Pháp do tướng Mô-rô chỉ huy đã đánh bại các đạo quân của công tước Cô-buốc-gơ. - 658.

313 *Ngày 9 tháng Nóng* (27-28 tháng Bảy 1794) - cuộc đảo chính phản cách mạng, dẫn tới sự sụp đổ của chính phủ thuộc Gia-cô-banh và lập nên nền thống trị của giai cấp đại tư sản. Các-nô đã tham gia vào các hoạt động chuẩn bị cho cuộc đảo chính này.

Ngày 18 tháng Quả (ngày 4 tháng Chín 1797) - cuộc đảo chính do chính phủ tư sản, Hội đồng chấp chính tiến hành với sự ủng hộ của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ, nhằm ngăn ngừa một cuộc đảo chính của phái quân chủ. Các-nô, kẻ gần gũi với phái âm mưu bảo hoàng và do đó mà bị ô danh, đã bỏ chạy khỏi nước Pháp.

Ngày 18 tháng Sương mù (ngày 9 tháng Mười một 1799) - cuộc đảo chính của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ dẫn đến thiết lập một nền độc tài quân sự. Các-nô tán thành cuộc đảo chính, mặc dù đôi khi tỏ ý phản đối yếu ớt đối với Na-pô-lê-ông. - 660.

314 Những trận đánh ở A-ben-xbéc và E-cơ-muy-lơ là những đợt của trận đánh kéo dài năm ngày tại vùng Rê-gen-xbuốc (Ba-vi-e) vào tháng Tư 1809, giữa quân đội của Na-pô-lê-ông với quân Áo, trong thời gian cuộc chiến tranh Pháp - Áo năm 1809. Trận đánh ở Rê-gen-xbuốc đã kết thúc bằng sự thất bại và rút lui của quân đội Áo. - 663.

315 Trích từ bài hát trong các thời kỳ cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Đức 1813 - 1815. - 663.

316 Theo các đạo luật của Phổ, những thanh niên có trình độ thích ứng, có đầy đủ phương tiện để trang bị cho mình về binh phục, vũ khí và đảm bảo cho mình về thực phẩm, đều có thể được biên chế vào quân tình nguyện, phục vụ quân đội với thời hạn là một năm. Hết thời hạn đó họ có thể đề nghị xin làm sĩ quan quân dự bị hay là lan-đơ-ve. - 673.

317 Bài viết "Hiến pháp nước Cộng hòa Pháp" đăng trên tờ "Notes to the People" số 7 năm 1851, cơ quan ngôn luận của cánh cách mạng thuộc đảng Hiến chương, đã mở ra một loạt các bài nói về các hiến pháp của nước châu Âu. Với tư cách là tác giả, chủ biên của tạp chí là E. Giôn-xơ có ý định lôi cuốn những nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân và dân chủ. Bài viết trên chính là của Mác, nó được xác định bởi những bức thư của Giôn-xơ gửi Mác ngày 23, 25 và 30 tháng Năm 1851, và cũng như qua việc so sánh bài báo trên với tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". Trong một loạt bài dự định đăng trên tờ "Notes to the People" không phải chỉ có một bài, bài "Hiến pháp Phổ" không do Mác viết. - 691.

318 Mác muốn nói đến sự can thiệp do Chính phủ Pháp tiến hành chống lại nước Cộng hòa La Mã năm 1849. Chi tiết xem tập này, tr. 77-82. - 691.

319 Theo đạo luật về báo chí được thông qua ở Pháp từ năm 1819, số lượng tiền ký quỹ khi đăng ký của một cơ quan báo chí tuỳ thuộc vào tính chất định kỳ của báo chí đó và nơi xuất bản nó: mức nộp cao nhất sẽ ấn định cho những xuất bản phẩm ra quá ba lần trong một tuần và in tại Pa-ri, cũng như tại ba tỉnh kế cận. Đạo luật ngày 23 tháng Bảy 1850 áp dụng mức nộp cao như vậy đối với cả những xuất bản phẩm xuất bản ở Ly-ông và trong toàn tỉnh Rôn nằm bao quanh thành phố đó. - 693.

320 Trong việc tuyên truyền của mình, những người theo phái Hiến chương ở Anh nắm được *chi tiết* là các điểm 2 - 6 của Hiến chương nhân dân, gồm có những yêu sách sau đây: bầu cử hằng năm vào nghị viện, việc trả thù lao cho các nghị sĩ, bỏ phiếu kín, các khu vực bầu cử bình đẳng và việc hủy bỏ điều kiện tối thiểu về tài sản đối với ứng cử viên được bầu vào nghị viện. Những người theo phái Hiến chương cách mạng coi những yêu sách này là sự đảm bảo cần thiết cho việc thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu đã được nêu trong điểm đầu tiên của Hiến chương. - 703.

321 Xem chú thích 257. - 722.

322 Mác và Ăng-ghen gọi đảng phiêu lưu - bè phái của Vi-lích và Sáp-pơ là *Đồng minh đặc biệt* (Dôn-đéc-bun), đảng này đã cắt đứt quan hệ với Liên đoàn những người cộng sản sau ngày 15 tháng Chín 1850 và tách riêng thành một tổ chức độc lập có Ban chấp hành trung ương riêng. Bằng hoạt động của mình, Đồng minh đặc biệt đã giúp cho cảnh sát Phổ phát hiện ra những chi bộ bất hợp pháp của Liên đoàn những người cộng sản ở Đức và tạo cho cảnh sát Phổ có cớ dựng ra vụ án chống lại những nhà hoạt động nổi tiếng của Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên năm 1852. - 735.

323 Điều lệ Liên đoàn cộng sản do Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn soạn thảo theo hướng dẫn của Mác và Ăng-ghen tại Khuên sau khi Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt vào tháng Chín 1850. Ngày 10 tháng Chạp 1850 điều lệ này đã được gửi cho khu bộ Luân Đôn thuộc Liên đoàn cùng với những văn kiện khác của Ban chấp hành trung ương, điều lệ đã được thông qua tại phiên họp ngày 5 tháng Giêng 1851 của khu bộ với sự tham gia của Mác.

Bản văn của điều lệ (không có bút tích của Mác) bị cảnh sát Phổ lấy được cùng với những văn kiện khác khi bắt những đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, được đăng trong cuốn "Die Kommunisten-Verschwörungen des neunzehnten Jahrhunderts" do Véc-mút và Sti-bơ biên soạn. - 737.

324 Xem các chú thích 305 và 306. - 741.

THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

(Tháng Tám 1849 - tháng Bảy 1851)

1849

Khoảng 26 tháng Tám — Sau khi bị trục xuất khỏi Pa-ri, Mác đã tới Luân Đôn, và ông sống ở đấy cho đến cuối đời.

Cuối tháng Tám - đầu tháng Chín — Mác và một số uỷ viên của Ban chấp hành trung ương cũ ở Luân Đôn thành lập Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản.

Cuối tháng Tám - tháng Chín — Ăng-ghen ở Lô-dan (Thụy Sĩ) viết bài tiểu luận: "Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức"; ở Giơ-ne-vơ, ông gặp Líp-nếch là người ít lâu sau đã tham gia Liên đoàn những người cộng sản.

Đầu tháng Chín — Mác tham gia vào Hội giáo dục công nhân Đức do các chi bộ địa phương của Liên đoàn những người cộng sản lãnh đạo.

Tháng Chín - tháng Chạp — Mác tích cực bắt tay vào việc chuẩn bị cho ra một tờ báo để kế tục cho tờ "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo mới vùng Ranh"). Trong việc quyên góp tiền, tìm người xuất bản và cộng tác viên, Mác đã nhờ bạn bè và người quen giúp đỡ và về vấn đề này ông đã viết thư đến các thành phố: Khuên, Đuýt-xen-đoóc-phơ, Phran-phuốc, Hăm-buốc, Pa-ri và các thành phố khác.

15 tháng Chín — Ăng-ghen gặp V. Vôn-phơ ở Bếc-nơ.

Khoảng 17 tháng Chín — Vợ và các con của Mác từ Pa-ri đến Luân Đôn; gia đình Mác tạm thời sống ở căn nhà với những tiện nghi sinh hoạt bằng gỗ ở phố Le-xtơ, ít lâu sau chuyển ra ngoại ô Luân Đôn, ở một căn hộ thuộc phố An-đéc-xôn, số nhà 4, khu Chen-xi.

18 tháng Chín — Cuộc họp toàn thể của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn cùng với những người lưu vong chính trị Đức và bầu Mác vào Uỷ ban trợ giúp những người Đức lưu vong ở Luân Đôn.

20 tháng Chín — Mác cùng với những uỷ viên khác trong Uỷ ban trợ giúp những người Đức lưu vong ở Luân Đôn đã ký vào bản kêu gọi thứ nhất về việc quyên góp tiền để giúp đỡ những người lưu vong Đức ở Luân Đôn; lời kêu gọi được đăng trên một loạt báo Đức.

Đầu tháng Mười — Theo lời khuyên của Mác, Ăng-ghen rời Thụy Sĩ đi Anh để cùng hoạt động với Mác. Vì Chính phủ Pháp không cho phép ông đi qua Pháp nên Ăng-ghen quyết định đi qua I-ta-li-a.

5 tháng Mười — Ăng-ghen đến Giê-nơ và từ đây, ngày 6 tháng Mười ông đã đáp tàu thủy đi Anh.

Trong bức thư viết cho thủ lĩnh cánh tả phái Hiến chương là Gi. Hác-ni, Ăng-ghen báo tin rằng đến giữa tháng Mười một thì ông sẽ đến Luân Đôn và đề nghị Hác-ni báo tin này cho Mác.

Khoảng giữa tháng Mười — Mác gặp A. Vi-lích, đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản từ Thụy Sĩ tới với giấy giới thiệu của Ăng-ghen; theo đề nghị của Mác, A. Vi-lích được đưa vào Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản.

Tháng Mười một 1849 - tháng Chín 1850 — Mác trình bày tại Hội giáo dục công nhân Đức những bài giảng về những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị và những luận điểm quan trọng nhất trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản". Đồng thời ông đọc một loạt bài giảng chi tiết về những vấn đề này tại nhà mình cho các nhà hoạt động tích cực của Liên đoàn những người cộng sản. Một số trong các bài giảng này Mác dự định đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue"; song Mác không thực hiện được ý định của mình.

Khoảng 10 tháng Mười một — Sau năm tuần vượt biển, Ăng-ghen đã đến Luân Đôn.

Ăng-ghen tham gia Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, ông tham gia chuẩn bị xuất bản một tờ báo mới. Ít lâu sau khi đến Luân Đôn, Ăng-ghen tham gia Hội giáo dục công nhân Đức.

18 tháng Mười một — Vì những người dân chủ tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn (Stơ-ru-vơ, Hai-nơ-txen và những người khác) có mưu toan đặt các phần tử vô sản trong số người lưu vong ở Luân Đôn phải lệ thuộc vào ảnh hưởng của mình bằng cách lập ra một tổ chức riêng trợ giúp những người lưu vong, Mác và những người lãnh đạo khác của Liên đoàn những người cộng sản tại cuộc họp toàn thể của Hội giáo dục công nhân Đức đã cải tổ Uỷ ban trợ giúp những người Đức lưu vong ở Luân Đôn thành Uỷ ban dân chủ - xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong (Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong). Cuộc họp này đã phê duyệt thành phần Ban chấp hành mới, trong đó có Mác và Ăng-ghen.

28 tháng Mười một — Ăng-ghen viết bài "Những người dân chủ - xã hội Đức và tờ "Times"" cho tờ báo Hiến chương "The Northern Star" ("Sao Bắc đẩu") nhằm chống lại từng bài phát biểu có tính chất mị dân của C. Hai-nơ-txen làm tổn hại uy tín đảng cách mạng Đức. Bài báo ấy đã được đăng trên báo số ra ngày 1 tháng Chạp.

3 tháng Chạp — Mác và Ăng-ghen ký vào bản báo cáo chính thức của Uỷ ban dân chủ - xã hội trợ giúp những người Đức lưu vong.

15 tháng Chạp — Mác và Ăng-ghen viết "Thông báo" về việc sắp xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" ("Báo mới vùng Ranh. Tạp chí kinh tế - chính trị"). "Thông báo" được đăng trên các báo Đức và báo Thụy Sĩ vào cuối tháng Chạp 1849 - đầu 1850.

Khoảng 25 tháng Chạp — Mác và Ăng-ghen tham gia ngày lễ Giáng sinh của Hội giáo dục công nhân Đức.

31 tháng Chạp — Mác, Ăng-ghen và các uỷ viên khác của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản tham gia dạ hội mừng năm mới do hội "Những người dân chủ anh em" tổ chức, trong đó có cả các đại biểu của những người cách mạng lưu vong của một số nước, như đại biểu những người phái Blăng-ki Pháp lưu vong.

1850

Tháng Giêng - tháng Hai — Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản - do Mác và Ăng-ghen đứng đầu - bắt tay vào việc cải tổ Liên đoàn những người cộng sản.

1 tháng Giêng — Mác - Ăng-ghen tham gia soạn thảo "Lời kêu gọi mua cổ phiếu báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue"".

Để bảo vệ tổ chức độc lập của đảng công nhân, Mác và Ăng-ghen từ chối không tham gia cuộc họp hợp nhất do các lãnh tụ giới dân chủ tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn là G. Stơ-ru-vơ, R. Sram, L. Băm-béc-gơ và những người khác dự định tổ chức vào ngày 3 tháng Giêng. Mác và Ăng-ghen giải thích lý do từ chối rằng danh sách những người được mời đến họp được thảo ra một cách tùy tiện, và trong danh sách đó không có một công nhân nào trong số những công nhân đã nhiều năm đứng đầu giới cách mạng lưu vong Đức ở Luân Đôn.

2 tháng Giêng — Mác nhận được lời mời lần thứ hai của R. Sram tới dự cuộc họp ngày 3 tháng Giêng, nhưng ông không trả lời.

Đầu tháng Giêng — Mác viết thư về Khuên cho một đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản là Ruê-đơ, đề nghị ông ta thành lập một chi bộ của Liên đoàn ở Khuên, và nếu có khả năng, thì ở cả các thành phố khác của tỉnh Ranh nữa; Mác chỉ ra rằng nếu quyền tự do ngôn luận và báo chí bị xóa bỏ thật sự thì tất yếu Liên đoàn phải phục hồi lại hoạt động bất hợp pháp.

bởi vì sắp tới đây công tác tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể tiến hành một cách bí mật.

Đầu tháng Giêng - đầu tháng Hai — Mác tích cực chuẩn bị cho ra số báo đầu tiên của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" và, dưới nhan đề "Thất bại tháng Sáu năm 1848", ông đã viết bài đầu tiên trong loạt bài "Từ 1848 đến 1849". Loạt bài này được Ăng-ghen tái bản vào năm 1895 dưới nhan đề "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1849".

10 tháng Giêng — Theo đề nghị của Mác, Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản đã thông qua quyết định cử C. Sram đi Mỹ với tư cách là phái viên của Liên đoàn, đồng thời cũng là người được uỷ nhiệm của phái Hiến chương và những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn để tuyên truyền cho tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", để quyên góp cho việc ra tờ báo này, và đồng thời nhằm những mục đích tuyên truyền khác nữa của Liên đoàn. Mác đề nghị các đồng chí trong đảng của mình ở Đức giúp đỡ về vật chất cho chuyến đi của C. Sram. Song chuyến đi của C. Sram không thực hiện được vì thiếu kinh phí cần thiết.

Cuối tháng Giêng — Vì Mác bị ốm và có khó khăn trong khi ông chuẩn bị tài liệu cho tạp chí, nên việc đưa sắp chữ số báo đầu tiên của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" bị chậm lại.

31 tháng Giêng — Mác và Ăng-ghen viết phần cơ bản của "Bài thứ nhất điểm tình hình quốc tế" cho tạp chí.

Đầu tháng Hai — Để đáp lại câu hỏi của Ruê-đơ rằng chi bộ ở Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản tiến hành công tác tuyên truyền theo những tài liệu nào, Mác trả lời rằng phải tiến hành tuyên truyền trên cơ sở "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", bởi vì Điều lệ của Liên đoàn năm 1847 không còn thích hợp nữa, mà Điều lệ do Ban chấp hành trung ương ở Luân Đôn thảo ra năm 1848 thì không được sự tán thành tại đây; bản điều lệ mới sẽ được hoàn tất tại đại hội sắp tới của Liên đoàn những người cộng sản.

Khoảng 2 tháng Hai — Mác và Ăng-ghen gửi tài liệu tới Hăm-buốc cho người xuất bản để sắp chữ số đầu tiên báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", việc in số báo được tiến hành chậm chạp vì có những khó khăn trong khâu sắp chữ và vì bản thân người xuất bản, là Su-bếc-tơ, làm đình trệ do ông ta sợ bị truy nã.

Giữa tháng Hai — Ăng-ghen viết bài "Vấn đề ngày lao động 10 giờ" cho tờ báo của phái Hiến chương "The Democratic Review" ("Bình luận dân chủ"), bài báo được đăng ngày 2 tháng Ba.

25 tháng Hai — Ăng-ghen phát biểu tại bữa tiệc do những người Pháp lưu vong thuộc phái Blăng-ki tổ chức ở Luân Đôn nhân dịp kỷ niệm nước Cộng hòa Pháp năm 1848. Kết thúc bài phát biểu của mình, Ăng-ghen đề nghị nâng cốc chúc những người khởi nghĩa trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri.

Cuối tháng Hai — Mác và Ăng-ghen viết bài bổ sung cho "Bài thứ nhất điểm tình hình quốc tế".

Ăng-ghen kết thúc phần viết những chương cuối của tác phẩm "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức".

Tháng Ba — Ăng-ghen viết bài: "Đạo luật ngày lao động 10 giờ của Anh" cho báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue".

4 tháng Ba — Được soạn thảo với sự tham gia của Mác và Ăng-ghen, bản báo cáo thứ hai của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong ở Luân Đôn đã được thông qua tại cuộc họp của Hội giáo dục công nhân Đức. Bản báo cáo - trong đó có lời kêu gọi "gửi chính đảng ở ngay trong nước Đức", kêu gọi tăng cường việc quyên góp tiền để giúp đỡ những người cách mạng lưu vong - đã được đăng trên báo "Westdeutsche Zeitung" ("Báo Tây Đức") số ra ngày 21 tháng Ba và cả trên các báo khác nữa.

6 tháng Ba — Số đầu tiên của báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue"được ra ở Hăm-buốc. Trong số này có bài "Thất bại tháng Sáu năm 1848" của C.Mác và hai chương đầu của tác phẩm "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức"

của Ph.Ăng-ghen.

Khoảng 7 tháng Ba — Mác viết xong bài thứ hai trong loạt bài "Từ 1848 đến 1849", lấy nhan đề là "Ngày 13 tháng Sáu 1849".

Khoảng 7 - cuối tháng Ba — Mác viết bài thứ ba trong loạt bài "Từ 1848 đến 1849", với nhan đề "Hậu quả của sự kiện ngày 13 tháng Sáu 1849". Trong bài này, Mác trình bày tư tưởng về sự cần thiết của liên minh công nông và ông chỉ ra rằng việc tuyên bố cách mạng không ngừng và sự thừa nhận chuyên chính của giai cấp vô sản là thực chất của chủ nghĩa cộng sản cách mạng, là giai đoạn quá độ tất yếu dẫn đến xóa bỏ sự khác biệt về giai cấp.

Giữa tháng Ba - 18 tháng Tư — Mác và Ăng-ghen viết "Bài thứ hai điểm tình hình quốc tế", chủ yếu nói về tình hình kinh tế ở Anh.

Cuối tháng Ba — Số thứ hai của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", được ra ở Hăm-buốc, trong số đó có đăng bài thứ hai của C.Mác trong loạt bài "Từ 1848 đến 1849", lấy nhan đề là: "Ngày 13 tháng Sáu 1849" và chương thứ ba của tác phẩm: "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức" của Ph.Ăng-ghen đồng thời có cả một loạt bài phê bình và "Bài thứ nhất điểm tình hình quốc tế" do C.Mác và Ph.Ăng-ghen cùng viết.

Mác và Ăng-ghen viết "Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản" thứ nhất, trong đó hai ông đã tổng kết kinh nghiệm cách mạng Đức những năm 1848 - 1849, kịch liệt phê phán những người dân chủ tiểu tư sản Đức, kêu gọi củng cố Liên đoàn, thành lập một chính đảng vô sản độc lập và đề ra sách lược đấu tranh của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng sắp tới. "Lời kêu gọi" có nêu những luận điểm cơ bản trong học thuyết của Mác và Ăng-ghen về cách mạng không ngừng.

Cuối tháng Ba - đầu tháng Tư — Để thực hiện việc cải tổ Liên đoàn những người cộng sản ở các địa phương, Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn do Mác - Ăng-ghen lãnh đạo đã cử H. Bau-ơ đi Đức với tư cách là phái viên có đem theo bản văn "Lời kêu gọi".

Tháng Tư — Với tư cách là đại biểu của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, Mác và Ăng-ghen đã cùng Vi-lích duy trì mối liên hệ thường xuyên với những người Pháp lưu vong thuộc phái Blăng-ki và với những người cách mạng thuộc phái Hiến chương; họ tham gia vào việc thành lập "Hội những người cộng sản - cách mạng toàn thế giới", hội này đã tập hợp được những đại biểu của ba tổ chức này.

Mác viết bài "Lu-i Na-pô-lê-ông và Phun-đơ".

Vì không trả được tiền thuê nhà, Mác đã bị tịch biên đồ đạc; cả gia đình Mác buộc phải tạm thời ra ở khách sạn, ít lâu sau lại dọn đến căn hộ ở nhà số 64 phố Đin.

5 tháng Tư — Mác và Ăng-ghen tham gia vào cuộc mít-tinh quốc tế do hội "Những người dân chủ anh em" tổ chức nhân dịp kỷ niệm ngày sinh Rô-be-xpi-e; trong bài phát biểu của mình, Ăng-ghen kêu gọi phải đánh giá đúng truyền thống cách mạng của những người Anh, ông nhấn mạnh rằng ngay trong thời kỳ cách mạng Anh đã xuất hiện một đảng phái như phái bình quân, và để kết thúc ông đề nghị nâng cốc chúc mừng công nhân Anh. Cũng như Ăng-ghen, C. Sram thay mặt những người cộng sản Đức, trong bài phát biểu của mình ông đã bảo vệ quan điểm của Mác về sự cần thiết phải có chuyên chính của công nhân để hoàn toàn xóa bỏ giai cấp và những điều kiện xã hội tạo ra các giai cấp đó; kết thúc lời phát biểu, ông đề nghị nâng cốc chúc mừng Ô-guy-xtơ Blăng-ki là đại biểu tiên phong của giai cấp vô sản Pháp.

9 tháng Tư - tháng Năm — Mác và Ăng-ghen viết một loạt thư gửi I. Vây-đơ-mai-ơ và T. Su-xtơ yêu cầu tổ chức ở Đức việc quyên góp tiền ủng hộ những người Đức lưu vong.

Khoảng giữa tháng Tư — Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, do Mác và Ăng-ghen đứng đầu, đã cử Đrơn-ke tới Thụy Sĩ với tư cách là phái viên của mình, giao cho Đrơn-ke cùng với V. Vôn-phơ đang ở Xuy-rích nhiệm vụ khôi phục và củng cố các chi bộ của Liên đoàn những người cộng sản và tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những âm mưu của tổ chức bí mật "Trung tâm cách mạng" do những người dân chủ tiểu tư sản lãnh đạo. Đrơn-ke cũng được giao nhiệm vụ tới Ba-đen

và thiết lập mối liên hệ với những chi bộ địa phương của Liên đoàn những người cộng sản

Giữa tháng Tư — Mác và Ăng-ghen viết bài "Gốt-phrít Kin-ken", trong đó hai ông vạch trần trước chính đảng vô sản cái hành vi hèn hạ lúc ra tòa của kẻ đại biểu này điển hình cho đảng dân chủ tiểu tư sản.

Khoảng 17 tháng Tư — Ở Hăm-buốc đã ra số thứ ba của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", trong đó đăng bài viết thứ ba của C.Mác trong loạt bài "Từ 1848 đến 1849" với nhan đề là "Hậu quả của sự kiện ngày 13 tháng Sáu 1849" và chương cuối tác phẩm của Ph.Ăng-ghen "Phong trào đòi hiến pháp để chế ở Đức".

20 tháng Tư — Thay mặt Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong, Mác và Ăng-ghen viết bản tuyên bố, trong đó bác bỏ lời vu khống do những người cầm đầu giới tiểu tư sản lưu vong tuyên truyền. Bản tuyên bố được đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo Đức mới") ra ngày 28 tháng Tư và trên những số báo khác.

23 tháng Tư — Mác và Ăng-ghen trong số những uỷ viên khác của Uỷ ban đã ký vào bản báo cáo chính thức của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong, trong đó vạch trần những âm mưu của những người dân chủ tiểu tư sản như Stơ-ru-vơ, Bốp-xin, Bau-ơ (ở Stôn-pê) và những người khác nhằm chống lại đảng vô sản. Bản báo cáo kết thúc bằng lời kêu gọi đảng dân chủ - xã hội Đức hãy đứng dể những người lưu vong phải lâm vào cảnh bị thiếu thốn về vật chất. Bản báo cáo được đăng trên báo "Norddeutsche Freie Presse" ("Báo tự do Bắc Đức") ra ngày 10 tháng Năm và trên những tờ báo khác.

Khoảng tháng Năm — Theo sự uỷ nhiệm của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, Mác và Ăng-ghen đặt liên hệ với cánh tả giới lưu vong Hung-ga-ri.

Khoảng 1 tháng Năm — Ăng-ghen viết thư cho V. Vôn-phơ, trong đó truyền đạt cho Vôn-phơ nhiệm vụ do Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản giao cho là phải theo dõi những

hoạt động của tổ chức "Trung tâm cách mạng" và thông báo đều đặn cho Ban chấp hành trung ương về tổ chức này.

6 tháng Năm — Mác và Ăng-ghen cảnh cáo Pác-đi-gôn, một trong những người lãnh đạo Hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn, hai ông phản đối hiện tượng gần gũi với hội những người tiểu tư sản lưu vong do Stơ-ru-vơ lãnh đạo và báo trước rằng nếu không Liên đoàn những người cộng sản sẽ cắt đứt quan hệ hữu nghị với hội Blăng-ki.

Khoảng giữa tháng Năm — Trong thời gian dạo chơi ở ngoại ô do Hội giáo dục công nhân Đức tổ chức, Mác làm quen với V. Líp-nếch mới đến Luân Đôn sau khi bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ.

Khoảng 19 tháng Năm — Số thứ tư của tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" đã ra. Trong tạp chí có đăng các bài phê bình do C.Mác và Ph.Ăng-ghen cùng viết như "Bài thứ hai điểm tình hình quốc tế" và bài "Gốt - phrít Kin-ken" và cả các bài "Lu-i Na-pô-lê-ông và Phun-đơ" của Mác và bài "Đạo luật ngày lao động 10 giờ của Anh" của Ăng-ghen.

Đầu tháng Sáu — Mác và Ăng-ghen viết "Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản" thứ hai, trong đó có thông báo chi tiết về tình hình tổ chức ở Bỉ, Đức, Thụy Sĩ, Pháp và Anh, đồng thời cũng đưa ra những chỉ thị về tổ chức và về sách lược cho các nhóm cơ sở của Liên đoàn.

14 tháng Sáu — Mác và Ăng-ghen trong số các uỷ viên khác của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong đã ký vào bản tuyên bố trong đó bác bỏ những lời buộc tội có tính chất vu khống do những kẻ cầm đầu giới lưu vong tiểu tư sản đưa ra nhằm chống lại Uỷ ban. Bản tuyên bố được đăng trên tờ "Báo Tây Đức" ngày 25 tháng Sáu và cả trên các báo khác nữa.

Giữa tháng Sáu — Mác và Ăng-ghen gửi cho các báo Anh - tờ "Sun" ("Mặt trời"), "Spectator" - ("Khán giả"), "Globe" ("Địa cầu"), "Northern Star" (Sao Bắc đẩu) - những bức thư ngỏ, trong đó hai ông phản đối việc cảnh sát tổ chức theo dõi những người lưu vong chính trị ở Luân Đôn theo lệnh của Chính phủ Phổ và phản đối những mưu toan của giới phản động Anh đang tìm mọi cách

để khôi phục lại ở Anh hiệu lực của đạo luật về người nước ngoài.

25 tháng Sáu

Mác viết cho tổng biên tập báo "Neue Deutsche Zeitung" ở Phran-phuốc là Ô. Luy-ninh một bài tuyên bố đối với bài phê bình của ông này đăng trên báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", trong bài phê đó Luy-ninh đã giải thích không đúng luận điểm của Mác về chuyên chính của giai cấp công nhân.

Cũng nhân bài phê bình này của Ô. Luy-ninh, Ăng-ghen đã viết một bài tuyên bố đăng trên tờ "Neue Deutsche Zeitung", trong đó ông bảo vệ sự đánh giá của mình về tờ "Neue Rheinische Zeitung" là cơ quan ngôn luận duy nhất đã triệt để bảo vệ lập trường cách mạng của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng Đức những năm 1848 - 1849.

Những bài tuyên bố của C.Mác và Ph.Ăng-ghen được đăng trên báo "Neue Deutsche Zeitung" ngày 4 tháng Bảy.

Vào khoảng tháng Bảy

Mác bắt đầu nghiên cứu một cách cơ bản lịch sử kinh tế mười năm gần đây, dựa vào những tài liệu chuyên môn về lịch sử giá cả, hệ thống ngân hàng và những cuộc khủng hoảng kinh tế ở Anh và ở lục địa châu Âu, đồng thời dựa vào bộ tạp chí ở Luân Đôn "Economist" ("Nhà kinh tế học").

Tháng Bảy

Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo đã tổ chức cho những người lưu vong nhà ở tập thể, nhà ăn và xưởng sản xuất cho những người không có việc làm.

Sau ngày 3 tháng Bảy

Mác và Ăng-ghen nhận từ Đron-ke bản báo cáo tỉ mỉ lên Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản về những hoạt động của ông trong việc củng cố Liên đoàn ở Thụy Sĩ và về những cuộc hội đàm của ông với những người lãnh đạo phái "Trung tâm cách mạng". Để bảo vệ đảng vô sản độc lập, Mác đề nghị Ban chấp hành trung ương bác bỏ đề nghị về việc hợp nhất do phái "Trung tâm cách mạng" đưa ra.

30 tháng Bảy

Mác và Ăng-ghen trong số các uỷ viên khác của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong ở Luân Đôn đã ký vào bản

báo cáo về hoạt động của Uỷ ban trong tháng Năm, tháng Sáu và tháng Bảy 1850. Bản báo cáo được đăng trên tờ "Norddeutsche Freie Presse" ra ngày 7 tháng Tám.

Cuối tháng Bảy

Trong Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản đã bộc lộ ra những bất đồng lớn giữa một bên là Mác, Ăng-ghen và đa số các uỷ viên của Ban chấp hành trung ương với một bên là Vi-lích do việc Vi-lích yêu cầu chấp nhận hợp nhất về mặt tổ chức với các tổ chức của những người tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn.

Mác và Ăng-ghen đã đi đến kết luận rằng cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1847 đã kết thúc, rằng khi thời kỳ hưng thịnh bắt đầu và lực lượng sản xuất trong xã hội tư sản phát triển mạnh mẽ thì không thể có được một cuộc cách mạng thực sự. Sự đánh giá mới mẻ về tình hình này được thể hiện rõ trong "Bài thứ hai điểm tình hình quốc tế", xác định đường lối chiến lược mới của Mác và Ăng-ghen trong việc chuẩn bị tuần tự, tỉ mỉ của đảng vô sản cho các trận chiến đấu cách mạng trong tương lai; Mác và Ăng-ghen đi vào bảo vệ sách lược này trong Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản.

Khoảng 27 - 28 tháng Tám

Tại phiên họp của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong đã nảy sinh cuộc xung đột sâu sắc giữa Vi-lích và Mác là người đứng đầu nhóm đa số của Uỷ ban. Vi-lích tuyên bố rút khỏi Uỷ ban.

Tại cuộc họp của Hội giáo dục công nhân Đức diễn ra vào ngày hôm sau, Mác và Ăng-ghen đã kịch liệt phê phán Vi-lích khi ông ta tuyên bố về việc ông rút khỏi Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong, tại cuộc họp.

Cuối mùa hè

Ăng-ghen kết thúc tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức", trong đó, trước tình hình thế lực phản động trỗi dậy, ông tìm mọi cách làm sống lại trong nhận thức của nhân dân Đức những truyền thống cách mạng.

10 tháng Chín

Ăng-ghen tham dự cuộc mít-tinh của "Những người dân chủ anh em" được tổ chức để bày tỏ tình đoàn kết với những người

công nhân của nhà máy rượu bia Bác-clây, Pếc-kin-xơ và công ty đã đánh những tử viên thống soái Áo là Hay-nau, lên đao phủ tàn sát nhân dân Hung-ga-ri. Trong bài phát biểu của mình, Ăng-ghen đã cám ơn công nhân Anh vì họ đã dạy một bài học đích đáng cho tên Hay-nau là đồng bào của ông.

10 - 15 tháng Chín — Mác và Ăng-ghen cùng với H. Bau-ơ và Phen-đơ tuyên bố rút khỏi Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong. Tiểu ban do Hội giáo dục công nhân Đức cử ra để kiểm tra những hoạt động của Uỷ ban đã xác định những chứng từ về tiền đều hợp lệ.

15 tháng Chín — Tại phiên họp của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản Mác kịch liệt phê phán Vi-lích và Sáp-pơ vì đã đánh giá sai tình hình chính trị và đi liền với việc đó lại theo một sách lược mạo hiểm; Mác chỉ ra rằng, họ đã dùng cái luận điệu "cách mạng" thay cho việc phân tích một cách duy vật những quan hệ hiện thực. Tại phiên họp đã diễn ra sự chia rẽ. Đa số trong Uỷ ban ủng hộ đường lối của Mác và Ăng-ghen. Bất chấp Vi-lích và Sáp-pơ, quyết định về việc chuyển trụ sở của Ban chấp hành trung ương tới Khuên vẫn được thông qua; khu bộ ở Khuên được giao nhiệm vụ thành lập một Ban chấp hành trung ương mới.

Khoảng 17 tháng Chín — Mác nhận được bức thư ngày 14 tháng Chín của những người cộng sản ở Khuên, trong đó họ yêu cầu ông cho tái bản tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" sau khi ông viết lại có chú ý đến những sự kiện đã qua và yêu cầu ông kết thúc cuốn sách bản về khoa kinh tế chính trị, một khi cuốn sách đó được xuất bản thì sẽ có ý nghĩa lớn đối với việc tuyên truyền.

17 tháng Chín — Mác và Ăng-ghen cùng với những người ủng hộ hai ông rút khỏi Hội giáo dục công nhân Đức, bởi vì đa số các hội viên của nó đã đứng về phía Vi-lích và Sáp-pơ.

18 tháng Chín — Mác và Ăng-ghen cùng với H. Bau-ơ và C. Phen-đơ ký vào bản báo cáo cuối cùng của Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong (từ ngày 1 tháng Tám đến ngày 10 tháng Chín 1850). Bản báo cáo được đăng trên tờ "Deutsche Londoner Zeitung" ("Báo Đức ở Luân Đôn") ra ngày 27 tháng Chín.

24 tháng Chín — Thông qua phái viên của Ban chấp hành trung ương là Hau-pơ-tơ, Mác đã gửi một bức thư đến Khuên cho Ruê-đơ nói về sự chia rẽ vừa qua trong Liên đoàn những người cộng sản.

Khoảng 28 tháng Chín — Mác nhận được bức thư đề ngày 25 tháng Chín của Ruê-đơ, trong thư báo tin về việc Ban chấp hành khu bộ ở Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản bước đầu đồng ý nhận nhiệm vụ trước Ban chấp hành trung ương vì có sự chia rẽ ở Luân Đôn và thư còn yêu cầu gửi toàn bộ những giấy tờ và địa chỉ cần thiết.

Cuối tháng Chín - đầu tháng Mười — Trong những bức thư gửi các bạn trong đảng của mình là V. Vôn-phơ, I. Vây-đơ-mai-ơ, E. Dron-ke và những người khác, Mác và Ăng-ghen báo tin về những sự chia rẽ đã xảy ra trong Liên đoàn những người cộng sản.

Mác tiếp tục viết tác phẩm mà ông đã dự kiến từ mùa xuân 1844 về phê phán khoa kinh tế chính trị tư sản; ông đến thư viện của Viện bảo tàng Anh rất đều đặn, tại đây ông nghiên cứu các sách báo kinh tế: các tác phẩm của Gi. X. Min, Gi. Phu-lác-tơn, Tôn-ren-xơ, T. Tu-ơ và những nhà kinh tế khác.

Tháng Mười — Ăng-ghen viết bài dành cho tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue"; bài này nhằm chống lại những lời phát biểu mang tính chất vô chính phủ của một bộ phận nguyên là thuộc phái Hê-ghen trẻ, tập hợp xung quanh báo "Abend-Post" ("Bưu điện buổi chiều"). Song bản thảo còn bị bỏ dở.

9 tháng Mười — Để trả lời đề nghị của những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki - A-đam, Vi-đin, Bác-tê-lê-mi, - là những người đứng về phía Vi-lích và Sáp-pơ, đề nghị gặp nhau để thảo luận vấn đề cho tiếp tục tồn tại "Hội những người cộng sản - cách mạng toàn thế giới", Mác và Ăng-ghen đã tuyên bố từ chối với lý do là hội này trên thực tế không còn tồn tại nữa.

Vào khoảng tháng Mười — Mác giúp Ếch-ca-ri-út viết và hiệu đính một bài cho tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue" với nhan đề

"Thợ may ở Luân Đôn, hay cuộc đấu tranh giữa tư bản lớn và tư bản nhỏ" và ông viết lời chú thích của tòa soạn cho bài viết ấy.

1 tháng Mười một — Mác và Ăng-ghen kết thúc "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế. Từ tháng Năm đến tháng Mười", trong đó hai ông đã phân tích sự phát triển kinh tế và các sự kiện chính trị trong thời kỳ đó ở Anh, Pháp, Mỹ và Đức, đánh giá những thay đổi trong tương lai của phong trào cách mạng và phê phán những kế hoạch phiêu lưu của những thủ lĩnh lực lượng dân chủ tiểu tư sản châu Âu.

9 tháng Mười một — Trên cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương là tờ "Red Republican" ("Người cộng hòa đỏ") bắt đầu đăng bản dịch đầu tiên bằng tiếng Anh của tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của C.Mác và Ph.Ăng-ghen.

11 tháng Mười một — Khu bộ ở Luân Đôn, do Mác và Ăng-ghen đứng đầu và thuộc Liên đoàn những người cộng sản, đề nghị Ban chấp hành trung ương Liên đoàn ở Khuên khai trừ khỏi Liên đoàn những người hoạt động lãnh đạo trong cái tổ chức gây chia rẽ được lập ra ở Luân Đôn, cụ thể là Vi-lích, Sáp-pơ, Sốc-tơ-nơ, Đit-xơ, Lê-man, Ghê-béc, Phren-ken-lơ, và thông báo việc này cho toàn Liên đoàn.

Giữa tháng Mười một — Ăng-ghen tới Man-se-xtơ và lại đến làm việc ở hãng "Ec-men và Ăng-ghen", cốt nhằm giúp đỡ về vật chất cho Mác, để tạo điều kiện cho Mác có thể tiếp tục soạn thảo học thuyết về kinh tế. Từ thời gian đó giữa Mác và Ăng-ghen hầu như ngày nào cũng có trao đổi thư từ.

29 tháng Mười một — Ở Hăm-buốc báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" đã ra số cuối cùng, đó là số kép (5-6), trong đó có đăng "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế. Từ tháng Năm đến tháng Mười", do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết, tác phẩm "Chiến tranh nông dân ở Đức" của Ph.Ăng-ghen và đăng lại chương ba của tác phẩm "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản".

Cuối tháng Mười một — Ở Man-se-xtơ Ăng-ghen bắt tay vào nghiên cứu một cách có hệ thống về ngành quân sự.

Cuối tháng Mười một 1850 - tháng Hai 1851 — Mác tiến hành hội đàm với các đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên và ở Hăm-buốc và với những chủ xuất bản về việc tiếp tục cho ra báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" theo hình thức ba tháng ra một kỳ.

Tháng Chạp — Mác trao đổi thư với H. Bếch-cơ ở Khuên về việc xuất bản tập tác phẩm của ông.

Gia đình Mác chuyển đến phố Đin, số nhà 28, quảng trường Xô-hô.

Sau ngày 3 tháng Chạp — Mác nhận được bản báo cáo của một đảng viên Liên đoàn những người cộng sản là Hau-pơ-tơ nói về tình hình công việc của Liên đoàn ở Hăm-buốc.

18 tháng Chạp — Mác nhận được thư của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên gửi tới Liên đoàn ngày 1 tháng Chạp 1850 và dự thảo điều lệ mới của Liên đoàn.

30 tháng Chạp — Mác cùng vợ và Ăng-ghen đến Luân Đôn ít ngày, có tham dự buổi họp mặt đón năm mới do hội "Những người dân chủ anh em" tổ chức. Trong bài phát biểu của mình, Ăng-ghen đã đề cập chi tiết đến những nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng trên lục địa.

Cuối tháng Chạp — Ăng-ghen bắt đầu học tiếng Nga.

1851

Tháng Giêng - tháng Chạp — Mác tiếp tục tích cực nghiên cứu khoa kinh tế chính trị; đều đặn đến thư viện của Viện bảo tàng Anh; hội đàm với các chủ xuất bản về việc cho đăng tác phẩm của ông nhằm phê phán khoa kinh tế chính trị tư sản và soạn thảo ra học thuyết kinh tế của giai cấp vô sản.

5 tháng Giêng — Mác tham gia phiên họp của khu bộ ở Luân Đôn thuộc Liên

đoàn những người cộng sản, tại đây điều lệ mới do Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn ở Khuên đưa ra đã được thông qua.

Ăng-ghen tham gia cuộc họp của phái Hiến chương ở Man-se-xtơ, tại đây E. Giôn-xơ được biệt phái từ Luân Đôn đến để bảo vệ cương lĩnh của cánh tả phái Hiến chương.

Khoảng 8 tháng Giêng — Ăng-ghen báo cho Mác biết ông dự định tiến hành tuyên truyền tư tưởng của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" trong những người hiến chương có tinh thần cách mạng nhất ở Man-se-xtơ.

27 tháng Giêng — Mác và Ăng-ghen viết bài tuyên bố nhân trên báo "Bremer Tages-Chronik" ("Tin tức hằng ngày Brê-men") ra ngày 17 tháng Giêng có xuất hiện bài của A. Ru-gơ chứa đựng những lời công kích độc địa chống tờ "Neue Rheinische Zeitung" và cụ thể là chống lại Mác và Ăng-ghen. Bài tuyên bố này được gửi đến Ban biên tập báo "Weser - Zeitung" ("Báo Vê-de") ở Brê-men, song không được đăng.

Cuối tháng Giêng đầu tháng Hai — Ăng-ghen viết cho báo "Friend of the People" ("Người bạn của nhân dân") của phái Hiến chương do Hác-ni làm chủ biên, một loạt bài nhằm chống lại những người dân chủ tư sản và tiểu tư sản là Mát-di-ni, Lơ-đruy-Rô-lanh, Rơ-gơ và những người khác đứng đầu Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu.

12 tháng Hai — Ăng-ghen báo tin cho Mác về việc ông tham gia thành lập một tổ chức địa phương mới của cánh tả phái Hiến chương ở Man-se-xtơ.

Giữa tháng Hai — Mác và Ăng-ghen biểu thị sự phản đối về việc Hác-ni tham gia vào cuộc mít-tinh quốc tế do những lãnh tụ của giới lưu vong tiểu tư sản (Lu-i Blăng và những người khác) cùng với Vi-lích và Sáp-pơ và những người Pháp lưu vong thuộc phái Blăng-ki tổ chức ngày 11 tháng Hai, họ đã tiến hành một chiến dịch vu cáo chống lại Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông. Do đó Ăng-ghen đã rút lại những bài mà ông viết cho tạp chí "Friend of the People" của Hác-ni.

21 tháng Hai — Mác khuyên một người cách mạng theo phái Hiến chương là

E. Giôn-xơ không tham gia vào cuộc mít-tinh quốc tế, vào "bữa tiệc của những người bình đẳng" do Lu-i Blăng và những người Pháp lưu vong thuộc phái Blăng-ki cùng với cánh của Vi-lích và Sáp-pơ tổ chức nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng Hai 1848.

24 tháng Hai — Mác cử C. Sram và V. Pi-pơ đến thu lượm tin tức ở "bữa tiệc của những người bình đẳng" quốc tế. Những người ủng hộ Vi-lích và Sáp-pơ đã đuổi Sram và Pi-pơ ra khỏi phòng họp và đánh đập họ.

26 tháng Hai — Được Mác đồng ý, Ăng-ghen đã gửi cho Hác-ni một bức thư, trong đó ông kịch liệt phê phán Hác-ni vì đã tham gia vào "bữa tiệc của những người bình đẳng" và gần gũi với Vi-lích và Sáp-pơ.

28 tháng Hai — Mác báo cho các đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên biết chi tiết về "bữa tiệc của những người bình đẳng" ngày 24 tháng Hai và yêu cầu họ thông báo rộng rãi về việc này cho công nhân Đức.

Khoảng 3-4 tháng Ba — Ăng-ghen đến chỗ Mác vài ngày để cùng Mác tham gia vào một số hoạt động vạch trần bộ mặt những người dân chủ tiểu tư sản như Lăng-đôn-phơ, Lu-i Blăng và những người khác, và cả Sáp-pơ, Vi-lích và những người ủng hộ họ, về những hành vi của họ tại bữa tiệc ngày 24 tháng Hai. Mác và Ăng-ghen đã dịch nội dung lời chúc mừng của Ô-guy-xtơ Blăng-ki gửi đến "bữa tiệc của những người bình đẳng", - bị ban tổ chức giấu những người có mặt, - ra tiếng Anh và tiếng Đức. Bản dịch lời chúc mừng ra tiếng Đức, có kèm theo lời tựa do C.Mác và Ph.Ăng-ghen soạn thảo, được in với số lượng là 30 nghìn bản và được phát hành ở Đức và Anh.

5 tháng Ba — Ăng-ghen gửi bức thư ngỏ cho tổng biên tập báo "Times", trong đó ông đã vạch mặt ban tổ chức "bữa tiệc của những người bình đẳng"; ông gửi bản dịch lời chúc mừng của Blăng-ki ra tiếng Anh kèm theo bức thư. Song bức thư không được đăng trên báo "Times".

Tháng Tư — Ăng-ghen viết bản thảo nổi tiếng với nhan đề "Khả năng và

triển vọng cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh chống lại nước Pháp năm 1852". Trong bản thảo này lần đầu tiên trên sách báo quân sự Ăng-ghen đã giải thích một cách duy vật về sự phát triển của nghệ thuật quân sự.

Tháng Tư - đầu tháng Năm — Mác trao đổi thư từ với H. Bếch-cơ về việc cho in bản dịch tiếng Đức tác phẩm của ông "Sự khốn cùng của triết học". Song việc in sách không thành.

Tháng Tư - tháng Năm — Mác nghiên cứu sách báo về vấn đề áp dụng điện để làm tăng độ phì của đất.

Khoảng ngày 2 tháng Tư — Trong bức thư gửi Đa-ni-en-xơ, Mác đã phê phán những quan điểm triết học của Phoi-ơ-bắc, mà, theo Mác, Đa-ni-en-xơ vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của Phoi-ơ-bắc.

Cuối tháng Tư — Ở Khuên phát hành lần đầu "Bộ tác phẩm Các Mác" do H. Bếch-cơ xuất bản. Lần xuất bản này gồm bài "Nhận xét bàn chỉ thị mới nhất về chế độ kiểm duyệt của Phổ" và một phần của bài viết dấu "Những cuộc tranh luận của hội nghị dân biểu khóa 6 của tỉnh Ranh", các bài này được viết năm 1842. Vì H. Bếch-cơ bị bắt, nên sau khi phát hành lần đầu, việc xuất bản bị đình lại.

Khoảng 24 - 28 tháng Năm — Mác nhận được từ Đức một loạt tin tức về những vụ bắt bớ các đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản là P. Nốt-i-ung, H. Bếch-cơ, P. Ruê-đơ và về việc họ bị buộc tội là phản quốc, và Mác báo những tin này cho Ăng-ghen. Để giữ liên lạc với Khuên, Mác trao đổi thư từ với luật sư Béc-mơ-bắc, là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản.

Cuối tháng Năm — Đáp lại yêu cầu của Đa-ni-en-xơ, Mác tỏ ý sẵn sàng viết lời tựa cho tác phẩm của Đa-ni-en-xơ về nhân chủng học và ông nêu ra tư tưởng sau đây: "Những người cộng sản cần phải tỏ rõ rằng, chỉ có trong những quan hệ cộng sản chủ nghĩa thì những thành tựu công nghệ đã đạt được mới có thể được thực hiện trong thực tiễn".

Nửa đầu tháng Sáu — Để giúp đỡ E. Giôn-xơ xuất bản tạp chí "Notes to the People", ("Tin ngắn cho nhân dân"), Mác viết bài "Hiến pháp nước Cộng hòa Pháp". Bài này được đăng trên tạp chí "Notes to the People"

ngày 14 tháng Sáu. Mác và Ăng-ghen kể từ đây cắt đứt quan hệ với Hác-ni, sau này lại tiếp tục hợp tác với các báo của phái Hiến chương do Giôn-xơ chủ biên; để giúp đỡ Giôn-xơ hai ông đã tham gia viết một số bài và biên tập chung cho những tờ báo này.

31 tháng Bảy — Trong thư gửi Ăng-ghen, Mác nêu ý định sẽ cùng V. Vôn-phơ viết những bài đưa tin cho các báo chí Mỹ - Đức. Trong bức thư trả lời, Ăng-ghen ủng hộ dự kiến đó của Mác, coi đó là khả năng để duy trì tờ "Neue Rheinische Zeitung" dưới hình thức in li-tô.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-đam (Adam) - công nhân Pháp, theo phái Blăng-ki, tham gia vào các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, năm 1850 là uỷ viên của uỷ ban hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn. - 577, 723.

A-lếch-xan-đrơ I (1777 - 1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825). - 660.

A-ra-gô (Arago), Đô-mi-ních Phrăng-xoa (1786-1853) - nhà thiên văn học, nhà vật lý, nhà toán học Pháp nổi tiếng, nhà hoạt động chính trị tư sản; trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy là người theo phái cộng hòa, năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời, tích cực ủng hộ những kẻ trấn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản Pa-ri. - 569.

A-xtôn (Aston), Lu-i-da (1814-1871) - nữ văn sĩ Đức theo khuynh hướng dân chủ - tiểu tư sản. - 279.

Ác-nôn Brê-san-xki (khoảng 1100 - 1155) - nhà cải cách thời trung cổ I-ta-li-a, nhà tư tưởng của phong trào những tầng lớp dưới ở thành thị chống lại giáo hoàng và bọn chúa phong kiến nhà thờ ở La Mã và ở các thành phố khác, bị xử tử hình như một kẻ tà giáo. - 476, 478.

Ai-đen-hút (Eisenhut), An-tôn (chết năm 1525) - linh mục ở Ếp-ping-ghen (Pphan-xơ); lãnh tụ cuộc khởi nghĩa của nông dân và thị dân địa phương trong thời kỳ Chiến tranh nông dân năm 1525. - 543.

Ai-khơ-phen-đơ (Eichfeld), Các-lơ - cựu thượng uỷ trong quân đội Ba-đen, gần gũi với các nhóm dân chủ, là bộ trưởng bộ quốc phòng trong chính phủ lâm thời Ba-đen năm 1849. - 195.

Ai-ten (Eitel), Han-xơ - người chỉ huy đội quân ven hồ (Sva-ben) trong thời kỳ Chiến tranh nông dân năm 1525, đã ký kết Hiệp ước Vai-gác-ten với Tơ-ru-khơ-dét, sau đó đã giải tán đội quân của mình. - 527.

An-ba (Alba), Phéc-năng-đô An-va-rét, công tước (1507 - 1582) - viên toàn quyền Tây Ban Nha ở Hà Lan; là kẻ đàn áp hết sức tàn bạo cuộc khởi nghĩa của nhân dân trong thời kỳ cách mạng tư sản ở Hà Lan thế kỷ XVI. - 525.

An-be (Albert) (tên thật là A-lếch-xan-đrơ Mác-tanh (1815 - 1895)) - công nhân Pháp, theo chủ nghĩa xã hội, là một trong những nhà lãnh đạo các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời. - 24, 28, 44, 373-376, 379, 384, 388, 741.

An-brếch III (1443-1500) - công tước xứ Dắc-den; cầm đầu quân đội tiểu phạt đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Hà Lan năm 1491 - 1492 và cuộc khởi nghĩa nông dân ở Phri-đơ năm 1497. - 502.

An-đơ (Arndt), Éc-nơ-xtơ Mô-rít-txơ (1769-1860) - nhà văn, nhà sử học và nhà ngữ văn Đức, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống ách thống trị của Na-pô-lê-ông, là phần tử không từ bỏ được chủ nghĩa dân tộc; ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc trung tâm phái hữu. - 300, 419.

An-na (1665-1714) - nữ hoàng Anh (1702-1714). - 292.

An-nê-ke (Anneke), Phri-đrích (1818-1872) - sĩ quan pháo binh Phổ, năm 1846 bị sa thải khỏi quân đội vì quan điểm chính trị; là đảng viên trong chi bộ Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản, năm 1848 là tổng biên tập báo "Neue Kolnische Zeitung"; năm 1849 là trung tá trong quân đội cách mạng Ba-den-Pphan-xơ, sau này tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía những người phương Bắc. - 214, 216, 250.

An-tôn (1489-1544) - công tước xứ Lô-ren-nơ (1508-1544); kẻ tổ chức cuộc đàn áp đẫm máu những người nông dân nổi dậy ở An-da-xơ năm 1525, kẻ chống lại phong trào Cải cách tôn giáo. - 428.

Au-ơ-bắc (Auerbach), Béc-tôn (1812-1882) - nhà văn Đức theo khuynh hướng tự do; sau này là kẻ biện hộ cho Bi-xmắc. - 278, 281.

Ay-va Xi-ác-đơ (Aylva Sjoerd) - lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân ở Phri-đơ năm 1497. - 502.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrích (1820 - 1895) - (các tài liệu tiểu sử). - 14, 172, 176,

178, 186, 194-204, 211-215, 218, 222-228, 232-274, 408, 423, 424, 436-445, 451-454, 576, 577, 646, 647, 648, 715, 716, 721, 723, 726, 728, 731, 734.

B

Ba-đen - quan biên trấn - xem *Phi-líp I*.

Ba-ra-ghê d'Il-li-ê (Baraguay d'Hilliers), A-si-lơ (1795-1878) - tướng Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ của Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, là người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 101.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791-1873) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, trước tháng Hai 1848 là thủ lĩnh phái tự do đối lập của vương triều; tháng Chạp 1848 - tháng Mười 1849 đứng đầu nội các dựa vào đảng trật tự - khối phản động gồm các cánh quân chủ. - 24, 53, 65-68, 70-75, 80, 93, 100, 104, 106, 287.

Ba-rô-sơ (Baroche), Pi-e Giuy-lơ (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị, nhà luật học Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập pháp và Quốc hội lập hiến, người ủng hộ đảng trật tự; năm 1849 là tổng chưởng lý tòa án thượng thẩm, là người theo phái Bô-na-pác-tơ trước và sau cuộc đảo chính năm 1851, có chân trong hàng ngũ nội các. - 129.

Ba-xti-a (Bastiat), Phrê-đê-rích (1801-1850) - nhà kinh tế học tầm thường Pháp, kẻ biện hộ cho chủ nghĩa tư bản. - 19.

Ba-xti-đơ (Bastide), Giuy-lơ (1800-1879) - nhà hoạt động chính trị tư sản và nhà chính luận Pháp, là một trong những chủ biên của tờ báo cộng hòa - tư sản "National" (1836-1846), bộ trưởng bộ ngoại giao (tháng Năm - tháng Chạp 1848). - 57.

Ba-tô-ri (Bathory), Xtê-phan (chết năm 1535) - đại biểu cho dòng phong kiến lớn ở Tơ-ran-xin-va-ni, chỉ huy đội quân được cử đến để đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514. - 514.

Bác-be (Barbès), Ác-măng (1809-1870) - nhà cách mạng Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy; là người hoạt động tích cực trong cuộc cách mạng năm 1848, nghị sĩ Quốc hội lập hiến; bị kết án tù chung thân vì tham gia vào sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848, được ân xá năm 1854. - 74, 129, 379, 650, 701.

Bác-tê-lê-mi (Barthélemy), Ê-ma-nu-en (khoảng 1820-1855) - công nhân Pháp, người theo phái Blăng-ki, tham gia vào các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy và cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 ở Pa-ri, sau đó lưu vong sang Anh, là một trong những người lãnh đạo hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn, năm 1855 bị xử tử hình vì bị kết tội hình sự. - 577.

Ban-ten-han-xơ (Bantelhans) (Ban-ten, Han-xơ) -một trong những người lãnh đạo liên minh "Côn-rát nghèo khổ" và cuộc khởi nghĩa nông dân ở Vuyếc-tem-béc và các vùng núi ở Sva-ben năm 1514. - 510.

Bau-ơ (Bauer), Hen-rích - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức, là một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, là uỷ viên của Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, thợ đóng giày; năm 1851 lưu vong sang Ô-xtơ-rây-li-a. - 423, 426, 576, 710, 711, 715, 716, 721, 725, 728, 731, 734.

Bau-ơ (Bauer), Lu-i - bác sĩ Đức, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả, năm 1849 đến Luân Đôn và tham gia vào các nhóm tư sản trong giới lưu vong Đức, chủ tịch Uỷ ban cứu trợ trực thuộc Liên đoàn dân chủ ở Luân Đôn. - 725.

Bắc (Bach), Van-te - lính đánh thuê, đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa nông dân miền Nam Đức năm 1525; là một trong những thủ lĩnh của đội quân ở An-gôi; trong giờ phút quyết định của cuộc khởi nghĩa đã phản bội lại nông dân và lẩn trốn ở Thụy Sĩ. - 551, 554.

Băm-béc-gơ, giáo chủ - xem *Vây - găng*.

Băm-béc-gơ (Bamberger), Lút-vích (1823-1899) - nhà chính luận, nhà dân chủ tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau này là phần tử tự do, nghị sĩ nghị viện Đức. - 217, 256.

Be-ri-ê (Berryer), Pi-e Ăng-toan (1790-1868) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, người theo phái chính thống. - 106.

Béc-li-sinh-ghen (Berlichingen), Gơ-xơ phôn (1480-1562) - hiệp sĩ Đức, mưu toan lợi dụng cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1525 vì mục đích tư lợi; được cử làm chỉ huy Minh đoàn chói lọi, trong giờ phút quyết định đã phản bội nông dân. - 533 - 536, 545, 546.

Béc-lin (Berlin), Han-xơ - uỷ viên hội đồng thành phố ở Hai-brôn; sau khi nông dân khởi nghĩa chiếm thành phố năm 1525 đã mưu toan áp đặt cho những người khởi

nghĩa một cương lĩnh ôn hòa hơn; ít lâu sau đã chạy sang hàng ngũ những kẻ trấn áp cuộc khởi nghĩa. - 535, 544.

Béc-ni-gau (Bernigau) (chết năm 1849) - nhà dân chủ ở Khuên, cựu sĩ quan Phổ, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, bị xử bắn năm 1849 theo bản án của tòa án quân sự mặt trận. - 418.

Bem (Bem), Giô-dép (1795 - 1850) - tướng Ba Lan, nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc, tham gia cuộc khởi nghĩa 1830 - 1831; năm 1848 tham gia cuộc đấu tranh cách mạng ở Viên; là một trong những người chỉ huy quân đội cách mạng ở Hung-ga-ri; sau đó phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. - 170.

Bê-xơ-le (Beseler), Vin-hem Hác-vích (1806-1884) - nhà hoạt động chính trị tư sản ở Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ, năm 1848 đứng đầu chính phủ lâm thời ở Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc trung tâm phái hữu. - 368.

Bếch-cơ (Becker), I-ô-han Phi-líp (1809-1886) - công nhân làm bàn chải, tham gia phong trào dân chủ những năm 30 - 40 ở Đức và Thụy Sĩ và đặc biệt là trong cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt, là người hoạt động tích cực trong cuộc cách mạng 1848-1849, là người chỉ huy lực lượng dân vệ Ba-đen trong thời kỳ khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ; sau cách mạng 1848-1849 đã chuyển sang lập trường chủ nghĩa cộng sản vô sản, vào thời kỳ những năm 60 là người hoạt động tích cực trong Quốc tế I, tham gia tất cả các đại hội của Quốc tế, là bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen. - 196, 253, 255, 265-273.

Bếch-cơ (Becker), Mác-xơ Giô-dép (chết năm 1896) - kỹ sư, người tỉnh Ranh, nhà dân chủ, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849 ở Viên; sau khi khởi nghĩa thất bại đã lưu vong sang Thụy Sĩ, sau đó sang Mỹ. - 236.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811-1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, là một trong những thủ lĩnh của lực lượng dân chủ tiểu tư sản, nhà sử học, năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời và chủ tịch Uỷ ban Lúc-xăm-buốc; theo lập trường thỏa hiệp với giai cấp tư sản; tháng Tám 1848 lưu vong sang Anh. - 24, 27, 33, 39, 41, 53, 69, 85, 128, 366, 434, 649, 650, 741.

Blăng-ki (Blanqui), Lu-i Ô-guy-xtơ (1805-1881) - nhà cách mạng Pháp, người theo chủ nghĩa cộng sản - không tưởng, người ủng hộ những sách lược lật đổ, người tổ chức Hội bí mật các mùa trong năm và cuộc khởi nghĩa ngày 12 tháng Năm 1839; trong thời kỳ cách mạng năm 1848 đứng về phía phái cực tả trong phong trào dân chủ và vô sản ở Pháp; đã nhiều lần bị kết án tù. - 41, 74, 126, 128, 129, 379, 388, 649, 650, 741.

Blen-cơ (Blenker), Lút-vích (Lu-i) (1812-1863) - cựu sĩ quan Đức, nhà dân chủ tư sản, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau đó lưu vong sang Mỹ, ở đây ông đã tham gia cuộc Nội chiến ủng hộ những người phương Bắc. - 153, 217-220, 230, 235, 259, 264, 267, 269.

Blí-um (Blum), Rô-bớc (1807-1848) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, làm nghề nhà báo; đứng đầu phái tả trong Quốc hội Phran-phuốc; tháng Mười 1848 tham gia bảo vệ Viên, bị xử bắn sau khi quân phản động chiếm được thành phố. - 153, 219.

Blin-đơ (Blind), Các-lơ (1826-1907) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen năm 1848-1849, trong những năm 50 là một trong những người đứng đầu phái lưu vong tiểu tư sản Đức ở Luân Đôn; sau này là người theo phái tự do - dân tộc. - 187, 198, 711, 713.

Boa-ghin-be (Boisguillebert), Pi-e (1646-1714) - nhà kinh tế học Pháp, bậc tiền bối của phái trọng nông, người sáng lập khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển ở Pháp, tác giả của tác phẩm "Le détail de la France" ("Sự miêu tả tỉ mỉ về nước Pháp") và hàng loạt những tác phẩm kinh tế khác. - 114.

Boi-xtơ (Beust), Phri-đrích (1817-1899) - sĩ quan Phổ, đã từ chức vì quan điểm chính trị, năm 1848 là uỷ viên ban chấp hành Hội liên hiệp công nhân Khuên, một trong những người chủ biên tờ "Neue Kölnische Zeitung" (tháng Chín 1848 - tháng Hai 1849), tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau cách mạng đã lưu vong sang Thụy Sĩ, giáo sư khoa sư phạm. - 247.

Bô-ling-brốc (Bolingbroke), Hen-ri (1678-1751) - nhà triết học - thần luận và nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ. - 293.

Bô-lơ (Ball), Giôn (chết năm 1381) - mục sư nông thôn Anh, người truyền giáo trong nhân dân, là một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân ở Anh năm 1381. - 479.

Bô-mác-se (Beaumarchais), Pi-e Ô-guy-xtanh (1732-1799) - nhà viết kịch nổi tiếng Pháp. - 74.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giê-rôm (1784-1860) - em trai của Na-pô-lê-ông I, vua xứ Ve-xtơ-pha-li (1807-1813). - 104.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Na-pô-lê-ông Giô-dép Sác-lơ Pôn (1822 - 1891) - con trai của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ, anh em họ với Lu-i Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ nền

Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến Quốc hội lập pháp. - 104.

Bốc-cát-xi-ô (Boccaccio), Giô-van-ni (1313-1375) - nhà văn viết truyện ngắn lớn nhất I-ta-li-a và nhà thơ của thời kỳ Phục hưng. - 478.

Bốc-kê (Bocquet), Giăng Ba-ti-xtơ - giáo viên Pháp, tham gia vào các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, người ủng hộ báo "Réforme" trong thời kỳ đầu cuộc cách mạng năm 1848 giúp việc cho quận trưởng quận 12 Pa-ri, tham gia vào cuộc biểu tình ngày 15 tháng Năm; sau đó lưu vong sang Anh, là bạn của A. I. Ghéc-txen. - 375.

Bốp-xin (Bobzin), Phri-đrích Hen-rích Các-lơ (sinh năm 1826) - thợ thủ công Đức, năm 1847 là hội viên hội công nhân Đức ở Bruy-xen, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849; sau đó lưu vong sang Luân Đôn, cùng với Stơ-ru-vơ đứng đầu Liên minh dân chủ - tư sản những người Đức lưu vong ở Luân Đôn. - 725, 727.

Bran-đen-buốc - An-xbác-xki, quan biên trấn - xem *Ca-đi-mia*.

Brai-tơ (Bright), Giôn (1811-1889) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, người theo phái mậu dịch tự do, là một trong những người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, từ cuối những năm 60 là một trong những thủ lĩnh đảng tự do; giữ một loạt chức vụ bộ trưởng trong những nội các của đảng tự do. - 111, 318.

Bran-đen-buốc (Brandenburg), Phri-đrích Vin-hem, bá tước (1792-1850) - tướng Phổ, đứng đầu nội các phản động ở Phổ (1848-1850). - 709.

Brao-nơ-svai-gơ, Các Vin-hem-Phéc-đi-năng, công tước (1735-1806) - tổng chỉ huy trong quân đội Áo - Phổ, hoạt động chống lại nước Pháp cách mạng trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 653.

Bren-ta-nô (Brentano), Lô-ren-xơ (1813-1891) - nhà dân chủ tiểu tư sản Ba-đen, làm nghề luật sư; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời ở Ba-đen, sau khi cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ thất bại đã lưu vong sang Thụy Sĩ, sau đó sang Mỹ. - 187, 188, 193-195, 199-202, 206, 207, 242, 249, 269, 275, 276.

Brê-a (Bréa), Giăng Ba-ti-xtơ Phi-đen (1790-1848) - tướng Pháp, phần tử phản động, tham gia dẫn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848, bị những người khởi nghĩa bắn chết. - 85.

Brum (Brougham), Hen-ri (1778-1868) - nhà luật học và nhà văn Anh, nhà hoạt động nổi tiếng của đảng cấp tiến, đại pháp quan (1830-1834). - 615.

Brun (Bruhn), Các-lơ (sinh năm 1803) - nhà báo Đức, là thành viên của Liên minh những người bị hắt hủi và Liên đoàn những người chính nghĩa, và sau đó là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, năm 1850 bị khai trừ khỏi tổ chức này, sau này là chủ biên tờ "Nordstern" của phái Lát-xan ở Hăm-buốc. - 428.

Bruy-ghê-man (Brüggemann), Các Hen-rích (1810-1887) - nhà chính luận tư sản Đức, phần tử tự do; những năm 1845-1855 là tổng biên tập báo "Kölnische Zeitung". - 637.

Bu-sốt (Bouchotte), Giăng Ba-ti-xtơ Nô-en (1754-1840) - sĩ quan Pháp, nhà hoạt động trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, người theo phái Gia-cô-banh, bộ trưởng bộ chiến tranh (1793-1794). - 658, 685.

Buê-hai-mơ (Boheim), Han-xơ (Han-xơ thổi sáo) (chết năm 1476) - mục phu, nhà tuyên truyền trong nhân dân vùng Ni-cla-xhau-đen, người cổ vũ phong trào nông dân trong lãnh địa của giáo chủ ở Vuyếc-xbuốc và những vùng lân cận, đã bị thiêu sống. - 498-503.

Buê-rít (Burritt), Ê-li-hiu (1810-1879) - nhà ngôn ngữ học Mỹ, nhà từ thiện tư sản và theo chủ nghĩa hòa bình, người tổ chức một loạt những đại hội quốc tế hòa bình chủ nghĩa. - 614.

Bun-đen (Bunsen), Cri-xchi-an Các-lơ I-ô-đi-át, nam tước (1791-1860) - nhà ngoại giao, nhà chính luận và nhà thần học Phổ; gần gũi với các giới triều thần, là đại sứ ở Luân Đôn (1842-1854). - 443, 444, 454, 615.

Buốc-Ben-hai-mơ (Burg-Bernheim), Grê-goóc - một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân ở vùng biên ải An-xbác năm 1525. - 547, 548.

Buy-giô-đơ la Pi-côn-nơ-ri (Bugeaud de la Piconnerie), Tô-ma Rô-be (1784-1849) - nguyên soái Pháp; nghị sĩ viện dân biểu trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, người theo phái Oóc-lê-ăng, năm 1848-1849 là tổng chỉ huy quân đội An-pơ, nghị sĩ Quốc hội lập pháp. - 67.

Buy-xơ (Bucher), Lô-tác (1817-1892) - quan lại, nhà chính luận Phổ; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phổ, thuộc trung tâm phái tả; sau thất bại của cuộc cách mạng năm 1848 lưu vong ở Luân Đôn, sau này là phần tử tự do - dân tộc, là người ủng hộ Bi-xmác. - 421.

C

Ca-bê (Cabet), Ê-chiên (1788-1856) - nhà chính luận Pháp, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cộng sản bình quân ôn hòa, tác giả của cuốn sách "Cuộc hành trình tới I-ca-ri". - 41, 384.

Ca-đi-mia (1481-1527) - quan biên trấn vùng Bran-đen-buốc - An-xbắc, đại biểu cho nhánh Phran-cô-ni thuộc dòng vua Hô-hen-txô-léc, kẻ tổ chức cuộc đàn áp đẫm máu những nông dân và thị dân khởi nghĩa ở An-xbắc và ở Rô-ten-buốc. - 545, 552.

Ca-pơ-phi-gơ (Capefigue), Giăng Ba-ti-xtơ Ô-nô-rê Ray-mông (1802-1872) - nhà chính luận và nhà sử học Pháp, người theo phái quân chủ. - 141, 626.

Ca-ri-e (Carrière), Mô-rít-xơ (1817-1895) - nhà triết học duy tâm Đức, giáo sư thẩm mỹ học. - 278.

Ca-ve-nhắc (Cavaignac), Lu-i Ơ-gien (1802-1857) - tướng Pháp, nhà hoạt động chính trị, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; đã tham gia cuộc xâm lược An-giê-ri, sau cách mạng tháng Hai 1848 là toàn quyền ở An-giê-ri, kẻ đã tiến hành những biện pháp chiến tranh tàn ác, từ tháng Năm 1848 là bộ trưởng bộ chiến tranh Pháp, đã đàn áp cực kỳ tàn bạo cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri; đứng đầu cơ quan quyền lực hành pháp (tháng Sáu - tháng Chạp 1848). - 46, 47, 51, 56, 57, 60-65, 69, 71, 77-80, 87, 95, 665, 705.

Các-lai-lơ (Carlyle), Tô-mát (1795-1881) - nhà văn Anh, nhà sử học, nhà triết học duy tâm, người tuyên truyền thuyết sùng bái các anh hùng; thể hiện những quan điểm gần gũi với chủ nghĩa xã hội phong kiến những năm 40, đứng trên lập trường của chủ nghĩa lãng mạn phản động để phê phán giai cấp tư sản Anh, tham gia đảng bảo thủ; sau năm 1848 là một phần tử hoàn toàn phản động, kẻ thù công khai của phong trào công nhân. - 356-363, 364-369.

Các-li-ê (Carlier), Pi-e (1799-1858) - giám đốc cảnh sát Pa-ri (1849-1851), người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 120, 121, 408.

Các-nô (Carnot), Lu-đa-rơ Íp-pô-lít (1801-1888) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản; năm 1849 là bộ trưởng bộ văn hóa của chính phủ lâm thời, nghị sĩ Quốc hội lập hiến; là kẻ quyết liệt chống lại đảng trật tự. - 128, 129, 416.

Các-nô (Carnot), La-đa-rơ Ni-cô-la (1753-1823) - nhà toán học và nhà vật lý Pháp,

nhà hoạt động chính trị và quân sự, phần tử cộng hòa tư sản; trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII gia nhập phái Gia-cô-banh, năm 1794 đã tham gia vào cuộc đảo chính phản cách mạng ngày 9 tháng Nóng. - 128, 653, 658, 659, 685.

Cam-pơ-hau-den (Camphausen), Lu-đôn-phơ (1803-1890) - chủ ngân hàng Đức, một trong những lãnh tụ của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; tháng Ba - tháng Sáu 1848 là thủ tướng Phổ, thi hành chính sách phản bội và thỏa hiệp với thế lực phản động. - 162.

Can-tơ (Kant), I-ma-nu-en (1724-1804) - nhà triết học xuất sắc Đức, người sáng lập ra chủ nghĩa duy tâm cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. - 107.

Chi-e (Thiers), A-đôn-phơ (1797-1877) - nhà sử học và nhà hoạt động nhà nước Pháp, thủ tướng (1836-1840); trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, là người theo phái Óóc-lê-ăng, tổng thống nước cộng hòa (1871-1873), tên đao phủ của Công xã Pa-ri. - 100, 105, 108, 122, 139, 142, 296, 623, 627.

Clê-men-tơ (Clement) - sĩ quan, tiểu đoàn trưởng trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 243, 246.

Clô-đơ (Close), H. - người Đức lưu vong ở Luân Đôn, là đảng viên Liên đoàn những người cộng sản, trong thời kỳ xảy ra sự phân liệt trong Liên đoàn ông là người ủng hộ Mác. - 576.

Clốp-stốc (Klopstock), Phri-đrích Gốt-líp (1724-1803) - nhà thơ Đức, là một trong những đại biểu đầu tiên của Phong trào khai sáng tư sản ở Đức. - 283.

Cni-gơ (Knigge), A-đôn-phơ (1752-1796) - nhà văn Đức. - 282.

Cni-rim (Knierim) - tiểu đoàn trưởng của quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 250-252.

Cnô-phơ - xem *Smít*, I-oóc.

Coóc-vin - Viếc-đơ-bit-xki (Corvin - Wiersbitzki), Ốt-tô (1812-1886) - cựu trung uý Phổ, nhà dân chủ, đã tham gia những cuộc khởi nghĩa của những người cộng hòa ở Ba-đen năm 1848, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, đứng đầu bộ tổng tham mưu ở Ra-stát. - 255.

Cô-xi-đi-e (Caussidière), Mác (1808-1861) - nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, người tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ly-ông năm 1834, là một trong những người tổ chức các hội cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, sau cách mạng

tháng Hai 1848 là cảnh sát trưởng ở Pa-ri, là nghị sĩ Quốc hội lập hiến, tháng Sáu 1848 lưu vong sang Anh. - 33, 53, 85, 372, 375-379, 386-390.

Cô-sút (Kossuth), La-i-ốt (1802-1894) - lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Hung-ga-ri, lãnh đạo những phần tử dân chủ tư sản trong cách mạng năm 1848-1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại đã lưu vong khỏi Hung-ga-ri. - 199, 222, 229, 241, 670.

Côn-rát III (1466-1540) - giáo chủ ở Vuyếc-xbuốc (1519-1540), một trong những người tổ chức đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa nông dân và phong trào của dân nghèo thành thị ở Phran-cô-ni năm 1525. - 534, 535, 550.

Cốp-bét (Cobbet), Uy-li-am (1762-1835) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Anh, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cấp tiến tiểu tư sản, đấu tranh cho việc dân chủ hóa chế độ chính trị ở Anh. - 357.

Cốp-đen (Cobden), Ri-sớt (1804-1865) - chủ xưởng, nhà hoạt động chính trị tư sản Anh, người theo phái mậu dịch tự do, là một trong những người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, đã tham gia một loạt những đại hội hòa bình chủ nghĩa, ví dụ như ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ năm 1850. - 111, 309, 339, 614.

Crê-mi-ơ (Crémieux), A-đôn-phơ (1796-1880) - luật sư và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, những năm 40 là phần tử tự do chủ nghĩa; trong thời kỳ cách mạng năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 24, 77, 741.

Crê-tông (Creton), Ni-cô-la Giô-dép (1798-1864) - luật sư Pháp; trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng. - 113.

Crôm-oen (Cromwell), Ô-li-vơ (1599-1658) - lãnh tụ của giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc đã tư sản hóa trong thời kỳ cách mạng tư sản ở Anh thế kỷ XVII, từ năm 1653 là quan nhiếp chính của Anh, Xcốt-len và Ai-rơ-len. - 297, 357.

Cru-gơ (Krug), Vin-hem Tơ-rau-gốt (1770-1842) - nhà triết học duy tâm Đức. - 278.

Cu-pơ (Cooper), Phê-ni-mo (1789-1851) - nhà văn viết tiểu thuyết nổi tiếng của Mỹ. - 373-376.

D

Da-pô-li-a (Zápolya), I-a-nốt (I-ô-han) (1487-1540) - viên toàn quyền xứ Tơ-ran-xin-va-ni; chỉ huy đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1514 ở Hung-ga-ri, năm 1526 tự tuyên bố là vua Hung-ga-ri. - 514.

Dai-lơ (Seiler), Xê-ba-xti-an - nhà chính luận Đức, năm 1846 là uỷ viên của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, đảng viên Liên đoàn những người cộng sản, đã tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849 ở Đức. - 576.

Dan-xbuốc, tổng giám mục - xem *Mát-xây*.

Dắc-den, tuyển đế hầu - xem *Phri-đrích III*.

Di-ghen (Sigel), Phran-txơ (1824-1902) - cựu sĩ quan Ba-đen, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen năm 1848-1849, là tổng tư lệnh, sau đó là phó tổng tư lệnh quân đội cách mạng Ba-đen trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau này sống lưu vong ở Thụy Sĩ và Anh; năm 1852 sang Mỹ, là người tích cực tham gia cuộc Nội chiến ủng hộ những người phương Bắc. - 186, 194, 259, 264-273, 428, 429.

Din-gơ-han-xơ (Singerhans) (Din-gơ Han-xơ) - một trong những người lãnh đạo liên minh "Côn-rát nghèo khổ" và cuộc khởi nghĩa nông dân ở Vuyếc-tem-béc và trong những vùng núi Sva-ben năm 1514. - 510.

Dích-kinh-ghen (Sickingen), Phran-txơ phôn (1481-1523) - hiệp sĩ Đức, tham gia cuộc Cải cách tôn giáo, là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của hiệp sĩ năm 1522-1523. - 483, 519, 522, 572.

Dun-txơ (Sulz), Ru-đôn-phơ, bá tước - chánh án tòa án đế chế ở Rốt-vai, một trong những kẻ tổ chức cuộc đàn áp nông dân khởi nghĩa ở miền Nam nước Đức trong thời kỳ chiến tranh nông dân năm 1525. - 552.

Đ

Đa-ra-sơ (Darasz), Anbe (1808-1852) - nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830-1831, nhà hoạt động tích cực trong các tổ chức dân chủ của giới lưu vong Ba Lan, uỷ viên Ban chấp hành trung

ương phong trào dân chủ châu Âu. - 640.

Dau-mơ (Daumer), Ghê-oóc Phri-đrích (1800-1875) - nhà văn Đức, tác giả của những tác phẩm viết về lịch sử tôn giáo. - 277-284.

Đăng-tông (Danton), Giooc-giơ Giắc-cơ (1759-1794) - một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ cánh hữu thuộc phái Gia-cô-banh. - 174, 357.

Đem-bin-xki (Dembinski), Hen-rích (1791-1864) - tướng Ba Lan, nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc, đã tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830-1831, là một trong những người lãnh đạo quân đội cách mạng ở Hung-ga-ri trong thời kỳ cách mạng năm 1848-1849. - 157, 170.

Đét-xte (D'Ester), Các Lút-vích I-ô-han (1811-1859) - nhà xã hội chủ nghĩa và nhà dân chủ Đức, làm nghề bác sĩ; đảng viên của chi bộ ở Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; từ tháng Mười 1848 là uỷ viên Ban chấp hành trung ương những người dân chủ Đức, giữ vai trò quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau này lưu vong sang Thụy Sĩ. - 203, 208, 211, 224, 249, 256, 269.

Đê-lê-xe (Delessert), Ga-bri-en (1786-1858) - cảnh sát trưởng ở Pa-ri (1836-1848). - 373, 383.

Đê-mô-xten (384-322 trước công nguyên) - nhà hùng biện xuất sắc thời cổ Hy Lạp và nhà hoạt động chính trị. - 106.

Đi-tơ-rích-stai-nơ (Dietrichstein), Đích-mun (1484-1540) - viên toàn quyền xứ Stê-ri-a, tướng lĩnh của hoàng đế, đã đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở những vùng đất An-pơ thuộc Áo năm 1515-1516; trong thời kỳ khởi nghĩa năm 1525 bị quân khởi nghĩa bắt làm tù binh, sau đó được tha. - 515, 564, 565.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, bá tước Bi-cơn-xpin (1804-1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, trong những năm 40 đã tham gia nhóm "Nước Anh trẻ", sau này là thủ lĩnh của đảng bảo thủ, là thủ tướng (1868 và 1874-1880). - 593.

Đin-ghen-stết (Dingelstedt), Phran-txơ, nam tước (1814-1881) - nhà thơ và nhà văn Đức, thời kỳ đầu là đại biểu cho phái thơ ca chính trị đối lập tiểu tư sản, từ giữa những năm 40 là nhà soạn kịch cung đình; người theo phái quân chủ. - 278.

Đít-xơ (Dietz), Ô-xvan-đơ (khoảng 1824-1864) - nhà kiến trúc sư Đức ở Vi-xba-đen, người tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849, sống lưu vong ở Luân Đôn, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, sau thời kỳ phản lật của Liên đoàn đã tham gia vào cánh phiêu lưu bè phái của Vi-lích và Sáp-pơ, sau này đã tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ. - 735.

Đoóc-tu (Dortu), Mác-xơ (1825-1849) - nhà dân chủ cách mạng Đức, cựu sĩ quan Phổ, đã tham gia cuộc khởi nghĩa ngày 18 tháng Ba 1848 ở Béc-lin và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, bị xử bắn theo bản kết án của tòa án quân sự mặt trận Phổ. - 418.

Đô-gia (Dózsa), Đuốc-đơ (Ghê-oóc) (khoảng năm 1474-1514) - quý tộc thái ấp nhỏ vùng Xê-cle-rư thuộc Tơ-ran-xin-va-ni; lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514; đã bị những quý tộc chiến thắng tra tấn dã man. - 512-515.

Đô-gia (Dózsa), Grê-goóc (chết năm 1514) - em trai của Đô-gia Đuốc-đơ, đã tham gia cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514; bị bắt làm tù binh cùng với anh và bị xử tử hình. - 513.

Đô-lơ (Doll) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, sinh quán ở phần nước Phổ vùng Ranh, đại diện hãng buôn; đã tham gia cuộc khởi nghĩa của những người cộng hòa ở Ba-đen năm 1848, là sư đoàn trưởng trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Ba-đen năm 1849. - 267, 268, 272.

Đơ-la-ma (Delamarre), Tê-ô-đo Ca-đi-mia (1797-1870) - chủ ngân hàng Pháp; nhà chính luận, từ năm 1844 nắm tờ báo "La Patrie"; người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 413.

Đơ-la-ốt (Delahodle) hay là (de la Hodle), Luy-xiêng (1808-1865) - nhà chính luận Pháp, tham gia vào những tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ phục tích và thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, nhân viên cảnh sát. - 372-379, 384, 388, 389.

Đơ Phlốt (De Flotte), Pôn (1817-1860) - sĩ quan hải quân Pháp, nhà dân chủ và nhà xã hội chủ nghĩa, là người ủng hộ Blăng-ki, đã tham gia tích cực vào sự kiện ngày 15 tháng Năm và cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri, là đại biểu Quốc hội lập pháp (1850-1851). - 128, 129, 416.

Đrê-ơ (Dreher) - người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, tiểu đoàn trưởng dân vệ ở Các-lơ-xru-ê. - 227, 228, 235, 238, 269.

Đron-ke (Dronke), Ếc-nơ-xtơ (1822-1891) - nhà chính luận Đức, lúc đầu là "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính", sau đó là đảng viên Liên đoàn những người cộng sản và là một trong những chủ biên tờ "Neue Rheinische Zeitung", sau cách mạng năm 1848-1849 lưu vong sang Anh; sau này đã từ bỏ hoạt động chính trị. - 429.

Duy-clếc (Duclerc), Ô-gien (1812-1888) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Pháp, uỷ viên ban biên tập báo "National" (1840-1846), bộ trưởng bộ tài chính hồi tháng

Năm - tháng Sáu 1848. - 77.

Đuy-mu-ri-ê (Dumouriez), Sắc-lơ Phrăng-xoa (1739-1823) - tướng Pháp và nhà hoạt động chính trị trong thời kỳ cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, người theo phái Gi-rông-đanh; năm 1792-1793 chỉ huy quân đội cách mạng miền Bắc; tháng Ba 1793 đã phản bội sự nghiệp cách mạng. - 653.

Đuy-panh (Dupin), Ăng-đrê Ma-ri Giăng Giắc (1783-1865) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, chủ tịch Quốc hội lập pháp (1849-1851); sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ. - 140, 624.

Đuy-phô-rơ (Dufaure), Giuy-lơ Ác-măng Xta-ni-xla (1798-1881) - luật sư Pháp, nhà hoạt động chính trị tư sản, người theo phái Oóc-lê-ăng; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội lập hiến, tháng Mười - tháng Chạp 1848 là bộ trưởng bộ nội vụ trong chính phủ Ca-ve-nhắc. - 60, 64, 112.

Đuy-pô-ti (Dupoty), Mi-sen Ô-guy-xtơ (1797-1864) - nhà chính luận Pháp, đã tham gia xuất bản một loạt báo theo khuynh hướng dân chủ cộng hòa. - 374.

Đuy-pông đờ l'Ơ-rơ (Dupont de l'Eure), Giắc-cơ Sắc-lơ (1767-1855) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử tự do; người tham gia cách mạng tư sản của thế kỷ XVIII và cách mạng năm 1830; trong những năm 40 đã gần gũi với những người cộng hòa tư sản ôn hòa, năm 1848 là chủ tịch chính phủ lâm thời. - 24, 741.

E

Ec-nơ-xtơ (1464-1513) - tổng giám mục xứ Mác-đơ-buốc (1476-1513). - 487.

En-ghen-hác (Engelhard), Mác-đa-lin Phi-líp-pin (1796-1831) - nữ thi sĩ Đức không nổi tiếng. - 279.

Ê-sli (Ashley), An-tô-ni, từ năm 1851 là bá tước Sếp-xbê-ri (1801-1885) - nhà hoạt động chính trị bảo thủ Anh, đại địa chủ, trong những năm 40 cầm đầu nhóm những người từ thiện thuộc đảng bảo thủ trong nghị viện. - 319, 327, 331, 337.

Ê-van-xơ (Evans), Đa-vít Mô-ri-e (1819-1874) - nhà kinh tế học Anh. - 595.

Ê-vec-bếch (Ewerbeck), Au-gu-xtơ Héc-man (1816-1860) - bác sĩ và tác giả Đức, người lãnh đạo các chi bộ Pa-ri thuộc Liên đoàn những người chính nghĩa, sau này là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, năm 1850 đã ra khỏi Liên đoàn.

- 434.

Ếch-ca-ri-ut (Eccarius), I-ô-han Ghê-oóc (1818-1889) - công nhân may mặc Đức, thành viên của Liên đoàn những người chính nghĩa, sau này là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I, sau này tham gia vào phong trào công liên ở Anh. - 576, 578.

Ếch-cơ-man (Eckermann), I-ô-han Pê-tơ (1792-1854) - nhà văn Đức, tác giả và người xuất bản "Những cuộc trao đổi với Gơ-tơ trong những năm cuối đời của ông". - 279.

Êm-méc-man (Em-mermann), Các-lơ - giám đốc sở kiểm lâm của tỉnh Ranh, chỉ huy đơn vị bộ binh trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau khi cách mạng thất bại đã lưu vong sang Thụy Sĩ. - 262.

G

Ga-ghéc-nơ (Gagern), Hen-rích, nam tước (1799-1880) - nhà hoạt động chính trị tư sản Đức; phần tử tự do ôn hòa; nghị sĩ và chủ tịch Quốc hội Phran-phuốc, thuộc trung tâm phái hữu, thủ tướng nội các dế chế (tháng Chạp 1848 - tháng Ba 1849); sau tháng Năm 1849 là một trong những người đứng đầu phái Gô-ta. - 614, 636.

Ga-le (Galeer), An-be (1816-1851) - giáo viên và tác gia Thụy Sĩ; nhà dân chủ, người tham gia cuộc chiến tranh chống lại Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ năm 1847 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 422.

Gác-ni-ê-Pa-giê-xơ (Garnier - Pagès), Lu-i Ăng-toan (1803-1878) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái cộng hòa tư sản ôn hòa, năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời và thị trưởng Pa-ri. - 389, 741.

Gát-te-rơ (Gatterer) - xem *Ăng-ghen-hác*, Mác-đa-lin Phi-líp-pin.

Gây-ơ (Geier), Phlo-ri-an (chết năm 1525) - hiệp sĩ Đức, chạy sang phía những nông dân khởi nghĩa năm 1525; là người lãnh đạo Hắc đoàn, hy sinh trong chiến trận. - 532-536, 544-549.

Gây-xmai-ơ (Geismaier), Mi-kha-en (chết năm 1527) - là một trong những lãnh tụ có tài nhất trong cuộc khởi nghĩa nông dân ở Ti-rôn và ở giáo khu Dan-xbuốc; con của một thợ mỏ, thư ký của giáo chủ vùng Dan-xbuốc, sau đó là quan chức

thuế quan. - 564-568.

Ghéc-bơ (Gerber). Ê-ra-đơ-mơ (chết năm 1525) - là một trong những lãnh tụ của nông dân khởi nghĩa ở An-da-xơ năm 1525; sau thất bại của những người khởi nghĩa ở gần Xa-béc-nơ đã bị bắt làm tù binh và bị treo cổ. - 562.

Ghéc-bơ (Gerber). Tuê-xơ - lãnh tụ của đội quân thị dân ở Stút-gát, đội quân này đã nhập vào đội quân khởi nghĩa của Phoi-ơ-bắc-khơ ở Vuyếc-tem-béc năm 1525; sau thất bại của cuộc khởi nghĩa nông dân ở Vuyếc-tem-béc đã chạy đến Ê-xlinh-ghen. - 538, 542.

Ghê-bớc (Gebert), Au-gu-xtơ - thợ mộc ở Mếch-clen-bua, đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Thụy Sĩ, chuyển đến Luân Đôn, sau thời kỳ phân liệt của Liên đoàn thuộc phái phiêu lưu - bè phái của Vi-lích và Sáp-pơ. - 564.

Ghê-oóc (1471-1539) - công tước xứ Dắc-den (1500-1539); một trong những người tổ chức cuộc đàn áp nông dân khởi nghĩa ở Thuy-rinh-ghen năm 1525. - 494.

Ghi-dô (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787-1874) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động nhà nước Pháp, từ năm 1840 đến cách mạng tháng Hai 1848 trên thực tế đã chỉ đạo chính sách đối nội và đối ngoại, phản ánh những lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính. - 18, 19, 22, 24, 47, 56, 66, 75, 100, 107, 291-297, 356.

Ghi-la-ni (Ghillany), Phri-đrích Vin-hem (1807-1876) - nhà sử học và nhà thần học không nổi tiếng người Đức. - 279.

Ghi-na (Guinard), Ô-guy-xtơ Giô-dép (1799-1874) - nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, năm 1848-1849 là nghị sĩ Quốc hội lập hiến, là người tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh của phái Núi ngày 13 tháng Sáu 1849. - 129.

Gi-rác-đanh (Girardin), Ê-min đờ (1806-1881) - nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 30 - 60 có những thời kỳ là tổng biên tập báo "Presse", trong hoạt động chính trị tỏ ra là người hết sức vô nguyên tắc; trước cách mạng năm 1848 thuộc phái đối lập chống lại chính phủ Ghi-dô, trong thời kỳ cách mạng là phần tử cộng hòa tư sản, nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1850-1851), năm 1850 là đại biểu của cái gọi là chủ nghĩa xã hội tư sản; sau này là người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 140, 392, 407, 582, 624.

Gia-u-pơ (Jaup), Hen-rích Các-lơ (1781-1860) - nhà luật học Đức, phần tử tự do, đứng đầu chính phủ ở Hét-xen - Đác-mơ-stát (1848-1850), chủ tịch hội nghị hòa bình chủ nghĩa ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ vào tháng Tám 1850. - 614.

Giăng Pôn (Jean Paul) (bút danh của I-ô-han Pau-lơ Phri-đrích Ri-stơ) (1763-1825) - nhà văn trào phúng Đức. - 358.

Giôn-xơ (Jones), Éc-ne-xtơ Sắc-lơ (1819-1869) - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận của giai cấp vô sản, là một trong những lãnh tụ của cánh tả thuộc phái Hiến chương, là một trong những biên tập viên tờ "Northern Star", tổng biên tập tờ "Notes to the People's Paper"; là bạn của Mác và Ăng-ghen. - 620.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749-1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. - 277, 278, 284.

Gơ-tơ - xem *Béc-li-sinh-ghen*, Gơ-xơ-phôn.

Gơ-xơ (Götz), Cri-xchian (1783-1849) - tướng Áo; năm 1848-1849 tham gia cuộc đàn áp cách mạng ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri. - 621.

Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc (Granie de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806-1880) - nhà báo Pháp, nhà hoạt động chính trị không có lập trường nguyên tắc, trước cách mạng năm 1848 là người theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó là người theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ Đế chế thứ hai là đại biểu của Đoàn lập pháp. - 141, 626.

Grăng-đanh (Grandin), Vích-to (1797-1849) - chủ xưởng người Pháp, là nghị sĩ Viện dân biểu (1839-1848); trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, giữ lập trường bảo thủ cực đoan. - 18.

Grăng-mê-nin (Grandmenil) - nhà báo, nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, hoạt động trong các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, là một trong những người sáng lập và xuất bản tờ "Réforme". - 375.

Grây (Grey), Giooc-giơ (1799-1882) - nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng cấp tiến, bộ trưởng bộ nội vụ (1846 - 1852, 1855 - 1858 và 1861 - 1866) và là bộ trưởng bộ thuộc địa (1854-1855). - 336.

Grây-đen (Greisel), Phlo-ri-an - linh mục, là người tham gia tích cực cuộc Chiến tranh nông dân năm 1525 ở Sva-ben; đã lẩn trốn sang Thụy Sĩ sau khi nông dân ở Sva-ben ký kết hiệp ước Vai-gác-ten. - 540.

Grây-nơ (Greiner), Lút-vích - nhà luật học Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 là uỷ viên chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ; sau thất bại của cách mạng đã lưu vong sang Thụy Sĩ, sau đó sang Mỹ. - 224, 428.

Grê-ben (Greibel), Côn-rát - đứng đầu giáo phái tái tẩy lễ ở Xuy-rích, môn đồ của Muyn-txơ; là người tuyên truyền cách mạng ở miền Nam nước Đức. - 496.

Grun (Grün), Các (1817-1887) - nhà chính luận Đức, giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chủ yếu của "chủ nghĩa xã hội chân chính"; trong thời kỳ

cách mạng năm 1848-1849 thể hiện là một người tiểu tư sản, nghị sĩ Quốc hội Phổ. - 417.

Gu-ghen - Ba-xti-an (Gugel - Bastian) (chết năm 1514) - người tổ chức vụ âm mưu lật đổ của nông dân vùng biên ải Ba-đen năm 1514, bị xử tử hình ở Phrây-buốc. - 513.

Guê-gơ (Gögg), A-man-đu-xơ (1820-1897) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 là uỷ viên chính phủ lâm thời ở Ba-đen; những năm 70 tham gia lực lượng dân chủ - xã hội Đức. - 198, 249.

Guếc-gây (Görgey), Ác-tua (1818-1916) - nhà hoạt động quân sự của cách mạng Hung-ga-ri năm 1848-1849, tổng chỉ huy quân đội Hung-ga-ri (tháng Tư - tháng Sáu 1849); đưa vào giới sĩ quan phản động và một bộ phận phản cách mạng trong giai cấp tư sản, đã tổ chức phá hoại ngầm cuộc đấu tranh cách mạng. - 201.

Gút-sô (Goudchaux), Mi-sen (1797-1862) - chủ ngân hàng Pháp, phần tử cộng hòa tư sản, năm 1848 là bộ trưởng bộ tài chính trong chính phủ lâm thời. - 53.

Gút-xcốp (Gutzkow), Các-lơ (1811-1878) - nhà văn Đức, một trong những đại biểu của nhóm văn dân "Nước Đức trẻ"; năm 1838-1842 là tổng biên tập tạp chí "Telegraph für Deutschland". - 279.

Guýt-txơ-láp-phơ (Gützlaff), Các-lơ Phri-đrích Au-gu-xtơ (1803-1851) - nhà truyền giáo Đức ở Trung Quốc. - 311, 312.

H

Ha-bơn (Habern), Vin-hem - nguyên soái ở Pphan-xơ, tướng lĩnh của tuyển đế hầu Lút-vích ở Pphan-xơ; đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Pphan-xơ năm 1525. - 536, 551.

Ha-nô-vơ (Triều đại) - triều đại các vua Anh (1714 - 1901). - 292.

Ha-phi-dơ, Sâm-xét-đin Mô-ha-mét (khoảng 1300 - khoảng 1389) - nhà thơ Ba Tư lớn nhất, tác gia cổ điển của nền văn học Tát-gích; gốc tích là người thuộc dân tộc Tát-gích. - 281.

Hác-ni (Harney), Giooc-giơ Giuy-li-an (1817-1897) - nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Anh, một trong những lãnh tụ của cánh tả thuộc phái Hiến chương; tổng biên tập các báo "Northern Star", "Democratic Review", Friend of the People", "Red Republican" và các xuất bản phẩm khác của phái Hiến chương; có quan hệ với Mác và Ăng-ghen. - 577, 619, 723.

Hai-nơ (Hein) - người Đức lưu vong ở Luân Đôn, đảng viên Liên đoàn những người cộng sản, là người ủng hộ Mác trong thời kỳ Liên đoàn bị phân biệt. - 576.

Hai-nơ-txen (Heinzen), Các (1809-1880) - nhà chính luận Đức theo khuynh hướng cấp tiến, nhà dân chủ tiểu tư sản, chống lại Mác và Ăng-ghen; trong một thời gian ngắn đã tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong sau Thụy Sĩ và sau đó sang Anh, mùa thu năm 1850 đã chuyển hẳn sang Mỹ. - 13, 14, 199.

Hai-nơ-xơ-man (Heintzmann), A-lếc-xít (sinh khoảng năm 1812) - nhà luật học Phổ, phần tử tự do, uỷ viên của Uỷ ban an ninh trong thời kỳ khởi nghĩa ở En-bơ-phen-đơ tháng Năm 1849, sau đó lưu vong ở Luân Đôn. - 173.

Han-dơ-man (Hansemann), Đa-vít (1790-1864) - nhà tư bản lớn, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; tháng Ba - tháng Chín 1848 là bộ trưởng bộ tài chính Phổ, thi hành chính sách phản động - thỏa hiệp với thế lực phản động. - 162.

Hát-xen-pơ-phlúc (Hassenpflug), Han-xơ Đa-ni-en (1794-1862) - nhà hoạt động nhà nước phản động Đức, năm 1832 là bộ trưởng bộ tư pháp và bộ trưởng bộ nội vụ ở Cuốc-hét-xen, năm 1850 đứng đầu nội các, người ủng hộ chế độ chuyên chế. - 638.

Hau-pơ-tơ (Haupt), Héc-man Vin-hem (sinh khoảng năm 1831) - nhân viên thương mại Đức, đảng viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong số những người đã bị bắt trong vụ án những người cộng sản ở Khuên, đã phản bội cung khai trong khi bị xét hỏi, được cảnh sát tha trước khi đưa ra tòa, đã chạy sang Bra-xin. - 576.

Hay-nau (Haynau), I-u-li-út I-a-cốp (1786-1853) - thống soái Áo, kẻ đàn áp dã man phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và ở Hung-ga-ri năm 1848-1849. - 102, 614.

Hăng-ri IV (1553-1610) - vua Pháp (1589-1610). - 293.

Hăng-ri V - xem *Săm-bo*, Hăng-ri Sắc-lơ.

Hen-phen-stanh (Helfenstein), Lút-vích, bá tước (khoảng 1498-1525) - viên toàn quyền Áo ở Vây-xbớc (Vuyếc-tem-béc), nổi tiếng bởi tính phản trắc và tàn bạo đối với nông dân. - 531-534, 545.

Hen-ri VIII (1491-1547) - vua Anh (1509-1547). - 295.

Hen-vê-ti-uýt (Helvetius), Clốt A-đri-ăng (1715-1771) - nhà triết học Pháp xuất sắc, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc, người theo chủ nghĩa vô thần, là một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp. - 88.

Hét-xen, hầu tước đế chế - xem *Phi-líp I.*

Hê-ghen (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrích (1770-1831) - nhà triết học Đức lớn nhất, theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, người nghiên cứu một cách toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm. - 286, 312, 358, 490, 583, 584, 643.

Hếch-cơ (Hecker), Phri-đrích Các (1811-1881) - phần tử cộng hòa ở Ba-đen, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư 1848, sau đó lưu vong sang Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ủng hộ những người phương Bắc. - 153, 173, 219, 267, 276.

Hiếc-sơ-phen-đơ (Hirschfeld), Mô-rít-xơ (1791-1854) - tướng Phổ, năm 1849 chỉ huy một binh đoàn đi đàn áp những người khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ. - 232.

Híp-le (Hipler), Ven-đen (chết năm 1526) - quý tộc Đức; tham gia cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1525 ở Phran-cô-ni; tác giả chính của cuốn "Cương lĩnh Hai-brôn"; sau thất bại của nông dân ông ta đã bỏ chạy nhưng năm 1526 đã bị bắt và chết trong tù. - 532, 534, 543-546.

Hô-hen-lô-e, các bá tước - đại biểu của một dòng họ các hầu tước ở Phran-cô-ni. - 532, 533.

Hô-hen-txô-léc (triều đại) - triều đại của các tuyển đế hầu ở Bran-đen-buốc (1415-1701), của các vua Phổ (1701-1918) và của các hoàng đế Đức (1871-1918). - 234.

Hô-me - nhà thơ sử thi nửa huyền thoại cổ Hy Lạp, tác giả của tác phẩm "I-li-át" và "Ô-đít-xê". - 300.

Hô-xu (Hosszú), An-tôn - một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514. - 514, 515.

Hôi-xnơ (Häusner), Các-lơ - kỹ sư Đức, chỉ huy đội quân Ranh - Hết-xen trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 217.

Hu-xơ (Hus), I-an (khoảng 1369-1415) - lãnh tụ phong trào Cải cách tôn giáo ở Trếc-khi-a, giáo sư trường đại học tổng hợp Pra-ha, người cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc vùng Trếc-khi-a; bị buộc tội tà giáo và bị thiêu sống; người anh hùng dân tộc của dân tộc Trếc-khi-a. - 478.

Huếc-xtơ (Höchster), Éc-nơ-xtơ Héc-man (sinh khoảng năm 1811) - luật sư ở En-bơ-phen-đơ, nhà dân chủ tiểu tư sản, chủ tịch Uỷ ban an ninh trong thời kỳ khởi nghĩa ở En-bơ-phen-đơ tháng Năm 1849; sau khi khởi nghĩa thất bại đã lưu vong khỏi Đức; sau này đã từ bỏ hoạt động chính trị. - 173, 188.

Húp-mai-ơ (Hubmaier), Ban-ta-da (chết năm 1528) - linh mục xứ Van-đơ-xhút, tiến sĩ thần học, người ủng hộ Muyn-txơ và là người tuyên truyền cho phong trào Cải cách tôn giáo trong nhân dân; bị thiêu sống. - 496.

Hút-ten (Hutten), Phrô-ven - anh em họ với Un-rích phôn Hút-ten, trong triều đình giữ chức tuyển đế hầu ở Mai-in-xơ; năm 1525 đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân. - 551.

Hút-ten (Hutten), Un-rích Phôn (1488-1523) - nhà thơ nhân đạo Đức, người ủng hộ phong trào Cải cách tôn giáo, một trong những nhà tư tưởng của giới hiệp sĩ Đức, đã tham gia cuộc khởi nghĩa của hiệp sĩ năm 1522-1523. - 483, 518-522.

Huy-gô (Hugo), Vích-to (1802-1885) - nhà văn vĩ đại Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 105, 141, 626.

I

I-an-xen (Jansen), I-ô-han I-ô-dép (1825-1849) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản; năm 1848 là một trong những nhà hoạt động trong Hội liên hiệp công nhân Khuên, người ủng hộ Gốt-san-cơ; bị xử bắn vì đã tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 418.

I-ê-la-sích (Jellacic), I-ô-xíp, bá tước (1801-1859) - tướng Áo, quan toàn quyền xứ Crô-a-xi, tham gia tích cực vào cuộc đàn áp cách mạng năm 1848-1849 ở Hung-ga-ri và ở Áo. - 709.

I-ô-ham (1468-1532) - công tước xứ Dắc-den, từ năm 1525 là tuyển đế hầu xứ Dắc-den; là một trong những môn đồ của Muy-lơ và là kẻ tổ chức cuộc đàn áp nông dân khởi nghĩa ở Thuy-rinh-ghen năm 1525. - 492.

I-ô-xơ (Joss), Phrít (chết khoảng năm 1517) - nhà tổ chức xuất sắc của những hội nông dân bí mật và người tổ chức những vụ âm mưu ở miền Nam Đức đầu thế kỷ XVI. - 507-509, 514, 515.

K

Khuê-nơ (Korner), Héc-man I-ô-dép A-lô-i-sơ (1805-1882) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức; thầy dạy vẽ, người tham gia cách mạng năm 1848-1849, là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở En-bơ-phen-đơ; sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đã lưu vong sang Thụy Sĩ, sau đó sang Mỹ. - 428.

Kin-ken (Kinkel), Gốt-phrít (1815-1882) - nhà thơ và nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; bị tòa án Phổ kết án tù chung thân, đã trốn khỏi nhà tù và lưu vong sang Anh; là một trong những lãnh tụ của giới lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn, đã đấu tranh chống lại Mác và Ăng-ghen. - 242, 259, 262, 417-419.

L

La-crốt-xơ (Lacrosse), Béc-tơ-răng Tê-ô-bân Giô-dép (1796-1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, bộ trưởng bộ các công trình công cộng trong thời kỳ Lu-i Bô-na-pác-tơ lâm tổng thống; từ năm 1850 là người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 134.

La Ít-tơ (La Hitte), Giăng Ec-ne-xtơ (1789-1878) - tướng Pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng bộ ngoại giao (1849-1851). - 129.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790-1869) - nhà thơ Pháp, nhà sử học và nhà hoạt động chính trị, những năm 40 là phần tử cộng hòa tư sản; năm 1848 là bộ trưởng bộ ngoại giao và trên thực tế là người đứng đầu chính phủ lâm thời. - 24, 31, 41, 46, 620, 642, 741.

La-rô-sơ-giắc-cơ-lanh (La Rochejaquelein), Hăng-ri Ô-guy-xtơ Gioóc-giơ, hầu tước (1805-1867) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nghị sĩ viện nguyên lão, là một trong những người lãnh đạo phái chính thống, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội lập hiến, sau này là thượng nghị sĩ trong Đế chế thứ hai. - 27.

La-phay-ét (Lafayette), Ma-ri Giô-dép Pôn (1757-1834) - tướng pháp, một trong những lãnh tụ của giai cấp đại tư sản trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 654.

La-vren-ti - xem *Mê-xa-rô-sơ*, La-vren-ti.

Lam-pác-tơ (Lamparter), Grê-go-ri-út (1463-1523) - cố vấn của công tước Un-rích ở Vuyếc-tem-béc. - 511.

Láp-phít-tơ (Laffitte), Giắc-cơ (1767-1844) - chủ ngân hàng lớn và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính. - 18.

Léc-mi-ni-ê (Lerminier), Giăng Lu-i Ơ-gien (1803-1857) - nhà luật học và nhà chính luận Pháp theo phái Oóc-lê-ăng, từ cuối những năm 30 là đảng viên đảng bảo thủ, là giáo sư về môn luật học so sánh trong "Collège de France" (1831-1839), đã phải từ bỏ giảng đàn vì sự chống đối của giới sinh viên. - 75.

Lê-man (Lehman), An-be - công nhân Đức ở Luân Đôn, nhà hoạt động tích cực của Liên đoàn những người chính nghĩa và Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn, sau đó là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, sau thời kỳ phân liệt của Liên đoàn năm 1850 thuộc phái phiêu lưu - bè phái của Vi-lích và Sáp-pơ. - 735.

Lê-ô (Leo), Hen-rích (1799-1878) - nhà sử học và nhà chính luận Đức, là người bảo vệ những quan điểm chính trị và tôn giáo cực kỳ phản động, một trong những nhà tư tưởng của giới địa chủ quý tộc Phổ. - 645.

Lim-puốc-gơ (dòng họ) - dòng bá tước ở Phran-cô-ni. - 535.

Líp-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826-1900) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và công nhân quốc tế, người tham gia cách mạng năm 1848-1849; là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người sáng lập và lãnh đạo đảng dân chủ - xã hội Đức; là bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen. - 576.

Loóc-khơ (Lorcher) - cố vấn của công tước Un-rích ở Vuyếc-tem-béc. - 511.

Lô (Law), Giôn (1671-1729) - nhà kinh tế học và nhà tài chính tư sản Anh, bộ trưởng bộ tài chính ở Pháp (1719-1720); người nổi tiếng về những hoạt động dầu cơ trong việc phát hành tiền giấy, nhưng cuối cùng đã bị phá sản hoàn toàn. - 588.

Lốc-cơ (Locke), Giôn (1632-1704) - nhà triết học nhị nguyên luận Anh nổi tiếng, người theo thuyết duy cảm; nhà kinh tế học tư sản. - 293.

Lốc-nơ (Lochner), Ghê-oóc (1798-1882) - nhà ngữ văn học Đức. - 278.

Lơ-cléc (Leclerc), A-lếch-xan-đrơ - thương gia người Pa-ri, người ủng hộ đảng trật tự, đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân hồi năm 1848. - 622.

Lơ-đruy-Rô-lanh (Ledru-Rollin), A-lếch-xan-đrơ Ô-guy-xtơ (1807-1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, là một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, tổng biên tập báo "Réforme"; năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời, nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, là người đứng đầu phái Núi trong các quốc hội đó; sau ngày 13 tháng Sáu 1849 đã lưu vong sang Anh. - 24, 37, 41, 50, 52, 64, 73, 77, 80, 86, 87, 90-92, 96, 113, 129, 138, 388, 622, 640, 650, 741.

Lơ-moan-nơ (Lemoinne), Giôn (1814-1892) - nhà chính luận Pháp, phóng viên của Anh cho báo "Journal des Débats"; sau này là tổng biên tập. - 141, 626.

Lơ-xa-giơ (Lesage), A-lanh Rơ-nê (1668-1747) - nhà văn Pháp, tác giả của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng "Những cuộc phiêu lưu của Gi-lơ Bla-xơ ở Xan-tin-ha-nơ". - 378.

Luê-xen-xuai-nơ (dòng họ), các bá tước - đại biểu cho dòng tiểu hầu tước ở Phran-cô-ni. - 533.

Lu-i IX "Thánh" (1215-1270) - vua Pháp (1226-1270). - 103.

Lu-i XI (1423-1483) - vua Pháp (1461-1483). - 460, 520.

Lu-i XIII (1601-1643) - vua Pháp (1610-1643). - 293.

Lu-i XIV (1638-1715) - vua Pháp (1643-1715). - 114, 291.

Lu-i Bô-na-pác-tơ - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Na-pô-lê-ông - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Phi-líp (1773-1850) - công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830-1848). - 18-21, 24, 56, 60, 63, 65, 100, 104, 107-111, 112, 144, 290, 306, 372, 385, 629, 650, 629.

Lu-i Phi-líp An-be, công tước Oóc-lê-ăng, bá tước Pa-ri (1838-1894) - cháu của vua Lu-i Phi-líp, người có tham vọng chiếm ngôi vua Pháp. - 144, 630.

Lu-thơ (Luther), Mác-tin (1483-1546) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào Cải cách tôn giáo, người sáng lập ra đạo Tin lành (giáo phái Lu-thơ) ở Đức; nhà tư tưởng của tầng lớp thị dân Đức; trong thời kỳ Chiến tranh nông dân năm 1525, đứng về phía tầng lớp vương hầu chống lại những nông dân khởi nghĩa và dân nghèo thành thị. - 474-488, 491-497, 517, 518, 523.

Lút-vích V (1478-1544) - tuyển đế hầu xứ Pphan-xơ (1508-1544), đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của các hiệp sĩ năm 1522-1523; là một trong những người tổ chức đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở Phran-cô-ni năm 1525. - 512, 522, 534, 542, 545, 549.

M

Ma-ra-xtơ (Marrast), Ác-măng (1801-1852) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, là một trong những thủ lĩnh của phái cộng hòa tư sản ôn hòa; tổng biên tập báo "National", năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời và thị trưởng Pa-ri, chủ tịch Quốc hội lập hiến (1848-1849). - 41, 51, 56, 58, 60, 77, 88, 306, 378, 383, 620, 741.

Ma-rát (Marat), Giăng Pôn (1743-1794) - nhà chính luận Pháp, nhà hoạt động xuất sắc trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, là một trong những lãnh tụ của phái Gia-cô-banh. - 649.

Ma-ri (Marie), A-lếch-xan-đrơ (1795-1870) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hòa; năm 1848 là bộ trưởng bộ các công trình công cộng trong chính phủ lâm thời, sau đó là bộ trưởng bộ tư pháp trong chính phủ của Ca-ve-nhắc. - 39, 741.

Ma-ti-ơ đờ la Đrôm (Mathieu de la Drôme), Phi-líp Ăng-toan (1808-1865) - nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, tại đó đã gia nhập phái Núi; sau cuộc đảo chính năm 1851 lưu vong sang Bỉ. - 75.

Mác (Marc), Các (1818-1883) (các tài liệu tiểu sử). - 11, 46, 182, 196-200, 203, 408, 413, 423, 424, 437-448, 453, 454, 576, 577, 647, 648, 711, 714, 715, 721, 726, 728, 731, 734.

Mác-đơ-buốc, tổng giám mục - xem *Éc-nơ-xtơ II*.

Mác-xơ (Marche) - công nhân Pháp, thay mặt nhân dân đòi chính phủ lâm thời năm 1848 tuyên bố quyền lao động. - 27.

Mai-xnơ (Meißner), An-phrết (1822-1885) - nhà văn Đức theo khuynh hướng dân chủ, vào giữa những năm 40 là đại biểu thơ ca của "chủ nghĩa xã hội chân chính",

sau này là phần tử tự do chủ nghĩa. - 278.

Man-ten (Mantel), I-ô-han (khoảng những năm 1468-1530) - nhà thần học Đức, nhà truyền giáo ở Stút-gát, môn đồ của Muyn-txơ. - 496.

Man-toi-phen (Manteuffel) - đại uý trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, đã tham gia các tổ chức thể dục - thể thao, người họ hàng với Ốt-tô Tê-ô-đo Man-toi-phen. - 239.

Man-toi-phen (Manteuffel), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805-1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu cho tầng lớp quan lại quý tộc, bộ trưởng bộ nội vụ (1848-1850), thủ tướng (1850-1858). - 199, 239.

Mác-di-ni (Mazzini), Giun-dép (1805-1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, là một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa La Mã, năm 1850 là một trong những người tổ chức Ban chấp hành trung ương của đảng dân chủ châu Âu ở Luân Đôn. - 618, 640, 645, 650.

Mát-tây (khoảng những năm 1468-1540) - từ năm 1519 là tổng giám mục ở Dan-xbuốc; là kẻ cổ vũ cho những cuộc truy nã tàn bạo đối với những người ủng hộ phong trào Cải cách tôn giáo và những cuộc đàn áp đẫm máu đối với những nông dân và thị dân khởi nghĩa năm 1525. - 566, 567.

May-ếc-hô-phơ (Mayerhofer) - thứ trưởng bộ chiến tranh trong chính phủ lâm thời ở Ba-đen năm 1849, kẻ đã tổ chức phá hoại ngầm một cách phản bội các biện pháp quân sự cần thiết. - 189, 195.

Mắc-xi-mi-li-an I (1459-1519) - hoàng đế Đức (1493-1519). - 505, 515, 525.

Méc-di (Mercy) - thượng úy ở Ba-đen, người tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sư đoàn trưởng sư đoàn 3, sau thất bại của cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 đã lưu vong sang Mỹ, đã tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía những người miền Bắc. - 259, 260, 263, 264, 267.

Men-xin-ghen (Menzingen), Xtê-phan (chết năm 1525) - hiệp sĩ Đức; đứng đầu cuộc khởi nghĩa của những người tiểu thị dân và bình dân ở Rô-ten-buốc tháng Ba 1525; sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại đã bị xử tử hình. - 531, 550.

Mét-xlơ (Metzler), Ghê-óóc một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1525 ở Ô-đen-van và là người đứng đầu Đội quân vinh quang chói lọi; thuộc phái ôn hòa, sau khi đội quân này bị đánh bại, đã bỏ chạy. - 531, 535, 543, 546.

Mê-lan-tôn (Melanchton), Phi-líp (1497-1560) - nhà thần học Đức, là người giúp việc gần gũi của Lu-thơ, cùng với Lu-thơ đã đưa giáo thuyết Lu-thơ vào phục vụ cho lợi ích của giới vương hầu, là người thù địch với những tư tưởng cách mạng của Muyn-txơ. - 493.

Mê-xa-rô-sơ (Mészáros), La-vren-ti (chết năm 1514) - linh mục xứ Xét-gét, là một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514; bị giới quý tộc Hung-ga-ri bắt làm tù binh và bị xử tử hình. - 514, 515.

Mi-e-rốt-xláp-xki (Mieroslawski), Lút-vích (1814-1878) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Ba Lan, người tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1830-1831; đã tham gia chuẩn bị khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1846, đã thoát khỏi nhà tù nhờ cuộc cách mạng tháng Ba 1848; đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1848, sau đó lãnh đạo cuộc đấu tranh của những người khởi nghĩa ở Xi-xin; trong thời gian nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849 là người lãnh đạo quân đội cách mạng; vào những năm 50 có quan hệ với những nhóm Bô-na-pác-tơ; trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 được cử làm nhân vật độc tài của Chính phủ dân tộc Ba Lan, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại đã lưu vong sang Pháp. - 157, 195, 201, 215, 216, 230, 239, 247, 248, 253-254, 259, 264, 266.

Mnép-xki (Mniewski), Tê-ô-phin (1809-1849) - nhà cách mạng Ba Lan, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; là trung đoàn trưởng, bị xử bắn ở Ra-stát năm 1849 theo bản án của tòa án quân sự mặt trận. - 248.

Mô-lê (Môle), Lu-i Ma-chi-ơ, bá tước (1781-1855) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Óóc-lê-ăng, thủ tướng (1836-1837, 1837-1839), trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập Pháp. - 100, 101.

Mô-ni-ê (Monnier) - tham gia những tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy ở Pháp; sau cách mạng tháng Hai 1848 là tổng thư ký nha cảnh sát. - 375.

Mô-rô (Moreau), Giăng Vích-to (1763-1813) - tướng Pháp, là người tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hòa Pháp chống lại khối liên minh các quốc gia châu Âu, năm 1800 đã đánh bại quân Áo ở Hô-hen-đinh-đen. - 272.

Môi-rơ (Maurer), Héc-man (1813 - khoảng 1882) - nhà văn không nổi tiếng Đức theo khuynh hướng dân chủ, là thành viên của Liên minh những người bị hắt hủi, sau đó là thành viên của Liên đoàn những người chính nghĩa. - 279.

Môn (Moll), I-ô-dép (1812-1849) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, làm nghề chữa đồng hồ; là một trong

những người lãnh đạo của Liên đoàn những người chính nghĩa, là uỷ viên Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, tháng Bảy - tháng Chín 1848 là chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, bị giết trong cuộc chiến đấu ở Muốc. - 222, 223, 257, 259, 262, 342.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Sắc-lơ (1810-1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, đứng đầu đảng Thiên chúa giáo; ủng hộ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong thời kỳ đảo chính. - 113, 139, 623.

Muốc-đét (Mordes), Phlô-ri-an - bộ trưởng bộ nội vụ trong chính phủ lâm thời ở Ba-đen năm 1849. - 189.

Mun-tơ (Mundt), Tê-ô-đo (1808-1861) - nhà văn Đức, một trong những đại biểu của nhóm văn đàn "Nước Đức trẻ"; sau này là giáo sư văn học và sử học ở Brê-xláp và Béc-lin. - 279.

Muy-lơ (Muller), Han-xơ (chết năm 1525) - thủ lĩnh của nông dân xứ Svác-xvan-đơ năm 1525, đã phản bội lại nông dân, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại đã bị xử tử hình. - 521, 523, 526, 551, 552.

Muy-lơ (Müller), I-a-cốp - nhà luật học Đức, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, uỷ viên nhân dân ở Kiếc-ha-im-bô-lan-đen; sau khi khởi nghĩa bị đàn áp đã lưu vong sang Mỹ. - 223.

Muyn-txơ (Münzer), Tô-mát (khoảng 1490-1525) - nhà cách mạng Đức vĩ đại, lãnh tụ và nhà tư tưởng của phái nông dân - bình dân trong thời kỳ Cải cách tôn giáo và Chiến tranh nông dân năm 1525, là nhà tuyên truyền tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng. - 471, 476, 481, 484-491, 518, 526, 528, 543, 555-559, 564.

N

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769-1821) - hoàng đế Pháp (1804-1814 và 1815). - 20, 62, 64, 67, 86, 113, 116, 19, 121, 147, 149, 160, 219, 352, 633, 652, 654-666, 669, 671, 674, 675, 680, 685, 688, 690, 693, 700.

Na-pô-lê-ông III Lu-i Bô-na-pác-tơ (1808-1873) - cháu của Na-pô-lê-ông I, tổng thống của nền Cộng hòa thứ hai (1848-1851), hoàng đế Pháp (1852-1870). - 56, 62-72, 75, 76, 79, 81, 84, 86, 88, 90-92, 102-107, 113-117, 120-122, 127-129, 142-149, 305, 306, 413, 615, 626, 628-635, 639, 698, 702-706.

Nát-xmơ (Natizmer) (chết năm 1890) - sĩ quan Phổ, ngày 14 tháng Sáu 1848 là người chỉ huy đội quân bảo vệ kho quân khí ở Béc-lin đã từ chối bắn vào nhân dân; bị kết án 15 năm tù giam trong pháo đài; năm 1849 chạy trốn khỏi pháo đài, đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ, sau thất bại cuộc khởi nghĩa đã lưu vong sang Thụy Sĩ, sau đó sang Anh, và từ năm 1852 lưu vong sang Ô-xtrây-li-a. - 216.

Nây (Ney), Ét-gn (1812-1882) - sĩ quan Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, sĩ quan tùy tùng của tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 104.

Néc-linh-gơ (Nerlinger) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, đã tham gia phong trào dân chủ Ốp-phen-buốc năm 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 268.

Nê-xen-rô-đe, Các Va-xi-lê-vích, bá tước (1780-1862) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao của nước Nga Sa hoàng, bộ trưởng bộ ngoại giao (1816-1856). - 660.

Nếch-ke (Necker), Giắc (1732-1804) - nhà hoạt động chính trị Pháp, những năm 70 - 80 của thế kỷ XVIII đã nhiều lần được bổ nhiệm làm tổng giám đốc tài chính, trước ngày nổ ra cuộc cách mạng tư sản đã có mưu toan thực hiện một số cải cách. - 309.

Ni-cô-lai I (1796-1855) - hoàng đế Nga (1825-1855). - 306, 599, 615, 661, 676.

Noắc (Noack), Lút-vích (1819-1885) - nhà thần học và nhà triết học Đức. - 279.

Noi-hau-đơ (Neuhaus) - bác sĩ ở Thuy-rinh-ghen, chỉ huy một đơn vị trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 263.

Nơ-may-ơ (Neumayer), Mắc-xi-mi-liêng Gioóc-giơ Giô-dép (1789-1866) - tướng Pháp, là người ủng hộ đảng trật tự. - 149, 634.

O

Oa-khim Phloóc-xki (Ca-la-bri-xki) (khoảng 1132-1202) - linh mục, nhà thần bí học thời trung cổ I-ta-li-a, là một trong những người truyền bá tư tưởng "Sự giáng thế

lần thứ hai" của chúa Giê-su; giáo thuyết của ông bị nhà thờ Thiên chúa giáo coi là tà đạo. - 478.

Oai-dơ-men (Wiseman), Ni-cô-la-xơ (1802-1865) - linh mục Thiên chúa giáo Anh; năm 1850 được giáo hoàng bổ nhiệm làm tổng giám mục xứ Oét-min-xtơ và là hồng y giáo chủ. - 617, 618.

Oen-lin-tơn (Wellinggton), Ác-tuya, công tước (1769-1852) - thống soái và nhà hoạt động chính trị Anh, đảng viên đảng bảo thủ, thủ tướng (1828-1830). - 616, 660.

Oóc-lê-ăng, công tước - xem *Lu-i Phi-líp*.

Oóc-lê-ăng, Ê-len, nguyên họ là Mếch-clen-bua, nữ công tước (1814-1858) - vợ góa của con trai cả của Lu-i Phi-líp là Phéc-đi-năng. - 103.

Ô-boóc-xki (Oborski), Lút-vích (1787-1873) - đại tá người Ba Lan, nhà cách mạng, đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1830-1831, sống lưu vong, hoạt động trong "Những người dân chủ anh em", sư đoàn trưởng trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 259, 260, 266.

Ô Cô-no (O' Connor), Phéc-giuýt (1794--1855) - một trong những thủ lĩnh của phái tả trong phong trào Hiến chương, người sáng lập và tổng biên tập báo "Northern Star"; sau năm 1848 là người theo chủ nghĩa cải lương. - 435, 619, 621.

Ô-pu-lơ (Hautpoul), An-phông-xơ Hăng-ri (1789-1865) - tướng Pháp, người theo phái chính thống, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ; bộ trưởng bộ chiến tranh (1849-1850). 106, 120, 127, 140, 148, 149, 305, 624, 633, 634.

Ô-vi-đi-út (Pu-bli-út Ô-vi-đi-út Na-dôn) (năm 43 trước công nguyên - khoảng năm 17 sau công nguyên) - nhà thơ Hy Lạp nổi tiếng. - 651.

Ô-xê (Haussez), Sác-lơ (1778-1854) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cực kỳ phản động, năm 1829 là bộ trưởng hàng hải. - 129.

Ô-xtơ-lơ (Oastler), Ri-sớt (1789-1861) - nhà hoạt động chính trị Anh, đã gia nhập đảng bảo thủ, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản chủ trương mậu dịch tự do đã ủng hộ việc hạn chế ngày lao động bằng luật pháp. - 327, 331, 337.

Ô-xvan (Oßwald) - người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, tiểu đoàn trưởng trong quân đội cách mạng Pphan-xơ, là uỷ viên uỷ ban quân sự trong chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ. - 249.

P

Pa-nhe-rơ (Pagnerre), Lô-răng Ăng-toan (1805-1854) - chủ một nhà xuất bản Pháp, phần tử cộng hòa tư sản; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội lập hiến. - 77.

Pa-ri, bá tước - xem *Lu-i Phi-líp An-be*.

Pa-sơ (Pache), Giăng Ni-cô-la (1746-1823) - nhà hoạt động trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ VXIII, người theo phái Gia-cô-banh, là bộ trưởng bộ chiến tranh (tháng Mười 1792 - tháng Giêng 1793), thị trưởng Pa-ri (tháng Hai 1793 - tháng Năm 1794). - 501, 685.

Pa-xkê-vích, I-van Phê-đô-rô-vích (1782-1856) - nguyên soái, chỉ huy quân đội Nga trong cuộc đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830-1831; năm 1849 chỉ huy quân đội Nga đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri. - 602, 676.

Pan-mớc-xtơn (Palmerston), Hen-ri Giôn (1784-1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, trong thời kỳ đầu hoạt động là đảng viên đảng bảo thủ; từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh của đảng cấp tiến; đã dựa vào những phần tử cánh hữu trong đảng này, bộ trưởng bộ ngoại giao (1830-1834, 1835-1841 và 1846-1851), bộ trưởng bộ nội vụ (1852-1855) và thủ tướng (1855 - 1858 và 1859 - 1865). - 615, 618.

Pát-xi (Passy), Íp-pôlíp Phi-li-be (1793-1880) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, đã nhiều lần tham gia chính phủ trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là bộ trưởng bộ tài chính. - 104, 112.

Pây-cơ (Peuker), Ê-đu-a phôn (1791-1876) - tướng Phổ, bộ trưởng bộ chiến tranh trong chính phủ đế chế (1848-1849), chỉ huy quân đội đế chế chống lại quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 165, 221, 264.

Phan-lu (Falloux), An-phrết (1811-1886) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Pháp, người theo phái chính thống và theo thuyết giáo quyền, năm 1848 là người khởi xướng việc giải tán các công xưởng quốc gia và là người cổ vũ cho việc đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri, bộ trưởng bộ giáo dục (1848-1849). - 66, 79, 93, 106.

Phau-sơ (Faucher), Giuy-lơ (I-u-li-út) (1820-1878) - nhà chính luận Đức, người theo phái Hê-ghen trẻ, người ủng hộ tích cực chế độ mậu dịch tự do ở Đức, đầu những năm 50 là người tuyên truyền những quan điểm tư sản - cá nhân chủ nghĩa và quân chủ. - 403, 581.

Phây-phơ (Pfeifer), Hen-rích (chết năm 1525) - nhà truyền giáo trong nhân dân, môn đồ của Muyn-txơ, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của thị dân ở Muyn-hau-den năm 1525; bị xử tử hình. - 555, 560.

Phéc-đi-năng I (1503-1564) - đại công tước Áo, hoàng đế Đức (1556-1564). - 525, 551, 553, 561-567.

Phen-đơ (Pafnder), Các-lơ (khoảng năm 1818-1876) - công nhân Đức, họa sĩ tiểu họa, thành viên của Liên đoàn những người chính nghĩa, nhà hoạt động tích cực của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn; uỷ viên Ban chấp hành Trung ương của Liên đoàn những người cộng sản; uỷ viên của Tổng hội đồng Quốc tế I; là người ủng hộ và là bạn của Mác và Ăng-ghen. - 423, 576, 711, 715, 721, 726, 728, 731, 734.

Phen-nơ phôn Phen-nơ-béc (Fenner von Fennerberg), Đa-ni-en (1820-1863) - sĩ quan Áo, chỉ huy đội cận vệ quốc gia Viên năm 1848, sau đó là tổng chỉ huy và tham mưu trưởng quân đội cách mạng Pphan-xơ, sau âm mưu chiếm pháo đài Lan-đao không thành đã bị cách chức - 215.

Phi-clơ (Fickler), I-ô-dép (1808-1865) - nhà giáo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo phong trào dân chủ Ba-đen năm 1848-1849; uỷ viên chính phủ lâm thời Ba-đen năm 1849. - 188.

Phi-líp I (1479-1533) - quan biên trấn ở Ba-đen; năm 1525 đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở miền Nam nước Đức. - 508, 513, 551.

Phi-líp I (1504-1567) - hầu tước đế chế xứ Hét-xen; đã tham gia đánh bại cuộc khởi nghĩa của các hiệp sĩ năm 1522-1523; người tổ chức đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở Thuy-rinh-ghen năm 1525. - 558, 561, 569.

Phlo-ri-an - xem *Grây-đen*, Phro-ri-an.

Phlô-công (Flocon), Phéc-đi-năng (1800-1866) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, là một trong những chủ biên của báo "Réforme", năm 1848 là uỷ viên chính phủ lâm thời. - 24, 388, 741.

Pho-téc-ghen (Fothergill), Tô-mát - sĩ quan Anh, thư ký danh dự của Hội những người Đức lưu vong do phái dân chủ tiểu tư sản thành lập ở Luân Đôn năm 1850. - 424.

Phoi-ơ-bắc (Feurbach), Lút-vích (1804-1872) - nhà triết học - duy vật Đức lớn nhất thời kỳ trước Mác. - 582.

Phoi-ơ-bắc-khơ (Feurbacher), Ma-téc-nơ - uỷ viên của hội đồng thành phố và là một trong những lãnh tụ của phái đối lập tiểu tư sản ở Grô-xơ - Bốt-va

(Vuyếc-tem-béc); năm 1525 đứng đầu Minh đoàn Cơ Đốc giáo của những nông dân và thị dân khởi nghĩa ở Vuyếc-tem-béc; sau thất bại của những người khởi nghĩa đã chạy sang Thụy Sĩ. - 538, 542.

Phoốc-nơ (Forner), An-tôn - thị trưởng một thành phố của đế chế là Nuếch-lin-ghen (Phran-cô-ni); năm 1525 đã gia nhập hàng ngũ những nông dân khởi nghĩa và đứng đầu phái binh dân ở thành phố. - 531.

Phổ, hoàng tử - xem *Vin-hem I*.

Phô-gtơ (Vogt), Các (1817-1895) - nhà tự nhiên học Đức, nhà duy vật tầm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848-1849 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; tháng Sáu 1849 là một trong số năm viên quan nhiếp chính của đế chế; năm 1849 đã lưu vong khỏi Đức; bị Mác vạch trần trong bài văn công kích "Ngài Phô-gtơ" (1860) như là một tên do thám của Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 300.

Phô-sê (Faucher), Lê-ông (1803-1854) - nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà kinh tế học theo thuyết Man-tút, một trong những người lãnh đạo đảng trật tự, bộ trưởng bộ nội vụ (tháng Chạp 1848 - tháng Năm 1849), sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ. - 8, 66, 73, 76.

Phrăng-xoa I (1494-1547) - vua Pháp (1515-1547). - 394, 524.

Phren-ken-tơ (Frankel) - công nhân Đức ở Luân Đôn, người hoạt động tích cực của Liên đoàn những người cộng sản và Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn năm 1847, năm 1849-1850 là uỷ viên Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, sau thời kỳ phân liệt của Liên đoàn đã thuộc phái phiêu lưu - bè phái của Vi-lích và Sáp-pơ. - 735.

Phri-đơ (Fries), Pô-tơ - nhà luật học Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, uỷ viên chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ; sau này lưu vong ở Thụy Sĩ. - 428.

Phri-đrích II (1712-1786) - vua Phổ (1740-1786). - 292, 660, 667, 668, 675.

Phri-đrích III (1463-1524) - tuyển đế hầu xứ Dắc-den (1486-1525); người bảo trợ Lu-thơ, là một trong những kẻ truy nã Muyn-txơ. - 483.

Phri-đrích – Vin-hem II (1744-1797) - vua Phổ (1786-1797). - 653.

Phri-đrích – Vin-hem IV (1795-1861) - vua Phổ (1840-1861). - 183, 298, 300, 313, 442, 634-638.

Phrun-đơ-xbéc (Frundsberg), Ghê-oóc (1473-1528) - chỉ huy đội quân đánh thuê Đức

phục vụ trong Liên minh Sva-ben; năm 1525-1526 đã tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở Sva-ben và ở giáo khu Dan-xbuốc. - 553, 566.

Phu-ki-ê-Tanh-vin (Fouquier - Tinville), Ăng-toan Căng-tanh (1746-1795) - nhà hoạt động nổi tiếng trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, năm 1793 là công tố viên xã hội của Tòa án cách mạng. - 81.

Phu-ri-ê (Fourier), Sác-lơ (1772-1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp vĩ đại. - 386.

Phu-sê (Fouché), Giô-dép (1759-1820) - nhà hoạt động trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và trong đế chế Na-pô-lê-ông, trong thời kỳ cách mạng là người theo phái Gia-cô-banh, bộ trưởng bộ cảnh sát dưới thời Na-pô-lê-ông I; nổi tiếng là cực kỳ vô nguyên tắc. - 121, 419.

Phun-đơ (Fould), A-sin (1800-1867) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Óc-lê-ăng, sau này theo phái Bô-na-pác-tơ, năm 1849-1867 đã nhiều lần giữ chức vụ bộ trưởng bộ tài chính. - 37, 56, 70, 108, 109, 112, 113, 413.

Phuy-xtơ (Fuster), An-tôn (1808-1881) - nhà thần học Áo, giáo sư trường Đại học tổng hợp Viên, năm 1848 là nghị sĩ quốc hội, nhà dân chủ tiểu tư sản, lưu vong ở Luân Đôn, sau đó sang Mỹ. - 711, 713.

Pi IX (1792-1878) - giáo hoàng La Mã (1846-1878). - 79, 104, 358, 617, 618.

Pi-lơ (Pilhes), Vích-to - nhà báo, nhà dân chủ Pháp, đã tham gia vào các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, ủng hộ báo "Réforme", là nghị sĩ Quốc hội lập pháp trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai. - 374.

Pin (Peel), Rô-bớc (1788-1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ của đảng bảo thủ ôn hòa; bộ trưởng bộ nội vụ (1822-1827 và 1828-1830), thủ tướng (1841-1846), với sự ủng hộ của phái tự do đã thi hành việc hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc (1846). - 594, 616, 617.

Pla-tôn (khoảng năm 427 - khoảng năm 347 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của tầng lớp quý tộc chiếm hữu nô lệ. - 59.

Pphan-xơ, tuyển đế hầu - xem *Lu-i V*.

Pra-đi-ê (Pradié), Pi-e (1816-1892) - luật sư Pháp, phần tử cộng hòa tư sản, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, tác giả của những cuốn sách mỏng viết nhằm bảo vệ nền cộng hòa chống lại Lu-i Na-pô-lê-ông. - 307.

Pra-xlơ (Passler), Ca-xpa - lãnh tụ của những đội quân nông dân và thợ mỏ khởi nghĩa trong giáo khu Dan-xbuốc năm 1525. - 565.

Prê-ghi-xơ (Pregizer), Ca-xpa - thợ làm dao ở Soóc-nơ-đoóc-phơ (Vuyếc-tem-béc), là một trong những người tổ chức ra liên minh "Côn-rát nghèo khổ"; đã tham gia cuộc khởi nghĩa của nông dân và thị dân ở Vuyếc-tem-béc năm 1514; sau khi khởi nghĩa thất bại đã chạy trốn. - 510.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809-1865) - nhà chính luận, nhà kinh tế và nhà xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, là một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội lập hiến. - 135, 449, 581, 611, 650.

Q

Quy-bi-e-rơ (Cubières), A-mê-đê Lu-i (1786-1853) - tướng Pháp và nhà hoạt động nhà nước, là người theo phái Óc-lê-ăng, năm 1839 và 1840 là bộ trưởng bộ chiến tranh, năm 1847 bị giáng chức vì tội ăn hối lộ và lạm dụng. - 112.

R

Ra-cốp (Rakow) - sĩ quan, đã tham gia cuộc đấu tranh giải phóng ở Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ năm 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, là người chỉ huy tiểu đoàn Khai-đơ-xlao-tơn trong quân đội cách mạng Ba-đen. - 231.

Ra-đét-xki (Radetzky), I-ô-dép, bá tước (1766-1858) - nguyên soái Áo, từ năm 1831 đã chỉ huy quân đội Áo ở miền Bắc I-ta-li-a, năm 1848-1849 đã đàn áp dã man phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a. - 662, 663.

Ra-ki-ê (Raquilliet), Phê-lích (1778-1863) - tướng tham mưu trong quân đội khởi nghĩa Ba Lan năm 1830-1831, lưu vong ở Pháp, đã tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, có thời kỳ đảm nhận trách nhiệm là người chỉ huy tối cao các lực lượng vũ trang ở Pphan-xơ. - 215.

Ra-mô-ri-nô (Ramorino), Gi-rô-la-mô (1792-1849) - tướng I-ta-li-a, chỉ huy quân đội Pi-ê-mông trong thời kỳ cách mạng 1848-1849 ở I-ta-li-a, với sách lược phản bội

của mình đã góp phần vào chiến thắng của quân đội phản cách mạng Áo. - 663.

Ra-pha-en Xan-ti (Raffaello Santi) (1483-1520) - họa sĩ I-ta-li-a vĩ đại của thời kỳ phục hưng. - 372.

Ra-tô (Rateau), Giăng Pi-e (1800-1887) - luật sư Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, người theo phái Bô-na-pác-tơ. - 70, 75.

Ra-xpai (Raspail), Phrăng-xoa (1794-1878) - nhà bác học về tự nhiên học nổi tiếng Pháp, nhà chính luận, gắn gũi với giai cấp vô sản cách mạng, người tham gia các cuộc cách mạng năm 1830 và năm 1848; nghị sĩ Quốc hội lập hiến. - 25, 41, 56, 64, 74.

Ráp-man (Rabmann), Pphan-xơ (chết năm 1525) - nhà truyền giáo trong nhân dân, môn đồ của Muyn-txơ, đã tham gia vào những cuộc khởi nghĩa của nông dân và bình dân ở Svác-xvan-đơ và Clết-hau-xơ; mùa thu năm 1525 đã bị bắt sống và bị xử tử hình. - 496.

Rau-mơ (Raumer), Phri-đrích (1781-1873) - nhà sử học phản động Đức. - 278.

Rêm-bran (Rembrandt) (1606-1669) - họa sĩ Hà Lan vĩ đại. - 372.

Rây-khác (Reichard), I-ô-dép Mác-tin (1803-1872) - nhà luật học Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, uỷ viên chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ năm 1849, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp đã lưu vong sang Mỹ. - 215.

Rê-ven-tơ-lốp (Reventlow), Phri-đrích (1797-1874) - nhà hoạt động chính trị bảo thủ Đức, uỷ viên chính phủ lâm thời ở Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ (1848). - 638.

Ri-các-đô (Ricardo), Đa-vít (1772-1823) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. - 403, 643.

Ri-khác (1467-1531) - tuyển đế hầu và tổng giám mục ở Tơ-ria (1511-1531), kẻ điên cuồng chống lại Phong trào Cải cách tôn giáo; đã tham gia dàn áp cuộc khởi nghĩa của hiệp sĩ năm 1522-1523 và cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1525. - 522, 551.

Ri-ốt-tê (Riotte), Các-lơ Ni-cô-lau-sơ (sinh khoảng năm 1816 - nhà dân chủ, luật sư Đức, năm 1849 là nghị sĩ viện Phổ, uỷ viên Uỷ ban an ninh trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở En-pơ-phen-đơ, sau này lưu vong sang Mỹ. - 173.

Rô-bách (Rohrbach), I-ê-cành (chết năm 1525) - một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân ở Phran-cô-ni năm 1625, có đặc tính là không khoan nhượng

đối với giới quý tộc; theo lệnh của Tơ-ru-khơ-dét đã bị tra tấn đến chết. - 532, - 539, 542, 543.

Rô-be-xpi-e (Robespierre), Mắc-xi-mi-liêng (1758-1794) - nhà hoạt động xuất sắc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ của phái Gia-cô-banh, người đứng đầu chính phủ cách mạng (1793-1794). - 57, 174, 649.

Rôn-ngơ (Ronge), I-ô-han-nét (1813-1887) - linh mục Đức, một trong những người khởi xướng ra phong trào "những người Thiên chúa giáo Đức", là người tìm mọi cách đưa đạo Thiên chúa vào phục vụ cho giai cấp tư sản Đức, đã tham gia vào cuộc cách mạng năm 1848-1849, nhà dân chủ tiểu tư sản; sau khi cách mạng thất bại đã lưu vong ở Anh. - 645.

Rốt-sin - triều đại các chủ ngân hàng có ngân hàng ở nhiều nước châu Âu. - 21.

Rốt-sin (Rothschild), Giêm-xơ (1792-1868) - người đứng đầu ngân hàng Rốt-sin ở Pa-ri. - 21.

Rớt-xen (Russell), Giôn (1792-1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng cấp tiến, thủ tướng (1846-1852) và (1865-1866). - 613.

Ru-đôn-phơ II phôn Sê-ren-béc (Rudolf II von Scherenberg) - giáo chủ ở Vuyếc-xbuốc (1466-1495), năm 1476 đã đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân do Han-xơ Buê-hai-mơ lãnh đạo. - 501, 505.

Ru-gơ (Ruge), Ác-nôn (1802-1880) - nhà chính luận Đức, người theo phái Hê-ghen trẻ; phần tử cấp tiến tiểu tư sản, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; những năm 50 là một trong những lãnh tụ của giới lưu vong tiểu tư sản Đức, sau năm 1866 là phần tử tự do dân tộc. - 198, 199, 460, 644-647.

S

Sa-ki (Csáky), M-clô-sơ (chết năm 1514) - giáo chủ Sa-nát; đã bị những người khởi nghĩa giết chết trong thời kỳ khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514. - 514.

Sa-pe-lơ (Schappeler), Cri-xtốp (1472-1551) - tiến sĩ thần học, người ủng hộ phong trào Cải cách tôn giáo, trong những năm 1524-1525 đã tham gia phái đối lập bình dân ở Mem-minh-ghen (Thượng Sva-ben). - 496, 553.

Sác-lơ I (1600-1649) - vua Anh (1625-1649), bị tử hình trong thời kỳ cách mạng tư

sản Anh thế kỷ XVIII. - 249.

Sác-lơ X (1757-1836) - vua Pháp (1824-1830). - 129.

Sác-lơ An-be (1798-1849) - vua xứ Pi-ê-mông (1831-1849). - 80, 662.

Sáp-pơ (Schapper), Các (khoảng năm 1812-1870) - nhà hoạt động nổi tiếng trong phong trào công nhân Đức và quốc tế, là một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn những cộng sản, tháng Hai - tháng Năm 1849 là chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên; người tham gia cuộc cách mạng năm 1848-1849; năm 1850 là một trong những thủ lĩnh của cánh phiêu lưu - bè phái trong thời kỳ phân liệt của Liên đoàn những người cộng sản, năm 1856 lại gần gũi với Mác, là uỷ viên của Tổng hội đồng Quốc tế I. - 258, 735, 741.

Săm-bo (Shambord), Hăng-ri Sác-lơ, bá tước (1820-1883) - đại biểu cuối cùng của dòng họ Buốc-bông theo ngành trưởng, cháu của Sác-lơ X, là người có tham vọng chiếm ngôi vua Pháp lấy tên là Hen-rích V. - 102, 144, 630.

Săng-gác-ni-ê (Changarnier), Ni-cô-la Ăng Tê-ô-đuyn (1793-1877) - tướng Pháp và nhà hoạt động chính trị tư sản, người theo phái quân chủ; trong thời kỳ nền Cộng hòa thứ hai là nghị sĩ Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, sau tháng Sáu 1848 chỉ huy quân đồn trú và đội cận vệ quốc gia Pa-ri, đã tham gia vào việc giải tán cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 ở Pa-ri. - 67, 75, 76, 88, 96, 101, 143, 148, 149, 628, 633-635.

Sép-tơ-xbơ-ri (Shaftesbury), An-tô-ni, bá tước (1671-1713) - nhà triết học - luân lý Anh, đại biểu nổi tiếng của thần luận; nhà hoạt động chính trị, đảng viên đảng cấp tiến. - 293.

Sếch-xpia (Schakespeare), Uy-li-am (1564-1616) - nhà văn Anh vĩ đại. - 230, 264.

Si-lơ (Schill), Phéc-đi-nan phôn (1776-1809) - sĩ quan Phổ, chỉ huy một đơn vị quân du kích hoạt động chống lại quân Na-pô-lê-ông, năm 1809 mưu toan phát động khởi nghĩa vũ trang; hy sinh trong chiến trận. - 187.

Si-lơ (Schiller), Phri-đrích (1759-1805) - nhà văn Đức vĩ đại. - 277, 278, 286.

Siếc-nơ (Tzschirner), Xa-mu-en Éc-đơ-man (khoảng năm 1812-1870) - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, trong thời kỳ cách mạng 1848-1849 là lãnh tụ của cánh tả cực đoan trong nghị viện Dắc-den, là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở Đrơ-xđen, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cách mạng thất bại đã lưu vong sang Thụy Sĩ, và sau

đó sang Anh. - 224, 225.

Sim-men-phen-ních (Schimmelpfennig), A-lếch-xan-đrơ (1824-1865) - cựu sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau đó lưu vong, đã tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía những người miền Bắc. - 217, 235-240.

Slin-cơ (Schlinke), Lút-vích - cựu sĩ quan Phổ, nhân viên thương mại, người tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng ở Brê-xláp năm 1848, tướng hậu cần trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 272.

Smít (Schmid), I-oóc (có biệt danh là "Cnô-phơ") (chết năm 1526) - nông dân vùng Thượng Sva-ben; người tham gia tích cực vào cuộc Chiến tranh nông dân năm 1525 và là một trong những người chỉ huy đội quân An-gôi; sau khi đội quân thất bại đã bị xử tử hình. - 554.

Smít (Schmidt), Ni-cô-lau-xơ (khoảng 1806-1860) - nhà báo và nhà luật học Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, năm 1849 là bộ trưởng bộ nội vụ của chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ, sau khi cách mạng thất bại đã lưu vong sang Mỹ. - 224.

Smít (Schmidt), Un-rích - thợ rèn, chỉ huy quân Ban-tơ-rinh-ghen của những nông dân khởi nghĩa Sva-ben năm 1525. - 526.

Snai-đơ (Schneiner), Ghê-oóc - cựu đại uý trong đội quân đánh thuê cho Pháp; đã tham gia vụ âm mưu của liên minh"Giày binh dân" và tham gia chuẩn bị cuộc khởi nghĩa nông dân không thành ở vùng Thượng Ranh năm 1513. - 507.

Snai-đơ (Sznayde), Pphan-xơ (1790-1850) - người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830-1831, năm 1849 là tướng trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ. - 215, 217, 222, 229, 234, 247, 251.

Sơ-nuy (Chenu), A-đôn-phơ - người tham gia các tổ chức cách mạng bí mật ở Pháp trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, nhân viên cảnh sát. - 372-379, 383-390.

Sắc-tơ-nơ (Schärttner), Au-gu-xtơ - thợ đóng thùng ở Ha-nau, người tham gia cách mạng năm 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong ở Luân Đôn, là chủ quán rượu, nơi tụ họp của giới lưu vong tiểu tư sản Đức, là đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, sau thời kỳ phân liệt của Liên đoàn thuộc cánh phiêu lưu - bè phái của Vi-lích và Sáp-pơ. - 729, 735.

Spết (Spät), Đi-tơ-rích (chết năm 1536) - quý tộc Đức, chỉ huy một đơn vị thuộc đội quân tiểu phạt của Tơ-ru-khơ-dét. - 539, 541.

Sram (Schramm), Côn-rát (khoảng 1822-1858) - nhà cách mạng Đức, đảng viên của Liên đoàn những người cộng sản, từ năm 1849 lưu vong ở Luân Đôn, người chịu trách nhiệm xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", trong thời kỳ phân liệt của Liên đoàn những người cộng sản đã là người ủng hộ Mác; là bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen. - 12, 576, 718.

Sram (Schramm), Ru-đôn-phơ (1813-1882) - nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả, sau cách mạng đã lưu vong sang Anh; đã lên tiếng chống lại Mác, trong những năm 60 là người ủng hộ Bi-xmác. - 421, 422.

Stéc-nơ-béc (Sternberg), A-lếch-xan-đrơ, nam tước phôn (1806-1868) - nhà văn phản động Đức, đã lý tưởng hóa giới quý tộc phong kiến thời trung cổ. - 279.

Stiếc-nơ (Stirner), Ma-khơ (bút danh của Ca-xpa Smít) (1806-1868) - nhà triết học Đức, người theo phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa quân chủ tư sản. - 403, 581-584.

Stoóc-sơ (Storch), Ni-cláт - thợ dệt ở Xvích-cau, vào đầu thế kỷ XVI đứng đầu một giáo phái địa phương thuộc phái tái tẩy lễ, do ảnh hưởng của Muyn-txơ đã trở thành nhà truyền giáo trong cuộc khởi nghĩa nông dân chống lại bọn phong kiến giáo hội và thế tục. - 488.

Stốp-phen (Stoffel) - một trong những người tổ chức vụ âm mưu của liên minh "Giày binh dân" của nông dân ở vùng Thượng Ranh và ở Svác-svan-đơ năm 1513, sau khi vụ âm mưu bị phát hiện đã chạy trốn. - 507.

Stơ-ra-xơ (Strasser), Phri-đrích - họa sĩ Áo, người tham gia cuộc cách mạng ở Áo năm 1848, trung tá trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 235.

Stơ-rau-xơ (Strauß), Đa-vít Phri-đrích (1808-1874) - nhà triết học và nhà chính luận Đức, một trong những người nổi tiếng của phái Hê-ghen trẻ; sau năm 1866 là phần tử tự do dân tộc. - 358.

Stơ-ru-vơ (Struve), Gu-xtáp (1805-1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, làm nghề nhà báo; là một trong những người lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa Ba-đen năm 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, là uỷ viên của Uỷ ban Be-đen; sau khi cách mạng thất bại đã lưu vong khỏi Đức; là một trong những lãnh tụ của giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Anh; đã tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía những người miền Bắc. - 153, 188-192, 194, 219, 250-253, 268-271, 422, 424, 429, 725, 727.

Suên (Schön), Un-rích (chết năm 1525) - người tham gia cuộc Chiến tranh nông dân năm 1525; là một trong những người chỉ huy đội quân Lai-pơ-hai-mơ, bị bắt sống và bị xử tử hình. - 528, 540.

Suốc-xơ (Schurz), Các-lơ (1829-1906) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, đã lưu vong sang Thụy Sĩ; sau này là nhà hoạt động nhà nước của Mỹ. - 428.

T

Ta-lây-răng-Pê-ri-go (Talleyrand - Perigord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754-1838) - nhà ngoại giao Pháp nổi tiếng, bộ trưởng bộ ngoại giao (1797-1799, 1799-1807, 1814-1815), đại biểu của Pháp tại Hội nghị ở Viên (1814-1815); nổi tiếng là cực kỳ vô nguyên tắc trong hoạt động chính trị và là kẻ hám lợi. - 420.

Tai-lơ (Tyler), Uốt (chết năm 1381) - lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất ở Anh năm 1381. - 479.

Te-xtơ (Teste), Giăng Ba-ti-xtơ (1780-1852) - luật sư và nhà hoạt động nhà nước Pháp, người theo phái Óóc-lê-ăng, bộ trưởng bộ thương mại, bộ trưởng bộ tư pháp và bộ các công trình công cộng trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, bị truy tố vì tội hối lộ và lạm dụng. - 112.

Tê-khốp (Techow), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1813-1893) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, người tham gia vào các sự kiện cách mạng năm 1848 ở Béc-lin, tổng tham mưu trưởng quân đội cách mạng Pphan-xơ, sau khi cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849 thất bại đã lưu vong sang Thụy Sĩ, là một trong những nhà lãnh đạo tổ chức của những người lưu vong là "Trung tâm cách mạng" ở Thụy Sĩ; năm 1852 đã sang Ô-xtrây-li-a. - 216, 250, 251.

Tê-lê-ki (Teleki), I-stơ-van (chết năm 1514) - cố vấn hoàng gia, sau này là giám đốc quốc khố ở Hung-ga-ri, đã bị những người khởi nghĩa chết trong thời gian xảy ra cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1514. - 514.

Ti-phen (Tiphaine), Giăng Lô-răng (sinh khoảng năm 1805) - nhà dân chủ Pháp, người tham gia các tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ

tháng Bảy, là người ủng hộ báo "Réforme". - 375.

Tô-mơ (Thome) - đại tá Ba-đen, sư đoàn trưởng trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, về cuối chiến dịch đã giữ lập trường dầu hàng. - 259.

Tơ-rê-la (Trélat), Uy-lít-xơ (1795-1879) - nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hòa tư sản, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội lập hiến; bộ trưởng bộ các công trình công cộng (tháng Năm - tháng Sáu 1848). - 44.

Tơ-ria, tổng giám mục - xem *Ri-khác*.

Tơ-rô-sin-xki (Trocinski), Phê-lích - người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830-1831, sau đó lưu vong, chỉ huy một đơn vị quân Ba Lan trong quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 235.

Tơ-ru-khơ-dét (Truchsess), Ghê-oóc (1488-1531) - chỉ huy các lực lượng quân sự trong Liên minh Sva-ben, người tổ chức chính trong cuộc đàn áp những nông dân khởi nghĩa và dân nghèo thành thị năm 1525. - 449-529, 532, 538-543, 544-551, 553, 554, 559.

Tu-cơ (Tooke), Tô-mát (1774-1858) - nhà kinh tế học tư sản Anh, thuộc trường phái cổ điển; người phê bình học thuyết tiền tệ của Ri-các-đô. - 594.

Tum-bơ (Thumb), Côn-rát (1465-1525) - cố vấn của công tước Un-rích ở Vuyếc-tem-béc. - 511.

Tun-phen (Thunfeld), Cun-xơ - hiệp sĩ Đức, tay sai của giáo hoàng xứ Vuyếc-tem-béc, người tham gia vào cuộc âm mưu lật đổ của nông dân của Han-xơ Buê-hai-mơ ở Ni-cla-hau-den (giáo khu Vuyếc-xbuốc) năm 1476. - 501, 502.

Tun-phen (Thunfeld), Mi-kha-en - cùng với cha là Cun-xơ Tun-phen đã tham gia vào cuộc âm mưu lật đổ của nông dân của Han-xơ Buê-hai-mơ ở Ni-cla-xhau-den (giáo khu Vuyếc-xbuốc) năm 1476. - 501, 502.

Tút-xanh - Lu-véc-tuya (Louverture, dit Toussaind), Phrăng-xoa Đô-mi-ních (1743-1803) - lãnh tụ của phong trào cách mạng của những người da đen ở Ha-i-ti chống lại ách thống trị của người Tây Ban Nha và người Anh trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 66.

Tuya-ren (Turenne), Hăng-ri đờ la Tua đ' Ô-véc-nhơ, tử tước (1611-1675) - nguyên soái Pháp nổi tiếng. - 675.

Txít-xơ (Zitz), Pphan-xơ (1803-1877) - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; người tham gia cuộc khởi

nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau thất bại của cách mạng năm 1848-1849 đã lưu vong sang Mỹ. - 153, 217, 219, 223, 256.

U

U-đi-nô (Oudinot), Ni-cô-la Sắc-lơ Vích-to (1791-1863) - tướng Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, năm 1849 chỉ huy các đội quân được điều đi chống nước Cộng hòa La Mã. - 80, 81, 90, 91.

U-li-am III O-răng-giơ (1650-1702) - viên toàn quyền ở Hà Lan (1672-1702), vua Anh (1689-1702). - 291, 293.

Un-rích (1487-1550) - công tước xứ Vuyếc-tem-béc từ năm 1498; năm 1519 đã bị trục xuất; đã mưu toan sử dụng phong trào nông dân năm 1525 để khôi phục quyền hành của mình, năm 1534 lại được phục ngôi ở Vuyếc-tem-béc. - 509-513, 526-530.

Uôn-pôn (Walpole), Rô-bớt (1676-1745) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh đảng cấp tiến, thủ tướng (1721-1742), người đặt cơ sở cho chế độ các nội các không phụ thuộc vào nhà vua, những nội các này dựa vào phe đa số trong nghị viện; rất hay dùng thủ đoạn mua chuộc. - 292.

Uy-clíp (Wycliffe), Giôn (khoảng năm 1320-1384) - nhà cải cách tôn giáo Anh, là người đại diện cho quyền lợi của giới thị dân và hiệp sĩ; đã đấu tranh đòi thành lập giáo hội Anh không phụ thuộc vào La Mã, bị nhà thờ Thiên chúa giáo khép tội là kẻ tà giáo. - 477-479.

V

Va-xcôđa Ga-ma (Vasco da Gama) (1469-1524) - nhà hàng hải Bồ Đào Nha, năm 1497-1498 là người mở ra con đường biển đi tới Ấn Độ vòng qua châu Phi. - 458.

Vác-na-vơ (Bắc-na-bát-xơ) (Barnabas) - linh mục Hung-ga-ri, người tham gia tích cực cuộc Chiến tranh nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514. - 513.

Vai-mô-dơ (Weitmoser), Ê-ra-dơ-mơ - thợ thủ công Đức, người đứng đầu đội quân những người thợ mỏ ở Dan-xbuốc và nông dân trong thời kỳ cuộc Chiến tranh nông dân năm 1525. - 564.

Vai-tlinh (Weitling), Vin-hem (1808-1871) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ phôi thai, là người lập ra chế độ cộng sản binh quân không tưởng; làm nghề thợ may. - 440.

Van-đau (Waldau), Mác-xơ (bút danh của Ri-khác Ghê-oóc Hau-en-sin-đơ) (1825-1855) - nhà văn Đức. - 279.

Van-đếch-cơ (Waldeck), Be-nê-đích-tơ Phrăng-xơ Lê-ô (1802-1870) - nhà hoạt động chính trị, phần tử cấp tiến tư sản Đức, làm nghề luật sư; năm 1848 là một trong những người lãnh đạo cánh tả và là phó chủ tịch Quốc hội Phổ; sau này là đảng viên đảng tiến bộ. - 299, 417.

Vây-găng (Weigand), giám mục xứ Băm-béc-gơ (1522-1556) - một trong những người tổ chức cuộc đàn áp những nông dân khởi nghĩa ở Pháp năm 1525. - 550.

Vây-xơ (Weiß) - bác sĩ Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen Pphan-xơ năm 1849, uỷ viên nhân dân ở Xvai-bruých-ken. - 236.

Ven-dếc (dòng họ) - những thương gia và những chủ ngân hàng ở Au-xbuốc thế kỷ XV - XVI, là chủ nợ của một loạt các vua chúa ở châu Âu. - 525.

Ven-đen (Welden), Pphan-txơ Lút-vích, nam tước (1782-1853) - tướng Áo, năm 1848 tham gia chiến dịch chống lại nước I-ta-li-a cách mạng; sau khi cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848 bị đàn áp là tư lệnh ở Viên; tháng Tư - tháng Năm 1849 là tổng chỉ huy quân đội Áo, đàn áp là cách mạng ở Hung-ga-ri. - 661.

Vê-nê-đây (Venedey), I-a-cốp (1805-1871) - nhà chính luận cấp tiến Đức, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; sau cách mạng 1848-1849 là phần tử tự do. - 300, 615.

Vê-ơ (Wehe), I-a-cốp (chết năm 1525) - mục sư ở Lai-pơ-hai-mơ, môn đệ của Muyn-txơ; năm 1525 là một trong những người lãnh đạo đội quân nông dân ở Lai-pơ-hai-mơ, sau thất bại của đội quân đó đã bị xử tử hình. - 496, 528, 540.

Vi-đan (Vidal), Phrăng-xoa (1814-1872) - nhà kinh tế, nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, năm 1848 là thư ký Uỷ ban Lúc-xăm-buốc, là nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1850-1851). - 127-129, 137, 416, 622.

Vi-đin (Vidil), Giuy-lơ - sĩ quan Pháp, nhà xã hội chủ nghĩa, uỷ viên ban chấp hành hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn. - 577, 723.

Vi-đốc (Vidocq), Phrăng-xoa Ơ-gien (1775-1857) - một tội phạm hình sự Pháp, mật thám; người ta cho rằng "Hồi ký của Vi-đốc" là do hắn viết; tên tuổi của hắn đã trở thành tên gọi chung chỉ bọn mật thám giáo quyệt và bịp bợm. - 382.

Vi-lích (Willich), Au-gu-xtơ (1810-1878) - sĩ quan Phổ đã từ chức vì quan điểm chính trị, là đảng viên Liên đoàn những người cộng sản, đã tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; năm 1850 là một trong những thủ lĩnh phái phiêu lưu - bè phái trong thời kỳ phân biệt của Liên đoàn những người cộng sản; năm 1853 lưu vong sang Mỹ, đã tham gia cuộc Nội chiến ủng hộ những người miền Bắc. - 170, 263, 217-219, 225-229, 233-243, 245-252, 255, 257, 259, 261, 263-266, 268, 271-273, 418, 423, 445, 453, 715, 723, 726-728, 731, 735, 741.

Vi-vi-en (Vivien), A-lếch-xan-đrơ Phrăng-xoa (1799-1854) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, người theo phái Oóc-lê-ăng, năm 1840 là bộ trưởng bộ tư pháp, năm 1848 là bộ trưởng bộ các công trình công cộng trong chính phủ của Ca-ve-nhắc. - 60.

Vin-đi-sơ-grết-xơ (Windischgrätz), An-phrết, hầu tước (1787-1862) - thống soái Áo, năm 1848 đã lãnh đạo đàn áp các cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha và ở Viên, năm 1848-1849 đứng đầu quân đội Áo đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri. - 661.

Vin-hem (khoảng năm 1470-1541) - giáo chủ ở Xtơ-ra-xbua (1506-1541); năm 1525 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở giáo khu Ma-in-xơ năm 1525. - 550.

Vin-hem I (1797-1888) - hoàng tử Phổ, vua Phổ (1861-1888), hoàng đế Đức (1871-1888). - 232, 240, 431.

Vô-băng (Vauban), Xê-ba-xchiêng lơ Prét-tơ-rơ (1633-1707) - nguyên soái Pháp, kỹ sư công binh, tác giả của tác phẩm kinh tế "La Dime royale" ("Thuế thập phân của nhà vua"). - 114.

Vôn-phơ (Wolf), Phéc-đi-năng - nhà chính luận Đức, năm 1846-1847 là uỷ viên của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, đảng viên Liên đoàn những người cộng sản, năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên tờ "Neue Rheinische Zeitung"; sau cách mạng 1848-1849 lưu vong khỏi Đức; trong thời kỳ phân liệt của Liên đoàn những người cộng sản năm 1850 là người ủng hộ Mác; sau này đã từ bỏ hoạt động chính trị. - 576.

Vôn-phơ (Wolf), Vin-hem (1809-1864) - nhà cách mạng vô sản Đức, làm nghề dạy học, con của một nông nô vùng Xi-lê-di; tham gia vào phong trào sinh viên, năm 1834-1839 bị giam trong các xà lim của Phổ, năm 1846-1847 là uỷ viên của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, từ tháng Ba 1848 là uỷ viên của Ban chấp hành

trung ương của Liên đoàn những người cộng sản, năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên tờ "Neue Rheinische Zeitung"; là bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen. - 429.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (1694-1778) - nhà triết học thần luận người Pháp, nhà văn châm biếm, nhà sử học, đại biểu xuất sắc của trào lưu khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, đã đấu tranh chống chế độ chuyên chế và Thiên chúa giáo. - 103.

Vran-ghen (Wrangel), Phri-đrích Hen-rích Éc-nơ-xtơ (1784-1877) - tướng lĩnh, là một trong những đại biểu chính của giới quân phiệt phản động Phổ; đã tham gia cuộc đảo chính phản cách mạng ở Béc-lin và vụ giải tán Quốc hội Phổ vào tháng Mười một 1848. - 709.

Vuyếc-xbuốc, giáo chủ - xem *Côn-rát III*.

X

Xa-lê-rê-si (Száleresi), Am-bru-sơ - thị dân ở Pét, đã tham gia cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hung-ga-ri năm 1514; được bổ nhiệm làm chỉ huy một trong những đội quân nông dân, đã phản bội những người khởi nghĩa và chạy sang phía tầng lớp quý tộc. - 514.

Xa-phia (Saphir), Mô-ri-xơ Gốt-líp (1795-1858) - nhà thơ trào phúng Áo. - 279.

Xanh-Giuy-xtơ (Saint-Just), Lu-i Ăng-toan (1767-1794) - nhà hoạt động nổi tiếng của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của phái Gia-cô-banh. - 658.

Xát-lơ (Sadler), Mai-cơn Tô-mác (1780-1835) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị Anh, nhà từ thiện tư sản, gia nhập đảng bảo thủ. - 327, 377.

Xắc-xơ (Sachs), Han-xơ (1494-1576) - thợ thủ công Đức, nhà thơ và nhà soạn nhạc trong thời kỳ Cải cách tôn giáo, người ủng hộ Lu-the, người sáng lập và lãnh đạo trường đào tạo những ca sĩ ưu tú ở Nu-rem-be. - 284.

Xe-lơ (Zell), Phri-đrích (1814-1881) - luật sư ở Tơ-ria, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc trung tâm cánh tả. - 165.

Xéc-van-tét đờ Xa-vê-đra (Cervantes de Saavedra), Mi-ghen (1547-1616) - nhà văn hiện thực vĩ đại Tây Ban Nha. - 186, 284, 616.

Xê-ba-xti-a-ni (Sébastiani), Hô-ra-xơ, bá tước (1772-1851) - nguyên soái Pháp, nhà ngoại giao; bộ trưởng bộ ngoại giao (1830-1832), đại sứ ở Luân Đôn (1835-1840). - 47.

Xê-đa (Cai-út I-u-li-út Xê-đa) (khoảng năm 100-44 trước công nguyên) - một thống soái La Mã nổi tiếng và là nhà hoạt động nhà nước. - 104.

Xê-guya đ'A-ghét-xô (Ségur d'Aguesseau), Ray-mông Pôn (1803-1889) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, lần lượt tham gia các đảng cầm quyền; đại biểu của đảng trật tự trong Quốc hội lập hiến. - 129.

Xi-khlin-xki (Zychlinski) - người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Năm ở Đrê-xđen và khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849. - 242, 246, 262.

Xi-môn (Simon), Lút-vích (1810-1872) - luật sư ở Tơ-ria, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848-1849 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; đã lưu vong sang Thụy Sĩ. - 285-289.

Xi-nơ (Zinn), Cri-xchi-an - nhà dân chủ tiểu tư sản, nhà báo ở Khai-dơ-xlao-tơn, đại uý trong quân đội cách mạng Pphan-xơ năm 1849. - 230, 264.

Xim-mơ-man (Zimmermann), Vin-hem (1807-1878) - nhà sử học, nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, người tham gia cách mạng 1848-1849, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; tác giả của cuốn "Lịch sử chiến tranh nông dân ở Đức" được phát hành trong những năm 1841-1843. - 492, 498.

Xmít (Smith), A-đam (1723-1790) - nhà kinh tế học Anh, là một trong những đại biểu nổi tiếng nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. - 644.

Xô-bri-ê (Sobrier), Ma-ri Giô-dép (khoảng năm 1825-1854) - nhà dân chủ Pháp, người tham gia vào những tổ chức cách mạng bí mật trong thời kỳ chế độ Quân chủ tháng Bảy, tháng Ba 1848 đã sáng lập ra tờ "Commune de Paris" là cơ quan ngôn luận của tòa thị chính Pa-ri. - 375.

Xtiu-ác - triều đại vua cai trị ở Xcốt-len (từ năm 1371) và ở Anh (1603-1649, 1660-1714). - 295.

Xu-lu-cơ (Soulouque), Phau-xtin (khoảng năm 1782-1867) - người da đen, tổng thống nước Cộng hòa Ha-i-ti, năm 1849 tự xưng là hoàng đế, lấy tên là Phau-xtin I. - 66.

Xu-vô-rốp, A-lếch-xan-đrơ Va-xi-li-ê-vích (1730-1800) - nguyên soái Nga vĩ đại. - 663.

Xuy (Sue), Ô-giên (1804-1857) - nhà văn Pháp, tác giả của những cuốn tiểu thuyết tình cảm - tiểu tư sản viết về những đề tài xã hội. - 122, 138, 140, 620-625.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"*Abend - Post. Demokratische Zeitung*" ("Bưu điện buổi chiều. Báo dân chủ") (Béc-lin). - 417, 421.

"*Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông") (Au-xbuốc). - 297.

"*L'Assemblée nationale*" ("Quốc hội") (Pa-ri). - 141, 306, 446, 625.

"*Bayerische Landbötin*" ("Người truyền tin nông thôn Ba-vi-ve") (Muyn-sen). - 279.

"*Bamberger Zeitung*" ("Báo Băm-béc-gơ"). - 279.

"*Blätter für literarische Unterhaltung*" ("Tập san đàm thoại văn học") (Lai-pxích"). - 279.

"*Bremer Tages - Chronik*" ("Tin tức hàng ngày Brê-men"). - 454, 646, 647.

"*Le Charivari*" ("Tiếng ồn") (Pa-ri). - 373, 374.

"*Le Constitutionnel*" ("Người lập hiến") (Pa-ri). - 141, 625.

"*Débats*" - xem "Journal des Débats politiques et littéraires".

"*La Démocratie pacifique*" ("Dân chủ hòa bình") (Pa-ri). - 95.

"*The Democratic Review*" ("Bình luận dân chủ") (Luân Đôn). - 325.

"*Demokratische Zeitung*" ("Báo dân chủ") (Béc-lin). - 714.

"*Deutsche Londoner Zeitung*" ("Báo Đức ở Luân Đôn") (Luân Đôn). - 13, 714, 733, 734.

"*Deutsche Schnellpost*" ("Tin nhanh Đức") (Niu Óóc). - 714.

" *Deutscher Zuschauer*" ("Khán giả Đức") (Man-hem). - 189.

"*Dresdener Journal und Anzeiger*" ("Tạp chí và người truyền tin Đre-xđen"). - 732, 736.

"*The Economist*" ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn). - 597, 601, 609.

"*Fliegende Blätter*" ("Truyền đơn) (Muyn-sen). - 204.

"*Frankfurter Journal*" ("Báo Phran-phuốc"). - 212.

"*Der Freischütz*" ("Đội nghĩa dũng tự do") (Hâm-buốc). - 729.

"*La Gazette de France*" ("Báo nước Pháp") (Pa-ri). - 27.

"*The Globe and Traveller*" ("Trái đất và nhà du hành") (Luân Đôn). - 446, 618.

"*Journal des Débats politiques et littéraires*" ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri). - 53, 141, 625.

"*Karlsruher Zeitung*" ("Báo Các-lơ-xru-ê") (Ba-đen). - 200, 212.

"*Kölnische Zeitung*" ("Báo Khuên"). - 212.

"*Korrespondent von und für Deutschland*" ("Thông tín viên của nước Đức") (Nu-rem-bc). - 277, 279.

"*Landbötin*" - xem "*Bayerische Landbötin*".

"*Le Moniteur universel*" ("Báo đại chúng") (Pa-ri). - 31, 45, 47, 81, 100, 104, 108, 149, 414, 634.

"*Le Moniteur du soir*" ("Người truyền tin buổi chiều") (Pa-ri). - 415.

"*Münchner Landbötin*" - xem "*Bayerische Landbötin*".

"*Le Napoléon*" ("Na-pô-lê-ông") (Pa-ri). - 122.

"*Le National*" ("Báo dân tộc") (Pa-ri). - 24, 25, 32, 43, 51, 57, 60-64, 66, 67, 73, 76, 78, 82, 87, 88, 95, 99, 102, 124, 128, 144, 387, 389, 629.

"*Neue Deutsche Zeitung*" ("Báo Đức mới") (Phran-phuốc trên sông Mai-nơ). - 423, 449, 451, 452, 711, 714.

"*Neue Oder Zeitung*" ("Báo Ô-đe mới") (Brê-xláp). - 348.

"*Neue Preußische Zeitung*" ("Báo Phổ mới") (Béc-lin). - 444, 446, 447.

"*Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie*" ("Báo mới vùng Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên). - 11, 12, 46, 47, 63, 162, 182, 196, 204, 211, 225, 438, 445, 447, 450, 646, 647, 661, 710, 716.

"*Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue*" ("Báo mới vùng Ranh. Tạp chí kinh tế chính trị") (Luân Đôn, Hâm-buốc). - 11, 12, 15, 133, 142, 151, 153, 157, 277, 284, 289, 297, 316, 340, 356, 371, 391, 395, 407, 408, 412, 416, 420, 449, 451, 455, 579, 581, 605, 626, 645-648, 716, 718.

"*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") (Stút-gát). - 690.

"*New-Yorker Staatszeitung*" ("Báo nhà nước Niu Óóc"). - 714.

"Norddeutsche Freie Presse" ("Báo tự do Bắc Đức") (Hăm-buốc). - 714, 726, 729, 731.

"The Northern Star" ("Sao Bắc đẩu") (Luân Đôn). - 13, 14, 438, 620, 712, 714.

"Notes to the People" ("Tin ngắn cho nhân dân") (Luân Đôn) - 706.

"Nürnberger Bote" - xem *"Korrespondent von und für Deutschland"*.

"Le Patrie" ("Tổ quốc") (Pa-ri). - 414-415.

"Le Pouvoir" ("Quyền lực") (Pa-ri). - 144, 628.

"La Presse" ("Báo chí") (Pa-ri). - 102, 124.

"Punch, or the London Charivari" ("Sự vụng về, hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"). - 408.

"La Réforme" ("Cải cách") (Pa-ri). - 50, 73, 373, 374, 377, 379, 384, 387.

"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên). - 447.

"Schnellpos" - xem *"Deutsche Schnellpost"*.

"Schweizerische National - Zeitung" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ") (Ba-lơ). - 314, 714.

"Le Siècle" ("Thế kỷ") (Pa-ri). - 102, 104, 144, 306, 629.

"The Spectator" ("Khán giả") (Luân Đôn). - 439, 445, 453, 454.

"Staatszeitung" - xem *"New - Yorker Staatszeitung"*.

"Sun" ("Mặt trời") (Luân Đôn). - 436, 438.

"Tages - Chronik" xem *"Bremer Tages - Chronik"*.

"The Times" ("Thời báo") (Luân Đôn). - 13, 14, 408, 424, 618, 649, 651.

"Weser - Zeitung" ("Báo Vê-de") (Brê-men). - 453, 454.

"Westdeutsche Zeitung" ("Báo Tây Đức") (Khuên). - 12, 714, 720, 721, 728.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 7-8

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Thông báo về việc xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" 11-12

PH.ĂNG-GHEN. Những người dân chủ - xã hội Đức và tờ "Times" 13-14

C.MÁC. Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850 15-150

I. Thất bại tháng Sáu 1848 18

II. Ngày 13 tháng Sáu 1849 50

III. Hậu quả của sự kiện ngày 13 tháng Sáu 1849 90

IV. Việc hủy bỏ chế độ phổ thông đầu phiếu vào năm 1850 133

PH.ĂNG-GHEN. Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức 151-276

1- Phần nước Phổ vùng Ranh 159

2- Các-lơ-xru-ê 184

3- Pphan-xơ 203

4- Hãy chết cho nền cộng hòa! 226

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những bài bình luận rút trong tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 2 277-297

G. Phr. Dau-mơ. "Tôn giáo của thế kỷ mới. Thủ trình bày nguyên lý cách ngôn cốp nhật" 277

Lút-vích Xi-môn ở Tơ-ria. "Tiếng nói của pháp quyền nhằm bảo vệ tất cả các chiến sĩ đấu tranh cho hiến pháp đế chế, gửi các vị bồi thẩm Đức" 285

Ghi-dô. "Tại sao cuộc cách mạng Anh thành công? Suy ngẫm về lịch sử cách mạng Anh" 290

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Bài thứ nhất điểm tình hình quốc tế 298-316

PH.ĂNG-GHEN. Vấn đề ngày lao động 10 giờ 317-325

PH.ĂNG-GHEN. Đạo luật ngày lao động 10 giờ của Anh 326-340
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản. Tháng Ba 1850 341-355
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những bài bình luận rút trong tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" số 4 356-407
Tô-mát Các-lai-lơ. "Những bài văn châm biếm hiện đại. Số 1. Thời đại hiện nay. Số 2. Những nhà tù kiểu mẫu 356
A. Sơ-nuy, cựu đại úy của đội cận vệ của ngài Cô-si-đi-e. "Những kẻ âm mưu. Các hội kín: sở cảnh sát dưới thời ông Cô-si-đi-e; đội nghĩa dũng". Luy-xiêng Đơ-la-ốt. "Chế độ cộng hòa ra đời tháng Hai 1848" 372
Ê-min đờ Gi-rác-đanh "chủ nghĩa xã hội và thuế khóa" 392
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Bài thứ hai điểm tình hình quốc tế 408-412
C.MÁC. Lu-i Na-pô-lê-ông và Phun-đơ 413-416
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Gốt-phrít Kin-ken 417-420
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Tuyên bố của Uỷ ban những người lưu vong 421-423
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Thư gửi tổng biên tập tờ "Times" 424-425
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản. Tháng Sáu 1850 426-435
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những người Phổ lưu vong 436-438
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Bức thư gửi kèm theo bài "Những tên mật thám Phổ ở Luân Đôn" 439-440
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Những tên mật thám Phổ ở Luân Đôn 441-445
C.MÁC. Thư gửi tổng biên tập tờ "Globe" 446-448
C.MÁC. Tuyên bố gửi tổng biên tập tờ "Neue Deutsche Zeitung" 449-450
PH.ĂNG-GHEN. Tuyên bố gửi tổng biên tập tờ "Neue Deutsche Zeitung" 451-452
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Thư gửi ban biên tập tờ "Weser-Zeitung" 453-454
PH.ĂNG-GHEN. Chiến tranh nông dân ở Đức 455-575

I 458
II 474
III 498
IV 517
V 523
VI 555
VII 568
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Tuyên bố về việc rút khỏi Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn 576
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Thư gửi A-đan, Bác-tê-lê-mi và Vi-đin 577
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Chú thích của ban biên tập viết cho bài báo của I. G. Ếch-ca-ri-út "Nghề thợ may ở Luân Đôn, hay là cuộc đấu tranh giữa tư bản lớn và tư bản nhỏ" 578-579
PH.ĂNG-GHEN. Bàn về khẩu hiệu bãi bỏ nhà nước và về "những người bạn của tư tưởng vô chính phủ" ở Đức 580-585
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế. Từ tháng Năm đến tháng Mười 586-645
C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN. Tuyên bố chống A. Ru-gơ 646-648
PH.ĂNG-GHEN. Thư gửi tổng biên tập tờ "Times" 649-651
PH.ĂNG-GHEN. Khả năng và triển vọng cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh chống lại nước Pháp năm 1852 652-690
C.MÁC. Hiến pháp của nước Cộng hòa Pháp, được thông qua ngày 4 tháng Mười một 1848 691-706

PHỤ LỤC

Lời kêu gọi trợ giúp những nhà hoạt động chính trị Đức lưu vong 709-711
Báo cáo của Ủy ban trợ giúp những người Đức lưu vong ở Luân Đôn 712-715
Lời kêu gọi mua cổ phiếu báo "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - Ökonomische Revue" 716-718

Báo cáo của Ủy ban những người dân chủ - xã hội lưu vong ở Luân Đôn 719-721
Hội những người cộng sản - cách mạng toàn thế giới 722-723
Báo cáo của Ủy ban những người dân chủ - xã hội lưu vong ở Luân Đôn 724-726
Những người Đức lưu vong ở Luân Đôn 727-728
Báo cáo của Ủy ban những người dân chủ - xã hội lưu vong ở Luân Đôn tháng Năm, tháng Sáu và tháng Bảy 1850 729-731
Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản ngày 15 tháng Chín 1850 732
Báo cáo của Ủy ban những người dân chủ - xã hội lưu vong ở Luân Đôn, từ ngày 1 tháng Tám đến ngày 10 tháng Chín 733-734
Đề nghị của khu bộ Luân Đôn thuộc Liên đoàn những người cộng sản gửi Ban chấp hành trung ương ở Khuên 735-736
Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản (Văn bản có những ghi chú của C.Mác) 737-740
Lời tựa viết cho bản dịch tiếng Đức lời chúc mừng của Ô. Blăng-ki (Kèm theo văn bản lời chúc mừng) 741-743
Chú thích 747-803
Thân thế và sự nghiệp của C.Mác và Ph.Ăng-ghen 804-823
Bản chỉ dẫn tên người 824-871
Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ 872-874

PHỤ BẢN

Bìa phụ của tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" 9
Trang đầu bản thảo của Ph.Ăng-ghen "Khả năng và triển vọng cuộc chiến tranh của Liên minh thần thánh chống lại nước Pháp năm 1852" 655
Trang đầu bài viết của C.Mác "Hiến pháp của nước Cộng hòa Pháp", đăng trên tờ "Notes to the People"... giữa trang 697-698

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THÚC HUỲNH

Biên tập: *Nguyễn Phúc Khánh*
Lê Xuân Tiềm
Đào Tấn Anh
Vương Bảo
Vũ Hồng Thấm
Sửa bài: *Ban sách kinh điển*
Trình bày, bìa: *Nghiêm Thành*